Địa Lý Và Lịch Sử

VIỆT NAM

www.updatesofts.com
Ebooks Team

DESIGNED BY
MERCURY

mercury@Updatesofts.com

Ebooks Team

61 tỉnh thành Việt Nam

Mục lục

Mục lục.....1
Bản đồ địa hình Việt Nam.....3
Bản đồ vị trí các tỉnh.....4
Vài hàng tổng quát.....5
An Giang.....14
Bà Rịa - Vũng Tàu.....24
Bạc Liêu.....40
Bắc Cạn.....46
Bắc Giang.....52
Bắc Ninh.....60
Bến Tre.....72
Bình Dương.....80
Bình Định.....86
Bình Phước.....98
Bình Thuận.....102
Cà Mau.....110
Cao Bằng.....116
Cần Thơ.....122
Đà Nẵng.....129
Đắc Lắc.....140
Đồng Nai.....149
Đồng Tháp.....159
Gia Lai.....169
Hà Giang.....175
Hà Nam.....181
Hà Nội.....188
Hà Tây.....206
Hà Tĩnh.....223
Hải Dương.....234
Hải Phòng.....246
Hòa Bình.....256
Hưng Yên.....263
Khánh Hòa.....271
Kiên Giang.....282
Kon Tum.....292
Lai Châu.....298
Lạng Sơn.....304
Lào Cai.....313
Lâm Đồng.....323
Long An.....334
Nam Định.....340

Nghệ An.....352
Ninh Bình.....363
Ninh Thuận.....376
Phú Thọ.....382
Phú Yên.....389
Quảng Bình.....397
Quảng Nam.....407
Quảng Ngãi.....423
Quảng Ninh.....432
Quảng Trị.....455
Sài Gòn.....463
Sóc Trăng.....493
Sơn La.....499
Tây Ninh.....504
Thái Bình.....509
Thái Nguyên.....517
Thanh Hóa.....525
Thừa Thiên - Huế.....539
Tiền Giang.....560
Trà Vinh.....569
Tuyên Quang.....575
Vĩnh Long.....579
Vĩnh Phúc.....588
Yên Bái.....596

Geiju
Wenlan
Kalhua
Xinjing
Guicheng
Nanning
Yulin
Simao
Ha Giang
Cao Bang
Lao Cai
Bac Kan
Pingxiang
Qinzhou
Lai Chau
Lang Son
Phongsali
Tuyen Quang
Thai Nguyen
Yen Bai
Beihai
Dien Bien Phu
Son La
Vinh Yen
Viet Tri
Bac Giang
Zhanjiang
Hanoi
Bac Ninh
Dao Cu Lao
Ha Dong
Loudang Namtha
Hoa Binh
Hai Duong
Ha Long (Hon Gai)
Hung Yen
Haiphong
Muang Xai
Phu Ly
Thai Binh
Xuchang
Xam Nua
Nam Dinh
Ninh Binh
Dao Bach Long Vi
Haikou
Mekong
Thanh Hoa
Louangphrabang
Ban Ban
Ky Son
Hainan Dao
Basuo
Shilu
Xiangkhoang
Xaignabouli
Dien Chau
Nan
Vinh
Muang Pakxan
Ha Tinh
Sanya
Vientiane
Nong Khai
Ron
Loei
Udon Thani
Nakhon Phanom
Muang Khammouan
Dong Hoi
Sakon Nakhon
Dong Ha
Quang Tri
Savannakhét
Muang Xépôn
Khon Kaen
Hue
Da Nang
Cu Lao Cham
Selavan
Tam Ky
Cu Lao Re
Ubon Ratchathani
Nakhon Ratchasima
Warin Chamrap
Pakxé
Quang Ngai
Si Sa Ket
Surin
Dac To
Attapu
Sara Buri
Kon Tum
Phumi Samraông
Pleiku
Aranyaprathet
Sisophon
Quy Nhon
Stoeng Treng
Lumphat
Siemréab
Tuy Hoa
Batdâmbâng
Tonle Sap
Buon Ma Thuot
Kâmpông Thum
Krâchéh
Ninh Hoa
Pouthisat
Trat
Nha Trang
Kâmpông Cham
Gia Nghia
Da Lat
Cam Ranh
Loc Ninh
Phnom Penh
Krong Kaôh Kông
Kâmpong Spoe
Dong Xoai
Phan Rang-Thap Cham
Svay Rieng
Tay Ninh
Ho Dau Tieng
Ho Tri An
Thu Dau Mot
Bien Hoa
Phan Thiet
Kâmpôt
Ho Chi Minh City
Cao Lanh
Tan An
Kâmpông Saôm
Chau Doc
My Tho
Cu Lao Thu
Ha Tien
Long Xuyen
Vung Tau
Vinh Long
Ben Tre
Dao Phu Quoc
Rach Gia
Can Tho
Tra Vinh
Soc Trang
Bac Lieu
Ca Mau
Con Dao
104
108

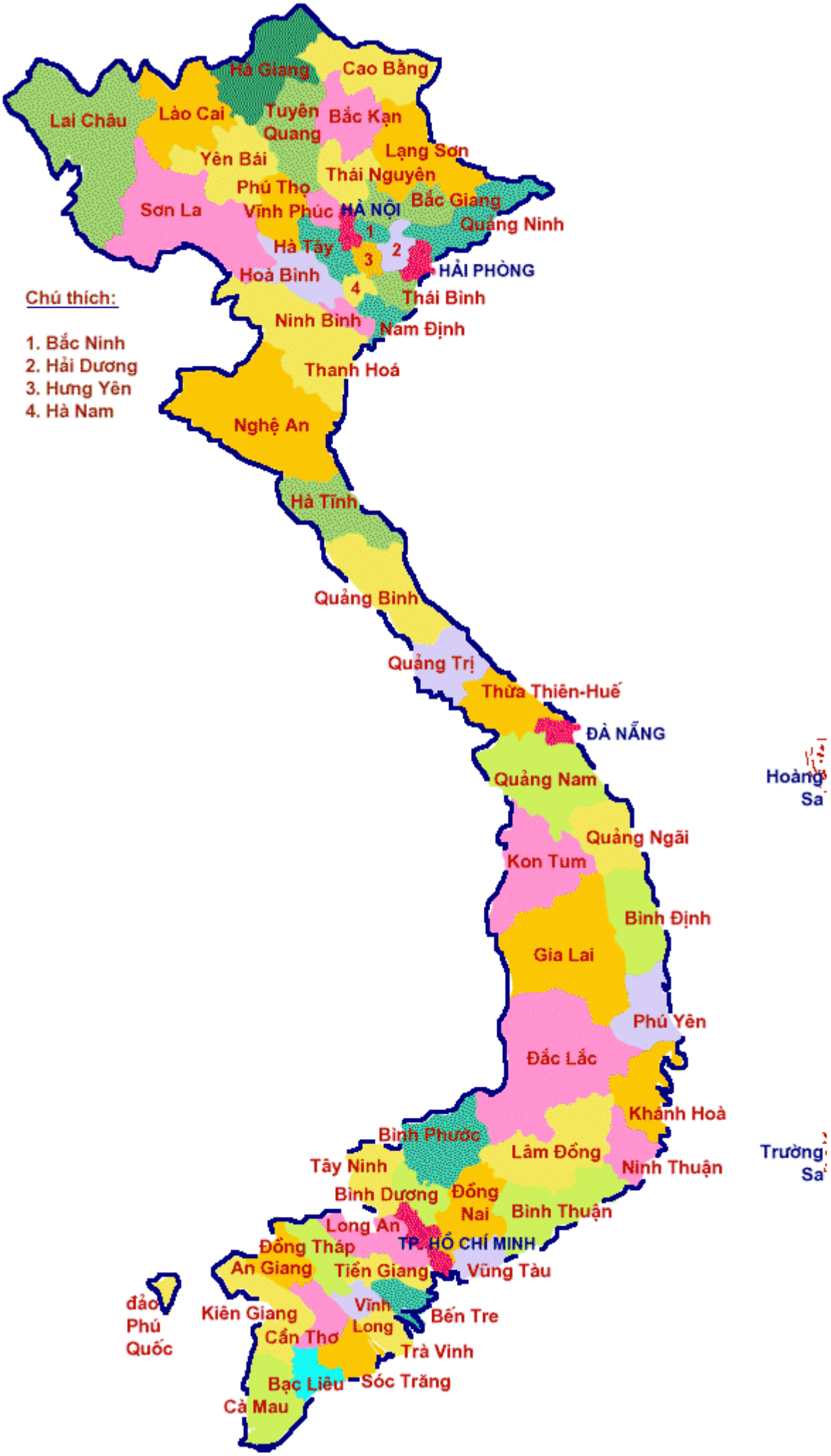
Hà Giang
Cao Bằng
Lai Châu
Lào Cai
Tuyên Quang
Bắc Kạn
Lạng Sơn
Yên Bái
Thái Nguyên
Phú Thọ
Bắc Giang
Sơn La
Vĩnh Phúc
HÀ NỘI
Quảng Ninh
Hà Tây
Hoà Bình
HẢI PHÒNG
Thái Bình
Ninh Bình
Nam Định
Thanh Hoá
Nghệ An
Hà Tĩnh
Quảng Bình
Quảng Trị
Thừa Thiên-Huế
ĐÀ NẴNG
Quảng Nam
Quảng Ngãi
Kon Tum
Bình Định
Gia Lai
Phú Yên
Đắc Lắc
Khánh Hoà
Bình Phước
Lâm Đồng
Tây Ninh
Ninh Thuận
Bình Dương
Đồng Nai
Bình Thuận
Long An
TP. HỒ CHÍ MINH
Đồng Tháp
An Giang
Tiền Giang
Vũng Tàu
Vĩnh Long
Bến Tre
Kiên Giang
Cần Thơ
Trà Vinh
Bạc Liêu
Sóc Trăng
Cà Mau
đảo Phú Quốc
Hoàng Sa
Trường Sa
Chú thích:
1. Bắc Ninh
2. Hải Dương
3. Hưng Yên
4. Hà Nam

Vài hàng tổng quát

Diện tích : 330.991 cây số vuông.

Dân số : (2001) 78.685.800 người.

Thủ đô : Hà Nội

VỊ TRÍ :

Kinh tuyến : 102° 10' - 109° 30' Đông.

Vĩ tuyến : 8° 30' - 23° 22' Bắc.

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một dải đất hình chữ S, nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, ở phía Đông bán đảo Đông Dương, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào, Campuchia, phía Đông và Nam trông ra biển Đông và Thái Bình Dương. Bờ biển Việt Nam dài 3260 km, biên giới đất liền dài 3730 km. Trên đất liền, từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam (theo đường chim bay) dài 1650 km, từ điểm cực Đông sang điểm cực Tây nơi rộng nhất 600 km (Bắc bộ), 400 km (Nam bộ), nơi hẹp nhất 50 km (Quảng Bình).

Việt Nam là đầu mối giao thông từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương.

KHÍ HẬU :

Việt Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới và á nhiệt đới có gió mùa, có ánh nắng chan hoà, lượng mưa dồi dào và độ ẩm cao. Một số nơi gần chí tuyến hoặc vùng núi cao có tính chất khí hậu ôn đới.

Nhiệt độ trung bình từ 22 đến 27°C, rất thích hợp với khách du lịch. Tuy nhiên

nhiệt độ trung bình ở từng nơi có khác nhau, Hà Nội 23°C, thành phố Hồ Chí Minh 26°C, Huế 25°C.

Khí hậu Việt Nam có hai mùa rõ rệt, mùa khô rét (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau), mùa mưa nóng (từ tháng 5 đến tháng 10), nhiệt độ thay đổi theo mùa rõ rệt nhất ở các tỉnh phía Bắc, giao động nhiệt độ giữa các mùa chênh nhau đến 12°C. Ở các tỉnh phía Nam, sự chênh lệch nhiệt độ giữa các mùa không đáng kể, chỉ khoảng 3°C. Ở các tỉnh phía bắc, khí hậu thay đổi bốn mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông.

ĐỊA HÌNH :

Lãnh thổ Việt Nam bao gồm 3 phần 4 là đồi núi. Bốn vùng núi chính là :

Vùng núi Đông Bắc (còn gọi là Việt Bắc).

Kéo dài từ thung lũng sông Hồng đến vịnh Bắc bộ. Tại đây có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như các động Tam Thanh, Nhị Thanh (Lạng Sơn), hang Pắc Pó, thác Bản Giốc (Cao Bằng), hồ Ba Bể (Bắc Cạn), núi Yên Tử, vịnh Hạ Long (Quảng Ninh). Đỉnh núi Tây Côn Lĩnh cao nhất vùng Đông Bắc : 2431 m.

Vùng núi Tây Bắc

Kéo dài từ biên giới phía Bắc (giáp Trung Quốc) tới miền Tây tỉnh Thanh Hoá. Đây là vùng núi cao hùng vĩ, có Sa Pa (Lào Cai) ở độ cao 1500 m so với mặt biển, nơi nghỉ mát lý tưởng, nơi tập trung đông các tộc người H' Mông, Dao, Kinh, Tày, Giáy, Hoa, Xá Phó...

Vùng núi Tây Bắc còn có di tích chiến trường lừng danh Điện Biên Phủ và đỉnh núi Phan - Xi - Păng, cao 3143 m.

Vùng núi Trường Sơn Bắc

Từ miền Tây tỉnh Thanh Hoá đến vùng núi Quảng Nam - Đà Nẵng, có động Phong Nha (Quảng Bình) kỳ thú và những đường đèo nổi tiếng như đèo Ngang, đèo Hải Vân... Đặc biệt có đường mòn Hồ Chí Minh được thế giới biết đến nhiều bởi những kỳ tích của người Việt Nam trong cuộc kháng chiến vĩ đại lần thứ hai.

Vùng núi Trường Sơn Nam

Nằm ở phía Tây các tỉnh Nam Trung bộ. Sau những khối núi đồ sộ là một vùng đất rộng lớn được gọi là Tây Nguyên (cao nguyên phía Tây). Vùng đất đầy huyền thoại này còn chứa đựng nhiều điều bí ẩn về thực vật, động vật, nhất là nền văn hóa đặc sắc của các bộ tộc ít người. Thành phố Đà Lạt, nơi nghỉ mát lý tưởng được hình thành từ cuối thế kỷ 19.

Việt Nam có hai đồng bằng lớn là đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long...

Đồng bằng sông Hồng (đồng bằng Bắc bộ).

Rộng khoảng 15.000 km² được bồi tụ bởi phù sa của hai con sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình. Đây là địa bàn cư trú của người Việt cổ, cũng là nơi hình thành nền văn minh lúa nước.

Đồng Bằng sông Cửu Long (đồng bằng Nam bộ).

- Rộng khoảng 36.000km², là vùng đất phì nhiêu, khí hậu thuận lợi. Đây là vựa lúa lớn nhất của Việt Nam.

Trên lãnh thổ Việt Nam có hàng nghìn con sông lớn, nhỏ. Dọc bờ biển, cứ khoảng 20 km lại có một cửa sông, do đó hệ thống giao thông thủy khá thuận lợi.

Hai hệ thống sông quan trọng là sông Hồng ở miền Bắc và sông Mê Kông (còn gọi là Cửu Long) ở miền Nam.

Việt Nam có 3260 km bờ biển, nếu có dịp đi dọc theo bờ biển Việt Nam bạn sẽ được đắm mình trong làn nước xanh của những bãi biển đẹp như Trà Cổ, Sầm Sơn, Lăng Cô, Non Nước, Nha Trang, Vũng Tàu, Hà Tiên... Có nơi núi ăn lan ra biển tạo thành vẻ đẹp kỳ thú như vịnh Hạ Long, đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

Việt Nam có nhiều hải cảng lớn như Hải Phòng, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Cam Ranh, Vũng Tàu, Sài Gòn...

Giữa vùng biển Việt Nam còn có hệ thống đảo và quần đảo gồm hàng ngàn đảo lớn nhỏ nằm rải rác từ Bắc đến Nam, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Rừng và đất rừng chiếm một diện tích lớn trên lãnh thổ Việt Nam. Các khu rừng quốc gia được nhà nước bảo vệ và có kế hoạch phát triển du lịch sinh thái bền vững. Những khu rừng quí đó lại được thiên nhiên "chia" cho nhiều địa phương trên cả nước : rừng Ba Vì (Hà Tây), rừng Cát Bà (Hải Phòng), rừng Cúc Phương (Ninh Bình), rừng Bạch Mã (Huế), rừng Cát Tiên (Đồng Nai), rừng Côn Đảo v.v..

Việt Nam là nước có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú. Dưới lòng đất có nhiều khoáng sản quí như : thiếc, kẽm, bạc, vàng, angtimoan, đá quí, than đá. ở thềm lục địa của Việt Nam có nhiều dầu mỏ, khí đốt.

Nguồn suối nước khoáng cũng rất phong phú : suối khoáng Quang Hanh (Quảng Ninh), suối khoáng Hội Vân (Bình Định), suối khoáng Vĩnh Hảo (Bình Thuận), suối khoáng Dục Mỹ (Nha Trang), suối khoáng Kim Bôi (Hoà Bình) v.v..

*

Lược sử

Từ đầu thời đại đồng thau, các bộ lạc người Việt đã định cư chắc chắn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Bấy giờ có khoảng 15 bộ lạc Lạc Việt sống chủ yếu ở miền trung du và đồng bằng Bắc Bộ, hàng chục bộ lạc Âu Việt sống chủ yếu ở miền Việt Bắc. Tại nhiều nơi, người Lạc Việt và người Âu Việt sống xen kẽ với nhau, bên cạnh các thành phần dân cư khác.

Do nhu cầu trị thuỷ, nhu cầu chống ngoại xâm và do việc trao đổi kinh tế, văn hoá ngày càng gia tăng, các bộ lạc sinh sống gần gũi nhau có xu hướng tập hợp và thống nhất lại. Trong số các bộ lạc Lạc Việt, bộ lạc Văn Lang hùng mạnh hơn cả. Thủ lĩnh bộ lạc này là người đứng ra thống nhất tất cả các bộ lạc Lạc Việt, dựng lên nước Văn Lang, tự xưng là vua, mà sử cũ gọi là Hùng Vương và con cháu ông nhiều đời về sau vẫn nối truyền danh hiệu đó.

Căn cứ vào các tài liệu sử học, có thể tạm xác định địa bàn nước Văn Lang tương ứng với vùng Bắc Bộ và bắc Trung Bộ nước ta hiện nay cùng với một phần phía nam Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc). Thời gian tồn tại của nước Văn Lang khoảng từ đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên đến thế kỷ 3 trước Công nguyên.

Năm 221 trước Công Nguyên, Tần Thuỷ Hoàng cho quân xâm lược đất của toàn bộ các nhóm người Việt. Thục Phán, thủ lĩnh liên minh các bộ lạc Âu Việt, được tôn làm người lãnh đạo cuộc chiến chống Tần. Năm 208 trước Công Nguyên, quân Tần phải rút lui. Với uy thế của mình, Thục Phán xưng vương (An Dương Vương), liên kết các bộ lạc Lạc Việt và Âu Việt lại, dựng nên nước Âu Lạc.

Năm 179 trước Công Nguyên, Triệu Đà, vua nước Nam Việt, tung quân đánh chiếm Âu Lạc. Cuộc kháng cự của An Dương Vương thất bại. Suốt 7 thế kỷ tiếp đó,

mặc dù các thế lực phong kiến phương Bắc thay nhau đô hộ, chia nước ta thành nhiều châu, quận với những tên gọi khác lạ mà chúng đặt ra, nhưng vẫn không xoá nổi cái tên "Âu Lạc" trong ý thức, tình cảm và sinh hoạt thường ngày của nhân dân ta.

Mùa xuân năm 542, Lý Bí khởi nghĩa đánh đuổi quân Lương, giải phóng lãnh thổ. Tháng 2-544, Lý Bí lên ngôi Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, khẳng định niềm tự tôn dân tộc, tinh thần độc lập và mong muốn đất nước được bền vững muôn đời.

Chính quyền Lý Bý tồn tại không lâu rồi lại rơi vào vòng đô hộ của các triều đại phong kiến phương Trung Quốc (từ năm 602). Quốc hiệu Vạn Xuân bị vùi dập và chỉ được khôi phục sau khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán bằng chiến thắng Bặch Đằng năm 938, chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc.

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên các sứ quân cát cứ, thống nhất quốc gia, lên ngôi Hoàng đế và cho đổi quốc hiệu là Đại Cồ Việt (nước Việt lớn). Quốc hiệu này duy trì suốt đời Đinh (968-979), Tiền Lê (980-1009) và đầu thời Lý (1010-1053).

Năm 1054, nhân điềm lành lớn là việc xuất hiện một ngôi sao sáng chói nhiều ngày mới tắt, nhà Lý liền cho đổi tên nước là Đại Việt và quốc hiệu Đại Việt được giữ nguyên đến hết thời Trần.

Tháng 3-1400, Hồ Quý Ly phế Trần Thiếu Đế, lập ra nhà Hồ và cho đổi tên nước thành Đại Ngu ("ngu" tiếng cổ có nghĩa là "sự yên vui"). Quốc hiệu đó tồn tại đến khi giặc Minh đánh bại triều Hồ (tháng 4-1407).

Sau 10 năm kháng chiến (1418-1427), cuộc khởi nghĩa chống Minh của Lê Lợi toàn thắng. Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi, đặt tên nước là Đại Việt (lãnh thổ nước ta lúc

này về phía Nam đã tới Huế). Quốc hiệu Đại Việt được giữ qua suốt thời hậu Lê (1428-1787) và thời Tây Sơn (1788-1810).

Năm 1802, Nguyễn Ánh đăng quang, mở đầu thời Nguyễn và cho đổi tên nước là Việt Nam, Quốc hiệu Việt Nam được công nhận hoàn toàn về mặt ngoại giao để trở thành chính thức vào năm 1804. Tuy nhiên, hai tiếng "Việt Nam" lại thấy xuất hiện từ khá sớm trong lịch sử nước ta. Ngay từ cuối thế kỷ 14 đã có một bộ sách nhan đề Việt Nam thế chí do trạng nguyên Hồ Tông Thốc biên soạn. Cuốn Dư địa chí của Nguyễn Trãi (đầu thế kỷ 15) nhiều lần nhắc đến hai chữ "Việt Nam". Điều này còn được đề cập rõ ràng trong những tác phẩm của trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585), chẳng hạn ngay trang mở đầu tập Trình tiên sinh quốc ngữ đã có câu : "Việt Nam khởi tổ xây nền". Người ta cũng tìm thấy hai chữ "Việt Nam" trên một số tấm bia khắc từ thế kỷ 16-17 như bia chùa Bảo Lâm (1558) ở Hải Phòng, bia chùa Cam Lộ (1590) ở Hà Tây, bia chùa Phúc Thành (1664) ở Bắc Ninh... Đặc biệt bia Thuỷ Môn Đình (1670) ở biên giới Lạng Sơn có câu đầu : "Việt Nam hầu thiệt, trấn Bắc ải quan" (đây là cửa ngõ yết hầu của nước Việt Nam và là tiền đồn trấn giữ phương Bắc). Về ý nghĩa, phần lớn các giả thuyết đều cho rằng từ "Việt Nam" kiến tạo bởi hai yếu tố : chủng tộc và địa lý (người Việt ở phương Nam).

Đến đời vua Minh Mạng (1820-1840), quốc hiệu được đổi thành Đại Nam. Dù vậy, hai tiếng "Việt Nam" vẫn được sử dụng rộng rãi trong các tác phẩm văn học, trong nhiều giao dịch dân sự và quan hệ xã hội.

Ngày 19-8-1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, lật đổ hoàn toàn ách thống trị phong kiến và thực dân, mở ra một kỷ nguyên mới. Ngày 2-9-1945, Chủ

tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Suốt 30 năm tiếp theo, tuy đất nước lâm vào cảnh chiến tranh, rồi chia cắt, hai tiếng "Việt nam" vẫn được phổ biến từ Bắc chí Nam và trở thành thân thiết, thiêng liêng với mọi người.

Ngày 30-4-1975, miền Nam được giải phóng, non sông quy về một mối. Ngày 2-7-1976, trong kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, toàn thể Quốc hội đã nhất trí lấy tên nước là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiến pháp năm 1980 và hiến pháp năm 1992 tiếp tục khẳng định quốc hiệu đó, đưa nó trở thành chính thức cả về pháp lý lẫn trên thực tế.

Ngôn ngữ

Việt Nam là đất nước có 54 dân tộc. Mỗi dân tộc đều có tiếng nói và sắc thái văn hoá riêng nhưng lại có chung một nền văn hoá thống nhất. Tính thống nhất của nền văn hoá Việt Nam biểu hiện ở ý thức cộng đồng, gắn bó giữa các dân tộc với nhau trong quá trình dựng nước và giữ nước. Tiếng Việt được sử dụng là tiếng phổ thông, là công cụ giao tiếp chung của các dân tộc sống trên dải đất Việt Nam.

Cùng với sự phát triển của đất nước, ngày nay để phục vụ cho giao lưu quốc tế nhiều ngôn ngữ nước ngoài cũng được sử dụng ở Việt Nam như tiếng Anh, Pháp, Nga, Hoa, Đức...

Nền tảng văn hoá truyền thống của Việt Nam là văn hoá dân gian. Đó là kho tàng văn hoá giàu có phong phú với những truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ca dao, hò vè..., là những làn điệu dân ca, các hình thức sân khấu dân gian phong phú. Nền văn hóa dân gian ấy đã phát triển dưới dạng truyền miệng trước khi có

chữ viết ở Việt Nam.

Song song với dòng văn học truyền miệng, nền văn học bác học bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam với các tác phẩm viết bằng chữ Hán (thế kỷ thứ X). Trong suốt một thời gian dài, các nền văn hoá phương Bắc, văn hoá ấn Độ thông qua đạo Phật, đạo Nho đã ảnh hưởng sâu sắc đến nền văn học và chữ viết của Việt Nam. Tuy nhiên bản sắc của văn hoá Việt Nam vẫn được bảo vệ và phát triển với việc xuất hiện văn học chữ Nôm (cải biên của chữ Hán theo âm tiếng Việt) vào thế kỷ XIII.

Đặc biệt vào thế kỷ XVII, một số giáo sĩ phương Tây đã sử dụng chữ cái La Tinh để phiên âm tiếng Việt và nhờ vậy đã ra đời chữ Quốc ngữ. Sau hai thế kỷ, chữ Quốc ngữ đã ngày càng phổ biến và trở thành chữ viết chính thức của Việt Nam. Từ cuối thế kỷ XIX, dòng văn học bằng chữ quốc ngữ đã ra đời và phát triển mạnh mẽ (văn xuôi, văn vần, truyện, thơ,...). Sau Cách mạng tháng Tám, nền văn học hiện đại Việt Nam đã chuyển sang một giai đoạn mới mang tính dân tộc và tính hiện đại sâu sắc. Việt Nam đã giới thiệu nhiều thành tựu văn học của mình, từ văn học cổ điển đến văn học hiện đại ra nước ngoài và nhiều tác phẩm, tác giả Việt Nam đã được thế giới biết đến.

*

An Giang

Diện tích : 3424 km².

Dân số : 1.592.600 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Long Xuyên.

Thị xã : Thị xã Châu Đốc.

Các huyện : Chợ mới, An Phú, Tân Châu, Phú Tân, Châu Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Thành, Thoại Sơn.

Dân tộc : Việt (Kinh), Khmer, Chăm, Hoa...

An Giang là một tỉnh miền Tây Nam bộ thuộc đồng bằng sông Cửu Long, bắt đầu từ chỗ sông Mê Kông chảy vào nước ta được chia làm đôi. Phía đông và đông bắc An Giang giáp đồng Tháp, phía đông nam giáp Cần Thơ, phía nam và tây nam giáp Kiên Giang, phía tây giáp Cam Pu Chia. Khác với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, bên cạnh vùng đồng bằng phù sa, An Giang còn có một miền núi nhỏ, dài 30 km, rộng 13 km. Đó là đám bảy núi (Thất Sơn) ở các huyện Tịnh Biên, Tri Tôn. Phía tây tỉnh chạy song song với biên giới là kênh Vĩnh Tế, được đào năm 1823 nối từ Châu Đốc đến Hà Tiên.

An Giang nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình 27°C, cao nhất từ 35 - 36°C vào tháng 4 và tháng 5, thấp nhất từ 20 - 21°C vào tháng 12 và tháng 1. Lượng mưa trung bình 1400 - 1500 mm, có hai mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Hàng năm An Giang vẫn đón nhận con nước lũ khoảng từ 2,5 tháng đến 5 tháng và hình thành "mùa nước nổi".

An Giang là tỉnh đứng đầu cả nước về sản lượng lúa (trên 2 triệu tấn), ngoài cây lúa còn trồng bắp, đậu nành và nuôi trồng thủy sản nước ngọt như cá, tôm... An Giang còn nỗi tiếng với các nghề thủ công truyền thống như lụa Tân Châu, mắm Châu Đốc, mộc chợ Thủ, bánh phồng Phú Tân, khô bò và các mặt hàng tiêu dùng. Đặc biệt là nghề dệt vải thủ công lâu đời của đồng bào Chăm và nghề nuôi cá bè đặc trưng của vùng sông nước.

Thành phố Long Xuyên trên hữu ngạn sông Hậu, cách Sài Gòn 189 km , được hình thành vào đầu thế kỷ 19.

An Giang được nhiều du khách biết đến với các danh lam thắng cảnh : Núi Sam, Chùa Bà Chúa Xứ, núi Cấm, hệ thống hang động Thủy Đài Sơn, Anh Vũ Sơn, Sơn Viên Cô Tô.

Sinh hoạt, kinh tế

Dân chúng sinh sống trong tỉnh An Giang phần lớn là người Kinh, kế đến là người Việt gốc Khmer, gốc Chàm và gốc Trung Hoa. Các tôn giáo là đạo Phật, Hòa Hảo, Cao Đài và Thiên Chúa.

Nông nghiệp là nghề căn bản của đồng bào ta tại An Giang. Ngoài hoa màu chính là lúa gạo, còn có các loại nông sản phụ đáng kể là ngô, đậu xanh, các loại rau, các loại dưa, cầu (na), chuối, dừa, thuốc lá, dâu, thốt nốt... Đường thốt nốt rất ngon.

Núi Ba Thê có mỏ vỏ sò rất lớn. Vỏ sò tiện dùng trong nông nghiệp và chế biến thức ăn trong nuôi gia súc. Núi Sập có mỏ đá hoa cương dùng cho xây cất và tráng thạch dùng làm đồ trang sức.

Những vùng gần sông ngòi, kinh rạch, dân ta hành nghề đánh cá, tôm , nuôi vịt và làm nước mắm, cá khô. Trước năm 1975, hai nghành đánh cá và nuôi gia súc phát triển mạnh trong tỉnh. Việc nuôi cá ở ao hồ rất phát đạt, nhất là nuôi cá tra. Đặc biệt, vùng cù lao Ông Chưởng có rất nhiều cá, tôm, nên miền Nam có câu ca dao :

"Ba phen quạ nói với diều.
Cù lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm".

"Ông Chưởng" là tiếng gọi tắt chức "Chưởng dinh" của ông Nguyễn Hữu Cảnh khi đem quân đi dẹp giặc ở biên giới Việt - Miên, sau Miên Chúa phải đi cầu hòa. Đây là cù lao lớn và trù phú nhất Long Xuyên, huyện Chợ Mới sầm uất như một tỉnh lỵ ở miền Tây. Ngoài ra nghề mộc làm bàn ghế, đóng ghe tàu và dệt vải cũng rất thịnh hành.

Rừng núi Châu Đốc mang lại nhiều lợi ích cho tỉnh, đặt biệt là gỗ quý như : giáng hương, cao, gõ, mù u. Núi Sam và núi Trá Sư có đá tràng thạch, đá hoa cương và các loại đá dùng trong công nghiệp. Núi Dài, núi Cô Tô có mỏ đá hạt lóng lánh dùng làm trang sức. Đá đem lại nguồn lợi rất lớn cho tỉnh. Châu Đốc còn có ong mật, ong ruồi đem lại số lượng sáp ong, mật ong khá nhiều. Dân ta dùng lá ở các

rừng tràm chế biến dầu nóng. Vùng rừng Thất Sơn có trên 150 loại cây làm thuốc nam.

Hai sông Tiền, sông Hậu Giang có nhiều cá và dân chúng cũng nuôi thêm cá nước ngọt ở ao hồ. Rừng tràm có cá đồng, cá linh làm nước mắm ngon. Ai về Châu Đốc cũng phải thưởng thức thổ sản là mắm Châu Đốc ngon nổi tiếng.

Trong các ngành nuôi gia súc, nghề nuôi bò thịnh hành nhất. Dân chúng hợp "chợ trâu bò" rất đông dưới chân núi Sam mỗi tháng ba lần. Tục ngữ có câu :

"mắm Châu Đốc, dốc Nam Vang, bò Châu Giang, kinh Vĩnh Tế".

Châu Đốc có nhiều ao hồ thiên nhiên. Đặt biệt là hồ "Bủng Bình Thiên" ở giữa Khánh Bình và Nhơn Hội, rộng trên 300 mẫu, có nhiều tôm cá.

Ngoài ra dân chúng còn trồng thuốc lá, dâu tằm, dệt lụa, nhuộm hàng và các nghành nghề tiểu thủ công nghiệp khác. Nghề trồng dâu nuôi tằm ở quận Tân Châu khá phổ biến. Việc nuôi tằm rất cực khi tầm ăn "ăn ba, ăn rỗi". Tục ngữ có câu "làm ruộng ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng" là vậy. Tơ lụa lãnh Tân Châu nổi tiếng khắp nơi.

Lược sử

An Giang thuộc Thủy Chân Lạp, được vua Nặc Tôn dâng cho chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765) để đền ơn lập mình lên vua và giúp dẹp nội loạn.

Năm Đinh Sửu 1757, đất An Giang thuộc ba đạo : Đạo Đông Khẩu (xứ Sa Đéc), đạo Tân Châu (xứ Cù Lao ở Hậu Giang) và đạo Châu Đốc (xứ Châu Đốc ở Hậu Giang). Tất cả ba đạo đều thuộc dinh Long Hồ. Nam Kỳ, thời các chúa Nguyễn được chia làm bốn dinh, ba dinh kia là Trấn Biên tức Biên Hòa, Phiên Trấn tức Gia Định và Trấn Định tức Định Tường. Năm 1805, Gia Long chia Nam Kỳ làm năm trấn, lúc đó đất An Giang và Vĩnh Long họp thành trấn Vĩnh Thanh.

Năm 1832, Minh Mạng đổi các trấn thành tỉnh và Nam Kỳ gọi là Gia Định. An Giang trở thành tỉnh riêng gồm hai phủ Tuy Biên, Tân Thành và bốn huyện Tây Xuyên, Phong Phú, Đông Xuyên và Vĩnh An dưới quyền cai trị của tổng đốc An - Hà (An Giang - Hà Tiên).

Thời Pháp thuộc, đất An Giang bị chia ra thuộc sáu tỉnh mới : Long Xuyên, Châu Đốc, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ và Sa Đéc.

Khi quân Pháp tiến chiếm các tỉnh miền Tây thì người dân An Giang đã theo hai anh hùng Võ Duy Dương và Trần Văn Thành kháng chiến. Các đồn bót của giặc quanh vùng Long Xuyên không bao giờ yên ổn với các cuộc tấn công của nghĩa quân.

Năm 1910 một số nhà cách mạng Đông Kinh Nghĩa Thục bị Pháp đày an trí tại miền Nam, trong số này có hai ông Lê Đại, Dương Bá Trạc bị đưa về Long Xuyên. Nhưng sau đó hai ông vẫn bí mật hoạt động, mở trường dạy học, truyền bá tinh thần yêu nước đến thanh niên.

Năm 1914, anh hùng Lương Ngọc Quyến xuống miền Nam để liên lạc với những người yêu nước, ông vào Sài Gòn rồi xuống Long Xuyên tiếp xúc với bạn cũ là Dương Bá Trạc và gặp cả tên Nguyễn Bá Trác, bạn học ở Nhật. Lúc bấy giờ, tên này đã lén lút làm điềm chỉ cho quân Pháp; sau đó, hắn đã bảo cho Pháp chận đường Lương Ngọc Quyến ở biên giới Lào - Campuchia nhưng không thành.

Tháng 8-1862, triều đình Tự Đức nhu nhược muốn hàng quân Pháp nên ra lệnh Chánh Quản Cơ Trần Văn Thành (người làng Bình Thạnh Đông, quận Châu Phú) mang quân đi bắt anh hùng Võ Duy Dương. Thay vì mở cuộc hành quân, ông đến bản dinh Thiên Hộ Dương một mình cho xem chiếu chỉ và giúp ý kiến chiêu mộ thêm nghĩa quân đợi ngày khởi nghĩa. Năm 1863, anh hùng Nguyễn Hữu Huân lui quân từ Định Tường về Châu Đốc, tiếp tục hoạt động, kêu gọi mọi người tham gia kháng chiến.

Tháng 6 năm 1867, đại quân thủy bộ của De la Grandière kéo đến tỉnh. Tổng đốc Châu Đốc lập kế hoạch bắt cóc bọn quan Pháp nhưng thất bại. Thành Châu Đốc lọt vào tay giặc. Anh hùng Trần Văn Thành và đề đốc Văn đưa nghĩa quân chiếm giữ vùng Lăng Linh làm căn cứ "đoàn binh Gia Nghị", rồi tiến đánh các đồn trại của giặc quanh vùng Châu Đốc và Long Xuyên. Năm 1872, ông chiếm khu rừng "Bảy Thưa" (thuộc làng Tú Tề), đánh Pháp quyết liệt ở Tri Tôn, Tịnh Biên, Chắc Cà Đao. Ngày 20 tháng 2 năm 1873, nhờ Trần Bá Lộc hướng dẫn, đại binh Pháp tấn công rừng "Bảy Thưa", anh hùng Trần Văn Thành và đề đốc Văn tử trận.

Trên bước đường đấu tranh cứu nước, nhiều nhà cách mạng đã xuống các tỉnh miền Nam và đến Châu Đốc để liên lạc với những người yêu nước. Năm 1904,

anh hùng Phan Bội Châu ghé quận Châu Phú; năm 1909, ông Cường Để từ Mỹ Tho đến quận Tân Châu, rồi sang Cao Lãnh...

Năm 1940, ảnh hưởng giáo lý Phật giáo Hòa Hảo lan rộng khắp nơi ở miền Nam, trở thành một phong trào quốc gia dân tộc khiến quân Pháp nao núng. Chúng liền bắt đức thầy Huỳnh Phú Sổ mang về Sài Gòn, sau đó đem về quản thúc tại Bạc Liêu. Ở bất cứ đâu, đức thầy vẫn tiếp tục truyền rộng trong quần chúng. Đầu năm 1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, đức thầy thành lập Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội để tranh thủ nền độc lập cho Việt Nam.

Phong cảnh, di tích

Khu Du Lịch Núi Cấm (Huyện Tịnh Biên) : Cách thị xã Châu Đốc 30 km, là một ngọn trong dãy "Thất Sơn" hùng vĩ của An Giang, trong đó có núi Cấm cao 710 m. Đường đi lên dốc núi thoải mái dễ đi, trên sườn núi có nhiều cảnh đẹp như suối Thanh Lang, động Thủy Liêm, hang Vồ Bồ Hong, vườn cây ăn quả, đặc biệt khí hậu ở núi Cấm rất mát mẻ. Đến khu du lịch núi Cấm, du khách sẽ được tham quan thắng cảnh núi non, hồ chứa nước Otuka Sa, thảm cỏ xanh tươi.

Khu Du Lịch Núi Sam : Di tích núi Sam thuộc xã Vĩnh Tế, phía tây thị xã Châu Đốc. Từ thị xã Long Xuyên đến thị xã Châu Đốc 56 km theo đường liên tỉnh 10 đi 5 km nữa thì đến núi Sam. Núi Sam cao 284 m nằm giữa cánh đồng, có đường đá trải nhựa dài 5 km cho xe chạy vòng quanh lên tận đỉnh núi. Núi Sam cùng núi Bảy là những cao điểm án ngữ biên giới Campuchia. Núi thấp có nhiều đường mòn, nhiều ngã lên xuống, ít cây cổ thụ.

Theo truyền thuyết, núi có nhiều linh hiển, nên có nhiều chùa thờ Phật đã dựng lên tại đây gần 2 thế kỷ. Đồng bào khắp nơi về đây cúng lễ rất đông. Có đến 200 ngôi đền, chùa, am, và miếu nằm rải rác ở chân núi, sườn núi và cả trên đỉnh. Trên đỉnh có một pháo đài cũ do Pháp xây dựng. Đặc biệt dưới chân núi còn có lăng Thoại Ngọc Hầu tức Nguyễn Văn Thoại, một tướng triều Nguyễn có nhiều công đức đối với nhân dân địa phương trong việc tổ chức đào các con kênh quan trọng trong tỉnh An Giang : kinh Vĩnh Tế dài 90 km nối sông Hậu đến Hương Thành (Hà Tiên) đổ ra biển Thái Lan; kinh Chỉnh An nối sông Hậu qua sông Tiền. Tất cả những công trình quan trọng ấy đều hoàn tất trước khi quân Pháp xâm lược

Nam Kỳ (1858).

Núi Sam không chỉ là cảnh đẹp thiên nhiên mà còn gắn liền với nhiều di tích lịch sử đã khắc sâu vào tâm linh người dân đồng bằng Nam bộ. Nơi đây còn có miếu thờ bà Chúa Xứ, chùa Tây An, lăng Thoại Ngọc Hầu, vườn Tao Ngộ, đồi Bạch Vân... Đây là khu du lịch nổi tiếng cả vùng Nam bộ.

Di Tích Lịch Sử Quản Cơ Trần Văn Thành : Đền thờ quản cơ Trần Văn Thành thuộc xã Thạch Mỹ Tây, huyện Châu Phú, nằm giữa đồng lúa Lạng Vinh, bên bờ kinh Xáng Vinh Tre (kinh Tri Tôn), cách thành phố Long Xuyên khoảng 50 km. Đền thờ do ông Trần Văn Nhu, con trai cả ông Trần Văn Thành đứng ra xây dựng năm 1897, sau 20 năm từ ngày ông Trần Văn Thành hy sinh trong một trận chiến đấu chống quân Pháp. Đền thờ là nơi tưởng nhớ người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Láng Linh - Bảy Thưa vào năm 1867 - 1873 và còn là nơi tập hợp nhân dân và tín hữu đạo Bửu Sơn Kỳ Hương để chờ thời cơ đánh Pháp.

Lăng Thoại Ngọc Hầu : Là công trình đồ sộ nhất ở chân núi Sam (Châu Đốc - An Giang). Khu lăng có đền thờ ông Thoại Ngọc Hầu, mộ ông cùng hai phu nhân. Thoại Ngọc Hầu tên thật là Nguyễn Văn Thoại (1761 - 1829), một danh tướng nổi danh của triều Nguyễn. Ông sinh ngày 25-11-1761 tại Diên Phước, Tỉnh Quảng Nam, được phong tước Ngọc Hầu và mất ngày 06-06-1829. Ông là người đã chỉ huy đào kênh Vĩnh Tế, kênh Thoại Hà... để phát triển nông nghiệp và mở đường từ Châu Đốc đi núi Sam, Châu Đốc đi Lò Gò và Sóc Trăng. Ông có công lớn trong việc mở mang khai phá nhiều vùng đất phía Tây Nam tổ quốc.

Toàn bộ khu lăng tẩm kết thành một khối kiến trúc hài hòa, bao bọc xung quanh là bức tường dày đều đặn các bậc xây bằng đá ong. Khu chính giữa gồm lăng mộ của hai bà vợ. Bên phải khu mộ là những ngôi mộ vô danh của dân công khi theo ông khai hoang, lập ấp, đào kênh Vĩnh Tế.

Ngoài ra, sau phần mộ của Thoại Ngọc Hầu có tấm bia "Vĩnh Tế Sơn" bằng đá sa thạch, khắc 730 chữ được dựng từ năm 1828, 4 năm sau khi đào kênh Vĩnh Tế. Lăng Thoại Ngọc Hầu được hoàn thành vào cuối những năm 20 của thế kỷ 19. Trải qua bao năm tháng, lăng vẫn còn nét uy nghi diễm lệ, là một công trình kiến trúc nghệ thuật mang nhiều ý nghĩa lịch sử. Để ghi công ơn Thoại Ngọc Hầu,

hàng năm đến ngày 6-6 âm lịch, nhân dân quanh vùng đến làm lễ tưởng niệm ông.

Chùa Tây An : Từ thị xã Châu Đốc nhìn về hướng tây thấy một ngọn núi cao khoảng 248 m gọi là núi Sam cách thị xã 5 km. Đến chân núi Sam, nhìn lên chân núi là thấy một ngôi chùa mang dáng dấp của những ngôi chùa Ấn Độ có kiến trúc hài hòa với cảnh chí thiên nhiên, tạo một vẻ đẹp lộng lẫy đó là chùa Tây An. Chùa Tây An cổ tự do một vị quan triều Nguyễn đời Minh Mạng (1820) là tổng đốc Nguyễn Nhật An xây dựng theo lời nguyện của ông khi được triều đình phái đi Cao Miên. Theo lời nguyện này, nếu ông đi thành công, khi về sẽ dựng một ngôi chùa thờ Phật tại chân núi Sam. Cất chùa xong, ông thỉnh vị hòa thượng đầu tiên là Nguyễn Văn Giác, pháp hiệu là Hải Tịnh đến trụ trì. Năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), chùa lại thỉnh thêm một vị hòa thượng nữa tên là Đoàn Minh Huyền, pháp hiệu là Pháp Tang đến trụ trì. Vị hòa thượng sau này ngoài việc tu hành còn có tài làm thuốc trị bệnh cho nhân dân rất hiệu quả nên sau khi ông mất, đồng bào suy tôn hòa thượng với danh hiệu là Phật thầy Tây An và danh hiệu này vẫn được gọi đến ngày nay.

Chùa sửa chữa nhiều lần theo thời gian trụ trì của các vị hòa thượng. Chùa kiến trúc theo kiểu Ấn Độ với các vật liệu bền chắc như gạch ngói, xi măng. Chính diện là ngôi chùa, cao 18 m thờ tượng Phật Thích Ca, còn hai bên là lầu chiêng và lầu trống. Trước chùa có ba vọng cửa : cửa giữa tam quan thờ tượng Phật Quan Âm, 2 cửa hai bên có hai bảng đề "Tây An cổ tự", bên trong cửa tam quan là sân chùa có một cột phướn cao 16 m. Dưới bậc thang chùa có đúc bạch tượng và hắc tượng, vai có đắp hai vị thần tiên ngồi trên mặt trăng lưỡi liềm, 2 bên là hai hành lang phân biệt cho tín đồ nam nữ. Chùa theo phái Đại Thừa, có tới 11.270 tượng lớn nhỏ làm bằng gỗ. Ngày rằm tháng giêng, tháng 7 và tháng 10 âm lịch là ngày nhân dân đến cúng lễ đông nhất.

Chùa Giồng Thành (Long Hương Tự) : Thuộc xã Long Sơn, huyện Phú Tân. Chùa được khởi công xây dựng vào năm 1875 do hòa thượng Trần Minh Lý đứng ra trông coi. Sở dĩ gọi là chùa Giồng Thành vì chùa này được xây dựng trên nền hào thành trước đây của nhà Nguyễn. Từ năm 1875 đến nay, chùa đã trải qua 4 lần xây dựng tu bổ lại. Năm 1970 là lần sửa chữa lớn nhất gần đây và hòa thượng

Chôn Nhơ cho sửa lại chùa theo kiến trúc kiểu Ấn Độ. Xung quanh chùa cây cối xanh tốt làm tăng thêm vẻ cổ kính, trang nghiêm.

Chùa Giồng Thành được cất theo chữ "Song Hỉ" có 3 gian : chánh điện, nhà giảng, hậu tổ. Giữa chánh điện và hậu tổ có 2 nhà cầu và song hành. Chùa lợp ngói, trên cột chánh điện có vẽ rồng. Trên nóc chùa có tháp 2 tầng hình phễu. Gian chánh điện thờ Phật Thích Ca, Ngọc Hoàng và 2 ông Nam Tào, Bắc Đẩu. Nhà giảng thờ Phật Mẫu : gian hậu tổ thờ hòa thượng Trần Minh Lý, Chôn Nhơ và hòa thượng Nguyễn Văn Điền. Hàng năm, vào dịp rằm tháng Giêng, rằm tháng 7, rằm tháng 10 âm lịch có nhiều lượt người đến tham quan và lễ chùa. Hiện nay chùa vẫn giữ được vẻ đẹp như xưa do không bị chiến tranh tàn phá.

Thánh Đường Hồi Giáo Ma Bu Rát (Chùa Chăm, Châu Giang) : Tỉnh An Giang có trên 12.000 đồng bào thuộc dân tộc Chăm ở Thuật Hải, người Chăm ở An Giang đều theo đạo Hồi. Trong khu vực họ cư trú có rất nhiều chùa lớn nhỏ - thường gọi là thánh đường. Thánh đường Ma Bu Rát thuộc xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, cách thị xã Châu Đốc khoảng 2 km và được xem là một thánh đường tiêu biểu của người Chăm ở An Giang. Thánh đường có lối kiến trúc độc đáo. Hàng năm có tổ chức 3 lần lễ lớn :

Lễ Haji vào ngày 10-12 hồi lịch (3-7 dương lịch).

Lễ ra chay vào tháng 9 hồi lịch (27-4 dương lịch).

Lễ sinh nhật của Mahamet (người sáng lập đạo Hồi).

Trong những dịp lễ lớn này, cả đồng bào Việt (Kinh) cùng đồng bào Chăm quanh vùng về đây hành lễ rất đông vui.

Các dịp lễ hội

Lễ Hội Bà Chúa Xứ (Lễ Vía Bà) : Đây là lễ hội dân gian lớn nhất của Nam bộ, được tổ chức hàng năm bắt đầu từ đêm 23 đến 27 tháng 4 âm lịch. Khách hành hương đến lễ hội có thể đi theo tỉnh lộ số 10 từ Long xuyên lên Châu Đốc, rẽ vào 7 km rồi tới núi Sam, hoặc đi bằng đường thủy từ Cần Thơ, Sóc Trăng lên hay từ Sài Gòn xuống. Trong ngày lễ còn có múa bóng hát bội... Từ đêm 23 mọi người đã tập về chùa để xem lễ tắm Bà. Tượng Bà được đưa xuống cởi áo ra, lấy nước mưa pha với nước hoa để tắm. Phong tục này đã tồn tại hàng trăm năm nay.

Lễ Vía Bà hàng năm thu hút rất đông khách thập phương đến, vừa để tham dự lễ hội dân gian, xin cầu tài cầu lộc, đồng thời còn để du ngoạn, chiêm ngưỡng cảnh trí thiên nhiên tuyệt đẹp của núi Sam, của các di tích như lăng Thoại Ngọc Hầu, chùa Tây An.

Hội Đền Nguyễn Trung Trực : Đền Nguyễn Trung Trực ở xã Long Kiên, huyện Chợ Mới. Ông là thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp ở Nam bộ, với chiến thắng vang dội là đã đánh chìm một tàu của Pháp trên sông Nhật Tảo (thế kỷ 19). Lễ hội mở ra vào ngày 18, ngày 19 tháng 10 âm lịch hàng năm để tưởng niệm và ghi nhớ công lao của ông. Sau lễ cúng và lễ tưởng niệm là đến mục diễn lại trận đánh con tàu trên. Hội thường tổ chức chơi cờ tướng, bơi thuyền và nhiều trò vui khác.

Lễ Hội Chol ChNam Thmay : Là lễ năm mới, lễ Tết lớn nhất của người Khmer Nam bộ (tương tự như Tết Nguyên Đán của người Việt), được tổ chức vào ngày 12, 13, 14 tháng 4 âm lịch tại chùa và ở gia đình. Lễ hội có ý nghĩa tống tiễn mùa nắng hạn, bước sang thời kỳ có mưa để làm mùa. Bà con làm lễ tiễn đưa Têvêda (Thần coi sóc) cũ, đón Têvêda mới. Trong dịp này, ngoài cúng lễ bà con thăm hỏi còn chúc mừng lẫn nhau. Buổi tối có đốt pháo thăng thiên, tham dự các trò chơi như thả diều, đánh quay lửa... Trai gái trong làng múa Roam Vông, hát Dù Kê...

Lễ Đôn Ta (Lễ Cúng Ông Bà) : Lễ Đôn Ta được tổ chức từ ngày 1 đến 15 tháng 10 âm lịch tại vùng đồng bào Khmer Nam Bộ sinh sống. Đây là ngày lễ ông bà (như Tết Thanh Minh của người Việt). Trong những ngày lễ này, nhân dân mang bánh tét, hoa quả, cơm canh đến lễ chùa. Sau đó tổ chức ăn uống tại gia đình.

Lễ Hội Hát Gi (Haji hay còn gọi Roya Hadji) : Là lễ hội của cộng đồng người Chăm theo đạo Hồi, ở các tỉnh An Giang, Tây Ninh, Đồng Nai, thờ thượng đế Allah. Lễ được tổ chức từ ngày 7 đến 10 tháng 12 (hồi lịch) tại các thánh đường Hồi giáo. Hàng năm ở An Giang lễ hội Hát Gi diễn ra tại chùa Chăm Châu Giang xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân.

Vào ngày lễ, toàn thể tín đồ phải lắng nghe ông Khojip nói lại sự tích ngày thánh Lbrôhim. Buổi tối, tổ chức cuộc thi đọc kinh Coran và chấm giải nhất cho ai đọc hay và thông suốt. Sau phần hành lễ, người Chăm thường tổ chức các cuộc vui chơi, sinh hoạt văn hóa thể thao như ca hát, đua ghe... Giống như Tết của người

Việt, đây là dịp để mọi người thăm viếng, vui chơi và chúc mừng, cầu nguyện điều lành cho nhau.

Lễ Hội Đua Bò Của Dân Tộc Khmer : Lễ hội đua bò kéo bừa truyền thống là nét sinh hoạt văn hóa độc đáo của người Khmer ở 2 huyện Tịnh Biên và Tri Tôn, nơi nuôi nhiều bò làm sức kéo nhất ở tỉnh An Giang. Sân đua bò thường là một khu đất rộng khoảng 60 m và dài khoảng 170 m, được bao bởi bờ đất cao, đồng thời là nơi dành cho khán giả ngồi hay đứng. Phía dưới là đường đua dài khoảng 90 m, rộng khoảng 4 m, hai đầu đặt điểm xuất phát và đích đến.

Vào ngày hội, từng đôi bò được ách vào một chiếc bừa đặt biệt, gọng bừa là bàn đạp gồm 1 tấm gỗ rộng 30 cm, dài 90 cm, bên dưới là răng bừa. Mỗi đôi bò được đều khiển bằng 2 nài : nài chính và nài phụ. Nài chính đều khiển đua bò đứng trên bàn đạp, cầm cương và gậy thúc bò chạy nhanh. Trước và sau mỗi lượt đua bò, bò được săn sóc cẩn thận. Lễ hội đua bò được tổ chức vào lễ Đôn Ta (lễ cúng ông bà), ngày cuối cùng của tháng 10 âm lịch của Khmer (năm 1998 tương ứng với ngày chủ nhật 20-09-1998 dương lịch,trước chùa Khmer Cốt Rômiết thuộc xã Lương Phi, huyện Tri Tôn).

Bà Rịa Vũng Tàu

Diện tích : 1965 km².

Dân số : 839.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Vũng Tàu.

Thị xã : Thị xã Bà Rịa.

Các huyện : Châu Đức, Xuyên Mộc, Tân Thành, Long Đất, Côn Đảo.

Dân tộc : Việt (Kinh), Hoa, Khmer.

Bà Rịa -Vũng Tàu giáp tỉnh Đồng Nai ở phía Bắc, giáp tỉnh Bình Thuận ở phía Đông, giáp huyện Cần Giờ của Sài Gòn ở phía Tây, còn lại phía Nam và Đông Nam giáp biển. Địa hình của tỉnh bao gồm núi, đồi, đồng bằng nhỏ và các đồi cát, dải cát chạy vòng theo bờ biển. Đất Châu Thành là vùng phù sa cũ, ít dốc. Hai huyện Long Đất, Xuyên Mộc là vùng đồng bằng và đồi núi ven biển.

Bà Rịa -Vũng Tàu thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình hàng năm 27°C, ít gió bão, giàu ánh nắng. Bà Rịa -Vũng Tàu có chiều dài bờ biển phần đất liền 100 km, trong đó 72 km là bãi cát có thể sử dụng làm bãi tắm). Thềm lục địa tỉnh tiếp giáp với quần đảo Trường Sa, nơi đây chứa đựng hai loại tài nguyên cực kỳ quan trọng là dầu mỏ và hải sản.

Bà Rịa - Vũng Tàu có nhiều hồ chứa nước loại lớn như Kim Long, Đá Đen, Đá Bàn, Châu Pha, Sông Soài, Lồ Ô, Suối Giàu... Nhiều sông như sông Ray, sông Bà Đáp, sông Đông..., và có trên 200 con suối, đặc biệt suối nước nóng Bình Châu nóng 80°C là một tài nguyên nước khoáng quí. Thành phố Vũng Tàu có bốn ngọn núi chính : Núi Hòn Sụp cao 250 thước, núi Tương Kỳ (còn gọi là núi Lớn) cao 249 thước, núi Vũng Mây cao 240 thước và núi Tao Phùng (còn gọi là núi Nhỏ) cao 170 thước. Ngoài hai ngọn núi kể trên cấu tạo bởi 521 mẫu đá, phần đất còn lại của Vũng Tàu được cấu tạo bởi một lớp cát thật sâu, dù đào giếng sâu tới đâu cũng chỉ thấy toàn là cát. Phần nhiều nước giếng đều có chất phèn, muốn uống phải qua hệ thống lọc.

Thành phố Vũng Tàu có một dãy đồi cát nằm song song với bãi biển ở hướng Đông - Nam (tức bãi Thùy Vân), chạy từ chân núi Tao Phùng đến cửa Lấp với chiều dài khoảng 10 cây số. Đồi cát cao nhất là 32 thước nằm trong phường

Thắng Nhứt, đồi thấp nhất cao bốn thước ở phường Thắng Tam. Những hàng dương liễu được trồng dọc theo các dãy đồi cát theo bờ biển vừa làm tăng vẻ đẹp thiên nhiên vừa để cản bớt các trận gió biển từ hướng Đông Nam thổi cát lấn vào đồng bằng, giúp cho hoa màu trồng trọt trên đất liền đỡ bị thiệt hại. Ngoài ra, còn vài đồi cát nằm rải rác giữa khu phố Thắng Nhứt và Phước Thắng.

Sông lớn nhất của thành phố là sông Dinh, dài 11 cây số, nằm về phía Tây Bắc. Phía Đông Bắc có rạch Cây Khế dài sáu cây số. Rạch bà nằm chính giữa thành phố, làm ranh giới của hai khu phố Thắng Nhứt và Phước Thắng, dài gần 8 cây số. Tại khu phố Thắng Nhì, phía Nam cù lao Bến Đình có rạch Bến Đình. Về phía Đông khu phố Phước Thắng, nơi cửa Lấp, có ba con rạch dẫn nước vào thành phố là rạch Suối Nước, rạch Sông Cái và rạch Ông Năm.

Thành phố có nhiều bưng sen khá lớn (bưng là vùng đầm lầy nước đọng, đất ít cát hoặc không có cát), rộng 406 mẫu, chạy dài từ chân núi Tao Phùng thuộc khu phố Thắng Tam đến trung tâm khu phố Thắng Nhứt và kể từ đó, các bưng sen này được nối tiếp bởi rừng bần chạy đến rạch Cây Khế.

Bờ biển Vũng Tàu có các núi Nghình Phong, mũi Đá và nhiều bãi biển nổi tiếng như : bãi Thùy Vân (bãi Sau), bãi Thùy Dương (bãi hàng Dừa, bãi Trước), bãi Phương Thảo (bãi Dâu), bãi Hương Phong (bãi Dứa), bãi Vọng Nguyệt (bãi Ô Quấn ở mũi Nghinh Phong) và bãi Lăng Du. Từ bãi Vọng Nguyệt nhìn ra bờ biển có hòn Bồng Đảo (hòn Bà). Vũng Tàu là cửa ngõ trước khi vào vũng Gành Rai.

Vũng Tàu là một trung tâm du lịch lớn. Sự kết hợp hài hòa giữa quần thể thiên nhiên biển, núi cùng kiến trúc đô thị và các công trình văn hóa như tượng đài, chùa chiền, nhà thờ v.v... tạo cho Vũng Tàu có ưu thế của thành phố du lịch biển tuyệt đẹp, đầy quyến rũ. Vũng Tàu không có mùa đông, do vậy các khu nghỉ mát có thể hoạt động quanh năm.

Vũng Tàu có nhiều bãi biển đẹp như bãi sau (Thùy Vân), bãi trước (Tầm Dương), bãi dâu (Phương Thảo), bãi dứa (Hương Phong),... và nhiều di tích, thắng cảnh như Hải Đăng trên núi Nhỏ, núi Lớn, Bạch Dinh, Niết Bàn Tịnh Xá, Thích Ca Phật Đài, nhà lớn Long Sơn... đã thu hút nhiều khách. Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có 4 khu vực có tiềm năng lớn trong sự nghiệp phát triển du lịch :

- Thành phố Vũng Tàu hiện nay là một trong mười trung tâm du lịch lớn của Việt Nam.
- Vùng rừng quốc gia Côn Đảo.
- Bờ biển Long Hải và vùng núi Minh Đạm.
- Vùng rừng nguyên sinh Bình Châu, Phước Bửu và suối nước khoáng nóng Bình Châu. Ở đây, du khách có thể bách bộ, leo núi, tắm biển, vui chơi giải trí.

Sinh hoạt, kinh tế

Đa số đồng bào sinh sống tại Vũng Tàu là người Kinh, chỉ có một số ít là người Việt gốc Chàm. Các tôn giáo chính là đạo Phật, Thiên Chúa, Cao Đài, thờ cúng Tổ tiên, ông bà.

Đất Vũng Tàu nhiều cát, ít phù sa, nên không thích hợp cho việc trồng lúa. Các hoa màu khác gồm có rau, cá, khoai mì,... nhưng cũng chỉ cung ứng cho toàn thành phố. Xóm Rẫy ở Thắng Tam chuyên sản xuất rau cải. Đất cát Vũng Tàu rất thích hợp cho các loại cây ăn trái như mãng cầu, nhãn, vú sữa, xoài, mận, ổi... Dân chúng ở Thắng Nhứt và Phước Thắng trồng khá nhiều mãng cầu. Riêng khóm Xóm Vườn lại trồng nhiều xoài, nhãn, dừa.

Khoảng 10% dân chúng sống với nghề khai thác lâm sản, nhưng chỉ lấy được các loại cây để làm củi, than đốt. Điểm đặc biệt là Bưng Sen sản xuất được nhiều nguồn lợi như bông sen, hột sen, lá sen (dùng gói thức ăn), ngó sen (làm dưa sen), cá đồng, lươn, ếch, cây bồn bồn, dừa nước, cỏ năng, cỏ ống... Cây bồn bồn, lá già dùng dựng vách, lợp nhà; bồn bồn non làm dưa ăn ngon như dưa ngó sen vậy. Cỏ năng, cỏ ống nhiều nuôi trâu bò ăn quanh năm không hết.

Ngành đánh cá tại Vũng Tàu bắt đầu phát triển. Một phần tư dân chúng sống bằng nghề này. Thành phố có ba bến cá lớn là bến bãi Cầu Đá, bến Thắng Nhì (bến Đá) và bến Rạch Dừa. Trong số này, Bến Thắng Nhì sấm uất hơn cả. Ngoài ra, dân chúng còn sinh sống bằng các ngành du lịch, thu công nghệ (chạm trổ, sơn mài, kim hoàn, đặc sản kỷ niệm làm bằng vỏ sò ốc...), làm nắm ruốc. Mắm ruốc Vũng Tàu ngon có tiếng, nổi danh nhất thời trước có mắm Bà Giáo Thảo, Bà Bộ Châu...

Lược sử

Vào thế kỷ thứ 15, khi vua Lê Thánh Tông thu phục đất Bồn Man, Lão Qua và Chiêm Thành thì các thương thuyền Bồ Đào Nha đã cập neo ở Vũng Tàu, người Bồ gọi nơi này là Cinco Chagas Verdareiras. Tới thế kỷ 17, 18, các chúa Nguyễn lấy đất Nam Ban, Thủy Chân Lạp, nhận đất dâng của Mạc Cửu (1714) mở rộng đất đai đến Châu Đốc, Hà Tiên. Đời Gia Long, hải tặc Mãi Lai và Tàu Ô thường khuấy phá những thuyền buôn người Việt lưu thông giữa bờ biển Trung phần với Sài Gòn. Triều đình cử ba đạo quân đến đóng ở mũi Vũng Tàu và đặt tên cho dinh trại đầu tiên là Phước Thắng. Cho đến năm 1822, giặc cướp biển không còn dám héo lánh vùng này nữa. Để thưởng công, triều đình cho ba vị Đội trưởng giải ngũ và cai quản ba vùng đất để khai phá, lập nghiệp. Ông Phạm Văn Đinh coi làng Thắng Nhứt, ông Lê Văn Lộc giữ làng Thắng Nhì và ông Ngô Văn Huyền điều hành làng Thắng Tam. Tuy nhiên, dân chúng trong ba làng cũng lập thành lũy để ngăn ngừa giặc cướp trở lại. Ba làng này thuộc trấn Biên Hòa.

Đến đời Minh Mạng đổi các trấn thành tỉnh và Vũng Tàu thuộc huyện Phước An, phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hòa. Qua hòa ước Nhâm Tuất 1862, triều đình Tự Đức giao ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường cho quân Pháp. Tỉnh Biên Hòa chia thành ba tỉnh là Bà Rịa, Biên Hòa và Thủ Dầu Một; trong đó, Vũng Tàu thuộc Bà Rịa. Ngày 1-5-1895, Pháp tách Vũng Tàu khỏi Bà Rịa để lập tỉnh thứ 21, gồm các xã : Thắng Nhứt, Thắng Nhì, Thắng Tam và Sơn Long. Riêng quận Cần Giờ có các xã : Cần Thạnh, Long Thạnh, Đồng Hòa, Thạnh An và Tân Thạnh (nằm trên cù lao Phú Lợi, cạnh khu Rừng Sác) cũng thuộc tỉnh Vũng Tàu.

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí có nói về địa danh Vũng Tàu, dịch từ chữ Thuyền Úc. Thuyền có nghĩa là ghe tàu, Úc là nơi nước ăn thông vào đất liền. Đây là vùng cho ghe thuyền lánh bão. Trước đây, một số người thường gọi Ô Cấp là Vũng Tàu. Về địa lý thì không đúng. Thời Pháp thuộc, chúng đổi tên cũ Cinco Chagas của Bồ Đào Nha thành Saint Jacques, rồi đặt tên là "mũi đất Saint Jacques", tiếng Pháp là "Cap Saint Jacques". Tây hay nói "au Cap" nên có chữ "Ô Cấp" là vậy. Mũi đất này chính là mũi Nghinh Phong (Tây dịch là Au Vent).

Ngày 9-2-1859, hạm đội quân Pháp và Tây Ban Nha đến trước Vũng Tàu. Sáng hôm sau, quan thống chế triều đình là Trần Đồng ra lệnh thủy lục quân chuẩn bị

nghinh chiến đoàn tàu của giặc tiến vào đất liền. Khi đến cửa Vũng Tàu, giặc tấn công bằng đại pháo như mưa vào các công sự của ta. Thống chế Trần Đồng đưa hàng trăm chiếc thuyền và hàng ngàn quân sĩ ra chống cự rất mãnh liệt. Đến chiều, vì hỏa lực của địch quá mạnh và vì Trần Đồng tử trận, cửa Vũng Tàu bị xuyên thủng. Ngày 11-2, thuyền giặc tiến vào cửa Cần Giờ, bắt đầu kế hoạch đánh chiếm tỉnh Gia Định. Khi giặc đặt chân lên đất Vũng Tàu, đồng bào làng xã đã theo nhà cách mạng Lê Tấn Thông kháng Pháp.

Năm 1888, khi Đồng Khánh mất, con Dục Đức là Bửu Lân bị Pháp ép lên ngôi là vua Thành Thái, lúc ông 18 tuổi. Vua tỏ ý kiên cường làm Pháp rất khó chịu và thường bí mật liên lạc với các nhà cách mạng trong Phong Trào Đông Du, khuyến khích việc đưa thanh niên ra nước ngoài học hỏi để dùng vào việc đại sự về sau. Năm 1907, giặc Pháp dò biết được việc này bèn ép vua thoái vị và đưa vào Vũng Tàu giam giữ ở Bạch Dinh (dinh Ông Thượng) đến 1915 thì kín đáo đưa vua đi an trí tại đảo Réunion, Phi Châu. Đến tháng 5-1947, Pháp thả ông về nước và lại giam ông tại Vũng Tàu, mãi tháng 3 năm 1953 mới được về thăm Huế và trở vào Sài Gòn, đến tháng 3 năm 1954 thì mất.

Phong cảnh, di tích

Bãi Sau (bãi Thùy Vân) : Bãi Sau nằm ở phía Đông Nam thành phố Vũng Tàu, chạy dài trên 8 km từ chân núi nhỏ đến cửa lấp. Đây là bãi tắm đẹp, rộng và nổi tiếng của Việt Nam. Khách du lịch trong và ngoài nước thường đến tắm. Bãi Sau thường đông vui náo nhiệt nhất trong số các bãi biển ở Vũng Tàu.

Bãi Trước (bãi Tầm Dương) : Nằm ngay trung tâm thành phố Vũng Tàu, dọc theo đường Quang Trung. Đây là bãi tắm khá sạch, đẹp và mới được mở rộng. Nhiều khách sạn lớn sang trọng như: Palace, Rex, Sông Hồng, Sông Hương, Royal, nhà hàng giải khát Đống Đa... tập trung ở khu vực bãi Trước. Từ bãi Trước theo đường Hạ Long mới mở, qua bãi Dứa hoặc theo đường Hoàng Hoa Thám bạn có thể tới bãi Sau (bãi Thùy Vân).

Bãi Nghinh Phong (bãi Ô Quắn) : Có nghĩa là "đón gió" ở hướng cực nam của thành phố Vũng Tàu, gần bãi Dứa. Bãi tắm hẹp, nước lúc nào cũng sạch, sóng gió dồn dập, ba phía vách đá cheo leo, kế tiếp với mũi Nghinh Phong hùng vĩ nhô ra

biển Đông. Đây là nơi hẹn hò của những du khách có thú vui câu cá và ưa mạo hiểm.

Bãi Dứa : Nằm ở khoảng giữa của bãi Trước và bãi Sau bên chân núi nhỏ, gần mũi Nghinh Phong. Trước kia có nhiều cây dứa gai mọc xen bên bờ đá nên được gọi là bãi Dứa, tắm biển ở bãi Dứa sóng êm, an toàn và từ đây du khách dể dàng đi thăm khu du lịch tượng Chúa Kitô và pháo đài trên núi Nhỏ.

Bãi Dâu : Nằm ven núi Lớn và cách bãi Trước ba cây số. Bãi hẹp, nóng nhưng thời trước được giữ sạch sẽ. Hai đầu bãi có nhiều mõm đá lớn nhỏ nhô ra, sau lưng là vòng chảo có cây cối um tùm bao bọc bởi triền núi lớn cao vút. Từ bãi Phương Thảo nhìn lên núi Lớn sẽ thấy tượng Đức Mẹ, cao năm thước hai mươi, đứng trên bục thạch cao một thước mốt, giữa cảnh núi rừng hùng vĩ.

Hòn Bà : Ở phía Tây - Nam Côn Đảo, có một doi đất quay về hướng Bắc, trên có một tảng đá giống hình người đàn bà đội khăn. Tương truyền, vào năm 1873, Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh đuổi khỏi Gia Định, Ánh phải đem vợ con và đoàn tùy tùng ra Côn Sơn trú ngụ; sau khi trở lại đất liền đã để bà Phi Yến Nguyễn Thị Thành, một phi tần tính tình cương trực. Dân ta nhớ đến bà vì bà là người đã thẳng thắn can ngăn Nguyễn Ánh không nên cầu viện quân Pháp và làm tay sai cho giặc nên bị bỏ ở lại đảo. Trước năm 1945, dân chúng lập miếu thờ bà Phi Yến ở hòn Bà, còn mộ được an táng ở hòn Cau.

Núi Nứa : Quần thể núi Nứa và khu di tích nhà Lớn (Đền Ông Trần) là một thắng cảnh độc đáo của xã Long Sơn (Vũng Tàu). Ở về phía Đông của đảo trên dãy núi dài trên 6 km, bề ngang chỗ rộng nhất 2 km, có những tảng đá lớn với muôn hình muôn vẻ, lộ ra chơi vơi giữa trời mây và nhiều cột đá chọc thẳng lên trời. Cao nhất là đỉnh Bà Trao 138 m, đỉnh Hố Rồng 120 m, và phía Nam có đỉnh Hố Vông cao hơn 100 m.

Trên đỉnh Bà Trao có cột đá cao 5 m gọi là Hòn Một. Vào dịp lễ hội du khách tới tham quan Hòn Một lễ thỉnh cầu Thiên Địa và có thể phóng tầm mắt bao quát cả một vùng trời đất, biển khơi. Dưới chân phía Tây Núi Nứa là hồ chứa nước ngọt Mang Cá, nơi trồng nhiều hoa sen tỏa hương thơm ngát và phía Đông là đền ông Trần.

Công trình kiến trúc Nhà Lớn (đền Ông Trần) : Là một quần thể kiến trúc cổ uy nghi bề thế, tọa lạc tại thôn 5, xã Long Sơn, giữa khu dân cư theo tín ngưỡng Ông Trần, người sáng lập ra tín ngưỡng và tạo dựng khu dân cư mới ấp Bà Trao tại đảo này từ năm 1898. Nhà lớn rộng hơn 2 ha gồm 3 phần : khu đền thờ, nhà Long Sơn Hội, trường học, dãy phố, chợ, nhà hát, nhà bảo tồn ghe sấm; lăng mộ Ông Trần. Khu đền được xây dựng từ năm 1910 đến 1935, làm nơi thờ cúng chung (tổ đình đạo giáo) có tam quan, vườn hoa, trụ phướn, hai nhà khách. Lầu cấm tiền điện hai tầng 8 mái, nhà thánh có bàn thờ Khổng Tử và bàn thờ Ông Trần, lầu Trời, lầu Tiên, lầu Phật (chính điện). Nhà hậu thờ người ruột thịt trong gia tộc. Lầu Dài là nơi lễ nghi hội hè. Ngoài ra còn có nhà kho, nhà bế, nhà máy đèn, hồ chứa nước mưa.

Nơi đây còn lưu giữ nhiều bộ sưu tập cổ vật quí báu : bộ tủ thờ cẩn xà cừ chạm khắc tinh xảo 33 cái, bộ bàn ghế bát tiên tương truyền của vua Thành Thái, long sàng, ghế ngai, bao lam, hoành phi, câu liển sơn son thiếp vàng lộng lẫy, thể hiện nghệ thuật điêu khắc trang trí của các nghệ nhân từ nhiều nơi trên đất nước tại đền Ông Trần. Tín ngưỡng ở đền Ông Trần pha tạp nhiều đạo giáo khác nhau : đạo Phật, đạo Tin Lành, đạo Nho, đạo thờ ông bà tổ tiên. Phật, Thánh Thần đều được thờ cúng trong nhà lớn và tại các nhà dân. Tín ngưỡng này không có kinh, chuông mõ, ăn chay, kiêng kỵ, chỉ có lời dạy của Đức Ông Trần được truyền khẩu trong dân gian. Sau khi mất, ông được con cháu đưa vào thờ cúng trong Nhà Lớn. Từ đó hằng năm con cháu và tín đồ tổ chức hai lễ hội lớn : cúng Trùng Cửu (9-9 âm lịch) và ngày vía Ông (20-2 âm lịch).

Thắng cảnh Dinh Cô : Dinh Cô thuộc thị trấn Long Hải, huyện Long Đất, nằm bên sườn ngọn đồi nhỏ, trước mặt là bãi cát dài và biển khơi mênh mông sóng nước. Dinh Cô là một kiến trúc hoành tráng in đậm màu sắc văn hóa dân gian. Dinh Cô được xây dựng vào cuối thế kỷ 18, thờ Lê Thị Hồng. Tương truyền, cách đây 2 thế kỷ, một cô gái thôn quê là Lê Thị Hồng, quê ở Phan Rang, giàu lòng nhân ái, từ bi muốn tìm nơi thanh vắng sống ẩn dật. Chẳng may trong một lần đi biển cô bị lâm nạn tại Hòn Hang khi vừa tròn 16 tuổi. Ngư dân địa phương đã an táng cô trên đồi Cô Sơn và lập miếu thờ ngoài bãi biển. Từ đó cô luôn mộng báo

điềm lành, diệt trừ dịch bệnh nên được dân trong vùng lập đền thờ và đặt danh hiệu là Long Hải Nữ Thần.

Ban đầu Dinh Cô chỉ là một ngôi miếu nhỏ, năm 1930 ngư dân Long Hải đã dời miếu thờ lên núi Kỳ Vân - nơi mà ngày nay Dinh Cô đang tọa lạc, năm 1987 Dinh Cô được sửa chữa lớn. Hiện nay Dinh Cô như một tòa lâu đài tráng lệ, trang nghiêm và bề thế. Ngoài ra còn có các miếu thờ Thánh Mẫu, Quan Thánh, Bàn Thiên, Bàn Mẫu, Quan Thế Âm Bồ Tát và ngôi mộ Cô ở cách 1 km. Hàng năm, lễ hội Dinh Cô vào các ngày 10, 11, 12 tháng 2 âm lịch, ở đây lại tưng bừng náo nhiệt đón hàng vạn du khách đến hành hương và thưởng ngoạn phong cảnh.

Bãi tắm Long Hải : Ở cách thành phố Vũng Tàu 30 km về hướng Đông Bắc. Cảnh thiên nhiên ở đây thật thơ mộng. Trên đồi núi dọc ven biển là rừng cây xanh tốt, phía dưới là bãi biển Long Hải đẹp với bãi cát vàng, chạy dài, yên tỉnh dành cho du khách yêu biển nhưng không thích ồn ào. Trước mặt là đại dương sóng vỗ, nhộn nhịp tàu ghe qua lại. Phía Tây là thành phố Vũng Tàu bốn mùa đông khách. Phía Tây Bắc là dãy núi cao có rừng cây bao phủ là khu di tích lịch sử căn cứ Minh Đạm nổi tiếng một thời.

Suối Tiên : Ở cách thị xã Bà Rịa 7 km về phía Tây Bắc, thuộc huyện Tân Thành. Suối Đá, Suối Tiên đều bắt nguồn từ đỉnh núi Dinh cao 491 m do những dòng suối nhỏ ở men theo các dốc núi, sườn đồi hợp thành, chảy uốn lượn ven rừng. Từ trên cao suối đổ xuống hai bên sườn núi đá, chảy quanh co qua các cánh đồng lúa Hội Bài rồi chảy về vịnh Ghềnh Rái Hòa. Hai bên bờ của dòng suối là muôn vàn những mỏm đá mang hình thù độc đáo.

Đây là một thếgiới của đá, có những hòn đá cao từ 3 m đến 5 m, có những thạch bàn phẳng lì nằm nghiêng khá rộng, bạn có thể dừng chân ngồi nghĩ. Từ suối Đá đến suối Tiên phải vượt qua 600 m đường rừng quanh co, du khách như đến nơi yên tĩnh, lãng mạng, nơi xưa các tiên rủ nhau xuống tắm trong dòng suối mát, giữa một vùng nước non kỳ vĩ, sơn thủy hữu tình. Suối Đá, suối Tiên chứa vẻ đẹp tự nhiên, hoang sơ mà kỳ thú làm say đắm nhiều du khách mỗi khi đặt chân đến.

Suối nước nóng Bình Châu : Từ huyện Xuyên Mộc, theo lộ 23 đi khoảng hơn 29 km sẽ tới khu du lịch suối nước nóng Bình Châu. Giữa ngút ngàn một vùng rộng

hơn 7000 ha rừng nguyên sinh, rừng cấm quốc gia, nổi lên một bàu nước nóng với hơn 70 điểm phun nước lộ thiên. Vùng có nước nóng hoạt động rộng khoảng hơn 1 km², gồm có nhiều hồ lớn, nhỏ tạo thành các dòng chảy với lưu lượng nhỏ. Vùng hồ rộng nhất là khoảng 100 m² với độ sâu hơn 1 m. Đây là điểm nóng nhất, nước lúc nào cũng sủi tăm, bốc hơi tạo thành một nồi xông hơi thiên nhiên khổng lồ. Nhiệt độ tầng mặt nước khoảng trên 64°C, đáy nước là 84°C. Những chỗ nông, nước chỉ nóng khoảng trên 40°C, có thể ngâm chân, tay để chữa bệnh. Điều hấp dẫn, thú vị là tại khu vực nước nóng này rừng chàm lại vẫn xanh tươi, một loại cỏ rễ chùm, lá cứng vẫn sống cùng năm tháng tạo thêm vẻ đẹp kỳ thú của thiên nhiên. Đây là điểm du lịch rất hấp dẫn đối với du khách yêu thiên nhiên và muốn đi du lịch kết hợp với nghỉ ngơi và chữa bệnh.

Thác Sông Rai : Thuộc xã Thừa Tích, quận Xuyên Mộc. Thác Sông Rai ở giữa vùng rừng núi âm u, gồm ba thác lớn và nhiều thác nhỏ. Thác lớn nhất rộng và cao hơn 10 thước. Tiếng nước chảy vang rất xa.

Bãi Nước Ngọt : Cách Long Hải bốn cây số. Đường từ Long Hải đến bãi Nước Ngọt đi ngang qua nhiều khu vườn đẹp, thấy núi, sóng biển rạt rào. Bãi Nước Ngọt không lớn nhưng xinh xắn, nên thơ.

Hòn Hải Ngưu : Từ cổng chính của Bạch Dinh nhìn ra biển có hòn đá rất lớn như con trâu đắm mình dưới nước, nên được gọi là Hải Ngưu hay hòn Trâu. Cảnh vật chung quanh thanh nhã, tiếng sóng nước rạt rào. Nhiều người thường câu cá ở đây, hay theo các kẹt đá bắt cua...

Côn Đảo : Huyện đảo Côn Đảo (còn gọi là Côn Đảo, Côn Lôn) là một quần đảo ngoài biển Đông Hải, gồm 14 hòn đảo lớn nhỏ, cách thành phố Sài Gòn 280 cây số và cách Vũng Tàu 180 cây số về hướng Nam. Diện tích Côn Đảo khoảng 67 cây số vuông. Trong quần đảo này có đảo Côn Nôn lớn nhất, dài 15 cây số, chỗ rộng nhất chín cây số, nơi hẹp nhất có ba cây số. Hòn đảo lớn thứ nhì là Bảy Cạnh (được gọi như vậy vì đảo có bảy mũi nhọn nhô ra) và cách thị trấn Côn Sơn bảy cây số. Phía Đông có các hòn Cau, hòn Tài Lớn, hòn Tài Nhỏ, hòn Thỏ, hòn Bông Lang; phía Tây có các hòn Bà, hòn Tre Lớn, hòn Tre Nhỏ, hòn Vung, hòn Trai. Xa hơn về phía Tây là hòn Trứng Lớn, hòn Trứng Nhỏ. Hình thể đảo Côn

Nôn phần lớn là núi cao từ 200 thước đến 600 thước. Núi Đinh cao nhất 690 thước. Khí hậu nơi đây có hai mùa. Mùa khô từ tháng Mười Một đến tháng Ba, có gió mùa Đông Bắc. Mùa mưa từ tháng Năm đến tháng Chín, có gió mùa Tây Nam. Giữa hai thời kỳ gió mùa là thời kỳ chuyển tiếp thường có gió nhẹ và sóng nhỏ. Phương tiện vận chuyển duy nhất đi đến các tỉnh trong đất liền là đường thủy. Hầu hết dân chúng cư ngụ tại Côn Sơn là người Kinh, làm nghề nông, trồng hoa màu và cây ăn trái. Dừa, mít và tiêu được trồng nhiều trên đảo. Rừng cũng mang lại một số gỗ tốt như gụ, mun, sơn, trắc, dầu, và các đặc sản của những vùng có rừng tràm, đước. Hai hòn đảo Tre Lớn và Tre Nhỏ mọc toàn cây tre. Vùng núi có những tổ yến sào.

Vì chung quanh đảo là biển nên nguồn lợi về hải sản khá nhiều như tôm, cá biển, hài sâm, trai, ốc, san hô, sà cừ, đồi mồi. Đặc biệt ở hòn Trai có rất nhiều con trai, ốc, nhất là sà cừ. Hai ngành mỹ nghệ thịnh hành trên đảo là nghề mộc làm bàn ghế, chạm khắc gỗ và nghề chế biến các hải sản làm đồ kỷ niệm như lược, vòng, dây chuyền (làm bằng đồi mồi, vỏ ốc...). Cuối tháng 12-1861, khi quân Pháp đem quân chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Gia Định, Biên Hòa và Định Tường, thì Phó Đề Đốc Bonard sai đại úy Lespès đem thủy binh chiếm Côn Sơn vào ngày 9-12. Đối đầu trước các cuộc nổi dậy ngày càng nhiều của người Việt Nam, năm 1862, Bonard ra lệnh xây nhà tù Côn Sơn để giam cầm những người yêu nước.

Rất nhiều anh hùng, anh thư đã bị giặc Pháp đày đọa nơi đây như Trần Cao Vân, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thụy, Lý Liễu, Phạm Tuấn Tài, Võ Hoành... Những di tích lịch sử và thắng cảnh Côn Sơn gồm có : Vịnh Cá Sấu, cầu Ma Thiên Lãnh, bãi Sọ Đầu..... Là quần đảo giữa biển, phong cảnh sông nước Côn Sơn nên thơ vô cùng; bờ biển chung quanh đảo đầy san hô tuyệt đẹp.

An Sơn Miếu : Là một ngôi miếu cổ trên đảo Côn Sơn. Miếu được xây từ năm 1785, (sau đó được xây dựng lại vào năm 1958) để thờ bà Phi Yến, vợ của chúa Nguyễn Ánh (sau này trở thành vua Gia Long). Ngôi miếu này rất linh thiêng đối với những người dân trên đảo và gắn liền với một câu chuyện bi thương của một phụ nữ tài sắc, giàu lòng yêu nước. Năm 1783, sau khi thua quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh mang theo vợ, con và khoảng 100 gia đình thuộc hạ chạy ra đảo Côn

Sơn. Cùng với những người dân chài đang sinh sống ở Côn Sơn, Nguyễn Ánh đã lập nên 3 làng là An Hải, An Hội và Cỏ Ống.

Để đánh lại quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh dự định gửi con cả là hoàng tử Cảnh đi theo cố đạo Pháp (Bá Đa Lộc) sang Pháp cầu viện. Bà Phi Yến (Lê Thị Răm) là vợ thứ của Nguyễn Ánh đã can ngăn chồng, đừng làm việc "cõng rắn cắn gà nhà" để người đời chê trách. Nguyễn Ánh không những không nghe lời khuyên của bà mà còn tức giận, nghi bà thông đồng với quân Tây Sơn, nên định giết bà. Nhờ quần thần can xin, Nguyễn Ánh đã tống giam bà vào một hang đá trên đảo Côn Lôn nhỏ. Khi quân Tây Sơn đánh ra đảo, Nguyễn Ánh bỏ chạy ra biển. Hoàng tử Cải (còn gọi là hoàng tử Hội An), con bà Phi Yến lúc đó mới 4 tuổi có đòi mẹ đi cùng. Trong cơn tức giận Nguyễn Ánh đã ném con xuống biển. Xác Hoàng tử Cải đã trôi vào bãi biển Cỏ Ống. Dân làng đã chôn cất Hoàng tử.

Bà Phi Yến, theo truyền thuyết được một con vượn và một con hổ cứu ra khỏi hang và về sống với dân làng Cỏ Ống để trông nom mộ Hoàng tử Cải. Một lần, bị kẻ xấu xúc phạm bà đã tự tử để thủ tiết với chồng. Nhân dân trên đảo vô cùng thương tiếc, đã lập nên ngôi miếu để thờ bà. Năm 1861, Pháp sau khi chiếm đảo đã quyết định di toàn bộ dân vào đất liền để xây nhà tù. Ngôi miếu bị đổ nát. Năm 1958, nhân dân trên đảo xây dựng lại ngôi miếu trên nền cũ.

Bãi Hồ Tràm : Còn gọi là bãi bể Thuận Biên, thuộc xã Phước Bửu, quận Xuyên Mộc và nối liền với hai bãi biển Nước Ngọt và Long Hải. Bãi biển Hồ Tràm dài 20 cây số, phía sau là rừng phi lao rộng hơn năm mẫu tây. Cảnh thiên nhiên thanh tú.

Thích Ca Phật Đài : Cao sáu thước hai mươi, mặt hướng về phía Đông, ngồi xếp bằng trên một tòa sen cao bốn thước, đường kính sáu thước. Bên trong tượng đặt ba viên ngọc Xá Lợi. Cách tượng độ 50 thước là Bảo Tháp cao 19 thước hình bát giác cũng sơn màu trắng tuyết, bên trong an vị 13 viên ngọc Xá Lợi. Tất cả các viên ngọc Xá Lợi này đều do các nước Tích Lan, Miến Điện và Thái Lan hiến tặng. Bốn góc Bảo Tháp có bốn đỉnh đặt bốn chum đất thỉnh tại Lumoini, Uruvila, Isipatana và Kusinara (đây là những nơi Đức Phật Đản sanh, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết Bàn).Vườn Lộc Giả hình bát giác, cao 15 thước, rộng 10

thước, chánh điện hướng ra Đông Hải. Trên nóc có đúc hình cây đuốc tiêu biểu cho Đuốc Tuệ. Kế đó là Thập Nhị Nhân Duyên xây 12 nấc được cẩn gạch hoa rất đẹp. Bên dưới xây hình bốn mặt tức Tứ Diệu Đế, nhắc nhở bốn chân lý của Đức Phật là "Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế". Bên trong ngôi nhà có xây một bàn thờ Đức Phật Thích Ca và năm vị Kiều Trần Như là các đệ tử đầu tiên của Ngài. Tám cạnh của ngôi nhà đều có ghi lời Phật dạy chúng sanh áp dụng con đường tám nẻo tức Bát Chánh Đạo (là chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tỉnh tấn, chính niệm và chính định). Vườn Lộc Giả là nơi Đức Phật khai giảng đạo pháp. Gần khu Thích Ca Phật Đài có chùa Thiền Lâm Tự.

Chùa Quan Thế Âm Bồ Tát : Nằm trên đường vòng núi lớn, cách bãi Dâu 500 m, được xây dựng năm 1976. Đây chỉ là một ngôi chùa nhỏ nhưng nổi bật ở giữa khu vực chùa là một pho tượng Phật Bà Quan Âm trắng toát. Pho tượng cao 16 m làm bằng xi măng cốt thép sắt theo hình tượng một phụ nữ hiền hòa, đức độ, mặt hướng ra biển, tay cầm bình Cam Lồ, đứng trên tòa sen. Đây là một pho tượng đẹp và cũng là điểm tham quan của khách du lịch Vũng Tàu.

Chùa Cổ Long Bàn : Còn gọi là chùa Làng, ở thôn Long Phượng, thị trấn Long Điền, huyện Long Đất. Chùa được xây dựng vào năm 1845 theo kiểu chữ tam, trong một khuôn viên rộng trên 3000 m² với nhiều cây cao râm mát, do Hòa thượng Hải Chánh, Bảo Thanh chủ trì đầu tiên.

Chùa Long Bàn có một kiến trúc cổ, trang trí mỹ thuật độc đáo, đặt biệt các bao lam chạm hình chim phụng, hoa lá và các khám thờ chạm rồng phượng, các hoành phi, câu đối chạm khắc tinh xảo. Trong chùa có nhiều tượng Phật, Ngọc Hoàng, Quan Thánh, 18 vị La Hán, Long Thần, Hộ Pháp bằng đồng hoặc gỗ mít, một chuông lớn cao 1,20 m, đường kính 0,80 m đúc bằng đồng.

Mộ và đền Châu Văn Tiếp : Tại xã Hắc Lăng có mộ và đền thờ ông Châu Văn Tiếp, một vị danh tướng thời Nguyễn Ánh đánh nhau với nhà Tây Sơn.

Đền Bà Trao : Tại xã Sơn Long, do Ông Trần xây khoảng năm 1909 trên một hòn đảo gần Rừng Sát. Trong đền có thờ Đức Khổng Tử và sau này thờ cả người xây đền là Ông Trần (tên thật là Lê Văn Mưu, người gốc Hà Tiên, đến Bà Rịa khai

khẩn đất đai và chiêu dân lập ấp). Khu vực đền gồm chánh diện và các dãy nhà dành cho khách thập phương khá rộng, chung quanh có cầu, vườn hoa, hồ sen.

Thiên Thai Tự : Chùa xây dưới chân núi Cô Sơn, nguy nga và kiên cố. Cách kiến tạo của chùa không cầu kỳ và cổ kính nhưng xây toàn bằng đá hoa cương. Bệ hình vuông cao trên hai thước, bốn góc là bốn cột và ở giữa bệ có cây cột chính thứ năm cao đến tận nóc chùa. Bốn phía của cây cột chính này có đặt khám thờ Phật Thích Ca, Phật Quán Thế Âm, Phật Di Đà và Phật Chuẩn Đề. Vì có cây cột chính này mà người địa phương quen gọi là "chùa Một Cột".

Cửu Liên Đài : Cách Thiên Thai Tự khoảng 300 thước, xây vào năm 1933, mô phỏng theo lối kiến trúc đền đài Ấn Độ. Nền chùa và tường làm bằng đá hoa cương. Cấu trúc của chùa gồm bốn nhà chuông ở bốn góc ngoài kết hợp với một nhóm năm căn nhà nhỏ hơn ở giữa như hình hoa chanh. Tổng cộng là chín căn nhà nên được gọi là "Cửu Liên Đài". Chánh điện thờ tượng Phật Thích Ca khá lớn. Chung quanh chùa có ao sen hình bán nguyệt và vườn hoa, cảnh trí thật đẹp.

Long Hòa Tự : Cách tỉnh lỵ Phước Lễ năm cây số rưỡi. Ngôi cổ tự này được lập nên trên 100 năm và được trùng tu nhiều lần. Chùa gồm ba chánh điện lớn thờ Phật. Phía sau chùa, trên một tảng đá lớn có ngọn tháp cổ bốn tầng.

Chùa An Hải : Ở trong thị trấn Côn Sơn. Chùa thờ Phật và bà Phi Yến.

Điện Bà : Xây trên những tảng đá rất lớn đứng cheo leo ở triền núi lớn phía bến Đinh. Điện Bà xuất hiện vào cuối thế kỷ 19. Khởi thủy là một miếu nhỏ thờ thần Hổ, vì ngày trước có một con cọp lớn về nằm trong kẹt đá nơi đây và dân chúng lập miếu thờ. Năm 1945, dân sùng đạo xây cất thành ngôi điện thờ Phật, Bà Ngũ Hành và Quan Thánh. Năm 1958, lại cất thêm ngọn tháp ba từng khá đẹp.

Phước Lâm Tự : Chùa Phước Lâm ở Thắng Nhì, cũng được xây vào cuối thế kỷ 19. Chùa cũ được xây lại năm 1957, theo kiến trúc Ấn Độ, nền lót đá hoa. Chùa có ba tháp chuông giả trên nóc và có pho tượng tám tay bằng đá đào được trên núi Lớn.

Miếu Năm Bà : Ở bãi Dâu, cách mặt lộ khoảng 500 thước hướng trên miền núi Lớn. Đây là một tòa cổ miếu trên 100 năm, do các ngư phủ dựng lên thờ Thần Ngũ Hành (tức năm vị thần kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Năm 1968, miếu được trùng tu lại và thờ thêm một pho tượng Phật Quan Thế Âm cao trên một thước. Cạnh

miếu có giếng Ngự. Tục truyền rằng khi Gia Long bị quân Tây Sơn đánh thua ở cửa Cần Giờ, chạy ẩn núp nơi đây và đào được ba giếng nước ngọt thoát nạn.

Lăng Cá Ông : Thuộc khu phố Thắng Tam, cạnh bãi Thùy Vân (bãi Sau). Tục truyền rằng hơn 100 năm trước, một đầu cá Ông (cá voi) thật to trôi dạt vào bãi Trước. Dân chài lưới rất quý trọng cá Ông mà họ tin là không hại người, còn hay cứu giúp các ngư phủ hoạn nạn ngoài khơi. Khi thấy đầu cá dạt vào bờ to đến nỗi không thể đem lên cạn, ngư dân phải róc hết thịt, tháo từng khúc xương khiêng lên cất miếu gần đó để thờ. Rồi 40 năm sau, một con cá Ông khác đã chết, dài 12 thước, bề ngang một thước rưỡi, trôi vào bãi Thùy Vân. Dân chúng kéo xác cá Ông lên chôn cất tử tế tại khu đất hiện nay.

Lăng Cá Ông 100 năm trước đây rất sơ sài, năm 1911 được dời về Thắng Tam và sau này, lăng được trùng tu nhiều lần. Bên trong lăng có ba bàn thờ bằng xi măng, chạm trổ các hình long, lân, qui, phụng, cá hóa long... rất công phu. Phía sau bàn thờ có ba tủ kính lớn, tủ chính giữa đựng xương đầu cá Ông vớt được hơn 100 năm trước, tủ thứ hai đựng xương cá Ông 40 năm sau đó và tủ còn lại đựng xương các cá Ông cỡ nhỏ.

Tượng Chúa Jêsus : Tượng dựng năm 1971 trên đỉnh núi nhỏ, tượng cao 28 m, đứng giang hai tay, mặt hướng ra biển, dựng trên bệ cao 10 m. Trong lòng tượng có một cầu thang xoáy trôn ốc đi từ bệ lên cổ tượng gồm 129 bậc. Hai bên vai tượng được thiết kế như hai cái ban công, mỗi bên có đủ chỗ cho chừng 6 người đứng ngắm cảnh Vũng Tàu.

Bào nước của Chiêm Thành : Ở hai khu Thắng Tam và Thắng Nhì có nhiều bào nước đọng quanh năm, rêu phong cỏ mọc. Tục truyền rằng người Chiêm Thành trước đây đào để cho voi và ngựa uống nước.

Những khẩu đại bác : Khẩu đại bác thứ nhất ở bưu điện thành phố, đây là di tích còn lại khi ba đội quân của triều đình đến Vũng Tàu đào hào, đắp lũy, đặt súng chống lại bọn cướp biển năm 1822. Ngoài ra còn bốn khẩu đại bác của quân Pháp thiết trí khi chúng chiếm Vũng Tàu. Bốn khẩu đại bác khổng lồ, mỗi khẩu dài trên mười thước, nặng mấy ngàn tấn, nằm trên núi Nhỏ, dưới chân ngọn hải đăng (cao khoảng 170 thước, xây năm 1870).

Bạch Dinh (Villa Blanche) : Khởi dựng năm 1898, hoàn thành năm 1916 trên sườn núi lớn, dùng làm nơi nghỉ ngơi cho viên toàn quyền Pháp Paul Doumer. Bạch Dinh có dáng dấp của kiến trúc Pháp cuối thế kỷ 19. Mặt ngoài tòa nhà được trang trí hoa văn cổ xưa và những hình vẽ chân dung các Thánh thời cổ Hy Lạp. Ngày nay Bạch Dinh trở thành điểm tham quan của du khách trong và ngoài nước

Đình Thần Thắng Tam : Được xây dựng từ đời vua Minh Mạng (1820 - 1840) thờ chung ba người có công khai phá dựng nên làng Thắng Tam ở Vũng Tàu là Phạm Văn Dinh, Lê Văn Lộc và Ngô Văn Huyền. Lúc đầu đình chỉ là nhà tranh vách lá, năm 1965 được trùng tu mới như hiện nay. Đình Thần Thắng Tam kiến trúc theo lối nối tiếp : sau cổng tam quan là một dãy nhà gồm bốn ngôi nối liền nhau bằng một lối đi bên hông : nhà Tiền hiền, hội trường, đình trung, sân khấu võ ca. Ngôi Tiền hiền được lợp ngói âm dương, trên mái có hình "lưỡng long chầu nguyệt" đắp nổi, đầu các đòn tay, xà cừ, cột đều chạm khắc hình rồng, bên trong thờ Thổ Công, Tiền hiền và Hậu hiền, Tiền vãng và Hậu vãng. Ngôi đình Trung bài trí các bàn thờ Thần Nông, Thiên Y A Na, Ngũ Đức, Thánh Phi, Tiền hiền, Hậu hiền... Sân khấu võ ca là nơi diễn tuồng, hát bội khi đình thần có lễ hội.

Niết Bàn Tịnh Xá : Còn có tên là chùa Phật Nằm, được xây dựng năm 1969 khánh thành năm 1974, trên sườn núi nhỏ, mặt hướng ra biển, cách trung tâm thành phố khoảng 2 km. Trong chùa có tượng Phật Thích Ca nằm nghiêng dài 12 m đặt trên bệ cao 2,5 m. Tượng được đúc bằng xi măng cốt thép, bên ngoài là lớp đá cẩm thạch lấy từ vùng núi Ngũ Hành Sơn.

Hải Đăng Vũng Tàu : Có từ năm 1907, năm 1911 được xây dựng thành tháp tròn có đường kính 3 m, cao 18 m, được đặt trên đỉnh cao nhất của núi nhỏ (độ cao 170 m). Hải Đăng Vũng Tàu rọi xa đến 35 hải lý, có kính viễn vọng để theo dõi và hướng dẫn tàu trên biển. Dưới chân tháp đèn có bốn cỗ đại bác dài trên 10 m, nặng hàng tấn. Từ trên tháp Hải Đăng, du khách có thể quan sát toàn bộ thành phố Vũng Tàu và xa hơn nữa như Cần Giờ, Bà Rịa... Hải Đăng là điểm tham quan của nhiều du khách trong và ngoài nước.

Các dịp lễ hội

Lễ Hội Dinh Cô : Dinh Cô là một khu đền có kiến trúc hoành tráng, với những nét

kiến trúc truyền thống, nằm bên bờ biển Long Hải của Bà Rịa - Vũng Tàu. Dinh Cô thờ một cô gái giàu lòng nhân ái, sống ẩn dật, trong một lần ra biển đã bị nạn. Hàng năm lễ hội Dinh Cô được ngư dân Long Hải tổ chức rất long trọng theo nghi thức cổ truyền trong 3 ngày, từ ngày 10 đến 12 tháng 2 âm lịch. Các bô lão cao niên, lễ phục trang nghiêm làm chủ lễ, cầu cho mưa thuận, gió hòa, quốc thái an dân và sau đó làm lễ Nghinh Cô ngoài biển với thuyền hoa lộng lẫy. Lễ hội Dinh Cô mang đậm màu sắc dân gian. Mỗi lần mở hội đã thu hút hàng vạn du khách đến tham dự lễ hội và thưởng ngoạn cảnh đẹp nơi đây.

Lễ Nghinh Ông (lễ thờ Cá Voi) : Tổ chức ở các làng chài trong tỉnh khi vào mùa đánh cá. Nghi lễ thực hiện ở mỗi nơi một khác nhưng bao giờ cũng có tiết mục rước Ông trên biển và sau đó là tổ chức hát bội. Ở Vũng Tàu, hàng năm lễ Nghinh Ông được tổ chức trọng thể nhất là tại lăng Cá Ông ở đường Hoàng Hoa Thám, thành phố Vũng Tàu. Đây là nơi thờ Cá Ông, với danh hiệu "Nam Hải Đại Tướng Quân"do vua Thiệu Trị ban tặng. Lễ hội được tổ chức trùng với ngày vía (ngày mất) của Cá. Lễ hội kéo dài trong 3 ngày, từ ngày 16 đến 18 tháng 8 âm lịch hàng năm bao gồm : lễ cúng Ông, lễ Nghinh Ông bằng nhiều ghe thuyền trang trí lộng lẫy, thắp đèn sáng trưng. Lễ Cá Ông, cúng Tiền hiền, tế lễ Thần linh, cúng tế được tổ chức trong đình làng...

Lễ hội đình Thần Thắng Tam : Theo truyền thuyết đình Thần Thắng Tam thờ chung cả 3 người đã có công xây dựng nên ba làng Thắng ở Vũng Tàu. Hàng năm lễ hội đình Thần Thắng Tam được tổ chức trong 4 ngày, từ ngày 17 đến 20 tháng 2 âm lịch. Đây là lễ hội cầu an, là thời điểm kết thúc và mở đầu cho một mùa thu hoạch tôm cá. Phần lễ diễn ra rất cầu kỳ : cúng tế, lễ vật tế thần, dâng hương... phần hội có nhiều trò vui chơi giải trí như múa lân, hát bội... Lễ hội đình Thần Thắng Tam là một hoạt động văn hóa đặc sắc của ngư dân miền vùng biển Vũng Tàu.

Bạc Liêu

Diện tích : 2485 km².

Dân số : 756.800 người (2001).

Tỉnh Lỵ : Thị xã Bạc Liêu.

Các huyện : Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Giá Rai.

Dân tộc : Việt (Kinh), Hoa, Khmer, Chàm.

Bạc Liêu là một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long nằm ở mảnh đất tận cùng của tổ quốc. Phía bắc giáp Sóc Trăng và Cần Thơ, phía đông giáp biển Đông, phía tây giáp Cà Mau và Kiên Giang.

Là vùng đất trẻ được khai mở vào cuối thế kỷ 17 và được phù sa bồi đắp, Bạc Liêu có nhiều cánh đồng lúa bao la. Do hành trình của dòng hải lưu bắc nam, phù sa dồn lại tạo thành những giồng đất cát, nơi đây cây ăn trái sum sê. Bạc Liêu nổi tiếng với những vườn nhãn dài hàng mấy chục km, mà hương vị của nó ít nơi nào sánh được.

Bạc Liêu không có núi mà chỉ có một số vồng đất cao bên đồng bằng thấp với nhiều kinh rạch chạy khắp tỉnh. Các kinh rạch quan trọng là kinh Cà Mau - Giá Rai, sông Cổ Cò, sông Gành Hào, kinh Quan Lộ - Phụng Hiệp, kinh Quan Lộ - Bạc Liêu, kinh Quan Lộ - Giá Rai, kinh Trèm - Hộ Phòng, kinh Gành Hào - Giá Rai, kinh Canh Dền - Quan Lộ, rạch Trà Niên...

Con kinh đào Cà Mau - Giá Rai quan trọng hơn cả, từ Cà Mau chảy suốt đến tận sông Vĩnh Lợi nối vào sông Cổ Cò, rồi chia làm hai nhánh, một nhánh rẽ lên Sóc Trăng, nhánh còn lại chảy ra cửa Mỹ Thanh. Đây là con kinh huyết mạch chuyên chở lúa gạo và hải sản từ Bạc Liêu lên Sài Gòn.

Thị xã Bạc Liêu được xây dựng bên rạch Bạc Liêu, cách biển 10 km, là trung tâm lúa gạo và đầu mối giao lưu trong và ngoài tỉnh. Từ Bạc Liêu đi Sài Gòn 280 km, đi Sóc Trăng 50 km, đi Cà Mau 69 km.

Đất đai Bạc Liêu màu mỡ, dân cư đông đúc, phần lớn sống bằng nghề trồng lúa, hoa mầu, cây ăn trái, đánh bắt hải sản và nghề làm muối. Khí hậu Bạc Liêu có hai mùa : Mùa khô từ tháng Mười Một đến tháng Chín, nhưng các tháng Tư và Năm thường có mưa; mùa mưa chính thức từ tháng Năm đến tháng Mười.

Thời nhà Nguyễn, thế kỷ 18, Bạc Liêu thuộc phủ Bãi Xâu, tỉnh An Giang. Bạc Liêu được thành lập muộn hơn các tỉnh Nam kỳ khác. Tiểu khu Bạc Liêu được hình thành từ cuối năm 1882 do thống đốc Le Mery de Villers ký nghị định lấy một phần đất của hai tiểu khu Sóc Trăng và Rạch Giá.

Ngày 20-12-1989, toàn quyền Paul Doumer đổi tiểu khu thành tỉnh Bạc Liêu. Bạc Liêu đã có một vị trí khá quan trong trong chiến lược khai thác và xây dựng của người Pháp. Bạc Liêu vốn là xứ của một số đại điền chủ Nam kỳ lục tỉnh, mà đến nay vẫn còn khá nhiều dinh thự, biệt thự theo lối kiến trúc phương Tây đã tạo cho Bạc Liêu một nét đặc thù riêng rất thú vị.

Sinh hoạt kinh tế

Người Kinh sống sống trong tỉnh đông nhất, rồi đến người Việt gốc Khmer và gốc Hoa. Dân ta theo các đạo Phật, Hòa Hảo, Cao Đài, Thiên Chúa, thờ phụng Tổ tiên và Thần thánh. Trước đây, người Trung Hoa từ miền Hoa Nam đến đây lập nghiệp rất đông, phần lớn là người Triều Châu và Phúc Kiến. Vì thế, Bạc Liêu và Ba Xuyên là nơi hỗn hợp ba trào lưu văn hóa Việt - Hoa - Miên rất sinh động và độc đáo. Trong câu nói, nhiều lúc có cả ba ngôn ngữ.

Đất Bạc Liêu trồng lúa rất tốt, nhất là ở hai vùng ruộng rộng lớn Vĩnh Lợi và Giá Rai. Các hoa màu phụ đáng kể là các cây ăn trái như dứa, dừa và nhãn. Dứa Thới Bình khá nổi tiếng. Nhiều vườn nhãn mọc như rừng kéo dài hàng trăm cây số. Nhãn Bạc Liêu ngon nhất miền Tây, dầy cơm, nước ngọt lịm mà hột rất nhỏ.

Bạc Liêu do phù sa bồi đắp từ nhiều thế hệ trước nên rừng sác có mặt ở khắp nơi, gồm các loại cây bần, mắm, đước, chàm, gỗ tạp, nhất là mật và sáp ong. Ngày xưa, tổ ong bám dày đặc trên cây chàm, cây giá nhưng không ai lấy. Lâu dần, rớt xuống trôi dầy trên sông rạch. Mãi đến đời Tự Đức, mới có người vào sâu bên trong sinh sống. Sau đó, địa phương mới chia lô đấu thầu khai thác mật và sáp ong. Họ dùng các rạch nhỏ làm ranh giới thiên nhiên để chia khu vực đấu thầu, gọi là ngan. Từ đó có các địa danh như Ngan Gừa, Ngan Trâu, Ngan Rít...

Bạc Liêu còn có một kỳ quan là sân chim, quy tụ nhiều loại chim quý hiếm. Có thứ to như chằng bè, già đây, long ô... Cứ mỗi buổi chiều, chim từ các nơi bay về rợp một góc trời, rộn ràng đủ loại âm thanh. Sân chim có thời là tài nguyên khá

lớn của địa phương, nhưng bị khai thác bừa bãi lấy lông làm quạt bán nên nhiều giống chim gần như bị tuyệt chủng. Nay chỉ còn một ít sân chim.

Một nguồn lợi khác làm giàu cho Bạc Liêu là muối. Vào mùa thu hoạch, những "tu muối" cao ngất như núi chờ chuyển đi tiêu thụ. Chính là một muối mặn đó đã ướp những con cá lóc, cá sặt nơi sông rạch thành khô, mắm thơm lừng. Món "mắm và rau" hoặc món "bún nước lèo" của Bạc Liêu có hương vị tuyệt vời.

Phía nam là biển nên đồng bào ta làm nghề đánh cá và làm muối khá đông. Cuộc sống của đồng bào trong tỉnh rất sung túc vì các nguồn lợi về canh nông, ngư nghiệp và nuôi gia súc. Câu nói ví "tiêu xài như công tử Bạc Liêu" cũng phần nào nói lên cuộc sống phú túc đặc biệt của tỉnh này.

Lược sử

Tên "Bạc Liêu" do chữ Khmer "Po-Loeuh" (đọc là Pò Léo, nghĩa là cây đa cao), nguyên xưa là huyện Trần Di thuộc trấn Hà Tiên, do Mạc Thiên Tích lập từ năm Ất Mão 1735. Thời Tự Đức, vùng này thuộc phủ Ba Xuyên, rồi tách ra lập thành huyện Phong Thạnh trực thuộc phủ.

Thời Pháp thuộc, quân Pháp đặt thành tỉnh thứ 20 của Nam Kỳ, ngày 18-12-1882, gồm các quận Giá Rai, Cà Mau, Thới Bình, Quản Long, Tân Bằng, Năm Căn và Vĩnh Châu. Giặc Pháp biết Bạc Liêu là vùng đồng lầy, nhiều lau sậy, dưng, lác rất hiểm trở, sẽ là nơi lập căn cứ của các cuộc nổi dậy nên dùng nhiều biện pháp an ninh đe dọa dân chúng. Nhưng dân ta vẫn bí mật tổ chức nhiều hội kín kháng Pháp.

Phong cảnh, di tích

Sân Chim Bạc Liêu : Cách thị xã Bạc Liêu 5 km về phía đông thuộc xã Mỹ Thành, sân chim là một trong những điểm du lịch sinh thái hấp dẫn nhất của đồng bằng sông Cửu Long. Sân chim luôn tạo ra những bất ngờ và sửng sốt cho du khách đến thăm. Mới bước vào sân chim bạn đã thấy ngay cảnh náo nhiệt của một sân chim tự nhiên. Những trứng chim đó đây trên mặt đất như hòn cuội trắng. Các loại chim thường hay làm tổ để tránh các loài khác đến bắt chim con... Len lỏi trong sân chim, bất chợt bạn có thể nhìn thấy loài chim có sải cánh dài tới 2 m, nặng tới 10 kg... Các loài chim thường tụ tập nhiều nhất vào mùa mưa từ tháng 5 đến hết

tháng 10. Chúng làm tổ trên cây đến khoảng tháng 1, rồi bay đi nơi khác và bay về đây vào tháng 5 hoặc tháng 6.

Tháp Cổ Vĩnh Hưng : Cách thị xã Bạc Liêu 20 km về phía tây bắc, thuộc địa phận ấp Trung Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi. Tháp cổ Vĩnh Hưng là di tích kiến trúc cổ duy nhất còn được bảo tồn ở đồng bằng sông Cửu Long của người Khmer Nam bộ, dấu vết của khu dân cư đã tồn tại và phát triển từ nhiều thế kỷ. Tháp ở gần chùa Vát Bhah Dhah. Theo người dân quanh vùng kể lại, trong tháp có cốt tro di hài của ông vua Khmer Pudum Surivam, người đã từng có mặt ở vùng này khá lâu. Vào các năm 1911, 1917, 1959, các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều hiện vật trong khu vực tháp, chủ yếu là vật thờ cúng. Đặc biệt có tấm bia tìm thấy trong chùa cạnh tháp, khắc chữ Phạn được ghi rõ tháng Karhila năm 814 tương ứng với năm 892 (sau Công nguyên) và tên vua Yacovan - Man (thế kỷ 9).

Tháp Vĩnh Hưng được dựng trên một doi đất, chân tháp hình chữ nhật, một cạnh dài 5,6 m; cạnh kia dài 6,9 m, cao 8,9 m xây bằng gạch ghép khít lại. Tháp có cấu trúc khá đơn giản, có một gian hình chữ nhật, tường dày, nóc cao uốn thành vòm với một cửa chính. Trong tháp có: một bàn tay tượng thần bằng đồng, một phần thân dưới của tượng nữ thần, tượng nữ thần bằng đá xanh, tượng nữ thần Brahma mặt bằng đồng, đầu tượng Phật bằng đồng... và một số vật thờ khác. Mỗi ngày nhà sư trong chùa tháp tụng kinh hai lần bằng tiếng Việt vào lúc 4 giờ sáng và 4 giờ chiều. Hàng năm nhân dân địa phương tổ chức giỗ lớn tại tháp vào ngày 15-1 âm lịch. Đây là dịp có đông Phật tử trong và ngoài tỉnh đến cúng bái.

Chùa Xiêm Cán : Cách thị xã Bạc Liêu 7 km trên đường ra vườn chim Bạc Liêu, Xiêm Cán là một ngôi chùa của người Khmer có kiến trúc giống như những ngôi chùa Khmer khác ở Trà Vinh hoặc Sóc Trăng. Chùa đã tồn tại hơn một thế kỷ nay. Chùa được xây cất đồ sộ chạm trổ và trang trí theo phong cách độc đáo.

Chùa Quan Đế (Chùa Ông) : Là một kiến trúc đình chùa mang đậm bản sắc dân tộc Hoa, nằm ven sông Bạc Liêu. Người Hoa ở Bạc Liêu xem đây như một biểu tượng văn hóa cho dân tộc mình. Chùa được xây năm 1835, do ông chủ tô muối Châu Quai đứng ra vận động đóng góp. Bên trong chùa còn giữ được khá nhiều bức hoành lớn. Một số được các nghệ nhân người Hoa chạm khắc từ những năm

1865 - 1897. Ngoài ra chùa Quan Đế còn có một án thư quí giá.

Chùa thờ Quan Vân Trường thời Tam Quốc. Trong điện thờ có bức tượng Quan Công mặc giáp trụ uy nghi, hai bên là Quan Bình và Châu Xương. Theo người Hoa ở Bạc Liêu họ chọn thờ Quan Công bởi họ coi trọng chữ tín trong làm ăn buôn bán, chùa Ông là nơi họ đến cầu khẩn, thậm chí giao kèo với nhau trong mua bán. Ngoài ra trong chùa còn thờ Thiên Hậu, Thần Tài. Chùa

Ông là một trong những điểm tham quan ở thị xã Bạc Liêu.

Chùa Mới Hòa Bình : Là một ngôi chùa Khmer hay còn gọi là Se Ray Vong Sa, cách thị xã Bạc Liêu 13 km về phía nam, trên quốc lộ 1 nối từ Bạc Liêu sang thị xã Cà Mau (bên tay trái). Chùa được thiết kế rất độc đáo với cột bảo tháp vĩ đại của chùa rất dễ gây sự chú ý cho du khách. Chùa xây dựng vào năm 1952, nhưng đến năm 1990 khu bảo tháp mới được xây tiếp, phía trước là nhà hội họp to và rộng. Chùa Mới Hòa Bình còn là trường dạy học cho một số ít tín đồ Phật tử và tông ni Khmer của tỉnh Minh Hải cũ (vì phần lớn người Khmer theo học kinh, học chữ và học đạo lý làm người ở các chùa Khmer tại Sóc Trăng).

Chùa Vĩnh Hòa : Chùa có từ lâu đời, ban đầu chỉ là chùa nhỏ tại 17B đường Cách Mạng, phường 7, thị xã Bạc Liêu. Năm 1961, hòa thượng Trí Đức khi về trụ trì cho xây lại chùa, lập trường trung học Bồ Đề tỉnh Bạc Liêu. Năm 1963 chùa trở thành trụ sở của Phật giáo tỉnh Bạc Liêu. Hiện nay chùa là nơi đặt văn phòng của ban đại diện Phật giáo thị xã Bạc Liêu.

Chùa Minh (Vĩnh Triều Minh Hội Quán) : Chùa hướng ra mặt sông Bạc Liêu, thuộc phường 3, thị xã Bạc Liêu. Chùa được khởi lập vào năm 1890, có kiến trúc hình chữ "Quốc" Chùa mang đậm nét kiến trúc kiểu cung đình Trung Quốc thời Tiền Minh. Bên trong chùa còn rất nhiều hiện vật xưa quí như cột bằng gỗ quí chạm khắc nổi và chạm lộng các phù điêu, bức hoành, bộ lư đồng mắt tre, 16 loại binh khí chiến trận... Chùa Minh thờ Thành Hoàng Bổn Cảnh, là bậc tiền bối có công khai mở đất đai.

Kiến Trúc Nhà Tây Ở Bạc Liêu : Không giống như một số tỉnh khác như Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu hiện nay còn khá nhiều dinh thự, biệt thự được cất theo kiến trúc phương Tây. Chỉ có một số ít tòa nhà bị hư hại trong thời kỳ tiêu thổ kháng

chiến. Đó là những tòa nhà của công tử Bạc Liêu dọc theo bờ sông.

Công viên hàng me với những dinh thự, công sở trang nghiêm : Tòa Hành Chính, Tòa Án, Dinh Bố (nhà quan chủ tỉnh), nhà huyện Sỏn, nhà hội đồng Trạch... (nay là thư viện tỉnh, viện kiểm sát, tòa báo Bạc Liêu...) Các vật liệu xây dựng như thép đúc, cửa, cẩm thạch, lát nền, gạch... được chở từ Pháp qua. Các ngôi nhà Tây có kiến trúc của những năm đầu thế kỷ 20 : mỗi nhà đều có không gian thoáng đãng xung quanh, phần trước đối xứng nhau, mái lợp ngói. Mái ngói hình bát giác, các xà nối ngang như ở chùa. Vì vậy kiến trúc nhà xưa Bạc Liêu mang một sắc thái riêng khác hẳn những nhà biệt thự Pháp ở Hà Nội, Sài Gòn, Đà Lạt...

Nhìn chung các ngôi nhà có nét đường bệ, nền đúc cao, quét vôi vàng. Bên trong nhà thường là những hành lang, vòm trần cao vút. Hiện nay Bạc Liêu còn khoảng gần 30 dinh thự, biệt thự lớn nhỏ nằm ở hai bên bờ sông đã trở thành một di sản có giá trị tinh thần, một niềm tự hào của người dân Bạc Liêu.

Các dịp lễ hội

Phần lớn dân cư Bạc Liêu là người Việt (Kinh), người Khmer chiếm 4,7% tập trung ở đông bắc Bạc Liêu và huyện Giá Rai; người Hoa chiếm 3,3%. Là vùng đất trù phú thịnh vượng, người dân Bạc Liêu hiền hòa, hiếu khách, có phong cách sống phóng khoáng đặc trưng của vùng Nam bộ. Du khách đến Bạc Liêu sẽ hiểu thêm về giai thoại của công tử Bạc Liêu lừng danh một thuở giàu có và chịu chơi. Đây là nơi dừng chân cuối cùng của cố nhạc sĩ Cao Văn Lâu, ông đã sáng tác bài "Dạ Cổ Hòai Lang" tiền thân của bài ca vọng cổ, loại ca nhạc tài tử Nam bộ rất phổ biến ở Bạc Liêu.

Đến Bạc Liêu du khách ghé thăm sân chim Bạc Liêu, vườn nhãn Bạc Liêu, tháp cổ Việt Hưng, chùa Xiêm Cán, hoặc đi thăm những rừng đước, rừng tràm, căn cứ tự nhiên trong kháng chiến chống xâm lược. Nếu đúng dịp vào mùa cúng đình, du khách còn được tham dự vào lễ cúng Kỳ Yên tại đình làng, được coi hát bội và vui chơi suốt ba ngày đêm. Nơi đây còn có các lễ Chol Chnam Thmay (Tết đầu năm), Lễ Đôn Ta (lễ xá tội vong nhân Phật giáo tiểu thừa), lễ Trông Trăng (Ok Om Bok)... của người Khmer rất sôi động và lý thú.

Bắc Cạn

Diện tích : 4795,54 km².

Dân số : 283.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Bắc Cạn.

Các huyện : Ba Bể, Ngân Sơn, Chợ Đồn, Na Rì, Chợ Mới, Bạch Thông.

Dân Tộc : Việt (Kinh), Tày, Nùng, Dao...

Bắc Cạn là tỉnh thuộc miền núi và trung du, phía bắc giáp Cao Bằng, phía đông nam giáp Lạng Sơn, phía tây giáp Tuyên Quang, phía nam giáp Thái Nguyên.

Địa hình của tỉnh chủ yếu là đồi núi, trung du, hệ thống sông ngòi dày đặc. Khí hậu của tỉnh chia làm hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 25°C.

Giao thông đường bộ, đường thủy đều thuận lợi. Bắc Cạn có tiềm năng khoáng sản đa dạng, tiềm năng về rừng, đặc biệt là các khu rừng nguyên sinh với hệ thống động thực vật rất phong phú.

Sinh hoạt, kinh tế

Đa số đồng bào ở Bắc Cạn là người Kinh sống tập trung ở các huyện lỵ, thành phố; ngoài ra còn có các sắc dân Thổ, Nùng, Mán và Dao thường sinh sống trên những vùng rừng núi cao. Người dân thờ cúng Tổ tiên, Thần linh, Trời đất, họ ăn Tết vui Xuân rất lớn, y phục thường là màu xanh chàm và màu nâu.

Các loại ngũ cốc chính của Bắc Cạn là lúa, ngô và kê. Hoa màu phụ gồm trầu, mía, thuốc lá, dâu, sợi gai... Rừng Bắc Cạn có nhiều loại cây hữu dụng như lát hoa, lim, gụ, long não, sa nhân, tre, mây, nứa, vầu, củ nâu, và các loại dã cầm dã thú.

Dân chúng Bắc Cạn nuôi nhiều loại gia súc. Thịt heo và gà vịt ở đây rất ngon. Hồ Ba Bể cũng cung cấp nhiều loại ngư sản được ưa thích như pia nai (pia là cá), pia cao, pia teng, pia tắt, cá chép, rùa, ốc, tôm...

Bắc Cạn có nhiều quặng mỏ gồm vàng, bạc, đá đen, kẽm, chì. Kỹ nghệ khai thác quặng mỏ ở Bắc Cạn rất đáng kể. Thương mại cũng khá phồn thịnh, nhờ những trục lộ giao thông với Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

Lược sử

Bắc Cạn xưa thuộc bộ Vũ Định, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Vào thế kỷ

thứ 3, Bắc Cạn có tên là Phú Nghiêm, rồi đổi thành quận Vũ Định dưới đời Đường. Nhà Lý đặt là phủ Phú Lương. Đến đời nhà Lê lại đổi thành phủ Thông Hóa, thuộc lộ Thái Nguyên. Sang đời nhà Trần, tỉnh lỵ Bắc Cạn hiện nay là huyện Vĩnh Thông, rồi đổi tên lần nữa thành Bạch Thông vào đời Hậu Lê. Tỉnh Bắc Cạn được thành lập năm 1900, gồm 20 tổng.

Năm 1873, giặc khách Trung Hoa là Lý Dương Tài nổi lên cướp phá biên giới. Quan Tham Tán Đại Thần Linh Ninh Thái Tống Đốc bấy giờ là Tôn Thất Thuyết mang quân đi đánh làm chúng phải lui về đóng ở Ba Bể; đây là nơi ba phía có núi, một phía là bể, và chỉ có một đường độc đạo ra vào. Lý Dương Tài sai đắp hào lũy, chuyển vận nhiều lương khô, rồi cố thủ hàng mấy tháng trời làm quân triều đình không sao phá nổi. Ông Tôn Thất Thuyết bèn cử ông Ông Bích Khiêm, một danh tướng tài giỏi tìm cách phá giặc. Ông Bích Khiêm chỉ xin mang theo 80 quân lính khỏe mạnh. Suốt 10 ngày đêm gian khổ, toán quân đặc biệt này vượt đèo leo núi để lên đến một đỉnh núi Bích Lập, chỗ sào huyệt của giặc cướp ở phía dưới. Toán quân nối dây rừng đu xuống, bất thần tấn công làm bọn giặc không ngờ trước nên hoảng sợ chạy tán loạn, toán quân của Ông Bích Khiêm đã giết sạch bọn chúng, giải cứu gần 400 phụ nữ Việt bị giặc bắt giữ và tịch thu rất nhiều ngựa, vũ khí.

Đến cuối năm 1889, quân Pháp đem gần ngàn quân chiếm Chợ Mới liền bị nghĩa quân do ông Bá Kỳ chỉ huy đánh rất dữ dội, giặc mất 100 tên và 8 sĩ quan thiệt mạng.

Trước năm 1975, tỉnh Bắc Cạn gồm các huyện Bạch Thông, Chợ Rã, Chợ Đồn, Ngân Sơn, Na Rì và Chợ Mới.

Phong cảnh, di tích

Khu du lịch Ba Bể : Đây khu du lịch có tiềm năng du lịch sinh thái, văn hóa lớn mạnh và rất có ý nghĩa trong tiểu vùng du lịch miền núi Đông Bắc, bao gồm khoảng 20 điểm di tích danh thắng đặc sắc, độc đáo. Trong đó tiêu biểu là những điểm du lịch :

Hồ Ba Bể : Từ Hà Nội theo đường số 3 qua Thái Nguyên, đến thị xã Bắc Cạn và đi tiếp khoảng 40 km là đến hồ Ba Bể (gần chợ Rã). Con sông Năng chảy dưới

chân núi đá vôi, giữa những bờ vách đứng xuyên qua núi Lung Nham, nơi đó gọi là động Puông. Thuyền nhỏ luồn trong động Puông chập chờn trong ánh sáng mờ ảo, những thạch nhũ hình thù kỳ lạ hiện lên trước cửa động, Đi khỏi cửa động chừng 4 km vào địa phận hồ Ba Bể, một hồ kiến tạo lớn nhất miền Bắc Việt Nam giữa vùng đá phiến và đá vôi. Hồ dài hơn 8 km, rộng 3 km, sâu khoảng 20 - 30 km. Đoạn giữa hồ hơi eo lại. Có hai đảo nhỏ nổi lên giữa hồ, một đảo giống như con ngựa đóng cương đang lội nước (nên còn gọi là đảo An Mã)

Hồ Ba Bể ở độ cao khoảng 145 m so với mặt nước biển, diện tích mặt hồ vào khoảng 500 ha được bao bọc bởi những dãy núi đá vôi có nhiều hang động và những suối ngầm khi ẩn khi hiện. Toàn cảnh hồ như một bức tranh thủy mặc làm say lòng nhiều du khách từ xưa đến nay.

Vườn Quốc gia Ba Bể : Vườn quốc gia Ba Bể là một di sản thiên nhiên quý giá, có diện tích 23.340 ha. Đây là một hệ thống rừng nguyên sinh trên núi đá vôi bao bọc xung quanh hồ nước trong xanh. Ở đây có tới 417 loài thực vật và 299 loài động vật có xương sống. Có nhiều loại động vật quý hiếm như phượng hoàng đất, gà lôi, voọc mũi hếch... còn được lưu giữ ở đây.

Cùng với thắng cảnh hồ Ba Bể, vườn quốc gia Ba Bể là một di sản thiên nhiên đẹp vào bậc nhất của nước ta cần phải được bảo vệ, khai thác đưa khách du lịch tới tham quan, nghỉ dưỡng, nghiên cứu.

Động Puông : Động Puông nằm trên dòng sông Năng, cách huyện lỵ Ba Bể 5 km . Động là nơi con sông Năng chảy xuyên qua một dãy núi đá vôi tạo thành. Động có chiều dài khoảng 200 m, chiều cao trung bình của động 25 - 30 m với nhiều hình thù, cột đá hùng vĩ. Trong động còn có đàn dơi hàng chục vạn con sinh sống và trú ngụ. Động Puông là một điểm du lịch sinh thái đặc biệt độc đáo và rất hấp dẫn.

Thác Đầu Đẳng : Thác là nơi có dòng sông Năng tiếp giáp với tỉnh Tuyên Quang. Thác Đầu Đẳng có chiều dài khoảng 2 km, là nơi con sông Năng bị chặn lại bởi những tảng đá lớn nhỏ xếp chồng lên nhau với độ dốc chừng 500 m, tạo thành một thác nước ngoạn mục kỳ vĩ, hòa với phong cảnh rừng nguyên sinh tạo ra một ấn tượng khó quên. Không những vậy, tại đây còn xuất hiện loại cá Chiên (có những

con nặng trên 10 kg) là loại cá hiếm thấy nhất hiện nay.

Ao Tiên : Ao Tiên là một hồ nước nhỏ, rộng chừng 3 ha nằm trên đỉnh núi. Bị bao bọc bởi rừng nhiệt đới nên khí hậu ở đây rất mát mẻ và trong lành. Tương truyền đây chính là nơi các nàng tiên trên trời thường xuống tắm và đánh cờ.

Thác Roọm : Thác Roọm thuộc xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông, nằm cách thị xã Bắc Cạn 8 km theo tỉnh lộ Bắc Cạn - Chợ Đồn. Khu thác Roọm bao gồm một quần thể bãi đá, sông núi rất đẹp hòa với cảnh thiên nhiên của núi rừng. Thác Roọm là nơi con sông Cầu bị chắn bởi bãi đá lô nhô dài chừng 1 km tạo nên phong cảnh kỳ thú. Hiện nay, sở Thương mại - Du lịch tỉnh Bắc Cạn đang có quy hoạch thác Roọm thành điểm du lịch phụ cận của khu vực thị xã Bắc Cạn, biến nơi đây thành khu du lịch cuối tuần với các loại hình vui chơi, giải trí, thể thao, leo núi, cắm trại, nghỉ dưỡng...

Phya Khao : Điểm du lịch Phya Khao thuộc huyện Chợ Đồn, là nơi có khí hậu ôn hòa, môi trường trong sạch. Độ cao trung bình so với mặt biển là 800 m, khí hậu ở đây ấm áp về mùa đông và mát về mùa hè. Trước kia Pháp đã tìm ra địa điểm có khí hậu tuyệt vời này và đã cho xây nhà nghĩ mát tại đây.

Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ : Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ thuộc huyện Na Rì với diện tích hàng chục ngàn hecta, là nơi lưu giữ và bảo tồn của nguồn gen động, thực vật quý hiếm. Đây còn là một điểm du lịch, nghiên cứu sinh thái trong tương lai.

Động Nàng Tiên : Động Nàng Tiên thuộc xã Lương Hạ, huyện Na Rì, là một trong hang động tự nhiên ăn sâu vào trong lòng núi đá tạo nên một cảnh đẹp thiên nhiên kỳ thú.

Thác Nà Đăng : Thuộc xã Lương Thành, huyện Na Rì, là một thác nước chảy từ đỉnh núi xuống với độ cao trên 100 m tạo nên một cảnh đẹp thiên nhiên hiếm thấy.

Chùa Thạch Long : Chùa nằm bên trong một hang đá vôi thuộc xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới. Hang động này lại bao gồm 2 tầng thông với nhau được gọi là tầng thiên và tầng âm. Hiện nay, chùa là nơi sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của nhân dân trong vùng, chùa thờ phật và Thánh Mẫu.

Đền Thắm : Đền Thắm thuộc thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, được xây dựng

một nữa gắn vào lòng núi, một nữa lộ thiên. Trước đền là con sông Cầu uốn khúc chảy lơ thơ tạo nên phong cảnh "sơn thủy hữu tình". Đền là nơi sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của nhân dân trong vùng.

Các dịp lễ hội

Bắc Cạn là một trong những tỉnh có nhiều dân tộc cư trú, vì vậy nền văn hóa cũng mang nhiều sắc thái, nhiều lễ hội truyền thống phong phú, đa dạng thường được tổ chức vào sau Tết Nguyên Đán có nhiều trò chơi mang đậm đà bản sắc dân tộc. Bắc Cạn là tỉnh miền núi có rất nhiều phong cảnh thiên nhiên thơ mộng, hữu tình, nhiều di tích lịch sử. Đây là một tỉnh có tiềm năng về du lịch khá lớn. Tỉnh Bắc Cạn có nhiều khả năng phát triển để có thể trở thành một trung tâm du lịch của vùng trung du và miền núi phía bắc.

Lễ hội xuân Ba Bể : Lễ hội được tổ chức ngay bên bờ hồ Ba Bể, thuộc xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể vào ngày 10 tháng 1 âm lịch hàng năm. Lễ hội là nơi phô diễn những bản sắc dân tộc của đồng bào địa phương với nhiều trò chơi truyền thống như: đua thuyền độc mộc, ném còn, chọi bò, múa khèn, đấu võ dân tộc... cùng nhiều hoạt động văn hóa của đồng bào dân tộc. Lễ hội diễn ra một ngày và thu hút từ 1,5 đến 2 vạn du khách tới tham dự.

Lễ hội Phủ Thông : Lễ hội được tổ chức vào ngày 10 tháng 1 âm lịch hàng năm, tại thị trấn Phủ Thông. Lễ hội là nơi tập trung những trò chơi dân gian như tung còn, kéo co, hát Sli, hát lượn. Bên cạnh đó lễ hội còn là dịp để nhân dân địa phương và du khách thăm lại chiến trường xưa nơi đã diễn ra trận đánh đồn Phủ Thông.

Lễ hội Lùng Tùng (hội xuống đồng) : Lễ hội được tổ chức hầu hết các địa phương trong tỉnh vào sau Tết Nguyên Đán, tiêu biểu có hội Lùng Tùng được tổ chức tại xã Bằng Khẩu, huyện Ngân Sơn (vào ngày 15 tháng 1 âm lịch hàng năm). Hội Lùng Tùng là nơi bà con các dân tộc tập trung vui chơi nhiều trò chơi truyền thống như: múa khèn, thổi sáo, tung còn, trai gái hát giao duyên. Sau đó nhân đân trong vùng làm lễ cầu khấn thần linh, trời đất ban cho những vụ mùa bội thu nhân dịp một năm mới tốt lành.

Hội chùa Thạch Long : Lễ hội được tổ chức vào 2 ngày là ngày 6 và 7 tháng 1 âm

lịch hàng năm tại chùa Thạch Long, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới. Lễ hội là dịp nhân dân địa phương tổ chức dâng hương tưởng nhớ đến tổ tiên, ngoài ra lễ hội còn có những trò chơi hoạt động văn hóa, thể thao như kéo co, hát lượn, múa... và leo núi thưởng ngoạn phong cảnh hùng vĩ của hang động, núi rừng.

Hội Xuân Dương : Lễ hội được mở vào ngày 25 tháng 3 âm lịch tại vùng các dân tộc Tày sinh sống ở Xuân Dương, huyện Na Rì. Đây là dịp gặp mặt trong ngày hội cuối cùng của mùa xuân. Hội có hát dân gian của các dân tộc Tày, Nùng, Dao...

Bắc Giang

Diện tích : 3816,7 km².

Dân số :1.522.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Bắc Giang.

Các huyện : Sơn Đông, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang,Yên Dũng, Việt Yên, Tân Yên và Hiệp Hòa.

Dân tộc : Việt (Kinh), Tày....

Bắc Giang là tỉnh ở miền trung du và giáp với châu thổ đồng bằng Bắc Bộ. Phía bắc và đông bắc giáp tỉnh Lạng Sơn, phía tây và tây bắc giáp Hà Nội, phía nam và đông nam giáp Bắc Ninh, Hải Dương và Quảng Ninh.

Địa hình : đồng bằng, trung du, miền núi. Khí hậu chia làm 2 mùa : mùa đông từ tháng 10 đến tháng 3; mùa hè từ tháng 4 đế tháng 9. Nhiệt độ trung bình 24°C.

Giao thông : tương đối thuận tiện. Đường sắt : Từ Bắc Giang có thể về Hà Nội, lên Lạng Sơn, sang Thái Nguyên và vùng công nghiệp mỏ Quảng Ninh. Đường bộ : Hệ thống đường bộ thuận lợi có quốc lộ 1A chạy qua. Nhiều tuyến tỉnh lộ và huyện lỵ. Đường sông : Tỉnh Bắc Giang có nhiều sông lớn (Sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam) chảy qua tỉnh, thuận tiện cho vận tải đường sông, góp phần tưới tiêu nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, du lịch.

Sinh hoạt kinh tế

Đa số đồng bào sinh sống tại Bắc Giang là người Kinh, ở những vùng phía Bắc có nhiều đồng bào sắc tộc Thổ, Mán và Nùng. Đạo Gia Tô phát triển mạnh ở Bắc Giang từ đầu thế kỷ 18. Vào dịp Tết, các làng quê thường mở hội với nhiều trò chơi vui như đánh đu, đánh cờ, hát Quan Họ, và đặc biệt là trò "kéo chữ".

Bắc Giang có nhiều đồng ruộng và đồn điền, hoa màu chính là lúa, rất nhiều loại hoa màu phụ như ngô, đậu tương, khoai lang, cà chua, các loại rau. Cây kỹ nghệ có cà phê, thuốc lá, mía, thầu dầu, dâu nuôi tằm. Đồng bào Thổ ở vùng cao có thể trồng cả hai loại lúa núi và đồng bằng. Cây ăn trái gồm cam, quít, dứa, chanh. Cam ở Bố Hạ ngon nổi tiếng. Rừng Yên Thế có nhiều gỗ, tre, nứa, vầu, song và dã thú. Bắc Giang rất ít mỏ, chỉ có mỏ chì đáng kể ở khu núi Thông. Ngoài kỹ nghệ nuôi tằm ở Phủ Lạng Thương, Bắc Giang còn có những kỹ nghệ nhẹ như đúc

lưỡi cày ở Phú Mai.

Lược sử

Đất Bắc Giang xưa thuộc bộ Vũ Ninh, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đời Tiền Lê gọi là Giang Bắc. Đời Trần đặt lộ Bắc Giang. Thời vua Lê Thánh Tông đổi là Kinh Bắc, rồi xứ Kinh Bắc. Đến nhà Lê, lúc đầu đặt Bắc Đạo, rồi thành Bắc Giang thừa tuyên. Tỉnh lỵ Bắc Giang, tên Phủ Lạng Thương, trước kia là trụ sở một tòa đại lý thuộc tỉnh Bắc Ninh, sau đó bị bãi bỏ năm 1889 để thành lập tỉnh Lục Nam với phần lớn các phủ huyện của tỉnh Bắc Giang. Đến năm 1895 thì tỉnh Bắc Giang được chính thức thành lập lại gồm hai phủ Lạng Giang và Đa Phúc cùng sáu huyện, về sau lại có thêm huyện Lục Ngạn.

Khi quân Pháp đánh chiếm các tỉnh miền Bắc nước ta, dân Bắc Giang cùng với đồng bào cả nước nổi lên đánh lại chúng. Ngày 24-6-1884, trận Bắc Lệ xảy ra trong mưa bão, quân ta vây giặc trên núi, bao cả hai mặt, chúng phải mở đường máu mà chạy. Ngày 8-10-1884, giặc đem binh lính chiếm đồn Kép gặp phải tinh thần chiến đấu gan dạ của nghĩa quân. Trận đánh cận chiến kinh hồn diễn ra với gươm, giáo, lưỡi lê. Nhiều sĩ quan và binh lính giặc đã chết trong trận Kép. Ngày 12-2-1885, ta chặn chúng ở Phố Vỵ. Cuối tháng 12-1885, ông Cai Bình (cánh tay mặt của Hoàng Đình Kinh, gọi là Cai Kinh) từ chiến khu Bảo Lộc, giữa Phủ Lạng Thương và Kép, chống trả mãnh liệt với ba đại đội của quân Pháp. Cũng trong năm 1885, phong trào Cần Vương lan rộng khắp nơi, chiến khu Bãi Sậy của anh hùng Nguyễn Thiện Thuật đáp lời sông núi, hoạt động từ Hưng Yên đến Phủ Lạng Thương, Bắc Ninh, Quảng Yên, Lục Nam. Và từ năm 1887, cuộc vùng dậy Yên Thế làm chấn động núi rừng Bắc Giang với sự lãnh đạo của hai anh hùng Hoàng Đình Kinh (Cai Kinh) và Hoàng Hoa Thám (Đề Thám). Sau khi ông Cai Kinh mất, quân Pháp nhắc đến ông mà vẫn còn gờm vì những trận đánh Bình Giả, Bảo Đài. Sau đó, chiến khu Yên Thế đã làm cho quân Pháp khốn đốn suốt 30 năm trời. Từ năm 1889 đến 1891, quân Pháp đưa hàng ngàn quân với pháo hạm tấn công chiến khu Yên Thế bốn lần và bị tổn thất nặng nề. Anh hùng Hoàng Hoa Thám người làng Nọc Cục, phủ Yên Thế, đi kháng chiến từ năm 23 tuổi, là một người tài trí, nhân hậu, bình dị, yêu thương dân chúng và các chiến hữu. Từ khi

ông lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Bắc Giang, dân chúng đã nói tới Yên Thế với câu thơ :

"Ở đây là đất ông Đề,
Tây vô thì có, Tây về thì không."

Câu thơ được minh chứng thật hùng hồn qua những trận đánh khốc liệt như Mỏ Trạng, Bắc Lệ, Rừng Phê, Đồng Vương, Sơn Quả, Đồn Đệm, Núi Hàm Lợn, Xuân Lai, Yên Lỗ, Tam Đảo... Quân Pháp dùng rất nhiều thủ đoạn với ông như phủ dụ, ám sát, trá hòa... nhưng đều không thành. Năm 1903, hai anh hùng Phan Bội Châu và Hoàng Hoa Thám đã gặp nhau bàn việc cứu nước tại Phồn Xương. Gia đình anh hùng Đề Thám là một gia đình kháng chiến, hai người con trai Cả Trọng, Cả Huỳnh đều chết vì nước; bà Đặng Thị Nhu, vợ thứ ba của ông, cũng chiến đấu nổi tiếng dũng cảm. Khi bị giặc bắt và đưa xuống tàu đày đi Guyane, bà đã cắn lưỡi tự vẫn. Còn anh hùng Hoàng Hoa Thám thì đã hy sinh ngày 18-3-1913. Rồi đến cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng vào ngày 11-2-1930. Đất Bắc Giang vốn không thiếu người nghĩa dũng : Anh hùng Nguyễn Khắc Nhu (người làng Song Khê; con trai của ông là Nguyễn Khắc Trạch, cũng hoạt động trong Việt Nam Quốc Dân Đảng, sau bị tử thương trong một trận giao tranh ác liệt 1945); anh thư Nguyễn Thị Giang (người phủ Lạng Thương) và người chị là anh thư Nguyễn Thị Bắc... Họ là những người dành trọn vẹn cuộc đời cho Tổ Quốc. Cuối năm 1940, cánh quân Việt Nam Quang Phục Hội do anh hùng Trần Trung Lập chỉ huy rút về rừng núi Cai Kinh cố thủ, một số nghĩa quân sau đó bị bắt. Hai mươi bảy chiến sĩ bị quân Pháp xử bắn tại đồn Mẹt, huyện Hữu Lũng, nhưng chí khí vẫn hiên ngang.

Trước năm 1975, Bắc Giang có các huyện Hữu Lũng, Yên Thế, Lạng Giang, Sơn Động, Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng, Lục Nam và Lục Ngạn.

Phong cảnh, di tích

Hồ Cấm Sơn : Hồ nằm trong địa phận huyện Lục Ngạn giáp ranh giới Lạng Sơn. Bình thường mặt hồ rộng 2600 ha nhưng đến mùa mưa, lũ nhiều, nước dâng cao, mặt hồ lúc này có thể rộng đến 3000 ha. Chiều dài của hồ gần 30 km, bề ngang nơi rộng nhất 7 km, chỗ hẹp nhất 200 m. Xung quanh hồ là những dãy núi cao bao

bọc, hay nói một cách khác bờ của hồ chính là những ngọn núi điệp trùng và cây cao bóng cả. Với những dự án quy hoạch xây dựng xung quanh khu vực hồ Cấm Sơn, không bao lâu nữa, Cấm Sơn sẽ trở thành nơi tham quan nghỉ mát hấp dẫn với nhiều loại hình du lịch : bơi thuyền, leo núi, câu cá, đi bộ vào các làng xóm của đồng bào dân tộc, hay đi chơi rừng v.v... Đi ô tô từ Hà Nội qua Bắc Ninh khoảng 31 km qua Bắc Giang là 51 km đến sông Hóa 98 km rồi rẽ vào Cấm Sơn.

Khu du lịch Khuôn Thần : Từ Bắc Giang đi ngược lên vùng Đông Bắc 40 km (phố chủ) rẽ trái 10 km là tới khu du lịch Khuôn Thần (nằm trong dự án của nhà vua Thái Lan đang được triển khai). Diện tích hồ 240 ha, xung quanh là dãy núi được phủ xanh, chủ yếu là thông. Lòng hồ có 5 đảo nhỏ được trồng thông xanh có tuổi từ 15 - 20 năm. Diện tích rừng Khuôn Thần khoảng 700 ha, rừng tự nhiên là 300 ha, rừng thông 400 ha. Xung quanh khu vực Khu Thần là vườn cây đặc sản : vải Thái Lan, vải thiều, hồng, na... Tại khu vực này có đền Từ Mã, danh tướng thời Trần. Du khách đến đây, có thể nghỉ ngơi, dạo chơi trên hồ bằng thuyền đạp chân hoặc thuyền máy. Bạn sẽ được thưởng thức những sản phẩm địa phương như mật ong, rượu tắc kè, hạt dẻ... Và tham dự các buổi sinh hoạt văn hóa với dân địa phương như : hát Soong Hao của người Sán Chỉ, Cao Lan, Nùng, Tày.

Rừng cấm nguyên sinh Khe Rỗ : Khu rừng cấm thuộc xã An Lạc, huyện Sơn Động, có diện tích 7153 ha với hệ thống thực vật phong phú gồm 236 loài thực vật, cây lấy gỗ quí, 255 loài dược liệu quí hiếm, 37 loài thú, 73 loài chim, 18 loài bò sát, đặc biệt có 7 loài động vật quí hiếm. Khu rừng có nhiều dòng suối nước trong vắt, chảy quanh co uốn khúc. Đây là một khu rừng cấm nguyên sinh còn giữ được vẻ hoang sơ rất thích hợp cho du khách tham quan và nghiên cứu.

Các điểm du lịch khác : **Đình Phù Lãi** (huyện Lạng Sơn) là công trình kiến trúc đẹp, độc đáo. **Đình Chùa Tiên Lục** (huyện Lạng Giang) có cây Giã Hương 1000 năm tuổi. **Hồ Hố Cao** là nơi nghỉ mát tuyệt vời ở huyện Lạng Giang. **Hồ Cầu Rễ** thuộc huyện Yên Thế cảnh trí thiên nhiên đẹp. Trong huyện Yên Thế có **đập Suối Cấy** và **đền Suối Cấy** được coi là rất thiêng, là nơi có nhiều du khách tới viếng lễ.

Khu di tích Suối Mỡ : Suối Mỡ cách thị xã Bắc Giang độ 37 km, theo đường 31 và đường 293 về phía đông là tới suối Mỡ. Đền Suối Mỡ, là nơi thời bà chúa Thượng

Ngàn (công chúa Quế My Nương đời vua Hùng thứ 16), gồm đền Hạ, Trung, Thượng, nằm dọc theo suối Mỡ. Từ đền Hạ, đến đền Thượng đi bộ khoảng một giờ, đi theo suối phải mất 2 giờ. Phong cảnh hữu tình, dòng suối có nhiều thác nước tung bọt trắng xóa.

Đình Phúc Long : Đình Phúc Long được xây dựng vào thời Lê cách thị xã Bắc Giang 8 km về phía nam. Đình thờ 6 vị Đại Vương và Anh Tôn Công chúa là những người có công lớn với dân với nước. Tòa đại đình gồn có 5 gian, 2 chái, mái lợp ngói mũi hài. Đình có kết cấu khá độc đáo, vì đình bằng gỗ lim với những mạn chạm khắc tinh vi, mang đậm màu sắc dân tộc. Hiện nay đình còn lưu giữ được một số tài liệu và hiện vật có giá trị nghiên cứu khoa học và giáo dục truyền thống đó là các bức đại tự, hương án, đồ thờ cúng, một bài vị bằng đá, một bài vị bằng gỗ son thếp vàng, một ngựa gỗ hai câu đối...

Chùa Đức La : Chùa có tên là Vĩnh Nghiêm tự, cách Hà Nội 80 km về phía bắc. Chùa tọa lạc tại thôn Quốc Khánh, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng. Chùa được xây dựng vào đầu đời Trần. Chùa nằm trên một khu đồi thấp, sau lưng là dãy núi Cô Tiên, bên trái sát bờ sông Lục. Trước mặt chùa là những cách đồng rộng, xen kẽ xóm làng, mờ xa dãy núi Nham Biền nên thơ. Kiến trúc chùa Đức La gồm có 4 khối chính :

Khối thứ nhất gồm có chùa Hộ, tòa Thiêu Hương, chùa Phật. Chùa Hộ có bài trí nhiều tượng. Tòa Thiêu Hương lộng lẫy với hoành phi và cửa vọng thếp vàng, gian thứ hai bày nhiều tượng Phật và tượng các La Hán. Chùa Phật là thế giới của tượng Phật, mang dấu ấn kiến trúc thời Lê. Khối thứ hai là nhà Tổ đệ nhất. Kiến trúc đơn giản, đặc biệt là có tấm hoành phi "Trúc Lâm Hội Thượng" với ba pho tượng Trúc Lâm Tam Tổ. Khối thứ ba là gác chuông cao hai tầng mái và khối thứ tư là nhà Tổ đệ nhị có hai pho tượng Tổ tiêu biểu cho nghệ thuật tạc tượng thời Nguyễn.

Trải qua thời gian, cả bốn khối kiến trúc vẫn còn nguyên vẹn. Chùa là nơi thuyết pháp của Trúc Lâm Tam Tổ (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang) và là nơi định chức danh các tăng sĩ thời Trần. Chùa đã được trùng tu nhiều lần.

Chùa Phổ Đà : Chùa thuộc xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên là trung tâm Phật giáo

thời nhà Lê, vốn có nguồn gốc từ thời Lý thế kỷ thứ 11. Chùa nằm trong một khuôn viên rộng có cảnh núi non đẹp, hấp dẫn du khách. Hiện nay chùa
Phổ Đà vẫn là nơi huấn luyện tăng ni, Phật tử của hội Phật giáo tỉnh.

Đình Lỗ Hạnh : Đình ở xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa là công trình kiến trúc độc đáo được xây dựng thời nhà Mạc, thế kỷ thứ 16 (1576). Lúc đầu Đình Lỗ Hạnh chỉ là một tòa đại đình hình chữ "nhất". Năm 1850, đình được sửa chữa thêm hậu cung thành kiểu chữ "công" và hai dãy tả, hữu về phía trước. Đình gồm 5 gian, 2 chái, 48 cột. Chu vi cột cái là 1,42 m cao 4,61 m. Nền đình dài 23,5 m, lòng đình rộng 12,3 m. Nhìn chung kiến trúc đình Lỗ Hạnh trông đồ sộ mà không nặng nề nhờ các bờ cong của 4 mái tương phản với mặt sân rộng trọng điểm trung tâm của làng xã.

Đình Lỗ Hạnh hiện nay còn giữ được nhiều di vật : bộ tranh gỗ phủ sơn thế kỷ18 - 19 vẽ cảnh Bát Tiên dài 2,23 m, cao1 m; đôi nghè gỗ thế kỷ 17 sơn son thếp vàng, tượng bà chúa Tiên Dung cùng bài vị Cao Sơn Đại Vương, thần Thành Hoàng làng. đình Lỗ Hạnh đã được khắc ghi " Đệ Nhất Kinh Bắc".

Đình Thổ Hà : Đây là ngôi đình cổ được xây dựng vào đời Lê Hy Tông trên khu đất rộng 3000 m² có nhiều cây cổ thụ thuộc làng Thổ Hà, huyện Việt Yên. Đình được dựng theo kiểu chữ Công, tòa bái đường có chiều dài 27 m, rộng 16 m, dựng trên nền cao 0,5 m xung quanh có đá tảng xanh chia làm ba cấp, mái đình lợp ngói mũi hài to bản, bốn góc là những đầu đao cong vút. Đầu bờ nóc uốn quanh hình lưỡi liềm, góc mái có gắn nghê, thú nhỏ bằng sành nung già bằng lửa tía có tất cả 22 đầu bẩy lực lưỡng, chạm rồng, mây, nghê, thú rất trau chuốt. Bái đường chia làm 7 gian, 48 cột lim, bộ khung chạm trỗ tinh vi, nhiều cảnh trí sinh động. Đặc biệt có khá nhiều hình thiếu nữ mặc váy dài, yếm, tóc bối chằng hoặc chít khăn với nét mặt rạng rỡ trong tư thế cưỡi phượng, đèn rồng hoặc đang nhảy múa giữa các lớp mây bồng bềnh. Lòng bái đường lát đá xanh nhẵn bóng. Bức cửa võng thếp vàng chạm trỗ lộng lẫy làm cho bái đường thêm trang nghiêm cổ kính. Theo tấm bia cổ để lại, đình là kết quả công sức đóng góp của toàn dân
làng Thổ Hà. Đình là niềm tự hào của làng.

Di tích thành Xương Giang : Thành nằm ở xã Thọ Xương, cách thị xã Bắc Giang 4

km, bên cạnh quốc lộ 1A đi Lạng Sơn. Thành này do nhà Minh xây dựng vào thế kỷ15 để trấn giữ nơi cửa ngõ đường rút quân phía bắc. Nghĩa quân Lam Sơn của Lê Lợi do tướng Trần Nguyên Hãn chỉ huy sau gần một năm vây hãm, đánh chiếm thành Xương Giang trước khi viện binh của quân Minh qua ngã biên giới Lạng Sơn kéo xuống nước ta. Chính tại đây đã xảy ra trận đánh lịch sử thắng 10 vạn quân Minh. Hệ thống thành cổ Xương Giang hiện nay vẫn còn dài 600 m, có 4 cổng chính, diện tích khoảng 27 ha.

Bắc Giang là một vùng có nhiều cảnh đẹp và di tích lịch sử. Nhiều hồ chứa nước lớn tạo nên phong cảnh kỳ vĩ, phát triển được tiềm năng du lịch như hồ Cấm Sơn, Khuôn Thần.

Các dịp lễ hội

Bắc Giang là một tỉnh vừa có truyền thống lễ hội văn hóa của đất Kinh Bắc, vừa có hội xuân của các dân tộc ít người. Là mảnh đất có nhiều dân tộc sinh sống như : Việt, Nùng, Tày, Sán Chay, Sán Dìu, Hoa... Vì vậy truyền thống nghệ thuật văn hóa ở đây cũng khá phong phú. Ngoài các làn điệu dân ca : hát Xẩm, Ả đào, Chèo, Quan Họ... còn có hát Soong Hao của các dân tộc ít người sinh sống ở đây.

Hội Xuân : Hội vui xuân của đồng bào dân tộc Sán Dìu và đông bào Nùng. Lễ hội thường diễn ra vào ngày 15 tháng 1 âm lịch. Trong lễ hội có hát giao duyên nam nữ, các điệu tình ca Sli (Nùng) và Soọng Cô (Sán Dìu).

Lễ hội Yên Thế : Lễ hội hàng năm diễn ra vào ngày 10 tháng 3 âm lịch nhằm tưởng nhớ đến lãnh tụ nông dân Hoàng Hoa Thám đã lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp ròng rã suốt 30 năm trời. Cuộc khởi nghĩa Yên Thế đã ghi thêm trang sử chói lọi vào lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Lễ hội diễn ra tại xã Phồn Xương, Yên Thế, nơi còn có dấu ấn của đồn đất Phồn Xương,
căn cứ của nghĩa quân Yên Thế khi xưa.

Hội Trám rụng : Lễ hội thường được tổ chức vào mùa Trám rụng khoảng tháng 8 âm lịch tại xã Đông Vương, huyện Yên Thế. Quả Trám là thức ăn ngon phải phân phối đều cho mọi người. Trong lễ hội thầy mo làm lễ, cầm Trám tung cho mọi người nhặt để lấy may mắn.

Hội đền Suối Mỡ : Suối Mỡ thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Ngạn, đền Suối

Mỡ thờ thần bản thổ. Hàng năm lễ hội được mở vào ngày mồng 1 tháng 4 âm lịch nhằm cầu mong mùa màng tươi tốt. Trong lễ hội còn có nhiều trò vui đặc biệt là nam nữ hát giao duyên.

Bắc Ninh

Diện tích : 797,2 km².

Dân số : 957.700 người (2001).

Tỉnh lỵ : thị xã Bắc Ninh.

Các huyện : Quế Võ, Yên Phong, Tiên Du, Từ Sơn, Thuận Thành, Gia Bình, Lương Tài.

Dân tộc : Việt (Kinh), Hoa, Tày.

Ba mặt tỉnh có sông tạo thành những ranh giới thiên nhiên. Phía Bắc là sông Cầu. Đông có sông Thái Bình (thuộc Hải Dương, sát ranh giới với Bắc Ninh), Tây-Nam là sông Hồng Hà và Thái Bình ăn thông với sông Đuống. Mùa nước lớn. Sông Đuống đổ nước ra sông Hồng Hà vào sông Thái Bình.

Địa thế Bắc Ninh toàn đồng bằng ít núi cao, có một số ngọn núi đã đi vào thơ ca (núi Thiên Thai). Nhiệt độ trung bình khoảng 13,4°C, rất thích hợp cho du lịch. Ở huyện Tuyên Du có núi Chè 127 m, núi Khánh hay Long Sơn, núi Bát Vạn, núi Phật Tích hay Lạn Kha Sơn (tục gọi là núi Rạm, núi Sơn Đông và núi Sơn Nam. Ở Quế Dương có núi Thiên Sơn. Hai núi Yên Sơn và Thiên Thai ở Gia Bình. Hai quốc lộ 4 và 18 nối liền Bắc Ninh với các tỉnh lân cận. Phi trường ở Gia Lâm khá lớn.

Tỉnh lỵ Bắc Ninh cách Hà Nội hơn 30 km, có quốc lộ chạy qua, có nhiều sông lớn, vì vậy hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt và đường sông đều thuận lợi.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào Bắc Ninh theo đạo Phật và Thiên Chúa. Trước năm 1954, dân chúng đều mở hội vui Xuân hàng năm rất lớn và có nhiều tục lệ giải trí đặc biệt như hát Quan Họ (phỏng theo các điệu hát của triều đình ngày xưa, có từ đời Hậu Lê), tục kéo co, đánh vật, đánh đu, thả diều, đánh cờ người, bơi thuyền... Phụ nữ hai làng Đáp Cầu và Thị Cầu nổi tiếng đảm đang.

Kinh tế của Bắc Ninh cũng giống các tỉnh lân cận. Ngoài hoa màu chính là lúa, dân ta còn trồng ngô, đậu phộng, khoai lang, khoai sọ, cau và các loại rau. Cây kỹ nghệ có mía, thầu dầu, thuốc lá, trà, dâu nuôi tằm và một số cây ăn trái. Làng Hiện Ngang trồng rau muống rất ngon, làng Phụng Pháp có dưa gang nổi tiếng ở

Yên Viên trồng nhiều nhãn, huyện Từ Sơn trồng thuốc lá thơm và khế ngọt. Bắc Ninh không có khoáng sản vì đất do phù sa tạo nên nhưng nhiều đất sét dùng làm đồ gốm. Các làng Bát Tràng, Thổ Hà và Phú Láng gạch, chum vại, đồ sành... rất nổi tiếng.

Lược sử

Thời lập quốc, đất Bắc Ninh thuộc bộ Vũ Ninh, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đến đời Hán thuộc Giao Chỉ, sau đó thuộc Giao Châu. Bắc Ninh thuộc đạo Bắc Giang dưới đời nhà Đinh, trở thành lộ vào đời Tiền Lê và Hậu Lý. Đây là vùng xuất phát nhà Hậu Lý, vua Lý Thái Tổ quê ở làng Cổ Pháp, làm vua 19 năm (1010 - 1028). Đời nhà Trần, đất này là lộ Kinh Bắc, sau đổi thành trấn Kinh Bắc vào năm 1337. Khi giặc Minh xâm chiếm nước ta, Bắc Ninh thuộc phủ Bắc Giang. Dưới đời Hậu Lê, tỉnh này tổ chức thành Bắc Đạo năm 1456. Đến năm 1469, đổi thành xứ, sau cải thành trấn dưới đời Lê Tương Dực (1509 - 1516). Nhà Mạc đặt là phủ Thuận An thuộc Hải Dương. Nhà Lê Trung Hưng tái lập thành trấn Kinh Bắc. Năm 1593, thuộc Bắc Thành. Dưới triều Nguyễn, đổi là trấn Bắc Ninh từ năm 1822. Năm 1831 được đổi thành tỉnh Bắc Ninh.

Đất Bắc Ninh từ ngàn xưa sớm có anh hùng đánh giặc cứu nước. Đời Hùng Vương thứ 6 đã ghi chép việc Thánh Gióng tại làng Phù Đổng (huyện Võ Giảng) đánh đuổi giặc Ân. Thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa. Dân chúng Bắc Ninh ào ạt tham gia giải phóng hai vùng Thuận Thành (Luy Lâu) và Yên Phong (Long Biên). Năm 545, khi anh hùng Triệu Quang Phục lập căn cứ Dạ Trạch ở Hưng Yên, hai tướng giỏi ở Bắc Ninh là Trương Hồng và Trương Hát theo phò lập nhiều công trận. Năm 1076, giặc Tống sang đánh nước ta, anh hùng Lý Thường Kiệt chặn một đạo quân của chúng trên sông Như Nguyệt (khúc sông Cầu gần làng Như Nguyệt); trận đầu tiên diệt hơn một ngàn giặc. Nhưng giặc từ các hướng khác tràn đến, dùng máy bắn đá làm quân ta không tiến được. Lý Thường Kiệt làm bốn câu thơ cho người đọc lớn vọng ra từ đền thờ ông Trương Hát, làm quân ta nức lòng chiến đấu. Dùng thơ phá giặc, sáng kiến vận dụng của tiền nhân là gương sáng cho văn nghệ sĩ thời sau. Bốn câu :

"Nam quốc sơn hà Nam đế cư,

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư,

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư !"

Là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc, không ai không nghe thấy một lần. Đến năm 1284, Thoát Hoan chỉ huy 50 vạn quân Mông Cổ sang đánh nước ta lần thứ hai. Vua Trần Nhân Tông triệu tập quan tướng hội nghị trên sông Bình Than (thuộc làng Bình Than, huyện Gia Bình chỗ sông Đuống nối với sông Thái Bình). Người anh hùng Trần Quốc Toản, mới 15 tuổi nên không được dự bàn lấy làm tức giận, bóp quả cam trong tay mà không hay.

Khi quân Pháp tiến đánh các tỉnh miền Bắc, chúng đem nhiều bộ binh và pháo binh tấn công thành Bắc Ninh, nghĩa quân ta đánh trả mạnh mẽ nhưng thành vẫn lọt vào tay giặc ngày 12-3-1884. Năm 1886, cuộc nổi dậy Bãi Sậy lan rộng khắp nơi, đồng bào Bắc Ninh góp phần không nhỏ.

Đây là nơi sinh trưởng của anh hùng Nguyễn Cao (làng Cách Bi huyện Quế Dương), người xem bằng cấp Giải Nguyên và chức Tán Lý Quân Vụ của Tự Đức như hạt bụi, ông đi theo Nguyễn Thiện Thuật kháng chiến, huấn luyện du kích cho nghĩa quân. Khi chiến khu Bãi Sậy bị thất bại, ông về làng, cải trang dạy học đợi thời cơ. Năm 1887, khi quân Pháp bắt, ông dùng móng tay khoét rốn, rút ruột rồi ném vào mặt kẻ thù và hỏi : "Ruột gan tao đây. Bây xem có khúc nào phản thì bảo". Giặc xanh mặt và khiếp sợ dân Việt anh hùng.

Bắc Ninh cũng là quê của lãnh tụ Trần Trung Lập, ông đã cùng với hai anh hùng Trịnh văn Cấn, Lương Ngọc Quyến khởi nghĩa ở Thái Nguyên năm 1917, sau ông tham gia Việt Nam Quang Phục Hội và chỉ huy các trận đánh đồn bót Pháp tại Lạng Sơn vào năm 1940. Làng Đa Ngưu có anh hùng Phó Đức Chính, chiến sĩ anh dũng của Việt Nam Quốc Dân Đảng, ông cùng với 12 chiến sĩ khác bị xử chém ở Yên Bái. Trước khi chết, ông đã yêu cầu giặc cho nằm ngửa để nhìn lưỡi dao rớt xuống như thế nào.

Phong cảnh, di tích

Đình Đông Hồ : Đình Đông Hồ còn gọi là đình Tranh thuộc làng Đông Hồ, huyện Thuận Thành. Đình vừa là nơi thờ Thành Hoàng làng, vừa là chợ tranh của làng,

là nơi giao lưu tranh buôn bán tranh với khách hàng gần xa. Đình hiện nay gồm có 6 gian bái đường, 2 gian hậu cung, kiến trúc theo kiểu chữ đinh lợp mái ngói mũi hài nhỏ. Đình còn giữ nhiều di vật quí hiếm. Đình Đông Hồ không chỉ là di tích mà còn là nơi sinh hoạt văn hóa của làng.

Chùa Bút Tháp : Chùa có tên chữ là Ninh Phúc Tự, tọa lạc ở phía tây thôn Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, cách Hà Nội 30 km. Chùa được dựng vào thời Hậu Lê (thế kỷ 17) theo Kiểu "nội công ngoại quốc", ngoài cùng là tam quan, tiếp đó là gác chuông hai tầng tám mái, rồi đến chùa Hộ. Sau chùa Hộ là nhà thượng điện có bày các bộ tượng Tam Thế, Tam Thân, tượng Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay cao 3,7 m có 11 đầu, gần 1000 tay, 1000 mắt đặt trên tòa sen do rồng đội, bên dưới là các hình trang trí sóng nước, tôm cua, ốc rùa... bốn gốc bệ là 4 pho tượng lực sĩ trông rất sống động. Trong chùa có nhiều cổ vật quí giá, nhiều tháp đẹp, nổi tiếng nhất là tháp Báo Nghiêm, nơi đặt xá lị của thiền sư Chuyết Chuyết. Tháp xây bằng đá, tám mặt, năm tầng, cao 13 m, đỉnh tháp hình nậm rượu. Tháp Tôn Đức năm tầng cao 10 m, nơi đặt xá lị thiền sư Minh Hạnh, vị tổ thứ 2 của chùa. Chùa được trùng tu nhiều lần. Đây là một trong những ngôi chùa danh tiếng vào bậc nhất ở Việt Nam.

Chùa Phật Tích : Chùa được khởi công dựng vào khoảng thế kỷ thứ 7-10 ở sườn núi Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du. Đến đời Lý, chùa được trùng tu đại qui mô. Năm 1057, vua Lý Thánh Tông cho dựng ngôi tháp báu và đúc pho tượng mình vàng. Năm 1947, chùa bị hỏng nặng. Năm 1991 chùa được trùng tu theo kiến trúc xưa. Một số di vật khác hiện còn lại ở chùa như tượng Phật A Di Đà tạc bằng đá xanh ngồi trên tòa sen cao 1,87 m, một vườn tháp, bức chạm đá nhạc công và vũ nữ...

Làng Tranh Đông Hồ : Đây là một làng nghề vẽ tranh dân gian nổi tiếng của Việt Nam ở làng Đông Hồ, huyện Thuận Thành. Nghề vẽ tranh dân gian của làng Đông Hồ đã có từ rất lâu đời. Trước đây, họ vẽ tranh phục vụ cho Tết Nguyên Đán. Ngày nay, họ vẽ tranh còn để bán cho khách hàng có nhu cầu bất kỳ lúc nào. Nguyên liệu để vẽ tranh là giấy dó (giấy được làm bằng cây dó giã nhỏ, lọc và cán mỏng), màu vẽ lấy từ chất liệu thiên nhiên như gạch non , lá cây, rễ cây, đốt

thành than, mài ra. Để tạo ra màu nền lấp lánh, họ phải dùng vỏ con sò, nghêu (còn gọi là điệp), nung lên thành vôi, giã nhỏ, trộn với nhựa cây, phết đều lên giấy dó để tạo ra màu nền. Hầu hết tranh Đông Hồ đều phản ánh được ước nguyện hòa bình, hạnh phúc, ấm no. Có một số tranh vẽ về động vật như bò, lợn, chó, mèo là những con vật gần gũi với người nông dân. Đặc biệt một số tranh với mảng đề tài "hứng dừa", "đám cưới chuột", "đánh ghen" rất hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Hiện nay, làng tranh Đông Hồ còn làm thêm đồ hàng mã để phục vụ việc tế, lễ.

Hàng năm, chợ tranh được họp vào dịp Tết Nguyên Đán tại đình Đông Hồ. Khách ở quanh vùng và các tỉnh xa nô nức về chợ để mua tranh. Hội thi đồ mã cũng được tổ chức tại đình từ chiều 14 tháng 3 đến 18 tháng 3 âm lịch hàng năm. Chợ tranh và hội thi đồ mã được tổ chức hàng năm phần nào phản ánh được nét đặc thù trong hoạt động kinh tế - văn hóa của người dân làng Đông Hồ.

Đền Đô : Đền được xây dựng dưới thời nhà Lê. Đền đã được trùng tu nhiều lần, lớn nhất vào triều Lê Hưng thế kỷ 17 với kiểu "nội công ngoại kích" xung quanh có tường thành bao bọc. Đền được chia làm hai khu vực : nội thành và ngoại thành. Nội thành gồm nội thất và ngoại thất. Nội thất gồm nhà hậu cung đặt ngai thờ và bài vị tám vị vua Lý. Bao quanh nội thất có tường gạch cao 3 m, rộng 1 m. Ngoài thất gồm có nhà vuông kiến trúc kiểu chuồng diêm, tám mái gồm nhà chủ tế, nhà kho, nhà sách, đền vua Bà (Lý Chiêu Hoàng). Giữa khu ngoại thất là 5 cửa rồng có đường lát đá xanh đi thẳng lên nhà vuông. Khu vực ngoại thành sát với tường thành ở hai đầu hồi nhà khách, mỗi bên 4 gian nhà kiệu. Từ năm cửa rồng đi thẳng tới sát bờ hồ là nhà biểu diễn rối nước theo kiểu chuồng diêm 8 mái, 8 đao cong. Bên hồ bán nguyệt là nhà bia.

Đền Đô còn giữ được nhiều cổ vật quí, nhiều tài liệu lịch sử quan trọng, đặc biệt là tấm văn bia cổ của Trạng nguyên Phùng Khắc Khoan vào năm 1602. Đền Đô không chỉ là một di tích lịch sử văn hóa mà còn là một thắng cảnh đẹp của đất Kinh Bắc.

Đền Bà Chúa Kho : Từ Hà Nội theo quốc lộ 1A qua ga Thị Cầu, rẽ trái đi khoảng 500 m là đến làng Cổ Mễ, xã Vũ Ninh, thị xã Bắc Ninh nơi có đền thờ Bà Chúa

Kho. Tương truyền bà là một người phụ nữ Việt Nam đã khéo tổ chức sản xuất, tích trữ lương thực, trông nom kho tàng Quốc Gia trong và sau chiến thắng Như Nguyệt (1076). Khi Bà qua đời, nhân dân đã lập đền thờ để ghi lại công ơn của Bà.

Đền thờ của Bà được xây dựng theo kiểu kiến trúc thời Nguyễn, theo kiểu tam ban. Ban hạ kiến trúc kiểu tiền kê, hậu bẩy; ban trung theo kiểu thượng chuồng rường, hạ kê trong, còn ban thượng xây dựng theo kiểu chuồng rường, giá chiêng. Đền Bà Chúa Kho hiện nay được tu sửa khang trang, thu hút nhiều du khách thập phương từ Bắc đến Nam về dự lễ xin cầu tài, cầu lộc,

cầu may mắn.

Di tích Núi Dinh : Núi Dinh có tên gọi là núi Thanh hay núi Pháo Đài, nằm trên đất của hai phường Thị Cầu và Đáp Cầu. Trong lịch sử các cuộc kháng chiến chống xâm lược, núi Dinh luôn là điểm đóng quân, là phòng tuyến chống quân xâm lược, là nơi diễn ra nhiều cuộc chiến đấu ác liệt giữa ta và địch.

Tại Núi Dinh, trong cuộc kháng chiến chống Tống thế kỷ 11, Lý Thường Kiệt cho quân và dân xây dựng phòng tuyến sông Cầu thành một phòng tuyến chống giặc vững chắc. Dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt, đại quân đóng ở núi Dinh đã tổ chức phòng ngự và tấn công đánh bại đạo quân lãnh đạo của Quách Quỳ. Thế kỷ 13, trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, Trần Quốc Toản cũng cho xây dựng phòng thủ ở Xương Giang và Thị Cầu. Đầu thế kỷ 15, quân Minh sang xâm lược và đã đóng quân ở đây (thành Thị Cầu). Đến tháng 3-1927 toàn bộ quân Minh đóng ở thành Thị Cầu đã kéo nhau ra đầu hàng. Thời Tây Sơn, khu vực núi Dinh, thành Thị Cầu cũng là nơi đóng quân của nghĩa quân. Tại đây xảy ra cuộc giao chiến ác liệt giữa quân ta do tướng Phan Văn Lân chỉ huy với quân xâm lược Mãn Thanh.

Núi Dinh là một di tích lịch sử, một điểm tham quan của du khách khi đến thăm vùng đất Kinh Bắc thơ mộng.

Chùa Dâu : Chùa ở thôn Khương Tự (còn gọi là Làng Dâu), xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành cách Hà Nội 30 km. Chùa được dựng vào đầu thế kỷ thứ 3 ở vị trí giao điểm những con đường lớn, nơi tiếp thu đạo Phật và trở thành trung tâm

Phật giáo thời bấy giờ. Trong Phật điện chính có pho tượng nữ thần Pháp Vân (nữ Thần Mây) ngồi trên tòa sen, vì vậy chùa được gọi là Pháp Vân Tự.

Trong khuôn viên chùa có ngọn tháp nổi tiếng, xây dựng thế kỷ thứ 6, với ý nghĩa như một thạch trụ ngăn cản luồng nghiệp chướng. Vì vậy tháp mang tên Hòa Phong.

Di tích phòng tuyến sông Như Nguyệt : Di tích lịch sử này thuộc thôn Đức Thọ, Tam Đang, huyện Yên Phong. Tại Thọ Đức, Lý Thường Kiệt đã cho xây dựng nhiều trại quân lớn hiện vẫn còn dấu tích trong lòng đất : trại Chĩnh, trại Chùa, trại Quýt, trại Mái Ấm. Trên khu vực bãi Miêu, Lý Thường Kiệt cho xây dựng một phòng tuyến chặn giặc ở cửa sông Thọ Đức. Xung quanh là các khu hậu cần : kho Dốc Gạo, kho Cung ở Gò Cung, kho Gươm ở gò Gươm.

Trong kháng chiến chống Tống năm 1077, khu vực Thọ Đức được xây dựng thành phòng tuyến kiên cố trong hệ thống phòng tuyến sông Như Nguyệt. Cánh quân đóng ở đây có nhiệm vụ chặn mũi tiến quân của giặc từ phía núi Tiên Lát tràn sang và làm nhiệm vụ ứng cứu cho hai cánh quân ở khu vực Như Nguyệt và Thị Cầu. Cùng với hai cánh quân đã tạo nên chiến thắng vang dội của quân nhà Lý mùa xuân năm 1077, đập tan cuộc xâm lăng của nhà Tống.

Toàn bộ khu vực Đức Thọ hiện nay vẫn nằm trên một doi đất cao so với xung quanh. Đình, đền , chùa Thọ Đức cũng là những di tích lịch sử nằm trong hệ thống phòng tuyến Như Nguyệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1077).

Đình làng Đình Bảng : Đình thuộc huyện Tiên Sơn, cách Hà Nội 20 km. Đây là ngôi đình cổ kính nổi tiếng nhất của Kinh Bắc. Đình được xây dựng năm 1700 và đến năm 1736 mới được hoàn thành. Đình thờ ba vị Thành Hoàng : Cao Sơn Đại Vương (Thần Đất), Thủy Bá Đại Vương (Thần Nước) và Bạch Lệ Đại Vương (Thần Trồng Trọt).

Tòa bái đường có hình chữ nhật, dài 20 m, rộng 14 m, chia làm 7 gian, hai chái nằm trên nền cao bờ đá xanh có bậc cấp. Vẻ đồ sộ của đình thể hiện qua mái phần tỏa rộng và những cột liêm hiếm thấy ở những ngôi đình khác. Có khoảng 60 cột liêm lớn nhỏ có đường kính khoảng 0,55 - 0,65 m. Hoa văn trang trí trên các cấu kiện kiến trúc rất đa dạng, chạm trổ tinh vi, chau chuốt, hài hòa. Bộ

khung đình khá vững chắc, gắng với nhau bằng các loại mọng. Trong đình có bức chạm nổi "Bát Mã Quần Phi" với đường nét hoa văn diễn tả các cảnh sinh hoạt trông thật vô cùng sống động. Đình Bảng là ngôi đình cổ rất hấp dẫn khách du lịch.

Đình Cổ Mễ : Đình Cổ Mễ là ngôi đình lớn, được dựng vào năm 1681 tại làng Cổ Mễ. Đình được dựng theo kiểu chữ nhất với 5 gian, 2 vì. Đình thờ Trương Hồng, Trương Hát là những anh hùng có công giúp Triệu Quốc Phục (549 - 570) chống giặc Lương. Các mảng chạm khắc gỗ trong đình Cổ Mễ rất đẹp, thể hiện theo các đề tài Long Vân đại hội, ngũ hổ tranh châu. Kiến trúc đình Cổ Mễ mang những nét rất tiêu biểu cho làng quê Việt Nam.

Đền Phù Đổng Thiên Vương : Thuộc làng Phù Đổng, huyện Tiên Du. Đây là một ngôi đền rất cổ, được sửa chữa nhiều lần vào thời Hậu Lê và Nguyễn. Dân làng mở hội hàng năm vào ngày mùng 9 tháng 4 âm lịch.

Đỉnh Kim : Thuộc làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng, có đinh Kim rất cổ, thờ hai vị danh tướng Trương Hồng và Trương Hát thời Triệu Quang Phục.

Huyện Tiên Du có một số chùa và di tích nổi tiếng. Làng Lũng Nham có chùa Lim trên đồi Lim (Hồng và Vân Sơn) rất đẹp, làm từ đời nhà Lý, bên trong có đủ loại tượng. Làng Long Khám có chùa Bách Môn với kiến trúc đặc biệt và có rất nhiều cửa. Cách chùa Bách Môn một cây số là xã Trùng Minh có núi Bát Vạn Sơn, ngày xưa tướng nhà Đường là Cao Biềm đóng quân ở đây đã cho nung tám vạn hòn gạch hình tháp để xây tháp lớn. Hiện nay tháp này không còn nhưng trên núi vẫn còn gạch. Từ Bát Vạn Sơn đi thêm hai cây số, gần đê sông Đuống, là xã Phật Tích có núi Tiêu Sơn và Chùa Phật Tích (Vạn Phúc), chùa thật to, làm từ đời vua Lý Thái Tông (1037). Xưa có nhà bằng đá và giếng Rồng, sau chùa có nhiều tháp bằng đá chạm trổ khắc nét theo mỹ thuật Chàm rất đẹp.

Ngoài ra Bắc Ninh còn có chùa Yên Phụ ở huyện Yên Phong có tượng Phật Bà Quan Âm 82 tay; xã Thủy Lôi, trên gò Kim Khuyết có di tích bia và thành của An Dương Vương. Huyện Gia Lâm có hai chùa Lệ Mật và chùa Cự Linh có pho tượng đồng đen cao ba thước. Ngay tỉnh lỵ có nhà thờ Thiên Chúa giáo to lớn và đẹp. Bắc Ninh còn có nhà chùa Trầm với nhiều tượng Phật được chạm khắc công phu.

Ở phía Nam tỉnh, trên đường từ Phú Thụy đi Phả Lại, đồng bào có thể viếng thăm di tích thành Luy Lâu đời Hán, dựng lên ở Khương Tự để cai trị Giao Châu, nay hãy còn nền móng thành và một số cổ tích rải rác khắp đồng ruộng. Đến làng Tam Á, có đền và mộ của Sĩ Nhiếp, gọi là Sĩ Vương Tiên, làm Thái Thú Giao Châu năm 203. Đến huyện Gia Bình, có Lệ Chi Viên (Trại Vải) là nơi xảy ra vụ án Lê Thái Tông đột ngột chết bệnh năm 1442 khiến anh hùng Nguyễn Trãi, nàng hầu Thị Lộ, cùng toàn gia bị vu oan chết thảm, đến 22 năm sau mới được minh oan và phục hồi danh dự. Bắc Ninh còn có một số ngôi mộ cổ ở Nghi Vệ Sơn, xây khoảng đầu thế kỷ 10 và 11; mộ được xây bằng gạch nung, trang trí nhiều hình vẽ và kiến trúc tinh vi. Bắc Ninh là vùng đất nổi tiếng về văn chương, trong số những danh nhân kể trên, ta còn biết những vị sau đây :

Thiền Sư Vạn Hạnh (làng Cổ Pháp, huyện Từ Sơn), cao tăng đời Lê Đại Hành và Lý Thái Tổ, một nhà tư tưởng về Thiền Tông, có công khảo cứu về kinh luận nhà Phật và vận động đưa Lý Công Uẩn lên ngôi sáng lập nhà Lý.

Bắc Ninh cũng là quê ngoại của Ngọc Hân Công Chúa (làng Nành, huyện Từ Sơn), con gái vua Lê Hiển Tông và là vợ anh hùng Quang Trung Hoàng Đế; Bà nổi danh tài hoa, trứ tác khá nhiều nhưng bị thiêu hủy gần hết, nay chỉ còn hai bài văn tế Vua Quang Trung và Ai Tư Vãn, ghi lại lòng thương tiếc của bà với bậc đại anh hùng.

Thiền Sư Giáp Hải (làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm), danh sĩ đời Mạc Đăng Doanh, tác giả Ứng Đáp Bang Giao Tập, Thận Minh, Cao Lâu Tì Bà thi, Hoàng Sĩ Khải (huyện Lang Tài) nhà viết văn nôm nổi tiếng đời Mạc Phúc Hải, Hoàng Đức Lương (huyện Văn Giang), tác giả Trích Diễm Thi Tập. Đào Cử (xã Thuần Khang, huyện Thuận Thành), là một trong 28 nhà thơ của hội Tao Đàn, góp công thực hiện các văn thi phẩm Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập, Thiên Nam Dư Hạ Tập. Thân Chinh ký sự. Nguyễn Xung Xác (làng Kim Đôi) hội Tao Đàn, tác giả Tiêu Tương Bát Cảnh. Đàm Thuận Huy (làng đông Ngạn), hội Tao Đàn, tác giả Mặc Trai Thi Tập. Đàm Văn Lễ (xã Lâm Sơn, huyện Quế Dương), trong hội Tao Đàn... tất cả đều là danh sĩ đời vua Lê Thánh Tông.

Vũ Miêu (xã Xuân Lan, huyện Lang Tài), sử gia thời Lê Hiển Tông và Lê Cảnh

Hưng, cùng với Nguyễn Hoàn, Phan Trọng Phiên và Uông Sĩ Lãng soạn bộ Đại Việt Lịch Triều Đăng Khoa Lục, bốn quyển, Cao Bá Quát (huyện Gia Lâm), Thi Bá đời Nguyễn, tác giả Cao Chu Thần Thi Tập, sau bị chết vì vụ nổi loạn của Lê Duy Lương, Lê Duy Cự. Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều (xã Liễu Ngạn, huyện Thuận Thành) danh sĩ thời Lê Mạt, tác giả Cung Oán Ngâm Khúc, Từ Trai tập, hai bộ Sơn Trung Am, và Sở Từ Diệu để phổ nhạc. Nguyễn Đăng Đạo (làng Hoài Bảo huyện Tiên Du) đỗ Trạng nguyên đời Lê Hy Tông, tính khí trung trực, thương dân yêu nước, tác giả Nguyễn Trạng Nguyên phụng sử tập (tập thơ ghi chép các việc khi sang Tàu). Nguyễn Thanh Giản (huyện Từ Sơn, làng Hương Mặc) là danh sĩ nổi tiếng đời Lê uy Mục; ở làng Du Lâm cùng huyện, có Nguyễn Tư Giản, năm 22 tuổi đỗ tiến sĩ đời Thiệu Trị, tài kiêm văn võ. Ông còn giỏi về kinh tế và từng cùng Nguyễn Trường Tộ dâng sớ xin canh tân đất nước nhưng Tự Đức không nghe, những tác phẩm văn học gồm Thạch Nông Thi Văn Tập, Duyệt Bộ Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục. Bắc Ninh còn là quê danh thần Nguyễn Văn Giai, tính liêm khiết, đại công thần trải ba đời Lê Thế Tông, Kinh Tông và Thần Tông. Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748) người xã Hiến Phạm, huyện Văn Giang) cũng là người Bắc Ninh. Bà là một nhà thơ lớn của thi ca Việt Nam, dịch bản "Chinh Phụ Ngâm" tiếng Hán của Đặng Trần Côn. Tác phẩm "Chinh Phụ Ngâm Khúc" của bà gồm 412 câu thơ theo thể song thất lục bát được coi là hay hơn nguyên bản của Đặng Trần Côn và là một tuyệt tác văn chương của văn học sử nước nhà gây nhiều cảm hứng sáng tác của đời sau.

Các dịp lễ hội

Kinh Bắc là vùng đất đạo Phật sớm thâm nhập ngay từ những thế kỷ đầu công nguyên. Đến đời nhà Lý Phật giáo đã đạt đến độ cực thịnh. Nhiều chùa, tháp đã được xây dựng ở đất Kinh Bắc và đã trở thành danh thắng, di tích lịch sử văn hóa là nơi tham quan vãn cảnh của khách thập phương. Bắc Ninh là một vùng đất cổ đồng thời là một trong những chiếc nôi của nền văn minh Việt Nam. Chính vùng đất này đã sinh ra những điệu hát dân ca Quan Họ đặc sắc, tiêu biểu cho loại hình dân ca trữ tình Bắc Bộ, đậm đà bản sắc dân tộc. Bắc Ninh còn là nột trong những địa phương có nhiều lễ hội. Mỗi lễ hội đều gắn với nét đẹp văn hóa truyền thống

và những trang sử hào hùng của dân tộc. Mỗi độ xuân về, người Kinh Bắc lại rộn ràng vui trẩy hội.

Hội Lim : Hội diễn ra vào11 đến 13 tháng giêng âm lịch hàng năm. Lễ hội này gắn liền với một truyền thống văn hóa nổi tiếng của đất Kinh Bắc là hát Quan Họ. Các "liền anh, liền chị" hát đối đáp từng cặp, hát trên đồi, hát trên thuyền, hát sau chùa... với đủ các làn điệu Quan Họ khác nhau. Cũng như các hội khác, hội Lim cũng có đủ các phần lễ rước đến lễ tế cùng nhiều trò vui khác.

Hội Đình Bảng : Đình làng Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn thờ 3 thiên thần là Cao Sơn Đại Vương (thần Núi), Thủy Bá Đại Vương (thần Nước), Bà Chu Lê Đại Vương (thần Trồng trọt) và 6 nhân thần là 6 vị tổ của 6 dòng họ có công dựng làng vào thế kỷ 15. Lễ hội hàng năm diễn ra từ ngày 12 đến ngày 16 tháng 3 âm lịch, dân làng Đình Bảng mở hội để tưởng nhớ công lao của các phúc thần. Trong ngày hội, trên bãi rộng trước cửa đình có các phúc thần. Có các cuộc vui như đánh cờ, đánh vật, đánh đu, chọi gà, hát chèo, hát Quan Họ trên hồ...

Hội Đông Hồ : Lễ hội diễn ra từ mồng 4 đến mồng 7 tháng giêng tại đình làng Đông Hồ huyện Thuận Thành. Đây là một lễ hội mang tính chất hội làng nghề, nơi sản xuất tranh dân gian nổi tiếng. Tại đình làng có bán tranh dân gian và các loại hàng mã thờ cúng.

Hội Chùa Phật Tích : Hội thường diễn ra trong 2 ngày từ ngày 4 đến 5 tháng giêng âm lịch tại chùa Phật Tích nhằm tưởng nhớ công ơn của vua Lý Thánh Tông. Hàng năm lễ hội được mở ra cho khách hành hương đến để lễ Phật, nghe kinh, cầu yên, cầu phúc, đồng thời để thăm di tích và thắng cảnh của đất Kinh Bắc.

Lễ hội đền Đô : Lễ hội hàng năm được tổ chức tại đền Đô (nơi thờ 8 vị vua nhà Lý), làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn vào ngày 15 tháng 3 âm lịch. Lễ hội diễn ta trong 4 ngày. Hội mở vào ngày vua Lý Thái Tổ lên ngôi (còn gọi là lễ đăng quang). Hội có lễ trình thánh, có thi đấu cờ người, đấu vật và các trò vui khác. Đặc biệt có cuộc rước kiệu long trọng vào ngày chính hội (16-3) rất đông vui. Khách thập phương đến dự lễ hội vừa để cúng lễ, vừa để vãn cảnh đẹp của đền Đô.

Lễ hội chùa Dâu : Hội mở vào ngày 17 tháng 1 âm lịch tại làng Dâu, Thanh

Khương, huyện Thuận Thành. Chùa Dâu thờ Phật Mẫu Man Nương. Lễ hội mở vào ngày sinh của Man Nương. Đây là lễ hội tiêu biểu cho sự hội nhập của tín ngưỡng nông nghiệp vào đạo Phật. Trong hội có lễ rước tượng bà Dâu đi qua các chùa trong hệ thống chùa Tứ Pháp, chùa Đậu, chùa Dâu, chùa Tưởng. Phần hội có thi làm bánh dày là đặc sản của làng Dâu.

Hội Chùa Tổ : Làng Vạn Ty, Thái Bảo, huyện Gia Lương, là quê hương của Huyền Quang (tức ký Đạo Tái), một trong ba vị sáng lập thiền phái Trúc Lâm đời Trần. Lễ hội hàng năm diễn ra từ 18 đến 23 tháng 1 âm lịch. Sau lễ dâng hương cúng Phật là đến phần hội có thi vật, bơi trải và diễn xướng dân gian.

Bến Tre

Diện tích : 2247 km².

Dân số : 1.308.200 người (2001).

Tỉnh lỵ : thị xã Bến Tre.

Các huyện : Châu Thành, Chợ Lách, Mõ Cày, Giồng Trôm, Bình Đại, Ba Tri và Thạnh Phú.

Dân tộc : Việt (Kinh).

Bến Tre là một tỉnh đồng bằng cuối nguồn sông Cửu Long, tiếp giáp với biển Đông, có bờ biển dài 60 km. Phía bắc giáp Tiền Giang, phía tây và tây nam giáp Vĩnh Long, phía nam giáp Trà Vinh. Thị xã Bến Tre cách thành phố Sài Gòn 85 km.

Bến Tre tên trước đây là Kiến Hòa. Bốn nhánh sông Tiền Giang là sông Mỹ Tho, sông Ba Lai, sông Hàm Luông và sông Cổ Chiên chia đất Bến Tre ra làm cù lao Minh, cù lao Bảo, cù lao An Hóa. Hai sông Hàm Luông và Bà Lai chảy suốt tỉnh rồi ra hai cửa biển cùng tên. Sông Mỹ Tho chia ranh giới phía bắc với tỉnh Tiền Giang rồi đổ ra cửa Đại. Sông Cổ Chiên làm ranh giới với tỉnh Trà Vinh rồi chảy ra hai cửa Cổ Chiên và Cung Hầu.

Các sông rạch khác là sông Bến Tre, rạch Bàng Cùng, kinh Thêm, kinh Tân Hương, kinh Tiền Thủy, rạch Cầu Mây, rạch Vũng Luông... Bờ biển Bến Tre dài khoảng 60 cây số, rất thuận lợi cho việc đánh cá. Ngoài khơi có các đảo nhỏ như Cồn Lợi, Cồn Hồ... Bến Tre có bốn cửa biển của sông Cữu Long là cửa Đại, Ba Lai, Hàm Luông và Cổ Chiên.

Địa hình ở đây bằng phẳng, rải rác có những cồn cát xen kẻ với ruộng vườn, không có rừng cây lớn, bốn bề sông nước bao bọc rất thuận tiện cho giao thông vận tải cũng như thủy lợi. Bến Tre có khí hậu nhiệt đới gió mùa : mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, các tháng còn lại là mùa khô.

Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 26°C đến 27°C. Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1250mm - 1500 mm. Là tỉnh có nhiều sông rạch, Bến Tre có điều kiện thuận tiện để phát triển du lịch xanh, bởi ở đó còn giữ được nét nguyên sơ của miệt vườn, giữ được môi trường sinh thái trong lành trong màu xanh của những vườn

dừa, vườn cây trái rộng lớn.

Bến Tre là vựa lớn của đồng bằng sông Cửu Long với nhiều sản vật và hoa quả : lúa, ngô, khoai, dứa, chôm chôm, mãng cầu, vú sữa, sầu riêng. Bến Tre giàu thủy sản với các loại : cá thiều, cá mối, cá cơm. Cây công nghiệp có dừa, thuốc lá, mía, bông. Đặc biệt Bến Tre là xứ sở của dừa (gần 40.000 ha trồng dừa), nổi tiếng với đặc sản kẹo dừa Bến Tre, bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc. Làng nghề Cái Mơn hàng năm cung ứng cho thị trường hàng triệu giống cây ăn quả và cây cảnh nổi tiếng khắp nơi.

Sinh hoạt, kinh tế

Đất Bến Tre do phù sa sông Cửu Long bồi đắp, đặc biệt là ở Hàm Long. Hoa màu chính là lúa, hoa màu phụ cũng chiếm phần quan trọng : khoai lang, ngô, sắn và các loại rau.

Loại cây kỹ nghệ mang lại nhiều lợi ích cho tỉnh như dừa, thuốc lá, mía, cà phê, dâu nuôi tằm, cói. Dừa ở đây rất nhiều trái và lượng dầu rất cao. Ngoài nước uống và dầu, dừa còn cho các phó sản khác là than dừa, vỏ dừa làm thảm dừa, dây dừa. Mía được trồng nhiều tại các vùng đất phù sa ven sông rạch; nổi tiếng nhất là có các loại mía tại Mỏ Cày và Giồng Trôm. Diện tích trồng thuốc lá tập trung ở Mỏ Cày, nơi có loại thuốc thơm cũng nổi tiếng. Đất bồi thích hợp trồng cói.

Bến Tre có nhiều loại cây ăn trái như cam, quít, sầu riêng, chuối, chôm chôm, măng cụt, xoài cát, bòn bon... trồng nhiều ở quận Giồng Trôm, Hàm Long và Châu Thành. Hai đặc sản khác của Kiến Hòa là trầu và cau được phổ biến nhiều đến các tỉnh khác. Vùng Cái Mơn, huyện Đơn Nhơn, có nghề rang trầu và làm "cau tầm vung" (cau để chín khô trên cây, không xắt ra) rất nổi tiếng trong nước.

Rừng nước mặn chạy dọc theo bờ biển, mang lại cây dừa nước, chà là, bần...; lá dừa nước lợp nhà rất tốt. Những con sông lớn và vùng biển Đông có nhiều loại cá ngon như cá vược, cá dứa, cá bạc má; ngoài ra là nghêu, cua biển và tôm he. Dân chúng lấy rượu ở khu rừng mắm Bình Đại, Thạnh Phú để làm nước mắm. Ruộng muối ở Thạnh Phú, Bình Đại, Ba Tri cũng là nguồn lợi khả quan.

Lược sử

Đời vua Minh Mạng, Nam phần chia làm sáu tỉnh Vĩnh Long, Biên Hòa, Gia Định,

Định Tường, An Giang và Hà Tiên. Đất Bến Tre bây giờ là phủ Hoàng Trị gồm các huyện Tân Ninh, Bảo An, Bảo Hậu và trực thuộc tỉnh Vĩnh Long. Thời Pháp thuộc, chúng chia sáu tỉnh lớn thành 20 tỉnh (về sau đặt thêm tỉnh thứ 21 là Vũng Tàu). Một phần đất của Vĩnh Long được tách ra để lập tỉnh Bến Tre.

Năm 1862, anh hùng Phan Công Tòng (người làng An Bình Đông, quận Ba Tri) bỏ nghề dạy học, thay bút sách bằng tầm vông, dáo nhọn, chiêu tập người yêu nước vùng lên đánh Pháp. Ông tử trận năm 1867. Làng Bảo Thạnh, quận Ba Tri là quê anh hùng Phan Thanh Giản. Cuối năm 1867, quân Pháp đem binh chiếm ba tỉnh miền Tây là Hà Tiên, An Giang và Vĩnh Long. Giữ ba thành không nổi, không làm tròn mệnh vua, ông dặn dò con cháu không được làm tay sai cho giặc, rồi uống thuốc độc tự vận.

Ba người con trai của ông Phan Liêm, Phan Tôn và Phan Ngữ chiêu mộ nghĩa quân khởi nghĩa vào cuối năm 1867, đánh Pháp khắp nơi ở Bến Tre, Sa Đéc, Vĩnh Long, Trà Vinh, được dân chúng hưởng ứng rất đông. Pháp sai Tôn Thọ Tường và tổng đốc Phương nhiều lần chiêu hàng không được. Trong một cuộc giao chiến ở Giồng Gạch vào năm 1870, hai anh hùng Phan Tôn và Phan Ngữ tử trận. Còn anh hùng Phan Liêm trở ra miền Bắc và tiếp tục chiến đấu bên cạnh anh hùng Nguyễn Tri Phương.

Cũng trong cùng thời gian này, ông Nguyễn Đình Chiểu đã rời Long An về sống tại Ba Tri, dù mù lòa ông tiếp tục dùng văn thơ kháng Pháp. Giặc mang bổng lộc mời ông về cộng tác mãi không được. Ông giữ phẩm cách thanh cao và tinh thần yêu nước cho đến khi qua đời tại làng An Đức, ngày 24 tháng 5 năm Mậu Tý (3-7-1888).

Phong cảnh, di tích

Cồn Phụng (Cồn Đạo Dừa) : Thuộc xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, ở ngay cửa ngõ của tỉnh, cách trung tâm thị xã 12 km đường bộ và 25 km đường sông, cạnh tuyến phà Rạch Miễu của quốc lộ 60 từ Mỹ Tho đến Bến Tre. Khu du lịch Cồn Phụng nằm trên một cù lao nổi giữa sông Tiền có diện tích rộng 28 ha. Tới đây du khách sẽ thăm các công trình kiến trúc độc đáo của nơi đã từng là thánh địa của đạo Dừa. Với một số di tích còn lại như : sân rồng, tháp... Trên Cồn Phụng

còn có làng thủ công mỹ nghệ sản xuất những đồ gia dụng bằng vật liệu từ cây dừa và những gia đình nuôi ong lấy mật từ hoa nhãn, sản phẩm được bán tại chỗ cho khách du lịch.

Cồn Ốc (Cồn Hưng Phong) : Thuộc xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, cồn dài 8,3 km, rộng hơn 1 km, cách Bến Tre khoảng hơn 10 km. Trên cồn có nhiều vườn dừa và vườn cây ăn quả.

Cồn Tiên : Nằm ở trên sông Tiền, ngang với làng Cái Mơn, có diện tích 7 ha, thuộc xã Tiên Long, huyện Châu Thành, cách trung tâm thị xã 23 km đường bộ hoặc 15 km đường sông. Cồn Tiên là một bãi cát đẹp, hàng năm vào ngày 5 tháng 5 âm lịch hàng vạn người đến tắm và vui chơi giải trí.

Sân Chim Vàm Hồ : là một điểm du lịch sinh thái hấp dẫn thuộc địa phận hai xã Mỹ Hòa và Tân Xuân, huyện Ba Tri ven sông Ba Lai. Từ thị xã Bến Tre đến sân chim Vàm Hồ khoảng 52 km. Có thể đi theo đường bộ hoặc đường sông về phía sông Ba Lai để đến sân chim Vàm Hồ, nơi trú ngụ của gần 500.000 con cò và vạc cùng các loài chim khác như cồng cộc, le le. Vàm Hồ rộng hơn 40 ha, trong đó 15 ha rừng chà là nguyên sinh. Người dân Ba Tri trồng đước trên 7 ha cạnh rừng chà là, đồng thời dẫn nước từ sông Ba Lai vào, chia sân chim làm 5 khu và đắp đê phòng hộ xung quanh sân đề phòng nạn cháy rừng để bảo vệ chim.

Trên đường vào sân chim, dọc hai bên bờ sông Ba Lai là một thảm thực vật phong phú gồm các loại cây : ổi, so đủa, đậu ván, mãng cầu xiêm, dừa nước. Vào trong sân chim các loại cây chiếm ưu thế là : đước đôi, bụp tra, chà là, ô rô, rau muống biển. Tuy sân chim có hai loài cây chính là chà là và đước, chim chỉ làm tổ trên cây chà là có gai, đước là nơi chúng nghĩ chân sau khi tắm mình trong dòng kênh.

Du khách đến sân chim vào lúc 4 giờ chiều hàng ngày sẽ được chứng kiến một cảnh giao ca thú vị, đó là lúc đàn cò hàng ngàn con đi ăn về đậu trắng các ngọn cây, đàn vạc cất tiếng kêu rủ nhau vỗ cánh bay đi kiếm ăn đêm. Ngoài cò trắng, vạc, sân chim còn có các loại cò ngà, cò ruồi, vòng vọc, diệc xám, quắm trắng, và các loài thú hoang dại như dơi, chồn, rắn, trăn... Du khách sẽ thấy thú vị như đang sống trong thế giới của âm thanh của các loài chim với vô vàng âm sắc.

Vườn Cây Ăn Trái Cái Mơn (Chợ Lách) : Nằm bên bờ sông Tiền thuộc xã Tiên

Thủy, huyện Châu Thành, là quê hương của Trương Vĩnh Ký. Có thể nói đây là cái nôi của cây ăn trái vùng Nam Bộ. Đến đây mùa nào cũng có các loại trái cây để ăn. Làng nghề Cái Mơn hàng năm còn cung ứng cho thị trường hàng triệu cây giống các loại : sầu riêng, măng cụt, xoài cát, nhãn tiêu, bòn bon và các cây có múi.

Cái Mơn cũng là nơi có nhiều nghệ nhân, nhân giống chiết cành tạo nên các loại cây cảnh và bonsai hình con hươu, nai, rồng, phượng... rất đẹp mắt. Sản phẩm được bày bán nhiều ở Thủ Đức, Biên Hòa... và xuất sang các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Bốn Con Sông Lớn : Mỹ Tho, Ba Lai, Hàm Luông và Cổ Chiên của Mỹ Tho là những nhánh sông cuối cùng của Tiền Giang chảy ra biển Đông Hải mênh mông. Xuôi dòng sông Mỹ Tho, một nhánh của Tiền Giang, đồng bào ta nhớ lại trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút lừng danh của anh hùng Nguyễn Huệ. Cũng giống như các sông rạch khác của miền Nam, sông nước hiền hòa của Bến Tre đã và đang cùng với người dân Kiến Hòa nhập dòng đấu tranh cứu nước chống lại ách thống trị của quân Pháp.

Các Cửa : Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên là thắng cảnh thiên nhiên độc đáo, đứng nhìn ra biển cả, phong cảnh bao la, hùng vĩ vô cùng.

Bãi Ngao : Còn gọi là Ngao Châu, thuộc xã Tân Thủy, quận Ba Tri. Đây là bãi cát lớn bao trùm cả Gành Bà Hiển và Gành Mù U. Cảnh trí nên thơ.

Chùa Hội Tôn : Chùa được Thiền Sư Long Thiền dựng vào thế kỷ 18 tại ấp 8, xã Quới Sơn, huyện Châu Thành. Ở điện Phật có tượng Thập Điện Minh Vương bằng đồng cao 0,70 m được đúc tại Huế thế kỷ 19. Chùa đã được trùng tu vào các năm: 1805, 1884, 1947 và 1992. Năm 1805, tôn tạo tượng Phật, pháp khí và đúc đại hồng chung (chuông lớn).

Chùa Tuyên Linh : Tọa lạc ở ấp Tân Quới Đông B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày, chùa được dựng vào năm 1861 và có tên là chùa Tiên Linh. Năm 1907, hòa thượng Khánh Hòa về trụ trì đã cho tu sửa lớn và năm 1924 đổi tên là chùa Tuyên Linh. Đến năm 1941, hòa thượng tổ chức trùng tu và mở rộng chùa. Năm 1983 chùa lại được trùng tu. Từ năm 1920, hòa thượng chùa Tuyên Linh là một trong

những vị chủ xướng "phong trào chấn hưng Phật giáo" lập ra trường Phật học để đào tạo tăng ni tại đây. Chùa có pho tượng hộ pháp cao 0,70 m, ngoài vườn chùa có tháp tổ.

Chùa Viên Minh : Tọa lạc ở 156, đường Nguyễn Đình Chiểu, thị xã Bến Tre. Chùa được dựng từ lâu. Kiến trúc chùa hiện nay được xây dựng từ năm 1951 đến 1959. Chùa hiện đặt văn phòng ban trị sự Phật giáo tỉnh Bến Tre. Trước khuôn viên chùa có tượng Bồ Tát Quan Thế Âm.

Mộ Nguyễn Đình Chiểu : Thuộc xã An Đức, trị trấn huyện Ba Tri. Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước nổi tiếng của miền Nam và cả nước. Ông sinh ra tại Gia Định (nay thuộc Sài Gòn). Năm 1861, Cần Giuộc thất thủ ông về Ba Tri (Bến Tre) ở ẩn và mất tại đó. Hàng năm, vào ngày 1 tháng 7 (ngày sinh), nhân dân Ba Tri và Bến Tre thay mặt đồng bào cả nước tổ chức lễ dâng hoa tưởng niệm nhà thơ một cách trong thể.

Mộ Võ Trường Toản : Thuộc xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri. Võ Trường Toản là nhà nho lớn ở thế kỷ 18, có kiến thức uyên bác, chí khí thanh cao, có công đào tạo được nhiều danh sĩ cho các tỉnh Nam bộ.

Mộ Phan Thanh Giản : Ở gần mộ Võ Trường Toản, được xây dựng bằng đá ong, trên mộ là tấm bia ghi chữ Hán. Làng Bảo Thạnh, quận Ba Tri Là quê ông Phan Thanh Giản, làm quan triều Tự Đức, người đậu tiến sĩ đầu tiên trong Nam, và cũng là người yêu nước như đã nói ở trên. Các tác phẩm của ông gồm có : Du kinh, Toái Cầm, Kim Đài thi tập. Phần văn quốc âm có tập Lương Khê thi thảo. Ngoài ra, ông còn soạn chung bộ sách Khâm định thông giảm cương mục.

Quận Ba Tri : Quê bà Nguyễn Thi Xuân Khuê (còn gọi là Nguyễn Thị Khuê) một nhà văn nữ nổi tiếng ở Bến Tre với bút hiệu Sương Ngọc Ánh. Bà sinh năm 1864, là con gái của cụ Nguyễn Đình Chiểu. Bà giỏi văn thơ từ lúc bé; lập gia đình năm 24 tuổi, được một gái thì chồng qua đời. Bà ở vậy nuôi con cho đến ngày gã con đi lấy chồng. Sau con gái bà mất sớm, để lại một cháu gái và bà đã lãnh đem nuôi và lên Sài Gòn làm chủ bút tờ "Nữ Giới Chung", tờ báo đầu tiên ở miền Nam. Bà mất tháng 11 năm Canh Thân (21-12-1920). Một trong những bài văn thơ nổi tiếng của bà là Chinh Phụ Thi.

Xã Cái Mơn, Quận Đơn Nhơn : Là quê Trương Vĩnh Ký, một học giả nổi tiếng trong hậu bán thế kỷ 19. Ông mồ côi cha từ thuở ấu niên, được mẹ hết lòng nuôi dạy. Lúc năm tuổi, theo học chữ Nho, rồi học chữ Quốc ngữ. Với tư chất thông minh, ông biết rất nhiều ngoại ngữ Hán, Pháp, Xiêm, Lào, Miên, Hy Lạp, La Tinh, Anh, Nhật, Ấn Độ... Tháng 8-1869, ông trông coi bài vở cho tờ "Gia Định báo" tờ báo Việt Ngữ đầu tiên ở nước ta, với dụng ý truyền bá Quốc ngữ, trau dồi văn chương nước nhà.

Sự nghiệp văn chương của ông rất lớn, các tác phẩm của ông có thể chia làm hai loại, phần lớn là sách giáo khoa : loại sáng tác gồm có : chuyện đời xưa, bất cượng nhớ cượng làm chi, phép lịch sự, kiếp phong trần, chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi, sách dạy Quốc ngữ, sách dạy chữ Nho..., và rất nhiều sách viết bằng Pháp ngữ. Loại phiên dịch văn Nôm ra Quốc ngữ và dịch sách Hán ngữ gồm Kim Vân Kiều, Đại Nam Quốc Sử diễn ca, gia huấn ca của Trần Hy Tăng, lục súc tranh công, Phan Trần truyện, Lục Vân Tiên truyện, Đại học và Trung dung, tam tự kinh, Minh tâm bữu giám... Ông mất ngày 1/ 9/1898, thọ 61 tuổi.

Bến Tre : Còn là quê của Trương Tấn Bửu, công thần đời Nguyễn. Tháng 3 năm Tân Tỵ (1821) năm Minh Mạng thứ hai, ông lãnh chức phó tổng trấn Gia Định, thay thế Huỳnh Công Lý phạm quốc pháp bị xử trảm. Năm 1823, ông được cử đốc suất dân binh vét kinh Vĩnh Tế thay tổng trấn Lê Văn Duyệt bị bệnh. Tháng 8 cùng năm, Lê Văn Duyệt về kinh, ông kế quyền tổng trấn, nhưng chỉ ít lâu ông cáo bệnh về hưu.

Các dịp lễ hội

Hội Đình Phú Lễ : Đình Phú Lễ ở ấp Phú Khương xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, thờ Thành Hoàng Bổn Cảnh. Hàng năm lễ hội diễn ra 2 lần : lễ Kỳ Yên vào ngày 18, ngày 19 tháng 3 âm lịch để cầu cho mưa thuận, gió hòa và lễ Cầu Bông vào ngày 9, ngày 10 tháng 11 âm lịch cầu cho mùa màng tươi tốt. Lễ hội có rước sắc thần, lễ tế Thành Hoàng, người đã có công khai khẩn giúp dân trồng trọt. Đêm có hát bội và ca nhạc tài tử.

Hội Tế Thần Cá Ông : Hàng năm vào các ngày 16-6 âm lịch tại các đình đền hay miếu của các xã thuộc huyện Bình Đại, huyện Ba Tri, mở hội tế thần Cá Ông.

Hội Cá Ông là lễ hội phổ biến của các làng ven biển của nước ta. Trong ngày hội tất cả tàu thuyền đánh cá đều về tập trung neo đậu để tế lễ, vui chơi và ăn uống.

Bình Dương

Diện tích : 2718,5 km².

Dân số : 768.100 người (2001). Trong đó có hơn 60.000 người thuộc các dân tộc ít người như : Stiêng, Khmer, Tày.

Tỉnh lỵ : thị xã Thủ Dầu Một.

Các huyện : Tân Uyên, Bến Cát, Thuận An.

Dân tộc : Việt (Kinh), Khmer, Stiêng, Hoa, Tày.

Bình Dương là một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nước Việt Nam. Phía Bắc giáp lãnh thổ nước Campuchia, phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai (với sông Đồng Nai làm ranh giới), phía Nam giáp Thành Phố Sài Gòn, phía Tây giáp huyện Củ Chi và tỉnh Tây Ninh. Thị xã Thủ Dầu Một cách Thành Phố Sài Gòn 30 km về hướng Bắc.

Địa thế trong tỉnh toàn bình nguyên và đồi thấp, chỉ có núi Ông cao 281 thước là đáng kể.

Sông ngòi : Có ba sông lớn là Đồng Nai, Sài Gòn và Sông Bé, nhiều kênh rạch, sông con, ghe thuyền đi lại thuận tiện.

Khí hậu Bình Dương giống như đa số các tỉnh miền Nam, mùa mưa từ tháng Năm đến tháng Mười Một, mùa khô từ tháng Mười Hai đến tháng Tư. Nhiệt độ trung bình hàng năm : 27°C. Lượng mưa trung bình hàng năm : 2300mm.

Đường bộ : Tuyến quốc lộ 13, xuyên suốt từ Bắc đến Nam của tỉnh, nhiều đường liên tỉnh nối liền các đường giao thông thuận tiện và an toàn. Phi trường của tỉnh ở An Mỹ.

Có những ngành nghề thủ công truyền thống nổi tiếng như : gốm, sứ, sơn mài, điêu khắc gỗ...

Có nhiều cụm kinh tế, kỹ nghệ về cây cao su đã hình thành và phát triển gần 100 năm nay.

Sinh hoạt kinh tế

Dân chúng cư ngụ trong tỉnh phần lớn là người Kinh, ngoài ra còn có người Thượng sắc tộc Stiêng, người Việt gốc Chàm, Khmer và Hoa.

Các tôn giáo chính là đạo Phật, Thiên Chúa, Cao Đài.

Rừng Bình Dương mang lại một số lâm sản là các loại gỗ làm nhà, tre, mây và củi. Ngành thủ công cũng phát triển nhiều ở vùng này từ lâu như nghề làm đồ sơn mài, đồ gỗ, đồ đan, đồ gốm cùng nhiều đồ gia dụng bình dân đại chúng bằng đất sét nung như chén dĩa, lu hũ, khạp, bình bông. Đồ gốm Lái Thiêu nổi danh khắp nơi.

Ngành nông sản của Bình Dương mang lại khá nhiều lợi tức như gạo, mía, cao su, thuốc lá, đậu phọng, trái cây. Vùng Lái Thiêu là nơi có nhiều vườn cây ăn trái nổi tiếng như chôm chôm, mít tố nữ, dâu tây, mãng cầu (na), măng cụt... Đặc biệt là vùng Búng, một thị trấn nhỏ, có nhiều trái cây, nhất là sầu riêng và măng cụt.

Lược sử

Ngày xưa, đất Bình Dương là vùng hoang vu thuộc xứ Phù Nam, sau bị Chân Lạp thôn tính và lập thành Thủy Chân Lạp, có những bộ lạc Chàm và Khmer ở rải rác. Đến cuối thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18, các chúa Nguyễn bắt đầu mở mang vùng đất này, lập dinh Phiên Trấn, đặt phủ Gia Định, lấy xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình.

Năm 1780, chúa Nguyễn Ánh tu bổ địa đồ Phiên Trấn; năm 1790, xây thành bát quái ở tổng Bình Dương, gọi là Gia Định Kinh. Năm 1802 (Gia Long nguyên niên), phủ Gia Định được cải làm trấn Gia Định và năm 1808, lại cải làm Gia Định Thành. Huyện Tân Bình cải thành phủ, có bốn tổng đổi thành bốn huyện là Bình Dương, Tân Long, Thuận An và Phước Lộc. Năm Gia Long thứ 12, huyện Bình Dương chia làm hai huyện là Đông Đường và Tây Đường.

Năm Minh Mạng thứ ba đặt lại thành một huyện, rồi năm thứ 14 cải thành phủ gồm sáu tổng, 105 xã.

Năm 1834, triều Minh Mạng đặt tên Nam Kỳ để gọi chung sáu tỉnh miền Nam là Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Dưới thời Pháp thuộc chia Nam phần thành 21 tỉnh (kể cả tỉnh Vũng Tàu) và vùng Bình Dương được lập thành tỉnh Thủ Dầu Một.

Năm 1862, khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Bộ, anh hùng Trương Định phất cờ khởi nghĩa kêu gọi dân chúng cùng nổi lên chống giặc. Đồng bào Kinh Thượng khắp các tỉnh Đông Nam phần hưởng ứng nhiệt liệt. Đồng bào Stiêng ở phía Bắc Thủ Dầu Một kết hợp với đồng bào các vùng lân cận họp thành một vành đai bao vây Sài Gòn ở phía Bắc và Đông Bắc. Nghĩa quân lấy rừng núi làm

căn cứ kháng chiến, lúc ẩn lúc hiện, đánh thế toàn diện làm cho quân Pháp phải điên đầu chống đỡ. Khi anh hùng Trương Định hy sinh, con ông là Trương Quyền phối hợp với nhà cách mạng gốc Khmer là Pu Cambo đem nghĩa quân đánh chiếm đồn Thủ Dầu Một vào năm 1870.

Dân chúng kính trọng anh hùng Trương Định nên thường gọi là Trương Công Định (Ông Trương Định theo lối gọi kính cẩn thời xưa). Từ năm 1945 đến năm 1947, đồng bào tại xã An Sơn (thuộc quận Lái Thiêu) lập căn cứ kháng chiến đánh Pháp. Vào năm 1956, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đổi tỉnh Thủ Dầu Một thành tỉnh Bình Dương, gồm các quận Trị Tâm, Bến Cát, Phú Hòa, Châu Thành (Phú Cường), Lái Thiêu và Phú Giáo. Qua năm sau, 1957, quận Phú Giáo được tách ra cùng với hai quận của tỉnh Biên Hòa để lập tỉnh Phước Thành.

Phong cảnh, di tích

Vườn Trái Cây Lái Thiêu : Tỉnh Bình Dương không có nhiều thắng cảnh đặc biệt, nhưng nói đến tỉnh này, người ta nhớ đến vùng Lái Thiêu với những vườn trái cây xum xê. Du khách có thể vào vườn mua trái cây bằng cách hái tại chỗ ăn hoặc đem về, hay mua ở các hàng quán chuyên bán trái cây ở khắp Lái Thiêu.

Những năm qua, Lái Thiêu đã được coi là một địa điểm dã ngoại lý tưởng, nhất là đối với thanh niên nam nữ, sinh viên học sinh vào mùa cây trái nở rộ, bắt đầu từ tháng tư, cũng đồng thời vào dịp nghỉ hè. Lợi điểm của Lái Thiêu là ở sát cạnh Thành phố Sài Gòn, hai điểm trung tâm chỉ cách nhau chừng 20 km. Trái cây ngọt của Lái Thiêu đã hấp dẫn các bạn trẻ đến nỗi nếu đi xe đạp, thì cũng chỉ mất không quá một tiếng đồng hồ.

Khu Du Lịch Sóc Xiêm : Cách Thành phố Sài Gòn 120 km, đường đi hoàn toàn trải nhựa, qua nhiều vùng phong cảnh xinh đẹp.

Nơi thích hợp cho du lịch săn bắn, câu cá, phong cảnh tự nhiên xinh đẹp, thơ mộng với thác nước, hồ nước trong xanh giữa vùng rừng đồi cao nguyên. Nơi thuận tiện tổ chức các cuộc tham quan văn hóa về phong tục tập quán của người Stiêng, về cây cao su, về các di tích lịch sử.

Nhiều nhà nghỉ gia đình theo kiểu nhà Krông Tây Nguyên đầy đủ tiện nghi. Nhà hàng đặc sản có phục vụ các món thịt thú rừng.

Chùa Bà Bình Dương : Tọa lạc ở thị xã Thủ Dầu Một, là một trong nhiều ngôi chùa của người Hoa được nhiều người biết đến. Chùa được thành lập giữa thế kỷ 19, nằm trên bờ rạch hương chủ Hiếu. Tuy dân gian gọi là Chùa Bà nhưng thực chất đây là ngôi miếu thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, vị nữ thần được cư dân Châu Á thờ phụng và tôn kính.

Nằm trên một diện tích khá lớn, chùa được xây dựng theo kiến trúc của các chùa miếu của người Hoa. Hai cổng vào sơn đỏ đưa khách tham quan đi qua một khoảng sân rộng. Nơi đây ở góc trên, có đặt một tháp nhỏ dùng đốt giấy vàng bạc khi cúng. Bàn thờ Thiên Phụ Địa Mẫu đặt ngay cửa vào với hai con rồng chầu hai bên. Bốn câu đối treo ngay cửa vào. Sân chùa cũng là nơi sinh hoạt bóng rổ của thanh thiếu niên Hoa trong tỉnh. Trên đỉnh Miếu, với hoa văn trang trí phổ biến tại nhiều nơi : Lưỡng long tranh châu và Cá hóa long.

Hàng năm vào ngày rằm (15) tháng giêng có lễ rước vía Bà. Cả ngày 14 và suốt đêm, tới ngày 15 tháng giêng, khách hành hương đa số là người Việt gốc Hoa từ các nơi lũ lượt hội về chợ Thủ cúng bái, vay tiền làm ăn, trả lễ tiền vay trước và rước hương lộc về nhà. Cái thị xã bậc trung với dáng dấp trung du như thị xã Thủ Dầu Một đã quá tải với lượng người có đến bốn năm trăm ngàn người như thức suốt ngày đêm.

Chùa Hội Sơn, Châu Thới : Theo Sử Triều Nguyễn, chùa Hội Sơn do Thiền sư Khánh Long sáng lập vào đầu thế kỷ 18. Đây là một trong những ngôi chùa cổ nổi tiếng của xứ Gia Định xưa. Hàng năm có đông đảo khách thập phương đến viếng chùa Lễ Phật. Chùa Hội Sơn trên đỉnh Châu Thới có phong cảnh yên tĩnh, trang nghiêm. Đứng ở đây, có thể thưởng thức phong cảnh xinh đẹp của các vùng xung quanh.

Chùa Hội Khánh : Được Thiền sư Đại Ngạn (thuộc dòng Lâm Tế) khai sơn năm Cảnh Hưng thứ hai, đời Lê Hiển Tông, tức năm Tân Dậu (1741). Lúc đầu chùa được xây trên một ngọn đồi cao, nhưng đến năm thứ 14 đời Tự Đức, tức năm Tân Dậu (1861), chiến tranh đã thiêu hủy toàn bộ ngôi chùa. Bảy năm sau (1868), chùa được Hòa thượng Chánh Đắc cho xây dựng lại dưới chân đồi, cách vị trí chùa cũ khoảng 100 m về phía Nam. Địa chỉ của chùa hiện nay là 35 đường Yersin,

phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, cách Thành phố Sài Gòn 25 km về phía Nam.

Chùa Hội Khánh là trung tâm Phật giáo Cổ truyền của cả vùng đất Bình An xưa kia. Đây cũng là trung tâm đào tạo tầng lớp sĩ phu của đất Bình An và đất Thủ Dầu Một sau này. Các nhà sư cũng chính là người dạy học chữ Hán. Chùa Hội Khánh đã góp phần đào tạo nhiều thế hệ tu sĩ để trụ trì các chùa khác trong vùng.

Các dịp lễ hội

Lễ Rước Vía Bà : Theo tập quán đồng bào miền Nam, hàng năm lễ cúng vía Bà (năm bà ngũ hành) vào ngày 23 tháng 3 âm lịch, nhưng lễ hội có quy mô lớn, với đám rước linh đình nhất tại thị xã Thủ Dầu Một lại diễn ra vào ngày rằm tháng giêng. Lễ cúng vía Bà được tiến hành vào lúc nửa đêm 14 rạng ngày 15. Vị chánh tế chủ trì buổi lễ do bốn bang người Hoa ở thị xã Thủ Dầu Một cử ra theo thể thức luân phiên từng năm. Ngôi chùa được trang hoàng rợp cờ đầy màu sắc, và lồng đèn rực rỡ từ cửa tam quan vào đến điện thờ.

Mười hai chiếc lồng đèn lớn, trang trí đẹp mắt, tượng trưng cho mười hai tháng trong năm, treo thành một hàng dài trước sân chùa, làm cho quang cảnh ngày hội thêm lộng lẫy. Chùa có một sân lớn ở phía trước, rộng đến 600 m² vậy mà trong ngày lễ hội trở nên chật chội luôn có đến hàng ngàn, hàng chục ngàn người chen lấn nhau để vào cho được đốt nhang lễ Bà. Người ta phải đặt bốn chiếc lư hương lớn bằng xi măng cẩn sứ ở giữa sân chùa để cho khách hành hương cắm nhang, giải tỏa phần nào khói hương dày đặc làm cay chảy nước mắt mọi người ở trong chính điện.

Khách đi dự lễ hội, cúng chùa ngày nay thường có xu hướng đua nhau đốt hương trường là một loại nhang lớn bằng ngón tay cái và dài cả thước tây. Đó là chưa kể loại hương nhang thẻ nhỏ thông thường có đến hàng bó đốt mỗi người một lúc. Người ta thường cúng nhiều heo quay nguyên cả con với gà vịt, xôi, bánh và trái cây. Heo quay càng lớn, chứng tỏ người cúng đã làm ăn được khấm khá, nhờ Bà, nên giờ trả lễ hậu hĩnh.

Hàng năm, ngày hội rằm tháng Giêng tại Chùa Bà thị xã Thủ Dầu Một đã trở thành ngày hội lớn của cư dân Hoa, Việt ở Nam Bộ. Lễ hội đã tạo điều kiện tăng

cường tình đoàn kết gắn bó của hai dân tộc nhiều hơn và đã trở thành một nét văn hóa chung của dân tộc Việt Nam.

Bình Định

Diện tích : 6076 km².

Dân số : 1.481.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Qui Nhơn.

Các huyện : An Lão, Hoài An, Hoài Nhơn, Phú Mỹ, Phù Cát, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Vân Canh, An Nhơn, Tuy Phước.

Dân tộc : Việt (Kinh), Chăm, Bana...

Là một tỉnh duyên hải miền Trung, phía Bắc giáp Quảng Ngãi, Tây giáp Gia Lai, Nam giáp Phú Yên, Đông giáp biển Đông. Địa hình Bình Định đa dạng có vùng núi, vùng giáp núi, vùng đồng bằng và vùng bãi bồi ven biển. Bờ biển Bình Định dài hơn 100 km với nhiều đảo lớn, nhỏ ngoài khơi. Tỉnh có suối nước khoáng ở huyện Phù Cát.

Bình Định cũng bị bao phủ bởi dãy Trường Sơn về phía Tây, có các nhánh núi đâm ra biển khiến địa thế trở nên hiểm trở. Các dãy núi trùng điệp nhưng không cao lắm, thoai thoải dần về phía Đông :

Dãy Thạch Tấn ngăn Bình Định với Quảng Ngãi, hai tỉnh thông nhau nhờ đèo Bình Đê. Trong dãy này có ngọn Thạc Tấn, nơi giao tranh của quân Nguyễn Ánh và Tây Sơn trước đây. Xuống phía Nam, dãy Trường Sơn chia làm nhiều nhánh, gồm những ngọn núi không cao lắm, đây là nơi cư ngụ của đồng bào Thượng.

Dãy An Lão có các ngọn núi Cheu cao 952 m, Teup cao 960 m, Yon cao 960 m .

Dãy Kinh Sơn nằm trong quận Hoài Ân bao gồm những ngọn núi cao khoảng 500 m và đỉnh Kim Sơn cao 800 m.

Dãy Vinh Thạnh nối với dãy Kim Sơn bởi đèo Giốc Đót, có những ngọn núi cao với địa thế hiểm trở như hòn Bong, hòn Heo và hòn Chuông.

Dãy Triều Châu là phần cuối của dãy Vinh Thạnh, phủ toàn cát trắng, được định làm ranh giới giữa Bình Định và Pleiku bởi đèo Măng Giang (Mang Yang). Dãy Triều Châu còn gọi là dãy Tây Sơn vì là nơi tụ binh của anh em nhà Tây Sơn trước đây. Trong quận An Túc có các đỉnh Konlak cao 1720 m và Kon Bonia cao 1568 m.

Dãy Nam Sơn (còn gọi là vùng núi Binh Sau), có các hòn Ông, hòn Bà, núi Am và

hòn An Tượng. Dãy này ngăn chia Bình Định với Phú Yên, hai tỉnh này thông nhau bởi đèo Cù Mông. Trong quận Phú Cát có núi Bà cao 1100 m.

Các sông trong tỉnh đều xuất phát từ dãy Trường Sơn, gồm ba sông lớn là Lại Giang, sông Côn và sông Ba :

Sông Lại Giang (còn gọi là Lại Dương), có hai nguồn : nguồn An Lão chảy theo hướng Nam gặp nguồn Kim Sơn ở Phú Văn. Nguồn Kim Sơn có nhiều nguồn nước hợp nhau ở Xuân Sơn tạo thành. Rồi chảy theo hướng Đông - Bắc, gặp nguồn An Lão tại Phú Văn. Tại Phú Văn, hai nguồn trên hợp lại thành sông Lại Giang chảy ra biển qua cửa An Giũ.

Sông Ba, phát nguồn từ vùng núi ranh giới phía Tây - Bắc của Bình Định với hai tỉnh Kontum và Quảng Ngãi, rồi chảy dọc theo hướng Bắc - Nam qua các tỉnh Phú Bồn và Phú Yên. Sông ba có một số phụ lưu lớn như sông Dak Katung, sông Dak Pokor...

Sông Côn lớn và là sông quan trọng nhất tỉnh, dài 35 km, cũng phát nguồn từ vùng núi biên giới của ba tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Kontum. Từ nguồn đến Định Quang, sông chảy theo hướng Bắc - Nam và được gọi là suối Kron vì hẹp và ít nước. Từ Định Quang xuống Thượng Giang, sông được gọi là Hà Giao. Từ Hữu Giang và Tả Giang ra đến cửa biển, sông mới chính thức gọi là sông Côn. Từ Phú Phong đến An Thái, sông chảy theo hướng Tây - Đông và chia làm hai nhánh sông Bắc Phái và Nam Phái, hai nhánh này đều đổ ra cửa Thị Nại. Phụ lưu quan trọng nhất là sông Đá Hàng giúp cho sông Côn mở rộng ra, lượng nước dồi dào thêm.

Ngoài ra, sông La Tinh cũng đáng kể, phát sinh từ Hội Sơn thuộc quận Phú Mỹ. Từ nguồn đến Vạn Ninh, sông tiếp nhận nhiều nguồn nước suối từ các ngọn núi và cũng tại đây tách làm hai nhánh là sông Con và sông Cái. Sông Con chảy qua Kiên Trinh, An Lương, An Xuyên rồi đổ vào đầm Đạm Thủy. Sông Cái chảy qua Phú Hội, An Mỹ, An Bình và cũng đổ vào đầm Đạm Thủy. Nguồn Vạn Ninh cách đầm Đạm Thủy khoảng 12 km.

Bờ biển Bình Định dài 100 km, gập ghềnh, có nhiều cửa biển như Thiện Chánh, Cà Công, Hà Rá, Phú Thứ, Đề Gi... Cảng Qui Nhơn là thương cảng quan trọng.

Bình Định có hai mùa : mùa nắng từ tháng Hai đến tháng Chín, mùa mưa từ tháng Mười đến tháng Giêng thường có bão lụt. Hai quốc lộ 1, 19 và liên tỉnh lộ 6 là những đường giao thông quan trọng, nối liền Bình Định với những tỉnh khác. Tỉnh có hai phi trường ở Qui Nhơn và An Túc.

Bình Định có nhiều đặc sản nổi tiếng gần xa như : tơ lụa, yến xào, tôm, cá, gỗ quí, trầm hương dầu thực vật, gạo, đá ốp lát và hàng thủ công mỹ nghệ.

Sinh hoạt, kinh tế

Vì Bình Định có nhiều đồng bằng nên dân chúng sống đông đúc hơn các tỉnh khác ở Trung phần. Người Kinh sống phần lớn ở vùng đồng bằng thành phố, ngoài ra còn có người Chàm và người Thượng (sắc tộc Bahnar) sống ở miền núi. Đa số dân chúng theo đạo Phật, Thiên Chúa và một số đạo khác, thờ cúng Tổ Tiên.

Dân chúng đều tập luyện võ Bình Định (còn gọi là võ Tây Sơn), là một môn võ luyện tập cho thân thể khỏe mạnh, để tự vệ, nhưng đã góp phần rất lớn trong công cuộc cứu nước của tiền nhân. Võ Tây Sơn có từ ngàn xưa và được cải tiến, phát triển, trong suốt tiến trình tranh đấu chống ngoại xâm và đánh đổ bạo quyền. Võ Bình Định còn là môn võ tinh thần, luyện tập cho ý chí thêm kiên cường, tâm hồn cao thượng, thương dân, yêu nước.

Về kỹ thuật, võ Bình Định gồm có quyền thuật và mười lăm môn binh khí, nhưng sở trường nhất là quyền, côn, kiếm, đao và thương. Hiện nay, võ Bình Định có hai môn phái chính là phái An Thái, sở trường về quyền thuật và phái Thuận Truyền, sở trường về kiếm thuật và đánh roi. Nói lên tính ưa chuộng môn võ này, dân gian có câu ca dao :

Ai về Bình Định mà coi,
Con gái Bình Định múa roi đi quyền.

Dân trong tỉnh rất khéo léo chân tay về ngành dệt và chạm trổ. Trước năm 1975, những ngày hội, nhất là Tết Nguyên Đán, dân chúng thường tổ chức rất lớn, đều có Hát Bội (Hát Bộ) và hò Bài Chòi. Nhà cửa có lối kiến trúc lạ : mái dầy, nhà thấp, hình dáng ôm ôm như những nhà tranh ở tỉnh Hà Đông. Lý do giản dị là dân ta ở Hà Đông vào lập nghiệp khá nhiều.

Gần 80% dân chúng sống bằng nghề nông, gạo trong tỉnh dư thừa, còn có thể cung

cấp cho Pleiku và Quảng Ngãi. Các hoa màu phụ trồng rất nhiều là khoai mì, đậu phụng, dừa, bông vải, thuốc lá. Đặc biệt là dừa ở Phú Mỹ và Tam Quan có mức sản xuất khá cao. Cây ăn trái cũng được trồng nhiều trong tỉnh như cam, chuối, quít, xoài, dứa. Một loại đặc sản nổi tiếng của Bình Định là bánh tráng và dân chúng trong tỉnh rất chuộng bánh tráng, nhiều lúc chỉ dùng bánh tráng nhúng nước để ăn thay xơm bữa. Xưa, trong trận chiến thắng quân Thanh, đạo dân quân của vua Quang Trung đã dùng bánh tráng như một loại lương khô tiện lợi trên đường tiến quân thần tốc ra Bắc.

Ngành ngư nghiệp phát triển mạnh vì có bờ biển dài, nhiều sông ngòi. Làm nước mắm cũng là nghề thịnh hành trong tỉnh. Đồng cỏ Bình Định khá tốt, tiện cho việc chăn nuôi. Lâm sản cũng là một nguồn lợi đáng kể, có nhiều gỗ quý như gõ, trắc, lim, bằng lăng... Khoáng sản chỉ có muối với số lượng sản xuất cao.

Lược sử

Đất Bình Định xưa thuộc bộ Việt Thường, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đời Tần là huyện Lâm Ấp thuộc Tượng quận, đời Hán là huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam. Năm 137, một thổ dân là Khu Liên chiếm đất này tự xưng là Lâm Ấp Vương. Đời nhà Tùy lấy lại đặt làm quận Xung Châu, sau đổi tên là quận Lâm Ấp gồm bốn huyện Kim Sơn, Tương Phố, Giao Giang và Nam Cực. Đến đời Đường, quận này được đổi làm Châu Lâm gồm ba huyện Kim Long, Hải Giới và Lâm Ấp.

Đầu thế kỷ thứ 9, vua Chiêm Thành chiếm đất này, rồi dời kinh đô từ Quảng Nam vào Bình Định và đặt tên cho kinh đô mới là Đồ Bàn (Vijara), còn gọi là Chà Bàn. Đến năm 1470, vua Lê Thánh Tông chiếm được thành Đồ Bàn. Miền đất này được sát nhập vào đạo Quảng Nam, trở thành phủ Hoài Nhơn gồm ba huyện Bồng Sơn, Phú Lý và Tuy Viễn thuộc Quảng Nam. Năm 1602, thời Nguyễn Hoàng, Hoài Nhơn đổi thành Qui Nhơn. Kể từ đây, địa danh Qui Nhơn đã được ghi vào lịch sử với biết bao thăng trầm qua những trận đánh vô cùng khốc liệt.

Năm 1771, nhà Tây Sơn khởi nghĩa. Năm 1773, Nguyễn Nhạc đắp thêm thành Đồ Bàn, đặt tên là Hoàng Đế thành. Tỉnh Bình Định, đất Qui Nhơn đã sản sinh một đại anh hùng của dân tộc, đó là vua Quang Trung Nguyễn Huệ, người đã đánh

đuổi giặc nhà Thanh ra khỏi bờ cõi vào mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, với chiến thắng Đống Đa lừng danh lịch sử.

Vua anh hùng có tướng anh hùng. Quận Bình Khê, làng Xuân Hòa, quê anh thư Bùi Thị Xuân, vị nữ tướng can trường đã cùng với các tướng đầu tiên vào giải phóng thành Thăng Long. Làng Phú Mỹ, quê anh hùng Võ Văn Dũng, vị tướng tài ba trong trận đại phá quân Thanh.

Nói đến cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, phải nhắc đến làng Tây Sơn trên cao nguyên An Khê, căn cứ địa đầu tiên chiêu binh mãi mã, và được đồng bào Thượng tham gia, tiếp vận lương thực rất nhiều. Đến đời vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toàn yếu thế bị Nguyễn Ánh đem quân đánh lần thứ ba thì phá được thành, chiếm Qui Nhơn và đổi tên là thành Bình Định năm 1799.

Năm 1800, thành này bị hai dũng tướng của Tây Sơn là Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng vây đánh ráo riết, trong lúc đó quân Nguyễn Ánh dồn tiến ra Quảng Nam, Phú Xuân. Hai tướng giữ thành là Võ Tánh, Ngô Tùng Châu đều tuẫn tiết. Sau đó, Nguyễn Ánh lấy được Phú Xuân, trở về chiếm lại Qui Nhơn, mới đặt tên là dinh Bình Định. Sau khi Gia Long lên ngôi, dinh Bình Định trở thành trấn. Năm 1832, đời Minh Mạng, trấn Bình Định trở thành tỉnh. Năm 1852, Tự Đức lấy từ Bình Định vô tới Bình Thuận đặt làm Tả Kỳ.

Thời Pháp thuộc, dân chúng Bình Định tham gia kháng chiến rất mạnh mẽ. Tháng 7-1885, vua Hàm Nghi truyền hịch Cần Vương kêu gọi toàn dân vùng dậy. Tổng đốc Bình Định là Đào Doãn Địch liền từ quan, cầm đầu các Văn Thân chống quân Pháp. Lúc bấy giờ, làng Phú Lạc, quận Bình Khê, có người thanh niên 25 tuổi Mai Xuân Thưởng, văn võ song toàn, chiêu mộ những người nghĩa dũng, đem quân về đứng dưới lá cờ khởi nghĩa của ông Đào Doãn Địch.

Tháng 9-1885, ông Đào Doãn Địch mất, Mai Xuân Thưởng lãnh đạo phong trào kháng chiến tại Bình Định. Giúp ông có các tướng văn võ như Bùi Điền, Nguyễn Cang, Nguyễn Hóa, Trần Nha (người quận Bình Khê), Đặng Thành Tích (người quận An Nhơn), Nguyễn Trọng Trì, Trần Trung, và đông đảo đồng bào Kinh, Thượng tham gia. Nghĩa quân đánh giặc Pháp nhiều trận liệt, riêng hai trận Thủ Thiện (thuộc quận Bình Khê), Cẩm Văn (thuộc huyện Tuy Phước), làm quân giặc

hao tổn binh tướng rất nhiều. Tháng 6-1886, một đạo nghĩa quân Bình Định phối hợp với quân Nghĩa Hội Quảng Bình, vượt qua núi Thạch Tấn đánh chiếm quận Bình Sơn (Quảng Ngãi). Pháp dùng kế phủ dụ ông Mai Xuân Thưởng không được, bèn cùng với hai tên việt gian Trần Bá Lộc, Nguyễn Thân đem đại binh vây căn cứ nghĩa quân.

Quân ta phải rút về vùng Linh Đổng tính kế trường kỳ, nhưng tại trận Phú Phong, các anh hùng Bùi Điền, Nguyễn Cang, Nguyễn Hóa tử trận. Bọn Trần Bá Lộc sai bắt dân làng Phú Lạc, Phú Phong làm áp lực. Ông Mai Xuân Thưởng tự mình ra gặp giặc để cứu dân lành và mẹ. Sau đó ông bị giặc Pháp đem ra hành hình.

Phong cảnh, di tích

Ghềnh Ráng : Quần thể du lịch Ghềnh Ráng ở phía Đông Nam thành phố Qui Nhơn và cách trung tâm thành phố 3 km. Ghềnh Ráng có diện tích rộng 35 ha, là thắng cảnh đẹp với bãi cát trắng chạy dài, nước biển trong xanh. Nơi đây có bãi đá Trứng còn gọi là bãi tắm Hoàng Hậu bên cạnh đồi Thi Nhân với mộ nhà thơ Hàn Mặc Tử, những hang động đa hình đa dạng, những tượng đá mặt người, đầu sư tử, hòn vọng phu, hòn chồng, hòn vợ, đầu voi... do thiên nhiên tạo dáng dọc ghềnh đá bờ biển nơi đây. Từ Ghềnh Ráng có thể nhìn bao quát bờ Đông của thành phố Qui Nhơn và bán đảo Phương Mai.

Bãi Tắm Hoàng Hậu : Nằm trong khu Ghềnh Ráng, bãi tắm Hoàng Hậu được xem là bãi tắm đẹp nhất ở tỉnh Bình Định. Ở đây có một bãi đá rộng 100 m², gồm toàn những hòn đá xanh, nhẵn thín như một bãi trứng khổng lồ. Phía trước bãi là những bức tường đá thiên nhiên đứng che chắn sóng gió tạo nên vùng nước lặng. Trước năm 1945, vua Bảo Đại đến đây du ngoạn, cho xây dựng khu nhà nghỉ 3 tầng hệt một con tàu đang lướt sóng, sân thể thao bên cạnh bãi tắm. Bãi tắm với bao hòn trứng đá khổng lồ chỉ dành riêng cho Nam Phương Hoàng Hậu tắm nên được đặt tên "Bãi tắm Hoàng Hậu".

Bán Đảo Phương Mai - Thị Nại : Thuộc huyện đảo của thành phố Qui Nhơn, cách thành phố 8 km về phía Đông Bắc. Bán đảo Phương Mai rộng 300 ha có núi Phương Mai, nơi còn bảo tồn được hệ sinh thái tương đối phong phú với nhiều loại động, thực vật quí, nhiều cảnh đẹp. Phía Tây bán đảo, cạnh núi Phương Mai là

đầm Thị Nại. Đầm là một môi trường nuôi trồng các loại hải sản và cũng là điểm tham quan du lịch.

Suối Nước Nóng Hội Vân (Suối Tiên) : Suối ở cách trung tâm thành phố Qui Nhơn 50 km về hướng Tây Bắc thuộc huyện Phù Cát. Nước suối có độ nóng 78°C đến 84°C gồm nhiều thành phần hóa học : bicatbonat - clorua natri thuộc nhóm nước khoáng silic; hàm lượng axit silic trong nước rất cao 101mg/l chữa được các bệnh thấp khớp, thần kinh, tim mạch, các bệnh ngoài da... Nhà điều dưỡng dùng các phương pháp tắm ngâm, tắm hương sen, phun hơi ở độ nóng 38°C giúp cho việc chữa bệnh, tăng cường sức khỏe.

Thắng Cảnh Hầm Hô : Hầm Hô là tên một dòng suối lớn (một nhánh của dòng sông Côn), chảy qua khu rừng già, nơi có nhiều tảng đá lớn muôn hình muôn vẻ, thuộc địa phận xã Phú Bình, huyện Tây Sơn, cách thành phố Qui Nhơn khoảng 55 km về hướng Tây Bắc. Thiên nhiên ở đây yên tĩnh với nhiều cảnh quan đẹp, hấp dẫn và là nơi tham quan, nghỉ ngơi của các tour du lịch sinh thái nằm trong tuyến tham quan du lịch Sơn Tây - Hầm Hô. Hầm Hô còn là địa danh lịch sử liên quan đến những cuộc khởi nghĩa Tây Sơn và các nghĩa binh của Mai Xuân Thưởng.

Thành Hoàng Đế (Thành Chà Bàn) : Thuộc địa phận xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn và cách thành phố Qui Nhơn 27 km về hướng Tây Bắc. Thành được xây dựng vào cuối thế kỷ 10, dưới triều đại vua Yangpuku Vijaya. Đây là kinh đô cuối cùng của vương quốc Chămpa và các vua Chăm đã đóng ở đây từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 15. Di tích hiện nay không còn nguyên vẹn, chỉ còn sót lại các bức tường thành. Tường thành xây bằng đá ong, có hào, đường lát đá hoa cương.

Trong thành có những di tích cũ của người Chăm như giếng vuông, tượng nghê, voi, bên cửa hậu có gò Thập Tháp, trên gò vốn có 10 ngôi tháp Chàm. Đặc biệt có ngôi tháp Cánh Tiên cao gần 20 m, góc tháp có tượng rắn làm bằng đá trắng, 2 voi đá và nhiều tượng quái vật. Chùa Thập Tháp Di Đà nằm ở phía Bắc thành, chùa Nhạn Tháp ở phía Nam thành là những ngôi chùa cổ. Trong đó còn giữ được nhiều di tích, hiện vật liên quan đến văn hóa Chămpa và phong trào Tây Sơn.

Đến năm 1778, Nguyễn Nhạc tự xưng là Trung Ương Hoàng đế, đóng đô ở đây, gọi là Hoàng Đế thành; mở rộng về phía Đông, xây dựng nhiều công trình lớn.

Năm 1799, thành bị quân nhà Nguyễn chiếm, đổi gọi là thành Bình Định. Năm 1814, nhà Nguyễn phá bỏ thành cũ, xây thành mới, cách thành cũ khoảng 5 km về phía Nam.

Nhà Bảo Tàng Quang Trung : Nguyễn Huệ là một anh hùng dân tộc có công dẹp loạn trong nước và đánh đuổi quân xâm lược. Năm 1788 ông thống lĩnh đại quân từ Phú Xuân (Huế) hành quân thần tốc 35 ngày đêm ra Bắc đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược, giải phóng Thăng Long (nay là Hà Nội). Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế hiệu là Quang Trung.

Nhà bảo tàng Quang Trung và tượng đài anh hùng được dựng trên khu đất nơi sinh ra Nguyễn Huệ ở làng Kiên Mỹ, xã Bình Thạnh, huyện Tây Sơn, cách thành phố Qui Nhơn khoảng 45 km.

Đến bảo tàng Quang Trung, du khách được xem các hiện vật trưng bày ở đây về những chiến tích của vua Quang Trung. Ngoài ra, du khách còn được thưởng thức điệu múa trống võ Tây Sơn , một môn võ truyền thống của Bình Định. Đặc biệt cô gái biểu diễn trống trận Quang Trung là cháu đời thứ 9 trong một gia đình có truyền thống "chơi" trống trận.

Thành Thị Nại : Thành Thị Nại một thời từng là trung tâm của vương quốc Chămpa trong quá trình di chuyển từ đất Quảng Nam vào Quảng Ngãi trước áp lực của nhà nước phong kiến Đại Việt. Thị Nại là đô thị cổ đại duy nhất và lớn nhất của vương quốc Chămpa tồn tại trong suốt 5 thế kỷ (từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 15). Thị Nại cũng là cảng khẩu ven đầm, gần biển với hai chức năng quân cảng và thương cảng.

Theo các cứ liệu nghiên cứu lịch sử cho biết niên đại của thành Thị Nại (hay cảng Thị Nại) được xây cất sớm nhất là vào năm 803, muộn nhất là năm 1000, khi người Chàm dời vào đóng đô ở Đồ Bàn thì thành đã có rồi. Thành Thị Nại cách bờ Đông của đầm Thị Nại 5 km, cách thành Đồ Bàn 22 km ở phía Tây - Tây Bắc, cách Tháp Đôi 24 km về hướng Đông - Đông Nam. Thành hiện còn dài 200 m, dày khoảng 3 m, cao còn 1,8 m. Bờ thành nằm dọc sông Côn thuộc xã Phước Quang và một phần xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước.

Chùa Thập Tháp (Thập Tháp Di Đà Tự) : Chùa Thập Tháp do nhà sư Nguyên

Thiều (pháp danh Siêu Bạch) được xây dựng vào năm 1665, thời chúa Nguyễn Thái Tông, Nguyễn Phúc Tần, tại xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, ở cách thành phố Qui Nhơn 27 km về hướng Tây Bắc. Chùa tọa lạc trong phạm vi thành Đồ Bàn, đế đô của vương triều Chămpa cũ, trên một ngọn đồi thoáng mát có dòng suối Bàn Khê chảy bao quanh cùng với hồ sen tạo nên một khung cảnh tĩnh mịch. Trong khuôn viên chùa là vườn cây ăn trái xanh tốt.

Chùa có lối kiến trúc phương Đông theo hình chữ "khẩu" với 4 khu chính : Chính điện, Phương trượng, Đông đường và Tây đường. Chính điện có Đại Hùng bảo điện và 2 gian thờ phụ hai bên. Bên trong , nội thất trang trí, chạm trổ tinh vi với các họa tiết hoa sen, xấp sách, hoa cuộn trên gỗ quí, những đường nét rồng bay, phượng múa, cách điệu rất trang nhã. Chùa xây bằng loại gạch nung màu đỏ lấy từ 10 tháp Chàm đã đổ nát ở đồi Long Bích, nên mới có tên gọi Thập Tháp. Nhiều người cho rằng chùa còn tọa lạc trong vùng Uyển Lăng của các triều đại vua chúa Chăm trước vì chùa vẫn còn 3 giếng Chàm hình vuông, nước ngọt, trong vắt.

Chùa Long Khánh : Tọa lạc tại trung tâm thành phố Qui Nhơn, chùa được xây dựng dưới thời vua Lê Dụ Tông (thế kỷ 18). Chùa là nơi truyền bá tín ngưỡng Phật giáo trong vùng thời bấy giờ. Hiện nay chùa còn lưu giữ 2 hiện vật quý :

Thái Bình Hồng Chung (chuông Hồng Thái) được đúc vào năm 1805, triều vua Gia Long.

Tấm dấu biểu trưng "Long Khánh Tự" được in vào năm 1813 triều vua Gia Long.

Chùa Sơn Long : Chùa nằm trên địa phận xã Nhơn Bình, thành phố Qui Nhơn. Chùa do thiền sư Bửu Quang khởi dựng vào cuối thế kỷ 17, với tên là Thiên Thất Giang Long ở huyện Tuy Viễn, phủ Tuy Ninh, trấn Bình Định (cũ). Đến năm 1744, chùa được thiền sư Thanh Thiền cho di chuyển về địa điểm hiện nay và đổi tên chùa Sơn Long. Ngôi chùa hiện nay được trùng tu vào năm 1954. Trong khuôn viên chùa có vườn tháp.

Tháp Bánh Ít : Còn được gọi là Tháp Bạc, cách thành phố Qui Nhơn 25 km. Tháp gồm 4 tháp và nằm trên 1 ngọn đồi cao. Tháp chính cao 22 m. Đứng bên tháp Bánh Ít, du khách sẽ được ngắm nhìn phong cảnh trù phú của đồng quê Việt Nam.

Chùa Hang (Chùa Thạch Cốc) : Chùa Hang còn gọi là Thạch Cốc Tự hay Thiên

Sanh Thạch Tự. Chùa tọa lạc tại núi Ly Thạch, thuộc xã Mỹ Hòa, huyện Phú Mỹ. Từ Qui Nhơn theo quốc lộ 1A về hướng Bắc, đến thị trấn Phú Mỹ khoảng 40 km. Sau đó đi thêm 4 km về hướng Tây thì đến nơi. Chùa Hang tuy nhỏ, nhưng nó mang một nét đẹp riêng của chốn núi rừng âm u, huyền bí.

Sau khi khởi hành từ chân núi đi qua nhiều bậc đá quanh co, khúc khuỷu, là đến sân chùa. Du khách nhìn thấy một tảng đá lớn từ bên trong sườn núi nhô ra ngoài trông như một mái hiên khổng lồ. Tảng đá dài hơn 10 m, rộng 5 - 6 m, mặt dưới nhẵn thín chỉ cách mặt đất chừng vài mét. Dưới mái hiên "thiên tạo" ấy là miệng hang vòng dẫn vào lòng núi. Hang dài vài chục mét, rộng khoảng 5 m, giữa là bàn thờ Phật hương khói nghi ngút. Trước bàn thờ cũng có một miệng hang nữa đi vào lòng đất sâu thăm thẳm. Có nhiều người đoán rằng cái hang này thông ra biển cách xa đến 9 km. Phía sau bàn thờ Phật có đường đi thẳng lên đỉnh núi. Hang lên trời này nhỏ hẹp, lòng hang chỉ lọt một người vào. Chùa được lập vào cuối thế kỷ 19 dưới triều vua Thành Thái.

Chùa Hang là một danh lam thắng cảnh có tiếng ở Bình Định. Vào những ngày lễ tết, tấp nập khách hành hương đến lễ bái và thăm viếng chùa. Sau khi viếng chùa xong, du khách ra khỏi hang sâu trèo lên mái hiên ngắm phong cảnh, sau lưng là đá núi lô nhô, cây cối xanh tốt. Còn trước mặt là ruộng vườn, nương rẫy trải dài một màu xanh bạt ngàn. Khói nhang bên trong hang nghi ngút tỏa ra quyện cùng sương núi, cảnh trí trở nên huyền ảo như chốn bồng lai tiên cảnh.

Tháp Dương Long : Tháp thuộc xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn. Từ quốc lộ 1A, tại Gò Găng, cách thành phố Qui Nhơn 40 km và Đà Nẵng 270 km có lối rẽ hướng Tây vào sân bay Phú Tài. Trước cổng sân bay rẽ tay trái đi tiếp chừng 9 km nữa là tới. Dương Long là một cụm gồm 3 tháp lớn nhất trong số các tháp Chàm hiện còn. Tháp giữa cao nhất, khoảng 35 m. Đây là cụm tháp được xây vào thế kỷ 12, có kiến trúc rất đẹp.

Phần thân tháp xây gạch, các góc được ghép những tảng đá lớn và các trang trí điêu khắc đều bằng đá. Cửa tháp quay hướng Đông và được nâng lên khá cao, chừng khoảng 1,5 m và khung cửa là những khối đá lớn. Nửa phần trên của tháp gần như hoàn toàn bằng những khối đá được xếp chồng lên nhau rất khéo. Ở các

góc là nhiều mảng chạm lớn với hình những con vật như chim thần Garuda, voi, đại bàng... Các mặt phẳng của tường được phủ nhiều bức phù điêu lớn có hình lá đề mô tả cảnh múa hát, tu sĩ. Những người này được thể hiện có đầu tương đối lớn, đội mũ có chỏm cao. Đặc biệt là những đỉnh tháp ở đây là những bông sen vĩ đại với nhiều lớp cánh hoa hơi hướng lên trên. Mọi chi tiết trang trí ở tháp này đều rất lớn, trổ trên sa thạch, đường nét rõ ràng và còn giữ được rất tốt. Chỉ riêng những khối đá lớn trên máy đã bị sai lệch nhiều.

Tịnh Xá Nguyên Thiều : Chùa được xây dựng vào năm 1956 trên một quả đồi gần tháp Bánh Ít, thuộc xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước. Bên phải Phật đài có bức tượng Thích Ca màu trắng cao 15 m, ngồi thiền trên đài sen được dựng năm 1962. Hai bên thành bậc lên xuống Phật đài có chạm hình rồng uốn rất đẹp.

Tháp Cánh Tiên : Thuộc xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, cách Qui Nhơn 27 km về hướng Tây Bắc, tháp được xây dựng vào khoảng thế kỷ 16, còn gọi là tháp Con Gái. Tháp Cánh Tiên là công trình kiến trúc có hình dáng trang nghiêm và đẹp với phong cách xây dựng bài trí văn hóa Chàm.

Tháp Đôi : Thuộc địa phận phường Đống Đa, thành phố Qui Nhơn, cách trung tâm thành phố 3 km. Tháp được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ 11, đã được trùng tu vào năm 1996. Tháp Đôi còn gọi là tháp Hưng Thành, gồm 2 tháp, một tháp cao 18 m và một tháp cao 20 m. Tháp hình chóp, phần thân và chân tháp đều bằng nhau.

Ngoài những tháp kể trên , Bình Định còn có **tháp Phú Lộc** ở xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn cách thành phố Qui Nhơn 35 km về phía Tây Bắc; **tháp Thử Thiện**, xã Bình Nghi, Tây Sơn cách Qui Nhơn 35 km; **tháp Bình Lâm**, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước cách Qui Nhơn 22 km được xây dựng từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 15 dưới thời vương quốc Chămpa.

Các dịp lễ hội

Lễ Cúng Cá Ông : Ở các xã ven biển Bình Định thường xuyên mở hội cúng Cá Ông vào ngày 15-3 âm lịch tại các đền thờ Cá Ông. Theo truyền thuyết, Cá Ông thường cứu giúp thuyền và người bị nạn trên biển. Ngoài nghi lễ truyền thống, trong hội còn có hát bả trạo, hát bội.

Lễ Hội Tây Sơn : Lễ hội Tây Sơn được tổ chức hàng năm vào ngày 5-1 âm lịch

(chính hội), bắt đầu tổ chức từ ngày mồng bốn và kéo dài đến vài ngày sau tại xã Nghi Bình, huyện Tây Sơn để tưởng nhớ các thủ lĩnh của phong trào Tây Sơn, đặc biệt là người anh hùng áo vải Quang Trung và kỷ niệm chiến thắng Ngọc Hồi Đống Đa (năm 1789), đánh thắng 29 vạn quân Thanh. Ngoài nghi lễ truyền thống, trong hội còn có nhiều hoạt động văn hóa dân gian các dân tộc Việt, Bana; nhiều cuộc biểu diễn võ thuật như đấu võ, đánh côn, đi quyền... Tiết mục độc đáo của lễ hội là cuộc thi đánh trống bộ, mỗi bộ 12 chiếc trống da, còn gọi là trống trận Tây Sơn và diễn cảnh đánh trận giả làm sống lại khí thế hào hùng của nghĩa quân Tây Sơn năm xưa trên đất Tây Sơn - Bình Định.

Lễ Hội Đổ Giàn : Tổ chức vào ngày 15-7 âm lịch hàng năm tại chùa Bà, làng An Thái, huyện An Nhơn. Ngoài ý nghiã lễ Vu Lan -lễ báo hiếu nhà Phật, đây còn là hội đua tài của các võ sĩ của các làng võ quanh vùng. Trong lễ hội có nhiều sinh hoạt văn hóa, đặc biệt là hát bội. Phần chính của hội là tranh tài cướp heo quay, vật cúng thần từ trên giàn cao tung xuống mang về cho làng mình. Người thắng cuộc là người được nhân dân quý trọng.

Hội Làng Thị Tứ : Làng Thị Tứ thuộc xã Đập Đá, huyện An Nhơn, là làng có truyền thống làm rèn và chạm vàng Tây. Lễ hội hàng năm vào ngày 12-2 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của ông Đào Giã Tượng, ông tổ của nghề rèn đã có công truyền nghề cho dân làng. Lễ hội diễn ra ở nhà thờ họ Đào để cúng lễ tổ sư nghề rèn, cỗ bàn rất linh đình. Sau lễ tế có vui chơi, ca hát văn nghệ.

Hội Xuân Chợ Gò : Được tổ chức vào 2 ngày : mồng 1 và mồng 2 tết tại chợ Gò, Trường Úc, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước. Trong hội chợ có bán nhiều hàng hóa, chủ yếu là trái cây các loại, đồ chơi trẻ em... và tổ chức nhiều trò chơi dân gian như chọi gà, hát bài chòi, cờ người, hái lộc, dạo cảnh...

Bình Phước

Diện tích : 6796 km².

Dân số : 708.100 người (2001).

Tỉnh Lỵ : Thị xã Đồng Xoài.

Các huyện : Đồng Phú, Phước Long, Lộc Ninh, Bù Đăng, Bình Long.

Dân tộc : Việt (Kinh), Xtiêng, Khmer, M'Nông...

Bình Phước là tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Nam Bộ. Ở vào vị trí tiếp giáp giữa đồng bằng và cao nguyên, phía Tây và Tây Bắc giáp Cam Pu Chia, phía Đông giáp các tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng, phía Nam giáp các tỉnh Đồng Nai và Bình Dương, phía Tây giáp Tây Ninh.

Đây là tỉnh có nhiều rừng. Ở Đông Bắc có ngọn núi Bà Rá cao 733 m và dãy núi thấp quanh Lộc Ninh. Còn lại là rừng bạt ngàn. Rừng rậm nhưng đất khá bằng phẳng. Phần lớn là đất đỏ nên trồng cây công nghiệp rất tốt. Bình Phước là nơi có nhiều rừng cao su lớn, vườn cây cà phê, điều, tiêu...

Tỉnh có hai con sông chảy từ Bắc xuống Nam : phía Tây là sông Sài Gòn, phân giới giữa tỉnh Bình Phước và Tây Ninh, phía Đông là Sông Bé, có các nguồn từ phía Bắc tỉnh, đoạn dưới đi vào đất Biên Hòa, đổ vào sông Đồng Nai.

Khí hậu Bình Phước chia hai mùa : mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 4 đến tháng 11 năm sau. Phía Bắc nhiều rừng nên ẩm thấp hơn phía Nam, lượng mưa trung bình hàng năm 2110 mm.

Giao thông đường bộ chính là đường 13, từ thành phố Sài Gòn đi Lái Thiêu - Thủ Dầu Một - Bến Cát (Bình Dương) rồi Chơn Thành và Hớn Quản (huyện Bình Long - Bình Phước) - Lộc Ninh và rẽ phía Tây 15 km đến biên giới. Đường 14 từ ngã tư Chơn Thành (huyện Bình Long - là đoạn cuối của đường 14) đi Đồng Xoài, rồi lên tiếp Buôn Mê Thuột. Ngoài ra còn có đường 77 từ Đồng Xoài về Thủ Dầu Một. Thị xã Đồng Xoài là tỉnh lỵ của tỉnh Bình Phước. Bình Phước là một nơi có nhiều cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử còn ít người biết đến. Đó là các Thác Mơ, núi Bà Rá, thác số 4, đồng cỏ Bàu Lạch.

Sinh hoạt, kinh tế

Phần lớn dân cư trong tỉnh là người Kinh, ngoài ra là đồng bào Thượng (gồm có

các sắc tộc Stiêng, Mạ, Tà Mun), người Việt gốc Chàm và gốc Khmer. Những tôn giáo chính là đạo Phật, Thiên Chúa, Cao Đài, Hòa Hảo, thờ phụng tổ tiên và thần linh.

Bình Phước quá nhiều rừng rậm và đất đỏ nên nguồn lợi chính trong tỉnh không phải là lúa gạo mà là cao su. Có thể nói đây là nơi trồng nhiều cao su nhất nước. Thêm vào đó rừng đã đem lại số lâm sản tỉnh lỵ đến sông Bé có những rừng tre bạt ngàn. Ngoài ra dân chúng đáng kể như cẩm lai, sao, gỗ và nhiều gổ tạp như dầu bằng lăng...Từ còn trồng mía một số hoa màu phụ và cây ăn trái.

Lược sử

Lịch sử của tỉnh Bình Phước gần giống như lịch sử của các tỉnh Đồng Nai và Bình Dương. Xưa, Bình Phước thuộc tỉnh Bà Lỵ, có người Chàm, Khmer, và Thượng sống rải rác. Vào thế kỷ 17 và 18, các chúa Nguyễn bắt đầu khai khẩn tới vùng này, đặt dinh Trấn Biên cai quản. Đất Bình Phước xưa là một thôn trong địa hạt tổng Dương Hòa, thuộc huyện Bình Dương. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) huyện Bình Dương thuộc Tân Bình thống hạt. Sau đó Bình Long được đặt làm huyện. Đất Bình Phước xưa là một thôn trong địa hạt tổng Dương Hòa, thuộc huyện Bình Dương. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) huyện Bình Dương thuộc Tân Bình thống hạt. Sau đó Bình Long được đặt làm huyện.

Năm Mậu Dần 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược các xứ Cao Miên, lấy xứ Lộc Dã (tức Đồng Nai) đặt làm huyện Phước Long và lập dinh Trấn Biên (các địa đầu biên giới gọi là Trấn). Đến năm 1808, Gia Long đem trấn Biên Hòa thuộc Gia Định, đặt Phước Long thành phủ. Năm 1832 Minh Mạng đặt Biên Hòa thành tỉnh (một trong sáu tỉnh Nam phần) rồi đặt thêm quận Phước Bình vào năm 1837. Năm 1851, Tự Đức đem hai huyện Phước Bình và Long Khánh nhập vào các phủ Phước Long và Phước Tuy kiêm nhiếp.

Đất này trước gọi là Bà Rá (B'RA) và đồng bào Striêng sống ở đây. Nhờ địa thế và chiến đấu giỏi nên sắc tộc Stiêng vẫn bảo vệ được tự do, độc lập. Đầu thế kỷ 19, người Chân Lạp nhiều lần tìm đường xâm nhập vùng núi Yumbra nhưng bị đẩy lui. Đến giữa thế kỷ 19 sau khi chiếm được Sài Gòn và Cam Bốt, quân Pháp cho nhiều toán xâm nhập, dò thám tình hình sinh hoạt của đồng bào Striêng. Từ

năm 1906, chúng đặt một Đại Lý hành chánh tại Hớn Quản và một đồn tại Bù Đốp. Năm 1920, quân Pháp lại cử một toán hành chính lên thám sát tại vùng Bà Rá qua ngã Phú Riềng và lập Đại Lý Hành Chánh tại đây lầy tên là sông Bé.

Năm 1929, giặc Pháp mở nhiều đường sá để tiến vào bình định các buôn làng, nhưng chúng bị đồng bào Thượng đánh phá dữ dội khi mở quốc lộ 14 từ Ban Mê Thuột đến Kon-Tum qua ngã Bù Đốp, vào tháng 10-1933, không chịu nổi sự cai trị tàn ác và kế hoạch cưỡng ép đi phu của quân Pháp, đồng bào Stiêng nổi lên giết tên Đại Lý hành chánh là Morère ở đồn Bà Rá và mở đầu cho cuộc kháng chiến ở vùng cao nguyên dưới sự lảnh đạo của Tù trưởng Pou Trang Lung. Thêm vào sự hợp lực của các sắc tộc khác như M' Nông, Biệt Nông, đồng bào Thượng đã áp dụng chiến thuật "vườn không nhà trống", rút vào rừng sâu lập căn cứ, phá hoại các trục giao thông để cô lập giặc. Tháng giêng 1934 các nghĩa quân M'nông và Striêng tấn công đồn Bu Coh và bao vây đồn Bu Nard (hai đồn này ở phía Nam đồn Bà Rá). Công cuộc kháng chiến đang diễn tiến thuận lợi thì cuối tháng 6-1935, lãnh tụ Pou Trang Lung và một số cấp chỉ huy sa vào tay giặc và bị giết ngay, thế là cuộc nổi dậy tan rã.

Phong cảnh, di tích

Khu Du Lịch Sóc Xiêm : Cách thành phố Sài Gòn 120 km, cách thị trấn An Lộc (huyện Bình Long) gần 5 km, hồ Sóc Xiêm nằm giữa một thung lũng, một bên là cánh rừng cao su, bên kia là khu dân cư. Nơi đây thích hợp cho du lịch săn bắn và câu cá trên hồ nước trong xanh, thơ mộng với những thác nước ở giữa vùng đồi cao nguyên, là nơi thuận tiện cho các cuộc tham quan, tìm hiểu văn hóa, phong tục tập quán người Xtiêng.

Khu Du Lịch Suối Lam : Cách thị xã Đồng Xoài (tỉnh lỵ của tỉnh Bình Phước) khoảng 10 km là khu du lịch suối Lam. Nơi đây có một hồ khá rộng, quanh năm nước trong xanh, in bóng những đồi cây cao su tươi tốt xung quanh. Ven bờ hồ là các công trình du lịch phục vụ cho du khách, nổi bật là nhà hàng nổi với nhiều món ăn đặc sản của vùng rừng núi Bình Phước. Du khách có thể bơi thuyền, tắm dưới hồ, hoặc cắm trại, trong những rừng cây ở ven hồ.

Núi Bà Rá : Là một thắng cảnh của huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước, cách Sài

Gòn 180 km. Giữa một vùng đồi thấp nhô lên một ngọn núi cao, cây cỏ xanh tươi, rậm rạp, tạo cho núi Bà Rá một vẻ hùng vĩ (như núi Bà Đen của Tây Ninh). Đứng trên lưng chừng núi có thể nhìn thấy cả một khu vực rộng lớn, bao gồm thị trấn Thác Mơ xinh đẹp (trước đây là tỉnh lỵ của tỉnh Phước Long), hồ Thác Mơ trong mùa nưa rộng tới 12.000 ha, cung cấp nước cho nhà máy thủy điện Thác Mơ.

Các dịp lễ hội

Tết Mừng Lúa Mới Của Người M' Nông : Người M'Nông ở Bình Phước không ăn tết cổ truyền của người Việt (Kinh) mà tổ chức lễ Tết lớn "Tết mừng lúa mới" vào đầu vụ thu hoạch. Thông thường người M'Nông chuẩn bị cho Tết ngay từ ngày bắt đầu tra hạt. Các gia đình chuẩn bị từ 2 đến 7 chóe rượu cần (tùy theo điều kiện kinh tế) và nuôi gà, vịt hoặc heo chờ lúa chín.

Tết thuờng được tổ chức vào cuối tháng 7 hay đầu tháng 8, sớm hoặc muộn hơn tùy thuộc vào lúa chín. Có buôn người ta ăn tết kéo dài cả nữa tháng hết nhà nọ đến nhà kia.

Tết tổ chức ngay tại rẫy, thịt, rượu, cơm được bày ra để cúng Giàng, rồi mỗi người ra về tuốt một nắm lúa bỏ vào trong bồ gọi là "Rước lúa về nhà". Khi đó họ quay ra chúc chủ nhà những câu tốt lành (như những lời chúc Tết của người Việt). Chủ nhà rót rượu để mời, cám ơn từng người, rồi tất cả quay quần quanh đống lửa giữa sân uống rượu cần và ăn thịt nướng. Khi đã no say, chiên cồng nổi lên, cả tập thể múa, nhảy hát cho tới khuya, có khi tới sáng mới nghỉ. Nếu vụ lúa của chủ nhà có chín quá thì họ tổ chức đi tuốt hộ. Xong vụ thu hoạch, mỗi nhà đều tổ chức thêm bữa ăn nữa, còn lại thóc được chia làm 3, một phần để ăn,một phần để sắm đồ đạc, một phần dành cho trâu bò cùng những con vật đã có công với người làm ra hạt lúa. Cho đến bây giờ nhiều nơi người M'Nông đã gieo trồng hai vụ mỗi năm, song tục ăn "Tết mừng lúa mới" vẫn được tổ chức ở mỗi mùa thu hoạch.

Bình Thuận

Diện tích : 7992 km².

Dân số : 1.079.700 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Phan Thiết.

Các huyện : Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh, Phú Quí.

Dân tộc : Việt (Kinh), Chăm, Hoa, Cờ Ho, Chu Ru...

Bình Thuận là một tỉnh duyên hải cực Nam Trung bộ, phía Đông Bắc, phía Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận, phía Bắc, phía Tây Bắc giáp Lâm Đồng, phía Tây giáp Đồng Nai, phía Tây Nam giáp Bà Rịa - Vũng Tàu và phía Đông, phía Đông Nam giáp biển Đông.

Địa hình của tỉnh có thể chia thành 3 vùng : vùng núi rừng, vùng đồng bằng và vùng ven biển. Bờ biển dài hơn 192 km từ Mũi Đá Chẹt giáp Cà Ná - Ninh Thuận đến bãi bồi Bình Châu - Bà Rịa Vũng Tàu, có nhiều nhánh núi đâm ra biển tạo nên các mũi : La Gàn, Mũi Nhỏ, Mũi Rơm, Mũi Né và Kê Gà, chia bờ biển thành những đoạn lõm, vòm để tạo ra những vùng cửa biển tốt như : La Gàn - Phan Ri, Mũi Né - Phan Thiết, La Gi. Ngoài khơi có đảo Phú Quí rộng 23 km² là cầu nối giữa đất liền với quần đảo Trường Sa.

Các sông chảy qua tỉnh là sông La Ngà (từ cao nguyên Di Linh đổ xuống hồ Biển Lạc), sông Quao, sông Công, sông Dinh... Bình Thuận nằm trong vùng nhiệt đới, ít chịu ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc, khí hậu nóng, khô hạn. Nhiệt độ trung bình năm 26 - 27°C, lượng mưa trung bình năm 800 - 1150 mm.

Là tỉnh có nhiều rừng, công nghiệp chế biến gỗ, chế biến hạt điều và sản xuất hàng thủ công là thế mạnh của tỉnh. Bình Thuận có bờ biển dài, ngoài khơi giàu hải sản như cá thu, nục, ngừ, cơm, mực. Kinh tếbiển phát triển về đánh bắt hải sản, sản xuất nước mắm, hải sản đông lạnh, làm muối.

Thành phố Phan Thiết cách Thành phố Sài Gòn 200 km. Bình Thuận có quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam đi qua tỉnh. Nhiều bãi tắm cát trắng, nước trong xanh sạch sẽ cùng với những dãy núi trùng điệp, nối những bãi biển nên thơ bởi những dãy đồng bằng bát ngát. Bình Thuận có nhiều điểm du ngoạn nổi tiếng như : Cà

Ná, Phan Thiết, Mũi Né, Hàm Tân, Đồi Dương... đang được đầu tư để trở thành những khu văn hóa du lịch, thể thao với các loại hình tắm biển, câu cá, du thuyền, săn bắn và chơi golf.

Sinh hoạt kinh tế

Người Kinh sống phần nhiều ở đồng bằng và dọc theo bờ biển, đông nhất ở quận Hàm Thuận (tỉnh lỵ Phan Thiết nằm trong quận này). Ngoài ra còn có những sắc dân khác như người Chàm, người Rơ Glai, người Nùng và người Việt gốc Hoa. Bản chất dân chúng Bình Thuận giản dị, chân thành, không khách sáo.

Nông sản chính của tỉnh là lúa gạo, được canh tác trên các vùng phù sa gần sông ngòi. Các hoa màu phụ như đậu, khoai, bông, thuốc lá, các loại cây có dầu như dứa, mè... Thuốc lá Vĩnh Hảo khá nổi tiếng. Khu rừng dừa ở Bãi Rạng dài hơn 20 cây số, là nguồn lợi lớn của tỉnh. Ngành chăn nuôi tương đối phát triển vì nhiều đồng cỏ tươi tốt. Ruộng lúa được trồng trọt phần lớn là vùng đồng bằng phía Tây - Nam, các hoa màu phụ là ngô, khoai lang, sắn, đậu phụng, vừng, mía... Vùng Hoài Đức và Tánh Linh trồng nhiều mía. Mía Trà Tân nổi tiếng.

Ngành ngư nghiệp phát triển mạnh nhất và đã tạo thêm nhiều ngành công nghệ liên hệ như đóng ghe, làm phân xác mắm, làm nước mắm. Tỉnh lỵ Phan Thiết rất nổi tiếng về nghề làm nước mắm nhờ sông biển có nhiều loại cá ngon như cá Nục, cá Thu và cá Cơm. Số lượng nước mắm Phan Thiết phân phối khắp miền Nam. Mực khô Long Hương, cám tôm Phan Rí ai cũng nghe tiếng.

Ngoài ra, nước suối Vĩnh Hảo rất trong lành và được sản xuất với số lượng cao. Dân ta sinh sống ngoài đảo Phú Quý sung túc với các nghề đánh cá, chăn nuôi, khai thác các nguồn lợi thiên nhiên dồi dào như phân chim, trứng mạn, mỏ đá quánh...

Tỉnh có nhiều rừng nên đã mang lại nguồn lợi lâm sản đáng kể với các loại gỗ quý như : gỗ, hoàng đan, trắc, cẩm lai, lá buông và nhiều rừng dầu có cây rất to. Rừng ở Hàm Tân rất nhiều lá buông cũng là tài nguyên phong phú mang lại nguồn lợi khá to cho tỉnh. Đây là loại lá dùng trong ngành tiểu thủ công nghệ : Lá buông có thể được dùng để lợp nhà, dệt đệm, dệt buồm, chắn phèn, đan cặp, đan nón, đan vỏ chai rượu. Cọng lá buông dùng đan mành sáo che gió. Cành lá buông

đập tơ lấy sợi đan thảm lót nhà. Rừng cũng có nhiều thú như voi, cọp, beo, heo rừng, nai... Vì tỉnh có nhiều sông và gần bờ biển nên nhiều người theo nghề đánh cá và làm nước mắm, ruộng muối.

Lược sử

Đất Bình Thuận nguyên thuộc nước Nhật Nam ngày xưa, sau là đất của Chiêm Thành. Vì chiến tranh liên miên nên Chiêm Thành mất dần đất đai. Năm 1653, chúa Nguyễn Phúc Tần đánh lấy đất Phan Lang (sau gọi là Phan Rang), chỉ còn để lại mảnh đất phía Tây cho Chiêm Thành. Năm 1692, chúa Nguyễn Phúc Chu lấy luôn mảnh đất còn lại và đặt là Thuận Thành trấn, rồi lập Bình Thuận phủ vào năm 1697, lấy đất phía Tây Phan Lang lập hai huyện An Phước và Hòa Đa. Sau cải làm Bình Thuận dinh và lập các đạo Phan Lang, Phan Thiết, Ma Ly và Phố Hài...

Đời Gia Long vẫn giữ Bình Thuận dinh, đến Minh Mạng đổi lại Bình Thuận phủ. Năm 1827, Minh Mạng đặt ra hai phủ Ninh Thuận và Hàm Thuận và hai huyện Tuy Phong và Tuy Định. Bình Thuận được đặt thành tỉnh và giao cho quan Tuần phủ Thuận Khánh kiêm nhiệm luôn tỉnh Khánh Hòa. Năm 1888, Đồng Khánh chuyển phủ Ninh Thuận vào Khánh Hòa. Năm 1900, vua Thành Thái đặt huyện Tuy Lý và lấy huyện Tánh Linh trước thuộc Đồng Nai Thượng sát nhập vào Bình Thuận. Năm 1905, phủ Di Linh cũng được trích thuộc về Bình Thuận.

Thời Pháp thuộc, năm 1904, khi cuốn Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư của anh hùng Phan Bội Châu chấn động cả nước, nêu cao tinh thần duy tân tự cường để cứu nước, thì tại các tỉnh miền Trung phần, những người có lòng với quê hương tìm cách phát động phong trào mở mang dân trí, phục hồi dân khí. Hai anh hùng Phan Chu Trinh và Trần Quý Cáp vào Phan Thiết, mở thư xã, diễn thuyết nhiều lần kêu gọi đồng bào ý thức tự cường, truyền bá tinh thần canh tân, phát triển công thương nghiệp. Phong trào Duy Tân khởi sự tại Bình Thuận sớm hơn mọi nơi. Trước năm 1975, tỉnh Bình Thuận có các quận Hàm Thuận, Phú Quý, Thiện Giáo, Hải Long, Hải Ninh, Hòa Đa, Tuy Phong và Phan Lý Chàm.

Phong cảnh, di tích

Mũi Né : Nằm cách thành phố Phan Thiết 22 km về hướng Đông Bắc, Mũi Né là

tên một làng chài và cũng là một điểm du lịch quen thuộc của tỉnh Bình Thuận. Dọc theo quốc lộ 706 từ thành phố Phan Thiết đến Mũi Né là một dãy đồi đất thoai thoải và bãi cát ven biển rộng, thoáng mát với những rặng dừa tuyệt đẹp.

Bãi biển nông thoải, nước sạch và trong, nắng ấm quanh năm, không có bão, là nơi tắm biển, nghỉ ngơi lý tưởng dành cho du khách. Mũi Né có nhiều bãi biển hoang sơ nguyên thủy, chưa có sự khai thác của con người, cảnh quan hùng vĩ, môi trường thiên nhiên trong lành, như bãi Ông Địa, bãi Trước, bãi Sau. Đến Mũi Né du khách có thể tắm biển, nghỉ dưỡng, chơi thể thao, du thuyền trên biển, dã ngoại kết hợp săn bắn, câu cá, chơi golf... Tại Mũi Né còn có Đồi Cát, nơi từ bao năm qua đã trở thành đề tài sáng tác của nhiều nghệ sĩ nhiếp ảnh. Ngoài các bãi biển và cồn cát , khu vực này còn có nhiều cảnh đẹp như Suối Tiên, lầu Ông Hoàng, tháp Chàm Poshan.

Khu Du Lịch Hòn Rơm : Từ Phan Thiết đi Mũi Né khoảng 22 km và đi theo đường biển thêm 4 km nữa là tới khu du lịch Hòn Rơm. Bờ biển sạch đẹp, nước biển trong xanh, phía sau là những rặng dừa mát rượi, trĩu quả, những đồi cát vàng, cát trắng nối tiếp nhau nhấp nhô, gợn sóng và đồi cát thì biến dạng từng giờ... Tất cả đã tạo nên vẻ hoang sơ quyến rũ. Du khách đến đây để thưởng thức và khám phá vẻ đẹp tuyệt vời của cát.

Hòn Lao Câu : Thuộc xã Phước Thể, huyện Tuy Phong, đây là một đảo có vẻ đẹp hoang sơ nằm cách bờ biển 7 km, với diện tích khoảng 10.000 m². Trên đảo có hàng ngàn khối đá với hình thù rất độc đáo, xen kẽ là những thảm cỏ xanh mượt. Nơi đây khu bảo tồn sinh vật biển và là điểm du lịch sinh thái biển hấp dẫn.

Đảo Phú Quí : Huyện đảo Phú Quí cách Phan Thiết 56 hải lý, rộng 32km². Trên đảo có nhiều ngôi chùa khá lớn như chùa Linh Quan, chùa Cao Cát... được công nhận là di tích lịch sử văn hóa. Bờ biển dài với những dãy cát trắng mịn, nước trong màu ngọc bích. Bao quanh đảo là những hòn đảo nhỏ, đặc biệt nhất là hòn Tranh, hòn Đen và hòn Trứng...

Suối Tiên : Nằm ở vùng ngoại ô thành phố Phan Thiết, cách trung tâm thành phố 18 km về hướng Đông Bắc trên đường đi Mũi Né.

Suối Tiên là một điểm du lịch dã ngoại ngoài trời lý thú của tỉnh Bình Thuận. Một

con suối nhỏ từ độ cao hơn 6 m chảy trên sườn đồi bao quanh Hàm Tiến, chảy qua những hàng dừa xanh, qua đồi cát khô cao vút màu đỏ rồi chảy xuống.Bên dưới lòng suối là những lớp đất sét vàng pha cát đỏ chạy dọc theo con suối. Suối Tiên đẹp nhờ sự pha lẫn nhiều màu sắc của đất và cát.

Khu Vĩnh Hảo - Tuy Phong : Tuy Phong là huyện phía Bắc của Bình Thuận tiếp giáp với Ninh Thuận tại Cà Ná, nằm trên đường xuyên Việt. Đây là nơi có suối nước khoáng Vĩnh Hảo nổi tiếng, Tuy Phong có bờ biển dài hơn 50 km (31 miles) với các khu nghỉ Vĩnh Hảo, hòn Lao Câu, Ghành Sơn và các di tích lịch sử văn hóa như Cổ Thạch tự, tháp Podam... Trong tương lai du khách từ thành phố Sài Gòn ra, từ Đà Lạt xuống, từ Nha Trang vào sẽ hội tụ tại vùng Vĩnh Hảo, hòn Lao Câu. Từ đây, du khách có thể thăm chùa Hang (Cổ Thạch Tự), nhà sưu tập di tích Hoàng tộc Chăm, Hòn Lao Câu để nghiên cứu quan sát động vật biển, tắm biển, du thuyền... và hòa vào thiên nhiên yên tĩnh không khí trong lành.

Suối Nước Nóng Vĩnh Hảo : Còn gọi là suối kết tinh vì sinh ra cát bồi là một thứ cacbônát có tác dụng chữa bệnh. Người Chăm xưa lấy nước suối về chế nước thơm để rửa tượng thánh. Với độ nóng 30°C và các thành phần hóa học của nó, nước suối Vĩnh Hảo đã được tinh chế, đóng chai thành loại nước giải khát mát và bổ.

Bãi Biển Đồi Dương : Nằm trong huyện ven biển Hàm Tân, cách huyện lỵ Hàm Tân hơn 2 km về hướng Đông Bắc, bãi biển Đồi Dương có bờ biển dài hàng chục cây số với những bãi cát trắng xen lẫn các đồi đất thấp thoải dần ra biển. Bờ biển nông, cát thoải, biển êm, nước trong xanh. Môi trường thiên nhiên ở đây rất trong lành.

Hồ Biển Lạc : Hồ Biển Lạc nằm trên địa bàn hai huyện Đức Linh và Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, giáp với tỉnh Đồng Nai và tỉnh Lâm Đồng. Là một hồ giữa rừng rộng khoảng 1000 ha, về mùa mưa, mặt hồ trải rộng đến 3000 ha. Xung quanh là núi và rừng, phía Đông là núi Cà Tong cao 506 m sừng sững, có nhiều gỗquí như sến, trắc, cẩm lai, giáng hương... và vô vàn các loại hoa phong lan. Hồ Biển Lạc có núi cao, rừng sâu, lượng cá dồi dào và nhiều loại chim thú quí hiếm như trĩ, công... Đến đây, du khách có thể ngồi trên thuyền du ngoạn giữa bốn bề trời nước

mênh mông, núi rừng bát ngát.

Nhà Lưu Giữ Bảo Vật Vương Quốc Chăm : Do bà Nguyễn Thị Thềm, hậu duệ của dòng vua Chăm cuối cùng lưu giữ ở xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình, cách thành phố Phan Thiết khoảng 60 km về phía Bắc. Bộ sưu tập di sản văn hóa hoàng tộc Chăm bao gồm những báu vật của vua Po- Klong- Mơl- Nai và một số ít của các vị vua Chăm những thế kỷ trước. Sưu tập có hơn 100 di vật nguyên gốc quý hiếm đủ các loại hình và chất liệu khác nhau. Đáng chú ý là những di vật bằng vàng (vương miện, bông tai, vòng xuyến), vải (áo bào, đôi hia) của vua Po-Klong - Mơl- Nai và hoàng hậu Sopia Sơm. Bộ sưu tập phản ảnh nghệ thuật của nghề thủ công mỹ nghệ, điêu khắc, chạm trổ rất phát triển của người Chăm trước đây.

Nhóm Di Tích Tháp Cổ Pô - Sha - Nư : Còn gọi là tháp Phú Hải thuộc xã Thanh Hải, thành phố Phan Thiết. Đây là tuyệt tác của dân tộc Chăm để lại cho nhân loại. Nhóm tháp này gồm 3 cây tháp và nhiều tháp đổ khác nay chỉ còn lại phế tích và nền móng.

Ba ngôi tháp hiện nay còn phân bổ trên 2 tầng đất, quay mặt về hướng Đông. Tháp vuông nhiều tầng, di tích này thuộc phong cách nghệ thuật Hòa Lai, có niên đại thếkỷ 8, loại hình tháp Khmer thời Chân Lạp. Nhóm tháp chàm Pô- Sha- Nư tọa lạc trên một ngọn đồi có tên "Lầu Ông Hoàng" cách thành phố Phan Thiết 6 km về phía Đông Bắc. Hàng năm vào tháng giêng âm lịch, các lễ hội Rija Nưga, Poh Mbăng Yang được tổ chức dưới chân tháp. Nhân dân làm lễ cầu mưa, cầu xin những điều tốt lành. Bên cạnh khu tháp Po- Sha- Nư là các di tích "Lầu Ông Hoàng", chùa Bửu Sơn, núi Cố nơi có mộ nhà thơ yêu nước Nguyễn Thông. Tiếp tục cuộc hành trình dọc bãi biển đến đá ông Địa, biển Mũi Né... du khách sẽ bị lôi cuốn vào bức tranh giàu hương vị biển mặn mà, độc đáo.

Đền Thờ PoKlong - MơlNai (Huyện Bắc Bình) : PoKlong - MơlNai, một trong những vị vua cuối cùng của người Chăm (đầu thếkỷ 17). Đền thờ nằm trên đồi cao cạnh quốc lộ 1A, cách thành phố Phan Thiết về phía Bắc khoảng 60 km. Trong đền hiện nay còn lại 3 pho tượng bằng đá màu xanh, đen tạc tượng vua PoKlong- MơlNai và 2 bà hoàng hậu cùng nhiều tượng Cút được điêu khắc, chạm

trổ công phu, tinh xảo.

Chùa Hang (Cổ Thạch) : Chùa Hang còn gọi là chùa Cổ Thạch tọa lạc tại bờ biển xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, cách thành phố Phan Thiết 105 km về hướng Bắc. Chùa được xây dựng trong hang đá lớn do thiền sư Bảo Tạng lập vào khoảng giữa thếkỷ 19. Đường lên chùa xây bậc, lan can hai bên chùa đắp rồng. Trên núi đá nhỏ sát bờ biển có tượng Quan ThếÂm Bồ Tát. Trong chùa có pho tượng Đức Phật Thích Ca. Cạnh chùa là bãi đá Cà Được nhiều màu sắc, chạy dọc bờ biển gần 1 km. Xung quanh chùa Hang cảnh quan tuyệt đẹp, một làng du lịch Cổ Thạch mới mọc lên với nhiều ngôi nhà xinh xắn được xây dựng theo kiểu nhà sàn để đón khách phương xa về viếng chùa và thưởng ngoạn thắng cảnh.

Chùa Bảo Sơn : Chùa nằm trên núi Bảo Sơn, thuộc địa phận ba thôn Thiện Chính, An Hải và Xuân Hòa, huyện Tuy Phong. Phía sau chùa có hai tháp cổ nên còn gọi là chùa Tháp. Chùa được Nguyễn Ánh ban "Ngự Từ Bảo Sơn Tự" năm 1795 khi đến thăm chùa. Hàng năm vào dịp tết Trung Nguyên, người trảy hội chùa rất đông.

Chùa Linh Sơn Trường Thọ (Chùa Núi Tà Cú) : Chùa tọa lạc trên núi Tà Cú ở độ cao 400 m thuộc xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận và cách Phan Thiết 30 km về phía Nam. Chùa do tổ sư Hữu Đức khai sơn vào khoảng giữa thế kỷ 19. Năm 1963 chùa được trùng tu sữa chữa. Trong khu vực chùa có ngôi tháp tổ. Phía sau chùa là tượng Phật Thích Ca nhập niết bàn dựng năm 1963, dài 49 m. Phong cảnh nơi đây thật hữu tình, với bờ biển trải dài, đá núi muôn hình thù, rừng xanh bao quanh, tạo cho Tà Cú thêm nét hùng vĩ, uy nghiêm.

Đền Thờ Cố Hỷ Phu Nhân : Ở trên núi Ô Cam, sát bãi biển phía Nam huyện Tuy Phong. Đền thờ vị nữ thần Cố Hỷ. Nhân dân địa phương mỗi khi ra khơi thường đến đền thờ này cầu thần phù hộ.

Các dịp lễ hội

Hội Đền Dinh Thầy : Diễn ra trong hai ngày 15 và 16 tháng 9 âm lịch tại đền Dinh Thầy, Hàm Tân, Bình Thuận là ngày giỗ Thầy và Thím. Theo truyền thuyết có 2 vội chồng : Thầy và Thím quê Quảng Nam sống ở thế kỷ 19, học đạo, đồng thời chữa bệnh cho nhân dân trong vùng theo pháp luật. Trong phiên tòa xử án,

Thầy và Thím đã cuốn lụa biến thành rồng đỏ bay vào Hàm Tân (Bình Thuận) sống tại đây và làm thuốc trị bệnh cứu giúp dân lành cho đến khi qua đời. Dân trong vùng thương tiếc lập đền thờ Thày và Thím. Hội Dinh Thày còn mang nhiều tín ngưỡng mê tín, dân đến cúng giỗ rất đông, cầu cúng xin xăm, xin lá số. Nhân dân trong vùng mang theo nhiều lễ vật để dự lễ cúng chay vào tối 15, cúng cỗ chay và cỗ mặn vào ngày 16 tháng 9.

Lễ Hội Mbăng Katê : Lễ hội được tổ chức vào tháng 8, 9 âm lịch (đầu tháng 7 Chăm lịch), tại các lăng, tháp sau đó chuyển về gia đình đồng bào Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận. Lễ hội Katê là lễ hội quan trọng và có qui mô lớm nhất, kéo dài 5 ngày của người Chăm theo đạo Bà La Môn. Đây là lễ Tết để tưởng nhớ các anh hùng, thần linh, tổ tiên, các vị vua có công với nước, với dân đã được thần thánh hóa như Po Klong Grai Pôrômê. Lễ hội đồng thời với việc hành hương, là việc thăm viếng, kết ngchĩa bạn bè... Buổi tối trước ngày chính hội có nghi lễ trình y phục với các nghi thức trang trọng trong tiếng nhạc dân tộc và các điệu vũ cổ truyền. Trưa ngày chính hội là lễ dâng cúng và lễ rước thần , tắm tượng , mặc áo , đội mũ cho tượng... Khi trời sắp tối là kết thúc các nghi lễ, mọi người hưởng lộc và tham gia các trò vui như ngâm thơ, chơi nhạc... Trong lễ này, nhân dân thuộc dân tộc Raglai trên núi cũng xuống dự hội, chia xẻ niềm vui với người Chăm.

Lễ Cầu Yên : Là một trong những lễ hội truyền thống của người Chăm, được tổ chức hàng năm tại các làng, xóm vùng dân tộc Chăm Bà Ni. Lễ hội diễn ra vào đầu tháng giêng Chăm lịch kéo dài khoảng 3 ngày đêm. Dân làng làm lễ cầu yên để tống tiễn những điều xấu, không may của năm cũ. Nghi lễ được tiến hành lúc chạng vạng tối. Sau phần nghi lễ là đến các tiết mục múa, hát của dân tộc Chăm và trò chơi thả thuyền. Ngoài ra đồng bào dân tộc Chăm ở Bình Thuận thường xuyên tổ chức các lễ hội khác như : lễ Cầu Đảo, lễ Rija Nưa, lễ Đấp Đập, lễ Cấm Phòng...

Cà Mau

Diện tích : 5204 km².

Dân số : 1.158.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Cà Mau.

Các huyện : Đầm Dơi, Ngọc Hiển, Cái Nước, Trần Văn Thời, U Minh, Thới Bình.

Dân Tộc: Việt (Kinh), Hoa, Khmer, Chăm.

Cà Mau là tỉnh cực nam của tổ quốc, có 3 mặt giáp biển với 307 km bờ biển. Phía bắc giáp Kiên Giang, phía đông bắc giáp Bạc Liêu, phía đông và đông nam giáp biển đông, phía tây và tây nam giáp Vịnh Thái Lan.

Cà Mau là vùng đất mới bao gồm : đất phèn, đất mặn, đất than bùn và đất bãi bồi tạo nên những cánh đồng màu mỡ. Cà Mau có mạng lưới sông ngòi chằng chịt, 7 sông chính là sông Ông Đốc, Bảy Háp, Cái Lớn, Gành Hào, Dầm Dơi, Trèm Trẹm, Bạch Ngưu tạo thành các cửa sông lớn. Ngoài biển Cà Mau còn có đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối. Nhờ có bờ biển dài, khả năng đánh bắt cá tôm của Cà Mau rất lớn. Nơi đây phát triển nhiều hồ nuôi tôm.

Cà Mau nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 8, các tháng khác ít mưa. Lượng mưa trung bình ở Cà Màu 2500 mm/năm. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 26 - 27°C.

Giao thông : đường bộ số 4 từ Cần Thơ, Sóc Trăng xuống, qua Bạc Liêu 114 km Cà Mau 180 km, từ Cà Mau đến Năm Căn (qua Cái Nước) 55 km. Đường thứ 2 từ Cà Mau lên Rạch Giá 130 km. Cà Mau có nhiều sông và mạng lưới kênh rạch chằng chịt nên đi lại và vận chuyển bằng ghe thuyền rất thuận tiện. Ngay trong rừng đước, rừng tràm, thuyền đi chỗ nào cũng được.

Vùng đất tận cùng của tổ quốc là một bức tranh hài hòa giữa rừng và biển, với một quần thể động thực vật phong phú, nhiều phong cảnh đẹp như cụm đảo Hòn Khoai, Hòn Đá Bạc, những sân chim tự nhiên như sân chim Ngọc Hiển, Đầm Dơi, Cái Nước, rừng tràm U Minh, rừng đước với nhiều loại động vật quí hiếm của khu sinh thái rừng ngập mặn như heo rừng, trăn, kỳ đà, khỉ. Ngoài ra Cà Mau còn có một số di tích lịch sử, văn hóa : động Nọc Nang, đình Tân Hưng.

Sinh hoạt, kinh tế

Đa số trong tỉnh là người Kinh, rồi đến người Việt gốc Khmer. Các tôn giáo chính là đạo Phật, Hòa Hảo, Cao Đài và thờ cúng Tổ Tiên. Đồng bào ta sinh sống trong xóm Mũi, ấp Rạch Tàu, xã Viên An gần mũi Cà Mau (trong đất liền) và ngoài biển có hòn Khoai là nơi cực Nam tổ quốc có người Việt cư ngụ.

Đất Cà Mau chỗ nào cũng là phúc lợi của tỉnh. Dù không có nhiều đồng bằng đã nhả phèn nhưng dân chúng cũng trồng lúa, hoa màu và các loại cây ăn trái. Lúa được canh tác phần lớn ở hai quận Quảng Long và Bình Thới. Quận Năm Căn trồng nhiều đậu nành, quận Thới Bình có nhiều dứa, vùng rạch Cái Tàu trồng dâu, trầu và trái cây tươi tốt.

Rừng Cà Mau mang lại nhiều sản phẩm đặc biệt. Khu rừng đước hầu hết ở hai quận Đầm Dơi và Năm Căn, diện tích trên 100 ngàn mẫu. Đước mọc trên đất sình lầy nước mặn nên phát triển rất nhanh và có ích lợi vì nhiều công dụng : Dân ta lấy thân cây đước làm cột nhà, dùng làm trụ đóng đáy ở ngoài cửa sông biển, làm ván lót sàn nhà; gỗ đước làm mái chèo; ngọn nhánh đước dùng làm củi; thân cây đước dùng đốt làm than rất tốt. Công nghiệp lớn nhất tỉnh là nghề làm than đước. Vỏ đước dùng để nhuộm lưới và thuộc da. Rừng đước cũng là nơi có nhiều tôm cá từ cửa biển đi vào sinh sản và chim muông, dã thú như heo rừng, khỉ, trăn, kỳ đà, nhiều nhất là con ba khía.

Rừng tràm U Minh phần lớn nằm trong quận Thới Bình ăn lan qua tỉnh Kiên Giang diện tích trên 70 ngàn mẫu, sinh sản rất nhanh. Tràm thấp và nhỏ hơn cây đước, thân cây ngoằn ngoèo không thẳng như cây đước nên được dùng làm cừ, nọc, vỏ tràm dùng xảm ghe, thùng, đèn chai, lá và cành non có chất tinh dầu gọi là dầu tràm trị bịnh ở bộ hô hấp, làm thông khí quản.

Hoa tràm thơm có mật ngọn nên đã tạo cho U Minh cả một rừng ong rất rộng. Dân ta sống ở vùng rừng còn có nghề làm đường chà là, lấy sáp và mật ong (mật ở U Minh rất nổi tiếng). Rừng tràm cũng có nhiều chim, cá đồng; các loại cầm thú như heo rừng, rùa, trăn, kỳ đà, khỉ, lươn. Cà Mau cũng có dừa và lát là hai loại cây công nghiệp đem lại lợi tức cho tỉnh. Lát trồng nhiều ở vùng đất mặn và đã tạo nên nghề dệt chiếu lâu đời. Chiếu Tân Duyệt (quận Đầm Dơi) nổi danh khắp nơi.

Biển và sông ngòi có rất nhiều cá. Vùng biển gần mũi Cà Mau có cà đường rất ngon và hiếm, mỗi năm xuất hiện vài ngày; còn có nhiều hải sản như tôm, cua, trai rất lớn. Những vùng làm muối cũng nhiều.

Lược sử

Năm 1832, Minh Mạng đổi các trấn thành tỉnh và chia Nam Kỳ thành sáu tỉnh là Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, Hà Tiên và An Giang. Thời Pháp thuộc, quân Pháp chia tỉnh An Giang làm sáu tỉnh mới là Bạc Liêu, Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ và Sóc Trăng. Tỉnh Bạc Liêu gồm có các quận Cà Mau, Thới Bình, Quản Long, Tân Bằng, Năm Căn, Vĩnh Châu.

Trước họa quân Pháp đày đọa nước ta, năm 1872, người dân Cà Mau đã theo hai vị anh hùng Đỗ Thứa Luông và Đỗ Thừa Tự kháng chiến, lấy rừng U Minh làm căn cứ tiến đánh các đồn bót của giặc Pháp. Năm 1873, dân quân tấn công đồn Cà Mau, giết chết tên tỉnh trưởng là Trung úy Escanyé và tên tri huyện tay sai Phan Tử Long.

Phong cảnh, di tích

Rừng Sác : Là rừng ngập mặn ở vùng duyên hải, thành phần chủ yếu gồm cây mắm, đước, dừa nước, chà là. Muốn tận mắt nhìn thấy rừng sác bạt ngàn, du khách phải đến tận đất mũi, miệt Năm Căn, ông Bọng, bà Hương, Láng Tròn, ông Đốc, ông Sào, rừng lúc nào cũng ngập nước. Do ảnh hưởng của thủy triều, rừng Sác trở thành môi trường lý tưởng cho các loài tôm, cá, chim, cò. Người dân vùng này chủ yếu làm nghề đánh bắt thủy sản và nuôi tôm.

Rừng U Minh : Rừng U Minh sát Vịnh Thái Lan, trải ra mênh mông từ sông Đốc (phía nam) đến Rạch Giá (phía bắc). Phần trên là U Minh Thượng, phần dưới là U Minh Hạ. Giữa U Minh Thượng và U Minh Hạ là sông Trẹm và sông Cái Tàu. Nơi đây thiên nhiên hùng vĩ và hoang sơ, chủ yếu là cây tràm mọc khắp nơi. Xen vào đó chỉ có một ít loại cây thân thảo hoang dại. Suốt ngày rừng U Minh luôn tối. Cây tràm nhỏ thấp hơn cây đước, vỏ cây xốp và trắng, gỗ bên trong rắn chắc. Thân cây cao đến 20 m, tán lá tràm thưa, lá thon nhỏ. Cây tràm có thể sống 25 - 30 năm. Lúc đó nó trở thành cây cổ thụ, gỗ có thể dùng làm nhà. Mùa khô, trái tràm rụng xuống đất và đến mùa mưa, cây tràm con đã lên xanh tốt. Hạt tràm có

thể nằm tại khu đất cháy 5 - 10 năm, sau nếu có điều kiện có thể nảy mầm thành cây con. Hương tràm có mùi hương dịu như hương sen, mật ong. Hương tràm là một sản phẩm được nhiều người ưa thích.

Sân Chim Ngọc Hiển : Nằm trong huyện Ngọc Hiển, huyện cuối cùng của Cà Mau và cũng là mảnh đất tận cùng của đất nước, sân chim Ngọc Hiển có diện tích tự nhiên rộng 130 ha. Là một trong những sân chim tự nhiên lớn nhất nước, sân chim Ngọc Hiển có dòng sông Bảy Háp chảy qua cùng với hệ thống kênh ngòi chằng chịt, với thảm thực vật phong phú và xanh tươi quanh năm đã là môi trường thiên nhiên trong lành chưa bị con người hủy hoại, nơi trú ngụ của các loài chim bay đến hàng năm. Sân chim Ngọc Hiển là điểm du lịch sinh thái và nghiên cứu về các loài chim trong môi trường sinh thái tự nhiên được bảo vệ tốt của Cà Mau.

Hòn Khoai : Cụm đảo Hòn Khoai cách đất liền 14,6 km, nằm về phía tây nam thị trấn Năm Căn thuộc huyện Ngọc Hiển bao gồm 5 hòn đảo sát nhau : Hòn Khoai, Hòn Sao, Hòn Đồi Mồi, Hòn Đá Lẻ, Hòn Tương với tổng diện tích 4 km², đảo cao nhất có độ cao 318 m. Không giống như đảo ở đồng bằng sông Cửu Long, Hòn Khoai là đảo đá, đồi và rừng còn gần như nguyên vẹn với nhiều loại gỗ quí, nhiều nhất là gỗ sao và một quần thể động thực vật phong phú, phong cảnh thiên nhiên hoang dã lôi cuốn du khách. Từ Cà Mau du khách đi đến làng đánh cá Trần Đề (làng cực Nam của tổ quốc trên đất liền), và đổi thuyền đi tiếp ra đảo Hòn Khoai.

Đất Năm Căn : Năm Căn là thị trấn huyện lỵ thuộc huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, cách thành phố Cà Mau 53 km. Thị trấn Năm Căn nằm ở phía đông một vịnh lớn, nơi có các cửa sông Bảy Háp và Cồn Lớn. Năm Căn còn là một chợ nổi của vùng Nam tỉnh Cà Mau và khu biên giới biển. Năm Căn có một sân bay được xây dựng trước năm 1975.

Cảng Năm Căn đang được nạo vét luồng và xây dựng hệ thống cầu tàu, để cho tàu 5000 tấn ra vào, đây là cảng xuất khẩu trực tiếp của tỉnh. Trên đất Năm Căn đang xây dựng đường giao thông, nhà máy chế biến thủy hải sản. Bên cạnh than đước, Năm Căn còn có đặc phẩm thức ăn gia súc chế biến từ lá cây mắm trắng, nguồn nguyên liệu vô tận từ rừng ngập mặn.

Vườn Chim : Nằm cách thành phố Cà Mau 45 km về phía đông nam, thuộc huyện

Đầm Dơi. Vườn chim là nơi sinh sống tụ tập của đàn cò đông đúc và cũng là nơi dễ quan sát. Cò làm tổ trên cây cao, buổi sáng đi tìm thức ăn, du khách có thể lại gần quan sát, chụp ảnh... Công Ty du lịch Cà Mau tổ chức cho du khách quan sát chim 1 ngày đi bằng thuyền.

Mũi Cà Mau : Thuộc huyện Ngọc Hiển, là mũi đất tận cùng tổ quốc, cách Cà Mau 118 km bằng đường thủy. Hàng năm nơi đây bồi ra biển gần 100 m. Mũi Cà Mau là điểm du lịch sinh thái rừng ngập mặn, bãi bồi ven biển. Hiện đang lập dự án phát triển du lịch và xây dựng biểu tượng "Mũi Cà Mau" tại đất mũi.

Hòn Đá Bạc : Thuộc huyện Trần Văn Thời. Hòn Đá Bạc có diện tích 6,43 ha, cách Cà Mau 50 km đường thủy, là cụm đảo đẹp gồm 3 đảo nằm sát bờ biển. Trên đảo có nhiều cảnh đẹp như sân Tiên, giếng Tiên, bàn chân Tiên, bàn tay Tiên, chùa cá ong trong một hệ sinh thái thực vật phong phú. Đảo Đá Bạc là một điểm du lịch của Cà Mau.

Chùa Quan Âm : Chùa tọa lạc ở số 84/4 đường Rạch Chùa, phường 4, thành phố Cà Mau. Chùa do hòa thượng Tô Quang Xuân dựng vào khoảng giữa thế kỷ 19, lúc bấy giờ chỉ là một am nhỏ để ngài tu hành và chữa bệnh cho dân. Sau ngài về tu ở chùa Kim Chương (Gia Định) lấy pháp hiệu là Trí Tâm. Năm 1842 vua Thiệu Trị sắc phong hòa thượng cho ngài và sắc tứ cho chùa Quan Âm. Kiến trúc chùa hiện nay do hòa thượng Thiện Tường và Thiện Đức xây năm 1936. Trong chùa có bia dựng "Sắc tứ Quan Âm cổ tự" và tháp hòa thượng Trí Tâm.

Chùa Hưng Quảng : Tọa lạc ở số 26 đường Phan Ngọc Hiển, thành phố Cà Mau. Chùa được dựng từ những năm 1950 thuộc Tịnh Đô Cư Sỉ Phật hội Việt Nam, và được trùng tu năm 1963. Trong chùa có lập phòng thuốc nam Phước Thiện từ năm 1954 và đã hoạt động cho đến ngày nay.

Đình Tân Hưng : Cách thành phố Cà Mau 4 km về phía nam, trên tuyến kênh rạch Rập, đường đi huyện Cái Nước, thuộc địa phận xã Lý Văn Lam thành phố Cà Mau. Đình xây dựng năm 1907, trải qua thời chiến tranh, đình bị hư hỏng toàn bộ. Trên nền đó, người dân địa phương cho dựng một ngôi đình khác nhỏ hơn, nền xây bằng đá hộc, mái lợp ngói máng. Mặt trước là hàng bốn cột xi măng. Dưới các chân cột được kê bằng đá tảng. Cấu trúc mái hình bánh ít, trên nóc đúc hai

rồng chầu.

Các dịp lễ hội

Lễ Cúng Kỳ Yên : Là lễ hội phổ biến ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, một sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu được. Lễ cúng Kỳ Yên được tổ chức hàng năm vào các ngày 15, 16, 17 âm lịch (tháng tổ chức phụ thuộc từng địa phương) khắp các đình làng Nam Bộ. Mỗi làng ở Nam Bộ đều có một ngôi làng thờ thần. Thần có thể là người có công lớn với địa phương được dân chúng lập đền thờ phụng, hoặc được nhà vua sắc tứ ban tặng, hoặc nhân vật thần thoại được suy tôn. Những làng hẻo lánh chưa có đình thì bà con lặn lội sang làng kế bên cúng.

Lễ cúng bắt đầu là lễ thỉnh thần về (ngày về) với nghi lễ rước kiệu về đình làng. Đồ cúng là heo quay, mâm xôi lá cẩm tím, bánh hỏi trắng tinh. Theo sau đám rước là các đội múa lân và địa, tiếng trống vang lên rộn rả lẩn trong tiếng nhạc lễ thâu đêm. Khách nào cúng xong, xuống trai đường ăn cổ làng, sau đó đi coi hát bội. Hát bội từ trưa đến tối, từ tối đến nữa đêm, qua bữa sau lại hát tiếp, vậy mà trên khán đài vẫn đông người xem. Trong 3 ngày hội vui với thần linh, với con người, với tiếng đàn, tiếng trống, dân làng lại quay về làm ăn và chờ mùa hội năm sau.

Cao Bằng

Diện tích : 8444,65 km².

Dân số : 501.800 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Cao Bằng.

Các huyện : Bảo Lạc, Hà Quảng, Thông Nông, Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Nguyên Bình, Hòa An, Quảng Hòa, Hạ Lang, Thạch An.

Dân tộc : Tày, Nùng, Dao, Mông, Việt (Kinh), Hoa, Sán Cháy...

Cao Bằng là một tỉnh miền núi ở phía Bắc Bắc Bộ. Phía bắc và phía đông Cao Bằng giáp Trung Quốc, phía tây giáp Tuyên Quang và Hà Giang, phía nam giáp Bắc Cạn và Lạng Sơn. Địa hình của tỉnh tương đối phức tạp vì vậy giao thông giữa các huyện trong tỉnh bị hạn chế. Cao Bằng có khí hậu ôn đới. Một năm có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Nhiệt độ trung bình mùa hè là 25 - 28°C, mùa đông là 16 - 17°C. Một số vùng núi cao như Trùng Khánh, Trà Lĩnh về mùa đông có tuyết rơi. Nhìn chung khí hậu Cao Bằng mát mẻ quanh năm lại có nhiều núi cao, phong cảnh thiên nhiên hữu tình rất thích hợp cho việc nghỉ ngơi, du lịch. Từ Hà Nội theo quốc lộ 3 đến thị xã Cao Bằng khoảng 272 km.

Hai con sông chính là sông Bằng Giang và sông Gầm. Sông Bằng Giang từ biên giới Trung Hoa chảy sang, gặp hai sông Nà Giang và Dẻ Rao ở An Hòa, gặp sông Hiền và sông Cửu, rồi hợp với sông Ba Vọng từ Trùng Khánh đổ xuống. Sông Gầm có hai chi lưu là sông Neo và Nho Quế chảy ngang tỉnh dài 50 cây số. Ngoài ra, còn có sông Năng, sông Quảy Sơn (có khúc chia làm hai, chảy xuống khe núi tạo thành thác Bản Giốc).

Vì là miền núi cao nên chỗ đất bằng của tỉnh cũng ở cao độ 190 thước. Các ngọn núi cao trong tỉnh là Pia Đa 1980 thước, núi Pia Quắc 1931 thước, Pia Pioc 1575 thước, và nhiều ngọn núi trên 1000 thước. Đèo cao cũng nhiều : đèo Pia Quắc 1360 thước, đèo Gió 804 thước, đèo Cao Bắc 810 thước, đèo Mã Phục 620 thước.

Sinh hoạt, kinh tế

Ngoài sắc dân Thổ chiếm đa số, đồng bào tại đây còn có nhiều sắc dân khác như người Nùng (chia làm nhiều ngành, phụ nữ ăn mặc khác nhau trong mỗi ngành), người Lai, người Quế Thuận, người Ngạn, người Minh, người Giang Hu, người

Phàn Sềnh... Người Mèo và Dao sống trên núi cao. Người Kinh cư ngụ nhiều nơi các thị trấn.

Phần lớn dân chúng ở đây theo đạo Phật và thờ thần linh. Cũng có một số người theo đạo Thiên Chúa. Các sắc dân có nếp sống tương tự như người Kinh, người Thổ ở Cao Bằng rất hiếu khách.

Kinh tế của tỉnh Cao Bằng chịu ảnh hưởng nhiều bởi khí hậu và cao độ. Dân chúng trồng lúa không nhiều nhưng trồng ngô và một số hoa màu phụ khác như khoai tây, khoai lang và các loại rau. Việc chăn nuôi mục súc rất thích hợp.

Sông ở Cao Bằng có nhiều cá rất ngon, nhất là ở sông Quế Sơn, sông Bằng Giang và vùng Bản Giốc. Về khoáng sản có một số mỏ như thạch anh, kẽm, sắt, kệ thán, thạch nhung... Kỹ nghệ và thương mại của Cao Bằng liên quan phần lớn đến việc khai thác khoáng sản.

Rừng mang lại nhiều lâm sản như thông, hoàng đàn, đỗ quyên, tre, lát; một số dược thảo như bạch truật, tam thất... Nhiều nơi trồng các loại trái cây ngon nổi tiếng : Đông Khê có lê, Bảo Lạc có mận, Trùng Khánh nhiều hạt dẻ. Dân Cao Bằng cũng trồng thuốc lá.

Lược sử

Đất Cao Bằng xưa thuộc bộ Vũ Định, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Sau thuộc quận Giao Chỉ dưới đời Hán, thuộc Giao Châu thời Tam Quốc và đời nhà Đường. Vào thế kỷ thứ 10, sau khi khôi phục nền tự chủ, các triều Đinh và Tiền Lê vẫn để nguyên các tù trưởng Thái cai trị Cao Bằng. Thời Minh thuộc, Cao Bằng thuộc phủ Lạng Sơn. Đời nhà Nguyễn, Cao Bằng là phủ Trùng Khánh, đến năm 1813 mới đổi thành tỉnh với hai phủ Trùng Khánh và Hòa An.

Thời tự chủ, cuối năm Bính Thìn 1076, đời vua Lý Nhân Tông, quân Tống đem quân sang gây hấn nhưng bị anh hùng Lý Thường Kiệt đánh đuổi, giặc phải chạy lui về chiếm Quảng Uyên, Hạ Long thuộc Cao Bằng, sau phải trả đất này cho nước ta. Suốt thế kỷ 14, Cao Bằng trải qua nhiều binh biến và là đất dung thân của con cháu nhà Mạc vào thế kỷ 17 cuối thời Nam Bắc triều. Năm 1815, Tù trưởng Bế Văn Lân chiếm tỉnh, rồi qua tay Nùng (Nông) Văn Văn vào năm 1833. Đến năm 1868, dư đảng của giặc Thái Bình bị xua đuổi ở Trung Hoa bèn sang

đánh chiếm Cao Bằng và quấy nhiễu miền thượng du suốt mười mấy năm. Năm 1885, Pháp tới đóng ở Cao Bằng, đặt tỉnh này thuộc Lạng Sơn. Tới năm 1896, tỉnh Cao Bằng mới được tái lập lại.

Thời Pháp thuộc, khi chiếm Cao Bằng, Pháp cho lệnh đóng binh dọc biên giới để chặn đường di chuyển của nghĩa quân. Năm 1893, đồng bào Thái, Thổ, Mèo đánh ròng rã 20 trận, vây quân Pháp tại thị xã. Năm 1915, quân Việt Nam Quang Phục Hội của anh hùng Phan Bội Châu đã tấn công vào đồn Tả Lùng.

Trước năm 1975, Cao Bằng có các huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình, Hòa An, Thạch An, Hạ Lang, Quảng Uyên, Trùng Khánh, Hà Quảng, Phúc Hòa và Trà Lĩnh.

Phong cảnh, di tích

Thác Bản Giốc : Từ thị xã Cao Bằng đi tiếp khoảng chừng 65 km đến huyện lỵ Trùng Khánh. Thác Bản Giốc cách huyện lỵ Trùng Khánh 20 km về phía đông bắc.

Bản Giốc là một thác nước cao hùng vĩ và đẹp nhất của Việt Nam, nằm ở địa phận xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, Cao Bằng. Ngay từ xa du khách đã nghe tiếng thác nước réo ào ào. Từ độ cao 30 m những khối nước lớn đổ xuống qua nhiều bậc đá vôi. Giữa thác có một mô đất rộng phủ đầy cây đã xẻ dòng sông thành ba luồng nước như ba dải lụa trắng. Ngày đêm thác nước cuồn cuộn đổ xuống những tảng đá phẳng làm tung lên vô vàn hạt bụi trắng tỏa mờ cả một vùng rộng lớn. Vào những ngày nắng, làn hơi nước còn tạo thành cầu vồng lung linh huyền ảo. Dưới chân thác Bản Giốc là mặt sông rộng, phẳng như gương. Hai bên bờ là những thảm cỏ, vạt rừng xanh ngắt, lác đác điểm những chùm hoa phong lan, những đàn trâu ung dung gặm cỏ làm cho cảnh sắc càng thêm sinh động. Động Ngườm Ngao ở ngay cạnh thác, dài 3 km được đánh giá là một trong những hang động đẹp nhất Việt Nam.

Thác Bản Giốc đã đi vào nghệ thuật tạo hình với những tác phẩm hội họa và nhiếp ảnh đặc sắc. Cùng với núi, sông và các hang động kỳ thú ở xung quanh, thác Bản Giốc không chỉ là một điểm du lịch hấp dẫn mà còn là một nguồn thủy điện lớn trong tương lai.

Hồ Thang Hen : Đứng trên đỉnh núi cao của huyện Quảng Hòa nhìn xuống, ta

thấy một cảnh đẹp hiện ra với những hàng cây vươn mình trên các vách đá cheo leo soi bóng xuống mặt nước xanh ngát, uốn vòng theo lòng thung lũng mấp mô những mỏ đá ngầm. Đấy là hồ Thang Hen, một hồ đẹp trong số 36 hồ đẹp ở trên những đỉnh núi cao, cheo leo cách mặt biển hàng ngàn mét. Hồ Thang Hen hình thoi, chiều rộng chừng 300 m, chiều dài 1000 m, giữa rừng trám trắng, trám đen nhô lên nhiều khối đá tai mèo.

Phía bên kia là miệng một cái hang rộng, từ trong đó một nguồn nước chảy ra. Đặc biệt nước hồ Thang Hen hàng ngày vẫn có 2 đợt thủy triều lên xuống. Mùa nước lũ trong khi các hồ khác nước đỏ lựng thì nước hồ Thang Hen vẫn trong xanh. Bên cạnh hồ Thang Hen còn có hồ Thăng Luông, giữa hồ nhô lên một quả núi trông rất ngoạn mục.

Làng rèn Phúc Sen : Làng rèn Phúc Sen là một làng nghề truyền thống thuộc huyện Quảng Hòa, Cao Bằng, có cách đây hơn 1000 năm.

Phúc Sen là một vùng sơn cước. Bước chân vào làng, đâu đâu cũng có lò rèn. Những lò rèn góp phần không nhỏ trong đời sống hàng ngày không những chỉ của dân nơi đây mà còn của cả cư dân ở nhiều vùng lân cận. Sản phẩm nghề rèn của làng là các công cụ cầm tay với chất lượng cứng hơn đá phục vụ cho cuộc sống hàng ngày. Chính vì vậy mà những con dao quắm, cái rìu, cái kéo đều đạt những độ cứng, độ dẻo cần thiết phù hợp với công dụng của nó. Những sản phẩm của làng nghề Phúc Sen có mặt hầu khắp các chợ trong tỉnh Cao Bằng, được bà con trong vùng rất tín nhiệm.

Đền Xuân lĩnh : Đền ở xã Xuân Lĩnh, huyện Thạnh An, thờ Trần Quyết, người huyện Thạch An. Năm 1682, ông làm tướng tiên phong đi đánh nhà Mạc, bị trọng thương chết tại trận. Ông được phong là phúc thần, tên hiệu là Kỳ Lịch đại vương, dân bản đã dựng đền thờ ông.

Chùa Viên Minh : Chùa ở xã Xuân Lĩnh, huyện Thạch An. Chùa dựng từ thời Lê, đầu đời Cảnh Hưng, chùa bị hoang phế. Đến lúc yên hàn, chùa được mở rộng tiền đường phật điện, đúc chuông lớn chu vi 7 thước 5 tấc. Chùa đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn trong vùng.

Pắc Bó : Di tích thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, nằm sát đường biên giới

với Việt Trung. Tên Pắc Bó còn có nghĩa là "miệng nguồn".

Các dịp lễ hội

Là một tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, Cao Bằng có nền văn hóa truyền thống rất phong phú. Người Tày chiếm số lượng khá lớn trong tỉnh, sống ở hầu hết các huyện. Họ có truyền thống văn hóa lâu đời, có chữ viết riêng (nhóm ngôn ngữ Tày - Nùng), có điều kiện kinh tế khá hơn các dân tộc khác. Nét đặc sắc về văn hóa của người Tày được thể hiện trong các hội làng, ca hát đối đáp, hát ví, hát then. Về nhạc cụ, đàn tính là loại đàn dân tộc đặc trưng của người Tày. Dân tộc Nùng sống đan xen với dân tộc Tày nên về mặt văn hóa chịu nhiều ảnh hưởng của dân tộc Tày. Dân tộc Dao sống chủ yếu ở vùng núi thấp, văn hóa còn ít nhiều hạn chế, đặc biệt còn có nhiều phong tục tập quán lạc hậu. Dân tộc Mông sống ở vùng núi cao hẻo lánh, có ngôn ngữ thuộc nhóm Mông - Dao. Họ thường sử dụng các loại nhạc cụ như khèn và đàn môi để gọi bạn tình và ca ngợi cuộc sống quê hương. Lễ hội truyền thống của tỉnh Cao Bằng là nét đặc trưng của các dân tộc sinh sống trong vùng, tiêu biểu là :

Hội mời Mẹ Trăng : Đây là lễ hội của người Tày vùng Đông Khê, được tổ chức vào đầu mùa xuân sau Tết Nguyên Đán, kéo dài từ 10 - 15 ngày. Hội chỉ mở riêng trong từng bản, hoặc có mời thêm một số người thân thuộc từ các bản lân cận cùng tham gia. Mọi nhà trong bản điều nô nức tham gia lễ hội. Lễ hội mang mục đích cầu Mẹ Trăng ban điều lành, điều tốt cho dân bản, mùa màng bội thu, gia súc sinh sôi không bị dịch bệnh... Không khí lễ hội như trộn lẫn giữa thực tại và huyền ảo trong mối giao lưu giữa người trần thế và người cõi tiên của tiết trời xuân. Trong thời gian diễn ra lễ hội có các trò chơi như chọi gà, đánh quay, đánh yến... Lễ kết thúc hội gọi là "Slống Hai" - tức là lễ tiễn trăng về trời diễn ra ngoài đồng. Sau đó là bữa cơm vui hội của bản làng.

Hội Lồng Tồng (Lễ Hội Xuống Đồng) : Lễ hội của dân tộc Tày - Nùng ở Cao Bằng. Lễ hội diễn ra từ ngày 2 đến 30 tháng giêng âm lịch để mở mùa gieo trồng mới. Mở đầu lễ hội là trưởng bản đọc bài tế các thần, sau đó một lão nông ra cày tượng trưng ở ruộng. Trong thời gian diễn ra lễ hội có múa lân, ném còn giao duyên, cờ tướng đánh đu... Đặc biệt các điệu hát Sli (Nùng), Lượn (Tày) quen

thuộc được biểu diễn một cách tự nhiên ở trong làng, ở bên suối hay ở các cánh rừng.

Hội Chùa (dân tộc Tày - Nùng) : Hàng năm sau Tết Nguyên Đán các hội chùa thường diễn ra ở hầu hết các chùa ở tỉnh Cao Bằng. Đây là lễ hội cúng Thần, cúng Phật, cầu phúc, cầu may. Lễ hội còn thi ném còn, đánh đu. Tham dự hội chùa, ngoài việc lễ Phật đây còn là dịp mọi người đi vãn cảnh đầu xuân, hái lộc năm mới.

Hội Thanh Minh (dân tộc Tày - Nùng) : Hội diễn ra vào khoảng tháng ba âm lịch hàng năm. hội gắn liền với truyền thuyết : có đôi trai gái yêu nhau nhưng họ không lấy được nhau và tự vẫn ở giếng. Cảm thương trước tình yêu của đôi trai gái, dân bản đã lập miếu thờ và cứ mỗi dịp tiết Thanh Minh các đôi trai gái tới miếu dâng hoa cúng lễ và ngồi bên bờ giếng trò chuyện ôn nhớ chuyện xưa.

Cần Thơ

Diện tích : 2965 km².

Dân số : 1.852.100 người (2001).

Tỉnh lỵ : thành phố Cần Thơ.

Thị xã : thị xã Vị Thanh.

Các huyện : Vị Thủy, Thốt Nốt, Ô Môn, Châu Thành, Phụng Hiệp, Long Mỹ.

Dân tộc : Việt (Kinh), Khơmer, Hoa.

Cần Thơ nằm ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, giữa một mạng lưới kênh ngòi sông rạch. Cần Thơ tiếp giáp với 6 tỉnh : phía bắc giáp An Giang, Đồng Tháp, phía nam giáp Sóc Trăng, Bạc Liêu, phía tây giáp Kiên Giang, phía đông giáp Vĩnh Long.

Tỉnh Cần Thơ không có núi mà chỉ toàn đồng bằng và sông rạch. Sông Hậu Giang rất quan trọng về kinh tế, có bến bắc Cần Thơ gần tỉnh lỵ là nơi tiếp nhận các tàu biển lớn. Kinh rạch trong tỉnh rất nhiều và tiện cho việc giao thông.

Phía bắc có kinh Xà No, kinh Cầu Sắc, kinh Thốt Nốt, kinh Thị Đôi, kinh Ô Môi, sông Cần Thơ. Phía nam có kinh Cái Lớn, kinh Long Mỹ, kinh Phụng Hiệp... Quận Phụng Hiệp ở giữa bảy con kinh, từ đây dân chúng có thể đi Sóc Trăng, Rạch Giá, Cà Mau, hoặc ra hai sông Tiền Giang, Hậu Giang đi lên Sài Gòn.

Quốc lộ 4 và liên tỉnh lộ 27 là trục giao thông đường bộ quan trọng nối Cần Thơ với các tỉnh lân cận. Hai phi trường đặt ở Bình Thủy và Trà Nóc thuộc quận Châu Thành. Các tuyến đường lớn chạy qua tỉnh là quốc lộ 1A, quốc lộ 80, quốc lộ 91. Cần Thơ là trung tâm giao thông thủy bộ của cả vùng Nam Bộ, nối liền với Campuchia. Cần Thơ có bến cảng khá lớn tiếp nhận tàu 5000 tấn. Khí hậu nóng ẩm nhưng ôn hòa, có hai mùa mưa, nắng rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4. Cần Thơ cách Sài Gòn 169 km, từ xa xưa đã được coi là trung tâm lúa gạo của miền Tây Nam Bộ, hiện nay là một trong những tỉnh sản xuất và xuất khẩu gạo chính của cả nước.

Với đất đai phì nhiêu, bên cạnh thế mạnh về cây lúa và cây ăn quả các loại. Cần Thơ còn có nguồn thủy sản khá phong phú chủ yếu là tôm, cá nước ngọt (hơn 5000 ha ao đầm nuôi tôm, cá nước ngọt) và chăn nuôi : lợn, gà, vịt. Các ngành

công nghiệp hiện có là điện năng (nhà máy điện Tà Nóc 33.000 KW); kỹ thuật điện, điện tử, hóa chất, may, da và chế biến nông sản, thủy sản là thế mạnh của tỉnh.

Sinh hoạt, kinh tế

Phần đông dân chúng cư ngụ trong tỉnh là người Kinh, ngoài ra còn có người Việt gốc Khmer và gốc Hoa. Dân ta theo các đạo Phật, Hòa Hảo, Cao Đài, Thiên Chúa. Cần Thơ được ví như kinh đô của miền Tây, có nền thương mại phát triển. Cần Thơ là trung tâm lúa gạo. Vùng đất dọc theo sông Hậu Giang là những vồng đất cao nối tiếp nhau, trồng nhiều hoa màu phụ và cây ăn trái như cam quýt, chuối, mía, măng cụt, xoài, sầu riêng, dừa, phía dưới các vồng đất này là vùng trồng lúa rất tốt. Đất các quận Phong Phú, Phụng Hiệp, Châu Thành phù sa màu mỡ được chuyên canh trồng lúa. Ngoài ra nghề trồng trầu, cau mang lại lợi tức lớn cho tỉnh. Vì tỉnh có nhiều sông rạch nên đồng bào ta cũng theo nghề nuôi cá nước ngọt, biến chế một số hải sản khô và làm nước mắm. Ngoài ra dân chúng còn làm một số nghề thủ công lâu đời như tương, chao, muối, đồ gốm, dệt chiếu, nón dệt vải...

Lược sử

Cũng giống như lịch sử của phần lớn các tỉnh miền Tây, đất Cần Thơ trước đây thuộc tỉnh Long Hồ. Đời vua Minh Mạng đất Nam Kỳ Lục tỉnh gồm Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.

Thời Pháp thuộc, quân Pháp chia vùng An Giang thành sáu tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, Sóc Trăng và Bạc Liêu, Cần Thơ là tỉnh thứ 19 trong 21 tỉnh ở Nam Kỳ. Sau khi giặc Pháp chiếm trọn các tỉnh miền Nam vào năm 1867, dân chúng Cần Thơ đã cùng với đồng bào cả nước vùng lên đánh đuổi giặc ngoại xâm. Đầu năm 1868, anh hùng Đinh Sâm chiêu mộ nghĩa quân vùng Láng Hầm, Tầm Vu nổi lên chống Pháp giết tên Việt gian là cai tổng Nguyễn Văn Vinh và làm cho quân Pháp không lúc nào yên. Thực dân bèn sai hai tên tai sai là Trần Bá Lộc và Huỳnh Công Tấn đem quân tới đàn áp, giết hại dân chúng nhưng vẫn không tiêu diệt nổi tinh thần yêu nước của đồng bào Cần Thơ.

Năm 1870, nhiều cuộc nổi dậy xảy ra ở Ô Môn chống lại việc bình định thôn ấp của giặc. Năm 1872, dân chúng theo các anh hùng Lê Công Thành, Âu Dương

Lân, Phạm Văn Đổng kháng chiến, phá đồn bót giặc khắp vùng Cần Thơ, An Giang và Vĩnh Long.

Phong cảnh, di tích

Bến Ninh Kiều : Nằm bên hữu ngạn sông Hậu, gần trung tâm thành phố Cần Thơ. Trên bến sông suốt ngày tấp nập tàu, thuyền xuôi ngược chở đầy những sản vật vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bên Bến Ninh Kiều là cảng Cần Thơ. Cảng này được xây dựng hiện đại có khả năng tiếp nhận trọng tải 5000 tấn, gần bến Ninh Kiều có chợ Cần Thơ, một trung tâm buôn bán lớn ở miền Tây Nam bộ. Nơi đây, hấp dẫn khách du lịch là nhà hàng nổi trên sông, bạn có thể vừa thưởng thức các món ăn đặc sản, vừa ngắm cảnh sông nước.

Trường Đại Học Cần Thơ : Thành lập từ năm 1966, trước có tên là Viện đại học Cần Thơ. Năm 1975 đổi tên thành đại học Cần Thơ. Trường đào tạo cán bộ cho ngành nông nghiệp, y học, sư phạm. Song song với nhiệm vụ đào tạo, trường còn làm công tác nghiên cứu khoa học. Trường đã hợp tác với một số nước trên thế giới nghiên cứu về các giống lúa mới, đất chua phèn của đồng bằng sông Cửu Long và kỹ thuật nuôi tôm nước lợ.

Vườn Du Lịch Cần Thơ : Trong những năm gần đây hàng loạt các vườn du lịch xanh tươi mà hiện đại đã và đang xuất hiện trên khắp các tuyến đường bộ, đường thủy ở Cần Thơ, ngày càng thu hút đông du khách trong và ngoài nước đến thăm. Vườn du lịch Mỹ Khánh, vườn nhà ông Sáu Dương, vườn lan Bình Thủy, vườn du lịch Ba Láng (Châu Thành), Tân Bình (Phụng Hiệp) trải dài dọc theo tuyến lộ vòng cung, trên các tuyến sông Phong Điền, Phụng Hiệp, và nhiều vườn du lịch khác ở Long Mỹ, ViThanh, Ô Môn, Thốt Nốt đang phát triển.

Từ thành phố Cần Thơ, du khách theo quốc lộ 1 hướng về Sóc Trăng qua cầu Đầu Sấu, đến gần cầu Cái Răng rẻ phải khoảng 6 km là đến vườn du lịch Mỹ Khánh. Vườn Mỹ Khánh rộng 2,2 ha với hơn 20 loại cây ăn trái, hoa kiểng và nhiều loại động vật như chim, cá, rùa, rắn, cua, tôm... Du khách đi dạo trong vườn hít thở không khí trong lành mát mẻ và được nếm các loại trái cây chín và những món ăn đặt sản miệt vườn. Dưới bóng cây xanh thấp thoáng ẩn hiện những ngôi nhà nhỏ xinh là nơi khách nghĩ đêm.

Khu Du Lịch Ba Láng : Cách thành phố Cần Thơ 9 km trên quốc lộ 1 theo hướng Sóc Trăng, qua cầu Cái Răng rộng 4,2 ha. Nơi đây có hồ ao sen nuôi động vật, hai hồ tắm dành cho người lớn và trẻ em, có sân khấu ngoài trời, chuồng thú, khách sạn mini. Những miệt vườn ở đây được kết hợp loại hình kinh tế vườn và du lịch đã làm phong phú thêm tuyến du lịch miền sông nước Cửu Long.

Chợ Nổi Phụng Hiệp : Mênh mông chợ nổi ngã bảy Phụng Hiệp (Cần Thơ). Ở đây mặt sông mênh mông rẻ về 7 ngã. Từ các ngã thuyền bè tấp nập kéo về đây. Chợ ở trên mặt đất có những thứ gì, thì chợ nổi ngã 7 cũng đủ những mặt hàng mà người dân cần, từ cái kim sợi chỉ cho đến quần áo, thức ăn, rượu thịt... Còn các loại trái cây thì nhiều vô kể. Từ chợ nổi, bạn sẽ được cập bến để lên chợ rắn. Cái tên chợ rắn Phụng Hiệp cũng đã rất quen thuộc với du khách quốc tế. Đến tham quan chợ rắn bạn sẽ được mời uống rượu rắn và xem những màn biểu diễn múa rắn rất mạo hiểm. Chợ Phụng Hiệp quanh năm có rắn, rùa, chim, sóc, kỳ đà... phục vụ du khách.

Vườn Cò Bằng Lăng : Trên đường từ Cần Thơ về thị xã Long Xuyên (An Giang), qua khỏi thị trấn Thốt Nốt khoảng 5 km là đến vườn cò Bằng Lăng. Vườn nằm ở cuối cầu Bằng Lăng dọc theo bờ sông nhỏ, dưới những hàng cây rợp bóng trước một vùng nước trắng mênh mông như biển đó là ruộng lúa đã gặt xong vào mùa nước nổi.

Du khách đến thăm vườn cò sẽ được thấy hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn con cò (cò trắng, cò xám, cò đen, cồng cọc) chao cánh và sà xuống những cành trúc la đà, đong đưa theo gió, rối rít gọi đàn trong vườn còn có cái tụm dựng chìa ra bờ ruộng, làm bằng tre cao chừng 3 m thoạt trông như một khán đài mà ở đó du khách có thể dõi mắt nhìn khắp vườn cò, tìm hiểu cảnh sinh hoạt của đàn cò đông đúc giữa vùng đồng quê thanh bình của đồng bằng sông Cửu Long.

Chùa Nam Nhã : Tọa lạc ở số 612 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Thới, thành phố Cần Thơ. Trước là tiệm thuốc bắc Nam Nhã Đường và là nơi liên lạc, hội họp của các phong trào đấu tranh chống Pháp. Chùa do ông Nguyễn Giác Nguyên đứng ra xây dựng năm 1895, theo tông phái Minh Sư nên còn được gọi là chùa Minh Sư. Chùa Nam Nhã là nơi hoạt động của những sĩ phu yêu nước trong

tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội. Năm 1917, chùa được trùng tu. Sân chùa rộng rãi trồng nhiều cây, giữa sân là hòn non bộ cao hơn 2 m.

Trong chính điện có bàn thờ cụ Giác Nguyên, Lịch Đại Tổ sư, bàn thờ Tam Giáo với ba pho tượng bằng đồng là tượng Đức Phật Thích Ca, Đức Khổng Tử và tượng Lão Tử. Hai bên chính điện là hai ngôi nhà 5 gian dành cho phái nam và phái nữ ở. Phía sau là khu vườn mộ, nơi yên nghỉ của những người tham gia phong trào Đông Du và những người xây dựng chùa.

Hội Linh Cổ Tự : Tọa lạc tại số 314/36, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Thới, thành phố Cần Thơ. Chùa xây cất năm 1907, lúc đầu bằng tre, lá sau đó nhờ bà con quyên góp nên năm 1914 chùa được xây lại bằng gỗ và gạch ngói. Khi mới lập, chùa có tên "Hội Long Tự" có ý nghĩa mong muốn sự thịnh vượng tốt đẹp cho nhân dân quanh vùng. Năm 1914 hòa thượng Thích Hoành Đạo trụ trì, chùa đổi tên là "Hội Linh Cổ Tự". Chùa Hội Linh Cổ Tự còn giữ những tác phẩm điêu khắc gỗ có giá trị như bức tượng Giám Trai, chuông đồng mõ, bộ binh khí (16 cái) và hàng chục bức tượng bằng gỗ, xi măng, thạch cao và đồng.

Đình Bình Thủy (Long Tuyền Cổ Miếu) : Đình Bình Thủy tên cũ là đình Long Tuyền, tọa lạc tại phường Bình Thủy nên nhân dân quen gọi là đình Bình Thủy. Từ trung tâm thành phố Cần Thơ du khách đi khoảng 5 km theo đường Nguyễn Trãi qua đường Cách Mạng Tháng Tám và Lê Hồng Phong là tới đình. Đình được dựng vào thế kỷ 19, được vua Tự Đức sắc phong là thần "Bổn Cảnh Thành Hoàng" vào ngày 09-01-1853. Từ khi có sắc phong, dân chúng cất lại đình lần thứ hai lợp ngói, phía trước đình xây thêm một nhà võ ca (nhà hát ca). Sau này nhân dân còn đưa thêm những người có công với nước vào thờ : Đinh Công Chánh, Nguyễn Trung Trực, Bùi Hữu Nghĩa, Võ Huy Tập...

Đình Bình Thủy được xây lại mới hoàn toàn, hoàn thành vào năm 1910. Đình có kiến trúc khác với các đình phía bắc. Nhà trước và nhà sau hình vuông, mỗi chiều có 6 hàng cột, các chân cột đều choài ra làm cho đình thêm vững chắc. Trên nóc đình hai mái nhà trước chồng lên nhau, nhà chánh điện sau ba mái chồng lên nhau theo kiểu kiến trúc "thượng lầu hạ hiên". Nóc có gắn tượng người, kỳ lân, cá hóa rồng. Mặt trước nhà là các cột xi măng. Trong tòa tiền đường có bàn thờ Nghi Hạ,

Nghi Trung. Nơi nhà vuông nhỏ đặt bàn thờ hương chức, Tiên Giác, phía trong là bàn thờ Hậu Hiền. Sát vách trong cùng ở gian giữa thờ Hậu Thần, hai bên là hai bàn thờ Hữu Ban và Tả Ban.

Đình Bình Thủy là một công trình có giá trị về kiến trúc nghệ thuật của ngôi đình làng ở một vùng đất mới khai phá thuộc miền Tây Nam bộ. Mặc dù được xây dựng vào đầu thế kỷ 20, nhưng kiến trúc của đình Bình Thủy mang nhiều nét kiến trúc dân tộc, với những mảng chạm, những họa tiết trang trí, khắc gỗ rất tinh tế và sinh động. Hàng năm nhân dân tổ chức các ngày lễ thượng điền, hạ điền rất đông vui với các trò chơi dân gian như thả vịt, kéo co, nữ công gia chánh... được duy trì cho đến nay và được đông đảo nhân dân tham gia.

Chùa Ông (Quảng Triệu Hội Quán) : Ở vị trí trung tâm thành phố, chùa Ông có lối kiến trúc độc đáo được giữ gìn gần như nguyên vẹn từ thuở ban đầu. Chùa được xây dựng năm 1894 - 1896 trên một khu đất rộng 532m², đường Hai Bà Trưng gần bến Ninh Kiều. Mái chùa lợp ngói âm dương với các gờ bó mái bằng những hàng ngói ống men xanh thẩm, trên bờ nóc có vô số hình nhân đủ màu bằng gốm sứ, lưởng long chầu nguyệt, cá hóa long, chim phụng. Ở hai đầu đao là hai tượng người cầm mặt trời, mặt trăng. Trong chùa thờ Quan Công, một vị tướng thời Tam Quốc, tấm gương về lòng trung hiếu tiết nghĩa và các vị Quan Âm Nam Hải, Thái Bạch Tinh Quân, Thổ Địa, Đổng Vỉnh... Chùa Ông là nơi sinh hoạt văn hóa và tín ngưỡng của người Hoa tại Cần Thơ.

Mộ Danh Nhân Phan Văn Trị : Mộ được đặt tại ấp Nhơn Lộc 1, xã Nhơn Ái, huyện Châu Thành, cách thành phố Cần Thơ 16 km giữa một vùng quê nổi tiếng trù phú về cây trái và lúa gạo. Để tưởng nhớ và tỏ lòng kính trọng với Phan Văn Trị - nhà nho yêu nước, nhà thơ được nhân dân Nam bộ yêu mến, người đã dùng ngòi bút của mình để tố cáo tội ác của chế độ phong kiến, quân Pháp.. Mộ cụ được nhà nước và nhân dân địa phương trùng tu tôn tạo khá khang trang dưới bóng mát của vườn cây ăn trái, giữa tấm lòng đùm bọc và kính yêu của người dân quê thật thà chất phác.

Chùa Khánh Quang : Chùa tọa lạc ở số 97 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, thành phố Cần Thơ. Chùa do hòa thượng Thích Huệ Thành sáng lập vào năm 1969.

Các dịp lễ hội

Hội Đình Bình Thủy : Lễ hội diễn ra ở phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Đình thờ thần Hoàng Bổn Cảnh và ông Đinh Công Chánh. Lễ hội diễn ra vào 2 kỳ trong năm : Hạ điền (14 - 15 tháng 12 âm lịch) và Thượng điền (12 - 14 tháng 4 âm lịch).

Lễ đình Bình Thủy, còn gọi là lễ Thượng điền, mở hội trong 3 ngày để thờ cúng Bổn Cảnh Thành Hoàng (Thổ thần canh giữ đất). Đây là lễ hội cầu an, có cúng tế, rước thần trên "xe rồng tán phượng" thỉnh sắc cầu thần bằng bè ghép 3 chiếc thuyền trang trí lộng lẫy và tổ chức hát bộ 3 đêm liền. Vào ngày lễ Hạ điền, là dịp để các cô gái trổ tài nữ công gia chánh trong cuộc thi làm bánh mức để tế thần.

Đà Nẵng

Diện tích : 942 km².

Dân số : 715.000 người (2001).

Các quận nội thành : Hải Châu, Thành Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu; 2 huyện : Hòa Vang và Hoàng Sa.

Dân tộc : Việt (Kinh), Hoa.

Thành phố Đà Nẵng nằm ở trung độ đất nước, trên trục đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không của cả nước và khu vực. Phía Bắc giáp Huế, phía Tây và Nam giáp Quảng Nam, phía Đông giáp biển Đông.

Địa hình thành phố Đà Nẵng khá đa dạng : phía Bắc là đèo Hải Vân hùng vĩ, vùng núi cao thuộc huyện Hòa Vang (phía Tây Bắc của tỉnh) với núi Mang 1708 m, núi Bà Nà 1487 m. Phía Đông là bán đảo Sơn Trà hoang sơ và một loạt các bãi tắm biển đẹp trải dài từ bán đảo Sơn Trà đến bãi biển Non Nước. Phía Nam có núi Ngũ Hành Sơn. Ngoài khơi có quần đảo Hoàng Sa với ngư trường rộng lớn. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, chia hai mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm từ 28 - 29 °C, bão thường đổ bộ trực tiếp vào thành phố các tháng 9, 10 hàng năm.

Thành phố Đà Nẵng được thành lập từ năm 1888, từ xa xưa đã là hải cảng quan trọng của Việt Nam, nay là một trung tâm kinh tế, một thành phố lớn nhất miền Trung. Đà Nẵng không chỉ gắn bó mật thiết với Quảng Nam mà còn với cả miền Trung, Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Cam-pu-chia. Đà Nẵng có khu vực cảng Đà Nẵng với cảng biển Tiên Sa (cảng sâu) và 9 cầu cảng dọc sông Hàn, có sân bay quốc tế Đà Nẵng, có hệ thống thông tin liên lạc hiện đại. Đà Nẵng còn là nơi hội tụ các xí nghiệp lớn của các ngành dệt, sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến, công nghiệp cơ khí, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng...

Đến với vùng đất Đà Nẵng, du khách sẽ có dịp đi thăm các danh lam thắng cảnh nổi tiếng như núi Bà Nà, Ngũ Hành Sơn, đèo Hải Vân... và có thể bơi lội thỏa thích ở các bãi biển đẹp, cát trắng mịn kéo dài hàng chục km. Tiềm năng du lịch của vùng đất Đà Nẵng thật to lớn.

Sinh hoạt, kinh tế

Dân số thành phố hiện nay khoảng 400.000, nhưng Đà Nẵng vẫn là một trung tâm thương mại năng động của miền Trung. Đà Nẵng là một trong những trung tâm kinh tế, thương mại và du lịch quan trọng nhất nằm trên trục giao thông đường hàng không và đường hàng hải, có sân bay quốc tế và hệ thống biển cảng sâu, lại thêm nền nông nghiệp đầy triển vọng với bờ biển dài 150 km.

Thành phố Đà Nẵng có nhiều bãi tắm đẹp, cát trắng, nước biển xanh trong, khí hậu quanh năm mát, là một nơi nghỉ mát tuyệt vời và rất thuận lợi cho các môn thể thao dưới nước. Ngay cạnh bãi biển Non Nước là những núi đá cẩm thạch với nhiều hang động tự nhiên và các chùa chiền cổ kính, rất thu hút du khách tới viếng thăm.

Lược sử

Trước khi người Pháp đến trung tâm của vùng Hội An, một cảng sông nhỏ. Hải quân Pháp "ưa thích" vịnh Đà Nẵng rộng rãi hơn và tại đây năm 1847 quân Pháp nổ những phát súng xâm lược đầu tiên. Năm 1858 mười bốn chiếc thuyền Pháp và Tây Ban Nha chiếm Đà Nẵng làm bàn đạp lên đánh kinh đô Huế. Triều đình cử ông Nguyễn Tri Phương vào đắp lũy cầm cự đến năm 1860 quân Pháp rút đi. Trên bán đảo Sơn Trà nay vẫn còn những ngôi mộ lính Pháp và Tây Ban Nha chết trong giai đoạn này. Thành phố Đà Nẵng được thành lập năm 1888, nằm ngay trên bờ sông Hàn.

Đà Nẵng là nơi quân Pháp khởi sự gây hấn để mở đầu cho việc xâm lăng nước ta. Đầu năm năm 1874, chúng ngang nhiên mang hai chiến hạm đậu ngoài cửa biển Đà Nẵng sinh sự. Ngày 15-4, chúng nổ súng trong hai giờ liền rồi bỏ đi. Ngày 16-9-1856, Pháp lại đến, bắn phá đồn lũy ở bán đảo Sơn Trà, rồi đổ bộ vùng biển. Quan quân triều đình lui về tử thủ thành An Hải và các đồn lân cận, không cho giặc tiến thêm, sau chúng phải rút.

Ngày 30-8-1858, Pháp sai tên Trung tướng Genouilly đem 3000 quân và 17 chiến tàu của Pháp và Y Pha Nho đến chiếm Đà Nẵng. Các đồn chính Nại Hiên, Tôn Hải, An Hải thất thủ. Đô thống Lê Đình Lý chống trả kịch liệt và bị trọng thương. Triều đình khẩn cấp cử hai dũng tướng Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển từ trong Nam ra Đà Nẵng chống giữ. Hai ông cho lập đồn Liên Trì và đắp phòng

tuyến dài từ Hải Châu đến Phúc Ninh, giặc thấy bất lợi, giữ lại một số quân, rồi mang tàu chiến đi đánh Gia Định. Ngày 7-2-1859, quân ta tiến đánh đẩy giặc ra ngoài biển. Chúng phải tăng cường lực lượng tấn công nhưng bị sập hầm chông tổn thất nặng. Pháp phải xin nghị hòa và rút khỏi Đà Nẵng để dồn quân chiếm phía Nam nước ta.

Phong cảnh, di tích

Đèo Hải Vân : Đèo Hải Vân nằm trải dài theo sườn núi Hải Vân có chiều dài khoảng 20 km kéo dài từ địa phận Thừa Thiên Huế đến địa phận Đà Nẵng. Dãy núi Hải Vân là một bức tường thành thiên nhiên quan trọng ngăn các đợt gió mạnh từ phương Bắc tràn về. Vì vậy, các tỉnh từ Đà Nẵng, Quảng Nam trở vào hầu như quanh năm ấm áp và không có mùa Đông. Khách qua đây đều được chiêm ngưỡng một thắng cảnh đẹp nổi tiếng "Thiên hạ đệ nhất hùng quan". Từ trên độ cao 496 m của đỉnh đèo Hải Vân, du khách có thể ngắm nhìn toàn cảnh thành phố Đà Nẵng và cảnh thanh bình của làng chài Lăng Cô (ở chân đèo phía Bắc đèo Hải Vân). Từ bao đời nay, Hải Vân là nguồn cảm hứng vô tận đối với các nhà văn, nhà thơ Việt Nam.

Thủy Sơn : Nằm trên một khoảng đất rộng chừng 15 ha, có hình dáng một khối đá dựng đứng, đỉnh núi kéo dài chia thành 3 ngọn : Thượng Thai, Trung Thai và Hạ Thai tạo thành hình sao Tam Thai, vì vậy trên núi có ngôi chùa cũng mang tên Tam Thai. Các động đẹp như động Linh Nham, Vân Thông, Tàng Chơn, động Huyền Không... đều nằm trong ngọn núi Thủy Sơn.

Ngũ Hành Sơn : Cách thành phố Đà Nẵng về phía Đông Nam khoảng 8 km. Đây là một cụm gồm 5 ngọn núi đá hoa cương nằm kề với biển. Vì núi ở đây sát với biển, nên nhân dân thường gọi là hòn Non Nước (nghĩa là núi và nước). Đầu thế kỷ 19, vua Gia Long đi qua đã đặt tên cho cụm núi này là Ngũ Hành Sơn và đặt tên cho từng ngọn núi là Kim Sơn, Mộc Sơn, Thủy Sơn, Hỏa Sơn và Thổ Sơn. Ngọn núi lớn nhất và đẹp nhất là Thủy Sơn.

Động Tàng Chơn : Nằm phía sau chùa Linh Ứng thuộc ngọn Thủy Sơn. Động Tàng Chơn được phát hiện vào thời Lê Cảnh Hưng. Động chính giống như một thung lũng nhỏ, chiều dài 10 m chiều ngang 7 m, thoáng đãng nhờ thông lên trời

qua cửa hang "Thiên Long Cốc". Giữa động có miếu thờ Thái Thượng Lão Quân, bên trái thờ Bát Bộ Kim Cương, bên phải thờ Thần Chiêm Thành. Ngoài ra còn có năm động nhỏ khác là động Tam Thanh, Hang Gió, động Chiêm Thành, động Bàn Cờ, hang Ráy. Động Tam Thanh trước kia thờ 3 vị thánh là Thượng Thanh, Trung Thanh, Hạ Thanh. Kế tiếp là hang gió bởi nơi đây quanh năm lộng gió.

Động Chiêm Thành có hình bán nguyệt, thờ các vị thần Chiêm Thành của vương quốc Chămpa ngày trước. Từ động chính leo lên khoảng 5 m là tới hang Ráy. Đá nơi đây có màu ngũ sắc, sáng lung linh. Cuối cùng là động Bàn Cờ, tương truyền là nơi các vị tiên hay xuống đây đánh cờ trên bộ bàn ghế đá trong động. Trải qua hàng nghìn năm, động Tàng Chơn, được coi là động lưu giữ mọi chân lý của vũ trụ, vẻ đẹp nguyên thủy của nó dường như không thay đổi. Chân núi Ngũ Hành Sơn có làng đá Quan Khái và Hòa Khuê, dân làng có nghề đục đá gia truyền, họ làm ra nhiều sản phẩm đá mỹ nghệ phục vụ khách du lịch và nhân dân trong cả nước.

Động Huyền Vi : Động nằm ở phía sau chùa Linh Sơn, thuộc ngọn Dương Hỏa Sơn ở Ngũ Hành Sơn. Hội Phật giáo xã Hòa Hải đã phát hiện ra động vào năm 1953. Động Huyền Vi trông như một bức tranh thiên nhiên sống động. Qua cửa hang dày 3 m là vào lòng động có chiều dài khoảng 10 m, chiều ngang 2 m và có nhiều ngách hang nhỏ. Trên các vách hang do nước và gió xâm thực đã tạo nên những hình ảnh cỏ cây, hoa lá, muông thú. Đặc biệt ngay vách của hang có một con cá sấu thiên tạo.

Một góc khác là hồ nước trong xanh có tạc pho tượng "Ông Lữ đi câu", năm phiến giống như người đứng, người ngồi do nghệ nhân Nguyễn Chất Tác tạo thành 5 pho tượng Phật. Trong động có một giếng sâu thẳm gọi là tuyền cầm (đàn mối) mà mọi âm thanh tạo ra gần miệng giếng đều phát ra những âm thanh trầm bổng tựa như tiếng đàn. Trong cùng là cái trống bằng đất, nếu như dùng một vật cứng nện xuống nền đất sẽ được nghe những tiếng trống bập bùng, trầm bỗng. Động Huyền Vi là một trong những động đẹp của Ngũ Hành Sơn.

Bãi Biển Non Nước : Là một bãi biển đẹp nằm kề sát với Ngũ Hành Sơn. Bãi biển kéo dài 5 km, cát trắng mịn : phía Nam giáp biển Điện Ngọc, Bắc giáp biển

Bắc Mỹ An. Bãi tắm có độ dốc thoai thoải, sóng êm, nước trong xanh bốn mùa, nguồn nước không bị ô nhiễm đã cuốn hút nhiều khách du lịch tới đây tắm biển, thưởng thức các món hải sản đặc sắc của địa phương và nghỉ ngơi cuối tuần. Bãi biển Non Nước còn là nơi có các loài rong tảo quý hiếm như rong câu chỉ vàng, rong câu chân vịt có giá trị xuất khẩu cao. Hiện nay tại bãi biển Non Nước đang được qui hoạch để xây dựng một khu du lịch biển lớn để phục vụ khách du lịch quốc tế và trong nước.

Núi Bà Nà : Là một ngọn núi huyện Hòa Vang cách Đà Nẵng khoảng 48 km về phía Tây, ở độ cao 1487 m so với mặt biển. Trên đỉnh cao ấy có địa hình bằng phẳng như một vùng cao nguyên nhỏ. Nhiệt độ của Bà Nà chỉ xê dịch từ 17 đến 20°C. Năm 1920, người Pháp đã xây dựng nhiều biệt thự trên ngọn núi này.

Trong một ngày ở Bà Nà, bốn mùa lần lượt diễn ra : mùa Xuân vào buổi sáng, mùa Hạ vào buổi trưa, mùa Thu vào buổi chiều, mùa Đông vào buổi tối. Bà Nà có những rừng cây tuyệt đẹp với những đồi thông xanh ngát. Bà Nà có một đặc điểm mà hiếm vùng nghỉ mát nào có được. Đó là mây chỉ nằm ở lưng chừng núi, trong khi đó, trên đỉnh cao luôn quang rạng. Nhờ đó, đứng trên đỉnh Bà Nà, du khách có thể ngắm được cảnh nước, sông, trời, biển... như đang bồng bềnh giữa đám mây trôi.

Bán Đảo Sơn Trà : Chỉ cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 13 km đường ô tô nhưng bán đảo Sơn Trà đến nay vẫn còn nhiều bí ẩn đối với bao người. Nơi đây xa hẳn tiếng ồn ào, bụi bặm của phố phường. Trải qua bao năm tàn phá của chiến tranh, bán đảo Sơn Trà vẫn nguyên vẹn là một bảo tàng tự nhiên về cuộc sống hoang dã. Những tài liệu khảo sát lâm sinh cho thấy bán đảo có chiều dài 15 km, chỗ rộng nhất 5 km, chỗ hẹp nhất 1,5 km, đỉnh núi cao nhất 696 m, và nhiều đỉnh cao trên 500 m. Trên bán đảo hiện còn 4370 ha rừng nguyên sinh, là nơi giao lưu giữa hai hệ động vật tiêu biểu của miền Bắc với miền Nam.

Đến nay rừng nguyên sinh Sơn Trà vẫn còn lưu giữ được 289 loài thực vật bậc cao thuộc 217 chi, 90 họ. Hiện nay Sơn Trà vẫn còn khoảng 400 con voọc chà và, nhiều khỉ đuôi dài, gà tiền mặt đỏ... Chung quanh bán đảo là biển xanh màu ngọc bích; dải bờ biển của Sơn Trà dài gần 50 km có nhiều bãi tắm đơn sơ và tuyệt đẹp.

Từ hải cảng đi về phía Bắc, du khách có thể đến thăm bãi Tiên Sa (rộng 1 ha), bãi Bắc (7 ha). Đi về phía Nam, có thể đến thăm bãi Bụt (2 ha), bãi Xếp (1 ha), bãi Nam (4 ha) ... Trừ bãi Bắc chỉ đến được bằng thuyền máy, các bãi khác có thể đến bằng ô tô trên con đường độc đáo vắt vẻo trên sườn núi.

Từ ngày xưa các bãi biển này là nơi trú ngụ của ngư dân mỗi khi biển động, nơi tàu thuyền ghé lại lấy nước ngọt và củi đốt cho những chuyến ra khơi. Bãi Bắc còn giữ nguyên vẻ hoang sơ, vắng lặng. Bãi cát rộng rãi, trắng phao phơi mình dưới nắng giữa một thung lũng bằng phẳng, núi non bao bọc kín đáo. Phía đầu và cuối bãi, núi choài ra biển. Dưới chân núi, những tảng đá lớn dầm mình trong nước, sóng tung bọt trắng ào ào. Vài năm nay gần đây, trên vùng biển chung quanh bán đảo đã xuất hiện những con thuyền du lịch khởi hành từ Đà Nẵng đưa khách đi vòng quanh bán đảo Sơn Trà, thăm bãi Bắc, bãi Nam... thậm chí ra đến cù lao Chàm ở ngoài khơi Hội An.

Trong những chuyến đi này, du khách có thể tận hưởng không khí trong lành và cảnh quan thiên nhiên tuyệt vời của bán đảo Sơn Trà, bơi lặn, câu cá, leo núi, tìm hiểu đời sống và phương thức câu mực, săn tôm hùm... của những dân chài làm ăn quanh bán đảo. Một dự án liên doanh để xây dựng một làng du lịch tại thôn Nam Thọ dưới chân núi Sơn Trà; một dự án khác đầu tư phát triển khu du lịch sinh thái Sơn Trà trên bãi Bắc, bãi Nam và vùng suối Đá đã được đề xuất và đang trong giai đoạn nghiên cứu.

Làng Đá Mỹ Nghệ Non Nước : Được hình thành vào thế kỷ 18 do một nghệ nhân người Thanh Hóa tên là Huỳnh Bá Quát khai phá. Sang thế kỷ 19 thì cả làng Quan Khái (nay là Hòa Hải) đều sinh sống bằng nghề này. Nguyên liệu để làm ra sản phẩm mỹ nghệ là đá cẩm thạch trước đây được khai thác ở núi Ngũ Hành Sơn nhiều vân ngũ sắc, vẻ đẹp cao sang và mặt hàng được ưa chuộng trong xây dựng, kiến trúc. Sản phẩm mỹ nghệ bằng đá cẩm thạch khá phong phú: tượng Phật, tượng Thánh, tượng người, tượng muôn thú,... vòng đá đeo tay trơn láng đầy màu sắc chạm trổ tinh xảo, công phu. Đến Ngũ Hành Sơn, du khách có thể lựa chọn thoải mái khi mua những đồ lưu niệm làm bằng đá do bàn tay tài hoa của các nghệ nhân địa phương thực hiện.

Làng Cổ Phong Nam (Huyện Hòa Vang) : Làng ở gần quốc lộ số 1, cách Đà Nẵng chừng 10 km về phía Tây Nam. Đây là một làng quê còn giữ được nét đặc trưng của một làng quê Việt Nam truyền thống. Hiện nay, trong làng còn giữ được nhiều di tích cổ cách đây hàng thế kỷ như nhà thờ cổ, đình, đền, miếu, chùa, giếng nước và nhà cổ... Làng Phong Nam đã trở thành một địa chỉ quen thuộc đối với khách du lịch, những người muốn đi thăm và tìm hiểu cuộc sống người dân quê ở Đà Nẵng.

Chùa Linh Ứng : Nằm bên sườn Thủy Sơn trông ra hướng biển. Chùa xây từ thời vua Minh Mạng. Trải qua năm tháng chùa bị hư hỏng nhiều. Năm 1970, các Tăng ni, Phật tử góp công của xây lại chùa mới như ngày nay. Trong chùa có bộ tượng La Hán bằng đá trắng. Bên phải chùa là Vọng Hải Đài (đài ngắm biển). Đứng ở đài này nhìn rõ biển Non Nước mênh mông.

Chùa Pháp Lâm : Tọa lạc tại số 500, phố Ông Ích Khiêm, thành phố Đà Nẵng. Chùa Pháp Lâm khởi công xây dựng từ năm 1936, do một nhóm cư sĩ trí thức của An Nam Phật học - chi hội Đà Nẵng đứng ra xây dựng. Chùa được trùng tu năm 1970. Trước kia chùa là trụ sở của "Hội An Nam Phật Học", chi hội Đà Nẵng. Chùa xây dựng theo phong cách Á Đông, trên diện tích khoảng 3000 m² với các kiến trúc đặc trưng của Phật giáo Việt Nam.

Bảo Tàng Chàm : Bảo tàng nằm trong khu vực yên tĩnh của thành phố Đà Nẵng, ở điểm giao hữu giữa đường Trưng Nữ Vương và đường Bạch Đằng. Bảo tàng được lập ra từ năm 1915, lúc đầu bảo tàng có tên là Hăng-Ri-Pac-Măng-Chi-Ê về sau đổi tên thành bảo tàng Chàm. Kiến trúc nhà xây mô phỏng những đường nét kiểu tháp Chàm. Đây là bộ sưu tập cuối cùng của văn hóa Chàm trên thếgiới. Hiện nay bảo tàng được mở rộng tu sửa khang trang để trưng bày các hiện vật điêu khắc Chàm bằng đá và đất nung (có niên đại từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 15) khai quật được từ Quảng Bình đến Bình Định.

Bảo tàng được chia theo 2 giai đoạn chính : trước thế kỷ 10 và từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 16, thời kỳ chấm dứt của vương quốc Chămpa. Các hiện vật phát hiện tại Đồng Dương, Khương Mỹ, Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Tháp Mẫm (Bình Định) và một số nơi khác, chủ yếu ở khu vực Đà Nẵng và Quảng Nam, được trưng bày vào 4

phòng mang tên địa danh tìm thấy được hiện vật. Từ phía sân trước đi vào, phòng bên trái trưng bày các công trình điêu khắc Chàm tìm thấy ở thánh địa Mỹ Sơn (Thánh Đô). Các bức tượng lớn của thần Siva, tượng nữ thần Uma (vợ của Siva), các bức tượng chạm nổi cảnh sinh hoạt của các tầng lớp tăng lữ, quí tộc. Phòng tiếp theo là các cảnh sinh hoạt của người Chàm ở kinh thành Trà Kiệu (Simpura). Sau khu Trà Kiệu là nơi trưng bày các tượng Phật, tượng Hộ Pháp... tương đối lớn được phát hiện ở Đồng Dương. Phần bên phải của bảo tàng (đối diện với phần Mỹ Sơn) là những di tích tìm được ở Chà Bàn (Bình Định) với các tượng thần, vũ nữ, nhạc công... Qua 300 tuyệt tác nguyên bản được trưng bày, bảo tàng Chàm Đà Nẵng còn khắc họa một giai đoạn lịch sử vô cùng quan trọng của vương quốc Chămpa trong đó có thời kỳ cực thịnh sáng chói nhất.

Chùa Phổ Đà : Tọa lạc tại 332 Phan Châu Trinh, Đà Nẵng, được khởi dựng vào năm 1927. Tổ khai sơn là Hòa thượng Thích Tôn Thắng. Chùa được trùng tu vào các năm : 1937, 1945, 1983. Hệ phái gốc : chính tông Phật giáo. Chùa Phổ Đà được xây dựng theo hình chữ "Khẩu", bao gồm chánh điện, hai bên là nhà khách, nhà thiền và giảng đường. Trong chánh điện thờ 3 tượng Phật bằng đồng được đúc vào năm 1947. Sân trước chánh điện rộng 500 m², giữa có hồ rộng hình bầu dục, giữa hồ là tượng Quan Thế Âm cao hơn 3 m đứng trên hòn non bộ lớn. Phổ Đà là một ngôi chùa nổi tiếng vì đây là nơi đào tạo Tăng ni của tỉnh hơn 3 thập kỷ qua. Trước có tên là chi nhánh Phật học viện trung phần. Năm 1961 đổi tên là chùa Phổ Đà. Hiện nay chùa là nơi đặt trường cơ bản Phật học của khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng.

Chùa Tam Bảo : Tọa lạc tại 327 Phan Châu Trinh, thành phố Đà Nẵng, được khởi dựng vào những năm 1953 - 1963 và được trùng tu lớn vào năm 1990. Chùa có 5 tháp cao vút do thợ Quảng Nam - Đà Nẵng pha màu trước khi rung ngói đã tạo nên 5 màu sắc biểu tượng của Phật giáo. Kiến trúc chùa được chia làm 3 phần : Tầng trên là chánh điện chỉ thờ một Phật Tổ duy nhất. Bên cạnh điện thờ là tủ sách Tam tạng gồm 3 bộ tạng Kinh, tạng Luật, tạng Luận. Bàn thờ và bàn thuyết giảng ở chính điện được làm bằng gỗ do chính vua Thái Lan trong năm đầu mới lên ngôi tặng. Tầng dưới là khu giảng đường.

Tháp chùa : nơi cất giữ xương của Đức Phật (xá lợi Phật). Trước chùa có 2 cây bồ đề là cây non của bồ đề đạo trường (nơi Bồ Tát thành đạo) được đưa từ Ấn Độ về trồng. Phía sau chùa có 2 cây Sà Là cũng được lấy từ LumPiNi (nơi Bồ Tát ra đời). Đây là ngôi chùa theo phái Phật giáo Nam Tông (từ Nam Ấn Độ sang) nên có sức hấp dẫn đối với khách phương Tây sang Việt Nam nghiên cứu về Phật giáo và muốn tận mắt nhìn thấy cách sinh hoạt, ăn mặc, hành lễ của các vị sư trong chùa.

Chùa Tam Thai : Nằm ở phía Tây ngọn Thủy Sơn, một trong 5 ngọn núi nổi tiếng của Ngũ Hành Sơn, thuộc xã Hòa Hải, huyện Hòa Vang. Chùa được khởi dựng vào thời Hậu Lê, khoảng năm 1630. Chùa Tam Thai từng là nơi xuất gia tu hành của một người em gái vua Minh Mạng. Chùa được trùng tu lớn vào năm 1825, dưới thời vua Thành Thái và sau năm 1975. Tổng thể chùa xây dựng theo hình chữ "Vương", với nhiều đường nét mang tính mỹ thuật cao, là những di sản quí báu đặc trưng cho kiến trúc đình, chùa thời Nguyễn.

Phía Bắc sân chùa trước kia là hành cung có tên Đông Thiên Phước, nơi vua ngồi nghỉ mỗi khi viếng cảnh chùa. Cạnh chùa còn có tháp Phổ Đồng, chùa Từ Tâm, vọng Giang Đài (đài ngắm sông). Đứng trên vọng Giang Đài nhìn rõ con sông Cẩm Lệ lượn quanh cánh đồng trù phú của huyện Hòa Vang. Phía trái chùa Tam Thai là động Huyền Không. Lòng động cao rộng, không khí mát lạnh. Động có nhiều nhũ đá đẹp. Kề bên động Huyền Không là động Linh Nham, động Tàng Chơn và chùa Linh Ứng.

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài - Đà Nẵng : Tòa Hội thánh truyền giáo Cao Đài miền Trung (Trung Hưng Bửu tòa) được xây dựng từ năm 1956 tại số 35 phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng, được kiến trúc như tòa thánh Tây Ninh thu nhỏ. Đạo Cao Đài xuất hiện đầu tiên ở Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ 20 tại Tây Ninh, vì thế Tây Ninh là thánh địa của tôn giáo này.

Từ khu vực Đông Nam Bộ trở ra Huế, đạo Cao Đài phát triển mạnh trong những năm 1934 - 1960, nhiều thánh thất (họ đạo) ra đời. Hội thánh truyền giáo Cao Đài miền Trung quản lý 14 tỉnh đạo (gồm hơn 60 thánh thất). Tại thánh thất, các vị chức sắc hành đạo cúng 4 lần trong một ngày vào lúc 6h sáng, trưa, 6h chiều và nửa đêm. Tòa thánh có cửa bên trái gắn chữ "nữ phái" dành cho tín đồ nữ, cửa

bên phải là "nam phái" dành cho tín đồ nam. Còn các vị chức sắc thì đi cửa giữa. Bên trong nhà chính có 3 tiên ngữ: "Thiên nhân hợp nhất", "Vạn giáo nhất lý" và "Thiền chân vô ngã".

Bàn thờ tại cửu trùng đài thờ con mắt trái tỏa sáng trên quả địa cầu. Phía trên là bức tranh năm tín đồ đầu tiên của 5 đạo lớn nhất thế giới là Lão Tử, Phật Thích Ca, Chúa Jesus, Khổng Tử và Môhamet gặp nhau ở thếgiới thiên đại đồng. Nhà hội trường phía sau có trưng bày ảnh các vị tiền bối của đạo, người tín đồ đầu tiên là ông Ngô Minh Chiêu.

Các dịp lễ hội

Đà Nẵng là một vùng đất cổ, gắn liền với văn hóa Sa Huỳnh cách đây 3000 năm. Những cư dân ban đầu đó chính là tổ tiên của người Chăm đã dựng nên vương quốc Chămpa một thời phát triển rực rỡ. Bao nhiêu cung điện, đền đài, thành quách uy nghi, tráng lệ từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 13 nay vẫn còn là dấu tích và nhiều hiện vật được trưng bày tại bảo tàng Chàm, Đà Nẵng.

Lễ Hội Quan Thế Âm - Ngũ Hành Sơn : Chùa Quan Thế Âm nằm dưới chân Ngọn Kim Sơn thuộc dãy núi Ngũ Hành Sơn (thành phố Đà Nẵng). Hàng năm nhân dân Đà Nẵng mở lễ hội truyền thống vào ngày 19 tháng 2 âm lịch. Lễ hội diễn ra trong 3 ngày với qui mô lớn.

Phần lễ : Mang màu sắc lễ nghi Phật giáo với các lễ dâng hoa, lễ rước ánh sáng, lễ cầu nguyện, lễ thuyết giảng về Bồ Tát Quan Thế Âm và đại nguyện của Ngài.

Phần hội : Có nhiều sinh hoạt văn hóa mang đậm đà bản sắc dân tộc như hội hóa trang, hát dân ca, thi cờ, nhạc, họa, điêu khắc, múa tứ linh, thả đèn trên sông, hát tuồng.

Cùng trong dịp này, ban tổ chức còn vận động quyên góp lương thực, quần áo, tiền, thuốc men để giúp cho những người nghèo đói.

Lễ Hội Cá Ông : Lễ hội Cá Ông (còn được gọi là lễ tế cá Voi) là lễ hội lớn nhất của cư dân Đà Nẵng và khu vực. Thờ phụng Cá Ông ở miền đất này không chỉ được xem là sự tôn kính thần linh mà còn gắn liền với sự hưng thịnh của cả làng cá. Lễ hội diễn ra trong hai ngày vào trung tuần tháng 3 âm lịch hàng năm. Ngày đầu các nhà đều bày hương án để tế lễ. Lễ cầu an được tổ chức vào đêm đầu tiên

tại làng. Sáng sớm hôm sau, dân làng làm lễ rước trên biển, có dàn nhạc trình diễn, hát bội. Trong hai ngày hội, các tàu thuyền đều tập trung về bến để tham gia lễ hội.

Đắc Lắc

Diện tích : 19.800 km².

Dân số : 1.901.400 người (2001).

Tỉnh lỵ : thành phố Buôn Ma Thuột.

Các huyện : Ea H'leo, Ea Súp, Krông Năng, Krông Búk, Buôn Đôn, Cư M'gar, Ea Kar, M'Đrắc, Krong Pắc, Cư Jút, Krông Ana, Krông Bông, Đắk Mil, Krông Nô, Lắk, Đắk R'Lấp, Đắk Nông.

Dân tộc : Việt (Kinh), Ê Đê, M' Nông, Nùng, Tày, Gia Rai...

Tỉnh Đắc Lắc nằm trên cao nguyên Đắc Lắc, một trong ba cao nguyên lớn của Tây Nguyên, độ cao trung bình từ 400 - 800 m so với mặt biển, phía Bắc giáp Gia Lai, phía Nam giáp Lâm Đồng và Bình Phước, phía Tây giáp Campuchia, phía Đông giáp Phú Yên và Khánh Hòa.

Đắc Lắc là tỉnh có diện tích tự nhiên lớn nhất nước.Vùng núi cao từ 1000 - 1200m chiếm 35% diện tích của tỉnh. Vùng cao nguyên Buôn Ma Thuột cao 450 m, chiếm 53,5%, đất đỏ màu mỡ, khá bằng phẳng thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi gia súc và trồng rừng. Ngoài ra còn có đất trũng phù sa (12%) trồng lúa và đồng cỏ tự nhiên.

Rừng Đắc Lắc có trữ lượng gỗ dồi dào và nhiều động vật quí hiếm đặc biệt là đàn voi hơn 300 con tập trung ở các huyện Buôn Đôn, Ea Súp, Lắc, Đắk Mil. Đắk Lắk có hàng trăm đồn điền cà phê, cao su, ca cao, chè, hồ tiêu, mía... Đắc Lắc có 3 hệ thống sông chính : sông Ba, sông Pê Sê Pôk và sông Đồng Nai.

Thị xã Buôn Ma Thuộc ở giữa vùng đông dân nhất Tây Nguyên. Thị xã ở độ cao 536 m. Khu vực này có đông đồng bào Êđê. Buôn Ma Thuộc cách Hà Nội 1410 km, cách Sài Gòn 628 km. Giao thông phía Bắc thị xã có đường 14 đi Pleiku 195 km, đi Kon Tum 244 km, nối với Đà Nẵng và qua Bình Phước, Bình Dương đến Sài Gòn. Phía Nam thị xã có đường 26 đi Ninh Hòa, Nha Trang 156 km, phía Tây là đường đi Bản Đôn 42 km, phía Đông là đường quốc lộ 27 đi Đà Lạt 193 km.

Đến Đắc Lắc du khách có thể đi thăm hàng chục ngọn thác hùng vĩ như thác Drây Sap, Diệu Thanh, Gia Long,... những hồ nước đẹp và thơ mộng như hồ Lắk, hồ Buôn Triết, hồ Ea Kao; các khu rừng nguyên sinh - vườn quốc gia Yok Dôn, khu

lâm viên Ea Kao, thăm Buôn Đôn nổi tiếng với nghề săn bắt và thuần dưỡng voi, các di tích lịch sử như tháp chàm thế kỷ 13, biệt điện của cựu hoàng Bảo Đại, hoặc tìm hiểu đời sống văn hóa các dân tộc ít người.

Sinh hoạt, kinh tế

Đaklak có một vùng đồng bằng màu mỡ nhưng vì thiếu nước canh tác nên chỉ làm được một vụ mùa. Các hoa màu phụ là ngô, khoai, sắn, lạc và trồng các cây kỹ nghệ như cà phê, cao su, keenaf. Cà phê Ban Mê Thuộc rất nổi tiếng. Rừng Daklak có nhiều lâm sản quí, nhất là các thứ gỗ và có đủ loại cầm thú. Riêng voi và cọp khá nhiều. Voi giúp thay thế sức kéo của dân chúng và cho một số xe vận tải chuyên chở nhiều đồ nặng. Mai rừng Daklak nhiều và đẹp vô cùng.

Nghề đánh cá hoạt động trên sông Krong Ana, Krong Kno và các hồ trong tỉnh, đặc biệt là những hồ thuộc quận Lạc Thiện. Dân chúng còn chuộng nghề nuôi cá chép, cá phi.

Khoáng sản trong tỉnh rất hiếm, chưa tìm ra quặng mỏ nào, ngoại trừ những hầm đá vôi ở các buôn Eatung, Ea Mirac, Ea Runol... và đất sét ở các buôn Ea Ebu, Ea Tur, Buôn Kia... Nhà máy thủy điện tại thác Draying có khả năng cung cấp điện cho toàn thành phố Buôn Mê Thuộc và các vùng phụ cận.

Lược sử

Tên "Đắc Lắc" nguyên là chữ "Dak Lak" thổ ngữ của sắc tộc M' Nông. "Dak" có nghĩa là nước, "Lak" là "hồ nước", quân Pháp đổi thành "Darlac" trong thời gian chiếm đóng vùng này.

Dân chúng thường quen gọi tên tỉnh này là Buôn Mê Thuột hơn là Đắc Lắc. Theo truyền tụng, Buôn Mê Thuột trước có tên là "Buôn Ma Thuốt", thổ ngữ của sắc tộc Rhadé. "Buôn" là làng, ấp. "Ma" là cha. "Thuốt" là tên con của vị tù trưởng Êđê, ngày xưa đã lãnh đạo dân chúng chống lại những người Cam Bốt và Ai Lao thường tràn qua biên giới cướp phá. Vì vậy, "Buôn Ma Thuốt" được đặt tên để tưởng nhớ vị tù trưởng anh hùng tên Thuốt.

Đắc Lắc và Buôn Mê Thuột thuộc lãnh thổ Việt Nam từ trước thế kỷ thứ 14, nhưng chưa được triều đình quan tâm, vì thế chưa có cơ cấu hành chính tại đây. Sau khi quân Pháp đô hộ nước ta, chúng sát nhập Đắc Lắc vào nước Lào. Đến

ngày 22-11-1904, Pháp lại đặt đất này thuộc Việt Nam và được sáp nhập vào Kontum.

Nhưng đồng bào ta không khuất phục quân thù. Năm 1893 quân Yersin tiến chiếm Đắc Lắc. Ba Tù trưởng Y Thu, M'Trang (bộ tộc Bih vùng Buôn Mblot) và Ama Jhao (bộ tộc Ktul) liền tập họp các dân làng Rhadé và M' Nong đánh thực dân, đã khiến chúng phải chật vật, hao tổn nhiều nhân lực khi lên tới vùng Buôn Mê Thuột. Dân ta dựa núi rừng làm chiến khu, lấy dáo mác, cung tên làm vũ khí. Nhiều trận đánh ác liệt đã xảy ra tại khu rừng Bandon. Sau hai tù trưởng M'Trang và Ama Jhao sa vào tay giặc và bị giết.

Năm 1894, hai toán quân Pháp theo thung lũng sông Ba và sông Năng đến Đắc Lắc để tăng cường kế hoạch "bình định", bị đồng bào M'dhur chặn đánh nên phải rút về đồng bằng. Năm 1899, giặc xây xong căn cứ quân sự tại Bandon và cho tên Bourgoois mang quân đàn áp đồng bào Rhadé Kpa. Năm 1900, tên này lại đến chiếm buôn làng của đồng bào Bih, chuyên sống về nghề nông ở dọc theo hạ lưu sông Krong Ana và Krong Kno, nhưng bị tù trưởng Ngenh chống cự, rồi sau đó kêu dân trốn vào rừng, không để giặc cai trị.

Đến năm 1923, tỉnh Đắc Lắc được thành lập và đặt dưới sự cai quản của viên Công sứ quân Pháp tên Sabatier. Vì tham danh lợi, sau khi nhận chức tên công sứ này ngăn cấm không cho người Kinh lập nghiệp ở đây và cũng tìm cách ngăn chặn không cho các nhà tư bản Pháp đến lập đồn điền, để dễ dàng bóc lột đồng bào Thượng và mãi mãi là vua một cõi. Nhưng rồi y cũng bị doanh thương Pháp mua chuộc cấp trên chuyển đi nơi khác.

Dù rằng lệnh cấm này được bãi bỏ vào năm 1930, nhưng người Kinh nào muốn đến Đắc Lắc đều phải xin giấy phép hết sức khó khăn. Vào năm 1930, những cuộc nổi dậy của đồng bào ta ở miền Bắc và Nghệ An đã làm quân Pháp lo sợ, chúng liền cho xây một trại giam tù chính trị ở Buôn Mê Thuột và thành lập Tiểu đoàn Sơn cước để bảo vệ nơi này. Trước năm 1975, Đắc Lắc có bốn quận lớn là Buôn Mê Thuột, Lạc Thiện, Phước An và Buôn Hồ.

Phong cảnh, di tích

Thác Đ'ray Sap : Thác ở cách thị xã Buôn Ma Thuộc 30 km. Theo tiếng Ê Đê,

Đ'ray Sap nghĩa là thác khói. Bởi lẽ dòng nước từ trên cao đổ xuống thung lung ào ào tạo thành khói lớn, bụi nước bay là là như màu khói. Quanh năm suốt tháng cả một vùng vang vọng tiếng thác và ngập trong khói nước. Thác Đ'ray Sap là một thắng cảnh đẹp nhờ sự kết hợp giữa hai dòng sông Krông Knô và Krông Ana mà người Êđê và người M'nông gọi là sông Chồng, sông Vợ gặp nhau mà thành. Tình yêu của họ mạnh mẽ như dòng thác, đẹp đẽ như sắc cầu vòng ẩn hiện trong làn sương khói nước. Đ'ray Sap như một bức thành nước khổng lồ, hùng tráng giữa một vùng hoa nước long lanh.

Bãi Đá Sông Krông Bông : Ở huyện Krông Bông có thác Krông Bông nổi tiếng đẹp. Trên đường đi đến thác giữa dòng sông có một bãi đá đặc biệt hấp dẫn đối với du khách, nhất là khách nước ngoài mỗi khi đi qua đây. Đó là một bãi đá với những tảng đá có hình thù, kích thước và màu sắc như những con voi khổng lồ, khiến cho du khách ngỡ như nhìn thấy một đàn voi đang vượt sông trong khu vực núi rừng Tây Nguyên.

Thác Nước ở Đắk Nông : Nằm trên quốc lộ 14 cách thành phố Buôn Ma Thuộc khoảng 120 km về hướng Tây - Nam và cách Sài Gòn 230 km, thị trấn Gia Nghĩa (huyện Đắk Nông) là điểm dừng chân của du khách từ Sài Gòn lên Buôn Ma Thuộc và ngược lại. Cách thị trấn Gia Nghĩa từ 7 - 8 km có các thác nước.

Thác Diệu Thanh hùng vĩ gồm cụm ba thác : cụm thác chính lớn nhất cao 15 m giữa sông, cụm thứ hai phía bên phải và cụm thứ ba phía dưới thác chính. Nước réo quanh năm tung bọt trắng xóa. Hai bên bờ sông là những bãi đất bằng phẳng có nhiều cây xanh tỏa bóng mát. Phía Tây thị trấn Gia Nghĩa là thác Ba Tầng. Trong khoảng 40 m có ba thác liền nhau, nước phải chảy qua ba lần thác mới đến đáy suối.

Thác Thủy Điện cách cầu Đắk Nông khoảng 7 km về phía hạ lưu. Thác cao 25 m, nước đổ thành "dòng nhạt" và "dòng đậm". Về mùa khô nước cạn có đường đi phía sau thác giống thác Prenn (Đà Lạt). Ngoài ba thác trên còn có thác Đắk Nông gần cầu Đaktit cũng có vẻ đẹp thơ mộng hiền hòa. Đắk Nông còn có đồi thông ở Nam Nung, cao nguyên Jubát ở Quảng Sơn, rừng nguyên sinh, hồ nước trong, bãi cát bằng phẳng ở Trảng Ba... là điểm du lịch sinh thái dành cho du

khách yêu thiên nhiên.

Vườn Quốc Gia Yok Đôn : Yok Đôn là một trong những khu bảo tồn tự nhiên lớn nhất của Việt Nam, trên một diện tích 58.200 ha dọc theo con sông Sêrêpóc. Đây là nới cư trú của 62 loài động vật có vú, 196 loài chim, 40 loài bò sát, 13 loài lưỡng cư và 464 giống thực vật. Trong số 56 loài động vật hiếm thống kê được ở Đông Dương thì 38 loài có ở Yok Đôn. Yok Đôn nằm lọt vào giữa ba xã Krôngna, Eahuar và Eavel, khu vực sinh sống của các dân tộc ít người Ê Đê, Gia Rai, M' Nông.

Hồ Lạc Thiện : Ở phía Nam tỉnh, rộng tám cây số vuông, ba mặt là núi, một mặt giáp với đất liền có những đồi thông hai bên tạo thành cổng cao vút, hướng về quận Lạc Thiện.

Rừng Mai Lạc Thiện : Phía tả ngạn sông Krong Ana, đây là rừng mai thiên nhiên, chỉ mọc toàn mai vàng cánh đơn rất đẹp, nhất là vào tháng Chạp khi hoa mai nở rộ.

Đồi Đức Mẹ : Đồi Đức Mẹ cách thành phố Buôn Mê Thuột khoảng 25 km về phía Đông Nam, trên một đồi cao có tượng Đức Mẹ cao 5m.

Nhà Rông : Đây là một loại nhà đặc biệt của đồng bào Thượng, còn gọi là "nhà làng", thường được dùng để làm nơi hội họp, sinh hoạt của dân làng. Nhà Rông xây cao, rộng và vững chắc hơn các căn nhà bình thường. Các buôn làng của đồng bào Djarai, Sédang... ở phía Bắc cao nguyên thường cất nhà Rông khá cao, mái nhà làm theo hình lưỡi búa cao vút và hẹp.

Đến thăm một buôn làng, từ xa đã thấy mái nhà Rông sừng sững vươn lên giữa những đám nhà thấp và rừng cây. Bên trong nhà Rông rất rộng, hai mặt lớn hơi gồ ra như hình bầu dục. Cũng như mọi nhà khác, nhà Rông ít cửa, bên trong có nhiều bếp lửa. Mái nhà gồm hai mái chính cao, dốc và hai mái phụ nhỏ hẹp. Vật dụng làm nhà vẫn là tranh, tre và gỗ. Trên đỉnh mái nhà thường trang hoàng với những hình đan đặc biệt bằng mây hay bằng gỗ đẽo (ở những buôn làng Thượng gần biên giới Lào - Việt, hình dáng nhà Rông biến dạng rất nhiều, cất theo hình vuông, bốn mái nhà chụm lại và cao vút như các mái chùa ở Campuchia và Lào).

Trong nhà Rông, dân để các dụng cụ của làng như trống, chiêng, dáo, mác... Đây

là nơi làm việc sinh hoạt chung của làng, nơi nhóm bàn việc làng. Ban đêm, thanh niên được chia phiên đến gác nhà Rông. Nhiều buôn làng có hai loại nhà Rông cho con trai và con gái. Đồng bào Thượng chăm sóc, tu sửa nhà Rông hơn cả nhà riêng của mình. Nhà Rông to lớn, đẹp là làng giàu có, đông dân.

Thác Drayling : Thác Drayling cách thành phố Buôn Mê Thuột 15 km về hướng Tây, gần suối Nhị Khê. Thác rộng khoảng 500 m, nước từ trên cao đổ xuống rất mạnh tạo âm thanh vang động cả vùng.

Thác Dray Anour : Xa hơn thác Draysap khoảng ba cây số, được đánh giá là đẹp và hùng vĩ hơn các thác trên.

Chùa Khải Đoan : Là ngôi chùa của những người Việt sinh sống ở Đắc Lắc. Chùa được xây dựng năm 1951 - 1953 trên một khu đất thoáng rộng 89A đường Phan Bội Châu, phường Thống Nhất, thị xã Buôn Ma Thuột. Chùa có kiến trúc theo kiểu chữ tam, trước cổng là tam quan, giữa là chính điện, sau là hậu tổ. Cổng tam quan gồm hai tầng với ba vòm cửa cao 7 m, rộng 10,5 m. Điện Quan Âm xây tách biệt với bố cục chính của chùa, hình lục giác với 6 cột trang trí hình rồng mây. Chính điện gồm hai phần, phần trước kiến trúc theo kiểu nhà dài của Tây Nguyên có cộ kèo nhà rường của ngườiViệt. Nửa sau xây theo lối hiện đại. Chính điện thờ Phật Thích Ca. Chùa có quả chuông nặng 380 kg bằng đồng đúc năm 1954.

Tháp Yang Prong : Là ngôi tháp cổ Chămpa duy nhất hiện còn ở Tây Nguyên, tháp nằm trong khu vực Bản Đôn, huyện Ea Súp, bên dòng sông Ea Leo. Tháp còn có tên là Tháp Chàm Rừng Xanh thờ thần Siva dưới dạng Mukhalinga (vị thần vĩ đại). Tháp có đáy vuông, đỉnh nhọn như củ hành khá đặc biệt, khác với các kiến trúc các tháp Chăm thường thấy ở các nơi khác. Tháp Yang Prông là một di tích văn hóa có giá trị ở Tây Nguyên.

Buôn Đôn : Là quê hương của những người săn bắt và thuần dưỡng voi có một không hai của vùng Đông Nam Á. Buôn Đôn thuộc xã Krông Ana, huyện Buôn Đôn, cách thành phố Buôn Ma Thuộc 50 km. Buôn Đôn là một bản làng xinh đẹp, với những ngôi nhà sàn của những người M' Nông, Ê Đê, Gia Rai, Khmer và Lào, nằm bên dòng sông Krông Ana, một nhánh rộng của dòng sông Sêrêpốc. Đây là một bản làng định canh, định cư từ hơn 100 năm trước và là chợ mua bán voi sầm

uất và thịnh vượng của ba nước Đông Dương. Nơi đây có những ngôi nhà gỗ to lớn, được chạm khắc tinh xảo, cầu kỳ, xen lẫn ngôi nhà sàn sơn đỏ, mộc mạc.

Đến Buôn Đôn, du khách sẽ được gặp ông Y Prông E Ban, một dũng sĩ săn bắt và thuần dưỡng voi nổi tiếng, người đã đạt kỷ lục săn bắt và thuần dưỡng hơn 100 con voi rừng. Ông sống trong một ngôi nhà nằm sát dòng sông Krông Ana, thiết kế theo lối kiến trúc dân tộc Lào. Nhà được làm từ một loại gỗ quí vì thế nó có giá trị tương đương với chục con voi tốt thời bấy giờ. Quay mặt ra phía dòng sông Sêrêpốc có một ngôi mộ bề thế, mộ của vua voi Y Thu. Ông Y Thu đã từng săn bắt, thuần dưỡng 180 con voi. Buôn Đôn hiện tại còn khoảng 40 con voi nhà. Khi đến Buôn Đôn, du khách còn có thể du ngoạn một chuyến trên dòng sông Sêrêpốc đi bằng voi, men theo bờ ra giữa cù lao để chiêm ngưỡng sự kỳ diệu của thác bảy nhánh, hoặc vào rừng quốc gia Yook Đôn để tham quan chim thú, cây rừng.

Hồ Lắk Và Biệt Điện Bảo Đại : Hồ Lắk nằm trên tuyến đường giao thông giữa Buôn Ma Thuộc và Đà Lạt, cách Buôn Ma Thuộc khoảng 56 km về phía Nam theo quốc lộ 27, qua đèo Lạc Thiện 10 km đến thị trấn Lạc Thiện rẽ tay phải vài trăm mét đã thấy ngôi nhà nghỉ mát của cựu hoàng đế Bảo Đại ngày xưa.

Đây là nơi ông thường đến ngắm cảnh, săn bắn, nghỉ ngơi mỗi khi có dịp lên thành phố Buôn Ma Thuộc. Ngôi nhà nằm trên đỉnh đồi cao nhìn ra mặt nước của hồ Lắk. Hồ Lắk dài uốn khúc hệt như một dải lụa thiên thanh bao bọc lấy thị trấn Lạc Thiện. Hồ rộng trên 500 ha, được thông với con sông Kơ Rông Ana. Mặt hồ luôn xanh thắm in bóng rừng thông trên các ngọn đồi ven hồ. Xung quanh hồ là các cánh rừng nguyên sinh rộng lớn với hệ động thực vật phong phú. Về mùa mưa, hàng trăm con suối, ngọn thác đổ nước về làm cho mặt hồ rộng thêm, sóng cồn lên như biển và dâng ngập hết cả các cánh đồng cỏ xung quanh.

Ra xa, nước sâu hơn là nơi ngự trị của các loài sen, súng. Sen ở hồ Lắk đẹp, che kín một dải dài trên mặt nước làm cho cảnh hồ thêm thơ mộng. Hồ Lắk là một thắng cảnh đẹp của vùng Tây Nguyên. Hồ vừa là nơi cung cấp nhiều cá, vừa là hồ chứa nước ngọt khổng lồ cung cấp nước cho hàng trăm ha ruộng nương, đồng thời còn làm cho khí hậu ở đây thêm phần mát hơn. Bên hồ Lắk có bản Jun, một buôn

làng tiêu biểu của dân tộc M' Nông. Đến đây du khách có dịp ngao du trên lưng voi để ngắm buôn làng, tham quan núi rừng Tây Nguyên.

Các dịp lễ hội

Hội Đua Voi Tây Nguyên : Lễ hội thường diễn ra vào mùa Xuân, khoảng tháng 3 âm lịch (vùng dân tộc M'Nông, Ê Đê, Lào). Hội đua voi thường được tổ chức ở Buôn Đôn hoặc cánh rừng thưa ven sông Sêrêpốc. Bãi đua là một dãi đất tương đối bằng phẳng thường là khu rừng lớn có ít cây to đủ để 10 con voi giăng hàng đi cùng một lúc, chiều dài từ 1 - 2 km.

Một hồi tù rút lên, theo lệnh điều khiển từng tốp voi đứng vào vị trí xuất phát. Khi có lệnh xuất phát thì những chú voi phóng về phía trước, cùng với tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng hò reo cổ vũ âm vang cả núi rừng. Khi cuộc đua kết thúc, những chú voi được giải, giơ cao chiếc vòi vẫy chào mọi người rồi ngoan ngoãn bước đi ung dung, đôi tai phe phẩy. Ngày hội đua voi là ngày vui lớn ở Tây Nguyên, nó phản ánh tinh thần thượng võ của người M' Nông, một dân tộc đầy đức tính dũng cảm có kinh nghiệm trong những cuộc săn bắt voi rừng.

Hội Xuân : Kéo dài chừng từ 2 đến 3 tháng, từ ngày đưa lúa vào kho đến ngày sấm rang đầu mùa. Đó là thời gian tạm dừng việc sản xuất để tham gia hội hè và thăm bạn bè. Buôn làng được sửa sang khang trang. Sóc (làng) nọ tiếp sóc kia, buôn nọ tiếp buôn kia mở hội đâm trâu. Đâm trâu cúng thần làng, đâm trâu xin thần phù hộ cho từng sóc, đâm trâu nhân lễ bỏ mả để hồn trâu theo người đã khuất về thế giới bên kia. Khách được xem những hội lễ với những trò vui diễn lại tích xưa từ thời Đông Sơn được tham dự những điệu múa, lời ca quyện tiếng cồng, chiên bi hùng của những con người nơi rừng núi. Người dân ở đây rất hiếu khách, đón tiếp khách rất ân cần nồng hậu và đầy tình nhân ái. Hội kéo dài từ tháng 10, tháng 11 đến tháng giêng, tháng hai âm lịch hàng năm.

Lễ Lớn Khôn (MPUH) : Lễ lớn khôn của dân tộc Ê Đê. Lễ kéo dài hai ngày hai đêm để xác nhận chàng trai Êđê đã đến tuổi trưởng thành. Lễ tổ chức ở các suối nước, trên đường và tại nhà của chàng trai. Nhiều nghi lễ dân tộc được tiến hành cùng với sinh hoạt văn hóa kể chuyện dân gian.

Ngoài các lễ hội kể trên, Đắc Lắc còn có các lễ hội khác như lễ Ăn Trâu, lễ cúng

cơm mới, lễ Bỏ Mả như của các tỉnh bạn trên đất Tây Nguyên.

Đồng Nai

Diện tích : 5864 km².

Dân số : 2.067.200 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Biên Hòa.

Các huyện : Tân Phú, Định Quán, Vỉnh Cửu, Thống Nhất, Long Khánh, Xuân Lộc, Long Thành, Nhơn Trạch.

Dân tộc : Việt (Kinh), Hoa, Xtiêng, Ê Đê, Chơ Ro, Khmer, Chăm, Mạ...

Đồng Nai là tỉnh miền Đông Nam Bộ, cửa ngõ phía Đông Sài Gòn, phía Bắc giáp Lâm Đồng, phía Đông giáp Bình Thuận, phía Tây giáp Bình Dương, Bình Phước và Sài Gòn, phía Nam giáp Bà Rịa Vũng Tàu. Thành phố Biên Hòa cách thành phố Sài Gòn 28 km và cách thủ đô Hà Nội 1695 km.

Tỉnh Đồng Nai nằm trên lưu vực sông Đồng Nai và một nhánh của nó là sông La Ngà. Địa hình Đồng Nai gồm một sốthung lũng, đồng bằng, gò, đồi thấp, tuy nhiên phần đất tiếp giáp với cao nguyên Lâm Viên và Di Linh thì tương đối cao. Phần lớn đất ở Đồng Nai là đất Bazan, đất xám và đất phù sa cũ rất tốt cho việc trồng trọt. Bởi vậy Đồng Nai trồng nhiều cây công nghiệp cây cao su, cà phê...), cây ăn trái và cây công nghiệp ngắn ngày.

Khí hậu : có 2 mùa - mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm 25,4 - 27,2°C. Là tỉnh có sông Đồng Nai, sông La Ngà, sông Lá Buông chảy qua, có nhà máy thủy điện Trị An.

Giao thông : Đường bộ chính là quốc lộ 1, từ Hà Nội vào. Quốc lộ 20 từ Biên Hòa lên Lâm Đồng, Quốc lộ 51 Đồng Nai đi Bà Rịa Vũng Tàu. Đường sắt tuyến Bắc Nam đi qua thành phố Biên Hòa đến thành phố Sài Gòn.

Đồng Nai là tỉnh có công nghiệp phát triển, thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn thứ hai của khu vực miền Nam, chỉ sau Sài Gòn. Xung quanh thành phố Biên Hòa có nhiều khu công nghiệp rộng lớn, nhiều nhà máy, xí nghiệp, công ty. Đồng Nai có nhiều nghề thủ công. Đồ gốm sứ Đồng Nai đẹp có tiếng trong nước.

Đồng Nai có những rừng cao su, cà phê bạt ngàn. Rừng cấm Nam Cát Tiên có khu rừng nguyên sinh rộng lớn. Đến Đồng Nai du khách có thể tham gia những chuyến du lịch sinh thái trong các khu rừng hoặc vườn cây ăn quả, cũng như săn

bắn, du thuyền, câu cá trên sông Đồng Nai, dã ngoại các thắng cảnh : Hồ Long Ẩn, khu văn hóa Suối Tre, thác Trị An, rừng Mã Đà... hay tham quan các di tích chiến tranh, nghiên cứu các di tích khảo cổ : mộ cổ hàng Gòn, đàn đá Bình Đá...

Sinh hoạt, kinh tế

Dân chúng trong tỉnh là người Kinh, theo các đạo Phật, Thiên Chúa, Cao Đài, Hòa Hảo.

Hoa màu chính trong tỉnh là lúa, hồ tiêu, các cây kỹ nghệ như cao su, mía, cà phê, thuốc lá. Quận Long Thành có rừng cao su và rừng trồng mía rất rộng. Diện tích đất trồng cây ăn trái trong tỉnh khá lớn, gồm các loại cây như mít, vú sữa, bưởi, chôm chôm, măng cụt, sầu riêng. Bưởi Biên Hòa ai cũng biết tiếng.

Lâm sản của tỉnh khá dồi dào, dân chúng khai thác các loại gỗ làm nhà và củi, khoáng sản của tỉnh phần lớn là các hầm đá ong, đá xanh, đá trắng và các hầm cát trắng ở một số núi.

Đồng Nai có một số ngành kỹ thuật và tiểu thủ công nghệ khá phát triển, nhiều xưởng làm gạch ngói và nhiều lò gạch tiểu công nghệ, lò gốm, trại cưa, nhà máy gạo, lò than. Ngành sản xuất đồ sành, đồ gốm rất mỹ thuật.

Lược sử

Tỉnh Đồng Nai xưa là xứ Bà Lỵ hay Mã Lễ, cũng gọi là Bà Lợi hay Bà Lịa (có lẽ tên Bà Rịa nay do âm chữ Bà Lịa mà ra), bao phủ vùng đất bao la, có các bộ lạc Chàm và Khmer sống rải rác (nay còn di tích ở chùa Bửu Sơn và chùa Phước Lộc). Đến thế kỷ thứ 8, hai sắc dân tranh chấp nhau dai dẳng cho đến lúc người Khmer thua, phải lui vào các miền núi non hiểm trở.

Từ thế kỷ 16, nhân lúc nhà Thanh chiếm Trung Hoa, một số bại tướng nhà Minh chạy sang quy phục Việt Nam, các Chúa Nguyễn bèn cho Cao Lôi Liêm, Dương Ngạn Địch và khoảng 3000 quân sĩ vào khai phá đất Đông Phố, Bà Lỵ. Năm 1698, chúa Nguyễn Phước Chu sai chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược các xứ Cao Miên và lấy xứ Lộc Dã (Đồng Nai) đặt làm huyện Phước Long, lập dinh Trấn Biên (đất Gia Định), rồi đưa dân từ Quảng Bình, Thuận Hóa trở vào cùng với người Minh khai lập đồn điền, đặt thôn ấp. Thanh Hà là xã đầu tiên của người Hoa.

Năm 1802, dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa. Đến năm 1808, Gia Long đem trấn Biên Hòa nhập vào Gia Định, đặt Phước Long thành phủ, đặt ra các tổng Phước Chính, Phước An, Bình An, Long Thành làm huyện. Năm 1832, Minh Mạng đặt Biên Hòa thành tỉnh. Năm 1837, vua lập thêm hai phủ Phước Tuy và các huyện Nghĩa An, Long Khánh, Phước Bình. Vào năm 1840, vì dân số các bộ lạc ở sơn cước gia tăng, triều đình đặt thêm bốn phủ: Tân Định, Tân Bình, Tân Lợi và Tân Thuận. Năm 1851, Tự Đức lập hai huyện Phước Bình và Long Khánh vào các phủ Phước Long và Phước Tuy. Tỉnh Biên Hòa lúc bấy giờ giáp giới phía bắc tỉnh Bình Thuận, phía nam với tỉnh Gia Định, phía đông với biển Đông Hải và phía tây với Cao Miên.

Khi Pháp xâm lược miền Nam nước ta, dân chúng Biên Hòa đã theo anh hùng Phan Văn Đạt kháng chiến, đánh quân Pháp khắp nơi. Tháng 6 năm 1861, trong một trận giao tranh ở Biên Hòa ông bị giặc bắt. Pháp biết đây là vùng đất phát xuất của nhiều tổ chức kháng chiến liền huy động quân lính chiếm tỉnh này. Ngày 14-12-1861, đại binh thủy bộ của quân Pháp và Tây Ban Nha theo sông Đồng Nai vây chiến lũy Mỹ Hòa (cách tỉnh lỵ Biên Hòa 8 cây số về hướng Tây Nam, khoảng ngã ba quận Di An). Hơn 3000 quân ta chiến đấu rất dũng mãnh, nhưng thượng thư Nguyễn Bá Nghi chủ hòa không đánh nên chiến lũy mất ngày 15-12. Ngày hôm sau Pháp chiếm luôn thành Biên Hòa. Lúc bấy giờ, lòng dân muốn chiến đấu mà triều đình Tự Đức thì do dự không dứt khoát lúc muốn lúc không. Pháp quyết đô hộ nước ta mà triều đình không biết tính sao, chỉ muốn hàng. Vì vậy, nước ta mất ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường qua hòa ước Nhâm Tuất 1882. Sau đó, quân Pháp chia Biên Hòa thành ba tỉnh là Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Bà Rịa.

Năm 1905, anh hùng Đoàn Văn Cự nổi lên đánh Pháp, hoạt động mạnh từ Thủ Đức đến vùng Vĩnh Cửu. Về sau, ông bị tử trận trong một cuộc giao tranh với quân Pháp. Năm 1916, trong thời Đệ Nhất Thế Chiến, dân chúng Biên Hòa nổi lên chống bắt lính. Ngày 23-01 năm đó dân tại xã Chánh Mỹ Trung vây xã và đánh chết bọn công sai không cho mộ lính.

Phong cảnh, di tích

Khu Du Lịch Bửu Long Hồ Long Ẩn : Cách trung tâm thành phố Biên Hòa 6 km, khu du lịch Bửu Long được xây dựng quanh một hồ nước nhân tạo do khai thác đá, đó là hồ Long Ẩn. Hồ rộng hàng chục ha. Có thể nói hồ Long Ẩn là một bức tranh thu nhỏ của Vịnh Hạ Long. Vô số vách đá soi bóng trên mặt nước xanh tạo cho hồ vẻ đẹp hấp dẫn trong một cảnh sắc thiên nhiên mỹ lệ : núi cao, hồ rộng, hài hòa với các công trình kiến trúc nghệ thuật mang dấu ấn tôn giáo của nhiều thời đại.

Đến Bửu Long, du khách sẽ lần lên ốc đảo cao 35 m nằm giữa lòng hồ, nơi quần tụ của hàng chục loài chim quí hiếm, du ngoạn trên mặt hồ bằng tàu thủy, tham quan con rồng đá phun nước khổng lồ, các tiểu cảnh nàng tiên cá, nhà rông... của công viên khủng long khánh thành từ tháng 2 năm 1995.

Cạnh hồ là hai ngọn núi thấp, trên núi Bửu Long có ngôi chùa cổ Bửu Phong nổi tiếng nằm thấp thoáng sau cây bồ đề lớn; có hang đá Long Sơn Thạch Động hình dạng giống hàm ếch với nhiều nhũ đá rũ xuống đầy vẻ thuyền bí. Sau khi tham quan hồ, leo núi vãng cảnh chùa, vui thú với các trò chơi trên mặt nước, du khách còn có thể kết hợp về thăm làng bưởi Tân Triều nổi tiếng, tham quan nghề đục đá truyền thống mang dấu ấn nghệ thuật điêu khắc cuối thế kỷ 17 thuộc miền Lưỡng Quảng, Trung Hoa của một cộng đồng nhỏ người Hoa sống gần hồ.

Sông Đồng Nai : Sông có chiều dài 480 km bắt nguồn từ Tây Nguyên, đoạn chảy qua tỉnh Đồng Nai dài 294 km. Dọc hai bên bờ là các làng mạc bình yên và các đảo nhỏ với cảnh đẹp nên thơ. Công ty du lịch Đồng Nai hiện đang phát triển loại hình du lịch trên sông rất hấp dẫn khách du lịch. Trên độ dài 10 km đường sông, khách du lịch có thể thăm các làng đảo, vườn bưởi, lò gốm, lò ép mía đường...

Thác Trị An : Ở hạ lưu sông Đồng Nai, cách trung tâm thành phố Biên Hòa 50 km. Thác Trị An cao 8 m rộng 30 m, có vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ. Các đảo nhỏ và các tảng đá lớn có hình thù đẹp mắt nằm rải rác giữa làn nước trong vắt chảy suốt ngày đêm. Bên cạnh dòng thác là nhà máy thủy điện Trị An cung cấp điện cho các tỉnh miền Nam.

Rừng Quốc Gia Nam Cát Tiên : Nam Cát Tiên là tên gọi một vùng đất nằm gọn trong đoạn uốn khúc của sông Đồng Nai, tọa lạc ngay trên ranh giới của cả 3 tỉnh Đồng Nai, Bình Phước và Lâm Đồng. Khu rừng cấm Nam Cát Tiên là phần chót

và cao nhất của huyện Tân Phú (Đồng Nai) có diện tích 36.000 ha, đại diện cho cả hệ thực vật và động vật Nam bộ.

Khu rừng có cảnh thiên nhiên đa dạng : vừa có đồi vừa có bãi ven sông, vừa có các trảng rộng lớn bằng phẳng, lại có các dòng chảy dốc. Vào mùa mưa các dòng suối hiền lành trở thành các dòng thác, nước đổ trắng xóa trên các triền đá lớn. Nhiều đoạn thác quanh co, lượn khúc tạo ra những bãi cát vàng rộng như các bãi tắm tự nhiên. Tục truyền, nơi đây có nàng tiên thường xuống hạ giới để vui đùa và tận hưởng dòng nước trong mát, nên được gọi là "Nam Cát Tiên".

Giữa dòng sông rộng lớn nổi lên các hòn đảo chạy dài theo con nước. Trên đảo, cây cổ thụ mọc xen với đám cỏ rộng có thể làm nơi cắm trại, đốt lửa đêm lý tưởng. Dọc ven sông, theo lộ chính về phía tay trái là toàn bộ các kiểu rừng già, hỗn giao của các loại cây quí : gõ, giáng hương, trắc, cẩm lai, gụ... Bên phải của con đường rừng là thác trời, một ghềnh thác kỳ thú nhất của Nam Cát Tiên. Tiếp tục băng rừng, qua các thung lũng sâu sẽ đến Bàu Sấu, nơi chứa nước rộng nhất, nằm ở khu tâm của rừng cấm Nam Cát Tiên. Lòng Bàu Sấu chứa nhiều loại cá, đặc biệt có cả cá sấu nước ngọt. Ven Bàu là nơi tập hợp của các loài chim lớn như công, trĩ, gà lôi, sến, giang, mòng két, le le, cù đen...

Nam Cát Tiên không những có cảnh tham quan ngoạn mục, lại nằm trong khu vực chuyển tiếp của khí hậu miền núi và đồng bằng nên Nam Cát Tiên có một dạng khí hậu độc đáo. Cùng với địa hình có nhiều sông suối bao bọc làm cho khu rừng già vừa được giữ nguyên vẹn vừa trở thành nơi qui tụ hầu hết các kiểu rừng đồng bằng Nam bộ. Đây là khu rừng nguyên sinh tiêu biểu cho hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới vùng thấp. Rừng có nhiều cây cổ thụ như bằng lăng, gỗ đỏ; hơn 600 loài thực vật, hơn 100 loài cây gỗ quý, hàng trăm loại cây dược liệu, hơn 60 loài hoa phong lan...

Về động vật có 240 loài chim, có những loài chim quý hiếm như: trĩ lông đỏ, cò quắm xanh, tê giác một sừng, voi...

Các nhà khảo cổ học mới phát hiện một đền thờ vật linh thuộc nền văn hóa Phù Nam trên đỉnh ngọn đồi A1 (xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên, Lâm Đồng) tại khu vực đầu nguồn sông Đồng Nai. Đó là khu đền thờ được xây gạch thô, bệ, khung

diềm cửa, cột trụ bằng đá xanh granit chạm trổ hoa văn, các linga bằng vàng hoặc bằng càng bịt bạc, một linga Yoni cao 2,1 m, đường kính 0,7 m bằng đá xanh mài bóng, lớn nhất Đông Nam Á cùng hơn một trăm miếng vàng có khắc họa hình ảnh sinh hoạt thời đó : các vũ nữ, chiến binh, voi, bò, hoa sen... Đây là công trình khảo cổ có giá trị văn hóa, lịch sử và tín ngưỡng lớn để có thể xác định được sự tồn tại, nguồn gốc của một vương quốc đã bị lãng quên hơn 1300 năm.

Làng Bưởi Tân Triều : Cách Biên Hòa 25 km. Đến đây dưới bóng mát của vườn cây, du khách có thể thưởng thức nhiều loại bưởi với những hương vị khác nhau. Ngọt dịu và hơi chua là bưởi Thanh Trà, ngọt lịm là bưởi đường, ruột hồng và vị ngọt mát dịu là bưởi Xiêm... Làng bưởi Tân Triều rất thích hợp cho những buổi tham quan, pinic. Đến đây du khách được hưởng hương vị ngọt ngào, thanh tao của một loại trái cây miền nhiệt đới.

Làng Gốm Ven Sông Đồng Nai : Chạy dài khoảng 10 km ven sông Đồng Nai. Từ Biên Hòa đến cù lao Mỹ Quới, có nhiều làng mạc và các đảo nhỏ thuộc phường Tân Vạn, thành phố Đồng Nai. Hàng trăm lò gạch và gốm sứ, đặc biệt có nhiều xí nghiệp gốm sản xuất qui mô lớn như gốm DONA, xí nghiệp gốm lâu đời và giàu truyền thống với các sản phẩm dùng cho trang trí nội thất, đồ sành sứ, lọ cắm hoa, chậu trồng cây cảnh, đồ trang trí treo tường, tượng người, vật...được thế giới biết đến từ những năm 1920. Đến đây du khách còn có thể viếng thăm những vườn bưởi, những lò ép mía và nấu đường thủ công vừa tìm hiểu cuộc sống của cư dân trên cù lao.

Danh Thắng Đá Chồng Định Quán : Khu danh thắng này cách thành phố Biên Hòa khoảng 50 km. Từ ngã ba Dầu Giây (Đồng Nai) rẽ phải theo quốc lộ 20 hướng Đà Lạt, đến địa phận Định Quán du khách sẽ gặp một quần thể núi đá tạo dáng đẹp đẽ, kỳ lạ ven lộ. Đó là danh thắng Đá Chồng một cảnh đẹp nổi tiếng của tỉnh Đồng Nai và cũng là nơi khách nghiên cứu khảo cổ di chỉ văn hóa Óc Eo. Với ba hòn đá nằm chồng lên nhau khá chông chênh ở độ cao 36 m so với mặt đường, hòn Đá Chồng nằm sát quốc lộ 20 về hướng đông bắc như một tượng đài kỳ vĩ với gió sương. Hòn dưới cùng lớn gấp hai hòn nằm trên, hòn trên cùng thì nằm chìa ra phần nữa ngoài bên dưới như muốn đổ xuống bất kỳ lúc nào. Hình thù

kỳ dị này đã làm ngạc nhiên biết bao du khách.

Hòn Dìa nằm về phía tây bắc của quần thể Đá Chồng, là cụm núi có hình dạng rất độc đáo và đẹp mắt. Hòn Dìa có hình chữ nhật không đều, một đầu to, một đầu nhỏ nhưng lại nằm trên một tảng đá nhỏ hơn nhiều lần, ở độ cao 43 m so với mặt đất, cây cối mọc um tùm tạo nên những hang động đầy vẻ kỳ bí.

Núi Đá Vôi còn gọi là núi Bạch Tượng, nằm về phía tây nam của khu thắng cảnh Đá Chồng, sau chùa Thiện Chơn 10 m. Núi có hình 2 con voi lớn nằm cạnh nhau. Trên đỉnh hòn đá là Voi Đực có tượng Phật Thích Ca khổng lồ nhìn về hướng đông được xây và đặt vào đầu năm 1970. Dưới chân của Voi Đực có hang Bạch Hổ. Hòn đá kế bên gọi là Voi Cái. Từ hang Bạch Hổ con người đã tạo nên một hành lang tam cấp uốn theo núi Đá Voi để du khách có thể lên đỉnh của đá Voi Đực và từ đây du khách có thể phóng tầm mắt nhìn ra toàn cảnh của khu danh thắng, một cảnh quan thiên nhiên diễm lệ đa dạng đến tuyệt vời. Đan xen giữa những hòn núi đá là những thung lũng mênh mông thăm thẳm xanh mượt, lấp loáng những hồ nước và cả những dòng suối uốn lượn dưới chân đồi.

Danh thắng Đá Chồng không những là một điểm tham quan kỳ thú cho khách du lịch mà còn thu hút nhiều nhà khảo cổ học, bảo tàng học vì chính nơi đây còn lưu giữ nhiều di tích của cuộc sống người tiền sử. Danh thắng này đã được Bộ Văn Hóa công nhận là di tích quốc gia.

Mộ Cổ Hàng Gòn : Là một di tích văn hóa đã được xếp hạng tiêu biểu cho nền văn hóa cổ đại xuất hiện cách đây khoảng hơn 2500 năm. Mộ cổ Hàng Gòn do ông Bouchtj một kỹ sư cầu đường người Pháp phát hiện vào năm 1927 khi mở đường liên tỉnh số 2 nối Long Khánh và Bà Rịa.

Mộ có kiến trúc gồm hai hàng trụ đá bao quanh hầm mộ. Có 10 trụ đá cao từ 2,5 đến 3 m. Hầm mộ có dạng hình hộp kích thước 4,2 x 2,7 và cao 1,6 m. Nét đặc biệt của ngôi mộ cổ là được ghép bởi những tấm đá hoa cương nặng hàng tấn, riêng nắp mộ ước tính khoảng 10 tấn. Có nhiều phiến đá bằng phẳng, xếp cân đối, tinh vi, khoa học, biểu trưng cho nền văn minh của người xưa. Ngôi mộ này là một trong những di tích tiêu biểu cho loại hình "DolMen" ở Đông Nam Á.

Từ năm 1992, mộ cổ Hàng Gòn được trùng tu và xây tường bảo vệ, lát gạch quanh

hầm mộ để chống xói mòn và trồng nhiều cây cảnh xung quanh. Đây là ngôi mộ cổ nhất và quy mô nhất tại Việt Nam còn được bảo tồn đến ngày nay. Mộ cổ Hàng Gòn nằm ở xã Xuân Tân, huyện Long Khánh, trên độ cao 250 m về phía tây tỉnh lộ 2 (Long Khánh đi Bà Rịa), cách thành phố Biên Hòa khoảng 80 km.

Đền Thờ Nguyễn Tri Phương : Tọa lạc tại phường Bửu Hòa, Biên Hòa, đền được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ 19 để thờ Trần Thành Hoàng của dân địa phương. Đến năm 1873, khi Nguyễn Tri Phương mất được nhân dân tạc tượng thờ tại đây. Đền có kiến trúc theo kiểu chữ "Công" nằm bên hửu ngạn sông Đồng Nai. Đền được Bộ Văn Hóa công nhận là di tích lịch sử văn hóa năm 1991.

Đền Thờ Nguyễn Hửu Cảnh : Đền được xây dựng cách đây khoảng 300 năm, là công trình kiến trúc cổ để tưởng niệm ông Nguyễn Hửu Cảnh, người đầu tiên có công khai phá đất Đồng Nai. Đền thờ được dựng bên sông Đồng Nai, mặt tiền soi bóng xuống dòng sông thơ mộng. Đền được trùng tu nhiều lần. Triều Nguyễn trùng tu hai lần, Gia Long năm thứ nhất và năm 1851. Năm 1960 đền được trùng tu lại.

Chùa Long Thiền : Được xây dựng vào năm 1664 là một trong ba ngôi chùa có niên đại sớm nhất ở Đồng Nai, và được trùng tu nhiều lần vào các năm: 1748, 1842, 1952 và đầu thập niên 1990.

Chùa là công trình kiến trúc tôn giáo theo kiểu chữ "Tam", chạm trổ công phu, ở điện Phật có nhiều pho tượng cổ bằng đất nung và bằng đồng. Chùa Long Thiền là nơi truyền bá Phật giáo đầu tiên ở miền Nam. Hiện nay là trụ sở giáo hội Phật Giáo tỉnh Đồng Nai.

Đình Tân Lân : thuộc phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa. Đền được xây dựng thời vua Minh Mạng (1820 -1840), nơi thờ Trần Biên đô đốc tổng quân trần Thượng Xuyên, là người có công mở mang nông Đại Phố (phố Nông Nại ở thành phố Biên Hòa). Đình Tân Lân là công trình tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc thời Nguyễn Hòa với nghệ thuật kiến trúc đặc trưng của vùng Hoa Nam (Trung Quốc) với các tác phẩm điêu khắc đá, chạm khắc gỗ, phù điêu ghép sành, cẩn xà cừ, tượng sành Hoa Nam... trong đó ẩn chứa những triết lý nhân sinh sâu sắc.

Đình An Hòa : Được xây dựng khoảng năm 1788, 1792, và đã được trùng tu 3 lần

vào các năm 1944, 1953, 1994. Đình An Hòa là di tích kiến trúc nghệ thuật của xã An Hòa, huyện Long Thành. Đình có kiến trúc chữ "Công". Trong đình còn lưu giữ sắc phong của vua Tự Đức, và nhiều Hoành Phi, câu đối từ các đời Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức.

Chùa Bửu Phong : Nằm trên ngọn núi Bửu Long, cách Biên Hòa 7 km. Leo 199 bậc đá lên tới đỉnh, ngôi chùa Bửu Phong tọa lạc tại đó. Chùa được xây dựng vào năm 1679, theo hình chữ "Tam" gồm chính điện, giảng đường, nhà thờ tổ, ngoài ra còn có nhiều phòng ni phái và nhà dưỡng tăng. Trong chùa có những pho tượng mang nét đặt biệt Á Đông và nhiều cổ vật như cặp nai vàng đời Nguyễn, đầu "phường cổ" (nhà Phật), tượng Phật nằm, tháp Bửu Phong rêu phong cổ kính và xá lợi, một báu vật nhà Phật. Xung quanh chùa có Long Đầu Thạch (còn gọi là Hàm Rồng, Hàm Hổ) và đài Tam Thế Phật.

Các dịp lễ hội

Lễ Hội Cúng Biển Mỹ Long (Lễ Hội Nghinh Ông) : Hàng năm lễ hội cúng biển được tổ chức trong 3 ngày, từ 10 đến 12 tháng 5 âm lịch tại miếu Bà Chúa Xứ, biển Mỹ Long, xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang. Trong 3 ngày này rất nhiều nghi lễ được tiến hành trang trọng như lễ Nghinh Ông Hải Nam (trên thuyền là các vị thần hóa trang Quan Công, Châu Xương, Quan Bình), lễ rước Bà Chúa Xứ, rước Cậu, lễ Nghinh Ông (rước cá Ông để tỏ lòng biết ơn cá Ông với tàu thuyền khi đi biển gặp nạn), lễ tế thần nông, chánh tế, tế nghinh ngũ phương đi bộ vòng quanh thị trấn và nhiều trò chơi dân gian như nhảy bao, kéo co, bắt cá kèo, cá bống. Lễ hội kết thúc với việc đưa tàu ra biển. Lễ hội do những người làm nghề biển ở Mỹ Long tổ chức lần đầu vào năm 1937, với mục đích cầu an. Dần dần đã lôi cuốn được nhiều người tham dự. Những năm gần đây vào những ngày lễ hội, hàng chục ngàn khách gần xa đã về đây dự lễ hội, tham quan làm cho không khí ở vùng này càng náo nhiệt.

Lễ Vào Năm Mới (Chol Chnam Thmay) : Đây là Tết của người Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Lễ này được tổ chức vào tháng 4 dương lịch (nhằm vào ngày giữa tháng tùy năm).

Lễ Cúng Ông Bà (Lễ Đôn Ta) : Là lễ lớn của đồng bào Khmer, được tổ chức vào

3 ngày mỗi năm, từ 29-8 đến ngày 1-9 âm lịch.

Lễ Cúng Trăng : Vào ngày 15-10 âm lịch, đồng bào Khmer tổ chức lễ cúng trăng để tưởng nhớ đến công ơn của mặt trăng, coi như một vị thần điều tiết mùa màng, đã giúp họ làm ăn được khá giả trong năm. Trong dịp lễ cúng trăng, bà con Khmer tổ chức cuộc đua ghe ngo rất vui.

Lễ Dâng Bông : Mỗi khi phum, sóc cần xây dựng cầu, đường, nhà trường, chùa chiền, các công trình công cộng... đều tổ chức lễ dâng bông để quyên góp tiền xây dựng. Các sư sãi đọc kinh cầu nguyện, các địa phương đón các đoàn hát dân tộc về biểu diễn.

Lễ Dâng Phước : Tại gia đình Khmer, ở các tỉnh đồng bằng Nam bộ thường tổ chức lễ này để tưởng nhớ những người thân qua đời.

Đồng Tháp

Diện tích : 3276 km².

Dân số : 1.348.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : thị xã Cao Lãnh.

Thị xã : thị xã Sa Đéc.

Các huyện : Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, Cao Lãnh, Lấp Vò, Châu Thành, Lai Vung.

Dân tộc : Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Chăm.

Đồng Tháp thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, là một trong ba tỉnh của vùng Đồng Tháp Mười, phía Bắc giáp CamPuChia, phía Nam giáp Vĩnh Long, phía Tây giáp An Giang và Cần Thơ, phía Đông giáp Long An và Tiền Giang.

Tỉnh có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, nhiều ao hồ lớn. Sông chính là sông Tiền (một nhánh của sông Mê Kông) chảy qua tỉnh với chiều dài 132 km. Dọc theo hai bờ sông Tiền là hệ thống kênh rạch dọc ngang. Đường liên tỉnh giao lưu thuận tiện với trên 300 km đường bộ và một mạng lưới sông rạch thông thương.

Thị xã Cao Lãnh cách quốc lộ 1A 36 km, cách thành phố Sài Gòn 162km. Nằm trên bờ sông Cao Lãnh (một nhánh nhỏ của sông Tiền tách ra sau 16 km lại chảy vào sông Tiền), ở ngay sát Đồng Tháp Mười mênh mông, từ xa xưa Cao Lãnh đã là một độ thị sầm uất và là trung tâm kinh tế của Đồng Tháp.

"Cao Lãnh" bắt nguồn từ hai chữ "Câu Đương", là tên một nhân vật gốc Quảng Nam di cư vào Nam theo đợt chiêu mộ của chưởng dinh Nguyễn Hữu Cảnh. Ông Câu Đương tên thật là Đỗ Công Tường tự Lãnh, đến lập nghiệp ở phủ Tân Thành, lập một ngôi chợ và làm chủ. Vì thế dân gọi tắt là chợ "Câu Lãnh", sau đọc trại ra "Cao Lãnh". Phần lớn đất đai phía Đông tỉnh Đồng Tháp là đầm lầy, rừng tràm rộng lớn. Xưa vùng này rất hiểm yếu, thường là căn cứ kháng chiến chống quân Pháp.

Sông chính của tỉnh Tiền Giang, vốn từ sông Cửu Long ở CamPuChia chảy xuống. Kinh rạch chạy khắp tỉnh và là hệ thống giao thông tiện lợi. Các kinh rạch quan trọng gồm : sông Sở Thượng, sông Sở Hạ, kinh Phước Xuyên, kinh Tháp Mười, kinh Cái Bào, kinh Tư Mới, kinh Xáng An Long (kinh Đồng Tiến)... Những cù lao

lớn như cù lao Tây, cù lao Hộ...

Khí hậu có hai mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 5. Vào mùa mưa, nước sông Cửu Long đổ từ nguồn xuống mang theo phù sa, nước sông dâng lên ngập cả ruộng đồng, đem phù sa bồi đắp thêm màu mỡ, nhưng gây trở ngại cho một số sinh hoạt bình thường vì mực nước dâng cao, nhất là trong khu vực Đồng Tháp Mười, mực nước dâng từ nữa thước đến hai thước rưỡi.

Là một tỉnh nông nghiệp, Đồng Tháp sản xuất nhiều lương thực và các loại nông, thủy sản có giá trị xuất khẩu. Đất đai Đồng Tháp màu mỡ bởi phù sa do hai con sông Tiền và sông Hậu cung cấp hàng năm, xóm làng trù phú giữa bốn bề cây cối xanh tươi. Vì thế Đồng Tháp được biết đến như một vựa lúa của cả nước. Ở đây có giống lúa nổi, một loại lúa mọc tự nhiên từ tháng 4, tháng 5 đến tháng 10 thu hoạch mà không cần chăm bón.

Đồng Tháp cũng là vùng đầy triển vọng về các loại cây công nghiệp ngắn ngày như mía, bông, thuốc lá, đậu tương và cây ăn trái như : xoài Cao Lãnh, nhãn Châu Thành, quýt Lai Vung, bưởi Phong Hòa, chôm chôm, vú sữa, mãng cầu có quanh năm.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào Kinh cư ngụ phần lớn trong tỉnh, còn lại là dân chúng gốc Hoa, Khmer, Chàm, Thái. Các tôn giáo chính là Hòa Hảo, Cao Đài, Phật Giáo và Thiên Chúa.

Nông nghiệp là nguồn lợi chính. Đất Đồng Tháp chia làm hai vùng lúa gạo. Vùng phía Tây do phù sa bồi đắp, đất bằng phẳng, thích hợp cho việc trồng lúa và các loại lương thực như khoai, ngô, các loại đậu đen, đỏ, xanh, trắng, cây đậu nành mọc rất nhanh; đặc biệt là các loại rau thường trồng ở xứ lạnh như xà lách, bông cải, dưa chuột. Vườn trái cây có xoài, mận, vú sữa. Các vùng cù lao như cù lao Tây trồng lúa tốt.

Vùng bên kia là Đồng Tháp Mười thấm phèn, nhưng lại có hai loại lúa đặc biệt là lúa nổi và lúa trời. Lúa trời là loại lúa hoang không ai trồng, mọc vào tháng tư và năm, tháng Mười lúa chín. Còn lúa nổi do dân chúng sạ, nó sống theo mực nước dâng. Nước dâng cao đến đâu lúc mọc cao đến đó. Lúa nổi có nhiều tên như "lúa

nổi nàng tây", "lúa nổi nàng tri"... nhưng dân địa phương thường không gọi là lúa nổi mà gọi "lúa mùa" vì lúa trổ vào khoảng tháng 9 âm lịch.

Rừng tràm Đồng Tháp mênh mông đem lại nhiều lợi ích cho tỉnh; ngoài ra còn có cá, cua, ốc, lươn, rùa, sáp mật ong, chim muông, cua ốc... là lợi tức thiên nhiên vô tận của tỉnh. Trước đây, khi đến Đồng Tháp Mười ai cũng nghĩ đến muỗi và đĩa vì nhiều đầm lầy. Nhưng từ sau năm 1956, vấn đề khai kinh, di dân, khẩn hoang lập ấp đã tạo Đồng Tháp Mười thành vùng đất trù phú; muỗi và đĩa không còn là vấn đề ghê sợ nữa.

Kiến Phong cũng là nơi trồng thuốc lá và mía. Ngoài ra, dân chúng còn sinh sống bằng các nghề nuôi các loại gia súc, dệt chiếu, đan lát, tương chao và tiểu thủ công nghệ... Gà Cao Lãnh nổi tiếng đá hay và "gan lì".

Lược sử

Năm 1832, vua Minh Mạng chia các trấn thành tỉnh thị Sa Đéc thuộc tỉnh An Giang. Dưới thời Pháp thuộc, An Giang được quân Pháp chia thành sáu tỉnh là Sa Đéc, Châu Đốc, Long Xuyên, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Cần Thơ. Đồng Tháp vốn là cánh đồng sâu, mọc đầy lau sậy, dưng, lác, tràm, nên trở thành địa thế hiểm yếu mỗi khi nước ta có giặc.

Năm 1862, anh hùng Đốc Binh Kiều chiêu mộ người nghĩa dũng trong vùng cùng nổi lên đánh giặc Pháp. Khi anh hùng Trương Công Định mất, anh hùng Võ Duy Dương rút quân về Đồng Tháp Mười vào năm 1865 và là người đầu tiên nêu khẩu hiệu "Cần Vương" chống giặc. Ông tung nghĩa quân đánh du kích khắp nơi từ Hà Tiên tới Đồng Tháp Mười.

Ông tổ chức dịch vận rất giỏi, nhiều lính quân Pháp bỏ ngũ và cùng theo nghĩa quân đánh phá các đồn bót của giặc khắp các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Long Xuyên, Sa Đéc thời bấy giờ. Ngày 15-4-1865, giặc đem đại quân vây kín căn cứ Đồng Tháp nhưng bị phục binh của ông chận đánh ở Cái Thia liền mấy ngày đêm. Sau đó, ông rút về Cao Lãnh, rồi sang Vàm Cỏ Tây lập cứ địa, tổ chức lại hàng ngũ. Nhưng chẳng may, ông bị mắc bệnh thương hàn mà từ trần.

Trong số những anh hùng sinh trưởng tại Kiến Phong có Nguyễn Quang Diêu (người xã Tân Thuận, quận Cao Lãnh). Với tư chất thông minh và tâm hồn yêu

nước dạt dào, ông đã tham gia phong trào cứu nước và tiếp tay đắc lực cho cao trào Đông Du năm 1907. Tại Cao Lãnh, ông mượn chùa Linh Sơn làm nơi gặp gỡ những người yêu nước trong vùng. Ông thường liên lạc với các nhà cách mạng bị quân Pháp đưa từ Bắc vào an trí trong Nam như Võ Hoành, Dương Bá Trạc, Phương Sơn... đang tạm sống tại vùng Sa Đéc.

Năm 1913, ông cùng nhà cách mạng Đinh Hữu Xương (người xã Mỹ Xương) và một số chiến hữu khác ra hải ngoại nhưng bị bắt tại Hồng Kông. Pháp đưa ông về giam tại Hỏa Lò, Hà Nội, rồi đày đi Guyane (thuộc địa Pháp tại vùng Trung Mỹ). Năm 1917, ông cùng một số nhà cách mạng Việt Nam dùng thuyền trốn qua đảo Trinidad, rồi tìm đường sang Hoa Thịnh Đốn, Hoa Kỳ. Năm 1920, ông từ đó trở lại Trung Hoa. Năm 1927, ông về nước tiếp tục hoạt động hăng say dù tuổi đã cao và bị mật vụ Pháp lùng bắt ráo riết. Đến ngày 15 tháng 5 năm Bính Tý (1936), anh hùng Nguyễn Quang Diêu từ trần.

Phong cảnh, di tích

Tràm Chim Tam Nông : Tràm chim rộng 7612 ha nằm giữa 4 xã Phú Đức, Phú Hiệp, Phú Thọ và Tân Công Sính, huyện Tam Nông, cách thị trấn Tam Nông 800 m đường chim bay. Tràm chim nghĩa là chim ở trong rừng tràm, nơi đây thiên nhiên rất phong phú với những rừng tràm sậy, lao, sen, súng, lúa mạ, năng, lác...và các loài động vật : trăn, rùa, lươn, rắn, các loại cá đồng và nhiều loại chim nước như cò, diệc, vịt trời, cồng cộc, trích cồ và đặc biệt là sếu cổ trụi đầu đỏ. Loại chim quí hiếm này đến tràm chim hàng năm vào mùa khô để cư trú.

Đến thăm tràm chim vào lúc đó, du khách chứng kiến từng đàn sếu đầu đỏ về ăn củ năng cùng với nhiều loài chim khác tụ hợp thành từng đàn đông vui. Sếu to, cao trên 1,7 m, bộ lông xám mượt, cổ cao, đầu đỏ, đôi cánh dang rộng khi bay. Chim sếu rất chung thủy, bao giờ cũng có đôi vui đùa nhảy múa và rất gần gũi với con người. Với người Việt Nam loài sếu đầu đỏ, còn gọi là chim Hạc, là biểu tượng của sức mạnh, sự trường tồn và lòng chung thủy. trong các đình, chùa và trên nhiều bàn thờ của gia đình người Việt Nam có thờ chim Hạc.

Du khách đến đây, nhiều người không muốn về ngay, ai cũng kéo dài thêm chương trình, đi xuồng len lỏi vào các cụm cây ràm để nhìn ổ và trứng của loài

chim trích, ngắm nhìn từng đàn con trích vừa đủ lông bơi lội ngay trước mũi xuồng... khi nước rút, nơi đây trở thành cánh đồng của các loại rong tảo, bông súng, sen, lúa trời...

Khu tràm chim đã được các tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế tài trợ để duy trì và phát triển. Nhiều đoàn du khách đã đi hàng vạn cây số từ các nước đến Tam Nông để được nhìn tận mắt con sếu đầu đỏ.

Vườn Cò Tháp Mười : Ở cách thị xã Cao Lãnh 35 km. Tới đây du khách sẽ nhìn thấy hàng ngàn con cò đậu trên các cây trắng rợp cả một vùng trời. Vào những buổi chiều tà, hàng hàng lớp lớp cánh cò chao liệng trên không trước khi về tổ.

Vườn Hoa Tân Qui Đông : Du khách yêu hoa và cây cảnh xin mời đến vườn hoa Tân Qui Đông cách thị xã Cao Lãnh 3 km. Nơi đây trồng nhiều loại hoa và cây cảnh, đặc biệt hoa hồng và cây hổ phách là những mặt hàng xuất khẩu đi nhiều nước. Ở đây còn có nhiều cây dược liệu dùng làm thuốc chữa bệnh.

Bãi Tắm An Hòa : An Hòa là một cồn cát nằm chơi vơi giữa sông Tiền, cách thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành khoảng 40 phút đi đường. Bãi tắm được phát hiện năm 1995, một cồn cát trắng hình trăng khuyết rộng hơn 10 ha độ nghiêng của cồn ít, không có vùng trũng tạo thành bãi tắm rất an toàn và lý tưởng cho du khách. Tuy mới được phát hiện nhưng bãi tắm An Hòa đã thu hút du khách mọi miền gần xa, tấp nập xuồng ghe kéo về đây để thưởng thức phong cảnh làng quê bình dị hoa trái sum sê, để tắm mình dưới dòng sông tràn ngập nắng và gió, thư giãn và hòa mình với thiên nhiên.

Cồn Tiên : Một cồn cát trắng mịn nổi dài giống như một nàng tiên phơi mình trong nắng giữa dòng sông Hậu, đoạn chảy qua xã Định Hòa, huyện Lai Vung (phía bến bồi). Cồn tiên có nghĩa là Tiên nữ giáng trần xuống cồn cát phù sa. Đến với cồn Tiên, du khách sẽ được hòa mình trong dòng nước trong xanh của sông Hậu, phơi nắng trên bờ cát mịn trong không khí trong lành của đồng quê, thưởng thức mùi vị thơm nồng của rượu Sa Giang với các món ăn ốc gạo, tôm nướng, cá sông Hậu.

Chợ Chiếu Định Yên : Nằm cạnh sông Hậu thuộc xã Định Yên, huyện Lấp Vò, chợ chiếu Định Yên đã có cách đây khoảng 100 năm. Chợ được hợp vào ban đêm

vì bà con suốt ngày bận rộn với công việc đồng áng hoặc miệt mài bên khung dệt. Đến Định Yên vào những đêm trăng sáng, bạn sẽ được nhìn thấy cảnh họp chợ ban đêm, mỗi người chong một đèn quây quần trước sân chùa An Phước.

Hàng hóa là nguyên liệu để dệt chiếu, các loại phẩm màu, dây bố, và hàng nghìn chiếc chiếu bán sỉ, lẻ theo yêu cầu của khách. Đó là các loại chiếu trắng, chiếu in hình hoa văn, chiếu con cò, chiếu cổ trang trọng, chiếu cưới trang trí lộng lẫy... Hàng năm chợ chiếu Định Yên bán ra khoảng hơn 400.000 đôi chiếu các loại khắp các vùng. Chiếu thường bán chạy nhất là vào tháng chạp, tháng giêng và tháng hai.

Tháp Mười : Nguyên là một cái tháp mười tầng, cao khoảng 42 thước, do các nghĩa quân của anh hùng Đốc Binh Kiều xây làm đài thám thính trong thời gian kháng Pháp. Về sau, anh hùng Võ Duy Dương cũng sử dụng tháp canh này và đặt Tổng hành dinh kháng chiến ở đây. Vị trí tháp thuộc quận Mỹ An, phía kinh Tháp Mười. Thuở trước, chỉ có ba con đường mòn dẫn vào Tháp Mười : Một đường từ Gò Bắc Chiêng (thuộc Mộc Hóa, tỉnh Kiến Tường) đi xuống, một đường từ rạch Cần Lố đi lên và một đường từ Cái Nứa (thuộc tỉnh Định Tường) đi lại.

Cả ba đường lần lượt đi qua đồn Tả, đồn Hữu và đồn Tiền. Ba đồn này che chở Tổng hành dinh ở Tháp Mười. Đồn nào cũng có lũy đất ở chung quanh, cao gần hai thước và dày khoảng thước rưỡi. Trong và ngoài lũy là một hàng cừ bằng sào, lũy đều được đục cửa và có nhiều lổ để ngắm súng ra ngoài. Mỗi đồn chứa từ 200 đến 300 nghĩa quân, 10 khẩu súng và từ 40 đến 50 thớt súng bắn đá và vài khẩu đại bác. Ngoài ra, còn có năm sáu đồn nhỏ ở xa Tổng hành dinh như đồn Gò Bắc Chiêng, đồn Ấp Lý... mỗi đồn này có khoảng 150 nghĩa quân và có từ 15 đến 35 thớt súng bắn đá. Còn khí giới, thuốc đạn thì có thuyền chở từ Hà Tiên, Rạch Giá vào. Phần lương thực do dân chúng tiếp vận.

Con đường tiện nhất vào Tháp Mười là đường đi từ Cần Lố, nên đã được dùng để chở gạo cho nghĩa quân và có tên là "đường gạo". Nay còn di tích nền đá dưới chân Tháp Mười và bên cạnh là ngôi mộ của Đốc Binh Kiều. Xưa, quân Pháp đặt vùng này là "Cánh đồng Bàng" (Plaine des joncs), nhưng dân chúng không dùng tên này và lấy tên Đồng Tháp Mười để ghi khắc tinh thần yêu nước của nghĩa

quân kháng Pháp.

Khu Di Tích Gò Tháp : Thuộc ấp 4 xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, cách huyện ly Tháp Mười khoảng 11 km về phía Bắc, cách thị xã Cao Lãnh về hướng đông bắc 43 km (theo đường bộ và đường thủy). Gò Tháp gồm có 5 di tích tiêu biểu, tính từ con lộ Mỹ Hòa đi vào : gò Tháp Mười, tháp Cổ Tự, đền thờ cụ Đốc Binh Kiều, gò Minh Sư, miếu Bà Chúa Xứ.

Các di tích Gò Tháp mang nhiều giá trị văn hóa - lịch sử. Tháp Cổ Tự cách gò Tháp Mười 100 m về phía Bắc, tương truyền có từ thời Thiệu Trị (1841 - 1847) trước đó là ngôi tháp thờ Chân Lạp. Qua khỏi chùa là đến khu căn cứ Đồng Tháp Mười của cụ Đốc Binh Kiều trong cuộc kháng chiến chống quân Pháp. Mộ và đền thờ cụ còn ở nơi đây. Đi tiếp là đến miếu Bà Chúa Xứ, gò Minh Sư, hàng năm, khách thập phương kéo về dự lễ vía Bà rất đông. Gò Tháp Mười cách đây khoảng 2000 năm là nơi sinh sống của các cư dân cổ. Tại đây giới khảo cổ học đã phát hiện được nhiều di vật văn hóa cổ, đặc biệt là các di vật văn hóa thuộc nền văn minh Óc Eo.

Chùa Kiến An Cung : Còn gọi là chùa Ông Quách, nằm tại trung tâm thị xã Sa Đéc. Chùa do nhóm người Hoa ở tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) định cư tại Sa Đéc xây dựng vào năm 1924 - 1927 để thờ cúng tổ tiên và là nơi dạy dỗ con cháu. Kiến trúc chùa Kiến An Cung theo kiểu chữ "công". Toàn bộ chùa không có kèo, chỉ có đòn tay ráp mộng lại. Mái ngói lợp theo dợn sóng rồng trải nền cho những ngọn sóng cong vút lên cao. Sáu đầu ngọn sóng là sáu cung điện thu nhỏ. Hai bên cửa vào chánh điện là 2 con kỳ lân bằng đá xanh rất lớn. Tả, hữu là 2 vị thần Thiện - Ác. Trong sân là nơi cúng tế. Những cột lớn trong chánh điện, các tấm hoành phi, bao lam, đối liễn điều được trạm trổ hoa, lá, chim sơn son, thiếp vàng lộng lẫy tôn nghiêm.

Đền Thờ Thượng Tướng Trần Ngọc (Đền Đốc Binh Vàng) : Tọa lạc tại địa phận ấp Nam, xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, cách trung tâm thị xã Cao Lãnh 24 km theo hướng tây nam. Thượng Tướng Trần Ngọc (Đốc Binh Vàng) giữ chức tổng binh kiêm chánh giải quân lương dưới triều vua Minh Mạng. Năm 1837, trên đường giải quân lương đến biên thùy An Giang, được tin báo thành An Giang thất

thủ, ông đã ra lệnh tiêu hủy đoàn thuyền, giải giáp binh sĩ và sau đó rút gươm tự vẫn.

Sau khi mất, triều đình ban tặng ông chức thượng tướng quận công. Dân chúng nhớ ơn và thương tiếc ông, đã đặt tên con rạch thành rạch Đốc Vàng và lập đền thờ ông tại địa điểm hiện nay. Năm 1965, đền thờ được xây dựng lại bằng vật liệu kiên cố đẹp và hài hòa với khung cảnh thiên nhiên. Hàng năm, vào các ngày 15, 16 tháng 2 âm lịch, nhân dân địa phương tổ chức lễ kỷ niệm và cúng tế ông rất long trọng với hàng chục ngàn người tham gia.

Chùa Hương (Phước Hưng Cổ Tự) : Là một trong những ngôi chùa cổ kính tại Sa Đéc, chùa do nhóm người Hoa ở Sa Đéc dựng nên cách đây hơn một thế kỷ để thờ Phật. Chùa Hương có kiến trúc đẹp, hài hòa với quang cảnh xung quanh. Chùa có 8 mái và 2 cấp, được lợp mái âm dương tạo gợn sóng, mái cong vút lên cao. Trên nóc là phù điêu hình long, lân, qui, phượng. Cách thức thờ phục của chùa theo lối cổ, tôn nghiêm gồm 2 bộ tam Tây Phương cực lạc (Phật A Di Đà và Quan Thế Âm Bồ Tát), đặc biệt có một pho tượng A Di Đà bằng đất sét thếp vàng có niên đại hơn 100 năm. Ngoài ra còn có chiếc mõ tụng kinh chạm hình song ngư tuyệt đẹp.

Văn Thánh Miếu : Là công trình văn hóa thờ đức Khổng Tử, xây dựng năm 1857 tại thôn Mỹ Trà, huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường (nay thuộc phường III, thị xã Cao Lãnh) do ông Hồ Trọng Đính, quan tri phủ huyện Kiến Tường đứng ra xây cất. Chính điện đặt bàn thờ, đặt bài vị đức Khổng Tử (Vạn Thế Sư Biểu). Tả hữu là bài vị của Tứ Thánh (Tăng Tử, Nhan Hồi, Tử Tư và Mạnh Tử). Còn bên tả vu, hữu vu thờ Tiền Hiền và Hậu Hiền. Năm 1878, Văn Thánh Miếu được dời đến vị trí hiện nay (đường Lý Thường Kiệt, phường I, thị xã Cao Lãnh). Văn Thánh Miếu được trùng tu lại vào năm 1935 đến 1940, việc thờ phụng được sắp xếp lại. Trong chính điện tả vu làm thư viện, hữu vu làm nơi hội họp, luận bàn đạo lý phương Đông.

Chùa Bà : Tại Sài Gòn và các tỉnh phía Nam, nơi nào cũng có ngôi chùa Bà. Chùa Bà tại Sa Đét có trên 100 năm nay do nhóm người Hoa ở tỉnh Phúc Kiến sau khi định cư tại Sa Đéc đã chung góp tiền xây dựng ngôi chùa thờ Bà. Chùa được kiến

trúc theo kiểu chữ Thiên, mái ngói lợp âm dương tạo gợn sóng, tường cao nóc cổ, khang trang.

Gian chánh điện thờ bà Thiên Hậu Ngươn Quân, sắc phong thời nhà Thanh ở Trung Hoa (Thiên Hậu Thánh Mẫu) vì bà có công cứu độ những người đi ghe, thuyền ngoài biển. Người Trung Hoa tôn sùng bà như vị cứu tinh của họ. Bên hữu chánh điện thờ bà Kim Huệ (mẹ của bà Thiên Hậu Thánh Mẫu), bên tả thờ ông Địa và ông Thổ, ngoài ra chùa còn thờ Phật Di Đà, Quan Âm Bồ Tát và Quan Thánh Đế Quan. Hàng năm ban trị sự tổ chức lễ cúng long trọng vào ngày 23-3 và 9-9 âm lịch.

Đình Tân Phú Trung : Đình Tân Phú Trung cách thị trấn Châu Thành 17km, đình Tân Phú Trung tọa lạc trên khuôn viên rộng 3000 m², giữa một vùng quê trù phú, cây trái xum xuê của xã Tân Phú Trung. Là một trong những ngôi đình cổ của tỉnh Đồng Tháp, đình được xây dựng giữa thế kỷ 19 và được vua Tự Đức phong sắc Thành Hoàng Bổn Cảnh vào ngày 16-4-1858 âm lịch. Đình có kiến trúc theo kiểu cổ, mái xây theo hình chữ đại, lợp ngói kiểu ống xưa, trên ngói có lưỡng long tranh châu, cột kèo bằng gỗ quí được chạm trỗ tinh vi.

Trong đình có nhiều bức liễn bằng gỗ quí được chạm khắc công phu sơn son thếp vàng. Nghi thờ trước, thờ Quan Thánh Đế, nghi thờ sau ở giữa thờ Thành Hoàng Bổn Cảnh và 2 bên thờ những người đóng góp công lao cho đình làng. Hàng năm lễ hội được tổ chức vào ngày 10, 17 tháng 4 âm lịch (năm chẵn), ngày 12, 13 tháng 5 âm lịch (năm lẻ). Vào dịp này, nhân dân trong xã và các xã lân cận đến dự rất đông vui, tấp nập cầu nguyện mưa thuận gió hòa, mùa màng thắng lợi.

Đình Định Yên : Được xây dựng vào năm Canh Tuất 1909 tại ấp An Lợi A, xã Định Yên, huyện Lấp Lò Vò để ghi nhớ công ơn Phạm Văn An, người đầu tiên khai hoang đất lập ấp nơi đây. Đình được kiến trúc theo kiểu nội công ngoại quốc, tường xây cột gỗ, lợp ngói đại ống, các kỳ, kèo, cột được chạm trỗ hoa văn đầu rồng, lân rất đẹp. Câu đối, câu liễn bao lam được cẩn ốc xà cừ, chạm hóa long, lưỡng sen, mẫu đơn, sơn son thếp vàng và các bức tranh sơn thủy ca ngợi đất nước con người.

Trước sân đình, là những bồn hoa, cây dương cổ thụ cao vút. Trong chánh điện

(bái đình) thờ thần Thành Hoành Bổn Cảnh, hai bên tả hữu ban thờ các vị Tiền Hiền của đình. Hàng năm vào các ngày 16, 17 tháng 4 và 15, 16 tháng 11 âm lịch diễn ra lễ cúng đình rất long trọng với đầy đủ nghi thức như : đội kỵ mã, đội lân, đội lính hầu, học trò lễ, chiêng, trống, nhạc lễ....

Đình Long Khánh : Ở trên cù lao Long Khánh, giữa sông Cửu Long, thuộc huyện Hồng Ngự, ngôi đình xây dựng theo kiểu nhiều nhà vuông gắn liền nhau, có bốn hàng cột chính, mái lợp ngói âm dương, trên nóc có hình lưỡng long tranh châu, kèo chạm trỗ đầu rồng. Đình thờ thần Thành Hoàng Bổn Cảnh và các vị Tiền Hiền, Hậu Hiền những người có công với địa phương.

Tượng Thống Lĩnh : Là tượng Thống Binh Nguyễn Văn Linh, dân địa phương thường gọi tắt là Thống Linh, sinh trưởng tại Cao Lãnh, đã cùng anh hùng Thiên Hộ Dương tham gia phong trào kháng chiến chống Pháp và tạo được nhiều thành tích.

Các dịp lễ hội

Lễ Hội Gò Tháp : Di tích Gò Tháp là một quần thể gồm 5 di tích tiêu biểu trong đó có đền thờ cụ Đốc Binh Kiều và miếu bà Chúa Xứ là nổi tiếng hơn cả. Hàng năm khách thập phương kéo về dự lễ hội Gò Tháp rất đông. Lễ vía bà Chúa Xứ cử hành vào ngày 16 tháng 3 âm lịch, giỗ cụ Đốc Binh Kiều vào ngày 15 - 16 tháng 11 âm lịch. Nội dung các lễ hội gần như ổn định: Lễ cầu an, thảnh sanh, tế thần Nông, cúng Ông (Đốc Binh Kiều) hoặc cúng bà Chúa Xứ. Các lễ được tiến hành một cách long trọng, có nhạc lễ theo nghi thức cổ truyền. Ngoài ra còn có múa lân, hát bội, đấu võ, lửa trận. Lễ hội ở Gò Tháp là lễ hội cầu cho quốc thái, dân an, mùa màng được tươi tốt.

Gia Lai

Diện tích : 16.212 km².

Dân số : 1.048.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Pleiku.

Các huyện : An Khê, Ayun Pa, Chư Păh, Chư Prông, Chư Sê, Đức Cơ, La Grai, Kbang, Krông Pa, Kong Chro, Mang Yang.

Dân tộc : Việt (Kinh), Gia Rai, Ba Na, Xơ Đăng, Giẻ Triêng...

Gia Lai là một tỉnh miền núi - biên giới nằm ở phía Bắc Tây Nguyên trên độ cao 600 m - 800 m so với mặt biển. Phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía Nam giáp tỉnh Đắc Lắc, phía Tây giáp Cam-Pu-Chia với 90 km là đường biên giới quốc gia, phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên.

Gia Lai có khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, chia làm hai mùa rõ rệt : mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm 21°C - 25°C. Vùng Tây Trường Sơn có lượng mưa trung bình năm từ 2200 mm - 2500 mm, vùng Đông Trường Sơn từ 1200 - 1750 mm. Khí hậu Gia Lai giống như khí hậu tỉnh Kon Tum và Đắc Lắc với hai mùa mưa nắng theo gió mùa.

Tỉnh có trục quốc lộ 14 nối với Quảng Nam và các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; trục quốc lộ 19 nối với các tỉnh duyên hải miền Trung từ Qui Nhơn đến Pleiku và đi các tỉnh Đông Bắc Cam-Pu-Chia; quốc lộ 25 nối với Phú Yên. Thành phố Pleiku nằm trên ngã ba giao lộ của quốc lộ 19, quốc lộ 14, quốc lộ 25, cách cảng Qui Nhơn 180 km đường bộ, cách Sài Gòn 541 km. Tỉnh có sân bay Pleiku khá lớn.

Gia Lai là đầu nguồn của nhiều hệ thống sông đổ về miền duyên hải Cam-Pu-Chia như sông Ba, sông Sê San và các con suối khác. Vùng đất Gia Lai có nhiều suối hồ, ghềnh thác, đèo và những cánh rừng nguyên sinh tạo nên những cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ thơ mộng mang đậm nét hoang sơ nguyên thủy của núi rừng Tây Nguyên. Đó là rừng nhiệt đới Kon Ka King, rừng Kon Cha Rang nơi có nhiều động vật quí hiếm; thác Yaly hùng vĩ; thác Xung Khoeng hoang dã ở huyện Chư Prông; thác Phú Cường thơ mộng ở huyện Chu Sê.

Nhiều con suối đẹp như suối Đá Trắng, suối Mơ và các danh lam thắng cảnh khác

như bến đò "Mộng" trên sông Pa, biển hồ Tơ Nưng trên núi mênh mông và phẳng lặng - núi Hàm Rồng cao 1092 m mà đỉnh là miệng của một núi lửa đã tắt.

Sinh hoạt, kinh tế

Số đồng bào Thượng sinh sống ở Gia Lai đông nhất, rồi đến người Kinh. Người Thượng trong tỉnh thuộc các sắc tộc chính là Djarai (Gia Rai) Bahnar, Rhadé; ngoài ra là các sắc tộc phụ như Tolo, Bahnar, Alo Kone, Djarai Arap... Đồng bào Thượng và Kinh sống rất cần cù nhẫn nại, luôn luôn hòa hợp với nhau. Ba tôn giáo chính là Thiên Chúa, Phật, thờ phụng Tổ Tiên và Thần Linh.

Vì Gia Lai có quá nhiều rừng và lưu lượng nước sông bất thường nên việc canh nông tại đồng bằng không đủ cung ứng trong tỉnh. Nhiều nơi chỉ trồng lúa được một mùa, nơi nào có đập nước như quận Lệ Trung thỉ canh tác hai mùa. Đồng bào Thượng trồng lúa lốc và lúa Thượng (một loại nếp). Các loại hoa màu phụ là khoai, sắn, ngô và rau. Các loại cây kỹ nghệ được trồng nhiều như cao su, cà phê, trà, bông và mía...

Lâm sản có nhiều gỗ quí như cẩm lai, trắc, sao, dầu... và cũng có nhiều dã thú. Khoáng sản gần như không khai thác được mỏ gì. Đời sống của dân chúng thường tập trung vào các ngành buôn bán liên quan đến việc khai thác lâm sản.

Lược sử

Trước đây Gia Lai là vùng rừng rậm hoang vu chỉ có đồng bào Thượng sắc tộc Djarai (Gia Rai)sinh sống.

Thời Pháp thuộc, đồng bào Thượng nổi lên kháng chiến. Tháng 2-1907 Cuénot mang quân đến Pleipang. Dân quân Bahnar đánh trống báo động khắp vùng, rồi rào làng và cấm chông. Dùng tên độc chống cự mãnh liệt. Năm 1911, viên công sứ quân Pháp ở Kontum cho người điều tra về tình hình an ninh và kinh tế vùng này. Đến năm 1913, quân Pháp đặt một tòa đại lý hành chính ở đây do người Pháp cai quản. Năm 1914, đồng bào Thượng nổi lên chống bắt đi phu và giết lính Pháp. Năm 1918, đồng bào Gia Lai tấn công các đồn bót và giết tên công sứ Pháp. Ngày 12-2-1929 Gia Lai tách khỏi Kontum để trở thành một tỉnh riêng biệt.

Phong cảnh, di tích

Thác Xung Khoeng : Cách thành phố Pleiku hơn 30km về phía Tây Nam, thuộc

địa phận huyện Chư Prông. Thác Xung Khoeng hùng vĩ cao khoảng 40 m. Từ xa đã nghe thấy tiếng ầm ì, nước đổ từ trên cao xuống như một dải lụa trắng. Mặt thác lớn, trải rộng và tương đối bằng phẳng. Hai bên bờ, cây cối mọc um tùm. Phía sau thác là nền trời xanh thẳm cao lồng lộng.

Nước đổ xuống uốn cong theo triền đá mềm mại, đập vào các tảng đá nổi lên trên mặt nước tung bọt trắng xóa. Nước chảy len lỏi trong các khe đá, trên thảm cỏ xanh làm thành một vùng hồ nước trong vắt, sát với các vách đá xung quanh. Thác Xung Khoeng là nơi nghỉ ngơi thú vị của du khách vừa ngắm nhìn vẻ hùng tráng của thiên nhiên, vừa hít thở không khí trong lành mát mẻ giữa núi rừng hùng vĩ.

Biển Hồ Tơ Nưng : Cách thành phố Pleiku về phía Bắc 6 km đường chim bay. Biển hồ Tơ Nưng nguyên là một miệng núi lửa ngừng hoạt động đã hàng triệu năm để lại. Hồ có hình bầu dục, diện tích 230 ha. Nước hồ quanh năm đầy ắp, xanh trong có thể nhìn rõ từng đàn cá bơi lội dưới nước. Hồ có độ sâu từ 20 m đến 40 m. Đây là vựa cá, hàng năm cung cấp cho Pleiku hàng trăm tấn cá. Phong cảnh xung quanh hồ thật ngoạn mục, từ những bụi cây ven hồ, tiến hót của các loài chim lảnh lót mỗi buổi sớm mai. Kế đó là những cánh rừng bạt ngàn, những ngọc đồi uốn lượn trập trùng... Những chiếc thuyền độc mộc lướt trên mặt nước. Biển hồ Tơ Nưng được ví như hạt ngọc của Pleikhu và của cả Tây Nguyên.

Núi Chơ Hơ Rông : Cách thành phố Pleiku khoảng 10 km về phía Đông Nam, ngọn núi Chư Hơ Rông cao tới 1600 m và cùng ngọn núi lửa tắt từ lâu đời, vì thế tuy cao nhưng dáng mềm mại, thoai thoải. Quanh chân núi đất đai phì nhiêu, cây trồng xen cây rừng rậm rạp đã trở thành nơi sinh sống của nhiều bản làng các dân tộc. Các nhà khảo cổ học đã khai quật được nhiều di chỉ khảo cổ của các thời kỳ đồ đá, đồ gốm... trong thung lũng này.

Đường quanh núi tuy dốc thấp nhưng quanh co, uốn khúc, đất mềm để lộ các tảng đá lớn, phủ kín các loài cây leo, bụi rậm. Đôi chỗ vách đá để lộ một khe suối nhỏ, nước chảy lặng lẽ, hay một con thác dốc, nước len lỏi qua các hố sâu. Các mảng cây lá rộng xanh um mọc xen với các loài cây rụng lá theo mùa, làm cho cảnh trí luôn thay đổi trên mỗi bước đi. Du khách đến Pleiku có thể tham gia tour leo núi

Chơ Hơ Rông để tìm hiểu thiên nhiên và mang lại cảm giác mạnh cho những ai thích mạo hiểm.

Hồ Ayun Hạ : Là hồ nhân tạo rộng nhất Tây Nguyên, nằm trên địa bàn xã H'Bông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Hồ Ayun Hạ được khởi công ngày 17-03-1990 trên cao nguyên Gia Lai, hồ được tạo bởi con đập tràn ngăn sông Ayun, nơi hạ nguồn của sông Ayun mở rộng thành hồ rộng giữa bốn bề núi non xanh, tạo nên một cảnh quan đẹp hữu tình trên đất rừng H'Bông, huyện Chư Sê.

Mặt nước hồ rộng 3700 ha, dài 25 km, nơi rộng nhất 5 km, từ đó tỏa ra hàng trăm con kênh nhỏ phục vụ cho cánh đồng lúa rộng lớn của các xã thuộc huyện Ayun Pa. Từ khi biến thành hồ nước trong xanh, Ayun Hạ tạo ra môi trường sống trong lành, một vùng sinh thái thật ngoạn mục với rừng cây kề cạnh và bóng núi vây quanh. Hồ Ayun Hạ còn là nơi nuôi thả nhiều cá. Đến đây du khách có thể đi thăm lòng hồ, bơi thuyền, câu cá, dạo chơi trong rừng, tìm hiểu văn hóa và giao lưu với cộng đồng người dân tộc thiểu số Jarai và Banar sống ở vùng quanh hồ.

Quần Thể Di Tích Tây Sơn Thượng Đạo : Là di tích của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, gồm có :

Đình An Khê tại thị trấn An Khê (huyện An Khê), nơi tụ tập nghĩa quân và dấy binh khởi nghĩa của ba anh em Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ.

Gò Chợ huyện An Khê, nơi giao lưu buôn bán của Nguyễn Nhạc để lấy tiền nuôi quân và tuyển mộ binh sĩ.

Hòn Đá ông Bình (Huệ) huyện An Khê, nơi ngồi nghỉ sau đợt luyện quân của ông Huệ.

Hòn đá ông Nhạc huyện An Khê, nơi ngồi nghỉ của ông Nhạc sau mỗi đợt luyện quân của ông Nhạc.

Vườn Mít - cánh đồng Cô Hầu huyện K.Bang, vùng căn cứ lo việc hậu cần, nơi cung cấp lương thực cho nghĩa quân.

Kho tiền - nền nhà ông Nhạc huyện Kong Choro, nơi cất giữ lương thực, tiền tệ cho cuộc khởi nghĩa và là nơi ở của ông Nhạc trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra và hiện nay chỉ còn lại nền nhà.

Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn với người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ là một điểm

sáng của lịch sử Việt Nam. Ngày nay, nhiều người dân Việt Nam và cả những người nước ngoài luôn quan tâm đến sự kiện lịch sử này.

Chùa Bửu Nghiêm : Chùa được xây dựng năm 1964 tại số 200 đường Duy Tân, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku. Đến năm 1978 ngôi chánh điện chùa được trùng tu. Trong những năm gần đây, Hòa Thượng Thích Từ Hương, trụ trì chùa, đang tiếp tục công việc tu sửa, mở mang ngôi chùa cùng với các hoạt động văn hóa từ thiện tại địa phương.

Chùa Bửu Thắng : Chùa tọa lạc ở số1A đường Sư Vạn Hạnh, phường Hội Thương, thành phố Pleiku. Chùa được xây dựng trong thời kỳ chấn hưng Phật Giáo vào những năm 1930. Chùa xây dựng trên một khu đất rộng 3168 m². Chùa được trùng tu lớn vào những năm 1960, 1964 và 1992.

Tịnh Xá Ngọc Phúc : Tịnh xá tọa lạc ở số 342 đường Phan Đình Phùng, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku. Tịnh xá do sư Giác An xây dựng vào năm 1964, thuộc giáo đoàn III của hệ phái Phật giáo tăng già khất sĩ Việt Nam.

Các dịp lễ hội

Lễ Hội Đâm Trâu : Đây là ngày hội phổ biến ở nhiều dân tộc Tây Nguyên, là sinh hoạt văn hóa dân gian nổi bật nhất. Nhiều loại hình văn hóa được huy động tham gia lễ hội này. Lễ hội được tổ chức tại nhà Rông. Con trâu là vật hiến tế Thần Giàng. Sau các nghi thức cầu Thần linh về chứng giám lòng thành của bà con và nhận lễ vật, trâu được mang ra cột giữa sân, trẻ con, người già, trai gái cùng nhau nhảy múa, tiếng nhạc cồng chiêng nổi lên. Một đội đâm trâu gồm những thanh niên trẻ khỏe được trang bị giáo mác và nghi thức đâm trâu được diễn ra. Sau đó buôn làng mổ trâu ăn mừng. Lễ Ăn Trâu thường được tổ chức từ 2 đến 3 ngày vào những dịp đặc biệt của buôn làng hay của mỗi gia đình và bao giờ cũng có sự tham gia hào hứng của các cộng đồng.

Lễ Ăn Cơm Mới : Được tổ chức tại nhà riêng hoặc nhà Rông sau vụ thu hoạch của đồng bào Ba Na ở hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai. Lễ được tổ chức để tạ ơn Thần lúa và lễ hội mừng mùa thu hoạch mới, cầu mong cho ruộng nương ngày càng nhiều thóc lúa. Dân làng cúng Thần lúa bằng heo hoặc gà trước khi sử dụng lúa để ăn hoặc mang đi biếu. Lễ ăn cơm mới được tổ chức đơn giản và không tốn kém.

Lễ Hội Đổ Giàn : Tổ chức vào ngày 15-7 âm lịch hàng năm tại chùa Bà, làng An Thái, huyện An Nhơn. Ngoài ý nghĩa lễ Vu Lan -lễ báo hiếu nhà Phật, đây còn là hội đua tài của các võ sĩ của các làng võ quanh vùng. Trong lễ hội có nhiều sinh hoạt văn hóa, đặc biệt là hát bội. Phần chính của hội là tranh tài cướp heo quay, vật cúng Thần từ trên giàn cao tung xuống mang về cho làng mình. Người thắng cuộc là người được nhân dân quý trọng.

Ngoài ra, ở Gia Lai cũng có lễ Bỏ Mả, lễ cúng đất làng giống như các dân tộc sống ở các tỉnh Kon Tum và Đắc Lắc.

Hà Giang

Diện tích : 7831 km².

Dân số : 625.700 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Hà Giang.

Các huyện : Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ, Bắc Mê, Hoàng Su Phì, Vị Xuyên, Xín Mần, Bắc Quang.

Dân tộc : Việt (Kinh), Tày, H' Mông, Dao, Nùng, Cao Lan, Hoa, Sán Dìu...

Hà Giang, mảnh đất địa đầu cực Bắc của Việt Nam, nơi có những ngọn núi cao lưng trời và nhiều sông suối. Phía bắc tỉnh Hà Giang giáp Trung Quốc (chiều dài đường biên giới 274 km), phía đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía tây giáp Yên Bái và Lào Cai, phía nam giáp tỉnh Tuyên Quang.

Địa hình của tỉnh Hà Giang khá phức tạp, có thể chia làm 3 vùng. Vùng cao núi đá phía bắc nằm sát chí tuyến bắc, có độ dốc khá lớn, thung lũng và sông suối bị chia cắt nhiều. Khí hậu mang nhiều sắc thái ôn đới, chia làm hai mùa, mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 24 - 28°C, mùa đông nhiệt độ rất lạnh có khi xuống -5°C.

Vùng cao núi đất phía tây thuộc khối núi thượng nguồn sông Chảy, sườn núi dốc, đèo cao, thung lũng và lòng suối hẹp. Khí hậu vùng này chia làm hai mùa, mùa mưa và mùa khô.

Vùng thấp trong tỉnh gồm vùng đồi núi, thung lũng sông Lô và thị xã Hà Giang. Tại vùng này, nhiệt độ trung bình 21 - 23°C.

Hà Giang có nhiều núi non hùng vĩ, có đỉnh Tây Côn Lĩnh cao tới 2419 mét, có nhiều khu rừng nguyên sinh, rừng có nhiều gỗ quí, có tới 1000 loại dược liệu quí hiếm. Động vật có hổ, công, trĩ phượng, tê tê... và hàng trăm loại chim thú khác.Hà Giang có cao nguyên Đồng Văn nên thơ hùng vĩ, có chợ tình Khâu Vai hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

Sinh hoạt, kinh tế

Vì là miền núi rừng nên dân số trong tỉnh không đông, đồng bào Kinh chiếm đa số, còn lại là đồng bào các sắc dân Thổ, Mèo, Tày, Dao, Mán, Nùng, Giấy và Lô Lô. Phần đông đều thờ cúng Tổ tiên, Thần linh; và đều có những sắc thái văn hóa đặc

thù.

Cũng vì địa thế toàn rừng núi nên kinh tế Hà Giang tương đối kém phát triển. Lâm sản chính là vài loại gỗ quý như lát hoa, lát da đồng; và các loại gỗ cứng như lim, sến, trai, táu, đinh. Củ nâu, vầu, nứa ở đâu cũng có. Nông sản gồm lúa, ngô, khoai và các loại đậu. Vùng chân núi Tây Côn Lĩnh trồng nhiều trà. Dân chúng cũng trồng cây ăn trái, mận và lê ở vùng Đồng Văn, Hoàng Xu Phì rất nổi tiếng. Nghề nuôi ong lấy mật khá thịnh hành. Rừng Hà Giang có nhiều dã cầm, dã thú như phượng hoàng, trăn, rắn, công, trĩ... khoáng sản có mỏ chì, đồng, thủy ngân và cát trộn vàng. Sông Năng và Bảo Lạc có các kỷ nghệ lọc vàng nhưng vẫn còn thô sơ, ngoài ra chỉ toàn những tiểu công nghệ sản xuất vật dụng hàng ngày. Nền thương mại Hà Giang chỉ giới hạn ở sự trao đổi lâm sản với miền xuôi và với Trung Hoa.

Lược sử

Đất Hà Giang xưa thuộc bộ Tân Hưng, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Về sau, Hà Giang nằm trong thể lực ba Tộc tướng của xứ Thái. Trong giai đoạn Minh thuộc đầu thế kỷ 15, được gọi là huyện Bình Nguyên, đổi thành châu Bình Nguyên từ năm 1473, sau lại đổi tên thành châu Vị Xuyên.

Vào cuối thế kỷ 17, tộc trưởng người Thái dâng đất cho Trung Hoa, đến năm 1728, Trung Hoa trả lại Việt Nam một phần đất từ vùng mỏ Từ Lang đến sông Lô. Năm 1895, ranh giới Hà Giang được ấn định lại như trên bản đồ ngày nay.

Trước năm 1975, Hà Giang có các huyện Đồng Văn, Vị Xuyên, Xin Mần, Yên Minh, Hoàng Su Phì, Bắc Quang, Thanh Thủy và Quản Bạ.

Phong cảnh, di tích

Hang Phương Thiện : Hang cách thị xã Hà Giang 7 km xuôi về phía nam. Đây là nơi có nhiều phong cảnh đẹp, nhiều hang động tự nhiên tuyệt đẹp như hang Dơi, hang làng Lò, hang Phương Thiện. Tại đây du khách có thể thưởng thức các loại hoa trái đặc sản của vùng như mận, lê, cam, táo và các loại chè tuyết san cổ thụ mọc trên độ cao 900 m.

Hang Chui : Hang ở khu vực Phương Thiện, cách thị xã Hà Giang 7 km về phía nam. Hang ăn sâu vào lòng núi khoảng 100 m. Cửa hang hẹp phải lách người mới

qua được. Vào trong lòng hang mở rộng, vòm hang cao vút, nhiều nhũ đá rủ xuống đủ mọi hình thù. Đặc biệt hang có nhiều dơi. Đi tiếp thêm, du khách sẽ thấy một dòng suối dâng cao đổ xuống thành thác trông rất đẹp và ngoạn mục.

Suối Tiên : Cách thị xã Hà Giang 2 km về phía bắc, là thắng cảnh Suối Tiên đẹp nổi tiếng. Phong cảnh ở đây rất nên thơ, nước trong xanh. Du khách có thể đến đây nghỉ ngơi, tắm mát và ngắm cảnh. Tỉnh đang có dự án quy hoạch Suối Tiên thành khu nghỉ hiện đại và xây dựng làng văn hóa các dân tộc Hà Giang.

Động Én : Động cách thị xã Hà Giang 60 km thuộc địa phận huyện Yên Minh. Từ thị xã Hà Giang qua cổng trời Quản Bạ, qua những cách rừng thông ngập chìm trong sương sẽ tới động Én. Hang động còn mang nhiều nét hoang sơ nhưng lại đẹp đến kỳ lạ khiến cho nhiều du khách không khỏi bàng hoàng, sửng sốt. Đây là một trong những điểm du lịch hấp dẫn không thể thiếu khi du khách tới thăm Hà Giang.

Đồng Văn - "Cổng Trời" : Là một huyện vùng cao biên giới của Hà Giang. Độ cao vùng khoảng 1000 m so với mặt biển, địa hình hầu như chỉ thấy núi đá. Huyện lỵ cách thị xã Hà Giang 146 km nên giao thông rất khó khăn. Huyện có 19 xã thì 9 xã có đường biên giới với Trung Quốc. Mùa đông nhiệt độ có lúc xuống đến 1°C, nhưng mùa hè nóng nhất chỉ khoảng 24°C. Bầu trời hầu như quanh năm mưa và mù nên ở đây người dân có câu : "thấy nhau trong tầm mắt, gặp nhau mất nữa ngày" và "đất không ba bước bằng, trời không ba ngày nắng". Đồng Văn có điểm cực Bắc của Việt Nam tại Lũng Cú. Người ta nói rằng nếu chưa lên Lũng Cú thì coi như chưa đến Đồng Văn, bởi Lũng Cú là "nóc nhà của Việt Nam" nơi mà "cúi mặt sát đất, ngẩng mặt đụng trời".

Đồng Văn nổi tiếng về trái ngon quả ngọt : đào, mận, lê ,táo ,hồng... về dược liệu quý : tam thất, thục địa, hồi, quế... Đồng Văn còn nổi riếng về phong cảnh như núi non, hang động, những rừng hoa đủ sắc màu... Chính nơi đây đã tạo cho các nghệ sĩ nguồn cảm hứng sáng tác nên những tác phẩm hội họa, nhiếp ảnh có một không hai trên thế giới...

Đến với Đồng Văn là dịp để thử lòng can đảm của bạn bởi đèo cao vực thẳm, nhiều khi phải đi bộ. Nhưng đổi lại, bạn được những ngày đắm mình với thiên

nhiên hùng vĩ, sống bên những con người còn nghèo khó nhưng vẫn tràn đầy niềm vui và hạnh phúc trong cuộc sống. Bạn cũng sẽ được thả hồn trong tiếng kèn, tiếng sáo. Biết đâu nó sẽ làm bạn phải ngẩn ngơ khi rời chốn xa xôi này.

Động Tiên : Động cách thị xã Hà Giang 2 km. Động có Suối Tiên rất đẹp. Tương truyền xưa, các tiên nữ vẫn thường xuống động này để tắm vào dịp Tết nên được đặt tên là Động Tiên. Nhân dân quanh vùng vẫn thường đến Động Tiên lấy nước và cầu may mắn vào lúc giao thừa. Trong tương lai Động Tiên sẽ thành một khu nghỉ mát hiện đại và xây dựng làng văn hóa các dân tộc Hà Giang.

Cổng Trời Quản Bạ : Cách thị xã Hà Giang khoảng 40 km về phía bắc. Đây là một vùng núi non trùng điệp, có truyền thuyết về núi Cô Tiên đầy thơ mộng. Khí hậu mát mẻ quanh năm rất tốt cho việc nghỉ dưỡng. Trong tương lai vùng núi Cô Tiên - Quản Bạ sẽ trở thành khu điều dưỡng, một khu nghỉ mát lý tưởng không thua kém Sa Pa, Tam Đảo.

Thị xã Hà Giang : Thị xã Hà Giang là một thị xã đẹp nằm trong một thung lũng, bốn bên là núi, có dòng sông Lô chảy qua thị xã. Thị xã Hà Giang là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh. Thị xã có khu di chỉ khảo cổ học Đồi Thông nằm ngay trong lòng thị xã, nơi đây đã tìm thấy hàng ngàn di vật từ thời tiền sử và được xác định là một trong những vùng văn hóa sớm nhất của Việt Nam.

Dinh Họ Vương : Tại huyện Đồng Văn xa xôi, hiện có một điểm du lịch lý thú đó là dinh họ Vương (Vương Chí Sình) thuộc địa phận xã Sà Phìn. Quy mô của dinh không lớn nhưng đây là một công trình kiến trúc đẹp hiếm có và rất độc đáo của vùng cao nguyên này. Đoạn đường dẫn vào dinh chỉ dốc thoai thoải, được lát bằng những phiến đá lớn vuông vức, phẳng lỳ. Dinh được bao bọc bởi hai vòng tường thành xây bằng đá hộc. Vòng thành ngoài là một bức tường dày khoảng 40 cm, cao khoảng 2 m. Vòng thành trong dày và kiên cố hơn vòng thành ngoài. Cả hai vòng thành đều có lỗ châu mai. Giữa hai vòng thành là một dải đất rộng khoảng 50 m, trồng toàn trúc.

Dinh có ba ngôi nhà sàn. Ngôi nhà chính quay mặt ra cổng thành, hai ngôi nhà phụ song song nhau và vuông góc với ngôi nhà chính. Cả ba ngôi nhà được làm bằng gỗ, từ cột, kèo, sàn, vách, mái đều làm bằng gỗ quý. Ngôi nhà chính là nơi ở

của "vua" họ Vương, ở đó hiện vẫn còn bức hoàng phi với bốn chữ "Biên chinh khả phong" được vua Nguyễn ban cho. Hai ngôi nhà kia dành cho những người phục vụ và lính bảo vệ.

Dinh họ Vương là một điểm dừng chân đáng để bạn quên đi mọi vất vả sau những chặng đường cheo leo hiểm trở; bởi toàn bộ cảnh trí dinh họ Vương toát lên vẻ thâm nghiêm trong khung cảnh tĩnh mịch nơi vùng cao biên giới.

Chợ Tình Khâu Vai : Chợ chỉ họp mỗi năm một lần vào ngày 27 tháng 3 âm lịch tại xã Khâu Vai, huyện Mèo Vạc.

Truyện kể rằng, ngày xưa có một đôi trai gái thuộc hai bộ lạc yêu nhau. Người con gái rất xinh đẹp, bộ lạc của cô không muốn cô lấy chồng sang bộ lạc khác; còn bộ lạc bên chàng trai lại muốn cô về làm dâu bộ lạc của mình. Chính vì vậy mà hiềm khích giữa hai bộ lạc xảy ra. Mối thù của hai bộ lạc càng nhân lên khi tình yêu của họ càng thắm thiết. Một ngày kia, khi người con trai đang ngồi với người yêu của mình trên núi thì nhìn thấy cảnh tượng hai bộ lạc đang đánh nhau rất quyết liệt ở phía dưới. Họ biết tình yêu của họ là nguyên nhân chính. Để tránh đổ máu giữa hai bộ lạc, hai người đau đớn quyết định chia tay và hẹn sẽ gặp nhau mỗi năm một lần đúng vào ngày ấy. Địa điểm gặp nhau tại nơi họ vẫn thường hò hẹn - Khâu Vai. Dần sau đó, Khâu Vai trở thành nơi hò hẹn chung cho tất cả những người yêu nhau trong vùng.

Chợ Khâu Vai ban đầu họp không có người mua, không có người bán. Họ đến đây chỉ nhằm để nhìn bóng dáng mà lòng mình đã trao thương gửi nhớ. Nếu gặp lại người xưa thì trò chuyện cho thỏa lòng nhớ mong; nếu chưa biết thì làm quen, kết bạn. Bất kể tuổi tác, già hay trẻ. Họ mang đến đây thức ăn sẵn, khi đến bữa bỏ ra cùng ăn với nhau gói cơm nếp, củ sắn, miếng bánh... tất cả đều là sản phẩm tự làm mang đi từ nhà và những bữa ăn như vậy càng làm cho họ có thêm những giờ phút hạnh phúc bên nhau.

Là người ở xa, người ta đến chợ từ chiều hôm trước để sáng sớm hôm sau đã có mặt ở chợ. Họ chờ đợi suốt một năm ròng cho nên tâm trạng của người đi chợ thật háo hức. Sáng sớm là lúc họ dớn dác tìm nhau. Người tìm được bạn rồi thì trò chuyện với nhau không dứt. Người chưa tìm được bạn thì bồn chồn ngóng đợi, mỏi

mắt chờ mong. Còn những người mới đến lần đầu để tìm bạn thì muốn nhanh chóng tìm được một người bạn để tâm tình. Khi có bạn rồi cũng là lúc họ say đắm bên nhau...

Buồn nhất là lúc chiều về, lúc họ phải chia tay, thật bịn rịn chẳng muốn rời nhau. Dẫu sao, sự hội ngộ đã để lại trong họ một điều gì đó rất thiêng liêng. Với đôi bạn trẻ biết đâu năm đó họ sẽ nên vợ nên chồng, hoặc có khi phải hẹn nhau chợ phiên năm tới...

Khoảng chục năm trở lại đây, do nhu cầu cuộc sống nên ngày chợ họp ngoài việc hò hẹn, gặp gỡ, người ta mang cả hàng hóa đến bán ở chợ. Do vậy đến chợ Khâu Vai, bạn cũng có thể mua, bán, trao đổi những sản vật. Hy vọng, Khâu Vai sẽ mang lại cho bạn những hoài niệm về một địa danh gắn với câu chuyện tình đã đi vào huyền thoại...

Các dịp lễ hội

Hà Giang là nơi có nhiều sản phẩm văn hóa đặc sắc từ truyền thống lâu đời của hơn 20 dân tộc, một địa danh du lịch đáng nhớ bởi cảnh quan thiên nhiên và con nngười ở đây. Không giống với bất kỳ một nơi du lịch nào trong nước, đến Hà Giang, du khách có thể thấy được những sản phẩm kết tinh từ truyền thống văn hóa độc đáo của đồng bào miền núi, đó là các loại khăn thêu, túi vải, áo váy với các loại hoa văn rực rỡ. Du khách sẽ tham dự những phiên chợ vùng cao đầy thơ mộng.

Lễ mừng nhà mới dân tộc Lô Lô : Lễ mừng nhà mới kéo dài khoảng 2 ngày 2 đêm ở ngôi nhà mới của người dân tộc Lô Lô. Cả bản kéo tới ăn mừng cho ngôi nhà mới. Thầy cúng đi hát, sau đó cùng ăn uống vui chơi, hòa tấu kèn sáo và hát giao duyên nam nữ.

Lễ hội mùa xuân : Đây là lễ hội vui xuân của dân tộc H'mông và dân tộc Dao, thường được tổ chức vào những ngày sau Tết Nguyên Đán và kéo dài từ 3 đến 7 ngày. Lễ hội mang tính chất tổng hợp mừng công, cầu mưa, cầu con trai. Lễ hội có thi bắn nỏ, hát giao duyên, ném pa páo, uống rượu, mở tiệc đãi khách.

Hà Nam

Diện tích : 862,66 km².

Dân số : 800.400 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Phủ Lý.

Các huyện gồm : Duy Tiên, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm, Bình Lục.

Dân tộc : Việt (Kinh), Hoa, Tày...

Địa thế Hà Nam chia làm hai phần rõ rệt ở hai phía sông Đáy : Từ tả ngạn sông Đáy đến sông Hồng Hà là đồng bằng do phù sa bù lên, ngoại trừ huyện Thanh Liêm có dãy núi nhỏ là Thiên Kiện cao 139 m và tả ngạn sông Phủ Lý có hai núi Đại Sơn cao tới 72 m, và Đọi Điệp cao 29 m. Từ tả ngạn sông Đáy đến phía Tây là núi xen lẫn những thung lũng phì nhiêu.

Sông Hồng Hà và sông Đáy là hai sông chính của Hà Nam. Hồng Hà được dùng làm ranh giới giữa Hà Nam với hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình. Sông Đáy chảy suốt tỉnh từ Bắc xuống Nam. Hai sông chính ăn thông nhau bởi sông đào Phủ Lý. Tỉnh còn nhiều sông con, thuyền bè đi qua rất tiện.

Khí hậu nhiệt đới, chia làm hai mùa : mùa khô từ tháng 11 năm trước cho tới tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 cho tới tháng 10. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23°C.

Giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy đều thuận lợi. Thị xã Phủ Lý cách Hà Nội khoảng 60 km, nằm trên tuyến đường bộ, đường sắt giao thông Bắc - Nam. Tỉnh Hà Nam có nhiều tài năng về trồng cây lương thực, cây hoa màu. Hà Nam là địa phương có nền văn hiến lâu đời. Trong các cuộc kháng chiến chống Mỹ và chống Pháp, thị xã đã bị san phẳng tới ba lần. Ngày nay, thị xã Phủ Lý là trung tâm văn hóa , chính trị, kinh tế của tỉnh. Tỉnh tuy nhỏ nhưng có nhiều di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh như Núi Cấm, Ngũ Động Sơn, chùa Bà Đanh, hang Luồn, động Cấm Khả Phong...

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào ở Hà Nam phần lớn là người Kinh, riêng huyện Lạc Thủy còn có một số người Mường. Dân chúng theo đạo Phật và Thiên Chúa. Ở Kẻ Sặt, cách tỉnh lỵ Phủ Lý khoảng hơn 7 km về hướng Nam có ngôi nhà thờ lớn được xây từ năm

1879.

Vì ruộng là đất phù sa nên lúa trồng tương đối tốt, nhưng một số huyện như Duy Tiên, Kim Bảng thường bị lụt nên có khi nông dân chỉ làm được vụ chiêm. Các hoa màu phụ là ngô, khoai, đậu, các loại rau (huyện Lý Nhân trồng rất nhiều cây bạc hà, húng quế). Dân chúng còn trồng một số cây kỹ nghệ như mía, trà, cà phê, thuốc lá, dâu nuôi tằm. Ngành đánh cá cũng đáng kể.

Về khoáng sản chỉ có mỏ than ở Chi Nê, và một số mỏ đá vôi dùng đồi núi thuộc hai huyện Thanh Liêm và Kim Bảng. Nền kinh tế và thương mại của Hà Nam bình thường, chưa phát triển.

Lược sử

Đất Hà Nam xưa thuộc Bộ Giao Chỉ, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Sau thuộc quận Giao Chỉ dưới đời Hán, thuộc Trung Châu đời Đường. Đến đời nhà Hậu Lý Nhân, sau đổi thành phủ Lý Nhân dưới triều vua Lê Thánh Tông. Thời nhà Nguyễn, phủ Lý Nhân gồm các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Bình Lục và Thanh Liêm, trực thuộc tỉnh Hà Nội. Tỉnh Hà Nam được đặt tên từ đời vua Thành Thái.

Đồng bào Hà Nam từ đầu thế kỷ, năm 39, đã nổi lên theo ngọn cờ khởi nghĩa của hai vị anh thư Trưng Trắc và Trưng Nhị đánh đuổi giặc Đông Hán. Tại các huyện dọc theo sông Đáy có nhiều miếu thờ các anh hùng anh thư thời Trưng Vương. Năm 980, anh hùng Lê Hoàng (làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm) lên ngôi tức Lê Đại Hành Hoàng Đế; đánh giặc Tống ra khỏi nước, vào tháng Ba năm Tân Tỵ (981). Huyện Thanh Liêm còn có anh hùng Trần Bình Trọng, tướng giỏi đời Trần Nhân Tông, cầm quân chặn giặc Mông Cổ ở Thiên Trường (Hưng Yên) khi chúng xâm lăng nước ta lần thứ hai (1284). Ông bị Thoát Hoan bắt và đem xử tử, trước khi chết còn để lại cho dân tộc câu danh ngôn danh thép "Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm Vương đất Bắc".

Khi quân Pháp xâm chiếm miền Bắc nước ta, chúng đã chiếm ngay Phủ Lý (26-11-1873) vì đây là vị trí chiến lược nằm trên ngã ba sông Đáy và sông Phủ Lý, nhưng bị quân ta bao vây. Năm 1882, sau khi chiếm xong Nam Định, chúng mới đẩy lui được quân ta vào dãy núi trên sông Đáy. Pháp lập đồn đóng trại, nghĩa

quân nhiều lần tấn công Kẻ Sở và chiến đấu cho tới năm 1885. Cũng từ năm 1885, hưởng ứng phong trào Cần Vương, anh hùng Đinh Công Tráng (làng Nam Tràng, huyện Thanh Liêm) cùng với các nhà cách mạng Nguyễn Khế, Trần Xuân Soạn, Phạm Bành, lập chiến khu Ba Đình ở tỉnh Thanh Hóa. Năm1894, ông Hàm cùng 200 nghĩa quân đánh đồn Quang Thừa.

Trước năm 1975, tỉnh Hà Nam có các huyện Lý Nhân, Thanh Liêm, Kim Bảng, Duy Tiên, Bình Lục và Lạc Thủy.

Phong cảnh, di tích

Hang Luồn - Ao Dong : Hang Luồn ở cách Ngũ Động Sơn 1 km. Đây là một hang thủy động rất đẹp, dài 500 m, rộng 20 - 30 m. Để vào trong hang, du khách phải ngồi thuyền. Ao Dong nằm trong lòng hang rộng khoảng 0,7 ha. Xung quanh hang Luồn là núi cao, rừng rậm, cảnh quan tuyệt đẹp. Tới đây du khách được trở về với thế giới thiên nhiên, không khí thoáng đãng, chim hót véo von, rất vui và sinh động. Thắng cảnh này là nơi hội tụ của các loài chim về đây xây tổ và trú ngụ.

Danh thắng Kẽm Trống : Kẽm Trống (thuộc xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm) là danh thắng có sông, núi, đồng ruộng và cây cảnh hòa nhập thành một quần thể với phong cảnh trời nước hữu tình, sông núi ngoạn mục. Danh thắng Kẽm Trống đã đi vào thơ ca của bà chúa thơ nôm Hồ Xuân Hương "Hai bên là núi giữa là sông ...".

Chùa Bà Đanh - Núi Ngọc : Chùa ở xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, cách thị xã Phủ Lý 10 km về phía hữu ngạn sông Đáy. Khu danh thắng này có diện tích khoảng 10 ha, với phong cảnh trời mây sông nước hữu tình. Đặc biệt có chùa Bà Đanh là nơi thờ Phật, thu hút đông đảo khách hành hương đến dự lễ.

Chùa Long Đọi : Chùa tọa lạc trên núi Long Đọi thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên. Chùa có tên chữ là Sùng Thiên Diên Linh, được tạo dựng từ thời Lý (khoảng năm 1121). Mặt bằng chùa rất rộng, lưng tựa vào núi Điệp với ba dòng sông uốn khúc bao quanh. Hiện nay chùa còn có một bia đá cỡ lớn, một vài di chỉ khác như tượng đầu người mình chim và các pho tượng Kim Cương ở cửa tháp Long Đọi.

Chùa Đội : Chùa có tên chữ Duyên Linh, xây dựng ở núi Đội (Long Đọi Sơn), xã

Đọi Sơn, huyện Duy Tiên. Chùa được dựng vào năm 1027, triều vua Lý Thái Tổ. Trải qua thời gian chùa đã bị đổ nát. Kiến trúc chùa hiện nay được dựng lại vào năm 1958. Chùa còn lại tấm bia đá dựng thời Lý cao 2,8 m, rộng 1 m, trán bia và diềm bia chạm trang trí hình rồng đặc sắc thời Lý.

Chùa Đình Xá : Chùa tọa lạc ở xã Đình Xá, huyện Kim Bảng, có tên chữ là Lam Yêm Bảo Sơn Bà Đanh tự, theo bia chùa thì năm Cảnh Hưng thứ 37 (1776), chùa bị đổ nát, dân làng đã quyên tiền xây dựng lại chùa ngày nay. Chùa còn lưu giữ bia đá "Lam Yêm Bảo Sơn Bà Đanh" dựng năm 1776, bia có 2 mặt.

Đền Trúc - Ngũ Động Sơn : Khu đền Trúc - Ngũ Động Sơn thuộc thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, Cách thị xã Phủ Lý hơn 7 km theo quốc lộ 21A. Khu danh thắng này rộng khoảng 10 ha, có phong cảnh thiên nhiên hữu tình , có núi non trùng điệp, rừng trúc nên thơ. Đền Trúc được xây dựng trên rừng trúc thờ người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt khi đi chinh phục giặc phương Nam đã dừng chân tại nơi đây. Khi đại thắng trở về ông lại cho dừng chân trên núi ăn mừng chiến thắng.

Bên cạnh đền Trúc là Ngũ Động Sơn của núi Cấm. Ngũ Động Sơn gồm 5 động liên Hoàn (có động lớn chứa được hàng ngàn người) nằm trong dãy núi Cấm , đã đi vào thơ ca Việt Nam từ xa xưa. Đến Ngũ Động Sơn, bạn sẽ được chim ngưỡng muôn hình kỳ lạ của nhũ đá và nghe thấy những bản hòa tấu của gió, của đá trong một "sân khấu" thiên nhiên đầy huyền ảo.

Liệt miếu thời Trưng Vương : Các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng gần vùng sông Đáy (Hát Giang) có đền miếu thờ các vị anh hùng : Cao Bà Văn Tổ, Hảo Nương, Lưu Nương, Quách Thị, Khoan Nhân Đại Vương, Vạn Phúc Phu Nhân, Lả Hằng Nghị, Bà Tái Kênh, Linh Bảo Nương, Ngọc Dung Công Chúa, Ngọc Nhạn, Nguyễn Phúc, Nguyễn Dung, Nguyễn Phúc Tinh, Nguyệt Nga, Ông Đốc, Quỳnh Anh Phu Nhân...

Chùa Đại Sơn : Xây từ đời Tiền Lý trên núi Đọi Sơn, dưới chân núi có dòng sông Lấp. Đối diện Đọi Sơn là núi Đọi Điệp cũng có chùa rất đẹp. Mùa xuân năm 987, vua Lê Đại Hành làm lễ hạ điền tại chân núi Đọi Sơn. Tục truyền rằng, lúc cày thấy một chum vàng, năm sau lại thấy một chum bạc; vì điềm lành này nên hai

năm sau được mùa luôn. Đời vua Lý Nhân Tông có cho xây chùa và dựng "Điện Linh Bảo Tháp" vào năm 1120, nhưng giặc Minh phá hết. Sau khi vua Lê Thái Tổ đuổi xong giặc Minh, ngài mới trùng tu lại chùa Đọi Sơn đã được vua Lê Thánh Tông đề thơ tặng.

Đền thờ Đinh Tiên Hoàng và lăng Lê Đại Hành : Cách Phủ Lý 5 km có đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng ở làng Ung Liêm. Về phía Đông 2 km là lăng vua Lê Đại Hành, xây trên đồi Bảo Cái, thuộc xã Ninh Thái, huyện Bình Lục; phong cảnh ở đây rất nên thơ.

Từ tỉnh lỵ Phủ Lý theo quốc lộ 1 : Cách khoảng 65 km là dãy núi Thiên Kiện 139 m, nơi vua Trần Phế Đế (1377-1388) đem của cải đi chôn vì sợ quân Chiêm Thành đánh lấy mất nước.

Động Đồng Lang : Ở gần Phủ Lý, trong động có dòng sông nhỏ, nhũ đá long lanh, cảnh thật hữu tình.

Chùa Bát Cảnh : Ở chân núi Bát Cảnh làng Quang Thừa, huyện Kim Bảng. Chùa có tục danh là chùa Ông hay chùa Bồ Ông, con một vị tướng quốc họ Nguyễn từng đi tu và đắc đạo tại chùa này dưới đời vua Trần Nhân Tông. Đời Hậu Lê, Ông Bồ được phong tặng là Đại Thánh Mãn Nguyệt Sơn Vương Bồ Tát.

Ngoài ra, dân chúng còn có thể viếng thăm một số nhà thơ lớn ở Bích Trì, An Mộng, Ngô Khê..., hoặc các chùa quan trọng của tỉnh Hà Nam như chùa Lý Nhân, chùa Ninh Động, chùa Bảo Thôn, chùa Bà Đanh... Chùa Bà Đanh thuộc huyện Kim Bảng, còn có tên là Bảo Sơn Tự, được xây gần vùng núi, vắng vẻ, cọp thường về các làng chung quanh nên ít người dám viếng chùa, dân ta thường nói "Vắng như chùa Bà Đanh" là vậy. Bên trong chùa thờ Phật và tượng Bà Đanh, người đàn bà có công giúp nước mà dân chúng trong vùng rất sùng kính.

Huyện Thanh Liêm, xã An Cừ là quê ông Lê Tung, sử gia đời vua Lê Thánh Tông, tác giả tập Việt Giám Thông Khảo Tổng Luận. Làng Kim Lũ là quê của Lê Viết Vị, danh sĩ đời Nguyễn; lúc chín tuổi đã nổi tiếng về trí nhớ, xem sách một lần là nhớ không sót một chữ. Ông từ quan đi kháng Pháp, tham gia phong trào Đông Du và liên kết với cụ Hoàng Hoa Thám. Ông có người em là Lê Văn Đạc và cháu là Lê Văn Huyền đều hy sinh vì nước.

Huyện Bình Lục, làng Yên Đỗ là quê Ông Nguyễn Khuyến, nhà thơ đời Nguyễn vào cuối thế kỷ trước. Ông nhà nghèo mà chịu khó học, thi đỗ đầu cả ba kỳ thi Hương, thi Hội và thi Đình (đỗ Nhị giáp) nên được gọi là Tam Nguyên, được bổ làm quan đến Án Sát, Bố Chánh, nhưng khi thấy giặc Pháp chiếm nước, ông lui về dạy học, làm thơ. Ông có tài làm thơ cả Hán và Nôm đều xuất sắc, nổi tiếng về khí thơ tự nhiên, hình ảnh mộc mạc, ý tứ thâm trầm nhiều khi châm biếm rất sâu sắc. Ông mất năm 1909, để lại tác phẩm Quế Sơn thi văn tập.

Huyện Kim Bảng, làng Lạc Tràng là quê của Vũ Duy Tuân, danh sĩ và danh thần nổi tiếng chính trực dưới Tự Đức bất bình chỉ cho ông đậu Phó bảng, thay vì Tiến sĩ phê vào bài thi của Vũ tiên sinh "Nay xin đánh, mai xin đánh, nếu đánh thua thì đặt trẫm ở đâu?". Tự Đức lo ngai vàng của mình hơn cả dân tộc. Vũ tiên sinh cũng từng dâng sớ khuyên vua nên lo quốc sự hơn là suốt ngày chỉ chăm phụng dưỡng mẹ là Từ Dụ Thái Hậu để mong được tiếng "hiếu thảo!".

Các dịp lễ hội

Hà Nam là tỉnh có cội nguồn là văn minh lúa nước, có nền văn hóa dân gian khá phong phú. Nền văn hóa được thể hiện qua các làn điệu hát chèo, hát chầu văn, hầu boáng, ả đào, đặc biệt là làn điệu hát dậm (vừa hát, vừa dậm chân theo lối người chèo thuyền...). Đây cũng là vùng đất có nhiều hội làng truyền thống đặc biệt là vật võ Liễu Đôi đã nổi tiếng trong cả nước. Mỗi khi có dịp hội hè, cả làng quê lại sống động bởi các loại nhạc cụ độc đáo như nhị, sáo trúc, kèn, trống...

Từ xa xưa, Hà Nam là vùng đất hiếu học. Đây còn là quê hương của trào phúng Nguyễn Khuyến, của nhà văn nổi tiếng Nam Cao, của các vị anh hùng như Đinh Công Tráng...

Hội vật võ Liễu Đôi : Hội được tổ chức vào ngày 5 tháng 1 âm lịch hàng năm tại làng Liễu Đôi, xã Liêm Túc, huyện Thanh Liêm để ghi nhớ công lao chàng trai họ Đoàn giỏi võ, sức khỏe phi thường, đã có công đánh giặc cứu nước, được nhân dân tôn làm thánh họ Đoàn. Đây là lễ hội có sức thu hút lớn đối với người dân trong làng và các vùng phụ cận tham gia đấu võ. Ngoài ra, trong lễ hội còn có tổ chức các món ăn dân dã chế biến từ các loại đặc sản của địa phương như ốc, ếch, cá...

Lễ hội đền Trúc (còn gọi là hội Quyển Sơn) : Đền Trúc thuộc xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, thờ vị anh hùng Lý Thường Kiệt. Lễ hội được tổ chức từ ngày 6 đến ngày 10 tháng 2 âm lịch. Lễ có hát dậm Quyển Sơn, múa bơi trải.

Hội chùa Đọi Sơn : Chùa Đọi Sơn thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, thờ Phật, thờ vua Lê Thái Tông, bà nguyên phi Ỷ Lan và vua Lê Đại Hành. Lễ hội diễn ra hàng năm vào ngày 21 tháng 3 âm lịch. Sau phần tế lễ đến phần hội gồm có đấu vật, hát chèo.

Hội đền Trần Thương : Hội mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch hàng năm tại đền Trần Thương, xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân. Đền thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn - người anh hùng có công đánh đuổi giặc Nguyên-Mông. Đây là lễ hội lớn của vùng, ngoài phần tế lễ còn có phần hội trong đó có bơi trải và nhiều trò vui khác.

Hội làng Duy Hải : Đình làng Duy Hải thuộc huyện Duy Tiên, thờ Trần Khánh Dư. Lễ hội tổ chức hàng năm vào ngày 2 tháng 1 âm lịch. Trong hội, ngoài tế lễ ở đình Thượng còn có các tục thi chạy giật cờ, diễn trò thủy trận, thủy cung, làm bánh dày cúng thần.

Hội làng Võ Giàng : Hội làng Võ Giàng hàng năm được tổ chức vào ngày 15 tháng 2 dương lịch tại đình làng Võ Giàng, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm. Đình làng thờ ông Vũ Cố, một tướng tài của Lê Lợi đã tham gia cầm quân đánh đuổi giặc Minh trên đoạn sông Đáy. Hội có tế, lễ thánh, đua thuyền, phóng lao, hát đối đáp nam nữ trên thuyền, hát giao duyên.

Hà Nội

Diện tích : 921 km².

Dân số : 2.841.700 người (2001).

Các quận : Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hồ Tây, Thanh Xuân, Cầu Giấy.

Các huyện : Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Từ Liêm và Sóc Sơn.

Hà Nội nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, phía bắc giáp tỉnh Thái Nguyên, phía nam giáp tỉnh Hà Tây, phía đông và đông nam giáp tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên và phía tây giáp tỉnh Hà Tây.

Thành phố Hà Nội ở vị trí từ 20 độ 25 phút đến 21 độ 23 phút vĩ độ bắc và từ 105 độ 15 phút đến 106 độ 03 phút kinh độ đông. Hà Nội nằm ở vùng khí hậu nhiệt đới có gió mùa. Nếu phân chia thật chi tiết và tinh tế, Hà Nội có đủ bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông. Nhưng để giúp người xa dễ nhận biết khí hậu Hà Nội khi chuẩn bị đến thủ đô này, có thể tạm chia thành hai mùa chính là mùa khô và mùa mưa. Mùa khô từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau, đây là thời kỳ giá lạnh, không mưa to. Từ tháng 1 đến tháng 3 vẫn có giá lạnh nhưng vì là tiết xuân nên có mưa nhẹ (mưa xuân) đủ độ ẩm cho cây cối đâm chồi nảy lộc. Từ tháng 5 đến tháng 9 là mùa nóng có mưa to và bão. Trong các tháng 8, 9, 10, Hà Nội có những ngày thu. Mùa thu Hà Nội trời trong xanh, gió mát. Những ngày cuối thu se se lạnh và nhanh chóng hòa nhập vào mùa đông.

Nhiệt độ trung bình mùa đông là 17,2°C (lúc thấp nhất xuống tới 2,7°C). Trung bình mùa hạ: 29,2°C (lúc cao nhất đến 42,8°C). Nhiệt độ trung bình cả năm: 23,2°C. Mưa trung bình hàng năm : 1800 mm.

SÔNG : Là vùng đất cổ, Hà Nội được các sông Hồng và các phụ lưu bồi đắp tạo nên, do đó Hà Nội gắn bó với sông Hồng mật thiết như con với mẹ. Xưa kia người ta gọi sông Hồng là sông Cái - sông Mẹ. Tên gọi Hà Nội là vùng đất có ý nghĩa bên trong sông. Đoạn sông Hồng ôm lấy Hà Nội dài gần 100 km chiếm 1/5 chiều dài của sông Hồng trên đất Việt Nam.

Các sông chảy qua Hà Nội là : sông Đuống, Cầu, Cà Lồ, Đáy, Nhuệ, Tích, Tô Lịch và sông Kim Ngưu. Đặc biệt sông Tô Lịch được nhắc nhiều trong văn chương

Hà Nội xưa như là con sông đẹp chảy trong lòng thành phố. Ngày nay sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu chỉ có tác dụng như là một hệ thống thoát nước cho thành phố.

HỒ : Hà Nội là thành phố của những hồ đẹp. Những hồ nổi tiếng đã đi vào thơ văn như hồ Hoàn Kiếm (hồ Gươm), Hồ Tây, Trúc Bạch, Thiền Quang, Bảy Mẫu, Thủ Lệ, hồ Giảng Võ... đó là những lá phổi xanh của thành phố với vườn hoa và hàng hàng, lớp lớp cây xanh tạo cho thành phố nguồn sinh lực trong thiên nhiên tươi mát.

GIAO THÔNG : Hiện nay Hà Nội đang chuyển mình cùng cả nước. Hàng loạt phố mới, với những đại lộ, đường cao tốc ra đời. Nhiều khách sạn, công sở cao tầng hiện đại, đan xen với các khu phố cổ tạo nên một dáng vẻ mới cho thành phố 1000 năm. Sân bay quốc tế Nội Bài cách trung tâm thành phố khoảng 35 km. Từ sân bay về thành phố khoảng 40 phút xe ca.

ĐƯỜNG SẮT : Từ ga Hà Nội tỏa đi các nhánh đường sắt : Hà Nội - Lạng Sơn; Hà Nội - Thái Nguyên; Hà Nội - Lào Cai; Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Sài Gòn.

ĐƯỜNG BỘ : Từ các bến xe phía Nam : Kim Mã, Gia Lâm tỏa đi khắp các nơi trên toàn quốc bằng các tuyến quốc lộ A1 xuyên Bắc - Nam; quốc lộ 2 đi Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang; quốc lộ 3 đi Thái Nguyên, Cao Bằng; quốc lộ 5 đi Hải Phòng; quốc lộ 6 đi Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu; quốc lộ 32 đi Sơn Tây.

ĐƯỜNG THUỶ : Bến phà Đen có tàu thủy đi Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Việt Trì; bến Hàm Tử Quan có tàu thủy đi Phả Lại.

Sinh hoạt, kinh tế

Dân chúng cư ngụ ở Hà Nội rất đông, theo đạo Phật và Thiên Chúa. Nhiều chùa nổi tiếng được các triều đại ngày xưa hoặc dân chúng xây ở thành phố này. Hà Nội cũng có một số nhà thờ lớn xây trước năm 1945.

Nền kinh tế quan trọng trước đây của miền Bắc tập trung tại Hà Nội, rất nhiều nhà máy, xưởng kỹ nghệ thành lập ở đây như chế biến gang, sắt để làm máy móc, gạch, xà phòng, nấu rượu, thuốc lá, bao diêm, cung cấp điện cho Hà Nội và một số tỉnh khác...

Nói đến cảnh buôn bán của dân chúng Hà Nội, người ta đặc biệt nói đến sinh hoạt của 36 phố phường, mỗi phố phường bán một loại hàng riêng biệt như : Các phố Hàng Than, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Khay, Hàng Quạt, Hàng Chiếu, Hàng Đào, Hàng Đường, Hàng Dầu, Hàng Bè, Hàng Ngang, Hàng Bông, Hàng Giấy, Hàng Cót, Hàng Gà, Hàng Hòm, Hàng Hài, Hàng Mành, Hàng Lờ... Các nơi buôn bán tấp nập khác như chợ Đồng Xuân, phố Sinh Từ, phố Tràng Tiền, khu Cửa Nam...

Lược sử

Đất Hà Nội xưa thuộc bộ Giao Chỉ, một trong 15 bộ của nhà nước Văn Lang. Vì hoàn cảnh địa dư của nước ta ngày xưa, các triều đình thường chọn Hà Nội làm đế đô. Vào thế kỷ thứ 3, Hà Nội là Long Biên , lỵ sở của Giao Châu. Thời Đường, đất này thuộc một trong tám huyện thuộc Giao Châu. Năm 791, thứ sử Triệu Xương đắp thành Đại La bên bờ sông Tô Lịch. Năm 862, quân Nam Chiếu đánh Giao Châu, nhà Đường sai Thái Tập đem ba vạn quân sang chống giữ và quân Nam Chiếu rút lui. Qua năm sau, tháng giêng năm Quý Mùi 863, Nam Chiếu lại mang năm vạn binh sang đánh Long Biên, giết chết tướng nhà Đường là Nguyễn Duy Đức và chiếm được thành và tàn sát 15 vạn dân ta. Đến năm 866, nhà Đường sai Cao Biền dẹp giặc Nam Chiếu, giết được tướng giặc là Đoàn Tư Thiên và giải vây thành Đại La vào tháng mười âm lịch. Năm 867, Cao Biền sửa sang lại thành, mở rộng thêm ra; ngoài thành cho đắp con đường dài gần bảy cây số, cao hơn năm thước. Năm 960 đến năm 1009, Hà Nội là quận Giao Chỉ. Triều đình và triều Tiền Lê đóng đô ở Hoa Lư.

Tháng bảy năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô về thành Đại La. Sử viết rằng khi vua Lý Thái Tông vào thành Đại La thấy rồng hiện thành những đám mây lơ lửng trên trời nên đổi thành là Thăng Long. Nhà Trần nối nghiệp nhà Hậu Lý từ năm 1225 đến 1400 cũng đóng đô tại Thăng Long. Quân Mông Cổ xâm lược nước ta đã chiếm thành Thăng Long hai lần vào những năm 1285 và 1287. Đời Lý, Trần trong thành Thăng Long có 13 trại, ngoài thành có 61 phường. Để chuẩn bị chiếm ngôi nhà Trần, năm Bính Tý 1396, Hồ Quý Ly ép vua Trần Thuận Tông phải bỏ thành Thăng Long, dời kinh về Tây Đô thuộc tỉnh Thanh Hóa, còn Thăng Long

được gọi là Đông Đô. Sau đó nhà Hồ cũng đóng đô tại đây. Thời Minh thuộc Hà Nội là phủ lỵ của Giao Châu. Đến năm 1429 vua Lê Thái Tổ đánh đuổi xong giặc Minh, đóng đô ở Hà Nội và đặt tên là Đông Kinh. Dưới thời vua Lê Thái Tông, Đông Kinh là một phủ lỵ của hạt Phụng Thiên. Nhà Mạc sau khi giết chết vua Lê Chiêu Tông để cướp ngôi cũng đóng đô ở Hà Nội và gọi là Đông Kinh. Về sau vua Lê Trung Hưng đánh đuổi được nhà Mạc lại đóng đô ở Thăng Long. Đời vua Gia Long đất này là lỵ sở của bắc thành tổng trấn và gọi là Long Thành.

Năm 1803, Long Thành được đắp lại theo kiểu tây phương và gọi lại là Thăng Long. Năm 1805 Thăng Long là phủ lỵ của phủ Hoài Đức. Phủ này gồm có hai huyện là Thọ Xương (8 tổng, 193 phường, thôn) và huyện Vĩnh Thuận (5 tổng, 54 phường, thôn, trại). Đến năm 1831, được đổi thành tỉnh lỵ Hà Nội. Năm 1888, Hà Nội được nhà Nguyễn nhường làm nhượng địa. Kể từ năm 1902, Hà Nội là nơi đặt các cơ quan trung ương của quân Pháp. Sau đó, huyện Hoàn Long được sát nhập vào thành phố Hà Nội.

Lịch sử đấu tranh của Hà Nội đã chói lọi từ hơn 10 thế kỷ trước. Thời Đường thuộc, năm 791, anh hùng Phùng Hưng dựng cờ khởi nghĩa, đem quân đi đánh chiếm Đô Hộ Phủ (làng Bích Câu), làm tên quan đô hộ là Cao Chính Bình khiếp sợ sinh bịnh mà chết. Làng Cơ Sá, huyện Thọ Xương, là nơi sinh trưởng của anh hùng Lý Thường Kiệt, năm 1076 phá Tống, bình Chiêm.Vào thế kỷ thứ 13, đời Trần, giặc Mông Cổ ba lần đem quân tiến đánh nước ta nhưng đều bị bại. Trong ba lần đó, thế giặc hung hãn lắm, vua tôi đều phải rời thành Thăng Long tìm kế chống giặc. Bên cạnh vua lúc gian khổ luôn có Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn cùng các danh tướng Trần Quang Khải, Trần Quốc Toản. Đuổi xong giặc, Thăng Long mở ba ngày hội "Thiên Bình Diên Yến" vui sướng biết chừng nào. Đất Thăng Long là nơi sinh trưởng của anh hùng Trần Quý Khoách; khi giặc Minh sai Trương Phụ và Vương Hựu đánh nước ta, từ 1409 đến 1413, anh hùng Trần Quý Khoách và anh hùng Nguyễn Biểu, Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị khởi nghĩa đánh thắng quân giặc nhiều trận. Thời Minh thuộc, giặc cai trị tàn ác, muốn đồng hóa dân ta, bao nhiêu sách vở giá trị chúng mang về Tàu. Năm Bính Ngọ 1426, Bình Định Vương Lê Lợi tiến quân ra Đông Đô, dân chúng Hà Nội và các nơi khác nô

nức tham gia quân kháng chiến, đánh thắng khắp nơi, đuổi bọn Vương Thông về nước. Huyện Thọ Xương, làng Văn Chương là nơi sinh trưởng của vị vua anh hùng Lê Thánh Tông (1460 - 1497), con thứ tư của vua Lê Thái Tông; Ông là người thông minh, tài kiêm văn võ, một vị minh quân trong lịch sử Việt Nam, dưới sự trị vì của ông nước nhà phát triển đến mức cực thịnh. Vua là người đầu tiên cho vẽ bản đồ nước ta, sai Ngô Sĩ Liêm làm bộ "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư" (chép việc từ đời Hồng Bàng đến đời vua Lê Thái Tổ), đặt bộ luật Hồng Đức để giữ yên trăm họ, mở rộng trường Thái Học, lập hội Tao Đàn phát triển văn chương.

Thời Tây Sơn, tháng 6 năm 1786, sau khi giải phóng Phú Xuân, anh hùng Nguyễn Huệ đã tiến quân vào Thăng Long trừ Vũ Văn Nhậm và tái lập Hà Bắc. Ngày 28-11-1788 gần 30 vạn quân Thanh tràn sang nước ta. Ngày 18-12-1788, Tôn Sĩ Nghị vào tới Thăng Long. Ngày 15-1-1789 (30 tháng chạp năm Mậu Thân) Quang Trung Hoàng Đế xuất quân từ Nghệ An ra miền bắc, cưỡi voi điều khiển quân chủ lực đi đầu đánh thẳng vào mặt nam thành Thăng Long, nơi Tôn Sĩ Nghị phòng vệ kiên cố nhất. Mùng ba Tết Kỷ Dậu, quân ta dẹp Hạ Hồi, mùng năm quân ta chiếm Ngọc Hồi, rồi phá bung thàng Đống Đa. Cánh quân Điền Châu chết chật đường đi, tướng giặc Sầm Nghi Đống treo cổ chết. Bình Nam Đại Tướng Quân nhanh chân rời khỏi Thăng Long mà quên cả ấn tín, mật chỉ. Trong tiếng quân reo hò phá vỡ thành Thăng Long, người dân Hà Nội luôn luôn nhìn thấy các danh tướng anh hùng như Võ Văn Dũng, Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, Đặng Văn Chân, Trần Quang Diệu, anh thư Bùi Thị Xuân... đi tiên phong. Chiến sự xảy ra trong năm ngày, quân Thanh hoàn toàn tan rã. Mùng năm Tết Quang Trung vào tới Thăng Long cho ba quân làm lễ khai hạ. Sau đó cho đắp thành Hà Nội gọi là Bắc Thành.

Năm 1872, quân Pháp cử Francis Gamier đem quân từ Gia Định ra, muốn đóng quân trong thành Hà Nội. Nguyễn Tri Phương không cho, nên chúng mang quân đóng ở Trương Thi. Ngày 20-1-1873, quân Pháp tấn công thành Hà Nội. Nguyễn Tri Phương cùng con là phò mã Nguyễn Lâm lên mặt thành đốc quân chống giữ. Nhưng khoảng sau một giờ, thành vỡ, anh hùng Nguyễn Lâm tử trận. Còn anh hùng Nguyễn Tri Phương bị thương nặng, quân Pháp đưa ông xuống tàu, nhưng

ông nhất định không cho giặc buộc thuốc rồi nhịn ăn chết theo thành. Tháng 2 năm 1882, quân Pháp cử Henri Rivieres đánh Hà Nội lần thứ hai. Lúc tám giờ sáng ngày 25-4-1882 quân Pháp tấn công Hà Nội gặp phải sự chống trả dữ dội của quân ta dưới sự điều động của Tổng Đốc Hoàng Diệu. Nhưng vì vũ khí thô sơ nên không giữ nổi thành, anh hùng thảo tờ biểu tạ tội với vua rồi lấy khăn bịt đầu thắt cổ tự tử.

Tháng 5-1907, một số nhà yêu nước như Lương Văn Cang, Nguyễn Quyền, Lương Trúc Đàm, Đỗ Trung Thiết, Nguyễn Hùng Hương... thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục tại Hà Nội để dạy học mở mang dân trí, diễn thuyết truyền bá tư tưởng đấu tranh. Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục phát động rộng rãi trong cả nước. Ngày 27-6-1908, các nghĩa quân Yên Thế và Việt Nam Quang Phục Hội phối hợp với binh lính Việt đầu độc quân Pháp trong thành Hà Nội. Nhưng công việc không thành vì nội gián, quân Pháp bị đầu độc nhưng không nặng. Giặc khủng bố ngay, đem chém cả Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Chi Bình, Nguyễn Cốc, Đặng Nhân, Nguyễn Đức A, Cai Rôn, Đỗ Đảm, Hai Hiền, bà hàng cơm Nguyễn Thị Ba... tại Bãi Gáo, rồi đem bêu đầu ở chợ Mơ, Ô Cầu Rền, Ô Cầu Giấy. Giặc còn chụp hình đầu những người yêu nước in trên bưu thiếp phổ biến khắp nơi nhằm khủng bố tinh thần dân chúng hòng ngăn chặn phong trào kháng Pháp. Cùng năm 1908, Quang Phục Hội hoạt động mạnh, tổ chức chuyển vũ khí, đạn dược về nước, ngày 16-4, nghĩa quân ném bom tại khách sạn Hà Nội giết nhiều sĩ quan Pháp. Quân Pháp lại thẳng tay đàn áp với các án tử hình, giam cầm, đày ải, trời Hà Nội như có đại tang. Các anh hùng Đỗ Chân Thiết, Phạm Văn Tráng, Nguyễn Văn Túy, Nguyễn Khắc Cần, Phạm đế Quý, Vũ Ngọc Thụy, Phạm Hoàng Quế, Phạm Hoàng Triết bị giết tại Hà Nội. Anh hùng Lương Văn Cang bị đày đi Nam Vang. Năm 1915 anh hùng Lương Ngọc Quyến bị tên phản quốc Nguyễn Bá Trác đã chỉ điểm cho quân Pháp bắt tại Hà Nội.

Năm 1925 anh hùng Phan Bội Châu bị bắt tại Thượng Hải đem về Hà Nội kết án. Cuối năm 1925 đó, Nam Đồng Thư Xá được thành lập do Phạm Tuấn làm chủ nhiệm, chuyên xuất bản sách yêu nước, gây ảnh hưởng sâu rộng trong giới trí thứ, sinh viên học sinh... Ngày 13-6-1927, anh hùng Lương Văn Can từ trần, sau khi

quân Pháp thả ông về năm 1924. Ngày 15-12-1927, Việt Nam Quốc Đảng ra đời tại làng Thể Giao, Hà Nội, do anh hùng Nguyễn Thái Học lãnh đạo, hoạt động sâu rộng trong quần chúng. Ngày 9-2-1929, tên mộ phu gian ác Ba in bị giết chết tại chợ Hôm. Tháng 2-1930, khi cuộc khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ thì ban ám sát của Đặng Trần Nghiệp tổ chức ném bom các cơ quan tổ chức trong thành phố. Việc khởi nghĩa bị thất bại, vào tháng 12-1930 và tháng 6-1931, quân Pháp xử tử các anh hùng Đặng Trần Nghiệp, Lương Ngọc Tốn, Nguyễn Văn Nho, Nguyễn Quang Triều, Nguyễn Minh Luân, Nguyễn Trọng Bằng, Trần Văn Khuê, Lê Hữu Cảnh, Nguyễn Xuân Huân tại ngục thất Cửa Lò. Những tấm gương trung liệt vì nước vì dân nói trên đã làm sáng ngời tranh đấu sử Việt.

Phong cảnh, di tích

Phố cổ - phố nghề : Đặc điểm chung của các phố cổ Hà Nội là nhiều tên phố bắt đầu bằng chữ "Hàng", tiếp đó là một từ chỉ một nghề nghiệp nào đó. Thí dụ Hàng Đào, Hàng Đường, Hàng Mã, Hàng Thiếc... Du khách mới đến Hà Nội, xin mời dạo qua khu phố cổ - phố nghề để thấy được nét khác biệt giữa Hà Nội và các thủ đô các nước mà du khách đã đi qua.

Từ phía bắc hồ Hoàn Kiếm (nơi có đài phun nước) du khách hãy đi bộ lần lượt qua các phố Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường là đến chợ Đồng Xuân. Phố Hàng Đào hình thành từ thế kỷ15, dân ở đây làm nghề nhuộm vải. Thời đó họ thường nhuộm màu đỏ, màu hồng, màu hoa đào... nên có tên gọi là Hàng Đào.

Từ đời Lê (thế kỷ15) nhiều người Trung Quốc được phép cư trú ở Thăng Long (Hà Nội), họ rủ nhau đến làm ăn buôn bán ở phố Hàng Ngang. Xưa kia ở hai đầu phố có dựng hai cổng chắn ngang đường, tối đến đóng lại. Do đó thành tên Hàng Ngang.

Như tên gọi, Hàng Đường có rất nhiều cửa hàng bán đường, mật, bánh kẹo... Sát với chợ Đồng Xuân là phố Hàng Mã. Mặt hàng truyền thống làm từ các loại giấy màu ở phố này gần như không thay đổi từ khi lập phố. Có khác chăng bây giờ nhiều chủng loại hàng hơn trước. Hàng năm vào dịp Tết Trung Thu của trẻ em (15-8 âm lịch) cả phố Hàng Mã trở thành một chợ bán đồ chơi muôn màu sắc : đèn ông sao, đèn xếp, đèn kéo quân, đầu sư tử...

Từ đầu phố Hàng Mã đi thẳng sang phố Hàng Chiếu (nơi bán nhiều loại chiếu bằng cói) là đến được ô Quan Chưởng (cửa Đông Hà) di tích khá nguyên vẹn của một trong 36 phố phường Thăng Long xưa.

Một phố rất điển hình là Hàng Thiếc, đến đây bạn sẽ nghe râm ran tiếng búa gõ vào những mảnh tôn, mảnh thiếc trắng lấp lánh. Những người thợ thiếc ở phố này suốt ngày cặm cụi làm các đồ dùng từ nhỏ đến lớn như chân đèn, thùng, chậu, gáo múc nước, hòm, bể nước... Người các tỉnh cũng về Hàng Thiếc buôn hàng đưa về bán ở các địa phương.

Hồ Hoàn Kiếm : Hồ nằm ở vị trí trung tâm thành phố nên được ví như một lẵng hoa giữa lòng Hà Nội. Hồ gắn với truyền thuyết trả gươm : vua Lê Thái Tổ có một thanh gươm quý luôn ở bên mình ông suốt 10 năm kháng chiến chống quân Minh (thế kỷ 15). Sau chiến thắng, một lần vua Lê du thuyền trên bờ hồ bỗng có con rùa nổi lên, vua rút gươm báu ra trỏ cho quân sĩ biết thì rùa liền đớp ngay thanh gươm rồi lặn xuống nước. Nghĩ rằng trước đây Thần đã giúp mang gươm cho mình đánh thắng giặc, nay đất nước trở lại thanh bình, Thần lấy lại gươm, nên vua đặt tên cho hồ là Hoàn Kiếm (trả lại gươm).

Hồ Tây - Đường Thanh Niên (Đường Cổ Ngư) : Đây là một quần thể cảnh đẹp ở phía tây thành phố. Có thể ví đường Thanh Niên như một cái cầu bắt ngang hai hồ nước, một bên là Hồ Tây, một bên là hồ Trúc Bạch. Đoạn đường này dài 992 m, đường đôi, phân cách là một hàng cây xanh, hai bên đường là những hàng cây phượng, cây liễu, cây bằng lăng...

Nếu đứng ở đầu đường nơi có đền Quan Thánh thì Hồ Tây ở bên tay trái. Hồ rộng khoảng 500 hécta, lớn nhất trong các hồ của Hà Nội. Con đường vòng quanh hồ dài 17 km qua các làng hoa Nghi Tàm, Tây Hồ, vườn đào thôn Nhật Tân và các đình chùa đẹp nổi tiếng như phủ Tây Hồ, chùa Kim Liên... Từ xưa các triều đại vua chúa phong kiến đã xây dựng cung điện quanh hồ làm nơi nghỉ ngơi hưởng lạc. Ngày nay, Hồ Tây nằm trong quy hoạch xây dựng làng du lịch của Hà Nội.

Hồ Trúc Bạch : Hồ cách Hồ Tây bởi con đường Thanh Niên. Thế kỷ 18, chúa Trịnh Giang cho xây một cung nghĩ mát gần hồ gọi là viện Trúc Lâm. Sau viện này trở thành nơi an trí những cung nữ có tội buộc phải tự dệt lụa để nuôi thân.

Lụa do cung nữ dệt rất đẹp, nổi tiếng khắp kinh thành, có tên là lụa làng Trúc, vì vậy hồ được gọi là hồ Trúc Bạch.

Ven bờ hồ Trúc Bạch cũng có nhiều di tích lịch sử và công trình kiến trúc đặc sắc. Mặt hồ phẳng lặng, êm ả. Phía tây nam hồ là đền Quan Thánh, bờ đông có chùa Châu Long, góc bắc hồ có một đảo nhỏ trên đó có ngôi đền Cẩu Nhi.

Chợ Đồng Xuân : Trong số hàng chục chợ ở Hà Nội như chợ Mơ, chợ Hôm, chợ Cửa Nam, chợ Ngọc Hà... thì chợ Đồng Xuân là lớn nhất. Chợ ra đời từ năm 1889 trên địa phận phường Đồng Xuân. Ban đầu chợ họp ngoài trời, sau được xây thành chợ với năm cầu khung sắt, lợp tôn tráng kẽm, dài 52 m, cao 19 m. Nằm gần ga đầu cầu Long Biên bên sông Hồng, chợ Đồng Xuân là điểm thuận lợi để hàng hóa bốn phương dồn về đây cũng như từ đây tỏa đi các nơi. Ở chợ Đồng Xuân hầu như có đầy đủ tất cả các mặt hàng, ngành hàng phục vụ sinh hoạt và đời sống. Chợ Đồng Xuân là chợ bán buôn lớn nhất của miền bắc.

Ngày nay chợ Đồng Xuân được xây dựng lại với quy mô lớn hơn gồm 3 tầng hiện đại, khang trang, rộng rãi nhưng vẫn giữ một phần kiến trúc của chợ cũ.

Vườn Thú Thủ Lệ : Nằm ở phía tây thành phố trên một khu đất rộng 20 ha, có hồ nước, thế đất tự nhiên như hình rồng lượn khá đẹp mắt. Vườn thú được chia làm nhiều khu. Khu bò sát có trăn, rắn, kỳ đà v.v.. ở ngay sát hồ nước. Khu chim muông có công , trĩ, uyên ương, hạc, cò, họa mi, hoàng yến v.v.. Khu thú dữ có hổ, báo, voi, sư tử v.v.. Đáng kể hơn là có gần 40 loài động vật trong sách đỏ của Việt Nam và một số động vật quý là tặng phẩm của các nước.

Làng Gốm Bát Tràng : Làng Bát Tràng thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội nằm trên bờ sông Hồng, là một làng nghề truyền thống nổi tiếng từ xa xưa về các loại gốm sứ thủ công. Gốm Bát Tràng làm từ một loại đất sét đặc biệt. Từ loại đất sét này, người thợ dùng bàn xoay thủ công để tạo hình các sản phẩm sau đó phơi sấy cho khô rồi vẽ hoa, tráng men và nung trong các lò nhỏ. Nhiệt độ của lò nung ảnh hưởng đến màu sắc của sản phẩm. Sản phẩm của gốm Bát Tràng là các loại bát đĩa, chén, lọ bình, lư hương... Điều đặc biệt là chất liệu men của các sản phẩm có độ bóng, sâu mịn và đều, cách trang trí, vẽ họa tiết trên các loại sản phẩm này rất độc đáo.

Ngày nay, đến làng gốm Bát Tràng vào bất cứ thời điểm nào trong ngày cũng thấy làng quê này luôn sôi động. Từng đoàn xe tấp nập chở nguyên vật liệu vào làng và rồi lại chở sản phẩm đi tiêu thụ, và có cả đoàn khách du lịch đến tham quan, mua quà lưu niệm. Gốm sứ Bát Tràng không những nổi tiếng ở trong nước mà cả ở nhiều nước trên thế giới. Các sản phẩm đạt chất lượng cao, mẫu mã đẹp, độc đáo không thua kém gốm sứ Trung Quốc.

Làng rắn Lệ Mật : Từ Hà Nội, khách du lịch đi qua cầu Long Biên đến thị trấn Gia Lâm, đi theo quốc lộ 5 gần 1 km rẽ trái, đi qua một cánh đồng lúa là đến làng Lệ Mật. Nơi đây là một làng quê có nghề truyền thống nuôi rắn, bắt rắn cách đây 900 năm.

Vào thăm các gia đình nuôi rắn có hạng như gia đình ông Nguyễn Đặng Pháo và ông Trần Như Bản. Ông Pháo đã có hơn nữa thế kỷ trong nghề. Bốn con trai ông được huấn luyện thuần thục các khâu nuôi, bắt và chế biến sản phẩm rắn. Công dụng của rắn có nhiều : xương rắn để nấu cao; mỡ rắn bôi vết thương; mật rắn làm thuốc giải cảm, tiêu đờm; nọc rắn chữa động kinh, hen phế quản, rong huyết v.v.. Rượu rắn là thuốc bổ gân cốt, chữa thấp khớp... Du khách có thể thưởng thức một chút rượu rắn và các món ăn chế biến từ rắn ngay tại làng quê này.

Thành Cổ Loa Và Đền Thờ An Dương Vương : Đây là thành cổ vào bậc nhất Việt Nam được vua Thục An Dương Vương xây từ thế kỷ 3 trước công nguyên để làm kinh đô nước Âu Lạc (tên nước Việt Nam thời đó). Thành được xây dựng kiểu vòng ốc (nên gọi là Loa Thành) gồm 3 vòng : thành ngoài, thành giữa và thành trong. Dưới thành ngoài là hào sâu ngập nước thuyền bè đi lại được. Từ trung tâm thành phố, đi 18 km đến xã Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, bạn sẽ tìm thấy vết tích còn lại của 3 vòng thành xưa bằng đất và nơi các nhà khảo cổ tìm được hàng vạn mũi tên đồng, lưỡi cày, rìu sắt, xương thú vật...

Trong khu vực thành còn có đình làng Cổ Loa, am thờ công chúa Mỵ Châu và đền thờ An Dương Vương - ông vua rất mực yêu thương con gái Mỵ Châu, nhưng vì mất cảnh giác ông đã để thành Cổ Loa trở nên một sân khấu của tấn bi kịch nước mất, nhà tan.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám : Văn Miếu là miếu thờ tổ đạo được xây dựng năm

1070. Sáu năm sau (1076) trong khu vực này nhà Quốc Tử Giám được dựng lên. Lúc đầu là nơi học của các hoàng tử, sau mở rộng thu nhận các học sinh giỏi của con em nhân dân.

Quốc Tử Giám là trường Đại học đầu tiên của Việt Nam. Sau nhiều khóa thi đến năm 1482 vua Lê Thánh Tông cho dựng bia đá để khắc tên họ, quê quán những người thi đỗ trạng nguyên, bảng nhãn và tiến sĩ từ khoa thi 1442. Hiện nay trong nhà bia còn lại 82 tấm bia lớn. Ngoài giá trị nội dung, mỗi tấm bia còn có một công trình nghệ thuật về chạm khắc đá. Bia được đặt trên lưng con rùa đá để biểu thị sự trường tồn của tinh hoa dân tộc.

Đền Quán Thánh : Ba chữ Hán tạc trên nóc cổng là "Trấn Vũ Quán" nghĩa là quán thờ ông Thánh Trấn Vũ. Là một hình tượng kết hợp giữa một nhân vật thần thoại Việt Nam (ông Thánh giúp An Dương Vương trừ ma quấy rối khi xây thành Cổ Loa) và nhân vật thần thoại Trung Quốc (một ông Thánh coi giữ phương Bắc). Đền Quán Thánh được xây dựng vào đời vua Lý Thái Tổ (1010 - 1028). Năm 1893 đền được tu sửa như diện mạo ngày nay. Đặc biệt có pho tượng Thánh Trấn Vũ bằng đồng đen, đúc năm 1677. Tượng nặng 3600 kg, cao 3,96 m, chu vi 3,48 m. Đền còn có một bức tượng đồng đen cỡ nhỏ, tương truyền đó là tượng ông Trùm Trọng, người thợ cả đúc đồng tài hoa đã chỉ huy thợ đúc tượng Trấn Vũ và quả chuông trên gác tam quan. Để ghi công thầy, những học trò của ông đã đúc tượng ông và xin được thờ trong.

Đền Hai Bà Trưng : Đền còn có tên gọi là Đồng Nhân, vì đền được dựng vào khu đất thuộc làng Đồng Nhân nay là quận Hai Bà Trưng. Đền được lập từ năm 1142 đời vua Lý Anh Tông để thờ hai vị nữ anh hùng Trưng Trắc và Trưng Nhị. Trong hậu cung đền có tượng Hai Bà Trưng bằng đất luyện, hai bên tả hữu là tượng 12 nữ tướng đã cầm quân theo Hai Bà đánh giặc. Hàng năm đến ngày mồng 5 và 6 tháng 2 âm lịch, nhân dân nô nức kéo về Đồng Nhân dự lễ hội tưởng niệm Hai Bà.

Đền Phù Đổng : Đền thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đền thờ đức Thánh Gióng, theo truyền thuyết là một vị anh hùng thời vua Hùng thứ 6 đã dẹp tan được giặc Ân. Đền được vua Lý Thái Tổ cho lập ngay từ khi dời đô ra Thăng Long (1010) và đã được trùng tu sửa chữa nhiều lần. Ngôi đền hiện nay gồm bái

đường, hậu cung, nhà thủy đình để múa rối nước ở ao trước đền, dựng vào thế kỷ 19. Tượng Thánh Gióng khá lớn ngồi giữa, hai dãy là tượng các quan hầu. Quý nhất ở đền là đôi rồng đá cách điệu ở bậc thềm, đôi sư tử đá được tạc vào thế kỷ 19, cỗ ngai vàng chạm trổ đẹp, tấm bia khắc năm 1660 và đôi chóe sứ. Tại xã Phù Đổng còn có đền thờ Mẫu (mẹ Thánh Gióng) xây vào năm 1693. Hàng năm tại đền Gióng cứ vào 9-4 âm lịch làng lại mở lại hội Gióng diễn lại tích Thánh Gióng đánh giặc Ân.

Đền Voi Phục : Đền này được lập từ thời Lý Thái Tông (1028 - 1054) ở góc phía tây nam thành Thăng Long cũ thuộc địa phận làng Thủ Lệ nay là công viên Thủ Lệ. Đền thờ Linh Lang Đại Vương. Tương truyền Linh Lang là hoàng tử Hoằng Châu con vua Lý Thái Tông. Lớn lên Linh Lang xin cầm quân, đánh thắng quân Tống. Vua cha muốn nhường ngôi nhưng chàng từ chối, về ở tại nơi đây nay là đền. Một hôm chàng hóa thành rồng đến cuốn quanh một phiến đá rồi xuống Hồ Tây biến mất. Vua lập đền thờ ngay tại nơi ở của hoàng tử. Trong đền có hai pho tượng đồng và hòn đá to có vết lõm. Cửa đền có đắp hai con voi quỳ vì vậy đền còn có tên là đền Voi Phục.

Đền Ngọc Sơn : Đền được xây dựng từ thế kỷ 19 trên đảo Ngọc của hồ Hoàn Kiếm. Lúc đầu gọi là chùa Ngọc Sơn, sau đổi gọi là đền Ngọc Sơn vì trong đền chỉ thờ thần Văn Xương là ngôi sao chủ việc văn chương khoa cử và thờ Trần Hưng Đạo, vị anh hùng có công phá quân Nguyên thế kỷ13. Ngôi đền ngày nay do công lao tu sửa của Nguyễn Văn Siêu, một nhà văn hóa lớn Hà Nội. Ông cho xây Tháp Bút, trên thân tháp có tạc ba chữ Hán "Tả Thanh Thiên" (viết lên trời xanh) nói lên ý chí của con người chân chính.

Phủ Tây Hồ : Tây Hồ là một làng cổ của kinh thành Thăng Long nằm ở phía đông của Hồ Tây. Ở ngay đầu làng có một ngôi đền thờ bà chúa Liễu Hạnh, một người đàn bà tài hoa, giỏi đàn ca, thơ phú, đức độ nên đã được dân gian thần thánh hóa tôn làm Thánh Mẫu (Thánh Mẹ). Hàng năm vào rằm tháng giêng âm lịch, khách hành hương về đây rất đông, vừa đi lễ Mẫu xin Mẫu ban cho điều lành và mọi sự may mắn, vừa đi thưởng ngoạn cảnh đẹp của thủ đô.

Chùa Trấn Quốc : Chùa nằm trên một hòn đảo của Hồ Tây, là một ngôi chùa cổ

nhất Việt Nam, được khởi dựng từ năm 541. Đứng ở cuối đường Thanh Niên đã nhìn thấy nhiều ngọn tháp nhấp nhô trên mặt hồ. Trong chùa có pho tượng quý Phật Thích Ca nhập Niết Bàn, kiệt tác của nghệ thuật tạc tượng Việt Nam.

Chùa Một Cột : Tên chữ là chùa Diên Hựu (nghĩa là phúc lành lâu dài). Chùa ở quận Ba Đình xây dựng năm 1049 thời vua Lý Thái Tông. Tương truyền khi ấy vua Lý Thái Tông đã cao tuổi mà chưa có con trai nên nhà vua thường đến các chùa cầu tự. Một đêm vua chiêm bao thấy Đức Phật Quan Âm hiện trên đài hoa sen ở một hồ nước hình vuông phía tây thành Thăng Long, tay bế đứa con trai đưa cho nhà vua. Ít lâu sau, Hoàng hậu sinh con trai. Nhà vua cho dựng chùa Một Cột có dáng dấp như đã thấy trong giấc mơ để thờ Phật Quan Âm. Chùa Một Cột tuy nhỏ, nhưng có kiến trúc độc đáo, được tạo dáng như một bông sen từ dưới nước lên.

Chùa Láng : Chùa được khởi dựng vào đời vua Lý Anh Tông (1138 - 1175) tại làng Yên Lãng, huyện Từ Liêm, nay thuộc phường Láng, quận Đống Đa, Hà Nội. Chùa được xây theo kiểu " Nội Công Ngoại Quốc", tam quan 3 gian, lầu bát giác 4 gian. Các ngôi nhà chính đều gồm 9 gian vì vậy chùa trông rất bề thế. Trong chùa còn lại nhiều đồ thờ cổ. Ở hậu cung ngoài các pho tượng Phật còn có tượng vua Lý Thần Tông (bằng gỗ), tượng Thiền Sư Từ Đạo Hạnh đan bằng mây, ngoài quét sơn. hai dãy hành lang thờ 18 vị La Hán, có rất nhiều nét sinh động, ngồi thiền.

Chùa Láng đã qua nhiều lần trùng tu. Lần trùng tu lớn nhất vào năm 1656. Chùa Láng là một ngôi chùa có kiến trúc đẹp và bố cục của chùa tạo nên một không gian hài hòa, sâu thẳm, tĩnh mịch, cổ kính uy nghi.

Chùa Bà Đá : Chùa có tên chữ là Linh Quang Tự ở số 3 phố Nhà Thờ, cạnh bờ hồ Hoàn Kiếm. Chùa được xây từ đời Lê Thánh Tông (1460-1497). Tương truyền khi đào đất đắp thành Thăng Long thì một người dân đã đào được một pho tượng bằng đá hình dáng một phụ nữ nên đã lập đền thờ gọi là đền Bà Đá. Sau này thờ Phật nên gọi là chùa Bà Đá.

Chùa có tiền đường xây theo kiểu chữ nhất, trung đường xây theo kiểu chữ đinh, được nối liền với nhau, tạo nên một khối kiến trúc vuông vắn. Trong chùa có

nhiều tượng gỗ. Chùa có hai quả chuông được đúc vào năm 1823 và 1881, một khánh đúc năm 1842.

Chùa Hòe Nhai : Chùa có tên là Hồng Phúc Tự ở số 19 phố Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội. Tương truyền chùa được xây dựng từ đời nhà Lý. Trong chùa có tấm bia dựng năm 1703 xác định vị trí chiến thắng Đông Bộ Đầu chống quân Nguyên (1258) ở gần chùa Hòe Nhai hiện nay.

Chùa được xây dựng theo kiểu chữ công. Thượng điện còn giữ được nhiều bức chạm hình tứ linh và các cửa võng sơn son thếp vàng. Chùa có nhiều tượng Phật được bày làm 6 lớp. Tổng số tượng ở chùa gồm 68 pho, được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau như đồng hun, gỗ quý, đất nện, được sơn son thếp vàng. Chùa có một quả chuông mang niên hiệu Long Đức 3 (1734). Sân chùa có hai ngọn tháp cao 3 tầng. Trong chùa còn có đến 28 tấm bia. Chùa là nơi "chốn tổ" của phái Tào Động-một phái Phật Giáo lớn ở miền Bắc Việt Nam.

Chùa Liên Phái : Chùa ở trong ngõ Liên Phái, phố Bạch Mai, quận Hai BàTrưng, Hà Nội. Chùa lập vào năm 1726. Lúc mới xây dựng chùa có tên là Liên Hoa, sau đổi tên là Liên Tông và đến năm 1840 đổi tên là Liên Phái.

Trước cổng chùa có ngôi tháp Diệu Quang hình lục lăng cao 10 tầng có kiến trúc thanh nhã cổ kính. Trong tháp có hài cốt đã hỏa táng của vị sư tổ Diệu Quang cùng với 5 vị sư khác. Nhà bia có 34 tấm ghi sự tích chùa và các lần trùng tu của chùa. Qua sân rộng đến các nhà Bái Đường và Tam Bảo là nơi thờ Phật. Khu vườn tháp sau chùa gồm 9 ngôi tháp xây 3 hàng. Hàng giữa có tháp Cửu Sinh xây bằng đá, tương truyền đây là nơi táng hài cốt vị sư tổ thứ nhất Lâm Giác Thượng Sĩ. Tháp Cửu Sinh đã có trên 250 năm. Đây là ngôi tháp cổ nhất có trong khu vực nội thành Hà Nội. Ngoài ra chùa còn có một tháp cao 9 tầng kiến trúc đẹp, được xây vào năm 1890.

Chùa Kim Liên : Chùa được dựng trên đồi đất của làng Nghi Tàm bên bờ Hồ Tây. Một con đường đất từ làng dẫn đến chùa xung quanh là mặt nước hồ và những đầm sen thơm ngát mùa hè. Nguyên vị trí ngôi chùa đã tạo cho du khách có cảm giác được hưởng sự yên tỉnh của chốn bồng lai. Thế kỷ 12, nàng công chúa Từ Hoa con gái vua Lý Thần Tông đã đưa cung nữ đến khu đất này tìm đất trồng dâu,

chăn tằm. Về sau ngôi chùa được dựng lên tại đây và đến năm 1771 chùa được mang tên là Kim Liên (bông sen vàng).

Chùa Quán Sứ : Chùa có từ thế kỷ 17, nằm ở phố cũng mang tên là phố Quán Sứ. Từ năm 1934 Hội Phật giáo Bắc Kỳ lấy chùa này làm hội quán. Đến năm 1942 chùa được xây dựng lại như ngày nay.

Nhà Thờ Lớn : Nhà Thờ lớn được dựng trên khu đất hơi cao, mặt nhìn ra phố mang tên phố Nhà Thờ, được khánh thành đúng lễ Noel 24-12-1886. Lúc đầu nhà thờ mang tên nhà thờ Xanh-Giô-Giép, sau gọi là Nhà Thờ Lớn, vì đây là công trình Kitô giáo lớn nhất Hà Nội. Hàng năm, tại đây diễn ra những ngày lễ trọng thể của Kitô giáo, đông đảo con chiên và người ngoài đạo đến dự.

Cửa Ô Quan Chưởng : Cửa ở gần phố Hàng Chiếu, gần đê sông Hồng. Đây là cửa ô duy nhất còn lại ở Hà Nội. Thực ra tên chính của cửa ô Quan Chưởng là Đông Hà Môn. Cửa ô gồm một cửa chính và một vọng lâu. Bên tường phía trái gắn một tấm bia khắc năm 1882 ghi lệnh của Tổng đốc Hoàng Diệu cấm binh lính sách nhiễu dân chúng qua lại.

Cột Cờ : Cột Cờ được xây dựng năm 1812 dưới triều vua Gia Long, là một trong những công trình kiến trúc thuộc khu vực thành cổ Hà Nội còn nguyên vẹn. Cột cờ gồm ba tầng bệ, thân cột và hệ thống cầu thang xoáy ốc bên trong. Ba tầng dưới là 3 khối vuông xây chồng lên nhau từ to đến nhỏ, trên cùng là thân cột cao khoảng 20 m hình lục lăng. Đỉnh cột hình bát giác có trụ để cắm cờ.

Nhà Hát Lớn Thành Phố : Nhà hát được hoàn tất vào năm 1911 theo kiến trúc của nhà hát Opera Paris. Thính phòng có hơn 900 chỗ ngồi, sân khấu cao 30 m, theo kiến trúc Hy Lạp. Nhà Hát Lớn là một công trình văn hóa nghệ thuật lớn của Hà Nội. Nhà hát không lớn nhưng đẹp vì gắn liền với trục đường Tràng Tiền-Hàng Khay.

Các dịp lễ hội

Hà Nội là mảnh đất ngàn năm văn hiến, là một trung tâm văn hóa lớn của cả nước. Hà Nội là một mảnh đất cổ nên văn học Hà Nội cũng rất phong phú, từ văn học truyền miệng, văn học chữ Hán, văn học chữ Nôm đến chữ Quốc Ngữ. Từ truyền thuyết, chuyện kể dân gian đến ca dao, tục ngữ đều mang những nét rất Hà

Nội, thanh lịch và tinh túy. Văn học viết có chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc Ngữ với nhiều tác phẩm lớn, với những áng văn chương bất hủ. Hà Nội còn lưu giữ nhiều di tích, di sản lịch sử, văn hóa, các kiến trúc nổi tiếng, có đến 600 ngôi đền, chùa, nhiều phố cổ và các phố buôn bán sầm uất.

Chèo, Tuồng : Trước đây, Hà Nội có những gánh chèo, tuồng đi biểu diễn lưu động ở các đường phố, làng xóm, các sân đình, bến sông. Thời Pháp thuộc có nhiều rạp hát được xây dựng. Ban đầu được biểu diễn tuồng, chèo cổ, sau được cách tân dần. Có rạp dành biểu diễn tuồng cổ.

Cải Lương : Có nguồn gốc ở Nam Bộ, xuất hiện ở Hà Nội vào khoảng năm 1920 và rất được hâm mộ ở Hà Nội. Khoảng 1935 thì xuất hiện rạp chuyên biểu diễn cải lương.

Kịch Nói : Đây là ngành sân khấu hiện đại, xuất hiện ở Hà Nội vào giữa năm 1920.

Xiếc : Xiếc đã có ở Hà Nội từ trước năm 1945. Các đoàn xiếc hồi đó có tên Tạ Duy Hiển, Long Tiên. Đến thập niên 60, xiếc được thành phố đầu tư và phát triển.

Múa Rối Nước: Là một hoạt động nghệ thuật đặc sắc của Việt Nam. Múa rối nước đã xuất hiện từ lâu ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, ở trong các ngày hội làng, ngày lễ... Sau một thời gian lãng quên loại hình nghệ thuật này đã được khôi phục và trở thành một nét riêng của văn hóa Việt Nam.

Dân Ca : Có các loại hát ru, hát hò lao động, hát giao duyên (hát ví, hát đình, hát trống quân, hát xẩm), ca nhạc thính phòng có hát ca trù.

Nhạc Nghi Lễ : Nơi triều đình có đại nhạc, tiểu nhạc, đồng văn, nhã nhạc. Nơi thôn làng có phường hát âm và giàn trống thường biểu diễn trong các buổi hành lễ (cúng tế, tang lễ).

Nhạc Tôn Giáo : Có hát Chầu Văn, hát Cửa Đình ở các đền phủ, các, tụng niệm trong chùa, ca nhạc trong nhà thờ Thiên Chúa giáo. Thời Pháp thuộc, âm nhạc Tây phương du nhập với các nhạc cụ mới và điệu thức mới.

Hội đền Cổ Loa : Xã Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội. Lễ hội Cổ Loa hàng năm diễn ra từ ngày 6 đến 16 tháng 1 âm lịch để tưởng nhớ Thục Phán An Dương Vương, người đã được vua Hùng thứ 18 nhường ngôi. An Dương

Vương đã đặt tên nước là Âu Lạc và đóng đô ở Cổ Loa. Lễ hội gắn liền với sự tích truyền thuyết nỏ thần và câu chuyện tình Mỵ Châu - Trọng Thủy. Lễ hội Cổ Loa có đám rước thần của 12 xóm. Ngoài ra trong lễ hội còn có nhiều trò chơi khác nhau : chơi đu, thổi cơm thi, hát ca trù, hát chèo...

Lễ hội Phù Đổng : Nhiều địa phương tổ chức hội để tưởng nhớ vị Thánh Gióng: hội Gióng ở Phù Đổng, Xuân Đỉnh, đền Sóc (Hà Nội)và hội Gióng ở Chi Nam. Trong số bốn hội trên thì hội Gióng ở Phù Đổng (Gia Lâm, Hà Nội) có quy mô và tổ chức công phu nhất. Hội mở từ ngày 9 đến 12-4 âm lịch hàng năm. Trước đó, ngày 6-4 là lễ rước nước từ giếng trước đền thờ Mẫu. Lễ tế có phường Ái Lao múa hát thờ thần; diễn trận nhắc lại sự tích Ông Gióng đánh giặc Ân với hai cuộc múa cờ "Ba Ván Thuận" và "Ba Ván Nghịch" được cách điệu, người xem có thể liên tưởng đến sự tích Ông Gióng. Những ngày tiếp theo có nhiều trò vui như lễ cắm cờ, mừng thắng trận, cáo trời đất và nhiều trò vui khác...

Hội Đống Đa : Hội Đống Đa (thuộc quận Đống Đa, Hà Nội) hàng năm diễn ra vào mùng 5 Tết Nguyên Đán (5/1 âm lịch). Đây là lễ hội chiến thắng, mừng chiến tích lẫy lừng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, do hoàng đế Quang Trung (Nguyễn Huệ), người anh hùng áo vải Tây Sơn lãnh đạo. Cuộc tế diễn ra ở đình Khương Thượng, lễ cầu siêu ở chùa Đồng Quang. Sau đám rước "Rồng Lửa Thăng Long" là lễ dâng hương, lễ đọc văn. Hội còn nhiều trò chơi vui khỏe đua tài, đua trí trên bãi rộng trước gò Đống Đa lịch sử.

Hội Đền Đồng Nhân : Đền Đồng Nhân thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Đền thờ Hai Bà Trưng là những vị nữ anh hùng đã có công đánh giặc ngoại xâm đánh giặc giành độc lập cho đất nước, làm rạng ngời trang sử vẻ vang của dân tộc. Tại đây hàng năm thường mở lễ hội từ ngày 3 tới ngày 6 tháng 2 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của Hai Bà. Cuộc tế được tiến hành rất trang nghiêm, phần hội có nhiều tiết mục đặc sắc vui tươi, nhiều trò chơi.

Hội làng Lệ Mật : Làng Lệ Mật thuộc xã Việt Hưng, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Hàng năm tại đây mở hội vào ngày 23-3 âm lịch, tưởng nhớ chàng trai họ Hoàng (Thành Hoàng làng Lệ Mật) là người đã có công khai hoang lập ấp. Điều nổi bật của lễ hội là trò múa rắn độc đáo trên sân đình vì dân làng Lệ Mật có biệt tài bắt

rắn. Hội làng Lệ Mật là cơ hội để hàng trăm con cháu ở trong làng và những người đi xa có dịp gặp gỡ nhau ôn lại những trang sử đầy gian nan thử thách từ xa xưa, cùng chung niềm vui và lòng biết ơn đối với tổ tiên.

Hội Làng Triều Khúc : Làng Triều Khúc thuộc xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội, xưa kia nổi tiếng về nghề làm nón quai thao, nghề thêu, may, đồ thờ tự và nhiều nghề thủ công khác. Hội làng Triều Khúc diễn ra hàng năm từ ngày 10 đến 12 tháng giêng âm lịch tại đình sắc và đình lớn nhằm ghi nhớ công ơn người anh hùng dân tộc Phùng Hưng và tôn vinh nghề dệt. Trong thời gian tế lễ có múa Bồng - một điệu múa cổ rất đặc sắc. Sau tế lễ có các trò múa lân, đấu vật, hát chèo... Kết thúc hội bằng trò múa cờ (còn gọi là chạy cờ). Ngoài những lễ hội tiêu biểu Hà Nội còn có hàng trăm lễ hội khác nữa.

Hà Tây

Diện tích : 2169 km².

Dân số : 2.432.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Hà Đông.

Thị xã :Thị xã Sơn Tây.

Các huyện : Ba Vì, Phúc Thọ, Đan Phượng, Thạch Thất, Hoài Đức, Quốc Oai, Chương Mỹ, Thanh Oai, Thường Tín, Mỹ Đức, Ứng Hòa, Phú Xuyên.

Dân tộc : Việt (Kinh), Mường, Dao...

Tỉnh Hà Tây thuộc vùng châu thổ sông Hồng. Phía Bắc giáp tỉnh Vĩnh Phúc, phía Tây giáp tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ, phía Đông giáp Hà Nội, Hưng Yên, phía Nam giáp Hà Nam. Địa hình của tỉnh tương đối đa dạng bao gồm đồi, núi và đồng bằng. Do ảnh hưởng của địa hình, khí hậu Hà Tây có nhiều tiểu vùng khí hậu nóng ẩm nhiệt độ trung bình năm khoảng 23,8°C. Vùng gò đồi có nhiệt độ trung bình 23,5°C, khí hậu lục địa chịu ảnh hưởng của gió Lào. Vùng Ba Vì có khí hậu mát mẻ, nhiệt độ trung bình 18°C. Hà Tây có nhiều hồ lớn và đẹp. Giao thông đường bộ, đường thủy, đều thuận tiện.

Tỉnh này được cấu tạo do đất phù sa bồi đắp bởi ba giòng sông lớn là Hồng Hà, Hắc Giang và Lô Giang. Sông Hồng Hà chảy suốt tỉnh theo hướng Tây Bắc-Đông Nam; gần Việt Trì có hai sông nhánh chảy vào là sông Hắc Giang và Lô Giang. Phía hữu ngạn sông Hồng Hà, những giòng suối bắt nguồn từ núi Ba Vì hợp lại thành sông Tích Giang (còn gọi là sông Con) chảy qua toàn vùng này. Sông Đáy (còn gọi là Hắc Giang) chảy ven ranh giới phía Đông tỉnh.

Núi Ba Vì cao nhất tỉnh 1280 m, thành hình do một biến động địa chất thời đệ nhất nguyên đại chạy theo hướng Bắc-Nam và mọc lan ra nhiều đồi nhỏ; các đồi núi này điều là đá lẫn phiến nham thạch phiến, ma nham hoặc đá đen. Huyện Quốc Oai có một dãy núi đá vôi lớn ăn lan một mặt về phía sông Đáy, về mặt kia về phía sông Hắc Giang. Đá hoa Phủ Quốc của dãy núi này rất đẹp. Đất đai bên tả ngạn sông Hắc Giang tạo thành bởi những băng phiến nham thạch lẫn mi ca biến động địa chất cấu tạo núi Ba Vì sau đó tạo thành những đồi núi đá lửa khá cao như núi Địa Chông.

Sinh hoạt, kinh tế

Dân chúng phần lớn người Kinh; một ít người Mường, Thái, Tầy, Thổ, Mán. Tôn giáo chính là Phật Giáo và Thiên Chúa giáo, nhiều vùng nổi tiếng như chùa Thầy, chùa Tiên Lữ...

Khoáng sản không nhiều, quang trọng nhất là mỏ đồng ở Đa Chông và hữu ngạn sông Bờ, mỏ than non ở Yên Khoái, mỏ đá hoa ở Bất Bạt, mỏ đá vôi ở huyện Quốc Oai (phủ Quốc Oai cũ). Rừng Tây Sơn có nhiều tre, gỗ sên, gỗ dinh, gỗ táu, gỗ mít cây sơn, cây dầu và cây dược liệu. Sâm nhung, hoàng thảo tại Bất Bạt và Ba Vì khá phổ biến.

Hà Tây có sông Hồng Hà và có hai chi lưu lớn chảy qua trên đất có nhiều phù sa rất tốt cho việc cày cấy trồng trọt. Các hoa màu phụ là ngô, khoai, đậu, sắn, các loại rau mà nổi tiếng ngon là rau muống. Một số cây kỹ nghệ đáng kể là thầu dầu, mía, trà, dâu nuôi tằm, thuốc lá cà phê. Thuốc lá Ba Vì rất thơm.

Lược sử

Đất Hà Tây xưa rất rộng, thuộc hai bộ Châu Diên và Phúc Lộc, là hai trong 15 bộ của nước Văn Lang. Vào đời nhà Hán, Hà Tây thuộc quận Giao Chỉ, dưới thời nhà Ngụy là quận Tân Hưng, rồi đến nhà Tần thuộc châu Tân Xương và thuộc Phong Châu vào đời nhà Tùy. Thời kỳ nước nhà tự chủ, Phong Châu đổi thành châu Quốc Oai từ đời nhà Đinh. Thời giặc Minh xâm chiếm ta, châu Quốc Oai thuộc phủ Giao Châu. Đến cuối thế kỳ 15, địa danh Hà Tây mới bắt đầu có những thay đổi liên tục, có khi là xứ, lúc là trấn hoặc tỉnh. Đến 1830, triều đình mới cử một vị quan Tổng Đốc cai trị tỉnh Hà Tây; lúc ấy gồm cả Hưng Hóa và Tuyên Quang.

Sử nước ta đã ghi lại tinh thần chống giặc ngoại xâm của đồng bào Hà Tây rất anh dũng. Thời Hai Bà Trưng, những tấm gương yêu nước của các anh hùng anh thư Đỗ Dương, Phùng Thị Chính và Hoàng Thiếu Hoa cũng đã rõ : danh Tướng Đỗ Dương (người huyện Chu Diên xưa, nay là Hà Tây), có công rất lớn trong các trận giải phóng 65 thành trì của giặc Đông Hán áp bức; Thị Nội Tướng Quân Phùng Thị Chính (người làng Phủ Nghĩa) võ nghệ tuyệt luân, mưu trí gan dạ, sinh con ngay tại chiến trường lúc cởi ngựa đánh với giặc Đông Hán quân Tàu bái phục và gọi bà là"Mã Thị Nam Chinh". Đông Cung Tướng Quân Hoàng Thiếu

Hoa, là một ni cô rời khỏi chùa tham gia vào đoàn quân kháng chiến của Hai Bà Trưng. Nước nhà tự chủ chỉ gần bốn năm (sau 39 - 43 sau Tây lịch), và sông Hát và Sơn Tây là nơi Hai Bà đã trầm mình tuẫn tiết.

Đất Hà Tây cũng là nơi quê quán của Lý Bôn. Năn Tân Dậu 541, ông chiêu mộ người nghĩa dũng đánh đuổi bọn Tiêu Tư nhà Lương chạy về Tàu. Năm 543, giặc Lâm Ấp quậy phá, ông lại đuổi chúng ra khỏi nước. Năm 544, ông lên ngôi trở thành Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân. Năm 791, thời nhà Đường đô hộ nước ta, thấy dân tình khốn khổ, anh hùng Phùng Hưng (người xã Đường Lâm, huyện Phúc Thọ) phất cờ khởi nghĩa, đem quân chiếm phủ Đại La (Hà Nội), dân chúng theo rất đông, làm tên quan cai trị Cao chính Bình sợ quá mà chết.

Xã Đường Lâm, một nơi nghèo khổ đã sản sinh ra hai vị anh hùng. Người thứ hai chính là Ngô Quyền, ông đã chấm dứt giấc mộng xâm lược của quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, cởi được ách Bắc thuộc hơn một ngàn năm, khai mở nền tự chủ lâu dài cho Tổ Quốc.

Thời Minh thuộc, năm 1426, dân chúng tham gia đoàn quân của các vị anh hùng Lý Triện, Trịnh Khả giải phóng Quảng Oai, Quốc Oai, chặn đường viện binh của giặc Minh từ Vân Nam sang. Thời Tây Sơn, quân Mãn Thanh tràn sang cướp nước, Tôn Sĩ Nghị đóng quân tại Thăng Long và bố trí một cánh quân tiếp ứng ở Sơn Tây. Khi Quang Trung Hoàng Đế động binh, quân Tôn sĩ Nghị tan vỡ, viện binh tại Sơn Tây chưa kịp đánh đã bị tượng binh của đô đốc Mưu chặn đứng, chúng khiếp sợ đạp lên nhau mà chạy về.

Từ thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch, đồng bào Hà Đông đã sớm trở thành nghĩa quân dưới ngọn cờ của hai vị anh thư Trưng Trắc và Trưng Nhị. Ở phía Nam tỉnh lỵ Hà Đông, bên giòng sông Nhuệ còn dấu tích vùng Liên Châu, nơi giặc Tô Định đặt cơ quan hành chính và bị Hai Bà Trưng đánh chiếm vào năm 40. Khi quân Nguyên sang đánh nước ta lần thứ hai (1284) sau lần bại trận ở bến Hàm Tử (Hưng Yên) chúng lại đụng trận với các tướng anh hùng nhà Trần là Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão và Trần Quốc Toản trên bến Chương Dương (huyện Thường Tín) và thảm bại nhục nhã, bỏ cả thành Thăng Long mà chạy.

"Chương Dương cướp giáo giặc.

Hàm Tử bắt quân thù.

Thái Bình nên gắng sức,

Non nước mấy nghìn thu."

Bài thơ thắng trận của anh hùng Trần Quang Khải đã ghi tên địa dang Chương Dương của Hà Đông vào Sử sách. Đến cuộc kháng chiến gian lao của anh hùng Lê Lợi với những trận đánh làm giặc Minh khiếp sợ, tỉnh Hà Đông cũng góp phần xương máu. Tháng 10 năm Bính Ngọ (1426) hai vị tướng anh hùng Đinh Lễ và Nguyễn Xí làm kế phục binh, lừa quân giặc Vương Thông vào đầm lầy ở Tụy Động (huyện Chương Mỹ; chỗ ngã Ba Thá nơi sông Bùi và sông Đáy gặp nhau), giết chúng chết năm vạn, bị bắt hơn một vạn. Năm Kỷ Dậu 1789 dưới sự điều binh khiển tướng tuyệt vời của anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ gần ba chục vạn quân lính nhà Thanh bị đánh tan tành không còn manh giáp. Lệnh truyền xuống chia quân năm đạo chia làm ba hướng tấn công. Riêng mặt Hà Đông, hai vị tướng anh hùng là Đô Đốc Bảo và Đô Đốc Mưu giáp công hai mũi, giải phóng các huyện Chương Mỹ, Thường Tín, Thanh Trì.

Đêm trừ tịch Tết Kỷ Dậu, quân ta tiến nhanh như gió bão. Cánh quân của Quang Trung đuổi bắt hết giặc Thanh và đám tay sai của Lê Chiêu Thống tại huyện Phú Xuân, làm chúng không thể báo tin về Thăng Long được. Nữa đêm mùng 3 Tết, quân ta vây kín đồn giặc ở đồn Hà Hồi (huyện Thường Tín), giặc đang say men Xuân bị đánh bất ngờ không còn hồn vía phải mở cửa xin hàng. Sáng mùng 5 Tết đạo quân chủ lực hợp với cánh quân của Đô Đốc Bảo tiến đánh thành giặc ở thành Ngọc Hồi (phía Nam Văn Điển, huyện Thanh Trì). Thành Hà Hồi xây khá cao, rất kiên cố, giặc Thanh bắn súng ra như mưa. Nhưng ta vẫn thắng. Vua Quang Trung cho lính ghép ván bện rơm tẩm nước, cứ ba người khiên một tấm, giắt dao ngắn xông lên đở đạn cho 20 lính mang khí giới theo sau, đến sát mặt thành thì ngã ván tràn vào. Giặc đạp lên nhau chạy tán loạn, xô đẩy nhau chết rất nhiều ở Đầm Mực.

Thời Pháp thuộc tháng 8-1883, quân Pháp đem quân đánh Sơn Tây, trong bốn tháng liên tiếp chúng bị nghĩa quân chống trả dữ dội ở Đồn Phùng, Phú Xá. Sau chúng phải tăng cường thêm 6000 quân và nhiều đại pháo mới chiếm được thành

Sơn Tây vào ngày 17-12-1883. Sơn Tây là nơi chúng chống cự oanh liệt nhất của dân ta, nên trở thành một địa danh trong quân sử Pháp.

Phong cảnh, di tích

Khu du lịch Ba Vì : Từ Hà Nội đi khoảng 42 km đến thị xã Sơn Tây, đi tiếp 16 km đến suối Hai. Nơi đây có nhà nghỉ cho khách tham quan. Thuyền sẽ đưa du khách dạo quanh hồ, ghé lên các đảo trồng cây dược liệu, đảo chim, đảo cò... để tận hưởng cảnh sắc thiên nhiên.

Xe ô tô chạy tiếp 15 phút đưa du khách đến sườn phía bắc của núi Ba Vì, thăm thác Ao Vua. Một dòng thác xuất hiện từ trên cao tạo thành ba tầng thác. Tầng thác cuối cùng đổ ào ạt xuống một hồ nhỏ, nước xanh như ngọc thạch, đó là Ao Vua. Du khách có thể leo lên cả ba tầng thác nơi có những bậc đá và cây cỏ mọc trên sườn núi. Nếu còn đủ sức, du khách tiếp tục leo núi đến độ cao 400 m để tìm dấu vết còn lại của khu nghỉ mát có từ năm 1940 do người Pháp xây dựng. Đã có đường cho xe ô tô chạy vòng quanh núi đưa du khách lên độ cao 1200 m để hưởng cái thú nghỉ lại một đêm ở nhà khách đầy trời sao.

Ngày hôm sau xuống núi du khách hãy thám hiểm rừng nguyên sinh Ba Vì có diện tích 76.000 ha phân bố rải rác ở độ cao từ 200 m đến 1300 m so với mặt nước biển. Khí hậu ôn hòa, thảm thực vật phong phú có tới 1700 loài thực vật. Động vật có những loài quí hiếm như công (Tavomanticus), hươu sao (Cerrusnippom), thú Man malia, chim Aves, bò sát...

Hồ Quan Sơn : Từ Hà Nội theo quốc lộ 16 qua thị xã Hà Đông đi tiếp quốc lộ 22 đến Tế Tiêu (Mỹ Đức-Hà Tây), rẽ theo đường 76 khoảng 5km, rẽ phải là tới hồ Quan Sơn. Du khách không khỏi ngỡ ngàng trước cảnh đẹp trời mây sông nước, núi non trùng điệp ở nơi đây.

Qua cầu Đông, điểm đầu tiên du khách đặt chân tới là bến đò hồ Giang Nội.

Giang Nội là một trong ba hồ lớn của Quan Sơn, rộng ước chừng 800 ha. Đứng trên bờ, du khách đã nhìn thấy những dãy núi đá trùng điệp của thiên nhiên soi mình dưới làn nước xanh mát của hồ. Núi ở đây có tới 20 ngọn lớn, nhỏ kéo dài ôm ấp các hồ nước ở Quan Sơn. Lại có nhiều hòn núi đá vách dựng đứng nằm ở lòng hồ trông xa như những bán đảo nhỏ. Thuyền sẽ lần lượt đưa du khách thăm

hồ Quan Sơn và ghé thăm các ngọn núi với nhiều tên gọi khác nhau : núi Trâu Trắng, đảo Sư Tử, núi Quai Chèo, đồi Voi Phục...

Đến núi Quai Chèo, du khách có thể leo núi hoặc vào rừng cây chơi. Thuyền tiếp tục đưa du khách tới khu Đầm Sen, rồi vòng quanh đảo Sư Tử, núi Treo Tranh, thăm Linh Sơn Động, Ngọc Long Động. Mỗi động là một kỳ quan kỳ thú của tạo hóa với những mảng đá, nhũ đá mang hình long, lân, quy, phượng, hổ báo, chim muông.Vào mùa mưa, từ trên các triền núi cao, thác nước ngày đêm đổ xuống mặt hồ, tung bọt trắng xoá khiến cảnh sắc nơi đây thêm ngoạn mục.

Vượt qua núi Đá Trượt, lên đập Tràn Ngái, du khách có thể thỏa sức hít thở bầu không khí trong lành và ngắm nhìn toàn cảnh khu du lịch Quan Sơn. Núi non trùng điệp uốn lượn quanh hồ, điểm xuyến thêm là màu xanh của rừng, của các cánh đồng lúa đã tạo nên một Quan Sơn đầy ấn tượng. Khách có thể ghé thăm các làng mạc quanh hồ và đặc biệt vào tháng 10 dương lịch cho tới tháng 3 năm sau, du khách sẽ được ghé thăm thung lũng Voi, sân chim của Quan Sơn, với đủ các loài chim về đây trú ngụ xây tổ.

Quan Sơn còn có nhiều chùa. Chùa Linh Sơn nằm ngay ở chân núi Linh Sơn, soi bóng xuống hồ Giang Nội. Chùa được xây dựng theo kiến trúc chùa cổ thế kỷ 17. Tương truyền chùa có từ thời nhà Mạc. Cạnh chùa là Động Linh Sơn. Động không lớn nhưng có nhiều nhủ đá rủ xuống lung linh huyền ảo. Ngoài ra còn có chùa Cao, chùa Hàm Yên. Khách đến Quan Sơn, ngoài thú vui vãn cảnh còn có thể cắm trại trong rừng, đi câu cá, bơi thuyền, leo núi, tắm hồ... và được thưởng thức nhiều món ăn đặc sản của vùng nước ngọt như ba ba, gỏi cá...

Thắng Tích Núi Trầm : Quần thể di tích núi Tử Trầm ở thôn Long Châu, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, cách Hà Nội khoảng 20 km, theo quốc lộc 6. Núi Tử Trầm là một món quà quí của thiên nhiên ban tặng cho con người. Giữa một vùng đồng bằng trù phú lại có một dãy núi đá vôi nổi cao lên, thế non nước nơi đây thật đẹp. Năm 1516, vua Lê Chiêu Tông đã cho dựng hành cung rồi sai đào sông, khai suối quanh núi để du ngoạn mỗi khi nhàn rỗi. Hiện nay xung quanh núi Tử Trầm còn lưu giữ nhiều di tích kiến trúc của nhiều thời như chùa Long Tiên, chùa Quan Âm, chùa Vô Vi, chùa Ba Lang, đền thờ Cao Sơn, đền Mẫu...

Núi Tử Trầm có nhiều hang động kỳ thú. Động Long Tiên là một động đẹp, cửa hang không lớn nhưng lòng hang rất rộng và cao. Trên trần và vách hang buông rủ xuống hàng trăm nhũ đá với nhiều hình thù kỳ lạ. Trong động có nhiều di vật có giá trị lịch sử và nghệ thuật đặc biệt là pho tượng A Di Đà ngồi trong tư thế thiền trên tòa sen với vẻ mặt đôn hậu, trầm mặc suy tư, miệng thoáng cười cảm thông cứu độ.Tượng được trau chuốt tinh xảo đến từng chi tiết nên trông rất sinh động. Trên trần và vách đá gần cửa hang có nhiều bút tích của danh tài nho sĩ từ cuối thời Lê đến đầu thời Nguyễn với gần 20 bài minh văn, thơ ca ngợi cảnh đẹp của núi Tử Trầm.

Ở khu vực núi Trạo liền kế với núi Tử Trầm còn có chùa Vô Vi là một ngôi chùa cổ dựng năm 968, lưu giữ được nhiều văn bia có giá trị sử liệu và nghệ thuật. Núi Tử Trầm là một thắng tích quí của tỉnh Hà Tây. Lễ hội hàng năm được mở vào ngày 2 tháng 2 âm lịch thu hút rất nhiều khách hành hương về dự lễ và vãn cảnh.

Làng Lụa Vạn Phúc : Nằm trên bờ sông Nhuệ, thuộc thị xã Hà Đông, cách trung tâm Hà Nội 10 km. Làng có nghề dệt lụa tơ tằm từ xưa. Hiện trong làng có đền thờ bà tổ dạy nghề dệt cho dân làng và dân các nơi tụ về đây xin học nghề, làm thêu cho các khung dệt. Lụa tơ tằm Vạn Phúc nổi tiếng "mịn mặt, mát tay" là mặt hàng quí được nhiều người ưa dùng, với tên quen thuộc : lụa Hà Đông.

Ngày nay dân làng vẫn tiếp tục nghề cổ truyền với qui mô lớn. Lụa tơ tằm Vạn Phúc không chỉ dùng trong nước mà còn xuất sang nhiều nước khắp châu lục. Du khách đến với làng Vạn Phúc cảm thấy thư thái bởi cảnh làng, cảnh chùa Vạn Phúc có vườn hoa, cây trái với hồ sen, giếng nước...

Làng Mây Tre Đan Phú Vinh : Làng ở huyện Chương Mỹ, rất nổi tiếng về nghề đan lát mây tre. Ở Phú Vinh gia đình nào cũng có người đan hàng mây tre xuất khẩu và nội địa. Nghề đan đã giải quyết được việc làm cho nông dân lúc nông nhàn, việc làm cho phụ nữ, trẻ em và người tàn tật. Nhờ vậy cuộc sống người dân Phú Vinh tương đối đầy đủ.

Hàng mây tre đan của Phú Vinh có tới trên 500 mẫu mã, có loại đặc biệt là những tác phẩm như tranh hoành phi, câu đối, chim thú... Nhìn những mặt hàng này tưởng như thêu bằng nan. Loại thứ hai tương đối phức tạp đó là các loại lẵng hoa

quả, khay đĩa, cặp mũ, nón, chao đèn... bằng nan với nhiều kiểu dáng phong phú. Loại thứ ba là các loại rổ rá, dần, sàng... Phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày. Các mặt hàng mây tre đan của Phú Vinh không chỉ có tiếng trong nước mà còn được khách hàng nhiều nước ưa chuộng. Phú Vinh có nhiều đơn đặt hàng của các nước Đông và Tây Âu.

Về thăm làng quê Phú Vinh, du khách không những chỉ thăm một làng nghề truyền thống mà còn được vãn cảnh một làng quê cổ rất đặc trưng cho nông thôn Việt Nam ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Làng Đường Lâm : Làng Đường Lâm cách thị xã Sơn Tây khoảng 4 km, là một làng Việt cổ ở trung du. Đây là quê hương của Phùng Hưng và Ngô Quyền, hai vị anh hùng dân tộc đã có công đánh đuổi quân xâm lược phương Bắc vào thế kỷ thứ 8 và thứ 10.

Làng Đường Lâm có tới 21 đồi gò, 18 rộc sâu và có sông Tích nước xanh trong uốn lượn quanh làng. Tại đây có đền thờ Phùng Hưng, đình và lăng Ngô Quyền với các chuông đồng, khánh đá, đồ gốm sứ, các bức chạm và các bia đá cổ lớn, xung quanh đây có đồi Hùm, Giếng Ngọc và Rặng Duối buộc voi...

Tại nhà truyền thống xã Đường Lâm còn lưu nhiều hiện vật quí như rìu đá, di chỉ đồ đá mới, cọc gỗ Bạch Đằng, gần đó còn có những rộc sâu, tương truyền xưa là hồ sen, nơi Ngô Quyền thường cùng bạn bè thuở nhỏ chơi trò thủy chiến.

Làng Nhị Khê và khu tưởng niệm Nguyễn Trãi : Làng Nhị Khê thuộc huyện Thường Tín cách Hà Nội chừng 20 km, theo quốc lộ 1A, đến Quán Gánh rẽ phải là tới cổng làng Nhị Khê. Đi tiếp theo con đường lát gạch một quãng ngắn sẽ tới khu tưởng niệm Nguyễn Trãi. Phía trước ngôi nhà thờ danh nhân Nguyễn Trãi có hồ bán nguyệt và tượng toàn thân của Nguyễn Trãi đặt trên bệ cao. Nhà thờ Nguyễn Trãi còn lưu giữ nhiều di vật quí: bức ảnh chân dung ông khá cổ, nhiều đạo sắc phong, hoành phi câu đối.

Ở làng Nhị Khê còn có một số di tích nữa như "Ao Huê", "Trại Ổi" là những nơi thân phụ của Nguyễn Trãi mở trường dạy học. Nhà bia Bãi Sếu còn lưu giữ được tấm bia cổ dựng năm 1690 ghi tên những người đỗ đạt, quê ở làng Nhị Khê và Trung Thôn. Đình Nhị Khê - một ngôi đình cổ của làng. Nhà thờ ông tổ nghề tiện.

Làng Nhị Khê là điểm nằm trong tuyến du lịch Hà Đông - Thường Tín - Hà Nội.

Khu Du Lịch Đồng Mô : Từ Hà Nội đến khu du lịch Đồng Mô là 50 km, theo đường 32 lên thị xã Sơn Tây rồi đi tiếp 10 km là tới. Khu du lịch Đồng Mô có hồ nước rộng khoảng 1300 ha, với nhiều đảo và bán đảo bên hồ. Khu du lịch này có sân golf Đồng Mô 18 lỗ trên đảo Vua (còn gọi là đảo Đầm) nằm ngay chính giữa lòng hồ Đồng Mô với diện tích khoảng 350 ha.

Khu du lịch Đồng Mô có rừng cây, hồ nước, sân golf và những biệt thự xinh đẹp ẩn mình bên bìa rừng, soi bóng xuống hồ nước, lại ở vị trí rất thuận tiện về giao thông, là một điểm du lịch nghỉ ngơi, an dưỡng lý tưởng cho du khách.

Khoang Xanh - Suối Tiên : Khoang Xanh - Suối Tiên là điểm du lịch có môi trường sinh thái còn tương đối nguyên vẹn, nơi có nhiều người Mường sinh sống, cách thị xã Sơn Tây khoảng 20 km. Từ Hà Nội theo đường 32 đi Sơn Tây qua xã Vân Hòa, huyện Ba Vì, Hà Tây là đến khu du lịch này. Từ bãi xe, du khách đã có thể nghe tiếng thác nước ào ào, cùng với cảnh núi rừng hùng vĩ xung quanh khiến khung cảnh nơi đây càng thêm ngoạn mục. Đi khoảng 500 m, du khách sẽ được đắm mình trong thung lũng xanh thơ mộng bên núi Tản Viên, có dòng Suối Tiên vắt mình từ trên cao, len lỏi qua các sườn đá chảy xuống trông như một dải lụa bạc khổng lồ.

Thác nước từ trên cao đổ xuống tung bọt trắng xóa. Có đoạn suối, nước chảy róc rách, dòng nước trong vắt, mát lạnh. Từ thác tràn ngược lên đến Hòn Chồng khoảng 1 km và có nhiều thác đẹp với các tên gọi như thác Mơ, thác Mâm Xôi, thác Hòa Lan... Trên đường đi, nếu mệt du khách có thể dừng chân nghỉ trên những phiến đá to nằm rải rác dọc theo bờ suối. Sau khi tắm thác, lội suối thỏa thê, du khách có thể leo lên đỉnh núi Vua, nơi có khu rừng nguyên sinh với hệ động thực vật phong phú và các loài cây cổ thụ quí hiếm.

Khu du lịch Khoang Xanh - Suối Tiên rất thích hợp cho các loại hình du lịch cuối tuần, leo núi, tắm suối, thăm bản dân tộc Mường... Khu du lịch hiện đang thu hút rất nhiều khách du lịch, để lại cho du khách những ấn tượng khó quên.

Hang Hoàng Xá : Hang ở núi Hoàng Xá, núi này trông như con voi phục nằm trên địa phận Hoàng Xá.

Chùa Hương : Chùa Hương là một trong những danh thắng nổi tiếng nằm trong khu di tích danh thắng Hương Sơn, thuộc huyện Mỹ Đức, cách Hà Nội 70 km. Từ Hà Nội đi ô tô qua thị xã Hà Đông, tới Vân Đình, đến Bến Đục thì dừng xe để chuyển sang đi thuyền trên dòng sông Yến Vĩ chừng 3 km là đến đường bộ vào chùa. Ai không muốn ngồi thuyền, có đường bộ xuyên qua rừng mơ.

Hội chùa Hương hàng năm bắt đầu từ sau Tết Nguyên Đán, kéo dài từ giữa tháng 1 đến giữa tháng 3 âm lịch. Mỗi mùa hội có tới ba, bốn chục vạn người đến chùa Hương. Từ cụ già sáu, bảy chục tuổi đến em nhỏ được bố mẹ cõng trên lưng đều nô nức đi hội. Gặp nhau trên đường vào chùa, tất cả đều chào nhau bằng câu niệm Phật :"A-di-đà-Phật".

Điều hấp dẫn của chùa Hương là cảnh núi cao, rừng thẳm, suối dài được kết hợp rất hài hòa, xếp đặt tài tình giữa một vùng đồng bằng có các đồng lúa xanh mơn mởn. Nếu chỉ đi chương trình một ngày, du khách hãy thăm động đẹp nổi tiếng nhất: Hương Tích. Thế kỷ 17, chúa Trịnh Sâm đến vãn cảnh động, đã tự tay đề 5 chữ Hán lên cửa động "Nam Thiên đệ nhất động" (Động đẹp nhất trời nam). Động được tìm ra cách đây khoảng hơn 2000 năm. Bước vào động, một sắc cảnh kỳ diệu hiện ra trong ánh sáng kỳ ảo. Chính giữa động có pho tượng đức Phật Quan Thế Âm Bồ Tát. Xung quanh là nhũ đá tạo thành những hình cây vàng, cây bạc, buồng tằm, nong kén, núi cô, núi cậu... và đây là tòa cửu long hình chín con rồng nhũ đá long lanh ánh biếc đang châu đầu xuống trần thế... Người Việt Nam ham thích đi chùa Hương để lễ Phật cầu phúc và để được hòa mình với thiên nhiên cao rộng.

Chùa Tây Phương : Thuộc huyện Thạch Thất. Chùa xây từ thời thế kỷ thứ 8, được trùng tu nhiều lần. Đời Tây Sơn cho đúc chuông lớn và gọi là Tây Phương Cổ Tự, chùa cất bằng gỗ, lợp ngói ngũ sắc, có hai mái cong ở góc và trang trí hình rồng, kỳ lân rất đẹp. Trong chùa thờ nhiều tượng Phật và Thánh Thần được tạt rất công phu. Phật Tích Ca, Phật Bà Quan Âm, Phật Di Lặc, Thiên Vương, Kim Cương.

Đình Chu Quyến : Đình thuộc xã Chu Minh, huyện Ba Vì, thờ Nhã Lang con trai của Lý Phật Tử. Đây là đình lớn của tỉnh Hà Tây. Đình dài 30 m, ba gian, hai chái, bố cục hình chữ nhất, mỗi vì kèo có 6 cột theo lối chồng rường. Cột cái có chu vi

khoảng 2 m. Mái đình thấp nhưng các góc đao lại vút cong lên nên trông ngôi đình rất trang nghiêm. Trang trí nghệ thuật ở trên các xà, cốn, ván long, cửa võng là rồng, phượng và các cảnh sinh hoạt của con người như gảy đàn, múa hát, chọi gà...

Chùa Trăm Gian : Cách chùa Trầm 5 km thì đến núi Trúc Sơn, trên núi có chùa Trăm Gian (chùa Quang Nghiêm Tự) rất rộng rãi phong quang, phía sau có một cái trống và một cái khánh thật lớn. Chùa còn có tên là Tiên Lữ, xây vào năm 1200, bên trong thờ Phật và thờ ông Lý An Bình. Ông là người làng Khê, huyện Thanh Oai, đi tu từ thuở nhỏ; lúc về già, ông xây chùa Tiên Lữ; sau đắc đạo, được vua Trần Thái Tông, vốn cũng là một bậc đại trí của Thiền Tông triệu về triều phong Phật hiệu.

Đình Tây Đằng : Đây là ngôi đình to và đẹp nổi tiếng thuộc huyện Ba Vì. Đình Tây Đằng được dựng vào khoảng thế kỷ 16 gồm 5 gia 4 mái và 48 cột lớn nhỏ. Các đầu đao đều uốn cong có gắn long, lân, quy, phụng bằng đất nung màu gan trâu. Xà, đấu, kèo, cốn đều có chạm khắc. Các hình chạm khắc rồng đều mang phong cách rồng đời Trần, chim phượng được chạm theo lối phượng múa xòe cả hai cánh,... Nét độc đáo ở đình Tây Đằng còn được thể hiện qua những bức chạm khắc trên các cấu kiện kiến trúc mà đề tài thiên về hoạt động của con người trong làng xã Việt Nam thế kỷ 16 như bơi thuyền, đốn củi, uống rượu, gánh con, múa hát...

Ngoài giá trị về mặt kiến trúc chạm gỗ đặc sắc, đình Tây Đằng còn là nơi thờ Tản Viên - Sơn Tinh một nhân vật anh hùng theo truyền thuyết đã chế ngự được thiên nhiên, được dân chúng suy tôn là bậc thánh, nên córất nhiều người lui tới viếng thăm.

Chùa Trầm : Ở làng Long Châu, cách tỉnh lỵ Hà Đông khoảng 25 km, xây trên ngọn núi Tử Trầm. Địa thế chùa rất đẹp với các núi nhỏ chung quanh như núi Ninh Sơn, Đồng Lư. Tiên Lữ. Núi Tử Trầm có hang Long Tiên Động rất lớn và bàn thờ Phật bên trong. Ở đây có đường lên đỉnh núi gọi là đường lên Trời và đường xuống hang sâu gọi là đường xuống Âm phủ, Gần lại có chùa Võ Vi. Trước đây chúa Trịnh Phủ Lê lập cung điện ở núi Tử Trầm.

Thành Cổ Sơn Tây : Thành thuộc thị xã Sơn Tây, cách Hà Nội 42 km. Thành được xây dựng từ năm 1822, có hình vuông, mỗi chiều dài gần 400 m. Tường thành được xây bằng đá ong, loại đá rất rắn. Thành có 4 cổng : đông, tây, tiền, hậu, mỗi cổng đều có Vọng Lâu. Xung quanh thành có hào sâu 3 m, rộng 20 m, chu vi khoảng 2000 m. Trong thành có 4 khẩu súng ở 4 góc thành, có điện Kính Thiên (nơi nghĩ của nhà Vua khi đi kinh lý), có dinh thự và công đường của các quan đầu tỉnh, kho lương thực, trại lính...

Thời gian và chiến tranh đã hủy hoại nhiều công trình trong khu vực thành cổ. Hiện nay, thành cổ Sơn Tây chỉ còn lại vết tích một số đoạn tường thành, cổng thành và một vài công trình còn sót lại trong khu vực thành cổ. Di tích này hiện nay đang được gìn giữ và tôn tạo lại.

Chùa Đậu : Chùa tọa lạc ở thôn Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín. Chùa thờ thần Pháp Vũ nên còn có tên là chùa Pháp Vũ. Theo văn bia còn lại ở chùa thì chùa được dựng từ thời Lý và đã qua nhiều lần trùng tu. Chùa được dựng theo kiểu "nội công ngoại quốc". Tam quan chùa đồng thời là gác chuông, bên trong có quả chuông đúc năm Cảnh Thịnh thứ 9 đời Tây Sơn.

Hiện nay, chùa còn lưu giữ nhiều di vật và đồ thờ tự đặc biệt là nhục thân Thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường. Tượng Thiền sư Vũ Khắc Minh ngồi theo tư thế nhập thiền, mình gập hẳn, đầu hơi cúi về phía trước. Toàn bộ pho tượng nặng 7 kg, và cao 57 cm. Tượng Thiền sư Vũ Khắc Trường được quét sơn trắng, môi tô son, mắt và lông mày được tô vẽ. Hai pho tượng này đang được các nhà nghiên cứu khoa học quan tâm tìm hiểu.

Đền Hai Bà Trưng : Thuộc làng Hát Môn (cửa sông Hát), huyện Phúc Thọ. Đền thờ rất trang nghiêm, các đền thờ bên trong đền đều sơn màu đen tuyền. Trước đền có bàn thờ bà hàng bán bánh trôi đã theo giúp hai Bà Trưng trước đây. Các huyện gần sông Hát như Phúc Thọ, Thạch Thất và Quốc Oai có rất nhiều miếu thờ các vị anh hùng anh thư thời Trưng Vương; Thương Cát, Bạch Hoa Công Chúa, Đào Khang, Hoàng Đạo, Đỗ Năng Tế, Giám Sát Đại Vương, Ả Tú, Ả Huyền, Nhất Trung Á, Mai thị Trang, Chàng Năm, Thủy Hải Công Chúa.

Đền Thờ anh hùng Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương) và **anh hùng Ngô Quyền** :

Thuộc xã Cam Lâm, cách Hà Nội trên 40 km. Đền và lăng anh hùng Ngô Quyền nhìn ra núi Tản Viên. Gần đấy có giếng Chuông Sa, dù nông nhưng không bao giờ cạn nước. Tục truyền rằng các bà mẹ sinh con nhưng ít sữa đã đến uống nước giếng thì lại có thêm sữa, sau đem nước ở nhà đổ vào giếng tạ ơn và để người sau có dịp dùng tới.

Đền thờ ông Lộc Hộ : Ở xã Đông Bang, ông Lộc Hộ là một võ sĩ sống vào thế kỷ thứ 13, có công đánh đuổi giặc Nguyên ở Vân Nam tràn vào Bạch Hạc và Sơn Vị ngày nay.

Núi Tản Viên (Ba Vì) **và đền Tản Viên** : Núi Tản Viên trông xa như hai cánh Phượng nên còn gọi là núi Cánh Phượng hoặc Phượng Hoàng Sơn, thuộc huyện Bất Bạt. Đứng trên núi ở cao độ 1.000 m, có thể nhìn thấy sông Đà, sông Hồng và dãy núi Tam Đảo, phong cảnh sông núi thật đẹp. Trên núi có đền thờ Tản Viên Sơn Thần tức là Sơn Tinh.

Chùa Thầy : Chùa Thầy có núi Sài Sơn có tên chữ là "Thiên Phúc Tự", nằm dưới chân núi Sài Sơn, thuộc huyện Quốc Oai. Trước đây dân chúng mở hội hàng năm rất to để kỷ niệm Thiền sư Từ Đạo Hạnh đời nhà Lý. Đây là ngôi chùa rất cổ có từ đời nhà Lý Thần Tông. Trước cửa chùa có hồ rất rộng, ở giữa dựng thủy đình; bên trái là hai cây cầu xây bằng gạch có mái gọi là Nhật Kiều và Nguyệt Kiều. Chùa chia làm ba phần, phần ngoài là nơi tế lễ, phần giữa thờ Phật, phần trong cùng thờ Đạo Hạnh Thiền Sư. Ở lưng chừng núi Sài Sơn có động Thánh Hoa, chùa Đinh Sơn, cổng Am Hiển Thụy, động Thanh Hóa. Sau chùa Đinh Sơn gần ven núi có chùa Một Mái trông đẹp và lạ. Cạnh chùa này có một hang thông hai đầu rất mát gọi là Hang Gió. Lên cao một chút sẽ gặp hang Bụt Mọc, bên trong có tượng Phật bằng đá. Rồi đến hang Thần rất sâu có cả cốt người. Trước kia có một toán quân của Lã Dương tự Lã Tá Công, một trong Thập Nhị Sứ Quân, bị vây hãm trong hang núi và bị chết đói hết cả. Hang Thần còn gọi là Cắc Cớ vì có nhiều ngõ ngách nguy hiểm, đi dễ bị lạc lối. Trên núi Sài Sơn còn có một bia dựng lên từ đời Thiệu Trị, ghi chép công trạng của quan Lễ Bộ Thượng Thư Phan Huy Chú, người có công viết ra bộ Bách Khoa Toàn Thư rất giá trị là lịch Triều Hiến Chương Loại Chí. Trên đỉnh núi Sài Sơn là "chợ Trời", nhìn thấy toàn huyện Quốc

Oai, cảnh trí thật ngoạn mục.

Chùa Mía : Chùa tọa lạc ở làng Mía, xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, trên một ngọn đồi đá ong. Chùa có tên chữ là Sùng Nghiêm tự, được xây dựng lại vào năm Đức Long thứ 4 (1632) thời Lê Thần Tông. Chùa Mía có tới 287 pho tượng lớn nhỏ, trong đó một nữa bằng gỗ, một nữa bằng đất luyện. Tất cả được sơn son thếp vàng rất đẹp. Tiêu biểu nhất là 8 bộ Kim Cang ở tòa thượng điện, bằng đất luyện. Pho tượng "Quan Âm Tống Tử" với đường nét chạm khắc mềm mại, sinh động, độc đáo là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt tác. Chùa còn lưu giữ nhiều cổ vật như đại hồng chung đúc năm 1743, khánh đồng (1846), bia Bà Chúa Mía dựng năm 1632.

Chùa Bội Am : Chùa cổ trên núi Thạch Thất. Dưới đời vua Mạc Mậu Hợp (1562 - 1592), con gái Đà Quốc Công là Mạc Thị đã bỏ ra công đức dựng chùa.

Thác Ao Vua : Cách tỉnh lỵ 16 km về hướng Bắc, thác cao khoảng 25 m, chảy theo triền núi đá rồi đổ xuống ao hình bầu dục khá lớn phía dưới. Nước ao trong xanh tuyệt đẹp.

Huyện Quốc Oai : Làng Thụy Khuê, nơi sinh trưởng của Phan Huy Ích (nguyên quán ở làng Hữu Phương, huyện Cam Lộc, tỉnh Hà Tỉnh) em rể là bạn đồng triều với ông Ngô Thời Nhậm. Ông là một nhà ngoại giao, chính trị, văn thơ nổi tiếng thời Tây Sơn, đã nhiều lần cầm bút kích động tinh thần chiến đấu của quân sĩ Tây Sơn chống lại quân Nguyễn Ánh. Ông là tác giả của tập Dụ Am Ngâm Lục, Dụ Am Ngâm Tập, Tinh Sà Kỷ Hành và nhiều tác phẩm chữ Nôm khác, kể cả nhiều bài hịch, bài biểu và một bản dịch Nôm Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn. Em ruột ông là Phan Huy Ôn, danh sĩ đời vua Lê Hiển Tông, tác giả các sách Nghệ An Nhân Vật Chí, Lịch Triều Liệt Huyện Đăng Khoa Khảo (chép về các bậc khoa giáp dưới các triều vua) và sách Tiêu Bảng Tiêu Kỳ (nêu các điều lạ về những người thi đỗ nổi tiếng). Người con thứ ba của ông là Phan Huy Chú, danh sĩ triều Nguyễn, tác giả Lịch Triều Hiến Chương (49 quyển kê cứu về các chế độ, điều lệ nước ta thời xưa), Hoàng Việt Địa Dư Chí (2 quyển), Hoa Thiều Ngâm Lục (2 quyển), Dương Trình Kỳ Kiến (tập ký sự ghi lại chuyến đi Batavia) và Hoa Trình Lục Ngâm. Xã Lạp Hạ là quê của Kiều Phú trung thần là danh sĩ đời Lê Thánh Tông. Ông soạn và hiệu đính nhiều tác phẩm văn học, trong đó có Lĩnh Nam

Chích Quái của Vũ Quỳnh do ông hiệu đính và đề tựa. Làng Sài Sơn là quê đại thần Binh Bộ Thượng Thư Mai Thế Kiệt đời vua Lê Dụ Tông; tính ông tất trung trực không chịu được cảnh lộng quyền của Trịnh Cương nên xin về ẩn dật.

Huyện Thạch Thất : Làng Phùng Xá (làng Bùng), là quê Phùng Khắc Khoan (gọi là trạng Bùng), danh sĩ đời vua Lê Thế Tông, tác giả Nghị Trai Thi Tập, Ngư Phủ Nhập Đào Nguyên Truyện (văn quốc âm); ông còn là ông Tổ nghề dệt the lượt và nghề trồng hai thứ ngô, vừng ở nước ta.

Huyện Thường Tín, làng Nhị Khê : Anh hùng Lương Văn Can, người có công lớn trong việc xây dựng trường Đông Kinh Nghĩa Thục (1907), để truyền bá tư tưởng cách mạng, nêu cao lòng ái quốc và tinh thần tự cường của dân tộc. Ông có năm người con trai và hai người con gái; trong số này, ba người con của ông là Lương Trúc Đàm, Lương Ngọc Quyến, Lương Nghị Khanh và cô con gái thứ năm đều tham gia kháng chiến hết sức kiên trì; đặc biệt là anh hùng Lương Ngọc Quyến, người con thứ hai, một chiến sĩ của Việt Nam Quang Phục Hội đã cùng với anh hùng Trịnh Văn Cấn khởi nghĩa ở Thái Nguyên.

Làng Thịnh Hào : Anh hùng Đỗ Chấn Thiết, người có công rất lớn trong việc kinh tài hỗ trợ cho Đông Kinh Nghĩa Thục; sau ông chuyển vũ khí về nước bị quân Pháp bắt mang ra xử tử cùng 17 chiến hữu khác, ngày 2-12-1914, ông có hai người con là Đỗ Bàng và Đỗ Thị Tâm đều chết vì nước. Anh thư Đỗ thị Tâm là một chiến sĩ gan dạ thuộc Việt Nam Quốc Dân Đảng...

Huyện Ứng Hòa làng Liên Bạt : Anh hùng Nguyễn Thượng Hiền (đỗ tiến sĩ làm quan tới Án Sát, bỏ quan đi đánh giặc Pháp), cùng với anh hùng Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang Phục Hội chống quân Pháp; ông còn làm văn thơ làm vũ khí, kêu gọi toàn dân kháng chiến và bài Gọi Hồn Nước là một điển hình....

Huyện Thường Tín : Quê của ông Doãn Hành, Quốc Tử Giám đời vua Lê Thái Tổ, tác giả Văn Biểu tập; quê ông Nguyễn Văn Tích, văn thần đời vua Lê Nhân Tông tác giả Tiêu Sơn Thi Tập. Xã Triều Đồng, quê ông Lý Tử Tấn, tác giả Hoàng Việt Thi Tuyển và Tuyết Trai Văn Tập. Làng Bình Vọng, quê ông Trần Công, làm quan đời vua Lê Nhân Tông, là Tổ nghề chế sơn và thếp vàng bạc ở nước ta.

Huyện Chương Mỹ : Có làng Chúc Lý, quê ông Ngô Sĩ Liên, sử gia đời vua Lê

Thánh Tông, tác giả Đại Việt Sử Ký toàn thư. Xã Lương Xá. quê ông Đặng Thụy, danh sĩ đời Lê Hi Tông, tác giả tập thư Trúc Ông Phụng Sứ, cũng là quê ông Trình Thanh, danh sĩ đời vua Lê Thánh Tông, tác giả Khúc Khê tập.

Huyện Thanh Oai : Làng Bối Khê, quê ông Nguyễn Trực, văn thần đời vua Lê Thái Tông và Lê Thánh Tông tác giả Bộ Vu Liêu tập. Làng Đôn Thư là quê Vũ Phạm Hàm, thông minh xuất chúng, đỗ Nhất giáp Tam nguyên lúc 27 tuổi, triều Nguyễn có ba Tam nguyên; Vị Xuyên Trần Bích San, Yên Đỗ, Nguyễn Khuyến và ông. Nhưng Vị Xuyên và Yên Đỗ tiên sinh đỗ Nhị giáp. Nước ta chỉ có Vũ Phạm Hàm và Lê Quý Đôn (triều Lê) là đỗ Nhất giáp trong ba kỳ thi.

Huyện Hoài Đức : Có làng Đông Ngạc (làng Vẽ) nổi danh đàn ông anh hùng, đàn bà khéo tay. Đây là quê ông Phan Phù Tiên. sử gia đời Lê Thái Tổ và Lê Nhân Tông, tác giả Đại Việt Sử Ký tục biên và Việt Âm Thi Tập (ghi lại sử từ đời vua Trần Thái Tông đến hết đời Minh thuộc và sưu tập thơ văn chữ Hán của đời Trần, Lê.

Các dịp lễ hội

Là một tỉnh có các dân tộc ít người cư trú, Hà Tây có một kho tàng văn học dân gian phong phú : ca dao, dân ca, tục ngữ, truyện thơ, truyện cổ tích, truyện cười có giá trị văn học. Hà Tây là vùng đất sản sinh ra nhiều danh nhân dân tộc tiêu biểu như Phùng Hưng, Ngô Quyền, Nguyễn Trãi, Phan Huy Chú. Đồng thời là mảnh đất bảo tồn nhiều di sản văn hóa dân tộc tiêu biểu là hàng trăm đình chùa, miếu mạo có giá trị về kiến trúc điêu khắc, nghệ thuật tôn giáo.

Nghệ thuật dân gian của tỉnh cũng khá phong phú. Người Kinh có hát chèo, hát trống quân, hát cò lả, hát cửa đình, múa rối nước. Người Mường có hát xéc bùa, hát ví, hát đúm, hát ru, hát đồng dao. Nhạc cụ có trống kèn... Cồng chiên là một loại hình âm nhạc độc đáo của dân tộc Mường. Người Dao có múa rùa, múa chung, múa chim. Hà Tây là một tỉnh có nhiều lễ hội truyền thống, dưới đây là một số lễ hội tiêu biểu :

Hội chùa Hương : Đây là lễ hội dài nhất Việt Nam (trong 2 tháng, từ 15 tháng 1 đến 15 tháng 3 âm lịch). Trong dịp lễ hội, hàng chục vạn người đến viếng thăm phong cảnh tươi đẹp của núi non, hang động và cầu may, cầu phúc tại các ngôi

chùa rải rác khắp một vùng rừng núi.

Lễ hội chùa Thầy : Chùa ở xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai. Chùa thờ đức Phật Thích Ca, thờ Pháp sư Từ Đạo Hạnh với 3 kiếp sống của ông. Hàng năm lễ hội diễn ra từ ngày 5 đến ngày 7-3 âm lịch. Trong các ngày diễn ra lễ hội còn có nhiều trò chơi, đặc biệt là múa rối nước ở nhà Thủy Đình. Trẩy hội chùa Thầy, ngoài lễ Phật, khách còn được hưởng thú leo núi, thưởng ngoạn cảnh trí thiên nhiên của xứ Đoài. Du khách được chiêm ngưỡng ba pho tượng chuyển tiếp ba kiếp của pháp sư Từ Đạo Hạnh.

Hội chùa Tây Phương : Lễ hội hàng năm được tổ chức vào ngày 6 tháng 3 âm lịch tại chùa Tây Phương (xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất). Khách thập phương đến dự lễ hội vừa cầu kinh niệm Phật để cầu phúc vừa để thăm quan thắng cảnh chùa Tây Phương, một công trình kiến trúc nổi tiếng thời Hậu Lê và nghệ thuật điêu khắc gỗ các tượng Phật ở chùa, đặc biệt là 18 pho tượng La Hán.

Hội làng Chuông : Đây là lễ hội làng nghề khâu nón hàng năm được tổ chức vào ngày 10 tháng 1 âm lịch tại làng Đôn Thư, huyện Thanh Oai, nhằm tưởng nhớ Thánh sư dạy dân làng khâu nón. Trong phần hội đặc biệt có thi nấu cơm cuốn hút nhiều người tham gia.

Hội làng Đa Sĩ : Hội mở vào ngày 12-15 tháng 1 âm lịch tại làng Đa Sĩ - ngoại ô thị xã Hà Đông. Đây là lễ hội mang truyền thống văn hóa và tưởng nhớ danh y Hoàng Đôn Hoàng và vợ là công chúa Phương Hoa. Ông đã chữa bệnh cho công chúa con vua Càn Long và đã dạy cho dân làng trồng nhiều cây thuốc nam để chữa bệnh.

Hội đền Và : Đền thuộc xã Trung Hưng, thị xã Sơn Tây thờ thần Tản Viên. Lễ hội được tổ chức ba năm một lần vào ngày 15 tháng 1 âm lịch. Mở đầu là lễ rước kiệu Thánh Tản Viên từ Đông Cung lên đến đền thờ Thánh trên núi Ba Vì. Sau đó có tục lệ đánh cá, lấy nước sông Hồng tắm tượng thánh ở đền.

Hội làng Nhị Khê : Lễ hội diễn ra hàng năm vào ngày 15 tháng 10 âm lịch tại xã Nhị Khê, huyện Thường Tín. Lễ hội nhằm tưởng nhớ ông tổ của nghề tiện (gỗ, sừng) Doãn Văn Tài. Thợ tiện ở các tỉnh kéo về giỗ tổ rất đông. Phần hội có đánh cờ, hát chèo.

Hà Tĩnh

Diện tích : 6053 km².

Dân số :1.284.900 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Hà Tĩnh.

Thị xã : Thị xã Hồng Lĩnh.

Các huyện : Hương Sơn, Đức Thọ, Nghi Xuân, Can Lộc, Hương Khê, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh.

Dân tộc : Việt (Kinh), Chứt...

Hà Tĩnh là một tỉnh ở dải đất miền Trung, nằm trong vùng du lịch Bắc Trung bộ. Phía Bắc giáp tỉnh Nghệ An, phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp Lào. Địa thế Hà Tĩnh toàn núi đồi, rừng rậm. Các dãy núi cao thường ở phía Tây. Một số núi đáng kể ở đây là núi Giăng Màn (là đoạn của Trường Sơn, có độ cao khoảng từ 1671 - 2286 m, núi Quang Vụ được cấu tạo bởi núi hoa cương, đá nai và mi - ca điệp thạch, độ cao trung bình 2000 m, dãy núi Hồng Lĩnh, Đại hàm, Bà Mụ 1357 m, Ong Giao 1100 m, Hoành Sơn 1044 m, Keo Nưa 735 m, Rú Lâm 508 m, Vàng, Rú Coi, Thiên Cầm, Nam Giới, Lạc Sơn, Trạm Voi, Cẩm Cao Vọng, đèo Ngang... Đồng bằng chỉ là dải đất hẹp ven biển và xung quanh các trục đường quốc lộ.

Hà Tĩnh có tới 14 con sông lớn nhỏ và nhiều hồ nước. Sông ngòi trong tỉnh cũng giống như Nghệ An, dòng sông ngắn nhưng chảy ra cửa biển lớn. Những sông ngòi đáng kể là sông Con, Ngàn Phố, Ngàn Sâu, La Giang, Rào Con, Khe Trời, Rào Bầu Nước, Khe Canh, Rào Mốc, hai sông Cửa Sót và Cửa Khấu chảy ra hai cửa cùng tên... Bờ biển dài 137 km. Quốc lộ 1A chạy qua tỉnh. Tỉnh có cửa khẩu Kẹo Nưa, thuận tiện giao lưu với các nước Lào, Thái Lan.

Nhiệt độ trung bình 23,7°C. Khí hậu thay đổi luôn, mùa mưa từ tháng chín đến tháng mười, các tháng tám, chín, mười hay có bão. Các tháng một, hai, ba tương đối ấm áp. Hai tháng tư, năm mưa rào gặp dốc nên thường lụt bất ngờ. Mùa khô từ tháng sáu, tháng bảy có gió lào rất khô, nóng.

Hai quốc lộ 1 và 8 là trục giao thông quan trọng để di tích thắng cảnh chuyên đến các tỉnh lân cận. Hà Tĩnh cách Hà Nội 340 km, giao thông đường bộ, đường sắt,

đường thủy đều thuận lợi.

Sinh hoạt, kinh tế

Ngoài người kinh sinh sống phần đông trong tỉnh, còn có một số sắc dân tộc khác như Mường, Thái, Mèo... Dân chúng theo đạo Phật, Thiên Chúa, thờ phụng Tổ Tiên và Thần Linh.

Những vùng trồng lúa tập trung ở huyện Nghi Xuân, Đức Thọ, Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên... Hoa màu phụ là khoai lang, lạc (đậu phọng), ngô mía, rau quả trồng ở các vùng ven sông biển và đồng bằng như Hương Khê, Hương Sơn, Thạch Hà. Các loại cây kỹ nghệ như cao su, cà phê, trà, dâu nuôi tằm, cây dâu, cam, dứa... được trồng ở Kỳ Anh, Đức Thọ, Hương Khê, Hương Sơn. Cam và bưởi ở Chu Lễ, gần huyện Hương Khê ngon có tiếng. Rừng Hà Tĩnh có các loại sản phẩm như gỗ lim, củ nâu, gụ, mây tre, nứa và một số cây làm thuốc như quế, sâm, trầm hương... Khoáng sản có một số mỏ sắt, thiết, than đá, đất sét. Dân chúng cũng hành nghề đánh tôm cá dọc theo sông rạch và bờ biển.

Lược sử

Đất Hà Tĩnh thuộc bộ Cửu Đức, một trong 15 bộ của nhà nước Văn Lang, thời Bắc thuộc lần thứ nhất là quận Cửu Chân, một trong chín quận của Giao Chỉ Bộ; thời Bắc thuộc lần thứ ba là Châu Hoan. Đời nhà Lê, đất này thuộc đạo Hải Tây, rồi thuộc Nghệ An thừa tuyên và nằm trong trấn Nghĩa An thời Tây Sơn. Đời Gia Long, đất thuộc trấn Nghệ An. Năm Minh Mạng thứ 12 đặt là tỉnh Hà Tĩnh. Sau đó trở thành đạo Hà Tĩnh trực thuộc Nghệ An trong một thời gian.

Thời Đường thuộc, chúng đối xử dân ta như thú vật. Năm 722, ở huyện Can Lộc có người dị tướng, mặt mũi đen sì, sức mạnh vô song, đã kêu mọi người nghĩa dũng đứng lên đánh bọn giặc Đường. Người yêu nước này là Mai Thúc Loan. Khi giặc Minh dày xéo nước ta, cũng từ đất Can Lộc có anh hùng Đặng Dung theo Trùng Quang Để kháng chiến, cùng góp sức có anh hùng Nguyễn Biểu (xã Bình Hổ huyện Đức Thọ), làm quan Ngự Sử, can trường vô song, đánh giặc Trương Phụ chạy nhiều phen. Lúc sa tay giặc, cả hai thà chết không hàng. Anh hùng Đặng Dung nhảy xuống biển tự tử. Còn anh hùng Nguyễn Biểu bị giặc bắt, dùng cổ đầu người để khủng bố mà ông không sợ, bị giặc trấn nước dưới sông mà mắt vẫn

trừng trừng chửi kẻ thù đến chết.

Thời Pháp thuộc, năm 1885, anh hùng Lê Ninh người huyện Đức Thọ cầm đầu nghĩa quân đánh chiếm tỉnh lỵ. Trong thời gian này anh hùng Tôn Thất Thuyết giữ chức Phụ Chính, phò vua Hàm Nghi, không chấp nhận sự xâm lược của quân Pháp, Ông mộ tập quân sĩ phòng thủ kinh đô, đồng thời bí mật xây dựng chiến khu vùng Tân Sở (Quảng Trị), vào ngày 5-7 năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, ông Thất Thuyết cùng hai người em là Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp rước vua Hàm Nghi vào chiến khu Tân Sở, rồi thảo hịch "Cần Vương" gởi đi khắp nơi kêu gọi thần dân sĩ tử đứng lên kháng Pháp. Lúc vua ẩn náu ở mạn Tuyên Hóa, ông Tôn Thất Đạm đóng quân ở vùng núi Kỳ Anh và Cẩm Xuyên ra sức đánh Pháp để giữ vành đai bảo vệ vua. Năm 1888, khi nghe tin vua bị giặc bắt và biết không chống cự được nữa, ông thắt cổ tự vẫn.

Hà Tĩnh còn nổi danh với cuộc nổi dậy Hương Khê kéo dài 11 năm dưới sự lãnh đạo của anh hùng Phan Đình Phùng (người làng Đông Thái huyện Đức Thọ). Địa bàn hoạt động của nghĩa quân bao trùm ra các vùng thuộc Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình. Căn cứ chính được thiết lập giữa khu rừng núi hiểm trở chạy dài ở phía Tây.

Các căn cứ kháng chiến trải rộng khắp tỉnh như Diệm Thử thuộc làng Tinh Diệm, huyện Hương Sơn trong vùng núi Đại Hàm, do ông Cao Đạn quản suất; Cẩm Thứ thuộc huyện Cẩm Xuyên do ông Huỳnh Bá Xuyên quản suất; Hương Thứ thuộc huyện Hương Sơn, do ông Nguyễn Huy Giao quản suất; Kỳ Thứ thuộc huyện Kỳ Anh, do ông Vũ Khoát quản suất; Khê Thứ thuộc huyện Hương Khê, do hai ông Nguyễn Thoại và Nguyễn Dật quản suất; Nghi Thứ thuộc huyện Nghi Xuân, do ông Ngô Quảng quản suất; Lễ Thứ thuộc xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, do ông Nguyễn Cấp quản suất; Can Thứ thuộc huyện Can Lộc, do ông Nguyễn Trạch quản suất; Thạch Thứ thuộc huyện Thạch Hà, do ông Nguyễn Thuận quản suất... tổng hành dinh đặt tại chiến khu Ngàn Trươi trong dãy núi Vụ Quang thuộc huyện Hương Sơn, địa thế ở đây rất hiểm trở, đất chung quanh toàn bùn lầy; nhưng lại tiện lợi cho việc chuyển quân tới các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, nhờ địa hình tựa núi và sông Con.

Dân chúng tham gia lực lượng nghĩa quân và tiếp vận rất đông. Thêm người anh hùng Cao Thắng (người làng Lê Động, huyện Hương Sơn) gan dạ, tài trí, chế súng theo kiểu Pháp để đánh Pháp. Các tướng anh hùng Cao Thắng, Vũ Phát, Nguyễn Trạch, Cao Nữu chỉ huy quân đánh thắng nhiều trận ở huyện Hương Sơn, Đức Thọ, Hương Khê, Hà Trai, Trường Lưu, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Linh Cảm. Ngày 12-9-1893, anh hùng Cao Thắng tử trận, gây mất mát lớn cho cuộc kháng chiến.

Năm 1895, Pháp vây chặc núi Vụ Quang, ông Phan Đình Phùng lui về núi Đại Hàm; giặc đến vây núi Đại Hàm, nghĩa quân trở về vùng núi khác gần Vụ Quang bày kế phá giặc. Nghĩa quân bít dòng suối, dụ địch qua sông, rồi cho tháo nước chảy mạnh xuống làm hàng trăm tên chết đuối, tịch thu súng đạn của chúng rất nhiều. Tiếc thay, ngày 28-12-1895, anh hùng Phan Đình Phùng mắc bệnh mà từ trần.

Nhà cách mạng Phan Đình Phùng tạ thế nhưng ngọn lửa kháng chiến vẫn bùng nỗ tại Hà Tĩnh. Giữa năm 1908, đồng bào Hà Tĩnh tham gia mạnh mẽ phong trào chống thuế và bắt đi phu của Pháp, biểu tình khắp nơi trong tỉnh. Pháp đàn áp mạnh, hơn 100 dân quân và các ông Ẩm Vệ, Đội Quyền, Tú Ngôn cầm súng đánh ròng rã cả năm trời.

Trước 1975, Hà Tĩnh có huyện Hương Sơn, Đức Thọ, Nghi Xuân, Hương Khê, Can Lộc , Trường Lưu, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Linh Cảm và Thạch Hà.

Phong cảnh, di tích

Núi Thiên Cầm : Núi cách thị xã Hà Tĩnh khoảng 20 km. Núi không cao, lại nằm kề biển, tạo thành một nơi sơn thủy hữu tình. Cách chân núi một trảng cát là chùa Yên Lạc xây dựng từ thế kỷ 13, nơi có bộ tranh "Thập điện Diêm Vương" nổi tiếng. Từ đầu thế kỷ, người Pháp đã xây dựng ở Thiên Cầm một khu nghỉ mát, nhưng do chiến tranh, các công trình ấy đã bị phá hủy.

Núi Hồng Lĩnh : Là dãy núi có 99 ngọn thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đây có khoảng 100 ngôi chùa và đền miếu. Có ngôi rất cổ như chùa Hương Tích hay chùa Chân Tiên nơi vẫn còn dấu chân người và chân ngựa trên tảng đá (gắn với truyền thuyết Tiên giáng trần). Phong cảnh hùng vĩ, thơ mộng của Hồng Lĩnh là nơi sinh ra nhà thơ vĩ đại của Việt Nam - Nguyễn Du, danh nhân văn hóa được thế giới kỷ

niệm.

Hồ Kẽ Gỗ : Hồ nằm giữa các sườn đồi, núi thuộc huyện Cẩm Xuyên, cách thành phố Vinh 70 km về phía Nam, là một cảnh đẹp nhân tạo. Công trình hồ Kẻ Gỗ được khởi công xây dựng năm 1976 và Hoàn thành vào năm 1980. Hồ dài gần 30 km, gồm 1 đập chính và 10 đập phụ với sức chứa 300 triệu m3 nước. Ngày nay, hồ Kẻ Gỗ còn là một điểm tham quan du lịch hấp dẫn. Đến thăm hồ Kẻ Gỗ, du khách có thể tắm mát, câu cá, leo núi hay săn bắn trên các triền núi ven hồ. Hồ Kẻ Gỗ còn là nguồn cung cấp thực phẩm dồi dào cho các vùng lân cận. Cá tôm dưới đáy hồ thơm thịt, to con. Con lớn nặng tới vài chục kg.

Cửa Sót - Nam Giới : Đây là một cửa biển, nằm ở phía Đông thị xã Hà Tĩnh, cách thị xã 12 km theo đường quốc lộ. Trên đường đến cửa Sót, du khách có thể tham quan di tích đền Võ Miếu, đền Lê Khôi. Ngay bờ biển, phía Nam Cửa Sót có núi Nam Giới, giống như một đầu rồng. Do vậy, khu vực này tạo thành một quần thể du lịch sơn thủy hữu tình.

Bãi biển Xuân Thành : Bãi biển Xuân Thành thuộc xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, cách thị xã Hà Tĩnh 55 km. Từ thị xã Hà Tĩnh theo quốc lộ 1A về phía Bắc đến thị trấn Gia Lách đi theo đường tỉnh lộ khoảng 11 km là đến bãi biển. Trên đường vào bãi tắm, có khu lưu niệm dòng họ Nguyễn và mộ đại thi hào Nguyễn Du. Xung quanh điểm du lịch này là những danh thắng nổi tiếng như sông Lam, núi Hồng, núi Quyết, đền Củi. Bãi biển Xuân Thành cát trắng bãi thoải, nước trong xanh, môi trường trong sạch. Ở giữa có rặng dương xanh lam, là nơi tránh nắng cho khách tắm biển, phía sau bãi có dòng lạch nhỏ chạy men theo đường vào làm tăng vẻ trữ tình của khu vực.

Đèo Ngang - Hoành Sơn Quan : Đèo Ngang thuộc xã Kỳ Nam, huyện Kỳ Anh, cách thị xã Hà Tĩnh khoảng 75 km, trên đường quốc lộ 1A. Từ thị xã Hà Tĩnh đến Đèo Ngang là một chuyến du lịch hấp dẫn. Du khách có thể vào thăm quan các di tích văn hóa lịch sử, khu vực lưu niệm Hà Huy Tập, đình Phượng Giai, đền Bích Châu..., đặc biệt vùng phụ cận với đèo Ngang còn có đền thờ Lê Quảng Chí, đền thờ công chúa Liễu Hạnh. Phong cảnh đèo ngang hùng vĩ; bãi tắm sạch đẹp. Địa danh này là nguồn cảm hứng vô tận cho các nghệ sĩ sáng tác các tác phẩm thơ

văn, ca khúc về Đèo Ngang - Hoành Sơn Quan, trong đó có bài thơ nổi tiếng của bà Huyện Thanh Quan.

Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ : Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ có diện tích tự nhiên 24.801 ha. Rừng chiếm 24.708 ha, có rất nhiều động vật quý hiếm như gà lôi lam màu đen, gà lôi lam đuôi trắng, khỉ, voọc, hươu sao, trĩ, vượn, voi... và các loại lâm sản quý như lim, gụ, táu, dỗi..., các loại song mây. Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ là cơ sở để nghiên cứu khoa học và phát triển du
lịch trong vùng.

Chùa Chân Tiên : Chùa nằm trên núi Tiên An, sát bờ biển thuộc địa phận xã Thịnh Lộc, huyện Can Lộc. Chùa được được xây dựng vào đời nhà Trần (thế kỷ 13), thờ Phật Tổ và Thánh Mẫu. Chùa thờ Phật có diện tích 50,2 m², kiến trúc theo kiểu tứ trụ gồm 3 gian lợp ngói âm dương, 4 cột xây, tường bao 3 phía. Hai bên hiên chùa có tượng quan văn, quan võ. Trong chùa có nhiều câu đối cổ. Chùa thờ Thánh Mẫu còn gọi là "Điện Thánh Mẫu" gồm thượng điện, kiệu Long đình, bái đường có diện tích 56 m². Cửa thượng điện có đề 4 chữ Hán "Thiên Hạ Mẫu Nghi" và hình con phượng đang giang cánh bay lên. Kiệu Long đình là nơi đặt đồ tế lễ, bốn đầu đao trên mái kiệu có 8 hình rồng. Trong kiệu có 8 con hạc chầu. Chùa Chân Tiên hiện còn lưu giữ 14 tượng Phật làm bằng gỗ mít, một bàn thờ, một lư hương, một hương án, một trống, mõ.

Chùa Tượng Sơn : Chùa được xây dựng từ thời Hậu Lê (đầu thế kỷ 18) ở làng Yên Hạ, xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn. Chùa do thân mẫu của đại danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác sáng lập. Chùa tọa lạc giữa một khu đất bằng phẳng bốn phía có núi sông, khe suối, làng mạc, ruộng đồng bao bọc. Phía mặt chùa là dòng sông Ngàn Phố, sau lưng là ngọn núi Voi đứng sừng sững, có khe suối chảy quanh năm tạo âm thanh rộn rã nơi cửa thiền tĩnh mịch. Vì vậy mà chùa có tên gọi là Tượng Sơn tự hay còn gọi là chùa Ầm Ầm.

Chùa Tượng Sơn có 3 ngôi là chùa Thượng, chùa Hạ và nhà Tổ. Chùa Thượng chính điện thờ Phật Thích Ca, bên tả thờ ông bà Tham Đốc Quận Công (ông bà ngoại của danh y Lê Hữu Trác) và bà Bùi Thị Thưởng (thân mẫu của danh y); bên hữu thờ tổ tiên họ Lê Hữu. Chùa Hạ là một lầu chuông 8 mái được chạm trổ tinh

xảo theo hoa văn kiểu tứ linh, tầng trên để gác chuông, tầng dưới làm nơi lễ bái. Sát cạnh chùa Thượng là nhà Tổ, thờ tượng Tổ Đạt Ma, Lịch Đại Tổ Sư. Chùa Tượng Sơn tuy nhỏ nhưng là một ngôi chùa cổ, một di tích lịch gắn liền với đại danh y Lê Hữu Trác. Chùa có nhiều pho tượng Phật có giá trị nghệ thuật với nhiều dáng vẻ độc đáo, đặc biệt là pho tượng Bồ Tát Chuẩn Đề 18 tay. Chùa Tượng Sơn đồng thời cũng là một danh lam, được nhiều khách thập phương thăm vãn cảnh, chiêm ngưỡng.

Đền Thái Yên : Đền Thái Yên được xây dựng năm 1741, thờ Thành Hoàng - ông tổ của làng mộc Thái Yên. Đây là một ngôi đền cổ kính rất đẹp, được xây dựng trên khoảng đất rộng chừng 5000 m². Đền có cấu trúc theo lối tam tòa : thượng điện, trung điện, hạ điện. Toàn bộ kiến trúc ngôi đền chứng tỏ đây là một bảo tàng cổ vật về điêu khắc gỗ lâu đời và quý giá của bao lớp thợ Thái Yên nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam.

Đền Cả : Đền Cả còn có tên là đền Lớn hoặc Tam tòa Đại Vương thuộc xã Ích Hậu, huyện Can Lộc. Đền thờ 3 vị : Lý Nhật Quang (hoàng tử thứ 8 của vua Lý Thái Tổ), Lý Đạo Thành và Lý Thế Giai (là 2 vương hầu của nhà Lý). Ba ông này đã có công hướng dẫn nhân dân vùng tây nam Hồng Lĩnh khai lập nên một số làng Kẻ Nhật. Về sau đền còn thờ 2 vị công thần nhà Trần tiếp tục công việc của 3 ông họ Lý là Trần Quang Khải và Trần Khánh Dư.

Đền Củi : Đền Củi (Linh Từ Thánh Mẫu) thờ Liễu Hạnh công chúa, sau này hợp tự còn thờ thêm thánh Trần. Đền nằm trên một ngọn đồi cạnh bờ sông Lam thuộc xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân. Đền được xây dựng từ thế kỷ 18 dưới thời Lê Cảnh Hưng, đến nay đã được trùng tu nhiều lần. Đền có 3 toà: thượng điện, trung điện, hạ điện. Đây là một ngôi đền Mẫu đẹp và rất thiên. Hàng năm có hàng vạn lượt khách thập phương về đây đi lễ.

Đền thờ Đặng Tất, Đặng Dung : Đền thờ thuộc xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, thờ Đặng Tất và Đặng Dung là hai vị tướng lĩnh quan trọng và có công lao lớn trong cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược. Triều đại nhà Lê phong cho hai ông là tiết nghĩa trung thần. Cấu trúc đền thờ gồm hai tòa nhà và nhà dâng hương.

Miếu Biên Sơn : Miếu Biên Sơn được xây dựng thời nhà Lê ở huyện Can Lộc, thờ

nữ tướng Phan Thị Sơn. Nữ tướng là người có công tham gia khởi nghĩa chống bọn phong kiến nhà Minh và lập chiến công hiển hách. Chiến công của bà được vua thời Hậu Lê (thế kỷ 16) và vua Tự Đức (thế kỷ 19) phong cho đạo sắc thượng đẳng linh thần.

Đền thờ Nguyễn Biểu : Di tích thuộc xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, đền được xây dựng vào thời nhà Lê để tưởng nhớ công lao của Nguyễn Biểu. Ông đỗ thái học sinh cuối đời Trần và làm Điện Tiền Thái Sử. Ông là một nhà ngoại giao tài tình, được Trần Quí Khoáng cử đi sứ năm 1413. Hiện nay đền vẫn giữ được nhà bái đường, thượng điện, cột nanh, tắc môn, hai tấm bia đá, ngoài ra các đồ thờ, tượng chạm khắc, câu đối, hoành phi vẫn còn nguyên vẹn.

Mộ trạng nguyên Bạch Liên : Mộ trạng nguyên Bạch Liên thuộc xã Thiên Lộc, Can Lộc. Bạch Liên sinh năm 1236 quê ở làng Yên Xá, huyện Đông Thành, Nghệ An. Ông đỗ trạng nguyên năm 1266 nhưng không ra làm quan. Sau này, ông giúp Trần Quang Khải trấn Nghệ An và có công lớn trong cuộc chống quân Nguyên Mông.

Di tích lưu niệm danh nhân Nguyễn Công Trứ : Thuộc xã Xuân Giang, Nghi Xuân là nơi tưởng niệm nhân vật kiệt xuất trong lịch sử Việt Nam nửa đầu thế kỷ 19. Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858), quê ở làng Tuy Viễn. Ông là một nhà kinh tế, chính trị lỗi lạc, là ông tổ của làng Nghi Xuân. Hiện di tích lưu niệm tại làng quê còn ngôi mộ và bàn thờ.

Mộ Phan Đình Phùng : Mộ Phan Đình Phùng được xây cất tại xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ. Cụ Phan Đình Phùng (1847 -1895) hiệu là Châu Phong. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình nho lớp trên. Năm 30 tuổi ông đỗ cử nhân và năm sau đậu Đình Nguyên tiến sĩ và được bổ nhiệm làm quan Tri huyện ở Yên Khánh, Ninh Bình. Ông là người có tính cương trực, ngay thẳng, liêm khiết nên được quần chúng nhân dân mến mộ. Khi Phan Đình Phùng được triệu về kinh và được bổ vào viện Đô Sát làm Chính ngự sử, do bất hòa trong triều, ông trở về quê năm 1883. Sau đó ông tổ chức cuộc khởi nghĩa chống quân Pháp. Cuộc khởi nghĩa nổ ra trong 4 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh - Bình. Dù rằng thân xác ông bị quân Pháp đốt rồi trộn với thuốc súng bắn xuống dòng sông La Giang. Cuộc khởi nghĩa tuy thất

bại nhưng ảnh hưởng và ý nghĩa phong trào vô cùng to lớn. Đặc điểm là trong làng có mộ Hoàng Cao Khải, kinh lược xứ Bắc Kỳ, đồng hương và đồng liêu với cụ Phan Đình Phùng nhưng lại hợp tác với quân Pháp đã nhiều lần viết thư chiêu dụ ông Phan Đình Phùng về làm việc cho Pháp.

Di tích khu căn cứ Vũ Quang : Căn cứ Vũ Quang là khu căn cứ rộng lớn của phong trào Cần Vương nằm trong dãy rừng nguyên sinh của Vũ Quang, Hương Khê. Đây là nơi bộ chỉ huy khởi nghĩa chống Pháp đóng và lãnh đạo nghĩa quân chiến đấu trong suốt 10 năm. Nơi đây các vị lãnh đạo cao nhất của phong trào Cần Vương như Phan Đình Phùng, Cao Thắng và các lãnh tụ khác hội họp bàn kế hoạch tác chiến và đây cũng là nơi giao lưu, tụ nghĩa của một số nhà yêu nước như Nguyễn Quản, Nguyễn Các, Cầm Bá.

Khu lưu niệm Nguyễn Du : Nguyễn Du (1765 - 1820) là đại thi Việt Nam, danh nhân văn hóa của Việt Nam. Đền thờ Nguyễn Du được xây dựng vào năm 1825 tại quê hương ông - làng Tiên Điền, Nghi Xuân. Toàn bộ di tích lưu niệm Nguyễn Du và dòng họ Nguyễn, làng Tiên Điền nằm rải rác trong vùng đất rộng chừng 20 ha, từ bờ sông Lam đến giáp xứ Đồng Cùng. Khu lưu niệm rộng khoảng 2 ha từ cổng chính vào lần lượt là nhà khách, nhà tư văn 2, tư văn 1, bia tưởng niệm Nguyễn Quỳnh, đền thờ Nguyễn Du và nhà trưng bày. Nhà trưng bày vẫn còn một số hiện vật quý như nghiên mực, đĩa mai hạc mà Nguyễn Du được tặng trong thời gian đi sứ, địa bàn dùng để đi săn, nậm và chén rượu, hòn sắc của Nguyễn Nhiễm. Mộ Nguyễn Du được táng tại xứ Đồng Cùng, gồm 3 phần : bàn thờ, phần mộ, vườn cây. Phần bàn thờ có bia đá thanh, tượng hình án thư, quanh bia khắc hình hoa văn thế kỷ 19.

Đền Nguyễn Thị Bích Châu : Đền Nguyễn Thị Bích Châu còn có tên là đền Bà Hải thuộc xã Kỳ Ninh, Kỳ Anh. Đền thờ bà Bích Châu, cung phi vua Trần Duệ Tông, là người phụ nữ tài sắc vẹn toàn có nhiều công đối với đất nước, giúp vua nhiều kế sách trị nước yên dân. Năm 1373, vua Duệ Tông đem quân đi đánh chiếm Chiêm Thành, bà ngăn không được nên bà đi theo hộ tống, vua bị thua trận, bà bị thương nặng, rồi mất. Vua cho chôn cất và lập miếu thờ tại đây. 90 năm sau, vua Lê Thánh Tông, đời Hồng Đức cho xây ở đây 3 tòa điện lớn để ghi nhớ công

ơn bà và ban sắc phong "Chế Thắng Phu Nhân". Đền được xây dựng trên khu đất 4500 m² quay về hướng đông nam, bên phải là cửa Khẩu và núi Cao Vọng, trái là núi Ô Tôn, trước mặt là Vũng Áng và sau lưng là núi Bàn Độ. Qua năm, sáu trăm năm phong hóa, đến nay có những công trình xây dựng đã bị cát vùi chỉ còn lại dấu vết, có thể một phần kiến trúc nguyên vẹn được giữ trong lòng cát. Đền hiện nay còn tam quan, cột nanh, bái đường, trung điện, thượng điện, nhà dâng hương, nhà khách, nhà sắc.

Mộ và đền thờ anh hùng Cao Thắng : Sau khi hy sinh vì nước, Di hài của anh hùng Cao Thắng được đem về an táng tại Ngàn Trươi (núi Vụ Quang). Dân chúng lập đền thờ ông tại làng Khê Thượng, huyện Khê Thượng.

Các dịp lễ hội

Hà Tĩnh là một tỉnh có dân số chủ yếu là người Việt (Kinh), vì vậy tỉnh Hà Tĩnh mang đậm sắc thái văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc này. Từ thời Hùng Vương, Hà Tĩnh đã là một trung tâm của nền văn minh Đông Sơn, là đất nhân vật nổi tiếng thời Lê - Nguyễn. Đặc biệt người Hà Tĩnh có truyền thống hiếu học. Hà Tĩnh là quê hương và nơi sinh sống của nhiều bậc danh nhân như đại thi hào Nguyễn Du, nhà thơ và nhà kinh tế Nguyễn Công Trứ, nhà sử học nổi tiếng Phan Huy Chú...

Vùng quê Hà Tĩnh lưu giữ được kho tàng văn hóa dân gian độc đáo và phong phú vào bậc nhất nước ta. Hàng ngàn câu hát dân ca, hát ví, hát dặm, là những cống hiến đặc sắc của vùng đất này vào kho tàng văn hóa Việt Nam. Truyền thống văn hóa còn được thể hiện ở hàng chục lễ hội truyền thống tổ chức hàng năm ở Hà Tĩnh. Có thể nêu một số lễ hội :

Lễ chùa Hương Tích : Lễ hội được tổ chức tại chùa Hương Tích thuộc xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc. Chùa thờ Phật và con gái vua Sở Trang Vương.

Hàng năm cứ đến ngày 19-2 âm lịch, nhân dân ở khắp mọi nơi đến hội chùa cúng Phật, cầu yên và thăm cảnh đẹp của chùa. Lễ hội được tổ chức rất trang nghiêm.

Hội Chiêu Trưng : Lễ hội được tổ chức tại đền Chiêu Trưng, xã Thạch Kim, huyện Thạch Hà. Lễ hội diễn ra từ ngày 3 đến ngày 5 tháng 5 âm lịch hàng năm. Trong các ngày lễ hội, nhân dân đến dâng hương và lễ vật để tưởng niệm ngày

mất của Chiêu Trưng Đại Vương Lê Khôi. Lễ hội nhằm mục đích tưởng nhớ công lao của vị anh hùng Lê Khôi có công với đất nước.

Lễ hạ thủy : Lễ hội được tổ chức tại bãi biển xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên. Cứ sau tết Nguyên Đán, nhân dân trong vùng tổ chức lễ hạ thủy, cầu thần biển giúp cho ngư dân thuận buồm xuôi gió và hứa hẹn một mùa đánh bắt được nhiều tôm cá.

Lễ đền Bích Châu (đền Bà Hải) : Lễ được tổ chức tại đền thờ chế thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu, thuộc xã Kỳ Ninh, huyện Kỳ Anh. Cứ đến ngày 11 tháng 2 âm lịch hàng năm, nhân dân đến đây dâng hương và lễ vật để tưởng nhớ công lao của cung phi Bích Châu (thời Trần Duệ Tông)- một người phụ nữ Việt Nam tài sắc vẹn toàn, có công lớn với quê hương.

Hội đua thuyền : Hội được tổ chức tại Trung Lương thuộc thị xã Hồng Lĩnh vào ngày 4 tết âm lịch và các ngày lễ lớn trong năm. Ngoài ra hội còn được tổ chức ở Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên vào các ngày lễ lớn. Hội đua thuyền được tổ chức nhằm chọn ra những tay đua cừ khôi và rèn luyện sức khỏe cho dân vùng sông nước; đồng thời là truyền thống của nhân dân địa phương để cầu yên xóm làng.

Lễ Xuân Điển : Lễ hội diễn ra tại làng Phan Xá, Lợi Xá, xã Ích Mậu, huyện Can Lộc. Lễ hội tưởng nhớ thần Tam Lang có công giúp quân Đại Việt đánh thắng giặc ngoại xâm. Lễ hội được tổ chức từ ngày 4 đến ngày 8 tháng 1 âm lịch rất trọng thể với nghi thức quốc lễ. Lễ hội có hát tụng thần, có hát chèo, tuồng, thi nấu cơm. Ba năm một lần làng có tổ chức bơi thuyền rồng, rước thần trên kênh trước đền.

Hải Dương

Diện tích : 1661 Km².

Dân số : 1.670.800 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Hải Dương.

Các huyện : Chí Linh, Nam Sách, Thanh Hà, Kinh Môn, Kim Thành, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Cẩm Giàng, Bình Giang, Thanh Miện, Ninh Giang.

Dân tộc : Việt (Kinh), Hoa, Sán Dìu, Tày...

Hình thế Hải Dương gồm hai miền : Miền đồi núi phía Bắc với dãy Đông Triều làm ranh giới với tỉnh Bắc Giang, cấu tạo bởi những chi nhánh cuối cùng của các dãy núi từ Vân Nam và Quảng Tây ăn lan sang. Miền đồng bằng phía Nam do đất phù sa của sông Thái Bình bồi lên, có nhiều sông ngòi chảy qua. Đa số núi ở Hải Dương đều thấp, ngọn Yên Phụ chỉ cao 195 m.

Sông Thái Bình chảy suốt tỉnh từ Tây Bắc đến Đông Nam, do các sông Cầu, sông Thương tạo nên ở Phả Lại, tiếp nhận sông Đuống ở hữu ngạn rồi tự chia làm hai nhánh, nhánh chính giữ nguyên tên là Thái Bình, nhánh phụ chảy theo chân dãy Đông Triều gọi là sông Kinh Môn, gần ra tới biển đổi tên là sông Kinh Thầy. Một đoạn sông được gọi là sông Lục Đầu vì là nơi tiếp giáp của sáu con sông: sông Lục Nam, sông Thương, sông Đuống, sông Thái Bình và sông Kinh Môn. Sông Thái Bình điều hòa mực nước sông Hồng Hà, đặc biệt là không cần phải có đê.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm hai mùa. Mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 10, mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình khoảng 23°C. Địa hình của tỉnh tương đối bằng phẳng. Giao thông đường bộ, đường sông, đường sắt tương đối thuận lợi.

Hải Dương là một tỉnh có tiềm năng du lịch dồi dào. Hải Dương, một miền đất trù phú có phong cảnh thiên nhiên hữu tình, có di tích thắng cảnh Côn Sơn - Kiếp Bạc được nhiều người biết đến.

Sinh hoạt, kinh tế

Phần lớn dân trong tỉnh là người Kinh, chỉ một số người Thổ và Mán sinh sống ở vùng Đông Triều giáp giới với tỉnh Bắc Giang. Đa số theo đạo Phật, ngoại trừ vùng Kẻ Sặt có nhiều người theo đạo Thiên Chúa.

Hoa màu chính của tỉnh là lúa, rồi đến ngô, khoai, sắn, đậu phọng, đậu tương, mía, cau. Dân ta cũng trồng bông vải, dâu nuôi tằm, cà phê, cói, trà, thuốc lào. Thuốc lào ở huyện Vĩnh Bảo rất nổi tiếng. Vùng Ninh Giang, đồng bào nuôi nhiều vịt và ngỗng. Tỉnh có nhiều loại trái cây rất ngon như vải thiều ở làng Thúy Lâm, huyện Thanh Hà, cam ở Gia Lộc và Tứ Kỳ.

Hải Dương không nhiều khoáng sản, dãy núi Đông Triều có mỏ than ở Mao Khê, Tràng Bạch, Đông Triều, Dương Nam có núi đá hoa, rải rác ở Kinh Môn và Đông Triều có nhiều núi đá vôi. Riêng huyện Đông Triều có mỏ kẽm. Kinh tế và thương mại của Hải Dương thường tập trung vào một số ngành như sản xuất than, vôi, gạch, ngói, cau, thuốc lào, gà, vịt và trứng vịt.

Lược sử

Hải Dương thuộc nước ta từ thời lập quốc, trong bộ Ninh Tuyền, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đất này thuộc Tượng Quận dưới đời nhà Tần, thuộc Giao Chỉ dưới đời Hán. Dưới triều nhà Lê, tỉnh này là Đông Đạo, và sở tại đóng ở làng Mạc Đông, huyện Chí Linh, sau chuyển sang làng Mai Diễn thuộc huyện Cẩm Giàng. Năm 1491, đạo đổi thành xứ Hải Dương, sau đổi thành trấn. Đời Minh Mạng, năm 1831, Hải Dương trở thành tỉnh, đứng đầu tỉnh là Tổng Đốc. Tỉnh lỵ Hải Dương được chọn từ đời Gia Long, năm 1804.

Từ những ngày đầu tiên Hai Bà Trưng khởi nghĩa, Hải Dương đã cùng đồng bào khắp nơi hưởng ứng rất đông. Việc cứu nước vốn không của riêng ai và người phụ nữ chân yếu tay mềm đã cầm gươm ra trận : Làng Bích Uyển, huyện Kinh Môn có anh thư Thánh Thiên Công Chúa. Làng An Biên, huyện Đông Triều có anh thư Lê Chân. Hai vị anh thư đều là tướng giỏi, có công rất lớn trong cuộc khởi nghĩa đánh đuổi bọn xâm lược nhà Đông Hán ra khỏi nước.

Khi giặc Mông Cổ sang đánh nước ta lần thứ hai (1284), dân Hải Dương theo các tướng nhà Trần phá giặc. Thoát Hoan đem 50 vạn quân tràn vào như tổ ong. Vua Trần Nhân Tông hỏi ý dân tại Điện Diên Hồng, cả nước đòi đánh không hòa. Giặc đến đâu cũng giết dân ta vô số, thế nước lâm nguy. Vua không muốn dân bị hại đành ngự thuyền ra sông Vạn Kiếp (con sông thuộc làng Kiếp Bạc) hỏi ý Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. "Nếu bệ hạ muốn hàng, xin chém đầu tôi

trước đã", câu nói của người anh hùng yêu nước trở thành danh ngôn truyền dạy con dân Việt đến đời sau. Cũng tại Vạn Kiếp, trước 20 vạn quân, những dòng "Hịch Tướng Sĩ" vang rền như tiếng xuất quân. Còn ai "thấy quốc sĩ mà không biết thẹn". Sang năm 1285, trận Vạn Kiếp với các anh hùng Phạm Ngũ Lão (người làng Phù Ủng), Nguyễn Khoái, Yết Kiêu (người xã Hạ Bi), Dã Tượng, đã dứt điểm quân Mông Cổ. Cũng đời Nhà Trần, huyện Chí Linh có người tướng giỏi vì hàm oan mà phải làm nghề bán than, đó là anh hùng Trần Khánh Dư.

"Nghĩ mình lem luốc toan nghề khác,
Chỉ sợ đời sau lắm kẻ hàn".

Tâm hồn yêu nước của ông vốn cao hơn oan cá nhân đó và ông đã được vua Trần Nhân Tông và Hưng Đạo Vương trọng dụng, cử đi chống giặc, đánh thắng quân Mông Cổ nhiều trận ở Vạn Kiếp, bến Vân Đồn.

Thời Minh thuộc, khi Lê Lợi tiến quân ra Đông Đô, năm 1426, thì "hào kiệt thời nào cũng có", nơi nào cũng có, Hải Dương cũng vậy: Hai anh em Lê Thiếu Dinh, Lê Thúc Hiển (xã Mộ Trạch, huyện Bình Giang) cùng với đồng bào Hải Dương theo các anh hùng Nguyễn Trãi (làng Chi Ngại, huyện Chi Linh), Lưu Nhân Chú, Bùi Bị, Lý Triện, đuổi quân Minh chạy khắp vùng Thượng Hồng (Bình Giang) và Hạ Hồng (Ninh Giang). Mười năm gian khổ đánh đuổi giặc Minh ra sao, bài "Bình Ngô Đại Cáo" của anh hùng Nguyễn Trãi đã đủ làm sáng ngời ý chí và lòng tự trọng của dân tộc trước cơn quốc nạn. Trong mười năm đó, Hải Dương có mặt.

Đầu năm 1789, Quang Trung Hoàng Đế kéo quân ra Bắc theo ba mũi tấn công. Dân quân vùng biển Hải Dương theo cánh thủy quân của Đô Đốc Lộc và Đô Đốc Tuyết tiến vào sông Lục Đầu vừa thủ vừa công mặt Đông. Đô Đốc Tuyết chặn giặc ở vùng Hải Dương, Đô Đốc Lộc vượt lên Lạng Sơn chặn đường rút của quân Thanh.

Hải Dương cũng trải qua nhiều biến cố khi quân Pháp đánh phá nước ta. Chúng chiếm phía đông tỉnh này vào ngày 3-12-1873, nhưng chỉ một tháng sau thì rút lui, sau cái chết của Francis Gamier ở Hà Nội. Đến năm 1883, chúng lại chiếm Hải Dương vào ngày 19-8. Quân Pháp dùng nơi này làm căn cứ tiến đánh Bắc Ninh và Lạng Sơn. Giặc chiếm đất, xây đồn lũy, dân liền bỏ vào rừng lập căn cứ, dù còn

yếu nhưng vẫn đánh. Tháng 2-1884, nghĩa quân đánh đồn Phả Lại, tháng 8 đánh trận Phương Điểm, tháng 10 đánh trận Trại Sơn bên sông Kinh Thầy. Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy do anh hùng Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo, từ Hưng Yên tỏa rộng đến Đông Triều, Kẻ Sặt, Gia Lộc của Hải Dương. Việt Nam Quốc Dân Đảng phát động tổng khởi nghĩa vào ngày 11-2-1930, anh hùng Nguyễn Thái Học phụ trách đánh Hải Dương, Kiến An, Thái Bình, Hải Phòng... Tại Hải Dương, ngày 16-2-1930, anh hùng Trần Quang Diệu cùng dân quân đánh chiếm huyện Vĩnh Bảo, giết tên Tri huyện phản quốc ở Gia Mô, rồi dự định phối hợp các cánh quân khác chiếm Ninh Giang, Phả Lại nhưng bị quân Pháp dội bom ở làng Cổ Am. Việc khởi nghĩa không thành, sau đó hai anh hùng Nguyễn Thái Học và Sư Trạch bị bắt tại làng Cổ Vịt, huyện Đông Triều.

Phong cảnh, di tích

Bến Bình Than : Tên một bến sông trên Lục Đầu Giang thuộc làng Trần Xá, huyện Chí Linh. Đây là di tích nổi tiếng, gắn liền với sự kiện lịch sử. Vào năm 1282, khi nhà Nguyên Mông sắp cử đại binh sang xâm lược nước ta. Trước tình hình đó vua Trần Nhân Tông bèn ngự ra bến Bình Than họp các vương hầu và trăm quan bàn cách giữ nước. Đây là hội nghị rất quan trọng, thường được nhắc đến trong lịch sử dân tộc.

Khu Kính Chủ An Phụ : Từ Hà Nội theo quốc lộ 5 qua cầu Phú Lương, qua Phà Thái sẽ tới khu danh thắng này. Khu danh thắng nằm trên dãy núi Dương Nham, như hòn non bộ khổng lồ giữa sóng lúa mênh mang của thung lũng Kinh Thầy. Dãy núi Dương Nham có nhiều hang động kỳ thú như động Kính Chủ, Hang Vang, hang Luồng, hang Trâu... trong đó động Kính Chủ được gọi là "Nam thiên đệ lục động".

Làng Cò : Làng Cò thuộc xã Chi Lăng, huyện Thanh Miện. Gọi là Làng Cò vì làng có một đảo nhỏ nằm giữa hồ vực rộng mênh mông với hàng vạn con cò về đây trú ngụ, xây tổ. Trên đảo có 9 loại cò : cò trắng, cò lửa, cò bộ, cò ruồi, cò đen, cò hương, cò nghênh, cò ngang, diệc. Ngoài ra trên đảo còn có tới ba bốn ngàn con vạc và các loại chim quí hiếm như bồ nông, mòng két, le le... cùng trú ngụ ở nơi đây. Đến nơi đây vào lúc hoàng hôn hay sớm mai vào lúc "giao ca" thú vị giữa

cò và vạc trong cuộc mưu sinh hàng ngày.

Khu danh thắng Phượng Hoàng : Khu danh thắng thuộc xã Văn An, huyện Chí linh. Phượng Hoàng là khu danh thắng có rừng thông bát ngát, suối trong róc rách, núi đá lô xô, chùa tháp cổ kính. Khu danh thắng này có tới 72 ngọn núi ngoạn mục, có mộ và đền thờ Chu Văn An, một người thầy tiêu biểu cho tài cao đức trọng của nền giáo dục Việt Nam; có chùa Huyền Thiên, cung Tử Cục, điện Lưu Quang, am Lệ Kỳ, Miết Trí, Giếng Soi... Khu danh thắng này rất thích hợp cho loại hình du lịch dã ngoại, vãn cảnh, leo núi, thăm di tích lịch sử.

Khu di tích danh thắng Côn Sơn : Khu di tích ở xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, nằm giữa hai dãy núi Phượng Hoàng - Kỳ Lân, cách Hà Nội khoảng 70 km. Khu di tích, danh thắng này gồm có núi non, chùa, tháp, rừng thông, khe suối và các di tích nổi tiếng gắn liền với cuộc đời của nhiều danh nhân trong lịch sử. Ngay từ thời Trần, chùa Côn Sơn là một trong ba trung tâm của thiền phái Trúc Lâm (Côn Sơn - Yên Tử - Quỳnh Lâm). Mảnh đất này đã gắn bó với tên tuổi và sự nghiệp của nhiều danh nhân đất Việt như Trần Nguyên Đán, Huyền Quang và đặc biệt là anh hùng dân tộc danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi. Ngày nay, Côn Sơn còn lưu trữ được những dấu tích văn hóa thời Trần và các giai đoạn lịch sử kế tiếp. Tiêu biểu :

Chùa Côn Sơn : Chùa có tên chữ là Tư Phúc tự, hay còn gọi là chùa Hun, tọa lạc dưới chân núi Côn Sơn, có từ trước đời Trần. Vào đời Lê, chùa được trùng tu và mở rộng rất nguy nga đồ sộ. Trải qua tác động về lịch sử và thời gian, Chùa Côn Sơn ngày nay chỉ còn là một ngôi chùa nhỏ ẩn mình dưới tán lá xanh của các cây cổ thụ. Chùa được kiến trúc theo kiểu chữ công (|) gồm Tiền đường, Thiêu hương, Thượng điện. Thượng điện thờ Phật, có những tượng Phật thời nhà Lê cao 3 m. Phía sau chùa là nhà Tổ, có tượng Trúc Lâm Tam Tổ (Trần Nhân Tông - Pháp Loa - Huyền Quang), tượng ông bà Trần Nguyên Đán, hai pho tượng Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ. Sân chùa có cây đại thụ 600 tuổi, 4 nhà bia, đặc biệt là bia "Thanh Hư động" được tạo từ thời Long Khánh (1373 - 1377) với nét chữ của vua Trần Duệ Tông và bia hình lục lăng, "Côn Sơn thiện từ bi phúc tự".

Giếng Ngọc : Giếng nằm ở sườn núi Kỳ Lân, bên phải là lối lên Bàn Cờ Tiên,

phía dưới chân Đăng Minh Bảo Tháp. Tương truyền đây là giếng nước do Thiền sư Huyền Quang được thần linh báo mộng ban cho chùa nguồn nước quí. Nước giếng trong vắt, xanh mát quanh năm, uống vào thấy khoan khoái dễ chịu. Từ đó có tên là Giếng Ngọc và nước ở giếng được các sư dùng làm nước cúng lễ của chùa.

Bàn Cờ Tiên : Từ chùa Côn Sơn leo khoảng 600 bậc đá là đến đỉnh núi Côn Sơn cao 200 m. Đỉnh Côn Sơn là một khu đất bằng phẳng, tại đây có một phiến đá khá rộng, tục gọi là Bàn Cờ Tiên. Hiện nay Bàn Cờ Tiên có dựng nhà bia theo kiểu Vọng Lâu đình, hai tầng cổ các tám mái. Đứng từ đây, du khách có thể nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn.

Thạch Bàn : Bên suối Côn Sơn có một phiến đá gọi là Thạch Bàn, từ chân núi đi theo lối mòn có kê đá xuống phía chân núi có một tảng đá lớn, mặt phẳng và nhẵn nằm kề ven suối gọi là Thạch Bàn lớn. Tương truyền khi xưa Nguyễn Trãi lấy làm "chiếu thảm" nghỉ ngơi, ngắm cảnh, làm thơ và suy tư việc nước.

Đền Kiếp Bạc : Đền ở xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, cách Hà Nội 80 km và cách Côn Sơn 5 km. Kiếp Bạc là tên ghép của hai vùng Vạn Yên (làng Kiếp) và Dược Sơn (làng Bạc). Nơi đây là thung lũng trù phú, xung quanh có dãy núi Rồng bao bọc tạo cho Kiếp Bạc có một vẻ đẹp vừa kín đáo, vừa thơ mộng.

Vào thế kỷ 13, đây là nơi đóng quân và là phủ đệ của Trần Hưng Đạo, người anh hùng dân tộc, người chỉ huy quân sự tối cao trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông.

Đền thờ ông được dựng vào đầu thế kỷ 14, trên một khu đất ở trung tâm thung lũng Kiếp Bạc. Trong đền hiện còn 7 pho tượng bằng đồng: tượng Trần Hưng Đạo, phu nhân, hai con gái, Phạm Ngũ Lão, Nam Tào, Bắc Đẩu và 4 bài vị thờ con trai. Hàng năm, hội đền được tổ chức vào ngày mất của Trần Hưng Đạo (ngày 20 tháng 8 âm lịch).

Chùa Kính Chủ : Chùa tọa lạc ở xã An Sinh, huyện Kim Môn. Chùa được dựng từ thời Lý (thế kỷ 12) và được trùng tu nhiều lần. Đặc biệt là chùa được tạo từ cảnh quan tự nhiên của động Kính Chủ. Chùa thờ thiền sư Minh Không, Lý Thần Tông, Huyền Quang. Các tượng trong chùa được tạc bằng đá.

Chùa Giám : Chùa toạ lạc ở xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Giàng. Chùa được dựng vào thế kỷ 17 thời Hậu Lê. Trước đây, chùa ở ngoài đê sông Thái Bình. Sau năm 1971, chùa được dời vào địa điểm ngày nay. Chùa là nơi danh y Tuệ Tĩnh sống, học tập và nghiên cứu về y dược nhiều năm. Chùa mang kiến trúc tiêu biểu của thế kỷ 17 - 18, đặc biệt là tòa Cửu Phẩm Liên Hoa đồ sộ, điêu khắc tinh tế.

Đình Mộ Trạch : Đình xây dựng năm 1658 tại xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, thờ Thành Hoàng làng. Mộ Trạch là làng văn hiến nổi tiếng về truyền thống hiếu học và thành đạt của xứ Đông xưa. Làng có 36 tiến sĩ. Di tích lịch sử Mộ Trạch bao gồm: đình làng, chùa Diên Phúc, miếu thờ Thành Hoàng, giếng thờ, nhà thờ Trung Viễn, quán Linh Ứng.

Đền Cao : Đền Cao nằm ở trên một sườn đồi thuộc xã An Lạc, huyện Chí Linh, cách Hà Nội 80 km. Ngôi đền là điểm văn hóa, di tích lịch sử, danh thắng nổi tiếng của nước ta. Đền thờ Vương Đức Minh - Thiên Bồng Đại Tướng Quân Đại Vương. Đền xây dựng theo kiến trúc chữ "đinh" nằm trên ngọn núi Thiên Bồng. Chung quang đền là rừng lim già.

Khi leo hết hơn 100 bậc gạch rêu phong, du khách sẽ được thấy 99 con voi bằng đá. Theo truyền thuyết, đây chính là những con voi vừa thắng trận trở về, chúng tung vòi gầm vang chen nhau xuống dòng Nguyệt Giang mềm mại để uống nước. Ở gian chính điện có bức đại tự viết theo lối đá có thảo 4 chữ lớn "Thanh Thọ Vô Cương", phía bên tả "Cao Sơn Ngưỡng Tử" và bên hữu "Cao Cao Tại Thượng". Trước cửa đền, dưới tán lim cổ thụ là hai hàng voi đá, ngựa đá. Ngoài đền Cao còn có ngôi đền nữa với kiểu kiến trúc độc đáo. Đền Cao là điểm hẹn của những người biết tôn trọng lịch sử văn hóa dân tộc.

Văn Miếu Mao Điền : Mao Điền là trung tâm văn hóa, ngoại giao, chính trị, quân sự và kinh tế của tỉnh Hải Dương xưa. Tháp được xây dựng năm 1807. Năm Minh Mạng thứ tư (1823), Văn Miếu đã được đại tu và đã trở thành một công trình văn hóa to và đồ sộ trên gò đất cao rộng ở xã cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng.

Chùa Làng Hà Lôi : Làng Hà Lôi ở gần Đông Triều, có cảnh chùa rất đẹp do nhà sư Nguyễn Minh Không xây dưới núi Quỳnh Lâm, từ đời nhà Trần. Tượng trong chùa đều đúc bằng đồng.

Lăng Vua Nhà Trần : Nhiều lăng vua nhà Trần xây ở Hải Dương, phía Bắc Đông Triều : Thái Lăng của vua Trần Anh Tông, Mục Lăng của vua Trần Minh Tông, Khu Lăng của vua Trần Dụ Tông, Nguyên Lăng của vua Trần Nghệ Tông, An Sinh Lăng của vua Trần Thuận Tông.

Một số di tích lịch sử khác như :

Làng Linh Giang có đền thờ ông Mạc Đỉnh Chi (người làng Lũng Động, huyện Nam Sách), danh sĩ, danh thần dưới các triều vua Trần Anh Tông, Trần Minh Tông và Trần Hiển Tông, người đã dùng văn chương áp đảo cả triều thần Mông Cổ. Làng Chi Điền, huyện Nam Sách có đền thờ Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng. Huyện Thanh Hà, cách tỉnh lỵ Hải Dương 13 km về Đông-Nam, có chùa Minh Khánh thờ vua Trần Nhân Tông. Làng Tràng Liệt có đền thờ bà Đoàn Thị Tú, người phụ nữ nổi dậy chống quân cướp của "quận He" Nguyễn Hữu Cầu và được vua Lê ban tước hiệu Quận phu nhân. Làng Phù Vệ có chùa thờ Đại sư Pháp Loa Đồng Kiên Cương (người huyện Chí Linh), danh tăng đời nhà Trần, đệ tử đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông và là đệ nhị tổ của giòng Thiền Trúc Lâm. Làng Trung Am có đền thờ một vị tướng của Hai Bà Trưng tử trận ở Lạng Sơn. Làng Dưỡng Mông có cảnh chùa xây từ đời nhà Trần (1332), thờ Đại sư Vương Huệ danh tiếng. Làng Liễu Tràng có đền thờ ông Lương Như Hộc (người làng Thanh Liễu, huyện Gia Lộc), một Trạng nguyên hay chữ và là ông Tổ nghề khắc mộc bản in sách thời xưa.

Huyện Cẩm Giàng xây chùa Giám, có tháp gỗ "Cửu Phẩm Liên Hoa", một di tích về mỹ thuật tôn giáo. Làng Trúc Lâm thờ ông Nguyễn Thời Trung, ông Tổ của ngành thuộc da.

Vùng Đông Triều đẹp nhất tỉnh Hải Dương, có địa danh Phả Lại là nơi dân ta giao chiến nhiều trận với quân Mông Cổ, và núi Mật Sơn rất hùng vĩ. Đông Triều có rặng Yên Tử chạy lan qua tỉnh Quảng Yên, có khá nhiều chùa cổ như : Chùa Bảo Đài, trên núi Bảo Đài; Trúc Lâm Đệ Nhất Tổ (tức vua Trần Nhân Tông) từng ở đây. Chùa Bảo Sát, cũng dựng từ đời nhà Trần và thờ Pháp Loa thiền sư, là một trong những danh thắng của vùng núi Yên Tử, ở gần chùa Thiên Trúc (tức chùa Đồng); đặc biệt mái chùa Bảo Sát lợp toàn bằng kẽm. Chùa Hộ Thiên xây đời

Trần, thuộc phái Thiền Trúc Lâm.

Làng Phù Ủng còn có chùa Bảo Sơn, dựng từ đời nhà Trần. Đất Hải Dương là quê quán của nhiều người tài giỏi, góp công rất lớn trong việc cứu nước và xây dựng đất nước qua nhiều lãnh vực.

Huyện Nam Sách, làng Thanh Khê : Hình bộ Thượng thư Nguyễn Thuyên (Hàn Thuyên) triều Trần Thái Tông, người đầu tiên gây phong trào thơ Nôm, tác giả "Văn Tế Cá Sấu", "Phi Sa Tập"...

Huyện Chí Linh : Danh tướng Phạm Cự Lượng, giúp vua Lê Đại Hành đánh thắng quân Tống. Làng Chi Ngại: Nguyễn Phi Khanh là danh sĩ đời vua Trần Duệ Tông, tác giả Nhị Khê tập. Con ông là anh hùng Nguyễn Trãi, người có công rất lớn trong cuộc kháng chiến đánh đuổi giặc Minh, ông còn là một nhà văn học, chính trị, địa dư, giáo dục nổi tiếng, các tác phẩm điển hình của ông là Bình Ngô Đại Cáo, Quân Trung Từ Mệnh Tập, Dư Địa Chí, Ngọc Đường Di Tập, Gia Tự Đại Lễ, Thạch Bàn Đồ, Gia Huấn Ca và nhiều bài thơ giá trị. Xã Lũng Động : Mạc Hiển Tích, giỏi chính trị và văn thơ đời vua Lý Nhân Tông. Xã Lục Dương : Dương Tồn, danh thần đời Hậu Lê, giỏi binh pháp, tinh thông địa lý, nổi tiếng về thơ phú. Làng Thượng Đáp : Ngô Hoán, tài kiêm văn võ, thi nhân trong hội Tao Đàn của vua Lê Thánh Tông. Xã Lạc Sơn : Nguyễn Thọ Xuân, danh sĩ thời Lê mạt, tác giả Duy Nghĩa Lý Phong Niên phú...

Cùng huyện có xã Chi Ngại, núi Côn Sơn, nơi tri sĩ của Trần Nguyên Đán (đại thần đời Trần mạt, ông ngoại của Nguyễn Trãi) và anh hùng Nguyễn Trãi. Xã Kiệt Đặc, gần núi Phượng Hoàng là chỗ ở của hiền thần Chu An (tước Văn Trinh Công nên ta thường tôn là Chu Văn An). Sau vụ ông dâng sớ xin chém bảy nịnh thần và bị vua Trần Minh Tông bác bỏ, ông về mở trường dạy học và sống đạm bạc ở nơi này đến khi mất nên được dân chúng coi như một bậc thầy tiêu biểu cho Nho học.

Huyện Bình Giang, có làng Mộ Trạch phát sinh nhiều người tài : Vũ Quỳnh, sử gia triều Lê Thánh Tông, soạn bộ sử giá trị Việt Giám Thông Khảo gồm 26 quyển; con ông là Vũ Cán, 28 tuổi giữ chức Lệ bộ Thượng thư triều Lê Thánh Tông, viết sách Tứ Lục Bị Lâm. Vũ Dự, tướng giỏi đời vua Lê Thánh Tông. Vũ Huy Tấn,

giỏi ngoại giao và văn chương dưới triều Quang Trung Hoàng Đế, tác giả tập thơ Hoa Trinh Tùy Bộ. Vũ Huyên, giỏi ngoại giao và đánh cờ, vua Lê Phong "Đấu kỳ Trạng nguyên", toán học, viết quyển Toán Pháp Đại Thành. Vũ Phong, danh thần đời Lê Thánh Tông, nổi tiếng chính trực và vô địch về môn đánh vật. Vũ Phượng Đề, danh sĩ triều Lê Ý Tông, đỗ Thám Hoa (Tiến sĩ) tác giả tập bút ký Công Dư Tiệp Ký. Lê Cảnh Tuân, danh sĩ đời Trần, tác giả Vạn Ngôn thư, ông có hai người con là Lê Thiếu Dinh và Lê Thúc Hiển theo Bình Định Vương Lê Lợi khởi nghĩa, lập nhiều chiến công.

Cùng huyện Bình Giang, có xã Thời Cử là quê Nguyễn Kim An, danh sĩ đời vua Lê Thánh Tông, rất thông minh, đi làm lính chầu mà đậu luôn ba kỳ thi Hương, thi Hội và thi Đình. Làng Đa Loan có Phạm Đình Hổ, bạn văn chương của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, tác giả những bút ký về lịch sử, địa lý như Vũ Trung Tùy Bút, An Nam Chí, Ai Lao Sứ Trình, Bang Giao Điển Lệ. Xã Trương Tân có Đoàn Như Hải, nhà chính trị và ngoại giao lỗi lạc dưới các triều vua Trần Anh Tông, Trần Minh Tông và Trần Hiến Tông. Xã Lương Ngọc có Phạm Quý Thích, danh sĩ thời Lê mạt, tác giả Lập Trai văn tập, Thảo Đường thi tập. Làng Châu Khê có Lưu Xuân Tín là ông Tổ nghề đúc tiền, vàng thoi, bạc thoi ở nước ta dưới triều vua Lê Thánh Tông. Làng Lương Ngọc là quê Ngô Văn Dạng, danh sĩ thời Tự Đức, đỗ cử nhân nhưng không ra làm quan, mở trường dạy học trò nghèo.

Huyện Kinh Môn, có xã Khinh Diêu là quê Phạm Đình Trọng, làm Binh Bộ Thượng Thư triều Lê Hiến Tông, văn võ toàn tài, đã dẹp loạn Nguyễn Hữu Cầu nói ở trên. Cha ông là Phạm Đình Trung, danh thần đời Lê Hy Tông, giữ chức Đô Ngự Sử. Làng Hiệp Thạch, quê Phạm Sư Mạnh, môn đệ Chu Văn An, danh sĩ đời Trần, từng làm Hữu Thừa Tướng (coi cả chính trị lẫn văn học) đời Trần Dụ Tông, tác giả Hiệp Thạch Thi Tập.

Huyện Cẩm Giàng, làng Văn Thái là quê của đại sư Tuệ Tĩnh, một ông Tổ về y học của nước Nam, người đầu tiên dạy nghề thuốc ở nước ta dưới triều Đinh và Tiền Lê, tác giả tập sách Nam Dược. Đây cũng là nơi sinh trưởng của nhà văn Thạch Lam Nguyễn Trường Lân (nguyên quán Quảng Nam), em ruột hai nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long; ông bắt đầu

viết báo và sáng tác từ năm 1931, có chân trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn và là tác giả Gió Đầu Mùa, Nắng Trong Vườn, Sợi Tóc, Ngày Mới, Theo Giòng, Hà Nội 36 Phố Phường (phóng sự), Quyển Sách, Hạt Ngọc...

Huyện Thanh Hà, làng Thúy Lâm là quê Ông Nhất, người trồng cây vải thiều đầu tiên tại nước ta, vào năm 1857.

Huyện Vĩnh Bảo, xã Hà Dương là quê của Dương Đức Nhan, danh sĩ đời vua Lê Thánh Tông, tác giả Cổ Kim Thi Gia Tinh Tuyển.

Các dịp lễ hội

Hải Dương là một trong những cái nôi của nền văn hóa lâu đời của dân tộc Việt Nam. Lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc đã để lại cho vùng đất này một tài sản vô giá về du lịch với hàng trăm di tích lịch sử văn hóa. vùng đất này gắn bó với tên tuổi và sự nghiệp của nhiều danh nhân nước Việt như Trần Nguyên Đáng, Nguyễn Trãi, Mạc Đỉnh Chi, Phạm Sư Mạnh, nơi sinh và lớn lên của đại danh y Hải Thượng Lãn Ông, Lê Hữu Trác. Đây cũng chính là mảnh đất đã tạo nên làng nghề truyền thống với những sản phẩm tinh xảo đã từng nổi tiếng từ nhiều thế kỷ. Hải Dương với đặc sản vải Thanh Hà đã có mặt hầu hết mọi miền trong cả nước. Hải Dương cũng chính là nơi có nền văn hóa dân gian đặc sắc của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng với các loại hình nghệ thuật: hát ca trù, hát chèo, hát xẩm... Về với Hải Dương, chúng ta trở về với những lễ hội truyền thống của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, tiêu biểu là các lễ hội :

Lễ hội Côn Sơn : Chùa Côn Sơn ở huyện Chí Linh, thờ Huyền Quang (Lý Đạo Tái) một trong ba vị sáng lập thiền phái Trúc Lâm và Nguyễn Trãi - nhà văn hóa lớn của Việt Nam thế kỷ 15, nhà quân sự, chính trị thiên tài của nghĩa quân Lam Sơn. Lễ hội mở vào ngày 18 đến 23 tháng giêng âm lịch nhằm tưởng nhớ vị tổ thứ 3 của thiền phái Trúc Lâm. Khách thập phương đến với lễ hội để tưởng niệm và vãn cảnh danh thắng.

Hội đền Kiếp Bạc : Lễ hội đền Kiếp Bạc diễn ra hàng năm từ ngày 18-20 tháng 8 âm lịch tại đền Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, huyện Chí linh. Đền Kiếp Bạc thờ Trần Hưng Đạo, vị tướng kiệt xuất thời Trần, tài đức song toàn. Lễ hội gồm có lễ rước, diễn thủy binh trên sông Lục Đầu. Khách hội về dự rất đông vừa để vãn cảnh,

vừa để tham dự ngày giỗ của tướng quân Trần Hưng Đạo.

Hội đền Quan lớn Tuần Tranh : Theo truyền thuyết đền thờ thần Sông Nước để thuyền bè đi ngang qua được bình an. Lễ hội hàng năm được mở vào ngày 25 tháng 2 âm lịch gần bến đò Tranh, Ninh Giang, Hải Dương để cúng thần Sông, cầu bình an. Ngoài nghi thức lễ bái, hội có lên đồng, hầu bóng, hát chầu văn.

Hội đền Yết Kiêu : Đền Yết Kiêu ở làng Hạ Bì, Hải Dương thờ Yết Kiêu là tướng tài của Trần Hưng Đạo. Hạ Bì là quê hương ông. Lễ hội hàng năm được mở vào ngày 8 tháng 2 âm lịch để ghi nhớ công ơn của ông trong những cuộc kháng chiến chống quân Nguyên. Sau phần nghi lễ, phần hội có đánh cờ, bơi, đánh đáo đĩa.

Hội đền Quát : Đền Quát thuộc xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, thờ Yết Kiêu. Lễ hội được mở vào ngày 15 tháng 8 dương lịch để tưởng nhớ công ơn của ông. Hội có bơi trải và bơi triềng trình làng.

Lễ hội đền Cao : Lễ hội đền Cao mở trong 3 ngày từ ngày 22 đến ngày 24 tháng giêng âm lịch hàng năm. Ngày rước thánh là ngày 22. Tất cả kiệu rước, nghi trang, cờ quạt tán lọng đều được sắp sửa ở đền Cả, đến ngày 23 sẽ rước về đền Cao và làm lễ dâng hương. Sáng 23, lễ hội bắt đầu bằng đám rước kiệu. Đi trước là đội rồng và kỳ lân, tiếp sau có 6 kiệu. Kiệu thứ nhất rước bài vị sắc phong của năm anh em họ Vương. Kiệu thứ hai rước ông anh cả là Vương Đức Minh. Kiệu thứ ba rước ông Vương Đức Xuân. Kiệu thứ tư rước ông Vương Đức Hồng và thứ năm rước bà Vương Thị Đào và Vương Thị Liễu. Ngoài ra còn có kiệu rước Thành Hoàng làng. Đoàn rước xuất phát từ đền Cả qua đền Bến Cả, đền Bến Tràng rồi dừng ở đền Cao. Sau lễ dâng hương các kiệu được đặt an vị trong đền Cao. Sau đó là lúc mọi người trẩy hội và thắp hương. ngày cuối cùng của lễ hội, bốn kiệu rước được đưa về đền Cả. Cảnh lễ hội diễn ra thật náo nức, sống động.

Hải Phòng

Diện tích : 1507,6 km².

Dân số : 1.711.100 người (2001).

Thị xã : Thị xã Đồ Sơn.

Các huyện : Thủy Nguyên, An Hải, An Lão, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Cát Hải, Bạch Long Vĩ.

Dân tộc : Việt (Kinh), Hoa.

Thành phố Hải Phòng nằm trên hữu ngạn sông cửa Cấm, là một hải cảng lớn miền Bắc, ngày xưa có tên là bến giáp làng Lạc Viên, phía Nam giáp các làng Hành Kinh, Gia Viễn, An Dương và Lạc Viên, phía Tây giáp làng Hạ Lý, Hải Phòng cách thành phố Hà Nội 106 km về hướng đông. Phố xá Hải Phòng tương đối rộng rãi, xây theo hướng nam bắc đông tây, nhà cửa san sát nhau.

Khí hậu Hải Phòng tốt nhờ gió biển, cuối mùa đông và đầu mùa xuân có mưa phùn, gió tây bắc thổi mạnh trong hai tháng cuối và tháng giêng. Gió mùa hạ thổi hướng đông nam và phía Đông tạo những trận mưa và bão. Mùa bão thường có từ tháng sáu đến tháng chín. Nhiệt độ trung bình cả năm là 23,8°C.

Hải Phòng có nhiều đường giao thông rất quan trọng, ngoài quốc lộ 5, hai liên tỉnh lộ 10 và 14, Hải Phòng có các dòng sông và đường biển có thể đi đến nhiều tỉnh và thành phố lớn trong nước.

Với di chỉ khảo cổ Cái Bèo (Cát Bà) chứng tỏ mảnh đất này cách đây trên 6000 năm đã có người sinh sống. Hiện nay, Hải Phòng còn giữ được nhiều di tích lịch sử, nhiều danh lam thắng cảnh, nhiều đền, chùa, lăng miếu, sinh hoạt văn hóa dân tộc trên từng làng xã.

Hải Phòng là một cảng biển lớn nằm trên đường hàng hải quốc tế Đông - Tây, Bắc - Nam. Hàng trăm năm nay người Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha... đã đến đây buôn bán.

Hải Phòng thực sự là một trung tâm thương mại, một thành phố công nghiệp lâu đời, một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống các đường giao thông thủy, bộ, đường sắt, hàng không, phục vụ việc giao lưu hàng hóa và hành khách cho các tỉnh miền Bắc Việt Nam, một số tỉnh phía Nam Trung Quốc, cho cả nước và quốc

tế.

Nằm trong tuyến du lịch Hà Nội - Hải Phòng - vịnh Hạ Long. Hải Phòng có khu nghỉ mát với những bãi biển lượn quanh bán đảo Đồ Sơn, vươn ra biển đông tới 5 km. Từ nhiều năm nay, Đồ Sơn đã trở thành một khu nghỉ mát và giải trí nổi tiếng trong nước và quốc tế. Hiện nay Đồ Sơn đang được xây dựng thành trung tâm du lịch và giải trí theo tiêu chuẩn quốc tế.

Từ Đồ Sơn bằng tàu biển cao tốc, du khách có thể tới thăm đảo và vườn quốc gia Cát Bà, thăm vịnh Bái Tử Long và Vịnh Hạ Long. Quần đảo đá vôi Cát Bà, nằm kề bên vịnh Hạ Long với hàng trăm núi, đảo lớn nhỏ mọc giữa biển cả. Đảo chính Cát Bà có vườn quốc gia, những vạt rừng nguyên sinh nhiệt đới tồn trữ nhiều loại cây rừng và thú hiếm, những dãy núi đá vôi hùng vĩ mang trong lòng nhiều hang động kỳ thú, những bãi tắm thiên tạo, nước biển trong xanh xen kẽ những vùng biển tĩnh lặng nằm giữa các đảo đá, những suối đầu nguồn trên các dốc núi và cả hồ trên núi. Xa xa là đảo Bạch Long Vĩ nằm giữa vịnh Bắc Bộ.

Sinh hoạt, kinh tế

Vì là thành phố chuyên về mua bán nên mật độ dân cư khá cao, ngoài ra còn có một số người Việt gốc Hoa và người Hoa, dân chúng theo đạo Phật và Thiên Chúa.

Thành phố Hải Phòng ít ruộng đất nên việc trồng trọt không có gì đáng kể. Ngành kỹ nghệ và thương mại Hải Phòng rất phát triển. Cảng Hải Phòng khá lớn, tàu bè có trọng tải nặng có thể ghé đến buôn bán. Trước đây có nhiều xưởng kỹ nghệ làm xi măng, than gạch, đồ sành, thủy tinh, xà phòng... làm ăn phát đạt.

Lược sử

Trước đây thành phố Hải Phòng là đất thuộc thành phố Hải Dương. Với hiệp ước 15-3-1874, triều đình Huế phải nhường Hải Phòng cho quân Pháp. Lúc đó, nơi này chỉ là một cái chợ, và khu vực chung quanh chỉ rộng khoảng 15 mẫu tây, trông giống cái dầm to, chỗ nào cũng có đất nổi lên, có những đê nhỏ giao thông với nhau; rồi hồ ao được lấp dần, quân Pháp cho xây tòa lãnh sự và người của chúng đến lập nghiệp vào năm 1875 và làm nhà tạm ở bờ sông Tam Bạc. Từ năm 1882 đến năm 1885, một số cửa hàng lớn mở ra, bến Hải Phòng lúc đó còn nhiều cát,

phải có tàu vét bớt để tàu bè dễ ra vào.

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng làm nức lòng đồng bào cả nước, có anh thư Lê Chân được phong chức Tiên Phong Nữ Tướng đem quân đánh giặc Tô Định, lập được nhiều chiến công, được giao trách nhiệm trấn thủ Hải Phòng, lập nên xóm làng, huấn luyện dân chúng thành các tổ kháng chiến. Khi quân Pháp chiếm miền bắc nước ta, cảng Hải Phòng là một trong những nơi đưa các nhà ái quốc xuất dương mưu cầu việc nước.

Phong trào Đông Du được phát động. Năm 1904, anh hùng Tăng Bạt Hổ từ Nhật trở về. Năm sau, ông và anh hùng Phan Bội Châu bí mật rời Hải Phòng qua Nhật để gặp các nhà cách mạng Nhật và Trung Hoa như Khuyên Dưỡng Nghị, Tôn Văn... Nói đến việc xuất dương, phải kể đến anh hùng Nguyễn Hữu Tuệ (quê Hải Phòng), là người nhiệt tâm yêu nước, lợi dụng làm công dưới tàu ông đã che chở, giúp đỡ các nhà cách mạng và sinh viên xuất ngoại. Có lần Pháp tình nghi bắt giam nhưng ông nhất quyết không nói nửa lời. Ông mất tại Hải Phòng năm 1938. Năm 1925 cụ Phan Bội Châu bị quân Pháp bắt bên Tàu giải về nước đòi xử tử. Sinh viên học sinh các trường kỹ nghệ chuyên nghiệp tại Hải Phòng liền biểu tình dữ dội yêu cầu quân Pháp thả người anh hùng yêu nước.

Phong cảnh, di tích

Biển Đồ Sơn : Thị xã Đồ Sơn cách trung tâm thành phố Hải Phòng khoảng 22 km về phía Đông Nam, nằm giữa hai cửa sông Lạch Tray và sông Văn Úc. Đây là một bán đảo với đồi núi, rừng cây nối tiếp nhau vươn ra biển đến 5 km.

Từ xưa người Pháp đã xây dựng khu Đồ Sơn thành khu nghỉ mát dành cho quan chức Pháp và giới thượng lưu người Việt. Năm 1950, sân bay Đồ Sơn được xây dựng.

Bãi biển Đồ Sơn được chia làm 3 khu, mỗi khu đều có bãi tắm, đồi núi, rừng thông yên tĩnh. Khu II có tòa nghỉ mát của Bảo Đại, ông vua cuối cùng của triều Nguyễn. Khu III có công trình kiến trúc nhỏ dáng dấp mô phỏng như ngôi chùa nên từ lâu thành tên gọi là Pagodon. Đặc biệt cuối bán đảo là đồi đất cao trên có Hotel de la Pionte hay khách sạn Vạn Hoa. Đây là một công trình kiến trúc đẹp nhất của Đồ Sơn. Tòa nhà có hai tháp hình chóp, như một lâu đài cổ. Tường đá

lâu đài được xây từ mép biển lên đến đỉnh đồi tạo dáng vẻ bề thế vững chắc.

Núi Voi : Là một quần thể thiên nhiên đa dạng, cách trung tâm thành phố Hải Phòng 20 km về phía Tây Nam. Núi Voi là một ngọn núi cao nhất ở phía Bắc Kiến An, bên bờ sông Lạch Tray. Ngay dưới chân núi có động Long Tiên. Trong động thờ bà Lê Chân, một nữ tướng của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, người đã lập ra làng An Biên, Hải Phòng ngày nay. Núi Voi có nhiều hang động đẹp: hang Họng Voi, hang Chiêng, hang Cá Chép, hang Bể... phía Nam núi Voi có động Nam Tào, phía Bắc có động Bắc Đẩu. Trong hang động có nhiều nhũ đá, măng đá với muôn hình kỳ lạ như rồng chầu, hổphục, đầu voi... Trên đỉnh núi Voi có một khoảng đất tương đối bằng phẳng gọi là bàn cờ cõi tiên. Trên núi còn nhiều vết tích đền chùa và vết tích thành nhà Mạc được xây dựng vào thế kỷ 16. Đặc biệt các nhà khảo cổ còn tìm thấy nhiều di vật của người xưa như rìu, đục bằng đá, đồng cách đây gần 3000 năm.

Đảo Cát Bà và vườn Quốc gia Cát Bà : Cát Bà là một quần đảo có tới 366 đảo lớn, nhỏ. Đảo chính là Cát Bà rộng khoảng 100 km², cách cảng Hải Phòng 30 hải lý, tiếp nối với vịnh Hạ Long tạo nên một quần thể đảo và hang động trên biển làm mê hồn du khách. Diện tích vườn quốc gia Cát Bà được quy hoạch bảo vệ là 15.200 ha, trong đó 9800 ha rừng và 4200 ha biển.

Địa hình vườn đa dạng, chủ yếu là dãy núi đá vôi với nhiều hang động kỳ thú và xen kẽ là những bãi cát trắng phau, mịn màng, nơi du khách tắm biển. Các ngọn núi đá vôi có độ cao trung bình 150 m, cao nhất là đỉnh Cao Vọng cao 322 m so với mặt biển.

Tại đây, hệ động vật có tới 20 loài thú, 69 loài chim, 20 loài bò sát và lưỡng cư, 11 loài ếch nhái. Đặc biệt là loài voọc đầu trắng tìm thấy ở các vách núi đá cheo leo ven biển Cát Bà. Đây là loài thú quý được ghi vào sách đỏ để bảo vệ, trên thế giới hầu như không còn loại này. Ở đây còn có khỉ vàng, sơn dương và nhiều loài chim đẹp như cao cát, bói cá, hút mật, đầu rìu...

Vườn quốc gia Cát Bà là nơi có những cánh rừng nguyên sinh nhiệt đới lớn của Việt Nam. Theo điều tra bước đầu, ở đây có 745 loài thực vật, 495 chi, 149 họ, trong đó có 350 loài cây thuốc. Nhiều cây quý cần bảo vệ như chò đôi, trai lý, lát

hoa, kim giao, cọ Bắc Sơn...

Sông Bạch Đằng : Ở phía Đông Bắc Hải Phòng, cách trung tâm thành phố 20 km. Bạch Đằng là con sông nổi tiếng với những chiến công vang dội trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.

Năm 938, Ngô Quyền đã đánh tan các đạo thủy binh lớn của quân Nam Hán. Năm 981, tướng Lê Hoàn (tức vua Lê Đại Hành) cũng đã tiêu diệt các đạo thủy binh của quân Tống trên sông Bạch Đằng. Năm 1288, quân dân nhà Trần dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trần Hưng Đạo đã nhấn chìm hàng trăm chiến thuyền quân Nguyên - Mông, bắt sống tướng Ô Mã Nhi, chấm dứt âm mưu thôn tính Việt Nam của quân xâm lược Nguyên - Mông. Hàng năm trên dòng sông lịch sử này thường có hội thi bơi truyền thống vượt sông Bạch Đằng.

Thắng cảnh Tràng Kênh : Tràng Kênh là một quần thể núi đá vôi hang động, sông, nước với cảnh trí thiên nhiên nên thơ, thuộc huyện Thủy Nguyên cách trung tâm thành phố Hải Phòng 20 km về phía Đông Bắc.

U Bò là một ngọn núi trong quần thể đồi núi này, tương truyền đây là nơi Trần Hưng Đạo đã đứng để chỉ huy trận chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông. Đứng trên núi U Bò, du khách có thể ngắm nhìn toàn cảnh sông Bạch Đằng. Sông núi tĩnh lặng, trời nước mênh mang với nhiều huyền thoại làm cho cảnh sắc nơi đây càng thêm hấp dẫn.

Quanh Tràng Kênh có nhiều hang động kỳ thú. Hang Vua thuộc xã Minh Tân, cao 18 m, rộng 10 m. Trong hang có nhiều ngách, có suối nước quanh năm trong mát. Gọi là hang Vua vì tương truyền vua Hùng thứ 18 đã lập li cung ở đây. Đền thờ vua Hùng được đặt ở phía chính giữa hang, tượng vua được tạc bằng đá, trông rất sinh động.

Tràng Kênh đã được các nhà khảo cổ phát hiện ra nơi đây là xưởng chế tác đồ trang sức của người xưa, cách nay trên 4000 năm. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đây còn là một căn cứ cách mạng của quân và dân Hải Phòng.

Quán Hoa : Quán Hoa được xây dựng vào cuối năm 1944 dùng để bán hoa. Đây là một dãy gồm 5 quán hoa nhỏ xinh xinh, mái cong ngói vẩy với 4 cột tròn như mang đậm nét kiến trúc Đông Phương. Quán Hoa ẩn mình dưới tàn lá xanh, hoa

đỏ của hàng cây phượng vĩ mang vẻ đẹp dịu dàng như chính vẻ đẹp truyền thống của Hải Phòng.

Nhà hát lớn thành phố : Nhà hát lớn nằm ở khu trung tâm - quảng trường thành phố, xây dựng từ năm 1904, bản vẽ, thiết kế, nguyên vật liệu xây dựng mang từ Pháp sang, do kiến trúc sư Pháp mô phỏng theo các Nhà hát của Pháp thời Trung Cổ. Nhà hát lớn cao hai tầng, có hành lang, tiền sảnh, phòng gương, phòng gửi quần áo, căn tin... và một sân khấu chính với khán trường 400 ghế. Trần khán trường hình vòm có trang trí lẵng hoa và ghi tên các văn nghệ sĩ nổi tiếng. Quảng trường nhà hát là nơi hội họp vào những ngày lễ lớn của dân tộc.

Chợ Sắt : Nằm bên bờ của ngã ba sông Cấm và sông Tam Bạc, chợ Sắt là chợ lớn nhất thành phố Hải Phòng. Trước kia, nơi đây là chợ phiên An Biên tấp nập người đến mua, kẻ bán. Khi thành phố được thành lập (1888), chợ được xây dựng với những gian nhà lớn, vật liệu chủ yếu là sắt thép, nền xi măng, có tháp nước, vì thế được gọi là "chợ Sắt".

Tháng 5-1992 chợ Sắt được xây dựng thành một trung tâm thương mại, dịch vụ sáu tầng. Diện tích mặt bằng 13.210 m²; diện tích sử dụng 39.829 m². Tầng 1, 2, 3 là nơi buôn bán với hơn 2000 gian hàng. Tầng 4, 5, 6 là khách sạn, nhà hàng, vũ trường và các văn phòng đại diện khác.

Chợ Sắt hàng ngày không chỉ tiếp đón khách hàng đến mua và bán mà đây cũng là địa chỉ hấp dẫn du khách mỗi khi có dịp đến Hải Phòng.

Đình Hàng Kênh : Đình Hàng Kênh được dựng vào khoảng thế kỷ 17-18, đến năm 1905 được mở rộng như ngày nay. Đình còn có tên là đình Nhân Thọ. Đình Hàng Kênh là công trình có giá trị lớn về điêu khắc gỗ. Trong đình còn có 126 mảng chạm khắc, con rồng là đề tài chính. Toàn bộ công trình chạm khắc tới 308 hình rồng to, nhỏ khác nhau. Trong đình có tượng vua Ngô Quyền và kiệu bát cống là hiện vật có giá trị mỹ thuật cao.

Hàng năm từ ngày 16 đến ngày 18 tháng 2 âm lịch, đình mở hội có tế lễ, diễn chèo, tuồng, ca trù, chầu văn và các trò chơi cờ tướng, đấu vật, chọi gà... thu hút đông đảo nhân dân khắp nơi tham dự.

Chùa Dư Hàng (Phúc Lâm Tự) : Chùa thuộc phường Hồ Nam, quận Lê Chân,

cách trung tâm Hải Phòng khoảng 2 km về phía Tây Nam. Chùa được xây dựng vào đời Tiền Lê (980 - 1009). Vua Trần Nhân Tông (258 - 308) vị vua mộ đạo Phật đã từng đến giảng đạo tại Phúc Lâm Tự. Chùa đã được trùng tu nhiều lần. Ngày nay chùa Dư Hàng được xếp hạng là một di tích lịch sử. Chùa còn lưu giữ nhiều hiện vật quý : tượng Phật, đỉnh đồng, chuông, khánh, đặc biệt là bộ sách kinh Tràng A Hàm là tài liệu cổ về giáo lý đạo Phật.

Đền Nghè : Đền nằm ở trung tâm thành phố, cách nhà hát thành phố chừng 600 m về phía Tây Nam. Đền thờ bà Lê Chân, một nữ tướng của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thế kỷ thứ 1 (40 - 43), người lập ra làng An Biên, tiền thân của thành phố Hải Phòng sau này.

Lúc đầu, đền là một miếu nhỏ. Năm 1919, tòa Hậu cung của đền được xây dựng, năm 1926 tòa Tiền bái được xây dựng. Đây là một tổng thể di tích lịch sử gồm voi đá, ngựa đá, sập đá, bia đá và các tòa kiến trúc.

Đình Nhân Mục : Đình ở làng Nhân Mục, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, được xây dựng vào thế kỷ 17. Đình đã được trùng tu nhiều lần. Lần trùng tu cuối cùng là vào năm 1941. Đình gồm 5 gian tiền đường, chiều dài 15 m, rộng 5 m. Hậu cung dài 9 m, rộng 1 m. Đình lợp ngói mũi hài. Ngôi đình hiện nay còn giữ những nét kiến trúc tiêu biểu của thế kỷ 17. Đao đình là sự tiếp nối của bờ xối kết hợp với mái tàu. Đặc biệt đình có bộ khung sườn bằng gỗ tứ thiết được liên kết bằng vì kèo xà với kỹ thuật sâm mộng.

Đình Nhân Mục có nhiều cổ vật quý như kiệu bát cống thế kỷ 17, bia đá cao 1,8 m, dài 0,26 m là tác phẩm chạm khắc tuyệt vời vào năm 1694, bình pha trà gốm men ngọc thế kỷ 14. Đình Nhân Mục còn là nơi bảo lưu những sinh hoạt văn hóa cổ truyền của dân tộc. Hàng năm tại đây trong ngày hội có nghệ thuật múa rối nước rất độc đáo của vùng.

Chùa Phổ Chiếu : Chùa được xây dựng vào năm 1953 do sư Ngô Chân Tử kiến lập và trụ trì, ở xã Dư Hàng Kênh, huyện An Hải. Lúc đầu, chùa thờ Tam Giáo Đồng Nguyên. Đến năm 1954 một hòa thượng thuộc phái Lâm Tế về trụ trì, trùng tu và mở rộng ngôi chùa, thờ Phật, đổi tên là chùa Phổ Chiếu. Chùa hiện còn giữ một số di vật bằng đất nung và đá cổ, các mảng trang trí ở tháp cổ Tường Long,

những tháp đất nung cổ, 4 tầng, có 4 cạnh, cao 0,35 m.

Các dịp lễ hội

Tới thăm Hải Phòng vào mùa xuân du khách có thể tham dự lễ hội, thăm cả di tích lịch sử. Vào mùa hè, tham gia những chuyến du lịch và tham gia vui chơi giải trí tại bãi biển Đồ Sơn, hải đảo Cát Bà, vịnh Bái Tử Long và vịnh Hạ Long. Vào mùa thu, tham gia các hội chọi trâu và các hoạt động văn hóa dân gian. Vào mùa đông, có thể giải trí với thú vui leo núi, thăm hang động tại Cát Bà, Núi Voi. Người Hải Phòng sẽ làm hài lòng du khách với những món ăn đặc sản của biển và những cuộc du lịch vui vẻ trên biển cả mênh mông trong nắng ấm của miền nhiệt đới.

Lễ hội chọi trâu : Đây là lễ hội độc đáo và nổi tiếng của Đồ Sơn (Hải Phòng). Lễ hội diễn ra trong 2 ngày (từ 8 đến 9-8 âm lịch). Lễ nghi thật trang trọng, có lọng che, kiệu rước thần, phường bát âm... Mở đầu trận đấu là màn múa cờ tưng bừng của mấy chục nam nữ thanh niên khỏe. Sau tiếng loa từng cặp trâu vào sới chọi. Có nhiều cặp trâu thi đấu, chúng xông vào nhau, dùng sức mạnh để húc, để ghì, khóa sừng nhau. Con nào bỏ chạy là thua. Trâu thắng vào chung kết ngày mồng 9 tháng 8 âm lịch, trâu nào giành được giải nhất được rước về đình trong tiếng hò reo, hân hoan của cộng đồng. Trâu thắng hay trâu thua đều bị làm thịt để cúng thần và chia cho mọi người gọi là "lộc".

Múa rối cạn và múa rối nước : Múa rối là một loại hình nghệ thuật dân gian lâu đời của Hải Phòng. Tương truyền, phường múa rối cạn có tới 7 đời ở Bảo Hà, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo cách trung tâm Hải Phòng chừng 30 km. Nghệ thuật múa rối Bảo Hà ngày một phát triển. Ngày nay khi biểu diễn đều kèm theo âm nhạc, lời nói và ca hát. Múa rối cạn đã mang tính chất sân khấu kịch hát.

Múa rối nước Nhân Hòa là một loại hình sân khấu rối kết hợp với thiên nhiên và lửa pháo. Con rối nước Nhân Hòa làm bằng gỗ sơn then, không mặc quần áo. Nơi biểu diễn rối nước thường là hồ ao. Ngày nay người ta tạo ra bể nước để có thể diễn rối nước trong rạp hát.

Hội đu xuân ở Thủy Nguyên : Hàng năm cứ vào dịp tết Nguyên Đán, nhiều nơi ở Thủy Nguyên thường tổ chức vui xuân bằng cây đu quen thuộc. Từ 28, 29 tháng

chạp âm lịch, mỗi địa phương đều trồng từ một đến vài cây đu trên nhiều địa điểm khác nhau. Đánh đu là một cuộc đua tài, kích thích sự hoạt động và lòng dũng cảm của người chơi đu. Có đu một người, đu đôi, hai nam hay hai nữ. Nhưng hào hứng nhất cho người xem lẫn "đấu thủ" là đu đôi - một trai, một gái. Đây là trò chơi thể thao dân tộc có từ lâu, tuổi trẻ rất thích và đó cũng là dịp để trai gái gặp gỡ nhau thi tài, tìm hiểu...

Lễ hội xuống biển : Lễ hội được tổ chức tại làng chài Trân Châu (Cát Bà) từ ngày 4 đến ngày 6 tháng 1 (âm lịch) hàng năm. Sau khi làm lễ Thủy Thần, Long Vương, một hồi trống lệnh vang lên, hàng trăm trai tráng tay cầm chèo hò reo chạy tới thuyền của mình để kịp ra nhanh nhất nơi quy định. Một người chèo, một người tung lưới và gõ nhịp vào nơi mạng thuyền. Gõ càng mạnh, càng dồn dập, cá càng hoảng sợ chạy mắc vào lưới càng nhiều. Đến trưa nổ pháo lệnh thu quân. Mọi người khiêng cá của mình lên các sân đình để các bô lão chấm thi. Con cá ngon nhất được chọn nướng ngay trên đống lửa đỏ rực ở sân đình để tế thần, còn lại chia cho mọi người. Ai đánh được cá to nhất hoặc nhiều cá nhất được trao giải.

Hội đình Dư Hàng : Lễ hội diễn ra tại đình Dư Hàng, xã Dư Hàng Kênh, huyện An Hải vào ngày 18 tháng 2 âm lịch hàng năm. Lễ được tổ chức trang nghiêm có nhiều cuộc tế, rước lớn, rước thần vị sang các xã giao hiếu như Đông Khê, Hàng Kênh, Phụng Tháp. Trước sân đình có các trò đấu vật, đánh cờ, chọi gà, tổ tôm, ca trù, diễn chèo, hát chầu văn.

Hội đền Phò Mã (đền Dẹo) : Đền Phò Mã thuộc thị trấn Núi Điền, huyện Thủy Nguyên, thờ danh tướng Lại Văn Thành là tướng giỏi của đời nhà Trần. Hàng năm, vào ngày 15 tháng 1 âm lịch, lễ hội được tổ chức nhằm tưởng nhớ công tích của danh tướng.

Hội Đền Nghè : Đền Nghè ở phố Lê Chân, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, thờ Lê Chân - một tướng giỏi của Hai Bà Trưng. Lễ hội hàng năm được tổ chức từ ngày 8 đến ngày 10 tháng 2 âm lịch ghi nhớ công tích của bà. Phần tế lễ có lễ rước (mũ, ấn) từ đền Nghè về đình, cỗ tế chay hoặc mặn. Có đấu vật, cờ tướng trong những ngày diễn ra lễ hội.

Hội đua thuyền rồng truyền thống trên biển (đảo Cát Hải) : Đến ngày mồng 1

tháng 4 (dương lịch), hội đua thuyền rồng truyền thống lại được tổ chức. Đây là ngày vui đầu vụ cá ở vùng biển bắc bộ và cũng là dịp các đội thuyền tranh tài, đọ sức, tìm ra những tay chèo giỏi. Cuộc đua thuyền rồng rất hấp dẫn thu hút hàng vạn người tham dự.

Hội đền An Lư : Đền An Lư thuộc xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và An Sinh Vương Trần Liễu (thân phụ Trần Hưng Đạo). Hàng năm vào ngày 11-11 âm lịch lễ hội được tổ chức nhằm ghi nhớ công đức của người đã có công để đánh tan giặc Nguyên Mông cứu nước. Lễ dâng hương được tổ chức rất trang nghiêm. Sau phần lễ tế là phần hội với những trò vui như chơi đu, hát đúm nam nữ, chọi gà, cờ tướng.

Hòa Bình

Diện tích : 4749 km².

Dân số : 774.100 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Hòa Bình.

Các huyện gồm : Đà Bắc, Mai Châu, Kỳ Sơn, Lương Sơn, Kim Bôi, Tân Lạc, Lạc Sơn, Lạc Thủy, Yên Thủy.

Dân tộc : Việt (Kinh), Mường, Thái, Tày, H' Mông, Dao.

Hòa Bình là một tỉnh miền núi, nằm ở cửa ngõ tây bắc của thủ đô Hà Nội, cách Hà Nội khoảng 70 km về phía tây theo quốc lộ 6. Phía bắc giáp Phú Thọ và Hà Tây, phía nam giáp Ninh Bình và Thanh Hóa, phía đông giáp Hà Tây và Hà Nam, phía tây giáp Sơn La.

Về hình thể Hòa Bình gồm nhiều dãy núi đá cách nhau bởi những giòng sông. Những ngọn núi cao đáng kể là núi Pu Canh 1373 m, núi Vua Bà 1050 m, núi Viên Nam 1029 m, các núi nhỏ khác như núi Kho, núi Lát, núi Pha Lương. Khí hậu nóng ẩm, mưa theo mùa. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 22,9 - 25°C. Giao thông đường bộ, đường sông thuận tiện.

Sông chính có Hắc Giang (sông Đà), phát nguyên từ Sơn La rồi vào Hòa Bình, tạo một khúc quanh ở chợ Bờ, vòng ngược lên hướng Bắc, qua Phương Lâm. Ba Vì rồi nhập vào sông Hồng Hà ở Hưng Hóa. Một số sông nhỏ đáng kể là sông Chum, sông Nham (hai chi lưu của Hắc Giang); sông Chu, sông Cái (hai chi lưu của sông Chảy), sông Quế, sông Nam Lát...

Hắc Giang chia tỉnh Hòa Bình thành hai khu địa chất khác nhau bởi cấu trúc của các tầng đất đá. Vùng rừng núi có nhiều di tích của nền văn hóa Hòa Bình vào thời đồ đá giữa và mới. Tại các hang động như hang Đồng Nội, hang Tùng, hang Hào..., còn để lại một số vật dụng cổ xưa như những lưỡi dao, lưỡi rìu bằng đá mài đẽo thô sơ, những mảnh xương, vỏ ốc, đồ gốm để lại nơi nấu nướng (thời đồ đá giữa) và trên vách hang động khắc hình người và thú vật (như hang Đồng Nội) vào thời đồ đá mài.

Hòa Bình là một vùng đất cổ, giàu tiềm năng du lịch. Đây là một trong những tỉnh có nhiều cảnh quan thiên nhiên, hang động, nhiều bản làng dân tộc rất hấp dẫn

khách du lịch trong và ngoài nước.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào ở Hòa Bình đa số là người thuộc sắc tộc Mường, sống tập trung trên vùng cao nguyên dài 200 km bao gồm các huyện Lương Sơn, Kỳ Sơn và Lạc Sơn. Ngoài ra, còn có đồng bào Tày, Dao, H'Mong... Dân chúng thờ cúng Tổ tiên, Thần linh, Đất Trời. Các làng xã đều thờ Thần Hoàng và hàng năm tổ chức cúng kiến vào những ngày mùng 10 tháng Giêng, tháng Ba và tháng Mười. Sắc dân Mường còn giữ riêng những tập tục đặc biệt về quan, hôn, tang, tế, và cả cách trị bệnh của người Việt ta thời xưa.

Vì địa thế núi non nên kinh tế Hòa Bình không mấy phát triển. Nông sản chính là lúa núi và lúa đồng bằng, hoa màu phụ là ngô, đồn điền cà phê, dâu chăn tằm. Rừng Hòa Bình có cánh kiến, nhiều gỗ quý, như sến, tấu, lát, cây dược liệu; rất nhiều loại dã cầm dã thú. khoáng sản gồm nhiều loại quặng như : Mỏ than đá ở chợ Bờ, mỏ chì ở Hiền Lương, mỏ kẽm ở Quỳnh Lâm, mỏ đồng ở Chân Danh và mỏ đệ (antimoine) ở núi Đà Bắc. Kỹ nghệ khai thác khoáng sản ở Hòa Bình vẫn còn giới hạn. Tỉnh Hòa Bình có một hệ thống giao thông khá tốt về đường thủy lẫn đường bộ, lại là điểm tiếp xúc giữa miền trung châu và thượng du nên đời sống của dân chúng sẽ sung túc nếu được quan tâm đúng mức.

Với lượng nước của sông Đà, các công trình thủy điện mai này sẽ cho phép Hòa Bình có thể cung cấp điện năng cho nhiều tỉnh ở miền Bắc, thêm vào đó, sẽ giúp điều hòa lưu lượng nước không để Hà Nội và vùng đồng bằng bị lụt úng và giúp cho việc vận chuyển đường sông lên vùng Tây - Bắc được dễ dàng hơn.

Lược sử

Đất Hòa Bình xưa thuộc bộ Tân Hưng, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Từ các đời vua Hùng Vương, xứ Mường được cai quản bởi các quan Lang. Theo Sử sách, Đa Can là vị quan Lang đầu tiên tổ chức sinh hoạt hành chánh ở đây. Vua Đinh Tiên Hoàng cũng thuộc Mường tộc, khi lên ngôi đã chọn Hoa Lư làm kinh đô. Dưới đời nhà Lý, các quan Lang đã thành lập những đạo quân địa phương, theo quân triều đánh dẹp loạn quân Xiêm và dựng trại chiến lược theo lệnh vua Lý Thánh Tông và đã được triều đình phong tước. Việc nhận tước triều đình vẫn

còn duy trì dưới thời vua Quang Trung. Cũng giống như các tỉnh khác vùng Tây Bắc, đất Hòa Bình thuộc tỉnh Hưng Hóa, gồm các châu Mai Châu, Đà Bắc thuộc phủ Gia Hưng. Đến cuối đời Nguyễn mới lập tỉnh Hòa Bình.

Truyền thống yêu nước của Hòa Bình rất mãnh liệt. Giặc Đông Hán có tàn ác, hung bạo đến đâu cũng bị dân ta nổi lên chống cự. Núi Vua Bà (huyện Lương Sơn) còn ghi dấu của Hai Bà Trưng ngày đêm luyện tập vỏ nghệ. Khi Bình Định Vương Lê Lợi tiến quân ra Bắc, dân huyện Mai Châu, Đà Bắc theo chân anh hùng Đỗ Bi, Trịnh Khả, Lý Triện, Phạm Văn Xảo đánh đuổi giặc Minh.

Thời Pháp thuộc, quân Pháp khốn đốn khi chiếm các tỉnh miền Bắc nước ta, viện binh được tăng cường ào ạt. Đến Hòa Bình, việc xâm chiếm không phải dễ. Ngày 26-9-1884, giặc lập đồn binh tại huyện Lạc Sơn, bốn ngày sau đó bị nghĩa quân ta đánh phá. Lúc tỉnh lị dời về Chợ Bờ, vào ngày 29-1-1891, dưới sự chỉ huy của anh hùng Đốc Ngữ, dân quân Kinh Mường vây tỉnh ly, kêu gọi người lầm lỗi trở về, rồi mở nhà giam phá cơ sở giặc giết luôn giám thị, đồn trưởng và công sứ Pháp. Sau đó, quân Pháp phải dời tỉnh lị về chỗ cũ. Năm 1909, đồng bào Mường Kinh lại nổi dậy, đánh chiếm tịch thu của giặc nhiều súng đạn, rồi vào rừng núi Viên Nam đánh trường kỳ đến cuối năm 1910.

Trước năm 1965, tỉnh Hòa Bình có các huyện Kỳ Sơn, Lương Sơn, Lạc Sơn, Đà Bắc và Mai Châu.

Phong cảnh, di tích

Hang Muối : Hang ở huyện Tân Lạc. Hang được phát hiện ra năm 1961. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều hiện vật : 500 đồ đá, 2 ngôi mộ và nhiều xương động vật. Hang Muối rất hấp dẫn các nhà khảo cổ đến nghiên cứu, tìm hiểu di chỉ khảo cổ này.

Thung lũng Mai Châu : Từ Hà Nội đi 70 km đến thị xã Hòa Bình. Đi tiếp 60 km nữa đến Mai Châu. Ở đoạn đường thứ hai này bạn sẽ vượt qua dốc Cun dài 15 km Gọi là dốc nhưng không phải một lần lên dốc là xong, thực ra đây là một đèo con, có lúc tưởng như ô tô đang đi vào một biển mây. Khi lên đến đỉnh đèo, không ai qua đây mà không dừng lại ngắm cảnh. Huyện lỵ Mai Châu xinh đẹp hiện ra dưới tầm mắt du khách : một thung lũng xanh rờn cây lá, đồng lúa và những nếp nhà

sàn đều tăm tắp như xếp hàng chào đón khách. Nhà sàn ở đây cao ráo, sạch sẽ. Sàn nhà cách mặt đất khoảng 1,5 m bằng những cột gỗ chắc chắn. Khách đến nhà xin mời múc nước rửa chân trước khi bước lên cầu thang. Sàn nhà bằng tre hoặc bương. Mái nhà lợp lá gồi hoặc lá mây. Các cửa sổ trong nhà có kích thước khá lớn để đón gió mát và cũng là nơi để chủ nhà treo các giò hoa phong lan, lồng chim cảnh. Một khung dệt vải thổ cẩm được đặt cạnh một ô cửa sổ. Đây là nơi làm việc của những cô con gái lớn. Người con trai hỏi vợ chỉ cần nhìn lên giá xếp chăn đệm gối sạch sẽ với những màu sắc hoa văn trang trí là biết được sự chăm chỉ và tài nữ công của người vợ tương lai. Còn cô gái, muốn biết về người con trai sắp làm chồng mình thì hãy nhìn lên các cột nhà, nếu thấy vô số vảy cá to và nhất là nhiều đuôi cá dán lên cột thì hãy yên tâm là người con trai trong nhà này lao động giỏi bắt được nhiều cá. Bạn là khách, sẽ được ông chủ nhà trải chiếu hoa mời ngồi, rồi bày ra giữa chiếu một vò rượu cần bằng nếp cẩm. Còn bà chủ nổi lửa làm xôi trong cái chõ cao lênh khênh của người Thái. Nhìn qua cửa sổ bạn sẽ thấy ở dưới đất có một ao cá nhỏ hình vuông sát chân cột nhà, những con cá đang bơi lặn ăn mồi trong nước ao trong vắt. Ông chủ sẽ dành cho bạn quyền chỉ vào con cá nào, ông sẽ bắt đúng con cá đó cho vào nồi cháo cá. Một đêm nghỉ lại ở nhà sàn Mai Châu, bạn sẽ được xem múa, hát, nghe nhạc cồng chiên...

Bản dân tộc Mường : Người Mường Hòa Bình sống trong những thung lũng chung quanh các cánh đồng lúa nước. Đến Thung Mây ở độ cao 1200 m so với mặt biển, du khách có thể thấy rõ hơn bức tranh đẹp của xứ Mường, đặc biệt nền văn hóa và đời sống của xứ Mường.

Nền văn hóa xứ Mường được biểu hiện qua trang phục như cạp váy Mường, qua những nghi lễ trong đời sống như cưới xin, ma chay, trong những án văn chương như "Đẻ Đất, Đẻ Nước". Trong âm nhạc Mường, trống và chiên vẫn giữ vai trò quan trọng. Đến xứ Mường vào những ngày "hội Xuân", lễ "Xuống đồng", lễ "Mừng nhà mới"... du khách sẽ được thưởng thức dàn chiên Mường đủ 12 chiếc. Trong khung cảnh xứ Mường, giữa thung lũng, trong tiếng suối chảy róc rách và tiếng rì rào của rừng cây, tiếng chiên có âm hưởng trầm bổng sâu lắng đến khó quên. Đến với bản Mường, du khách được thưởng thức vẻ đẹp trong sáng của văn

hóa xứ Mường và được đối đãi như những vị thượng khách.

Suối nước nóng Kim Bôi : Từ thị xã Hòa Bình đi khoảng 30 km đến nhà nghỉ mang tên một bản của người Mường là nhà nghỉ Mỏ Đá, Kim Bôi. Nhà nghỉ được xây dựng ở bên cạnh nơi có mạch nước khoáng lớn nhất. Vì vậy, ngồi ở trong phòng vẫn nghe tiếng nước phun lên ào ào vô tận. Nước phun lên luôn luôn ở nhiệt độ 36°C. Qua kiểm nghiệm nguồn nước khoáng Kim Bôi có đủ tiêu chuẩn dùng làm nước uống, để tắm, ngâm mình chữa các bệnh viêm khớp, đường ruột, dạ dày, huyết áp... Nước suối Kim Bôi đã được đóng chai làm nước giải khát, nó cùng loại với nước khoáng Thạch Bích ở Quãng Ngãi, Kum-dua ở Nga và Paven Banis của Bungari.

Thủy điện Hòa Bình trên sông Đà : Là công trình thủy điện lớn nhất của Việt Nam. Theo thiết kế nhà máy có 8 tổ hợp máy hoạt động, công suất mỗi tổ máy 240.000 kw.

Phong cảnh, di tích

Chùa Kè : Chùa Kè là một ngôi chùa cổ ở xã Phú Vinh, huyện Tân Lạc. Tương truyền trong chùa có một hòn đá gọi là Bụt Mọc. Hội chùa Kè thường được tổ chức vào ngày 16 tháng 2 âm lịch hàng năm để viếng đất Bụt Mọc và còn có nhiều trò vui.

Tam Động Sơn : Chùa ở trong động núi Tam Động, thuộc xã Phục Cổ, huyện Lạc Sơn. Ngọn núi này có 3 động là động Ngọc, động Quang và động Bạc. Chùa được dựng trên núi nhìn ra bờ sông, cảnh trí rất nên thơ.

Các dịp lễ hội

Hoà Bình là một trong những vùng đất mà các nhà khảo cổ học chứng minh đã có người Việt cổ sinh sống cách đây hàng vạn năm. Nơi đây còn đọng lại nhiều dấu ấn của một nền văn hóa Hòa Bình rực rỡ qua việc tìm thấy 47 chiếc trống đồng cổ trong đó có trống đồng sông Đà và Miếu Môn thuộc loại đẹp và cổ. Hòa Bình là một tỉnh đa dân tộc. Các dân tộc vừa phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình, vừa hòa đồng trong cộng đồng. Người Tày, Thái có nhiều nét giống nhau trong sinh hoạt và phong tục. Dân tộc Mường có nền văn học dân gian phong phú, hát ví Mường với nhạc trống đồng, nhạc cồng chiêng, trường ca Đẻ Đất Đẻ Nước. Dân

tộc Thái có làn điệu dân ca Thái tinh tế (hát khắp Thái) giàu hình tượng. Múa xòe Thái là điệu múa mang tính chất cộng đồng cao. Người H' Mông có múa khèn, múa ô. Đặc biệt uống rượu cần là một nét sinh hoạt văn hóa không thể thiếu được trong các dịp lễ Tết, hội hè, tiếp khách quý của người Mường và Thái. Các dân tộc ở tỉnh Hòa Bình có rất nhiều lễ hội hàng năm, dưới đây là một số lễ hội :

Hội Xên Bản, Xên Mường (dân tộc Thái) : Hàng năm vào mùa xuân, khi hoa ban nở trắng khắp núi đồi và có tiếng sấm ở đầu nguồn sông Đà thì dân bản ở huyện Mai Châu bắt đầu tổ chức lễ hội. Lễ hội diễn ra trong 3 ngày. Ngày đầu có đám rước từ nhà chủ Mường ra đình làng khấn Thần. Ngày thứ 2 thì bắn cung nỏ tìm người giỏi. Ngày thứ 3 có các trò vui như tung còn, tìm bạn, thi hát đối, thi thổi khèn. Hội Xên Bản, Xên Mường là hội cầu mùa, cầu phúc của người Thái. Họ gởi gắm vào đó những ước vọng lớn lao về cuộc sống bình yên, no ấm nơi bản mường, là dịp trai gái vui chơi, tìm hiểu nhau qua tiếng hát, tiếng đàn.

Hội Cầu mưa (dân tộc Thái) : Hàng năm cứ khoảng tháng 3 hoặc 4 âm lịch, thời tiết hanh khô, ít mưa thì dân tộc Thái lại tổ chức lễ hội để cầu mưa. Đầu tiên một đoàn thanh niên nam nữ kéo vào nhà một bà già nhất bản và bắt đầu một lễ hát cầu mưa. Buổi tối có rước đuốc quanh bản, hát bên bờ suối, tóe nước vào nhau cho tới ướt hết mới tan hội.

Lễ Cầu mát : Đây là lễ cầu của vùng người Mường, Hòa Bình. Theo quan niệm của người Mường, nhà nào hỏa hoạn là do mặt đất nóng quá nên phải làm lễ cầu mát để không bao giờ xảy ra hoả hoạn nữa. Vào buổi lễ, thầy Mo cầu xin 4 vị thần: Trời, Đất, Nước, Lửa phù hộ cho dân bản luôn được mát mẻ. Sau đó một lão nông cày một luống quanh bản, một người khác lấy nước đổ vào đường cày đó với ý nghĩa làm mát lòng đất. Lễ thường tổ chức sau khi có một gia đình nào đó bị hỏa hoạn.

Lễ hội Cầu phúc bản Mường : Lễ hội được tổ chức ở vùng người Thái, Mai Châu, mục đích để cầu thần phù hộ và cúng rửa lá lúa, xua đuổi thần trùng. Vào ngày hội, các miếu thờ quanh bản và miếu thờ thổ công, thổ địa ở từng nhà phải sạch sẽ. Bờ ruộng, bờ mương được tu sửa, be cao đón nước về. Phần hội, nam nữ nổi chiên trống và múa xòe, thi bắn cung nỏ.

Lễ Cơm mới : Lễ tổ chức tại các gia đình vùng đồng bào Mường (Mường Bi), Hòa Bình. Nghề nông là nghề chính cho nên đồng bào rất chú trọng vào vụ mùa. Từng gia đình làm cỗ mừng thu hoạch, có gói bánh chưng, có lễ cúng vía lúa và giỗ cúng cha mẹ.

Lễ Khẩn Chiêm : Lễ Khẩn Chiêm (cúng cầu lúa mùa) của vùng người Dao, Hòa Bình được tổ chức vào ngày 14-5 (dương lịch) hàng năm. Đây là lễ cầu xin tổ tiên, đất trời cho một năm làm ăn tốt lành.

Hội Xéc bùa (hội cồng chiêng) : Đây là hội lớn của vùng dân tộc Mường, Hòa Bình. Xéc Bùa là xách cồng chiêng đi hát của các phường Bùa. Phường Bùa gồm những người biết hát và biết đánh cồng chiêng. Khi đi chúc Tết hay chúc mừng các gia đình, phường đi theo thứ tự, đánh chiên, đọc thơ theo lối ứng khẩu, ca ngợi gia chủ, chúc làm ăn phát đạt và bình an. Chủ nhà mang lễ vật ra cùng hát đối đáp. Phường đi hết nhà này sang nhà khác.

Hưng Yên

Diện tích : 889km².

Dân số : 1.091.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Hưng Yên.

Các huyện : Mỹ Hào, Văn Lâm, Yên Mỹ, Khoái Châu, Văn Giang, Ân Thi, Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ.

Dân tộc : Việt (Kinh), Hoa, Sán Dìu, Tày...

Hưng Yên là tỉnh ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, phía bắc giáp Bắc Ninh, phía đông giáp Hải Dương, phía đông nam giáp Thái Bình, phía tây và tây bắc giáp Hà Tây và Hà Nội, phía nam và tây nam giáp Hà Nam.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm hai mùa, mùa nóng từ tháng Năm đến tháng Chín và mùa lạnh bắt đầu từ tháng Mười Một đến tháng ba. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23°C. Tháng nào cũng mưa, nhiều nhất từ tháng năm đến tháng tám. Địa hình của tỉnh tương đối bằng phẳng. Sông hồ chảy trên địa bàn của tỉnh nhiều vì vậy giao thông đường bộ, đường sông, đường sắt đều thuận lợi.

Dù ở xa biển nhưng Hưng Yên có nhiều sông rạch. Bốn sông chính là : Sông Hồng Hà ở phía Tây, phân ranh giới với tỉnh Hà Nam; sông Luộc ở phía Nam; phân ranh giới với tỉnh Thái Bình; sông Đào và sông Cửu Yên ở phía Đông, phân ranh với tỉnh Hải Dương. Ngoài ra, sông Hoan Ái chảy ở giữa tỉnh cùng với sông Cửu Yên chia các sông rạch thành ba vùng riêng biệt : Vùng đất cao gồm các huyện Mỹ Hào, Văn Lâm và Yên Mỹ. Vùng trung bình gồm các huyện Khoái Châu, Kim Động và Ân Thi. Vùng đất thấp gồm hai huyện Tiên Lữ và Phù Cừ.

Hưng Yên có di tích Phố Hiến, là một thương cảng sầm uất từ thế kỷ 17. Nhiều di tích lịch sử, văn hóa độc đáo như chùa Kim Chung, đình Nam Hiến... đặc biệt có nhãn lồng là loại cây đặc sản nổi tiếng, từng được là quả quí để tiến vua.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào trong tỉnh là người Kinh, theo đạo Phật, Thiên Chúa và thờ phụng tổ tiên.

Ruộng lúa Hưng Yên rất tốt vì đồng bằng do đất phù sa bồi lên. Các hoa màu phụ là mía, ngô, khoai, lạc, rau và một số loại đậu khác. Mía trong tỉnh được trồng

nhiều ở các vùng Kim Động, Ân Thi, Phú Cừ, Tiên Lữ.

Sông ngòi Hưng Yên nhiều nên ngành đánh cá khá phát triển, dân chúng nuôi thêm cá nước ngọt ở các ao, hồ, đầm. khoáng sản và lâm nghiệp không có gì để khai thác.

Kinh tế và thương mại chỉ tập trung vào việc buôn bán thóc, ngô và cá. Đặc biệt ở vùng Bần Yên Nhân có tương Bần rất ngon. Nhãn lồng ở phố Hiến và táo Thiện Phiến ở Phù Cừ, Tiên Lữ nổi tiếng khắp nơi. Nhãn Hưng Yên ngon nên được dùng để dâng lên vua thời xưa, gọi là nhãn tiến.

Lược sử

Đất Hưng Yên xưa thuộc bộ Giao Chỉ, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Thuộc huyện Chu Diên, quận Giao Chỉ thời Hán thuộc. Dưới đời nhà Lương là quận Võ Bình, nhưng bị bãi bỏ dưới đời nhà Tùy. Đời Đường bị đặt là châu Diên. Thời Thập Nhị Sứ Quân, đất này là Đăng Châu. Đời Tiền Lê đổi là phủ Thái Bình. Nhà Lý đổi là châu Khoái và đời Trần gọi là Khoái lộ. Thời Minh thuộc đặt là Khoái Châu. Dưới triều vua Lê Thái Tổ đặt Hưng Yên thuộc Nam Đạo và đời vua Lê Thánh Tông gọi là Sơn Nam thừa tuyên. Nhà Mạc đặt Hưng Yên thuộc Hải Dương, rồi nhà Lê Trung Hưng đổi tên là Sơn Nam thượng; sau đổi thành trấn Sơn Nam vào đầu đời nhà Nguyễn. Đến năm 1831, vua Minh Mạng mới đổi thành tỉnh Hưng Yên.

Trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, đồng bào Hưng Yên góp phần rất lớn. Năm 545, quân nhà Lương sang đánh nước ta, anh hùng Triệu Quang Phục dựng căn cứ kháng chiến trong vùng đầm lầy Dạ Trạch (đầm Mạn Trừ, huyện Khoái Châu), đánh đuổi giặc thù ra khỏi nước. Năm Đinh Tỵ 1257, Mông Cổ đánh lần thứ nhất. Vua Trần Thái Tông phải rời kinh đô chạy về đống quân nơi sông Thiên Mạc (một khúc sông của Hồng Hà, thuộc phạm vi hai huyện Khoái Châu và Kim Động). Giặc vào thành Thăng Long giết cả nam phụ lão ấu. Vua ngự thuyền hỏi ý Thái úy Trần Nhật Hiệu, nhược tướng trả lời : "Nhập Tống" (bắt chước Tống hàng Mông Cổ); lúc hỏi Thái sư Trần Thủ Độ, người anh hùng trả lời : "Đầu tôi chưa rơi, xin bệ hạ đừng lo". Vì vậy mà ta thắng. Lần thứ hai chúng sang (1284), đông hơn 50 chục vạn linh binh do Thoát Hoan cầm đầu, hò hét điên cuồng. Trên chiến

trường Đà Mạc (khúc sông Thiên Mạc), anh hùng Trần Bình Trọng sa vào tay giặc. Chúng phủ dụ dâng bổng lộc nhưng bị quát mắng : "Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không làm vương đất Bắc". Thoát Hoan đem ông ra chém hòng làm nhụt chí dân Nam anh hùng. Chẳng bao lâu sau, tháng Tư năm Ất Dậu 1285, anh hùng Trần Nhật Duật phá tan quân Toa Đô trên bến Hàm Tử (phía Tây huyện Khoái Châu, bờ sông Hồng hướng về bải Tự Nhiên). Sang tháng Năm, cũng trên đất Khoái Châu, hai vị tướng anh hùng của Hưng Đạo Vương là Trần Quang Khải và Trần Nhật Duật thắng trận Tây Kết kinh hồn, giết chết Toa Đô, bắt hơn ba vạn quân Mông Cổ.

Thời Pháp thuộc, quân Pháp đã chiếm Hưng Yên vào ngày 26-11-1863, nhưng rút lui sau đó. Đến năm 1883, chúng trở lại chiếm tỉnh này lần thứ hai và xây đồn đắp lũy phòng bị các cuộc nổi dậy của người Việt Nam. Năm 1885, anh hùng Nguyễn Thiện Thuật (người làng Xuân Dục, huyện Mỹ Hào) cùng với các anh hùng Tạ Hiện, Nguyễn Cao lập căn cứ Bãi Sậy chống quân Pháp; Bãi Sậy là khu rừng sậy ở giữa ba huyện Văn Giang (thuộc Bắc Ninh), Khoái Châu và Mỹ Hào. Vị trí Bãi Sậy hiểm yếu và có nhiều đường thông ra ngoài; chính nhờ vậy, mà nghĩa quân đã bung ra hoạt động khắp nơi, lan sang các tỉnh lân cận khác như Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Yên... Trong sáu năm kháng chiến (1883-1889), cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy đã làm giặc Pháp tổn thất nặng nề. Nói đến gia đình kháng chiến, gương sáng ai bằng gia đình Nguyễn Thiện Thuật. Hai người cháu ruột bị Hoàng Cao Khải xử tử; hai người em ruột Nguyễn Thiện Giang, Nguyễn Thiện Kế đều chết vì nước; hai người con trai, Nguyễn Thiện Tuyển, Nguyễn Thiện Thường hy sinh anh dũng. Sau khi Bãi Sậy tan vỡ, anh hùng Nguyễn Thiện Tuyển về chiến khu Yên Thế tiếp tục chiến đấu, sau bị giặc bắt và bị xử chém tại Bần Yên Nhân vào tháng 4-1909.

Trước năm 1975, Hưng Yên có các huyện Khoái Châu, Kim Động, Ân Thi, Tiên Lữ, Phù Cừ, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Văn Lâm và Bần Yên Nhân.

Phong cảnh, di tích

Phố Hiến : Rất nhiều người Việt Nam biết câu "Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến". Kinh kỳ là Hà Nội ngày nay. Phố Hiến nay là thị xã Hưng Yên, cách Hà

Nội gần 60 km. Từ Hà Nội đi theo đường số 5, đến phố Nối, rẽ theo đường 39A qua những cánh đồng ngô lúa, những rặng nhãn um tùm là đến Phố Hiến.

Từ thế kỷ 13, Phố Hiến đã là một thương cảng. Thế kỷ 15 trở đi những tàu buôn của Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Anh, Pháp đã cập bến Phố Hiến.

Nhưng vì sông Hồng ngày càng lùi xa, Phố Hiến nhường dần vị trí thương cảng cho Hải Phòng, mà giữ lại cho mình những giá trị văn hóa lâu đời. Phố Hiến ngày nay còn gìn giữ được một quần thể kiến trúc cổ gồm 60 di tích lịch sử, 100 bia ký và nhiều đền chùa. Phố Hiến có một đặc sản nổi tiếng cả nước là nhãn lồng (gọi là nhãn lồng vì cây nhãn rất nhiều quả, người ta phải làm lồng bảo vệ cho chùm quả để chim chóc không ăn được). Nhãn lồng cùi dày, vỏ mỏng, hạt nhỏ, ăn ngọt mát như chè đường. Xưa kia nhãn lồng Phố Hiến đã được chọn để tiến vua. Cây nhãn tổ có từ thế kỷ thứ 16, nay vẫn xum xuê cành lá.

Đến thăm Phố Hiến, bạn không nên quên vào chợ Phố Hiến, một chợ quê hoàn toàn yên ả như mặt nước hồ bán nguyệt ở trung tâm Phố Hiến.

Đền thờ ông Tam Giang : Thuộc huyện Bần Yên Nhân, ông là một vị tướng giỏi của Hai Bà Trưng.

Chùa Thái Lạc : Cách huyện lỵ Bần Yên Nhân một cây số về hướng Tây-Bắc, xây bằng gạch hoa đời Trần và bên trong có những tác phẩm chạm trổ rất đẹp.

Chùa Lạng : Ở làng Hương Lăng, còn vết tích ngôi chùa xây từ đời Lý, chùa còn nhiều tượng làm bằng đá rất đẹp, có tượng làm hình con cá sấu rất lớn.

Đền Phạm Công Trứ : Sử gia đời Lê Thần Tông năm 1628, có công soạn ra bộ Đại Việt Sử Ký tục biên. Dân chúng lập đền thờ tại nơi sinh quán của ông, làng Liêu Xá, huyện Yên Mỹ.

Miếu "Ả Đào" : Tại làng Đào Xá, huyện Ân Thi. Trong thời kháng Minh của anh hùng Lê Lợi, có người con gái tên Kim Oanh nhan sắc và hát hay, thường phục rượu quân Tàu rồi đem giết. Khi bà mất, dân chúng lập mộ tại Đào Xá và vua Lê Thái Tổ cho lập miếu "Ả Đào" để biểu dương tinh thần yêu nước của bà. Sau này, người ta tôn bà là Tổ của nghề ca hát.

Đền Bà Đường Thái Hậu : Ở làng Mậu Dương, ngay tỉnh lỵ Hưng Yên, gần sông

Phù Lương. Sau này biển lui dần, đất liền lan rộng ra, một phần sông Phù Lương biến thành hồ bán nguyệt, nước trong xanh nằm dưới chân đền.

Đền thờ Chử Đồng Tử : Thuộc làng Đa Hòa, phủ Khoái Châu. Theo truyền thuyết, Chử Đồng Tử là con nhà nghèo, lấy công chúa Tiên Dung, con gái vua Hùng Vương thứ 18 và cả hai đều tu tiên đắc đạo.

Chùa Chuông : Ở làng Nhân Dục, cách tỉnh lỵ Hưng Yên chừng 2 km. Trong chùa có nhiều tượng gỗ mô tả cảnh tượng những hình phạt dưới thập điện Diêm Vương.

Di tích Phố Hiến : Du khách có đến xã Nhân Dục, huyện Kim Động sẽ thấy một bãi cát bồi rất rộng, lác đác mấy tòa miếu cổ với những tấm bia chữ đã mờ rêu và đây có vài ngôi cổ mộ. Đây là di tích của một chốn thị tứ đông đúc mà dân ta trước đây quen gọi là Phố Hiến. Vào đời Lê Thế Tông, niên hiệu Quang Hưng (1578 - 1599), khi tỉnh Hải Hưng có tên là trấn Sơn Nam, chúa Trịnh cho mở cảng ở Phố Hiến làm nơi thông thương với người ngoại quốc. Luật lệ thời đó đặt cho các nước khác phải đóng thuế tùy theo số hàng mang đến nếu muốn vào Bắc Hà buôn bán. Sau năm 1637, người Hòa Lan, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Trung Hoa, Nhật, Xiêm La, Mã Lai vào buôn bán rất đông. Riêng Bồ Đào Nha chú trọng việc truyền giáo nhiều hơn. Nhưng từ năm 1696, đời vua Lê Hy Tông, đã ngăn cấm việc truyền giáo nên gây khó dễ việc buôn bán, làm cho dân buôn bán ngoại quốc bỏ đi rất nhiều, thêm vào đó là việc nhà vua ra lệnh trục xuất hết người Hòa Lan. Chỉ còn một số người Hoa và Nhật buôn bán ở hai khu Bắc Hòa và Nam Hòa. Từ đó, Phố Hiến không còn là chốn buôn bán sầm uất nữa.

Huyện Ân Thi, làng Thổ Hoàng : Anh hùng Nguyễn Trung Ngạn, danh sĩ đời Trần, có tài chính trị và giỏi biện luận, tác giả tập thơ Giới Hiên thi tập; ông còn là một tướng giỏi từng đi chinh chiến đánh dẹp loạn Ai Lao. Huyện Yên Mỹ, làng Liêu Xá : Hải Thượng Lãng Ông Lê Hữu Trác, một danh y và bác học về y khoa thời Lê mạt, tác giả bộ sách giá trị Lãng Ông Y tập, gồm 66 cuốn. Huyện Khoái Châu, làng Phú Thị : Dương Bá Trạc, nhà cách mạng chống quân Pháp, cùng với các anh hùng Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Đỗ Chân Thiết, Lương Trúc Đàm... lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục để mở mang dân trí, truyền bá tư tưởng đấu tranh cứu nước. Đây cũng là quê hương Chu Mạnh Trinh, danh sĩ đời vua Thành Thái,

tác giả các bài văn thơ và ca trù quốc âm Hương Sơn Phong Cảnh, Hương Sơn Nhật Trình, Thanh Tâm Tài Nhân thi tập...; quê Lê Sĩ Nghị, danh sĩ đời Nguyễn...

Chùa Pháp Vân : Chùa toạ lạc ở xã Lạc Hồng, huyện Vân Lâm. Chùa được xây dựng từ thời Trần (đầu thế kỷ 14) theo kiểu "nội công ngoại quốc" và đã được trùng tu nhiều lần. Đền thờ Phật và thờ Tứ Pháp : Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

Hiện nay, chùa còn lưu giữ được những bức chạm khắc bằng gỗ rất tinh tế như chạm rồng, nhạc công, thiếu nữ dâng hoa, người đỡ trụ... tiêu biểu nghệ thuật chạm khắc gỗ thế kỷ 14.

Chùa Phú Thị : Chùa tọa lạc ở thôn Phú Thị, xã Mễ Sở, huyện Văn Giang. Chùa được xây dựng vào thời Hậu Lê trên một khuôn viên rộng. Chùa được kiến trúc theo kiểu chữ "đinh", cửa nhìn về hướng tây nam. Tiền đường gồm 5 gian, kiến trúc theo kiểu chồng diêm, cao ráo, thoáng mát, bốn hàng cột lim đều đặn. Trên xà ngang trung tâm tiền đường được bài trí một cửa võng chạm nổi "lưỡng long chầu nguyệt "sơn son thếp vàng. Giáp tường phía trong đặt 4 pho tượng "ông Thiện, ông Ác, Thần Sấm, Thần Sét" làm tăng vẻ uy linh của tiền đường. Tiếp nối tiền đường là 4 gian hậu cung. Đây là một kiến trúc khá đặc biệt : bệ kèo gỗ được gia công theo hình càng cua, trên trần gỗ hình cuốn vòm khiến cho hậu cung như sâu thêm và làm cho cảnh Phật càng thêm trầm tĩnh, ưu tư. Hòa nhập với mái trần uốn cong, phía dưới được sắp đặt bàn thờ rất cân xứng để các đồ tế tự và tượng Phật. Lần trùng tu gần đây nhất vào năm 1991. Chùa còn giữ được nhiều di tích và nhiều pho tượng cổ.

Đền Chử Đồng Tử : Đền còn gọi là đền Đa Hòa thờ đức thánh Chử Đồng Tử được tôn vinh là một trong Tứ Bất Tử của thần linh Việt cùng hai phu nhân là Tiên Dung Công Chúa, con gái vua Hùng thứ 18 và Tây Sa Công Chúa. Đền thuộc xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, cách Hà Nội khoảng 25 km theo đường đê sông Hồng. Đền nằm trên một khu đất cao, rộng, bằng phẳng hình chữ nhật có diện tích 18.720 m², mặt quay hướng chính tây nhìn thẳng sang bãi Tự Nhiên.

Ngọ môn gồm 3 cửa. Cửa chính là tòa nhà 3 gian cao rộng, trên đỉnh nóc đắp lưỡng long chầu nguyệt (chỉ mở cửa vào đại lễ). Hai cửa ở bên để đón khách gần

xa. Qua sân là đến đại tế, tòa thiêu hương, cung đệ nhị, cung đệ tam và cuối cùng là hậu cung. Tòa thiêu hương có kiến trúc cao, thoáng, trang nghiêm. Các đầu đao, bờ nóc chạm trỗ tinh vi, đắp gọt tỉ mỉ, màu sắc rực rỡ cùng với nhiều hình trang trí khác như rồng, sư tử. Cửa võng ở cung đệ nhị đều được chạm hình chim phượng, hoa cúc mãn khai và các hoa quả được sơn son thếp vàng lộng lẫy. Đặc biệt các pho tượng đức thánh Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân được đúc bằng đồng rất đẹp. Hiện nay đền Đa Hòa còn bảo tồn được nhiều di vật quí hiếm, trong đó có đôi lọ Bách thọ (một trăm chữ thọ không chữ nào giống chữ nào, khắc trên thành lọ bằng gốm), một cổ vật vô giá của dân tộc.

Đền Phượng Hoàng : Đền được dựng ở thôn Phượng Hoàng, xã Minh Tiến, huyện Phù Cừ, thờ Cúc Hoa một người con gái có nhan sắc, con nhà giàu nhưng biết trọng lễ phải và thương người nghèo.

Đền kiến trúc theo hình chữ tam. Hai đầu là hai cột trụ, đầu cột tạo dáng hình búp sen. Kiến trúc thanh tao đời Nguyễn, theo kiểu chồng giường đấu xen. Hàng kèo chạm hoa dây mềm mại. Trung tâm tòa tiền tế bài trí một bàn thờ, hai bên là hai câu đối ca ngợi công đức của Cúc Hoa. Bên trái treo quả chuông lớn đúc thời Bảo Đại. Tòa trung từ, gian chính điện được đặt một cỡ khám lớn. Trong khám là tượng Cúc Hoa. Hai bên khám thờ Đức ông và Thành Hoàng. Phần trong cùng được kiến trúc theo kiểu chồng diêm, bài trí tượng Phật. Những di tích còn lại của đền gồm: pho tượng Cúc Hoa, tượng A-di-đà, 5 cỗ ngai, một bộ kiệu long đình, một quả chuông.

Chùa Hiến : Chùa tọa lạc ở xã Hàng Châu, thị xã Hưng Yên. Chùa được xây dựng vào thời Hậu Lê, cùng thời gian với đình Hiến. Chùa được xây dựng theo kiểu "nội công ngoại quốc" gồm 3 gian tiền đường, gian thiêu hương thờ Phật, 3 gian hậu cung thờ Mẫu (Tam tòa Thánh Mẫu). Kiến trúc tòa Thiêu hương nổi bật với hai lớp mái và ống thoát khói hương mang kiến trúc chùa Huế. Chùa Hiến là một công trình kiến trúc xưa của Hưng Yên, một thắng cảnh của phố Hiến.

Các dịp lễ hội

Hưng Yên cũng là một trong những địa bàn cư trú của người Việt cổ. Các nhà khảo cổ học đã phát hiện mộ thuyền ở Từ Lạc, rìu đồng, trống đồng của người

Lạc Việt.

Phố Hiến ở thị xã Hưng Yên ngày nay, từ cuối thế kỷ13 đã là một thương cảng. Tại đây còn lưu trữ nhiều di tích kiến trúc cổ với nhiều đền, chùa.

Hưng Yên là quê hương của nhiều danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc và đây cũng là mảnh đất phát sinh và bảo tồn văn hóa dân gian đặc sắc của Việt Nam như hát xẩm, hát ả đào, hát chèo... Các loại nhạc cụ truyền thống là đàn bầu, sáo, nhị... Các Lễ Hội Truyền Thống Tiêu Biểu :

Hội Chử Đồng Tư : Lễ hội Chử Đồng Tử hàng năm diễn ra trong 3 ngày từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 2 âm lịch tại đền thờ Chử Đồng Tử ở hai đền Đa Hòa, (xã Bình Minh) và Dạ Trạch (xã Dạ Trạch), huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên cách Hà Nội hơn 25 km. Đức thánh Chử Đồng Tử là một trong "Tứ bất tử" của người Việt có công trong việc chữa bệnh cứu người, mở mang nghề nông, phát triển buôn bán. Lễ tế có đám rước rồng, có nhiều trò vật võ, múa sư tử, hát chèo, bơi thuyền...

Lễ hội chùa Tứ Pháp : Chùa Tứ Pháp thuộc huyện Văn Lâm, thờ bốn bà Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Hàng năm, làng thường mở lễ hội vào ngày 8 tháng 4 âm lịch. Đặc biệt ở lễ hội có cuộc rước lớn giữa các làng thờ 3 Bà Vân, Vũ, Lôi đến với Bà Điện (ở chùa Un, làng Ôn Xá). Đây cũng là lễ hội cầu cho mùa màng tươi tốt.

Hội Phù Ủng : Lễ hội diễn ra hàng năm từ ngày 11 đến 25 tháng 1 âm lịch tại xã Phù Ủng, huyện Ân Thi. Đền Phù Ủng thờ tướng quân Phạm Ngũ Lão, một danh tướng thời Trần, đã có nhiều công đánh đuổi giặc Nguyên Mông thế kỷ13. Đặc biệt có đám rước tượng quận chúa Thủy Tiên, con gái độc nhất của Phạm Ngũ Lão về đền chính và có hội Kỳ Anh là hội của các vị chức sắc (trên 50 tuổi) tế ngoài. Trong lễ hội còn có các trò đánh cờ, thi vật, tổ tôm, hát chèo...

Khánh Hòa

Diện tích: 5257 km² .

Dân số : 1.054.658 người (2000).

Tỉnh lỵ : thành phố Nha Trang.

Các huyện : Vạn Ninh, Ninh Hòa, Diên Khánh, Cam Ranh, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Trường Sa.

Dân tộc : Việt (Kinh), Ragiai, Ê Đê, Giẻ Triêng, Chăm...

Khánh Hòa là một tỉnh ven biển Nam Trung bộ, có quần đảo Trường Sa nằm ở điểm cực Đông Việt Nam, nơi nhận được ánh sáng ban mai sớm nhất nước, phía Bắc giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Đắc Lắc và Lâm Đồng, phía Nam giáp tỉnh Ninh Thuận. Địa hình Khánh Hòa thấp dần từ Tây sang Đông với những dang núi, đồi, đồng bằng, ven biển và hải đảo. Hai sông lớn nhất chảy qua tỉnh là sông Cái (đổ ra tại biển Nha Trang) và sông Dinh.

Bờ biển Khánh Hòa dài 200 km, với trên 200 đảo lớn nhỏ. Trong đó huyện đảo Trường Sa quy tụ trên 100 đảo. Tỉnh có nhiều hải sản quý, đặc biệt là yến sào, sản lượng hàng năm trên 2,5 tấn. Khánh Hòa có 5 suối nước nóng với trữ lượng hàng triệu mét khối, có tác dụng chữa bệnh và khai thác nước uống.

Khí hậu Khánh Hòa vừa chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa mang tính chất của khí hậu đại dương nên tương đối ôn hòa. Nhiệt độ trung bình 26,5°C. Lượng mưa trung bình hàng năm trên 1200 mm.

Khánh Hòa có nhiều cảng biển, trong đó có cảng Cam Ranh thuộc vào loại cảng biển tốt nhất thếgiới, có sân bay Nha Trang, sân bay Cam Ranh tiện lợi cho du khách đến Khánh Hòa. Nằm trên trục giao thông quan trọng quốc lộ 1A, đường sắt xuyên Việt nối Khánh Hòa với các tỉnh miền Nam và miền Bắc quốc lộ 26 nối Khánh Hòa với Đắc Lắc và các tỉnh Tây Nguyên. Là tỉnh có cơ sở hạ tầng khá hơn nhiều địa phương trong vùng Nam Trung bộ, trong những năm 90, kinh tế Khánh Hòa có tốc độ phát triển nhanh so với nhiều tỉnh trong cả nước. Sản xuất nông - công nghiệp phát triển tương đối toàn diện, phong trào nuôi tôm phát triển mạnh cùng với đánh bắt cá ngoài khơi. Khánh Hòa có nhiều tài nguyên, trong đó chủ yếu là lâm sản (gỗ, kỳ nam, trầm hương), hải sản (cá, tôm...) và đặc biệt là

yến sào.

Thành phố biển Nha Trang, một trung tâm du lịch lớn của Việt Nam với bãi tắm dài 7 km, cùng hàng chục di tích, chùa chiền và nhiều phong cảnh đẹp. Vịnh Văn Phong, một di tích biển lý tưởng trong tương lai, hiện đang được nghiên cứu và quy hoạch. Ngoài ra hàng chục bãi tắm đẹp như Đại Lãnh, Dốc Lết,... cũng là tiềm năng du lịch to lớn của Khánh Hòa.

Sinh hoạt, kinh tế

Dân cư Khánh Hòa tập trung ở các miền đồng bằng, dọc theo bờ biển, làm nghề nông và nghề đánh cá. Ngoài ra còn có đồng bào Thượng thuộc các sắc tộc Rhadé, Roglai, Tring (nhôm Ko Ho), M'dur sinh sống ở các quận và vùng cao nguyên. Dân chúng theo đạo Phật, Thiên Chúa và thờ phụng Tổ Tiên.

Nông sản chính là lúa (lúa gòn trắng, ba thóc...) và một số hoa màu phụ. Ngoài ra, dân ta còn trồng các cây kỹ nghệ như dừa, mía, thuốc lá và cao su là những nguồn lợi đáng kể của tỉnh. Các loại cây ăn trái như xoài, chuối, mãng cầu, cam, thanh long, vú sữa, dứa... được trồng khắp nơi trong tỉnh. Quận Ninh Hòa làm nem nổi tiếng.

Nghề đánh cá và nuôi cá rất phát đạt trước năm 1975. Bờ biển Khánh Hòa có nhiều đầm, vũng, lại không có đá ngầm, nên rất thuận lợi cho nghề đánh cá. Biển có nhiều loại cá ngon như cá thu, cá chim, cá hồng, cá ngừ, và nhiều hải sản đặc biệt khác là tôm hùm, tôm he, hài sám, mực, sò huyết, rong biển. Khánh Hòa có một đặc sản rất giá trị là yến sào, thu hoạch nhiều ở hòn Dung, hòn Khói, hòn Chà Là, hòn Yến, hòn Nội, hòn Ngoại, hòn Mun, hòn Hổ,...

Ngoài những sản phẩm kể trên, nền kinh tế và thương mại của Khánh Hòa còn có một số ngành nghề khác như làm nước mắm, dùng đá vôi để chế phân bón, sản xuất muối. Nhưng đáng kể hơn cả là cát trắng vùng Thủy Triều, Cam Ranh. Theo kết quả nghiên cứu của một số nhà địa chất Tây Phương và Á Châu, cát ở Thủy Triều có phẩm chất tốt nhất thếgiới : 99,99% là silicon tinh chất, được dùng để chế biến thành thủy tinh và các dụng cụ điện tử.

Lược sử

Đất Khánh Hòa xưa thuộc bộ Việt Thường, một trong 15 bộ của nước Văn Lang.

Sau bị Tần, Hán và Chiêm Thành chiếm. Chiêm Thành gọi vùng này là Kauthana. Thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, chúa Nguyễn bành trướng lãnh thổ phía Nam. Năm 1653, vua Chiêm Thành là Bà Thấm đem quân quấy nhiễu Phú Yên, bị chúa Nguyễn Phúc Tần đánh bại và phải rút về phương Nam. Chúa Nguyễn lấy sông Phan Lang làm ranh giới và chia vùng đất mới là Thái Khang và Diên Ninh. Năm 1690, thời chúa Nguyễn Phúc Toàn, Thái Khang đổi là Bình Khang.

Năm 1742 chúa Nguyễn Phúc Khoát đổi phủ Diên Ninh thành phủ Diên Khánh. Năm 1744, phủ Diên Khánh và Bình Khang gọi là dinh Bình Khang. Năm 1775, quân Tây Sơn do anh hùng Nguyễn Huệ chỉ huy đánh tan quân Tống Phú Hợp của chúa Nguyễn Phúc Thuần, chiếm lại vùng Diên Khánh, Bình Khang. Mùa Hè năm 1781, Nguyễn Ánh sai các tướng Tôn Thất Dụ, Tống Phúc Thiêm, Nguyễn Hữu Thụy, Châu Văn Tiếp đem ba vạn quân, 80 hải thuyền, ba đại chiến thuyền và ba tàu Bồ Đào Nha theo gió Nồm ra đánh Bình Khang, nhưng bị bộ binh của anh hùng Nguyễn Huệ đánh tan tành. Quân Nguyễn Ánh tháo chạy về Gia Định.

Đời Gia Long đổi dinh Bình Khang thành dinh Bình Hòa. Năm 1808, dinh này đổi thành trấn. Đến năm Minh Mạng thứ 12, trấn Bình Hòa được đổi thành tỉnh Khánh Hòa.

Thời Pháp thuộc, đồng bào Thượng tại Khánh Hòa tham gia phong trào kháng chiến rất Đông và giúp đỡ nghĩa sĩ Cần Vương thiết lập nhiều căn cứ kháng cự tại miền núi. Năm 1887, ông Gia đứng lên khởi nghĩa, lấy dãy núi Vọng Phu làm căn cứ và lập nhiều kho vũ khí trên vùng có đồng bào Thượng sinh sống.

Trước năm 1975, tỉnh Khánh Hòa có các quận Vạn Ninh, Ninh Hòa, Khánh Dương, Vĩnh Xương, Diên Khánh, Cam Lâm và thị xã Cam Ranh.

Phong cảnh, di tích

Hòn Chồng : Ở ngay thành phố, lại có thể vừa leo núi, vừa ngắm cảnh biển và nghỉ ngơi, Hòn Chồng có thể thỏa mãn yêu cầu này của bạn. Đó là hai khóm đá lớn : một nằm trên bờ, một dưới biển, nếu gọi tách là Hòn Chồng và Hòn Vợ.

Khu vực Hòn Chồng là một quần thể những khối đá lớn, nhỏ nhiều tầng, nhiều lớp với những hình thù kỳ dị xếp chồng lên nhau chạy từ bờ cao xuống biển như có một bàn tay khổng lồ nào sắp đặt, tạo dựng trong một trò chơi xếp hình tinh

nghịch. Có những khối đá rất lớn trên những khối đá nhỏ hơn, trông rất chênh vênh, hờ hững. Lạ nhất là trên một khối đá lớn như một ngôi nhà tầng nằm trên mỏm cao nhất, mặt tương đối bằng phẳng hướng ra biển có in dấu một bàn tay khổng lồ hằn sâu trong đá, như thuở mới tạo sơn, đã có một bàn tay khổng lồ nào bấu vịn vào để lại dấu vết đến ngày nay. Một trong những truyền thuyết dân gian kể lại rằng : xưa có một người khổng lồ đến xứ này ngoạn cảnh, gặp bầy tiên nữ đang tắm, ông dừng lại say sưa ngắm, vô tình trượt chân ngã, ông vội bám tay vào núi mạnh đến nỗi cả sườn núi sụp đổ, đá văn xuống hằn vết tay ông rành rành ra đó. Dấu chân trượt ngã cũng với đủ năm ngón lún vào đá thì còn để lại dấu tích ở Suối Tiên.

Viện Hải Dương Học : Được thành lập năm 1923, là một trong những cơ sở nghiên cứu khoa học, viện nghiên cứu biển nhiệt đới ra đời sớm nhất ở Việt Nam. Viện nằm trên một khu đất cao ráo, rộng rãi kề ngay cảng Cầu Đá, cách trung tâm thành phố Nha Trang khoảng 6 km về hướng Đông Nam. Đến thăm Viện, du khách sẽ được tận mắt xem Bảo tàng sinh vật biển với trên 20.000 mẫu vật của hơn 4000 loài sinh vật biển và nước ngọt đã được sưu tầm, gìn giữ từ nhiều năm, bên cạnh những mẫu vật sống được nuôi thả trong các bể kính. Nơi đây có cả bộ xương cá voi khổng lồ dài tới gần 26 m, cao 3 m với 48 đốt sống được phục chế đầy đủ phục vụ nghiên cứu khoa học, khách tham quan.

Hồ Cá Trí Nguyên : Nằm trên đảo Bồng Nguyên, còn gọi là Hòn Miễu, cách cảng Cầu Đá chưa đầy nửa giờ thuyền máy. Hồ cá Trí Nguyên được xây dựng từ năm 1971 do sáng kiến độc đáo của người dân vùng biển yêu thiên nhiên. Hồ cá là một vùng hồ trên biển được ngăn lại bằng hệ thống kè đá. Với hàng trăm loại sinh vật biển quí hiếm và đẹp mắt được nuôi thả ở đây, hồ cá như một bảo tàng sống về biển.

Giữa hồ có nhà thủy tạ xinh xắn, thoáng mát làm nơi nghỉ ngơi, giải trí, phục vụ ăn uống cho khách đến tham quan. Du khách dạo quanh hồ có thể ngắm từng đàn cá và các loại sinh vật biển với đủ màu sắc rực rỡ bơi lội dưới làn nước trong xanh. Trên đảo Hòn Miễu còn có khu thủy cung Trí Nguyên được xây dựng theo mô hình một con tàu hóa thạch dài 60 m, cao 30 m là một nơi giới thiệu thế giới thủy

cung. Ngoài ra trên đảo còn có Bãi Sạn là một bãi tắm được nhiều người ưa thích.

Bãi Trũ : Nằm trên đảo Hòn Tre, ngay trước mặt thành phố Nha Trang. Từ trong đất liền nhìn ra núi Hòn Tre (nay còn gọi là Đàm Mông, Hòn Lớn), đứng sừng sững như hình con cá sấu khổng lồ đang bò xuống biển, ít ai có thể hình dung nơi đây lại có một bãi tắm thiên nhiên đẹp, tinh khiết và nên thơ như thế. Từ cảng Cầu Đá đi thuyền máy ra Bãi Trũ mất khoảng 15 phút. Đó là những bãi tắm lý tưởng, có thể làm hài lòng những người khó tính nhất và khiến cả những người từng hiểu biết nhiều về biển và bờ biển phải ngạc nhiên vì vẻ đẹp thuần phác quyến rũ, phóng khoáng và êm đềm, đặc biệt là độ tinh khiết của nước biển, bờ cát và cả môi trường xung quanh.

Cát ở đây trắng và mịn lạ lùng, dưới làn nước trong xanh có thể nhìn thấu đến tận đáy, bờ cát thoai thoải dần khi ra xa. Bãi tắm trên đảo, ít khi có sóng lớn vì hướng về phía đất liền. Phía sau là núi Hòn Tre như bức tường thành sừng sững ngăn sóng gió đại dương. Phía trong bãi tắm là sườn núi rợp bóng cây, khách có thể vừa tắm vừa đi dạo trên bờ cát, lượm vỏ ốc, vỏ sò, đi câu hay lặn hụp săn tôm, mực hoặc nghỉ ngơi dưới những bóng cây xanh mát rượi ven núi và có cảm giác như vừa gần kề với đại dương, lại như đang đứng trước một cửa rừng.

Vịnh Văn Phong : Vịnh Văn Phong cách thành phố Nha Trang hơn 50 km về phía Bắc, có một ngọn đồi cát dài 18 km nằm giữa đất liền và hai đảo, tạo ra một vịnh với phong cảnh tuyệt đẹp. Nơi đây có thể tổ chức nhiều loại hình du lịch thể thao dưới nước và trên núi (lặn, lướt ván, thuyền buồm hoặc đi săn, leo núi, tắm nước khoáng...). Vịnh Văn Phong đang được quy hoạch để trở thành một trung tâm du lịch của Việt Nam. Dốc Lết khu du lịch nằm ở địa phận bờ biển Ninh Hòa, cách Nha Trang chừng 50 km về phía Bắc. Dốc Lết có những cồn cát trắng tinh chạy dài, cao hàng chục mét với những hàng dương, ngăn cách đất liền với biển. Vượt khỏi cồn cát, du khách sẽ được đặt chân lên một bãi biển tuyệt vời với cát trắng mịn, phẳng lì chạy dài ven biển tới gần 10 km. Nước biển trong xanh, tinh khiết với muôn vàng lớp sóng nhẹ vỗ bờ chào đón. Nơi đây cũng rất gần vịnh Văn Phong nổi tiếng. Đến Dốc Lết, ngoài du lịch bờ biển, du khách có thể đi thăm làng chài, đồng muối Hòn Khói, nhà máy xi măng Hòn Khói, vùng Hòn Hèo.

Suối Ba Hồ : Đây là điểm du lịch cách thành phố Nha Trang khoảng hơn 25 km về phía Bắc, thuộc địa phận huyện Ninh Hòa. Đó là một con suối bắt nguồn từ đỉnh Hòn Son, cao trên 660 m, chảy giữa hai triền núi đá xuống cách đồng thôn Phú Hữu, xã Ninh Ích rồi đổ ra đầm Nha Phu. Suối mang tên Ba Hồ vì phía đầu nguồn, trên đường vượt núi, băng rừng để xuống với biển, có ba lần suối mở lòng ra ngay trên lưng núi, tạo liên tiếp ba cái hồ với cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, mỗi hồ mỗi khác. Đến với suối Ba Hồ, muốn được tận mắt thưởng thức trọn vẹn cảnh quan nơi này, du khách phải chuẩn bị hành trang và tinh thần leo núi vì từ Hồ Nhất tới Hồ Nhì phải men theo bờ suối dốc cheo leo gần 1000 m. Từ Hồ Nhì tiếp tục ngược lên Hồ Ba khoảng 300 - 400 m nữa nhưng lau lách um tùm, đá dựng cheo leo, như thách thức những ai muốn đến tận cùng cảnh đẹp.

Suối Tiên : Nằm ở phía Nam huyện Duyên Khánh, cách thành phố Nha Trang 20 km. Suối bắt nguồn từ vực Hòn Bà, một ngọn núi cao trên 800 m. Sau khi chảy quanh co trong các hẻm núi, cây rừng và thung lũng cao, trước khi chảy xuống vùng đồng bằng xã Suối Cát (nay là xã Suối Tiên), Suối gặp một đập đá thiên nhiên chắn ngang, dòng chảy tách thành hai nhánh : một chảy theo hướng Bắc mang nước tưới cho cánh đồng, một tràn lên nền đá cứng hướng Đông, nhập vào Suối Dầu để chảy ra Sông Cái, Nha Trang. Cảnh quan thiên nhiên ở đây khá hấp dẫn, không khí mát mẻ, trong lành lại gắn với những huyền thoại : nơi này các nàng tiên xưa thường trốn thiên đình xuống đây tắm mát nơi kia các ông tiên đánh cờ với những khối đá hình bàn cờ, quân cờ còn rải rác. Kia nữa là dấu chân ông Khổng Lồ từ đâu tới vì mải mê ngắm các nàng tiên tắm nên xảy ra chân trượt ngã...

Bãi Biển Đại Lãnh : Nằm kề ranh giới giữa hai tỉnh Phú Yên - Khánh Hòa, cách thành phố Nha Trang khoảng 80 km, cách thị xã Tuy Hòa khoảng 30 km. Từ thị xã Tuy Hòa đi vào, vượt qua đèo Cả, một con đèo lớn là địa giới của hai tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa với hơn 12 km đường đèo quanh co, du khách sẽ thấy hiện ra ngay dưới chân mình một bãi biển khá rộng, dài với nước biển xanh biếc, lấp loáng ánh mặt trời, thuyền bè hàng trăm chiếc đậu san sát. Bãi tắm Đại Lãnh được cấu tạo thuần khiết bởi một thứ cát trắng mịn, nước biển trong xanh nhìn rõ

tận đáy, lại có độ thoải lớn, có thể lội xa bờ. Kế đó lại có ngay một nguồn nước ngọt chảy ra, hòa vào biển cả, quanh năm không cạn. Từ Đại Lãnh, du khách có thể đi thuyền máy thăm những làng chài ở Khải Lương, Đầm Môn, là rẻo đất liền phía cực Đông của Việt Nam hay ra cảng Vũng Rô ở phía Bắc. Phong cảnh Đại Lãnh từ xưa đã được liệt vào hàng những danh thắng của đất nước. Năm 1836 vua Minh Mạng đã cho thợ chạm hình phong cảnh Đại Lãnh vào một trong chín chiếc đỉnh đồng lớn trang trí trước sân Thế miếu. Mười bảy năm sau (1853) dưới triều Tự Đức, Đại Lãnh có tên trong tự điển quốc gia do triều đình biên soạn.

Tháp Bà Ponagar : Là di tích lịch sử, công trình tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của dân tộc Chăm. Tháp Ponagar thường được dùng như tên chung của khu di tích, thực ra đó là tên của ngọn tháp lớn nhất trong bốn ngọn tháp của khu di tích. Tháp nằm trên một ngọn đồi nhỏ, còn gọi là núi Tháp Bà nơi cửa sông Cái, bên quốc lộ 1A, thuộc phường Vĩnh Phước, phía Bắc thành phố Nha Trang.

Nhóm tháp Chàm được xây dựng và tu bổ qua nhiều thời kỳ từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 12. Tháp Bà do vua Chăm pa là Harivácman xây dựng vào những năm 813 - 817. Trải qua mưa nắng của thời gian, tháp bị hư hại. Thời Pháp thuộc, trường Viễn Đông Bác Cổ đã tổ chức tu sửa : dùng gạch xây lại nhiều phần và đắp một số tượng lên thân tháp. Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều hiện vật của Pháp bị mất cắp. Khu di tích được xây dựng trên hai mặt bằng. Mặt bằng thứ nhất lát gạch, có 14 trụ và các bậc liên tiếp. Trên mặt bằng thứ hai có một cụm gồm bốn tháp bố trí hình thước thợ.

Cả 4 tháp được xây dựng theo kiểu tháp của người Chăm, gạch xây rất khít mạch không nhìn thấy chất kết dính. Lòng tháp rỗng tới đỉnh, cửa tháp quay về hướng Đông. Mặt ngoài thân tháp có nhiều gờ, trụ, đấu. Trên đỉnh các trụ, đâu đó thường đặt gạch trang trí hoa văn hình vòm tháp, trông như chiếc tháp nhỏ đặt lên một tháp lớn. Trên thân tháp còn có nhiều tượng và phù điêu bằng đất nung, trong đó có hình Ponagar, thần Tenexa, các tiên nữ, các loài thú : nai, ngỗng vàng, sư tử...

Tháp chính thờ thần Ponagar, vợ của thần Siva, tượng trưng cho sắc đẹp, ca vũ và sáng tạo nên cung điện, lúa ngô, các loại gỗ quý. Tháp Bà xây 4 tầng, mỗi tầng đều có cửa, tượng thần và hình thú bằng đá, ở 4 góc có 4 tháp nhỏ. Bên trong là

tượng nữ thần (cao 2,6 m) tạc bằng đá hoa cương màu đen ngồi trên bệ đá uy nghiêm hình đài sen, lưng tựa phiến đá lớn hình lá đề. Đó là kiệt tác về điêu khắc Chămpa, là sự kết hợp hài hòa giữa kỹ thuật tượng tròn và chạm nổi. Người Pháp đã lấy mất đầu tượng, nay chỉ còn đầu tượng bằng xi măng vẽ mặt. Rải rác quanh di tích còn có một số tượng người, tượng thú...

Các tháp khác thờ : thần Siva (một trong ba vị thần tối cao của Ấn Độ giáo), thần Sanhaka, thần Ganeca theo truyền thuyết là con trai thần Siva. Hàng năm nhân dân đến lễ bái rất đông. Đứng trên đồi tháp nhìn ra xung quanh, phong cảnh rất nên thơ. Dưới chân đồi có dòng sông Cái tấp nập tàu thuyền qua lại. Cạnh đó là xóm Cồn nhà cửa chen chúc, xóm Bóng với phố xá, chùa chiền...

Thành Cổ Diên Khánh : Thành cổ Diên Khánh là một trong những di tích lịch sử, văn hóa đã được Nhà nước xếp hạng, nằm cách Nha Trang 10 km, bên phải quốc lộ 1. Năm 1793, sau khi Nguyễn Huệ mất, nhà Tây Sơn suy yếu dần. Nguyễn Ánh cùng Võ Tánh và Nguyễn Văn Trương đem quân tiến đánh Diên Khánh. Sau khi đẩy lùi được nghĩa quân Tây Sơn, thấy nơi đây là địa bàn chiến lược quan trọng lâu dài, Nguyễn Ánh quyết xây dựng Diên Khánh thành căn cứ vững chắc, một vành đai phòng ngự kiên cố từ xa.

Thành Diên Khánh là một quần thể kiến trúc quân sự theo kiểu Vauban, một hình mẫu thành quân sự phổ biến vào thế kỷ 17, 18 ở Tây Âu. Thành chiếm diện tích khoảng 36.000 m². Tường thành hình lục giác nhưng không đều nhau, dài 2693 m đắp bằng đất. Trên mỗi cạnh, tường thành lại chia thành nhiều đoạn nhỏ, uốn lượn, nên các góc thành không nhô hẳn ra mà vẫn đảm bảo quan sát được hai bên. Tường thành cao khoảng 3,5m. Mặt ngoài tường thành gần như dựng đứng, mặt trong có độ thoải và được đắp thành hai bậc, tạo đường vận chuyển thuận lợi ven thành. Bên ngoài thành có hào nước sâu từ 3 đến 5 m bao quanh. Khi xây dựng xong, thành Diên Khánh có 6 cửa ở 6 cạnh tường thành, nay chỉ còn lại 4 cửa : Đông, Tây, Tiền (Nam), Hậu (Bắc).

Năm 1823 cửa Tả và cửa Hữu đã bị lấp, tới nay không còn dấu vết gì. Nay chỉ hai cổng Đông và Tây gần như nguyên vẹn. Theo các tư liệu cũ, bên trong thành có nhiều kiến trúc độc đáo như hoàng cung, cột cờ, dinh tuần vũ, dinh ám sát, nhà

kho. Khi xây xong, thành Diên Khánh do Hoàng tử Cảnh và Bá Đa Lộc chỉ huy trấn giữ. Thành Diên Khánh cũng có thời kỳ trở thành Tổng hành dinh của nghĩa quân Cần Vương - Khánh Hòa trong những ngày đầu chống Pháp.

Chùa Long Sơn : Là ngôi chùa có quy mô lớn nhất trong số hơn 20 ngôi chùa ở Nha Trang. Chùa nằm ngay trong nội thành Nha Trang, bên quốc lộ 1A, dưới chân hòn Trại Thủy. Hòn Trại Thủy có đến 3 ngôi chùa: chùa Long Sơn dưới chân núi, chùa Hải Đức ở phía trên và chùa Bửu Phong ở phía Nam. Đến Nha Trang, du khách rất dễ dàng nhận ra ngay hòn Trại Thủy nhờ có pho tượng Kim Thân Phật tổ rất lớn ngự trên đỉnh.

Chùa được khai sơn vào cuối thế kỷ 19 và được xây dựng mới theo quy mô như hiện nay vào năm 1940 với nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc tuy mang đậm dấu ấn hiện đại, nhưng vẫn giữ được vẻ tĩnh mịch, uy nghiêm, huyền bí, cao siêu nơi cửa Phật nhờ sự phối hợp tuyệt vời giữa công trình kiến trúc với cảnh quan thiên nhiên. Đây cũng là một trong những thắng cảnh nổi tiếng của Nha Trang.

Mộ Bác Sĩ Yersin : Alexandre Yersin sinh năm 1863 tại Thụy Sỹ. Cha gốc Thụy Sĩ, mẹ gốc Pháp. Lúc nhỏ Yersin học ở Thụy Sĩ, lớn lên học tại Pháp, đậu bằng tiến sĩ y khoa ở Pháp và nhập quốc tịch Pháp. Tháng 7-1891, Yersin đến Nha Trang lần đầu tiên.

Đến cuối năm 1899, ông trở lại Nha Trang thành lập viện Pasteur. Gần 50 năm sống độc thân ở Nha Trang, ông đã dành trọn cuộc đời cho sự nghiệp khoa học, nghiên cứu thành công việc sản xuất thuốc chữa bệnh dịch hạch. Ông sống giản dị, gần gũi với nhân dân xóm Cồn nên được mọi người quý mến. Ông còn tham gia nhiều cuộc thám hiểm và góp phần tìm ra vùng Đà Lạt. Ngày 1-3-1943, Yersin mất tại Nha Trang. Theo di chúc của ông, khi khâm liệm người ta đặt ông nằm sấp, đầu quay về biển, để ông mãi mãi ôm lấy mảnh đất quê hương thứ hai của mình.

Mộ phần của Yersin đặt trên một ngọn đồi nhỏ không tên tại khu vực suối Dầu, huyện Diên Khánh. Ngôi mộ hình chữ nhật xây bằng xi măng, sơn màu xanh mát dịu. Trên bề mặt có hàng chữ : Alexandre Yersin (1863 - 1943). Kế đó là ngôi chùa Long Tuyền, trên điện thờ ảnh Yersin, thờ ngang hàng với các bức tượng Bồ

Tát. Yersin là của Pháp, của Thụy Sĩ và của Việt Nam.

Nhà Thờ Chánh Tòa : Nhà thờ được xây từ năm 1928, đến năm 1934 thì hoàn thành với mười hạng mục công trình. Ba quả chuông lớn do hãng Bourdons Carillons cung cấp năm 1934, đồng hồ trên tháp lắp ráp tháng 12-1935. Đã trên 70 năm, công trình vẫn nguyên vẹn và hấp dẫn nhiều du khách đến thăm.

Các dịp lễ hội

Lễ Hội Cá Voi : Lễ hội này gắn với truyền thuyết cá voi đã cứu vua Gia Long trên biển. Hàng năm ở Khánh Hòa tổ chức lễ hội để tỏ lòng kính trọng cá voi. Nghi lễ cúng như lễ tế đình. Trong lễ có hát bả trạo khi kết thúc và sau đó là hội hát chầu.

Lễ Hội Tháp Bà : Được tổ chức vào ngày 20 đến 23-3 âm lịch hàng năm tại khu di tích Tháp Ponagar - thành phố Nha Trang. Đây là lễ hội lớn nhất trong khu vức để tưởng niệm nữ thần Mẹ Xứ Sở (phiên âm tiếng Chăm là Po Ino Nogar). Theo truyền thuyết, bà Mẹ Xứ Sở là người có công tạo lập xứ sở, duy trì nòi giống, tìm ra cây lúa, dạy dân trồng trọt...

Nghi lễ có hai phần chính : Lễ Thay Y (ngày 20-3): tháo bỏ xiêm y, mũ miện cũ, tắm rửa tượng nữ thần bằng nước lá thơm và thay xiêm y, mũ miện mới. Lễ cầu cúng (ngày 23-3) được tiến hành rất tôn nghiêm ca ngợi công đức Bà Mẹ Xứ Sở và cầu mong cho dân sống yên bình, ấm no và hạnh phúc. Sau phần lễ là phần hội. Phần hội chủ yếu là múa bóng (điệu múa có động tác uốn éo, ưỡn hông như các vũ nữ Chămpa có ở phù điêu tại khu di tích Tháp bà), múa dâng bông và hát bộ diễn các tích tuồng cổ trước ngôi đền chính. Trước đây trong hội còn có các cuộc đua thuyền thúng dưới chân tháp.

Lễ hội Tháp Bà không chỉ thu hút Đông đảo bà con người Việt, người Chăm ở Nha Trang, Khánh Hòa mà nhiều người ở khắp nơi trong nước cũng nô nức kéo về dự hội.

Lễ Hội Am Chúa : Tổ chức vào ngày 22-4 âm lịch để tưởng niệm nữ thần Thiên Y A Na được nhân dân trong vùng tôn sùng là Bà Chúa, bà mẹ của xứ sở tại Am Chúa, nơi thờ nữ thần Ponagar (Thiên Y A Na) trên sườn núi Đại An (núi Chúa), thuộc xã Diên Điền, huyện Diên Khánh. Theo truyền thuyết, đây là nơi nữ thần

giáng trần, sống thời thơ ấu với hai vợ chồng tiều phu già. Nơi đây có miếu thờ và tượng Bà. Lễ hội gồm hai phần, phần lễ và phần hội. Sau lễ cầu cúng tôn nghiêm theo nghi thức cổ truyền là điệu múa dâng bông, vãn Bà, các điệu múa gắn với truyền thuyết và sự tích Thiên Y A Na.

Đàn Đá Khánh Sơn : Khánh Sơn là một huyện miền núi của Khánh Hòa, từ lâu từng được biết đến như một vùng đất của cổ tích, huyền thoại, với nhiều chiến công hiển hách qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Từ năm 1979, tại Khánh Sơn đã phát hiện ra những bộ đàn đá, một loại nhạc cụ vào loại cổ xưa nhất của loài người (bộ đàn đá đầu tiên trên thế giới được ông kỹ sư người Pháp Georges Condominas phát hiện năm 1949 tại Tây Nguyên - Việt Nam). Tại đây, người ta còn phát hiện ra những dấu hiệu chế tác đàn đá tại chỗ, chứng tỏ những cư dân từ xưa ở nơi này - dân tộc Rắclây - là những người chủ thực sự của những bộ đàn đá.

Kiên Giang

Diện tích : 6243 km².

Dân số : 1.542.800 người (2001).

Tỉnh lỵ : thị xã Rạch Giá.

Thị xã : thị xã Hà Tiên.

Các huyện : Hà Tiên, Hòn Đất, Tân Hiệp, Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận. Hai huyện đảo : Phú Quốc, Kiên Hải.

Dân tộc : Việt (Kinh), Khmer, Hoa.

Kiên Giang là môt dải đất nằm ở phía Tây Nam của tổ quốc, cách Sài Gòn 250 km. Phía đông và đông nam của tỉnh Kiên Giang giáp với các tỉnh An Giang và Cần Thơ, phía nam giáp Cà Mau, phía bắc giáp Campuchia với đường biên giới dài 54 km, ngoài ra còn có hơn 100 hòn đảo lớn nhỏ ngoài vịnh.

Trong tỉnh (phần đất liền), có nhiều núi thấp ở phía tây là núi Đại Tô Châu 178 m, núi Hòn Sóc 187, Hòn Đất 260, Vân Sơn, Địa Tạng... Ngoài biển Kiên Giang có rất nhiều hòn đảo như hòn Tre, hòn Thổ Châu, hòn Chông, hòn Rai, hòn Mấu, hòn Nam Du, Minh Hoa, Kiên Giang, hòn Dọc, hòn Kinh Qui, hòn Ngang, hòn Heo, hòn Xưởng, hòn Vang, hòn Thơm, hòn Roi, hòn Dừa, hòn Nhạn...

Đặc biệt là đảo Phú Quốc rất lớn, diện tích 566 cây số vuông, dài 50 cây số, chỗ rộng nhất 29 cây số, có dãy núi Tà Lơn với các ngọn cao như Hàm Rồng 365 m, núi Chúa 603 m, núi Mắt Quỷ 360 m.

Kiên Giang có một khu rừng ngập nước ở phía Nam (U Minh Thượng). Sông rạch trong tỉnh chi chít, phíc bắc có rạch Giang Thành, kinh Hà Tiên, kinh Ba Thê, các kinh Rạch Giá đi Long Xuyên và Thất Sơn, rạch Sỏi...; phía đông nam có kinh Cái Sắn, kinh Tân Hiệp, kinh Thốt Nốt, kinh Cán Gáo, sông Trèm Trẹm, các sông Cái Lớn, Cái Bé đổ ra cửa vũng Rạch Giá, và một số kinh mang số từ 1 đến 10. Bờ biển Kiên Giang có hai có hai vũng lớn là vũng Cây Dương và vũng Rạch Giá.

Nói chung, khí hậu Kiên Giang mát mẻ, nhưng khi gió biển, gió núi hoặc có bão đến cũng mang không khí lạnh cho tỉnh. Những liên tỉnh lộ số 8 và 12 là những đường giao thông quan trọng, nối Kiên Giang với các tỉnh lân cận. Ba phi trường chính đặt ở Hà Tiên, Rạch Giá và Dương Đông (thuộc đảo Phú Quốc).

Nghề chính của tỉnh là nghề nông, nhưng nghề cá cũng rất phát triển. Biển Kiên Giang có những bãi cá và luồng tôm rất lớn. Nhiều loại cá ngon: thu, chim, nhám, bạc má, chép, he, thiều. Kiên Giang còn nổi tiếng về nghề làm nước mắm.

Sinh hoạt, kinh tế

Phần lớn dân chúng ở đây là người Kinh, rồi đến người Việt gốc Chàm và Khmer. Các tôn giáo chính là đạo Phật, Hòa Hảo, Cao Đài và Thiên Chúa.

Hoa màu chính là lúa nhưng chỉ trồng một vụ vì đất mặn, các hoa màu phụ có ngô, đậu đỏ, đậu xanh, đậu phụng... Các vùng trồng lúa là Kiên An, Kiên Tân, Hòn Đất, Kiên Thành. Cây ăn trái và cây công nghiệp được trồng nhiều như dưa hấu, khóm, sầu riêng, cam, quýt, lựu, phật thủ, cà phê, dừa, cau và hồ tiêu.

Vùng rừng phía nam từ sông Cái Lớn trở xuống và lan qua tỉnh An Xuyên là rừng tràm U Minh, mang lại nhiều nguồn lợi cho tỉnh như các loại gỗ dương, vông, đước làm than rất tốt; các loại cây chế biến thuốc ta như tràm, hà thủ ô, trầm hương, quân tử, hoắc hương và các đặc sản khác là mật ong, sáp ong... Lá và cành non của cây tràm có tinh dầu gọi là dầu tràm, chứa khoảng 65% chất cajeputoi, có tính sát trùng, được dùng trị bệnh hô hấp và làm lỏng đàm; đây là nguồn lợi thiên nhiên phong phú của tỉnh Kiên Giang.

Ở xã Dương Hòa thuộc quận Kiên Lương có một dãy núi gọi là núi ong (vì ong đến làm tổ rất nhiều, có cây cổ thụ chứa cả trăm tổ ong) là một nguồn lợi về mật và sáp ong rất lớn cho dân chúng. Rừng Kiên Giang cũng có nhiều loại thú như hổ, beo, voi, hươu, nai, khỉ... nhiều chim muông mang lại phân chim, lông chim để làm quạt. Hòn Trứng Nhạn ở đảo Thổ Châu có rất nhiều chim nhạn và đồi mồi.

Kiên Giang có đất sét và đá vôi là những nguyên liệu tốt chế biến xi măng. Nhà máy xi măng Hà Tiên tại Kiên Lương là một trung tâm sản xuất xi măng lớn ở trong Nam. Kiên Giang còn có nhiều tiềm năng chưa khai thác hết.

Ngư nghiệp Kiên Giang chiếm vị trí kinh tế quan trọng vì có nhiều nguồn ngư hải sản quý như cá thu, cá tiều, cá chim, cá bướm, mực, tôm, ốc, trai, rùa và hải sâm. Ở đảo Phú Quốc có cá cơm, cá mòi làm nước mắm nổi tiếng; khắp nơi đều nghe danh "nước mắm Hòn" ở Bãi Bốn. Ngoài ra, đảo còn có mỏ huyền, đá đen lánh, dùng làm đồ nữ trang. Đảo này có loại gỗ dên chịu được mặn và hà, thích hợp cho

ngành đóng ghe thuyền đi biển. Vùng đảo Thổ Châu và Phú Quốc biển thường lặng im không có sóng, là nơi có nhiều loại cá lớn : cá mú, cá hồng.

Lược sử

Vùng đất Kiên Giang trước đây là một thị trấn của tỉnh Hà Tiên cũ. Hà Tiên nguyên là phủ Sài Mạt (âm tiếng Bentay Méas là thành bằng vàng) của Chân Lạp do Mạc Cửu (người Quảng Đông) mở mang vùng thương cảng thành thị trấn to.

Vào đầu thế kỷ 16, Mạc Cửu được vua Cao Miên phong chức Ốc Nha (âm tiếng Oknha, chức vụ tương đương tỉnh trưởng) cho cai quản vùng này; nhưng Mạc Cửu thường bị quân Xiêm quấy phá nên xin thần phục chúa Nguyễn để nhờ che chở (1708). Từ đó, đất Hà Tiên thuộc về nước ta và được kể là một trong sáu tỉnh của miền Nam vào đời Minh Mạng. Mạc Cửu vẫn được cai quản vùng này, rồi mở rộng đất Kiên Giang năm 1734. Sau đó, con ông là Mạc Thiên Tích nới rộng thêm. Vào những năm 1782, 1783 và 1785, trong nhiều trận thủy chiến dữ dội trên sông nước miền Nam, quân của Nguyễn Ánh đã bị quân của anh hùng Nguyễn Huệ đáng tan tành, dù Nguyễn Ánh đã nhờ cậy quân Xiêm và Chân Lạp. Vùng Rạch Giá và các đảo Phú Quốc, Thổ Châu... từng là nơi ẩn trốn của Nguyễn Ánh.

Sau khi quân Pháp chiếm lục tỉnh Nam Kỳ, Hà Tiên cũng vùng lên tranh đấu. Đêm 16-06-1868, đoàn dân quân do anh hùng Nguyễn Trung Trực chỉ huy, từ Phú Quốc kéo qua đánh úp thị xã Rạch Giá, giết hết quân Pháp, giải tán tất cả các cơ quan hành chánh của quân Pháp. Làm chủ tình hình trong một tuần lễ, ông nghe tin đại quân sắp kéo đến, bèn chở hết võ khí, lương thực về Hà Tiên, rồi lánh sang Phú Quốc lập chiến khu tại cửa cạn. Tại đây, nghĩa quân được hai nhà yêu nước Nguyễn Văn Điền và Nguyễn Văn Ngợi hỗ trợ rất nhiều. Hai ông đã đem hết tài sản đóng góp cho cuộc kháng chiến và tổ chức đoàn thuyền qua Xiêm mua khí giới cho quân ta.

Giặc Pháp đánh nhiều lần không nổi, sau chúng phải đem toàn lực tấn công ở mặt Dương Đông. Lúc đó, nghĩa quân chỉ còn 30 người, bà Nguyễn Trung Trực lại sinh nở ngay lúc chạy giặc trong một đêm mưa to nên đã thiệt mạng cả mẹ lẫn con. Hai tên Huỳnh Công Tấn và Đỗ Hữu Phương (Tổng Đốc Phương) dùng mưu bắt

cóc mẹ ông và một số đồng bào làm áp lực bắt ông hàng.

Anh hùng Nguyễn Trung Trực biết không thể tiếp tục chiến đấu được nữa nên đã tụ họp nghĩa quân lại, ông nói : "Giặc không giết được chúng ta, nhưng cạn lương thực sẽ bị chết hết. Nếu ta nói "thà chết lúc này" thì cũng chẳng ích gì cho mai sau! Giặc bắt được tôi thì mừng lắm, sẽ không làm hại anh em. Anh em cố sống mà tiếp tục báo quốc. Tôi biết anh em không tham sống sợ chết, phải can đảm để liệu cách xuất xử". Sau đó, ông cho đổ hết lương thực dự trữ ở Bưng Cây Lương (gần cửa Cạn), rồi tự trói mình ra gặp Huỳnh Công Tấn để cứu mẹ và dân chúng. Giặc Pháp phủ dụ ông quy thuận không được nên đã đem ra hành quyết tại Rạch Giá ngày 27-10-1868.

Đến năm 1872, nhân dân Kiên Giang lại theo hai anh hùng Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự kháng chiến. Hai anh em họ Đỗ lập căn cứ tại rừng U Minh, đánh du kích làm giặc tổn thất và mệt trí rất nhiều.

Phong cảnh, di tích

Cảnh Đẹp Hà Tiên : Hà Tiên là một huyện biên giới, cách thị xã Hà Tiên 90 km đường bộ. Thị xã Hà Tiên được hình thành cách đây gần 300 năm mà tên tuổi của nó được gắn liền với dòng họ Mạc (Mạc Cửu). Hà Tiên là nơi hội tụ của những danh lam thắng cảnh thiên nhiên hoang sơ đầy quyến rũ. Nếu đi từ Rạch Giá xuống Hà Tiên, du khách sẽ đi qua hàng chục cảnh đẹp.

Chùa Hang : Nằm hẳn trong một hang đá sâu 40 m, cửa chùa quay vào trong đất liền, trong ánh sáng lờ mờ, có thể nhìn thấy những thạch nhũ chảy từ trên trần xuống đóng cứng lại to như cột nhà. Đá vôi tái kết tinh ở đây rỗng nên khi gõ vào thân thạch nhủ thì nó ngân lên như tiếng chuông chùa (còn gọi là đá chuông). Đi luồn qua hang chui ra khỏi cửa sau gặp ngay mặt biển trong xanh, xa xa là hòn Phụ Tử hiện ra trông cảnh biển ở đây như một góc vịnh Hạ Long.

Thạch Động : Là một tảng đá xanh khổng lồ mọc trơ trọi giữa một vùng toàn đất nằm kề quốc lộ 17, cách thị xã Hà Tiên 3 km. Thạch Động còn được gọi là "Thạch Động Thôn Vân" (động đá nuốt mây) vì động ở độ cao 50 m, lúc sáng tinh mơ những tảng mây trắng xốp nhẹ như bông là là bay qua đỉnh động rồi bị cản, mây dừng lại rồi từ từ tỏa quanh cửa động gây ấn tượng như miệng động đang

nuốt mây. Hang khá rộng, những giọt nước mưa theo tháng năm xâm thực đá, len lách chảy xuống hang hòa tan với chất vôi tạo những thạch nhũ rất độc đáo.

Cảnh Đẹp Đông Hồ : Nằm về phía đông thị xã Hà Tiên dài khoảng 3 km, rộng gần 2 km. Phía hữu ngạn có núi Ngũ Hổ, phía tả ngạn là dãy núi Tô Châu sừng sững, phía đông có sông Giang Thành và phía tây có sông Hà Tiên đoạn dẫn ra biển. Một hồ nước phẳng lặng giữa bốn bề là sông núi, đã tạo ra vẻ đẹp tự nhiên, thơ mộng. Cách thị xã Hà Tiên 4 km là mũi Nai, ở độ cao 100 m nhô mình ra ngoài biển, hình dạng giống như một con nai đang nghếch mõm. Trên đỉnh núi có hải đăng xây dựng từ cuối thế kỷ 19, là nơi tận cùng của bán đảo Mũi Nai với hai bãi cát đẹp là Bãi Nô và Bãi Bằng.

Bãi Nô : Nằm cạnh xóm Chài, nhà cửa đông vui. Bãi Bằng là một bãi cát bằng phẳng. Đây là một bãi tắm tốt, từ đây có thể nhìn thấy đảo Phú Quốc, đảo Hải Tặc... trong những ngày trời trong mây tạnh.

Bãi Dương : Bãi dương dài khoảng 2 km, là bãi tắm tốt nhất của vùng, cách Hà Tiên khoảng 30 km, nằm trong khu thắng cảnh Hòn Chông. Trên bờ là những hàng dương lả lướt rủ bóng mát, dưới biển là bãi cát trắng, sạch với làn nước biển trong xanh, lòng bãi không có đá ngầm. Sau bãi dương là bãi dầu, cuối bãi có một mỏm đất nhô ra biển, bên trên là một đồi nhỏ thấp trông rất nên thơ, đó là hòn Trẹm.

Từ Hòn Trẹm đi khoảng 1 km đến chùa Hang. Cách chùa Hang vài trăm mét là hòn Phụ Tử, giống hình hai cha con quấn quýt bên nhau. Trải qua bao tháng năm sóng biển đã đục sâu vào thân hòn làm thành hai cái chân sóng. Vào lúc thủy triều xuống, mặt nước thấp, du khách sẽ nhìn thấy những đợt sóng trắng liếm vào chân hòn rồi lắng đi trong hang. Lúc ấy dường như hòn Phụ Tử bay lơ lửng trên mặt nước trong xanh.

Thắng Cảnh Nam Phố : Cách thị xã Hà Tiên 10 km, một điểm nghỉ mát thuận lợi với hai bãi cát rất đẹp là bãi Hòn Heo và bãi Ớt. Ở đây cát vàng mịn, mặt nước trong xanh, cảnh vật yên tĩnh, dãy núi bãi Ớt nhô hẳn ra ngoài khơi tạo thành bức bình phong khổng lồ. Vào mùa biển động, cả vùng biển xung quanh nơi nào cũng cuộn sóng, chỉ riêng vùng biển bãi Ớt là sóng yên gió lặng.

Ngoài khơi Kiên Giang còn là vùng biển trù phú với 105 hòn đảo lớn nhỏ nằm rải rác, có những hòn đảo dân cư đông đúc như đảo Hòn Tre (Hòn Rùa), là huyện lỵ Kiên Hải, cách thị xã Rạch Giá 25 km. Ngoài ra còn có hòn Lại Sơn và quần đảo Nam Du (gồm 20 hòn đảo nối tiếp nhau nhô lên mặt biển).

Đảo Phú Quốc : Là hòn đảo lớn nhất Việt Nam, nằm trong Vịnh Thái Lan thuộc tỉnh Kiên Giang. Thị trấn Đông Dương, thủ phủ của đảo cách thị xã Rạch Giá 120 km và cách Hà Tiên 45 km. Huyện đảo Phú Quốc bao gồm 22 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó đảo Phú Quốc lớn nhất có diện tích 573 km², dài 50 km, nơi rộng nhất (ở phía bắc đảo) dài 25 km. Địa hình thiên nhiên thoai thoải chạy từ nam đến bắc với 99 ngọn núi đồi. Dân cư sinh sống trên đảo lên đến trên 45.000 người. Ở đây ngoài đồi núi, còn có đồng bằng, rừng tự nhiên rộng 37.000 ha với nhiều gỗ quí và chim muông.

Phú Quốc được mệnh danh là hòn đảo ngọc bởi sự giàu có của thiên nhiên và tiềm năng du lịch phong phú, một vùng đất lạ với những cánh rừng nguyên sinh (có nhiều loại gỗ quí) tập trung ở khu vực phía đông bắc đảo. Viền quanh đảo có nhiều bãi tắm đẹp như bãi Trường, bãi Kem, ghềnh Dầu, rạch Tràm, rạch Vẹm. Du khách có thể tắm biển, tắm suối, tắm sông rồi leo núi, vào hang, lên rừng nơi có thể quan sát cuộc sống của các loài động vật hoang dã.

Đặc sản nổi tiếng của đảo là nước mắm Phú Quốc, hương vị; ngọt thơm được chế biến từ loại cá cơm đặt biệt, có độ đạm cao (40 độ), hàng năm sản xuất khoảng 6 triệu lít. Ngoài khơi biển Phú Quốc có rất nhiều tôm, cua, cá... Phú Quốc có tới 2000 tàu đánh cá, sản lượng đánh bắt khoảng 35.000 tấn cá hàng năm.

Phú Quốc có các cảng An Thới, cảng Hòn Thơm, nơi cập bến của tàu bè trong nước và quốc tế để trao đổi hàng hóa. Đảo Phú Quốc là nơi có nhiều di tích lịch sử như khu căn cứ của người anh hùng Nguyễn Trung Trực, những kỷ vật của vua Gia Long trong những năm trôi dạt ra đảo (cuối thế kỷ 18), nhà tù Phú Quốc. Từ Sài Gòn đi máy bay hết 40 phút ra đến Phú Quốc, hoặc đi tàu biển từ huyện Hà Tiên ra Phú Quốc hết 8 giờ.

Dương Đông : Là thủ phủ của Phú Quốc, là cảng cá lớn, ở trung tâm phía tây đảo. Ở đây có sân bay Phú Quốc và các khách sạn. Dương Đông có nhiều cảnh đẹp,

nhưng nổi tiếng nhất vẫn là Dinh Cậu. Một đền thờ bắt nguồn từ đức tin của người dân đảo Phú Quốc xây dựng năm 1937 để thờ Cậu, và mong được sự che chở của thần sông cứu giúp các thuyền bè khi gặp sóng to gió lớn. Dinh Cậu còn giữ những nét kiến trúc cổ. Từ đây có thể ngắm cảnh biển rất thú vị.

Quần Đảo An Thới : Ở phía nam đảo Phú Quốc là quần đảo An Thới. Quần đảo này có 15 hòn đảo lớn nhỏ nằm dọc theo hướng tây nam. Biển ở đây rất trong và sâu, có nơi sâu gần 30 m. Du khách sẽ thấy nơi đây thích hợp cho các hoạt động du lịch như khám phá thiên nhiên, ngắm cảnh, câu cá, bơi và lặn biển. Một số đảo lớn trong quần đảo An Thới có tên Hòn Dân, Hòn Dừa, Hòn Rọi, Hòn Thơm, Vang, Móng Tay, Gầm Ghì, Mây Rút, Chân Quí.

Suối Tranh : Bắt nguồn từ dãy đá Hàm Nghinh (ở phía đông bắc đảo Phú Quốc), suối Tranh mang theo mình nhiều dòng suối nhỏ, chảy từ các khe núi, len lỏi qua những bãi cỏ xanh mượt nhập vào dòng chính để thành con suối lớn, dài 16 km. Suối Tranh chảy hiền hòa, bên cạnh những phiến đá nối tiếp nhau chạy dài đến ngút tầm mắt.

Suối Đá Bàn : Nằm lưng chừng đảo, phía nam của trung tâm đảo Phú Quốc, suối Đá Bàn quanh năm nước chảy róc rách, phong cảnh hữu tình, thơ mộng. Suối đá Bàn có những tảng đá phẳng lì, to lớn, chung quanh là cây cối và nước suối len lỏi ở các khe đá. Suối có thể bơi lội, cắm trại, vui chơi, hội hè giữa thiên nhiên và cây cỏ. Ven suối là những loại sâm, lan rừng tuyệt đẹp.

Bãi Kem : Là bãi tắm đẹp, nổi tiếng có cát trắng và mịn như bột nằm phía nam đảo Phú Quốc. Chen lẫn những bãi cát thỉnh thoảng nhô ra biển là những ghềnh đá nhấp nhô. Bãi Kem cách Dương Đông 25 km, cách cảng An Thới 5 km. Ven bãi Kem là những bãi cỏ xanh mượt mà và rừng già nguyên sinh. Du khách tới đây có thể tắm biển câu cá, bắt ốc và nổi lửa để thưởng thức đặc sản.

Bãi Trường : Hấp dẫn nhất trong các bãi cát vàng nằm thoai thoải trên bờ biển Phú Quốc là bãi Trường. Gọi là bãi Trường vì bãi chạy dài gần 20 km từ Dinh Cậu đến bãi khóe Tàu Rủ. Dọc theo bãi là nước biển xanh rờn, nhiều loại rong biển với màu sắc rực rỡ.

Đền Thờ Anh Hùng Nguyễn Trung Trực : Sau khi anh hùng Nguyễn Trung Trực bị

Pháp hành quyết năm 1868, dân chúng địa phương đã lập đền thờ ông tại tỉnh lỵ Rạch Giá. Trước đền có hai câu đối :

" Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa,
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quỷ thần".

Hai câu đối trên được trích trong bài thơ "Khóc Nguyễn Trung Trực" của cụ cử nhân Huỳnh Mẫn Đạt, nguyên tuần phủ Hà Tiên, một nhân sĩ yêu nước đứng về hàng ngũ chống quân Pháp.

Chùa Tam Bảo : Tọa lạc tại số 6 đường Thích Thiện Ân, phường Vĩnh Lạc, thị xã Rạch Giá. Chùa được dựng vào đầu thế kỷ 19. Lúc đầu được làm bằng gỗ, lợp lá. Năm 1917, hòa thượng Trí Thiền đã cho xây lại chùa bằng gạch. Trong chùa còn giữ bức tượng đức Phật A Di Đà tạc bằng đá xanh cao 1,03 m. Tại chùa có Tuệ Tỉnh Đường là phòng khám bệnh miễn phí cho đồng bào. Chùa được trùng tu nhiều lần.

Nhà Thờ, Lăng Mộ Dòng Họ Mạc : Tại thị xã Hà Tiên, huyện Hà Tiên, trên một đồi cách Hà Tiên 2 km về phía tây, là nơi có nhiều lăng tẩm của dòng họ Mạc Cửu xây dựng cách đây hơn 300 năm. Hai bên là mộ con cháu như Tổng binh Đại đô đốc Mạc Thiên Tích, tham tướng Mạc Tử Hoàng, lăng bà Mạc Thiên Tích, Mạc Công Du, Mạc Công Tây.

Dưới chân đồi là nhà thờ dòng họ Mạc luôn mở rộng cửa đón khách đến thăm quan và thắp nén nhang tưởng nhớ đến vị khai trấn Quốc Công Mạc Cửu, người có công khai phá vùng đất hoang xưa trở thành thị xã Hà Tiên sầm uất ngày nay. Nơi đây còn dấu tích của một chiến lũy là một bờ thành trồng tre gai dài gần 2 km, rộng khoảng 1 km do Mạc Thiên Tích xây dựng để ngăn chặn giặc bên ngoài đến xâm phạm bờ cõi nước ta.

Chùa Phù Dung : Còn gọi là Phù Cừ Am Tự, do tổng trấn Hà Tiên Mạc Thiên Tích (Mạc Thiên Tứ) dựng vào khoảng thế kỷ 18 tại chân Bình Sơn, thị xã Hà Tiên cho nàng Ai Cơ Phù Cừ (Nguyễn Thị Xuân), vợ thứ hai của ông. Mạc Thiên Tứ là con của Mạc Cửu và là một danh sĩ thời chúa Nguyễn, được chúa Nguyễn phong là Tông Đức Hầu vì ông là người có công nối nghiệp cha mở mang trấn Hà Tiên. Chùa được trùng tu nhiều lần. Chánh điện có nhiều tượng Phật, đặc biệt có

tượng Phật Thích Ca bằng đồng đưa từ Trung Quốc về thờ. Phía sau chánh điện có điện thờ Ngọc Hoàng. Trong khuôn viên chùa có khu mộ tháp của bà Nguyễn Thị Xuân và bốn vị sư.

Chùa Tam Bảo : Chùa còn có tên là Sắc Tứ Tam Bảo tự, do ông thống binh Mạc Cửu - một tướng người Hoa có công khai phá vùng đất Hà Tiên, dựng vào năm 1730 tại số 328, tổ 2, ấp Ao Sen, đường Phương Thành, thị xã Hà Tiên. Ngôi nhà xưa bị phá hỏng hoàn toàn, chùa hiện nay do hòa thượng Phước Ân cho xây dựng vào năm 1930. Ở điện Phật, có pho tượng đức A Di Đà bằng đồng cao 2,30 m. Bên ngoài có khu mộ của 16 vị sư. Phía trước chùa là tượng Quan Âm Bồ Tát đứng trên đài sen.

Tịnh Xá Ngọc Sơn : Tịnh xá tọa lạc ở số 71B đường Mạc Cửu, thị xã Rạch Giá. Tịnh xá được giáo đoàn 4, giáo hội tăng già khất sĩ Việt Nam cho xây dựng vào năm 1964. Tịnh xá được trùng tu trong những năm gần đây.

Xã Mỹ Đức, Quận Hà Tiên : Là quê của nhà cách mạng Nguyễn Thần Hiến. Ông là một thành viên tích cực trong phong trào Đông Du và sáng lập "khuyến du học hội". Bị quân Pháp truy nã gắt gao. Năm 1908, ông xuất ngoại qua Cam Bốt, rồi sang Xiêm. Một năm sau, ông qua Trung Hoa giữ trách nhiệm gây quỹ dùng vào công cuộc kháng Pháp. Giữa năm 1913, kho lưu trữ súng đạn tại Hồng Kông bị lộ, nhà đương cuộc Anh bắt ông giao cho quân Pháp giải về Hà Nội, cùng với các nhà cách mạng khác là Nguyễn Quang Diêu, Đinh Hữu Thuật, Huỳnh Hưng... Bị kết án khổ sai chung thân, chờ ngày đi Côn Đảo, ông tuyệt thực chết tại nhà giam Hỏa Lò để phản đối cách đối xử tàn bạo của giặc Pháp, vào ngày mùng 1 Tết năm Giáp Dần (26-01-1914).

Quận Hà Tiên : Là quê của Lâm Tấn Phác, hiệu Đông Hồ, một nhà giáo và một thi sĩ hiện đại nổi tiếng vào những năm 1920 - 1940, tác giả tập Thơ Đông Hồ, Cô Gái Xuân và nhiều thơ văn khác.

Các dịp lễ hội

Lễ Hội Tưởng Niệm Vị Anh Hùng Nguyễn Trung Trực : Được tổ chức tại đền thờ Nguyễn Trung Trực số 14 Nguyễn Công Trứ - phường Vĩnh Thanh, thị xã Rạch Giá vào các ngày 27, 28, 29 tháng 8 âm lịch hàng năm, để tưởng nhớ Nguyễn

Trung Trực, người anh hùng có công chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước với lời nói bất hủ của ông trước lúc hy sinh : "bao giờ nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây".

Hàng năm, vào ngày giỗ có hàng vạn khách hành hương từ các nơi trong tỉnh, ngoài tỉnh về viếng ông và tham dự lễ hội. vào sáng ngày 28 tháng 8 âm lịch là lễ Cộ Hoa (lễ rước kiệu hoa) đền thờ là nơi ăn nghỉ cho những đoàn khách từ xa đến viếng.

Kon Tum

Diện tích : 9934 km².

Dân số : 330.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Kon Tum.

Các huyện : Đăk Glei, Ngọc Hồi, Đak Tô, Kon Plong, Đak Hà, Sa Thầy.

Dân tộc : Việt (Kinh), Xơ Đăng, Ba Na, Giẻ Triêng, Gia Rai...

Kon Tum là tỉnh ở phía Bắc Tây Nguyên Gia Lai - Kon Tum, một trong 3 cao nguyên lớn của Tây Nguyên. Kon Tum có chiều dài biên giới 275 m, tiếp giáp với Hạ Lào và Bắc Cam-Pu-Chia về phía Tây, Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi, Nam giáp tỉnh Gia Lai. Phần lớn lãnh thổ Kon Tum nằm ở phía Đông của dãy Trường Sơn, địa hình thấp dần từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam. Phía Bắc tỉnh có dãy núi Hoa Cương cao nhất miền Nam; đỉnh Ngọc Lĩnh 2596 m, đỉnh Ngọc Phan 2251 m. Đây là nơi bắt nguồn của các sông Tranh, sông Thu Bồn, sông Trà Khúc, sông Ba.

Kon Tum có trên 50% diện tích là rừng với các khu rừng nguyên sinh nơi có các loại gỗ quí, các lâm đặc sản và chim thú quí hiếm. Ngoài ra, Kon Tum còn có vùng đất bazan thích hợp với các cây công nghiệp như cao su, cà phê, chè, mía, dâu tằm... và các đồng cỏ thuận lợi để phát triển chăn nuôi đại gia súc.

Kon Tum có khí hậu cao nguyên nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm 23,4°C, lượng mưa trung bình 1884 mm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Đường quốc lộ 14 chạy dài từ Tây Quảng Nam qua tỉnh lỵ Kon Tum, đi xuống Gia Lai - Đắc Lắc - Sài Gòn; quốc lộ 24 nối Kon Tum với Quảng Ngãi; quốc lộ 40 nối Kon Tum với Atôpơ (Lào).

Thị xã Kom Tum xây bên bờ sông Đắc Pla, một nhánh của sông Pô Cô, giữa một đồng bằng nhỏ cao 525 m. Đây là trung tâm hành chính cũ của Pháp ở Tây Nguyên. Các cố đạo Pháp đã đến đây từ năm 1851. Thị xã Kom Tum cách Buôn Ma Thuột 246 km, cách Qui Nhơn 215 km và cách Pleiku 49 km. Du khách đến Kon Tum sẽ có dịp đi thăm nhiều cảnh đẹp của vùng núi rừng Tây Nguyên như núi Ngọc Lĩnh, các khu rừng nguyên sinh như Chư Mô Ray, Sa Thầy, khu du lịch Đắc Tre ở huyện Kon Plong, suối nước nóng Đak Tô.

Sinh hoạt, kinh tế

Đa số dân chúng cư ngụ là người Thượng rồi đến người Kinh. Đồng bào Thượng có nhiều sắc tộc khác nhau như Dié, Duan, Striêng, Sédang, Bahnar, Djrai... mỗi sắc tộc chính lại có thêm một số sắc tộc phụ. Kontum là tỉnh đầu tiên của miền cao nguyên và cũng là nơi tiếp nhận nhiều đồng bào từ các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam đến lập nghiệp.

Đồng bào ta phần đông theo đạo Thiên Chúa, rồi đến các đạo Phật, Cao Đài, Hòa Hảo và đạo Khổng. Ngoại trừ một số người Thượng ở các vùng núi cao chỉ cúng Thần linh và chia làm hai loại thần là thượng đẳng thần (như thần cọp, thần voi, thần cây...). Vì đồng bào có nhiều sắc tộc nên cũng có nhiều phong tục tập quán riêng biệt. Nhưng dù có khác biệt về tôn giáo, phong tục, đồng bào Thượng và Kinh luôn luôn sống hòa hợp và nâng đỡ nhau trong cuộc sống.

Hoa màu chính là lúa, rồi đến hoa màu phụ là ngô, sắn, khoai, rau cỏ, cà phê, trà và cây ăn trái. Lâm sản khá phong phú có thể khai thác được như gỗ lim, trắc hương, sao, gỗ tạp, thêm nữa là mây, tre, nứa, măng và hạt giẻ... Rừng Kontum có đủ loại thú...

Kinh tế và thương mại khó phát triển vì hoàn cảnh địa thế. Dân chúng tập trung vào các nghề liên quan đến nông nghiệp, cùng một số ngành buôn bán nhỏ khác.

Lược sử

Tên "Kontum" theo tiếng người Thượng Bahnar. "Kon" có nghĩa là "làng" và "Tum" là cái "hồ". Kontum là "làng ở ven hồ". Đời vua Tự Đức, đạo Thiên Chúa bị cấm đoán. Linh mục Cuénol cai quản địa phận "đàng trong" ủy nhiệm cho thầy Nguyễn Do tìm một nơi an toàn cho các nhà truyền giáo lánh nạn. Ông Nguyễn Do vào vùng rừng núi An Khê học tiếng Thượng, sau đó đến vùng Tây Bắc và tìm ra một thung lũng khá rộng, đất đai phì nhiêu nằm trên sông Dak Bla. Ông chọn nơi nầy làm căn cứ và xây dựng làng bên một hồ nước, còn tồn lại đến ngày nay. Đây chính là Kontum, đồng bào theo đạo Thiên Chúa, phần đông là người tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi theo ông Nguyễn do đến đây sinh sống, lập thành làng Gò Mít , nay là khu Tân Hương, trung tâm thị trấn Kontum.

Năm 1898, quân Pháp lập tòa đại lý hành chính ở nơi đây và trực thuộc Quy Nhơn,

do linh mục P.Viallenton cai quản. Năm 1907, tòa đại lý đổi thành tòa công sứ Kontum và tỉnh lỵ đặt ở đây. Lúc đó tỉnh Kontum bao gồm hai tỉnh Pleiku và Đắc Lắc. Đắc Lắc tách rời khỏi Kontum vào năm 1923, rồi tỉnh Pleiku cũng tách ra vào năm 1929. Đến năm 1958, một phần đất của Kontum sát nhập tỉnh Pleiku. Năm 1959, quận Konplong của tỉnh lại giao cho tỉnh Quảng Ngãi.

Khi giặc Pháp đến, đồng bào Thượng đủ mọi sắc tộc theo các chiến sĩ Cần Vương hoặc tụ họp nhau lại đánh Pháp. Năm 1901, đồng bào Sédang đánh đồn Psi ở ngã ba sông DakPsi, Dak Pocô. Giặc lập đồn này để ngăn chặn sự liên lạc giữa đồng bào Sédang với đồng bào Djarai, Halang ở phía Nam. Quân Pháp thua to, tên đồn trưởng Robert bị đâm trọng thương, giặc phải rút về tỉnh lỵ. Năm 1902, đồng bào ta lại tấn công đồn Nong Pot, giết đồn trưởng Henri và phục kích một toán quân tại Kapeu do tên Sicre chỉ huy. Pháp trả thù đem quân càn quét, đốt phá buôn sóc, giết hại dân làng, trâu bò. Đến năm 1910, đồng bào Thượng chống việc bắt đi phu làm đường rồi cùng tù trưởng Bé chiếm đồn Dakto, giết ba sĩ quan Pháp. Giặc khó lòng kiểm soát dân số vì đồng bào ta thường rút vào rừng sâu tụ hợp nhau lại tìm cách đánh giặc. Năm 1938, đồng bào Thượng ở vùng Bắc Kontum tổ chức nhiều trận tấn công vào đồn bót của giặc.

Phong cảnh, di tích

Thác Yaly : Thác cao 40 m có nhiều bậc. Đây là dòng thác đẹp và lớn nhất Tây Nguyên trên sông Pô Cô. Đường vào thác đã được nâng cấp tạo thuận lợi cho khách tham quan. Nơi đây đang xây dựng nhà máy thủy điện Yaly với công suất 720 MW và sản lượng điện là 3,68 tỷ KWh.

Làng Ba Na : Dân tộc Ba Na là một trong ba dân tộc đông người ở Tây Nguyên, đặc biệt ở Kon Tum người Ba Na sinh sống đông nhất. Ba Na Kon Tum là tên một nhóm người Ba Na tập trung ở thị xã Kon Tum. Theo tiếng Ba Na thì Kon là làng, Tum là hồ, ao. Kon Tum là làng có nhiều ao, hồ. Ba Na Kon Tum là làng Ba Na có nhiều ao, hồ. Vào thăm làng Ba Na, du khách sẽ bắt gặp những nếp nhà sàn hình vuông hay hình chữ nhật, cầu thang lên nhà bằng một thân cây gỗ, đục đẽo thành từng bậc khá công phu, thể hiện sự khéo tay của đàn ông Ba Na.

Người Ba Na là dân tộc đầu tiên ở Tây Nguyên biết dùng chữ viết để học tập và

dùng trâu bò để cày ruộng. Tuy nhiên họ cũng chưa biết tổ chức cuộc sống khoa học, gạo chỉ giã đủ ăn từng ngày, nước cũng chỉ lấy đủ dùng cho một ngày. Người Ba Na săn bắn giỏi, vào nhà nào cũng treo vài cái nỏ bằng gỗ rất chắc. Cũng như các dân tộc khác ở Tây Nguyên, giữa nhà sàn người Ba Na là cái bếp lửa luôn luôn đỏ hồng, cũng là nơi mọi thành viên trong nhà quây quần trò chuyện, ăn uống và ngủ quanh đó. Đàn ông Ba Na hay có vết sẹo ở ngực. Đó chính là vết tích do chính bản thân người đó gây nên bằng cách lấy lửa đập vào ngực, lấy than hồng dí vào ngực hay dùng dao rạch ngực (khi trong nhà có người chết) để tỏ lòng thương tiếc người quá cố.

Chùa Bác Ái : Tọa lạc ở góc đường Trần Phú và Phan Chu Trinh, thị xã Kon Tum. Chùa được xây dựng vào năm 1932 do ông Võ Chuẩn, quản đạo tỉnh Kon Tum thiết kế. Chùa được vua Bảo Đại ban tấm biển "Sắc Tứ Bác Ái Tự".

Chùa Hồng Từ : Chùa tọa lạc tại số 245 đường Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, thị xã Kon Tum. Chùa do Hòa thượng Thích Đức Thiện xây dựng vào năm 1958. Chùa đã trải qua 6 đời sư trụ trì và được trùng tu vào các năm 1969 và 1986. Trong chính điện thờ Phật có pho tượng Phật Thích Ca bằng đồng nặng 1000 kg, cao 1,2 m.

Nhà Rông : Nhà Rông chỉ có ở những buôn làng Bắc Tây Nguyên, đặc biệt ở hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Mỗi buôn, làng dựng một ngôi nhà sàn lớn được trang trí đẹp ở giữa buôn làng gọi là nhà Rông. Nhà Rông là nơi diễn ra các sự kiện quan trọng : lễ tết, hội làng, đám cưới, lễ cầu nguyện và là nơi hội họp của cả buôn làng già, trẻ, trai, gái... Nhà rông của mỗi dân tộc đều có những nét riêng trong kiến trúc, tạo dáng, trang trí hoa văn. Nhìn chung nhà Rông vẫn là ngôi nhà to nhất, thường gấp ba, gấp bốn nhà thường, có mái nhọn xuôi dốc và được dựng trên những cột cây to, thường là tám cột bằng cây đại thụ, thẳng, chắc; mái nhọn lợp bằng lá gianh, phơi kỹ cho đến khi vàng óng.

Trên những vì kèo được trang trí những hoa văn có màu sắc rực rỡ mang tính tôn giáo thờ phụng, những sự tích huyền thoại của dũng sĩ thuở xưa, những thú vật được cách điệu, những vật, những cảnh sinh hoạt gần gũi với cuộc sống buôn làng. Nổi bật trong trang trí nhà Rông là hình ảnh thần mặt trời chói sáng. Nhà Rông

càng to đẹp thì càng chứng tỏ buôn làng giàu có, mạnh mẽ.

Nhà Mồ Tây Nguyên : Theo phong tục tang lễ của người Tây Nguyên, sau khi chôn cất người chết, người ta làm ngay một chòi nhỏ sơ sài trên nấm mộ để che mưa che nắng cho người đã khuất. Trong chòi thường đặt một số đồ dùng của người đã khuất. Rồi sau một hoặc hai, ba năm, gia đình người chết phá đi, dựng một nhà mồ đẹp và trang trí tượng gỗ, hàng rào xung quanh nhà.

Theo quan niệm của người Bana thì tượng nhà mồ là để đưa tiễn người sang thếgiới bên kia. Khi chết đi, con người vẫn tiếp tục cuộc sống ở một thế giới khác. Họ có kiếp sống của sinh thành, giao hoan, có giải trí và cả súc vật mang theo. Tượng nhà mồ hiện lên sống động, thể hiện một nền nghệ thuật cổ. Có thể xếp vào 3 nhóm tượng: thếgiới con người; những con vật gần gũi với con người như voi, chó, trâu, bò... và những sinh hoạt cộng đồng như thể thao, săn bắn. Lệ phá chòi, dựng nhà được làm vào mùa xuân (mùa khô) và được coi như một lễ hội (lễ Bỏ Mả). Mọi người tập trung ngoài nghĩa địa cùng với rượu, thịt và các đồ cúng lễ với ý nghĩa cùng hưởng thụ với người đã khuất.

Các dịp lễ hội

Lễ Bỏ Mả (Pơ Thi): Dân tộc Gia Rai và một số dân tộc khác như Ba Na, Ê Đê... không có phong tục thờ tổ tiên. Thương tiếc người chết, họ chỉ giữ gìn mồ mả một thời gian rồi sau đó sẽ tiễn đưa vĩnh viễn người chết bằng lễ Bỏ Mả. Lễ được tiến hành vài ba năm sau khi người thân qua đời. Đây là lần cuối cùng để tiễn đưa người chết về thế giới bên kia và là phần quan trọng nhất trong tang lễ.

Lễ Bỏ Mả được tổ chức rất trọng thể từ 2 đến 5 ngày tại nghĩa địa, xung quanh nhà mồ vào sau mùa thu hoạch, lúc có trăng sáng. Đặc sắc hơn cả là lễ Bỏ Mả của người Gia Rai. Trong dịp này, người già cũng như trẻ ra múa hát chung quanh nhà mồ theo nhịp chiêng, cùng nhau ăn uống. Sau lễ này, những người chồng (hoặc người vợ) góa không còn phụ thuộc vào gia đình. Đây là lễ hội không thể thiếu trong đời sống tinh thần của đồng bào Gia Rai, Bana, Êđê.

Lễ Cúng Đất Làng : Là lễ hội của người Ba Na sống ở Kon Tum và Gia Lai. Dân làng Ba Na làm lễ cúng đất làng vào cuối tháng 2 đầu tháng 3 âm lịch khi chuẩn bị vào vụ sản xuất hoặc khi dọn đến vùng đất mới. Trước hôm dựng làng đồng

bào Ba Na làm lễ kéo dài 2 ngày. Họ khấn các thần linh phù hộ cho công việc làm ăn thuận lợi, và thông báo cho thần linh biết công việc làm ăn trong năm mới.

Lễ Ăn Trâu : Lễ Ăn Trâu rất phổ biến ở nhiều dân tộc Tây Nguyên và là một sinh hoạt văn hóa dân gian nổi bật nhất, mang tính tổng hợp cao. Nhiều loại hình nghệ thuật dân gian được huy động tham gia vào lễ hội này: âm nhạc, sân khấu, múa hát, múa kiếm, nghệ thuật tạo hình...

Lễ Ăn Trâu được tổ chức vào dịp mừng chiến thắng, mừng được mùa của cộng đồng, khánh thành nhà Rông, lễ cầu an, lễ phá điềm xấu, điềm gở cho cả buôn làng. Cũng có khi chỉ do một gia đình trong bản đứng ra tổ chức để tạ ơn thần, nhưng tham gia vào lễ hội là cả cộng đồng.

Lai Châu

Diện tích : 17.133 km².

Dân số : 616.300 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị Xã Điện Biên Phủ.

Thị xã : Thị xã Lai Châu.

Các huyện : Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ, Mường Lay, Tủa Chùa, Tuần Giáo, Điện Biên, Điện Biên Đông.

Dân tộc : Thái, Mông, Việt (Kinh), Khơ Mú, Hà Nhí, Gáy, La Hủ, Lào, Cống, Mảng, Phù Lá, Kháng, Si La...

Lai Châu là tỉnh ở phía cực Tây và rộng nhất miền Bắc nước ta, với diện tích 17.133 cây số vuông, hầu hết là rừng núi với địa thế phức tạp hiểm trở, bao gồm những thung lũng dọc theo sông Đà (Hắc Giang) và các chi lưu của sông này. Tỉnh Lai Châu có phía Bắc giáp Vân Nam của Trung Hoa, phía Tây và Nam giáp Ai Lao, phía Đông giáp các tỉnh Lào Cai, Yên Bái và Sơn La. Tỉnh lỵ Lai Châu cách Hà Nội 468 cây số về hướng Tây - Bắc.

Về hình thể, Lai Châu gồm những dãy núi chạy dài theo hướng Tây - Bắc và Đông - Nam. Những núi cao đáng kể là Pu Xi Lung 3076 thước, Pu Đen Đin 1885 thước và Pu San Cáp 1904 thước. Giữa những dãy núi là các thung lũng như Nậm Na, Nậm Mức, sông Đà, Điện Biên, Nậm Xo, Bính Lư.

Thủy lộ chính của Lai Châu là sông Đà, phát nguyên từ núi rừng Vân Nam, chảy qua Lai Châu rồi đổ xuống Sơn La. Chi lưu phía tả ngạn là sông Nậm Na, hữu ngạn là sông Nậm Nhía. Tỉnh có trên 3000 sông suối lớn nhỏ, sông thường dốc và chảy từ nhiều ghềnh thác. Lai Châu còn có những suối nước nóng ở Ngọc Chén, Bản Ni, Bản Ni Hà.

Khí hậu thung lũng Lai Châu rất ấm áp và nóng vào mùa Hè, tương đối tốt ở vùng cao nguyên nhưng rất lạnh trên vùng núi cao vào mùa Đông.

Về giao thông hai quốc lộ 6 và 12 giữ vai trò quan trọng, nối Lai Châu với các tỉnh khác.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào Lai Châu gồm những sắc dân Mèo, Tày, Mường, Pù Ná, Xá, Hu Ni,

Dao, Lào... nhưng đông nhất là sắc dân Thái ở hai khu vực : Người Thái trắng ở vùng thượng lưu sông Đà, chịu nhiều ảnh hưởng tập quán Trung Hoa; người Thái đen ở vùng hạ lưu sông Đà, vẫn giữ nguyên phong tục đặc thù của sắc tộc mình, đặc biệt là họ có điệu vũ Xòe rất đẹp.

Đồng bào ở đây canh tác hai loại lúa : lúa đồng bằng và lúa núi, trồng nhiều ở các vùng Điện Biên, Tsin Hô. Hoa màu phụ có sắn, ngô, khoai lang, đậu tương, đậu phộng(lạc). Cây kỹ nghệ có mía, bông, trà, trầu, sò.

Lai Châu có nhiều lâm sản quý như cách kiến, gỗ giáng hương, và rất nhiều song, tre, nứa, cây dầu, nấm hương. Rừng có nhiều dã thú như hổ, gấu, voi, bò tót. Nhiều đồng cỏ rộng bao la rất thích hợp cho ngành chăn nuôi. khoáng sản gồm các mỏ chì, đồng, bạc, than, nước khoáng.

Hệ thống giao thông của Lai Châu tương đối khó khăn cả đường thủy lẫn đường bộ nên kỹ nghệ và thương mại chưa phát triển được đúng mức.

Lược sử

Xưa kia, Lai Châu được đặt dưới quyền điều hành của các Tộc trưởng sắc dân Thái, qui phục cả triều đình Việt Nam song song với triều đình Trung Hoa. Trước năm 1895, Lai Châu gồm 10 đạo : Tùng Lang, Lệ Toàn, Hoàng Nham, Hợp Phì, Tuy Phụ, Khiêm Châu, Lai Châu, Luân Châu, Quỳnh Nhai và Chiêu Tân, Việt Nam đặt tên đất này là An Tại, sau đổi là Trúc Lệ, đến triều Nguyễn lại đổi lại là An Tại. Trong cuộc phân định địa giới năm 1695. Việt Nam giữ lại 4 trong 10 đạo là : Lai Châu, Luân Châu, Quỳnh Nhai và Chiêu Tân để thành lập tỉnh Lai Châu.

Khi quân Pháp đánh chiếm Lai Châu, đồng bào Thái và các sắc dân khác chống trả mãnh liệt. Năm 1886, trận đánh Bình Lư làm giặc thiệt hại khá nhiều quân và vũ khí. Bình Lư là một ví dụ chiến lược, nằm giữa ngã tư đường từ Lào Cai sang Lai Châu, từ Phong Thổ (thuộc Lào Cai) quan Than Uyên (thuộc Yên Bái). Những tháng năm sau đó quân Pháp trở lại truy kích nghĩa quân nhiều lần nhưng toàn gặp thất bại, vì nghĩa quân sử dụng chiến thuật du kích miền núi, đánh bất ngờ và rút lui để lại "vườn không nhà trống". Ngày 18-2-1888, hơn 200 nghĩa quân ở huyện Tuần Giáo vây đánh quân Pháp do tên Đại tá Pernot chỉ huy khi chúng dự định tiến về Sơn La.

Quân Pháp còn khốn đốn hơn nữa khi thủ lãnh người Mèo là Giàng Pà Chay khởi nghĩa từ năm 1918 đến năm 1922. Ông trải địa bàn hoạt động khắp vùng Tây - Bắc đến Thượng Lào và lập căn cứ địa trọng yếu trên cao nguyên Sin Chảy thuộc huyện Điện Biên. Giặc Pháp phải dùng đủ mọi thủ đoạn thương thuyết, mua chuộc, chia rẽ các lãnh tụ kháng chiến, gây mâu thuẫn sắc tộc mới dẹp được cuộc nổi dậy này. Quân Pháp lập Xứ Thái Tự Trị gồm diện tích của ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Nghĩa Lộ vì chỉ kiểm soát được một số thung lũng lớn, đông người Thái cư ngụ.

Trước năm 1975, Lai Châu có các huyện Mường Tè, Tsin Hô, Quỳnh Nhai, Tuần Giáo, Sốp Cộp, Điện Biên Phủ và Mường Lay.

Phong cảnh, di tích

Đèo Pha Đin : Từ Hà Nội lên Điện Biên, nếu đi đường không chỉ sau một giờ bay, bạn sẽ xuống nhà ga sân bay Mường Thanh. Nếu đi đường bộ, bạn sẽ phải vượt đèo Pha Din dài 37 km. Pha Đin tiếng địa phương nghĩa là trời đất. Theo truyền thuyết địa phương là nơi tiếp giáp giữa trời và đất.

Xưa kia, vì có sự tranh chấp ranh giới giữa hai tỉnh Sơn La và Lai Châu, người ta đã giải quyết bằng cuộc đua ngựa. Từ hai phía đèo, cùng một lúc ngựa hai bên phi hướng về nhau. Nơi gặp gở sẽ là ranh giới. Ngựa Lai Châu phi nhanh hơn, nên phần đèo thuộc về Lai Châu dài hơn phần đèo của Sơn La.

Với độ cao trên 1000 m khi lên dốc, lúc xuống dốc, con đường ngoằn ngoèo, chênh vênh, một bên là vách núi dựng đứng, một bên là vực sâu thăm thẳm, lại nhiều "cua" hiểm trở. Được vượt đèo Pha Đin là một cuộc du lịch đầy thú vị của du khách trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ.

Hồ chứa nước Pa Khoang : Hồ nằm ở xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, cách thị xã Điện Biên Phủ khoảng 10 km. Nguyên xưa hồ có tên là suối Pa Khoang, sau được xây dựng thành một hồ chứa nước hiền hòa, thơ mộng với hệ thống đập tràn, đập chắn và cống dẫn để điều hòa nước cho hàng ngàn héc ta ruộng.

Hồ Pa Khoang là nơi có phong cảnh hữu tình, diện tích mặt hồ khoảng 600 ha. Những nếp nhà sàn nhỏ xinh xắn soi bóng xuống mặt hồ trong xanh, điểm thêm một vài con thuyền độc mộc lướt trên mặt nước khiến cho cảnh sắc thêm thơ

mộng. Đây là một điểm du lịch của tỉnh Lai Châu, có thể kết hợp các loại hình sinh thái, thể thao và nghỉ dưỡng.

Hang Động : Hang Động Pa Thơm thuộc xã Pa Thanh, huyện Điện Biên; hang động Tiên Sơn xã Bình Lư, Huyện Phong Thổ; hang động Thẩm Khuông xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo đều là những hang động rất đẹp, hoang sơ, hấp dẫn khách du lịch.

Hang Thẩm Báng : Hang thuộc xã Báng Lao, huyện Tuần Giáo, là một hang cổ, có vẻ đẹp thiên nhiên còn nguyên vẹn. Lòng hang rộng và sâu, cao gần 100 m, có nhiều ngách. Giữa hang có phiến đá to bằng phẳng như mặt bàn. Nhìn lên các vách đá, nhiều măng đá, nhũ đá tạo thành những hình thù khác nhau như những con rồng, con phượng, sư tử, voi quỳ hoặc những đóa phong lan tuyệt đẹp.

Hang Thẩm Báng không chỉ là một hang động đẹp mà tại đây, nhân dân địa phương còn tìm được các loại rìu, chày nghiền thức ăn bằng đá, một số mẫu xương động vật đã hóa thạch. Hang động Thẩm Báng đã được xếp hạng di tích và đang trở thành điểm tham quan nghỉ mát của khách du lịch.

Đền Đại Giá Đại Vương : Đền được xây dựng ở xã Mường Thanh, huyện Điện Biên. Đền thờ vị tướng đời Trần cầm quân đánh giặc và đã tử trận ở địa phương này. Để tưởng nhớ công ơn ông, dân làng đã lập đền thờ ông.

Cụm di tích Điện Biên Phủ : Điện Biên Phủ là một địa danh không chỉ đi vào lịch sử Việt Nam mà còn được cả thế giới biết đến bởi nơi đây gắn liền với chiến thắng của Việt Nam năm 1954 thắng quân đội viễn chinh Pháp.

Thành Bản Phủ : Thành thuộc địa phận xã Nong Hẹt, huyện Điện Biên. Đây là một di tích về cuộc khởi nghĩa nông dân do Hoàng Công Chất lãnh đạo (1759 - 1789). Nhân dân lập đền thờ để tưởng nhớ và ghi công ơn ông đã có một thời đánh giặc cứu nước.

Thị xã Lai Châu : Là một thị xã nhỏ nhưng xinh xắn nằm trong một dãi thung lũng hẹp, bên các sườn núi. Ba bên là núi, một mặt là sông. Thị xã nằm bên ngã ba của con sông Nậm Na và sông Đà. Nếu đi theo đường số 6, sau khi xuống hết đèo Palavô, qua cây cầu có tên Hang Tôm là tới địa phận thị xã. Nơi đây, trên vách núi trên bờ sông Đà còn có một bia đá (từ năm 1432) ghi lại dấu tích của vua Lê

Lợi trên đường dẹp giặc đã để lại.

Đến thị xã Lai Châu hẳn bạn sẽ mê mẫn ngắm nhìn các cô gái Thái Đen (mặc áo đen), Thái Trắng (mặc áo trắng) hay những cô gái H'Mông, Phù Lá... với đủ thứ sắc phục rất duyên dáng. chính họ đã tô đẹp thêm cho cái thị xã vốn đã xinh xắn nhưng xa xôi ấy.

Các dịp lễ hội

Lai Châu là tỉnh có nhiều dân tộc cư trú, mỗi dân tộc đều có những nét riêng trong đời sống văn hóa truyền thống. Dân tộc Thái có tiếng nói, chữ viết riêng, có nghề dệt vải truyền thống. Họ có nhiều tác phẩm cổ viết về lịch sử, phong tục, luật tục và văn học, có hát thơ, đối đáp giao duyên phong phú. Dân tộc H' Mông có trang phục đa dạng về màu sắc, kiểu dáng, có vốn văn học nghệ thuật dân gian đặc sắc, có kèn môi độc đáo, có kèn lá, khèn bè,... và những điệu múa ô khỏe mạnh, duyên dáng. Tất cả những áng dân ca trữ tình, những âm sắc của các loại nhạc cụ như trống, chiên, đàn tính, khèn, múa xòe, múa sạp là niềm hân hoan và tự hào của các dân tộc sống ở vùng Tây Bắc Việt Nam.

Lễ Hạn Khuống : Hạn Khuống là một sinh hoạt truyền thống văn hóa, vui tươi, lành mạnh, giàu sáng tạo (lời hát, truyện kể) trong không khí ấm cúng và tao nhã. Người Thái cùng một số dân tộc Tây Bắc thường tổ chức hạn khuống sau vụ thu hoạch vào khoảng giữa thu - đông. Nơi tổ chức trò vui trên là một khoảng đất rộng thoáng ở bản, thanh niên nam nữ dựng sàn. Sàn cao khoảng 1,5 m, có hàng rào bao quanh bằng phên mắt cáo, chỉ có một cửa ra vào. Cuộc vui mở vào đêm bên bếp lữa sàn. Thanh niên nam nữ đến hát làm quen, vui chơi ca hát và thi tài khéo léo. Nam nữ hát đối đáp với nhau cho đến sáng họ mới chia tay nhau. Đêm hôm sau họ lại tiếp tục ca hát vui đùa trò chuyện. Hạn Khuống do bên gái tổ chức thực ra là cuộc vui để tìm hiểu bạn đời và sau đó là để chia tay về nhà chồng. Hạn Khuống là để lại trong tâm khảm tuổi trẽ ấn tượng đẹp về một thời trẽ trung sôi nổi.

Lễ hội Mừng măng mọc : Là lễ hội của các dân tộc Mãng, Kháng, Xinh Mun, La Hủ, Khơ Mú, Phù Lá... ở tỉnh Lai Châu. Lễ hội thường diễn ra vào đầu mùa mưa khi những búp măng bắt đầu mọc mà theo quan niệm của họ là thời điểm bắt đầu

của mùa sản xuất trong năm. Người dân ở đây mở hội mừng măng mọc với niềm vui và nhiều ước mơ về một mùa nương rẫy mưa thuận gió hòa, lúa ngô đầy kho, hy vọng bản làng tươi vui, no ấm đồng thời bày tỏ lòng biết ơn thần trời, thần đất...

Lễ Cúng bản của người Cống : Hàng năm, cứ đến tháng 3 âm lịch, các bản đều tổ chức lễ cúng bản trước vụ gieo hạt. Vào ngày lễ, các ngã đường vào bản làm cổng, cắm dấu hiệu kiêng kỵ một ngày không ai được vào bản. Sau đó từng gia đình làm lễ cúng trên nương. Đây là lễ cầu mùa màng tốt tươi, côn trùng và chim chóc không phá hoại mùa màng.

Tết Cơm mới của người La Hủ : Người La Hủ thường tổ chức Tết cơm mới vào đầu tháng 10 hoặc tháng 11 âm lịch. Điều đặc biệt trong dịp Tết cơm mới này, người La Hủ kiêng 3 ngày không đi hái rau, lấy củi, chặt cây, phát cỏ trong rừng để cầu mong cây cỏ tốt tươi quanh năm. Trong dịp lễ Tết , người La Hủ dùng trống để giữ nnhịp điệu xòe múa.

Lạng Sơn

Diện tích : 8178,25 km².

Dân số : 715.300 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Lạng Sơn.

Các huyện : Tràng Định, Văn Lãng, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn, Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập.

Dân tộc : Việt (Kinh), Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Ngái.

Địa thế Lạng Sơn có những cao độ thay đổi từ 100 thước đến 1009 thước. Phía Đông - Bắc thành phố Lạng Sơn là dãy núi Mẫu Sơn cao 1500 thước chế ngự cả thung lũng sông Kỳ Cùng. Phía Đông - Nam cũng có một dãy núi trung bình cao 700 thước. Phía Tây và Tây - Nam có dãy núi Cao Kinh cao 600 thước. Phía Đông và phía Bắc là những dãy núi đá bao trùm thung lũng Thất Khê và làm thay đổi hướng sông Kỳ Cùng.

Sông Kỳ Cùng là sông chính của tỉnh, dài 170 cây số, bắt nguồn từ Hải Ninh, chảy tới theo hướng Đông Nam - Tây Bắc cho đến châu Điềm He. Từ đây, giòng sông chảy theo hướng Tây - Bắc cho tới Na Sầm rồi chảy vào đồng bằng Thất Khê, theo hướng từ Tây - Bắc xuống Đông - Nam, ngược hẳn với hướng lúc mới vào địa phận Lạng Sơn. Rồi sông chảy bao quanh dãy núi Khao Kỳ cho đến biên giới Hoa - Việt và chảy thẳng sang Trung Hoa đổ vào sông Bằng Giang ở Long Châu. Sông Kỳ Cùng có nhiều sông nhánh, nhưng chỉ có hai sông đáng kể là sông Bắc Giang dài 54 cây số và Ba Khê dài 30 cây số. Sông Thương cũng khá quan trọng, dài 80 cây số, có hai chi lưu là sông Rồng dài 30 cây số và sông Trung dài 50 cây số.

Khí hậu Lạng Sơn lạnh hơn tỉnh Hải Ninh vì ở xa bờ biển hơn và chịu ảnh hưởng nhiều của địa thế vì Lạng Sơn ở vị trí khá cao, ở mức bình nguyên cao độ còn trên 270 m. Khí hậu trung bình 21,7°C. Về giao thông, hai quốc lộ 1 và 4 nối Lạng Sơn với các tỉnh lân cận và đi qua Trung Hoa.

Sinh hoạt, kinh tế

Dân chúng Lạng Sơn gồm các sắc dân Tày, Thổ, Mường, Nùng, Mãn và Dao; người Kinh sống nhiều ở những thị trấn. Đồng bào Thổ có phong tục giống như người Kinh; đặc biệt là tính hiếu khách, đón tiếp khách lạ rất nồng hậu nhất là

trong những ngày hội.

Vì là vùng rừng núi nên Lạng Sơn không phát triển về canh nông, dân chúng chỉ trồng được một ít lúa cạn, lúa nước. Hoa màu phụ có khoai tây, sắn, ngô và dâu để nuôi tằm... Ngược lại, Lạng Sơn có những lâm sản và khoáng sản đáng kể và có nhiều loại cây kỹ nghệ vì rừng núi chiếm diện tích khá lớn trong tỉnh. Lâm sản có các loại gỗ quí như hoàng đàn, lim, lát hoa, sến, lý, thông,... và rất nhiều tre, song, mây, nứa, vầu, mộc nhĩ, nấm hương, mật ong. Về loại cây kỹ nghệ, dân chúng trồng thuốc lá, trà, trầu, mía, cây có dầu, và rất nhiều cây hồi (dầu hồi là nguồn lợi chính của tỉnh). Rừng Mẫu Sơn có loại trà rất ngon. Cây ăn trái có nhiều loại nổi tiếng như mận thép, mận đường ở Thất Khê, lê ở Tràng Định, đào ở vùng Mẫu Sơn nữa hồng nữa trắng, hồng ở Bảo Lâm. Về khoáng sản có những mỏ vàng, đồng, chì, phốt-phát, kẽm, thạch miên...

Lược sử

Đất Lạng Sơn xưa thuộc bộ Lục Hải, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Thời Hán thuộc, đất Lạng Sơn nằm trong quận Giao Chỉ. Thời Đường thuộc, đất này là một trong ba huyện của Lục Châu. Đời nhà Đinh nước ta gọi là đạo Lam Giang. Đến thời Minh thuộc, Lạng Sơn trở thành một trấn, sau đó đổi tên là Bắc Đạo dưới đời nhà Lê. Từ năm 1490 cho đến đời Minh Mạng. Bắc Đạo đổi thành Lạng Sơn, dân ta thường gọi là xứ Lạng.

Nằm ở vùng đất giáp ranh Trung Hoa, lại chứng kiến bao cảnh ngoại xâm khốc liệt trong mấy ngàn năm lịch sử, nên tinh thần yêu nước của đồng bào Lạng Sơn được trui rèn thành ý chí sắt đá. Tháng Ba năm Tân Tị (981), nhà Tống sai tướng Hầu Nhân Bảo đem quân đánh nước ta qua ngã Lạng Sơn. Vua Lê Đại Hành dụng kế chém tướng giặc ở Chi Lăng (thuộc Ôn Châu), đuổi quân Tống về nước. Tháng Chạp năm Giáp Thân (1284), giặc nhà Nguyên sang đánh nước ta lần thứ hai, Thoát Hoan đã xua quân thành hai ngã : Một ngã dùng đường biển do Toa Đô cầm đầu : ngã còn lại là đại binh của Thoát Hoan kéo sang Lạng Sơn chiếm hai ải Khả Li, Lộc Châu và núi Kỳ Cấp. Khi quân Nguyên đến trại Ma Lục thì bị hai thổ hào là Nguyễn Thế Lộc và Nguyễn Lĩnh đem dân binh trong vùng ra đánh. Tháng sáu năm Ất Dậu (1285), chỉ trong sáu tháng với nhiều trận đánh kinh hồn ở khắp

nơi, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã đánh đuổi 50 vạn quân Mông Cổ ra khỏi bờ cõi. Trấn Nam Vương Thoát Hoan phải chui vào ống đồng để quân lính khiêng chạy về Tàu. Và khi chúng xua quân xâm lăng nước ta lần thứ ba, từ tháng Hai năm Đinh Hợi (1287) đến tháng Ba năm Mậu Tí (1288), chúng đã bị hai anh hùng Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Chế Nghĩa đem quân phục kích đánh chạy trối chết qua hải ải Lộc Châu và núi Kỳ Cấp để về Tàu. Trong các trận đánh này, đồng bào Thổ góp công rất lớn.

Thời Bình Định Vương Lê Lợi kháng chiến, dân chúng Lạng Sơn đã tham gia đông đảo. Ải Chi Lăng chân núi Mã Yên của Lạng Sơn là nơi kiêu tướng An Viễn Hầu Liễu Thăng của Đại Minh bị chém chết. Ải Nam Quan - cửa ngõ sang Trung Hoa - cũng là nơi ghi nhớ câu nói của Nguyễn Phi Khanh : "Hãy giữ tận trung là tận hiếu. Trở về rửa mối nhục cho nước, chứ đừng theo cha khóc lóc vô ích". Theo lời cha dặn, Nguyễn Trãi đã tham gia kháng chiến và là người tham mưu đắc lực giúp Bình Định Vương Lê Lợi đánh tan giặc Minh, sau mười năm kháng chiến gian khổ. Tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), sau khi Quang Trung Hoàng Đế đại phá quân Thanh tại Thăng Long, tàn binh Mãn Thanh bị tướng sĩ ta rượt đuổi qua khỏi ải này. Tôn Sĩ Nghị chạy qua ải mà chưa tin là còn sống, dân chúng sống quanh vùng biên giới khiếp sợ chạy dạt khỏi Nam Quan đến mấy trăm dặm.

Thời Pháp thuộc, từ năm 1884, dân quân Lạng Sơn nổi lên đánh trường kỳ khiến quân Pháp thất điên bát đảo. Chúng phải mang nhiều tướng, tá, bộ binh, pháo binh quyết chiếm Lạng Sơn. Năm 1885, trong cả tháng 2, nghĩa quân chặn giặc trong các trận đánh ở Đồng Sơn, Đồng Đăng. Nguyên tháng 3, ta dồn chúng từ trận Bằng Bộ đến trận Kỳ Lừa, giặc phải chạy khỏi Lạng Sơn, vứt cả đại bác xuống sông Kỳ Cùng. Năm 1886, ông Hoàng Đình Kinh lập chiến khu trong dãy núi hiểm trở giữa hai tỉnh Lạng Sơn - Bắc Giang. Trận Bình Gia làm giặc tổn thất nặng. Hai năm sau, ngày 6-7-1888, ông đã hy sinh, dân chúng nhớ ơn nên dãy núi Cai Kinh ghi tên ông từ đó. Năm 1915, quân Việt Nam Quang Phục Hội do hai anh hùng Hoàng Trọng Mậu và Nguyễn Tùng Hương chỉ huy tấn công các đồn Pháp, rồi lại đánh Lạng Sơn năm 1917 khi cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ. Hạ tuần tháng 9-1940, anh hùng Trần Trung Lập chỉ huy quân Việt Nam Quang

Phục Hội tấn công Đồng Đăng và chiếm đóng Lạng Sơn; rồi đem quân đánh phá các đồn bót Pháp dọc theo biên thùy, khí thế rất mạnh mẽ. Sau ông bị bắt trong một trận kịch chiến. Quân Pháp sợ ông lắm nên đã đem xử tử ngay tại Lạng Sơn và phải bắn ông nhiều lần mới chết.

Phong cảnh, di tích

Thị xã Lạng Sơn : Thị xã nằm ở tả ngạn sông Kỳ Cùng ở độ cao 500 m so với mặt biển. Thị xã trải mình trong một thung lũng lớn. Con sông Kỳ Cùng êm đềm uốn khúc chảy qua thị xã. Cầu Kỳ Cùng nối liền hai bờ và nối liền các danh thắng nổi tiếng là chùa Tiên, giếng Tiên và Nhất Nhị Tam Thanh, núi nàng Tô Thị. Bên kia sông là chợ Kỳ Lừa, chợ lúc nào cũng đông vui tấp nập. Thị trấn Đồng Đăng cách Lạng Sơn chừng 14 km . Biên giới Việt - Trung cách Đồng Đăng 3 km .

Động Tam Thanh : Động nằm sát thị xã Lạng Sơn gồm có 3 động là : Nhất Thanh, Nhị Thanh, Tam thanh. Nổi tiếng nhất là động Tam Thanh ở phía tây phố Kỳ Lừa, trong một dãy núi có hình đàn voi phủ phục trên mặt cỏ xanh. Hang động Tam Thanh ở lưng chừng núi. Cửa hang nhìn về hướng đông cao chừng 8 m có lối lên là 30 bậc đá đục vào sườn núi, có nhiều cây cối um tùm che khuất ánh nắng. Vách động bên phải có khắc bài thơ của Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780) khi ông làm đốc trấn Lạng Sơn, ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ. Ý của bài thơ là : "suối trong tuôn chảy trên hàng trăm mỏm đá như đang trò chuyện. Quay lưng lại nhìn sang ngọn núi phía trước thấy hòn Vọng Phu". Trong động có tượng Phật A - di - đà và nhiều nhũ đá ngoạn mục.

Ngô Thì Sĩ còn là người phát hiện ra động Nhị Thanh và cho tu sửa tôn tạo thành nơi du ngoạn. Động Nhị Nhanh khá rộng, có nhiều ngóc ngách, nhiều nhũ đá rơi xuống muôn hình vạn trạng. Động Nhị Thanh ở gần động Tam Thanh. Từ cửa động chính nhìn lên là ngôi chùa Tam Giác thờ cả Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca. Trong động có tượng truyền thần Ngô Thì Sỹ tạc vào vách đá và trên vách động còn ghi nhiều bài ký phú của ông.

Núi Tô Thị (Vọng Phu) : Chếch về phía tây bắc núi Tam Thanh là Núi Tô Thị hay còn gọi là núi Vọng Phu đã đi vào truyền thuyết của dân tộc. Trên đỉnh núi có tảng đá tự nhiên giống hình người phụ nữ bồng con nhìn về phương xa. Từ xưa,

tảng đá hình người đã được gắn với truyện cổ tích nàng Tô Thị bồng con chung thủy đứng chờ chồng đi đánh trận Phương Bắc. Chờ mãi không được, nàng cùng con đã hóa đá. Vì thế nên người đời cũng gọi tảng đá là nàng Tô Thị. Trải qua bao năm tháng, do tác động của thiên nhiên và con người, di tích này đã bị hủy hoại. Tỉnh Lạng Sơn đã cho dựng lại như nguyên bản để gìn giữ một di tích đã đi vào tình cảm của người dân Việt Nam.

Núi Mẫu Sơn : Cách thị xã Lạng Sơn 30 km về phía đông là đỉnh núi Mẫu Sơn nằm ở độ cao 1541 m so với mặt biển, khí hậu ôn hòa rất thích hợp cho nghỉ dưỡng. Núi Mẫu Sơn được bao bọc bởi hàng trăm quả núi nhỏ, mùa đông đỉnh núi luôn bị sương mù bao phủ. Về mùa hè, trong sắc nắng vàng rực rở, đỉnh núi Mẫu Sơn hiện lên sừng sững, cao nhất trông thật ngoạn mục. Vào mùa xuân, cả vùng Mẫu Sơn đã đỏ rực sắc hoa đào. Đào trái của Mẫu Sơn vừa to vừa ngọt. Một đặc sản nữa của Mẫu Sơn là chè Mẫu Sơn. Vị chè thơm ngọt, uống một lần để rồi nhớ mãi. Người ta đem so sánh Mẫu Sơn của Lạng Sơn đẹp chẳng kém gì Sa Pa của Lào Cai. Trong tương lai Mẫu Sơn có thể xây dựng thành khu nghỉ dưỡng và phát triển loại hình du lịch leo núi.

Chợ Kỳ Lừa : Chợ đã có từ hàng trăm năm nay, nằm ở trung tâm thị xã Lạng Sơn, là một trung tâm mua bán sầm uất của nhân dân trong vùng cũng như khách ngoài tỉnh và các vùng lân cận. Chợ Kỳ Lừa cũng là nơi giao lưu văn hóa của các dân tộc ít người. Vào các ngày phiên chợ, thanh niên các dân tộc Tày, Nùng, Dao nô nức về đây để mua sắm hàng hóa, để tìm bạn gặp gỡ, trao đổi tâm tình. Chợ Kỳ Lừa nổi tiếng từ xưa đến nay, vì vậy du khách đã đến Lạng Sơn ai cũng rẽ vào chợ Kỳ Lừa vừa để biết, để chiêm ngưỡng và mua vài món quà kỷ niệm cho chuyến đi.

Chợ Đồng Đăng và thị trấn Đồng Đăng : Từ Lạng Sơn đi tiếp 14 km là đến Đồng Đăng - một thị trấn biên giới. Phía đông là biên giới Việt - Trung chỉ cách Đồng Đăng 3 km. Đứng từ Đồng Đăng có thể thấy cửa khẩu Hữu Nghị. Từ những thế kỷ trước, nơi đây đã là cửa khẩu buôn bán trao đổi hàng hóa quan trọng ở vùng biên giữa hai nước. Ngày nay cửa khẩu biên giới đã mở thông thương. Mọi việc buôn bán và giao lưu văn hóa du lịch giữa nhân dân Việt Nam và Trung Quốc rất thuận

tiện. Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị trở thành một cửa khẩu quan trọng của tỉnh giúp cho các hoạt động thương mại và du lịch của tỉnh Lạng Sơn phát triển không ngừng.

Chùa Tiên : Thị xã Lạng Sơn có một ngọn núi trông xa giống hình voi phục và được gọi là núi Đại Tượng. Trong lòng núi có một động lớn, có chùa Tiên ngoạn mục được dựng vào thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497). Vào chùa Tiên du khách sẽ thấy một nhũ đá to nhô lên tựa hình người ngồi trên bệ đá lớn. Tương truyền đó chính là Tiên Ông đã xuống trần dẫm chân xuống đá thành giếng nước, giúp dân chống hạn. Giếng nước đó gọi là Giếng Tiên, nước đầy trong vắt quanh năm không cạn. Dân đã lập bàn thờ để thờ Tiên Ông, còn gọi là Thần Nông. Hàng năm cứ đến tháng 6 âm lịch, dân đến đây mở hội lễ cúng Thần Nông.

Đền Bắc Lệ : Đền thuộc xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, thờ bà chúa Thượng Ngàn - một trong ba vị Mẫu vẫn được thờ phụng trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam.

Đền nằm trên đồi cao, dưới bóng những cây cổ thụ hàng trăm tuổi. Đền chính được dựng theo kiểu chữ Đinh gồm có tiền tế và hậu cung. Trên nóc mái nhà tiền tế có tượng long chầu lưỡng nghi tượng trưng cho trời và đất, vạn vật sinh sôi. Nhà bái đường gồm 6 gian, gian phía trong thờ Hoàng Thượng Đế, ông Hoàng Mười, Hoàng Bảy. Gian chính cung thờ tam tòa Thánh Mẫu, 2 bên có am thờ Trần Hưng Đạo và chúa Sơn Trang. Chùa được trùng tu năm 1922 và 1933. Đây cũng là điểm du lịch để du khách tới lễ Mẫu và vãn cảnh.

Đền Kỳ Cùng : Đền nằm bên bờ sông Kỳ Cùng, thuộc phường Vĩnh Trại. Đền thờ thủy thần sông Kỳ Cùng. Tương truyền trước đây có một con giao long đào hang ở đây và ăn sâu vào động Nhị Thanh. Du khách thăm Lạng Sơn thường ghé vào đây để lễ thần.

Chùa Diên Khánh : Chùa nằm ở đầu cầu Kỳ Lừa, đối diện là đền Kỳ Cùng, phía bắc thị xã Lạng Sơn. Chùa được dựng từ thời Lê, kiến trúc theo kiểu "nội công ngoại quốc" bao gồm: tiền tế, hậu cung, nhà tổ, nhà trai. Bàn thờ có tòa Cửu Long, tượng Phật, tượng La Hán. Đặc biệt chùa có quả chuông do nhân dân địa phương và khách buôn Trung Quốc cúng tiến vào năm 1671 (thời Lê Huyền Tông).

Di tích Bắc Sơn : Bắc Sơn là một huyện có nhiều dãy núi đá vôi thuộc tỉnh Lạng Sơn, cách Hà Nội khoảng 200 km. Đây là nơi phát sinh ra nền "văn hóa Bắc Sơn" thuộc thời đồ đá sơ kỳ. Các nhà khảo cổ tìm ra nhiều công cụ đá và nhiều di chỉ về sự cư trú của người Việt cổ trong các hang động đá vôi ở Bắc Sơn.

Di tích thành cổ Đoàn Thành Lạng Sơn : Đoàn Thành Lạng Sơn là thành cổ được xây dựng từ lâu đời, là một trong những trấn án ngữ cửa ngõ phía bắc. Ngày xưa, thành được xây dựng với quy mô rất lớn. Bên trong thành có nhiều binh lính, xung quanh thành là chợ và phố xá đông đúc như Kỳ Lừa, Trường Thịnh, Đồng Đăng... Buôn bán giao lưu với Trung Quốc diễn ra khá tấp nập. Thời Pháp có xây thêm nhiều trại lính, nhiều dinh thự trong thành.

Trải qua thời gian, Đoàn Thành bị phá hủy gần hết. Dấu vết còn lại của Đoàn Thành là một cổng thành cổ, cây cối mọc um tùm mà khi du khách tới Lạng Sơn, dạo qua những dãy phố nhỏ yên tĩnh của khu hành chính sẽ nhìn thấy.

Ải Chi Lăng : Ải Chi Lăng là một vị trí rất hiểm yếu nhất trên con đường từ Pha Lũy đến Đông Quan, cách Pha Lũy độ khoảng 60 km. Toàn bộ khu vực này như một thung lũng nhỏ, hình bầu dục, dài độ khoảng 4 km, chỗ rộng nhất là 1 km. Phía tây là núi đá vôi vách dựng đứng bên dòng sông Thương. Phía đông là dãy núi Thái Hòa và Bảo Đài trùng trùng điệp điệp. Một lòng chảo hẹp lại có 5 ngọn núi nhỏ : Hàm Quỷ, Nà Nông, Nà Sản, Kỳ Lân và Mã Yên. Hai phía bắc - nam mạch núi khép lại, tạo thành hai cửa ải rất hiểm trở.

Với vị trí đó, Ải Chi Lăng đã làm mồ chôn quân giặc. Trong kháng chiến chống Tống đời Lý, chống Nguyên - Mông đời Trần và trận tiêu diệt quân viện binh do Liễu Thăng chỉ huy bị nghĩa quân Lam Sơn đánh bại ngày 10-10-1427 (tức 20-9 Đinh Mùi). Ải Chi Lăng không chỉ là một di tích lịch sử mà ngày nay còn là một địa điểm du lịch trên tuyến quốc lộ từ Hà Nội đi Lạng Sơn.

Các dịp lễ hội

Là một trong những nơi phát hiện ra những di chỉ của người Việt thời sơ sử, tiền sử, Lạng Sơn in đậm dấu ấn của nền văn hóa truyền thống của dân tộc Việt. Nhiều dân tộc cư trú tại Lạng Sơn như Tày, Nùng có các phong tục tập quán và lễ Tết rất phong phú.

Dân tộc Nùng có một kho tàng văn hóa dân gian phong phú và nhiều làng điệu dân ca đậm đà bản sắc dân tộc. Sli là lối hát giao duyên nam nữ độc đáo và rất ấn tượng. Then là thể loại ca nhạc tín ngưỡng tổng hợp có lời, có nhạc làm say đắm lòng người. Đặc biệt tục mời nhau uống rượu chéo chén có lịch sử từ lâu đời và đã trở thành tập quán của dân tộc Nùng. Dân tộc Tày có nền văn hóa cổ truyền phong phú. Tục ngữ ca dao chiếm một số lượng đáng kể trong kho tàng văn học của người Tày. Các điệu dân ca phổ biến nhất là hát lượn, hát đám cưới, ru con.

Sình ca là hình thức sinh hoạt văn nghệ khá phổ biến của người Sáng Chay. Họ có nhiều điệu múa như múa đâm cá, múa thắp đèn, múa chim gâu... Người Sáng Chay còn có nhiều loại nhạc cụ phong phú gồm các loại Thanh La, Não Bạt, Chiên, Kèn...; Người Ngái có lối hát dao duyên nam nữ gọi là Sường Cô rất phong phú và đặc sắc. Họ có thể hát đối đáp nhau 5 tới 7 đêm liền vẫn không bị trùng lặp; Người H' Mông dùng khèn để gọi bạn tình, để ca ngợi quê hương, ca ngợi cuộc sống; Người Dao có nhiều loại truyện cổ, bài hát, bài thơ. Trong các lễ hội người Dao thích chơi đu, đi cà kheo. Với truyền thống văn hóa như vậy, Lạng Sơn có khả năng khai thác thế mạnh này phục vụ cho phát triển du lịch.

Hội chợ Kỳ Lừa : Lễ hội hàng năm diễn ra tại hang Khẩu Lừ, Phường Đông Kinh, thị xã Lạng Sơn, từ 22 - 27 tháng giêng âm lịch. Đền thờ được lập ở bên sông Kỳ Cùng để thờ thần sống. Lễ hội diễn ra rất nhộn nhịp, có nhiều trò vui chơi như múa sư tử, hóa trang, đấu võ, hát Sli, hát lượn thâu đêm. Lễ hội còn kết hợp với chợ, nơi bán các loại đặc sản trong vùng. Chợ Kỳ Lừa là một địa danh đã đi vào tâm thức của người việt nam.

Hội Đền Bắc Lệ : Đền Bắc Lệ thuộc xã Tân Thanh, huyện Hữu Lũng thờ bà chúa Thượng Ngàn (nữ thần núi) và các cô, các cậu. Hội hàng năm diễn ra vào ngày 10-1 đến 15-2 âm lịch có tục lệ rước cô Bơ Bắc Lệ (từ Đền Kẻng) lên đền Bắc Lệ (cô Bơ lên hầu Đức Mẫu Thượng Ngàn). Trong hội đền Bắc Lệ có lên đồng, hầu bóng.

Hội Chùa Tà Và : Chùa Tà Và ở xã Chi Lăng, huyện Tràng Định thờ Đức Phật, Thần Nông, Quan Công và Lưu Bị. Lễ hội hàng năm diễn ra từ ngày 12 đến ngày 15 tháng tư âm lịch. Đây chính là lễ hội cầu mùa, có tục rước bát hương từ chùa ra

đồng để cúng (lập bàn thờ ngay ruộng) sau đó cúng lễ ở chùa.

Lễ hội Hai : Lễ hội này còn gọi là hội mời Mẹ Trăng, tổ chức ở vùng đồng bào dân tộc Tày, Nùng thuộc tỉnh Lạng Sơn vào giữa tháng 1 đến tháng 2 âm lịch. Hội thường mở vào các đêm trăng với nghi lễ cúng Mẹ Trăng và 12 tiên nữ là con gái của mẹ Trăng - người chăm lo, bảo vệ mùa màng cho dân bản. Lễ hội diễn ra trong không khí pha trộn giữa hiện thực và huyền ảo. Điều đặc sắc lễ hội là điệu hát Lượn với hàng trăm bài hát cầu mùa, cầu sức khỏe và tình yêu.

Hội đền Tả Phủ : Đền Tả Phủ tọa lạc tại phố Kỳ Lừa, thị xã Lạng Sơn. Đền thờ Thân Công Tài, là người có công mở phố Kỳ Lừa và chợ sầm uất từ thế kỷ 17. Lễ hội hàng năm diễn ra vào ngày 15 tháng 3 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của ông. Sau phần tế lễ, hội có rất nhiều trò vui như múa rồng, múa sư tử, đặc biệt là tục cướp đầu pháo.

Lào Cai

Diện tích : 8044 km².

Dân số : 616.500 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Lào Cai.

Thị xã : Thị xã Cam Đường.

Các huyện : Mường Khương, Bát Xát, Bắc Hà, Bảo Thắng, Sa Pa, Bảo Yên, Than Uyên, Văn Bàn.

Dân tộc : Việt (Kinh), H' Mông, Tày, Nùng, Dao, Thái, Giáy, Lự, Bố Y, Kháng, La Chí, Phù Lá (Xá Phó), Hà Nhì, Mường, La Ha...

Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới. Phía Bắc giáp Vân Nam (Trung Quốc) với 230 km đường biên, phía tây giáp Lai Châu, phía đông giáp tỉnh Hà Giang, phía nam giáp Yên Bái và Sơn La.

Địa hình của tỉnh gồm có núi, đồi và thung lũng. Hệ thống sông suối của tỉnh Lào Cai chằng chịt, lắm thác ghềnh. Lào Cai có đường giao thông huyết mạch nối liền Vân Nam (Trung Quốc) với Việt Nam nên Lào Cai có vị trí quan trọng cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự. Khí hậu chia ra làm nhiều vùng. Ở các vùng thấp : khí hậu mang tính chất nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình năm ở các vùng này khoảng chừng 20 - 22°C. Ở các vùng cao từ 700 m trở lên : khí hậu mang tính chất bán nhiệt đới pha ôn đới. Nhiệt độ trung bình từ 18 - 28°C, riêng ở Sa Pa (Lào Cai) có khi nhiệt độ xuống dưới 0°C và có mưa tuyết.

Lào Cai có nhiều dải rừng lớn, rừng có nhiều gỗ quý như pơmu, lát hoa, chò chỉ... Nhiều cây dược liệu và các loại động vật quý hiếm như lợn rừng, hổ, báo, hươu, nai...

Tỉnh Lào Cai không chỉ giàu về tài nguyên thiên nhiên mà còn có nhiều cảnh đẹp tự nhiên như ruộng bậc thang bên sườn núi, mùa đông các đỉnh núi cao luôn có tuyết phủ trắng xoá, mùa xuân có hoa đào nở rộ khắp núi đồi. Lào Cai có nhiều hang động và danh thắng đẹp, có Sa Pa nơi nghỉ mát lý tưởng về mùa hè...

Sinh hoạt, kinh tế

Tỉnh Lào Cai qui tụ nhiều sắc dân khác nhau, nguyên thủy là đồng bào Thổ. Sắc dân Thái tập hợp ở vùng Cốc Lều, hữu ngạn sông Hồng. Sắc dân Nùng sinh sống

trên vùng tả ngạn sông Hồng. Đồng bào Kinh cũng cư ngụ dọc theo sông Hồng. Đa số đồng bào Lào Cai thuộc sắc dân Mèo và Mán sống ở những vùng cao độ trung bình. Các sắc dân này đều giữ phong tục riêng; đặc biệt, người Nhắng tổ chức Tết Nguyên Đán và hội Lục Tùng rất lớn.

Rừng Lào Cai có nhiều loại gỗ quí như táu mật, lát hoa, lát da đồng, và song, mây, tre, củ nâu; cây dược liệu hà thù ô, sâm... và dã thú. Nông sản chính là thóc, ngô, đậu phộng, mía cùng các loại cây kỹ nghệ như trà, quế, bông vải, chàm, dâu chăn tằm, thuốc lá, cà phê... Ngoài ra, khí hậu Lào Cai cũng thích hợp với nhiều loại cây trái ôn đới như lê, đào, táo, mận. Vùng Bát Xát trồng rất nhiều quít, bưởi, mận, đào, mít.

Lào Cai có nhiều khoáng sản như chì, thiếc, vàng, sắt. Bên cạnh kỹ nghệ khai thác quặng mỏ, dân chúng còn làm nghề xẻ gỗ ở Man Thao và tiểu công nghệ dệt vải hoa. Ngoài huyết lộ Hà Nội - Vân Nam, giao thông của Lào Cai tương đối khó khăn nên thương mại chỉ giới hạn trong việc trao đổi nông phẩm.

Lược sử

Thời nước Văn Lang, đất này thuộc bộ Tân Hưng, một trong 15 bộ của nước ta. Thời Bắc thuộc, nhà Đường đặt Lào Cai thuộc Giao Châu. Qua thời tự chủ, nhà Lý gọi là Lâm Tây. Đến đời nhà Trần, Lào Cai được đổi thành huyện Thủy Vi thuộc trấn Thiên Hưng. Sang đời nhà Lê thì đổi thành châu thuộc Tây Đạo, sau thuộc Hưng Hóa thừa tuyên. Triều đình Việt Nam vẫn thường phong sắc cho các tù trưởng sắc dân Thái giữ quyền điều hành. Dưới đời Tự Đức, châu Thủy Vi được chia đôi để thành lập châu Bảo Thắng. Tỉnh Lào Cai được chính thức định ranh giới từ năm 1905.

Thời Pháp thuộc, từ năm 1886 đến 1888, đồng bào Mèo, Thái, Mường, tham gia kháng chiến đánh Pháp khắp các rừng núi, từ Phong Thổ, Phố Lu đến Chapa, Tú Mỹ, Trận Sông Đà, hai ngày 25 và 26-4-1886, tàu chiến của Pháp đi từ Bảo Hạ đến sông Đà (phía Nam Lào Cai) gặp một làng nghĩa quân vây đánh, giết nhiều sĩ quan và binh lính. Trận Bình Lư, tháng 4-1886, nhân dân đánh du kích làm giặc tổn thất nặng nề và áp dụng chiến thuật "giặc đi ta về" để tiếp tục dựng căn cứ kháng chiến. Từ năm 1916, Việt Nam Quang Phục Hội hoạt động mạnh ở Lào Cai;

ngày 8-8-1916 đánh đồn Bát Xát, ngày 7-2-1918 vây đồn Mường Khương, ngày 9-7-1918 phá đồn Pha Long và ngày 4-9-1918 tấn công vào đồn Cóc Pàn.

Trước năm 1975, Lào Cai có các huyện Mường Khương, Po Kha, Phố Lu, Chapa, Bảo Thắng, Phong Thổ và Bát Xát.

Phong cảnh, di tích

Sa Pa : Sa Pa là một thị trấn nghỉ mát đẹp và thơ mộng nằm ở độ cao 1600 m so với mặt biển, cách Hà Nội 333 km, cách thị xã Lào Cai 38 km. Khí hậu Sa Pa mát mẻ quanh năm, nhiệt độ trung bình năm từ 15 - 18°C, mùa hạ không nóng gay gắt như vùng đồng bằng ven biển. Mùa đông thường có mây mù bao phủ và rất lạnh, nhiệt độ có khi xuống dưới 0°C, có năm tuyết rơi. Thời tiết ở Sa Pa một ngày có tới bốn mùa: sáng, chiều là thời tiết của mùa xuân, mùa thu. Buổi trưa là thời tiết của mùa hạ, thường có nắng nhẹ, trời quang mây nhưng khí hậu vẫn dịu mát. Đêm đến trời lạnh là thời tiết của mùa đông. Từ tháng 5 đến tháng 8 ở Sa Pa có mưa nhiều.

Ở ngay trung tâm thị trấn, xen giữa rừng đào thơ mộng và những rặng Samu xanh ngát là những biệt thự cổ kính xen cùng biệt thự hiện đại kiến trúc theo kiểu phương tây khiến cho thị trấn mang nhiều dáng dấp của thành phố châu Âu. Dọc theo các sườn đồi là những ngôi nhà xinh xắn với tường vôi, ngói đỏ, hình khối đa dạng ẩn hiện khi lên cao, lúc xuống thấp dọc theo các trục lộ làm cho thị trấn càng trở nên thơ mộng. Từ thị trấn Sa Pa nhìn sang phía tây là dãy Hoàng Liên Sơn xanh thẳm, bốn mùa sương giăng buổi sớm. Nơi đây có ngọn đỉnh Phan-Xi-Păng cao 3143 m rất hấp dẫn những ai mê leo núi. Sa Pa còn có nhiều cảnh đẹp tự nhiên như thác Bạc, cầu Mây, Cổng Trời, rừng Trúc, hang động Tả Phìn.

Khí hậu Sa Pa trong lành, nổi tiếng với những vườn cây ôn đới như bắp cải, su hào, su su..., cây dược liệu quý và nhiều loại cây ăn quả như đào, mận, lê... Những ngày phiên chợ ở Sa Pa thật nhộn nhịp. Vào tối thứ bảy hàng tuần, chợ Sa Pa có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách từ phương xa tới.

Núi Phan-Xi-Păng : Tuy chỉ cách thị xã Lào Cai không xa, nhưng nếu đi bộ, leo núi bạn phải mất 6 đến 7 ngày mới tới đỉnh núi. Phan-Xi-Păng nằm ở phía tây nam Sa Pa, là một ngọn núi cao nhất của bán đảo Đông Dương (3143 m). Phan-

Xi-Păng nằm ở giữa các ngọn núi trong dãy Hoàng Liên Sơn có độ cao hơn 3000 m so với mặt biển (Lang Cung, Pu Luang, Sapin).

Địa hình của Phan-Xi-Păng có thể chia ra nhiều loại. Thung lũng Mường Hoa ở vị trí thấp nhất 950 - 1000 m so với mặt biển. Loại thứ hai ở độ cao 1300 - 1400 m được cấu tạo bởi một dải hẹp ở chân núi phía đông. Những loại địa hình khác ở độ cao khác nhau như 1700 - 1800 m, 2100 - 2200 m và 2700 - 2800 m. Nếu đứng ở điểm thấp nhất nhìn lên đỉnh Phan-Xi-Păng và một số đỉnh núi khác chỉ thấy hiện ra lờ mờ phía xa.

Hệ thực vật ở Phan-Xi-Păng khá phong phú. Có tới 1680 loại cây chia làm 679 chi thuộc 7 nhóm. Có một số loại thuộc nhóm quí hiếm. Phan-Xi-Păng rất hấp dẫn với khách du lịch ưa mạo hiểm. Du khách đến đây để khám phá và chinh phục nó.

Thác Bạc : Thác Bạc cách thị trấn Sa Pa khoảng 12 km. Từ trên khe núi cao hàng trăm mét, dòng nước ầm ầm đổ xuống, bọt tung trắng xoá như những đóa hoa vì vậy gọi là thác Bạc. Từ xa đã nghe thấy tiếng thác đổ ào ào, tiếng vang được lập lại trong rừng thẳm càng tăng thêm cảm giác hoang dã và huyền bí. Thác ở ngay gần đường quốc lộ, rất thuận tiện cho khách du lịch.

Cầu Mây : Cầu Mây là một cây cầu bắt treo qua dòng sông Mường Hoa chảy trong một thung lũng ở cách thị trấn Sa Pa khoảng 17 km về phía đông nam. Từ đường cái, du khách có thể men theo con đường mòn nhỏ dài khoảng 3 km dẫn xuống Cầu Mây.

Hang động Tả Phìn : Cách thị trấn Sa Pa 12 km về hướng đông bắc có một dãy núi đá vôi, một nhánh của dãy Hoàng Liên Sơn, trên đó có hang động Tả Phìn. Cửa hang cao khoảng 5 m, rộng 3 m có một lối đi xuyên xuống đất. Vào sâu 30 m sẽ gặp một hang động. Vào trong động, du khách sẽ nhìn thấy có tảng đá giống như thiếu phụ đang bồng con, những tảng đá giống như các nàng tiên, chỗ thì như những mâm xôi khổng lồ... Tại chỗ rộng nhất trong hang, các nhũ đá rủ xuống như dải đăng ten uốn lượn, nhấp nhô, long lanh màu ngọc bích.

Gần động Tả Phìn có bản Tả Phìn, nơi có dân tộc Dao và H' Mông cư trú. Sau khi thăm hang động Tả Phìn, du khách có thể ghé thăm bản để tìm hiểu thêm về phong tục tập quán của họ.

Chợ Sa Pa : Chợ của người H' Mông, người Dao,... được họp vào tối thứ bảy hàng tuần, một hoạt động kinh tế và văn hóa rất độc đáo và hấp dẫn của vùng núi Việt Nam. Đây là nơi trao đổi mua bán nhiều loại hàng hóa, sản phẩm địa phương, đồng thời là dịp cho bà con vùng cao đi chơi phố, chơi chợ và thanh niên nam nữ các dân tộc hẹn hò gặp gỡ, ca hát giao duyên để tìm hiểu bạn đời qua khúc hát tỏ tình, qua tiếng sáo, tiếng khèn, đàn môi...

Khi chiều xuống, trong khu vực chợ đã thấy chỗ này, chỗ kia túm tụm dăm bảy trai gái người H' Mông, người Dao đầu mày, cuối mắt nhìn nhau. Rồi khi màn đêm buông xuống, trong khu chợ rỗng không hàng quán, tù mù dưới bóng điện vàng nhạt, họ ngồi bên nhau ca hát, trò chuyện thâu đêm. Khi đã tìm được bạn tâm tình, họ trao kỷ vật cho nhau để rồi hẹn chợ sau gặp lại. Hoạt động văn hóa này đã có từ ngàn xưa và nay vẫn còn gìn giữ được. Chợ Sa Pa là nơi hấp dẫn khách du lịch thích tìm hiểu văn hóa các dân tộc.

Nước khoáng Tắc Kô : Là một mạch nước ngầm trong vắt, nằm ở địa phận Mường Tiên. Nước ở đây rất ngọt và mát, có tác dụng giải khát và chữa bệnh. Mạch nước khoáng Tắc Kô là nguồn nguyên liệu sản xuất nước giải khát dồi dào, phục vụ khách du lịch nghỉ dưỡng ở Sa Pa.

Chợ phiên Bắc Hà (cách Sa Pa 80 km) : Bắc Hà là nơi có phiên chợ thuộc loại lớn nhất vùng cao biên giới. Đây là nơi giao lưu và trao đổi hàng hóa, gặp gỡ của trai gái, bạn bè, người thân, một hình thức sinh hoạt đặc trưng của người H' Mông và người dân trong vùng. Người ta thồ trên lưng ngựa đủ mọi thứ hàng hóa để bán và trao đổi. Đặc biệt chợ phiên Bắc Hà có món "thắng cố" (chảo canh) là món ăn yêu thích của người H' Mông và của người dân trong vùng.

Quần thể hang động Mường Vi : Mường Vi thuộc huyện Bát Xát có quần thể hang động đẹp, nổi bật là hang Mường Vi. Chiều sâu của hang khoảng hơn 1 km, lòng hang rộng có nhiều cửa ra vào. Trong hang nhũ đá được bào mòn rủ xuống lòng hang tạo thành muôn hình kỳ ảo : có Phật ngồi thiền, có các nàng tiên bay, có cảnh bản Mường, ruộng bậc thang, đụn rơm, cây dạ... Khi gõ nhẹ vào thành hang tạo thành các âm thanh như tiến đàn đá ở Tây Nguyên.

Suối, thác Cốc San : Về phía tây nam thị xã Lào Cai khoảng 5 km, theo quốc lộ

4D từ Lào Cai đi Lai Châu là con suối Cốc San. Suối bắt nguồn từ dãy núi Hoàng Liên Sơn, chảy qua Sa Pa, Bát Xát và đổ vào sông Hồng tại địa phận thị xã Lào Cai. Qua mỗi vùng đất, dòng suối lại được góp thêm nước từ các khe, con lạch nên càng mạnh mẽ, nước chảy càng xiết hơn. Có một đoạn suối nên thơ và đẹp nhất là khu vực địa phận xã Cốc San, huyện Bát Xát.

Đoạn suối này dài hơn 2 km nhưng có hàng chục thác lớn, nhỏ. Trong đó, thác cao và đẹp nhất là thác Sam Ca (thác ba chân), Hua Ly, Phai Na. Thác Sam Ca chia nước thành ba nhánh đổ xuống vực xoáy, sâu trên 10 m. Bụi nước bay xa, trùm kín cả một vùng. Đứng cách xa vài trăm mét ta đã có cảm giác mát lạnh. Dọc theo dòng suối là những tảng đá lớn nằm so le nhau như cố tình chắn giữ dòng chảy tạo nên tiếng gầm man dại triền miên đập vào vách dựng đứng hai bờ. Ngày thường, nhìn dòng suối với những phiến đá phẳng lì trải rộng, xen lẫn những tảng đá cao thấp nhấp nhô thoáng trông như những cánh buồm đang mải miết ngược dòng. Cứ như vậy, ghềnh tiếp ghềnh, thác tiếp thác kéo dài hết địa phận Cốc San. Vẻ đẹp tự nhiên của suối, thác Cốc San kín đáo, dung dị như một cô gái quê dậy thì. Nơi đây quả là một điểm du lịch mới mẻ đầy hấp dẫn của vùng.

Đền Mẫu : Đền Mẫu xây dựng từ đầu thế kỷ 18 thuộc địa phận làng Lão Nhai (nay là thị xã Lào Cai) ngay ngã ba sông Hồng và sông Nậm Thi. Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt đã có từ lâu. Đây là một công trình thể hiện tín ngưỡng đó của người Việt sống trên vùng đất biên cương của tổ quốc.

Đền Thượng : Cách đền Mẫu khoảng 300 m là một ngôi đền cổ nằm trong một khuôn viên rộng hàng chục hécta. Đó là đền Thượng - thờ Trần Hưng Đạo, biểu tượng văn hóa là nơi thờ Cha. Đền được xây dựng đầu thế kỷ 19, đã trùng tu nhiều lần. Trong khuôn viên đền, một cây đa cổ thụ rất đẹp càng tôn thêm vẻ cổ kính, u tịch của khu đền. Khách trong và ngoài nước rất thích đến vãn cảnh đền mỗi khi có dịp ghé thăm Lào Cai.

Đền Bảo Hà : Đền Bảo Hà thờ ông Hoàng Bẩy, một anh hùng miền sơn cước đánh giặc phương Bắc bảo vệ bản làng đã hiển thánh được thờ ở điện thờ đạo Mẫu Việt Nam. Đền Bảo Hà xây dựng vào thế kỷ 17, được triều đình nhà lê phong tặng "Trấn An Hiển Liệt". Hàng năm cứ mỗi mùa xuân đến và ngày lễ thờ

ông Hoàng Bẩy (17-7 âm lịch), hàng vạn người từ trong Nam ngoài Bắc đều đến đền kính cẩn thắp nén nhang tưởng nhớ người anh hùng huyền thoại.

Bãi đá cổ Sa Pa : Đây là một di tích bao gồm những tảng đá với nhiều lớp chạm khắc cổ nằm trong thung lũng Mường Hoa, rải rác xen giữa những thửa ruộng bậc thang của đồng bào dân tộc thiểu số ở đây, rộng 8 km². Di tích này đã được nghiên cứu lần đầu tiên vào năm 1925 gồm khoảng trên 200 hòn đá kích thước khác nhau, lớn nhất là Hòn Bố dài 15 m, cao 6 m. Các lớp chạm khắc trên đá gồm nhiều loại hình khác nhau, như tranh vẽ tả thực, hoa văn trang trí, trong đó đáng chú ý nhất là các hình vẽ người, nhà sàn và các dấu hiệu có thể là một hình thức phôi thai của chữ viết đến nay vẫn chưa giải mã được. Trong di tích bãi đá cổ này đáng chú ý nhất là tảng đá vợ, đá chồng, đàn hổ đá và tấm bia trên có khắc chữ mà theo truyền thuyết đó chính là những câu thần chú của nhóm thợ đá để tiêu diệt đàn hổ đến quấy phá dân làng. Còn tảng đá vợ, đá chồng nói về mối tình chung thủy của đôi trai gái vượt lên mọi gian nan, mong tìm được hạnh phúc, cho dù họ có bị hóa đá vẫn hướng về nhau, hai tảng đá như vẫn lần tìm đến nhau.

Khu di tích này đã được các nhà khảo cổ chứng minh có lâu đời và là một di sản của cư dân Việt cổ. Hiện nay, di tích này thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học và đang đề nghị UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Khu du lịch núi Hàm Rồng : Ở cách trung tâm thị trấn Sa Pa khoảng 2 km, ngay sau khách sạn Hàm Rồng có một dãy núi cao gần 2000 m, gồm nhiều dãy đá nhấp nhô mang nhiều dáng vẻ khác nhau đó là núi Hàm Rồng. Cả dãy núi giống như một con rồng khổng lồ đang uốn khúc, nằm phục. Sự tích núi Hàm Rồng được kể lại rằng : Từ xa xưa mọi sinh vật đều sống hỗn độn. Một hôm Ngọc Hoàng ban lệnh tất cả các sinh vật hãy lập lấy địa phận của mình. Các sinh vật tranh nhau tìm chỗ trú ngụ. Lúc này ba anh em nhà rồng đang sống trong hồ lớn, khi nghe tin vội chạy sang hướng đông thì đã hết chỗ, họ bèn chạy sang hướng tây. Hai người anh chạy nhanh hơn nên ở đó chờ người em. Người em chạy chậm đã lạc vào đám đông toàn sư tử, hổ báo. Người em sợ quá rùng mình co người, há mồm để tự vệ. Vừa lúc đó lời ban của Ngọc Hoàng đã hết hạn. Thế là hai người anh nhà Rồng hóa thành đá quay về hướng Lào Cai, còn người em út hóa đá có dáng đầu ngẩng

cao mồm há to nhe răng nhìn về dãy Hoàng Liên Sơn và được gọi là núi Hàm Rồng.

Để lên được đỉnh núi Đầu Rồng, du khách phải leo qua các khu vườn lan 1, vườn lan 2, trạm vi ba, vườn hoa Sa Pa, cổng trời. Trên đỉnh núi Hàm Rồng có nhiều cảnh quan đẹp, nhiều hang động, núi đá nhấp nhô rất ngoạn mục, lý thú. Hàm Rồng là điểm du lịch hấp dẫn của Sa Pa.

Lâu đài Hoàng Yến Chao : Lâu đài Hoàng Yến Chao là một công trình kiến trúc độc đáo kết hợp phong cách phương Đông với phương Tây, được xây dựng ở thế kỷ 20. Lâu đài nằm trên địa phận bản Nà Hối Thổ, huyện Bắc Hà (qua chợ Bắc Hà khoảng 300 m là tới nơi).

Lâu đài được kiến trúc hai tầng là nơi ở của Hoàng Yến Chao (sau này là con trai - Hoàng A Tưởng), đồng thời cũng là một pháo đài phòng thủ, nằm ở vị trí quan trọng chi phối cả thung lũng Bắc Hà. Lâu đài có hệ thống lô cốt, thành lũy kiên cố (vữa xây có mật mía) hiện đã hỏng khá nhiều. Hệ thống lỗ châu mai tỏa ra bốn hướng. Từ xa bạn có thể nhìn thấy lâu đài màu trắng nổi lên giữa thung lũng rất ngạo nghễ, uy nghiêm.

Các dịp lễ hội

Lào Cai là tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống. Mỗi dân tộc đều có tiếng nói, phong tục tập quán, ăn mặc, ca múa, văn hóa riêng. Đặc điểm này đã tạo cho Lào Cai bức tranh văn hóa rất đa dạng và phong phú.

Nét văn hóa đặc sắc nhất của tỉnh là những phiên chợ vùng cao (Lao Cai có 14 chợ). Chợ không những là nơi mua bán, trao đổi hàng hóa, mà phiên chợ ở đây còn là một nơi giao lưu văn hóa, hát múa, chơi kèn, thổi sáo... Chợ còn là nơi trai gái hò hẹn, gặp gỡ, tìm hiểu bạn đời.

Các dân tộc trong tỉnh có một kho tàng văn hóa văn nghệ dân gian rất đa dạng và phong phú như truyện cổ, thơ ca, tục ngữ. Người Tày có lối hát giao duyên khá phổ biến với các làn điệu lượn, phong Slư. Người Mường có hát Xéc bùa, hát bọ mẹng, hát đồng dao, hát ru... Người Dao thích múa, người Thái có các điệu múa xòe, sạp, hát thơ... Người H' Mông lại thích thổi khèn. Họ dùng khèn lá, đàn môi để trao đổi tâm tình.

Lễ hội của các dân tộc sinh sống trên đất Lào Cai rất nhiều, sơ bộ liệt kê trong năm có 24 lễ hội : Tết "Nhảy" của người Dao Đỏ; hội "Gầu Tào" của người H'Mông; hội "Lồng Tồng" của người Tày ở Văn Bàn, ở Bắc Hà; hội "Róng Boọc" của người Giáy ở Cam Đường, ở Sa Pa; hội "khu già già" của người Hà Nhì ở Bát Xát... Mỗi lễ hội điều có nét riêng nhưng lại có những nét văn hóa, tín ngưỡng từ xa xưa của cư dân địa phương còn giữ được cho đến ngày nay. Sau đây là một số lễ hội :

Hội chơi núi mùa Xuân : Đây là lễ hội của dân tộc H' Mông còn được gọi là Gầu Tào hoặc Sán Sải (có nghĩa là đi chơi ngoài trời hoặc đi chơi núi). Lễ hội thường diễn ra sau Tết Nguyên Đán, từ mồng 3 đến 5 tháng giêng. Địa điểm là khu đồi thoai thoải gần bản. Lễ hội mang màu sắc tín ngưỡng dân gian: cầu con, cầu mệnh, cầu may, cầu phúc. Lễ hội là những ngày vui lớn của xóm bản. Trai gái xúng xính trong trang phục mới. Hội còn tổ chức nhiều cuộc vui: Thi bắn súng, bắn nỏ, hát giao duyên, múa khèn, múa võ, ném pa páo (giống quả còn), thi biểu diễn khèn, mở tiệc đãi khách...

Lễ Tết "Nhảy" của người Dao Đỏ : Tết "Nhảy" được tổ chức vào dịp Tết Nguyên Đán (ngày mồng một, mồng hai), địa điểm là nhà ông trưởng họ. Nét đặc thù của lễ hội này là lễ tắm tượng tổ tiên bằng gỗ. Trong lễ hội có biểu diễn những điệu múa thể hiện tín ngưỡng mang màu sắc văn hóa, văn nghệ vui tươi khỏe mạnh, qua đó cho thấy những sinh hoạt cộng đồng của người Dao Đỏ.

Hội Lồng Tồng của người Tày (huyện Văn Bàn, huyện Bắc Hà) : Lễ hội được tổ chức vào tháng giêng (thường là ngày 5 hay 15). Địa điểm là khu ruộng gần bản, trung tâm lễ hội là cây còn. Hội Lồng tồng là sinh hoạt cộng đồng đặc sắc nhất của người Tày. Thông qua lễ hội cho ta hiểu thêm về những giá trị về dân tộc, nhân văn, nghệ thuật... Lễ hội phản ánh ước nguyện được mùa, con người khỏe mạnh, sinh nhiều con cháu. Phần lễ có nhiều nghi thức trang trọng: rước nước , cúng thần bản, thần suối, thần núi, cúng cây còn. Trong lễ hội có nhiều cuộc vui như thi ném còn, kéo co, chọi gà bằng hoa chuối, chọi trâu bằng măng vầu. Nam nữ đến hội để múa xòe, hát giao duyên, kết bạn ...

Hội Xuống đồng (dân tộc Giáy, Phù Lá) : Còn được gọi là hội "Cầu mùa" chỉ tổ

chức vào mùng 3 tháng 1 âm lịch hàng năm. Lễ hội mang những nét đẹp văn hóa, cầu chúc mùa màng cây cối tốt tươi, vạn vật sinh sôi nảy nở, người người mạnh khỏe, sống lâu. Hội xuống đồng rất độc đáo, nó mang nhiều nét riêng biệt không bị ảnh hưởng pha tạp của dân tộc nào. Ngày hội còn là dịp tuổi trẻ các dân tộc đến xem và chọn bạn trăm năm.

Lễ Lập tịch của người Dao (Khe Mạ - Bảo Thắng) : Lễ thường được tổ chức vào dịp nông nhàn, thường là trước hoặc sau Tết Nguyên Đán. Địa điểm tại gia đình hoặc khuôn viên người làm "lập tịch" (được chính thức nhận vào dòng họ). Đây là nghi lễ của các gia đình khi có con trai 14 -15 tuổi thì mời thầy đến làm lễ. Nghi lễ có nhảy từ tháp cao xuống lưới võng; lễ răn dạy... lễ hội là ngày vui của cả cộng đồng. Sau phần nghi lễ trang trọng có múa hát tưng bừng, múa trống đất, múa sạp, múa gà...

Lễ hội đền làng Lão Nhai (tên gọi cũ nay là Lào Cai) : Lễ hội tổ chức trong ba ngày 11, 12 và 13 tháng giêng âm lịch, tại đền thờ Thánh Mẫu cùng Thiên Hậu Nương Nương và khu vực bãi sông. Phần lễ có rước Thánh Mẫu cùng Thiên Hậu Nương Nương từ đền qua các phố, qua cầu Cốc Lếu sau đó quay lại đền để làm lễ. Lễ tế vào ngày 12, lễ tạ vào ngày 13. Người ta đi lễ để cầu "người yên, vật thịnh", buôn bán may mắn. Phần hội có nhiều trò vui như thổi cơm thi, múa hát...

Lâm Đồng

Diện tích : 10.137 km².

Dân số : 1.049.900 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Đà Lạt.

Thị xã : Thị xã Bảo Lộc.

Các huyện : Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Bảo Lâm, Di Linh, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên.

Dân tộc : Việt (Kinh), Cờ Ho, Mạ, Lạt ...

Tỉnh Lâm Đồng nằm trên cao nguyên thứ ba và cao nhất của vùng đất Tây Nguyên, cao nguyên Lâm Viên - Di Linh (cao 1500 m) so với mặt biển), 70% diện tích là núi rừng, phía Bắc giáp tỉnh Đắc Lắc, phía Đông Nam giáp các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận, phía Tây giáp các tỉnh Bình Phước và Đồng Nai.

Phía Bắc tỉnh là hai dãy núi đi song song từ Đông sang Tây, có đỉnh Chư Yang Sin cao 2405 m, Yang Bông cao 1749 m. Dãy núi phía Nam sát ngay Đà Lạt, có các đỉnh Đan Sê Na cao 1950 m, Lang Biang cao 2163 m, Hòn Nga cao 1948 m. Giữa hai dãy núi này là nơi bắt nguồn của các dòng sông Đa Dung chảy vào Đồng Nai, sông Cái chảy ra Nha Trang.

Phía Nam của hai dãy núi là cao nguyên Lang Biang, trong đó có thành phố Đà Lạt ở độ cao 1475 m. Phía Đông và Nam tỉnh có cao nguyên nhỏ Di Linh cao 1010 m, khá bằng phẳng và đông dân cư, là nơi đầu nguồn của sông La Ngà chảy vào Đồng Nai.

Các nhà khí hậu học gọi Đà Lạt là "thành phố của mùa Xuân", vì nhiệt độ trung bình cao nhất trong ngày 24°C và nhiệt độ trung bình thấp nhất trong ngày 15°C. Lượng mưa trung bình năm 1755 mm. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 11. Có nắng trong tất cả các mùa. Nhờ khí hậu đó cả thành phố Đà Lạt như một vườn hoa trăm hương ngàn sắc suốt quanh năm.

Từ thành phố Sài Gòn đi ô tô theo quốc lộ 20 chừng 300 km là đến Đà Lạt. Con đường sẽ đưa du khách lên cao dần và khi vào Đà Lạt ở thác Prenn thì trước mặt du khách đã là ngút ngàn rừng thông hai lá, ba lá. Đi sâu vào thành phố Đà Lạt,

du khách sẽ khám phá một "bảo tàng" của các thác nước, những hồ đẹp, thung lũng, hoa và đồi cỏ.

Nếu đi theo đường 11 từ Phan Rang ngược sông Dinh lên, sau khi vượt qua những khu di tích lịch sử của nước Chămpa xưa và những cánh đồng khô ráo quanh năm, chúng ta đứng trên đèo Ngoạn Mục với bức tranh thiên nhiên hùng vĩ đang hiện ra trước mắt.

Mặc dù mới được thành lập được hơn 100 năm từ năm 1893, nhưng Đà Lạt hôm nay đã trở thành địa danh du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước, một thành phố nghỉ mát lâu đời ở nước ta.

Đà Lạt nổi tiếng về hồ, về thác nước và rừng thông. Những hồ đẹp ở Đà Lạt là hồ xuân Hương, hồ than Thở, hồ Đa Thiện, hồ Vạn Kiếp, hồ Mê Linh. Những hồ này nằm ngay trong thành phố, tên thơ mộng như cảnh hồ thơ mộng, mỗi hồ gắn liền với một truyền thuyết xa xưa.

Cộng đồng dân cư Đà Lạt là một sự hòa nhập hết sức độc đáo của các dân tộc từ các vùng Bắc, Trung, Nam. Cả tỉnh có trên 20 tộc người, Đông nhất là người Việt Nam, sau đó là Cờ Ho, Mạ, Lạt, Srê, Chu ru,... Người dân ở quanh vùng Đà Lạt và Di Linh trồng rau và hoa cung cấp cho các tỉnh Nam Bộ. Thiên nhiên tươi đẹp đã tạo nên những mẫu người Đà Lạt có phong cách đáng yêu hiền hòa, thanh lịch, mến khách được nhiều người cảm nhận.

Du khách đến Đà Lạt vừa thăm viếng, vừa thưởng thức những sản phẩm Đà Lạt bao gồm nhiều loại trái cây : hồng, mận, đào, bơ,... nhiều món ăn dân tộc độc đáo và các hàng lưu niệm của riêng vùng Đà Lạt.

Vẻ đẹp của Đà Lạt còn được ngợi ca nhiều và hấp dẫn du khách bởi hàng trăm, ngàn loại hoa, loại phong lan độc đáo, hoặc được sản sinh riêng trên mảnh đất này, hoặc được lai tạo từ nhiều nơi như : Pháp, Anh, Hà Lan, Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông, Ấn Độ, Italy... như hoa Hồng, hoa Bất Tử, hoa Đỗ Quyên, hoa Xác Pháo, hoa Tư Tưởng, hoa Trà Mi, Mimoza, Mai Anh Đào, Thủy Tiên trắng...

Khách sạn du lịch đầu tiên ở Đà Lạt được xây cất năm 1907, đó là ngôi nhà gỗ mang tên khách sạn Hồ (Hotel du Lac). Ngày nay, đến Đà Lạt du khách sẽ cảm nhận có một nét kiến trúc rất nên thơ, lộng lẫy mà kín đáo qua từng ngôi biệt thự

ẩn mình trong cây lá hoặc rực rỡ bởi được phủ lên cả một rừng hoa...

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào cư ngụ trong tỉnh phần lớn là người Kinh, rồi đến người Thượng gồm hai sắc tộc chính là Cờ Ho (có các sắc dân phụ là Mạ, Sré, Nop), và Roglai. Người dân theo tôn giáo chính là Thiên Chúa, Phật, Cao Đài, thờ phụng Tổ tiên và Thần linh.

Lâm Đồng trồng được hai thứ lúa là lúa núi và lúa gieo. Các hoa màu phụ và trái cây gặt hái khả quan là khoai mì, khoai lang, bắp, ca cao, dâu nuôi tằm sầu riêng, bơ, mít cam, quít, bưởi, chuối, đu đủ. Đu đủ và sầu riêng Lâm Đồng ngon nổi tiếng. Hai loại cây kỹ nghệ được trồng có số đáng kể là cà phê và trà. Loại trà và cà phê Bảo Lộc thơm ngon nổi tiếng.

Gần ba phần tư diện tích Lâm Đồng là rừng núi nên đã mang lại nhiều lâm sản quí giá như các gỗ thông, dầu, sao, cẩm lai, bạch tùng, cùi, nhựa thông và dầu thông. Chính vì đồng cỏ tươi tốt nên việc chăn nuôi có kết quả tốt. Ngược lại, Lâm Đồng chưa thấy cókhoáng sản nào được khai thác.

Những loại đàn đá tìm thấy ở Lộc Lâm (huyện Bảo Lộc) và Klong (huyện Lạc Dương) đã chứng minh truyền thống văn hóa lâu đời của đồng bào ta ở đây. Đa số đồng bào sống ở Đà Lạt là người Kinh, còn lại là người Thượng sắc tộc Lat và Chill. Dân chúng theo đạo Phật, Thiên Chúa và Cao Đài.

Nói đến nền kinh tế và thương mại của Đà Lạt là phải nói đến ngành trồng rau và trái cây. Đất ở đây không dùng vào việc trồng lúa. Những loại hoa màu chính là sa-lát, bông cải, cà rốt, khoai tây, tỏi tây, su hào, hành,... Ngoài các loại rau, dân ta còn trồng nhiều vườn hoa để sản xuất như hoa hồng, uất kim hương (Tulipe) huệ tây (Lys), Lay-ơn (Glaieuf)...

Rừng Đà Lạt có nhiều loại lan rất nổi tiếng. Về trái cây có mận tây, đào, hồng, bơ, dâu tây... Mận Trại Hầm rất ngon. Trước 1975, các loại cây hoa màu, cây ăn trái và hoa của Đà Lạt được cung cấp đến thành phố Sài Gòn và các tỉnh khác với số lượng rất lớn. Dân chúng còn làm rượu mận phổ biến khắp nơi. khoáng sản chỉ có hầm đá dùng để xây đường xá và cao lanh dùng làm đồ gốm.

Lược sử

Trước đây Lâm Đồng là vùng rừng núi rậm rạp đầy sơn lâm chướng khí, đầm lầy nước đọng, không ai sinh sống và chỉ là vùng đồi núi hoang vu thuộc dãy núi Lâm Viên (Lang Bian) cao 2100 thước, có vài con đường nhỏ và lác đác vài căn nhà của đồng bào Thượng. Cho đến khi người Phù Nam bắt đầu chiếm vùng đồng bằng sông Cửu Long thì thổ dân nơi này rút về vùng Lâm Đồng khai quang đất đai và thành lập tiểu quốc Mạ. Người Mạ nổi tiếng khéo tay, chịu khó, biết trồng cây bông và dệt vải.

Đến thế kỷ 17, chúa Nguyễn Phúc Chu chiếm được Chân Lạp, cho Nguyễn Bữu Kinh làm quan, thì tiểu quốc người Mạ nhập chung vào nước ta. Năm 1899, quân Pháp cử một phái đoàn nghiên cứu địa chất do Emest Outrey dẫn đầu đến khảo sát vùng Lâm Đồng và nghiên cứu mở con đường nối liền với tỉnh Bình Thuận. Trong cùng năm, vùng Lâm Đồng được lập thành tỉnh lấy tên là Đồng Nai Thượng và Ernest là Công sứ. Tỉnh lỵ mang tên Djiring.

Đến năm 1903. Tỉnh Đồng Nai Thượng bị bãi bỏ và đất này sát nhập vào Bình Thuận. Năm 1920, tỉnh Đồng Nai Thượng được tái lập với quận Djlring (Di Linh) Blao (Bảo Lộc) và Dran Fyan (Đơn Dương). Tỉnh lỵ vẫn đặt ở Di Linh.

"Đà Lạt" là tiếng phiên âm của chữ "DaLat". "Da" có nghĩa sông; "Lat" là tên của bộ lạc Thượng sống ở nơi đây. "Dalat" có nghĩa là sông của người Lat (tức suối Cam Ly ngày nay).

Thời gian quân Pháp mới xâm chiếm nước ta, vùng đất Đà Lạt thuộc quyền cai trị của tù trưởng người Thượng tên Yagut đã nổi lên chống quân Pháp. Sau này, dân chúng trong vùng nhớ công ơn và đặt con đường mang tên ông.

Trong cuộc mở mang đất đai về phía Nam của tổ tiên ta, vùng Đà Lạt được sát nhập vào tỉnh Khánh Hòa, nhưng việc khai thác miền sơn cước chưa được triều đình lưu ý đến. Cho đến khi quân Pháp đô hộ nước ta, chúng cử phái đoàn Yer-sin lên nghiên cứu vùng này vào năm 1897.

Sau những cuộc khảo sát đất đai. Toàn quyền quân Pháp là Paul Doumer cho xây dựng sở khí tượng và trung tâm thí ngiệm việc trồng trọt vùng này, đồng thời mở một con đường từ miền duyên hải Trung phần lên đến đây, Thị xã Đà Lạt bắt đầu thành hình nhưng sinh hoạt còn kém. Năm 1915, toàn quyền Doumer mở mang

thêm. Đến năm 1923,Toàn quyền Maurice Long được lệnh mở rộng thị xã và giao cho kiến trúc sư Pháp là Hebrard soạn đồ án để biến Đà Lạt thành một thủ đô Liên Bang Đông Dương.

Phong cảnh, di tích

Hồ Than Thở : Ở cách trung tâm thành phố 6 km về phía Đông, hồ Than Thở nằm trên đồi cao giữa một rừng thông tĩnh mịch. Cảnh vật quanh hồ nên thơ, mặt nước hồ luôn phẳng lặng trầm ngâm. Con đường đất ven hồ như mất hút xa xa. Tại đây dường như chỉ còn nghe vi vút tiếng gió nhẹ, tiếng thông reo như than thở, như nức nở. Bao nhiêu truyền thuyết về những cuộc tình duyên oan trái đã mượn nước hồ để giữ mãi mối tình chung thủy. Đến thăm nơi đây, du khách sẽ được nghe kể về những chuyện tình cảm động này.

Thác Đatanla : Cách Đà Lạt 5 km về phía Nam. Từ đường 20, du khách sẽ xuống dốc khoảng 300 m là tới một thung lũng nhỏ. Thác Đatanla sẽ hiện ra trước mắt du khách, tuy không hùng vĩ, ồn ào nhưng sâu thẳm. Từ ghềnh cao 20 m, dòng thác đổ xuống len lỏi qua nhiều tầng nấc trong các khe đá rồi cuốn nhanh vào rừng sâu. Tương truyền xưa kia các tiên nữ trên trời xuống đây tắm, nên chỗ dòng suối bằng phẳng, được gọi là suối Tiên. Gần thác là hồ Tuyền Lâm rộng mênh mông. Đây là địa điểm thích hợp cho các hoạt động thể thao, leo núi, chèo thuyền và câu cá .

Thác Pôngua : Cách thành phố Đà Lạt 50 km có ngọn thác hùng vĩ nhất Lâm Đồng. Tại đây ngọn nước đổ ào ào xiết mạnh từ độ cao 40 m xuống hồ nước lớn. Từ xa đã nghe tiếng thác nước đổ ào ào. Trong mùa mưa cảnh thác càng thêm dữ dội. Đây là một trong những thác đẹp nhất Đông Dương.

Núi Langbian - Xã Lát : Núi Langbian còn được gọi là núi Lâm Viên. Cách trung tâm Đà Lạt 12 km về hướng Bắc, núi Langbian cao 2163 m, là nơi thích hợp cho các hoạt động thể thao leo núi, nhảy dù thể thao, đi bộ, nghiên cứu chim và các loại thảo mộc quý hiếm trong vùng. Dưới chân núi là bản dân tộc Lát, Chil (Cờ Ho)... là những bản của đồng bào dân tộc Tây Nguyên còn giữ nguyên được những nét văn hóa truyền thống.

Đankia Và Suối Vàng : Cách Đà Lạt 20 km về phía Bắc là hồ Đankia - Suối Vàng,

một thắng cảnh nổi tiếng của Lâm Đồng. Nơi đây, một hồ lớn trải dài dưới chân dãy núi Lang Biang hùng vĩ, soi bóng những rừng thông xanh tốt trên bờ. Cả một không gian rộng lớn mênh mông hứa hẹn một khu du lịch sầm uất trong tương lai không xa. Nơi đây có bản Lắk của đồng bào dân tộc Tây Nguyên, vẫn giữ nguyên được các phong tục tập quán cổ xưa, là nơi tham quan lý tưởng cho những nhà du lịch quan tâm đến dân tộc học.

Vườn Hoa Đà Lạt : Vườn hoa Đà lạt có từ năm 1966, đến năm 1985 được khôi phục lại để trồng các loại hoa mới. Vườn hoa ở số 2 Phù Đổng Thiên Vương gần Hồ Xuân Hương, cạnh con đường từ hồ đến trường đại học Đà Lạt. Có thể nói vườn hoa Đà Lạt là một bộ sưu tập khá đầy đủ các loại hoa quí của Việt Nam và thế giới. Ở đây có trên 300 loài hoa, trong đó có tới hàng trăm loài hoa như hồng, cúc, lay ơn, hoa lan, cẩm tú cầu, mimoza... nở quanh năm.

Thác Guga : Nằm trên đờng từ Đà Lạt đi theo đường 20 khoảng 40 km thì rẽ trái, đi thêm 500 m là đến thác Guga. Thác cao 17 m, nước từ trên cao trút xuống được phân làm đôi theo chiều dọc, phần nước bên trong lặng lờ chảy, phần bên trái chảy xiết bắn tung bọt màu trắng bạc. Đây cũng là một thắng cảnh của Lâm Đồng.

Thác Đambri : Trên đường từ Sài Gòn đi Đà Lạt, du khách có thể ghé thăm Bảo Lộc, xứ sở của chè, cà phê và dâu tằm. Du khách sẽ ghé thăm thác Đambri, cách thị xã Bảo Lộc khoảng 18 km về hướng Tây. Thác cao tới 90 m, cao nhất vùng, một thác hùng vĩ và nguy nga mà du khách có thể dễ dàng đến thăm. Cảnh quan thiên nhiên đẹp, không khí trong lành. Khu thác Đambri có chỗđậu xe và nhà hàng Đambri với nhiều món ăn độc đáo.

Thác Prenn : Từ thành phố Sài Gòn theo đường 20 lên Đà Lạt phải qua đèo Prenn dài 10 km. Thác Prenn ở ngay chân đèo Prenn, nơi cửa ngõ ra vào Đà Lạt. Xuống ô tô, đi khoảng 100 m du khách sẽ tận hưởngsự êm dịu và duyên dáng của một bức màng nước đổ nhè nhẹ từ độ cao 10 m xuống một thung lung nhỏ, xung quanh đầy hoa lá và đồi thông. Một chiếc cầu cong nho nhỏ được Bắc ngang qua hồ nước. Du khách hãy lên cầu và đi sát tới bức màn nước để cảm nhận sự dịu dàng của thác Prenn.

Hồ Đa Nhim - Đèo Ngoạn Mục : Khu vực này cách thành phố Đà Lạt 40 km về

hướng Đông, nằm trên đường từ Phan Rang lên Đà Lạt. Nơi đây con đường phải leo lên núi, qua nhiều đoạn gấp khúc. Trên đường, khi nhìn về Phan Rang du khách sẽ thấy một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp. Chính vì vậy, người ta gọi con đường này là đèo Ngoạn Mục. Có lẽ đến đây bạn sẽ thấy mình nhỏ bé trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ và sẽ nhận thức được khả năng của con người trong việc chinh phục thiên nhiên. Nơi đây còn có nhà máy thủy điện Đa Nhim với hai đường ống dẫn nước trông xa như hai vệt sơn trắng giữa nền xanh biếc của núi rừng.

Thung Lũng Tình Yêu : Thung lũng cách trung tâm thành phố Đà Lạt chừng 5 km về phía Bắc, chìm sâu bên sườn đồi với những vườn thông mọc quanh năm xanh biếc. Dưới thời vua Bảo Đại vùng này được gọi là thung lũng Hòa Bình. Sau đổi thành Thung Lũng Tình Yêu. Năm 1972 nhờ đắp một con đập lớn vắt ngang thung lũng đã tạo ra một hồ nước lóng có tên là hồ Đa Thiện. Vì có hồ mà thung lũng này càng thêm thơ mộng, tăng thêm sự hấp dẫn đối với du khách và nhất là đối với những lứa đôi ở khắp miền đất nước.

Thác Cam Ly : Du khách đi dạo ven Hồ Xuân Hương cũng nghe tiếng suối chảy róc rách.

Một dòng suối đổ vào hồ ở phía Bắc, một dòng thác từ hồ chảy ra ở phía Nam luồn dưới một cây cầu, ở gần bến xe. Chân cầu là đập ngăn dòng suối lại để điều hòa mực nước hồ. Cả hai dòng suối đều mang tên Cam Ly. Dòng chảy ra lượn về phía Tây, khi cách hồ 2 km dòng nước phải vượt qua một đoạn suối bị chặn ngang bởi những tảng đá hoa cương lớn, tạo thành thác Cam Ly đẹp nổi tiếng của Đà Lạt.

Hồ Xuân Hương : Là hồ đẹp nhất ở trung tâm thành phố Đà Lạt. Đây là hồ lớn ở Đà Lạt, rộng chừng 5 km². Hồ Xuân Hương có hình mảnh trăng lưỡi liềm, là nơi thơ mộng, cuốn hút khách nhàn du, cũng là nơi hò hẹn của những đôi bạn tâm tình. Mặt hồ phẳng lặng như tấm kính pha lê, soi bóng những hàng thông reo hát suốt ngày đêm. Những con đường quanh hồ rợp bóng cây tùng, tạo thêm vẻ thơ mộng cho hồ. Du khách có thể ngồi dưới gốc tùng buông lưỡi câu, hoặc đi chơi trên mặt hồ bằng những chiếc xe đạp nước mang dáng con thiên nga, hoặc dừng chân ở nhà Thủy Tạ với cách kiến trúc đặc biệt, để thưởng thức những ly cafe đậm đà hương vị Đà Lạt.

Trường Đại Học Đà Lạt : Nằm tại trung tâm thành phố trong khuôn viên rộng hơn 40 ha xanh mát những đồi thông, phía Nam là sân golf và mặt nước Hồ Xuân Hương lung linh quanh năm, sau lưng là dãy Lang Biang hùng vĩ. Quang cảnh nơi đây đan xen cây cảnh, rừng thông làm cho sinh viên luôn có cảm giác đang sống và học tập giữa thiên nhiên. Đai học Đà Lạt là một trong những trường đại học ra đời sớm ở miền Nam vào cuối thập niên 50 của thế kỷ 20.

Sân Golf Đà Lạt : Nằm ở trung tâm thành phố, sân golf Đà Lạt là loại 18 lỗ theo tiêu chuẩn quốc tếvà bắt đầu hoạt động từ đầu năm 1994.

Sân golf ở vị trí đồi Cù nổi tiếng ngày xưa, với sườn đồi thoai thoải soi bóng xuống Hồ Xuân Hương. Kỹ thuật thiết kế độc đáo của sân golf và phong cảnh thiên nhiên tuyệt diệu ở đây sẽ làm hài lòng du khách yêu môn thể thao quý tộc này.

Chợ Đà Lạt : Là một trong những chợ đẹp của Việt Nam, nổi tiếng với nhiều loại hàng hóa, đặc biệt là trái cây, hoa, rau tươi mà ít có một nơi nào so sánh nổi. Đây chính là nơi cung cấp hoa, rau tươi cho Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ.

Các Dinh Thự : Đà Lạt có ba dinh thự lộng lẫy mà mọi người quen gọi vắn tắt là Dinh 1, Dinh 2 và Dinh 3. Các dinh thự này đều được kiến trúc theo kiểu Pháp và xây trên các ngọn đồi thoai thoải ở những vị trí đẹp và nên thơ. Nếu đi bộ lên dinh, du khách sẽ đi theo các bậc thang xây. Ô tô thì đi theo đường dốc thoai thoải lên tận nơi. Du khách sẽ đi dạo dưới những tán thông và nghe tiếng rì rào êm tai của lá. Dinh 2 nằm trên đồi, cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 2 km, nơi cắt của hai đường Trần Hưng Đạo và đường Khởi Nghĩa Bắc Sơn. Dinh 2 trước kia là dinh Toàn quyền Pháp, còn bây giờ được sử dụng làm nhà khách. Dinh được xây dựng năm 1933 gồm 25 phòng, đồ đạc trong phòng vẫn được giữ nguyên như xưa. Dinh 3 của vua Bảo Đại, ông vua cuối cùng của triều Nguyễn. Du khách đến tham quan Dinh 3 sẽ được xem cách bài trí của một gia đình hoàng tộc, xem ảnh vua Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương cùng các hoàng tử, công chúa. Dinh 3 còn gọi là biệt thự nghỉ hè của vua Bảo Đại (sau này còn gọi là Biệt Điện Quốc Trưởng) gồm có 25 phòng, được xây dựng năm 1933. Đến nay dinh 3 còn được giữ gần như nguyên vẹn. Dinh 3 nằm trên một đồi thông, cách viện Pasteur 500 m về hướng

Đông Nam, trên đường Lê Hồng Phong cách trung tâm thành phố 2 km.

Nhà Thờ Đà Lạt : Nhà thờ nằm trên đường Trần Phú, gần khách sạn Đà Lạt, nhà thờ được xây dựng từ năm 1931 đến năm 1942, trước đây dành cho kiều dân Pháp sinh sống tại đây và những người Châu Âu đến nghỉ tại Đà Lạt. Nhà thờ cao 47 m, bên trong là những ô cửa kính nhiều màu, mang dấu ấn của kiến trúc nhà thờ Châu Âu thời Trung cổ.

Chùa Linh Sơn : Nằm trên một quả đồi, cách trung tâm thành phố Đà Lạt 700 m trên đường Nguyễn Văn Trỗi, chùa được dựng vào năm 1938 trong một khuôn viên rộng và trải qua nhiều đời sư trụ trì. Hòa Thượng Thích Từ Mẫn trụ trì chùa từ năm 1964 đến nay. Ở chính điện thờ đức Phật Thích Ca làm bằng đồng, nặng 1,25 tấn, đúc năm 1952. Ngoài ra chùa còn có phòng phát hành kinh sách và hàng lưu niệm.

Chùa Linh Phong (Chùa Sư Nữ) : Chùa tọa lạc ở đường Hoàng Hoa Thám, thành phố Đà Lạt. Chùa ở trong một khuôn viên rộng và đẹp. Chùa được dựng năm 1944. Sau đó sư bà Thích Nữ Từ Hương đã xây dựng thành ngôi Ni Tự. Trong chùa chỉ toàn sư nữ tu. Chánh điện thờ đức phật A-Di-Đà, hai bên thờ Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí, tượng được làm bằng đồng.

Chùa Linh Quang : Chùa tọa lạc ở số 133 đường Hai Bà Trưng, Đà Lạt. Chùa do hòa thượng Thích Nhân Thứ tạo lập năm 1931, sau đó được các Hòa thượng kế tiếp trùng tu, đặc biệt là vào các năm 1958 và 1972 dưới thời hòa thượng Thích Minh Cảnh trụ trì, chùa đã được sửa cho lớn. Ở các góc mái chùa đắp nổi hình chim phượng rất cầu kỳ và tinh xảo trong khuôn viên chùa có khu vườn tháp mộ. Chùa Linh Quang là ngôi tổ đình đầu tiên tại thành phố Đà Lạt.

Chùa Thiên Vương Cổ Sát (Chùa Phật Trầm, Chùa Tàu) : Đây là một địa danh quen thuộc đối với khách du lịch, đặc biệt là khách Trung Quốc. Chùa tọa lạc trên đồi thông, tại số 385 đường Khe Sanh, cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 5 km. Chùa được hòa thượng Thọ Dã (người của Hội quán Trung Hoa) xây dựng vào năm 1958. Đến năm 1989, ông Lê Văn Cảnh đứng ra tổ chức trùng tu. Chùa Thiên Vương còn được gọi là chùa Tàu, theo hệ phái Phật giáo Huê Nghiêm của Trung Quốc. Ngôi chùa gồm ba tòa nhà màu vàng. Ở Minh Quang bảo điện thờ

Tây Phương Tam Thánh : Phật Thích Ca, Quan Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát. Mỗi tượng cao 4 m, nặng 1,5 tấn, được hòa thượng Thọ Dã đặt từ Hồng Kông đem về năm 1958. Trong chùa có các tượng Tứ Thiên Vương to lớn và cao 2,60 m đúc bằng xi măng.

Thiền Viện Trúc Lâm : Tọa lạc bên hồ Tuyền Lâm, phường 3, thành phố Đà Lạt trong một khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, nên thơ. thiền viện được khởi công xây dựng vào ngày 28-5-1983 trên một khu đất rộng 25 ha, bao gồm 2ha xây dựng thiền viện 23 ha vườn chùa. Thiền viện được khánh thành vào ngày 19-3-1994. Vị viện chủ tạo dựng nên thiền viện là hòa thượng Thích Thanh Từ, đồng thời là viện chủ thiền viện Thường Chiếu ở Đồng Nai.

Ga Đà Lạt : Nằm về phía Đông, cách Hồ Xuân Hương khoảng 500 m là ga xe lửa Đà Lạt. Mặc dù ngày nay người ta không sử dụng được đường sắt lên Đà Lạt, song ga Đà Lạt vẫn là một điểm tham quan thú vị dành cho du khách mỗi khi đến đây. Đoạn đường sắt nối Đà Lạt với Tháp Chàm (Phan Rang) được khởi công xây dựng từ năm 1915, dài 84 km và vận chuyển từ năm 1928 đến năm 1964. Sau đó thì ngừng hoạt động do chiến tranh. Ngày nay, một đoạn đường 8 km trong thành phố đã được khôi phục để đưa khách du lịch đi thăm làng dân tộc Trại Mát.

Các dịp lễ hội

Đà Lạt mang đậm trong mình bản sắc văn hóa Tây Nguyên đẹp như huyền thoại. Đến đây, du khách sẽ có dịp thăm các buôn làng của dân tộc ít người như M'Nông, Mạ, Cờ Ho... những người dân hiền lành sống bằng nghề làm rẫy, làm vườn, trồng cà phê, cacao, chè, chăn nuôi gia súc, gia cầm... Vào những ngày hội làng, ngày vui của gia đình, du khách sẽ được xem họ múa, hát, chơi nhạc bằng những nhạc cụ độc đáo mà âm thanh của nó nghe như tiếng gió hú, tiếng thác chảy trên ghềnh đá.

Lễ Hội Ăn Trâu (Dân Tộc Cờ Ho) : Lễ hội được tổ chức rất linh đình thường là sau khi thu hoạch xong mùa màng, chuẩn bị vào mùa rẫy mới. Trong các nghi lễ này, người Cờ Ho dùng nhiều nhạc cụ cổ truyền. Bên bếp lửa và chén rượu cần, già làng kể cho con cháu nghe nhiều sự tích, truyền thuyết huyền thoại, giảng giải thơ, ca dao, giảng giải về nòi giống và quê hương đất nước.

Lễ Cúng Thần Suối (Dân Tộc Mạ) : Người Mạ tin vào các thần : Trời là thần tối cao, thần Sông, thần Núi, thần Hỏa... trong đó nghi lễ cúng thần suối của người Mạ mang nhiều sắc thái tín ngưỡng dân gian.

Lễ Cúng Thần Bơ Mung (Dân Tộc Chu Ru) : Đây là nghi lễ lớn nhất của người Chu Ru, thường được tổ chức vào tháng 2 âm lịch. Nghi lễ này gắn liền với các nghi lễ nông nghiệp như cúng thần Đập Nước, thần Mương Nước, thần Lúa, ăn mừng lúa mới...

Tết Mạ Cờ Ho - Lễ Cúng Cơm Mới : Đây mới là một trong những lễ hội truyền thống của người Mạ, Cờ Ho tại B'Lao, thị xã Bảo Lộc. Ngày lễ này gần như trùng với Tết Nguyên Đán của người Việt. Họ làm lễ để cầu mưa thuận gió hòa, ngăn thú rừng không cho chúng phá nương, phá rẫy. Cúng lúa mới, cơm mới cũng là để con cháu biết quí hạt thóc, hạt gạo. Lễ cúng gồm có : gạo thơm mới, chén rượu cần, gà trống giò, heo đực thiến và các loại thú rừng bẫy được.

Lễ hội bắt đầu bằng việc khấn Giàng của Thầy cúng, kế đến là tục vẩy rượu để chúc mọi người. Cuối cùng là uống rượu, hát tình ca, trường ca và tâm phớt (dân ca Mạ, Cờ Ho) trong tiếng cồng chiên rộn rã. Lễ hội kéo dài suốt đêm cho đến sáng hôm sau.

Long An

Diện tích : 4338 km².

Dân số : 1.306.202 người (2000).

Tỉnh ly: Thị xã Tân An.

Các huyện : Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc, Châu Thành, Đức Hòa, Đức Huệ, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Tân Trụ, Thạnh Hóa, Thủ Thừa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng.

Dân tộc : Việt (Kinh), Khmer.

Cách Sài Gòn 47 km, Long An là cửa ngõ của đồng bằng sông Cửu Long, phía Bắc giáp Tây Ninh và các nước Cam-Pu-Chia, phía Đông giáp Sài Gòn, phía Nam giáp Tiền Giang và phía Tây giáp Đồng Tháp.

Là một tỉnh nông nghiệp, đất Long An màu mỡ trải ra trên hai triền sông của hai con sông lớn sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Ở phía Bắc tỉnh có một số gò, đồi thấp, còn lại thì bằng phẳng. Phần đất phía Tây thuộc vùng trũng của Đồng Tháp Mười.

Long An có một mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt nối liền nhau, chia cắt địa bàn tỉnh thành nhiều vùng. Thực ra Long An chưa phải là đồng bằng sông Cửu Long, mà chỉ là đồng bằng sông Vàm Cỏ giữa hệ thống sông Đồng Nai và hệ thống sông Cửu Long.

Khí hậu : nhiệt đới gió mùa, hai mùa mưa và khô rõ rệt nhiệt độ trung bình 27,4°C, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa trung bình 1620 mm/năm. Long An đông dân chủ yếu là người Việt (Kinh) và đồng bào gốc Khmer ở phía Tây tỉnh. Long An có 4 tôn giáo được đông người theo là Phật, Kitô, đạo Cao Đài và đạo Tin Lành.

Sinh hoạt, kinh tế

Đa số dân chúng là người Kinh, nhưng cũng có một số đồng bào gốc Khmer sinh sống. Dân ta theo các đạo Phật, Thiên Chúa, Cao Đài, Hòa Hảo.

Lúa vẫn là hoa màu chính trong tỉnh, hoa màu phụ có các loại khoai, sắn, rau. Những vùng có kinh rạch trồng cây công nghiệp rất tốt, đất luôn luôn ẩm, trồng mía thuận lợi. Thuốc lá cũng được trồng nhiều. Long An có nhiều cây ăn trái như khóm, dứa, chuối, xoài, dừa... khóm Bến Lức có tiếng ngon.

Vùng rừng tràm, dưng, lác ở phía Bắc tỉnh mang lại nhiều lợi tức cho tỉnh (nhiều nơi đã được khai thác thành đồng ruộng). Tràm dùng trong nghề xảm ghe và làm dầu nóng chữa bệnh phong hàn, cây dưng (giống cây tranh) dùng lợp nhà, cây lác dùng để dệt chiếu hay làm dây buộc.

Dân chúng theo nghề đánh cá nhiều ở các vùng gần hai con sông Vàm Cỏ và các kinh rạch. Ngoài ra, nghề nuôi cá ở các ao hồ cũng rất thịnh hành.

Lược sử

Đời vua Minh Mạng đổi các trấn thành sáu tỉnh Định Tường, Biên Hòa, Gia Định, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Sau khi Pháp chiếm trọn miền Nam, chúng đổi sáu tỉnh thành 21 tỉnh, tỉnh Định Tường mất tên để thành lập ba tỉnh mới là Tân An, Mỹ Tho và Gò Công. Đất Long An thuộc tỉnh Tân An.

Trong thời Pháp thuộc, đồng bào Long An tham gia kháng chiến dưới sự lãnh đạo của các anh hùng Võ Duy Dương, Trương Công Định, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực, xuôi ngược khắp các vùng đầm lầy thuộc các tỉnh Đông - Nam phần, đánh các đồn bót Pháp. Đất và sông nước Long An đã ghi vào lịch sử những tấm lòng nghĩa dũng đó.

Nguyễn Trung Trực, người anh hùng sinh trưởng tại Long An, đã làm giặc Pháp kinh hồn tán vía với những trận đánh thần tốc và bất ngờ. Từ tháng 6-1861, ông hoạt động khắp các vùng Vũng Gù (Định Tường), Bình Trinh , Nhật Tảo, Bến Lức, Thủ Thừa (Long An)... đến Phước Lý, Long Thành (Biên Hòa), Tân Uyên (Phước Thành)... sang đến hòn Chồng, Hàm Ninh, An Thái, Dương Đông, Cửa Cạn (Kiên Giang). Dòng sông Vàm Cỏ Đông hừng hực lửa đỏ vào ngày 11-12-1861, khi anh hùng Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân phục kích đốt tàu L'Espérance của giặc Pháp đang đậu trên Vàm Nhật Tảo (một nhánh sông nhỏ của sông Vàm Cỏ Đông thuộc làng Bình Trinh, tỉnh Tân An bấy giờ). Viên thuyền trưởng Pháp chỉ kịp nghe danh xưng của ông thì đầu đã lìa khỏi cổ, số giặc thủy thủ còn lại bị giết gần hết.

"Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa,
Kiếm bạc Kiên Giang khiếp quỷ thần".

Là hai câu thơ của Cử nhân Huỳnh Mẫn Đạt ca tụng chiến công của Nguyễn

Trung Trực được lưu truyền mãi mãi.

Đêm 14-12-1861, trong khi quân Pháp đánh chiếm Gò Công, nghĩa quân của ông Cai tổng Là (trong số này có ông Nguyễn Đình Huân là em ruột cụ Nguyễn Đình Chiểu tham gia, tinh thần chiến đấu rất hăng say) đánh úp đồn binh Cần Giuộc của Pháp, giết một số sĩ quan và binh lính. Trong trận này, nghĩa quân chỉ dùng khí giới bằng tầm vông, vạc nhọn, dáo mác và hy sinh 27 người.

Sau đó, cụ Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài Văn Tế Nghĩa Quân để biểu dương tinh thần của các nghĩa sĩ Cần Giuộc. Đây là một bài văn kháng chiến chống Pháp đầu tiên, một bài hịch được truyền đi khắp nơi để kêu gọi nghĩa phu và đồng bào toàn quốc đứng lên diệt giặc cứu nước. Pháp liệt kê bài này là một trong những loại văn thơ "phản động" và cấm dân chúng phổ biến. Tháng 5-1862, vào một đêm mưa gió, anh hùng Nguyễn Trung Trực bất thần tung quân đánh đồn Thủ Thừa do tên quan Pháp Bonard cai quản, tiêu diệt hết bọn cướp nước, tịch thu nhiều súng đạn rồi rút lên tỉnh Tây Ninh.

Từ năm 1862, anh hùng Trương Công Định mở rộng phạm vi hoạt động, lập nhiều căn cứ kháng chiến chạy dài từ rừng Truất Tước, xã Tân Hòa (thuộc hai quận Cần Giuộc và Cần Đước) đến Gò Công. Tân Hòa là vùng chiếm địa, toàn sình lầy, lau sậy và đã làm cho các tàu chiến của giặc Pháp thiệt hại nặng nề khi chúng tấn công vào.

Phong cảnh, di tích

Khu du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười : Ngược dòng sông Vàm Cỏ Tây, thuyền du lịch sẽ đưa du khách đến trung tâm Đồng Tháp Mười, vùng du lịch sinh thái đặc trưng của vùng đất trũng Nam Bộ, cách Tân An khoảng 50 km thuộc các huyện Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Thạnh Hóa và Tân Thạnh.

Đến đây du khách tận mắt nhìn thấy những cánh rừng tràm bạt ngàn, thoang thoảng hương thơm với từng đàn ong mật lượn quanh, những cánh đồng sen rộng lớn với muôn vàn đóa hoa sen khoe sắc dưới ánh nắng. Có nhiều loại động vật quí hiếm đang được bảo vệ tại vùng Đồng Tháp Mười như : Cò, Sếu đỏ, Rùa, Rắn... làm tăng vẻ đẹp vùng sinh thái. Đặc biệt khách có thể thưởng thức các món ăn Nam Bộ như canh chua bông điên điển, gỏi ngó sen, cá lóc nướng trui chấm muối

ớt với vài ly rượu đế đặc trưng của đồng bằng Nam Bộ.

Cụm vườn Thanh Long (Châu Thành) : Khoảng 5 km xuôi về phía Nam thị xã Tân An là huyện Châu Thành, huyện nổi tiếng về trái thanh long và dưa hấu. Thanh long là loại trái cây đặc sản được trồng phổ biến ở vùng này, có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao. Cành Thanh long được thả leo trên cây dông uốn mình như những con rồng xanh ngậm quả chín mọng đỏ rất hấp dẫn khách tham quan và thưởng thức nét đẹp của vườn cây, vị ngọt mát của loại trái cây này.

Vườn hoa kiểng Thanh Tâm : Vườn hoa nằm tại trung tâm thị xã Tân An, là vườn hoa cây kiểng bon sai nhiều loại, có loại trên 100 tuổi. Nhiều loại cây đạt huy chương vàng hội chợ hoa xuân các tỉnh phía Nam. Với tài nghệ của các nghệ nhân, các kỳ quan thế giới được thu nhỏ trong vườn: núi Phú Sĩ, đền Angco, Kim Tự Tháp, thành nội Huế...

Cụm di tích Bình Tả : Cụm di tích kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ Bình Tả (gồm Gò Xoài, Gò Đồn và Gò Năm Tước) cách thị xã Tân An 40 km về phía Đông Bắc, tại ấp Bình Tả, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Nằm trong một quần thể di tích thời tiền sử được phân bố theo các trục lộ cổ và sông Vàm Cỏ Đông, cụm di tích này thuộc nền văn hóa Óc Eo - Phù Nam có niên đại từ thế kỷ thứ 1 đến thế kỷ thứ 7 sau công nguyên.

Có ba di tích trong cụm đã được khai quật : di tích Gò Năm Tước, Gò Xoài và Gò Đồn được phân bố trên một địa bàn tương đối gần nhau. Ngôi đền Gò Xoài nằm ở độ sâu 1,70 - 1,90 m có thể coi là địa điểm hành lễ của dân Phù Nam. Đặc biệt trong bộ sưu tập 26 hiện vật bằng vàng phát hiện ở Gò Xoài có một bản bằng 646 chữ Phạn cổ khắc trên một lá vàng mỏng ghi câu kinh Phật giáo. Nhiều hiện vật được khai quật tại đây có giá trị như các tượng thần Siva, thần giữ đền, tượng Vinu, các linh vật Linga, Yoni. Nhiều mảnh gốm mịn Óc Eo, mảnh kim loại, đá quí, sa thạch và hàng loại di chỉ khác về con người từ thời tiền sử xung quanh ngôi đền, trong khoảng bán kính 10 km đã được phát hiện.

Các kiến trúc được phát hiện tại cụm di tích Bình Tả là các đền thờ thần Siva, thuộc tôn giáo Bà La Môn, xuất hiện ở Ấn Độ vào thế kỷ thứ nhất trước công nguyên được truyền bá mạnh mẽ vào miền Nam Đông Dương từ đầu công nguyên.

Nằm trong tổng thể di chỉ khảo cổ ở Đồng Tháp Mười và vùng phù sa cổ Đức Hòa (Long An), di tích Óc Eo được xây dựng nhằm mục đích tôn giáo đồng thời cũng đóng vai trò là một trung tâm chính trị, văn hóa của nước Phù Nam - Chân Lạp thời cổ đại.

Chùa Linh Sơn (chùa Núi) : Chùa nằm trên khu di chỉ khảo cổ Rạch Núi. Chùa do Hòa thượng Minh Nghĩa khai sáng vào giữa thếkỷ 19. Chùa được trùng tu sửa chữa vào các năm 1926, 1970 và 1988. Kiến trúc ngôi chính điện hiện nay do Hòa thượng Thiên Lợi sửa chữa năm 1970. Trong chùa còn lưu giữ trên 100 bức tượng, trong đó có nhiều pho tượng cổ bằng gỗ quí như tượng cổ Tiêu Diện, cao 0,40 m. Ngoài ra trong khuôn viên chùa có tháp Hòa thượng Quảng Trí và Hòa thượng Thiện Lợi.

Nhà bảo tàng Long An : Ở ngay trung tâm thị xã Tân An, thuộc phường 4. Bảo tàng Long An trưng bày nhiều cổ vật quí hiếm có ý nghĩa văn hóa nghệ thuật, trong đó có nhiều hiện vật được khai quật từ các di chỉ văn hóa tại địa phương, rất thú vị cho khách đến tham quan nghiên cứu.

Ngôi nhà 120 cột : Thuộc xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, cách thị xã Tân An khoảng 50 km. Ngôi nhà làm bằng gỗ quí (cẩm lai, gõ đỏ), được xây dựng trên 100 năm với vẻ rêu phong cổ kính, với kiến trúc độc đáo, chạm khắc tinh vi trong trang trí nội thất từ những bàn tay khéo léo, điêu luyện của 15 người thợ tài hoa ở miền bắc vào. Hoa văn ở đầu kèo, đầu cột làm cho bạn có cảm giác như mình đang đứng giữa một khu rừng có hoa lá, cỏ cây, chim muông...

Bạn sẽ hết sức thú vị với những đường nét pha trộn sự tinh tế của điêu khắc mang đặc điểm của ba miền. Ngôi nhà đã thu hút nhiều nghệ nhân các vùng lân cận đến nghiên cứu về kỹ thuật xây dựng, cũng như nhiều khách du lịch đến đây để tham quan.

Đồn Rạch Cốc : Là đồn to nhất, nhì Việt Nam, xây dựng từ năm 1903. Chiều dài 300 m, chiều ngang 100 m; có 5 tầng (3 tầng chìm, hai tầng nổi); tường dày 60 - 100 cm làm cho các gian hầm lúc nào cũng mát lạnh. Đứng bên cạnh những khẩu pháo 105 mm trên nắp hầm, bạn có thể ngắm nhìn cảnh đẹp của vùng sông nước Gò Công, xa xa là vùng đất xanh thẳm giống như một hòn đảo nhỏ trang điểm cho

những dòng sông xa mờ...

Chùa Tôn Thạnh : Thuộc ấp Thanh Ba, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc. Đây là ngôi chùa cổ nhất của tỉnh Long An được xây dựng vào năm 1808. Chùa do Hòa thượng Viên Ngô khai sáng với tên là Lan Nhã. Trong chùa còn lưu giữ nhiều pho tượng cổ có giá trị nghệ thuật mang phong cách thế kỷ 19. Đặc biệt là pho tượng Bồ Tát Địa Tạng bằng đồng được đúc tại chùa. Trong khuôn viên chùa có tấm bia tưởng niệm nhà thờ Nguyễn Đình Chiểu dựng vào năm 1973 và tháp Hòa thượng Thiên Ngộ. Chùa Tôn Thạnh còn là nơi Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ lớn của Việt Nam đã sống và viết những áng văn bất hủ từ năm 1859 - 1861.

Chùa Kim Cang : Chùa tọa lạc ở ấp Bình Cang, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa. Chùa được dựng vào khoảng giữa thế kỷ 19 và được trùng tu nhiều lần. Chùa còn lưu giữ nhiều bản kinh Kim Cang khắc gỗ bằng chữ Hán. Hòa thượng Minh Lương - Chánh Tâm đệ tử của Hòa thượng Tiên Giác - Hải Tịnh ở chùa Giác Lâm Gia Định là vị Hòa thượng có công tu bổ trùng tu chùa. Chùa có tượng gỗ La Hán cao 0,49 m và vườn tháp.

Lăng Nguyễn Huỳnh Đức (xã Khánh Hậu, thị xã Tân An) : Cách thị xã Tân An 3,5 km về phía Tây Nam trên quốc lộ 1, lăng Nguyễn Huỳnh Đức là một quần thể kiến trúc cổ nhất Long An đầu thếkỷ 19 còn lại tương đối nguyên vẹn, do được nhân dân địa phương và dòng họ Nguyễn Huỳnh thường xuyên bảo quản. Lăng gồm có cổng ngoài, cổng trong, đền thờ, lăng mộ và nền nhà cũ của tiền quân Nguyễn Huỳnh Đức (1748 - 1819). Ngoài giá trị về kiến trúc, di tích còn thể hiện được nét đẹp của văn hóa truyền thống dân tộc, nơi đây còn lưu giữ những cổ vật độc đáo cách đây hơn 200 năm.

Các dịp lễ hội

Lễ Cầu Mưa : Những năm hạn hán nhân dân tại các vùng sản xuất nông nghiệp của Long An thường tổ chức cầu mưa, tế lễ trời đất, mong thần linh ban cho mưa xuống. Lễ cầu mưa có hai phần: phần lễ theo nghi thức truyền thống và phần hội là các cuộc đua ghe trên sông rạch, cũng có nơi làm lễ rước rồng. Sau khi đua ghe, dân chúng kéo về đình làng làm lễ cúng thần linh và tổ chức ăn mừng vui chơi.

Nam Định

Diện tích : 1669,36 km².

Dân số : 1.916.400 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Nam Định.

Các huyện : Vụ Bản, Mỹ Lộc, Ý Yên, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy, Nghĩa Hưng, Hải Hậu.

Dân tộc : Việt (Kinh), Tày, Hoa...

Nam Định là tỉnh ở phía Nam châu thổ sông Hồng, phía Bắc giáp tỉnh Thái Bình và Hà Nam, phía Tây và Tây Nam giáp Ninh Bình, phía Đông và Nam giáp biển Đông. Trung tâm kinh tế, chính trị văn hóa của tỉnh là thành phố Nam Định, cách Hà Nội 90 km.

Tỉnh Nam Định là tỉnh có bờ biển dài 72 km, nối tiếp với hai cửa biển và hai dòng sông lớn là sông Hồng và sông Đáy, vì vậy Nam Định có một tầm quan trọng về quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa và du lịch.

Địa hình của tỉnh chủ yếu là vùng đồng bằng chiêm trũng, vùng đồng bằng ven biển, bãi bồi cồn cát lượn sóng. Ngoài ra, còn có vùng đồi núi và nửa đồi núi. Tỉnh có 3 hệ thống sông lớn là sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ và nhiều sông nhỏ khác giúp cho giao thông đường thủy rất thuận lợi. Hệ thống đường bộ, đường sắt tương đối phát triển.

Đất đai có độ phì nhiêu cao thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp. Dọc bờ biển có tới 5 cửa sông, có rất nhiều bãi cá lớn, có 2 cảng lớn là cảng sông Nam Định và cảng biển Hải Thịnh.

Khí hậu nhiệt đới chia 2 mùa : mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Nhiệt độ trung bình khoảng 23°C.

Nam Định là tỉnh có tiềm năng về trồng cây lương thực, kinh tế biển, nuôi trồng và đánh bắt hải sản. Trên thềm lục địa bờ biển Nam Định còn có nhiều khả năng khai thác các nguồn tài nguyên quý giá khác.

Nam Định là một tỉnh giàu tiềm năng về du lịch. Những di tích lịch sử của tỉnh đồng thời là danh lam thắng cảnh. Đến Nam Định, du khách sẽ có dịp đến thăm khu di tích đời Trần, chùa Tháp Phổ Minh, chùa Cổ Lễ, Phủ Giày,...

Vùng biển của tỉnh có bãi tắm Thịnh Long, sân chim cồn Lu, cồn Ngạn, nơi quy tụ nhiều loại chim hiếm đã được các nhà sinh học nổi tiếng về đây nghiên cứu.

Sinh hoạt, kinh tế

Mật độ dân cư Nam Định cũng cao như Thái Bình, theo đạo Phật và Thiên Chúa. Các chùa chiền được dân chúng xây dựng khắp nơi trong tỉnh. Nam Định là tỉnh đầu tiên được truyền bá đạo Thiên Chúa. Hành Thiện là một làng văn học, trước đây của nhiều người đỗ đạt đến bậc Đại Khoa.

Ruộng lúa ở đây cũng nhiều như Thái Bình vì đất đai do phù sa bù đắp lên, với hai vụ chiêm mùa. Cây kỹ nghệ ở Nam Định không nhiều ngoài cây dâu nuôi tằm, cây bông sợi và cói trồng rải rác khắp tỉnh. Những loại cây ăn trái cũng trồng nhiều ở các vùng quê. Ở xuân Cường và Giao Thủy có loại cam rất ngon, ở Ngọc Cục trồng chuối ngự và bắp cải nổi tiếng. Các vùng gần sông biển thịnh hành nghề đánh cá. Vùng biển Quất Lâm, Vân Lý có nhiều loại cá tôm ngon. Ngoài ra dân chúng còn làm muối ở Quất Lâm, Lạc Quần, Vân Lý, Chợ Con , Xuân Hạ... Nam Định không có mỏ kim loại mà có mỏ đá vôi ở vài ngọn núi đồi trong tỉnh.

Kinh tế và thương mại chưa phát triển mạnh, còn thiên về nghề tiểu thủ công nghệ; sinh hoạt buôn bán tập trung vào thóc gạo, bông sợi, tơ lụa, ngư sản, muối, đồ khảm...

Lược sử

Đất Nam Định xưa thuộc bộ Giao Chỉ, một trong 15 bộ của nhà nước Văn Lang. Rồi đất này thuộc quận Giao Chỉ sau là một trong 8 huyện thuộc Giao Châu vào đời Đường. Đời Lý đặt Nam Định thuộc Châu Trường, thuộc lộ Thiên Trường đời nhà Trần, thuộc Sơn Nam đời nhà Lê, sau đổi thành Nam Đạo, rồi trấn Sơn Nam Hạ. Năm 1822, nhà Nguyễn đặt là trấn Nam Định. Đến năm 1831, tỉnh chính thức thành lập, sau khi một phần đất được cắt bớt để thành lập tỉnh Hải Hưng. Năm 1891, chín huyện của Nam Định bị tách ra để thành lập tỉnh Thái Bình và ba tổng sang tỉnh Nam Hà.

Làng Tức Mặt, huyện Lộc Mỹ là nơi sinh trưởng của các vua sáng lập triều Trần và các bậc anh hùng dân tộc thời đó; anh hùng Trần Thủ Độ (1194-1164), chức Thái Sư và Thống Quốc Hành Quân Chính Thảo Sự, giỏi chính trị và một số tướng

lập nhiều công trận. Anh hùng Trần Nhân Tông (1257-1308), vua thứ ba đời Trần, một nhà sư, một nhà lãnh đạo tuyệt vời, biết dùng người và nghe lời nói phải, lại vô cùng nhân đức thương yêu nhân dân; chính vì thế đã lèo lái quốc gia ra khỏi hai cuộc xâm lăng khủng khiếp của giặc Mông Cổ khiến cho nước nhà giữ được nền độc lập tự chủ trong thời gian dài.

Anh hùng Trần Quốc Tuấn (khoảng 1230 - 1300), tước Hưng Đạo Vương, là một đại danh tướng và là vị thánh của dân tộc. Luôn coi việc nước trọng hơn cả, trong 30 năm trường, ngài đã ba lần cầm quân đánh đuổi giặc Mông ra khỏi bờ cõi; lòng yêu nước sắt son của ngài làm rạng rỡ từng chữ trong "Hịch Tướng Sĩ", "Binh Thư Yếu Lược", "Vạn Kiếp Bí Truyền"; trải dài trên núi sông, những địa danh như Vạn Kiếp, Bạch Đằng Giang, Ải Nội Bàng, Hóa Giang... đã nhờ ngài trở thành lịch sử, là gương sáng cho đời sau.

Anh hùng Trần Quang Khải (1241 - 1294), con thứ ba của vua Trần Thái Tông, là người thông minh học rộng, văn võ toàn tài; đánh thắng quân Mông Cổ nhiều trận, đặc biệt là trận bến Chương Dương. Anh hùng Trần Nhật Duật (1255 - 1330), con thứ sáu của vua Trần Thái Tông, tước Chiêu Văn Vương, là người thông minh giỏi việc quân cơ, đã tham gia nhiều trận đáng đuổi quân Mông Cổ như Hàm Tử Quan, Tây Kết và trở thành nhà chính trị am hiểu tình hình lẫn ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số miền sơn cước.

Anh hùng Trần Quốc Toản, tước Hoài Văn Hầu, từ nhỏ lộ tính anh hùng, không được tham giự bàn việc nước ở Bình Than, lòng xấu hổ mà bóp nát quả cam lúc nào không biết, sau là dũng tướng đánh quân Mông Cổ tan tác ở các trận bến Hàm Từ, bến Chương Dương. Anh hùng Trần Anh Tông (1239 - 1320) vua thứ đời Trần, con vua Trần Nhân Tông; là vị vua trị nước tài giỏi, thi hành phép tắc nghiêm trang, thưởng phạt phân minh, làm văn học mở mang, và thường thân chinh đi đánh dẹp An Lạc, Chiêm Thành.

Đời Hậu Trần, Giản Định Đế đánh tan quân Minh do tên Mộc Thanh chỉ huy ở Bô Cô (xã Hiếu Cổ huyện, Phong Doanh) và thành cổ Lộng (làng Bình Cách, huyện Ý Yên).

Thời quân Pháp, giặc đánh Nam Định 1873, dân quân lập đồn đắp lũy chống cự

quyết liệt quân của Francia Gamier tấn công dọc sông Vị Hoàng, bắn phá các công sự của nghĩa quân. Chúng chiếm Nam Định vào 12-12-1873, nhưng sau vài cuộc điều đình chúng lại rút lui. Mười năm sau, quân của Henri Riviere lại đánh Nam Định ngày 27-3-1883. Có người trong vùng là Nguyễn Bôn tụ tập dân chúng đến phụ lực tướng Võ Trọng Bình và đề Đốc Lê Văn Điền chỉ huy quân sĩ chống trả kịch liệt, giết chết tên trung tá Carreau. Nhưng thành mất vì hỏa lực địch quá mạnh. Nguyễn Bôn và Đề Đốc Lê Văn Điềm hy sinh vì nước.

Trước năm 1975 Nam Định có các huyện Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Hải Hậu, Mỹ Lộc, Nam Trực, Phong Doanh, Trực Ninh, Vụ Bản, Ý Yên và Lạc Quần.

Phong cảnh, di tích

Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Giao Thủy : Bạn muốn thực hiện một tour du lịch sinh thái ngập nước, xin mời về huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, cách Hà Nội khoảng 130 km. Đó là khu mặt nước bãi bồi Cồn Lu - Cồn Ngạn, nơi cửa sông Hồng đổ ra biển, là sản phẩm của quá trình bồi tụ phù sa hàng năm, thiết lập nên một hệ sinh thái bền vững. Việt Nam đã chọn Cồn Lu - Cồn Ngạn đăng ký vào danh sách các vùng bảo vệ quốc tế và trở thành nước đầu tiên ở Đông Nam Á gia nhập công ước Ramsar. Bãi bồi Cồn Lu - Cồn Ngạn với diện tích 10.000 ha vùng đệm và 7100 ha vùng bảo vệ nghiêm ngặt.

Ngồi trên thuyền len lỏi giữa rừng cây ngập nước, bạn sẽ nhìn thấy vô số loài chim nước quí hiếm. Trong khoảng từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau nơi đây trở thành một nhà "ga" hội tụ của hàng chục ngàn con chim từ phương Bắc bay về.

Làng hoa Vị Khê : Đây là một làng vườn hoa chuyên trồng hoa và cây cảnh ở xã Nam Điền, huyện Nam Trực, cách thành phố Nam Định khoảng 4 km. Làng hoa này đã có từ thời Lý rất nổi tiếng về nghệ thuật uốn, tỉa cây thế và trồng cây cảnh. Vị Khê không những cung cấp hoa cho thành phố Nam Định và các vùng lân cận mà hoa Vị Khê còn xuất hiện ở nhiều địa phương ở miền Bắc và ở các tỉnh phía Nam.

Nghề chạm gỗ La Xuyên : Làng La Xuyên ở cách Hà Nội 70 km thuộc xã Yên Ninh, huyện Ý Yên , nổi tiếng về chạm gỗ có từ lâu đời. Các hoành phi, câu đối,

sập gụ, tủ chè được trang trí rồng bay, phượng múa, lân chầu rất đẹp và tinh xảo. Chỉ trên một lá lèo, người ta có thể thấy lễ cưới xin, ăn hỏi hay những trò chơi trẻ con rất ngộ nghĩnh được chạm tỉ mỉ, chau chuốt. Đây là một làng nghề chạm trổ cổ truyền. Các sản phẩm chạm gỗ của La Xuyên được khách trong nước và ngoài nước rất ưa chuộng.

Bãi biển Thịnh Long : Từ thành phố Nam Định theo đường 21 đến thị trấn Hải Thịnh thuộc huyện Hải Hậu là đến bãi tắm Thịnh Long .

Thịnh Long là một bãi tắm mới đưa vào khai thác sử dụng vài năm nay. Bãi cát Thịnh Long có cát mịn, thoải dài hàng cây số. Nước biển có độ mặn cao, sóng lớn rất hấp dẫn du khách trong mùa hè oi bức. Du khách đến biển Thịnh Long là đến với vẻ đẹp nguyên sơ, nước sạch chưa hề ô nhiễm. Những hàng phi lao trên bờ biển xa ngút tầm mắt tô điểm cho biển Thịnh Long một vẻ đẹp thuần khiết. Các loại đặc sản biển ở đây nhiều và rẻ. Bãi tắm Thịnh Long hiện nay đang đông dần. Trong tương lai, lượng khách đến Thịnh Long không thua kém gì các bãi tắm khác.

Đền Đức Trần Hưng Đạo : Ở thôn Thượng Lỗi, làng Bảo Lộc, huyện Mỹ Lộc. Hàng năm vào thượng tuần tháng tám âm lịch, dân chúng đến cúng lễ rất đông.

Đền anh hùng Triệu Quang Phục : Thuộc làng Đại Bộ, huyện Nghĩa Hưng, chỗ sông Đại Nha (một khúc của sông Đáy) là nơi anh hùng Triệu Quang Phục nhảy xuống tự tận. Trước đền có hai cánh cửa chạm hình lọng rất đẹp.

Đền thờ Trung Tấn Vương : Ông người xã An Tiêm, huyện Thượng Nguyên, có công giúp vua Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn hai trong 12 xứ quân.

Đền thờ Lương Quận Công : Ông họ Bùi, nguyên quán xã Thượng Phúc, Hà Nội, đỗ tiến sĩ cuối đời Trần. Sau phò trợ Bình Định Vương Lê Lợi đánh giặc Minh.

Côi Sơn : Là núi Côi, thuộc huyện Vân Côi, theo dân chúng địa phương tì chung quanh nơi này, núi đều chạy dài, chỉ có núi Côi là đứng một mình nên gọi là núi Côi, ở trên có chùa. Cách núi Côi ba cây số có núi Hổ, đây là nơi Huyền Trân Công Chúa, xuất gia đầu Phật, sau khi chồng là vua Chiêm Chế Mân qua đời.

Di tích thắng cảnh tháp Vạn Phong Thánh Thiện : Trên núi Ngô Xá còn nền cũ của tháp Vạn Phong Thánh Thiện, nền đá chạm rất đẹp, cạnh dài 19 m. Tháp cao 50 m có 13 tầng, xây từ đời Lý Nhân Tông (1108).

Huyện Ý Yên, làng Chuế Cầu : Quê của Kiến Quốc phu nhân, vợ của đại tướng Đinh Tuấn, theo đoàn quân của Giản Định để đánh giặc Minh, và là người có công đầu trong trận phá thành Cổ Lộng của giặc trên bờ sông Đáy (bấy giờ là sông Ninh Giang); sau bà theo kháng chiến của Bình Định Vương Lê Lợi và lập nhiều công lớn. Nay còn vết tích hai thành Cổ Lộng và Bô Cô ở hai làng Bình Chánh và huyện Thọ Cách.

Huyện Lộc Mỹ, làng Tức Mặc : Quê vua Trần Thánh Tông, một ông vua nhân từ và có tài cai trị đất nước; ông còn là một thiền sư có tiếng. Theo "Thánh Đăng Thực Lực", vua Trần Thánh Tông đã trứ tác phẩm những sáchVăn Tập, Thiền Tông Liễu Ngộ Ca, Chi Giá Minh, Phông Ngưu; Đại Minh Lục và một số thơ về đạo Phật. Con ông là anh hùng Trần Nhân Tông vừa là một vị vua trị nước tài ba, vừa là một văn nhân , vừa là một thiền sư nổi tiếng; ông là tác giả của các sách Tăng Cà Toái Sự, Thạch Thất Mị Ngữ, Thiên Lâm Thiết Chủy Ngứ Lục. Anh hùng Trần Quang Khải, danh tướng đời Trần cũng là một nhà thơ, tác giả tập Lạc Đạo. Anh hùng Trần Quốc Toản (con thứ của anh hùng Trần Hưng Đao) danh sĩ đời Trần, sau khi đất nước Thái Bình, ông ra giúp nước một thời gian rồi xuất gia đầu Phật, lấy hiệu là Tuệ Trung Thượng Sĩ; những vần thơ của ông ảnh hưởng nhiều đến tinh thần Phật Pháp và đều Pháp Loa Đại Sư chép trong Trần Triều Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục.

Cũng trong huyện Mỹ Lộc, làng Vị Xuyên : Quê Trần Bích San, danh sĩ và công thần đời Nguyễn, tác giả tập thơ Mai Nham Thi Thảo; năm 1877, ông tự tử chết mà không muốn Phó Thúy Sư Đô Đốc của Pháp là Dupré làm nhục thể quốc. Quê hương Trần Tế Xương (Tú Xương), danh sĩ đời Thành Thái; nổi tiếng với những bài thơ mỉa mai tính xấu của người đời. Quê Trần Bích Phiên, văn chương lỗi lạc nhưng trước nạn nước điêu linh ông không đi thi và đi theo phong trào Cần Vương đánh nhiều trận oanh liệt với quân Pháp. Cũng là quê của danh sĩ Phạm Ứng Thuần, tính thông minh, rất ngay thẳng, không chịu hợp tác với quân Pháp; ông sở trường về thơ ca quốc dân, vì thường làm thơ chống Pháp và đám tay sai nên ông chỉ được truyền miệng.

Huyện Vụ Bảng, xã Cao Hưng : Quê Lương Thế Vinh, nổi tiếng thần đồng, đỗ

trạng nguyên và là danh thần dưới đời vua Lê Thánh Tông, ông rất giỏi ngoại giao, hành chính, toán học và văn thơ; ông là tác giả của Khái Minh Toán Học, Thích Điển Giáo Khoa, Phật Kinh Thập Giới, Đại Thành Toán Pháp; tính thẳng thắn, giản dị; khi về trí sĩ thường mặc áo vải, ăn cơm rau sống gần gũi với người nghèo khổ... Làng Lộng Điền : quê Vũ Huy Trác danh sĩ đời vua Lê Hiển Tông, làm quan rất thanh liêm và chính trực.

Huyện Nghĩa Hưng, Làng Tam Đăng : Danh thần Phạm Văn Nghị, đỗ Hoàng Giáp Khoa Mậu Tuất (1838); tính khẳng khái, yêu nước, từng dùng kế "mở mang nông nghiệp" để lấy đất lập doanh trại, ngầm triệu tập quân dân chống quân Pháp; học trò ông rất nhiều người thành danh, trong số này có Tam Nguyên Nguyễn Khuyến và Tam Nguyên Trần Bích San; người con thứ năm của ông là Phạm Đăng Phổ, đỗ cử nhân, giỏi thơ phú nhưng nhất quyết không ra làm quan. Làng La Ngạn, quê Đỗ Huy Uyển, làm quan Biện Lý Bộ Hình thời Thiệu Trị; văn chương lỗi lạc, tác giả nhiều bài thơ và sách nổi tiếng như Khải Đồng Thuyết Ước, Tự Học Cầu Tinh. Con ông là Đỗ Huy Liệu, đỗ Hoàng Giáp khoa Kỷ Mão (1879), văn tài lại có khí tiết; là thầy dạy học Tôn Thất Đạm, Tôn Thất Nghiệp (con Tôn Thất Thuyết); từng theo vua Hàm Nghi lên khu Tân Sở chống Pháp.

Huyện Ý Yên (huyện Bo), **làng Đỗ Hoàng** : Là quê danh sĩ Hoàng Hồ đời Nguyễn; tuy tuổi còn nhỏ nhưng đã đỗ tú tài và thường đi tuyên truyền, kêu gọi trường kỳ chống Pháp. Con ông là nhà cách mạng Hoàng Phạm Trân (bút hiệu Nhượng Tống).

Huyện Nam Trực, làng Giao Cù : Quê Vũ Hữu Lợi, đỗ tiến sĩ khoa Ất Hợi (1875) đời Tự Đức; tuy là bậc đại khoa nhưng không màng lợi quan trường, ở nhà dạy học và sau tham gia phong trào Cần Vương, rồi bị tay sai quân Pháp bắt và bị bêu đầu ở bến Vị Hoàng.

Huyện Xuân Trường, làng Hành Thiện : Phạm Tư Trực đỗ thủ khoa, danh sĩ đời Nguyễn.

Tỉnh Nam Định : Nhà cách mạng Đặng Tử Mẫn cánh tay đắc lực của cụ Phan Bội Châu trong Việt Nam Quang Phục Hội, hoạt động cách mạng từ phong trào Đông Du bên Nhật, chế bom đạn tại Hương Cảng và từng bị giam vì vận động quân giới,

đến việc xâm nhập Xiêm, Lào tìm đường chuyển vũ khí về nước.

Chùa Phổ Minh : Chùa Phổ Minh ở thôn Tức Mặc, xã Lộc Vượng ngoại thành Nam Định, cách thành phố Nam Định độ chừng 3 km về phía Tây Bắc.

Ngôi chùa nguyên được xây dựng từ thời Lý đã có vương triều Trần mở rộng vào năm 1262. Đây là môt ngôi chùa có qui mô to lớn. Trong chùa có nhà Thủy Tạ, có hồ sen, có nhiều cây cổ thụ sum suê. Trước cửa chùa có đỉnh đồng nặng trên 7 tấn. Qua nhiều lần tu sửa đến nay quy mô của chùa bị thu hẹp nhiều so với trước. Tuy vậy kiến trúc đời Trần ở đây còn lại khá nhiều : 96 chân tảng đá chạm hoa sen, nhiều đôi sóc đá, hai đôi rồng chạm đá trước bái đường. Đặc biệt còn có cây tháp được xây dựng trước cửa bái đường vào năm 1305. Đây là loại tháp hình sen có 13 tầng cao 21 m. Bệ và tầng một xây bằng các phiến đá xanh trang trí tinh vi, các tầng trên xây bằng gạch, trên cùng là bút tháp bằng đá. Tháp có hình chóp, đáy vuông, mỗi cạnh dài 5,2 m. Các tầng tháp đều có máy cong ở 4 phía. Trọng lượng tháp nặng khoảng 700 tấn trên một tiết diện nhỏ 30 m² lại ở vùng chiêm trũng nhưng vẫn đứng vững suốt 7 thế kỷ qua. Trước đây chùa có khoảng trên 100 pho tượng nay chỉ còn 50 pho, trong đó có nhiều pho mang tính nghệ thuật cao.

Chùa Cổ Lễ : Chùa Cổ Lễ thuộc thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh. Từ thành phố Nam Định, qua cầu treo trên sông Đào, đi theo đường 21 khoảng 15 km là đến thị trấn Cổ Lễ, qua một cây cầu nhỏ rẽ phải 200 m là đến chùa. Chùa Cổ Lễ vốn có rất lâu đời. Tương truyền do thiền sư Nguyễn Minh Không thời Lý sáng lập. Ngôi chùa hiện nay do hòa thượng Phạm Quan Tuyên xây dựng vào tháng 11 năm 1920. Trước chùa có tháp Cửu Phẩm Liên Hoa 12 tầng được xây dựng vào năm 1926 - 1927. Tầng đế tháp có 8 mặt, đặt trên lưng một con rùa lớn hướng vào chùa. Trong lòng tháp có một trụ rất lớn, có 60 bậc thang từ đế tháp đến đỉnh tháp theo đường xoáy trôn ốc. Từ đỉnh du khách có thể ngắm nhìn phong cảnh quanh vùng. Qua một cầu cong là tới khu Phật "Phật giáo hội quán" xây dựng năm 1936. Từ khu này qua hai cầu giữa núi là tới chùa chính. Giữa sân chùa có chuông lớn nặng 9 tấn, cao 3,2 m được đúc vào năm 1936. Tòa thượng điện có Phật Thích Ca cao 4 m, rộng 3,5 m, bằng gỗ sơn son thiếp vàng. Nhà Tổ có pho tượng Phạm Quang Tuyên.

Chùa Cổ Lễ là một thắng cảnh đẹp của tỉnh Nam Định, ngoài thờ phật, chùa còn thờ thiền sư Nguyễn Minh Không. Nơi đây còn có nhiều di tích văn hóa quí hiếm như đại hồng chung, một trống đồng thời Lý và một túi đựng đồng. Chùa là di tích văn hóa.

Khu Di Tích Phủ Giày : Khu di tích này thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, nơi thờ bà chúa Liễu Hạnh, một trong Tứ Bất Tử của Việt Nam (Thanh Tản Viên, Thánh Gióng, Chử Đồng Tử, bà chúa Liễu Hạnh). Phủ Giầy là một quần thể di tích gồm 4 khu vực lớn : đền Thượng, phù Tiên Hương (phủ chính), phủ Vân Cát và lăng bà chúa Liễu.

Đền Thượng : Nằm trên đỉnh núi Tiên Phong (còn gọi là đền Mẫu Thượng Ngàn). Ở phía Nam đền Thượng có ngôi chùa cổ, có cây hương đá (khắc bài kinh cúng Phật) từ đầu thế kỷ 18 và cây tháp 14 tầng, kiến trúc thời Nguyễn gần núi Tiên Hương có đền thờ Thiền Sư Không Lộ.

Phủ Tiên Hương : Đây là một công trình đẹp được xây dựng từ thời Lê Cảnh Trị (1663 - 1671) và đã qua nhiều lần trùng tu. Phủ Tiên Hương có 19 tòa với 81 gian lớn nhỏ, mặt phủ quay về phía Tây Nam nhìn về dãy núi Tiên Hương. Trước phủ có hồ và một sân rộng, có 3 tòa nhà dàn hàng ngang hai tầng, tách mái đó là phượng du nơi đón khách tới hành hương. Một hồ bán nguyệt có lan can thấp bao quanh, có bình phong và hai cầu vượt đều bằng đá có chạm khắc hình con rồng với móng vuốt sinh động tinh xảo. Phủ có 4 lớp thờ (4 cung) : đệ nhất , đệ nhị , đệ tam, đệ tứ. Các cung đều được tập trung các nghệ thuật chạm khắc tinh vi, thể hiện đủ các mảng đề tài : rồng, phượng, hổ... Chính cung (cung đệ nhất) có một khám thờ khảm trai, bề thế và tinh xảo. Đây chính là nơi đặt 5 pho tượng có giá trị mỹ thuật cao của thế kỷ 19.

Phủ Vân Cát : Được xây dựng trên khu đất rộng gần 1 ha, mặt quay về hướng tây bắc. Phủ Vân Cát hiện nay còn có 7 tòa với 30 gian lớn nhỏ. Phía trước có hệ thống cửa ngọ môn với 5 gác lầu; phía ngọ môn có hồ bán nguyệt, giữa hồ là nhà thủy lâu, 3 gian, mái cong. Phủ Vân Cát cũng có 4 cung như phủ Tiên Hương. Trung tâm là nơi thờ chúa Liễu, bên trái là chùa thờ Phật, bên phải là đền thờ Lý Nam Đế.

Lăng Bà Chúa Liễu : Được xây dựng vào năm 1938. Lăng được xây dựng bằng đá xanh, chạm trổ đẹp, với diện tích 625 m², gồm có cửa vào lăng theo hướng đông tây, nam bắc. Các cửa đều có trụ cổng trên đặt bông sen. Giữa lăng là ngôi mộ hình bát giác, mỗi cạnh chừng 1 m. Toàn lăng có 60 búp sen hồng trông xa như một hồ sen cạn.

Di tích Phủ Giày có giá trị rất cao về trình độ kiến trúc nghệ thuật cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20. Đến với Phủ Giày vừa để thưởng ngoạn cảnh đẹp, vừa mong Mẫu ban cho điều lành và sự may mắn.

Di tích cung điện thời Trần ở làng Tức Mặc : Làng Tức Mặc ở phía Bắc ngoại thành Nam Định, cách trung tâm thành phố 3 km. Đây là quê hương của nhà Trần, nơi sinh ra Trần Hưng Đạo, vị anh hùng dân tộc. Khu di tích rộng tới hàng chục hecta, từ đền Thiên Trường, Cổ Trạch thờ các vua Trần và Trần Hưng Đạo đến chùa Tháp Phổ Minh. Sử cũ cho biết, vào năm 1239, nhà vua cho xây hành cung ở làng quê mình để lúc thư nhàn về thăm. Đến năm 1262, Thượng Hoàng đến chơi hành cung ở Tức Mặc, ban yến tiệc cho dân và thăng làng Tức Mặc lên là phủ Thiên Trường, dựng tiếp cung Trần Quang để cho các vua đã nhường ngôi (Thái Thượng Hoàng) về ở. Phía Tây cung đình là chùa Phổ Minh, lại dựng một cung riêng cho các vua đương triều mỗi khi về thăm Thái Thượng Hoàng thì về nghỉ tại đó.

700 năm đã trôi qua, khu cung điện không còn nữa, nay có đền Thiên Trường để thờ 14 vị vua Trần, đền Cổ Trạch thờ Trần Hưng Đạo, và chùa Phổ Minh với cây tháp Phổ Minh nổi tiếng.

Đình Hương Lộc : Đình ở xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, được dựng từ lâu đời. Đến năm Thành Thái thứ 4 (1893) được trùng tu và gần như làm lại vào năm Bảo Đại thứ 4 (1930). Đình thờ Phạm Cự Lượng, danh tướng thời Tiền Lê đã công đánh quân xâm lược Tống. Nét đặc sắc nhất của ngôi đình là tòa hậu cung với 3 gian dọc, ba vì kết cấu lối chồng rường với những hình chạm trổ như đàn rồng, chim, mây, những cô gái cưỡi rồng dang tay múa, trong đó nổi bật lên hình ảnh đôi trai gái tình tự giữa đám bạn bè. Đây là ngôi đình cổ của tỉnh Nam Định.

Đền Bảo Lộc : Làng Bảo Lộc thuộc xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc là quê hương của

Trần Hưng Đạo, vị anh hùng kiệt xuất của dân tộc. Để tưởng nhớ công ơn to lớn của ông, nhân dân đã lập đền thờ tại nơi ông đã được sinh ra và gọi là đền Bảo Lộc. Đền được xây dựng vào năm 1928, kiến trúc theo kiểu chữ đinh, đằng trước có dãy non bộ, tiền đường rộng 7 gian, trung đường 5 gian, hậu đường 3 gian. Đền giữa thờ Quốc Công Tiết Chế Trần Hưng Đạo. Bên trái là chùa thờ Phật, bên phải là phủ thờ Mẫu, phía sau là đền Khải Thánh thờ thân phụ Hưng Đạo Vương.

Đền Bảo Lộc cùng một số di tích khác tạo thành một quần thể kiến trúc lịch sử di tích nhà Trần, là một điểm du lịch hấp dẫn khách trong và ngoài nước.

Các dịp lễ hội

Nam Định là tỉnh có bề dày lịch sử và văn hóa, nơi phát tích của vương triều Trần, một triều đại hưng thịnh vào bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam với các di tích : đền Trần, chùa Tháp, chùa Cổ Lễ, chùa Keo Hành Thiện, phủ Giày... Nam Định còn là quê hương của các bậc võ tướng anh hùng, đồng thời cũng là quê hương của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Trần Tế Xương (Tú Xương), Nguyễn Bính...

Nằm trong vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Nam Định có nền văn hóa dân gian phong phú. Nền văn hóa này bắt nguồn từ đời sống của nhân dân và được phát triển với nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa đa dạng với các loại hình nghệ thuật như hát chèo, hát văn, rối nước, hát xẩm... Với những hội làng truyền thống: vật võ, bơi trải, rước kiệu...

Lễ hội Phủ Giày : Phủ Giày là nơi thờ bà chúa Liễu Hạnh, thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, cách thành phố Nam Định 15 km. Hội Phủ Giày mở hàng năm từ mồng 1 đến mồng 10 tháng 3 âm lịch, chính hội là mồng 3 tháng 3. Trong nhân gian bà Chúa Liễu Hạnh được suy tôn là Thánh Mẫu, là "tứ bất tử " của điện thần Việt Nam. Nghi lễ rước Thánh Mẫu và hội kéo chữ là những nét tiêu biểu của hội. Trong hội còn có nhiều trò vui như hát chèo, hát trống quân, hát xẩm, hát văn, múa hầu bóng... và các hình thức thi đấu như đấu vật, kéo co, chọi gà, đánh cờ... Hội Phủ Giày còn là ngày hội chợ. Dân trong vùng bày bán nhiều loại sản phẩm của địa phương như giường tủ, đồ khảm, hoành phi, câu đối... Đặc biệt ở đây còn có món đặc sản thịt bò thui chấm tương gừng và các cây cảnh được trồng, tỉa cầu

kỳ, đẹp mắt.

Hội đền Bảo Lộc : Đền Bảo Lộc thuộc huyện Mỹ Lộc, thờ Trần Hưng Đạo. Đây là quê hương của ông. Lễ hội mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch hàng năm (ngày ông mất). Lễ hội có tế lễ và nhiều trò vui dân gian.

Hội Keo Hành Thiện : Chùa Keo Hành Thiện thuộc huyện Giao Thủy, thờ Phật và Thiền Sư Không Lộ. Hội mở từ ngày 12 đến 15 tháng 9 âm lịch kỷ niệm Thiền Sư Không Lộ là người có tài chế ngự sông nước, chinh phục đầm lầy, đánh cá, trừ hải quái. Nét độc đáo của lễ hội là bơi thuyền và múa ếch.

Hội chùa Cổ Lễ : Chùa Cổ Lễ thuộc thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, thờ Phật và Thiền Sư Khổng Minh Không. Hội mở từ ngày 15 đến 20 tháng 9 âm lịch hàng năm. Hội có tổ chức lễ giảng kinh và đua trải.

Nghệ An

Diện tích : 16.371 km².

Dân số : 2.913.600 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Vinh.

Thị xã : Thị xã Cửa Lò.

Các huyện : Diễn Châu, Huỳnh Lưu, Yên Thành, Đô Lương, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Thanh Chương, Tân Kỳ, Anh Sơn, Con Cuông, Nghĩa Đàn, Quì Hợp, Quì Châu, Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn.

Dân tộc : Việt (Kinh), Khơ Mú, Ơ Đu, Thổ, Sán Dìu, H' Mông...

Nghệ An là một tỉnh lớn ở phía Bắc Trung bộ, phía Bắc giáp Thanh Hóa, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp Lào, phía Nam giáp Hà Tĩnh. Địa hình của tỉnh Nghệ An bao gồm núi, đồi và thung lũng, độ dốc thoải dần từ tây bắc xuống đông nam. Hệ thống sông ngòi dày đặc, quốc lộ 1 và tuyến đường sắt Bắc - Nam đoạn chạy qua tỉnh dài hơn 94 km. Bờ biển dài 82 km, có Cửa Lò là cảnh biển quan trọng của miền Trung. Tỉnh có sân bay Vinh, có đường biên giới với Lào dài 419 km. Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không đều thuận lợi.

Địa thế Nghệ An nhìn ra biển Đông và lưng tựa Trường Sơn khắp tỉnh là rừng núi, sông ngòi ít đồng bằng. Từ sông cả kéo tới Keo Nứa (thuộc Hà Tĩnh), dọc theo phía Tây, toàn sa điệp thạch phủ lên những lớp đá vôi, thỉnh thoảng trồi lên những khối hoa cương. Ở đây có ngọn Phu saileng cao nhất tỉnh 2711 m . Những núi đáng kể khác là Phou Hautt 2452 m, Bu cat xa 1095m, Phou co 769 m, Bù Đen 751 m, Phou Han 1322 m, Phouei Tang 1398 m, Phu loong 1295m, Phu can 949 m, và Phu lon 1570 m; những núi thấp như : núi Mông Gà cao 398 m, Rú Đại Can 528 m, Rú Đại Vạc 431 m , núi Quyết, núi Gươm, Phu Vang 489 m, núi Rong, núi Cuông (núi Mộ Dạ)...

Sông cả là sông chính của tỉnh, đoạn dưới gọi là sông Lam, vòng qua huyện Cửa Rào rồi xuống tây nam ra cửa Hội, dài hơn 300 km. Những sông khác là sông Con, sông Nam Tiếp, sông Khé Thơ, sông Giang, sông Trai, sông Kênh Gai, sông cương, sông Hoàng Mai, sông Cửa Rô, sông Hiếu... Sông ở đây thường nhỏ nhưng

hạ lưu rộng. Các cửa biển quan trọng là cửa Hội và cửa Lò. Những đảo nhỏ nằm ngoài biển là hàn Niêu (hòn Ngư), hòn Mát, hòn Tuần...

Nghệ An là tỉnh nằm trong vùng chuyển tiếp khí hậu nên khí hậu vừa mang tính đông lạnh của miền Bắc, vừa mang tính nắng nóng của miền Nam. Nhiệt độ trung bình năm từ 23 - 24°C. Mùa mưa bắt đầu tháng chín đến tháng tư, tháng năm còn nước lụt. Thường hay lụt bất ngờ vì núi dốc, nhưng nước rút cũng nhanh. Bão hay đến vào tháng tám, chín, mười. Mùa xuân ấm áp hai tháng đầu, từ tháng ba có gió Đông Nam ở vùng đồng bằng. Đầu tháng năm cũng hay bị lụt. Các tháng sáu, bảy có gió tây nóng khô.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào sinh sống tại đây có hơn 15 sắc tộc, ngoài người Kinh là đa số, các dân tộc khác là Mường, Thái, Mèo, Plong, Hát... Dân chúng theo đạo Phật, Thiên Chúa, thờ phụng Thần Linh, Tổ Tiên.

Tuy đồng bằng ít nhưng người dân vẫn trồng lúa gạo để sống qua ngày, một số nơi tập trung làm ruộng như Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Yên Thanh, Hưng Nguyên. Các hoa màu phụ là lạc (đậu phọng), khoai lang, khoai mì, ngô... được trồng nhiều ở huyện Anh Sơn, Diễn Chân. Dân chúng còn trồng các loại cây kỹ nghệ và cây ăn trái như: cà phê, cao su, tra, mía, cam, dứa, chuối... ở Nghĩa Hưng (Phủ Quý), Thanh Chương. Diện tích đồng cỏ ở Nghệ An khá nhiều, thích hợp cho việc chăn nuôi. Rừng núi Nghệ An có các loại cây tre, nứa, mây, song, lim, gụ, quế Quỳ Châu và một số cây làm thuốc bắc. Khoáng sản có mỏ sắt, thiết, than đá, đất sét, đá vôi. Dọc sông ngòi, bờ biển, dân chúng theo nghề đánh cá biển và làm ruộng muối, mắm tôm.

Lược sử

Đất Nghệ An xưa là bộ Hoài Hoan, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Thời bắc thuộc, dưới Đường Cao Tông đổi tên nước ta là An Nam Đô Hộ Phủ, đất này thành Châu Hoan, Châu Diễn, gồm 11 huyện. Đời vua Trần Duệ Tông (1372-1377), đổi Châu Hoan thành Nghệ An. Đời Vua Trần Thuận Tông, Hồ Quý Ly đổi lộ Nghệ An thành trấn Lâm An. Sang đến nhà Lê, đây là đạo Tây Hải, rồi gọi là Nghệ An thừa tuyên. Thời Tây Sơn đặt là Trung Đô, sau thành trấn Nghệ An. Đời

nhà Nguyễn đất này là trấn Nghệ An. Năm Minh Mạng thứ 12, vua đổi trấn thành tỉnh Nghệ An. Hà Tĩnh cũng là tỉnh sau trở thành một đạo của Nghệ An.

Năm 722, anh hùng Mai Thúc Loan khởi nghĩa ở Đạn Sơn, dân chúng theo rất đông, đánh bại quân xâm lượt nhà Đường, chiếm một vùng ở Hoan Châu (huyện Nam Đàn), xây thành đắp lũy để đánh trường kỳ. Bên bờ sông Lam là nơi ác chiến cuối cùng, ghi lại sự hy sinh vì nước của người anh hùng này. Từ năm 1409 các anh hùng Trần Quý Khóach, Đặng Dung, Nguyễn Biểu, Nguyễn Cảnh Dị nổi lên đánh quân Trương Phụ nhà Minh nhiều trận ở Nghệ An. Thời Minh thuộc, giặc tưởng Nghệ An là bức tường bất khả xâm phạm. Năm Giáp Thìn (1424) Bình Định Vương Lê Lợi đem quân mai phục ở núi Bồ Liệp, phủ Quý Châu giết, tướng giặc Trần Trung và hơn hai ngàn lính, rồi chiếm thành Trà Long (huyện Tương Dương) không tốn một mũi tên.

Đầu năm Ất Tý (1425), Vương tiến hành đánh Nghệ An, dân chúng huyện Thang Chương được giải phóng, đem lương thực tiếp tế vận và theo khởi nghĩa rất đông. Ngày 29-11-1788, anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ từ phủ Xuân tiến quân ra bắc, dừng chân ở Nghệ An mộ thêm quân. Thời đó các đám sĩ phu khoa bảng bạc nhược tỏ vẻ ái ngại về việc mộ quân này. Dân Nghệ An của Bắc Hà chỉ phò mái triều Lê nhưng họ lầm, đồng bào Nghệ An chỉ phò một Tổ Quốc Việt Nam và không nhìn vua Quang Trung như "vua của Tây Sơn" mà ngưỡng mộ anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ như một đấng minh quân vì dân vì nước. Dân như được sống lại. Chỉ trong vòng nửa tháng, 10 vạn quân Nghệ An cùng hàng vạn người từ các vùng khác đã theo chân anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ tiến binh như thác lũ ra miền bắc, đánh tan tành hơn 30 vạn quân Thanh.

Khi Pháp xâm lăng nước ta, tháng 3 năm 1874, hai anh hùng Trần Tấn và Đặng Như Mai, quê ở Nghệ An, tụ tập các Văn Thân trong vùng truyền hịch khởi nghĩa, rồi cùng 3000 nghĩa quân đánh huyện Diễn Châu. Năm 1883, dân quân theo Ông Đinh Vân Chất chiếm huyện Nghĩa Hưng. Sau giặc Pháp bắt ông, chặt đầu và đốt hủy xác. Năm 1855, khi kinh thành Huế thất thủ, hai ông Nguyễn Xuân Ôn và Lê Doãn Nhạ đã lãnh đạo phong trào kháng Pháp tại Nghệ An.

Ngày 18-12-1855 , quân ta vây kín giặc ở xã Đoài chúng phải dùng tới viện binh

mới giải thoát được ít tên. Từ năm 1889, anh hùng Phan Đình Phùng tung quân lập căn cứ trong các khu rừng núi quanh các vùng Anh Sơn, Diễn Châu, Quỳ Châu và tiến đánh các đồn bót của giặc khắp vùng Nghệ An. Huyện Nam Đàn là nơi sinh trưởng của anh hùng Phan Bội Châu. Năm 1903, Ông viết "Lưu Cấu Huyết Lệ Tân Thư" chấn động cả nước kêu gọi các quan và sĩ phu đứng chống quân Pháp và cổ võ cho quan điểm "duy tân tự cường", phát động phong trào Đông Du. Năm 1908, đồng bào Nghệ An cùng với các tỉnh khác đồng loạt biểu tình chống nộp thế, bắt đi phu. Năm 1912 anh hùng Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang Phục Hội hoạt động mạnh mẽ khắp nơi. Phong trào Đông Du mạnh cũng nhờ hai nhà cách mạng quê quán Việt Nam là Đặng Nguyên Cẩn và Đặng Thái Thân (người làng Hải Côn).

Năm 1910, giặc Pháp vây bắt Đặng Thái Thân, ông bắn chết một lính Pháp rồi rút súng tự tử. Ngày 19-6-1924 với tiếng bom Sa Điện, anh hùng Phạm Hồng Thái (người làng Xuân Nha) thuộc Việt Nam Quang Phục Hội đã ném bom vào bọn Toàn Quyền Martin ở Quảng Châu. Tháng 7-1925 anh hùng Phan Bội Châu bị Pháp bắt ở Trung Hoa và giải lao về Hà Nội kết án tử hình. Trước cao trào phản đối của đồng bào Việt Nam, Pháp hủy bỏ bản án nhưng đem ông về Huế giam lỏng. Trên đường đi , ông ghé Vinh gặp lại cụ bà Phan Bội Châu, nhũ danh Thái Thị Huyện (người làng Diên Lam, huyện Nam Đàn), là một người vợ hy sinh, tần tảo quán xuyến mọi việc trong gia đình cho chồng lo việc nước. Xa nhau hai mươi năm chỉ gặp lại lần cuối nửa tiếng, cụ bà nói một câu : "Vợ chồng ly biệt hơn hai mươi năm, nay được một lần gặp mặt thầy, trong lòng tôi đã mãn túc rồi. Từ đây trở về sau, chỉ mong cho thầy giữ được lòng xưa, thầy hãy làm những gì mình muốn, chớ nghĩ tới vợ con". Đối với cụ bà, lòng xưa là tấm lòng chung thủy đối với Tổ Quốc.

Phong cảnh, di tích

Bãi biển Cửa Lò : Từ Vinh đi 18 km đến bãi biển Cửa Lò. Bãi biển dài gần 10 km, cát trắng phau, mịn màng. Rừng phi lao xanh tốt. Nước biển trong xanh, độ mặn từ 3,4 - 3,5 %. Nhiệt độ mùa đông 18 - 20°C, mùa hè khoảng 25°C. Từ năm 1907, người Pháp nhận thấy Cửa Lò là vùng biển nghỉ mát tốt đã xây dựng một khu biệt

thự dành riêng cho người Pháp. Khu biệt thự đã bị phá hủy trong chiến tranh. Ngày nay, tại Cửa Lò đã mọc lên nhiều nhà nghỉ và khách sạn phục vụ khách trong và ngoài nước.

Hang Thẩm Ồm : Hang nằm ở địa phần huyện Quì Châu, cách đường 48 khoảng 7 km. Đây là một hang đẹp được thiên nhiên kiến tạo rất đa dạng. Các nhà khảo cổ đã phát hiện được nhiều hiện vật minh chứng được người Việt cổ đã từng sinh sống ở đây. Hiện nay hang Thẩm Ồm còn nhiều nét hoang sơ, đang tiếp tục được tu tạo để đón khách du lịch.

Thác Khe Kẽm : Thác nằm trong khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát, cách trung tâm huyện Con Cuông và quốc lộ 7 khoảng 15 km. Từ độ cao 120 m, nước từ trên cao đổ mạnh xuống qua ba thang bậc làm tung lên những bọt nước trắng xóa trông rất đẹp mắt. Du lịch Nghệ An đang nổ lực phấn đấu khai thác điểm du lịch này để có thể sử dụng vào các năm tới.

Thác Xao Va : Thác thuộc xã Tiền Phong, huyện Quì Châu, cách quốc lộ 48 khoảng 3 km. Thác không cao lắm 40 m dòng chảy của thác thoải. Đường giao thông đến thác khá thuận tiện. Điểm du lịch này rất thích hợp cho loại hình du lịch cuối tuần. Du khách đến đây nghỉ ngơi vui chơi, tắm thác, vãn cảnh.

Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát : Khu di tích thuộc địa phận 3 huyện Anh Sơn, Con Cuông và Tương Dương. Đây là một khu rừng nguyên sinh rất có giá trị. Về hệ thực vật có tới 986 loài thực vật bậc cao thuộc 552 chi và 153 họ. Trong rừng có tới 220 loài thuốc như hà thủ ô, thổ phục linh, quế, ba kích, hoài sơn... Các loại cây lấy gỗ có trầm hương, gần 100 loại rau, cây ăn quả... Hệ động vật ở đây cũng rất phong phú và đa dạng. Bước đầu thống kê được 241 loài thú của 86 họ, 28 bộ. Trong đó có 24 loài thú, 137 loài chim, 25 loài bò sát, 15 loài lưỡng thê có thể kể tên một số loài như : voi, hổ, hoa mai, báo gấm, heo, bò sát, sơn dương, voọc, vượn đen, gấu chó. Các loài chim quí như trĩ sao, gà lôi, gà tiêu, cao cát, cá chinh, sao la. Đây là một khu rừng nguyên sinh đặc biệt quí hiếm. Khách du lịch có thể tham quan nghiên cứu, khảo sát hệ động thực vật ở đây.

Chợ vùng biên Nậm Cắn : Chợ ở vùng miền tây Nghệ An, gần biên giới Việt - Lào, bên kia là đất nước Triệu Voi, giữa là dòng suối Nậm Cắn. Chợ nằm ở khu

đất bằng phẳng hình bán nguyệt bao quanh là dòng suối Nậm Cắn. Chợ phiên hợp vào đầu và giữa tháng. Ngay từ chiều hôm trước phiên chợ, từ hai ngã biên giới, từng đoàn xe chở người và hàng hóa lũ lượt kéo tới tập kết trước đồn Nậm Cắn để xuống chợ. Quang cảnh đường biên giới nhộn nhịp, náo động lạ thường. Họ dựng liều, quán để chuẩn bị cho phiên chợ ngày mai. Ngay từ sáng sớm, tiếng người mua kẻ bán xôn xao. Hàng hóa không được xếp thành quầy mà trải ngay dưới đất cỏ nhưng rất gọn gàng, ngăn nắp. Hàng Lào, hàng Việt đan xen. Các thiếu nữ H' Mông, thiếu nữ Lào duyên dáng trong các bộ váy dân tộc. Du khách có thể chọn mua những mặt hàng ưa thích, trả bằng tiền Lào hoặc Việt đều được. Hàng hóa ở chợ rất phong phú. Phiên chợ cứ đông vui như vậy cho tới khi mặt trời sấp bóng.

Đền Cuông : Đền nằm trên núi Mộ Dạ bên quốc lộ số 1 thuộc xã Diễn An, huyện Diễn Châu, cách thành phố Vinh khoảng 30 km về phía Bắc. Đền Cuông thờ vua Thục An Dương Vương, người kế tục các vua Hùng dựng nước. Truyện xưa kể rằng nơi ông tự tử chính là nơi xây dựng ngôi đền. Nơi đây xưa kia còn là vùng biển mênh mông, trải qua thời gian, đất phù sa bồi đắp nên ngôi đền ở vào vị trí như ngày nay. Đền Cuông được xây dựng theo lối chữ tam gồm 3 nếp nhà nằm song song. Tam quan có tầng cấp. Trước cửa tam quan là khoảng sân rộng. Bờ nóc, mái đền có lưỡng long chầu nguyệt (hai con rồng chầu trăng) và hình nghê chầu, sư tử chạy. Đền Cuông là điểm tham quan du lịch rất hấp dẫn cho du khách.

Đình Hoành Sơn : Đình ở xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn. Đây là ngôi đình lớn nhất ở Nghệ An thờ Lý Nhật Quang (còn gọi là Tam Tòa Đại Vương), người có công lớn trong việc khai phá vùng Nam Kim vào giữa thế kỷ 11 và thờ thần Tứ Vị. Đình được dựng vào năm 1763 dưới triều Lê Cảnh Hưng. Đình gồm 5 gian, 2 chái lớn và hậu cung nhỏ phía sau. Đình có 12 cột chính, 20 cột phụ, mỗi cột có chu vi khoảng 200 cm. Nhìn chung đình Hoành Sơn còn giữ được nhiều nét nghệ thuật thời Lê. Kiến trúc của đình có tính chất khái quát cao trong bố cục, sự hài hòa giữa từng phần và toàn cục, giữa đường nét và hình khối.

Đền Hồng Sơn : Đền được xây dựng vào thế kỷ 19 tại thành phố Vinh thờ Quan Vân Trường. Trong đền có nhiều tượng pháp và đồ thờ cúng. Đây là ngôi đền cổ còn lại duy nhất ở Vinh.

Chùa Sư Nữ (chùa Cầu Linh) : Chùa được xây dựng vào khoảng thế kỷ 19 tại Vinh. Đây là một ngôi chùa đẹp, có nhiều tượng thờ. Khách du lịch khi đến thăm Nghệ An đều ghé vào thăm vãn cảnh chùa.

Hồ Thành : Thành thuộc xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, cách thị trấn Nam Đàn 9 km về phía Nam, cách Kim Liên 4 km về phía Tây. Đây là tòa thành đất, hình chữ nhật quay theo bốn hướng. Tường thành phía Bắc và Nam đã bị san bạt làm đường đi, chiều cao chỉ còn lại khoảng 0,5 m. Tường thành phía Đông còn lại khá lớn, có chân thành rộng khoảng 8 m. Khu vực Hồ Thành còn lưu lại một số dấu tích của tháp Nhạn, ngôi tháp cổ có niên đại xây dựng thế kỷ 5 - 6 sau công nguyên.

Khu du lịch Núi Quyết : Trên đường vào Nam ra Bắc qua phà Bến Thủy, nhìn về phía Tây, có một dãy núi nhỏ, đó là núi Quyết ngút ngàn thông reo và trở thành lâm viên núi Quyết, một điểm du lịch kiểu mới của tỉnh Nghệ An. Núi Quyết vốn có thế "long lân quy phượng" nhưng thật sự có vị trí nổi bật khi Quang Trung - Nguyễn Huệ chọn làm đất đóng đô : "nhớ lại buổi hồi loan kỳ trước, lúc qua Hoành Sơn, quả cung đã từng mở xem địa đồ, thấy ở huyện Chân Lộc, xã Yên Trường (núi Quyết - Bến Thủy) hình thế rộng rãi, khí tượng tươi sáng... thật là chỗ đất đẹp để đóng quân vậy..." (trích trong chiếu của Nguyễn Huệ gởi La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp ngày 3 tháng 9 năm Thái Đức 11, tức ngày 1-10-1788). Nguyễn Huệ đã cho xây thành, dựng lầu điện tại đây.

Phượng Hoàng Trung Đô được xây ở khoảng giữa núi Quyết và núi Kỳ Lân (rú Mèo), nay còn dấu tích của thành hình tam giác. Đó là thành nội, chu vi rộng 1680 m giữa có lầu rồng 3 tầng. Thành ngoại cấu tạo hình thang, chu vi 2680 m. Từ trên thành có thể nhìn thấy sông Lam, sông Vĩnh Doanh và kênh nhà Lê uốn lượn giữa cánh đồng Hưng Nguyên, Nam Đàn trải rộng. Hướng về phía Đông có thể dõi về hòn Ngư, hòn Mát, cận kề với 8 cảnh đẹp của Nghi Xuân (Nghi Xuân bát cảnh). Từ chân núi Quyết, du khách có thể đi thuyền xuôi sông Lam đến bãi chim Hưng Hòa, len lõi trong rừng nguyên sinh hoặc ngược dòng sông La, con sông của niềm thương nỗi nhớ để đến với Hương Sơn, Đức Thọ...

Di tích lưu niệm cụ Phan Bội Châu : Đây là ngôi nhà mà cụ Phan Bội Châu đã

được sinh ra và sống ở đây tới năm 38 tuổi. Di tích nằm ở thôn Sa Nam, xã Đông Liệt, thị trấn Nam Đàn. Khu di tích này đã được tôn tạo trở thành khu lưu niệm đón khách trong và ngoài nước đến tham quan ngôi nhà đơn sơ của nhà văn hóa, nhà yêu nước, và là nhà thơ.

Đền Tam Hòa : Đền cách xã Đoài 12 km, thờ Uy Minh Vương đời Lý. Lúc trấn thủ Nghệ An, Ông đã giúp nước Chăm Pa dẹp loạn và dân nước này kính trọng lập đền.

Đền và lăng Hắc Đế Mai Thúc Loan : Thuộc làng Vân Sơn, xã Hương Lâm, huyện Nam Đàn. Trên núi Vệ Sơn còn có tích thành Vạn An, nơi anh hùng Mai Thúc Loan đã xây thành, đắp lũy với dân chúng chống lại quân xâm lược nhà Đường. Trong huyện Núi Hùng (còn gọi là Rú Đụn, Độn Sơn, chữ rú có nghĩa là núi cao độc lập), nơi Mai Hắc Đế thua trận, rút về và mất tại đây.

Thành Lục Niên : Trong dãy núi Thiên Nhận, huyện Thanh Chương, còn có di tích của vua Lê Thái Tổ, lúc đóng quân chuẩn bị vây đánh Nghệ An.

Đền Cờn : Một ngôi Đền rất cổ, nằm bên dòng sông Hoàng Mai (sông này nước chảy ra cửa Cờn).

Ngả ba bến Thủy : Cách thành phố Vinh 4 km, trên sông Lam phong cảnh hữu tình.

Di tích thành Minh : Cách huyện Diễn Châu hơn 19 km, thuộc làng Mặc Tảo còn di tích ngôi thành của giặc Minh xây lúc đô hộ nước ta. Nơi cửa sông con chảy vào sông cả, nước sông chảy siết, cảnh trí nên thơ.

Huyện Diễn Châu làng Thổ Thành, quê Hồ Tông Thốc, sử gia và danh sĩ đời Trần Nghệ Tông, tác giả Phú Học Chỉ Nam, Việt Sử Cư Mục, Việt Nam Thế Chí, Thảo Nhân Hiệu Tấn thi tập. Xã Thịnh Mỹ là quê quán của học giả Cao Xuân Dục, sử gia đời Nguyễn, tác giả Đại Nam Dư Địa Chí Ước Biên, Quốc Triều sử toát yếu, Xuân Kinh Diện Thị Kinh Điển, Thông Quốc Thổ Sản... Con gái Cao tiên sinh là bà Cao Ngọc Anh, một nữ sĩ nổi tiếng tài sắc một thời. Làng Văn Hiển là quê danh thần Nguyễn Xuân Ôn, đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1871), nhiều lần xin triều đình cải tổ việc nước nhưng vua Tự Đức không nghe; ông về quê mộ quân chống Pháp và đánh suốt 18 tháng : sau bị giặc bắt nhưng quyết không hàng. Ông bị

bệnh mất trong tù năm 1894.

Huyện Thanh Chương, xã Nam Hoa, quê Nguyễn Thiện Chương, danh sĩ đời vua Lê Thánh Tông. Làng Thanh Liêm là quê Đinh Nhật Thận, danh sĩ nhà Nguyễn, học vấn uyên thâm, tác giả bài thơ nổi tiếng Thu Dạ Tứ Hoài Ngâm. Làng Phủ Lưu quê Nguyễn Văn Giai, danh sĩ đời Lê Thế Tông, Ông còn là một nhà quản sự lỗi lạc.

Huyện Quỳnh Lưu : quê Dương Doán Am, nhà chính trị, kinh tế, quân sự tài giỏi đời Nguyễn. Xã Hoàn Hậu, quê Hồ Sĩ Dương, sử gia triều Lê Thần Tông đến Lê Huy Tông, tác giả Lê Triều Đế Vương Trung Hưng Công Nghiệp thực lục (3 quyển). Hồ Thượng Thư gia lễ, dự vào việc tu chỉnh bộ Đại Việt Sử Ký bản kỷ lục biên và bộ Lam Sơn thực lục. Làng Quỳnh Đôi, nơi sinh trưởng của nhà thơ nổi tiếng Hồ Xuân Hương. Xã Hoàn Hậu quê danh sĩ Hồ Sĩ Đống, đời vua Lê Hiển Tông tác giả tập thơ hoa trình khiển hứng.

Làng Quỳnh Đôi cũng là quê Phạm Đình Toái, danh sĩ triều Nguyễn có công sửa chữa và rút gọn sách Việt Sử Quốc Ngữ thành bộ Đại Nam Quốc Sử diễn ca (làm từ 1850 đến 1870 gồm 1027 câu lục bát); Ông còn là tác giả của những bài diễn ca bằng văn quốc âm nổi tiếng như Quốc âm diễn ca (gồm những bài quy khứ lai từ, Xuân Giang Hoa Nguyệt Dạ, Tương Tiến Tửu Triết phụ ngâm, Điền Gia Tạp Hứng, Chính Khí Ca). Trung Dung diễn ca, Dịch Quái diễn ca và môt bộ sách bằng chữ nho là Quỳnh Lưu Tiết Phụ truyện;riêng bộ sách Đại Nam Quốc Sử diễn ca được văn hào Trương Vĩnh Ký đem in ra chữ quốc ngữ lần đầu tiên tại Sài Gòn vào năm 1875.

Huyện Nam Đàn, quê hương anh hùng Phan Bội Châu; Ông đã viết nhiều văn phẩm đấu tranh nổi tiếng như Lưu Cầu Huyết Lệ Tán Thư, Khuyến Thanh Niên Du Học, Hải Ngoại Huyết Thư, Ngục Trung Thư, Nam Nữ Quốc Dân Tu Tri và một số thơ văn khác, lời lẽ đều hùng tráng, chan chứa một tấm lòng yêu nước thương nòi rất thiết tha.

Huyện Nguyên Hưng, làng Bùi Chu, quê Nguyễn Trường Tộ người đã yêu cầu vua Tự Đức cách tân đất nước. Nghệ An còn là quê danh sĩ Hồ Quý Châu đời Nguyễn văn chương lỗi lạc. Nghệ An cũng là quê hương của nhiều nhà cách mạng

hoạt động trong phong trào đông Du và Việt Nam Quang Phục Hội của cụ Sào Nam Phan Bội Châu; Hoàng Trọng Mậu giữ trách nhiệm quân sự với Trần Hữu Lục, hoạt động từ Hương Cảng Trung Hoa đến Xiêm La; sau cả hai tiên sinh bị giặc Pháp bắt và đã bị xử bắn tại Hà Nội ngày 14-2-1915. Ông Lê Cầu Tinh rất thông minh, có trí, chuyên chế súng bắt chước Nhật; sau về Xiêm hoạt động và bị bệnh mất năm 1910. Mai Lão Bang, linh mục Thiên Chúa giáo, một lãnh tụ phong trào Đông Du; Ông là tác giả quyển tập Lão Bang Phổ khuyến thơ, nội dung kêu gọi dân chúng theo Lương Giáo đoàn kết cứu nước, đừng bị thực dân chia rẽ.

Các dịp lễ hội

Nghệ An là một mảnh đất đã sản sinh nhiều danh nhân lịch sử, nhà khoa bảng, nhà khoa học, nhà văn nổi tiếng như Mai Hắc Đế, thi sĩ Hồ Xuân Hương... Cũng như các tỉnh khác của Việt Nam, truyền thống văn hóa của tỉnh rất phong phú. Là một tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống, mỗi dân tộc đều mang một bản sắc văn hóa, ngôn ngữ riêng giàu truyền thống. Nghệ An là xứ sở của nền văn hóa dân gian đặc sắc với những điệu hò, hát phường vải, hát đò đưa... Du khách đến với bất kỳ lễ hội nào của tỉnh Nghệ An đều có thể thưởng thức loại hình sinh hoạt văn hóa đặc sắc này.

Các dân tộc ít người của tỉnh Nghệ An có những loại hình âm nhạc riêng. Dân tộc Khơ-Mú có âm nhạc nữ đuổi chim thú, nhạc khí gắn trên gậy chọc lỗ, tra hạt. Thăm đao là loại nhạc cụ bằng tre nứa; đàn môi được chế tạo bằng những mảnh cật tre vót mỏng. Ngoài ra họ còn có nhiều loại sáo, khèn... Còn người H' Mông lại có nhiều loại khèn và đàn môi để bày tỏ tình cảm, ca ngợi vẻ đẹp của cuộc sống, của quê hương đất nước.

Nghệ An là xứ sở của những lễ hội cổ truyền diễn ra trên sông nước như lễ hội Cầu Ngư, Rước Hến, Đua thuyền... Lễ hội làm sống lại những kỳ tích lịch sử được nâng lên thành huyền thoại, giàu chất sử thi, đậm đà tính nhân văn như lễ hội đền Cuông, lễ hội làng Vạn Lộc, làng Sen. Miền núi có các lễ hội như Hang Bua, lễ hội Xàng Khan, lễ mừng nhà mới, lễ uống rượu cần.

Lễ hội đền Cuông : Lễ hội diễn ra vào ngày 15 tháng 2 âm lịch hàng năm tại đền Cuông thuộc xã Diễn An, huyện Diễn Châu, để tưởng nhớ vua Thục An Dương

Vương đã có công sáng lập nên nước Âu Lạc. Lễ hội diễn ra rất long trọng, trong phần hội có nhiều trò chơi, có hát ví, hát phường vải...

Lễ hội đền Nguyễn Sư Hồi : Đền Nguyễn Sư Hồi ở làng Vạn Lộc, thị xã cửa Lò, thờ ông Nguyễn Sư Hồi là người có công lớn trong việc khai phá vùng đất phía Đông của huyện Nghi Lộc. Lễ hội hàng năm diễn ra vào ngày 15 - 16 tháng 1 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của ông.

Lễ hội đền Quả : Đền Quả thuộc xã Bạch Ngọ, huyện Đô Lương, đền thờ Lý Nhật Quang (Uy Minh Đại Vương Lý Hoàng, con trai vua Lý Thái Tổ). Lễ diễn ra vào ngày 15 -16 tháng 1 âm lịch hàng năm. Hội có tế thờ, rước 12 thuyền lộng lẫy, có đua thuyền.

Lễ hội vua Mai : Lễ hội diễn ra vào ngày 16, 17 tháng 1 âm lịch hàng năm tại đền thuộc xã Vân Diên, huyện Nam Đàn. Đền thờ Mai Hắc Đế vị vua đã có công lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, chống ách đô hộ của nhà Đường. Trong lễ hội có lễ rước kiệu vua Mai, tế lễ long trọng. Phần hội có trò đấu vật, cướp cờ, đua thuyền, đấu cờ tướng.

Hội Bua : Hội Bua diễn ra hàng năm từ ngày 15, 20 tháng 1 âm lịch. Đây là lễ hội vui xuân của các dân tộc ở ba huyện Quỳ Hợp, Quế Phong, Quỳ Châu.

Hội Quỳnh : Làng Quỳnh là một làng cổ, có lịch sử trên năm trăm năm, thuộc xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu. Đây là một làng nổi tiếng về học thức, đã có 60 người đỗ tiến sĩ. Hàng năm làng mở lễ hội vào ngày 27 tháng 12 âm lịch để ghi nhớ công ơn của tổ các dòng họ đã có công lập làng. Lễ hội có tế lớn, rước thần về đình, trong lễ hội có các trò chơi đấu vật, đánh đu.

Hội Thanh Đàm (rước hến) : Hội Thanh Đàm diễn ra hàng năm từ 15 -18 tháng 2 âm lịch tại làng Thanh Đàm, xã Nam Tân, huyện Nam Đàn. Đây là lễ hội của địa phương cầu no đủ. Vào ngày chính hội, có đoàn rước hến (đủ nghi tượng) đi giữa sông. Chủ tế thả dần từng nắm hến cầu mong thủy thần giúp cho hến sinh nở nhiều để dân có đủ thức ăn.

Ninh Bình

Diện tích: 1398,7 km².

Dân số : 891.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Ninh Bình.

Thị xã : Thị xã Tam Điệp.

Các huyện : Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Mô, Yên Khánh, Kim Sơn.

Dân tộc : Kinh (Việt), Mường, Thái, H' Mông, Dao...

Địa thế Ninh Bình gồm hai khu khác hẳn nhau : khu phía Đông là đồng bằng phù sa, có huyện Yên Khánh. Khu phía Nam và Tây là đồi núi, có huyện Nho Quan. Ở khu phía Nam và Tây này có hai dãi núi Tam Điệp (Ba Dội), một dãy núi đá vôi chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam từ tỉnh Hòa Bình ra đến biển và chia làm ba đợt : đợt một nằm trong địa phận tỉnh Ninh Bình, đợt hai là ngọn cao nhất nằm ở ranh giới Ninh Bình - Thanh Hóa và đợt ba nằm trong tỉnh Thanh Hóa. Dãy núi Tam Điệp có chiều cao như đèo Tam Điệp (là nơi quốc lộ số 1 đi qua), đèo Đồng Giao, đèo Quán Các, đèo Chỉnh Đại... Khu đồng bằng có nhiều ngọn núi đá vôi đơn độc cao từ 50 tới 100 m, như núi Thúy, Cánh Diều, Hồi Hạc...; những núi bất thường này tạo nên vùng cầm tú mang danh là "Vịnh Hạ Long trên đất liền".

Về phía Nam và Đông - Nam, tỉnh Ninh Bình ăn lan ra bờ biển; vùng phía Nam sông Đáy, mỗi năm phù sa lại bồi thêm ra biển, mở rộng đất đai. Là một nhánh của sông Hồng, sông Đáy là sông lớn nhất của Ninh Bình. Các sông khác chảy qua tỉnh là sông Nho Quan, Hoàng Giang và Chính Đại. Ninh Bình có nhiều sông nhỏ ở gần miền biển, giữ vai trò hữu ích là tháo bớt nước trong mùa nước lớn tránh nạn lụt lội. Sông Chính Đại (thuộc huyện Yên Mõ) có cửa Thần Phù, đây là nơi quân Chiêm Thành đổ bộ thủy quân đánh bất ngờ và chiếm được thành Thăng Long năm 1377 (đời vua Trần Duệ Tông). Trước đây, cửa biển Thần Phù có gió to sóng lớn, nên dân gian có câu :

Lên đênh qua cửa Thần Phù,

Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

Đây cũng là nơi nhiều con sông hội tụ, con kinh từ sông Hồng qua sông Mã, sông

Vân Sàng và sông Đáy đổ nước vào cửa Chính Đại. Giờ thì đất bồi ra biển khá nhiều nên cửa Thần Phù đã không còn gây cảm giác ghê sợ như xưa.

Khí hậu của tỉnh thuộc vùng tiểu khí hậu của đồng bằng sông Hồng. Nhiệt độ trung bình là 23,4°C. Thời tiết trong năm chia làm hai mùa rõ rệt : mùa khô và mùa mưa.

Ninh Bình là một tỉnh giàu tiềm năng về du lịch. Thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất này nhiều danh lam thắng cảnh kỳ thú, nhiều hang động nổi tiếng như Tam Cốc - Bích Động, Địch Lộng, động Tiên, động Hoa Sơn... Vườn quốc gia Cúc Phương nổi tiếng với hệ động thực vật phong phú đặc biệt là cây chò 1000 năm tuổi. Mảnh đất này từ xa xưa đã là kinh đô của nước Đại Cồ Việt (tên của Việt Nam xưa) từ năm 968 đến năm 1010. Vì vậy vùng đất này có di tích lịch sử như cố đô Hoa Lư, quần thể nhà thờ đá Phát Diệm, chùa non nước... Tất cả những di tích và danh lam thắng cảnh này đã trở thành những tuyến du lịch rất hấp dẫn khách trong và ngoài nước.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào tại Ninh Bình đa số là người Kinh, chỉ có một số nhỏ người Mường sống ở phía Bắc và phía Tây huyện Nho Quan. Phần lớn dân chúng tỉnh này theo đạo Thiên Chúa, nhất là vùng Kim Sơn Phát Diệm. Một địa phận Công giáo được thành lập từ năm 1901, và một tu viện đào tạo Linh mục mở vào năm 1913.

Chung quanh tỉnh lỵ và trên bờ sông Đáy, dân chúng thường cấy lúa chiêm vì mùa khô không đủ nước. Miền cao thì trồng các loại cây kỹ nghệ như trà, trấu, cà phê và thuốc lá. Thuốc lá Ninh Bình khá nổi tiếng. Các hoa màu khác là đậu phọng (đậu lạc), dâu, mía, ngô...

Về phía Nam có nhiều rừng có nhiều cây mây, song (một loại cây mây), và tre. Tre hoa là loại tre rất tốt ở hai huyện Gia Viễn và Nho Quan. Rừng Ninh Bình có nhiều dã cầm dã thú. Vùng gần biển, như Phát Diệm, dân chúng trồng cói là một nguồn lợi đáng kể của Ninh Bình. Vùng gần sông biển, dân ta cũng làm nghề đánh cá. Khoáng sản của tỉnh không nhiều, chỉ có mỏ than ở Đồng Giao, vùng núi có nhiều đá hoa. Kỹ nghệ và thương mại Ninh Bình chưa phát triển nhiều, chỉ có ngành dệt và sản xuất chiếu ở vùng Phát Diệm là thịnh hành hơn cả.

Lược sử

Đất Ninh Bình xưa thuộc bộ Giao Chỉ, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Ninh Bình thuộc quận Giao Chỉ dưới đời nhà Hán, thuộc Châu Trường Yên dưới đời nhà Lương, và đổi thành Châu Trường vào đời nhà Đường. Thời ký tự chủ, Ninh Bình là nơi xuất phát của nhà Đinh và nhà Tiền Lê. Năm 968, Đinh Tiên Hoàng Đế đóng đô tại Hoa Lư thuộc làng Trường Yên và Gia Viễn ngày nay. Năm 1010, Ninh Bình thành phủ Trường Yên, sau đổi là Châu Đại Hoàng vào cuối thế kỷ 12. Đời nhà Trần đổi thành lộ, rồi lại đổi thành trấn Thiên Quan. Đời Lê Thái Tông (1434 - 1439), Ninh Bình sát nhập vào tỉnh Thanh Hóa; thuộc trấn Sơn Nam đời Vua Lê Thánh Tông, rồi lại thuộc về Thanh Hóa cho tới đời vua Minh Mạng. Năm 1839, Ninh Bình trở thành một tỉnh.

Sau khi Ngô Vương Quyền mất, đất nước ta lại lâm vào cảnh loạn 12 sứ quân tranh chấp nhau làm dân chúng ta thán. Anh hùng Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp được mối loạn đó. Ông sinh trưởng ở động Hoa Lư, huyện Gia Viễn, khi còn thơ ấu đã cùng với trẻ mục đồng lấy bông lau làm cờ bày trận đánh nhau. Cậu bé Đinh Bộ Lĩnh đó sau được tôn là "Vạn Thắng Vương" vì đánh trận nào cũng thắng, dẹp hết nội loạn trong nước. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, xưng là Đinh Tiên Hoàng Đế, đóng đô ở Hoa Lư, đặt tên nước là Đại Cồ Việt.

Trong thời nội chiến, Ninh Bình cũng giữ một vị trí then chốt vì đèo Ba Dội nằm trong dãy Tam Điệp là một cửa giao thông hiểm yếu giữa Ninh Bình và Thanh Hóa, dùng đường bộ từ Thăng Long vào Thanh Hóa hay từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài, người ta phải vượt đèo này.

Năm 1789, khi đại quân Mãn Thanh kéo vào xâm lăng nước ta, ông Ngô Thì Nhậm đã khuyên các tướng Tây Sơn rút về đèo Tam Điệp cố thủ để nuôi chí kiêu căng của giặc và để toàn dân nhìn ra bộ mặt phản quốc của Lê Chiêu Thống mà đồng tâm chống giặc. Nhờ đó, ông đã tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đại phá quân Thanh của Quang Trung Hoàng Đế, vào mùa Xuân Kỷ Dậu.

Năm 1873, quân Pháp chiếm đóng Ninh Bình, sau đó chúng rút lui và trở lại chiếm đóng lần thứ hai vào năm 1887. Năm 1886, có anh hùng Đốc Tâm chỉ huy dân quân, được rất đông đồng bào Mường tham dự, tấn công quân Pháp nhiều

trận, làm chúng thiệt hại nặng nề, và nhất là trận đánh ở huyện Nho Quan. Cũng tại Nho Quan, vào ngày 7-1-1915, quân Việt Nam Quang Phục Hội đánh chiếm các đồn bót của giặc Pháp.

Trước năm 1975, tỉnh Ninh Bình có các huyện Yên Khánh. Nho Quan, Kim Sơn, Gia Khánh, Gia Viễn và Yên Mõ.

Phong cảnh, di tích

Núi Non Nước : Núi Non Nước còn gọi là núi Dục Thúy nằm ở phía Đông Bắc thị xã Ninh Bình, cao khoảng 70 m, đỉnh núi tương đối bằng phẳng. Qua gần 100 bậc đá thì tới đỉnh. Không khí trên cao trong lành thoáng mát. Núi nằm ở ngã ba sông Đáy và sông Vân Sàng đã tạo nên vẻ đẹp sơn thủy hữu tình của thị xã Ninh Bình. Tại đây có hơn 40 bài thơ của các danh nhân lịch sử tạc trên vách đá. Núi Non Nước xưa kia còn là vọng gác tiền tiêu của cố đô Hoa Lư.

Núi Ngọc Mỹ Nhân : Núi nằm ở phía Đông thị xã Ninh Bình, còn có tên gọi là núi Cánh Diều. Núi gắn liền với truyền thuyết về sự hóa thân của Cao Biền - một tướng giỏi, đồng thời là một pháp sư đời nhà Đường (Trung Quốc). Núi có ba ngọn, ngọn giữa cao, hai ngọn tả hữu chỉa ra như hai cánh chim. Trên núi có chùa, xung quanh có nhiều hang động u minh. Núi có tên gọi là Ngọc Mỹ Nhân vì nhìn vào núi du khách như thấy hình một cô gái tóc xõa, mình trần nằm trên cánh đồng rộng mênh mông. Núi Ngọc Mỹ Nhân là một ngọn núi đẹp nhất của tỉnh Ninh Bình.

Bích Động : Động Bích nằm trong dãy núi Ngũ Nhạc Sơn thuộc địa phận thôn Đam Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Năm 1773, cụ Nguyễn Nghiễm (thân sinh của đại thi hào Nguyễn Du) đã đến thăm động. Nhìn toàn cảnh núi, động, sông nước, đồng ruộng bầu trời ở đây đều phủ một màu xanh ngợp mắt nên cụ đã đặt cho động một cái tên rất đẹp và mộng mơ "Bích Động" (có nghĩa là động xanh). Đến đây du khách sau khi viếng thăm chùa, con thuyền nhỏ sẽ đưa du khách đi quanh co trong hang núi huyền ảo. Bích Động đã được mệnh danh là "Nam Thiên Đệ Nhất Động" động đẹp thứ nhất ở trời Nam.

Rừng quốc gia Cúc Phương : Rừng cách Hà Nội khoảng 100 km về phía Tây Nam, ở vị trí giáp ranh giới giữa ba tỉnh Ninh Bình, Hòa Bình, Thanh Hóa và chỉ cách

biển 60 km. Rừng có diện tích 25.000 ha, trong đó 3/4 là đá núi vôi cao 300 - 600 m so mặt biển.

Khu rừng nguyên sinh này được phát hiện từ năm 1960 đến năm 1962 được công nhận là rừng quốc gia. Ở đây có hang Đăn Đắn, động Người Xưa, có suối nước nóng 38°C, có cây chò xanh, cây sấu cổ thụ... đều trên dưới 1000 năm tuổi, có độ cao từ 50 đến 70 m, con số thống kê cho biết Cúc Phương có tới 2000 loài cây, cỏ khác nhau. Riêng hoa Phong Lan tới 50 loài. Có loài cho hoa và hương thơm quanh năm.

Cúc Phương có 262 loài động vật có xương sống, nhiều loài chim thú quý: gấu, ngựa, lợn lòi, hổ, báo, chồn, sóc khỉ... Có khu chăn nuôi nửa tự nhiên với các loài hươu, sao nai, khỉ vàng, voọc quần đùi, sóc bay, thằn lằn bay... Cúc Phương còn là quê hương của hàng trăm loài chim lạ và đẹp.

Nhà Thờ Phát Diệm : Nhà thờ được khởi công xây dựng vào năm 1875 đến năm 1898 cơ bản Hoàn tất. Khu nhà thờ rộng gần 22 mẫu tại xã Lưu Phương, thị trấn Phát Diệm của huyện Kim Sơn, cách Hà Nội 120 km. Nhà thờ có nhiều hạng mục công trình được chia làm 2 khu vực chính : khu nhà thờ và khu nhà chung (nơi ở và dạy giáo lý).

Nhà thờ chính tòa xây dựng năm 1891, đây là hạng mục lớn nhất của công trình nhà thờ Phát Diệm. Nhà thờ chính tòa dài 80 m, rộng 24 m, cao 18 m, bao gồm 48 cột lim, mỗi cột chu vi 2,4 m. Hai gian thánh điện có 14 bức phù điêu bằng đá mô tả cuộc đời Chúa Kitô. Mặt chính nhà thờ chính tòa nhìn ra hồ nước rộng 4 mẫu, giữa hồ có đảo nhỏ, trên đảo dựng tượng Chúa Kitô cao 3 m. Năm 1889, xây dựng điện trái tim Đức Bà toàn bằng đá. Điện dài 15 m, rộng 9 m, từ nền điện đến cột, xá hoành... đều bằng đá trắng.

Nhà thờ Phát Diệm là quần thể kiến trúc Thiên Chúa Giáo lớn, mô phỏng phong cách kiến trúc đình chùa Việt Nam. Đến nay nhà thờ Phát Diệm đã tồn tại hơn 100 năm trên vùng đất bùn lầy mà vẫn vững bền không có dấu hiệu bị lún.

Động Tiên : Động ở thôn Đam Khê, xã Ninh Hải và còn có tên là Động Móc. Động ở cách Bích Động khoảng gần 1 km, có thể ngồi thuyền hoặc đi bộ.

Động gồm có ba hang lớn, rộng, cao thăm thẳm. Đường vào động phải đi qua một

kẻ hang nhỏ và mấp mô. Trần động là vân đá cao, nhủ đá rủ xuống lấp lánh bảy sắc cầu vồng. Nhiều khối nhủ đá từ trên nóc động rủ xuống nền hang cao hơn chục mét trông như những rễ cây đa cổ thụ. Nhiều nhủ đá với các tên gọi cây tiền, cây thóc, ông tiên, cô tiên, con voi, kỳ đà, con hổ... Xung quanh thành động và nền hang động cũng toàn là nhủ đá. Những nhủ đá được thiên nhiên chạm trổ vừa phóng khoáng, vừa tinh xảo và sống động. Đứng nhìn bao quát từ ngoài, do sự phối sáng kỳ ảo, động Tiên như một lâu đài nguy nga tráng lệ như trong chuyện thần thoại. Đến thăm Động Tiên, du khách như đang đứng trước cảnh bồng lai tiên cảnh. Du khách có thể thỏa sức ngắm nhìn cảnh trí trong hang, được hòa mình vào thiên nhiên tươi đẹp ở đây.

Động Hoa Sơn : Hoa Sơn động là một trong những động đẹp của tỉnh Ninh Bình, ở thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư. Động ở lưng chừng quả núi, thuộc dãy núi phía Đông Nam kinh thành Hoa Lư xưa.

Qua 153 bậc đá là đến động. Trước cửa động có hai pho tượng bằng đá được đánh bóng thờ hai ông bà có công tu sửa chùa "Bà Đẻ" ở hang động. Cửa Động Hoa Sơn có mây vờn, sương phủ linh thiêng, nước rơi tí tách quanh năm từ các nhủ đá. Chiều dài của động bằng chiều ngang của núi, dài khoảng 100 m xuyên qua núi gồm có ba hang liền nhau là Hang Hạ, Trung và Thượng.

Qua cửa tiền đi lên cao gần 3 m là hang Hạ và đây cũng chính là một ngôi chùa thờ Phật. Hai bên chùa là hai lối lên hang Trung. Hang Trung giống như một ngôi nhà vòm cao rộng khoảng 30 m. Trần và hành lang bên trái có một số nhủ đá với những hình dáng sinh động. Từ hang Trung lên khoảng 8 m nữa làđến hang Thượng. Bước lên cao gần 2 m nữa là ra tới cửa Hậu. Đứng ở đây du khách lại có dịp ngắm nhìn một phần cảnh đẹp của non nước Ninh Bình.

Động Hoa Sơn là động xuyên qua núi nên mùa hè mát mẻ, mùa đông rất ấm áp. Đứng trước cửa tiền động Hoa Sơn, du khách sẽ có dịp ngắm nhìn toàn cảnh thiên nhiên thoáng đãng, có non cao, động thẳm, sông ngòi kỳ thú.

Động Địch Lộng : Động thuộc xã Gia Thành, huyện Gia Viễn, được nhân dân phát hiện từ năm 1739. Trong động có một nhủ đá giống tượng Phật nên đã lập bàn thờ Phật. Đến năm 1740, động mới được biến thành chùa để thờ Phật. Động

rộng chừng 10 gian nhà. Trong động được bày nhiều tượng Phật, tượng La Hán, tượng Hộ Pháp đặt trên các bệ đá. Đặt biệt có hai tượng Phật được tạc bằng đá xanh nguyên khối rất đẹp. Động gồm có ba hang nối liền nhau. Hang ngoài thờ Phật rồi đến hang Tối, hang Sáng. Vào Động Địch Lộng, du khách như đang lạc vào cõi trùng điệp của đá. Nhiều nhủ đá mang hình dáng như: voi uống nước, voi chầu, hổ phục, phượng múa, rồng uống nước, khỉ cõng con... mỗi không gian của vách động, trần động là một bức tranh nghệ thuật, một nét chạm khắc tuyệt vời của thiên nhiên, của thời gian trên đá.

Một điều rất độc đáo là nhủ đá trong động thay đổi màu theo ánh sáng mặt trời. Lúc rạng đông chúng có màu hồng, buổi trưa lấp lánh như pha lê nhưng chuyển màu đỏ thẫm khi hoàng hôn. Trong động còn có lối lên trời, lối xuống âm phủ. Lối xuống âm phủ của động đầy huyền bí bởi nước của các nhũ đá đều đặn nhỏ giọt tạo nên một bản nhạc không bao giờ dứt.

Cảnh đẹp mê hồn ở nơi đây đã được nhiều thi sĩ làm thơ ca ngợi. Vua Minh Mạng đã ban tặng cho động 5 chữ "Nam Thiên Đệ Tam Động" (động đẹp thứ ba ở trời nam).

Tam Cốc : Từ Bích Động du khách tiếp tục ngồi thuyền đi Tam Cốc. Tam Cốc nghĩa là ba hang: hang cả, hang hai và hang ba. Lúc thuyền luồn vào ba hang, du khách sẽ cảm thấy mát lạnh. Thạch nhủ từ trần hang rủ xuống lô nhô óng ánh như những khối châu ngọc kỳ ảo.

Suối nước nóng Kênh Gà : Suối nước nóng thuộc thôn Kênh Gà, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn. Thuyền sẽ đưa du khách len lỏi giữa không gian lồng lộng gió núi, ngọt ngào hương lúa đồng chiêm để đến với suối nước nóng Kênh Gà. Dòng suối này đã có từ rất lâu nhưng mãi đến năm 1940 mới được người Pháp nghiên cứu và biết đến. Đây là loại nước khoáng tốt chứa nhiều muối natriclorua, kaliclorua, canxi, magieclorua và muối bicaclonat. Nước không có màu, trong, nhiệt độ ổn định là 53°C. Mỗi giờ nguồn nước chảy ra khoảng 5000 m3.

Thiên nhiên đã ban tặng cho Ninh Bình non nước hữu tình lại còn có suối nước nóng để tắm nghĩ dưỡng và chữa bệnh thì quả là tuyệt diệu. Nước khoáng Kênh Gà hiện nay còn được xử lý, đóng chai để cung cấp thêm nguồn nước khoáng cho

du khách.

Hồ Đồng Chương : Hồ nằm ở địa phận hai xã Phú Lộc và Phú Long, huyện Nho Quan. Đây là một hồ nước rộng, nước trong xanh, xung quanh hồ là những dải đồi thông xanh mướt reo vi vút soi bóng xuống mặt hồ làm cho cảnh sắc nơi đây thật mộng mơ. Du khách có thể đi thuyền dạo quanh hồ, thả hồn hòa cùng thiên nhiên thơ mộng. Cảnh sắc cứ hiện dần ra như những bức tranh thủy mạc.

Gần hồ Đồng Chương còn có thác Ba Tua và dòng chín suối. Sau khi ngồi thuyền du khách có thể leo lên đồi thông để xem Ao Trời. Ao ở trên đỉnh đồi cao, nước trong xanh và không bao giờ cạn. Du khách đến hồ Đồng Chương sẽ thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên, của con người nơi đây.

Đèo Tam Điệp : Đèo Tam Điệp là một tuyến phòng ngự rất lợi hại, mang vị trí chiến lược trong quân sự cũng như bức tường thành thiên nhiên án ngữ con đường ra Bắc vào Nam. Đèo thuộc thị xã Tam Điệp, cách thị xã Ninh Bình độ 18 km về phía Nam. Ở đây có 3 dãy núi đá vôi chạy suốt từ Hòa Bình về, ăn ra biển Đông, theo hướng tây bắc - đông nam hạ thấp xuống. Chỗ núi đá hạ thấp xuống gọi là đèo. Từ bắc vào đến địa phận này có 3 đèo liền nhau nên gọi là Tam Điệp. Đèo thứ nhất cao 68 m, đèo thứ hai ở giữa cao 110 m, đèo thứ ba cao đến 80 m (so với mặt nước biển). Đứng trên đèo cao du khách có thể bao quát được cả một vùng rộng lớn có cảm giác như chạm tới mây trời. Toàn cảnh đèo Tam Điệp là những dãy núi hùng vĩ , quanh co, đan xen là những thung lũng rộng và nhiều dòng suối trong xanh uốn lượn. Đèo Tam Điệp còn gắn liền với một sự kiện lịch sử. Tháng chạp năm Mậu Thân (1788), tại nơi đây vua Quang Trung đã mở tiệc khao quân ở đèo Tam Điệp trước khi kéo quân ra Bắc lần thứ hai.

Đèo Tam Điệp không chỉ là một thắng cảnh đẹp mà còn là một di tích lịch sử nổi tiếng đã đi vào thơ văn của các thi sĩ xưa và nay.

Cố Đô Hoa Lư : Kể bắt đầu từ năm 968 Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế ở Hoa Lư thì kinh đô Hoa Lư tồn tại 41 năm (968 - 1009) trong đó 12 năm là triều đình đại Đinh (Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt) và 29 năm kế tiếp là triều đại Lê (mà người đầu tiên là Lê Hoàn lên ngôi Hoàng Đế hiệu là Lê Đại Hành). Vua Lê Đại Hành đã mở mang

xây dựng cung điện làm cho kinh thành càng nguy nga tráng lệ.

Đến năm 1010 Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long. Ngày nay du khách đến thăm Hoa Lư, trên nền cung điện năm xưa là hai ngôi đền cách nhau chừng 500 m. Một đền thờ Đinh Tiên Hoàng và một đền thờ Lê Đại Hành đều nằm trên địa phận xã Trường Yên, huyện Hoa Lư. Cũng vì hai ngôi đền thờ hai vị Hoàng Đế rất gần nhau nên nhân dân quen gọi là đền Đinh - Lê.

Đền Vua Đinh : Đền toạ lạc ở làng Trường Yên Thượng, xã Trường Yên huyện Hoa Lư trên khuôn viên rộng 5 ha. Đền được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ 17, theo kiểu "nội công ngoại quốc". Lớp ngoài là Ngọ môn quan (cổng ngoài) có 3 gian lợp ngói. Qua một sân ngắn vào đến lớp thứ hai là Nghi môn (cổng trong) 3 gian dựng bằng gỗ lim kiến trúc theo 3 hàng chân cột. Bốn góc ngoài của Nghi môn nội có xây bốn trụ cột cao. Đi hết chính đạo, qua hai trụ cột lớn là đến sân rồng. Giữa sân rồng có một long sàn bằng đá chung quanh chạm nổi, chiều dài 1,8 m, rộng 1,4 m. Hai bên sập rồng có hai con nghê đá chầu, được tạc trên hai tảng đá xanh nguyên khối đẹp.

Từ sân rồng bước lên là Bái đường 5 gian, kiến trúc độc đáo. Tiếp đến là Thiêu hương, kiến trúc theo kiểu ống muống, nơi thờ tứ trụ triều đình nhà Đinh. Đi hết tòa Thiêu hương du khách bước vào chính cung 5 gian. Gian giữa thờ tượng vua Đinh được đúc bằng đồng đặt trên bệ thờ bằng đá xanh nguyên khối. Hai bên bệ đá có hai con rồng chầu bằng đá, tạc theo kiểu yên ngựa. Gian bên phải thờ tượng Đinh Phụng Lang (ngoài), Đinh Đế Toàn (trong) đều quay mặt về phía Bắc, là hai con thứ của vua Đinh Tiên Hoàng. Gian bên trái thờ tượng Đinh Liễn quay mặt về phía Nam là con trưởng của vua Đinh Tiên Hoàng. Đền Đinh Tiên Hoàng là một kiến trúc độc đáo trong nghệ thuật chạm khắc gỗ của các nghệ sĩ dân gian Việt Nam ở thế kỷ 17 - 19. Đền vua Đinh nằm giữa các tán cây đại thụ, các vườn cây ăn quả, cây cảnh đan xen nhau càng tạo nên vẻ bề thế, hoành tráng tôn nghiêm của ngôi đền.

Đền vua Lê Đại Hành : Cách đền vua Đinh chừng 50 m là đến đền thờ vua Lê Đại Hành. Đền nằm ở làng Trường Yên Hạ nên còn gọi là đền Hạ. Đền soi bóng xuống nhánh sông Hoàng Long. Trước mặt đền là núi Đèn, sau lưng là núi Đìa.

Đền cũng được xây theo kiểu "nội công ngoại quốc" nhưng quy mô nhỏ hơn đền vua Đinh. Qua Nghi môn ngoại (cửa ngoài) theo đường chính đạo lát gạch, phía bên trái là một hòn non bộ lớn, cao 3 m tượng hình chim phượng múa, mỏ quay vào đền, hai cánh như đang bay. Bên tay phải là nhà Tiền bái, ở mặt tiền có hòn non bộ "Hổ phục" gồm gốc cây duối thân to có 9 núi, tuổi thọ trên 300 năm. Bên trái nhà Tiền bái có hòn non bộ dáng "voi quỳ" được khắc hai chữ Hán "Bất di".

Theo đường chính đạo bên phải còn có hồ nước rộng. Qua Nghi môn nội (cửa trong) cũng 3 gian, theo chính đạo kiến trúc đăng đối là hai vườn hoa, tiếp đó là hai dãy nhà vọng. Ở giữa vườn hoa bên phải có hai non bộ "Phượng ấp", bên trái là hòn non bộ "Long Mã".

Ở sân rồng gần gian giữa cũng có long sàn bằng đá. Đền cũng có 3 tòa: tòa ngoài là Bái đường, tòa giữa là Thiêu hương thờ Phạm Cự Lượng, người có công với vua Lê Đại Hành đặt ở chính giữa. Bên phải là tượng Lê Ngọa Triều tức Lê Long Đĩnh (con thứ 5 của vua Lê Đại Hành). Bên trái là tượng hoàng hậu Dương Vân Nga.

Điều đặc biệt ở đền thờ vua Lê Đại Hành là nghệ thuật chạm gỗ thế kỷ 17 đã đạt đến trình độ điêu luyện, tinh xảo. Đền được xây dựng để tỏ lòng biết ơn của nhân dân đối với hai ông vua đã có công lớn trong việc xây dựng đất nước vào thế kỷ thứ 10.

Chùa Bích Động : Chùa Bích Động thuộc địa phận thôn Đam Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Chùa được xây dựng theo kiểu chữ "tam" dọc theo sườn núi từ thấp lên cao : Hạ, Trung, Thượng.

Chùa được xây ở trên sườn núi, dựa vào thế núi. Chùa Hạ có 5 gian xây trên một nền cao dưới chân núi. Chùa thờ Phật. Gian giữa phía ngoài treo bức đại tự "Mạo Cổ Thần Thanh". Phía bên phải chùa Hạ, men quanh sườn núi leo khoảng 80 bậc đá là đến chùa Trung. Đây là ngôi chùa nằm ở lưng chừng núi bán mái ra phía ngoài, một nửa ngôi chùa gắn vào hang động, một nửa lộ thiên. Chùa gồm có ba gian thờ Phật. Từ gian bên trái chùa Trung qua cửa hậu, vào trong hang, bước lên 20 bậc đá, lên cao khoảng 6 m là đến động Tối. Ngay cửa động treo một chiếc chuông đồng lớn đúc năm 1707, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 3, triều vua Lê Dụ

Tông. Bước vào động, một cảnh trông tuyệt vời hiện ra trước mắt du khách. Những nhũ đá được thiên nhiên gọt rửa tạo nên tiên ông, cô tiên, tiểu đồng, rồng lượn, rùa bơi, chim đại bàng... Gần cửa động bên phải có ba tượng Phật bằng đá uy nghi sừng sững.

Leo tiếp 30 bậc đá theo sườn núi là lên đến chùa Thượng. Chùa còn được gọi là chùa Đông vì quay mặt ra hướng đông. Trong chùa có tượng Phật Bà Quan Âm. Hai bên chùa có hai miếu thờ Sơn thần và Thổ địa.

Từ trên chùa Thượng, du khách có thể ngắm nhìn một phần cảnh quan của Hoa Lư. Xa xa, du khách thấy một quả núi nhỏ, đá xếp từng lớp gọi là núi Chồng Sách. Sau núi Chồng Sách là một quả núi lớn gọi là núi Voi. Năm ngọn núi bao quanh chùa Bích Động là Ngũ Nhạc Sơn trông như năm cánh hoa sen.

Bích Động là một ngôi chùa cổ, dáng nét trang nghiêm mang đậm tính phương Đông. Núi, động và chùa đan quyện, hài hòa lại ẩn hiện giữa những cây đại thụ xanh biếc làm cho cảnh trí ở đây càng thêm thâm nghiêm, huyền hoặc. Đây là điểm du lịch nằm trong tuyến du lịch Tam Cốc - Bích Động rất hấp dẫn khách trong và ngoài nước.

Đền Thái Vy : Đền Thái Vy được xây dựng ở phía Tây thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải ngày nay. Đền thờ Trần Thái Tông, Hoàng hậu Thuận Thiên và Trần Thánh Tông là ông vua đã có công rất lớn đối với làng Văn Lâm .

Đền Thái Vy được xây dựng theo kiểu "nội công ngoại quốc", trước đền có giếng ngọc xây bằng đá xanh. Qua Nghi môn phía bên phải là gác chuông hai tầng, tám mái, xây theo kiểu chồng diêm. Gác chuông làm bằng gỗ lim, mái lợp ngói mũi hài, các đầu đao cong vút như đuôi chim phượng. Bên hông có quả chuông đúc năm 1698.

Từ sân rồng bước theo các bậc đá có độ cao 1,2 m là đến Ngũ Đại môn (5 cửa lớn) sừng sững, có 6 hàng cột đá tròn song song đều được chạm khắc nổi chầu vào chính điện. Qua 5 cửa lớn là đến Bái đường 5 gian uy nghi cũng có 6 cột đá vuông chạm khắc câu đối mặt ngoài, các mặt khác chạm khắc nổi: long, lân, quy, phượng, cá chép hóa long. Tiếp theo hàng 4 cột, đều được chạm khắc nổi long vân. Qua trung đường vào 5 gian Chính tẩm cũng có 8 cột đá được chạm khắc nổi:

cầm kỳ thi họa. Trong cung khám của Chính tẩm giữa là tượng Trần Thánh Tông (con trưởng Trần Thái Tông). Bên trái là tượng Trần Thái Tông, bên phải là tượng hoàng hậu Thuận Thiên, vợ vua Trần Thái Tông. Ngoài ra trong chính tẩm còn phối thờ Trần Nhân Tông (bài vị thờ) là con đầu của Trần Thánh Tông; Trần Anh Tông là con trưởng của Trần Nhân Tông. Như vậy, đền Thái Vy thờ 4 đời vua nhà Trần.

Động Thiên Tôn : Ở làng Đa Giá, có hai lớp, bên trong có đền thờ đức Trấn Vũ từ hơn nghìn năm nay và có giếng ngọc nước trong, sâu ba trượng. Bên trái là động Long Thủy, bên phải là động Tượng Sơn. Động bên ngoài thờ Nam Tào Bắc Đẩu và các vị Kim Cương Hộ Pháp. Trên vách động có nhũ đá muôn màu sặc sỡ. Trước đây, từ mùng 4 đến mùng 10 tháng Ba âm lịch hàng năm, làng mở hội tại vùng này.

Sông Vân và núi Dục Thúy : Núi Dục Thúy nằm ngay trên sông Vân Sàng, như một khối ngọc nổi lên giữa tỉnh lỵ. Núi có chùa Non Nước nên còn gọi là núi Non Nước và có đền thờ anh hùng Trương Hán Siêu đời Trần. Sông Vân bao bọc ba mặt núi Dục Thúy, chỉ còn một mặt nối đất liền. Gần tỉnh lỵ có núi Hồi Hạc và núi Cánh Diều (còn gọi là núi Ngọc Mỹ Nhân), hợp với sông Vân thành một bức tranh sơn thủy thiên nhiên tuyệt đẹp.

Huyện Gia Khánh, làng Phúc Am : Là quê anh hùng Trương Hán Siêu, tính rất cương nghị, giỏi về chính trị, chuộng thơ văn, giữ chức Hàn Lâm Học Sĩ đời Trần. Ông là một trong những quan tham mưu của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, hết lòng chăm lo cho việc quốc gia và là tác giả bài Bạch Đằng Giang Phú, sách Tế Tháp Kỷ, Hoàng Triều Dại Điển (sách viết chung với Nguyễn Trung Ngạn).

Huyện Yên Khánh, làng Kim Bồng : Là nơi sinh trưởng Vũ Duy Thanh đời Tự Đức, tư chất rất thông minh, sách chỉ đọc qua một lần là nhớ, lại có tài ứng đối mẫn tiệp, kiến thức uyên bác vô cùng. Khi làm giám khảo khóa thi, ông đã nhìn ra chân tài văn võ của Ông Bích Khiêm mà chấm trúng tuyển, trong khi các quan khác đã đánh rớt. Khi làm quan chỉ nghĩ đến ích nước lợi dân, ông đã từng tự ý ra lệnh cho quan địa phương Quản Bình phát gạo cho dân đang gặp nạn đói, rồi sau mới cho triều đình biết. Ông là người sáng chế tàu thủy chạy bằng hơi nước giống

theo kiểu Tây phương để tăng cường phòng thủ bờ biển; cũng như yêu cầu triều đình khai thác tối đa loại "đá dễ đốt" (than đá) ở Quảng Yên (trong khi các quan triều đình cho là đá ma quỷ phải trừ). Tiếc thay, Tự Đức không xem những sáng kiến này là trọng. Sau quân Pháp chiếm cả miền Bắc, khai thác tối đa mỏ than đá ở Hòn Gay. Ninh Bình còn là quê Nguyễn Tử Mẫn, danh sĩ đời vua Thiệu Trị; ông có văn tài cao, khí tiết vững và sở trường về quốc văn.

Các dịp lễ hội

Cộng đồng các dân tộc sống trong tỉnh gồm có nhiều các dân tộc ít người nhưng các dân tộc ở đây chịu ảnh hưởng sâu sắc của phong tục tập quán và truyền thống văn hóa của người Việt (Kinh). Trong các dân tộc ít người cư trú ở đây, dân tộc Mường định cư khá lâu đời ở các xã thuộc các huyện miền núi, vì vậy các phong tục tập quán sinh hoạt, truyền thống văn hóa mang những nét giống như cộng đồng dân tộc Mường của Việt Nam. Là vùng đất lịch sử, là cố đô từ hơn 1000 năm trước, Ninh Bình có nhiều lễ hội phong phú. Tiêu biểu là một số lễ hội :

Lễ hội Trường Yên : Hội Trường Yên diễn ra hàng năm vào ngày 10 tháng 3 âm lịch trên mảnh đất cố đô Hoa Lư của nước Đại Cồ Việt xa xưa để tưởng niệm công đức của vua Đinh và vua Lê. Hội thường kéo dài 3 ngày, ngày 10 tháng 3 là chính hội. Phần lễ tế được tiến hành rất trang nghiêm ở đền vua Đinh, vua Lê. Phần hội có nhiều trò chơi, trong đó có trò cờ lau tập trận và trò chơi kéo chữ.

Lễ hội Yên Cư : Lễ hội Yên Cư hàng năm diễn ra vào ngày 20 tháng 8 âm lịch ở xã Khánh Cư, huyện Yên Mô. Đền thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, phu nhân và các quận chúa. Phần lễ có rước kiệu qua sông đáy tới làng Phú Hào. Điều đặc biệt ở trong lễ hội này cá kéo về quần tụ ở đây như mừng hội.

Ninh Thuận

Diện tích : 3427 km².

Dân số : 531.700 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Phan Rang - Tháp Chàm.

Các huyện : Ninh Hải, Ninh Phước, Ninh Sơn.

Dân tộc : Việt (Kinh), Chăm, Raglai, C' Ho, Hoa...

Ninh Thuận là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam, Bắc giáp Khánh Hòa, Tây giáp Lâm Đồng, Nam giáp Bình Thuận và Đông giáp biển Đông. Ninh Thuận được bao bọc 3 mặt là núi : phía Bắc và phía Nam tỉnh là 2 dãy núi cao nhô ra sát biển, phía Đông là vùng núi cao của tỉnh Lâm Đồng. Địa hình có 3 dạng : miền núi, đồng bằng, vùng ven biển. Tỉnh có 2 hệ thống sông chính : hệ thống Sông Cái, bao gồm các sông nhánh như sông Mê Lam, sông Sắt, sông Ông, sông La, sông Quao... và hệ thống các sông suối nhỏ phân bố ở phía Bắc và Nam tỉnh như sông Trâu, sông Bà Râu.

Ninh Thuận nằm trong khu vực có vùng khô hạn nhất nước, khí hậu nhiệt đới gió mùa với các đặc trưng là khô nóng, gió nhiều bốc hơi mạnh và không có mùa đông. Nhiệt độ trung bình 27°C, lượng mưa trung bình 705 mm và tăng dần theo độ cao lên đến 1100 mm ở vùng miền núi. Có 2 mùa là mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

Thị xã Phan Rang nằm trên giao điểm của 3 trục giao thông chiến lược là đường sắt Bắc - Nam, quốc lộ 1A, đường số 11 lên Đà Lạt. Phan Rang cách thành phố Nha Trang 105 km, Đà Lạt 110 km, thành phố Sài Gòn 350 km và Hà Nội 1382 km.

Ninh Thuận đang hình thành các vùng sản xuất chuyên canh như: nho, thuốc lá, mía, đường, bông, hành, tỏi và nuôi trồng thủy sản. Ninh Thuận là một trong số các ngư trường lớn của nước ta.

Ninh Thuận là một bức tranh hài hòa giữa đồng bằng, đồi núi và biển cả. Nằm trong cụm du lịch quốc gia thuộc tam giác Đà Lạt, Nha Trang, Phan Rang, Ninh Thuận có những thắng cảnh : bãi biển Ninh Chữ, bãi biển Cà Ná, đèo Ngoạn Mục, thủy điện Đa Nhim và các di tích lịnh sử quí giá là các tháp Chàm : Pôklông Grai,

Pôrômê, Hòa Lai,... hầu như còn nguyên vẹn. Đến thăm nơi đây du khách có thể tham gia nhiều loại hình du lịch : tắm biển, nghỉ dưỡng, du thuyền, leo núi, săn bắn, tham quan các di tích lịch sử, hoặc tham dự các lễ hội của người Chăm.

Sinh hoạt, kinh tế

Ninh Thuận có nhiều sắc dân cư ngụ : người Chàm người Kinh sống tại đồng bằng dọc theo miền duyên hải và người Thượng (người Raglai, một chi nhánh lớn của sắc tộc Roglai; người Chư Ru và nhóm sắc tộc K'Ho với các sắc dân Mạ, Sré, Cil, Lat, Tring, Nop, Talai...) sống ở miền cao. Phần đông dân chúng theo đạo Phật, thờ phụng tổ tiên và thần linh.

Đa số dân ta làm nghề nông vì đất do phù sa bồi lên và rất hợp trong việc trồng các loại cây hoa màu phụ. Tuy nhiên, lúa gạo chưa cung cấp đủ cho tỉnh. Nhưng các hoa màu phụ như bông, thuốc lá, tỏi, hành ta, hành tây là nguồn lợi đáng kể của tỉnh. Riêng số lượng tỏi, hành ta và hành tây có thể cung cấp cho cả nước.

Việc chăn nuôi và ngư nghiệp khá phát triển. Trước đây, các bãi biển Cà Ná, Ninh Chữ là nơi ghe thuyền đánh cá rất tấp nập. Số lượng tôm cá và sản phẩm cá khô được phân phối khắp nơi. Nghề làm nước mắm khá thịnh hành. Rừng núi chiếm hai phần ba tỉnh nên lâm sản khá nhiều, có nhiều loại gỗquý như cẩm lai, mun, bằng lăng, gỗ, giáng hương...

Khoáng sản không nhiều nhưng rất lợi ích. Các vùng đồi núi trong tỉnh sản xuất nhiều loại đá, vùng biển có nhiều san hô dùng để nung vôi, làm xi-măng; riêng vùng bờ biển Cà Ná sản xuất rất nhiều muối thích hợp cho kỹ nghệ hóa học trong và ngoài nước.

Kỹ nghệ và thương mại của Ninh Thuận tập trung vào việc buôn bán các loại hoa màu nổi tiếng như tỏi, hành ta, hành tây, hải sản, đồ mộc, nước mắm, thuốc lá, than,... Trước đây, công ty thủy điện Tháp Chàm cung cấp điện cho toàn tỉnh.

Lược sử

Ngày trước, tỉnh Ninh Thuận là vùng đất thuộc Chiêm Thành. Đời chúa Nguyễn Phúc Tần, lấy sông Phan Rang làm ranh giới hai nước. Năm 1692, vua Chiêm là Bà Tranh đem quân quấy nhiễu, chúa Nguyễn Phúc Chu đem quân đi đánh và bắt được Bà Tranh, bèn sát nhập đất Chiêm Thành vào nước ta và đặt tên là trấn

Thuận Thành. Năm 1697, thành lập phủ Bình Thuận và dinh Bình Thuận có các đạo Phan Thiết, Phan Lang, Maly và Phố Hài. Đời Gia Long, dinh Bình Thuận đổi thành trấn. Đời Minh Mạng đạo Phan Lang đổi thành huyện An Phước.

Đến năm 1832, trấn Thuận Thành đổi thành tỉnh Bình Thuận, gồm hai phủ Ninh Thuận và Hàm Thuận. Năm 1888, phủ Ninh Thuận sát nhập vào Khánh Hòa. Năm 1913, được tách rời và trở thành tỉnh Ninh Thuận. Năm 1915, lại trở thành một phủ của tỉnh Khánh Hòa. Năm 1922, phủ Ninh Thuận đổi thành đạo; đến năm 1942 đổi lại thành tỉnh. Trước năm 1975, tỉnh Ninh Thuận có các quận Bửu Sơn (Tháp Chàm), An Phước, Du Long và Thanh Hải (Ninh Chữ).

Phong cảnh, di tích

Làng Du Lịch Cà Ná : Làng cách thị xã Phan Rang 32 km, cách thị xã Phan Thiết 114 km rất thuận tiện cho du khách đi đường bộ và đường sắt. Tại đây, du khách được tắm biển, đi chơi rừng, leo núi, thăm các hang động rất ngoạn mục : hang Ông Phật, ghềnh Ông Nồng, giếng Đục, núi Bạc.

Bãi Tắm Ninh Chữ : Cách thị xã Phan Rang khoảng 5km về hướng Đông (theo hướng đường Ngô Gia Tự kéo dài xuống Ninh Hải) thuộc địa phận xã Khánh Hải, huyện Ninh Hải. Bãi biển Ninh Chữ là bãi tắm đẹp, có chiều dài 10 km, bờ biển hình vòng cung bằng phẳng, xung quanh là rừng dương và các núi Đá Chồng, núi Tân An, núi Cà Đú... rất thích hợp cho các hoạt động du lịch như tắm biển, lướt ván, câu cá, du thuyền, leo núi, săn bắn. Khí hậu Ninh Chữ mát mẻ, nắng ấm quanh năm.

Núi Đá Trắng : Một địa danh chứa nhiều di chỉ của người Chăm xưa, thuộc xã Phước Thái, huyện Ninh Phước. Gọi núi Đá Trắng bởi ở đây toàn đá trắng với những bụi nhỏ lúp xúp. Tiếng Chăm "đá trắng" nghĩa là Ông Vua. Truyền thuyết kể lại rằng khi người Chăm thất thủ phải chạy vào phía Nam, vua thời ấy đã tìm cách giấu kho báu của mình tại địa điểm này. Để bảo toàn kho báu, nhà vua đã yểm một cặp rắn rất to làm thần giữ của. Từ đó hàng năm nhà vua làm lễ tế thần rất lớn, uy nghiêm và trang trọng, thường là một con trâu nướng nguyên con. Nhưng đến đây dân trong vùng chỉ cúng tượng trưng bằng xôi vào đầu tháng giêng (Chăm lịch).

Trước đây quân Nhật cũng từng mon men khai thác núi Đá Trắng, theo các cụ kể lại, các chuyên gia của họ đều chết yểu do bị "thần rắn" giữ của làm hại. Phong cảnh núi Đá Trắng hùng vĩ : phía trước núi là cánh đồng lúa nhấp nhô lượn sóng, xa xa phía Bắc là đỉnh Poklong kì vĩ vươn cao; phía Nam là tháp Pôrômê cổ kính đứng trầm tư; phía tây là đồi núi trùng điệp mênh mông khắp cả một vùng. Truyền thuyết núi Đá Trắng đã làm tăng thêm sự huyền bí, hấp dẫn du khách đến với vùng đất này.

Vịnh Vĩnh Hy : Cách thị xã Phan Rang - Tháp Chàm chừng 42 km về hướng Đông Bắc, thuộc xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải. Vĩnh Hy là vùng vịnh thiên nhiên còn nhiều nét hoang sơ, một quần thể hài hòa bao gồm những bãi cát trắng sạch, đẹp, những dãy núi đá xếp chồng lên nhau, những hang động, núi rừng. Đó là nơi du lịch lý tưởng cho tương lai bởi môi trường và cảnh quan thiên nhiên còn nguyên vẹn, hầu như chưa bị ô nhiễm.

Đèo Ngoạn Mục : Trên đường đi Đà Lạt sẽ gặp đèo này, gần thị trấn Sông Pha. Khí hậu nơi này luôn luôn mát dịu, hướng xuống thung lũng là màu xanh của rừng bạt ngàn. Ninh Thuận còn có một thắng cảnh rất độc đáo là những đồi cát rất lớn ở Phan Rang.

Tháp Pôklông Garai : Tháp nằm trên núi Trầu, cách thị xã Phan Rang 5 km về phía Tây Bắc, gần ga xe lửa Tháp Chàm. Theo truyền thuyết, tháp được vua Simhavarman III (Chế Mân) xây dựng vào khoảng thế kỷ 13 để thờ vua Poklaung Garai, người có nhiều công trạng đối với dân tộc Chăm trong việc chống giặc ngoại xâm, xây dựng đất nước. Đây là một trong hai công trình lịch sử của dân tộc Chăm. Tháp Pôklông Garai gồm nhiều công trình lớn nhỏ khác nhau, nhưng hiện nay còn lại 3 ngôi tháp theo thứ tự: Tháp cổng, Tháp nhà và Tháp chính. Tháp chính cao 21,59 m, mỗi cạnh rộng hơn 10 m. Tháp một tầng, hình đồ vuông với nội thất hình chữ nhật theo hướng Đông Tây, cửa mở mặt Đông. Tháp được trùng tu vào các năm :

Năm 1981 : tu sửa phục hồi phần di tích đổ vỡ.

Năm 1983 : phục hồi, gia cố móng và chân tháp đã bị hỏng hơn 1/3.

Năm 1984 : tu sửa phục hồi tháp chính.

Năm 1985 : tu sửa 3 tháp.

Năm 1987 : phục hồi bức tường đổ do các chuyên gia Ba Lan đảm trách.

Trong quá trình khai quật nghiên cứu và tu sửa tháp trước kia của người Pháp đã tìm thấy một số bát bằng vàng, bạc và đồ trang sức. Gần đây khi tu sửa tháp, ngành khảo cổ Việt Nam cũng tìm thấy một số bát vàng. Hàng năm người dân quanh vùng Phan Rang thường tiến hành các ngày lễ lớn dưới chân tháp.

Tháp Pôrômê : Tháp Pôrômê được xây dựng vào cuối thế kỷ 16 và đầu thế kỷ 17 tại thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước. Công trình gồm có một tháp chính thờ vua Pôrômê và một công trình phụ thờ Hoàng Hậu. Cũng giống như mọi tháp Chăm điển hình khác, tháp Pôrômê hình vuông, 4 tầng, cao 8 m, đáy rộng gần 8 m, cửa mở hướng Đông với cấu trúc cổng dạng tiền sảnh. Tháp Pôrômê là một trong ít tháp Chăm còn nguyên vẹn cho đến nay, là nơi người Chăm thường xuyên làm lễcầu khấn vị vua đã được thần hóa Pôrômê vào những ngày lễ Tết.

Tháp Hòa Lai : Cách thị xã Phan Rang - Tháp Chàm 14 km về hướng Bắc dọc quốc lộ 1A, thuộc địa phận thôn Ba Tháp, xã Tâm Hải, huyện Ninh Hải. Tháp được xây dựng vào đầu thế kỷ 9, trước đây gồm có 3 tháp trên một diện tích dài 200 m, rộng 125 m, nhưng hiện nay tháp trung tâm đã bị sụp đổ, chỉ còn lại hai tháp là tháp Bắc và tháp Nam. Tháp Hòa Lai là quần thể kiến trúc đền tháp vào loại lớn của người Chăm. Tháp có mái dạng hình khối nên tháp được xếp vào loại nghệ thuật hình khối và mang phong cách Hòa Lai.

Mũi Dinh : Thuộc xã Sơn Hải, do một nhánh của dãy Đèo Cả chạy lấn ra biển tạo thành. Mũi Dinh cao hơn mặt biển gần 200 m. Trước năm 1975 nơi này có đài khí tượng và ngọn hải đăng hướng dẫn tàu bè qua lại.

Các dịp lễ hội

Lễ Katê (Lễ Tưởng Niệm Đấng Cha) : Đây là lễ hội lớn nhất, vui nhất trong vùng Ninh Thuận và Bình Thuận, nơi có đông người Chăm sinh sống. Lễ diễn ra tại tháp Pôklông Garai, hoặc tại các tháp chàm khác vào ngày 1-7 âm lịch (tương ứng với tháng 8, tháng 9 âm lịch), lễ hội tưởng niệm các vị anh hùng dân tộc, ông bà tổ tiên, các vị thần cùng vua Pôklông Garai, vua Pôrôme. Nhân dân ở các vùng lân cận cùng nhau tụ tập lên tháp làm lễ. Nghi lễ được tiến hành đơn giản. Sau

khi các thầy coi về đạo giáo, thầy cúng làm lễ cúng tế ở ngoài sân xong thì vào tháp, chứng kiến bà bóng và thầy cúng tắm rửa, thay áo cho vua Pôklông Garai (tượng đá), đọc kinh và hát những bài dân ca. Sau các nghi lễ là các tiết mục múa hát diễn ra ở trên sông, cúng tế trước tháp chính và xung quanh tháp.

Lễ Rija Nưga : Được tổ chức vào tháng giêng âm lịch tại nhà hoặc cất rạp đầu làng. Đây là lễ cầu xin thần Mẹ xứ sở và các thần linh giúp cho người Chăm tránh được những điều xấu xa trong năm như đau ốm, hạn hán và sâu bệnh. Cầu xin những điều tốt lành trong năm mới như sức khỏe và sự bình an trong dân làng, cầu xin mưa thuận gió hòa và cây cối tốt tươi.

Lễ Jòn Jang (Lễ Cầu Đảo, Cầu Thần Nông) : Được tổ chức tại tháp Poklông Garai và Pôrômc trong hai ngày vào tháng tư âm lịch. Các thầy cúng và dân địa phương dân tháp lễ thần nông để cầu mưa. Làm lễ xong dân chúng kéo nhau ra đập Đa Nhim, đập sông Cấm để cúng bái cầu mưa.

Lễ Cha Bun (Lễ Tưởng Niệm Đấng Mẹ) : Được tổ chức tại tháp Pôklông Garai hoặc ở đền thờ Pônagar vào tháng 10 âm lịch, diễn ra trong hai ngày. Lễ Cha Bun là lễ cúng Thần Mẹ Pônagar và thần Đất. Vào ngày lễ, nhân dân các vùng tập trung lên tháp để tạ ơn Thần Mẹ Pônagar và Thần Đất phù hộ cho mùa màng được tốt hơn. Đây là giai đoạn thu hoạch vụ mùa theo truyền thống nông nghiệp của người Chăm.

Lễ Đền Ơn Đáp Nghĩa Cha Mẹ (Dân Tộc Raglai) : Lễ đền ơn đáp nghĩa Cha Mẹ được tổ chức tại gia đình vùng dân tộc Raglai thuộc tỉnh Ninh Thuận và vùng người Raglai sinh sống dọc miền Trung - Tây Nguyên. Thời gian tổ chức lễ không cố định. Người Gaglai quan niệm "cây có cội, nước có nguồn", theo họ bất hạnh lớn nhất của con người là cha mẹ qua đời mà người con chưa được làm lễ "Đền ơn". Vì thế khi thấy cha mẹ có dấu hiệu sức yếu, con cái trong gia đình phải lo lễ vật để làm lễ. Đến ngày lễ, họ hàng, bà con sống ở buôn làng tề tựu Đông đủ. Lễ nghi gồm có: lễ cúng Giàng, tổ tiên, những người đã khuất. Sau đó người con dâng các món ăn ngon nhất lên cha, mẹ. Chủ nhà mời bà con, họ hàng cùng hưởng lễ. Ngoài phần nghi lễ, còn tổ chức múa hát và vui chơi trong cộng đồng người Raglai.

Phú Thọ

Diện tích : 3465km².

Dân số : 1.288.400 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Việt Trì.

Thị xã : Thị xã Phú Thọ.

Các huyện : Hạ Hòa, Thanh Ba, Đoan Hùng, Lâm Thao, Yên Lập, Thanh Sơn, Tam Nông, Thanh Thủy, Phù Ninh, Sông Thao.

Dân tộc : Việt (Kinh), Mường, Dao, Sán Chay, Sán Dìu...

Phú Thọ là tỉnh thuộc miền núi trung du Bắc Bộ. Phía bắc giáp Tuyên Quang và Yên Bái; phía đông giáp Vĩnh Phúc; phía đông nam giáp Hà Tây; phía tây giáp Sơn La; phía nam giáp Hòa Bình. Phú Thọ cách Hà Nội 90 km. Giao thông bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy đều thuận lợi. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23,4°C.

Tỉnh Phú Thọ có hình thể rất hiểm trở với hai dãy núi chính phân cách Hồng Hà và hai chi lưu sông Chảy và sông Hà. Dãy Tam Đảo gồm những ngọn núi cao từ 800 đến 1000 m, chia đôi lưu vực sông Hồng và sông Đà. Dãy Ba Vì gồm những đồi phiến nham, sa thạch và đá vôi nằm giữa sông Hồng và sông Chảy. Việt Trì là nơi tiếp hợp của hai rặng núi này, tạo nên một thứ đập thiên nhiên của sông Hồng từ thời kỳ địa chất thứ ba.

Hệ thống sông ngòi Phú Thọ gồm sông Hồng (dân chúng thường gọi khúc sông Hồng chảy qua tỉnh là sông Thao) và hai chi lưu là sông Lô và sông Đà. Ba sông chính này có nhiều nhánh nhỏ chảy qua các thung lũng, cạn nước vào mùa khô nhưng chảy xiết vào mùa lũ.

Chi lưu sông Hồng phía hữu ngạn gồm : sông Bứa từ xứ Mường qua Đồn Vang đến Tứ Mỹ, sông Ngòi Gianh từ núi Đại Thân chảy về Tăng Xá, sông Ngòi Lao chạy từ Nghĩa Lộ đến Bằng Dã. Sông Lô có chi lưu là sông Chảy phát nguyên từ Hoàng Tu Phó chảy qua huyện Lục An, Phủ Yên Bình rồi nhập vào sông Lô ở phủ Đoan Hùng. Sông Đà chảy qua một vùng dày đặc cây cối, bóng cây tỏa xuống che khuất mặt trời nên có thêm tên là Hắc Giang, giòng sông thường thay đổi luôn, nước sông mang đầy phù sa, chảy qua xứ Mường vòng quanh núi Ba Vì

và đổ vào Hồng Hà ở Trọng Hạ.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào thiểu số của Phú Thọ phần đông thuộc sắc tộc Mường sống trên dãy núi giữa Hồng Hà và Đà Giang, và sắc tộc Mán ít hơn, sống trên vùng núi cao. Đa số dân cư theo Phật giáo, gần Hưng Hóa có một giáo xứ Công Giáo. Hàng năm dân chúng trẩy hội đền Hùng ở xã Hy Cương rất đông.

Về canh nông : hoa màu chính là lúa gạo, nương rẫy trồng nhiều khoai, đậu. Các sườn đồi trồng nhiều trà, cây sơn, cây gỗ làm giấy. Dọc bờ sông Đà có trồng các loại cây ép dầu như : dọc, trầu, thầu dầu. Đồn điền Phú Thọ có các loại cây cà phê, thuốc lá và cây ăn trái. Bưởi Đoan Hùng, quýt Đan Hà, chuối Phú Thọ là những loại trái cây nổi tiếng Bắc phần. Rừng Phú Thọ cung cấp nhiều lá gồi dùng làm áo tơi và lợp nhà.

Phú Thọ có mỏ sắt ở La Phủ, mỏ kẽm ở Mang Tlêng, mỏ than và chì ở Đoan Hùng. Ngoài kỹ nghệ khai thác quặng mỏ, Phú Thọ còn có kỹ nghệ cánh kiến ở La Pho, huyện Thanh Thủy và kỹ nghệ làm bột giấy ở Việt Trì để đưa về Đáp Cầu (Bắc Ninh) làm giấy. Tỉnh cũng có nhiều hồ và đầm như đầm Chính Công, đầm Dị Nậu, đầm Meo. Những đầm, hồ này là nơi chứa nước phòng ngừa mùa hạn hán.

Nằm giữa trục lộ Hà Nội đi Lào Cai và Hà Giang. Phú Thọ có nhiều tuyến đường giao thông giao nhau ở Việt Trì, cả đường bộ, đường sắt lẫn đường sông. Nhờ đó đời sống đồng bào Phú Thọ tương đối thoải mái hơn các tỉnh khác, nhất là qua việc buôn bán lâm sản.

Lược sử

Thời lập quốc, Phú Thọ là một đất khởi nghiệp của họ Hồng Bàng, là một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Vào đời Trần đặt thành lộ Lâm Thao, rồi thành phủ Lâm Thao. Nhà Lê cải thành Sơn Tây thừa tuyên, sau đó là xứ Sơn Tây. Thời nhà Nguyễn, Phú Thọ (không kể Hưng Hóa) thuộc tỉnh Sơn Tây. Đến năm 1884, khi quân Pháp ném bom đốt phá Hưng Hóa, tỉnh lỵ được chuyển về Phú Thọ.

Đồng bào Phú Thọ đánh quân xâm lăng từ giặc Ân, Hán, Nguyên, Minh, Thanh đến quân Pháp. Thời nào có giặc, dân ta đều thể hiện tinh thần yêu nước rất mãnh

liệt. Năm 1939, dân chúng Phú Thọ theo Hai Bà Trưng đánh đuổi quân Tô Định và Mã Viện ra khỏi đất nước. Vùng Cẩm Khê (trước thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên) là nơi đóng quân cuối cùng của Hai Bà Trưng. Thời Pháp thuộc, tháng 4-1884, quân Pháp phải tăng cường đến hai Thiếu tướng dùng sông Hắc Giang, tấn công thành Hưng Hóa. Lực chúng mạnh, các nghĩa quân lại tản vào dân chúng. Tháng 7-1885, hịch Cần Vương của Tôn Thất Thuyết lan rộng khắp nơi, kêu gọi toàn dân kháng chiến. Hai ngày 23 và 24-10-1885, ông Nguyễn Văn Giáp chỉ huy nghĩa quân ở chiến khu Thanh Mai (vùng đất giữa sông Thao và sông Lô) đánh một trận kinh hồn với hai tiểu đoàn thủy bộ và hai pháo đội của giặc. Ngày 7-1-1915, ông Khuất Văn Đức chỉ huy quân Việt Nam Quang Phục Hội tấn công Phú Thọ. Sau năm 1928, Việt Nam Quốc Dân Đảng phát triển mạnh ở các cơ sở đấu tranh tại Phú Thọ. Ngày 10-2-1930, Quốc Dân Đảng tổng khởi nghĩa. Các nghĩa quân thuộc Tam Nông, Cẩm Khê, Lâm Thao theo anh hùng Nguyễn Khắc Nhu đánh chiếm Hưng Hóa, Lâm Thao, dân chúng trong vùng nổi lên hưởng ứng mạnh mẽ, tịch thu súng đạn, đốt công sự giặc.

Trước năm 1975, tỉnh Phú Thọ có các huyện Đoan Hùng, Hạ Hóa, Thanh Ba, Phú Ninh, Lâm Thao, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Yên Lập, Cẩm Khê và Tam Nông.

Phong cảnh, di tích

Chùa Xuân Lũng : Chùa tọa lạc ở xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao. Chùa khởi dựng vào đời Lý Trần. Chùa đã được trùng tu nhiều lần. Di tích còn lại ở chùa là một bia đá có chiều ngang 3,2 m, rộng 1,23 m, cao 0,95 m có niên đại 1377-1388 ở chính diện.

Chùa Phúc Thánh : Chùa tọa lạc ở trên núi Ngọc Phúc, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông. Chùa do bà phu nhân Lê Thị Lan Xuân (vợ thứ 5 của vua Lý Thần Tông) dựng năm 1145 (đời vua Lý Anh Tông). Bà đã tu hành và mất tại đây (1171). Trên điện chùa còn có tượng bà còn gọi là tượng Thánh Mẫu. Mộ bà được táng ở phía tây chùa. Chùa Phúc Thánh là một trong những ngôi chùa thời Lý còn lại đến nay với nét kiến trúc cổ kính làm bằng gỗ chò chỉ.

Núi Thắm : Núi Thắm còn có tên là núi Đầu Rồng, dài khoảng 4 km chạy dọc lên khu du lịch Thanh Ba. Trên đỉnh núi có một cái ao nhỏ gọi là ao Tiên, nước trong

xanh, không bao giờ cạn. Xung quanh núi Thắm là hàng trăm ngọn đồi thoai thoải nằm gần kề nhau, nhấp nhô như bát úp. Trên vùng đồi này đã được quy hoạch trồng các loại cây công nghiệp như chè, sơn, trẩu... Nơi đây đã mọc lên nhà máy chè, nhà máy xi măng, rượu, phân lân và những trại chăn nuôi trâu, bò. Núi Thắm vừa là một cảnh đẹp vừa là một trung tâm kinh tế của vùng trung du.

Đầm Ao Châu : Ao Châu là một hồ nước lớn thuộc xã Ấm Thượng, huyện Hạ Hòa có diện tích gần 2 km². Đầm Ao Châu có hình dạng tương đối đặc biệt trông giống như đầu của con trâu có hai sừng đưa về hai phía sông Thao và sông Chảy. Đầm có 99 ngách đan xen nhau theo các dãy đồi. Xung quanh hồ là những đồi cây trĩu quả. Rùa vàng và một số loài thú quý hiếm có thể tìm thấy ở đây. Nước hồ trong xanh quanh năm. Du khách có thể du ngoạn trên hồ hàng tuần mà vẫn không cảm thấy buồn tẻ và hiu quạnh.

Hang động Xuân Sơn và rừng Xuân Sơn : Đây là một quần thể hang động kỳ ảo, nằm sâu trong rừng cây bạt ngàn bí ẩn thuộc xã Xuân Sơn, huyện Thanh Sơn, nằm về phía tây bắc của tỉnh Phú Thọ. Vào thăm hang động ở đây, du khách không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của các nhũ đá rũ xuống thành muôn hình kỳ lạ. Động Tiên là một hang ngầm trong núi đá cẩm thạch dài 10 km. Trong hang có đường thông gió lên thẳng đỉnh núi, làm cho không khí trong lành mát dịu. Hồ nước có nhiều loài cá hấp dẫn.

Rừng Xuân Sơn có nhiều loài cây lạ, trong một ngày thay đổi màu lá tới 4 lần. Rừng có nhiều loại động vật quý hiếm như cầy bay, sóc bay...

Khí hậu thiên nhiên môi trường ở đây rất trong lành, có thể phát triển nhiều loại hình du lịch. Xuân Sơn đang là điểm thu hút khách du lịch trong nước.

Khu di tích Đền Hùng : Từ Hà Nội theo quốc lộ số 2 đến thành phố Việt Trì khoảng 84 km. Đi tiếp 10 km nữa tới khu di tích Đền Hùng. Nơi đây gắn liền với 18 đời vua Hùng xây dựng nên nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu. Lăng vua Hùng tương truyền là mộ vua thứ 6. Sau khi Thánh Gióng đánh thắng giặc Ân bay lên trời, vua Hùng thứ sáu cởi áo vắt lên cành cây kim giao rồi hóa ở đó.

Đền Giếng Nằm ở trên núi, phía đông nam. Trong đó giếng Ngọc nên gọi là đền Giếng. Tương truyền hai nàng công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa con vua Hùng

thứ 18 thường soi xuống giếng để chải tóc, chít khăn. Trên núi Nghĩa Lĩnh ngày nay còn lưu nhiều di vật và phế tích từ thời nước Văn Lang đến thời nước Đại Việt như rìu đá, giáo đồng, bát đãi gốm, sứ, cột đá, thạp đất nung, gạch ngói v.v...

Núi Nghĩa Linh nằm giữa hai sông Hồng về phía Tây và sông Lô về phía Đông-Bắc. Phía Đông là dãy núi Tam Đảo thuộc tỉnh Vĩnh Yên, phía Nam là dãy núi Tân Viên thuộc tỉnh Sơn Tây. Trước thời Pháp thuộc, lễ kỷ niệm Quốc Tổ hàng năm được xem là Quốc Lễ, tức là quốc khánh, lễ lớn nhất của một dân tộc. Cứ đến ngày 10 tháng 3 âm lịch, dân chúng lũ lượt rủ nhau về trẩy hội đền Hùng rất đông.

Miếu Hoàng Thiếu Hoa : Ở làng Hiền Quan thờ một bậc anh thư thời Hai Bà Trưng. Anh thư Hoàng Thiếu Hoa là người đã xuất gia đầu Phật, nhưng trước cảnh dân tộc bị giặc Đông Hán dày xéo, bà đã hoàn tục và trở thành Tiên Phong Nữ Tướng của Hai Bà Trưng.

Di tích thành Hưng Hóa : Bên bờ đầm Dị Nậu, huyện Tam Nông. Đời Lê, Nguyễn, Hưng Hóa là trấn sở của các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái và Hòa Bình.

Làng Văn Nham thuộc huyện Đoan Hùng có chùa Hang, cửa động cao ba thước, rộng mười thước. Trong động có một pho tượng cao một thước.

Huyện Yên Lập, trên đồi Mè, có thác Hương Kiên rất đẹp. Trên một ngọn núi ở Cự Đồng thuộc huyện Thanh Thủy có hồ nước rất trong. Tập Đại Nam Nhất Thống Chí có nói đến truyền thuyết về một loại cá kỳ dị sống dưới hồ này, chúng dài bốn thước, đầu và lưng màu đỏ tía, có bốn chân bè ra như chân vịt, thỉnh thoảng nổi lên hàng đàn.

Huyện Lâm Thao : Làng Trình Xá là quê Vũ Công Duệ, danh sĩ đời vua Lê Thánh Tông. Tính ông rất cương cường, khi Mạc Đăng Dung đoạt ngôi vua Lê có đến phủ dụ nhưng ông đã mắng chửi thậm tệ, rồi nhảy xuống cửa bể Thần Phù tự vận. Xã Xuân Lũng, quê ông Nguyên Hảng, danh sĩ đời Lê mạt, tác giả nhiều bài văn Nôm và phú nổi tiếng như Đại Đồng Phóng Cảnh, Tam Ngung Động, Tịch Cư Ninh Thể...

Phú Thọ là vùng đất khai quốc còn tràn đầy những di tích của thời dựng nước tồn tại bên những di tích của thời kỳ tranh đấu chống ngoại xâm giữ nước. Phú Thọ là

viên ngọc báu thu hẹp những gì anh hùng và tươi đẹp nhất của nước ta.

Các dịp lễ hội

Phú Thọ là một vùng đất tổ cội nguồn của dân tộc Việt Nam. Nơi đây các vua Hùng đã dựng Văn Lang quốc gia đầu tiên của Việt Nam, thủ đô là Phong Châu. Nhân dân Phú Thọ có truyền thống dựng nước và giữ nước, có nền văn hóa rực rỡ từ lâu đời. Những di chỉ khảo cổ văn hóa Sơn Vi, Đồng Đậu, Làng Cả và nhiều đình, chùa, lăng tẩm còn để lại quanh vùng núi Nghĩa Lĩnh cho thấy đất Phong Châu là một trung tâm văn hóa của dân tộc. Phú Thọ là mảnh đất có nhiều dân tộc cùng sinh sống, có truyền thống văn hóa, âm nhạc phong phú. Đây là vùng đất có nhiều lễ hội, đáng kể nhất là lễ hội đền Hùng (13-10 âm lịch). Người Mường có nhiều truyện thơ, ca dao, tục ngữ, hát xét bùa, hát ví, hát đúm. Họ hát trong lao động sản xuất, trong các dịp hội hè, cưới xin. Người Việt nổi bật có hát xoan, hát ghẹo. Hát xoan là lối hát nghi lễ, phổ biến ở Kim Đức, An Thái, huyện Lâm Thao. Hát ghẹo là lối hát giao duyên nam nữ (tựa như hát Quan Họ). Hát ghẹo phổ biến ở vài xã của huyện Tam Nông và huyện Thanh Sơn. Lễ hội truyền thống hàng năm thường diễn ra vào mùa xuân, dưới đây là một số lễ hội tiêu biểu :

Hội Đền Hùng : Lễ hội đền Hùng là dịp giỗ tổ thiêng liêng. Hàng năm cuối xuân, nhân dân cả nước lại hướng về đất tổ, nô nức hành hương tưởng niệm các vua Hùng, dòng vua mở nước và dựng nghiệp, lập ra nhà nước Văn Lang cổ đại. Lễ hội hàng năm được tổ chức vào ngày 10 tháng 3 âm lịch, ngày giỗ tổ Hùng Vương. Chính hội là từ ngày 8 tháng 3 và kết thúc vào ngày 11 tháng 3 âm lịch. Sáng mồng 10 là buổi quốc tế, sau đó là các đám rước đặc sắc, các cuộc hát thi (hát ca trù, hát xoan...), cùng các trò chơi truyền thống của người Việt, người Mường. Hội đền Hùng là một ngày hội quần tụ, ca ngợi sự hưng thịnh của nòi giống, là biểu tượng của tinh thần cộng đồng, nhắc nhở người dân Việt Nam chung sức xây dựng đất nước ngày một phồn vinh. Lễ hội năm nào cũng nhộn nhịp, chào đón hàng chục vạn người hành hương từ mọi miền đất nước, cũng như kiều bào và khách nước ngoài.

Hội Bạch Hạc : Hội Bạch Hạc hay còn gọi là hội tung còn, hàng năm diễn ra từ ngày 3 đến ngày 5 tháng 1 âm lịch tại xã Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, thờ Thổ

lệnh Đại Vương. Lễ hội có tục tế, rước Thánh qua sông Lô sang làng kết nghĩa Tiên Cát (thờ Thạch Khanh, anh em sinh đôi với Thổ Lệnh Đại Vương). Trong lễ hội có trò thi tung còn ở Đền Cả, lễ tiến còn , ngâm thơ còn và cúng cơm còn. Ngày cuối lễ hội còn có lễ hạ còn và cúng cơm còn cầu may.

Hội Chu Hóa : Lễ hội hàng năm diễn ra tại xã Chu Hóa, huyện Lâm Thao vào ngày 5 tháng 1 âm lịch nhằm tưởng nhớ 3 anh em Cả Đông, Nhị Đông và Tam Đông là tướng giỏi của vua Hùng thứ 18. Trong lễ hội có trò "chạy kem" diễn lại sự tích thần làng.

Hội mở cửa rừng : Lễ hội diễn ra vào ngày 6 đến 15 tháng 1 âm lịch hàng năm. Mở đầu là lễ hội để cúng cung tên để mở hội săn bắn hàng năm. sau đó từng đôi nam nữ múa theo điệu "gà phủ" thực hiện tín ngưỡng phồn thịnh.

Hội đánh cá : Hội đánh cá được tổ chức ở vùng đồng bào Mường thuộc xã Thanh Liệt, huyện Thanh Sơn. Đây là lễ hội mừng xuân tại khu vực ở sát bản. Ngày 3 tháng 1 dương lịch, tất cả dân bản dùng gậy và các thứ đập để khuấy nước làm cá hoảng sợ chui vào các giọ ẩn nấp, sau một hồi chuông người ta kéo giọ lên. Cá to dành cho lễ cúng, còn lại chia đều cho các gia đình.

Hội Cầu tháng giêng : Lễ hội mở vào ngày 27 đến 28 tháng 1 âm lịch ở tại làng Đào Xá, huyện Thanh Thủy. Người được thờ cúng trong lễ hội là Thành Hoàng làng. Sau nghi lễ là các trò vui, tiêu biểu là múa vui và thổi cơm thi.

Hội Phết Hiền Quang : Lễ hội hàng năm được tổ chức vào ngày 13 tháng 1 dương lịch tại Hiền Quang, Tam Nông để tưởng nhớ Thiều Hoa, một nữ tướng giỏi của Hai Bà Trưng. Trong ngày hội có trò đánh phết (đánh cầu gỗ bằng gậy cong ở đầu).

Hội Xoan : Lễ hội được mở từ ngày 7 đến ngày 10 tháng 1 âm lịch tại Kẻ Xoan, Hương Nha, Tam Nông để tưởng nhớ Xuân Nương, một nữ tướng của Hai Bà Trưng. Trong hội có mở tiệc cầu xuân (cỗ chay), có trò trình nghề ở bãi sông trước đình.

Phú Yên

Diện tích : 5278 km².

Dân số : 811.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Tuy Hòa.

Các huyện : Đồng Xuân, Sông Cầu, Tuy An, Sơn Hòa, Tuy Hòa, Sông Hinh.

Dân tộc : Việt (Kinh), Chăm, Ê Đê, Ba Na...

Phú Yên là một tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung bộ. Phía Bắc giáp Bình Định, phía Nam giáp Khánh Hòa, phía Tây giáp các tỉnh Đắc Lắc và Gia Lai, phía Đông giáp biển Đông. Phú Yên có đồi núi, đồng bằng ven biển và hàng trăm km bờ biển đã tạo cho Phú Yên những cảnh quan thiên nhiên đẹp. Nơi có núi dốc chạy dài ra sát biển chia cắt dải đồng bằng và tạo ra những đầm, vịnh nước lợ ven biển như vịnh Cù Mông, vịnh Xuân Đài, đầm Ô Loan, Vũng Rô...

Địa hình Phú Yên có thể chia thành 2 khu vực lớn :

Vùng núi và bán sơn địa (phía Tây là sườn Đông của dãy Trường Sơn Nam) : gồm các vùng huyện Sơn Hòa, sông Hinh, Đồng Xuân và phần phía Tây các huyện sông Cầu, Tuy An, Tuy Hòa. Là vùng núi non trùng điệp, song không cao lắm, có đỉnh Vọng Phu cao nhất.

Vùng đồng bằng : gồm các vùng thị xã Tuy Hoà, huyện Tuy An, sông Cầu, Tuy Hòa với cánh đồng lúa lớn của tỉnh.

Phú Yên có 3 sông chính : sông Ba (Đà Rằng), sông Kỳ Lô và sông Bàn Thạch. Chịu ảnh hưởng của khí hậu đại dương nên khí hậu Phú Yên nóng, ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình 26,5°C, cao nhất 39°C và thấp nhất 35,5°C. Lượng mưa trung bình năm 1600 mm.

Thị xã Tuy Hòa ở cách Hà Nội 1177 km và Sài Gòn 561 km, nằm bên cửa sông Đà Rằng có cầu Đà Rằng 21 nhịp dài nhất miền Trung.

Phú Yên có nhiều di tích và điểm du lịch như núi Nhạn ở ngay trong lòng thị xã Tuy Hòa, soi bóng xuống dòng sông Đà Rằng. Từ thị xã Tuy Hòa, đi về phía Bắc, du khách có thể thăm sông Cầu, khu du lịch biển Long Thủy một vùng thiên nhiên mênh mông với dài 92 m Ô Loan nước trong vắt, các đảo ven bờ như hòn Chùa, Hòn Yến, bãi Tiên, Chùa đá trắng. Đi về phía Nam của Phú Yên là cảng Vũng

Rô cách thị xã 25 km, bãi Xếp, bãi Tiên, ghềnh Đá Đĩa... với những lớp đá xếp lên nhau. Về hướng Tây là khu rừng cấm Suối Trai, gò Thì Thùng nơi ghi lại chứng tích chiến trường của nhân dân Phú Yên, thác Valy và thượng nguồn sông Hinh, suối nước nóng Phước Long, suối Tiên. Những món ăn đặc sản như tôm, cua, cá, sò huyết, ốc nhẩy... của Phú Yên sẽ đem lại cho du khách những hương vị khó quên.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào Kinh đa số sống trong tỉnh, ngoài ra còn có đồng bào Thượng sắc tộc Bahnar, Ê Đê, Roglai, Chàm... Các tôn giáo chính là Phật, Thiên Chúa, Hòa Hảo, thờ phụng Tổ tiên và Thần Linh.

Hoa mầu chính là lúa, trồng nhiều quanh tỉnh lỵ Tuy Hòa. Các hoa màu phụ như khoai, sắn, ngô, đậu... sắn trồng nhiều tại Đồng Xuân, cây kỹ nghệ có mía, thuốc lá, bông dừa (rất nhiều), dâu tằm. Cây ăn quả gồm xoài, chuối, vú sữa, dứa thanh long trồng khắp tỉnh, Đồng Xuân nổi danh có xoài ngon và nhiều mía, cây thuốc lá. Thuốc lá Sơn Hòa cũng nổi tiếng.

Rừng Phú Yên mang lại các loại gỗ trầm, lim, gụ, gỗ sơn, giáng hương, mây, trắc, cây dược liệu, đặc biệt là cây dầu rái. Phú Yên có bờ biển và nhiều đầm vũng cho nhiều loại tôm cá như cá thu, cá ngừ, cá hồng, mực, sò huyết, rong biển.... Dân ta còn làm ruộng muối, hai vùng Tuyết Di Âm và Lệ Uyển có nhiều ruộng muối phẩm chất tốt.

Lược sử

Đất Phú Yên xưa thuộc bộ Việt Thường, một trong 15 bộ của nước Văn Lang, rồi bị nhà Tần, nhà Hán và Chiêm Thành chiếm.

Năm 1578, vua Lê vượt đèo Cù Mông đánh thắng quân Xiêm trong thung lũng sông Đà Rằng và lập nên phủ Phú Yên. Nhưng vì triều Lê ở xa thêm các vấn đề Nam Bắc triều, rồi Trịnh-Nguyễn phân tranh nên vùng đất nầy vẫn còn thuộc Chiêm Thành. Đến năm Tân Hới 1611, chúa Nguyễn Hoàng mới đánh chiếm, chia thành hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa thuộc Quảng Nam. Năm 1629, chúa Nguyễn Phúc Nguyên đặt thành dinh Trấn Biên. Năm Giáp Tý 1744 Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát chia nước thành 12 dinh, đất nầy trở thành dinh Phú Yên, đời

Gia Long đổi thành trấn, đời Minh Mạng đổi thành tỉnh.

Khi hịch Cần Vương truyền đi khắp nước, đồng bào Kinh cũng như đồng bào Thượng đều tham gia kháng chiến đánh quân Pháp. Năm 1885, anh hùng Mai Xuân Thưởng phất cờ khởi nghĩa ở tỉnh Bình Định cũng lập một căn cứ ở Cheo Reo (Phú Bổn) và thường cùng với nghĩa quân (đa số là đồng bào Thượng) tiến xuống Phú Yên đánh phá các đồn bót của giặc.

Năm 1895, thực dân khốn đốn với cuộc nổi dậy do anh hùng Võ Trứ lãnh đạo. Được sự hỗ trợ của anh hùng Trần Cao Vân ở Bình Định, ông Võ Trứ xuống quận Sơn Hòa (Phú Yên) , sử dụng nghề thầy thuốc, trừ tà dịch như một phương tiện gặp gở đồng bào để truyền bá tư tưởng đấu tranh cứu nước, chiêu mộ nhiều người nghĩa dũng và được sự hậu thuẫn tích cực của đồng bào Thượng vùng miền núi và các vị sư tu hành trong tỉnh, Ông lập căn cứ tên dãy núi Mô Cheo (giữa quận sông Cầu và quận Đồng Xuân). Thực dân gọi lực lượng kháng chiến của ông là "giặc thầy chùa" và "giặc rựa" vì có các vị sư đi kháng chiến và nghĩa quân sử dụng vỏ khí phần lớn là rựa đi rừng. Mùa hè năm 1889, ông Trần Cao Vân xuống Đồng Xuân tham gia cuộc khởi nghĩa. Hơn 1000 nghĩa quân từ vùng rừng núi tràn về đánh chiếm quận Sông Cầu. Nhưng hỏa lực của giặc quá mạnh, nghĩa quân phải rút vào rừng. Giặc ra lệnh khủng bố đốt cháy ba ngôi làng chứa chấp nghĩa quân. Ông Trần CaoVân bị bắt. Còn anh hùng Võ Trứ tự nạp mình để cứu dân lành. Giặc đem xử tử ông ngay ở pháp trường.

Năm 1908, không khí đấu tranh sôi sục khắp nước. Việc chống thuế và bắt đi phu lan rộng. Đồng bào ở Bình Định qua phụ tay với đoàn biểu tình ở sông Cầu. Giặc chặn ở Phước Lãnh, dân ta vòng qua núi vào La Hai. Ngày 11 tháng 5, hơn hai ngàn người kéo đến Tuy Hòa, quân Pháp và tay sai đàn áp, nổ súng làm nhiều người chết và bị thương. Ngày 14-5, đoàn biểu tình lại kéo đến tỉnh lỵ gây rối loạn hàng ngũ chúng.

Phong cảnh, di tích

Ghềnh Đá Đĩa : Thuộc xã An Ninh Đông, huyện Tuy An, một ghềnh đá có cấu tạo kỳ lạ gồm nhiều tảng đá lớn dựng đứng xếp đều đặn theo hình ngũ giác, lớp nọ xếp liền theo lớp kia trên một vùng rộng lớn. Từ xa đứng nhìn, hòn nọ gắn liền

với hòn kia đều đặn như một tổ ong. Lại gần, những viên đá có hình trụ chồng lên nhau như những chồng chén, đĩa trong các lò sành sứ, đá có màu đen tuyền, nửa chìm, nửa nổi bên bờ biển. Ở giữa ghềnh có một lõm trũng, lâu ngày nước mưa và nước biển đọng vào tạo thành một vũng, các loài cá nhỏ đủ màu xanh, đỏ, tím, vàng bơi lội tung tăng. Xung quanh lõm, đá dựng tầng tầng. Sóng đập vàp ghềnh thường xuyên tạo nên nước bọt trắng xóa, rất đẹp. Bên cạnh ghềnh Đá Đĩa là khu vực Bãi Bàng, với những tảng đá màu vàng sáng nằm dưới những tán cây bàng rợp mát, là nơi nghỉ ngơi, cắm trại, dã ngoại lý tưởng. Phía trước ghềnh Đá Đĩa là một hang đá sâu và rộng có thể chứa cả trăm người. Đường đi đến đó khá vất vả, thắng cảnh còn ở dạng nguyên sơ, chỉ trừ mùa mưa và mùa biển động, còn quanh năm thắng cảnh ghềnh Đá Đĩa đều có thể đón khách bốn phương.

Bãi Biển Mỹ Á : Thuộc địa phận xã An Phú, huyện Tuy An. Bãi biển đẹp cát trắng nước trong trải dài dưới bóng dừa xanh mát. Ngoài khơi là các đảo lớn, trong đó đảo Hòn Chùa có diện tích 0,22km², nơi có cảnh quan đẹp với hệ sinh thái biển phong phú thuận lợi cho các hoạt động du lịch biển.

Vịnh Xuân Đài : Thuộc xã Xuân Thọ, huyện Sông Cầu. Vịnh có bãi biển đẹp, kín gió. Giữa vịnh là những cồn cát nhô lên. Có diện tích rộng khoảng 25 ha, là nơi nghỉ dưỡng lý tưởng của Phú Yên.

Khu Bảo Tồn Thiên Nhiên Krong Trai : Nằm sát quốc lộ 25, phía Tây Nam của tỉnh, thuộc huyện Sơn Hòa. Rừng Krong Trai có diện tích 22.290 ha, trong đó rừng tự nhiên là 71,8%, có nhiều loại động, thực vật quí hiếm. Nơi đây còn bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên và văn hóa của các dân tộc ít người, thuận lợi cho loại hình du lịch sinh thái.

Vũng Rô - Khu Bảo Tồn Thiên Nhiên Bắc Đèo Cả : Vũng Rô nằm ở phía Nam, cuối tỉnh Phú Yên, cách thị xã Tuy Hòa 25 km bên đường quốc lộ và đường sắt thống nhất. Vũng Rô là một điểm tham quan biển vào loại đẹp ở khu vực miền Trung Việt Nam. Được bao bọc bởi dãy núi Hòn Bà, Vũng Rô là vịnh kín có độ sâu lớn để có thể tiếp nhận tàu có trọng tải trên 10.000 tấn. Ven bờ vịnh có bãi tắm nhỏ xinh xắn và rất sạch đẹp như bãi Hòn Mưa. Kề bên Vũng Rô là khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Đèo Cả, đó là khu rừng cấm nằm trên sườn đồi núi (phần đồi

núi kéo dài của núi Vọng Phu). Khu rừng có diện tích tự nhiên là 8780 ha, có hệ thống động, thực vật đa dạng bao gồm 191 loài thực vật, 22 loài thú, 55 loài chim. Một số loài thú quí hiếm như trĩ sao, khỉ mặt đỏ, gấu ngựa, gấu chó, tê tê, báo hoa... sống trong rừng.

Đầm Ô Loan : Bên chân đèo Quán Cầu là đầm nước lợ rộng 1200 ha, tiếp giáp các xã An Cư, An Thạch, An Hải, An Ninh của huyện Tuy An. Đầm Ô Loan rộng lớn có cảnh trí đẹp, nổi tiếng với các đặc sản như sò huyết, hàu... Hàng năm vào 07-01 âm lịch địa phương có tổ chức lễ hội đua thuyền tưng bừng với những nét văn hóa đặc trưng của dân Phú Yên tại Đầm Ô Loan.

Tháp Nhạn : Tháp được xây dựng uy nghi trên một khu đất tương đối bằng phẳng gần đỉnh núi Nhạn, bên bờ Bắc sông Đà Rằng, gần quốc lộ 1, thị xã Tuy Hòa. Tháp Nhạn là nơi thờ phụng thần linh của người Chăm cổ từ thế kỷ 2 trở về trước. Tháp có hình tứ giác có 4 tầng, càng lên cao càng thu nhỏ lại so với tầng dưới, nhưng vẫn theo phong cách tầng dưới. Tháp cao gần 20 m, mỗi cạnh chân tháp dài 11 m. Trên mặt tường tháp không có hoa văn trang trí. Vòm cửa giữa hình cung nhọn có hình đầu quái vật trên đỉnh. Đây là một chóp tháp được kết hợp hài hòa giữa hai hình tượng chóp nón cùng với hình tượng Linga, một vật mà người Chăm thường thờ ở các tháp, nên chóp tháp ở đây tạc theo hình tượng Linga nhưng chưa có dạng hoàn chỉnh như những Linga ở Ponagar hoặc Đà Nẵng và Quảng Nam. Khi quân Pháp xâm lược nước ta, chúng nã pháo làm cho đỉnh tháp và 3 góc tháp bị đổ về phía cửa tháp ở hướng Đông. Hiện nay trong tháp Nhạn không có bộ thờ, các tượng thờ. Phía sau tháp có một phiến đá lớn cao 1,30 m, mỗi cạnh rộng 0,90 m, dưới chân có chạm hình cánh sen. Dưới chân núi Nhạn về phía Tây Nam, ven bờ sông có một tảng đá khá bằng phẳng trên khắc 3 chữ cổ (dạng chữ Phạn) ta thường gặp ở các tấm bia trụ cột trong các tháp Chàm như ở Ponagar. Tảng đá cao 5 m, rộng 5 m. Chữ khắc ở khoảng 1/3 tảng đá. Có lẽ đây là thư tịch duy nhất ở khu vực tháp còn lưu lại. Tháp Nhạn tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc của người Chăm ở vùng đất Phú Yên xưa.

Thành Hồ : Thành Hồ (Phú Yên) là một tòa thành lớn của người Chăm xưa, được xây dựng trên địa bàn xã Hòa Định Đông, huyện Tuy Hòa. Thành Hồ đóng vai trò

quan trọng trong lịch sử dân tộc Chăm. Hiện Thành Hồ chỉ còn lại các phế tích như tháp Hòn Mốc, tháp Bàu sen, tượng và tường thành. Các nhà nghiên cứu văn hóa khái quát thành Hồ Phú Yên như sau. Thành chia làm 2 khu: Đông và Tây. Khu Tây là thành Nội có phế tích tháp Chămpa, móng tháp có hình vuông, mỗi cạnh 9,5 cm. Gạch xây tháp có 20 loại kiểu dạng kích thước khác nhau. Trong 3 tường thành còn lại (trừ tường thành phía Nam bị sông Đà Rằng xói lở) hiện còn tường cao 3 - 5 m, rộng 15 - 25 m. Cách Thành Hồ về phía Đông Bắc chừng 150 m, còn lại phế tích Bàu Sen, đó là nền tháp đổ có chu vi 16m, gò gạch tháp còn lại cao 1,8 m. Tại khu vực thành Hồ đã phát hiện được khá nhiều tượng Chămpa, trong đó có tượng người, tượng voi. Đặc biệt trên bệ thờ lòng tháp còn tìm được Linga - Yony, tạo dáng hình vuông. Từ đây cho thấy Thành Hồ Phú Yên có từ thế kỷ 15 - 16 là kinh thành của vương quốc Chămpa.

Chùa Bảo Tịnh : Chùa tọa lạc ở số 174 đường Phan Đình Phùng, thị xã Tuy Hòa, Phú Yên. Chùa do thiên sư Liễu Quán khai sơ vào cuối thế kỷ 17. Chùa đã được trùng tu nhiều lần. Ngôi chùa hiện nay được xây dựng vào năm 1962, hai tầng có kết cấu bê tông cốt thép.

Mộ Và Đền Thờ Lê Thành Phương : Tại xã An Dân, huyện Tuy An, Lê Thành Phương, một chí sĩ yêu nước thuộc phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp năm 1885. Ông là người đứng lên chiêu mộ khoảng 1000 nghĩa quân chống Pháp, vây chiếm thành Phú Yên và làm chủ thành trong nhiều ngày. Sau đó ông bị Pháp bắt và hành hình ngày 28 tháng giêng năm Đinh Hợi (1887) tại làng Bình Hòa, huyện Tuy An. Hàng năm nhân dân địa phương tổ chức lễ hội dâng hương tại đền để tưởng nhớ đến ông.

Chùa Đá Trắng (Chùa Từ Quang) : Nằm trên sườn núi Đá Trắng thuộc xã An Dân, huyện Tuy An, cách thị xã Tuy Hòa 20 km về phía Bắc, Chùa Từ Quang được tạo lập vào năm 1797 dưới triều vua Quang Toản nhà Tây Sơn. Đây là một trong số chùa nổi tiếng ở Phú Yên, dân địa phương thường gọi là chùa Đá Trắng. Vị tổ sư đầu tiên của chùa là Thiền sư Húy Pháp chuyên thuộc phái Lâm Tế, đến nay là đời thứ 10 Thiền sư Phái Lâm Tế trụ trì chùa Từ Quang. Chùa được xây trên độ cao chừng 100 m, mặt nhìn ra Sông Cái (cửa Tiên Châu), vùng đất từng là thủ phủ

của tỉnh Phú Yên đầu thế kỷ 17. Con đường quanh co lát bằng đá tảng dẫn lên cửa chùa. Phía sau chánh điện là nhà tổ và khu vườn bảo tháp. Các tháp mộ chùa Đá Trắng được chạm khắc phù điêu hình hoa văn trang trí và hình tượng "tứ linh". Xung quanh chùa là vườn xoài cổ thụ xanh mát. Xoài Đá Trắng là đặc sản của Phú Yên nổi tiếng thơm ngon. Chùa Đá Trắng được vua ban Sắc Tứ vào năm 1889, đến năm 1929 chùa bị hỏa hoạn cháy rụi và được Đông đảo bà con phật tử khắp các tỉnh miền Trung quyên góp xây dựng lại. Đến năm 1988, chùa Đá Trắng đại trùng tu chính điện. Trong chùa còn giữ bảo vật là khuôn Đại Hồng nặng 330 cân, do Hòa thượng Pháp Ngũ đúc tại kinh đô Phú Xuân năm 1915 đưa về chùa.

Mộ Và Đền Thờ Lương Văn Chánh : Tại xã Hòa Trị, thị xã Tuy Hòa. Lương Văn Chánh là người có công với sự nghiệp chiêu tập, lưu dân khai khẩn đất đai cả một vùng rộng lớn từ đèo Cù Mông - Bà Đài đến Bà Diễn - Đà Nông (vùng đất Phú Yên ngày nay). Sau khi mất, mộ và đền thờ ông được xây dựng vào những năm 30 của thế kỷ 17. Đến năm 1822, dưới thời vua Minh Mạng, ông được phong là "Thế Phổ Cao Hoàng Di" và được vua cho xây mộ lại lớn hơn. Để tưởng nhớ người có công khai hoang vùng đất này, hàng năm nhân dân địa phương tổ chức cúng tế, chăm lo giữ gìn khu mộ và đền thờ.

Các dịp lễ hội

Lễ Hội Xây Cột Đâm Trâu Của Người Ba Na : Là lễ hội lớn nhất của người Ba Na sống ở phía Đông dãy Trường Sơn, tại Thổ Lồ, Xí Thoại, vùng tiếp giáp 3 tỉnh Gia Lai - Bình Định - Phú Yên, người Ba Na có 3 lễ lớn : lễ mừng lúa mới (tết đổ đầu), lễ bỏ mã và lễ hội đâm trâu. Tuy không phải năm nào cũng tổ chức, song lễ hội xây cột đâm trâu vẫn là lễ hội lớn nhất. Đây là lễ tạ ơn trời đất của người Ba Na sau khi vượt qua những tai ương như mất mùa, đau ốm, súc vật chết... Họ làm lễ cúng Giàng và hứa sẽ tạ ơn bằng một con trâu. Ba năm một lần, buôn làng xây cột đâm trâu, chuẩn bị một con trâu đực, 3 - 4 con bò, 5 - 7 con heo, hàng chục con gà, trăm ché rượu, ba chục gùi gạo để mời khách các buôn làng xung quanh đến chung vui.

Già làng chọn địa điểm xây cột, trồng xuống một cây gôn (plang) làm cột chính. Đến khi cây đâm chồi, chọn ngày lành tháng tốt dân làng dựng nêu, chôn cột

xung quanh. Cây niêu là 4 cây cột chân bằng gỗ bút trắng được chạm khắc hoa văn và tô màu rất đẹp. Trên đỉnh cột chính đặt bàn thờ Giàng, bọc vải uy nghi, trang trí những bức tranh đan bằng lồ ô nhuộm đủ màu sắc và tua, dải xung quanh. Lễ hội kéo dài trong 3 ngày. Ngày đầu tiên bắt đầu bằng 3 hồi cồng vang rộng núi rừng, thầy cúng làm lễ cúng rước trong nhà rông. Lễ vật chính là một chén rượu quí, 1 con heo sống đặt chính giữa nhà, đầu quay về hướng mặt trời lặn. Mọi người uống rượu rồi dắt trâu vào cột để cúng trời. Buổi chiều buôn làng đón khách mang theo cồng chiêng, múa, hát chào mời, sau đó chủ và khách cùng nhau uống, trai gái múa hát giao duyên.

Ngày thứ 2 sau lễ cúng giàng, dân làng cử một thanh niên đâm trâu một cách tượng trưng. Đầu trâu được rước vào nhà rongmột đêm để cúng. Dân làng làm cỗ ăn mừng. Mọi người nắm tay nhau nhảy múa trong tiếng nhạc cồng chiêng vang vọng núi rừng.

Lễ hội của người Ba Na ở Phú Yên có nhiều điểm khác với lễ hội ăn trâu của các dân tộc vùng cao nguyên khác, nhưng đều giống nhau ở ý nghĩa mang lại niềm tin, tình yêu thương và tạo sức mạnh cho con người chiến thắng tai ương, đẩy lùi đói nghèo.

Quảng Bình

Diện tích : 7984 km².

Dân số : 812.600 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Đồng Hới.

Các huyện : Tuyên Hóa, Minh Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy.

Dân tộc : Việt (Kinh), Bru - Vân Kiều, Chứt, Lào...

Quảng Bình là tỉnh thuộc miền Trung, phía Bắc giáp Hà Tĩnh, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp Lào, phía Nam giáp Quảng Trị. Địa hình tương đối phức tạp, núi rừng sát biển tạo thành độ dốc cao dần từ đông sang tây. Đồng bằng nhỏ hẹp, chủ yếu tập trung theo hai bờ sông chính. Quảng Bình có nhiều sông ngòi. Bờ biển kéo dài 116 km với hai cảng lớn : cảng Gianh và cảng Nhật Lệ. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới gió mùa, chia làm hai mùa : mùa khô và mùa mưa. Nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 25 - 26°C. Thị xã Đồng Hới cách Hà Nội 491 km đường bộ, và 522 km đường xe lửa. Giao thông tương đối thuận tiện.

Quảng Bình có hai nhánh của dãy núi Trường Sơn phân chia thành hai khu vực: châu thổ sông Gianh ở phía Nam và một bình nguyên ở phía Bắc lan rộng đến Hà Tĩnh, nơi chân dãy núi Hoành Sơn Quan, Quảng Bình còn một khu vực thứ ba tạo nên dãy Trường Sơn với những đồi núi toàn rừng rậm.

Các đỉnh núi cao của Quảng Bình từ Bắc xuống Nam là núi Ba Ròng cao 1137 m, núi Đại Đù 890 m, núi Ư Bo 1000 m, núi Co Ta Sun nằm sát biên giới giữa Việt - Lào cao 1624 m, núi Động Châu ở phía Tây - Nam, ở ngay biên hai tỉnh Quảng Bình - Quảng Trị cao 1254 m. Phía Đông có những đỉnh thấp hơn với độ cao khoảng 400 m. Tỉnh lỵ Đồng Giới giáp ranh với hai dãy đồi dính liền núi Đầu Mâu thuộc dãy Trường Sơn. Về phía Tây là Đèo Mụ Già thông qua Lào.

Phía Bắc Quảng Bình có sông Ròn và Sông Gianh (còn gọi là Linh Giang hay Thanh Hà) rộng khoảng 800 m, là con sông lịch sử được lấy làm ranh giới phân chia đất nước thời Trịnh - Nguyễn. Phía Nam là các sông Lý Hòa, sông Nhật Lệ và sông Dinh. Sông Nhật Lệ nhận nước Kiên Giang ở Hữu Ngạn rồi đổ ra cửa sông Nhật Lệ. Ở ngoài biển có vài hòn nhỏ nằm về phía Nam và Đông Nam mũi

Độc như hòn La, hòn Gió, hòn Chùa, hòn Vũng, hòn Cồ.

Nằm ở cửa ngỏ đường vô xứ Huế, gối đầu lên đỉnh đèo Ngang thơ mộng, dải đất Quảng Bình trải ra như một bức tranh hoành tráng về non xanh nước biếc. Phong cảnh ở đây thật kỳ vĩ, sơn thủy hữu tình. Bờ biển Quảng Bình có những bãi cát vàng óng ánh dưới rừng dương xanh có nhiều bãi tắm đẹp, nước biển lung linh màu ngọc bích và chưa bị ô nhiễm. Động Phong Nha là một trong những hang động lớn và đẹp nhất ở Việt Nam.

Gió mùa Đông Bắc thổi từ tháng Mười đến cuối tháng Ba có mưa và trước khi đổi sang mùa nắng là mưa phùn. Gió mùa Đông Nam thổi từ tháng Tư đến cuối tháng Chín. Trong tháng Tám và tháng Chín thường có bão. Nhiệt độ trung bình ở tỉnh lỵ Đồng Hới 25,3°C.

Sinh hoạt, kinh tế

Phần lớn dân sinh sống trong tỉnh thường là người Kinh. Ngoài ra còn có một vài sắc tộc khác như Vân Kiều, Tôi Oi (còn gọi là Pacoh), Kha Tu. Tôn giáo chính là đạo Phật, Thiên Chúa, thờ phụng Tổ Tiên và Thần Linh.

Vì đất Quảng Bình có nhiều ruộng cát nên ít đất trồng trọt tốt. Chỉ có huyện Lệ Thủy là nhiều ruộng lúa. Hoa màu chính của tỉnh Quảng Bình là lúa gạo; gạo Lệ Thủy và Phong Châu rất ngon. Vùng thượng lưu trồng lúa núi gọi là lúa Lốc. Các hoa màu phụ là ngô, khoai, mía, hồ tiêu. Ngoài ra dân chúng còn trồng thuốc lá (huyện Lệ Thủy) có thuốc cửa rất nổi tiếng, bông, chàm chàm để nhuộm và dâu để lấy lá chăn tằm. Rừng Quảng Bình có khá nhiều lâm sản quí như lim, giáng hương, gụ, mun, kiền kiền và mây, tre, trúc xe điều, mật ong, sáp ong, cây dược liệu. Đất Bồ Chính có giống nhân sâm nổi tiếng.

Dân chúng còn làm nghề đánh cá ven biển. Vùng sông Ròn có nhiều tôm hùm. Khoáng sản trong tỉnh không nhiều, chỉ có mỏ đá vôi, sa thạch và phiến nham thạch cứng ở Quảng Ninh và Quảng Trạch.

Lược sử

Đất Quảng Bình xưa đã là đất Lập Quốc, thuộc bộ Việt Thường, một trong mười lăm bộ của nước Văn Lang. Đến thời Thục, An Dương Vương đổi tên nước là Âu Lạc. Quảng Bình thuộc Tượng Quận. Năm 207 trước Tây lịch, khi Triệu Đà chiếm

Âu Lạc, đổi tên thành Nam Việt, chia nước thành hai quận thì Quảng Bình thuộc quận Cửu Chân. Năm 111 trước Tây lịch, nhà Tây Hán chiếm Nam Việt và đổi tên thành Giao Chỉ Bộ, chia đất thành chín quận thì Quảng Bình thuộc quận Nhật Nam.

Từ năm 39, Hai Bà Trưng khởi nghĩa, đến năm 192, dân ta ở Nhật Nam luôn nổi dậy chống lại sự xâm lược của nhà Hán. Sau đó đời Hiến Đế nhà Hán, một số người theo khu liên tự xưng là vua Crimara chiếm huyện Tượng Lâm, lập nước Lâm ấp rồi chiếm luôn quận Nhật Nam của nước ta làm ranh giới. Nước Lâm Ấp lần lượt đổi tên là Hoàn Vương và Chiêm Thành. Khi nhà Tùy chiếm nước Lâm Ấp, đất Quảng Bình chia làm hai huyện Thọ Linh và Tây Quyên thuộc Đằng Châu. Sau vua Lâm Ấp là Phạm Phan Chí lấy lại được, đất Quảng Bình thuộc hai châu Bố Chính và Địa Lý.

Tới 1069, vua Chiêm Thành là Chế Củ bị vua Lý Thánh Tông đánh thua, dâng ba Châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh. Năm 1075, vua Lý Nhân Tông đổi Địa Lý thành Lâm Bình. Năm 1361,vua Trần Duệ Tông lần lượt đổi Châu Lâm Bình là phủ Lâm Bình, phủ Tân Bình (1375), và lộ Tân Bình. Năm 1400, Hồ Quí Ly đổi lộ Tân Bình thành Trần Tây Bình. Giặc nhà Minh lại đổi là phủ Tân Bình kèm thêm hai châu Bố Chính và Minh Linh. Dẹp xong giặc Minh, nhà Hậu Lê đặt thành lộ Tân Bình thuộc đạo Hải Tây. Năm 1469, vua Lê Thánh Tông đặt là phủ Tân Bình gồm hai huyện Lệ Thủy là Khương Lộc. Hai châu Bố Chính và Minh Linh tách ra thuộc về Thuận Hóa, phủ Tân Bình đổi tên thành Tiên Bình dưới đời vua Lê Kính Tông (1601).

Năm 1604, chúa Nguyễn Hoàng đổi phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình, rồi là dinh Quảng Bình. Từ năm 1627, cuộc phân tranh Trịnh - Nguyễn đã chia đất Quảng Bình làm hai, lấy sông Gianh làm ranh giới, gây sôi động không lúc nào yên. Phía Bắc gọi là Bắc Bố Chính (đàng ngoài) và phía Nam là Nam Bố Chính (đàng trong), cũng gọi là Bắc Hà và Nam Hà. Năm 1831 vua Minh Mạng đặt lại tên thành tỉnh Quảng Bình và tên đó tồn tại đến ngày nay, chỉ thay đổi diện tích lớn nhỏ mà thôi.

Thời Pháp thuộc, khi kinh thành Huế thất thủ (5-7-1885), Tôn Thất Thuyết và hai

người con là Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp phò vua Hàm Nghi vào chiến khu Tân Sở. Nhưng biết lực chưa mạnh ông mang quân lên Quảng Bình. Ngày 30-7-1885, thay lời vua anh hùng Tôn Thất Thuyết truyền hịch Cần Vương kêu gọi toàn dân kháng chiến. Đáp lời sông núi có hai vị anh hùng là Lê Trực (người xã Thanh Thủy) và Nguyễn Phạm Tuân chiêu mộ nghĩa quân trong tỉnh, vừa theo bảo vệ vua, vừa tung quân đánh Pháp.

Giặc tăng cường nhân lực truy lùng bắt vua, đụng với nghĩa quân nhiều trận. Vì lực yếu ngày 8-4-1887, Nguyễn Phạm Tuân bị giặc bắt trong lúc trọng thương nhưng quyết không khai dù bị tra khảo và từ trần tại đồn Minh Cầm hai ngày sau. Bên cạnh vua chỉ còn anh hùng Tôn Thất Thiệp và một số người khác di chuyển khắp nơi, được đồng bào Mường giúp đỡ rất nhiều. Lúc này, vua Hàm Nghi mới 18 tuổi, phải sống lam lũ như dân , mặc quần áo nâu sờn ăn cơm với muối và bị sốt rét rừng hành hạ.

Ngày 26-9-1968, vì tên tùy tùng Trương Quang Ngọc làm phản mật báo nơi lẩn trốn. Vua bị bắt tại làng Thanh Lạng Tôn Thất Thiệp liều chết và tử thương khi bảo vệ vua. Cũng từ lúc anh hùng Phan Đình Phùng khởi nghĩa, những con đường rừng núi từ chiến khu Bình Thứ đến Hà Tĩnh - Nghệ An - Thanh Hóa rầm rập bước chân kháng chiến, phất phới áo dân quân tiếp vận.

Trước năm 1975, Quảng Bình có các huyện Tuyên Hóa, Quảng Ninh, Quảng Trạch, Bố Trạch, Phong Lộc, Lệ Thủy.

Phong cảnh, di tích

Động Phong Nha : Động nằm ở vùng núi đá vôi Kẻ Bàng, cách thị xã Đồng Hới 50 km về phía Tây Bắc. Từ Đồng Hới, đi ô tô đến xã Sơn Trạch, sau đó đi thuyền trên sông Son, khoảng 30 phút thì đến động. Động Phong Nha có chiều dài 13.000 m gồm 14 hang do con sông Ngầm hòa tan đá vôi tạo thành. Các hang động có chiều cao từ 10 đến 40 m, ngay ở cửa hang có nhiều nhũ đá rủ xuống giống như hình những cái răng. Càng vào sâu bên trong, cảnh trí tự nhiên càng huyền ảo.

Cách đây mấy năm, một đoàn thám hiểm thuộc hội địa lý Hoàng Gia Anh, được sự cộng tác của khoa địa lý - địa chất trường đại học khoa học tự nhiên đã khảo sát động Phong Nha và một số hang động khác. Bằng phương tiện chuyên dùng,

đoàn thám hiểm đã vào sâu trong động tới 4500 m. Càng vào sâu, Phong Nha càng kỳ vĩ lạ lùng, dòng sông ngầm chảy qua đã tạo nên những bãi bồi rộng lớn. Các nhà thám hiểm cho rằng đây là một trong rất ít động trên thế giới có ngầm dài như thế, một kỳ quan đầy hấp dẫn cho những nhà thám hiểm, những người làm khoa học về địa chất và thủy văn. Tháng 4-1997, một cuộc hội thảo khoa học về di tích danh thắng Phong Nha - Xuân Sơn được tổ chức tại Quảng Bình. Kết quả nghiên cứu khảo sát cho biết Phong Nha có 7 cái nhất :

1. Hang nước dài nhất.
2. Cửa hang cao và rộng nhất.
3. Bãi cát và đá rộng đẹp nhất.
4. Hồ ngầm đẹp nhất.
5. Thạch nhũ tráng lệ và kỳ ảo nhất.
6. Dòng sông ngầm dài nhất Việt Nam 13.969 m.
7. Hang khô rộng và đẹp nhất.

Điều đặc biệt lý thú là tại khu di tích Phong Nha - Kẻ Bàng có cả một khu rừng nguyên sinh đang tồn tại nhiều loại động thực vật quí hiếm như vượn bạc má, cá chép tím, rùa vàng, và có cây chò hàng ngàn năm tuổi. Bởi những nét đặc sắc như vậy, động Phong Nha đã và sẽ là một điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam.

Đèo Ngang : Nằm ở phía Bắc của tỉnh Quảng Bình, trên trục đường quốc lộ 1A, cách thị xã Đồng Hới khoảng 80 km. Đèo Ngang nằm trên dãy Hoành Sơn, một mạch núi của dãy Trường Sơn chạy ngang ra biển Đông. Đèo Ngang dài 2560 m. Đường lên đèo quanh co uốn khúc vượt qua nhiều sườn đồi có độ dốc thoai thoải. Vượt đèo Ngang du khách có cảm giác như đang bồng bềnh giữa các mỏm núi đá hoa cương óng ánh. Đỉnh núi cao khoảng 250 m. Đứng từ đỉnh đèo, một khung cảnh ngoạn mục sẽ hiện ra dưới mắt du khách : phía Tây là đỉnh núi nhấp nhô của dãy Hoành Sơn, phía Đông là những trảng cát trắng điểm màu xanh của các rặng phi lao. Xa xa là biển cả mênh mông với những hòn đảo lô nhô tận chân trời khiến cho cảnh sắc nơi đây vừa hài hòa, vừa thơ mộng.

Khu danh thắng Lý Hòa : Khu danh thắng Lý Hòa nằm bên quốc lộ 1A, cách thị xã Đồng Hới 24 km. Lý Hòa là một đèo nhỏ. Ngay dưới chân đèo Lý Hòa là

những dãy đá nhấp nhô trên mặt nước. Cách đó không xa là một bãi cát trắng mịn dài, nước trong xanh, sóng nhẹ được gọi là bãi tắm Đá Nhảy. Phong cảnh ở khu này rất hữu tình, là nơi tắm biển lý tưởng và đây cũng là điểm đón khách đi thăm động Phong Nha bằng đường sông.

Bãi tắm Nhật Lệ và di tích Bàu Tró : Khu danh thắng cách thị xã Đồng Hới 2 km về phía Bắc gần cửa sông Nhật Lệ. Bãi tắm Nhật Lệ đẹp, phong cảnh hữu tình, thu hút nhiều khách du lịch đến tắm biển. Đến đây ngoài thú vui tắm biển, du khách còn được thăm di tích Bàu Tró. Năm 1923, nhà địa chất người Pháp đã khám phá và khai quật tìm thấy dấu tích người nguyên thủy thời kỳ đồ đá có niên đại cách đây 5000 năm. Đó là điểm giao thoa của hai nền văn hóa Việt - Chămpa.

Suối nước khoáng Bang : Đây là nguồn nước khoáng quí hiếm có nhiệt độ sôi khoảng 105°C, ở cách thị xã Đồng Hới 60 km và cách huyện Lệ Thủy 21 km về phía Tây. Trong tương lai nơi đây sẽ được xây dựng thành khu nghỉ dưỡng, chữa bệnh cho khách trong và ngoài nước.

Làng biển Cảnh Dương : Làng biển nằm bên quốc lộ 1A, cách đèo Ngang 10 km, cửa khẩu vùng Roòn, điểm tụ hội của nhiều luồng giao thông thuận tiện đường vào Nam ra Bắc. Làng biển Cảnh Dương là một trong những làng biển sầm uất và thịnh vượng của các làng biển Quảng Bình. Làng biển Cảnh Dương có bề dày lịch sử, văn hóa truyền thống. Năm Quý Mùi (1643), các ông tổ đầu tiên của làng từ trang Nghi Lộc (Nghệ An) vào vùng cát cạnh cửa Roòn lập nghiệp. Năm tháng trôi qua, làng đông đúc dần, công việc chày lưới, chế biến hải sản, bán buôn ngày càng phát đạt. Làng trở nên giàu có và thịnh vượng. Sinh hoạt văn hóa ở hương thôn theo đó mà phát triển. Hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian ở Cảnh Dương có nhiều hình nhiều vẻ, mang sắc thái địa phương. Xuân thu nhị kỳ, làng mở hội rước thần, hội đánh cờ người, hội nấu cơm thi, hội trải, hát chèo cạn... Cảnh Dương xứng đáng là một trong những làng văn vật (Sơn - Hà - Cảnh - Thổ; Văn - Võ - Cổ Kim) của Châu Bố Chính xưa và nay.

Huyện Phong Lộc có hai núi đẹp. Núi Đầu Mâu hùng vĩ, cao nhọn. Núi Thần Dinh thuộc huyện Quảng Ninh, trên núi có chùa Kim Phong, hang Cầm Nguyệt, động Chuông, động Trống có giếng đá nước ngọt bốn mùa.

Khe Đông Hồi bắt nguồn từ núi Ông Hồi, nơi Nguyễn Hữu Dật và Trương Văn Vân đánh bại quân Trịnh vào năm 1662 khe Lôi chảy từ Thạch Bàn đổ ra cửa Ròn. Động Lạc Sơn trên một núi đá vôi cao 294 m, trên thành động có khắc 32 hình vẽ thuộc triều vua Chàm Indrapura (980 - 986). Động Minh Lâm là một hình bầu dục, có chiều cao là 15 m,và rộng 8 m.

Huyện Quảng Trạch, làng Phan Long, quê Nguyễn Dương Danh nhà nghèo, lúc nhỏ đã mồ côi phải đi chăn trâu cho người bác, tối về bắt đom đóm để làm "đèn" tập đọc và viết những gì nghe lóm được từ con của người bác, vì thế đỗ tú tài rất sớm; năm 31 tuổi đỗ Giải Nguyên Khoa Giáp Ngọ (1834) đời Minh Mạng; ông làm quan thanh liêm, thương dân; lúc qua đời chỉ để lại cho con cháu một mái nhà tranh nhỏ hẹp. Làng Trung Ái là quê nguyễn Hàm Ninh, bạn thơ của Cao Bá Quát, danh sĩ và danh thần trải qua ba đời vua Minh Mạng, Thiệu Trị và Từ Đức; tính khí bộc trực nên cho dù vua có làm trái ông vẫn làm thơ phê phán thẳng thắn; ông là tác giả Tịnh Trai Thi Tập, Dược Sư Ngẫu Đề, Phản Thúc Ước...

Huyện Lệ Thủy, quê Dương Văn An, đỗ Đồng Tiến Sĩ đời Mạc, năm 1547; ông có công sửa chữa bộ Ô Châu Cận Lục. Quê Nguyễn Đăng Thạnh, văn thần đời chúa Nguyễn Phúc Khoát, tác giả Hiệu Tần Thi Tập, Chuyết Trai Văn Tập, Chuyết Trai Vịnh Sử Tập... Em ông là Nguyễn Đăng Tuấn rất giỏi thơ phú, văn quốc âm, tác giả Minh Khiêm Thi Tập; dòng họ ông có rất nhiều người khoa bảng. Đây cũng là quê Nguyễn Đăng Tuân, danh sĩ và lương thần nổi tiếng đời Nguyễn; con ông là Nguyễn Đăng Giai, danh thần cùng thời, giỏi quân sự và bang giao quốc tế.

Quảng Bình còn là quê Nguyễn Trọng Cẩn, danh sĩ thời Nguyễn Mạt; năm 1927 làm chủ bút tạp chí Thần Kinh; ông có trí nhớ hơn người; văn viết lưu loát, tự nhiên; năm 1947, mất vì trúng đạn của quân Pháp.

Thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, vì Quảng Bình là địa đầu của Đàng Trong đánh với Đàng Ngoài nên nay còn khá nhiều di tích cũ. Dãy núi Trường Sơn cùng với vùng ven duyên tạo nên nhiều thắng cảnh thiên nhiên rất đẹp.

Lũy Hoành Sơn : Phân ranh Quảng Bình với Hà Tĩnh có đá chất làm lũy chạy suốt đến bờ biển. Ngày xưa nước Lâm Ấp đắp lũy này để phân ranh giới với Giao

Châu, nay vẫn còn dấu tích của làng Lâm Ấp ở trong làng Trung Á, huyện Quảng Trạch.

Thành Ninh Viễn : Được đắp từ thời Tiền Lê, thuộc huyện Lệ Thủy ngày nay. Thành có một mặt dựa núi ba mặt cách sông lắm thế che cho Hóa Châu, ngoài cửa Nam có phiến đá khắc chữ "Ninh viễn thành trần bình nha cư yên."

Dinh Vó Xá : Thuộc huyện Quảng Ninh, phía Đông dinh là ruộng bùn lầy rất độc hại. Trước đây, trong lần đại chiến thứ tư, năm 1648, quân Trịnh bị quân Nguyễn tập kích tại vùng này, thiệt hại nặng nề. Vì vậy dân gian mới có câu ngạn ngữ :

"Hiểm nhất lũy Thầy
Thứ nhì đồng lầy võ xá."

Chùa Hoằng Phúc : Chùa ở làng Thuận Trạch, Lệ Thủy. Xưa kia Hoằng Phúc là một ngôi chùa lớn. Năm 1609, chùa được làm lại và có tên là Kính Thiên. Năm 1716, chùa tu sửa và được chúa Nguyễn Phúc Chu ban cho một biển đề tên chùa, một biển đề đại tự: "Vô song phúc địa" (đất phúc khôn sánh) và 5 câu đối chữ Hán. Chùa có 9 quả chuông nặng hàng ngàn cân.

Quảng Bình Quan : Quảng Bình Quan là một công trình kiến trúc gồm có cổng và hệ thống thành lũy được xây dựng năm 1630 để bảo vệ từ xa kinh đô Phú Xuân của chúa Nguyễn. Do biến thiên của lịch sử và thời gian, Quảng Bình Quan đã bị hư hại nặng. Hiện nay, Quảng Bình Quan đã được phục chế lại như nguyên bản cách đây hơn ba thế kỷ. Du khách ra Bắc vào Nam, ngang qua địa phận tỉnh Quảng Bình sẽ được chiêm ngưỡng Quảng Bình Quan, một di tích kiến trúc có giá trị lịch sử và nghệ thuật, đã đi vào văn thơ.

Lũy Đào Duy Từ : Hệ thống lũy Đào Duy Từ bắt đầu xây dựng từ năm 1630 đến năm 1662 nhằm ngăn chặn quân Trịnh. Hệ thống này gồm có bốn lũy chính : Lũy Trường Dục : Lũy dài 10 km bắt đầu từ chân núi Trường Dục đến đầm phá Hạc Hải; Lũy Nhật Lệ : bắt đầu từ cửa biển Nhật Lệ đến núi Đâu Mâu dài 12 km. Lũy cao 6 m, phía ngoài đóng gỗ lim, trong đắp đất làm 5 bậc; Lũy Trường Sa : chạy dọc theo bờ biển phía nam cửa Nhật Lệ dài 7 km; Lũy Trấn Ninh : thuộc địa phận hai xã Động Hải và Trấn Ninh. Đây là dấu ấn của một thời nội chiến đau khổ dưới thời Trịnh - Nguyễn phân tranh kéo dài gần 200 năm.

Thành Đồng Hới : Thành được vua Minh Mạng cho xây dựng vào năm 1824. Thành có chu vi 1872 m, mặt thành rộng 1,2 m, cao 4,6 m. Thành có 3 cửa : Tả, Hữu, Hậu xây bằng gạch. Dấu tích của thành Đồng Hới còn lại khoảng 500 m.

Các dịp lễ hội

Là vùng đất đã một thời là ranh giới giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài, là điểm giao thoa hội tụ của nhiều luồng văn hóa, là chiến trường ác liệt trong hai cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ Quốc, Quảng Bình ngày nay còn giữ được nhiều di tích lịch sử, văn hóa của nhiều thời đại khác nhau. Nằm ở vùng Bắc Trung Bộ, Quảng Bình mang những nét đặc trưng của truyền thống văn hóa khu vực này. Nhiều lễ hội gắn bó với cuộc sống sông nước như lễ hội cầu mùa, lễ cầu ngư... Tuy nhiên, Quảng Bình cũng là một địa phương có nhiều dân tộc cư trú vì vậy truyền thống văn hóa cũng khá phong phú. Kho tàng văn hóa văn nghệ dân gian đa dạng, thể hiện ở đây có nhiều loại nhạc cụ như trống, thanh la, chiên núm, kèn, đàn... Đặc biệt là có nhiều làn điệu dân ca khác nhau. Hát sim là hình thức hát đối nam nữ của người Bru-Vân Kiều sống ở tỉnh Quảng Bình. Người Chứt có làn điệu dân ca Kà-tưm, Kà-lềnh; các truyền thuyết và truyện cổ dân gian dồi dào gồm nhiều đề tài khác nhau; nhạc cụ có khèn bè, đàn ống, lồ ô, sáo 6 lỗ...

Lễ hội Cầu Ngư : Đây là lễ hội Cầu Ngư của người dân Quảng Bình. Lễ hội diễn ra từ ngày 14 đến 16 tháng 4 âm lịch hàng năm tại xã Bảo Ninh (Đồng Hới). Đình làng thờ nhân thần (hai cha con người đánh cá) và cá Ông (cá Voi cứu dân làng khỏi bị đắm thuyền trong một trận bão). Phần lễ mở đầu có tục rước cốt Ông từ làng về đình, có diễn "hò khoan, chèo cạn", múa bông. Tiếp theo là ngày hội xuống biển, có lễ thả thuyền giấy, cá giấy xuống biển, làm lễ cầu khấn của một làng nghề đánh cá với những ước mơ về một mùa bội thu.

Hò khoan Lệ Thủy : Hay còn gọi là hò khoan Quảng Bình, có 9 mái (làn điệu), trong đó có mái cơ bản là : mái chè, mái nện, mái xắp, mái ba, mái ruỗi, mái nhì và hò nậu xăm, hò khơi (miền biển), hò lía trâu (miền đồi núi). Trước đây, người ta hò mái chè, mái nhện lúc cất nhà, quét vôi, nhện móng xây dựng đền chùa; mái nhì lúc cày ruộng, xay lúc một mình; hò mái ruỗi, mái ba lúc chèo đò, chèo nôốc-kết đưa đám... Vào những dịp lễ hội (xuân thu nhị kỳ), nam thanh nữ tú thôn

mạc đêm đêm đua tài đối đáp bắt miệng, "đâm bắt" hoặc theo đề tài có sẵn quy ước hò khoan có lối : Nhơn Nghĩa, Xa Cách, Bồn Ba, Hò Kiều... Hò khoan Lệ Thủy đạt đến trình độ điêu luyện, luyến láy tinh vi khiến người nghe dễ xúc động riêng tư, rung động lòng người, đồng thời cũng có những tàn điệu khỏe mạnh, mộc mạc vui nhộn, chân chất của người nông dân. Hò khoan Lệ Thủy là một phần cấu thành dân ca Bình - Trị - Thiên trong âm nhạc truyền thống Việt Nam.

Hội trải Quảng Bình : Cũng như dân cư sinh sống ở mọi miền sông biển, người dân Quảng Bình hàng năm mở hội đua thuyền. Hội đua thuyền có từ lâu trên mảnh đất Quảng Bình, trước thời chúa Nguyễn. Ở Bảo Ninh (Đồng Hới), trước đây hội đua thuyền tổ chức sáu năm một lần vào các năm Tỵ và Ngọ. Điều khác lạ là phần kết thúc lễ hội đua thuyền là lễ Buông Phao, tưởng nhớ người đã chết trên sông nước. Hội đua thuyền Lệ Thủy, theo truyền khẩu, được tổ chức hàng năm về mùa xuân hoặc dịp tháng 6 âm lịch kết thúc vụ mùa.

Quang Nam

Diện tích : 11.043 km² .

Dân số : 1.372.424 người (1999).

Tỉnh lỵ : Thị xã Tam Kỳ.

Thị xã : Thị xã Hội An.

Các huyện : Hiên, Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Giằng, Thăng Bình, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Phước Sơn, Núi Thành, Trà My.

Dân tộc : Việt (Kinh), Cơ Tu, Xơ Đăng, Giẻ Triêng, Co...

Nằm ở giữa miền trung Việt Nam, phía Bắc Quảng Nam giáp Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng, phía Tây giáp nước Lào, phía Nam giáp Quảng Ngãi, phía Đông giáp biển Đông, ngoài khơi có đảo Cù Lao Chàm với ngư trường rộng lớn.

Quảng Nam có nhiều đồi và núi (chiếm 72% diện tích) với nhiều ngọn núi cao: núi Lum Heo cao 2045 m, núi Tion cao 2032m, núi Gole-Lang cao 1855m. Vùng đất thấp ven biển là đồng bằng châu thổ, chiếm gần 25% diện tích đất của tỉnh tập trung ở phía Đông, trải dài hai bên quốc lộ.

Quảng Nam có nhiều đặc sản nổi tiếng như chè Phú Thượng, quế Trà My, cói Hội An, đường mía Điện Bàn... Các con sông lớn đều chảy dãy Trường Sơn ra biển Đông : sông Vu Gia, sông Thu Bồn, sông Tam Kỳ.

Quảng Nam có hai loại khí hậu khá rõ rệt là khí hậu của vùng nhiệt đới ven biển và khí hậu ôn đới vùng cao. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 25°C. Ở Quảng Nam có hai mùa phân biệt rõ rệt : từ tháng 2 đến tháng 4 là mùa khô, từ tháng 9 đến tháng 12 là mùa mưa. Lượng mưa trung bình năm khoảng 2000 mm.

Trong tiến trình lịch sử, vùng đất Quảng Nam và Đà Nẵng được tạo lập trên con đường phát triển về phía Nam của nhiều thế hệ người Việt. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu tích văn hóa thời đại kim khí ở thế kỷ thứ nhất trước công nguyên, đó là nền văn hóa Sa Huỳnh, sau đó được người Chămpa kế thừa và sáng tạo ra nền văn hóa Chămpa.

Vương quốc Chămpa đã có hai thời kỳ cực thịnh với những cung điện, đền đài, thành quách uy nghi tráng lệ được xây dựng từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 9. Năm 1306, vùng đất Quảng Nam trở thành đất của Đại Việt. Đây là đất sính lễ của vua Chế

Mân dâng lên vua Trần Anh Tông khi cưới công chúa Huyền Trân về làm hoàng hậu vương quốc Chămpa. Năm 1471, dưới thời vua Lê Thánh Tông, Quảng Nam là tuyên thừa thứ 13 của Đại Việt.

Năm 1570 - 1606 Nguyễn Hoàng (chúa Nguyễn sau này) khi làm lãnh chấn Quảng Nam đã coi Đà Nẵng là cửa ngõ yết hầu miền Thuận Quảng, biến nó thành đất dung nạp những người từ phía Bắc vào khai canh, lập ấp, mở mang sản xuất và dùng thương cảng Hội An khai thông giao lưu với bên ngoài... Năm 1832 được vua Minh Mạng đổi thành Quảng Nam dinh.

Tỉnh Quảng Nam đã được thành lập từ năm 1831, là một tỉnh nông nghiệp. Hai dòng sông Thu Bồn và Tam Kỳ vừa tô điểm cho Quảng Nam vừa là đường giao thông rất tiện lợi.

Phố cổ Hội An (trước đây là cảng Đại Chiêm), một trong những đô thị cổ nhất Đông Nam Á, đến nay vẫn giữ được gần như nguyên vẹn. Phố cổ Hội An đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Sinh hoạt, kinh tế

Dân chúng sinh sống tại Quảng Nam khá đông gồm có người Kinh, người Thượng (sắc dân Kha Tu), người Chàm và một số người Việt gốc Hoa. Đồng bào trong tỉnh theo đạo Phật, Khổng, Thiên Chúa và Cao Đài rất trọng tục lệ, tính tình khảng khái, hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính người trên. Dân chúng hành nghề đánh cá tại các vùng có sông ngòi và bờ biển, ngoài ra còn có làm nước mắm. Nước mắm vùng Nam Ô nổi tiếng.

Nông nghiệp là sinh hoạt chính của tỉnh. Nhưng dù đồng bằng do phù sa bù đắp, bà con nông dân phải chịu rất nhiều khốn khó vì thời tiết khắc nghiệt. Mùa hè quá nóng làm khô cháy hoa màu, mùa mưa làm nước sông dâng nhanh gây lụt lội. Ruộng lúa chỉ cấy vào tháng Ba và tháng Tám. Các nông sản phụ là khoai lang, khoai mì, đậu phụng, đậu nành, đậu xanh, mía, trà, thuốc lá, dừa và rau cải. Thuốc lá Cẩm Lệ đậm đà, ai cũng biết. Mọi người tham gia việc chăn nuôi; tuy nhiên việc sản xuất trứng gà và vịt mang lại nhiều lợi tức cho người dân.

Lâm sản của Quảng Nam khá phong phú, có nhiều loại gỗ quí như huỳnh đàn, lim, sến, dẻ, nhiều cây thuốc như sâm, phục linh, quế, sa nhơn, những loại cây lợp nhà

như tranh, nứa, lá mây, lồ ồ, và loại cây có chất dầu. Riêng Quảng Nam nhiều dã cầm, dã thú, rừng núi có bán đảo Sơn Trà và Bà Ná có trâu bò rừng, cọp, hươu, lợn lòi, gà rừng, công, trăn, khỉ. Rừng Bà Ná có nhiều cây phong lan tuyệt đẹp.

Về khoáng sản, có mỏ than đá ở Nông Sơn, mỏ mi-ca ở Đại Lộc, Định Sơn. Núi và bờ biển cung cấp các loại đá xanh ở Đại Lộc, Lộc Quí, đá cẩm thạch ở núi Non Nước, cát trắng ở Hòa An, An Thới, Liên Trì.

Các ngành công nghệ khá phổ biến tại Quảng Nam là đan cói, đúc đồ đồng, chạm đồ đá, chằm nón lá... nhưng nổi tiếng hơn cả là nghề dệt tơ lụa và chiếu.

Lược sử

Đất Quảng Nam xưa thuộc bộ Việt Thường, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Từ thế kỷ thứ 15, vùng đất từ đèo Hải Vân trở vào phía Nam thuộc nước Chiêm Thành, đặt tên là hai châu Vijaya và Pandut, Hồ Quý Ly chiếm ngôi nhà Trần xong liền sai tướng Đỗ Mẫn mở cuộc Nam chinh vào năm 1402. Vua Chiêm Thành là Ba Đích Lại chống không nổi nên phải dâng đất Chiêm Động (phía Nam tỉnh Quảng Nam) để xin bãi binh. Nhưng Hồ Quý Ly bắt phải dâng thêm đất Cổ Lụy, rồi phân làm bốn châu Thăng, Hoa, Châu, Nghĩa .

Năm Canh Thìn 1470, vua Chiêm Thành là Trà Toàn cho người sang cầu diện nhà Minh, cùng lúc đó đem quân đánh châu Hoa. Vua Lê Thánh Tông quyết định Nam chinh, đại thắng quân Chiêm, bắt được Trà Toàn, nới rộng bờ cõi cho đến Phan Rang. Sau đó vua Thánh Tông thừa lập tuyên Quảng Nam gồm ba phủ Thăng Hoa, Hoài Nhơn và Tư Nghĩa vào năm 1471. Đến năm 1490, Thừa Tuyên Quảng Nam gọi là xứ Quảng Nam.

Năm Giáp Tý 1744, Chúa Nguyễn Phúc Khoái đổi xứ Quảng Nam thành dinh. Thời Gia Long, phủ Thăng Hoa đổi thành trấn Quảng Nam. Năm 1832, Minh Mạng đổi thành tỉnh. Năm 1962 đất Quảng Nam lại cắt bớt để thành lập tỉnh mới là Quảng Tín, ranh giới được quy định từ đèo Hải Vân đến sông Rù Rì.

Đà Nẵng là nơi quân Pháp khởi sự gây hấn để mở đầu cho việc xâm lăng nước ta. Đầu năm năm 1874, chúng ngang nhiên mang hai chiến hạm đậu ngoài cửa biển Đà Nẵng sinh sự. Ngày 15-4, chúng nổ súng trong hai giờ liền rồi bỏ đi. Ngày 16-9-1856, Pháp lại đến, bắn phá đồn lũy ở bán đảo Sơn Trà, rồi đổ bộ vùng biển.

Quan quân triều đình lui về tử thủ thành An Hải và các đồn lân cận, không cho giặc tiến thêm, sau chúng phải rút.

Ngày 30-8-1858, Pháp sai tên Trung tướng Genouilly đem 3000 quân và 17 chiến tàu của Pháp và Y Pha Nho đến chiếm Đà Nẵng. Các đồn chính Nại Hiên, Tôn Hải, An Hải thất thủ. Đô thống Lê Đình Lý chống trả kịch liệt và bị trọng thương. Triều đình khẩn cấp cử hai dũng tướng Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển từ trong Nam ra Đà Nẵng chống giữ. Hai ông cho lập đồn Liên Trì và đắp phòng tuyến dài từ Hải Châu đến Phúc Ninh, Giặc thấy bất lợi, giữ lại một số quân, rồi mang tàu chiến đi đánh Gia Định. Ngày 7-2-1859, quân ta tiến đánh đẩy giặc ra ngoài biển. Chúng phải tăng cường lực lượng tấn công nhưng bị sập hầm chông tổn thất nặng. Pháp phải xin nghị hòa và rút khỏi Đà Nẵng để dồn quân chiếm phía Nam nước ta.

Hưởng ứng hịch Cần Vương, con dân Quảng Nam vùng lên kháng chiến. Tháng 9-1885,các anh hùng Nguyễn Duy Hiệu (người làng Thanh Hà quận Điện Bàn), Trần Văn Dự, Phan Bá Phiến thành lập "Nghĩa Hội Quảng Nam", chiêu mộ và huấn luyện nghĩa quân, lập căn cứ chiến lược Trung Lập, rồi tiến đánh khắp đồn trại của giặc, từ La Qua (Điện Bàn), Trà Kiệu, Phú Thượng, Bãi Chai, Gò Muống đến Hòa Vang, Phú Trạch, Viêm Minh, Duy Xuyên... Đau đớn thay triều đình Đồng Khánh lại làm tay sai cho quân Pháp đàn áp phong trào kháng chiến.

Ngày 13-12-1885, anh hùng Trần Văn Dự bị bắt và bị giặc Pháp giết tại Điện Bàn, nhưng vẫn đem xác ông ra chém đầu lần nửa. Công cuộc vẫn tiếp tục không ngừng. Đồng Khánh lại cử tên phản quốc Nguyễn Thân cùng với giặc Pháp đem đại binh vây các căn cứ của nghĩa quân. Đến ngày 21-9-1887, vì thế cùng lực kiệt và muốn bảo toàn sinh lực của tổ chức, Phan Bá Phiến uống thuốc độc tự vận, còn Nguyễn Duy Hiệu bị bắt và đền nợ nước tại Huế.

Năm 1905, các nhà cách mạng Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp (người làng Bát Nhị, quận Điện Bàn), Châu Thượng Văn (người làng Minh Hương, tỉnh lỵ Hội An) khởi xướng phong trào Duy Tân, ảnh hưởng mạnh mẽ tại Quảng Nam và nhiều tỉnh khác, chủ trương bất bạo động, mở mang dân trí, đề cao dân quyền.

Tháng 6-1905, hưởng ứng lời kêu gọi kháng chiến của các nghĩa sĩ Cần Vương,

đồng bào Thượng Khau ở các làng A Sơ, A Yeung, A Bac nổi lên kéo tới đánh phá đồn An Điền (Đại Lộc).Giặc sai Férez mang quân đàn áp ba làng này, nhưng bị sa hầm chông và tên độc chết rất nhiều. Hai năm sau, đồng bào Thượng Sédang đấu tranh ở vùng Beer.

Năm 1908, đồng bào Quảng Nam phát động phong trào chống thuế, bắt đi phu của quân Pháp. Từ ngày 11-3 đến 12-4, mười ngàn người thuộc các quận Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc... xuống đường biểu tình, kể tội giặc Pháp, chống thuê và đi phu. Pháp càng đàn áp dã man, dân ta khí thế đấu tranh càng cao, tấn công các cơ quan hành chánh và trừng trị bọn tay sai bán nước.

Sau đó giặc điên cuồng khủng bố tinh thần dân chúng, triệt hạ các làng cho là "gốc loạn" bắn vào đám đông đang họp chợ Ái Nghĩa, quận Đại Lộc mà chúng tưởng là đoàn biểu tình, làm nhiều người chết, chúng xử tử một số người và bắt các nhân vật mà chúng cho là có liên hệ đến những cuộc nổi dậy ở miền Trung, như Phan Chu Trinh, Trần Cao Vân, Châu Thượng Văn, Lê Cơ... rồi đày đi Lao Bảo và Côn Đảo.

Ngoài những anh hùng kể trên, đất Quảng Nam còn là nơi sinh trưởng của nhiều anh hùng, anh thư dân tộc. Anh hùng Hoàng Diệu (làng Xuân Đài, quận Điện Bàn) làm Tổng đốc Hà Nội, quyết đánh giữ thành khi quân Pháp mang quân chiếm lần thứ hai (1882). Anh hùng Đỗ Thúc Tinh (La Châu, Hòa Vang), tổ chức dân chúng tiếp vận, chiêu mộ nghĩa quân ở các tỉnh miền Nam nước ta, hổ trợ mạnh mẽ cho những cuộc khởi nghĩa đánh giặc Pháp của các anh hùng Trương Công Định, Võ Duy Dương, Nguyễn Trung Trực, đặc biệt là trận đốt tàu Espérance tại vàm Nhật Tảo (1861).

Anh hùng Đỗ Đăng Tuyển (làng Ô Gia, quận Đại Lộc), giữ trọng trách quân lương cho lực lượng võ trang Cần Vương tại Quảng Nam, đóng góp tích cực trong việc kinh tài cho phong trào Đông Du và Duy Tân; sau bị giặc bắt, ông tuyệt thực chết ở nhà tù Lao Bảo (1911). Anh hùng Trần Cao Vân (làng Tư Phú, quận Điện Bàn) cùng với anh hùng Võ Trứ kháng Pháp ở Bình Định, Phú Yên, ông dùng thuyết Kinh dịch để truyền bá tinh thần yêu nước đến dân chúng và bị giặc bắt giam nhiều lần; sau ông tham gia Việt Nam Quang Phục Hội và được cử gặp vua Duy

Tân bàn việc khởi nghĩa, nhưng việc không thành, giặc xử tử ông ở Huế (1916).

Anh Thư Võ thị Quyền (làng Đại Giang, quận Đại Lộc) là vợ và cũng là một chiến hữu đắc lực của anh hùng Trần Cao Vân, luôn luôn sát cánh chia sẻ với chồng bao nổi gian lao, bà bị giặc bắt tù hai năm trời, sau khi chồng bị giặc giết, bà đưa hai con về Bình Định nhưng cả ba lại bị bắt giam một năm, rồi chúng mới thả bà về giam lỏng ở Quảng Nam. Anh hùng Thái Phiên (làng Nghi An, quận Hòa Vang) chiến sĩ Việt Nam Quang Phục Hội, cùng anh hùng Trần Cao Vân nhận nhiệm vụ liên lạc với vua Duy Tân để bàn việc tổ chức khởi nghĩa ở các tỉnh miền Trung, nhưng kế hoạch đổ bể, ông bị giặc chém tại Huế (1916).

Phong cảnh, di tích

Bãi Tắm Cửa Đại : Thuộc phường Cẩm An, thị xã Hội An. Cửa Đại nằm cách đô thị cổ Hội An 5 km về phía Đông theo đường 608 nối dài. Nơi đây là một bãi tắm lý tưởng, rộng khoảng vài chục ha với dải cát trắng mịn, nước trong xanh, sóng nhỏ và luôn được mặt trời chiếu sáng. Cửa Đại là nơi thích hợp để xây dựng khu du lịch với nhiều loại hình vui chơi giải trí hấp dẫn : tắm biển, thể thao nước, nghỉ dưỡng.

Cù Lao Chàm : Cách thị xã Hội An 31 km về phía biển Đông là quần đảo cù lao Chàm gồm 8 đảo nhỏ nối sát nhau : hòn lao, hòn khô mẹ, hòn khô con, hòn tai, hòn dài, hòn là, hòn mồ, hòn ông. Đảo yến có vách đá dựng đứng là nơi thuận tiện cho chim én về làm tổ, trên đảo hiện có công ty Yến - Quảng Nam làm nhiệm vụ khai thác yến để xuất khẩu và bảo vệ đàn yến.

Đảo lớn nhất là đảo Rùa có hình dáng như con rùa, ở bên phải đảo yến, nơi đây có đông dân cư sinh sống làm nghề đánh cá, có cả chùa, chợ và trường học. Đặc biệt cù lao Chàm có món đặc sản địch phương là vú nàng và vú xao. Đây là hai loài nhuyễn thể trên lưng phủ một lớp vỏ xà cừ hình nón to cỡ từ vài ngón tay đến nửa bàn tay. Loài này sống bám vào đá dưới nước, thường được chế biến thành các món ăn có hương vị đặc biệt. Tại đây du khách sẽ tham quan, nghỉ ngơi, giải trí, tắm biển và du thuyền trong bầu không khí trong lành.

Sông Thu Bồn : Là một trong những con sông đẹp đã đi vào thơ ca Việt Nam. Sông Thu Bồn bắt nguồn từ đỉnh Ngọc Linh cao 2598 m, chảy qua vùng núi phía

Tây Nam, hòa cùng sông Tiên, sông Thanh tại Quế Tân, chảy qua các vùng: Quế Sơn, Đại Lộc, Duy Xuyên và Điện Bàn, phố cổ Hội An rồi đổ ra biển Cửa Đại. Sông Thu Bồn chảy qua nhiều vùng thắng cảnh đẹp, nhiều làng quê nổi tiếng về cây ăn quả như làng Đại Bường, về làng nghề truyền thống như làng mộc Kim Bồng, làng gốm Thành Hà và chảy qua các kiến trúc văn hóa Chămpa độc đáo của vùng Quảng Nam. Vào ngày đẹp trời, khách du lịch đi bằng thuyền vừa và nhỏ trên sông để thưởng thức thắng cảnh hai bên bờ sông hoặc kết hợp thăm thú các làng nghề, các làng trồng cây trái quanh sông.

Suối Tiên : Thuộc địa phận xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn. Suối Tiên là một thắng cảnh hữu tình gồm 13 thác nước liên hoàn ngày đêm rì rào chảy giữa vùng núi non hùng vĩ, nơi đây thích hợp với các loại hình du lịch : dã ngoại, leo núi và săn bắn...

Làng Mộc Kim Bồng : Thuộc xã Cẩm Kim, phố cổ Hội An. Làng Kim Bồng đã nổi tiếng từ rất lâu với nghề chạm trổ, điêu khắc gỗ. Nghề mộc của làng có nguồn gốc từ miền Bắc. Qua quá trình giao lưu, các nghệ nhân đã tiếp thu một số nét tinh hoa của các truyền thống điêu khắc chạm trổ Chiêm Thành, Trung Hoa, Nhật Bản... kết hợp với tài nghệ điêu luyện của riêng mình để làm nên những tác phẩm mang đầy tính mỹ thuật và triết học. Các sản phẩm của làng Kim Bồng đã có mặt ở nhiều địa phương trong nước.

Mõm Bàn Than : Thuộc xã Tam Hải, huyện Núi Thành, về hướng Bắc bãi Rạng. Trên dải biển xanh cát trắng bất chợt nổi lên 1 vách đá sắc đen như than, kéo dài hơn 2 km, cao 40 m hòa quyện với trời và biển tạo nên cảm giác chênh vênh đến choáng ngợp. Thắng cảnh Hòn Kẽm - Đá Dừng là khu vực có 2 dãy núi đá ở hai bên bờ sông Thu Bồn thuộc địa phận hai xã Quế Lâm và Quế Phước, huyện Quế Sơn.

Hai ngọn núi đá với hình thù kỳ dị, liêu xiêu nhô ra ngăn cản dòng chảy Thu Bồn, con sông lớn nhất của tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi. Thắng cảnh này đã từng đi vào thơ ca Việt Nam. Sự cuốn hút của Hòn Kẽm - Đá Dừng không chỉ thể hiện bởi cảnh quan sông núi hữu tình mà còn hấp dẫn bởi những dòng chữ cổ Chiêm Thành khắc ghi trên những phiến đá nặng hàng mấy chục tấn đứng sừng sững soi

mình xuống dòng sông Thu Bồn.

Có thể đến đây bằng thuyền đi từ Hội An, Vĩnh Điện lên, kết hợp ghé thăm thánh địa Mỹ Sơn, hoặc đi đường bộ qua đèo Le ở Quế Sơn rồi dừng ở chợ Trung Phước, sau đó dùng thuyền máy đi Hòn Kẽm - Đá Dừng. Du khách đi qua một vùng phong cảnh đẹp, với sông núi hùng vĩ, những bãi dâu, bãi bắp xanh tốt, những vạn đò mua bán tấp nập trên sông. Dừng ở chợ Trung Phước, khách có thể qua sông ghé thăm vườn cây ăn quả Đại Bường, nơi có nhiều trái cây nổi tiếng của Quảng Nam.

Thủy Điện Duy Sơn : Thuộc địa phận xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên. Đây là công trình thủy điện nhỏ do nhân dân địa phương xây dựng, nằm cách thị trấn Nam Phước (Duy Xuyên) 12 km về phía Tây theo đường tỉnh lộ 610. Hồ thủy điện Duy Sơn II rộng khoảng 200 ha bao gồm mặt nước, rừng cây và đồi núi, cảnh quan nơi đây lý tưởng để khai thác các dịch vụ vui chơi giải trí, dã ngoại, leo núi...

Bãi Tắm Tam Thanh : Thuộc xã Tam Thanh, thị xã Tam Kỳ. Nằm cách tỉnh lỵ Tam Kỳ 7 km về phía Đông, là một bãi tắm sạch đẹp, chan hòa ánh nắng. Bãi Tam Thanh rộng khoảng vài chục ha, thích hợp để xây dựng thành khu du lịch sinh thái biển có qui mô lớn.

Bãi Rạng : Thuộc xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, cách thị trấn Núi Thành về phía Đông chừng 5 km. Bãi tắm biển Rạng là một bãi tắm đẹp, có một vẻ đẹp nguyên sơ với những ghềnh đá và ngọn đồi thấp ăn thông ra biển, tạo nên khung cảnh kỳ thú. Bãi cát dài, trắng phau mịn màng, bên cạnh là rừng dương liễu tươi xanh mát rượi. Sự hoang sơ của bãi Rạng làm cho con người dễ hòa quyện với thiên nhiên, biển cả.

Làng Gốm Thanh Hà : Làng gốm Thanh Hà nằm ở xã Cẩm Hà, thị xã Hội An. Nghề gốm của làng có nguồn gốc từ Thanh Hóa, sau khi đã tiếp thu một số kỹ thuật làm gốm của đất Quảng đã hình thành nên một làng nghề với các sản phẩm gốm phục vụ đời sống sinh hoạt hàng ngày như chén, bát, chum, vại, bình hoa, chậu cảnh... Với nguyên liệu chính là đất sét với tài chế tác của đôi bàn tay khéo léo của các nghệ nhân, các sản phẩm của gốm Thanh Hà mang nhiều hình dáng, màu sắc, độ bền rất riêng biệt.

Đúc Đồng Phước Kiều : Làng Phước Kiều thuộc xã Điện Phương, huyện Điện Bàn. Người thợ đúc Phước Kiều tạo ra các sản phẩm đủ loại phục vụ cho việc tế lễ, hội hè và vật dùng sinh hoạt hàng ngày như: khuông đồng, chiêng, kiểng, phèng la, lư hương, chân đèn, bình cổ... và một số nhạc cụ bằng đồng. Các nhạc cụ này có âm thanh riêng biệt, rất đặc thù. Đó là ở kỹ thuật pha trộn các kim loại khác nhau trong quá trình đúc đồng mà chỉ có những người thợ lành nghề mới làm được.

Nhà Lưu Niệm Huỳnh Thúc Kháng : Nhà lưu niệm cụ Huỳnh Thúc Kháng thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước. Di tích là một căn nhà xây ba gian, lợp ngói là ngôi nhà lưu niệm của cụ Huỳnh Thúc Kháng - chí sĩ yêu nước, nhà cách mạng nhiệt tình trong những năm đầu thế kỷ 20.

Phố Cổ Hội An : Thị xã Hội An nằm bên bờ sông Thu Bồn. Nơi đây xưa kia đã có một thời nổi tiếng với tên gọi Faifoo mà các thương nhân Nhật Bản, Trung Quốc, Bồ Đào Nha, Italia... đã biết đến từ thế kỷ 16, 17. Từ thời đó, thương cảng Hội An đã thịnh vượng, là trung tâm buôn bán lớn của vùng Đông Nam Á, một trong những trạm đỗ chính của các thương thuyền vùng Viễn Đông. Thị xã có những dãy phố cổ gần như nguyên vẹn, đó là loại nhà hình ống xuyên suốt từ phố nọ sang phố kia. Trong đó có một dãy phố nằm sát ngay bờ sông Hội An. Nhà ở đây toàn bằng gỗ quý, trong nhà treo hoành phi, câu đối, cột nhà chạm trổ hoa văn rất cầu kỳ... Hội An là một bảo tàng sống, khu phố cổ đã được đưa vào danh mục UNESCO công nhận là di sản văn hóa thếgiới.

Mộ Hoàng Diệu : Thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàng. Ngôi mộ tọa lạc trên khu đất rộng tại làng Xuân Đài (xã Điện Quang, huyện Điện Bàng), là nơi cải táng cụ Hoàng Diệu - một công thần triều Nguyễn đã hy sinh anh dũng để bảo vệ thành Hà Nội ngày 25-04-1882 trước sự xâm lược của quân viễn chinh Pháp.

Chùa Cầu : Chùa đồng thời là cây cầu bắc ngang con lạch chảy ra sông Thu Bồn giáp ranh giữa hai đường Nguyễn Thị Minh Khai và Trần Phú. Chùa được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17 do các thương nhân Nhật Bản thực hiện. Chùa Cầu là một trong những di tích có kiến trúc khá đặc biệt. Mái chùa lợp ngói âm dương che kín cả cây cầu dài 12 m. Chùa và cầu đều bằng gỗ sơn son

chạm trổ rất công phu, mặt chùa quay về phía bờ sông. Hai đầu cầu có tượng thú bằng gỗ đứng chầu, một đầu là tượng chó, một đầu là tượng khỉ. Tương truyền đó là những con vật mà người Nhật sùng bái thờ tự từ cổ xưa. Phần gian chính giữa (gọi là chùa) thờ một tượng gỗ Bắc Đế Trấn Võ - vị thần bảo hộ xứ sở, ban niềm vui hạnh phúc cho con người, thể hiện khát vọng thiêng liên mà con người muốn gửi gắm cùng trời đất nhằm cầu mong mọi điều tốt đẹp. Chùa được trùng tu vào các năm 1763, 1817, 1865, 1915, 1986.

Chùa Ông : Tọa lạc tại số 24 phố Trần Phú, thị xã Hội An, là một trong những chùa tiêu biểu ở phố cổ Hội An. Chùa Ông được xây dựng vào năm 1653 thờ Quan Thánh Đế Quan (Quan Vân Trường), một vị tướng thời tam quốc của Trung Quốc, một tấm gương về lòng trung hiếu tiết nghĩa.

Chùa Ông được xây dựng theo kiểu chữ "Quốc" do nhiều nếp nhà hợp lại. Nhà có kết cấu vì kèo, các nếp nhà mái lợp ngói ống có men màu, bờ nóc được gắn hoa chanh đắp hình rồng, nghê bằng các mảnh sứ màu. Chùa đã nhiều lần được trùng tu vào các năm 1827, 1864, 1904, 1966. Hiện nay, chùa còn giữ được một số hiện vật quí như: biểu sắc phong, 33 bức hoành, 10 bộ câu đối, tượng Quan Công, Quang Bình, và Châu Thương... Chùa Ông là di tích kiến trúc tôn giáo có giá trị lớn đồng thời là điểm tham quan cho du khách trong và ngoài nước.

Chùa Phước Lâm : Tọa lạc tại xã Cẩm Hà, thị xã Hội An, thuộc hệ phái gốc Thiền Lâm Tế- Chúc Thánh. Chùa được xây theo phong cách Á Đông cổ, theo hình chữ "Môn" gồm 3 gian 2 chái, hai bên là 2 lầu chuông hình tháp. Trong chùa còn có nhiều tượng và cổ vật quí. Chùa còn là nơi đào tạo các danh tăng Việt Nam như hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Thích Giác Nhiên, đệ I và đệ II tăng thống Phật giáo Việt Nam trước 1975. Chùa được trùng vào năm 1822, 1893.

Chùa Phước Kiến (Hội Quán Phước Kiến) : Chùa do nhóm người Phước Kiến (Trung Quốc) đến Hội An sinh sống xây dựng năm 1697 tại số 46 Trần Phú, trung tâm Hội An. Hội quán Phước Kiến là nơi thờ Thần, Tiền hiền và hội họp đồng hương của người Phước Kiến tại đây. Đến tham quan di tích này, du khách hẳn sẽ ngạc nhiên về bàn tay khéo léo của người xưa đã tạo nên một công trình nguy nga tráng lệ, vừa tinh xảo, vừa sâu lắng.

Hội quán có kiến trúc kiểu chữ "Tam" kéo dài từ đường Trần Phú tới đường Phan Chu Trinh theo các trật tự : cổng, sân, hồ nước, cây cảnh, hai dãy nhà Đông và Tây, chính diện, sân sau và hậu diện. Chính điện thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu (nữ thần cứu người đi biển gặp nạn), Quan Thế Âm Bồ Tát, Thần Tài và ba Bà Chúa sanh thai cùng 12 Bà Mụ. Trong chùa còn có nhiều tượng thờ, trống đồng, chuông đồng, lư hương lớn, 14 bức hoành phi và nhiều hiện vật có giá trị khác. Chùa Phước Kiến là một di tích tôn giáo tín ngưỡng, là điểm tham quan thu hút hàng vạn du khách trong và ngoài nước.

Chùa Quảng Triệu : Hội Quán Quảng Đông do người Quảng Đông (Trung Quốc) sống ở Hội An xây dựng năm 1855 phố Trần Phú, thị xã Hội An. Hội quán đã được trùng tu lớn vào các năm 1915 và 1990. Chùa có kiến trúc theo hình chữ "Quốc", du khách khi đến đây sẽ bị choáng ngợp bởi sự đồ sộ hoành tráng vượt lên hẳn so với quang cảnh của hội quán. Bên trong còn lưu giữ được nhiều hiện vật cổ như 4 bức hoành phi lớn, 1 lư trầm lớn bằng đồng cao 1,6 m rộng 0,6 m,1 cặp đôn sứ men ngọc Trung Quốc,... và nhiều tư liệu quí về cộng đồng người Hoa sinh sống ở Hội An.

Tháp Khương Mỹ : Thuộc xã Tam Xuân, huyện Núi Thành, cách tỉnh lỵ Tam Kỳ 2 km về phía Tây Nam. Là công trình kiến trúc tôn giáo của dân tộc Chămpa, gồm 3 tháp liên hoàn nằm kề nhau. Tại đây đã phát hiện nhiều chum vại có niên đại khoảng vài trăm năm. Tháp được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 10.

Kinh Thành Trà Kiệu (Sipapura) : Kinh thành Sư Tử này đã bị tàn phá nặng nề. Theo những ghi chép trong Thủy Kinh Chú (thế kỷ 15) chúng ta biết rằng kinh thành này được bao bọc bằng một hệ thống thành quách, hào lũy đồ sộ, xây dựng theo kỹ thuật Trung Hoa. Tại đây cũng có những đền thờ to lớn để thờ thần linh (một phần lớn tác phẩm điêu khắc quan trọng hiện trưng bày tại bảo tàng điêu khắc Chămpa - Đà Nẵng). Trong những năm 80, người trong vùng đã tìm thấy một số lượng lớn những hiện vật bằng vàng. Đó là những đồ trang sức được chế tác rất tinh xảo. Những cứ liệu trên phần nào cho thấy sự phồn vinh của kinh đô này, mà tiếng tăm của nó đã có thời lừng lẫy trong vùng Đông Nam Á.

Tháp Chiên Đàn : Thuộc xã Tam An, thị xã Tam Kỳ, cách tỉnh lỵ Tam Kỳ 5 km

về phía Bắc. Là nhóm ba tháp thờ 3 vị thần : Siva, Vishnu, Brahma của dân tộc Chămpa. Hiện nay, tại khu tháp Chiên Đàn đã có phòng trưng bày hiện vật Chămpa vơi nhiều tượng có giá trị nghệ thuật cao được các nhà nghiên cứu và khách du lịch quan tâm. Tháp Chiên Đàn được xây dựng vào khoảng thế kỷ 11 - 12.

Nhà Thờ Trà Kiệu : Nhà thờ nằm ở khu vực nhà cổ Trà Kiệu, cách Đà Nẵng 37 km về hướng Nam. Nhà thờ Trà Kiệu được xây dựng vào năm 1722, đến năm 1865 nhà thờ được di chuyển đến địa điểm hiện nay. Thánh đường hiện tại do linh mục Phê Rô Lê Như Hảo xây vào năm 1791 với kiến trúc nhà thờ phương Tây thời kỳ ánh sáng kết hợp những nét hoa văn mang đậm tính dân tộc. Trước cổng vào thánh đường là hai con rồng dài 20 m uốn lượn theo đường lên hành lang tầng trên vào chính điện nhà thờ. Bên cạnh nhà thờ còn có tu viện Mến Thánh Giá (xây dựng năm 1867), nhà truyền thống và nhà thờ Đức Mẹ (xây năm 1898) trên đồi cao 60 m.

Chùa Chúc Thánh : Thuộc phường Cẩm Phô, thị xã Hội An, nằm cách trung tâm phố cổ Hội An chừng 2 km (theo đường Huỳnh Thúc Kháng). Chùa Chúc Thánh nổi tiếng bởi là nơi khai sinh chi phái Thiền Chúc Thánh của Thiền Lâm Tế. Chùa được xây dựng khoảng cuối thế kỷ 17 theo mô hình chữ tam, có phong cách kiến trúc tổng hợp của truyền thống Trung Quốc và Việt Nam với nhiều tượng lớn, chạm trổ cầu kỳ. Ở chính điện thờ Tam Thế Phật, Di Lặc, 18 vị La Hán, trước sân có tượng Quan Thế Âm Bồ Tát. Ngoài ra trong ngôi chùa còn có nhiều ngôi tháp của tổ sư Minh Hải, thiền sư Thiết Thọ (đời 35), Ấn Bích (đời 39), Thiện Quả... Trụ trì hiện nay là Hòa thượng Thích Trí Nhạn. Chùa được trùng tu vào các năm 1956, 1964.

Tháp Bằng An : Tháp Bằng An thuộc xã Điện An, huyện Điện Bàng, cách thành phố Đà Nẵng chừng 30 km, cách Hội An chừng 14 km. Tháp được xây dựng vào thế kỷ thứ 12 có kiến trúc độc đáo mang hình linga thẳng đứng ở giữa một khoảng không gian bao la thoáng mát. Tháp được xây dựng theo hình bát giác mỗi cạnh rộng 4 m. Tháp cao 21,5m (gồm phần thân và mái tháp); thân cao 12,7 m được bọc kín chỉ có một lối đi vào qua tiền sảnh dài 6 m, rộng 1,55 m. Chóp tháp nhọn,

thon, bên trong thờ một linga bằng đá - biểu tượng của thần Siva tượng trưng cho sức mạnh (nay chỉ còn bệ thờ). Phía trước tháp có hai con vật bằng đá là sư tử và voi. Theo sự đánh giá của các nhà nghiên cứu văn hóa Chàm thì tháp Bằng An là một di tích có giá trị cao về mặt lịch sử liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm.

Thánh Địa Mỹ Sơn : Mỹ Sơn thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 70 km về phía Tây Nam, cách Trà Kiệu khoảng 10 km về phía Tây trong một thung lũng kín đáo. Mỹ Sơn là thánh địa Ấn Độ giáo của vương quốc Chămpa. Những dòng chữ ghi trên tấm bia sớm nhất ở Mỹ Sơn, có niên đại khoảng thế kỷ thứ 4 cho biết vua Bhaddresvara đã xây dựng một ngôi đền để dân cúng thần Siva- Bhaddresvara. Hơn hai thế kỷ sau đó, ngôi đền đầu tiên được xây dựng bằng gỗ đã bị thiêu hủy trong một trận hỏa hoạn lớn.

Vào đầu thếkỷ 17, vua Sambhuvaman đã xây dựng lại ngôi đền bằng những vật liệu bền vững hơn, còn tồn tại đến ngày nay. Các triều vua sau đó đều tu sửa các đền tháo cũ và xây dựng đền tháp mới để dâng lên các vị thần của họ. Với hơn 70 công trình kiến trúc bằng gạch đá, được xây dựng từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ 13, Mỹ Sơn trở thành trung tâm kiến trúc quan trọng nhất của vương quốc Chămpa. Những đền thờ chính ở Mỹ Sơn thờ một linga hoặc hình tượng của thần Siva - Đấng bảo hộ của các dòng vua Chămpa. Vị thần được tôn thờ ở Mỹ Sơn là Bhadresvara, là vị vua đã sáng lập dòng vua đầu tiên của vùng Amaravati vào cuối thế kỷ 4 kết hợp với tên thần Siva, trở thành tín ngưỡng chính thờ thần - vua và tổ tiên hoàng tộc.

Vào năm 1898, di tích Mỹ Sơn được phát hiện bởi một học giả người Pháp tên là M.C Paris. Năm 1902, H. Parmentier đã hoàn thành việc kiểm kê các đền tháp ở Mỹ Sơn, ông ta đã chia các đền tháp ở đây ra làm nhiều nhóm : A, A', B, C, D... thể hiện gần như tất cả các phong cách trong nghệ thuật của Chămpa :

Phong cách Mỹ Sơn E1 (hay phong cách cổ, thế kỷ 7 - 8): E1, F1.

Phong cách Hòa Lai (thế kỷ 8 - 9) : A13, C7.

Phong cách Đồng Dương (thế kỷ 9) : A10, B4.

Phong cách Mỹ Sơn A1 (thế kỷ 10) A1, B2, B5, B6, B8, C1, C2, C3, C4, C5, C6,

D1, D2, D4.

Phong cách Bình Định (thế kỷ 12 - 13) : B1 nhóm G, H...

Công trình kiến trúc lớn nhất là tháp A1, cao 24 m, có 6 tháp phụ chung quanh, đền thờ này được đánh giá là kiệt tác của kiến trúc Chămpa, nhưng tiếc thay nó bịsập vào cuối năm 1969. Mỹ Sơn đã được trùng tu bởi E. F. E.O (Ecole Francaise d'Extreme Orient) trong thời gian từ 1937 đến 1944, nhưng khu vực này đã bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh. Đến nay, trong số 32 di tích còn lại, chỉ có khoảng 20 tháp còn giữ được dáng vẻ ban đầu. Phần lớn các tác phẩm điêu khắc ở Mỹ Sơn đã được người Pháp cho đem về Đà Nẵng vào những năm đầu thế kỷ 20 và được trưng bày tại bảo tàng điêu khắc Chămpa.

Các dịp lễ hội

Lễ Hội Bà Thu Bồn : Được tổ chức vào ngày 12 tháng 2 âm lịch ở dinh bà Thu Bồn (còn gọi là Bô Bô phu nhân - người Chăm) để tưởng niệm Bà. Lễ hội diễn ra trong không khí tưng bừng náo nhiệt từ sáng đến tối mịt mới chấm dứt. Ngoài phần tế lễ còn có đua thuyền, rước cộ và hát bội. Người từ nhiều nơi khác đến đây dự đua để tranh tài. Theo tục lệ, thuyền thuộc lăng miếu nào thì được vị thần ở lăng miếu đó bảo hộ.

Phía bên kia con sông Thu Bồn có thuyền bà Phường Chào - Người Việt, cũng tham gia đua thuyền cùng bà Thu Bồn. Trước khi tranh giải cả đoàn trạo thủ phải đến làm lễ, khấn vái trước lăng rồi mới làm lễ xuất phát. Mỗi thuyền đua cử ra một người ngồi ở mũi thuyền mặc áo đỏ, được coi như "tùy phái' của thần chủ thuyền. Người đó có nhiệm vụ vừa hát, vừa múa để khích lệ trạo thủ khi nghe tiếng hô ấy sẽ cảm thấy mình được thần linh trợ lực nên bơi khỏe hơn. Con sông Thu Bồn như cuộn sóng bởi tiếng hò reo của trạo thủ, tiếng cổ vũ của nhân dân hai bên bờ.

Tiếp theo đó là rước cộ, người tham gia rước cộ càng Đông thì càng vui. Cộ là một bàn lớn hay có thể là một xe kéo được hóa trang lộng lẫy, bên trong để rất nhiều thức ăn như bánh, hoa quả, gạo thịt... Người rước cộ mặc trang phục truyền thống của làng. Dân làng cùng quây quần bên nhau cùng hát bội. Ngày hội đã đem đến cho mỗi người dân niềm vui, tin yêu cuộc sống.

Lễ Hội Long Chu : Là lễ hội của các làng biển quanh thị xã Hội An. Đây là lễ hội của các cư dân vùng biển Hội An để tống ôn và dịch bệnh vào lúc chuyển mùa. Lễ hội được tổ chức vào ngày 15 tháng 7 âm lịch hàng năm ở đình làng hoặc nhà chính quyền thôn, ấp. Trong dân gian Long Chu là thuyền rồng, một biểu tượng oai linh để trừ ôn, tống dịch. Lễ hội có tục rước "Long Chu" bằng cót tre, voi, giấy vải từ đình đến bến nước, đẩy bè, thuyền trôi ra sông, biển...

Trước ngày lễ, các thầy pháp đặt hương án và yểm bùa nơi có ma quỉ, theo sau là đoàn nam nữ thanh niên tay cầm giáo mác phát quang sạch sẽ đường làng, bờ bụi, miệng hát hò đối đáp trong không khí vui vẻ. Vào ngày lễ chính, thầy cả làm lễ tế và sau đó là lễ rước thuyền rồng đi trừ tà ma dịch tế quanh làng. Trong lễ có hát bộ, hát hò khoan, xô cô, các trò chơi dân gian khác. Dân làng quần tụ ăn uống múa hát đến tận đêm khuya.

Lễ Hội Cầu Bông : Được tổ chức vào một ngày đẹp trời, thuận tiện của mùa xuân hàng năm tại sông Hội An thuộc đoạn gần cửa Đại. Lễ hội có ý nghĩa như một nghi lễ mở mùa cho một năm mới. Trong lễ hội luôn luôn có tiết mục đua ghe vừa là thi trí, vừa để cầu cho dân được mùa, nhà nhà bình an và thịnh vượng. Lễ hội có nhiều người tham gia.

Lễ Vía Bà Thiên Hậu : Lễ vía Bà Thiên Hậu của người Hoa sinh sống ở Hội An tổ chức tại hội quán Phúc Kiến (Hội An) và Ngũ Bang vào ngày 23-3 âm lịch hàng năm để cúng một vị nữ thần chuyên cứu trợ tàu thuyền mỗi khi gặp nạn trên biển. Lễ hội gồm 2 phần : phần lễ được tổ chức theo nghi lễ truyền thống của người Hoa, sau đó là phần hội có múa lân, xin xăm. Trong khuôn viên rộng, trang hoàng rực rỡ, con cháu và khách thập phương tham dự đông vui.

Lễ Nguyên Tiêu : Tổ chức tại hội quán Triều Châu và Quảng Triệu vào ngày 16-01 âm lịch. Đây là lễ cúng đầu năm của hai bang Triều Châu và Quảng Đông của người Hoa tại Triều Châu. Ngoài phần nghi lễ truyền thống, trong lễ Nguyên Tiêu còn tổ chức múa lân, chơi xổ số. Lễ hội đã thu hút con cháu người Hoa và khách thập phương về dự.

Lễ Tế Cá Ông : Thường được tổ chức tại lăng Ông vào ngày kỵ của Cá Ông hoặc có cá Ông chết. Lễ tế cá Ông có nguồn gốc tín ngưỡng nguyên thủy của cư dân

vùng duyên hải. Sau lễ tế có tổ chức hát bả trạo, hát bộ, hát hò khoan.

Lễ Cúng Tổ Minh Hải : Tổ chức tại chùa Chúc Thánh vào ngày 7-11 âm lịch hàng năm. Lễ cúng tổ Minh Hải bao gồm các nghi lễ liên quan đến Phật giáo. Sau phần lễ là các hoạt động vui chơi, giải trí như văn nghệ, cắm trại và thi các trò chơi dân gian.

Quảng Ngãi

Diện tích : 5177 km².

Dân số : 1.206.400 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Quảng Ngãi.

Các huyện : Bình Sơn, Trà Bồng, Sơn Tịnh, Sơn Hà, Tư Nghĩa, Minh Long, Mộ Đức, Đức Phổ, Ba Tơ.

Dân tộc : Việt (Kinh), Hrê, Kho, Xơ Đăng...

Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở vùng duyên hải miền Trung, lưng tựa vào dãy Trường Sơn, mặt hướng ra biển Đông, phía Bắc giáp Quảng Nam, phía Nam giáp Bình Định, phía Tây giáp Kon Tum. Bờ biển Quảng Ngãi dài 135 km, ngoài khơi có đảo Lý Sơn. Ở vào vị trí chính giữa của đất nước cách Hà Nội 883 km, Quảng Ngãi có quốc lộ 1A chạy qua tỉnh, quốc lộ 24A nối Quảng Ngãi với Tây Nguyên, Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan.

Địa hình có 4 vùng : vùng núi, vùng giáp núi, vùng đồng bằng và vùng hải đảo. Các sông chính chảy qua tỉnh là sông Trà Khúc, sông Trà Bồng, sông Sông Vệ.

Khí hậu Quảng Ngãi khá khắc nghiệt. Nhiệt độ trung bình từ 25,5 - 26,5°C. Nhiệt độ cao nhất lên đến 41°C và thấp nhất 12°C. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12, mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 8 và lạnh nhất từ tháng 1 đến tháng 3. Lượng mưa trung bình năm 1900 mm, cao nhất đến 3500 mm. Mùa mưa thường hay gây lũ lụt.

Thị xã Quảng Ngãi được xây dựng bên bờ sông Trà Khúc. Từ xa xưa đã có những bánh xe nước to lớn quay suốt ngày đêm, vừa tô đẹp cho phong cảnh, vừa cấp nước cho các ruộng lúa, ruộng mía, nguyên liệu làm ra các loại đường cát, đường phèn, đường phổi, mạch nha, kẹo gương nổi tiếng.

Quảng Ngãi có hải cảng Dung Quất, một cảng lớn có độ sâu lý tưởng đang được khởi công xây dựng. Trong tương lai Dung Quất sẽ trở thành một cảng dầu khí lớn nhất Việt Nam cùng với thành phố Vạn Tường hiện đại.

Sinh hoạt, kinh tế

Phần Đông dân Quảng Ngãi là người Việt (Kinh) chiếm 88,9% dân số ở tỉnh, ngoài ra còn các đồng bào các dân tộc : Hrê 8,5%, Cro 1,8%, Xơ Đăng... người dân Quảng Ngãi chăm chỉ và tằn tiện. Do diện tích đất trồng trọt ít và kém màu

mỡ, họ phải lên núi khai đất, mở trại.

Nông Nghiệp là sinh hoạt căn bản, lúa trồng được bốn mùa : Tháng Ba, lúa trắng, ba trăng; tháng Tám, lúa Tàu núp, chiêm ngự; tháng Mười, lúa đen, bông rinh; tháng Mười Hai, lúa trì trì. Các hoa màu quan trọng là : mía, dừa, thuốc lá, khoai lang, mì, huỳnh tinh Tây, các loại rau... mía trồng nhiều ở Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh. Các vùng này có bảy loại "chim mía" rất ngon. Kẹo mạch nha, kẹo gương Quảng Ngãi rất đặc sắc. Quế Quảng ở vùng Thượng Sơn Hà, Trà Bồng; nghĩa sâm ở Bình Sơn nổi tiếng.

Nghề đánh cá hoạt động tại những vùng ven sông biển. Các loại cá tiêu biểu: cá Bống, cá Chim, cá Ngừ, tôm, mực ... Đặc biệt Quảng Ngãi còn có món Don chỉ có ở sông Trà Khúc và Cá Bống Sông Trà cũng là một đặc sản của xứ Quảng.

Người dân còn làm nước mắm và muối ở Sa Huỳnh, Bình Đức. Riêng vùng Cù Lao Ré, ngoài việc đánh cá người dân Quảng Ngãi còn trồng nhiều tỏi, hành hương và nuôi bò.

Quảng Ngãi có một số mỏ chì ở Sơn Tịnh, mỏ Cao Lanh ở Sơn Hà và mỏ sắt tại Mộ Đức.

Lược sử

Đất Quảng Ngãi, xưa thuộc bộ Việt Thượng, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đời Tần thuộc Tượng Quận, đời Hán thuộc quận Nhật Nam. Cuối đời Hán bị quân Lâm Ấp chiếm, đời Tuỳ bình định quân Lâm Ấp thuộc về Hồng Châu, sau đổi thành quận Hải Ân. Đời Đường thuộc Sơn Châu, đời Tống thuộc Cổ Lũy Động của Chiêm Thành.

Năm Nhâm Ngọ 1402, Hồ Quý Ly sai tướng Đỗ Mẫn mang quân chinh phạt Chiêm Thành. Vua Chiêm là Ba Dịch Lai phải nhường Chiêm Động (Quảng Nam) và Cổ Lũy Động (Quảng Ngãi). Hồ Quý Ly chia đất này thành bốn châu : Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa. Đặt lộ Thăng Hoa cai quản bốn châu. Thời Minh thuộc (1414-1427), bốn châu lại bị mất về Chiêm Thành. Năm Tân Mão 1471, vua Lê Thánh Tôn xuống chiếu thân chinh, quân Chiêm phải rút lui về cố thủ tại Trà Bàn. Vua Lê ra lệnh vây hãm cửa Thị Nại, ngày 26 tháng 2 Âm Lịch, vây Trà Bàn và bắt được vua Chiêm. Tháng 6, vua Lê Thánh Tôn lấy đất vừa chiếm đặt là Thừa

Tuyên Quảng Nam, thống lĩnh ba phủ, chín huyện: Bình Sơn, Mộ Hóa(Mộ Đức ngày nay). Năm 1558, chúa Nguyễn Hoàng đổi thành Quảng Nghĩa phủ nhưng cũng thuộc Quảng Nam dinh.

Đời nhà Nguyễn Tây Sơn (1788-1802) cải Quảng Nghĩa thành Hóa Nghĩa phủ. Năm1802, Gia Long đặt Quảng Nghĩa dinh rồi đổi Quảng Nghĩa trấn vào năm 1808. Đời Minh Mạng đặt là tỉnh Quảng Nghĩa vào năm 1834.

Thời Pháp thuộc, con dân Quảng Ngãi đứng lên kháng chiến. Anh Hùng Trương Công Định (người làng Tư Cung, xã Sơn Mỹ, quận Sơn Tịnh) dựng cờ khởi nghĩa, đánh quân Pháp khắp các tỉnh miền Nam, từ Biên Hòa, Cần Giuộc đến Tân An, Mỹ Tho. Con ông là Trương Quang Ngái cũng nối chí cha. Ngày 1 tháng 6 Ất Dậu (1885), 2 vị anh hùng lãnh đạo phong trào Cần Vương tại Quảng Ngãi là Lê Trung Đình (người xã Sơn Long, quận Sơn Tịnh) và Nguyễn Tự Tân (người xã Trung Sơn, quận Bình Sơn) từ chiến khu Truyền Trung (Bình Sơn) chia quân làm 3 đội, vượt sông Trà Khúc kéo quân về chiếm tỉnh lỵ ngay đêm hôm ấy, khi thế quân dân rất hăng. Ngày 5 tháng 6 Âm lịch, quân Pháp phản công mạnh, anh hùng Nguyễn Tự Tân hy sinh, còn anh hùng Lê Trung Đình bị bắt rồi bị chém trong thành phía bắc Quảng Ngãi.

Tháng 6-1886, Nghĩa Hội Quảng Nam thống hợp với các tổ chức Cần Vương ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, mang quân chia hai ngã thủy bộ đánh chiếm quận Bình Sơn, thắng một trận vẻ vang. Từ năm 1903 đến 1907, đồng bào thượng Hré nổi dậy, phối hợp với quân Cần Vương, đánh nhiều trận kịch liệt với quân Pháp ở Mang Gia, Nước Vo, thung lũng sông nước Dinh. Đến tháng 9-1911, Tổng Ren chỉ huy nghĩa quân Hré làm giặc khốn đốn ở vùng Đồng Mít và đồn Đức Phổ. Đầu năm 1908, các anh hùng Nguyễn Thụy (người xã Tư Nguyên, quận Tư Nghĩa), Nguyễn Bá Loan (người quận Mộ Đức) và Lê Khiết (người quận Tư Nghĩa) đứng lên vận động phong trào kháng Pháp dưới chiêu bài chống sưu thuế và bắt đi phu. Hàng ngàn người biểu tình vây các công sở giặc. Thực dân dùng vũ khí đàn áp thẳng tay, bắt và giết nhiều người. Hai anh hùng Lê Khiết, Lê Bá Loan bị thực dân xử tử. Anh Hùng Nguyễn Thụy bị đày đi Côn Đảo, được thả vào năm 1916, ông lại cùng các anh hùng Lê Ngung (người quận Tư Nghĩa), Lê Triết, Trần

Cao Vân, Thái Phiên thuộc Việt Nam Quang Phục Hội tổ chức khởi nghĩa ở các tỉnh miền Trung với sự tham dự của vua Duy Tân. Nhưng đại sự không thành, hầu hết các yếu nhân ở Quảng Ngãi bị bắt. Anh Hùng Lê Ngung uống thuốc độc tự tử, chết trong tù, nhưng giặc Pháp vẫn không tha, đem xác ông chém cùng với các anh hùng Nguyễn Thụy và 12 chiến hữu khác, rồi đem bêu đầu ông ở làng Cam Lộ.

Phong cảnh, di tích

Thiên Ấn Niêm Hà : Núi này là thắng cảnh đẹp nhất tỉnh Quảng Ngãi, thuộc xã Sơn Long, gần sông Trà, cao 105 m. Trên đỉnh bằng phẳng ước chừng mười mẫu Tây, bốn mặt vuông phẳng trông như cái ấn. Núi Thiên Ấn xưa có thổ chất thiên nhiên là loại đá son, có thể dùng mài thành mực viết chữ Hán. Chân núi phía Nam có hòn Triện, phía Bắc liền núi La Vọng, phía Đông tiếp núi Tam Thai, phía Tây giáp núi Long Đầu. Đứng trên núi, nhìn chung quanh là núi, sông, phong cảnh tuyệt đẹp.

Thiên Bút Phê Vân : Thuộc xã Tư Chánh, quận Tư Nghĩa. Núi Bút cao 65 thước, bốn phía núi thăng bằng, ở giữa cao vút như ngọn bút vẽ lên trời. Buổi sáng sương mù bốc lên chập chờn lưng chừng trời, tỏa lên trên đỉnh núi chan hoà với mây cao. Ngọn núi nhọn bị sương che lấp xa xa, đây là lúc "bút trời vẽ mây". Nhưng không phải lúc nào cũng thấy hiện tượng này. Và mỗi lần hiện tượng này xảy ra, dân địa phương tin rằng sắp có biến cố lớn xảy ra trong tỉnh.

Cổ Lũy Cô Thôn : Cảnh này thuộc xã Tư Hiền, phía Tây Nam giáp cửa biển Đại Cổ Lũy. Xưa Cổ Lũy ở trên cửa sông Trà, là đồn phòng thủ kiên cường của Chiêm Thành. Hiện nay Cổ Lũy là một thôn nhỏ, dân chúng làm nghề dệt chiếu và đánh cá. Cửa biển xa làng mạc, phong cảnh như một vùng khói lờ mờ, trông đơn độc lắm; nhất là khi sương thu mờ nhạt, bóng hoàng hôn vây phủ vắng vẻ, êm đềm, trông như một bức tranh cổ đẹp.

Bãi Biển Mỹ Khê : Bãi biển Mỹ Khê nằm trên quốc lộ 24B cách thị xã Quảng Ngãi 15 km, cách cảng Dung Quất 16 km và gần cảng Sa Kỳ, thuộc địa phận thôn Cổ Lũy, xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh. Mỹ Khê là bãi tắm lý tưởng của tỉnh Quảng Ngãi với không gian mênh mông, bãi cát mịn, độ dốc thoải, được che chắn

kín đáo, chạy dài 7 m, phía sau là rừng dương xanh thẳm, bên cạnh là con sông Kinh mang vị ngọt của thượng nguồn đổ về và vị mặn của biển đem lại nhiều đặc sản biển phong phú.

Liên Trì Dục Nguyệt : Cảnh này ở xã Phổ Thuận, quận Đức Phổ. Xưa là một hồ sen rộng hơn mười mẫu, hiện nay vẫn còn nhưng hẹp hơn, nằm giữa cánh đồng lúa, gần đó là núi Rồng. trong những đêm thanh, trăng treo trên núi, xa xa vầng trăng rung rinh, ánh trăng uốn khúc theo làn nước hồ sóng gợn lăn tăng. Trăng tỏ trên ngàn in hình bóng núi, làm nổi bật màu sắc xanh. trắng, vàng của hoa sen. Ngoài ra còn hai ao sen đẹp khác ở ấp Bồ Đề, quận Mộ Đức và ở ấp Ba La, quận Tư Bình. Cả ba chổ kể trên gọi là Liên Trì.

Thạch Bích Tà Dương : Cảnh này ở phía Nam quận Sơn Hà. Hình núi đứng cao chót vót, cỏ cây rậm rạp, thế núi quanh co, vách đá dựng ngược, phía Tây thông với các làng suối Tía (Tử Tuyền) rất hiểm trở. Buổi sáng khí mây ngưng sắc tía, buổi chiếu hang hóc ngậm màu son, khi mặt trời lặng bóng, cảnh vực nhuộm màu đen thẫm thì riêng đỉnh Thạch Bích còn rực ánh hoàng hôn, oai hùng vươn lên chọc trời tạo nên cảnh đẹp nên thơ.

An Hải Sa Bàn : Ở Bình Sơn, phía Nam cửa Sa Kỳ có ấp An Hải nằm giáp biển, cát đá bồi như hình một cát mâm. Phong cảnh hữu tình.

Vân Phong Túc Vũ : Phía Tây quận Sơn Tịnh. Núi Vân cao vút lên giữa lưng trời, có các núi bao quanh. Chót núi dờn dợn mây bay, suốt ngày khí sắc như lúc trời mới sáng hay giống như sau khi mưa tạnh.

Thạch Cơ Điếu Tẩu : Hai quả núi ở hai bên cửa Sa Kỳ là dãy đá thiên nhiên chặn ngang qua cửa bể, chỉ có một lối vào trong. Ở giữa có một tảng đá lớn nổi lên trong như hình người đứng. Gần bên có một tảng đá bằng phẳng in hình hai dấu chân người. Bên cạnh còn có một tảng đá lộ thiên, mỗi lần gió đưa sóng vỗ tràn vào hang, nước bắn tung lên rất đẹp. Thạch Cơ Điếu Tẩu là một dãy đá nổi lên ở giữa bể giống như người đứng câu giữa dòng nước.

Mộ Các Anh Hùng Dân Tộc : Mộ anh hùng Lê Trung Đình tại xã Sơn Long. Mộ anh hùng Nguyễn Thụy tại thôn Hồ Tiếu, xã Tư Nguyên, quận Tư Nghĩa.

Tỉnh Thành : Tại xã Chánh Lộ, chu vi 2000 m, cao 4 m. Thành được xây dựng từ

năm Gia Long 1807 đến năm 1815 mới xong, bị phá hoại năm 1949 trong thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Nay vẫn còn mô đất cao và hào cạn.

Văn Miếu : Tại xã Sơn Long , quận Sơn Tịnh. Dựng năm Gia Long 1817, thờ Đức Khổng Tử. Năm 1955, đồng bào địa phương đào được một pho tượng Đức Khổng Tử bằng đồng đen, rồi đem trưng thờ tại Văn Miếu.

Chùa Thiên Ấn : Chùa tọa lạc trên núi Thiên Ấn thuộc xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh. Chùa do Hòa thượng Pháp Hoa dựng vào thời Hậu Lê. Chùa còn được chúa Nguyễn ban biển ngạch đặt tên "Thiên Ấn Tự". Trước chùa có giếng cổ nước trong. Tương truyền vị Hòa thượng khi dựng xong chùa, thấy chùa hiếm nước, bèn tự mình khổ công đào giếng này trong suốt 20 năm. Giếng đào xong thì sư mất. Năm 1947, chùa bị hỏng hoàn toàn. Ngôi chùa hiện nay được xây dựng lại vào năm 1959 và hoàn thành năm 1961. Năm 1992 chùa được trùng tu.

Chùa Ông Rau : Trên lưng đồi núi Đỏ, phía sau núi Long Phụng thuộc xã Đức Phụng thuộc xã (Mộ Đức). Chùa gồm bốn tảng đá thiên nhiên ghép thành hang, cao hai thước, rộng năm thước. Chính giữa là bàn thờ bằng đá, dài gần hai thước, cao một thước. Tục gọi là Ông Rau vì ngày xưa có một đạo sĩ đến tu tại hang, trồng rau ăn để hành đạo. Vào năm 1963, có hai vị khất sĩ tu thiền tại chùa trọn hai năm rồi đi biệt tích.

Tỉnh Man Trường Lũy (Lũy Dài Tỉnh Man) : Năm 1819, Gia Long cử Lê Văn Duyệt trông nom việc xây đắp trường lũy dọc theo ranh giới phía Tây trấn Man, tăng cường cho việc phòng thủ. Trường lũy này đặt tên là Lũy Sơn Phòng, dài 90 cây số. Lũy đáp bằng đất và đá to bằng đầu người, cao trên hai thước, dày một thước rưỡi. Phía ngoài lũy có hào rộng trên ba thước.

Thành Cổ Châu Sa : Một thành Champa cổ còn nguyên vẹn tại Châu Sa xây dựng vào thế kỷ 9, cao 5 m, hình vuông có hai vòng thành nội và ngoại, mỗi cạnh dài 800 m. Thành thuộc thôn Phú Bình, xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh, cách thị xã Quảng Ngãi 8 km về hướng Đông Bắc, trên bờ Bắc gần cửa biển sông Trà, một thời nhộn nhịp nghề trồng lúa, làm gốm trao đổi buôn bán với bên ngoài của cư dân Chămpa thế kỷ 9 - 14. Thành Châu Sa còn có di tích đồn Cồn Lũy nằm ở thắng cảnh núi Phú Thọ - Cổ Lũy Cô Thôn. Thành này cao 25 m xây nhô ra biển

án ngữ Cửa Đại bảo vệ thành Châu Sa.

Di Tích Khảo Cổ Sa Huỳnh : Cách thị xã Quảng Ngãi khoảng 60 km về hướng Đông Nam thuộc hai xã Phổ Thạch và Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, kề bên khu du lịch biển Sa Huỳnh. Di tích khảo cổ Sa Huỳnh với các di chỉ khu mộ táng ở cồn cát ven biển được khai quật là mốc chỉ dẫn về sự có mặt người Sa Huỳnh trên đất Quảng Ngãi thuộc giai đoạn thời kỳ đồ sắt (cách đây trên 2000 năm). Di tích khảo cổ Sa Huỳnh có giá trị khảo cổ cao, thu hút khách du lịch đến tham quan nghiên cứu về nền văn hóa Sa Huỳnh tại Việt Nam. Những di chỉ quý hiếm đang được lưu giữ tại đây.

Núi Thiên Ấn - Sông Trà Khúc : Thiên Ấn là ngọn núi nằm ở tả ngạn sông Trà Khúc, phía Bắc thị xã Quảng Ngãi. Núi cao 100 m, tựa hình một chiếc ấn, bốn phía sườn có hình thang cân. Giữa thiên nhiên thoáng đãng, ngọn núi như chiếc ấn của trời cao niêm xuống dòng sông xanh nên người xưa gọi là Thiên Ấn Niêm Hà. Năm Minh Mạng thứ 13 (1830), núi được liệt vào hàng danh sơn và ghi vào điển tích. Trên đỉnh núi có ngôi chùa cổ nằm dưới bóng cây cổ thụ, được Chúa Nguyễn Phúc Chu ban biển ngạch "Sắc Tứ Thiên Ấn Tự" vào năm 1716. Cũng trên đỉnh núi còn có một khu bảo tháp gìn giữ thi hài các vị sư tổ trụ trì và mộ nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947). Núi Thiên Ấn là đệ nhất thắng cảnh và là "núi thiêng" của người Quảng Ngãi.

Chùa Ông : Chùa cách thị xã Quảng Ngãi 10 km về hướng Đông, thuộc địa phận xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa. Chùa Ông được người Hoa sinh sống tại Quảng Ngãi đứng ra xây dựng năm 1821 (năm Minh Mạng thứ 2). Đây là một công trình kiến trúc nghệ thuật tôn giáo được làm công phu và đẹp. Tất cả các câu đầu, đòn bẩy, xà ngang đều được trạm trổ hình người, hoa lá, cỏ cây sinh động. Các tượng thờ được chạm khắc công phu tỉ mỉ. Chùa Ông ở cùng với khu phố cổ phụ cận, là điểm tham quan được du khách ưa thích.

Di Tích Chùa Hang : Chùa Hang thuộc xã Lý Hải, ở phía Đông Nam huyện đảo Lý Hải. Chùa Hang do các vị Tiền hiền họ Trần ra khai khẩn hoang đảo, mở đất dựng làng Lý Hải, Lý Vĩnh xưa dựng vào thời vua Lê Kính Tông, cách khoảng hơn 300 năm.

Gọi là chùa Hang bởi chùa nằm trong hang núi. Muốn đến chùa phải men theo con đường độc đạo cheo leo vách núi sát mép biển lên cao dần rồi xuống hơn 40 bậc mới đến. Trước sân chùa, một tượng Quan Âm cao hơn 7 m đứng trên bệ giữa hồ sen nhìn ra biển cả mênh mông. Quanh đó, những cây bàng biển cổ thụ hàng trăm năm tuổi gốc rễ sù sì, cành lá sum suê, xòe tán xanh che bóng mát rượi. Trước cửa chùa là những bãi đá san hô được sóng đẽo gọt. Sát mép biển, bãi cát vàng sạch tinh lấp lánh vỏ sò, vỏ ốc.

Chùa còn được gọi là Thiên Không Thạch Tự (chùa đá trời sinh) ở trong lòng hang sâu và rộng có thể chứa một lúc hàng trăm người. Trong chùa có bàn thờ Phật Di Đà, Như Lai, Di Lặc, Sư Tổ Đạt Ma và các sư tổ trụ trì. Các bệ đá thờ được tạo từ bệ đá thiên nhiên càng tăng thêm vẻ thâm nghiêm, huyền bí. Cạnh chùa Hang về phía Nam còn nhiều hang động to nhỏ, cao thấp khác nhau, muôn hình kỳ thú. Chùa là di tích kiến trúc nghệ thuật tôn giáo vừa là thắng cảnh đẹp trên đảo Lý Sơn.

Các dịp lễ hội

Quảng Ngãi là tỉnh có nền văn hóa lâu đời, nhiều di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh như cảnh đẹp núi Ấn, sông Trà Khúc, Cổ Lũy Cô Thôn rợp mát bóng dừa, bãi biển Mỹ Khê nước trong xanh, bãi tắm Sa Huỳnh cát trắng, lộng gió, di tích kiến trúc thành cổ Châu Sa, nằm kề bên bờ Bắc của sông Trà gần cửa biển, các di tích văn hóa Sa Huỳnh, mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng...

Quảng Ngãi không có mấy đình chùa và nhà thờ họ. Đến Quảng Ngãi, du khách có dịp thăm lại chiến trường xưa, những di tích lịch sử như căn cứ địa Ba Tơ, chiếc nôi cách mạng đầu tiên ở miền Trung; di tích khởi nghĩa Trà Bồng, quê hương của những rừng quế bạt ngàn, di tích tội ác chiến tranh Sơn Mỹ; chiến thắng Ba Gia; chiến thắng Vạn Tường, địa danh nổi tiếng, một chiến trường xưa đầy ác liệt đã đi vào lịch sử. Ở vùng biển Quảng Ngãi, hàng năm ngư dân thường tổ chức lễ hội Nghinh Ông.

Lễ Hội Nghinh Ông : Lễ cúng cá Ông được tổ chức hàng năm tại các miếu thờ cá Ông, các nghi thức lễ bái nghiêm ngặt, thu hút Đông đảo cư dân tham dự. Trong ngày lễ, lăng thờ được tranh hoàng rực rỡ, trang nghiêm, có giăng đèn kết hoa.

Tại nhà dân đặt bàn hương án, nhang đèn, bánh trái, hoa, xôi... ban đêm có treo đèn lồng. Mọi tàu thuyền của ngư dân đều đậu ở bến. Lễ hội còn diễn ra trên biển ở ngoài khơi. Phần hội có tổ chức vui chơi hát bả trào hát bội.

Quảng Ninh

Diện tích : 5938 km².

Dân số : 1.029.900 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành Phố Hạ Long.

Thị xã : Thị xã Cẩm Phả, thị xã Uông Bí, thị xã Móng Cái.

Các huyện : Bình Liêu, Quảng Hà, Tiên Yên, Ba Chẽ, Vân Đồn, Hoành Bồ, Đông Triều, Cô Tô, Yên Hưng.

Dân tộc : Việt (Kinh), Tày, Dao, Sán Chỉ, Cao Lan, Sán Dìu, Hoa.

Tỉnh Quảng Ninh là một tỉnh thuộc miền Đông Bắc Việt Nam. Phía bắc giáp Trung Quốc với 170 km đường biên giới. Phía nam giáp Hải Phòng. Phía đông giáp vịnh Bắc Bộ. Phía tây giáp tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và Hải Dương. Bờ biển dài 250 km.

Nhiệt độ trung bình cả năm 25°C. Quảng Ninh có rừng, có biển, nhiều hải sản quý. Đặc biệt trữ lượng than đá ở Quảng Ninh chiếm 90% tổng trữ lượng than của Việt Nam.

Quảng Ninh với vịnh Hạ Long, di sản thiên nhiên thế giới, với hàng trăm di tích lịch sử, văn hóa, thiên nhiên khác là một trung tâm du lịch lớn của Việt Nam. Đến đây du khách có thể thăm các kỳ quan thiên tạo cũng như tìm hiểu các truyền thống văn hóa đặc sắc của địa phương.

Sinh hoạt, kinh tế

Ngoài số đồng bào Kinh sống phần lớn trong tỉnh, còn có đồng bào Dao, Tây, Hoa... Dân chúng Quảng Ninh thờ phụng những người có công với đất nước, dân tộc như những vị thánh linh. Tại cửa Suốt gần Cẩm Phả có đền thờ Đức Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Toản , hàng năm mở hội vào rằm tháng giêng, dân chúng đi lễ hội rất đông.

Địa thế Quảng Ninh không thuận lợi phát triển về canh nông, ngoài Hà Nam có đất phù sa trồng được nhiều loại hoa màu, chủ yếu là lúa gạo. Rừng núi Quảng Ninh cung cấp nhiều loại gỗ quý như lim, sến, táu, dổi, thông và nhiều cây dược liệu... Rừng cũng có nhiều dã thú; dân ở đảo Rều trong vịnh Bái Tử Long nuôi loại "khỉ vàng". Nhưng cho đến nay đời sống dân chúng tương đối đỡ chật vật hơn

các tỉnh lân cận là nhờ ngư sản và khoáng sản.

Về ngư nghiệp, Quảng Ninh có nhiều làng ngư dân dọc theo sông và ven biển. Ngư sản ở sông và biển đều là nguồn lợi lớn cho dân chúng như cá thu, bào ngư, tôm he, đồi mồi... Vùng Cát Hải có kỹ nghệ làm nước mắm và muối.

Về quặng mỏ, Quảng Ninh có nhiều mỏ than như Hòn Gai. Hà Tư, Cẩm Phả, Uông Bí, Cái Bàn. Tại Uông Bí còn có mỏ sắt, Hoành Bồ có mỏ đệ, Lệ Viên có mỏ đồng, đảo Hai Sông có nhiều mỏ đá vôi và nhà máy xi măng, khu Hoành Bồ có mỏ đất sét.

Hệ thống giao thông của Quảng Ninh khá mở mang, sự liên lạc trong tỉnh cũng như các thị trấn được dễ dàng về cả đường bộ lẫn đường thủy. Những bến Hồng Gai, Cẩm Phả và Vạn Hóa có những đoạn thiết lộ nối với các kỹ nghệ khai thác quặng, lại có khả năng cho cập bến những tàu lớn nên thương mại Quảng Ninh rất phát đạt.

Lược sử

Thời lập quốc, Quảng Ninh thuộc bộ Ninh Hải, một trong 15 bộ của nhà nước Văn Lang. Dưới nhà Tần, đất Quảng Ninh thuộc Liêm Châu, đời nhà Hán thuộc Giao Chỉ, đời Đường thuộc Lục Châu rồi Ngọc Sơn. Về sau triều đình ta đổi thành châu Chao Lương. Tới năm 1023, đời Lý Thái Tổ đổi thành châu Vĩnh An; năm 1149, đời Lý Thái Tông cải thành trang Vân Đồn; năm 1242 đời Trần Thái Tông đổi là lộ Hải Đông; năm 1343, đời Trần Dụ Tông đổi thành trấn Vân Đồn. Dưới thời Minh thuộc, Quảng Ninh có tên là An Châu, thuộc phủ Tây An. Sau chiến thắng quân Minh, nhà Lê đổi tên An Châu thành An Bang. Năm 1578 đổi thành An Quảng gồm thêm phủ Kinh Môn. Năm 1802 có tên là châu Quảng Yên, Năm 1822 thành phủ Quảng Yên. Năm 1835 triều đình bổ nhậm các quan chức chỉ huy các tộc trưởng người Thái. Tỉnh Quảng Yên được chính thức thành lập vào năm 1893.

Về mặt lịch sử, Quảng Ninh là vùng đất linh thiêng đã chôn vùi biết bao mơ ước xâm lược của nhà Nam Hán, Tống, Nguyên. Năm 938, anh hùng Ngô Quyền đại thắng quân Nam Hán tại sông Bạch Đằng. Dân chúng Quảng Ninh lấy gỗ cặp sắt nhọn cắm ngầm dưới lòng sông. Thái tử Nam Hán là Hoằng Tháo đem binh tới,

với vẻ kiêu ngạo, nhưng lúc thủy triều xuống thuyền chúng mắc vào cạn, chết quá nữa. Đuổi hết giặc, anh hùng Ngô Quyền khai mở một kỷ nguyên tự chủ lâu dài cho Tổ Quốc. Tháng ba năm Tân Tị (981). Đại quân nhà Tống sang đánh nước ta. Anh hùng Lê Hoàn (Vua Lê Đại Hành) đem quân ra chống giữ trên sông Bạch Đằng, phối hợp với bộ binh Lạng Sơn, đánh tan quân Tống. Quân giặc Nguyên cũng bị đại bại trên đất Quảng Yên khi Thoát Hoan sang đánh nước ta lần hai (1284). Sau trận Vân Đồn anh hùng Trần Khánh Dư chận đánh thuyền chở lương của Trương Văn Hổ tại cửa bể Lục Thủy Dương (phía đông nam huyện Hoành Bồ tức cửa Lục bây giờ), tịch thu hết lương thực và khí giới của giặc. Tháng ba năm Mậu Tí (1288), dưới sự lãnh đạo của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, dân chúng Quảng Ninh lại dùng cọc nhọn đóng giữa dòng sông, đánh theo thủy triều làm binh thuyền quân Nguyên đắm rất nhiều, máu loang làm đỏ cả khúc sông. Các tướng Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ đều bị bắt.

Khi quân Pháp tiến chiếm các tỉnh miền Bắc, đồng bào Quảng Ninh lập khu kháng chiến ở trại Sơn, đây là vùng miền núi hiểm trở quanh vùng sông Con, sông Kinh Thày và sông Hàn. Năm 1884, dân ta đánh tiêu hao gần một tiểu đoàn quân Pháp, Năm 1888, 1889, nghĩa quân của anh hùng Nguyễn Thiện Thuật mở rộng hoạt động tại Quảng Ninh, Hải Ninh, đánh phá khắp vùng Uông Bí, cù lao Hai Sông... làm quân Pháp bị thiệt hại nặng.

Phong cảnh, di tích

Vịnh Hạ Long : Nằm ở vùng Đông Bắc Việt Nam, vịnh Hạ Long là một phần vịnh Bắc Bộ, bao gồm vùng biển của thành phố Hạ Long, thị xã Cẩm Phả và một phần của huyện đảo Vân Đồn. Phía tây nam vịnh giáp đảo Cát Bà, phía Đông là biển, phần còn lại giáp đất liền với đường bờ biển dài 120 km, được giới hạn từ 106 độ 58 phút đến 107 độ 22 phút kinh độ Đông và 20 độ 45 phút đến 20 độ 50 phút vĩ độ Bắc, với tổng diện tích 1553 km² gồm 1969 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 989 có tên và 980 đảo chưa có tên. Đảo của vịnh Hạ Long có hai dạng là đảo đá vôi và đảo phiến thạch, tập trung ở hai vùng chính là vùng phía đông nam (thuộc vịnh Bái Tử Long) và vùng phía tây nam (thuộc vùng vịnh Hạ Long) có tuổi kiến tạo địa chất từ 250 - 280 triệu năm. Vùng tập trung dày đặc các đảo đá có phong cảnh

ngoạn mục và nhiều hang động đẹp, nổi tiếng là vùng trung tâm di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long, bao gồm vịnh Hạ Long và một phần vịnh Bái Tử Long. Vùng di sản thiên nhiên được thế giới công nhận có diện tích 434 km² bao gồm 775 đảo như một hình tam giác với ba đỉnh là đảo Đầu Gỗ (phía tây), hồ Ba Hầm (phía nam), đảo Cống Tây (phía đông) vùng kế bên là khu vực đệm và di tích danh lam thắng cảnh quốc gia.

Từ trên cao nhìn xuống, vịnh Hạ Long như một bức tranh khổng lồ vô cùng sống động. Đi giữa Hạ Long ta ngỡ như lạc vào một thế giới cổ tích bị hóa đá, có đảo thì giống một người đang đứng hướng về đất liền (hòn Đầu Người), có đảo thì giống một con rồng đang bay lượn trên mặt nước (hòn Rồng), đảo thì giống ông lão đang ngồi câu cá (hòn Ông Lã Vọng), hòn cánh Buồm, hòn Cặp Gà, hòn Lư Hương... Tất cả trông rất thực, thực đến kinh ngạc. Hình dáng đá kỳ diệu ấy biến hóa khôn lường theo gốc độ ánh sáng trong ngày và theo cách nhìn. Tiềm ẩn trong lòng các đảo đá ấy là những hang động tuyệt đẹp như động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, động Sửng Sốt, động Tam Cung... Đó thực sự là những lâu đài tạo hóa giữa chốn trần gian. Từ xưa, Hạ Long đã được đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi mệnh danh là kỳ quan đất dựng giữa trời cao. Vịnh Hạ Long là nơi gắn liền với sự phát triển của lịch sử của dân tộc với những địa danh nổi tiếng như Vân Đồn nơi có thương cảng nổi tiếng một thời (1149) , có núi Bài Thơ ghi bút tích của nhiều bậc vua chúa, danh nhân, xa hơn chút nữa là dòng sông Bạch Đằng nơi đã từng chứng kến hai trận thủy chiến lừng lẫy của ông cha ta chống giặc ngoại xâm... Không chỉ có vậy, Hạ Long ngày nay được các nhà khoa học chứng minh là một trong những cái nôi của nền văn hóa Hạ Long từ hậu kỳ đồ đá mới với những địa danh khảo cổ học nổi tiếng như Đồng Mang, Xích Thổ , Thoi Như, Thoi Giếng... Hạ Long cũng là nơi tập trung đa dạng sinh học cao với nhữnh hệ sinh thái điển hình như hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái tùng áng, hệ sinh thái rừng cây nhiệt đới... Với hàng ngàn loài động vật, thực vật vô cùng phong phú trên rừng, dưới biển, cá mực... Có những loài đặc biệt quí hiếm chỉ có ở nơi đây.

Với những giá trị đặc biệt như vậy, ngày 17-12-1994, trong phiên họp lần thứ 8

của Hội Đồng Di Sản Thế Giới thuộc UNESCO tổ chức tại Thái Lan, vịnh Hạ Long đã được chính thức được công nhận là Di sản thiên nhiên, khẳng định giá trị mang tính toàn cầu của vịnh Hạ Long.

Bãi Cháy : Dọc theo bờ biển vịnh Hạ Long là khu nghỉ mát thường quen gọi là Bãi Cháy. Đây là khu nghỉ mát quanh năm lộng gió biển, nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.

Bãi Cháy là một dải đồi thấp chạy thoai thoải về phía biển kéo dài hơn 2 km ôm lấy hàng thông cổ thụ nằm xen kẽ với những khách sạn cao tầng, những biệt thự nhỏmang kiến trúc riêng biệt. Qua con đường rải nhựa, sát bờ vịnh là dải cát trắng và hàng phi lao xanh mát. Những hàng quán nhỏ xinh ẩn mình dưới rặng cát phi lao. Tắm biển xong du khách có thể lên bờ ngồi thưởng thức những cốc nước lạnh mát để đón luồng gió biển.

Núi Bài Thơ : Ngày trước núi có tên là Truyền Đăng, núi cao 106 m, đứng bên cạnh thị xã Hòn Gai, một nửa chân núi gắn liền với đất liền, nửa ngâm trong nước biển. Đi thuyền trên vịnh cách bờ biển vịnh Hạ Long chừng 300 m đã có thể nhìn thấy bài thơ khắc trên vách núi trong một khung hình vuông, mỗi chiều dài 1,5 m. Năm 1468, vua Lê Thánh Tông cũng là nhà thơ nổi tiếng khi đi kinh lý vùng Đông Bắc, đã dừng chân trên vịnh Hạ Long ngay dưới chân núi nên thơ này. Xúc cảm trước thiên nhiên vĩ đại, nhà vua đã làm một bài thơ truyền lệnh và khắc vào vách núi. Từ đó có tên gọi núi Bài Thơ. An Đô Vương Trịnh Cương (1686 - 1730) cũng có một bài thơ ở núi này.

Leo lên núi Bài Thơ là một trò chơi hấp dẫn. Đứng ở lưng chừng núi phóng tầm mắt xa xa là biển xanh, đảo đá nhấp nhô, nhìn lên cao là trời mây bồng bềnh và xung quanh là cây, là rừng hoa, là những cánh chim ríu rít chuyền cành...

Hang Đầu Gỗ : Giữa non nước mây trời Hạ Long tuyệt mỹ, một chiếc hang mang tên vô cùng mộc mạc dân dã : hang Đầu Gỗ. Hang nằm trên đảo Đầu Gỗ, xưa đảo này có tên là đảo Canh Độc. Sách Đại Nam nhất thống chí có ghi "Hòn Canh Độc lưng đảo có động rộng rãi có thể chứa vài ngàn người, gần đó có hòn Cặp Gà, Hòn Mèo, Hòn La... " Sở dĩ gọi là hang Đầu Gỗ, theo truyền thuyết xưa kể rằng : trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông, Trần Hưng Đạo đã cho chuẩn

bị nhiều cọc gỗ lim ở đây để cắm xuống lòng sông Bạch Đằng, có rất nhiều mẫu gỗ còn sót lại vì vậy động mang tên là hang Đầu Gỗ. Từ phía xa nhìn lại, cửa nam có màu xanh lam hình con sứa biển, qua 90 bậc đá xây ta tới cửa động. Nếu động Thiên Cung hoành tráng khỏe khoắn, hiện đại thì hang Đầu Gỗ trầm mặc uy nghi nhưng cũng rất đồ sộ. Cuốn Meivelle de Monde (kỳ quan thế giới) của Pháp xuất bản năm 1938 chuyên về du lịch giới thiệu về các danh thắng nổi tiếng thế giới đã mệnh danh hang Đầu Gỗ là Grotto des meivellis (động của các kỳ quan). Điều đó hoàn toàn chính xác. Hang được chia làm ba ngăn chính. Ngăn phía ngoài có hình vòm cuốn tràn trề ánh sáng tự nhiên, trần hang là một bức "tranh sơn dầu" khổng lồ, trong đó vẻ phong cảnh thiên nhiên hoang sơ, đó là những đàn voi đang đi kiếm ăn, những chú hươu sao ngơ ngác, chú sư tử lim dim ngủ... với những tư thế vô cùng sinh động. Phía dưới là một chú rùa đang bơi giữa bể nước mênh mông, những rừng măng đá, nhủ đá nhiều màu với những hình thù kỳ lạ theo trí tưởng tượng phong phú của nhiều người. Đứng dưới vòm hang ta có cảm giác như đang đứng giữa một tòa lâu đài cổ kính, có lối kiến trúc đồ sộ và hùng vĩ. Chính giữa lòng hang là một cột trụ chống trời khổng lồ, hàng chục người ôm không xuể, từ phía dưới cột lên trên được bàn tay điêu khắc tài tình của tạo hóa gọt giũa thành những hình mây bay, rồng cuốn, phượng múa, hoa lá, dây leo... Trên đỉnh cột, bất giác ta bắt gặp một vị tu sĩ mặc áo choàng thâm, tay phải cầm gậy tích trượng trong tư thế tụng kinh, niệm Phật. Qua ngăn thứ nhất, vào ngăn thứ hai bằng một khe cửa hẹp. Ánh sáng chiếu vào đây mờ ảo, những bức tranh mới lạ hiện lên long lanh huyền bí. Những chùm hoa đá lúc ẩn lúc hiện, những hình vừa quen thuộc vừa lạ... tạo cho con người vừa sợ sệt vừa tò mò. Tận cùng hang là một chiếc giếng Tiên bốn mùa nước ngọt trong vắt, nước chảy tràn trề quanh năm. Bất giác ta nhìn lên phía trên trong ánh sáng mờ ảo, ta nhận ra xung quanh là bốn bức thành cổ , trên đó đang diễn ra một trận hỗn chiến kỳ lạ, những chú voi đang gầm thét, người và ngựa chen chúc, gươm giáo mọc tua tủa, tất cả đang ở tư thế xông lên và bỗng dưng bị hóa đá chốn này. Năm 1917, vua Khải Định lên thăm hang Đầu Gỗ, ngỡ ngàn trước vẻ đẹp thần tiên của tạo hóa, ông đã cho khắc một tấm văn bia với nội dung ca ngợi cảnh đẹp của non nước Hạ Long vào hang Đầu Gỗ.

Hiện nay tấm bia đá vẫn còn ở bên phải cửa động.

Hang Sửng Sốt : Nằm ở khu vực trung tâm của Di sản thế giới vịnh Hạ Long, động Sửng Sốt trong đảo Bồ Hòn. Người Pháp đặt cho động cái tên Grotto les Suprices (động của những sửng sốt). Đây là một hang động rộng và đẹp vào bậc nhất của Hạ Long. Mặt khác động nằm ở vùng trung tâm du lịch của vịnh Hạ Long (bãi tắm Ti Tốp - hang Bồ Nâu - động Mê Cung - hang Luồn - động Sửng Sốt) và đây cũng là nơi tập trung nhiều đảo đá có hình dạng đặc sắc không nơi nào có được. Đường lên động Sửng Sốt luồn dưới những tảng đá rừng, những bậc đá ghép cheo leo, du khách vừa có được cái thú của người leo núi, vừa có cái háo hức như đi trên trời vậy. Động được chia làm hai ngăn chính: toàn bộ ngăn một như một nhà hát lớn rộng thênh thang. Trần hang được phủ bằng một lớp "thảm nhung" óng mượt, vô số những "chùm đèn treo" bằng nhủ đá rực sáng long lanh, những tượng đá, voi đá, hải cẩu, mâm xôi, hoa lá... tất cả dường như đang chuyển động trong một thế giới huyền ảo như thực như mơ.

Chưa hết ngỡ ngàng trước vẻ đẹp thần kỳ của tạo hóa, ta bước vào ngăn hai bằng một con đường nhỏ. Một luồng ánh sáng lùa vào rực rỡ, động mở ra một khung cảnh mới hoàn toàn khác lạ, ngăn động rộng mênh mông có thể chứa được hàng ngàn người, ngay cạnh lối ra vào là một chú ngựa đá và một thanh gươm dài. Truyền thuyết xưa kể rằng, sau khi đánh tan giặc Ân, Thánh Gióng đã giúp dân chúng ở đây đánh đuổi yêu ma, khi dẹp xong Thánh Gióng bay về trời, để lại thanh gươm và con ngựa quý để trấn an dân chúng, xua đuổi yêu quái. Hiện nay trong hang còn nhiều hình ảnh tự nhiên dường như là những dấu tích của trận chiến ác liệt đó, vết chân ngựa Gióng trở thành những ao hồ nhỏ xinh xinh cùng nhiều tảng đá to lớn vỡ vụn. Đi vào trong cảnh trí còn lắm điều kỳ lạ, như nhủ đá, cây đa cổ thụ tán lá xum xuê, chú gấu biển, khủng long... Tới đỉnh cao nhất của động, bất ngờ một khu "vườn thượng uyển" mở ra trước mắt, có hồ nước trong vắt, phong cảnh sơn thủy hữu tình, muôn loài như cây si, vạn tuế, đa cổ thụ cùng nhiều loài chim sinh sống. Những ngày đẹp trời, từng đàn khỉ kéo nhau xuống đây tìm hoa quả ăn làm náo động cả một vùng.

Hang Trinh Nữ - Hang Trống : Hang Trinh Nữ nằm trên dãy đảo Bồ Hòn cùng với

hệ thống động Sửng Sốt, hồ Động Tiên, hang Luồn... Cách Bãi Cháy 15 km về phía Nam. Với người dân đánh cá họ coi hang Trinh Nữ là ngôi nhà thân yêu của họ, còn đối với trai gái yêu nhau lại coi đây là biểu tượng, nơi thề nguyện của tình yêu. Người Pháp đặt cho hang cái tên Le virgin (động của người con gái). Truyền thuyết xưa kể rằng : Xưa có một người con gái vạn chài xinh đẹp, nhà nghèo, gia đình cô phải đi làm thuê cho tên chủ cai quản vùng đánh cá. Thấy cô xinh đẹp, hắn ép gia đình cô gả cô làm vợ bé cho hắn, cô không chịu vì cô đã có người yêu, chàng trai đó đang ra khơi đánh cá để chuẩn bị cho ngày cưới của họ. Không làm gì nổi cô, tên địa chủ đã đày cô ra một đảo hoang nhằm khuất phục ý chí của cô, cô đói lả và kiệt sức. Trong một đêm mưa gió hãi hùng cô đã hóa đá nơi đây. Đó cũng là đêm chàng trai biết tin cô gặp nạn, chàng mãi miết bơi thuyền đi tìm cô. Đến đêm, giông bão ập đến thuyền chàng vỡ nát, chàng dạt lên đảo hoang , trong ánh chớp chàng nhìn ra phía xa và nhận ra cô gái nhưng những lời chàng gọi đã bị gió mang đi. Chàng dùng hòn đá đập vào vách núi báo cho nàng biết rằng chàng đã đến. Chàng gõ máu trên tay chảy đầm đìa, tới khi kiệt sức và chàng hóa đá (hang Trống ngày nay). Ngày nay đến thăm hang Trinh Nữ, bức tượng cô gái đứng xõa mái tóc dài, đôi mắt đang nhìn về phía đất liền vẫn còn đó. Đối diện với hang Trinh Nữ, hang Trống (còn gọi là hang con Trai). Bức tượng chàng trai hóa đá đang quay mặt về phía hang Trinh Nữ vẫn còn, những tiếng tha thiết gõ vào vách đá của chàng trai vẫn văng vẳng đâu đây. Những dấu tích của trận cuồng phong đêm đó vẫn còn đến nay - đó là những đổ vỡ của đất đá trong hang, tiếng gió gầm gào qua vách đá và những bọt sóng tung lên trắng xoá.

Động Thiên Cung : Trong những hang động đẹp nổi tiếng vịnh Hạ Long mới được phát hiện trong những năm gần đây phải nói đến động Thiên Cung. Động nằm ở phía tây nam vịnh Hạ Long cách bến tàu du lịch 4 km, trên đảo Đầu Gỗ ở độ cao khoảng 25 m so với mực nước biển, có tọa độ "107 độ 00 phút 54 giây và 24 độ 54 phút 78 giây". Đảo Đầu Gồ xưa còn có tên là đảo Canh Độc có đỉnh cao đến 189 m, dãy đảo như một chiếc ngai ôm trong lòng mình hai hang động đẹp. Đường lên động Thiên Cung vách đá cheo leo, hai bên tán lá rừng cây che phủ um tùm, vào những đêm trăng, những chú khỉ tinh nghịch leo xuống tận đây để kiếm hoa quả.

Qua một khe cửa hẹp, lòng động đột ngột mở ra không gian có diện tích hình tứ giác với chiều dài hơn 130 m. Càng vào trong ta càng ngỡ ngàng trước vẻ đẹp lộng lẫy của tạo hóa. Động gắn liền với truyền thuyết về vua Rồng xưa. Chuyện kể rằng sau khi vua Rồng giúp dân ta đánh tan giặc, vua Rồng trở về động của mình an tọa, năm ấy trời hạn hán, dân tình mất mùa nhiều nên họ phải đi cầu cứu vua Rồng ra tay làm mưa. Bao nhiêu người đã ra đi mà không có ngày trở về. Không sợ nguy hiểm gian nan, đôi trai gái quyết tâm cùng nhau đi tìm gặp vua Rồng. Người con gái của họ ra đời được đặt tên là Nàng Mây. Nàng Mây lớn lên đã làm xao xuyến trái tim Hoàng tử Rồng và tình yêu đã giúp họ tìm đến với nhau, đám cưới được tổ chức 7 ngày 7 đêm tại khu vực trung tâm động. Để chúc mừng đám cưới, những chú rồng bay lượn lúc ẩn lúc hiện trong rừng mây nhũ đá, những chú voi con nhảy múa, những con mãng xà lớn trườn mình quấn quanh cây đa cổ thụ, hai chú sư tử đá nhảy múa bờm tóc tung bay, trên cao những chú đại bàng giang rộng đôi cánh khổng lồ trên không trung... một chú voi lớn được trang trí diêm dúa công phu đang nằm phủ phục chờ cô dâu chú rể bước xuống. Nam Tào Bắc Đẩu tóc bạc như mây cũng đến dự tiệc vui, cảnh tượng tưng bừng náo nhiệt và vô cùng sống động. Tất cả những hình ảnh đó như vừa được hóa đá nơi này. Trên vách động phía đông là một bức tranh hoành tráng đồ sộ, trong đó chạm nổi những nhân vật trong truyện cổ tích xưa.

Nét chạm khắc mềm mại uyển chuyển và vô cùng tinh tế sắc sảo tới từng chi tiết nhỏ, những khối điêu khắc dù là đồ sộ hay nhỏ bé đều được bàn tay của tạo hóa trau chuốt tỉ mỉ. Trung tâm động là 4 trụ to lớn chống đỡ thiên đình. Từ chân cột tới đỉnh đều được chạm nổi những nhiều hình thù kỳ lạ như chim, cá, cảnh sinh hoạt của con người, hoa lá cành... Trên vách động phía bắc là cảnh một bầy tiên nữ đang múa hát chúc mừng đám cưới. Dưới vòm động cao vút, từng chùm nhũ đá rủ xuống muôn màu tạo thành bức rèm đá thiên nhiên lộng lẫy. Đâu đó có tiếng trống bập bùng như trong đêm hội làng xưa. Đó chính là tiếng gió thổi qua kẽ đá. Đứng giữa vòm động cao vút, màu thạch nhũ xanh như dát ngọc ta ngỡ như đang đứng trong tiên cảnh bồng lai vậy.

Tới ngăn động cuối cùng, những luồng ánh sáng trắng xanh đỏ xen lẫn phối màu

tạo nên khung cảnh hoa lệ. Một vòi nước tự nhiên bốn mùa tuôn chảy róc rách, nơi đây có 3 chiếc ao, nước trong vắt. Đây là nơi nàng Mây thường tắm cho 100 người con của mình và nuôi họ khôn lớn trưởng thành. Một con đường dẫn ra phía ngoài quanh co uốn khúc, đó chính là con đường mà nàng Mây cùng 50 người con của mình cùng ra để khai phá vùng đất mới, 50 người con còn lại ở cùng với người cha xây dựng quê hương, di vật mà người mẹ để lại là bầu vú tiên tràn trề sức sống.

Động Hang Hanh : Cách thị xã Cẩm Phả 9 km về phía tây, động Hang Hanh là một hang động đẹp và dài nhất so với các hang động hiện có trên vịnh Hạ Long. Động có chiều dài 1300 m, chạy xuyên suốt dãy núi đá Quang Hanh ra tới biển. Vì vậy, người Pháp còn đặt tên cho nó là Le tunel (đường hầm). Đi đến thăm động có thể đi bằng thuyền canos hoặc bằng ôtô, phải chọn vào lúc nước thủy triều xuống kiệt. Lúc đó cửa động mới lộ rõ. Bên cạnh một phiến đá bằng phẳng chắn ngang bên cửa động là miếu Ba Cô. Truyền thuyết xưa kể lại rằng: xưa kia có ba cô gái đi biển, gặp hôm trời mưa to, ba cô vào hang trú mưa, thấy cảnh sắc trong hang đẹp quá nên ba người mải miết ngắm cảnh, tới lúc nước triều dâng cao ba cô gái bị mắc kẹt ở trong và bỏ mình tại hang và hóa thành thủy thần. Truyền thuyết là vậy, thực tế động Hang Hanh đẹp hơn ta tưởng rất nhiều. Con đò nhỏ dẫn du khách luồn lách qua từng khe đá quanh co dưới ánh đuốc bập bùng, từng chùm nhũ buông rũ xuống từ trần hang ánh lên những sắc màu kì diệu, dòng nước êm ả lững lờ trôi, không gian tĩnh mịch chỉ có tiếng mái chèo khua nước nghe thánh thót một thứ âm thanh kỳ ảo. Càng vào sâu. Động càng đẹp, mang dáng dấp hoang sơ. Những chùm hoa đá rực rỡ, những trụ kim cương chợt ánh lên bao sắc màu óng ánh, khi ta chiếu đèn vào, những mâm xôi đồ sộ, chùm hoa mẫu đơn, giò phong lan cảnh... Tất cả đang ở trong tư thế vươn ra lay động rung rinh. Đâu đó có tiếng trống bập bùng như đêm hội từ xa vọng lại. Đó là tiếng sóng vỗ nhịp vào vách đá tạo nên, và còn nhiều nữa những hình ảnh đẹp kỳ lạ.

Hòn Đỉnh Hương (Lư Hương Bình Phong) : Hòn Đỉnh Hương nằm chắn ngang giữa con nước, nên rất giống tấm bình phong để che chắn. Khi thủy triều xuống, hòn Đỉnh Hương để lộ 4 chân uốn khúc không khác gì lư hương.

Hòn Gà Chọi : Đi qua hòn Đỉnh Hương 1 km, du khách sẽ nhìn thấy hai hòn đá thật to như dáng 2 con gà đang giương cánh đá nhau trên mặt biển.

Hòn Đũa : Hay còn gọi là hòn Ông, cách Bãi Cháy 15 km về phía đông. Đây là núi đá cao 40 m có hình tròn trông như chiếc đũa phơi mình trước thiên nhiên. Nhìn từ hướng tây bắc, Hòn Đũa giống như vị quan triều đình áo xanh, đầu đội mũ cánh chuồn, hai tay chắp trước ngực, nên dân chài Hạ Long quen gọi là hòn Ông.

Hòn Yên Ngựa : Đây là một ngọn núi nhỏ có hình dáng rất hùng vĩ, núi giống như một con ngựa đang lao mình về phía trước, bốn vó tung bay trên mặt nước xanh.

Đảo Khỉ : Đảo cách thị xã Cẩm Phả 4 km về phía đông nam còn có tên gọi là đảo Rều. Từ năm 1962, đảo đã trở thành trại chăn nuôi khỉ. Khỉ ở đây là loài khỉ mũi đỏ. Đây là điểm tham quan của Hạ Long. Đến đây du khách như được hòa mình với thiên nhiên, được sống với thế giới của "hoa quả sơn".

Núi Yên Tử : Nằm giữa những cánh cung núi trùng điệp của khu đông bắc mênh mông, núi Yên Tử cao 1068 m, vút lên như một tòa tháp. Từ xa xưa cảnh núi rừng Yên Tử đã nổi tiếng là ngoạn mục. Các triều đại vua chúa đã xếp Yên Tử vào hạng "danh sơn" (núi đẹp) của cả nước.

Từ thị xã Hòn Gai, theo đường 18 chừng 40 km đến thị xã Uông Bí. Tại đây du khách chuẩn bị thêm thực phẩm và nước uống rồi tiếp tục hành trình lên Yên Tử. Tên xưa kia của núi Yên Tử là núi Voi, bởi dáng núi giống hình con voi quay đầu về phía biển. Trong sử sách, Yên Tử còn có tên gọi là Bạch Vân Sơn (núi mây trắng) bởi quanh năm đỉnh núi chìm trong mây trắng.

Yên Tử đã đẹp, lại càng nổi tiếng hơn từ khi các vua nhà Trần (thế kỷ 13) dùng núi rừng Yên Tử làm nơi tu hành và phát triển đạo Phật, hình thành phái Trúc Lâm Tam Tổ. Cũng từ đó hệ thống chùa tháp uy nghi được xây dựng lên chi chít. Yên Tử càng làm quyến rũ du khách bốn phương.

Đảo Tuần Châu : Cách hang động Đầu Gỗ chừng 3 km về phía tây, rộng khoảng 3 km². Đảo có tên như vậy do việc ghép lại hai chữ "Linh Thần" và "Tri Châu " mà thành. Đảo có trồng nhiều cây xanh, là nguồn cung cấp rau xanh cho thành phố.

Vân Đồn : Cách thành phố Hạ Long 50 km về phía đông nam là quần đảo Vân Đồn lịch sử, với hơn 600 đảo lớn nhỏ dàn ra như bức trường thành, một kỳ quan

thiên nhiên, một thương cảng sầm uất đầu tiên của Việt Nam từ thời Lý, Trần (thế kỷ thứ 11 - 12).

Tới Vân Đồn ta được tận mắt chứng kiến sự giàu có phong phú đa dạng về hải sản của một vùng biển bạc : các đảo Quan Lạn, Minh Châu, Cô Tô... là nơi cư trú sinh sống của hàng ngàn loài cá, trong đó 730 loài đã được định tên.

Vân Đồn còn là một bảo tàng địa chất ngoài trời, một vườn bách thú, một thảo cầm viên. Từ xưa đến nay, Vân Đồn vẫn là địa chỉ tin cậy của các nhà khoa học, các nhà đầu tư trong và ngoài nước .

Trà Cổ : Bằng ca nô hay tàu thủy chạy ven biển từ Hải Phòng đến Móng Cái khoảng 206 km hoặc từ Hồng Gai, cách 132 km; hoặc đi theo đường 18 Hà Nội - Hồng Gai đến Tiên Yên rồi rẽ đường số 4 đi thị xã Móng Cái bạn sẽ đến bãi biển Trà Cổ. Đây là một trong những bãi biển đẹp nhất của Việt Nam, rất gần thị xã Móng Cái, một thị xã cổ kính khá sầm uất ở sát biên giới với Trung Quốc.

Trà Cổ là bãi biển rộng và bằng phẳng, nền cát trắng mịn chắc, chạy dài tới 15 km, làm thành một bãi tắm lý tưởng. Là rìa bên ngoài của một đảo bồi tự nhiên do tác động của sóng và dòng biển ven bờ tạo nên, Trà Cổ cách đồng bằng Móng Cái bằng một dãi phà hàng ngày có thủy triều ra vào. Hiện nay đã có hệ thống đê ngăn và có đường nối đảo với đất liền nên rất tiện đường đi lại.

Ven bờ biển là những cồn cát cao 3 - 4 m có làng mạc và dân cư đông đúc, chủ yếu sống bằng nghề nông và chài lưới. Sát bờ biển là các rừng phi lao chắn gió, giữ cát, gần đó còn có hệ thống sinh thái rừng ngập mặn.

Do cách xa các thành phố, khu công nghiệp, bến cảng, nên Trà Cổ có khí hậu mát mẻ, không khí trong lành, không gian tĩnh mịch. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 22,7°C, có 4 tháng nhiệt độ dưới 20°C (tháng 12 đến tháng 3 năm sau), tháng nóng nhất từ 26 - 28°C.

Trà Cổ thích hợp nhất với các loại hình du lịch nghỉ ngơi, tắm mát, thể thao nước kết hợp tham quan. Trà Cổ vẫn còn rất sơ khai, khá đặc trưng cho một vùng Đông Bắc Việt Nam.

Chùa Quỳnh Lâm : Chùa Quỳnh Lâm nằm trên đồi trong dãy núi vòng cung Đồng Triều (thuộc xã Tràng An, huyện Đông Triều). Phía trước là hồ nước lớn, 3 phía

còn lại là đồi núi bao bọc. Với thế đất được gọi là thế ngay vàng, hay là thế "Rồng chầu Hổ phục."

Chùa được hình thành từ đời Tiền Lý (khoảng cuối thế kỷ thứ 5 đầu thế kỷ thứ 6) và được tu sửa qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Lê. Đặc biệt chùa được tôn tạo và hoàn chỉnh vào thời Lý, Trần. Trong các thế kỷ 11 - 14, thời kỳ cuối Lê và thế kỷ 17 - 18 Quỳnh Lâm đều trở thành trung tâm Phật giáo lớn nhất của Việt Nam.

Vào thời Lý, nhà sư Không Lộ đã cho đúc pho tượng Di Lặc bằng đồng cao 6 trượng, được coi là một trong "An Nam tứ đại khí" (bốn báu vật lớn của Việt Nam) và một tấm bia đá lớn cao 2,5 m, rộng 1,5 m với hoa văn hình rồng uốn lượn mềm mại. Nhưng chùa Quỳnh Lâm thực sự trở thành trung tâm Phật giáo quan trọng trong thế kỷ 14 với hoạt động của Pháp Loa Đông Kiên Cương - vị tổ thứ 2 của phái Thiền Trúc Lâm.

Trên cơ sở chùa Quỳnh Lâm cũ, năm 1316 Pháp Loa cho xây dựng và thành lập viên Quỳnh Lâm với một kiến trúc đồ sộ và hoàn chỉnh vào năm 1329, chùa Quỳnh Lâm đã trở thành một "Đệ nhất danh lam cổ tích của nước An Nam". Đây là nơi trung tâm truyền kinh giảng đạo và đào tạo hàng ngũ sư sãi cho đạo Phật, nhiều hội lớn có tiếng trong sử sách được tổ chức tại đây như hội "Thiên Phật bảy ngày, bảy đêm" (1352)... Trải qua thăng trầm của lịch sử, công trình kiến trúc cổ của chùa Quỳnh Lâm đã bị hủy hoại, nhưng những hiện vật như tấm bia đá lớn thời Lý, khánh đá và vườn tháp... vẫn còn.

Lễ hội chùa Quỳnh Lâm diễn ra từ ngày mồng 1 đến ngày mồng 4 tháng 2 âm lịch, nhưng không khí lễ hội diễn ra trong suốt 3 tháng xuân với lòng thành kính của tất cả các tín đồ Phật tử gần xa tín tâm về đây dâng hương lễ Phật.

Đền Cửa Ông (Đông Hải Linh Từ) : Đền Cửa Ông tọa lạc trên một ngọn núi trông ra vịnh Bái Tử Long thuộc phường Cửa Ông, thị xã Cẩm Phả. Đền được xây dựng từ đầu thế kỷ 19 gồm 3 khu vực chính : đền Hạ, đền Trung và đền Thượng, được phân bổ ở 3 vị trí khác nhau theo chiều lên cao dần. Đền Hạ thờ Mẫu, khu đền Thượng gồm đền chính thờ Trần Quốc Tảng, lăng Trần Quốc Tảng, đền Quan Châu, đền Quan Chánh và chùa. Đền chính lúc đầu thờ Hoàng Cần, người anh

hùng của địa phương, sau thờ Trần Quốc Tảng, con trai thứ 3 của Trần Quốc Tuấn, người có công trấn ải vùng cửa Suốt.

Kiến trúc đền chính theo kiểu chữ công (I) gồm 3 gian tiền đường, 2 gian ống muống và 3 gian hậu cung. Đây là đền duy nhất thờ đầy đủ gia thất Trần Quốc Tuấn và các cận thần của ông còn lại đến ngày nay. Với 34 pho tượng lớn nhỏ đã được các nghệ nhân chạm trổ công phu tỉ mỉ, sắc nét với tư thế ngồi trong ngai, khám, long đình rất cân đối mang giá trị nghệ thuật cao. Đó là tượng Trần Quốc Tuấn, tượng Thánh Mẫu (vợ ông), hai công chúa (con ông), Trần Quốc Tảng, Trần Anh Tông, Trần Khánh Dư, Yết Kiêu, Dã Tượng, Phạm Ngũ Lão, Lê Phu Trần, Đỗ Khắc Chung... và một số câu đối, đồ thờ tự khác.

Từ lâu đền Cửa Ông đã nổi tiếng linh thiêng không chỉ đối với nhân dân Quảng Ninh, mà nhân dân trong nước cũng lần lượt tìm đến để dâng hương, trẩy hội. Lễ hội đền Cửa Ông diễn ra từ ngày 3-2 âm lịch và kéo dài suốt 3 tháng xuân.

Đình Quan Lạn : Đình nằm trong cụm di tích đình, chùa, miếu, nghè thuộc xã đảo Quan Lạn, huyện Vân Đồn. Đình được xây dựng từ thời Hậu Lê (khoảng thế kỷ 17) và được sửa chữa nhiều lần vào thời Nguyễn để thờ Thành Hoàng làng là các vị tiên công đã có công lập ra xã Quan Lạn và thờ Trần Khánh Dư, người có công lớn trong trận đánh đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ ở Vân Đồn cửa Lục góp phần quan trọng vào đại thắng Bạch Đằng năm 1288.

Đình Quan Lạn xây theo kiểu chữ công gồm 5 gian 2 chái tiền đường, 3 gian ống muống và 1 gian 2 chái hậu cung. Đề tài trang trí ở đây chủ yếu là hình tượng rồng, phượng và hoa lá, được thể hiện các sắc thái khác nhau trên mỗi đầu bẩy, đầu dư, câu đầu, cửa võng... Hiện nay có giá trị nhất còn lưu giữ lại ở đình là pho tượng Trần Khánh Dư và 18 sắc phong của các vua triều Nguyễn phong cho Thành Hoàng làng Trần Khánh Dư.

Đến với Quan Lạn, ngoài việc thưởng thức giá trị văn hóa, du khách còn được thỏa sức đùa giỡn cùng sóng biển với 2 bãi cát dài phẳng mịn (bãi trước, bãi sau). Lễ hội ở đây được diễn ra vào ngày 18 tháng 6 âm lịch nhưng không khí của lễ hội thì kéo dài trong suốt tháng 6.

Miếu Tiên Công : Miếu được xây dựng từ lâu, đến năm Gia Long thứ 3 (1804) thì

xây dựng lại và được trùng tu sửa chữa nhiều lần về sau. Miếu xây dựng để thờ 17 vị Tiên Công có công đầu tiên trong việc khai đê lấn biển, lập nên đảo Hà Nam với xóm làng trù phú gồm 7 xã như ngày nay.

Xưa kia đảo Hà Nam là một bãi bồi ngập nước ở cửa sông Bạch Đằng. Năm 1434 khi vua Thái Tông lên ngôi, cho mở mang kinh thành, 17 cụ quê ở phường Kim Hoa, phủ Hoài Đức, thành Thăng Long (trong đó có 4 cụ là Quốc tử giám sinh và 3 cụ là hiệu sinh) đã rủ nhau xuống đây tìm đất mới. Các cụ đã dựa vào các đường đất cao ở bãi bồi này cùng với dân vạn chài ở đây khai đê lấn biển, lập nên phường Bông Lưu (sau thành xã Phong Lưu gồm Cẩm La, Yên Đông, Phong Cốc). Miếu kiến trúc theo kiểu chữ nhị (=) gồm 3 gian, 2 chái tiền đường và 3 gian hậu cung, khám thờ bài vị, bia đá, câu đối, đại tự được chạm trỗ điêu khắc mang dấu ấn thời Nguyễn. Lễ hội "miếu Tiên Công" vào ngày 7 tháng giêng âm lịch hàng năm.

Bãi cọc Bạch Đằng : Bãi cọc Bạch Đằng nằm trong khu đầm nước của xã Yên Giang giáp đê sông Chanh thuộc xã Yên Giang, huyện Yên Hưng. Bãi cọc Bạch Đằng tồn tại cùng thời gian là nhân chứng trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Nơi ghi dấu thiên tài quân sự của anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn ở thế kỷ 13.

Vào thế kỷ 13, sau 2 lần tiến quân xâm lược Việt Nam bị thất bại thảm hại (1258, 1285) năm 1288 quân Nguyên Mông quyết tâm xâm lược nước ta một lần nữa với 30 vạn quân do Thoát Hoan chỉ huy và 70 vạn hộc lương do Trương Văn Hổ chỉ huy tiến vào Thăng Long bằng đường thủy và đường bộ. Trước sức mạnh đó vua nhà Trần đã thực hiện kế hoạch rút lui chiến lược, xây dựng chiến tranh du kích để tiêu hao sinh lực địch. Sau một thời gian bị tiêu hao sinh lực, mệt mỏi vì khí hậu, hơn nữa đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ đã bị quân của Trần Khánh Dư đánh chìm ngay khi vào đến Vân Đồn cửa Lục, buộc quân địch phải rút lui. Biết trước đựa âm mưu đó, Trần Quốc Tuấn đã dựa vào chiến thuật cắm cọc gỗ xuống lòng sông Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938 và kết hợp với 2 dải đá ngầm ở ghềnh Cốc và ghềnh sông Chanh tạo thành phòng tuyến chặn đường rút lui của quân giặc.

Ngày 9 tháng 4 năm 988 khi đạo binh của Ô Mã Nhi vào cửa sông Bạch Đằng, Trần Quốc Tuấn đã cho thuyền nhỏ ra khiêu chiến, khi nước triều rút, các cánh quân mai phục từ các nhánh sông mới lao ra quyết chiến làm cho quân địch không kịp trở tay, kết hợp với chiến thuật hỏa công chỉ trong vòng một ngày hơn 3 vạn quân của Ô Mã Nhi và gần 400 chiến thuyền đã bị quân nhà Trần tiêu diệt và bắt sống.

Chiến thắng Bạch Đằng 1288 là một chiến công chói lọi đã ghi vào trang sử hào hùng chống giặc ngoại xâm và bãi cọc đầm Yên Giang là nhân chứng hùng hồn của chiến công đó.

Đình Trung Bản : Đình Trung Bản nằm trên gò đất thuộc xóm Thượng, thôn Trung Bản, xã Liên Hòa, huyện Hưng Yên. Đình xây dựng thế kỷ 15 và trải qua nhiều lần trùng tu, đến triều vua Khải Định xây dựng như ngày nay. Đình thờ Thành Hoàng làng là vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo.

Đình Trung Bản kết cấu theo kiểu chữ đinh (j) gồm 5 gian tiền đường, 3 gian bái đường và 2 gian hậu cung. Hiện nay đình còn lưu giữ được một số hiện vật có giá trị từ thời hậu Lê, Nguyễn đã được bàn tay khéo léo của các nghệ nhân thể hiện mang đậm phong cách cổ truyền Việt Nam như hai tấm bia đá (1460 - 1497), kiệu bát cống, sập chân quỳ, quán tẩy, hoành phi, câu đối và 6 đạo sắc của các vua triều Nguyễn phong cho Thành Hoàng làng là Trần Hưng Đạo. Đặc biệt là tượng Trần Hưng Đạo ngồi long ngai với mái tóc xõa sau lưng, quần, áo, mũ, cân, đai được chạm trỗ công phu tỉ mỉ sơn son thiếp vàng, đã được các nhà điêu khắc mỹ thuật Việt Nam đánh giá cao và coi như một trong những tượng mẫu chuẩn về Trần Hưng Đạo.

Hội đình Trung Bản diễn ra vào ngày 8-3 âm lịch cùng với hội đình Yên Giang, đền Trần Hưng Đạo - miếu Vua Bà, đền Trung Cốc và bãi cọc Bạch Đằng là ngày kỷ niệm chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

Di tích An Sinh : Di tích thuộc xã An Sinh, huyện Đông Triều gồm có đền thờ và lăng mộ của các đời vua Trần (1225 - 1400).

Mộ và đền thờ Trần Nhân Tông (1279 - 1293) : được dựng ở núi Ngọc Vân, khoảng thời hậu Lê, gồm có ba cấp. Trên cùng là am Ngọc Vân, giữa là cổng tam

quan Ngọa Tự Vân và bên trái là miếu Thiên Sơn trong có bia đá dựng năm Vĩnh Thịnh thứ 3 (1707). Dưới cùng có 2 tháp Phật, lăng thờ vua Trần Nhân Tông và tháp Đoàn Nghiêm.

Mộ Trần Anh Tông (1293 -1313) : còn gọi là lăng Đồng Tâm ở đồi Táng Quỷ, xây dựng từ đời Trần. Hiện nay phần mộ này chỉ còn vết tích nền lăng ở đỉnh đồi với các bậc thềm đá và hai bên thềm là rồng đá mang phong cách nghệ thuật đời Trần. Tấm bia dựng năm 1840 xác định đây là lăng vua Trần Anh Tông.

Lăng Trần Minh Tông (Lăng Đồng Mục) (1314 - 1329) : nằm ở chân núi trước lăng Trần Anh Tông. Lăng được dựng từ thời Trần. Tấm bia được dựng vào năm 1840 xác định lăng Trần Minh Tông.

Lăng Trần Hiển Tông (1329 - 1341) : Gọi là Nghệ Sơn, xây từ đời Trần. Vết tích còn lại là một tượng chó đá, trâu đá. Tượng quan hầu bằng đá chắp tay trước bụng. Có bia đá dựng năm 1840 xác định lăng Trần Hiển Tông.

Lăng Trần Nghệ Tông (1370 - 1372) : Ở xóm Bãi Đá, còn gọi là khu Khe Nghệ xây từ đời Trần. Tấm bia còn lại đã xác định đó là lăng Trần Nghệ Tông.

Đình Trà Cổ : Đình Trà Cổ được xây dựng vào khoảng 1550, thờ 6 vị Thành Hoàng có công dựng ấp, lập làng ở giữa nơi biển trời bao la. Đình được xây dựng theo kiểu chữ Công trên diện tích 400 m². Tòa bái đường 7 gian, bên trong có 48 cột gỗ lim, cột cái cao trên 4,5 m, chu vi 1,5 m. Bộ khung mái làm bằng gỗ quý chạm khắc công phu, tinh tế. Bốn đầu đao uốn cong gắn hình rồng, những đầu bẩy lực lưỡng chạm rồng đỡ mái hiên làm cho ngôi đình trông bề thế, đồ sộ. Trong đình, ngoài những bức hoành phi câu đối sơn son thiếp vàng rực rỡ là những bức cửa võng lớn chạm Tiên cưỡi rồng vượt biển, lưỡng long chầu nguyệt. Đồ thờ phần lớn bằng đồng có kích thước lớn, có đôi hạc gỗ cao trên 1,5 m (4.5 ft) trông khá sinh động.

Du khách tới Trà Cổ, ngoài thú vui tắm biển còn có dịp viếng thăm đình Trà Cổ, một công trình kiến trúc lịch sử được xây dựng cách đây hơn 400 năm.

Chùa Vạn Linh Khánh (chùa Trà Cổ) : Chùa còn có tên khác là chùa Nam Thọ. Đây là ngôi chùa cổ, được xây dựng vào khoảng 400 năm trước. Chùa tọa lạc trên một khuôn viên rộng trên 5000 m². Trong chùa vẫn còn những cây chay cổ thụ,

dấu tích của một rừng chay mấy trăm năm trước. Trong chùa có trên 50 pho tượng đẹp. Đây là một ngôi chùa khá nổi tiếng của vùng biên giới Đông Bắc. Vào những ngày đầu tháng và rằm, chùa đón tiếp rất đông người đến lễ bái và vãn cảnh chùa.

Đền Thiên Hậu Thánh Mẫu (Đền Trà Cổ) : Đây là một ngôi đền cổ, xuất hiện cùng với đình Trà Cổ. Đền có tượng bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, tương truyền là một pho tượng trôi từ biển vào. Lúc đầu đền chỉ là một lán nhỏ trong rừng chay, dần dần đền đã được tu bổ trở nên khang trang và tọa lạc trên một khu đất rộng. Trong đền có một cây chay cổ thụ có tuổi khoảng 700 năm. Đền có tiếng là linh thiêng, bởi vậy lễ hội đền hàng năm rất đông người từ nhiều vùng đến tham dự (ngày 23-3 âm lịch, lễ hội 3 ngày).

Nhà thờ Trà Cổ : Mảnh đất Trà Cổ nhỏ bé, dân cư thưa thớt nhưng lại có một ngôi nhà thờ khá lớn, có kiến trúc đẹp. Nhà thờ được xây dựng từ những năm 1880. Trong nhà thờ có một chuông cổ có từ 80 năm trước. Sau một thời gian bị hư hỏng, đến năm 1995 nhà thờ được sửa chữa lớn. Hàng năm bức phù điêu được khôi phục, trả lại cho nhà thờ dáng vẻ cổ kính khi xưa. Nhà thờ là điểm tham quan nổi tiếng của vùng Trà Cổ, Móng Cái.

Các dịp lễ hội

Quảng Ninh là một vùng đất cổ. Các di tích khảo cổ ở Tấn Mài, Cửa Lục và một số đảo cho thấy vùng này có niên đại khoảng 300 ngàn năm, thuộc sơ kỳ đồ đá cũ, lúc này đã có con người sinh sống. Nơi đây có nhiều dân tộc, mỗi dân tộc có phong tục tập quán riêng nhưng tất cả đều đoàn kết để xây dựng và bảo vệ quê hương. Vùng đất này đã chứng kiến biết bao chiến công hiển hách chống giặc ngoại xâm mà nổi bật là chiến thắng Bạch Đằng lịch sử, phá tan giặc Nguyên Mông thế kỷ 13. Truyền thống lịch sử anh hùng ấy đã thấm sâu vào nền văn hóa dân gian ở đất Quảng Ninh. Hàng năm, các lễ hội được tổ chức ở nhiều nơi trong tỉnh là để tưởng nhớ đến các sự kiện hào hùng đó.

Lễ hội Bạch Đằng : Dòng sông Bạch Đằng đời đời còn ghi chiến tích của những anh hùng dân tộc chống giặc ngoại xâm. Đó là : Ngô Quyền với trận địa cọc gỗ đánh tan quân Nam Hán; Lê Hoàn; Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và các

danh tướng nhà Trần. Sau này nhân dân tổ chức lễ hội kỷ niệm chiến thắng Bạch Đằng vào ngày 8-4 (âm lịch) có năm kéo dài tới 4 đêm.

Phần lễ có dâng hương tại đền thờ Đức Ông, miếu Vua Bà. Dân làng rước kiệu dọc bờ sông và giống như nghi lễ của cư dân sông nước, tục bơi trải là một nghi lễ quan trọng. Trên dòng sông lớn, cuộc đua tài của nhiều thuyền đua hình lá tre lao vun vút, tiếng hò reo của người dự hội trên bờ sông như làm sống dậy âm hưởng của trận chiến năm xưa.

Cùng với bơi trải, các trò chơi cũng được tổ chức ở nhiều nơi như đấu vật, đánh cờ người, chọi gà,... Trước kia hội còn tổ chức nhiều tiết mục nhằm tái hiện cuộc tập trận của quân dân đời nhà Trần. Lễ hội Bạch Đằng diễn ra trên vùng đất cổ với bao nhiêu chứng tích hào hùng, thu hút hàng vạn người khắp vùng châu thổ sông Hồng về dự.

Hội đền Cửa Ông : Đền Cửa Ông là một trong những di tích nhà Trần nổi tiếng ở vùng Đông Bắc. Đền có 3 khu : đền Hạ, đền Trung và đền Thượng tạo thành quần thể kiến trúc hình chân vạc trông ra vịnh Bái Tử Long hùng vĩ. Trong chiến tranh, đền Trung và Hạ đã bị phá hủy, ngày nay đền Hạ đã được phục hồi. Đền Cửa Ông thờ Trần Quốc Tảng, con thứ 3 của Trần Hưng Đạo cùng nhiều tướng lĩnh nhà Trần có công đánh giặc và trấn ải vùng Đông Bắc. Đền Cửa Ông còn thờ Hoàng Cầu, một tướng lĩnh người địa phương có công dẹp giặc.

Hàng năm, hội đền Cửa Ông chính thức mở vào ngày mùng hai tháng giêng cho đến hết tháng ba (âm lịch). Đền Cửa Ông có tiếng linh thiêng từ khi mới chỉ là một thảo am dưới gốc cây cổ thụ bên bờ cửa Suốt. Vào mùa hội, đền Cửa Ông nườm nượp du khách từ khắp mọi miền đất nước. Khách đến dự hội có thể đi bằng đường bộ qua thành phố Hạ Long, cũng có thể đi bằng đường thủy ven vịnh Hạ Long, qua vịnh Bái Tử Long đến sát cửa đền Hạ.

Trước kia nhân dân ở địa phương có tổ chức ngày hội chính vào ngày mùng 2 tháng 3 âm lịch. Lễ hội được tổ chức linh đình tế lễ và rước kiệu bài vị Trần Quốc Tảng từ đền ra miếu ở xã Trác Chân, tên tục lệ là Vườn Nhãn (theo truyền thuyết là nơi Đức Ông hóa trôi dạt vào...) và quay trở về đền tượng trưng cho cuộc tuần du của Đức Ông.

Hội chùa Long Tiên : Chùa Long Tiên được xây dựng cách đây không lâu (năm 1941) nhưng là ngôi chùa lớn nhất ở thành phố Hạ Long. Chùa tọa lạc ngay dưới chân núi Bài Thơ, một di tích lịch sử danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Có thể nói không khí chùa Long Tiên ngày nào cũng là hội. Khách du lịch Việt Nam và nước ngoài vào vãn cảnh chùa, các tín đồ dâng hương cúng Phật, tụng kinh... nhưng đông nhất là ngày rằm và mồng một hàng tháng và đặc biệt vào dịp Tết Nguyên Đán.

Hội chùa Long Tiên không chỉ dành riêng cho các tín đồ đạo Phật, nó mang ý nghĩa tâm linh cao cả cho mọi người. Khi xuân đến, vào mùa trẩy hội của cả vùng Quảng Ninh, người ta gọi chùa Long Tiên là chùa Trình. Ai cũng muốn đến chùa Long Tiên dâng hương trước rồi mới tiếp tục cuộc hành hương tới Yên Tử, tới hội đền Cửa Ông...

Trước kia chùa Long Tiên mở hội vào ngày 24-3 (âm lịch), hội có tổ chức rước kiệu qua đền Ông Đức (đền thờ Trần Quốc Nghiễm là con cả của Trần Hưng Đạo) đến đền thờ An Dương Vương ở Vụng Đâng qua Loong Toòng rồi quay lại chùa. Các cụ vẫn thường kể lại các cuộc thi kiệu của nhiều đám rước, nhiều kiệu chạy nhanh đã bay qua các con ngòi như trong truyện cổ tích...

Lễ hội Thập Cửu Tiên Công : Đền Thập Cửu Tiên Công (còn gọi là miếu Tiên Công) thuộc xã Cẩm La, đảo Hà Nam, huyện Yên Hưng. Ngôi đền này thờ 19 vị Tiên Công, những người có công đầu tiên khai đê lấn biển lập nên khu đảo Hà Nam trù phú, làng xóm đông vui như ngày nay. Hàng năm dân làng mở hội vào ngày 7 tháng giêng (âm lịch) để tưởng nhớ công lao của các vị Tiên Công. Truyền thuyết kể lại rằng ngày mở hội chính là ngày các vị Tiên Công tìm ra mạch nước ngọt trên đảo cách đây trên 500 năm. Tại đền Tiên Công các vị chức sắc làm lễ cáo yết Tiên Công và bình chọn 4 cụ thượng thọ khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, con cái chăm ngoan để làm lễ động thổ.

Ngày mồng 7, các cụ thượng thọ từ 70 tuổi trở lên cùng con cháu ra đền lễ Tiên Công. Con cháu đội các mâm lễ vật đi trước. Mâm lễ có trầu cau, rượu, xôi, gà hoặc thủ lợn, đặc biệt là các hương án trên có con long mã kết bằng hoa quả. Các cụ thượng thọ đi sau. Các cụ già yếu thì được con cháu khiêng bằng võng, che

bằng lọng. Mỗi gia đình, dòng họ tạo thành một đám rước. Các đám rước nhập lại khi đến gần đền tạo nên một không khí tưng bừng náo nhiệt nhưng rất trang trọng, thiêng liêng. Các cụ thượng thọ vào đền dâng lễ vật và tế Tiên Công, đến giữa trưa phần lễ kết thúc.

Sau lễ tế đến lễ động thổ : bốn cụ đã được chọn bẻ bốn hòn đất đắp đê tượng trưng trước hương án Tiên Công và diễn trò đánh vật, nhằm biểu thị tinh thần đấu tranh với thiên nhiên, tiếp tục sự nghiệp của các Tiên Công quai đê lấn biển, bảo vệ xóm làng. Sau lễ động thổ, dân làng và dân nơi khác đến bắt đầu vào cuộc hội náo nhiệt với các trò chơi như chọi trâu, chọi gà, đánh cờ người, chơi đu, trai gái còn hát đám, hát chèo đường suốt cả hôm đó.

Hội Làng Trà Cổ : Trà Cổ nằm ở nơi ta "đặt nét bút đầu tiên để vẽ hình chữ S của bản đồ đất nước". Trà Cổ có bãi biển đẹp lý tưởng cho du khách. Cư dân Trà Cổ vốn gốc ở Đồ Sơn. Cách đây hơn 400 năm, người Trà Cổ đã xây dựng được ngôi đình làng để thờ các vị tổ (Thành Hoàng làng). Quận He (Nguyễn Hữu Cầu) một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa thời Lê - Trịnh cũng được thờ tại đình. Ngôi đình lớn đại diện cho kiến trúc đình làng của người Việt Nam vẫn được bảo tồn. Hội làng Trà Cổ hàng năm diễn ra từ ngày 30-5 đến 6-6 (âm lịch). Ngày 25-5 đoàn thuyền rước từ Trà Cổ về quê tổ Đồ Sơn. Ngày 30-5 thì thuyền từ Đồ Sơn quay về đến Trà Cổ.

Ngày 1-6 bắt đầu vào hội lễ hội rước Vua ra bể (còn gọi là rước Vua ra miếu), với nghi thức một đội quân cầm vũ khí, cờ thần, phường bát âm, bát bửu, tiếp đến là người cầm cờ vía phải là người cường tráng trẻ đẹp và có đạo đức được làng bầu chọn từ cuối hội năm trước cùng những người khiêng kiệu. Sau lễ rước là cuộc thi các sản phẩm chăn nuôi trồng trọt mà biểu thị chủ yếu là thi các chú lợn mà người ta gọi là các Ông Voi. Các Ông Voi được các dân làng chăm sóc chu đáo từ nhiều tháng trước khi vào hội. Nét độc đáo của hội Trà Cổ là hội thi làm cỗ, thi nấu ăn, ai nấu giỏi đều được cả làng biết đến. Ngày 6 là ngày kết thúc hội có múa bông. Trong ngày múa bông, người ta cầu mong trời đất thần linh phù trợ cho đánh bắt được nhiều cá tôm, buôn bán phát đạt, chăn nuôi, trồng cây tươi tốt, cuộc sống ấm no.

Lễ hội đình Quan Lạn : Lễ hội đình Quan Lạn (còn gọi là hội đua bơi Quan Lạn), là hội làng của người dân xã đảo Quan Lạn, một hòn đảo nằm ở khu trung tâm thương cảng cổ Vân Đồn. Lễ hội được tổ chức ngày 18 tháng 6 (âm lịch) hàng năm nhưng hội kéo dài từ ngày 10 đến hết ngày 20 tháng 6. Lễ hội đình Quan Lạn vừa kỷ niệm chiến thắng giặc Nguyên Mông năm 1288 và chiến công của Trần Khánh Dư, một danh tướng của nhà Trần vừa là ngày hội cầu được mùa của cư dân vùng biển. Hội được tổ chức trên bến đình, nơi có đình Quan Lạn, một ngôi đình cổ trong số ít những ngôi đình còn giữ được cho đến ngày nay.

Ngày 10 tháng 6 : khóa làng (một tục lệ làm trong lễ hội của người Việt), dân trong làng không được đi bất cứ đâu nhưng những người làm ăn ở xa và khách thập phương lại có thể về làng dự hội. Hội đình Quan Lạn có tục đua thuyền khác với bơi trải. Dân làng chia làm 2 phe Đông Nam Văn và Đoài Bắc Võ lập doanh trại riêng từ ngày 13 để luyện quân, chuẩn bị thuyền đua. Thuyền đua thường là thuyền đi biển trọng tải năm, sáu tấn, rộng và sâu lòng, được hạ buồm, trang trí đầu rồng ở mũi thuyền. Ngày 16 làm lễ nghinh thần. Dâng lễ rước bài vị của Trần Khánh Dư từ nghè (cách đình 1,5 km) về đình. Dưới bến đôi thuyền đua tập luyện tạo một không khí tưng bừng náo nhiệt. Ngày 18 tháng 6 vào 3 giờ chiều (năm nào cũng vậy thường lúc này nước triều lên tới sát bến của đình) hai bên bắt đầu xuất phát. Lính bên văn áo trắng quần xanh, chân quấn xà cạp xanh, lính bên võ quần áo xám hoặc đen. Tiếng chuông trống, tiếng hô vang, cờ bay phần phật đầy khí thế. Mỗi khi hai đàn giáp nhau ở sân đình, quân lính cùng dân chúng hét lớn vang dậy cả một vùng. Hai tướng múa những đường đao đẹp mắt, hai đoàn quân được gặp nhau 3 lần, tượng trưng cho 3 lần đánh thắng quân Nguyên thời Trần. Tới lần thứ 3 hai đoàn quân tập hợp trước miếu, hai vị tướng vào tế, khi quay trở ra thì cuộc đua thuyền mới chính thức bắt đầu.

Lễ hội đình Quan Lạn mang dấu ấn của một hội làng truyền thống nhưng đặc biệt hoành tráng thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc chống giặc ngoại xâm bảo vệ chủ quyền đất nước của những người dân vùng biển.

Lễ hội chùa Yên Tử : Vùng núi Yên Tử ở xã Thượng Yên Công, thị xã Uông Bí. Nơi đây là trung tâm Phật giáo của nước Đại Việt thuở trước, nơi phát tích của

thiền phái Trúc Lâm. Trong quần thể di tích Yên Tử rộng lớn hiện có 11 chùa và hàng trăm am tháp. Chùa đồng ở trên đỉnh cao nhất 1068 m (so với mặt nước biển). Lên chùa Đồng du khách cảm tưởng như đi trong mây ("nói cười ở giữa mây xanh" -Nguyễn Trải). Ở Yên Tử có ngọn tháp cao 3 tầng bằng đá. Ngọn tháp có niên đại "Cảnh Hưng thập cửu niên -1758" là cổ nhất. Cũng không đâu có rừng tháp như khu Tháp Tổ ở Yên Tử gắn liền với sự tích huyền thoại về ông vua nhà Trần và phái Thiền Viện Trúc Lâm.

Hội Yên Tử bắt đầu từ ngày 9 tháng giêng (âm lịch) và kéo dài hết tháng 3. Du khách đến hội chùa Yên Tử để được tách mình khỏi thế giới trần tục, thực hiện cuộc hành hương tôn giáo giữa thiên nhiên hùng vĩ. Thú vui "như hội" là leo núi, lên đỉnh cao nơi có chùa Đồng. Trên đường đi chốc chốc lại gặp ngôi chùa, ngọn tháp, con suối, rừng cây mỗi nơi là một truyện cổ tích sâu lắng tình người. Lên đến đỉnh cao sau khi thắp nén nhang ai nấy như mình đang đứng giữa trời, lòng lâng lâng thoát tục. Khi trời quang mây tạnh, từ nơi đây có thể phóng tầm mắt dõi nhìn khắp vùng biển miền Đông Bắc. Ca dao có câu :

"trăm năm tích đức, tu hành.
Chưa đi Yên Tử , chưa thành quả tu."

Quảng Trị

Diện tích : 4592 km².

Dân số : 588.600 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Đông Hà.

Thị xã : Thị xã Quảng Trị.

Các huyện : Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, Hương Hóa, Đa Krong.

Dân tộc : Việt (Kinh), Bru - Vân Kiều, Paco, Tà Ôi, Nùng, Xtiêng, Xu Đăng.

Tỉnh Quảng Trị phía Bắc giáp Quảng Bình, phía Đông giáp Đông Hải, phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Tây là dãy Trường Sơn và nước Lào. Diện tích 4700 km². Tỉnh lỵ Quảng Trị cách thành phố Hà Nội 598 km về hướng Nam, cách thành phố Huế 55 km và cách Sài Gòn 1227 km về hướng bắc.

Về hình thể, đất tỉnh chia làm hai, phía Đông là đồng bằng hẹp, phía Tây là rừng núi thuộc Trường Sơn, chiếm gần hai phần ba diện tích tỉnh. Từ bắc xuống nam có các núi; Đông Châu 1254 m (ranh giới với tỉnh Quảng Bình ở phía Bắc). Đồng Sa Mùi 1200 m, Đồng Voi Mệp 1701 m, Động Tou Troen 928 m, Động Ca Lư 710 m, Phou Nhoi 690 m, Giang Gro 771 m, Ta Laou 821 m, Động Bà Lệ 1102 m (ranh giới với tỉnh Thừa Thiên ở phía Nam), Cây Tre 485 m,... các núi phía Đông chỉ cao độ 300 đến 600 m.

Ba sông chính của tỉnh là Bến Hải, Cam Lộ và Sông Hàn. Sông Bến Hải phát nguồn từ dãy Trường Sơn ra đến biển ở cửa Tùng, dài 75 km. Sông Hàn (còn gọi là sông Thạch Hàn và sông Quảng Trị) chảy từ phía Nam quận Triệu Phong ngược lên phía Bắc ở quận Hương Hóa và quận Cam Lộ, rồi đổ ra cửa Việt. Phía tả ngọn có các sông Hiếu Giang, Vĩnh Phước, Ái Tử chảy vào, phía hữu ngạn có sông đào Vĩnh Định, sông Cam Lộ (gọi là con sông Bồ Điền) là con sông đào nối sông Bến Hải với sông Thạch Hãn, chảy qua hai quận Hương Hóa và Cam Lộ. Ngoài ra tỉnh còn có một số dòng sông nhỏ như Rao Quan, Da Krong, Mỹ Chánh, Nhung Giang, Trịnh Hin, Rào Vĩnh... Bờ biển Quảng Trị dài 66 km (41 miles), ngoại trừ vùng cửa Tùng lởm chởm đá, suốt bờ biển đều bằng phẳng và có nhiều cát, các bờ biển không kín đáo nên không thành lập được các hải cảng.

Khí hậu Quảng Trị đỡ khắc nghiệt hơn một số tỉnh lân cận, cũng với hai mùa mưa nắng. Mùa nắng từ tháng ba đến tháng bảy, thời tiết oi bức, mùa hè có gió Lào thổi về càng làm không khí thêm ngột ngạt và nặng nề. Mùa mưa từ tháng tám đến tháng hai. Tháng chuyển tiếp thường có mưa lớn nên thường có lụt lội. Mưa ở đây có ảnh hưởng của gió bấc, tháng tám đến tháng mười hai có mưa rào, mưa rào liên tục đổ xuống ào ạt, làm nước sông dâng lên gây lụt lội thường xuyên. Từ tháng giêng đến tháng hai có mưa phùn và gió bấc.

Sinh hoạt, kinh tế

Người kinh sống phần đông ở đồng bằng. Trên những vùng cao có các sắc dân Tôi Oi (còn gọi là Pacoh), Vân Kiều, Khu Tu và đồng bào gốc Chàm, Hoa. Dân ta theo Phật, Thiên Chúa, thờ phụng Tổ Tiên, Thần Linh.

Tại miền đồng bằng, lúa vẫn là hoa màu chính, có hai vùng trồng lúa tốt tập trung ở Triệu Phong và Hải Lăng. Nông dân làm ba vụ mùa vào tháng ba, tháng tám và tháng mười. Các loại lúa Hẻo Thơm, Hẻo Rằng, Chiên Trắng, Chiên Đỏ... nổi tiếng thơm ngon. Hoa màu phụ có sắn bắp, đậu nành, mè, tiêu, đậu phộng... trồng nhiều ở Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Tiệu Phong, Hải Lăng, Ba Lòng. Tiêu Quảng Trị mùi rất thơm và vị rất cay. Ngoài ra quận Gio Linh có nhiều vườn trồng trái cây. Rừng Quảng Trị có các loại gỗ, hoàng đàn, mít, tre, nứa, dạ hương, kền kền, mây và các đặc sản khác như mật ong, sáp ong và cây làm thuốc. Rừng cũng có nhiều loại thú như voi, cọp, tê giác, nai, khỉ, gấu.

Vì gần biển nên dân chúng cũng theo nghề đánh cá nhưng gặp khá nhiều vì mùa mưa thường kéo dài. Dân chúng còn làm nghề nước mắm và muối. Trong số các hoạt động tiểu công nghiệp trong tỉnh, nghề chạm khảm xà cừ ở Cát Sơn phổ biến các sản phẩm nhất nước. Khoáng sản trong tỉnh chỉ có đá, sạn ở vùng núi và cát trắng ở bờ biển có thể dùng cho kỹ nghệ thủy tinh.

Lược sử

Vùng đất Quảng Trị xưa đã là đất Lập Quốc, một phần của bộ Việt Thường, một trong 15 bộ của nhà nước Văn Lang. Năm 1509, vua Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành và bắt được Chế Củ. Chế Củ liền dâng ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính (bây giờ là Quảng Bình, Quảng Trị). Năm 1306, vua Chiêm Thành là Chế

Mân dâng hai Châu Ô và Châu Ri làm sính lễ xin cưới Huyền Trân Công Chúa. Năm 1037, vua Trần Nhân Tông đổi Châu Ô làm Châu Thuận, Châu Ri làm Châu Hóa. Châu Thuận gồm đất Phong Điền, Triệu Phong, Hải Lăng, Châu Hóa gồm có Quảng Điền, Hương Trà, Diên Phước, Hòa Vang. Hai châu thuộc lộ Thuận Hóa. Thời Minh thuộc, chúng sát nhập hai châu Thuận và Hóa thành phủ Thuận Hóa. Đến đời Lê, vùng này thuộc phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa. Đến tháng mười năm Mậu Ngọ (1558), chúa Nguyễn Hoàng được cử làm trấn đất Thuận Hóa, lập đình ở Ái Tử thuộc phủ Triệu Phong. Tên Quảng Trị có từ năm 1804. Đời Gia Long là dinh Quảng Trị. Năm 1831, Minh Mạng đặt làm trấn, sau đổi làm tỉnh. Sau đó Tự Đức cải làm đạo, nhưng lại đổi thành tỉnh vào năm 1876.

Thời Pháp thuộc, anh hùng Tôn Thất Thuyết giữ chức Phụ Chính, phò vua Hàm Nghi, không chấp nhận sự xâm lược của quân Pháp, ông mộ tập quân sĩ phòng thủ kinh đô, đồng thời bí mật xây dựng chiến khu vùng Tân Sở thuộc quận Hương Hóa. Ngày 5-7-1885, kinh thành Huế thất thủ, ông Thất Thuyết cùng hai người em là Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp rước vua Hàm Nghi vào chiến khu Tân Sở, rồi thảo hịch "Cần Vương" gởi đi khắp nơi kêu gọi thần dân sĩ tử đứng lên kháng Pháp. Tại Quảng Trị , có các anh hùng Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như dựng cờ khởi nghĩa, đem quân quấy phá giặc Pháp khắp tỉnh. Năm 1908, đồng bào Quảng Trị đã cùng với dân chúng khắp các tỉnh nổi lên biểu tình chống thuế và chống lệnh bắt đi phu cho Pháp. Sau hiệp định Geneve năm 1954, đất nước bị chia cắt làm đôi lấy sông Bắc Hải (vĩ tuyến 17) làm ranh giới.

Trước năm 1975, Quảng Trị có các quận như Gia Linh, Trung Lương, Hương Hóa, Hải Lăng, Cam Lộ, Mai Lĩnh và Triệu Phong.

Phong cảnh, di tích

Khu danh thắng Đakrông : Là tên gọi chung cho một khu vực có khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, trữ tình của vùng núi phía Tây Quảng Trị. Ở đó có sông Đakrông xinh đẹp ẩn náu trong mình những huyền thoại đầy chất sử thi và nhân văn, có cầu Đakrông duyên dáng giữa ngút ngàn trời mây, sông nước, núi rừng và có mỏ nước khoáng tự nhiên.

Cửa khẩu Lao Bảo : Là một cửa khẩu quan trọng giữa Việt Nam và Lào, gần nơi

có nhà tù Lao Bảo của Pháp xây để giam giữ các chiến sĩ cách mạng. Lao Bảo cách thị xã Đông Hòa khoảng 80 km, ngay cạnh sông Sêpôn. Chợ Lao Bảo cách cửa khẩu biên giới 2 km. Nhiều hàng hóa của Thái Lan mang từ Lào sang được buôn bán ở đây. Chợ ở đây tương đối sầm uất, hàng hóa phong phú. Lao Bảo cách Thái Lan 950 km. Từ 1993, Lao Bảo trở thành một cửa khẩu quốc tế quan trọng và du lịch giữa Lào, Thái Lan với các tỉnh miền Trung Việt Nam.

Cửa Tùng : Cửa Tùng là một bãi biển đẹp, nơi nghỉ mát lý tưởng của tỉnh Quảng Trị và là cửa của sông Bến Hải đổ ra biển. Bãi tắm cửa Tùng không rộng và dài nhưng mang một vẻ đẹp rất riêng. Bãi biển bằng phẳng, nước trong xanh, cát mịn. Biển lúc nào cũng lộng gió.

Cửa Tùng như một bức tranh sinh động, thay đổi màu sắc từng giờ dưới ánh nắng mặt trời. Thật thú vị khi được ngồi trên thuyền xuôi dòng Bến Hải để ngắm nhìn cảnh sắc nơi đây. Từ chân cầu Hiền Lương, thuyền sẽ đưa du khách lướt nhẹ trên dòng nước trong xanh, sóng gợn lăn tăn, rì rào gió thổi. Dọc hai bên bờ sông là màu xanh mướt của những ruộng lúa, ngô, màu xanh đậm của các lũy tre, các rặng phi lao và các làng xóm mờ xa.

Vào buổi chiều tà, du khách có thể thỏa sức ngắm nhìn những đàn hải âu nhởn nhơ chao liệng đùa giỡn trên những làn sóng thẫm xanh. Đêm đến là thời gian của gió trời và nhạc biển. Tiếng sóng ì ầm hòa với tiếng reo triền miên của rặng phi lao và các làng xóm mờ xa đưa du khách vào giấc ngủ êm đềm. Cửa Tùng thật đúng là một nơi nghỉ dưỡng và nghỉ mát tuyệt vời. Điểm du lịch này hiện nay đang hấp dẫn du khách gần xa.

Rú Lịnh : Là khu rừng tiêu biểu cho rừng rậm nhiệt đới. Thảm thực vật ở Rú Lịnh thuộc kiểu rừng khép kín, xanh tốt quanh năm với số lượng và chủng loại phong phú có nguồn gốc chủ yếu từ khu hệ thực vật đệ tam Việt Bắc - Hoa Nam với khoảng 200 loại, trong đó có 72 loại họ gỗ với các loại gỗ quí hiếm. Động vật khá đa dạng, có trên 13 loại thú và 60 loại chim quý. Đây là nơi du lịch sinh thái lý tưởng.

Suối nước nóng Tân Tâm : Đây là một con suối tự nhiên thuộc hệ chi lưu ở thượng nguồn sông Hiếu. Hai chi lưu thượng nguồn sông Hiếu chảy vòng, vươn cánh tay

ôm ấp cả một khu vực rộng lớn và cũng chính là đường giao thông thủy vô cùng thuận lợi. Nổi lên giữa không gian kỳ vĩ ấy là lèn đá vôi, trong lèn có nhiều hang động đẹp. Ở bờ trái của sông Hiếu có rất nhiều mạch nước nóng có trữ lượng và hàm lượng tuyệt vời. Đây sẽ là điểm du lịch hấp dẫn và nơi chữa bệnh rất lý tưởng.

Tháp Trung Đan : Ngôi tháp cổ ở xã Trung Đan, huyện Triệu Phong. Tháp cao hơn 30 m. Trèo lên đỉnh tháp có thể nhìn thấy toàn cảnh trong vùng. Đây là một danh thắng của tỉnh.

Chùa Sắc Tứ : Chùa có tên chữ là Tịnh Quang tự, ở xã Ái Tử, huyện Triệu Phong. Chùa do hoà thượng Tu Pháp dựng vào năm 1739 đời vua Lê Ý Tông, đặt tên chùa là Tịnh Nghiệp. Đến đời vua Gia Long được đặt tên là Tịnh Quang. Chùa được trùng tu năm 1941 và đến năm 1975, được xây dựng lại. Hiện nay chùa chỉ còn lại một hiện vật cổ có giá trị nghệ thuật là pho tượng đức phật A Di Đà.

Vương Cung Thánh Đường La Vang : Nhà thờ ở cách thành cổ Quảng Trị 6 km về phía tây, là nơi "cứu rỗi linh hồn" của đồng bào theo Kitô giáo dưới thời vua Cảnh Thịnh (1793 - 1801). Tương truyền rằng Đức Mẹ Đồng Trinh Maria hiện hình nơi đám cỏ trên ba gốc đa to để cứu rỗi những linh hồn vướng nạn đang ngày đêm nguyện cầu ơn cứu rỗi của Đức Mẹ. Nhà thờ Đức Mẹ La Vang được xây dựng vào những năm đầu của triều vua Minh mạng.

Năm 1886, nhà thờ được xây dựng lại khang trang hơn và đến năm 1900 mới hoàn thành. Đến năm 1924, nhà thờ được xây dựng lại lớn hơn. Vào năm 1961, nhà thờ La Vang được giáo hội phong là "Vương Cung Thánh Đường La Vang".

Sông Bến Hải - cầu Hiền Lương : Sông Bến Hải đoạn trên thượng nguồn có tên là sông Rào Thanh, bắt nguồn từ dãy Trường Sơn chảy đến Cửa Tùng dài khoảng 100 km, thuộc địa phận tỉnh Quản trị. Lòng sông nơi rộng nhất khoảng 200 m, nơi bắt cầu Hiền Lương rộng 170 m.

Theo Hiệp định Genève 1954 về Việt Nam : sông Bến Hải và vĩ tuyến 17 được chọn làm giới tuyến quân sự tạm thời và cầu Hiền Lương bắt qua sông cũng chia làm hai nửa. Cầu Hiền Lương do công binh Pháp dựng năm 1950 (trước đấy dân hai bờ qua lại bằng thuyền). Cầu có 7 nhịp, và có chiều dài 178 m, được lát bằng

894 miếng ván.

Đền anh hùng Trần Nhật Duật : Thuộc Xã đơn Huệ, huyện Vĩnh Linh. Những năm anh hùng dân tộc Trần Nhật Duật theo vua Trần Anh Tông đánh chiếm Chiêm Thành, ông đã không để cho quân lính nhiễu hại dân lành. Ghi ơn công đức này, dân chúng đã lập đền thờ.

Mộ anh hùng Lâm Hoằng : Xây tại làng Gia Bình, quận Gio Linh. Anh hùng Lâm Hoằng hy sinh đền nợ nước trong trận huyết chiến bảo vệ thành Trấn Hải chống thực dân Pháp xâm lượt ở cửa biển Thuận An, tỉnh Thừa Thiên.

Di tích thắng cảnh tích thành Tân Sở : Thuộc quận Hương Hoá, do anh hùng Tôn Thất Thuyết dựng lên để chiêu mộ nghĩa quân đánh thực dân Pháp. Thành Tân Sở (Tân Sài) xây hình vuông, mỗi chiều dài 1 km, nay chỉ còn vết tích lờ mờ, những dãy hào luỹ bị san bằng.

Thành Quảng Trị : Trước đây tỉnh Quảng Trị nằm trong quận Triệu Phong. Năm 1809 vua Gia Long định đô tại xã Thạnh Hãn, rồi cho đắp thành bằng đất chung quanh kinh đô. Năm 1938 Minh Mạng phá đi và xây lại bằng gạch cao 5 m, dày 5 m.

Động Cồn Tiên : Động trên một ngọn đồi cao thuộc quận Gio Linh. Tục truyền đây là chỗ các ông Tiên đánh cờ nên mới gọi là động Cồn Tiên. Trên đồi có phiến đá hình con voi quỳ, cao 3 m, rộng 2 m, dài 4 m, trên đá có khắc một bàn cờ tướng. Nơi đây cảnh rất tĩnh mịch và thanh nhã.

Đền Nữ Thần Chiêm Thành : Thuộc thôn Dương Lệ Đông, quận Triệu Phong. Đền tương đối nhỏ bên trong thờ tượng Nữ Thần Chiêm Thành. Tượng được khắc theo lối tả chân thật đẹp, tạc trên một loại đá láng bóng. Dưới sân đền có một hồ nhỏ vuông vức, nước luôn luôn đầy quanh năm.

Đền Thần Trảo : Thuộc thôn Ái tử quận Triệu Phong. Đền do chúa Nguyễn Hoàng xây dựng để tạ ơn "Nữ Thần Sông Ái Tử" đã chỉ mỹ nhân kế giết được tướng Lập Bao nhà Mạc. Năm Thiệu Trị thứ hai (1842) có vịnh thơ khắc trên bia ghi lại sự tích này.

Huyện Hải Lăng : Quê Bùi Dục Tài, học rộng biết nhiều, giỏi thơ văn, đỗ tiến sĩ năm Cảnh Hưng thứ năm (1502).

Huyện Vĩnh Linh, làng Cao Xá : Là quê Nguyễn Hữu Bài, giỏi văn chương và chính trị dưới thời vua Duy Tân. Năm 1908, Ông là người cực lực phản đối hành động tên kham sứ Pháp Mahe muốn đào lăng mộ vua chúa để lấy vàng bạc và năm 1925, Ông và Hình Bộ Thượng Thư Đình Bá phản đối hiệp ước nhượng bộ của triều đình với giặc Pháp. Ông cũng là người thành lập các làng Phước Môn, Phước Sơn, Phước Nguyên và Phước Sa ở Quảng Trị. Sành thơ Nôm, Ông là tác giả của hơn 100 bài thơ hay.

Huyện Gio Linh : Là quê Trần Đình Túc, giỏi thi văn và ngoại giao triều Nguyễn, tác giả Tiêu Sơn toàn tập.

Quảng Trị : Cũng là quê của Trần Xuân Hoà, tài kiêm văn võ dưới triều Nguyễn. Tháng 4-1861 (Tân Dậu), khi thực dân Pháp tiến hành đánh tỉnh Định Tường, mới vào Mỹ Trang và Bang Lãnh, Ông đem binh ra đánh. Bị giặc bắt được, không chịu khuất phục quân thù, Ông cắn lưỡi tự vẫn. Dân chúng lập đền thờ Trần Xuân Hoà tại tỉnh nhà.

Các dịp lễ hội

Quảng Trị là tỉnh có truyền thống văn hóa muôn màu muôn vẻ. Điển hình nhất là tiếng nói mang đặc điểm thổ ngữ vùng Trung bộ còn bảo lưu nhiều yếu tố cổ của tiếng Việt. Các phong tục khác nhau như ma chay, cưới xin, giỗ chạp với nghi lễ đơn giản. Chùa chiền được xây dựng ít. Chỉ có một số chùa như chùa Thạch Hải, chùa Đông Hà, chùa Linh Quang. Đặc biệt các dân tộc ít người cư trú ở địa phương này thường sử dụng cồng, chiêng, đàn Amam, nhị, đàn môi, trống, sáo. Họ có nhiều truyện cổ truyền miệng, có điệu hát "oát" là loại hát đối giao duyên nam nữ, Prdoak là hát vui trong sinh hoạt, Adang Kon là hát ru trẻ con. Lễ hội, lễ tết không cầu kỳ, ít hấp dẫn.

Hội Thượng Phước : Hội Thượng Phước thuộc xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong. Lễ hội mở ra hàng năm vào 3 ngày từ 13 đến 15 âm lịch để ghi nhớ công lao của Quan Công Hoàng Dũng, người đã có công lập làng Thượng Phước. Ngày 13, 14 tháng 3 âm lịch cả làng đi săn, lấy đầu muôn thú để làm lễ vật dâng cúng. Sáng ngày 15 tháng 3 âm lịch, làng bắt đầu tổ chức tế lễ. Cuộc tế lễ, dâng cúng kéo dài đến hết ngày 15.

Hội cướp cù : Đây là hội làng được tổ chức tại đình An Mỹ, Cẩm Phổ, Gio Mỹ, huyện Gio Linh vào ngày 4 tháng 1 âm lịch hàng năm. Lễ hội kéo dài 2 ngày. Sau phần lễ, tế cầu an là trò cướp cù. Nét độc đáo của lễ hội là bên nào huy động được nhiều người tham gia thì càng dễ thắng cuộc. Người tham gia không kể trẻ, già, trai, gái. Đây là một hình thức thể thao mang tính dân gian.

Lễ hội La Vang : Hàng năm vào các ngày 15 tháng 8 đều có tổ chức "kiệu". Song "kiệu" tổ chức vào các năm chẵn lớn hơn "kiệu" tổ chức vào các năm lẻ, cứ ba năm một lần gọi là "kiệu đại hội" và "kiệu" 100 năm thì lớn hơn "kiệu" 50 năm, 40 năm... Từ ngày 13 đến ngày 15-8-1998 vừa qua đã tổ chức cuộc hành hương kỷ niệm 200 năm Đức Mẹ hiện hình tại La Vang có hơn 20 vạn lượt giáo dân và quan khách tham dự. Đây là lễ hội khá độc đáo ở Quảng Trị.

Sài Gòn

Diện tích : 2090 km².

Dân số : 5.378.100 người (2001).

Các quận : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,10, 11, 12, Tân Bình, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Thủ Đức, Gò Vấp.

Các huyện : Nhà Bè, Cần Giờ, Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

Lãnh thổ thành phố Sài Gòn có tọa độ địa lý 10 độ 22'13" - 11 độ 22'17" vĩ độ bắc và 160 độ 01'25" - 107 độ 01'10" kinh độ đông. Trung tâm thành phố cách Hà Nội 1730 km đường chim bay. Thành phố có 15 km bờ biển.

Thành phố Sài Gòn được thành lập trên một vùng đất có nhiều sông ngòi, kinh rạch và phát triển thành một đô thị lớn nhưng vẫn còn dấu vết của sông ngòi cũ, qua những địa danh đã trở thành quen thuộc.

Sông chính của thành phố là sông Sài Gòn, chảy qua tỉnh Bình Dương xuống Gia Định, rồi chảy sát phía Đông làm ranh giới với tỉnh. Những con sông và kinh rạch đáng kể là sông Thị Nghè (phụ lưu của sông Sài Gòn), kinh Đôi, kinh Hành Bàng, kinh Bến Nghé, rạch Cát, kinh Ruột Ngựa, (Mã Trường Giang) rạch Cầu Ông Lãnh, rạch Lò Gốm, rạch Cầu Kiệu, rạch Ông Buông, kinh Tàu Hủ...

Về nguồn gốc tên sông Thị Nghè, ta có hai tuyến khác nhau : Thứ nhất Bà Nguyễn Thị Khánh, con gái Khâm sai Nguyễn Cửu Vân (thời chúa Nguyễn Phúc Chu, 1691-1725) và là vợ của ông Nghè làm thư ký trong dinh Phiên Trấn, cho xây mộy cây cầu dài bắt qua sông để chồng tiện đi làm việc và cũng để dân chúng sử dụng. Cầu nầy được dân gọi Bà Nghè, sau đổi thành Thị Nghè. Thứ hai bà Thị Nghè(vợ một ông Nghè) tổ chức các toán dân Pháp đánh quân Pháp. Khi giặc chiếm Sài Gòn, cho một tàu nhỏ đổ quân lên bờ liền bị nghĩa quân của Thị Nghè đánh dữ dội. Sau bà hy sinh trong một trận đánh. Dân chúng đặt tên sông, cầu và vùng Thị Nghè từ đó.

Kinh Tàu Hủ (còn gọi là kinh Chợ Lớn) và đường thủy vẫn quan trọng về giao thông và kinh tế, vì nối liền Sài Gòn với các sông ngòi chảy xuống miền Tây. Xưa, vùng nầy còn có rạch Chợ Lớn nhưng quá nhỏ hẹp nên vua Gia Long cho 11.460 dân công đào kinh Tàu Hủ trong ba tháng và hoàn tất ngày 23 tháng Tư

năm Kỷ Mảo (1819). Kinh dài độ năm cây số rưỡi, rộng gần 37 thước, sâu khoảng 17 thước. Gia Long đặt tên kinh là An Thông Hạ. Kinh Ruột Ngựa do quan Nguyễn Hữu Đàm cho đào vào mùa Thu năm Nhâm Thìn (1772), phá một đường sình lầy để đào con kinh thẳng như ruột ngựa, nên gọi là "Mã Trường Giang", giúp cho thuyền bè đi lại được thuận lợi hơn.

Lúc đất Sài Gòn mới phát triển, có rất nhiều kinh rạch đào ngang dọc thành phố nhưng đã bị lấp từ lâu để làm đường xá như kinh Sa Ngư (sau lấp lại thành đường Nguyễn Huệ, kinh Cây Cầm, (chạy trên đường Lê Thánh Tông), kinh Chợ Vải (chạy tới mặt tiền Toà Đô Chính). rạch Cầu Sấu (xưa có hầm nuôi cá sấu để bán thịt, rạch chạy đến hai đường Công Lý và Hàm Nghi), rạch Bà Tịnh (chạy đến đường Võ Tánh)... Vì thế, Sài Gòn có rất nhiều cầu xưa cũ như cầu Cao Miên (cầu Bông), cầu Muối , cầu Ông Lãnh, cầu Mống, cầu Quây, cầu Kho, cầu Quan, cầu Thị Nghè, cầu Xóm Chỉ, cầu Chợ Lớn, cầu Chà Và, cầu Xóm Củi, cầu Ông Lớn (xưa dân chúng không được gọi tên thật của Việt gian Đỗ Hữu Phương), cầu Bót Bình Tây, cầu Ba Cẳng...

Khí hậu của thành phố Sài Gòn có hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng Năm đến tháng Mười, mùa khô từ tháng Mười Hai đến tháng Tư. Mưa nhiều vào tháng Sáu và tháng Chín, có gió Tây Nam thổi, Hai tháng nóng nhất là tháng Tư và tháng Tám, có gió Đông Bắc thổi. Tháng Mười Hai mát nhất, nhiệt độ trung bình hàng năm là 26,9°C.

Các quốc lộ 1, 4, 13 và liên tỉnh lộ 5, 52 là những đường giao thông quan trọng nối Sài Gòn với các tỉnh khác. Phi trường của Sài Gòn là phi trường Tân Sơn Nhất, có những phi đạo lớn theo tiêu chuẩn quốc tế.

Sinh hoạt, kinh tế

Người dân Việt Nam đến lập nghiệp tại vùng đất Gia Định - Sài Gòn từ thế kỷ thứ 17. Quá trình phát triển khá phức tạp của Sài Gòn khiến người ta lẫn lộn về tên gọi. Vùng đấy ngày nay gọi là Sài Gòn trước đây có tên là Bến Nghé (còn gọi theo chữ Hán Việt là Ngưu Chữ hoặc tên Bình Giang).

Từ nguyên thủy xóm Bến Nghé này chạy dài từ khu Chợ Quán tới Hiển Trung Từ (khoảng đường Võ Tánh và Nguyễn Cư Trinh) và Thủy Xương (xưởng đóng tàu,

ven đường Cường Để). Còn vùng đất ngày xưa gọi là Sài Gòn do chữ Đề Ngạn, đọc theo người Hoa thành Tầy Nguồn, là nơi sinh sống của người Trung Hoa (lập xã Minh Hương năm 1698) sau nầy ta gọi là Chợ Lớn, và vùng Phú Lâm là nơi sinh sống của người Khmer. Nối với ba vùng này là kinh rạch được sử dụng để chuyên chở hàng hóa nhiều hơn đường bộ.

Vùng đất mới mở mang này sớm trở thành một trung tâm thương mại sầm uất. Trước khi bị Nguyễn Ánh tái chiếm, đất Sài Gòn đã là phố thị nổi tiếng, dân chúng ở các nơi xa và thương thuyền ngoại quốc thường đến trao đổi hàng hóa, bán cho triều đình khí giới, binh khí, thuốc súng và mua vào các thổ sản như lúa gạo, đường, tiêu, bông, gừng, tơ lụa, gia súc làm thịt, gỗ, trái cây...

Từ khi Nguyễn Ánh chuẩn bị hậu phương đánh ra Bắc tương tranh với nhà Tây Sơn, thì việc buôn bán tại đây lại càng tấp nập. Gạo vẫn là món chính để trao đổi không những về kinh tế mà còn về chính trị nữa. Chẳng hạn, vào tháng 4-1789, nước Xiêm La bị nạn đói, cho thuyền đến xin gạo, Nguyễn Ánh bèn cho hơn 2000 tấn gạo để mưu cầu lợi dụng quân Xiêm sau nầy.

Những khu phố chợ nổi danh đầu tiên của Sài Gòn là : Chợ Bến Thành (trước nằm trên đường Nguyễn Huệ) có phố xá đông đúc hai bên kinh Sa Ngư, có đò ngang, cầu ván, phố nhà ngói, hàng hóa chất đầy dọc theo kinh, ghe thuyền đậu , chật bến. Chợ Bến Nghé (gần bờ sông khoảng đầu đường Tự Do và Nguyễn Huệ). Phố Chợ Sài Gòn (ở Bình Tây ngay trung tâm Chợ Lớn), cửa hàng buôn bán liên tiếp nhau, dài khoảng ba dặm, đa số là người gốc Trung Hoa và một ít người Việt cư ngụ; hàng hóa bài bán các loại vải gấm, châu báu, đồ sứ, thuốc ta, trà bột, giấy mực...

Chợ Điều Khiển (gần khu đường Nguyễn Trãi và Bùi Thị Xuân) và chợ Bến Sỏi (bên này sông Sài Gòn nhìn nhà rồng Thủ Thiêm) cũng rất sầm uất. Phố chợ Bình An bán nhiều đặt sản ở núi, biển; ban đêm còn thắp đèn buôn bán. Chợ Tân Kiểng (gần Chợ Quán), buôn bán đông đúc, hàng năm vào việc Tết Nguyên Đán thường tổ chức nhiều trò thú vị và cũng được gọi là "Chợ Lớn"...

Nhiều khu vực chỉ buôn bán một loại hàng hóa đặc biệt nên được đặt tên chuyên nghiệp như: Cầu Muối, chợ Đũi (bán hàng dệt bằng tơ gốc), hàng Đinh, xóm

Chiếu, đường Thợ Tiện, xóm Gốm. xóm Lò Vôi, xóm Lá (bán lá lợp nhà), xóm Lò Rèn, xóm Câu, xóm Chỉ, cầu Đường, xóm Dầu, chợ Sỏi (bán vải sồi dệt từ bông gòn không được bền, đẹp), xóm Củi, xóm Gạo, xóm Lá Buôn, xóm Vườn Mít (xưa dân nghèo lấy hột mít xay thành bột đem bán), đường Hàng Cháo Muối... Mật độ dân cư sống trong thành phố rất cao, ngoài đồng bào Kinh chiếm phần lớn, còn có đồng bào Việt gốc Hoa, Chàm, Ấn Độ, Khmer cư ngụ khá đông. Các tôn giáo chính là đạo Phật, Thiên Chúa, Cao Đài, Hòa Hảo. Đời sống của dân chúng thành phố hoàn toàn chú trọng vào việc phát triển thương mại và kỹ nghệ. Dân chúng buôn bán làm ăn nên cuộc sống sung túc và phong phú.

Các ngành công nghiệp nhẹ gồm có dệt vải, tơ sợi, quần áo, thủy tinh, các sản phẩm chế biến như nhựa cao su, bột giặc, xà bông, sữa, đường, thuốc lá, dầu ăn, rượu bia, nước ngọt, bánh mì, đồ hộp, bánh kẹo, hóa chất, xe đạp, một số dụng cụ, phụ tùng nhẹ cho các ngành kỹ nghệ... Ngành tiểu thủ công nghệ cũng phát triển mạnh không kém như sơn mài, đồi mồi , đan chiếu, cói, thêu, may mặc, nước mắm, tương chao, đồ chơi... và rất nhiều ngành nghề sản xuất các mặt hàng đa dụng khác.

Ngoài ra, dân chúng còn buôn bán hàng hóa từ các nơi vận chuyển đến như những loại nông sản, hải sản, lâm sản, hoa, trái cây và nhiều hàng hóa linh tinh khác...Chợ búa lớn nhỏ sầm uất ở khắp nơi như chợ Bến Thành, chợ Lớn, chợ Bà Chiểu, chợ Trần Quốc Toản, chợ Nguyễn Tri Phương. Tiệm buôn phát triển khắp đường phố. Xe vận tải, ghe thuyền chở hàng hóa ra vào thành phố lúc nào cũng tấp nập. Nhiều loại hàng hóa được xuất cảng ra ngoại quốc. Nền văn hóa giáo dục, văn học nghệ thuật rất mở mang, các trường đại học, trung học công lập và tư thục nhiều nhất nước.

Lược sử

Tên Sài Gòn bắt đầu xuất hiện chính thức về mặt hành chính từ khi chúa Nguyễn Phúc Chu sai ông Nguyễn Hữu Cảnh làm kinh lược đất Chân Lạp (1698) chia đất Đông Phố (Giản Phố) ra làm dinh, huyện; lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long và xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, đặt ra hai dinh Trấn Biên (Biên Hoà) và Phiên Trấn (Gia Định) cho quan vào cai trị. Từ năm 1698 đó, xứ Sài Gòn trở

thành huyện Tân Bình và huyện sở đặt ở làng Tân Khai, là trụ sở của dinh Phiên Trấn.

Những xóm làng đầu tiên của Sài Gòn là xóm Hòa Mỹ (tức xóm Thủy Trại, gần đường Cường Để) xóm Tân Tân Khai (đường mé sông khoảng cầu Mống), xóm Long Điền, xóm Than, xóm Bàu Sen (cây Mai), xóm Phú Giáo, xóm Lò Bún, xóm cây Cui, xóm Rẫy Cải, xóm Ụ Ghe. Về lai lịch Sài Gòn có bốn giả thuyết. Trước tiên, đất nầy có tên là Sài Gòn, tên gốc Khmer phiên âm từ tiếng Prei Kor (rừng cây bông gòn) hoặc của tiếng Prei Nokor (đô lâm, thành lâm hay hoàng lâm), nguyên là dinh của Phó Vương Cao Miên, thuộc vùng Chợ Lớn tới chùa Cây Mai. Thuyết thứ hai, năm 1778, người Trung Hoa từ cù lao Phố (Biên Hòa) đổ về đây, xây bờ gạch cao dọc theo kinh Tàu Hủ để ngăn nước, nên người Tàu gọi là Tầy Nguồn (Đề Ngạn); do tiếng Tầy Nguồn này, quân Pháp phiên âm ra chữ Sài Gòn (về hành chính gồm cả Gia Định thành, còn tên Sài Côn hay Tầy Nguồn chỉ Chợ Lớn). Thuyết thứ ba cho rằng Sài Côn hay Sài Gòn là tiếng phiên âm của chữ Tây Cung vòng thành của Phó Vương Cao Miên, đối chiếu với Đông Phố là tư dinh của quan Kinh lược Việt Nam.

Thuyết thứ tư, tiếng Sài Côn hay Sài Gòn đều là tiếng phiên âm của hai chữ Tây Cống, nơi nhận cống lễ của đời vua Cao Miên dâng cho vua Việt Nam. Do vậy dù cho tiếng nào phiên âm chăng nửa, vùng đất tên gọi Sài Gòn khi xưa là "Chợ Lớn" ngày nay. Còn vùng đất nầy ta gọi là Sài Gòn từ năm 1790 đến 1861 thuộc phạm vi thành Gia Định (thành Bát Quái) hoặc vùng Bến Nghé và vào đời Minh Mạng được gọi là tỉnh thành Phiên An. Năm 1832 , bỏ cấp Gia Định thành, năm trấn đổi thành sáu tỉnh; trấn Phiên An thành trấn Phiên An. Năm 1833, tỉnh Phiên An cải thành tỉnh Gia Định.

Vì là một vị trí chiến lược, mảnh đất Sài Gòn ngày xưa đã chứng kiến biết bao biến cố thăng trầm của lịch sử. Từ 1776 đến 1788, thời nội chiến giữa nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn. Sài Gòn là địa bàn chuyển quân của Tây Sơn và quân của Nguyễn Ánh. Dân chúng phải sống trong cảnh "hai chính phủ" thường xuyên. Mỗi lần anh hùng Nguyễn Huệ vào Gia Định đánh đuổi Nguyễn Ánh ra biển xong, đặt quan coi việc dân rồi trở về quê Quy Nhơn hay Phú Xuân thì Nguyễn Ánh lại

quay về đánh chiếm. Tháng 8 năm Đinh Dậu (7-9-1788), lợi dụng quân Tây Sơn tái lập trật tự Bắc Hà và chuẩn bị đánh quân Thanh, Nguyễn Ánh vào được Sài Gòn và xây dựng cơ sở tấn công Tây Sơn,

Hai năm sau Nguyễn Ánh chọn Sài Gòn làm kinh đô, gọi là Gia Định kinh; nhờ hai người Pháp vẽ họa đồ xây thành bảo vệ thật kiên cố theo kiến trúc Tây Phương nhưng mang hình Bát Quái. Tháng 7 năm Nhâm Tý (1792) vua Quang Trung Nguyễn Huệ băng hà và Nguyễn Ánh phản công mất nhiều năm mới thắng. Sau khi tiêu diệt nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy hiệu là Gia Long, rời kinh đô từ Gia Định kinh (Sài Gòn) về Huế.

Năm 1811, thành Huế làm xong thì Gia Định kinh được đổi thành Gia Định thành (cấp thành lớn hơn trấn) và chỉ còn là thị sở của quan Tổng trấn Nam Kỳ. Đời Minh Mạng, năm 1830, Lê Văn Duyệt cho sửa thành Bát Quái. Tiếc thay việc sửa thành, cộng thêm tư thù khi còn trẻ với Lê Văn Duyệt, Minh Mạng vu cho ông tội nhị tâm làm Lê Văn Khôi là con nuôi Lê Văn Duyệt nổi loạn, đánh chiếm lấy thành trong mấy năm (1833-1835) nên Minh Mạng đã cho phá thành Bát Quái để lập thành Gia Định mới năm 1837.

Tháng 2-1859. quân Pháp đem thủy quân hổn hợp Pháp -Tây Ban Nha từ Đà Nẵng vào cửa Cần Giờ, vượt qua sông Lòng Tảo, sông Nhà Bè, sông Sài Gòn để đánh chiếm thành Gia Định. Mặc dù quân triều đình và dân quân kháng chiến chống trả dữ dội nhưng bị hỏa lực giặc quá mạnh, rạng sáng ngày 17-2 thành Gia Định bị vỡ. Quan giữ thành là Hộ đốc Võ Duy Ninh và án sát Lê Ninh tuẫn tiết.

Sau chiến thắng tướng Pháp Rigault Genouillky thấy thành quá rộng không thể rải quân bảo vệ, lại lo ngại các kho chứa quân cụ và lương thực lọt vào tay nghĩa quân sau nầy, nên ngày 8 tháng 3 năm 1859 đã phá thành Gia Định bằng ổ cốt mìn. Thành bị nổ tan tành cùng với 20.000 cây súng đủ cỡ, nhiều binh khí, 85 thùng thuốc súng (và vô số hỏa pháo, diêm sinh) kho lúa dự trữ cho 8000 người ăn, cùng một số tiền bản xứ (tiền điếu và tiền kẽm). Tiếng nổ làm rung chuyển cả một gốc trời, lửa bốc cháy cao ngùn ngụt đến cả tháng mới tắt. De Genouilly để lại một Tiểu đoàn đóng đồn ở bờ sông, rồi kéo thủy quân ra Đà Nẵng.

Tại Sài Gòn, quân giặc lập phòng tuyến khắp nơi để đàn áp các cuộc nổi dậy của

quân Việt Nam. Chúng gian manh sử dụng các đình chùa làm công sự. Ngày 3-7-1860, ông Dương Bình Tân chỉ huy nghĩa quân từ Tân An lên đánh vây giặc Pháp ở Hiển Trung Tự (nay là gốc đường Võ Tánh và Nguyễn Cư Trinh).

Sau đó thực dân bắt dân chúng Sài Gòn - Chợ Lớn tái lập "phòng tuyến các chùa" từ cây Mai đến Thị Nghè. Nhưng dân ta tẩy chay hoặc trốn theo nghĩa quân nên phòng tuyến của giặc luôn bị hở. Dân quân chia làm nhiều toán nhỏ đánh du kích ngay tại trung tâm Sài Gòn. Dân đánh tâm lý loan truyền trọng thưởng cho bất cứ ai lấy được đầu lính Pháp. Giặc Pháp sợ lắm không dám đi tuần nhiều.

Tháng 7-1860, triều đình cử hai anh hùng Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển vào Gia Định chỉnh đốn hàng ngũ, bổ sung quân số, lập đồn Chí Hoà ở làng Chí Hoà (Pháp đọc trại là Kỳ Hoà, khoảng ngã ba đường Bắc Hải và Lê Văn Duyệt, ta nên sửa lại cho đúng không nên đọc sai như Pháp), phối hợp với các toán nghĩa quân đánh Pháp, và lập thêm các đồn xung quanh Chí Hoà như đồn Lũy Bằng, đồn Tham Lương, đồn Thuận Kiều, đồn Rạch Tra....

Bấy giờ anh hùng Trương Công Định giữ chức Quản cơ, đống quân tại rừng chồi ở Hoà Hưng, gần đồn Chí Hoà. Ngày 16-10-1860 dân quân phục kích tàu tuần Pháp trên sông Thị Nghè, bắn tên Đại úy Harmand bị trọng thương. Ngày 6 - 12 - 1860, tên Đại úy Barbé lọt ổ phục kích của nghĩa quân, bị cắt đầu ở gần chùa Khải Tường (thuộc khu Đại học Y Dược thời trước 1975).

Ngày 7-2-1861, sau khi giải quyết xong cuộc chiến tranh với Trung Hoa, thực dân Pháp tăng cường quân số lính thủy bộ 4000 người do Đề đốc Charner, Thiếu tướng Vassoigne và tên Đại tá Tây Ban Nha Palanca chỉ huy đến Sài Gòn để mở đầu đánh chiếm 6 tỉnh miền Nam. Ngày 24-2, giặc pháo kích dữ dội vào đồn Lũy Bằng rồi tấn công. Quân ta chống trả mãnh liệt. Vassoigne và Palanca bị trọng thương nhưng đồn mất vào tay giặc. Sáng ngày 25-2, chúng dồn lực tấn công đồn Chí Hoà. Trận đánh kinh hồn diễn ra với những đợt pháo kích như mưa và nhiều lần quân ta lăn xả ra đánh cận chiến. Đồn Chí Hoà thất thủ. Anh hùng Nguyễn Tri Phương bị thương và người em và người em của ông là anh hùng Nguyễn Duy tử trận. Còn anh hùng Phạm Thế Hiển bị trọng thương, khi về đến Biên Hòa thì mất.

Nghe tin mất đồn Chí Hòa, triều đình Tự Đức túng thế nên cử hai ông Phan Thanh

Giản và Lâm Duy Hiệp vào Sài Gòn điều đình với thực dân Pháp, thực chất là sai hai ông nhận thua. Kết quả là Hoà ước Nhâm Tuất ký ngày 11-6-1862, nhường ba tỉnh Gia Định, Biên Hoà và Định Tường cho Pháp, khiến hai ông oán hai ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp bỏ dân dâng đất cho giặc.

Triều đình muốn hàng như vậy nhưng dân không chịu nên công cuộc kháng chiến tự phát của dân chúng bùng lên khắp nơi, ngược lại với ý muốn của triều đình. Các anh hùng Trương Công Định, Phan Văn Đạt, Nguyễn Thành Ý, Lưu Tấn Thiên, Hồ Huấn Nghiệp chiêu mộ nghĩa dũng, đánh liên tục, trãi dài địa bàn hoạt động từ Gò Công, Tân An đến Sài Gòn, Chợ Lớn. Dân không hợp tác với giặc và tự tay đốt nhà, bỏ ruộng vườn đi theo kháng chiến.

Ngày 16-3-1874, đồng bào Sài Gòn lại phải chứng kiến thêm một mối nhục cắt đất xin thua khi triều đình Tự Đức ký hoà ước Giáp Tuất, nhưng cho giặc Pháp chiếm nốt ba tỉnh miền Tây của Nam Kỳ là An Giang Hà Tiên và Châu Đốc. Lần nầy Phan Thanh Giản uống thuốc độc tự tử sau khi phải chịu nhượng đất cho giặc.

Tháng 1-1885, Đề đốc Nguyễn Văn Bường đưa nghĩa quân vào thành phố, chuẩn bị kế hoạch đốt Khám Lớn (khu Đại học Văn Khoa) để giải thoát tù nhân chính trị và đánh chiếm Sài Gòn, Nhưng người phụ trách khai hỏa Khám Lớn tính lộn một ngày, đêm chính thức dự trù hành động vào đêm 22-1. Kế hoạch bị bại lộ, anh hùng Nguyễn Văn Bường và một số chiến hữu bị bắt và bị hành hình sau đó.

Năm 1913, hai nhà anh hùng cách mạng Nguyễn Hữu Trí và Phan Xích Long phối hợp với một số tổ chức yêu nước dự định khởi nghĩa chiếm Sài Gòn. Ngày 24-3 nghĩa quân đặt bom (tự tạo) tại một số công sở giặc tại Sài Gòn và Chợ Lớn; rải truyền đơn và dán hịch kêu gọi dân chúng nổi dậy. Ngày 28-3 vận động đồng bào biểu tình ở Chợ Lớn. Việc không thành, giặc đàn áp, ruồng bố những người chỉ huy, bắt giam một số người.

Ông Phan Xích Long bị bắt ở Phan Thiết và đưa vào giam tại Sài Gòn. Rạng ngày 12-12-1916, ông Nguyễn Hữu Trí và hơn 300 nghĩa quân dùng hàng chục chiếc thuyền buôn từ sông Sài Gòn vào kinh Tàu Hủ, rồi đổ bộ lên Sài Gòn, chia quân ra làm hai ngã dự tính đánh dinh Thống Đốc bắt sống tên này và vào khám lớn giải cứu các chiến hữu bị giam cầm; cùng lúc sẽ đốt phá các kho đạn dược, thuốc

súng và khi lửa bốc lên sẽ thành tín hiệu cho những cánh quân khác ở vùng lân cận tiến vào đánh úp Sài Gòn. Giặc Pháp phản kích dữ dội trên đường phố. Ông Nguyễn Hữu Trí tử trận. Kế hoạch nổi dậy thất bại. Thực dân khủng bố tinh thần đồng bào bằng cách đem xử tử 51 chiến sĩ yêu nước, rồi chôn tập thể tại "đất Thánh Chà" (gần chợ Tân Định).

Năm 1925, nhà cách mạng Phan Chu Trinh tứ Pháp trở về nước và vào Sài Gòn mở nhiều cuộc diễn thuyết, hô hào dân chủ, nêu cao tinh thần tự dân tộc và vận động việc trả tự do cho anh hùng Phan Bội Châu, mới bị bắt bên Trung Hoa và bị giải về Hà Nội. Ngày 24-3-1926, Phan Chu Trinh từ trần vì bạo bệnh. Hàng chục ngàn đồng bào tham dự đám tang nầy. Cùng năm sinh viên học sinh bãi khoá, biểu tình đòi thực dân phải trả tự do cho anh hùng Phan Bội Châu. Đến năm 1931, thực dân nhập Sài Gòn và Chợ Lớn lại gọi chung là Địa Phương Sài Gòn và chia làm năm quận.

Phong cảnh, di tích

Thảo Cầm Viên : Ở 2B Nguyễn Bỉnh Khiêm, Quận 1. Thảo Cầm Viên là một trong những địa chỉ văn hóa, nơi bảo tồn động thực vật có tuổi thọ đứng hàng thứ 8 trên thế giới. Bắt đầu xây dựng vào tháng 03-1864 trên một khu đất rộng nằm cạnh sông Rạch Lăng (phía Đông Bắc Sài Gòn) do một chuyên viên khảo cứu thực vật nhiệt đới người Pháp là ông J. B. Louis Pierre phụ trách. Công trình hoàn thành vào năm 1865, trong đó trồng nhiều loại cây quí ở trong nước và trên thế giới, nhập từ Ấn Độ, Thái Lan, Lào, Cam-Pu-Chia như cacao, cafe, vani, một vài giống mía gọi là Jardin Acclimater... Nhiều loại động vật lạ và quí hiếm được đưa về nuôi ở đây được gọi là Sở Thú. Đến năm 1924, Sở Thú được mở rộng thêm 10 ha. Ngày 27-11-1927, Pháp cho xây Temple Du Souvenir có kiến trúc giống như đền thờ lăng tẩm Huế. Trên lầu có thư viện khá rộng. Năm 1956, chính quyền Sài Gòn cho tu sửa và thiết kế lại, viện bảo tàng Blanchard de la Brosse được đổi là viện bảo tàng quốc gia Sài Gòn, Sở Thú đổi là Thảo Cầm Viên.

Từ năm 1989, chuồng trại được cải tạo và mở rộng cho thích hợp với đời sống sinh thái của từng loại thú. Diện tích chuồng trại là 21.352 m². Năm 1990, Thảo Cầm Viên là thành viên chính thức của hiệp hội các vườn Đông Nam Á. Năm 1991,

khu hoa viên trong Thảo Cầm Viên được thiết lập lại sau nhiều năm bỏ hoang. Sau hơn 130 năm xây dựng, Thảo Cầm Viên đã trở thành một vườn thú lớn của cả nước với 590 đầu thú thuộc 125 loài; thực vật có 1800 cây gỗ thuộc 260 loài, 23 loài lan nội địa, 33 loài xương rồng, 34 loài bonsai và thảm cỏ xanh trên diện tích 20 ha, chia ra làm nhiều khu : khu nuôi cầm thú, khu cây cảnh và phong lan, khu vui chơi... Thảo Cầm Viên hàng ngày đón hàng nghìn lượt khách đến tham quan.

Công viên Đầm Sen : Công viên Đầm Sen thuộc quận 11, là khu vực có hồ lớn mênh mông, diện tích vào khoảng 52 ha, giáp hai đường Lạc Long Quân và Hòa Bình. Tới đây du khách mất nhiều thời gian mới có thể đi thăm hết 30 khu vực của công viên.

Khu vui chơi giải trí có khu trò chơi điện tử, sân khấu cổ tích, lâu đài cổ tích, sân khấu quảng trường, non bộ - thủy cung, đảo khiêu vũ, nhà sinh vật biển, rối nước, vườn chim thiên nhiên, vườn bướm thiên nhiên, chùa cổ Giác Viên, khu câu cá, khu trò chơi mạo hiểm, hồ thiên nga, hồ ngựa phi, khu trưng bày kỳ long, quán trà đạo, vườn hoa Châu Âu, quảng trường La Mã, quảng trường văn hóa, sân khấu nhạc nước, khu bowling, khu dịch vụ thể thao, hồ câu tôm, nhà hàng Thủy Tạ, khu trò chơi thiếu nhi, đèn tạo hình, cầu cửu khúc, nhà ga Monorail, đường ga Monorail...

Khu cắm trại là một khu đất trống được dành riêng cho khách có nhu cầu cắm trại. Khu vực lòng hồ dành cho nhiều hoạt động trên mặt nước như : câu cá, bơi xuồng, nhà Thủy Tạ, đảo khiêu vũ, sân khấu rối nước...

Khu du lịch "Một Thoáng Việt Nam" : Địa chỉ : Bế Bò Cạp, ấp Phú Bình, xã An Phú, huyện Củ Chi. Khu du lịch "Một Thoáng Việt Nam" là một quần thể làng nghề thủ công truyền thống, với diện tích 22,5 ha đất bưng biền, nằm cạnh rạch Bò Cạp, gần sông Sài Gòn. Khu du lịch bao gồm 30 hạng mục với: đền thờ đất nước, sa bàn nước Việt Nam, lầu vọng, ba khu tiêu biểu cho ba miền đất nước. Bên cạnh là khu văn hóa ẩm thực, đảo nuôi chim thú tự nhiên, khu chợ hàng tiểu thủ công nghiệp, chợ trên sông, vườn cây ăn trái...

Ở đây, những người thợ thủ công, nông dân, nghệ nhân ... thuộc nhiều dân tộc khác nhau, đến từ những miền quê khác nhau cùng lao động sản xuất bên nhau

trong một số nghề truyền thống tiêu biểu như : đan lát mây tre, dệt tơ lụa và thổ cẩm, gốm sứ, chằm nón, thêu ren, làm giấy dó, in khắc tranh, điêu khắc đá, điêu khắc mộc, chế biến mía đường, canh tác lúa nước, nuôi trồng thủy sản, ươm trồng hoa lan, cây cảnh, chăn nuôi gia súc, gia cầm... thăm khu du lịch "Một Thoáng Việt Nam" sẽ lưu lại cho du khách những ấn tượng sâu sắc về đất nước Việt Nam.

Công Viên Văn Hóa : Địa chỉ: 15C Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1. Tiền thân có tên gọi là vườn Tao Đàn (dân còn quen gọi vườn "Ông Thượng"). Ngày 19-04-1984, vườn Tao Đàn được đổi tên thành Công Viên Văn Hóa Sài Gòn. Với diện tích 90.503 m², Công Viên Văn Hóa là nơi lý tưởng cho du khách trong nước và ngoài nước. Nơi đây thường xuyên diễn ra các chương trình Lễ - Tết - Hội dân tộc như : hội hoa xuân, hội Đền Hùng, lễ hội văn hóa các dân tộc Việt Nam... đồng thời cũng là nơi du ngoạn, nghỉ ngơi, tập luyện thể dục thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân thành phố với các hoạt động : sân khấu, ca nhạc Trống Đồng, nơi tổ chức biểu diễn những chương trình ca nhạc chọn lọc, chất lượng, mang tính nghệ thuật cao.

Công Viên Nước Sài Gòn : Công Viên Nước Sài Gòn (SaiGon Water Park) mở cửa từ 13-12-1997 là khu giải trí hiện đại dưới nước đầu tiên tại Việt Nam bao gồm các trò chơi : cầu trượt nước và hồ bơi mới lạ theo tiêu chuẩn quốc tế. Công viên nằm trên khu đất rộng 5 ha bên bờ sông Sài Gòn thuộc quận Thủ Đức, cách trung tâm Sài Gòn khoảng 10 km. Đây là một công trình liên doanh với công ty Pegasus Leisure (Úc) với tổng số vốn đầu tư 11,16 triệu đôla.

Khu Du Lịch Suối Tiên : Nằm ở phía Đông Bắc thành phố, thuộc huyện Thủ Đức, trên đường Hà Nội, cách thành phố19 km. Khu du lịch Suối Tiên là nơi vui chơi giải trí cuối tuần của người dân thành phố trong và nước ngoài. Tới đây du khách sẽ được tận hưởng phong cảnh tự nhiên hữu tình : suối, rừng cây, hồ cá... Đây là nơi nuôi nhiều loại thú quí hiếm mà đặc biệt nhất là cá sấu, đàn cá sấu ở đây hiện có gần 2000 con. Tới Suối Tiên du khách còn được đắm mình với thủy cung với hàng trăm loại cá bơi lội trong hầm kín.

Khu vực Chợ Lớn : Năm 1788, một nhóm người Hoa từ cù lao Phố và Mỹ Tho kéo về bờ rạch Bến Nghé lập chợ buôn bán. Khu vực đó phát triển thành Chợ Lớn

ngày nay. Nơi đây có thể xem như một China Town (thành phố người Hoa) của Việt Nam với những phố chợ san sát và đầy ắp hàng hóa từ lâm thổ sản đến những hàng tiểu thủ công nghiệp. Khu vực Chợ Lớn là nơi tham quan hấp dẫn cho du khách đến tìm hiểu cuộc sống thường ngày của nhân dân thành phố nói chung và của cộng đồng người Hoa nói riêng.

Chợ Bến Thành : Nằm ở trung tâm thành phố, chợ Bến Thành rất đỗi quen thuộc với người dân Việt Nam và khách quốc tế. Trước khi Pháp xâm chiếm Sài Gòn năm 1859, có một chợ nhỏ nằm ở khu đất đầm lầy nằm kề bên bờ sông Bến Nghé và sát thành Sài Gòn. Từ xuất xứ ấy mà chợ đã mang tên ghép là Bến Thành. Chợ được xây bằng gạch, khung gỗ, lợp tranh. Năm 1870, chợ bị cháy một phần. Năm 1911, chợ cũ bị phá đi, chợ mới được xây khang trang rộng rãi hơn và hoàn thành vào tháng 03-1914.

Chợ An Đông : Nằm trong khu vực Chợ Lớn, gần ngã tư đường An Dương Vương và Trần Phú, chợ An Đông là một trong những chợ trung tâm của thành phố với các mặt hàng chính là vải, quần áo may sẵn, giày dép...

Chùa Giác Lâm : Địa chỉ : 118 Lạc Long Quân, Quận Tân Bình. Là một trong những ngôi chùa cổ xưa nhất thành phố, chùa còn có tên là Cẩm Sơn hoặc Cẩm Điện. Chùa được xây vào năm 1744. Phong cảnh nơi này đẹp như tranh với những vườn hoa và những cây cao. Nhiều người đến đây để sáng tác và ngâm thơ. Chùa được trùng tu nhiều lần: năm 1804 và 1909. Trên cổng có ba chữ Giác Lâm Tự viết bằng chữ Hán. Chùa còn được gọi là đình Giác Lâm vì có nhiều am với những người trụ trì thuộc dòng họ Lâm Tế, con cháu của những người truyền và phát triển đạo Phật ở Trung Quốc.

Chùa Giác Lâm được xây dựng trên một diện tích rộng. Kiến trúc của chùa khá đặc sắc, đặc biệt là những cột chùa to lớn, màu nâu đậm, trên đó chạm những câu đối mạ vàng (có 143 cặp câu đối). Bao lam của chùa chạm các loại hoa mai, hoa cúc và chín con rồng. Chính điện thờ Phật Di Đà, dưới thờ Phật Thích Ca, Di Lặc, hai bên thờ Quan Thế Âm và Thế Thái (Thế Chí). Ngoài ra chùa còn có tượng Cửu Long, hai bên tường là Thập Bát La Hán, Thập Điện Diêm Vương, Tổ Sư Đạt Ma và tượng Long Vương. Có 113 pho tượng Phật bằng đồng và gỗ quí, đặt thờ tại

đây được khoảng 200 năm. Kiến trúc của chùa mang đậm nét văn hóa phương Đông, nghiêm trang, nhẹ nhàng, mỹ thuật. Đặc biệt tượng Phật Địa Tạng của chùa đẹp có tiếng. Chùa được công nhận là di tích lịch sử văn hóa quốc gia.

Chùa GiácViên : Địa chỉ : 161/85/20 Lạc Long Quân, Quận 11 (khu vực Đầm Sen). Chùa đã có từ năm 1798. Sư Hải Tịnh tu tại chùa Giác Lâm, vì thấy chùa Giác Viên hỏng nhiều cần tu bổ lại nên qua trụ trì chùa Giác Viên (cách chùa Giác Lâm khoảng 2 cây số). Sư Hải Tịnh đã quyên góp để tu tạo chùa Giác Viên. Sửa xong chùa, sư Hải Tịnh giao cho đồ đệ là Hòa thượng Hoằng Ngãi trụ trì chùa Giác Viên. Trước đây chùa có tên khác là chùa Hố Đất, đến năm 1850, chùa được gọi là Giác Viên. Đáng chú ý nhất ở ngôi chùa này là những tấm bảng khắc bằng gỗ được chạm trổ rất tinh vi, đặc trưng cho kiến trúc cổ phương Nam.

Sau những lần trùng tu vào các năm 1958, 1961, 1962, ở đây đã xuất hiện những nét kiến trúc phương Tây. Xung quanh chùa có một tu viện dành cho những nhà hành đạo, một nhà in của tờ báo Lục Hòa Tăng và trung tâm huấn luyện bồi dưỡng của các vị cao tăng. Đến nay ngôi chùa còn giữ được 153 pho tượng, 60 bao lam lớn nhỏ chạm 18 vị La Hán, muông thú, trái cây và một số tác phẩm điêu khắc nghệ thuật khác. Trong chùa còn có một bảng gỗ hình vuông của vị cao tăng đầu tiên là Hòa thượng Hải Tịnh và một cây mai do ông Mạc Cửu trồng vẫn còn đến ngày nay.

Bát Bửu Phật Đài : Bát Bửu Phật Đài tọa lạc ở xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, cách trung tâm thành phố vào khoảng 30 km về phía Tây Nam. Phật Đài được xây dựng năm 1959, hoàn thành vào năm 1961 trên một khu đất rộng hơn 1000 m². Kiến trúc Phật Đài hình bát giác, cao 3 m. Tầng trên tôn trí tượng Đức Phật Thích Ca Mầu Ni cao 7 m, nặng khoảng 4 tấn, do điêu khắc Nguyễn Thanh Thu tạc năm 1957.

Trải qua những năm tháng chiến tranh, cả vùng này bị bom đạn tàn phá, chỉ có ngôi Phật Đài với kim thân Phật Tổ vẫn sừng sững nơi hoang vắng, nên người dân địa phương đã gọi tòa di tích tôn nghiêm này là Phật Cô Đơn. Đến nay Bát Bửu Phật Đài được sửa sang và xây dựng thêm trong khuôn viên 5 ha. Với kiến trúc độc đáo, trang trí hài hòa, khung cảnh thanh nhàn ngày càng hấp dẫn đông đảo tín

đồ và du khách.

Chùa Hưng Long : Trên đường Minh Mạng, do Hòa thượng Phước An xây năm Giáp Dần (1794). Chùa được trùng tu nhiều lần.

Chùa Quỳnh Phủ : Trên đường Đồng Khánh trong chùa có một chung đồng lớn đề "Quang Tự Ất Hợi" (1875).

Chùa Vĩnh Nghiêm : Chùa Vĩnh Nghiêm tọa lạc ở 339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3. Chùa mang tên Vĩnh Nghiêm là do vị sư tổ trụ trì chùa trước đây tu ở núi Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh, thuộc phái "Trúc Lâm" từ đời Trần. Chùa được xây dựng từ năm 1964 đến 1971, trên diện tích 8000 m², theo bản vẽ thiết kế của kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng và sự cộng tác của các kiến trúc sư Lê Tấn Chuyên và Cổ Văn Hậu. Chùa xây theo kiểu chữ "Công", hai lớp mái chồng diêm, mang nét cổ kính truyền thống Á Đông.

Tháp Quan Âm 7 tầng xây bên trái, cao 35 m. Hai bên cửa ra vào tháp có hai pho tượng kim cương đắp nổi. Ở tầng 7 của tháp, trên vách đắp nổi 25 pho tượng Thất Phật Thế Tôn và các vị Tổ. Tháp Xá Lợi cộng đồng xây phía sau chùa, có 4 tầng, cao 25 m, dựng năm 1982. Điện Phật được thiết kế trang nghiêm. Gian giữa thờ Đức Phật Thích Ca, hai bên thờ Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền. Hai bên vách đặt 6 bức phù điêu La Hán bằng gỗ dựa vào bản chính của phái Tịnh Độ Nhật Bản. Các công trình chạm trổ ở đây như: bao lam tứ linh, bao lam cửu long, phù điêu trên các hương án được các nghệ nhân Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Văn Du, Bá Nhâm ... là những người thợ chạm ở nhiều ngôi chùa nổi tiếng trong nước và các nước châu Á thực hiện vào những năm 60. Đây là ngôi chùa Phật Giáo Đại Thừa lớn nhất thành phố.

Chùa Nam Thiên Nhất Trụ : Chùa Nam Thiên Nhất Trụ tọa lạc ở 511 Nguyễn Văn Bi, Quận Thủ Đức. Chùa được Hòa thượng Thích Trí Dũng tổ chức xây dựng vào năm 1958. Kiến trúc sư Nguyễn Gia Đức vẽ thiết kế dựa theo kiểu chùa Diên Hựu (chùa Một Cột ở Hà Nội), trên diện tích khoảng 1ha. Từ cổng tam quan đi vào, hồ Long Nhãn vuông rộng, có nhiều loại cá và rùa. Giữa hồ là đài Liên Hoa, thường được gọi là chùa Một Cột. Trong chùa, thờ Đức Bồ Tát Quan Thế Âm.

Chánh điện được bài trí trang nghiêm. Gian giữa thờ Đức Phật Thích Ca Mầu Ni.

Các pho tượng Phật, Bồ Tát, Hộ Pháp; các hương án; bao lam ... ở điện Phật do nghệ nhân Bá Nhâm thực hiện trong những năm 1970. Sau ngôi chánh điện là nhà lưu niệm và bảo tháp Nam Thiên. Trong khuôn viên chùa có nhiều pho tượng lớn lộ thiên như : tượng Phật A Di Đà, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Địa Tạng... Chùa có bản kinh Phật trên lá bối do Thủ tướng Ấn Độ tặng năm 1964.

Chùa Xá Lợi : Chùa Xá Lợi tọa lạc tại số 89 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3. Chùa được khởi công xây dựng vào ngày 5-8-1956 trên một khuôn viên rộng 2500 m² theo bản vẽ thiết kế của hai kiến trúc sư Trần Văn Đường và Đỗ Bá Vinh, tốn 5,5 triệu đồng, do sự đóng góp của nhân dân 21 tỉnh miền Nam. Đại lễ khánh thành được tổ chức vào các ngày 2, 3, 4 tháng 5 năm 1958. Hội Phật Học Nam Việt tổ chức xây cất chùa để thờ Xá Lợi Phật. Các chư tăng ni và Phật tử quen gọi là chùa Xá Lợi. Khi khánh thành, Hòa thượng Khánh Anh đã đặt tên chùa Xá Lợi như tên gọi quen thuộc của mọi người.

Điện thờ ở lầu 1 được bài trí đơn giản, tôn nghiêm, tôn trí tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Pho tượng là một tác phẩm mỹ thuật đặc sắc bằng đá, cao 6,5 m, do điêu khắc gia Lê Văn Mậu tạc vào các năm 1954 - 1955. Ở đây có đặt thờ ngọc Xá Lợi Phật do ngài Narađa ở Tích Lan dâng cúng cho Phật Giáo Việt Nam. Bên trái cổng tam quan có tháp chuông cao 7 tầng, được xây dựng từ năm 1960 đến cuối năm 1961. Chuông lớn được đem lên tháp ngày 17-10-1961.

Chùa Hà Chương : Trên đường Nguyễn Trãi, còn gọi là chùa Ông Hược, nhưng chính điện thờ Bà Thiên Hậu. Trong Chùa có một chuông đồng lớn đề "Đồng Trị, Mậu Thìn Niên" (1868). Chùa có bốn cột đá nguyên khối rất lớn, chạm trổ hình rồng rất khéo léo vô cùng.

Chùa Ôn Lăng : Trên đường Lão Tử thờ bà Thiên Hậu, chùa có chuông lớn đề "Đạo Quang Ất Dậu Niên (1825).

Chùa Lệ Châu : Trên đường Nguyễn Trãi , đây là "chùa tổ" thờ tổ sư nghề kim hoàn.

Chùa Minh Hương Gia Thạnh : Ở quận năm, là ngôi chùa cổ nhất Sài Gòn, xây năm 1789, chùa còn bút tích của ông Trịnh Hoài Đức viết trên các liễn đối.

Thành Bát Quái : Do Gia Long ra lệnh xây từ ngày 4 tháng 2 năm Canh Tuất (1790), theo kiểu hỗn hợp Đông Tây và viên quan Pháp Olivier De Puymanuel trách nhiệm xây cất. Thành đắp hình bát quái giống như hoa sen và cũng tựa hình con rùa nằm nên còn gọi là "Thành Quy". Việc xây thành gặp nhiều sự chống đối của dân chúng vì Gia Long bắt hàng trăm gia đình phải bỏ nhà đi nơi khác, bắt hơn 30 ngàn người để tham gia việc xây cất, cộng thêm nghĩa vụ đóng góp tiền của gạo, gạch gỗ...

Thành có tám cửa và tám con đường ngang dọc. Chiều dài từ Đông sang Tây bằng từ Nam đến Bắc là 131 trượng hai xích (khoảng 658 thước ngày nay), thành cao một trượng ba xích (khoảng sáu thước), bề ngang chân tường thành dày bảy trượng năm xích. Mỗi dãy tường thành của ba phía Bắc, Đông và Tây đều có hai "công sự chiến đấu". Giữa hai công sự này là một tường "trường thành". Trong thành đặt nhà Thái miếu và kho đồn điền ở bên phải. Xưởng trại chứa súng phía trái, hoàng cung ở giữa. Ngoài ra, còn có hậu điện (nơi mẹ vua ở), y viện, xưởng thợ, kho thuốc súng. Trại lính dựng chung quanh cho quân túc vệ ở. Trước sân có trụ cờ ba từng, cao 12 trượng 5 thước (61 thước ngày nay).

Trên thành làm "Vọng đầu bát giác" (tháp canh hình bát giác) bên cạnh có thang dây. Trên tháp có quân canh gác, có việc gì bất ổn thì ban ngày treo cờ hiệu, ban đêm treo đèn hiệu. Hào thành 16 xích (khoảng 7 thước), bề ngang 15 trượng năm xích (khoảng 76 thước) có cầu bắc qua; ngoài đắp lũy bằng đất, chu vi 794 trượng (khoảng 3820 thước). Tính theo quy ước "Bát Quái" sách Đại Nam Nhất Thống Chí ghi rõ : Phía Bắc có hai cửa Khôn Hậu, Khảm Hiểm; phía Đông có hai cửa Chấn Hạnh. Cấn Chỉ; phía Nam có hai cửa Càn Nguyên, Lý Minh, và phía Tây có hai cửa Tốn Thuận, Đoài Duyệt. Đối chiếu với vị trí ngày nay, thành nằm trong bốn con đường Nguyễn Đình Chiểu (Bắc), Đinh Tiên Hoàng (Đông), Lê Thánh Tông (Nam) và Công Lý (Tây).

Thành xây bằng đá ong Biên Hòa, gạch nung và có nơi đắp bằng đất tùy theo vị trí. Năm Tân Dậu (1801), đại binh của Nguyễn Ánh thu được thành Phú Xuân (Huế), rồi sai tháo gỡ sườn nhà Thái miếu trong thành chở ra Huế dựng lại. Nhưng năm 1813, Gia Long sai Nguyễn Văn Nhân và Trịnh Hoài Đức lập thành cung tại

thành Bát Quái, xây thêm gác chuông và gác trống hai bên tả hữu, định chừng chưa bỏ ý trở vào nếu có chuyện bất trắc xảy ra. Sau hành cung có dinh quan Tướng Súy, tại cửa Ly Minh xây gác Thần Minh, và tại ba cửa Kiền Nguyên, Ly Minh, Tốn Thuận có đặt trại lính lợp ngói vách sơn đỏ.

Đời Minh Mạng, các cửa Bát Quái được đổi tên : phía Bắc đổi là hai cửa Củng Thần, Vọng Khuyết, phía Đông là cửa Phúc Viễn, phía Nam là hai cửa Gia Định, Phiên An và phía Tây là hai cửa Tinh Biên, Tuyên Hòa. Năm 1830, Ông Lê Văn Duyệt có cho nối vách thành cao thêm một thước rưỡi và dùng toàn đá ong; vì vậy sau nầy bị ghép vào tội chuyên quyền và có lòng phản. Sau vụ Lê Văn Khôi chiếm thành trong ba năm (1833 - 1835) như đã nói ở trên. Minh Mạng cho phá thành Bát Quái để xây thành Gia Định. Di tích còn lại một số đá ong tìm thấy ở gần nhà thương Đồn Đất (nhà thương Grall thời Tây) và góc đường Tự Do - Gia Long.

Thành Gia Định : Còn gọi là thành Phụng, nhỏ bằng nửa và không kiên cố như thành Bát Quái, triều đình Minh Mạng bắt binh lính và dân chúng bốn tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long và Định Tường khoảng 10.000 người, xây thành trong hai tháng. Theo sách Đại Nam Nhất Thống Chí, thành Gia Định có chu vi 428 trượng (khoảng 1960 thước), cao 10 thước 3 tấc (khoảng 4 thước 70) hào rộng 11 trượng 4 thước (khoảng 52 thước) và sâu 7 thước (khoảng 3 thước19). Thành cũng xây bằng đá ong Biên Hòa và có bốn cửa. Đối chiếu với ngày nay, vị trí của thành Gia Định nằm trong phạm vi bốn con đường Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Mạc Đỉnh Chi và Nguyễn Du. Thành bị quân Pháp phá tan tành vào ngày 6-3-1859.

Tam Hội Miếu : Ở gần chùa Quan Võ, thờ bà chúa Thái Sinh. Những người đàn bà hiếm con thường đến cầu nguyện về đường tử tức. Chùa lập từ năm 1839, gọi tắt là "Phò Miếu" (Miếu Bà). Góc đường Triệu Quang Phục và Nguyễn Trãi cũng có ba ngôi chùa cổ, trong số này có chùa "Phò Miếu", nhưng thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, hai ngôi "chùa Bà" khác ở gốc đường Lê Văn Duyệt và Hồng Thập Tự và mé sông cầu Ông Lãnh.

Quan Võ Miếu : Cũng ở trong vùng Chợ Lớn, do người gốc Hoa xây vào khoảng

cuối thế kỷ 18 để thờ Quan Công, được trùng tu nhiều lần.

Chùa Ấn Quang : Chùa Ấn Quang tọa lạc ở 243 Sư Vạn Hạnh, Quận 10. Chùa được Hòa thượng Thích Trí Hữu từ chùa Linh Ứng ở Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng vào lập nên năm 1948, mang tên Ứng Quang Tự. Đến năm 1950, Hòa thượng Thích Thiện Hòa đã tôn tạo ngôi chùa, xây dựng ngôi chánh điện và lập trường Phật Học. Sau đó chùa được đổi tên là Ấn Quang và được chọn làm trụ sở Phật Học Đường Nam Việt. Từ năm 1955 đến năm 1978, Hòa thượng Thích Thiện Hòa đã cho tái thiết ngôi chùa bằng vật liệu kiên cố theo đồ án của kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện. Điện Phật được bài trí đơn giản, trang nghiêm. Chính giữa thờ Đức Phật Thích Ca Mầu Ni. Chùa đã từng đặt trụ sở Giáo Hội Tăng Già Việt Nam (1950 - 1963), văn phòng Viện Hóa Đạo và Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (1967 -1980).

Chùa Phụng Sơn (Chùa Gò) : Chùa Phụng Sơn thường gọi là chùa Gò, tọa lạc ở 1408, đường 3 tháng 2, Quận 11. Chùa được Thiền sư Liễu Thông tạo lập vào đầu thế kỷ 19. Chùa đã qua hai lần đại trùng tu. Lần thứ nhất do Thiền sư Tuệ Minh tổ chức từ năm 1904 đến năm 1915. Nhiều pho tượng thờ ở chùa được nhóm thợ Sa Đéc tạo tác trong thời gian nầy. Lần thứ hai vào năm 1960, vẫn giữ kiểu kiến trúc cổ. Điện Phật được bài trí tôn nghiêm.

Chùa có khoảng 40 pho tượng thờ, chủ yếu là tượng gỗ sơn son thếp vàng trong đó có một số pho tượng quý như bộ tượng Di Đà Tam Tôn, bộ tượng Ngũ Hiền Thượng Kỳ Thú, tượng Phật bằng đá dát vàng, tượng ngài Tiêu Diện bằng gốm. Ở nhà tổ còn có tượng Phật Nhật Bản, tượng Phật Thái Lan. Vào các năm 1988 và 1991, các nhà khảo cổ học đã tiến hành khai quật khu đất của chùa và phát hiện nhiều hiện vật như mặt người bằng đất nung, đồ gốm ... thuộc văn hóa Óc Eo. Trước đó, nơi đây cũng đã tìm thấy một pho tượng Phật bằng đồng theo phong cách Thái Lan.

Chùa Linh Sơn : Tọa lạc ở 149 Cô Giang, Quận I. Khoảng 200 năm trước, nơi đây là ngôi miếu thờ Linh Sơn Thánh Mẫu. Đến cuối thế kỷ 19, các Phật tử và nhân dân địa phương đã xây dựng nơi đây thành ngôi chùa nhỏ. Năm 1929, chùa đã được trùng tu trở thành ngôi thiền viện khang trang. Ngày 26-08-1931, Hội Nam

Kỳ Nghiên Cứu Phật Học ra đời, đặt trụ sở ở chùa. Hội ra tạp chí Từ Bi Âm từ ngày 01-01-1932; lập Pháp Bảo Phường, thỉnh Tam Tạng Kinh từ Trung Quốc về làm tài liệu nghiên cứu, phiên dịch những phần cốt yếu trong kinh ra chữ quốc ngữ; mở Thích Học Đường đào tạo tăng ni để phát triển đạo Phật tại miền Nam. Kiến trúc chùa ngày nay do Hòa thượng Thích Nhật Minh trùng tu vào năm 1968 và hoàn thành vào năm 1971.

Nhà Thờ Tin Lành : 155 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận I. Tại Sài Gòn có nhiều nhà thờ đạo Tin Lành, nhưng nhà thờ ở đường Trần Hưng Đạo thuộc địa bàn quận I có lẽ là nhà thờ uy nghi nhất. Đây cũng là nơi đặt văn phòng chi hội Tin Lành khu vực Đông Nam Bộ. Nhà thờ này được xây trên một mảnh đất rộng nằm ngay góc đường Trần Hưng Đạo và Đề Thám vào thập niên 50 của thế kỷ 20. Nhà thờ có một tầng trệt và một tầng lầu, tường phía trước được xây dựng vươn cao và bên trên là cây thánh giá tượng trưng cho đạo. Nội thất cũng có những hàng ghế dành cho các tín đồ dự lễ như các nhà thờ Thiên Chúa Giáo, nhưng ở khu vực cung thánh thì chỉ có một cây thánh giá to, không có hình tượng nào khác. Vào những ngày lễ, tín đồ đạo Tin Lành từ nhiều nơi về dự lễ rất đông đảo.

Nhà Thờ Chợ Quán :120 Trần Bình Trọng, Phường 2, Quận 5. Chợ Quán là một trong những họ đạo lâu đời nhất của tổng giáo phận thành phố Sài Gòn. Nơi đây đã xây dựng ngôi nhà nguyện đầu tiên vào năm 1674 do giáo dân từ miền Bắc, Trung vào xây dựng. Sau nhiều lần xây lại nhà thờ, năm 1887, cha xứ Nicola Hamm (Tài) khởi công xây dựng nhà thờ mới. Công trình này kéo dài suốt 4 năm, đến năm 1891 hoàn thành. Ngôi nhà thờ mới này được khánh thành vào mùng 4 Tết Bính Thân (1896) và tồn tại đến nay. Nhà thờ Chợ Quán kiến trúc theo kiểu Gothique, trải qua hơn 100 năm vẫn uy nghi, đồ sộ nhất khu vực Chợ Lớn.

Thiền Viện Vạn Hạnh : Trên đường từ Phú Nhuận đi Gò Vấp, đến 716 Nguyễn Kiệm, du khách sẽ thấy hiện ra cổng tam quan bề thế của Thiền Viện Vạn Hạnh. Thiền Viện tọa lạc trên diện tích khoảng 1 ha, bao gồm ngôi chánh điện, ngôi nhà tổ, các dãy nhà trụ sở Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam, văn phòng Viện Nghiên Cứu Phật Học, văn phòng Hội Đồng Phiên Dịch Đại Tụng Kinh Việt Nam

Đền Thờ Trần Hưng Đạo : Tọa lạc tại 36 Võ Thị Sáu, Phường 4, Quận I. Trong số

nhiều ngôi đền thờ vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo thì đây là ngôi đền to nhất ở phía Nam. Đền nằm trong một khuôn viên rộng, vốn xưa kia là đất của chùa Vạn An. Năm 1932 đền thờ Trần Hưng Đạo được lập ngay trong chùa Vạn An cũ. Đến năm 1958, ngôi đền bị phá bỏ để xây lại đền thờ Trần Hưng Đạo to lớn và khang trang như ngày nay.

Đền có 3 cổng thông ra đường Võ Thị Sáu. Ngay đầu sân là bức tượng Trần Hưng Đạo uy nghi bằng xi măng màu vàng đen. Đền được xây theo hình chữ "Đinh" rộng 200 m², có dãy cửa liền nhau trông ra sân. Trong đại sảnh có nhiều loại hoành phi, câu đối ca ngợi tài năng, đức độ và những chiến công hiển hách của người anh hùng trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông cuối thế kỷ 13. Trong đền còn thờ các vị tướng lĩnh có công với nước ở đời nhà Trần như Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng.

Ở nơi thờ chính có tượng Trần Hưng Đạo bằng đồng trong tư thế ngồi cao 1,70 m, do thợ đúc đồng Ngũ Xã đúc năm 1957. Phía trái là bàn thờ đặt bài vị hai người con gái của Trần Hưng Đạo. Bên phải thờ bốn người con trai. Bên phải sân đền là bảo tàng nhỏ, trưng bày một số hiện vật, văn bản, bản đồ, đoạn trích bài hịch của ông.

Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam : Địa chỉ : Số 2, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1. Bảo tàng được xây dựng từ ngày 24-11-1929 do kiến trúc sư Delaval thiết kế, mang kiểu dáng cung điện mùa hè Bắc Kinh. Ban đầu bảo tàng mang tên Blanchard de la Brosse trưng bày chủ yếu về mỹ thuật. Năm 1954, được đổi tên là Bảo Tàng Quốc Gia Sài Gòn trưng bày về mỹ thuật Việt Nam, Chăm, Khme, Trung Quốc, Nhật và các sắc dân tộc thiểu số... Đến ngày 26-08-1979, Viện Bảo Tàng Quốc Gia được đổi thành Bảo Tàng Lịch Sử, sau đó là Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam.

Hiện nay, bảo tàng đang lưu giữ 1700 cổ vật quí hiếm. Về nội dung lịch sử Việt Nam, bảo tàng có các phòng trưng bày : thời đại nguyên thủy, thời đại Hùng Vương, triều nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê, Tây Sơn, nhà Nguyễn. Bảo tàng sử dụng nhiều hiện vật gốc có giá trị lịch sử cao cùng nhiều tài liệu khoa học phụ để tái hiện lại bối cảnh lịch sử. Bảo tàng có những phòng trưng bày chuyên đề: đồ thờ tự

Việt Nam, tượng Phật Đông Nam Á, gốm Việt Nam và gốm các nước Châu Á, văn hóa Óc Eo, văn hóa Chămpa, các dân tộc Việt Nam và phòng trưng bày xác ướp khai quật ở Xóm Cải.

Bưu Điện Sài Gòn : Tháng 01-1861 đã khởi công xây dựng nhà bưu điện đầu tiên được thiết kếrất đơn giản. Tòa nhà được khánh thành ngày 13-02-1863 gồm 2 khu : khu bưu chính và khu điện tín. Ngày 15-04-1878, hai tổ chức bưu chính và hợp nhất thành ngành bưu điện. Năm 1886, Pháp cho xây dựng nhà bưu điện gần quảng trường công xã Paris theo đồ án của kiến trúc sư người Pháp là Vilơôlic. Năm 1890, tòa nhà này được khánh thành. Đây là công trình kiến trúc có nhiều đặc trưng của phong cách kiến trúc Châu Âu kết hợp với Châu Á. Mặt tiền có những hình ô chữ nhật, ghi tên những nhà phát minh ra ngành điện và điện tín. Chiếc đồng hồ lớn trên cửa chính có tuổi thọ bằng tuổi tòa nhà.

Nhà Thờ Đức Bà : Nhà Thờ Đức Bà hay còn gọi là Nhà Thờ Lớn là một công trình kiến túc bề thế có hai tháp chuông cao, tại quảng trường mang tên "Công Xã Paris", nơi trung tâm thành phố. Công trình được khởi công xây dựng ngày 07-10-1877 và được khánh thành vào ngày 11-04-1880. Nhà tháp được thiết kế tại Pháp, thi công xây dựng do kỹ sư người Pháp tên là Bourad chỉ huy thực hiện. Tổng kinh phí xây dựng lúc bấy giờ là 2,5 triệu Phờ-răng do Thống Sứ Nam Kỳ cung cấp. Thánh đường có chiều dài 133 m tính từ cửa ngăn đến cuối phòng đọc kinh, chiều ngang 35 m và cao 21 m. Lúc đầu, hai tháp có chiều cao tính từ mặt đất là 36,6 m. Sau xây thêm hai chóp nhọn lầu chuông 21 m nữa, do vậy chiều cao của tháp là hơn 57 m (tháp chuông làm năm 1895). Sáu đại hồng chung, nặng 25.850 kg đặt dưới hai lầu chuông. Ngày 07 và 08-12-1959, theo sự chấp thuận của Tòa Thánh Vantican, nhà thờ làm lễ "xức đầu" đặt tên là "Vương Cung Thánh Đường".

Nhà Thờ Huyện Sĩ (còn gọi là nhà thờ Chợ Đũi). Địa chỉ : 01 Tôn Thất Tùng, Quận 1. Xây cất năm 1902 do Đức Cha Bouttier thiết kế. Là một trong số hiếm công trình sử dụng vật liệu đá granít Biên Hòa, tại mặt tiền cũng như các phần đế và nhất là các cột chính điện. Loại đá này rất cứng nên không có các chi tiết trang trí truyền thống nhưng lại thể hiện ý muốn phô trương sự giàu có. Nhà thờ có kiến trúc tân Gothique. Chính điện có vòm chịu lực dạng cung nhọn, Cửa sổ có vòm

đỉnh nhọn và một số trang trí đặc thù khác.

Tường có cửa sổ nhưng ánh sáng ít vào được bên trong do được sàng lọc. Hậu cung có mộ ông bà Huyện Sĩ (Lê Phát Đạt), tất cả bằng cẩm thạch kể cả tượng hai ông bà đang yên giấc ngàn thu. Huyện Sĩ là người giàu có nhất thời bấy giờ đã bỏ tiền ra xây cất nhà thờ nên nhà thờ được đặt tên là "Nhà Thờ Huyện Sĩ".

Nhà Thờ Thánh Phanxô Xaviê (Nhà Thờ Cha Tam) : Địa chỉ : 25 Học Lạc, Phường 14, Quận 5. Ngày 03-02-1900, Lễ Thánh Phanxicô Xavie, Đức Cha Mossard, Giám Mục Sài Gòn, đã đến làm phép đặt viên đá đầu tiên xây ngôi thánh đường dành cho người Hoa tức nhà thờ Phanxicô Xaviê ngày nay. Ngày 10-01-1902, lễ cúng hiến (khánh thành) trọng thể ngôi thánh đường đã được tiến hành. Sau khi xây dựng nhà thờ, Cha Sở Tam Asoon (Đàm Á Tô) còn xây dựng được một trường học, nhà nuôi trẻ, một nhà nội trú, một số nhà ở cho thuê.

Năm 1934, Cha Tam qua đời, mai táng ngay tại khu vực tường cửa vào nhà thờ. Do đó, dân gian thường gọi là nhà thờ Cha Tam. Năm 1990, tháp chuông nhà thờ đươc sửa lại và cung thánh được tân trang. Đây là một nhà thờ duy nhất ở thành phố có trang trí những hoành phi, liễn đối giống như đền miếu người Hoa.

Nhà Thờ Thánh Leanne d'Arc (Nhà Thờ Ngã Sáu) : Địa chỉ : 116B Hùng Vương, Phường 9, Quận 5. Những thập niên đầu thế kỷ 20, vùng chợ Lớn rất phồn thịnh. Dân chúng chuyển về đây sinh sống ngày một đông. Giáo dân người Việt cũng theo đà phát triển kinh tế mà gia tăng. Vào thời điểm này, cha Gioan Baotixita Huỳnh Tịnh Hướng đã cất một ngôi thánh đường với danh hiệu là Jeanne d;Arc. Người dân thường gọi là "Nhà Thờ Ngã Sáu", vì gần nhà thờ có ba con đường Nguyễn Tri Phương, Ngô Gia Tự, Nguyễn Chí Thanh đan chéo nhau chia thành sáu hướng đi.

Thánh đường Jeanne d'Arc được kiến trúc theo Tây Phương, kiểu Gothique, tọa lạc trên nghĩa trang Hoa Kiều (người Pháp gọi là Plaine des tombeaux). Nhà thờ khởi công xây dựng năm 1922, khánh thành 05-1928.

Những ngôi chùa nổi tiếng khác như : Chùa Thiên Trúc, chùa Bửu Sơn, chùa Từ Phước, chùa Sùng Đức, chùa Tuyền Lâm, chùa Bửu Lâm, chùa Từ Ân (xây năm 1802) chùa Phật Bửu Tự (đường Cao Thắng), chùa Bồ Đề Lang Nhã (đường Minh

Mạng) chùa Kỳ Viên (đường Nguyễn Đình Chiểu), chùa Tam Tông Miếu (đường Cao Thắng), chùa Từ Nghiêm (đường Bà Hạt)... Một số ngôi chùa hay miếu nổi danh nay đã mất như : chùa Khải Tường, chùa Tập Phước, chùa Kim Chương, Hiển Trung Tự, Văn Miếu,...

Di tích chùa Cây Mai : Còn có tên là Mai Sơn Tự và Thứu Linh Tự ở Phú Lâm, Quận Bình Chánh, chùa xây trên nền chùa cổ Cao Miên, xung quanh có đào ao rộng và sâu. Xưa dân Cao Miên tổ chức hàng năm lễ đua ghe, gọi là lễ "đưa nước" khi cuối mùa gặt và lễ "rước nước" vào đầu mùa làm ruộng. Đời Minh Mạng chùa được tu bổ lại và hai ông Nguyễn Tri Phương và Phan Thanh Giản đã lập tại đây một nhà thủy tạ trên có gác cao. Tục truyền rằng chùa có một gốc mai già bông trắng, mùi thơm nhẹ nhàng. Gần chùa Cây Mai còn có chùa Phụng Sơn rất cổ, cũng gọi là chùa "Gò" vì cất trên một gò đất cao, chung quanh có nước bao quanh.

Lăng Ông : Được xây năm 1914 và được trùng tu nhiều lần; trong đó có mộ và miếu thờ Tả Quân Lê Văn Duyệt, công thần triều Nguyễn, hai lần giữ chức Tổng trấn Gia Định thành (1812-1815 và 1820-1832) và cũng là vị Tổng trấn cuối cùng. Sau khi ông mất (1832), con nuôi là Lê Văn Khôi bất mãn Minh Mạng khí độ nhỏ nhen, liền khởi binh đánh tỉnh Phiên An (Gia Định); kéo dài được ba năm thì bị bắt và đem ra xử tử cùng 1831 người khác.Vua Minh Mạng vì có hiềm khích với Lê Văn Duyệt nên trả thù bằng cách xiềng ngôi mộ ông lại và dựng bia nhục mạ. Đến 1848, mộ ông mới được cởi xiềng. Dân ta quý trọng Lê Văn Duyệt và coi lăng của ông là một nơi thờ cúng linh thiêng. Trước năm 1975, vào mùa Xuân, lăng Tả Quân Lê Văn Duyệt, thường gọi là Lăng Ông, là một nơi danh thắng và thường có đông đảo dân chúng đến cúng bái, hái lộc đầu năm.

Lăng Vỏ Tánh : Mộ chính tại tỉnh Bình Định, còn ở đây là mộ chôn hình người bằng sáp, vì Vỏ Tánh tự thiêu trên giàn hỏa nên không còn di thể. Ông là võ tướng đầy công trận thời Nguyễn Ánh, mất năm 1801.

Lăng Trương Tấn Bửu : Nằm trên đường Trương Tấn Bửu, Phú Nhuận. Ông là một võ tướng và cũng là công thần đời Nguyễn và mất năm Minh Mạng thứ 8 (1827).

Lăng Võ Duy Nguy : Cũng ở Phú Nhuận, ông là một võ tướng đời Nguyễn và tử trận tại Thị Nại năm 1801.

Ngoài ra còn có một số lăng mộ khác như : Lăng Hoàng Thái Hậu (vợ vua Minh Mạng, mẹ Thiệu Trị) tại làng Linh Chiểu Tây, quận Thủ Đức. Đất mộ phần của dòng họ Trương Minh tại quận Gò Vấp, trong số này có mộ của ông bà Trương Minh Giảng (ông là một công thần triều Nguyễn), mộ Trương Minh Ký (một học giả nổi tiếng vào đầu thế kỷ 20). Lăng ông Lê Văn Phong (em ruột Lê Văn Duyệt).

Xã Tân Thới, Quận Hóc Môn : Là quê của ông Nguyễn Đình Chiểu (tục gọi là Đồ Chiểu). Năm 1849, thân mẫu ông qua đời, ông từ Huế trở về Gia Định cư tang. Chính vì mất mát quá lớn này mà ông sinh bệnh mù cả hai mắt. Khi giặc Pháp chiếm Sài Gòn, ông lánh nạn về quê vợ ở Cần Giuộc (Long An) và tiếp tục dạy học truyền bá tư tưởng cứu nước. Ông lại dời về Ba Tri (Bến Tre) lúc Cần Giuộc rơi vào tay giặc. Nạn nước ngày càng thêm trầm trọng, vì mù lòa không thể xông pha nơi chiến trận, ông dùng bài thơ làm vũ khí đấu tranh và luôn luôn kỳ vọng vào các cuộc kháng chiến bùng nổ khắp nơi, nhất là cuộc kháng chiến của người bạn ông là anh hùng Trương Công Định. Quân Pháp nhiều lần lấy phú quý mua chuộc nhưng ông nhất định từ chối. Tác phẩm của ông gồm có : Lục Vân Tiên (gồm 2076 câu lục bát), Dương Từ Hà Mậu, Ngư Tiều Vấn Đáp Y Thuật, Văn Tế Nghĩa Quân Cần Giuộc, Văn Tế Nghĩa Sĩ Trận Vong Lục Tỉnh, Thơ Điếu Trương Công Định, và nhiều văn thơ khác.

Xã Hạnh Thông, Quận Gò Vấp : Quê ông Phan Văn Trị (tục gọi là Cử Trị). Dù đỗ cử nhân khoa Kỷ Dậu (1849), ông không ra làm quan, chỉ ở nhà dạy học, quyết không hợp tác với Pháp. Thơ văn của ông đậm đà tình yêu nước và rất sắt thép quất thẳng vào mặt một số trí thức vong bản làm tay sai cho giặc Pháp, trong số này có ông Tôn Thọ Tường. Ông đã mở cuộc bút chiến với Tường bằng những bài xướng họa bát bỏ lập luận hợp tác với Pháp của Tường, vừa nêu cao tinh thần cứu nước, vừa ngăn chặn các sĩ phu yếu hèn khác về hàng giặc, đặc sắc nhất là bài Từ Thứ Quy Tào và mười bài Liên Hoàn Tự Thuật. Tất cả các bài văn thơ của ông Nguyễn Đình Chiểu đều bị Pháp lên án và cấm lưu truyền.

Gia Định : Còn là quê của anh hùng Nguyễn Thông, danh sĩ triều Nguyễn và là người cộng tác đắc lực trong cuộc kháng chiến chống quân Pháp do anh hùng Trương Công Định lãnh đạo; ông để lại nhiều tác phẩm như: Ngọa Du Sào Văn Khí Tập, Kỳ Xuyên Thi Văn Sao, Đôn Am Văn Tập, Kỳ Xuyên Công Độc và dự vào việc thảo bộ Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục.

Đây cũng là quê của Trương Minh Ký, một nhà học giả nổi tiếng, có công trong việc quảng bá chữ quốc ngữ trong thời kỳ phôi thai. Ông còn là binh bút đắc lực của tờ "Gia Định Báo", tờ báo đầu tiên của nước ta. Ông cùng với Trương Vĩnh Ký dùng tờ báo này truyền bá chữ quốc ngữ là một thứ văn tự mới của nước ta thay thế văn Nôm. Tác phẩm của ông gồm có: Ý Hạnh (thơ lục bát), Thiện Hạnh, Như Tây Nhật Trinh... và một số sách dịch từ Hán và Pháp ngữ như Quốc Phong, Chinh Khí Ca, Tô Huệ Hồi Văn, Truyện Télémaque, Truyện Francinet...

Các dịp lễ hội

Lễ hội trong ngày giỗ vua Hùng : Hàng năm cứ đến ngày mùng 10-3 âm lịch, các cơ sở tín ngưỡng dân gian ở Sài Gòn có thờ phụng vua Hùng đều tiến hành tổ chức lễ giỗ Quốc Tổ theo nghi thức cổ truyền. Đông đảo nhân dân đã đến lễ bái tưởng nhớ đến người đã khai sinh ra nước Văn Lang. Khung cảnh lễ hội vừa trang nghiêm vừa đầm ấm.

Ngày giỗ Trần Hưng Đạo : Ở Sài Gòn có nhiều cơ sở tín ngưỡng dân gian thờ Trần Hưng Đạo. Hàng năm vào ngày 20-8 âm lịch (ngày mất của ông), các cơ sở này đều tổ chức lễ giỗ với nghi thức trang nghiêm để tưởng nhớ vị anh hùng dân tộc làm chói ngời lịch sử nước nhà. Đền thờ Trần Hưng Đạo ở số 36 đường Võ Thị Sáu, quận I, là một trong những ngôi đền tổ chức lễ giỗ anh hùng Trần Hưng Đạo có quy mô lớn nhất thành phố. Lễ giỗ diễn ra trong 3 ngày 19, 20 và 21/8 âm lịch, với các nghi thức tế lễ cổ truyền Bắc Bộ, bao gồm nam tế và nữ tế, nghi thức hát chầu văn ca ngợi công đức của vị anh hùng. Ngoài ra còn tổ chức chơi cờ người ... Trong những ngày này, các tầng lớp nhân dân tề tựu về lễ bái rất đông.

Lễ giỗ Lê Văn Duyệt : Lễ giỗ Lê Văn Duyệt được tổ chức tại Lăng Ông vào các ngày 29, 30-7 và mùng âm lịch hàng năm. Lăng Ông, nơi thờ Tả Quân Lê Văn Duyệt và phu nhân, một khai quốc công thần nhà Nguyễn đã từng giữ chức Tổng

trấn Gia Định. Trong lễ giỗ Lê Văn Duyệt ngoài phần lễ bái theo nghi thức cổ truyền Nam Bộ, còn có tổ chức hát bội. Nơi trình diễn là sân khấu được dựng ngay trong gian tiền điện, diễn xướng với nhiều nhân vật, nhiều tích trò... Đây là lễ hội lớn nhất ở đất Gia Định xưa và Nam Bộ ngày nay. Người đến chiêm bái còn có tục "xin xâm", với hy vọng tìm một lời giải đáp về sự may mắn hay rủi ro về tính mạng, gia đạo, nhân duyên, cầu tài, cầu quan, cầu phúc, cầu lộc... Ngoài ra lễ hội còn diễn ra vào ngày mồng 7 tháng 1 âm lịch. Đây chính là hội Xuân có lễ dâng hương cầu chúc năm mới. Người Hoa tham dự lễ hội này rất đông.

Lễ đền thờ Phan Công Hớn : Phan Công Hớn là người lãnh đạo nhân dân 18 thôn vườn trầu khởi nghĩa tấn công đình Tri huyện Trần Tử Ca, một tên Tri huyện có nhiều nợ máu với nhân dân, mùa xuân năm 1885 tại Hóc Môn. Sau đó, để cho nhân dân khỏi bị bắt bớ, ông đã tự nộp mình và bị Pháp hành quyết. Nhân dân đã lập đền thờ bên cạnh mộ phần của ông để ngày ngày hương khói tại ấp Tây Bắc Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn. Hàng năm, đến ngày 25-2 âm lịch, thân tộc của ông cùng bà con nhân dân Bà Điểm tổ chức lễ giỗ ông tại đền thờ theo nghi thức cúng thần, gồm tế lễ cổ truyền với ban quí tế, lễ sinh, ban nhạc lễ... Nhân dân đến dự rất đông để tưởng nhớ đến một vị anh hùng đã làm rạng danh truyền thống 18 thôn vườn trầu. Đến dự lễ hội còn có cả những học sinh của trường tiểu học mang tên Phan Công Hớn.

Hội chùa Ông Bổn : Hàng năm vào ngày 15-1 âm lịch, chùa Ông Bổn mở hội, lễ hội kéo dài trong hai ngày. Chùa Ông Bổn trên đường Hải Thượng Lãn Ông, quận 5, là nơi thờ cúng Châu Đạt Quan, ông là một viên quan nhà Nguyên thế kỷ13, người đã từng công cán ở Đông Nam Á. Ngoài phần lễ còn có múa rồng, đấu võ, xin xăm, bói toán... vào ngày hội có nhiều người Hoa đến chùa vay mượn (tượng trưng) để làm ăn buôn bán. Hội chùa Ông Bổn còn được tổ chức vào ngày 15-8 âm lịch

Lễ Kỳ Yên Đình Phú Nhuận : Hàng năm , lễ hội Kỳ Yên làng Phú Nhuận xưa (nay là quận Phú Nhuận) diễn ra trong ba ngày 16, 17, 18 tháng giêng âm lịch tại đình làng Phú Nhuận, số 18 đường Mai Văn Ngọc, quận Phú Nhuận. Ngày đầu tiên, lễ hội bắt đầu bằng nghi thức tụng kinh cầu an của Phật giáo, sau đó là phần

múa lân, biểu diễn võ thuật truyền thống và các nghi thức tế Thần, tế Tiền hiền, Hậu hiền cùng các anh hùng liệt sĩ theo truyền thống Nam Bộ. Buổi tối có hát bội. Ngày thứ hai và ngày thứ ba đều có nghi thức tế Thần theo truyền thống Bắc Bộ. Đêm cuối chấm dứt lễ hội với nghi thức tôn vương và hội chầu như truyền thống các đình Nam Bộ. Lễ hội đình Phú Nhuận thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân cùng các hội đình bạn tham gia.

Lễ hội miếu Ông Địa : Miếu Ông Địa (125 đường Lê Lợi, phường 3, quận Gò Vấp) hình thành những năm đầu thế kỷ 19 và từng được vua Tự Đức sắc phong vào năm 1852.

Miếu thờ Thổ Địa Phúc Đức Chính Thần và nhiều vị thần dân gian khác. Hàng năm , lễ hội diễn ra vào ngày 2-2 âm lịch, là ngày vía Thổ Địa Phúc Đức Chính Thần. Đây là một lễ hội tiêu biểu cho các lễ hội miếu ở thành phố Sài Gòn và Nam Bộ. Mở đầu là nghi thức gióng trống "khai làng", thông báo lễ . Tiếp theo là phần "chầu mời" liên tục bằng điệu hát bóng rỗi để thỉnh thần về dự lễ. Đến chiều có trình diễn tuồng hài "Địa Nàng" với hai nhân vật Ông Địa và Nàng Tiên mang nội dung phê phán thói hư tật xấu trong xã hội hương thôn xưa. Sau đó là nghi thức múa mâm vàng, mâm bạc và múa đồ chơi. Các nghi thức hát, múa này do các nghệ nhân dân gian trình diễn. Kết thúc lễ hội là nghi thức phát lộc cho mọi người.

Lễ Giáng Sinh : Hàng năm, lễ hội Thiên Chúa Giáo lớn nhất tại nhà thờ Đức Bà vào đêm 24 rạng sáng 25-12 dương lịch. Có rất đông giáo dân và đồng người Việt cùng tham dự lễ này. Trong dịp lễ Giáng sinh, nhà thờ trang hoàng đẹp mắt với những dây đèn chạy từ công viên trước nhà thờ lên tận thánh giá trên hai tháp chuông cao gần 60 m. Ngay từ tối 24, bên trong nhà thờ đã diễn ra các nghi lễ tôn giáo kỷ niệm ngày Chúa Jêsus ra đời, do các cha xứ và tín đồ cử hành trong bầu không khí trang nghiêm. Khoảng 20 giờ trở đi, các đường phố chung quanh nhà thờ Đức Bà như : Đồng Khởi, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... đông nghẹt thanh niên nam nữ từ các nơi đổ về tham dự lễ hội, không khí lễ hội kéo dài đến sáng hôm sau.

Lễ Kỳ Yên Đình Bình Đông : Đình Bình Đông nằm trên bờ rạch Bà Tàng, thuộc phường 7, quận 8. Đây là một trong hai ngôi đình có số lượng khách tham quan, lễ

bái đông nhất thành phố, lễ Kỳ Yên của đình diễn ra trong 5 ngày: từ 10 đến 11 tháng 2 âm lịch hàng năm. Ngày đầu, đình tổ chức cúng Tiên Sư tưởng nhớ những bậc thầy dạy nghề trong thôn. Ngày thứ hai là lễ tụng kinh cầu an theo nghi thức Phật giáo. Ngày thư ba có nghi thức khán sắc, lễ tế Thần, lễ cầu mưa thuận gió hòa người yên, vật thịnh và có hát bội cúng Thần. Ngày thứ tư là lễ tế Tiền hiền, Hậu hiền, những thế hệ khai hoang lập ấp và xây dựng các công trình phúc lợi cho thôn làng. Ngày cuối là nghi thức Hoàn Sắc. Trong ngày lễ, nhân dân từ nhiều nơi đổ về tham dự lễ hội.

Lễ hội ngư dân (Cần Giờ) : Tục thờ và rước cá voi là một tín ngưỡng dân gian khá phổ biến của ngư dân ven biển từ miền Trung đến mũi Cà Mau. Trong lăng thờ cá voi thường có bộ xương đặt nơi bề thờ hay đựng trong những chiếc khạp, chiếc quách có dán giấy hồng đơn. Vài lăng có cả sắc thần do nhà Nguyễn phong với chức danh "Nam Hải Cư Tộc Ngọc Lân Thượng Đẳng Thần". Lễ hội ngư dân ở thành phố Sài Gòn, thường gọi là "Lễ Nghinh Ông", được tổ chức qui mô ở xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ vào ngày 16/8 âm lịch, các ngư dân đều nghỉ để tham gia cuộc lễ.

Từ lăng thờ, bến cá đến tàu, ghe đều được trang hoàng lộng lẫy. Cuộc lễ gồm ba giai đoạn : lễ Nghinh Ông bắt đầu từ 9 giờ đến 13 giờ, lễ cúng Tiền hiền, Hậu hiền để tưởng nhớ công lao những người đến đây lập nghiệp đầu tiên, lễ cúng chánh tế. Đồ cúng thường không dùng sản vật của biển, có heo quay, xôi các màu, rượu và trà và trong lễ hội còn có tổ chức những trò vui chơi dân gian miền biển như : kéo dây, đi cà kheo, hát bội... giúp bà con ngư dân giải trí bù cho những ngày lao động vất vả với biển cả.

Lễ giỗ tổ nghề Kim Hoàn : Lễ giỗ tổ nghề kim hoàn ở Sài Gòn và cả khu vực Nam Bộ tổ chức trong ba ngày 7, 8 và 9 tháng 2 âm lịch hàng năm tại Lệ Châu hội quán (586 đường Trần Hưng Đạo, quận 5). Lễ giỗ bao gồm hai nghi thức tế giỗ trong hai ngày đầu và nghi thức tế các bậc Tiền hiền, Hậu hiền trong nhiều ngày cuối, với các lễ vật như : heo sống, heo quay, vịt quay, bánh trái, bông hoa, nhang, đèn... Trong đêm mùng 7 có chương trình văn nghệ do các nghệ sĩ cải lương và những thợ kim hoàn biểu diễn. Vào ngày hội, những người thợ kim hoàn

ở Sài Gòn và các nơi khác về dâng hương lễ tổ, trao đổi kinh nghiệm. những thợ kim hoàn do hoàn cảnh không thể về dự lễ giỗ tổ, thì tổ chức cúng tổ tại nhà, nhưng phải cúng sau những ngày lễ giỗ tổ ở Lệ Châu hội quán.

Lễ giỗ tổ cải lương, hát bội : Lễ giỗ tổ cải lương và hát bội tổ chức tại nhà truyền thống sân khấu (số 133, đường Cô Bắc, quận I) và hội sân khấu (số 5B, đường VõVăn Tần, quận 3) vào ngày 11-8 âm lịch hàng năm. Riêng tại các đoàn cải lương, hát bội và các lò dạy cổ nhạc thì tổ chức vào ngày 12-8 âm lịch. Lễ giỗ tổ tại nhà truyền thống sân khấu bắt đầu từ sáng sớm cho đến quá trưa. Mở đầu là nghi thức đánh trống thỉnh tổ theo bài bản cổ truyền. Tiếp theo là nghi thức tưởng niệm để tưởng nhớ đến tổ sư đã khai sáng bộ môn nghệ thuật. Sau đó là phần hát hầu tổ của các nghệ sĩ với những bài hát thành công nhất của mình. Cuối cùng là bữa tiệc thụ lộc thần diễn ra trong bầu không khí nghĩa tình.

Lễ hội người Chăm : Người Chăm ở Sài Gòn chủ yếu theo đạo Lam (Hồi giáo) cho nên lễ hội đều tiến hành theo khuôn khổ của tôn giáo này. Hàng năm người Chăm có các lễ hội lớn như :

- Lễ sinh nhật thiên sứ Muhamed (người vâng lệnh thánh Alah giảng truyền kinh Coran và khai sáng Hồi giáo) : 12-3 Hồi lịch.
- Lễ Ramân (tháng nhịn ăn) : từ ngày 1 đến 30-9 Hồi lịch.
- Lễ bố thí : ngày 1 tháng 10 Hồi lịch.

Ngoài ra người Chăm Lam còn cố gắng thực hiện lễ hành hương về tận thánh địa Mecca (nay thuộc nước Ả-rập-xê-út) vào ngày 10-12 Hồi lịch hàng năm trong khả năng của mình, để thực hiện đúng tín điều trong Kinh Coran đã dạy.

Lễ hội của người Hoa : Đa số người Hoa ở thành phố Sài Gòn đều theo tín ngưỡng dân gian Hoa Nam, thờ phụng nhiều vị thần thánh. Mỗi vị thần đều có những ngày vía riêng. Vào những ngày này người Hoa đều đến lễ bái ở các đền, miếu thờ những vị thần thánh đó, tạo thành những lễ hội. Tuy nhiên, lễ hội lớn nhất trong một năm đối với người Hoa là lễ Nguyên Tiêu vào ngày rằm tháng giêng âm lịch. Trong ngày này, tất cả người Hoa đều tập trung đến lễ ở các đền, miếu để tạ ơn thần thánh đã phù hộ công việc làm ăn trong năm cũ, cầu nguyện thần thánh phù hộ công việc làm ăn trong năm mới được tốt hơn. Các đền miếu của

người Hoa, người đến lễ rất đông, khói nhang nghi ngút. Sau lễ Nguyên Tiêu, người Hoa mới chính thức bắt tay vào công việc làm ăn của năm mới.

Lễ hội của người Khmer : Người Khmer là một cộng đồng dân cư ở Sài Gòn. Trong một năm, người Khmer có nhiều lễ hội, nhưng đặc sắc và đáng chú ý hơn cả là các lễ hội sau đây:

1. Tết năm mới (Chol Nam Thmay) : Lễ hội thường bắt đầu vào ngày 13, 14 tháng tư hàng năm và kéo dài khoảng 3 ngày tại ngôi chùa Miên ở đường Trần Quốc Thảo, quận 3, với nghi lễ rước "Đại Lịch" (Maháang Kran) mở đầu cho những ngày tết. Tiếp theo là lễ dâng cơm cho sư sãi (Vên chông han), lễ đắp núi cát (Pên phôm Ksach) với những núi cát vây quanh chùa, lễ qui y... Ngoài ra, còn có tục tắm tượng Phật; té nước vào sư, ông già hay khách quý; vui chơi múa hát, ăn uống, thăm hỏi, chúc tụng nhau những lời tốt đẹp, xem văn nghệ dân gian (múa, hát, kịch ...).

2. Lễ cúng ông bà (Đôn ta) : Lễ hội tổ chức vào khoảng cuối tháng tám đầu tháng chín âm lịch, để tưởng nhớ ông bà, tổ tiên và công lao của những người đã khuất. Vào dịp này người Khmer đến chùa làm lễ rước vong linh của ông bà, tổ tiên về nhà mừng lễ với con cháu. Ngoài ra còn có tập tục thả thuyền, kết bè bằng bẹ chuối trên các sông, rạch gần nhà. Trên thuyền, bè người Khmer để các lễ vật đã cúng ông bà mỗi thứ một ít tượng trưng cho lòng hiếu thảo, tưởng niệm người đã khuất.

3. Lễ trông trăng còn gọi là lễ "ăn cốm dẹt" (Ok om bok), được tổ chức vào ngày rằm tháng 10 âm lịch. Lễ vật cúng là các sản vật nông nghiệp như : cốm, xôi, đậu, khoai, mía... Vào lúc mặt trăng lên cao, người Khmer tổ chức lễ cúng ngay tại sân nhà. Cúng xong, chủ nhà gọi các em bé lại, lấy ít cốm dẹt và vài thứ hoa màu khác đút vào miệng các em vừa vỗ vào lưng hỏi các em muốn gì. Qua câu trả lời của các em, người chủ nhà sẽ đoán kết quả của vụ mùa tới.

Sóc Trăng

Diện tích : 3191 km².

Dân số : 1.213.400 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Sóc Trăng.

Các huyện : Kế Sách, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Long Phú, Vĩnh Châu.

Dân tộc : Việt (Kinh), Khmer, Hoa.

Cách thành phố Sài Gòn 231 km, thành phố Cần Thơ 60 km, Sóc Trăng giáp với các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bạc Liêu và biển đông. Sóc Trăng có 72 km bờ biển, 30.000 ha bãi bồi, khí hậu mang tính chất khí hậu đại dương hai mùa: mùa mưa từ giữa tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau. Nhiệt độ trung bình cả năm 26 - 28°C .

Sóc Trăng là tỉnh chủ yếu phát triển nông nghiệp. Diện tích đất nông nghiệp 259.799 ha, trong đó đất trồng lúa chiếm 94%, ngoài ra còn trồng bắp, đậu xanh, đậu nành, mít, dừa, hành tỏi (Vĩnh Châu) thơm ngon nổi tiếng và các vườn cây ăn trái như nhãn, chôm chôm, sầu riêng, cam, quít... trên cù lao Mỹ Phước và đất liền Vĩnh Châu.

Sinh hoạt, kinh tế

Đất Sóc Trăng có phù sa sông Hậu Giang bồi lên mỗi năm nên rất tiện lợi cho ngành canh nông và phần lớn thuộc loại phù sa mặn như các quận : Thạnh Trị, Long Phú và Mỹ Xuyên. Hoa màu chính là lúa gạo, trong đó gạo Ba Xuyên nổi danh thơm ngon

Các hoa màu phụ phần lớn là cây ăn trái trồng ở vùng đất cao dọc theo sông Hậu Giang như : cam, sầu riêng, xoài, dừa, măng cụt, chuối, mía,... Các vườn trồng nhiều quít và chuối ở quận Kế Sách và mía ở quận Long Phú rất nổi tiếng.

Rừng nước cũng có nhiều gỗ tạp, tràm, đước, bần... Vì sống gần biển và kinh rạch nên dân chúng của theo nghề đánh cá, làm muối và nuôi cá nước ngọt. Bờ biển Sóc Trăng là nơi quy tụ nhiều tôm thẻ, tôm càng xanh...

Lược sử

Theo tài liệu "Gia Định Nhất Thống Chí" của Trịnh Hoài Đức. Người Việt Nam đến miền này từ đời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765). Năm 1757, đời

vua Lê Hiến Tông, tranh giành vương quyền xảy ra ở Cao Miên giữa Nặc Nhuận (kế nghiệp vua Nặc Ông Nguyên) và Nặc Hinh, khiến Nặc Nhuận cầu cứu bên ta (trước khi bị giết). Chúa Nguyễn theo báo cáo của Mạc Thiên Tử ở Hà Tiên bèn sai Nguyễn Phúc Du đem quân đánh giúp, lập lại trật tự và đưa con Nặc Nhuận là Nặc Tôn lên ngôi. Nặc Tôn cắt đất Tầm Phong Long tạ ơn chúa Nguyễn. Đất này gồm các miền từ Châu Đốc đến Long Xuyên, Ba Thắc... Chúa Nguyễn cũng ra lệnh cho Nguyễn Phúc Du, và Nguyễn Cư Trinh chia đất ra làm nhiều đạo như Đông Khẩu Đạo ở Sa Đéc, Tân Châu Đạo ở Tiền Giang và Châu Đốc Đạo ở Hậu Giang. Đất Ba Thắc đổi thành phủ Ba Xuyên thuộc tỉnh An Giang. An Giang (gồm cả Vĩnh Long) là trấn Vĩnh Thanh, một trong năm trấn của Gia Định thành vào thời Gia Long và một trong sáu tỉnh thời Minh Mạng.

Thời Pháp đặt tên đất nầy và một phần của tỉnh Bạc Liêu là Sóc Trăng. Tháng 8-1867, dân chúng ở Sóc Trăng theo ông Chưởng đánh Pháp. Dùng súng đạn ít, dân ta dùng dao mác, lập căn cứ trong vùng đánh trường kỳ.

Phong cảnh, di tích

Cồn Mỹ Phước : Nằm giữa sông Hậu, đi canô từ thị xã mất nữa giờ, cồn Mỹ Phước còn được gọi là cồn Công Điền hay cồn Bùn, quanh năm đầy cây trái của vùng nhiệt đới. Cồn với không gian bao la rộng mát, với sông nước hữu tình thơ mộng, là một điểm du lịch hấp dẫn của tỉnh Sóc Trăng.

Hồ Nước Ngọt : Nằm trên đường vào thị xã, với diện tích 4 ha, gồm hai hồ lớn nhỏ, phong cảnh thanh lịch mát mẻvới hàng dương liễu rủ xuống mặt hồ. Đây là một nơi đi dạo thú vị cho du khách.

Vườn Cò Thanh Trì : Thuộc xã Tân Long, huyện Thạnh Trị, cách thị xã 40 km. Đã từ lâu rồi nơi đây hình thành một sân chim với hàng vạn cánh cò trắng sống chen chúc giữa những ao đầm tự nhiên. Vườn cò Thanh Trì là một điểm du lịch xanh và quan sát chim lý thú.

Chùa Khmer Ở Sóc Trăng : Sóc Trăng là tỉnh có đông người Khmer sinh sống. Người Khmer theo đạo Phật tiểu thừa. Chùa Khmer có kiến trúc độc đáo, trang trọng và uy nghi. Ngôi chùa là trung tâm văn hóa, nơi tổ chức các lễ hội lớn hàng năm, là nơi học kinh, học chữ, học đạo lý làm người, là nơi lưu giữ các kinh điển,

đạo Phật và cũng là nơi sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật giải trí vui chơi của tăng ni, tín đồ phật tử. Mỗi ngôi chùa mang một dáng vẻ riêng khác nhau, trong đó chùa Kh'leng là di tích văn hóa dân tộc. Chùa Pê-ang-Sòm-Ralt vẫn duy trì trường phái Pali của các sư sãi từ năm 1937 đến nay.

Chùa Kh'leang : Là một trong những ngôi chùa cổ nhất ở Sóc Trăng có kiến trúc giống như các chùa ở Căm pu chia. Chùa tọa lạc ở 71 đường mậu thân, khóm 5, phường 6, thị xã Sóc Trăng. Chùa xây dựng từ năm 1533 lúc đầu còn làm bằng gỗ, lợp lá, sau mới được xây cất lại bằng gạch ngói. Kiến trúc hiện nay là do lần trùng tu cách đây hơn 80 năm.

Chùa có cổng ra vào xây cất công phu. Chùa bao gồm : ngôi chính điện (ngôi Sala), là một dãy nhà sàn cách mặt đất 1 m bằng gỗ (nhà hội của sư sãi và tín đồ Phật tử), dùng làm nơi tổ chức những sinh hoạt theo nghi lễ cổ truyền; nhà ở của sư trụ trì, nhà ở của các sư sãi. Ngoài ra còn có tháp đựng tro cốt người chết, lò thiêu xác người chết, nhà khách, trường học Pô thi dạy bằng tiếng Khmer. Trong đó nổi bật hơn cả là ngôi chánh điện nằm biệt lập ở bên trái con đường dẫn vào chùa, có kiến trúc khá phức tạp và độc đáo. Bờ mái gồm ba cấp, mỗi cấp chia ba nếp. Nếp giữa lớn hơn nếp phụ ở hai bên và không có tháp nóc. Chính điện được xây dựng vào năm 1918, dựng bằng 6 hàng cột gồm 60 cây cột trụ. Chùa Kh'leng tọa lạc trong một khuôn viên rộng 3825m², có hàng rào bao quanh.

Hiện nay tại chùa Kh'leng còn lưu giữ một bản sao tài liệu ghi chép từ thư tịch cổ, trong đó có nói đến nguồn gốc địa danh Sóc Trăng, lịch sử xây dựng chùa đầu tiên. Vào đầu thế kỷ 16, viên quan cai quản vùng Sóc Trăng tên là Tác đã cho xây dựng một nhà kho để tích trữ sản vật do nhân dân quyên góp. Từ đó ông đặt tên cho vùng đất mình cai quản là Srosk Khleng. Khi người Kinh đến gọi là sóc khalang, rồi sau là Sóc Trăng. Sau đó vào năm 1532, ông Tác vâng lệnh vua Ang Chan (Chân Lạp) cho xây dựng một ngôi chùa và lấy địa danh đặt tên cho chùa là chùa Kh'leng. Chùa theo đạo Phật phái Tiểu thừa, thờ Phật Thích Ca, không có nữ tu.

Hàng năm, chùa Kh'leng còn là nơi diễn ra những nghi lễ quan trọng nhất trong những ngày lễ truyền thốngcủa dân tộc Kh'leng như: lễ vào năm mới (Chol

Chnam Thmay) còn gọi là lễ chịu tuổi; lễ cúng ông bà (lễ Dôn Ta); lễ cúng trăng vào ngày 15-10 âm lịch và tổ chức đua ghe. Ngoài các lễ hội truyền thống trên, chùa còn tổ chức các lễ hội Phật giáo. Người Khmer thường lui tới chùa để cầu nguyện.

Chùa Dơi (Chùa Mã Tộc, Chùa Ma-ha-tuc) : Cách thị xã Sóc Trăng chưa đầy 2 km có một ngôi chùa được nhiều khách thập phương trong nước và nước ngoài tìm đến. Chùa Dơi còn gọi là chùa Mã Tộc hay là chùa Ma-ha-tuc, cách nói nào cũng đúng cả. Còn với nhà sư Kim Rông, pháp hiệu Rat-ta-na xô-oa-nac trụ trì chùa đã lâu thì cho biết : khách thập phương tìm đến chùa, trước là lên điện Phật thắp hương, tham quan những bảo vật quý thờ trong chùa như: hàng ngàn tượng Phật và tượng tứ linh: long, lân, quy, phượng... đều nặn từ đất sét, sau đó khách xin ra vườn chùa để được chiêm ngưỡng đàn dơi... Chùa Mã Tộc xây dựng cách đây gần 400 năm, nơi đây tụ tập loài dơi, quạ khoảng trên dưới 1 triệu con. Chúng treo mình trên những cành cây trong khuôn viên chùa suốt ngày, từ 6 giờ sáng đến 6 giờ 30 chiều dơi bay đi kiếm ăn để 5 giờ sáng hôm sau lại quay về. Dơi không bao giờ ăn các trái cây ở chùa. Chùa Mã Tộc đơn sơ với thiên nhiên xanh và đàn dơi, quạ đông đến kỳ lạ làm cho du khách giật mình thích thú.

Chùa Đất Sét : Nằm trên phố Mậu Thân, thị xã Sóc Trăng. Chùa đất sét là ngôi chùa của người Hoa rất độc đáo vì được xây dựng từ đất sét. Thậm chí tượng trong chùa cũng được nặn từ đất sét. Đây là ngôi chùa linh thiêng đối với dân địa phương. Khác hẳn với các ngôi chùa của người Việt và Khmer tại Sóc Trăng, chùa còn có tên khác là " Bửu Sơn Tự" có nghĩa là đền thờ núi trước. Chùa được lập cách đây hơn 200 năm do gia đình họ Ngô người Hoa đứng ra xây cất.

Nhà Bảo Tàng Văn Hóa Khmer : Đối diện với chùa Kh'leng tại thị xã Sóc Trăng, nhà bảo tàng được kiến trúc theo kiểu chùa của người Khmer, trong đó có khá nhiều hiện vật về đời sống văn hóa tinh thần, vật chất và sự phát triển kinh tế xã hội của dân tộc Khmer tại Sóc Trăng. Đây cũng là điểm du lịch của du khách gần xa.

Các dịp lễ hội

Ở Sóc Trăng người Việt (Kinh) chiếm 65% dân số của tỉnh, còn lại là người

Khmer 28%, và khoảng 7% người Hoa, nên nét sinh hoạt văn hóa ở đây mang đậm màu sắc của ba dân tộc. Toàn tỉnh có 89 chùa Khmer, 47 chùa Hoa trong đó có những chùa nổi tiếng như chùa Mã Tộc (chùa Dơi), chùa Chruitim Chas, nhà bảo tàng, trung tâm nghiên cứu văn hóa Khmer, chùa Đất Sét, chùa Chén Kiểu... Ngoài những nét đặc thù chung của đồng bằng sông Cửu Long, Sóc Trăng còn được mệnh danh là sứ sở của lễ hội Nam bộ, hàng năm thu hút đông đảo khách thập phương về đây dự lễ và thưởng ngoạn.

Lễ Ok Om Bok Và Hội Đua Ghe Ngo : Là lễ cúng trăng của đồng bào Khmer Nam bộ, được tổ chức vào ngày 15-10 (theo âm lịch), để tạ ơn thần mặt trăng đã cho mùa màng tươi tốt, sông ngòi nhiều tôm cá, người người ấm no hạnh phúc. Theo tín ngưỡng dân tộc Khmer, mặt trăng được coi như một vị thần điều động mùa màng trong năm.

Tối hôm rằm khi mặt trăng vừa ló dạng, người ta bày mâm cỗ trước sân chùa hoặc sân nhà gồm đĩa cốm dẹp, chuối chín, dừa tươi gọt vỏ, khoai mì... Các gia đình làm lễ cúng và thả những chiếc đèn giấy bay lên trời, những chiếc bè chuối có gắn đèn và bày lễ vật trôi trên kênh, rạch, sông.

Sôi nổi nhất là trong dịp lễ cúng trăng đồng bào Khmer tổ chức cuộc đua ghe ngo rất vui tươi hào hứng. Ghe ngo tiếng Khmer là "Tuk ngo", một loại thuyền độc mộc lớn khoét từ thân cây gỗ tốt, hình thon, dài, mũi và lái đều được trang trí màu sắc sặc sỡ do các trai tráng từ các phum, sóc tham gia đua tài. Khi bơi đòi hỏi nghệ thuật điêu luyện, nếu không rất dễ bị lật thuyền. Là lễ hội tưng bừng náo nhiệt nhất, được chuẩn bị khá công phu, một hoạt động văn hóa thể thao thu hút hàng vạn người tham gia. Đồng thời còn là hội nước phổ biến của cư dân Đông Nam Á, cho nên nó còn được tổ chức tại các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, nơi có đồng bào Khmer sinh sống.

Hội Tế Thần Linh : Là lễ hội của đồng bào Khmer Nam bộ. Hội tế thần linh được tổ chức vào ngày 1-8 âm lịch hàng năm và kéo dài 15 ngày. Trong thời ấy, gia đình người Khmer nhờ sư sãi tụng kinh, cầu siêu cho người thân đã mất được yên ổn. Lễ tế thần linh được tổ chức theo sự tích xưa : ông vua Pimpisar, vào một đêm khuya, chợt nghe tiếng kêu đòi ăn uống ở hoàng cung, bèn hỏi tiên tu thì được

biết đó là lũ ma đói đòi ăn uống và muốn yên phải cúng lễ. Từ đó người Khmer mở hội tế thần linh hàng năm để người mất không bị bỏ đói.

Sơn La

Diện tích : 14.210 km².

Dân số : 922.200 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Sơn La.

Các huyện : Quỳnh Nhai, Mường La, Thuận Châu, Phù Yên, Bắc Sơn, Mai Sơn, Sông Mã, Yên Châu, Mộc Châu.

Dân Tộc : Dao, Xinh Mun, Khơ Mú, Kháng, La Ha, Thái, Việt (Kinh), Mường...

Địa thế Sơn La thật hiểm trở, con đường duy nhất vào Sơn La là thung lũng sông Đà (Hắc Giang), hai bên là đồi cao rừng rậm. Phía Đông Bắc là dãy núi Hoàng Liên Sơn chia ranh giới với tỉnh Yên Bái, với nhiều ngọn cao từ 2000 m đến 3000 m; phía Tây - Nam có nhiều núi rừng trùng điệp chạy dọc theo biên giới Việt - Lào.

Sông Đà chảy qua toàn tỉnh theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, dài 200 km, tháng tám và tháng chín Âm lịch là mùa nước lũ rất khó giao thông. Sông Mã dài 86 km cũng chảy qua tỉnh. Sơn La có rất nhiều suối như Nậm Ban, Nậm Lẹ, Nậm Muội, Nậm Sậm, Nậm Tân, Nậm Nu, Nậm Chiên, Nậm Ty...

Khí hậu Sơn La chỉ tương đối dễ chịu ở vùng cao nguyên 1000 m, phần còn lại rất khắc nghiệt, nhất là các vùng Vạn Yên, Vạn Bú và Bà Tú, dọc theo sông Đà, nước rất độc vì chưa được khai thác. Về giao thông, quốc lộ số 6 là lộ duy nhất nối Sơn La với các tỉnh lân cận.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào Sơn La phần đông thuộc sắc dân Thái đen, ở phía Nam gần Thanh Hóa có người Thái đỏ. Rải rác trong tỉnh còn có các sắc tộc Mèo, Mường, Xá, Mán, Khơ Mú, Tày... Dân cư thờ cúng Tổ tiên, Thần linh, có truyền thống quyến luyến gia đình, đất đai và thường tổ chức Tết rất lớn với nhiều tiết lễ.

Nông sản chính của Sơn La là ngô và lúa gạo. Cây kỹ nghệ có bông vải, dâu chăn tằm và trà. Hai huyện Mai Sơn và Yên Châu trồng khá nhiều cây ăn trái như dứa, xoài, chuối... Rừng Sơn La rất rộng và có nhiều cây dầu, cây dược liệu, lát hoa, cánh kiến, thông, sến, song, mây, trúc, tre; và cũng nhiều dã thú như voi, hổ, gấu, sơn dương, nai, báo và gà rừng. Đặc biệt, rừng ở đây rất nhiều Đào, đến mùa nở

hoa rất đẹp, nên Sơn La còn có tên là xứ hoa Đào. Ngành chăn nuôi phát triển mạnh vì có nhiều đồng cỏ rộng bao la.

Sơn La có nhiều khoáng sản như : vàng, đồng, kẽm, chì, than, sa-phia. Nhưng, địa thế hiểm trở và giao thông khó khăn chưa giúp cho kỹ nghệ và thương mại Sơn La phát triển nhiều.

Lược sử

Đất Sơn La xưa thuộc bộ Tân Hưng, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đời nhà Lý, đất này thuộc châu Lâm Tây. Trước thế kỷ 15, các Tộc trưởng người Thái (đen) điều hành các Mường trong toàn khu vực Sơn La và thường phải đối đầu với những quấy phá từ phía Ai Lao. Đến năm 1440, sau khi đại thắng quân Mông Cổ, triều đình nhà Trần ta mới cử quan tướng lên ổn định an ninh tại vùng này và tổ chức lại nền hành chính chính trị. Sau đó, đất Sơn La thuộc hai lộ Đà Giang và Quy Hóa. Thời nhà Lê đặt 16 châu Thái thuộc đạo Hưng Hóa, rồi thuộc xứ Hưng Hóa. Nhà Nguyễn đặt 10 châu thuộc tỉnh Hưng Hóa. Sơn La trở thành tỉnh từ năm 1908.

Khi quân Pháp đem quân đánh chiếm miền Bắc, đồng bào Sơn La đã cùng với quân dân các tỉnh Lai Châu, Yên Bái, Lào Cai chống lại chúng. Sau năm 1885, những căn cứ kháng chiến thường xuyên thành lập khắp các vùng rừng núi hiểm trở đã làm cho quân Pháp khốn đốn và thiệt hại rất nhiều từ binh lính đến sĩ quan cao cấp. Quân Pháp lập Xứ Thái Tự Trị gồm diện tích ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Nghĩa Lộ, vì sắc tộc Thái chiếm đa số trong cả ba vùng này, nhưng chúng chỉ kiểm soát được phần nào mà thôi. Từ năm 1918 đến 1922, Giàng Pà Chay, một lãnh tụ người Mèo, đã cùng các sắc tộc khởi nghĩa, tiến đánh quân quân Pháp khắp vùng Tây Bắc.

Phong cảnh, di tích

Thị xã Sơn La : Đây là một thị xã cao nguyên ở độ cao trên 600 m so với mặt biển, có sông Nậm Na chảy qua thị xã. Địa thế Sơn La hiểm trở, giao thông khó khăn, có nhiều đoạn đường phải dùng thuyền độc mộc, nhưng cảnh trí Sơn La rất đẹp, nhất là dọc theo bờ sông Đà.

Cao nguyên Mộc Châu : Mộc Châu là một cao nguyên ở độ cao 1000 m so với

mực nước biển, cách Hà Nội 199 km theo quốc lộ 6. Đây là một cao nguyên lớn dài khoảng 80 km, rộng độ 25 km, có tới hơn 14.000 ha đồng cỏ để chăn nuôi đại gia súc, trồng chè và các cây công nghiệp khác. Hiện nay cao nguyên Mộc Châu đang thu hút du khách đến nghỉ dưỡng, với nhiệt độ mùa hè 20°C, không khí thoáng mát trong lành.

Hang Thẩm Tét Toòng : Cách trung tâm thị xã Sơn La khoảng 2 km thuộc xã Chiềng An, thị xã Sơn La. Đây là một hang động núi đá dài trên 150 m, được phân ra nhiều khúc, đoạn. Phía trên hang là những dãy núi trùng điệp trải dài có những rừng cây xanh ngát. Lòng hang là dòng nước trong xanh ngày ngày tuôn trào đổ thác trắng xóa, những hàng cột đá chen chúc nhau, nép mình dọc hai bên vách thẳng đứng như những thân cây trúc. Vào mỗi buổi sáng, khi có ánh nắng ban mai, từ cửa hang nhìn vào là cả thế giới huyền ảo những màu sắc lấp lánh của thạch nhũ nhấp nhô muôn màu, muôn vẻ.

Hang Thẩm Ké : Một hang động đẹp thuộc xã Chiềng An, thị xã Sơn La. Trong hang có tấm văn bia của vua Lê Thái Tông được khắc trên vách đá năm 1440. Tương truyền vào mùa xuân năm 1440, trên đường tây tiến thấy cảnh quan thiên nhiên nơi đây hùng vĩ, nhà vua khắc họa bài thơ "Quế Lâm động chủ ngự chế".

Suối nước nóng Bản Mòng : Thuộc xã Hua La, thị xã Sơn La, nước khoáng nơi đây có nhiệt độ từ 35 - 40°C. Rất thích hợp cho việc dưỡng bệnh.

Huyện Yên Châu : Nằm trên quốc lộ 6, huyện Yên Châu cách Hà Nội 260 km, cách thị xã Sơn La khoảng 60 km là nơi có nhiều loại cây ăn trái như chuối, xoài, nhãn... Xoài Yên Châu rất nổi tiếng, khách nước ngoài thưởng thức đều trầm trồ khen ngợi. Xoài Yên Châu quả nhỏ, vỏ xanh không giống như xoài ở nam bộ nhưng vị ngọt của nó thật đậm đà, thơm nức khó quên. Mùa xoài vào khoảng tháng 5, 6. Khách đến Sơn La không thể không dừng chân ở Yên Châu để thưởng thức loại xoài đặc biệt này.

Bản Hìn : Một bản dân tộc Thái có truyền thống văn hóa rất đặc sắc : uống rượu cần, múa xòe... Bản Hìn thuộc xã Chiềng An, cách thị xã Sơn La khoảng 3 km.

Chùa Chiền Viện : Chùa tọa lạc tại xã Mộc Thượng, huyện Mộc Châu. Chùa có một pho tượng lớn, 8 pho tượng vừa, 56 pho tượng nhỏ đều được đúc bằng đồng.

Ngoài ra, chùa còn có 2 pho tượng bằng thiếc, một pho tượng nhỏ bằng ngà voi. Di tích ở Sơn La có dinh Quản đạo ở Mai Sơn, tháp Mường Ban trên sông Mã.

Nhà tù và Bảo tàng Sơn La : Nhà tù Sơn La do người Pháp xây dựng năm 1908 và được mở rộng vào những năm 1930 - 1940. Lúc đầu chỉ là một nhà tù nhỏ hàng tỉnh. Từ năm 1930 - 1945 trở thành nơi giam cầm hàng ngàn người Việt Nam yêu nước.

Các dịp lễ hội

Tỉnh Sơn La có 12 dân tộc cư trú Mỗi dân tộc đều có những nét riêng trong đời sống, văn hóa đời sống Dân tộc Thái có tiếng nói, chữ viết riêng với hơn 500 bản sách chữ Thái cổ, có những bản trường ca nổi tiếng như Xống Trụ Xôn Xao (tiễn dặn người yêu), có nghề dệt thổ cẩm với trên 30 loại hoa văn độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc. Dân tộc H' Mông có tiếng hát làm đầu và nghề rèn đúc khoan nòng súng kíp. Dân tộc Khơ Mú có điệu múa Tăng bu, hun mạng và tài đan mây tre. Dân tộc Xinh Mun có Tết Hoa Ban... Tất cả dệt nên một bức tranh văn hóa đậm đà tính dân tộc.

Lễ hội Hoa Ban : Đây là lễ hội của dân tộc Thái còn có tên gọi khác là hội Xên bản, Xên mường, được tổ chức hàng năm vào tháng 2 âm lịch khi hoa ban bắt đầu nở trắng núi rừng ở vùng tây bắc. Lễ hội mang tính chất cầu mùa, cầu phúc. Họ gửi gắm vào đó những ước vọng lớn lao về cuộc sống bình yên, no ấm nơi bản mường, đồng thời là dịp thi tài vui chơi, hát giao duyên đêm trăng. Ở Sơn La vào ngày hội Hoa Ban, nam nữ thanh niên rủ nhau đi hái hoa mừng xuân, vui chơi, ca hát, đánh đàn tính, thổi khèn, múa xòe, trao và đón nhận tình yêu.

Trò tung còn tìm bạn, tìm duyên (dân tộc Tày) : Trò tung còn là một trò chơi thường được tổ chức trong lễ hội mùa xuân đây không chỉ là một trò giải trí mà là một hình thức giao duyên mang màu sắc nghi lễ, tín ngưỡng cộng đồng được tổ chức hàng năm sau ngày mùng 3 Tết Nguyên Đán để cầu chúc một năm mới no đủ, trai gái thành đôi. Bãi chơi là một khu đất phẳng ở gần bản. Quả còn được khâu bằng nhiều múi vải màu sắc rực rỡ, bên trong nhồi thóc và hạt bông. Ở giữa bãi đất có một cây tre trên treo một vòng tròn bằng tre dán giấy hồng. Theo lệ mỗi nhà đều có một mâm cơm đem ra bản để cúng trời đất, trên mâm còn có hai

quả còn. Sau phần lễ nghi là bắt đầu trò chơi. Mọi nhà đều tung còn lên. Lúc này trông những quả còn bay lên như cánh én mùa xuân. Tung còn đã trở thành đặc trưng văn hóa truyền thống của người Tày cũng như của nhiều dân tộc ở Việt Nam.

Hội Pang - Cẩu Nó (dân tộc Khơ Mú, Xinh Mun) : Hội mở hàng năm vào khoảng tháng 3, tháng 4 âm lịch Đây là hội uống rượu cần, có hát xướng và các trò vui.

Tết Cơm mới (dân tộc Khơ mú, Sơn La) : Tết được tổ chức sau vụ gặt tháng 10 âm lịch. Đây là dịp vui của cả bản sau một thời gian lao động mệt nhọc. Tết cơm mới thể hiện sắc thái văn hóa dân tộc đậm nét. Ngoài ra họ còn có nhiều nghi lễ liên quan tới nông nghiệp.

Tây Ninh

Diện tích : 4429 km².

Dân số : 989.800 người (2001).

Tỉnh lỵ : thị xã Tây Ninh.

Các huyện : Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu, Châu Thành, Hòa Thành, Bến Cầu, Gò Dầu, Trảng Bàng.

Dân tộc : Việt (Kinh), Chăm và Khmer.

Tây Ninh là tỉnh biên giới của miền đông Nam Bộ, phía bắc giáp 3 tỉnh của Campuchia với đường biên giới dài 240 km, phía đông là tỉnh Bình Dương và Bình Phước, phía nam giáp thành phố Sài Gòn và Long An. Tỉnh có hai cửa khẩu quốc gia là Mộc Bài và Sa Mát.

Phía bắc tỉnh, từ thị xã Tây Ninh trở lên nhiều rừng núi, trong đó núi Bà Đen cao 986 m. Phía nam, đất khá bằng phẳng, gần như đồng bằng, có hai con sông lớn chảy qua là sông Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn. Sông Sài Gòn được chặn lại tạo nên hồ Dầu Tiếng công trình thủy lợi lớn nhất nước, tưới tiêu cho 17.500 ha đất nông nghiệp.

Tây Ninh là nơi tiếp giáp vùng núi cao nguyên Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long thuộc miền đất cao của Nam Bộ. Phần lớn là đất đỏ và đất xám, rất tốt cho việc trồng trọt, nhất là trồng rừng và cây công nghiệp.

Tây Ninh có khí hậu nóng ấm, ôn hòa quanh năm, nhiệt độ trung bình 26°C đến 27°C, lượng mưa trung bình cả năm từ 1400 đến 2000 mm. Có hai mùa rõ rệt : mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10.

Thị xã Tây Ninh cách thành phố Sài Gòn 99 km. Quốc lộ 22A từ thành phố qua Trảng Bàng, Gò Dầu tới cửa khẩu Mộc Bài. Quốc lộ 22B từ Gò Dầu qua thị xã Tây Ninh đi cửa khẩu Sa Mát.

Tây Ninh giữ vị trí nối giữa Sài Gòn và thủ đô Phnôm Pêng (Campuchia), Tây Ninh là địa bàn chiến lược về kinh tế và quốc phòng. Ngày xưa đây là đất Phù Nam. Sau đó thuộc phủ Gia Định (thời nhà Nguyễn). Năm 1936 đặc phủ Tây Ninh gồm có hai huyện Tân Ninh và Quang Hóa, sau đổi thành tỉnh Tây Ninh.

Sinh hoạt, kinh tế

Người Kinh sống phần đông trong tỉnh, còn lại là đồng bào Khmer và Chàm. Đa số theo đạo Cao Đài, rồi đến đạo Phật, Hòa Hảo. Đạo Cao Đài còn gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là một tôn giáo lớn, ra đời vào năm 1926. Triết lý của đạo Cao Đài là lấy "Tam giáo quy nguyên" (ba tôn giáo lớn của Á Đông là Khổng, Lão, Phật trở về một nguồn gốc) và "Ngủ chi phục nhất" (Nhân đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo trở về một cột).

Đạo thờ đấng chí tôn là Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn (tức Trời) lấy "Con Mắt" tiêu biểu sự sáng suốt của đấng chí tôn, Cao Đài chia làm nhiều phái được thành lập ở nhiều nơi. Hai phái lớn nhất ở Tây Ninh và Kiến Hòa (Bến Tre).

Đất Tây Ninh bằng phẳng nên rất tiện lợi cho việc trồng trọt. Ngoài lúa là căn bản, dân chúng trồng nhiều loại rau và các cây : thuốc lá, mía, đậu phộng và các loại trái cây.

Rừng núi Tây Ninh chiếm một phần ba diện tích và đem nhiều lợi tức về lâm sản cho tỉnh. Các loại gỗ quý như cẩm lai, trắc, sến, căm xe, mây, tre và một số cây làm thuốc. Mây có các loại mây nước, mây tàu, mây rắc, mây rút. Cây le (tre rừng nhỏ cây) dùng chế biến giấy. Lâm sản khác là mủ cây dầu trong dùng để trét ghe. Rừng cũng có nhiều thú như hổ, voi, hươu, nai, nhím... Tây Ninh cũng là nơi có nhiều đồn điền cao su. Khoáng sản của Tây Ninh không nhiều, chỉ có đá ở trên núi Bà Đen, đá nung vôi, cát vùng Tống Lê Chân là những vật liệu dùng làm việc làm đường xá...

Lược sử

Tây Ninh xưa thuộc đất Phù Nam, sau bị Chân Lạp thôn tính chia làm hai thành Thủy và Lục Chân Lạp. Tây Ninh nằm trong đất Thủy Chân Lạp, có những bộ lạc Chàm, Khmer sống rải rác. Đầu thế kỷ thứ 18, chúa Nguyễn sau khi chiến thắng Chiêm Thành lập các phiên trấn và đặt phủ Gia Định.

Năm 1802, phủ Gia Định cải làm trấn Gia Định. Đời Minh Mạng đặt sáu tỉnh Nam kỳ là Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Lúc bấy giờ đất Tây Ninh thuộc tỉnh Gia Định còn có tên "nơi giữ voi" (Romdumray). Thời Pháp thuộc, tỉnh Gia Định trở thành một tỉnh trong 20 tỉnh Nam phần. Năm

1936, quân Pháp đặt tỉnh Tây Ninh và Quy Hóa, sau đó phủ được đổi thành tỉnh.

Khi anh hùng Trương Công Định hy sinh vào năm 1864, con ông là Trương Quyền lên thay và tiếp tục kháng chiến đánh quân Pháp. Ông được đồng bào Thượng Striêng và M' Nông hết lòng ủng hộ. Ông mang quân sang Tây Ninh liên kết với Pu Cambo, một nhà cách mạng người Miên rồi cùng với đồng bào gốc Khmer, Thượng và Chàm tiến đánh các đồn bót và cơ quan hành chánh tỉnh Tây Ninh. Ngày 07-06-1866 nghĩa quân tấn công giết tên đầu tỉnh là thanh tra Larciaue và phục kích giết một tên đại tá.

Năm 1869, đồng bào Striêng lập căn cư ở phía bắc tỉnh Tây Ninh. Nghĩa quân thường xuyên chặn đánh những đoàn trâu bò từ Campuchia gửi qua tiếp tế cho quân Pháp. Pháp tăng cường quân cùng với sự trở lực của tên Huỳnh Công Tấn đi tàn sát các buôn làng. Căn cứ kháng chiến của đồng bào Striêng rút về hợp với đoàn quân của Trương Quyền và Pu Cambo. Về sau, Trương Quyền bị thất bại và hy sinh.

Phong cảnh, di tích

Núi Bà Đen : Nằm cách thị xã Tây Ninh 11 km vềphía tây bắc, với độ cao 986 m, nhìn xa núi Bà Đen như một chiếc nón úp trên đồng bằng. Trải qua nhiều thế kỷ, núi Bà Đen là nơi thờ cúng của nhân dân trong vùng, trên núi có chùa Vân Sơn trông xuống hồ nước. Đường lên đỉnh núi quanh co có nhiều cảnh trí do thiên nhiên tạo ra. Lên cao, về phía đông là ngọn núi Cậu, phía tây bắc là núi Heo và núi Phụng. Trong núi có rất nhiều hang động đẹp. Nhiệt độ ở đây thường thấp hơn nhiệt độ ở Tây Ninh và ở các nơi khác trong vùng.

Hồ Dầu Tiếng : Cách thị xã Tây Ninh 20 km là điểm du lịch nằm trong tuyến liên hoàn giữa thị xã Tây Ninh, Tòa Thánh tây Ninh, núi Bà Đen. Hồ có diện tích 27.000 ha, có sức chứa 1,5 tỷ m3 nước tưới cho đồng ruộng tỉnh và các tỉnh lân cận. Hồ Dầu Tiếng với khoảng không gian rộng lớn, sơn thủy hòa nguyện, ốc đảo tự nhiên lạ mắt, không khí trong lành, thoáng mát sẽ tạo cho du khách cảm giác thoải mái trong một chuyến du lịch. Đến nơi đây quí khách còn được thưởng thức các món ăn thủy sản của địa phương.

Tòa Thánh Cao Đài : Nằm cách thị xã Tây Ninh về hướng đông 4 km, tòa thánh

Cao Đài là một công trình kiến trúc nghệ thuật nổi tiếng, được bắt đầu đặt nền móng xây dựng vào khoảng năm 1926. Tòa thánh tọa lạc trong một khuôn viên rộng 1 km². Nổi bật trong quần thể kiến trúc là đền Thánh, với đặc trưng tiêu biểu cho kiến trúc đền, chùa của tôn giáo Cao Đài. Công trình thể hiện sự hài hòa giữa mỹ thuật kiến trúc Á Đông và Phương Tây. Với các vòm mái và hoa văn trang trí khéo léo, tinh xảo, thể hiện tinh thần tam giáo.

Tại đây còn có một số kiến trúc đẹp và kỳ vĩ khác nằm trong quần thể như cổng Chánh Môn, các Tháp Mộ, đền thờ Phật Mẫu. Đặt biệt là bá huê viên với nhiều cây cảnh, nhiều loại hoa và cỏ lạ. Lễ hội lớn nhất hàng năm diễn ra nơi đây là vía Đức Chí Tôn (ngày 09 tháng 1 âm lịch) và vía Đức Diêu Trì Kim Mẫu (rằm tháng 8 âm lịch). Lễ hội đậm đà bản sắc dân tộc và cuốn hút hàng vạn người từ mọi miền đất nước về dự và chiêm bái thưởng ngoạn cảnh quan. Du khách có dịp đi chợ Long Hoa, một chợ lớn nhất Tây Ninh, có bán các thực phẩm chay phong phú, đa dạng và bạn sẽ được thưởng thức những món ăn "chay giả mặn" thật độc đáo, khéo léo và ngon miệng.

Chùa Phước Lưu : Tọa lạc tại 259 quốc lộ 22, thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng. Trước kia chùa chỉ là am nhỏ, đến năm 1900 mới hình thành chùa Bà Đồng. Phật tử thuộc phái Liễu Quán đã đóng góp xây lại ngôi chùa và đặt tên là chùa Phước Lưu. Trong chùa có tượng Hộ Pháp, tượng thập điện Minh Vương. Chùa đã được trùng tu và sửa chữa nhiều lần.

Tháp Cổ Bình Thạnh : Đây là một tháp Chàm được xây dựng 1000 năm trước đây ở xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng. Tháp cổ Bình Thạnh được xem là di tích thuộc nền văn hóa Óc Eo.

Các dịp lễ hội

Hội Xuân Núi Bà : Kéo dài từ ngày 15 đến ngày 18 tháng 1 âm lịch. Đây là hội đông vui nhất (sau Tết nguyên đán) thời tiết khô ráo, cảnh vật trên núi rất đẹp. Nhiều khách hành hương về lễ hội vì nhu cầu tín ngưỡng, nhưng số người đi tham quan, du lịch, vui chơi chiếm một tỉ lệ không nhỏ. Trong những ngày này, trên đoạn đường trên từ thị xã Tây Ninh đến chân núi Bà người và xe cộ đi lại tấp nập.

Hội Vía Bà : Tổ chức vào ngày 5 và 6 tháng 5 âm lịch, ngày 5 là chính hội. Vào

lúc không giờ đêm 4 rạng ngày 5, lễ tắm Bà được tổ chức trang nghiêm tại đền thờ. Lúc này cửa điện được đóng kín, không có khách bên ngoài tham dự. Điều hành lễ tắm Bà là một phụ nữ cao tuổi. Tắm xong, người ta mặc áo mới cho Bà, rồi lần lượt lạy bà. Lúc bấy giờ nhang đèn trong điện được thắp sáng lên và các điện được mở cửa đón khách vào lễ bái. Đến khoảng 6 giờ sáng thì các sư ở chùa lân cận trong bộ áo màu vàng lần lượt kéo đến làm lễ. Trong suốt ngày chính hội, từ sáng tinh mơ đến 8 giờ tối, khói hương cháy nghi ngút trên bàn thờ Linh Sơn Thánh Mẫu và Bà Chúa Xứ, bàn thờ Phật, bàn thờ hộ Pháp, bàn Giám Trai, bàn ông Tiêu.

Thái Bình

Diện tích : 1519,9 km².

Dân số : 1.814.700 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Thái Bình.

Các huyện : Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Thái Thụy, Đông Hưng, Vũ Thư, Kiến Xương, Tiền Hải.

Dân tộc : Chủ yếu là dân tộc Việt (Kinh).

Ba con sông lớn nhất chảy qua tỉnh là sông Hồng Hà, sông Luộc và sông Trà Lý. Sông Hồng Hà dùng làm ranh giới giữa tỉnh này với các tỉnh Hà Nam và Nam Định; lòng sông rộng từ 500 đến 1000 m và chảy ra cửa Ba Lạt. Dòng sông chảy rất mạnh từ sông Luộc đến sông Trà Lý. Từ ngã ba sông Trà Lý trở xuống cho đến sông Liêm Giang, dòng sông đã bớt mạnh vì nước đã được chia bớt cho hai sông Luộc và Nam Định. Phía tả ngạn sông Hồng Hà có ba chi lưu: Sông Bồng Khê, La Khê và sông Lạc Đạo ăn với sông Trà Lý. Từ sông Liêm Giang ra biển, sông Hồng Hà không còn đê, đập giữ nước và có rất nhiều con rạch ăn thông với sông. Ở quãng này, sông Hồng Hà có bốn chi lưu : Liêm Giang, Lộc Giang, sông Lan và sông Đông Giang.

Sông Luộc là ranh giới giữa tỉnh Thái Bình với các tỉnh Hưng Yên và Hải Dương, chảy ven tỉnh trên một đoạn đường dài 50 km; và có các sông nhánh : sông Tiền Hưng (có vài sông nhánh nhỏ là Trinh Xuyên, Cổ Quan, Văn Giáng, Nguyên Xá, Do Kỵ, Cổ Khúc và lạch Bình Cách), sông Đan Hội, sông Quỳnh Côi, sông Diêm Hộ, sông Hóa (có một sông nhánh phía hữu ngạn là sông Ninh Cù).

Sông Trà Lý dài 63 km, lòng sông rộng từ 100 đến 200 m, có các sông nhánh là Bồng Khê, La Khê, Lạc Đạo, Liêm Giang, Long Hậu, Ngu Dung, Thượng Hộ, và sông Lan cũng là sông quan trọng của Thái Bình, thuyền bè lưu thông rất dễ dàng.

Thái Bình chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23 - 24°C. Mùa đông thường ấm hơn so với các tỉnh nằm sâu trong đất liền. Mùa hè nóng nhưng có gió biển mát mẻ. Giao thông thuận lợi đặc biệt là giao thông đường thủy.

Sinh hoạt, kinh tế

Mật độ dân số của Thái Bình rất cao; đồng bào ta theo đạo Thiên Chúa và đạo Phật.

Thái Bình là tỉnh có thể sản xuất gạo nhiều nhất miền Bắc vì đất đai do phù sa bồi lên. Các hoa màu phụ là ngô, khoai lang, khoai tây, khoai nước, đậu, các loại rau cỏ. Loại cây kỹ nghệ có mía, đay, dong riềng, trà, dâu tằm, thuốc lào, bông. Đay trồng nhiều ở các huyện Vũ Tiên, Thư Trì, Quỳnh Côi, Phụ Dực, Hưng Nhân, Duyên Hà. Thuốc lào Thụy Anh rất nổi tiếng. Những loại trái cây ngon là cam Thuận Vi, dưa Quái, nhãn Hưng Nhân, ổi Bo.

Vì có bờ biển và nhiều sông ngòi nên nghề đánh cá phát đạt cùng các nghề làm muối và nước mắm khá phổ thông. Ngoài ra, dân chúng còn nuôi cá nước ngọt và vịt trong các đầm, hồ, ruộng nước, sông ngòi. Khoáng sản của tỉnh chỉ có đất sét lẫn cát dùng để nung gạch. Kỹ nghệ và thương mại của Thái Bình tập trung vào việc buôn bán gạo, nước mắm, cá khô, tơ lụa, chiếu, trái cây, thuốc lào. Nghề làm chiếu ở làng Luật Trung, huyện Kiến Xương, và tơ lụa ở hai làng Bộ La, huyện Vũ Tiên và làng Nguyên Xã, huyện Tiên Hưng rất nổi tiếng.

Lược sử

Đất Thái Bình xưa thuộc bộ Giao Chỉ, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đời nhà Lý đặt thành phủ Thái Bình. Dưới đời nhà Trần, phủ này chia làm hai hạt Long Hưng và An Tiêm. Khi giặc Minh xâm chiếm nước ta, chúng đổi tên hai hạt là Kiến Ninh và Trấn Man. Đời nhà Lê đổi lại thành hai phủ Kiến Xương và Thái Bình thuộc trấn Sơn Nam Hạ. Dưới triều vua Gia Long, năm 1807, tỉnh Thái Bình được thành lập và tỉnh lỵ đặt ở làng Kỳ Bá.

Trong suốt thời kỳ giặc Tàu và Pháp xâm chiếm nước ta, người dân Thái Bình đã cùng nhau tham gia các phong trào kháng chiến rất anh dũng. Thời Hán thuộc, Bát Nàn Công Chúa (làng Tiên La, huyện Duyên Hải) đã cùng chồng là Lạc Tướng Trương Quán nổi lên chống bọn Tô Định. Năm 39, Hai Bà Trưng khởi nghĩa, anh thư Bát Nàn và anh thư Cao Nhự (làng An Bồi, huyện Kiến Xương) theo Hai Bà và trở thành những nữ tướng lừng danh. Năm 1287, quân Mông Cổ sang đánh nước ta lần thứ ba, đem hơn ba vạn thủy và bộ binh. Khi nghe tin Ô Mã Nhị kéo quân về sông Bạch Đằng. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chuẩn bị

tiến binh qua sông Hóa, nhưng nước sông cạn làm voi trận bị sa lầy chết; để giữ vững tinh thần binh sĩ. Vương chỉ xuống dòng sông Hóa (một nhánh sông thuộc sông Thái Bình, giáp với tỉnh Kiến An và tỉnh Thái Bình) mà thề: "Phen này không phá được giặc, thề không trở lại khúc sông này nữa". Lời thề sông Hóa đã ghi vào lịch sử, phát huy ý chí quyết thắng của dân ta. Năm Bính Ngọ 1426, Bình Định Vương Lê Lợi tiến quân ra Đông Đô, dân chúng Thái Bình đã theo các anh hùng Lưu Nhân Chú, Bùi Bị đánh đuổi giặc Minh.

Thời Pháp thuộc, cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy lan rộng khắp nơi. Ngày 23-10-1886, nghĩa quân đánh úp đồn Quỳnh Côi. Từ 1887 đến 1889, dân quân đánh các huyện Duyên Hà, Tiên Hưng, Thụy Anh, Phụ Dực đánh ròng rã làm quân Pháp bị tiêu hao nặng nề. Ngày 12-4-1913, anh hùng Phạm Văn Tráng thuộc Việt Nam Quang Phục Hội thi hành lệnh ném bom giết chết tên Việt gian Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn ở Thái Bình. Sau năm 1928, hoạt động của Việt Nam Quốc Dân Đảng phát triển mạnh ở Thái Bình. Trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng 2-1930, toàn dân quân do ông Đào Văn Thê chỉ huy đánh chiếm huyện Phụ Dực ngày 16-2.

Trước năm 1975, tỉnh Thái Bình có các huyện Hưng Nhân, Tiên Hưng, Duyên Hà, Vũ Tiên, Kiến Xương, Quỳnh Côi, Tiền Hải, Đông Quan, Phụ Dực, Thụy Anh, Thái Ninh và Thư Trì.

Phong cảnh, di tích

Làng chạm bạc Đồng Xâm : Làng nằm ở phía Bắc của huyện Kiến Xương, thuộc xã Hồng Thái. Đây là một làng nghề chạm khắc trên mặt kim loại. Theo người làng kể lại cách đây hơn 300 năm có nghệ nhân nghề chạm bạc tên là Nguyễn Kim Lâu theo thuyền dọc sông Trà Lý về lập nghiệp ở đây. Ông đã truyền nghề chạm bạc cho dân làng. Trải qua nhiều thời kỳ đến nay nghề vẫn được duy trì và ngày càng phát triển. Sau khi ông mất, để tưởng nhớ đến công lao của ông, họ đã lập đền thờ ông ở ngay làng gọi là đền Đồng Xâm.

Bãi biển Đồng Châu : Bãi biển Đồng Châu thuộc huyện Tiền Hải, cách thị xã Thái Bình chừng 30 km đi theo quốc lộ 39B. Bãi tắm chạy dài 5 km, mang nhiều nét hoang sơ. Điều thú vị nhất là từ bãi tắm Đồng Châu, du khách có thể đi tàu xuồng gắn máy ra thăm và tắm biển ở cồn Thủ và cồn Vành cách đất liền 7 km.

Cồn Thủ và cồn Vành nổi lên như 2 ngọn sóng xanh trên cồn cát rộng khoảng 5 ha. Trên cồn có rừng thông, phi lao xanh ngát, có những bãi tắm nhỏ yên tĩnh thơ mộng. Bãi biển Đồng Châu không đẹp lắm nhưng khí hậu thật trong lành. Bãi tắm luôn luôn lộng gió rất thích hợp cho việc nghỉ ngơi, dưỡng bệnh. Đặc biệt hải sản ở đây rất ngon và rất rẻ.

Làng vườn Bách Thuận : Làng cách thị xã Thái Bình khoảng 40 km theo hướng bến phà Tân Đệ đi Nam Định thuộc huyện Vũ Thư. Đây là một làng vườn trù phú, rìa làng là bãi phù sa nơi trồng dâu nuôi tằm và chuối, mía. Trong làng là những vườn cây ăn quả, cây cảnh. Đến Bách Thuận, du khách như lạc vào một công viên thu nhỏ với đủ các gam màu đậm nhạt... Dọc hai bên đường làng là màu xanh thẫm của ngâu và màu xanh tươi của hòe. Thiên nhiên đã ưu đãi cho Bách Thuận phát triển nghề vườn truyền thống. Ở đây có đủ các loại hoa, quả bốn mùa : táo, ổi roi, mận, chanh, nhãn, vãi, hồng xiêm, cam, quít, chuối, mít... Bên cạnh những vườn cây ăn quả, cây thế. Mỗi loại cây cảnh đều mang một dáng nét riêng với những tên gọi khác nhau tùy theo sự uốn tỉa của chủ nhân.

Vào dịp nước lên, đường làng Bách Thuận ngập nước, biến thành những dòng sông nhỏ, từ nhà nọ muốn sang nhà kia đều đi bằng thuyền. Thật tuyệt vời khi du khách được ngồi trên những con thuyền nhỏ thăm vườn cảnh, với tay hái những chùm quả trĩu ngọt để thưởng thức hương vị hoa quả làng vườn.

Bách Thuận còn là một làng quê cổ, tiêu biểu cho các làng quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nơi đây có chùa Từ Vân và Bách Tính đã được nhà nước công nhận là di tích lịch sử, là một điểm du lịch để du khách tới thắp hương, vãn cảnh. Du khách trong và ngoài nước rất thích thú với quang cảnh, môi trường sinh thái ở làng vườn Bách Thuận.

Làng Nguyên Xá : Làng ở cách thị xã Thái Bình khoảng chừng 10 km, thuộc huyện Đông Hưng. Làng là căn cứ kháng chiến trong thời kỳ chống quân Pháp. Làng Nguyên Xá nổi tiếng về dệt lụa và làm bánh cáy. Đặc sản bánh cáy làng Nguyên Xá được khách trong và ngoài nước rất ưa thích.

Làng nghề làm chiếu Hới : Làng Hải Triều (làng Hới) thuộc huyện Tiền Hải, là làng nghề dệt chiếu nổi tiếng. Chiếu làng Hới nổi tiếng do sự se, mềm, dễ giặt,

mau khô, thoát nước nhanh, trải nằm mát mùa hè, đắp ấm mùa đông. Người có công trong nghề làm chiếu là ông Phạm Đôn Lễ (quan thời Tiền Lê 980 - 1009), người làng Hới đã học nghề làm chiếu ở Quảng Tây - Trung Quốc trong thời gian ông đi sứ và đã dạy cho dân làng. Các sản phẩm chiếu của làng Hới dệt ra như chiếu cải, chiếu đơn, chiếu đót, trơn, cạp điều có họa chi tiết trang trí đẹp và khách hàng ưa chuộng.

Chùa Keo (Thần Quang Tự) : Từ Hà Nội đi ô tô đến Nam Định, qua phà Tân Đệ rồi rẽ phải đi theo đê sông Hồng khoảng 10 km là đến chùa Keo. Đứng trên đê, du khách nhìn được toàn cảnh chùa nổi trên giữa đồng lúa xanh rờn thuộc xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư. Thờ Phật bên ngoài, bên trong thờ ông Khổng Minh Không, một vị quốc sư đời nhà Lý. Chùa rất lớn, đẹp nguy nga, cao ba tầng gồm 157 gian, đặc biệt dựng bằng gỗ liêm lắp mộng, không dùng đinh. Trước đây, chùa mở hội hàng năm, từ ngày 13 đến hết ngày Rằm tháng Chín. Toàn bộ khuôn viên chùa rộng 108.000 m², trong đó diện tích xây dựng 17 công trình kiến trúc chiếm tới 58.000 m². Gác chuông chùa Keo là một công trình nghệ thuật bằng gỗ độc đáo tiêu biểu cho kiến trúc cổ Việt Nam thế kỷ 17.

Đền Tiên La : Đền thờ Bát Nàn công chúa là người đã có công giúp Hai Bà Trưng đánh giặc Tô Định. Sau thắng lợi, nàng xin về tu ở chùa Tiên La và mất tại đó. Dân Tiên La đã dựng đền thờ nay thuộc xã Tiên La, huyện Hưng Hà.

Đền Lưu Phương : Đền ở xã Lưu Phương, huyện Tiền Hải, thờ Dinh Điền Sứ Nguyễn Công Trứ. Ông là người đã có công trong việc chiêu mộ dân khai khẩn đất hoang, lập ra 2 huyện Kim Sơn (Ninh Bình) và Tiền Hải (Thái Bình). Dân trong vùng đã lập đền thờ ông từ lúc ông còn sống.

Đền Hét : Đền ở làng Bích Du, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, thờ Phạm Ngũ Lão, danh tướng nhà Trần. Tương truyền khi đóng quân ở Bích Du, ông đã cho quân lính rèn luyện thể lực bằng môn đá cầu độc đáo. Hàng năm mở hội đền từ 6 - 9 tháng 3 âm lịch.

Đền Bát Nàn Phù Tướng : Thuộc làng Tiên La, huyện Duyên Hà. Bát Nàn Công Chúa theo Hai Bà Trưng khởi nghĩa và lập nhiều chiến công oanh liệt.

Đền vua nhà Trần : Ở làng Thái Đường, huyện Hưng Nhân, có đền và lăng của

các vị vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông. Hàng năm, dân cư trong làng làm lễ vào các ngày Rằm tháng Hai, 24 tháng Tư, Rằm tháng Tám và 16 tháng Chạp Âm lịch. Trong làng còn một con kinh do Thái Sư Trần Thủ Độ đào.

Huyện Phụ Dực : Nơi Hưng Đạo Vương đóng quân chuẩn bị đánh trận Bạch Đằng. Cách huyện lỵ bảy cây số là làng A Sào, bên bờ sông Hóa, nơi Vương cỡi voi bị sa lầy. Nay còn vết tích một con voi đá.

Huyện Duyên Hà : Quê Lê Quý Đôn, học giả uyên bác thời Lê Mạt. Tác phẩm của ông rất nhiều như : Toàn Việt Thi Lục, Đại Việt Thông Sử, Kiến Văn Tiểu Lục, Thánh Mô Hiền Phạm, Bắc Sứ Thông Lục, Quế Đường Thi Tập...

Huyện Kiến Xương, làng Trình Phố : Quê Bùi Viện, lương thần dưới triều Tự Đức. Ông từng dâng sớ yêu cầu vua canh tân đất nước, mở cửa giao thiệp với người ngoại quốc và là sứ thần đầu tiên sang Hoa Kỳ thương thảo với tổng thống Ulysse S.Grant. Ông cũng giúp nhiều trong việc khai thông cửa cấm thuộc tỉnh Hải Dương để thuyền buôn ngoại quốc dễ cập bến và từng tham dự nhiều trận đánh tiểu trừ giặc cướp miền Bắc và hải tặc trên biển Đông Hải.

Lăng nhà Hậu Lê : Làng Mỹ Đại, huyện Hưng Nhân.

Đền Quang Hoàng Thái Hậu : Ở làng An Lạc, huyện Thư Tri có đền thờ bà Thái Hậu về đời vua Lê Thánh Tông.

Đền Trạng Khiếu : Thuộc làng Hữu Thanh. Ông Khiếu Hữu Thanh là danh sĩ đời Lê, nhà rất nghèo nhưng tư chất thông minh, sau đỗ Trạng Nguyên và làm đến Tể Tướng.

Các dịp lễ hội

Thái Bình là một tỉnh có nền văn hóa mang những nét rất đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ, của người Việt cổ. Trong loại hình nghệ thuật ở đây, phải kể đến hai loại là chèo và múa rối nước. Có thể nói Thái Bình là cái nôi đã sản sinh ra loại hình nghệ thuật truyền thống này. Ngoài ra còn có hát văn, hát trống cơm... nhạc cụ được sử dụng chủ yếu là kèn, sáo nhị... Thái Bình là một trong những tỉnh có nhiều di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng. Nơi đây có nhiều nghề thủ công truyền thống như chạm bạc thêu ren, dệt đũi, dệt chiếu...

Thái Bình còn có bãi biển Đồng Châu, có các đảo cồn Vành, cồn Thủ và có vườn Bách Thuận bốn mùa ngát thơm hoa trái. Đó chính là tiềm năng du lịch của tỉnh. Là một địa phương giàu truyền thống văn hóa, ở Thái Bình hàng năm có rất nhiều lễ hội.

Hội chùa Keo : Chùa Keo thuộc xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư. Hàng năm, hội chùa Keo diễn ra trong ba ngày từ ngày 13 đến 15 tháng 9 âm lịch, suy tôn Đức Thiền Sư Không Lộ là người rất giỏi phật pháp, giỏi cả pháp thuật, có công chữa bệnh cho vua Ly. Lễ hội chùa Keo diễn ra rất đông vui tấp nập với nhiều nghi lễ tôn giáo và một số tập tục cổ truyền để tưởng nhớ đến vị thiền sư có công với nước. Trong lễ hội có nhiều trò vui, hình thức biểu diễn nghệ thuật dân gian đã phản ánh được lối sống của vùng dân cư ven sông, mang màu sắc văn hóa nông nghiệp của đồng bằng Bắc bộ.

Hội làng Dương Xá : Trần Nhật Hiệu là một danh tướng giỏi, có công với nhà Trần, đã được dân làng Dương Xá tôn thờ làm Thành Hoàng. Lễ hội diễn ra hằng năm vào ngày 5 và 6 tháng 1 âm lịch. Mở đầu lễ hội là các nghi lễ tế thần, lễ Phật, lễ mừng thắng trận. Phần hội có các trò vui, các điệu múa, đánh gậy, bơi trải, hát chầu văn...

Hội làng An Cố : Đình làng An Cố thuộc xã Thụy An, huyện Thái Thụy, thờ Phạm Hải hiệu là Nam Hải Đại Vương. Phạm Hải được dân làng tôn vinh là Thành Hoàng làng vì đã có công khuyến khích dân sản xuất, bảo vệ mùa màng, trừ thiên tai dịch bệnh. Lễ hội hằng năm được mở vào ngày 10 tháng 2 âm lịch. Sau phần tế lễ và rước kiệu là các trò chơi vui như đánh cờ, đấu vật và hát chèo ở sân đình. Điều đặc biệt ở lễ hội này là phần tế lễ có 24 người chầu tế, mũ dạ, đi hia, áo giáp với những nghi lễ riêng.

Hội chùa Am : Chùa Am thuộc xã Vũ Tây, Kiến Xương, thờ ông Khổng Minh Không là quốc sư triều Lý. Lễ hội có thủ tục bơi trải gắn với sự tích Minh Không.

Hội đền Hét : Đền Hét thuộc làng Bích Du, Thái Thụy, thờ tướng công Phạm Ngũ Lão. Tương truyền khi đóng quân tại đây, Phạm Ngũ Lão đã cho quân sĩ luyện tập sức khỏe bằng cách đá cầu. Lễ hội hằng năm tổ chức từ ngày 6 đến 9 tháng ba âm lịch.

Hội đền Đồng Xâm : Đền Đồng Xâm ở xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương thờ Nguyễn Kim Lâu, tổ sư nghề chạm bạc Đồng Xâm. Hàng năm lễ hội được mở vào ngày 1, 2, 3 tháng tư âm lịch. Lễ hội lớn có trưng bày hàng hóa với những kỷ thuật chạm bạc rất tinh tế. Lễ hội có tổ chức bơi trải, diễn chèo, hát ca trù.

Hội đền Tiên La : Đền Tiên La thuộc xã Đoan Hùng, huyện Hưng Hà, thờ Thục Nương, nữ tướng của Hai Bà Trưng. Lễ hội diễn ra vào tháng 3 âm lịch nhằm tưởng nhớ công ơn của bà.

Hội La Vân : Chùa La Vân ở xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ. Làng La Vân là một làng có truyền thống ươm bèo dâu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Lễ hội diễn ra từ ngày 20 - 26 tháng 3 âm lịch hàng năm. Ngày 20 có lễ rước nước, rước Thành Hoàng từ miếu, rước Thánh từ đền ra để khai hội. Trong hội còn có màn trình nghề cấy bèo dâu rất hấp dẫn, các trò đấu vật, múa lân, cờ tướng.

Hội đền Đồng Bằng : Lễ hội được mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch và kéo dài 7 ngày tại thôn Đào Động, xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ. Đền thờ Hưng Đạo Vương và hai vị tướng là những người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông thế kỷ 13. Lễ hội được tổ chức hàng năm nhằm tưởng nhớ công ơn của ông. Phần hội có rước, đua trải, đấu vật, múa lân, hát chèo. Đây là một lễ hội lớn của tỉnh Thái Bình.

Thái Nguyên

Diện tích : 3541,1 km².

Dân số : 1.061.700 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Thái Nguyên.

Thị xã : thị xã Sông Công.

Các huyện : Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Phổ Yên.

Dân tộc : Việt (Kinh), Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, H' Mông...

Về hình thể, khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên gồm toàn rừng núi và đồng lầy. Về phía Đông có những dãy núi cao nằm giữa những ngọn núi đá vôi ở phố Bình Gia (dãy Tam Đảo nằm chắn phía Tây, dọc cao nguyên Văn Lăng và cánh đồng Đại Từ). Về phía Đông Bắc, có cao nguyên Vũ Phái giới hạn những dãy núi đá vôi và có khu rừng núi ngăn chia Lâu Thượng và Lâu Hạ phương Nam. Phía Tây Bắc Thái Nguyên có thung lũng Chợ Chu bao gồm nhiều cánh đồng và những thung lũng nhỏ. Giữa Đồn Đủ và Cổ Lương là một cánh đồng giáp với cao nguyên Trúc Thanh và Độ Tranh gồm nhiều đồi thấp ăn lan tới khu đồng lầy Phúc Linh. Con sông chính chảy suốt tỉnh theo hướng Tây Bắc, Đông Nam là sông Cầu, khó di chuyển thuyền bè trong cả mùa cạn lẫn mùa lũ. Chi lưu chính của sông Cầu ở Thái Nguyên là sông Đủ chảy qua Phú Lương, Đồn Đủ; và sông Công chảy qua Văn Lăng, Phổ Yên. Thượng lưu sông Đáy chiếm một phần nhỏ của huyện Định Hóa, thuộc Tây Bắc Thái Nguyên. Ngoài đập sông Cầu, Thái Nguyên còn xây một hệ thống kinh đào dài 52 cây số, nối liền sông Cầu với sông Thương để giúp việc giao thông đường thủy và dẫn nước vào ruộng được dễ dàng.

Địa hình của tỉnh chủ yếu là đồi núi, có hệ thống sông ngòi dày đặc. Khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10. Nhiệt độ trung bình khoảng 25°C.

Tỉnh có nhiều thắng cảnh đẹp như hồ Núi Cốc, chùa Hang, hang Phượng Hoàng... rất hấp dẫn khách du lịch. Thành phố Thái Nguyên nằm trên quốc lộ số 3 (Hà Nội-Cao Bằng).

Đường sắt từ đây nối liền hệ thống đường sắt của cả nước.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào thiểu số trong tỉnh gồm phần đông thuộc sắc tộc Thổ và Mản sống ở vùng núi cao, chuyên nghề làm gỗ. Còn đồng bào Kinh sinh sống tại huyện lỵ, thành phố. Dân cư Thái Nguyên đa số là theo đạo Phật, thờ cúng tổ tiên và thần linh, thường tổ chức nhiều hội hè vào mùa xuân, đặc biệt là hội đốt pháo cướp vòng vào 13-5 âm lịch hàng năm.

Thái Nguyên có nền kinh tế tương đối phồn thịnh nhờ có nhiều quặng mỏ, đồn điền, đồng thời là một trục lộ giao thông nối liền miền núi và đồng bằng Bắc Việt. Hoa màu chính của tỉnh là lúa gạo, sắn, trà, cà phê và hồi. Thái Nguyên cung cấp nhiều lâm sản như gỗ quý bạch đàn, tre, trúc, mai, vầu, cây cọ, mây, củ nâu, cùng nhiều loại dã cầm dã thú.

Kỹ nghệ chính của Thái Nguyên thuộc ngành khai thác quặng mỏ, gồm có: mỏ than ở Phan Mễ; kẽm ở Lang Hit, Mo Ba. Bắc Lâu; sắt ở Mon Na Khen và đá vôi ở nhiều khu núi. Khoáng sản và lâm sản Thái Nguyên là nguồn lợi chính về thương mại của tỉnh.

Lược sử

Thái Nguyên xưa thuộc bộ Vũ Định, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Vào thế kỷ thứ 3, Thái Nguyên thuộc huyện Vũ Định, sau đổi tên thành huyện Long Bình. Đến thế kỷ thứ 7 được gọi là huyện Vũ Bình, rồi thành châu Thái Nguyên dưới đời nhà Lý. Cuối thế kỷ 14, châu được đổi thành trấn, năm 1407 đổi thành châu, sang 1408 thì trở thành phủ, năm 1677 trở thành trấn. Mãi đến năm 1902, triều đình mới cử quan chức trấn nhiệm Thái Nguyên, đặt doanh sở ở Ngọc Hà. Tỉnh Thái Nguyên được chính thức phân định địa giới năm 1913.

Trong thời kỳ kháng Pháp, dân quân Thái Nguyên nổi lên chống trả mãnh liệt khi quân Pháp đánh chiếm tỉnh này vào tháng 3 năm 1884. Cuộc khởi nghĩa Yên Thế lan rộng đến Thái Nguyên, ngày 5-7-1909, nghĩa quân bắc cóc tên giám thị Volsin để gây áp lục với quân Pháp. Tháng 10-1909, dù lực lượng sút giảm, anh hùng Hoàng Hoa Thám vẫn tiếp tục đánh và cho quân di chuyển sang Thái Nguyên để bảo tồn lực lượng. Năm 1917. Dân ở Chợ Chu luyến tiếc anh Đội Trưởng Khố Xanh Trịnh Văn Cấn hiền lành nhưng khí phách phải đổi về làm việc tại trại giam

tỉnh lỵ. Cũng chính sự thay đổi này đã làm cho cuộc khởi nghĩa đánh quân Pháp bùng nổ ở Thái Nguyên. Tại trại giam, những người yêu nước gặp nhau. Trịnh Văn Cấn gặp Lương Ngọc Quyến, khi quân Pháp giam ông Quyến tại nhà tù Thái Nguyên. Cảm phục trước tinh thần yêu nước của nhà cách mạng đầy nhiệt huyết này, ông Cấn đã thuyết phục các bạn đồng cảnh ngộ đi theo kháng chiến như Đội Giá, Đội Trường, Đội Lử, Cai Xuyên, Cai Ưng... Đêm 31-8-1917, cuộc khởi nghĩa thành công. Quân cách mạng làm chủ thành phố Thái Nguyên trong năm ngày. Dân chúng trong tỉnh tham gia rất đông. Giặc Pháp kéo viện binh từ Hà Nội về tấn công. Không chống cự nổi, quân khởi nghĩa bỏ Thái Nguyên, rút về Vĩnh Yên. Anh hùng Lương Ngọc Quyến bị thương, không muốn vì mình mà trở ngại đồng đội nên đã tự sát. Sau đó, ông Cấn và nghĩa quân tiếp tục đánh trong sáu tháng trời. Trong trận đánh đẩm máu tại Pháo Sơn, ngày 10-1-1918, anh hùng Trịnh Văn Cấn bị thương nặng, bèn dùng súng tự vận để không sa vào tay giặc.

Trước năm 1975, Thái Nguyên có các huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Phố Yên, Định Hóa. Đại Từ, Phú Lương và Phú Nhai.

Phong cảnh, di tích

Thắng cảnh Hồ Núi Cốc : Hồ cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 15 km về hướng tây nam. Đi theo tỉnh lộ Dán - Núi Cốc trải qua phẳng phiu, uốn lượn qua những cánh rừng bạt ngàn là khu du lịch Núi Cốc. Hồ nằm giữa khung cảnh thiên nhiên kỳ thú "sơn thủy hữu tình". Nơi đây đã nổi tiếng bởi nét đẹp thiên tạo bao năm. Núi Cốc : tên gọi một vùng đất, vùng hồ nên thơ lung linh sắc màu huyền thoại, câu chuyện tình thủy chung trong truyền thuyết Nàng Công - Chàng Cốc.

Hồ Núi Cốc là hồ nhân tạo, chắn ngang dòng sông Công, nằm trên địa phận huyện Đại Từ, từ trên cao lưng chừng núi. Hồ được khởi công xây dựng năm 1993, hoàn thành cơ bản năm 1994. Hồ gồm một đập chính dài 480 m và 6 đập phụ. Diện tích mặt hồ rộng 25 km² .Trên mặt hồ rộng mênh mông có tới 89 hòn đảo, có đảo là rừng cây xanh, có đảo là nơi trú ngụ của đàn cò, có đảo là quê hương của loài dê, có đảo có đền Bà Chúa Thượng Ngàn, lòng hồ sâu 23 m, dung tích nước hồ là 175 triệu m3. Hồ có khả năng khai thác từ 600 - 800 tấn cá/năm. Hồ Núi Cốc là danh thắng nơi nghĩ mát đẹp. Hiện nay hệ thống nhà nghỉ và bến tắm đã

được quy hoạch và xây dựng tương đối tốt, phục vụ khách du lịch đến thăm quan nghỉ ngơi, vui chơi giải trí.

Di tích hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà : Di tích thuộc xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, cách thành phố Thái Nguyên 42 km về phía đông bắc. Đây là quần thể thắng cảnh đẹp vào bậc nhất của tỉnh Thái Nguyên bởi cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hang động đẹp, nhiều dáng vẻ kì thú. Nơi đây có thác nước, suối nước trong xanh, mùa hè khí hậu ôn hòa, mát mẻ, ông Hoàng Văn Thảm người địa phương đã phát hiện ra hang núi Phượng Hoàng. Hang ở trên đỉnh hõm sâu xuống lòng núi. Từ chân núi lên tới cửa hang phải leo 100 m toàn đá tai mèo. Lòng hang rộng, có hai cửa thông sáng. Trong hang có nước, có nhiều khối đá, nhũ đá hình rất kì dị...

Giữa hang có khối đá trông hệt con Phượng Hoàng đang dang cánh. Dưới chân núi là hang Mỏ Gà. Cửa hang rộng chừng 100 m, có nước suối chảy từ trong lòng hang ra. Phía trước hang có nhiều thác nước nhỏ, nhiều bến tắm, nhiều mô đá, đảo đá, bậc ngồi, nước mát trong, phong cảnh hữu tình. Sau khi du khách vãn cảnh trên núi Phượng Hoàng, suối nước và bến tắm hang Mỏ Gà là nơi tắm mát, nghỉ lý tưởng cho du khách những mùa oi ả... Di tích danh thắng Phượng Hoàng, suối nước và bến tắm hang Mỏ Gà được nhà nước xếp hạng di tích cấp quốc gia năm 1994. Hiện nay, Bảo tàng lưu giữ 10.000 đơn vị tài liệu, hiện vật thuộc di sản văn hóa của 54 dân tộc Việt Nam. Hệ thống trưng bày gồm 6 phòng sử dụng gần 2000 tài liệu khoa học :

Phòng mở đầu : khái quát đặc trưng văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Phòng Việt-Mường gồm dân tộc : Việt,Mường, Thổ, Chứt.

Phòng Tày-Thái gồm các dân tộc : Tày, Nùng, Thái, Lào, Lự, Sán Chay, Bố Y.

Phòng Mông-Dao và nhóm Nam Á khác gồm dân tộc : H' Mông, Dao, Pà Thẻn, La Chí, La Ha, Cờ Lao, Pu Péo.

Phòng Môn-khmer gồm các dân tộc : Khờ Mú, Mảng, Kháng, Xinh Mum, Ơ Đu, Khmer, Ba Na, Xu Đăng, Cơ Ho, H'Rê, M' Nông, Xtiêng, Bru-Vân Kiều, Cờ Tu, Giẻ Triêng, Mạ, Co, Tà Ôi, Chơ Ro, Brâu, Rơ Măm.

Phòng Hán-Hoa, Tạng Miến, Mạ, Ô-pô-li-nê-di gồm các dân tộc : Hoa, Ngái, Sán Dìu, Hà Nhì, La Hủ, Phù Lá, Lô Lô, Cống, Sila, Gia Rai, Êđê, Chăm, Raglai,

Chu-ru.

Bảo tàng đã thu hút nhiều khách trong nước, ngoài nước và kiều bào đến tham quan, tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Chùa Hang : Chùa thuộc huyện Đồng Hỷ, cách thành phố Thái Nguyên chừng 2 km về phía bắc. Chùa được xây dựng trong hang núi. Trong chùa có một tấm bia khắc vào đá có tên là Tiên Lữ Đông Lâu, với nội dung ca ngợi chùa Hang là nơi có núi cao trăm trượng, cỏ cây chen lá, đá chen hoa, là nơi du khách thường xuyên lui tới viếng thăm. Bia đá khắc vào thời Lê Hồng Đức năm thứ 27 (1487). Tấm bia này là hiện vật ghi dấu một thời vua sáng tôi hiền. Núi chùa Hang là một danh thắng được nhiều người biết đến ở Thái Nguyên bởi có núi cao trông như ngọn tháp bút, phong cảnh sơn thủy hữu tình. Du khách đến đây vừa để lễ Phật, vừa để vãn cảnh.

Chùa Cao : Chùa còn được gọi là Đôi Cao ở xã Tân Hưng, huyện Phổ Yên. Chùa được xây dựng vào thời Hậu Lê và đã qua nhiều lần trùng tu. Ngôi chùa ngày nay xây dựng hoàn chỉnh vào năm 1992. Trong khuôn viên chùa còn giữ nguyên một số tháp cổ, bia cổ và cột đá. Trong đó đáng chú ý là tấm bia dựng vào thế kỷ 17. Điện Phật còn rất nhiều tượng.

Đình Phương Độ : Đình thuộc xã Xuân Phong, huyện Phú Bình, cách thành phố Thái Nguyên 30 km về phía đông nam. Đình Phương Độ (Tân Đình) là di tích kiến trúc nghệ thuật đình làng, một trong những loại kiến trúc đặc trưng của Việt Nam. Đình được xây dựng thời Lê, ban đầu dựng gần bờ ruộng, đến năm 1901 được chuyển vào giữa làng(vị trí ngày nay). Những nét đặc trưng của kiến trúc thời Lê vẫn được giữ nguyên vẹn.

Đình làng có 3 gian, 2 chái, mái lợp ngói múi, bốn gốc mái bằng gỗ cong vút, các cột bằng gỗ lim chuyển từ trong Thanh Hóa ra, ván lát xung quang được chạm trổ các bộ tứ linh(Long, Lân, Quy, Phượng) rất khéo léo công phu. Đình thờ Thành Hoàng của làng là Cao Sơn Quý Minh Đại Vương tức Dương Tự Minh một phò mã thời nhà Lý, người có công lớn trong việc giữ gìn đất nước và phát triển kinh tế phủ Phú Lương xưa. Phía sau đình có chùa, tạo nên một quần thể văn hóa tín ngưỡng của nhân dân.

Cảnh quan xung quang đình cũng rất đẹp, có sông Cầu làm án, cây đa cổ thụ trải bóng mát u tịch, thâm nghiêm. Xuân thu nhị kỳ, nhân dân quanh vùng Phương Độ tổ chức lễ hội vào ngày rằm tháng giêng, rước kiệu Thánh, khao vọng tế thần. Vào 10-10 lễ hội lớn hơn, có rước kiệu Thánh, rước bánh dày hoa quả và nhiều đồ tế lễ khác. Hội đình Phương Đô thực sự là ngày hội sinh hoạt văn hóa của nhân dân quanh vùng.

Di tích khảo cổ học Thần Xa : Xã Thần Xa thuộc huyện Võ Nhai, cách thành phố Thái Nguyên 40 km, đi theo quốc lộ 1A rẽ trái. Năm 1972, khoa Sử trường đại học Sư phạm Việt Bắc kết hợp với viện Khảo cổ học Việt Nam khảo sát một số hang động ở vùng Thần Xa, Xẻng Mộc, thương chung và khai quật hang Phiêng Tung (Thần Xa). Nghiên cứu đã đưa ra những nhận định về quá trình phát triển ở vùng này từ trước nền văn hóa Bắc Sơn.

Năm 1973 viện Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam và ty Văn hóa Thông tin Bắc Thái tiếp tục điều tra khu vực Thần Xa và có thêm một bộ sưu tập mới về hang Phiêng Tung. Năm 1980, kết hợp với khoa Bảo tàng trường cao đẳng Nghiệp vụ Văn hóa (nay là trường đại học Văn hóa Hà Nội) tiếp tục nghiên cứu hang Phiêng Tung và tìm thấy thêm hang Miệng Hổ cùng một số di chỉ khác.

Những di chỉ khảo cổ con người sống cách chúng ta từ 2 đến 3 vạn năm được phát hiện ở di chỉ Phiêng Tung, Ngườm, Thẩm Choong, Nà Ngườm chứng minh rằng tại đây đã tồn tại một nền văn hóa cổ, gọi là nền văn hóa Thần Xa. Đây là nền văn hóa cổ nhất được biết đến (cho tới nay) ở Việt Nam và cả vùng Đông Nam Á lục địa.

Khu di tích núi Văn, núi Võ : Núi Văn, núi Võ nằm dưới chân núi Tam Đảo, thuộc 2 xã Vân Yên và Kỳ Phú, huyện Đại Từ, cách thành phố Thái Nguyên 30 km về phía tây là một di tích gắn liền với tên tuổi của danh tướng Lam Sơn tên là Lưu Nhân Chú. Lưu Nhân Chú từng dự thề Lũng Nhai năm 1416, kết nghĩa anh em với Lê lợi và các chiến hữu khác mưu khởi nghĩa chống giặc Minh. Năm 1425, ông cùng Nguyễn Xí mang quân đánh úp Tây Đô. Năm 1426 Lưu Nhân Chú chỉ huy chiến dịch giải phóng một vùng đồng bằng rộng lớn từ sông Hồng đến tận Lạng Sơn. Năm 1427 ông cùng Lê Sát chỉ huy trận quyết chiến ở ải Chi Lăng, chém

tướng giặc Liễu Thăng và trận Xương Giang, đánh tan hoàn toàn 10 vạn viện binh. Ông cùng hoàng tử Tứ Tế (con cả Lê Lợi) xây thành Đông Quan và chính bản thân ông đã làm con tin ngầm buộc Vương Thông rút về nước để Đại Việt ta mở nền thái bình muôn thuở. Năm 1485, Lê Thánh Tông phong ông tước "Thái Phó Vinh Quốc Công".

Di tích lịch sử và thắng cảnh đền Đuổm : Đền nằm ở chân núi Đuổm, xã Động Đạt, huyện Phú Lương, sát ngay quốc lộ 3, cách thành phố Thái Nguyên 24 km về phía tây bắc. Đền được xây từ đời nhà Lý, thờ phò mã Dương Tự Minh và hai người vợ là Diên Bình Công chúa và Thiên Dung Công chúa. Di tích này gồm đền Thượng, đền Trung và đền Hạ đến nay đã được sửa chữa nhiều lần. Các đền của di tích đền Đuổm được xây dựng trên một vùng thiên nhiên đẹp. Đây là nơi thác của phò mã Dương Tự Minh khi về già. Ba chỏm núi ở giữa cánh đồng trông như nhữnhg cánh nhạn bay. Đền được xây ở phần lõm của ngọn núi phía trước. Phía trước đền là những cánh đồng rộng, có sông Phú Lương chảy qua và xa xa là những dãy núi đất trùng điệp. Đền Đuổm vừa là di tích lịch sử, vừa thắng cảnh của Thái Nguyên.

Các dịp lễ hội

Thái Nguyên là tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống, vì vậy truyền thống văn hóa của tỉnh khá phong phú. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng. Người Nùng có kho tàng văn hóa dân gian phong phú và có nhiều làn điệu dân ca đậm đà bản sắc dân tộc, như hát Sli, hát Then. Người Tày có kho tàng tục ngữ ca dao khá phong phú. Các điệu dân ca phổ biến nhất là hát lượn, hát đám cưới, ru con. Các loại nhạc cụ gồm có thanh la, não bạt, trống, chiêng, kèn, tù và, sáo.

Hội đền Đuổm : Lễ hội hàng năm diễn ra tại đền Đuổm (xã Động Đạt, huyện Phú Lương) vào ngày 6 tháng 1 âm lịch nhằm tưởng nhớ phò mã Dương Tự Minh và hai người vợ của ông là Diên Bình Công chúa và Thiên Dung Công chúa có công đánh giặc Tống. Trong lễ hội có dâng hương, hát thờ thần, hát giao duyên nam nữ.

Hội Hích : Là lễ hội diễn ra hàng năm vào ngày 15 tháng 1 tại xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ. Đây là lễ hội vui xuân của dân tộc Sán Dìu và dân tộc Nùng cư trú tại đây. Lễ hội có hát giao duyên nam, nữ, các điệu tình ca Sli (Nùng) và

Xoọng Cô (Sán Dìu).

Lễ hội chùa Hang : Lễ hội diễn ra vào ngày 20-1 tại chùa Hang, cách thành phố Thái Nguyên 2 km về phía tây bắc. Đây là lễ cầu phật, chúc phúc, cầu may mắn. Trong lễ hội có rất nhiều trò chơi dân gian.

Hội làng Cơm hòm : Lễ hội hàng năm được tổ chức vào ngày 6 tháng 1 âm lịch tại đình Tiên Phong, Phổ Yên. Tương truyền đình thờ một người đàn bà vô danh có công bày mưu đánh giặc Minh thời Hậu Lê. Lễ hội có nhiều trò vui trong đó có tục thờ xôi nén trong hòm.

Thanh Hóa

Diện tích : 11.168 km².

Dân số : 3.509.600 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Thanh Hóa.

Thị xã : Thị xã Sầm Sơn, thị xã Bỉm Sơn.

Các huyện : Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Thạch Thành, Ngọc Lạc, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Nga Sơn, Yên Định, Thọ Xuân, Hậu Lộc, Thiệu Hóa, Hoằng Hóa, Đông Sơn, Triệu Sơn, Quảng Xương, Nông Cống, Tĩnh Gia.

Dân tộc : Việt (Kinh), Mường, Thái, Lào, Lự.

Đất đai Thanh Hóa ít đồng bằng nhưng nhiều rừng núi, chia tỉnh thành từng vùng. Núi rải rác khắp nơi, độ cao từ 200 đến 1300 m. Những dãy núi đáng kể : dãy núi Tam Điệp chạy dài phía Bắc, giáp ranh giới với Sơn La, Hòa Bình, Ninh Bình và Nam Định; dãy núi Pu Luông phía Tây, dãy núi Quỳnh Lưu phía Nam. Phía Đông có núi Lau, Ba Làng. Ngoài ra những núi: núi Ái, Hùng Lĩnh, Bù Me 700 m, Bù Bưa 1280 m, Bù Bang, Bù Mun 719 m, Bù Tam 357 m, Bát Non Sơn, Sơn Trang, Hỏa Châu, Đá Chẹt, Bọm, Voi, Các, Văn Liên, Lom Dong, Thông Lim, Liên Xá, Ngọc Sơn, Tuân Thiềm, Hậu Thạch, Thiết Giáp, Thần Đầu, Bản A, Xuân Đài, Tam Thai, Diệu, Kim Sơn, Mai Sơn, Độc Cước, An Hoạch, Khế...

Tỉnh có khoảng 20 sông rạch chảy từ hướng Tây - Bắc xuống Đông - Nam và trên 200 suối. Sông chính là sông Mã dài 380 km , phát nguyên từ dãy núi Pu Va, chảy ngang tỉnh rồi ra cửa biển Hội Trào khá lớn 1800 m. Sông Lường (sông Chu) dài 135 km chảy từ Sầm Nứa bên Lào về Thanh Hóa. Ngoài ra là các sông Chang, sông Bưởi, sông Cây Gang, sông Đằng... Những cửa biển quan trọng là Hội Trào, Ba Làng, Y Bích, Bạng.

Bờ biển Thanh Hóa dài khoảng 98 km, chạy từ Yên Sơn (Nga Sơn) đến núi Xước (Nghệ An). Bờ biển này thấp và phẳng vì tiếp giáp với các đồng bằng. Tuy nhiên, bờ biển cũng có vài nơi lởm chởm với những dãy đá ngầm. Ngoài khơi biển Thanh Hóa có một số đảo nhỏ như hòn Nẹ ở phía Nam Nga Sơn, hòn Nghi Sơn trên có núi Biện Sơn cao 162 m. Phía Đông hòn Nghi Sơn là quần đảo hòn Mê với các hòn Vang, hòn Vát, hòn Bong, hòn Gác, hòn Đó.

Khí hậu thuộc vùng chuyển tiếp giữa Bắc bộ và Trung bộ. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23 - 24°C. Nằm ở độ cao không lớn lại nằm kề biển nên mùa đông không lạnh lắm, mùa hè dịu mát hơn. Giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy đều thuận lợi.

Một số nơi ở Đông Sơn, Thiệu Hóa, Cẩm Thủy, Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Hậu Lộc đã có những vết tích của các thời kỳ đồ đá cũ sơ khai, đồ đá giữa, đồ đá mới, đồng thau sơ khai và những vết tích thuộc nền văn hóa Đông Sơn cuối thời đại đồ đồng. Quốc lộ 1 và liên tỉnh lộ 1 là những đường giao thông quan trọng nối Thanh Hóa với các tỉnh lân cận.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào cư ngụ ở đây có trên 20 sắc dân, đông nhất là người Kinh, Yao, Tày, Thái và Mường. Tôn giáo chính là đạo Phật, Thiên Chúa, thờ phụng Thần linh, Tổ tiên.

Núi rừng Thanh Hóa đã chia đất đai làm nhiều vùng kinh tế. Vùng đồng bằng trồng lúa và các loại hoa màu như khoai lang, đậu tương, ngô, thuốc lá, cau. Giữa miền núi và đồng bằng có nhiều đồi thấp thích hợp cho việc trồng cây kỹ nghệ như trà, bông gòn, mía, hoa màu, cây ăn trái. Cam ở làng Giàng và mía "đường trèo" nổi tiếng ngon.

Vùng rừng núi có nhiều loại cây lồ ô (luồng), tre, nứa, vầu, lim, quế, củ nâu. Lim xanh là loại gỗ rất tốt. Quế Thanh ở Trịnh Vạn rất quý, có thể chữa nhiều bệnh và có nhiều ở các rừng thuộc hai huyện Lang Chánh và Thường Xuân. Tại ven biển Thanh Hóa, dân chúng trồng dừa, dưa hấu, đay, dâu nuôi tằm, cói và làm nghề đánh cá. Cá Mè ở sông Mực thịt rất thơm. Xưa, cá Mè, cam Giàng, mía "đường trèo" được dùng để tiến vua. Rừng Thanh Hóa cũng có nhiều dã cầm dã thú như cọp, beo, gấu, khỉ, hươu, nai, gà gô, gà lôi, công.....

Khoáng sản địa phương có một số mỏ như : Mỏ cơ-rôm (kền), cô-ban (cobalt) ở Triệu Sơn; mỏ sắt ở Đông Thiệu, Trung Sơn, Như Xuân; mỏ phốt-phát ở Hàm Rồng, Nông Cống, Vĩnh Thạch, Thọ Xuân; mỏ đồng vùng Lương Ngọc, Thường Xuân; mỏ chì, kẽm ở Như Xuân, Tính Gia; mỏ than vùng Cẩm Thủy, Quảng Xương; mỏ mi-ca ở Hoằng Hóa; mỏ đá vôi ở khắp nơi. Ngoài ra, dân chúng còn

làm một số nghề thịnh hành khác như làm đồ gốm, đan thúng mủng bằng tre, nước mắm, muối cá khô, mực khô, đan chiếu...

Lược sử

Đất Thanh Hóa xưa là bộ Cửu Chân, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Sau khi nhà Triệu dâng đất cho nhà Hán, giặc đặt nước ta là Giao Chỉ Bộ. Đất Cửu Chân trở thành một trong chín quận của Giao Chỉ Bộ. Đời Nhà Đường là một trong sáu huyện của Ái Châu. Qua hai triều nhà Đinh và Lê, đất này vẫn giữ tên Ái Châu. Nhà Lý đặt là phủ Thanh Hóa. Đời Trần đổi là lộ Thanh Hóa. Nhà Hồ gọi là phủ Thiên Xương; năm Bính Tý 1396, Hồ Quý Ly bắt vua Trần Thuận Tông bỏ Thăng Long dời kinh đô vào Thanh Hóa đặt tên là Tây Đô, nay còn di tích ở xã Yên Tôn, huyện Vĩnh Lộc. Nhà Lê đặt vùng Thanh Hóa thành đạo Hải Tây, rồi đổi là Thanh Hóa thừa tuyên. Đời Gia Long đổi Thanh Hóa thừa tuyên thành trấn Thanh Hóa. Đời Minh Mạng đổi các trấn thành tỉnh và năm 1832 lập tỉnh Thanh Hóa, diện tích bớt đi để thành lập những tỉnh khác.

Vùng núi Nưa (huyện Nông Cống) là nơi sinh trưởng của anh thư Triệu Trinh Nương. Lúc 20 tuổi (năm 224), bà bỏ vào rừng, chiêu mộ người nghĩa dũng đứng lên chống quân Đông Ngô. Người phụ nữ yêu nước này chỉ muốn "cỡi cơn gió mạnh, đạp làn sóng dữ, chém cá trành kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối".

Đất Lam Sơn là nơi xuất phát nhiều anh hùng dân tộc thời Minh thuộc. Tháng Hai năm Bính Thân (1416), anh hùng Lê Lợi đã cùng 18 người áo vải đất Lam Sơn đến thôn Lũng Nhai (còn gọi là Lũng Mi, tục gọi là làng Tép, sau là làng Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân) làm lễ cáo trời đất, nguyện một lòng đánh đuổi giặc Minh. Năm 1420, bên dòng sông Lỗi Giang, anh hùng Nguyễn Trãi gặp Bình Định Vương Lê Lợi dâng Bình Ngô Sách. Mười năm kháng chiến ròng rã thật gian khổ, Bình Định Vương ba lần phải lui về căn cứ Chi Linh (huyện Lang Chánh), giặc đông như kiến vây lấy hai lần, vợ con bị giặc bắt, quân sĩ hết lương thực phải ăn rau cỏ, voi ngựa, cơ khổ biết chừng nào. Nhưng nhờ ý chí quật cường, anh hùng Lê Lợi đã đánh đuổi hết giặc ngoại xâm.

Các anh hùng Lam Sơn sinh trưởng ở Thanh Hóa rất nhiều : huyện Thiệu Hóa có

Lê Lai (làng Dụng Tú), người anh hùng chịu chết thay Bình Định Vương Lê Lợi; anh em Đinh Lễ, Đinh Liệt (làng Tuy Sách); Lê Sát (làng Bỉ Ngủ), Lê Vấn (làng Nguyên Xá), Lý Thiện (làng Thúy Luân), Lê Ngân (làng Đàm Di), Trần Lựu, Lê Niệm, Lê Thạch, Lê Khôi, Lê Ngang; Nguyễn Xí (làng Sái Xá), lúc hàn vi đi bán dầu, sau theo anh hùng Lê Lợi khởi nghĩa lập nhiều công trận, tận tụy việc nước đến đời vua Lê Thánh Tông thì mất. Huyện Vĩnh Lộc, làng Kim Bôi có anh hùng Trịnh Khả. Huyện Đông Sơn, làng Vạn Lộc có anh hùng Lê Chích, lúc nhỏ đi chăn trâu, lớn lên tụ tập người thôn xóm dựa núi đắp thành ở động Hoàng Nghiêu đánh giặc Minh, sau theo Bình Định Vương Lê Lợi, bàn mưu đánh thành Trà Long (Nghệ An) dùng làm căn cứ tiến binh ra Đông Đô. Huyện Thọ Xuân có Lê Văn Linh giỏi quân cơ, văn học...

Đời Tây Sơn, núi Tam Điệp (tục gọi là đèo Ba Dội) đã góp phần vào việc cứu nước. Khi đại quân Mãn Thanh xâm lăng nước ta, anh hùng Ngô Thì Nhậm đã khuyên các tướng Tây Sơn rút về đèo Tam Điệp cố thủ để nuôi chí kiêu căng của giặc và để toàn thể dân chúng nhìn ra bộ mặt phản quốc của Lê Chiêu Thống mà đồng tâm chống giặc. Nhờ đó, ông đã tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đại phá quân Thanh của Quang Trung Hoàng Đế vào mùa xuân Kỷ Dậu (1789). Cả vùng Thanh Hóa trở thành thao trường tập trận, dân bỏ cuốc cầm dáo mác thành quân tác chiến, dân lo gom góp lương thực thành quân tiếp vận. Nước có vua anh hùng, vua có dân anh hùng. Quân dân ta đánh đuổi gần 30 vạn quân Mãn Thanh trong tám ngày vang rền lịch sử.

Thời quân Pháp xâm lược nước ta, tỉnh Thanh Hóa đã trở thành nơi kháng chiến. Khi tiếng gọi Cần Vương vang rộng, năm 1885, anh hùng Hà Vân Mao đã lãnh đạo đồng bào Mường khởi nghĩa chống giặc Pháp, hoạt động mạnh trong vùng hữu ngạn sông Mã. Khi chiến khu Ba Đình thành lập, ông đưa dân quân về gia nhập. Năm 1886, anh hùng Đinh Công Tráng đã cùng với các anh hùng Phạm Bành (người làng Chương Xá, huyện Hậu Lộc), Nguyễn Khế, Trần Xuân Soạn (người làng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn), Huỳnh Bật Đạt (người làng Hạ Sen, huyện Hậu Lộc) chiếm giữ vùng Ba Đình, lập chiến lũy rất kiên cố ở ba làng Mỹ Khê, Thượng Thọ và Mậu Thịnh trong huyện Nga Sơn. Pháp tấn công nhiều lần

với đại pháp mà không phá nổi. Nhưng, sau trận đánh kinh hồn ngày 20-1-1887, nghĩa quân phải rút về căn cứ Mã Cao vì xác giặc thối rữa chồng chất bên ngoài gây nên bệnh tật cho nghĩa quân. Ở Mã Cao, nghĩa quân đánh đến cuối năm. Sau khi ông Đinh Công Tráng hy sinh vì nước, cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh do hai anh hùng Tống Duy Tân (người làng Đông Biện, huyện Vĩnh Lộc) và Cao Điền (người làng Trịnh Sơn, xã Mỹ Hòa) lãnh đạo lại làm cho giặc Pháp khốn đốn. Các căn cứ chống giặc được thành lập ở khắp núi rừng Nông Cống, Đa Bút, Vĩnh Lộc, Thạch Thành và được đồng bào Kinh - Mường nhiệt liệt tham gia. Tháng 10 - 1892, anh hùng Tống Duy Tân bị tên học trò cũ là Cao Ngọc Lễ chỉ điểm cho giặc bắt, rồi bị chém tại tỉnh lỵ Thanh Hóa. Còn anh hùng Cao Điền lên Yên Thế tiếp tục kháng chiến.

Thanh Hóa cũng là quê quán của hai vị anh hùng Hàm Nghi và Duy Tân. Vua Hàm Nghi cùng ông Tôn Thất Thuyết khởi binh tấn công tòa công sứ Pháp ở Huế năm 1885, sau ra chiến khu Tân Sở (Quảng Trị) truyền hịch Cần Vương kêu gọi toàn dân kháng chiến. Năm 1916, vua Duy Tân tham dự cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục Hội do anh hùng Phan Bội Châu lãnh đạo.

Phong cảnh, di tích

Bãi Biển Sầm Sơn : Bãi biển Sầm Sơn cách thành phố Thanh Hóa 16 km. Đây là nơi tắm biển rất tốt mà người Pháp đã biết khai thác từ năm 1906 và Sầm Sơn nhanh chóng trở thành nơi nghỉ mát nổi tiếng của Đông Dương. Từ những thập kỷ trước, đã có nhiều biệt thự nghỉ mát mọc lên ở đây. Vua Bảo Đại cũng xây biệt thự riêng ở Sầm Sơn. Sầm Sơn có nhiều cảnh đẹp : hòn Trống Mái, đền Độc Cước, núi Cô Tiên... Bờ biển Sầm Sơn dài 10 km bằng phẳng và nhiều hải sản quý như tôm he, cá thu, mực... Sầm Sơn có cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ, vùng biển bao la với những thắng tích và huyền thoại mang đậm chất nhân văn và lòng mến khách. Bãi biển Sầm Sơn là một trong những bãi biển rộng và đẹp ở phía Bắc.

Núi Vọng Phu : Núi Vọng Phu thuộc xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, cách thành phố Thanh Hóa 3 km về phía Tây nam. Đây là 1 ngọn núi đá vôi được thiên nhiên tạo nên hình một người phụ nữ đang quay mặt về phía biển Đông. Hình tượng này gắn với truyền thuyết người đàn bà chung thủy chờ chồng đến hóa đá. Vì vậy mà

ngọn núi có tên là Vọng Phu.

Hòn Trống Mái : Hòn Trống Mái nằm trên núi Trường Lệ thuộc địa phận thị xã Sầm Sơn. Hòn Trống Mái chính là sự xếp đặt từ 3 khối đá thiên nhiên đã có từ bao đời nay. Hòn lớn bằng phẳng ở dưới trông như cái bệ lớn. Một hòn có đầu nhọn nằm chồng lên trên trông giống hình dáng con gà trống; hòn đối diện nhỏ hơn, có dáng tựa con gà mái. Các khối đá có hình dáng đẹp thơ mộng được gắn với truyền thuyết về một mối tình chung thủy.

Vườn quốc gia Bến En : Rừng quốc gia Bến En thuộc địa phận huyện Như Xuân, cách thành phố Thanh Hóa 36 km về phía Tây Nam. Tổng diện tích rừng tự nhiên là 16.634 ha, trong đó diện tích rừng nguyên sinh là 8544 ha với một quần thể nhiều núi non, sông suối, vùng hồ trên núi với nhiều tên gọi và huyền tích về các địa danh. Rừng quốc gia Bến En có nhiều sinh vật quí. Tại đây có tới 462 loài cây thuộc 125 họ thực vật, gồm những giống loài quí như lim xanh, lát hoa, chò chỉ, trai lý, bù hương, vàng tâm... Có các loại thú quí hiếm như sói đỏ, gấu ngựa, vượn đen, phượng hoàng đất, gà tiền mặt vàng... Phong cảnh của rừng quốc gia Bến En đầy thơ mộng. Hồ sông Mực rộng 3000 ha với hơn 20 hòn đảo lớn nhỏ. Nhiều hang động nhũ đá lung linh huyền ảo. Đến với rừng quốc gia Bến En, du khách được tìm hiểu, nghiên cứu về các loài động thực vật quí hiếm ở đây, được dự những cuộc đi săn thâu đêm, nướng cá bên khe suối... đầy lãng mạn. Trong tương lai Bến En sẽ trở thành một khu du lịch rất hấp dẫn.

Sông Mã - Núi Rồng - Núi Ngọc : Di tích, danh thắng thuộc địa phận thành phố Thanh Hóa. Sông Mã là con sông lớn nhất Thanh Hóa. Lòng sông Mã rộng, đoạn thượng lưu lắm ghềnh thác, nước sông chảy xiết. Sau khi chảy qua làng Đông Sơn, sông Mã gặp núi Hàm Rồng. Núi Hàm Rồng nằm trong dãy núi Ngũ Hoa Phong gồm 99 ngọn trùng điệp, quanh co chạy dọc theo truyền sông. Bên bờ nam sông, dải núi đột ngột vươn cao giống hình dáng đầu rồng nên gọi là Hàm Rồng. Đối diện với núi Hàm Rồng, bên bờ bắc sông Mã là núi Ngọc hay còn gọi là núi Châu Phong. Nhìn xa, núi giống như con rồng đang vờn hạt ngọc.

Cụm thắng cảnh Tiến Nông : Thắng cảnh Tiến Nông thuộc xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn. Cụm thắng cảnh này gồm các di tích chùa Hòa Long, Phúc Vạn và bãi

cò Tiến Nông. Thắng cảnh này được tạo nên bởi sự kết hợp giữa nét cổ kính của chùa Hòa Long, Vạn Phúc và cảnh trí tự nhiên của các cây cổ thụ làm thành vườn chim tự nhiên được nhân dân gọi là "bãi cò Tiến Nông".

Động Từ Thức : Động thuộc xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, trước đây được gọi là động Bích Đào, sau được đổi tên là động Từ Thức vì gắn với câu chuyện tình "Từ Thức lấy vợ tiên" được lưu truyền rộng rãi trong dân gian. Động Từ Thức rất đẹp và gồm có hai động. Động ngoài hẹp, sáng sủa, có miếu Sơn Thần và có bài thơ của Lê Quí Đôn khắc vào đá. Động trong rộng hơn và có nhiều cảnh trí tuyệt đẹp. Dưới ánh đuốc, thạch nhủ muôn hình vạn trạng lóng lánh sắc màu được nhân hóa thành một thế giới gần gũi với đời sống như "cây bạc", "cây vàng", "ao bèo", "rồng ấp trứng". Đi sâu vào nữa lại có cả giá chiêng, giá trống, phường bát âm, bàn cờ tiên... trong động có "đường lên trời" và lối "xuống lòng đất". Động Từ Thức không những làmột danh thắng mà còn là một di tích lịch sử trong cuộc kháng chiến chống quân Pháp.

Động Hồ Công : Động nằm trên sườn phía Tây của dãy núi Xuân Đào thuộc xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, là một trong những thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Thanh Hóa. Động ở trên cao, gần đỉnh núi, đường lên đỉnh núi tuy khúc khuỷu gập ghềnh nhưng không hiểm trở. Động khá rộng, hai bên cửa động đá núi tạo thành voi phục trông khá sinh động. Động có tên Hồ Công gắn liền với truyền thuyết về đạo sĩ Hồ Công, một tiên ông xuống trần để cứu dân, giúp đời. Cuối động có một vách đá mà dấu rêu và ngấn nước tạo thành những đường nét giống hình ảnh một cụ già, tương truyền đó là nơi đạo sĩ Hồ Công trú ngụ và lưu lại hình ảnh của ông trên vách đá. Động Hồ Công rất thuận lợi cho việc tham quan du lịch.

Khu di tích thắng cảnh Phố Cát : Khu di tích thắng cảnh Phố Cát thuộc xã Thành Vân, huyện Thạch Thành. Nơi đây có đền thờ Liễu Hạnh, có thác nước đẹp và cũng là một trong những trung tâm lễ hội dân gian hàng năm.

Danh thắng Biện Sơn : Cụm di tích danh thắng Biện Sơn thuộc vùng của biển Lạch Bạng, trên vùng đất hai xã Hải Thượng, Hải Bình, huyện Tĩnh Gia. Đây là vùng cửa sông, có núi, bãi tắm, các di tích lịch sử tạo nên cụm di tích và danh thắng đẹp.

Hang cá Cẩm Hương : Hang cá Cẩm Hương thuộc xã Cẩm Hương, huyện Cẩm Thủy. Nét đặt biệt nước trong hang chảy ra một con suối dài khoảng 2km, lòng suối luôn luôn dày đặc cá, giống cá đỏ đuôi, có con nặng hơn 10 kg, dân trong vùng gọi là cá thần, không ai được bắt.

Hang Con Moong : Hang Con Moong thuộc bản Nọ, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành. Đây là một hang rộng, có 2 cửa, mang dấu tích của 3 nền văn hóa liên tục từ thời đại đá cũ đến văn hóa thời đại đá mới là : văn hóa Sơn Vi, văn hóa Hòa Bình, văn hóa Bắc Sơn. Di tích này được các đoàn nghiên cứu khoa học ở nhiều nước đến nghiên cứu.

Di tích Đông Sơn : Di tích Đông Sơn nằm bên bờ sông Mã, thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Nơi đây, những cuộc khai quật năm 1924 đã phát hiện dấu vết của văn hóa đầu tiên ở Việt Nam. Địa hình này (Đông Sơn) đã được đặt tên cho một nền văn hóa tiêu biểu cho dân tộc Việt Nam thời kì dựng nước. Văn hóa Đông Sơn là nền văn hóa khảo cổ nổi tiếng của Việt Nam và thế giới.

Đền Bà Triệu : Tên thật của bà là Triệu Thị Trinh, nhưng nhân dân quen gọi là Bà Triệu với lòng kính cẩn, nhớ công ơn bà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược Ngô thế kỷ thứ 3. Đền thờ Bà được dựng trên núi Gai (còn gọi là núi Ải) sát đường quốc lộ số 1, thuộc làng Phú Điền, huyện Hậu Lộc, cách Hà Nội 137 km. Qua cổng hồ sen, bốn bề kè đá. Tiếp theo, nhà Tiền đường gồm 5 gian, cột đá mài vuông cạnh. Sau nhà Tiền đường là một khoảng sân nhỏ, hai bên là 3 dãy hành lang. Cuối sân là 3 gian hậu cung, dựng trên mặt bằng cao hơn, dựa vào vách núi. Đối diện với đền trên là núi Gai, ở phía bên kia quốc lộ 1A là núi Tùng nơi có lăng Bà Triệu. Hiện nay lăng tháp vẫn còn, tuy đơn sơ, giản dị nhưng rất trang nghiêm. Trên đường thiên lý ra Bắc vào Nam, khách bộ hành thường dừng chân, lên núi Gai tưởng niệm vị nữ tướng anh hùng, viếng lăng và thưởng ngoạn cảnh đẹp.

Thành nhà Hồ : Thành được xây dựng năm 1397 dưới triều vua Hồ Quý Ly. Thành có tên là Tây Đô, nhưng nhân dân quen gọi là thành nhà Hồ. Thành được xây trên một khu đất rộng, bằng phẳng. Thành hình chữ nhật, xung quanh có hào sâu. Phía mặt ngoài của tường thành được xây Hoàn toàn bằng đá xanh, chiều cao

5 m, dày 3 m. Mỗi tảng đá xây trung bình dài 1,5 m, cao từ 0,8 m đến 1 m. Thành có 4 cửa Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi cửa đều ở vị trí chính giữa các mặt thành và được xây thành vòm cuốn bằng đá khối kích thước rất lớn. Tường thành phía Nam có 2 cổng phụ. Cổng thành xây cuốn xếp đá theo hình múi cam. Trong thành còn dấu vết của nền cung điện xưa và hai con rồng đá ở bậc thềm cung điện. Các tòa thành cổ trước kia của Việt Nam: thành Hoa Lư, thành Cổ Loa... đều đắp bằng đất, riêng thành nhà Hồ được xây dựng Hoàn toàn bằng những khối đá lớn đã nói lên sự sáng tạo và sức lao động phi thường của nhân dân lao động cách đây 7 thế kỷ.

Đền Độc Cước : Đền tọa lạc trên đỉnh núi mang tên hòn Cổ Giải thuộc dãy núi Trường Lệ ở thị xã Sầm Sơn, ngay cạnh bãi tắm Sầm Sơn. Đền mang tên Độc Cước nghĩa là một chân, gắn liền với sự tích chàng trai khổng lồ đã tự xé đôi thân mình để vừa đánh giặc quỉ biển ngoài khơi và đánh giặc trong đất làng cứu dân làng. Tưởng nhớ công ơn của chàng, người dân Sầm Sơn đã lập miếu thờ chàng ngay bên tảng đá có vết lõm dấu chân khổng lồ tương truyền là bàn chân của chàng và sau này là đền Độc Cước. Muốn lên đền phải qua 40 bậc đá. Đền được lập từ đời Trần (1225 - 1400), dựng lại vào thời Lê và đã qua trùng tu nhiều lần. Phía sau đền có Môn lâu dựng năm 1863 bằng gỗ. Trong đền có tượng thần độc cước bằng gỗ chỉ có một tay, một chân. Chân tượng dựng vững chắc trên hòn đá tảng, tay tượng có cây búa ở tư thế đang vung về phía sau lấy đà chém loài quỷ biển. Đền có hai pho tượng ngựa đúc bằng đồng, cặp tượng phổng tạc bằng đá khối, nhiều câu đối chữ nho ca ngợi công đức của thần Độc Cước. Đền Độc Cước không những là một ngôi đền đẹp mà còn là thắng cảnh của Sầm Sơn. Đền rất hấp dẫn đối với du khách trong nước và ngoài nước khi đến tắm mát, nghỉ ngơi ở Sầm Sơn.

Đền Cô Tiên : Đền Cô Tiên là ngôi đền đẹp, được xây dựng từ thời Nguyễn, nằm trên dãy núi Trường Lệ. Đây là một di tích có giá trị văn hóa và cũng nằm trong chương trình du lịch khi khách đến thăm và tắm biển Sầm Sơn.

Khu di tích lịch sử Lam Kinh : Di tích Lam Kinh thuộc xã Xuân Lâm, huyện Thọ Xuân. Đây là quê hương của người anh hùng dân tộc Lê Lợi, nơi phát tích cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là nơi có đền thờ, lăng miếu thời Lê. Lam Kinh là một quần

thể kiến trúc cổ đang được tôn tạo thành trung tâm văn hóa lịch sử và lễ hội truyền thống - một điểm du lịch quang trọng ở Thanh Hóa. Khu di tích còn lại đến nay là đền thờ, mộ chí Lê Lợi và điện Lam Kinh được xây dựng từ năm 1433. Đặc biệt công trình bia đá Vĩnh Lăng có kích thước đồ sộ nhất trong rừng bia cổ Việt Nam, ghi lại công tích của anh hùng dân tộc Lê Lợi (tức vua Lê Thái Tổ) thế kỷ 15.

Di tích Đa Bút : Di tích Đa Bút ở xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc. Đây là di tích cổ thuộc thời đại đá mới, có niên đại 7800 năm. Tên Đa Bút được lấy để đặt cho văn hóa Đa Bút, là một trong những nền văn hóa cổ tiêu biểu đã được khám phá ở Việt Nam.

Đền anh hùng Lý Thường Kiệt : Thuộc huyện Hà Trung, có bia và đền thờ anh hùng Lý Thường Kiệt đã hơn 70 tuổi còn cầm quân "phá Tống, bình Chiêm".

Đền anh hùng Trần Nhật Duật : Dân chúng lập đền thờ anh hùng Trần Nhật Duật, một vị anh hùng dân tộc đời Trần, ở hai huyện Nga Sơn (xã Văn Trinh) và huyện Nông Cống (xã Nhân Cương).

Đền vua Lê Thái Tổ : Ở làng Lam Sơn, huyện Thiệu Hóa, có đền và tượng của vua Lê Thái Tổ, người anh hùng Lê Lợi đã đánh đuổi giặc Minh ra khỏi nước và dựng lên triều Hậu Lê kéo dài 360 năm.

Vùng Lam Sơn : Cách huyện lỵ Thiệu Hóa 25 km. Có một dãy núi đá và một quả núi đất, ở dưới chân núi là nhà của anh hùng Lê Lợi, căn cứ kháng chiến chống giặc Minh. Mộ của ông ở đây (còn gọi là Vinh Lăng) và ngôi đền Mục Sơn có lập tượng thờ vua Lê Thái Tổ. Vùng Lam Sơn có nhiều lăng của các vua Lê. Những địa danh lịch sử như Chí Linh ở Giao Lão, huyện Lang Chánh; Lỗi Giang (sông Mã), Đa Bút, Yên Trường đều ở chung quanh vùng Lam Sơn.

Đập Bái Thượng : Cách tỉnh lỵ Thanh Hóa chừng 56 km, được xây gần 100 năm. Đây là một công trình kỹ thuật đáng kể. Về mùa nước lớn, khối nước bên trong đập dâng cao. Cảnh trí rất hùng vĩ.

Miếu Đồng Cổ : Thuộc xã Đan Nè, trong núi Tam Thai. Miếu có trống đồng, mặt trống dài hơn 2 m, và cao trên 1 m; mặt có chín vòng tròn, chung quanh khắc chữ cổ. Tục truyền rằng đây là trống đồng đời vua Hùng Vương.

Thành Ba Đình : Nơi ba làng Mỹ Khê, Thượng Thọ và Mậu Thịnh, còn vết tích thành Ba Đình, nơi anh hùng Đinh Công Tráng cùng dân quân đánh quân Pháp.

Núi Hùng Lĩnh : Còn gọi là núi Bút, ở phía Đông huyện Vĩnh Lộc. Dưới chân núi này, thuộc làng Đa Bút, là nơi Bình Định Vương Lê Lợi bị giặc Minh vây. Đây cũng là căn cứ kháng chiến của anh hùng Tống Duy Tân. Làng này có miếu "Bạch Hồ Tiên Cô" rất cổ kính. Phía Tây chân núi có một giếng nước nóng luôn luôn sôi sùng sục; trong núi có nhiều nhân sâm khá quý. (Đừng nhầm núi Hùng Lĩnh của Thanh Hóa, căn cứ kháng chiến của Tống Duy Tân, với núi Hồng Lĩnh của Hà Tĩnh, quê của Nguyễn Du).

Đền An Tiêm : Gần cửa biển Y Bích có núi đá nhỏ, trong là hang và đền thời Mai An Tiêm. Tục truyền rằng đây là nơi gia đình ông trú ngụ, rồi khai phá đất đai trồng dưa hấu. Vùng Nga Sơn cũng có bãi An Tiêm và con cháu họ Mai sống rất đông.

Đền Long Cẩm và đền Sòng : Là hai ngôi đền cổ kính, đền Long Cẩm cách đền Phố Cát không xa, dựng trên một ngọn đồi; đền Sòng ở làng Cố Đàm, cách tỉnh Ninh Bình hơn 28 km.

Lăng miếu : Lăng của các vua Lê Hiến Tông và Lê Huyền Tông ở làng Bàn Thạch, huyện Thọ Xuân. Lăng vua Lê Thế Tông ở huyện Đông Sơn. Lăng vua Lê Hy Tông ở làng Phú Lâm, huyện Thiệu Hóa.

Hàm Rồng : Còn gọi là Long Hạm San, phía Đông - Bắc tỉnh. Chòm núi gồm 99 ngọn, ngọn cuối cùng cất cao như đầu con rồng; ngọn bên tả có đồng Long Quang, chứa tới được 50 người; phía sau có hang nhỏ chứa năm sáu người. Tục truyền đó là hai mắt của rồng, ngọn phía hữu là mũi rồng. Phía dưới là đá chia làm hai từng, từng trên hơi chếch lên, từng dưới sà xuống, trông giống như con rồng đang ngậm sa, hớp nước.

Vùng Bản Thủy : Có ngọn núi Hoàng Phong. Khi quân giặc nhà Minh tấn công miền này, dân chúng đã trốn ở quả núi đất giữa đồng và bị giặc đốt chết hết. Dân chúng làm lễ tưởng niệm vào ngày 15 tháng 8 âm lịch hàng năm.

Đền Mỵ Nương : Trên núi Biện Sơn thuộc đảo Nghi Sơn có đền thờ Mỵ Nương, con gái vua An Dương Vương. Và còn di tích thành xây thời Tây Sơn, có 12 khẩu

đại bác và kho thuốc súng.

Núi Kim Sơn : Có 29 ngọn và có hai động Tiên Phan và Ngọc Long khá đẹp.

Động Kim Sơn : Có "Cầu Tiên". Phía Nam có ngọn Mai Sơn, đầy trúc và hồ sen. Núi Cốc ở phía Đông có hang rộng đủ cho thuyền qua.

Phía Nam tỉnh lỵ : Là các núi An Hoạch, núi Khế, có đá trắng mịn, gõ vào nghe tiếng rất trong được dùng làm chuông đá. Ở đây có hang và chùa Tiên Sơn.

Huyện Đông Sơn : Xã Phủ Lý, Lê Bá Quát, danh sĩ đời vua Trần Minh Tông, được xem là có tài văn học như Phạm Sư Mạnh cùng thời; con ông là Lê Dác, một danh tướng đời Trần Mạt. Xã Phủ Lý : Lê Văn Hưu, sử gia đời vua Trần Thánh Tông nhà làm sử đầu tiên ở nước ta, tác giả bộ Đại Việt Sử Ký (gồm 30 quyển, chép từ đời Triệu Vũ Đế năm 207 trước Tây lịch đến đời Lý Chiêu Hoàng năm 1224). Xã Thạch Khê : Lê Hi, sử gia đời Lê Hy Tông, cùng với Nguyễn Quý Đức tục biên bộ Đại Việt Sử Ký (soạn từ đời vua Lê Huyền Tông đến Lê Gia Tông).....

Huyện Nông Cống : Xã Phương Khê, Nguyễn Hoàn, sử gia đời vua Lê Hiển Tông, cùng với Lê Quý Đôn và Vũ Miên bổ túc bộ Đại Việt Sử Ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên; khi Lê Chiêu Thống thờ giặc Thanh, ông về giúp quân Tây Sơn...

Huyện Thọ Xuân : Trịnh Duy Liệu, văn chương lỗi lạc và là trung thần đời Lê Chiêu Thống. Ông có người anh là Trịnh Duy Thoan, cũng là một công thần cùng thời...

Huyện Thiệu Hóa : Làng Dụng Tú, Lê Lâm (con của anh hùng Lê Lai), võ tướng đời vua Lê Thái Tổ, hy sinh trong trận đánh với Ai Lao. Con ông là Lê Niệm, lúc còn nhỏ thông minh, khí độ hơn người, sau là một văn gia và danh tướng đời vua Lê Thánh Tông...

Huyện Hoằng Hóa : Làng Băng Sơn, Lê Phụng Hiểu, danh tướng và công thần đời vua Lý Thái Tổ, ông là người có sức khỏe phi thường. Làng Hội Trào: Lương Đắc Bằng, lương thần đời Lê Hiến Tông, lúc nhỏ đã nổi tiếng thần đồng hay chữ; ông là người dâng Trị Bình Thập Tử Sách (14 chước để anh định đất nước). Đây cũng là quê Lương Hữu Khánh, một công thần và danh sĩ đời Lê Trung Hưng. Làng Hoằng Nghĩa : Nguyễn Quỳnh (Trạng Quỳnh), danh sĩ đời Lê Mạt, là bạn thơ của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm...

Huyện Vĩnh Lộc : Hoàng Đình Ái, danh sĩ từ triều vua Lê Trang Tông đến Lê Kinh Tông, cũng là một vị tướng tài giỏi, dũng cảm đầy mưu lược. **Xã Sơn Thôn** : Hoàng Sằn Phu, danh sĩ đời Lê Thái Tông, tác giả Quần Hiền phú tập...

Huyện Tinh Gia : Làng Hoa Trai, quê Đào Duy Từ, tinh thông kinh sử, sở trường về thơ văn, giỏi lý số và binh thư đồ trận, một trong ba đại công thần lập quốc của các Chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Ông là tác giả bài quốc âm Tư Dung Vân và bộ binh thư Hổ Trướng Khu Cơ và được thiên hạ coi là một Gia Cát Lượng của trời Nam...

Thanh Hóa : Là quê của Trương Trung Ái, tổ nghề đồ gốm và đồ sành ở nước ta, sống dưới triều vua Triệu Vũ Đế từ (207 - 137 trước Tây lịch). Quê quán Lê Dự, nổi tiếng thơ phú, đỗ Giải nguyên đời vua Thành Thái; sau ông theo phong trào Cần Vương chống Pháp, rồi bị bắt đày lên Lao Bảo và mất ở đây.

Các dịp lễ hội

Thanh Hóa là một trong nhưng địa bàn cư trú của người Việt cổ, nơi có nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ với trống đồng Đông Sơn là di vật độc đáo của nền văn hóa này. Nhiều hang động đá vôi là những nơi cư trú của những nhóm người cổ từ hàng mấy ngàn năm. Thanh Hóa là đất có truyền thống văn hóa lâu đời được gọi là đất "đại linh nhân kiệt" đã cung cấp cho đất nước biết bao danh nhân văn hóa và anh hùng dân tộc, nơi phát tích của các triều Tiền Lê, Hậu Lê, Nhà Hồ, Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn mà dấu ấn còn ghi lại ở các vùng quê với các đền đài, miếu mộ, lăng tẩm, thành quách. Hiếm có vùng đất nào lại sinh ra tới "ba dòng vua", "hai dòng chúa" như ở đất Thanh.

Thanh Hóa cũng là nơi có nhiều dân tộc ít người cư trú. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng. Hò sông Mã là một làn điệu dân ca đặt trưng nhất của đất Thanh.

Dân tộc Mường ở Thanh Hóa có kho tàng văn học dân gian phong phú với các trường ca, truyện thơ nổi tiếng. Có các làn điệu hát xéc bùa, hát ví và các điệu múa : múa bông, múa quạt, múa sạp...

Dân tộc Lào có vốn văn học dân gian phong phú với nhiều truyền thuyết, huyền thoại, cổ tích, dân ca. Đặc biệt phụ nữ Lào không những hát hay mà còn múa rất

giỏi các điệu dân vũ. Họ có nhiều nghi thức tín ngưỡng khác liên quan đến nông nghiệp như lễ cầu mưa, tục ăn cơm mới.

Dân tộc Lự ở Thanh Hóa có hát Lự (khắp Lự) là điệu hát quen thuộc của thanh niên trai gái Lự. Người con gái che mặt bằng tấm vải màu đỏ ngồi hát theo tiếng sáo do người con trai thổi đệm. Người Lự có lịch riêng.

Lễ hội đền Dương Sơn : Đền Dương Sơn thuộc huyện Hoằng Hóa. Lễ hội diễn ra từ ngày 4-7 tháng 1 âm lịch để tưởng nhớ công đức của Lê Phụng Hiểu, một danh tướng nhà Lý. Ngày 5 tháng 1 là chính hội, có tế lớn. Lễ hội có nhiều trò thi nấu cơm, thi đồ xôi, thi làm bánh. Ca hát thờ thần, hát trải thờ, múa bài bông, múa đèn, múa tứ Linh...

Hội đền vua Lê : Đền vua Lê thuộc làng Vệ Yên, xã Quang Thắng, thành phố Thanh Hóa, thờ vua Lê Thái Tổ. Lễ hội diễn ra trong 3 ngày từ ngày 5 đến 8 tháng 1 âm lịch. Mở đầu lễ hội, các vị bô lão chức sắc rước bài vị thần về đình. Trong lễ hội có tổ chức hội trận, trai làng múa rối, múa kiếm, đi quyền, đấu vật, cướp cầu...

Lễ hội đền Sòng : Lễ hội được tổ chức vào ngày 15 tháng 3 âm lịch để tưởng nhớ bà chúa Liễu Hạnh (người được tôn vinh là Thánh Mẫu). Lễ hội này rất đông người tham gia, với tấm lòng thành kính, biết ơn và cầu phúc.

Lễ hội đền Bà Triệu : Lễ hội được tổ chức hàng năm vào ngày 24 tháng 2 âm lịch. Nhân dân các nơi về dự hội, nhắc lại câu nói đầy khí phách của bà : "Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồn sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, cởi ách nô lệ chứ tôi không chịu khom lưng làm tì thiếp người".

Ngoài ra còn nhiều lễ hội tôn giáo như lễ Giáng Sinh, hay các lễ hội của các dân tộc thiểu số ở Thanh Hóa.

Thừa Thiên - Huế

Diện tích : 5010 km².

Dân số : 1.078.900 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thành phố Huế.

Các huyện : Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Phú Vang, Hương Thủy, Phú Lộc, A Lưới, Nam Đông.

Dân tộc : Việt (Kinh), Tà ôi, Cà Tu, Bru - Vân Kiều, Hoa...

Phía Bắc, Thừa Thiên Huế giáp tỉnh Quảng Trị, phía Nam giáp thành phố Đà Nẵng, phía Tây Nam giáp tỉnh Quảng Nam, phía Tây dựa vào dãy Trường Sơn chính là biên giới Việt - Lào, phía Đông trông ra biển. Cách Hà Nội 660 km, cách thành phố Sài Gòn 1080 km.

Địa hình Thừa Thiên Huế có cấu tạo dạng bậc khá rõ rệt. Địa hình núi chiếm khoảng 1/4 diện tích, từ biên giới Việt - Lào và kéo dài đến thành phố Đà Nẵng. Địa hình trung du chiếm khoảng 1/2 diện tích, độ cao phần lớn dưới 500 m, có đặc điểm chủ yếu là đỉnh rộng, sườn thoải và phần lớn là đồi bát úp, với chiều rộng vài trăm mét. Đồng bằng Thừa Thiên Huế điển hình cho kiểu đồng bằng mài mòn, tích tụ, có cồn cát, đầm phá. Diện tích vùng đồng bằng chiếm khoảng 1400 km².

Hầu hết các sông lớn ở Thừa Thiên Huế đều bắt nguồn từ dãy núi Trường Sơn, chảy ngang qua đồng bằng, xuống đầm phá, đổ ra biển như sông Ô Lâu, sông Bồ, sông Hương, sông Truồi, sông Cầu Hai... Trong đó sông Hương là con sông lớn nhất có diện tích lưu vực 300 km².

Bờ biển dài 120 km, có cảng Thuận An và Vịnh Chân Mây với độ sâu 18 - 20 m, có khả năng xây dựng cảng nước sâu. Sân bay Phú Bài nằm trên đường quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt chạy lục tỉnh. Giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường thủy đều thuận lợi.

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cho nên thời tiết diễn ra theo chu kỳ 4 mùa, mùa xuân mát mẽ, ấm áp; mùa hè nóng bức; mùa thu dịu dàng và mùa đông gió rét. Nhiệt độ trung bình cả năm 25°C. Số giờ nắng cả năm là 2000 giờ. Mùa du lịch đẹp nhất từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau.

Thừa Thiên Huế có đặc thù ưu việt đó là sự đa dạng của cảnh quan thiên nhiên cộng với yếu tố nhân tạo đã tạo ra cho Thừa Thiên Huế một nét đẹp hài hòa,

phản ánh đầy đủ những thắng cảnh của một Việt Nam thu nhỏ. Sông Hương chảy giữa lòng thành phố, những khu vườn xum suê, những dòng kênh bao quanh, những đồi thông soi bóng xuống những hồ nước trong xanh, trải rộng, những bãi tắm Thuận An, Cảnh Dương, Lăng Cô nước trong, cát mịn. Tựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ, Thừa Thiên Huế tự hào có khu nghỉ mát lý tưởng Bạch Mã đã từng được so sánh với các khu nghỉ mát độc đáo của Đông Dương.

Thừa Thiên Huế là một vùng đất cổ. Vào thế kỷ 13 vùng đất thơ mộng này đã hòa nhập vào Đại Việt bởi là quà tặng của Vua Chiêm Thành khi cưới công chúa Huyền Trân nhà Trần. Phong cảnh tươi đẹp, địa hình hiểm trở tạo cho Huế có một vị trí đặc biệt trong lịch sử Việt Nam. Nơi đây đã được chúa Nguyễn Hoàng chọn làm Kinh Đô xứ Đàng Trong (1558), vua Quang Trung chọn làm Kinh Đô triều đại Tây Sơn (1788 - 1802), vua Gia Long chọn làm Kinh Đô triều Nguyễn (1802 - 1945). Trong hơn 400 năm, Huế là trung tâm chính trị, văn hóa của nhà nước Việt Nam. Chính vì vậy, nơi đây còn lưu giữ hàng trăm di tích lịch sử, văn hóa mà nổi bật nhất là các cung điện, lăng tẩm của các vua chúa nhà Nguyễn. Với các di tích đó, Huế đã được công nhận là di sản văn hóa thế giới (ngày 11-12-1993).

Tiềm năng du lịch nổi bật của Huế là quần thể các di tích văn hóa Thừa Thiên Huế vừa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa nhân loại với trên 300 công trình kiến trúc bao gồm hệ thống thành quách, cung điện, lăng tẩm của các vua triều Nguyễn; các kiến trúc cung đình, kiến trúc dân gian, các chùa chiền, miếu mạo, phủ đệ, hệ thống nhà vườn...

Sinh hoạt, kinh tế

Người Kinh sinh sống đa số trong tỉnh, ngoài ra là một số đồng bào Thượng sắc tộc Pacoh và Khatu. Tôn giáo chính là đạo Phật, Thiên Chúa, thờ cúng Tổ Tiên và Thần Linh.

Hoa màu chính là lúa, trồng nhiều ở các vùng Phong Điền, Hương Trà, Hương Thủy, Phú Vang. Vài loại lúa quý như lúa An Cựu, thơm, hạt nấu không dính. Các loại hoa màu phụ như sắn, ngô, đậu nành, bo bo, khoai lang... trồng nhiều ở Quảng Điền, Phong Điền, Hương Trà. Loại cây kỹ nghệ có thuốc lá, tiêu, trà. Cây ăn trái gồm xoài, long nhãn, cam, thanh trà (thuộc loại bưởi), na, dưa hấu, vải.

Các khu rừng rậm có nhiều lâm sản khai thác như gỗ tre, nứa, lim, gụ, trắc mây, một số dược thảo, mật ong, sáp ong. Thú rừng cũng nhiều con như hổ, hươu, dê rừng, khỉ, vượn.

Biển có nhiều loại cá như cá nhám, cá thu, cá chim, mực, tôm, cá mú, cá đối... Tại các phá, đầm có nhiều tôm lớn, cá nước ngọt như cá chép, cá chẻm...

Kinh tế và thương mại của Huế tập trung vào những sinh hoạt buôn bán bình thường, không có gì quan trọng. Đất để trồng trọt rất ít, thường dùng để trồng cây ăn trái. Nhãn Huế ngon nổi tiếng.

Nhưng tiểu thủ công nghệ của Huế nổi tiếng tinh xảo, nhất là các nghề chạm trổ điêu khắc. Ngoài ra, nói đến Huế là nói đến nghề làm nón. Chiếc nón lá bài thơ của đất Thần Kinh ai cũng biết, đã được ghi vào thi ca vần nhạc nước ta. Huế còn nổi tiếng vì các món ăn, món quà đặc thù của địa phương. Kẹo mè sửng, bún bò Huế, nem, tré, bánh khoái, bánh ít ram, bánh bèo, bánh khói, bánh lá chả tôm, cơm nuốc, cơm âm phủ, cơm cháo hến... là những sản phẩm đặc biệt của thành phố này. Khu chợ Đông Ba nổi tiếng với nhiều hàng quán tấp nập người mua bán.

Chợ Đông Ba đem ra ngoài dại.
Cầu Trường Tiền đúc lại xi-mon.
Ôi người lỡ hội chồng con.
Về đây gá nghĩa vuông tròn với ta.

Xưa, chợ Đông Ba ở ngay phía trước kinh thành Huế, sau khi quân Pháp xây tòa khâm sứ bên cạnh, dân chúng ngầm tỏ ra bất mãn bằng cách dời chợ ra gần cầu Trường Tiền để dễ dàng lui tới buôn bán. Những người yêu nước thường mượn hình ảnh các di tích và thắng cảnh ở Huế để đặt ra những câu thơ kêu gọi các sĩ phu tham gia cứu nước. Và sông Hương cũng nhập vào lời thơ kêu gọi thống nhất :

Tiếng hát ngư ông giữa sông Nhật Lệ.
Tiếng kêu đàn nhạn trên ánh Hoành Sơn.
Một mình em ngồi giữa sông Hương.
Tiếng ca theo khúc đoạn trường ai nghe!

Lược sử

Đất Huế xưa thuộc bộ Việt Thường, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Sau một

thời gian dài nước ta bị giặc chiếm đóng phía Bắc, một dân tộc sống từ lâu ở đây đã thành lập nước Chiêm Thành, làng Nguyệt Hàn là quốc đô Phật Thệ của Chiêm. Năm 1306, vua Chế Mân dâng hai châu Ô và châu Ri làm sính lễ xin cưới Huyền Trân Công Chúa. Vua Trần Anh Tông đổi châu Lý thành châu Hóa, châu Ô thành châu Thuận. Châu Hóa gồm Triệu Phong, Hải Lăng, Phong Điền; Châu Ô gồm Hương Trà, Quảng Điền, Hòa Vang, Diên Phước. Cả hai châu đều thuộc về Thuận Hóa. Thời Minh thuộc, hai châu Thuận và Hóa nhập lại thành phủ Thuận Hóa. Đời Lê, vùng này là phủ Triệu Phong thuộc xứ Thuận Hóa. Năm 1687.Chúa Nguyễn Phúc Trân dựng phủ mới ở Phú Xuân. Đời Nguyễn Phúc Khoát là Chánh Dinh. Tỉnh Thừa Thiên lập từ đời Minh Mạng.

Đất thành phố Huế trước đây thuộc trấn Thuận Hóa. Năm 1558, chúa Nguyễn Hoàng vào trấn đóng nơi nầy, lập dinh ở làng Ái Từ, thuộc phủ Triệu Phong (tỉnh Quảng Trị ngày nay). Năm 1687, chúa Nguyễn Phúc Trân dựng phủ mới ở làng Phú Xuân (thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, chỗ Đông Nam Kinh ngày nay).Vào thế kỷ thứ 17, người Âu Châu thường gọi Thuận Hóa là Singoa, Sinoa hay Senna. Đến năm 1744, Chúa Nguyễn Phúc Khoái lên làm vua, đổi phủ thành điện, xây tổng miếu để thờ các Chúa thời trước. Thời nội chiến giữa các nhà Trịnh, Nguyễn và Tây Sơn, Phú Xuân giữ vị trí chiến lược trên cục diện nước ta.

Năm 1774, đời Chúa Nguyễn Phúc Thuận, Chúa Trịnh Sâm ngoài Bắc cử Hoàng Ngũ Phúc đánh chiếm Phú Xuân. Hơn mười năm sau, Nguyễn Huệ giải phóng Phú Xuân năm 1786, lấy đất này làm bàn đạp hành quân ra Bắc và tiêu diệt quân Mãn Thanh xâm lược năm 1789. Sau đó Quang Trung Nguyễn Huệ định xây dựng Nghệ An thành kinh đô, nhưng vẫn tái thiết và mở mang Phú Xuân để trông về miền Nam, nơi Nguyễn Nhạc thủ quân tại Qui Nhơn, Mặc cho Nguyễn Ánh trở về Gia Định xây dựng lại lực lượng. Phú Xuân trở thành kinh đô thực tế của Quang Trung và Quang Toản cho đến khi nhà Tây Sơn sụp đổ vào tay Nguyễn Ánh. Năm 1801, Nguyễn Ánh chiếm được Phú Xuân và sau khi toàn thắng đặt Huế làm kinh đô, gọi cố đô Thăng Long là Bắc Thành.

Tên gọi của Huế là do chữ Hóa của Thuận Hóa mà đọc trại ra. Kinh thành Huế được khởi đắp từ năm 1805. Lúc đầu được đắp bằng đất, đến năm 1818 mới xây

bằng gạch ở mặt phía Nam và Tây, rồi đến mặt phía Bắc, mặt phía Đông hoàn thành vào năm 1821. Năm 1824, việc xây cất mới hoàn tất.

Khi quân Pháp xâm lăng nước ta, đất nước bắt đầu lâm vào cảnh lầm than, đen tối. Mọi quyết định quan trọng của triều đình đều ảnh hưởng đến tương lai dân tộc. Triều đình Tự Đức bấy giờ nhu nhược, không biết tính sao, chỉ chủ hòa để thương lượng với giặc. Vì vậy mới có hòa ước Nhâm Tuất 1862 nhường cho Pháp ba tỉnh miền Đông (Biên Hòa, Gia Định, và Định Tường). Vận nước nguy như trứng chồng, triều đình vẫn loay hoay đắp vá, tiến thoái bất thường, ngây thơ trước những gian manh của giặc. Vì vậy lại có hòa ước Giáp Tuất 1874 nhường nốt ba tỉnh còn lại của Lục Tỉnh cho Pháp chiếm. Nói đến lịch sử của Huế là phải nhắc đến những biến động ở kinh đô vào thời Nguyễn và khi quân Pháp bắt đầu cai trị nước ta.

Vua Tự Đức mất vào tháng 7-1883, bất lực không con, đem cháu gọi bằng bác là Thụy Quốc Công lên kế vị, thành vua Dục Đức. Triều thần không phục, Dục Đức bị phế và giam ngục, một tuần sau mất. Người em út của Tự Đức là Lạng Quốc Công Hồng Dật được đưa lên thay là vua Hiệp Hòa, nhưng ông cũng là người bạc nhược. Trong triều, người dũng cảm và nhiều quyền uy là Phụ Chính Tôn Thất Thuyết. Anh hùng Tôn Thất Thuyết sinh trưởng tại Huế, cùng giữ chức Phụ Chính với Nguyễn Văn Tường và Trần Tiến Thành coi việc trị nước. Trần Tiến Thành luôn luôn chủ hòa nhưng ông Tôn Thất Thuyết khuyên triều đình phải đánh. Ngày 17-8-1883, giặc Pháp đem thủy quân tấn công thành Trấn Hải ở cửa Thuận An, quan quân ta dốc lòng quyết chiến nhưng bốn ngày sau thành vỡ. Giặc bắt triều đình ký hòa ước Quý Mùi (25-8-1883), chúng muốn chia nước ta để trị, đòi cai quản, bảo hộ, ngang nhiên cắt cho triều đình mảnh đất con từ tỉnh Khánh Hòa đến đèo Ngang để "cai trị"! Vua Hiệp Hòa muốn được yên thân, dù có bị ngoại bang bảo hộ và chỉ là bù nhìn, nên ngầm thông đồng với giặc, Hiệp Hòa bị giam và buộc uống thuốc độc ngày 30 tháng 11. Ngày 2-12-1883, con nuôi thứ ba của Tự Đức được đưa lên ngôi là vua Kiến Phúc thì chỉ được sáu tháng cũng chết, hình như do Nguyễn Văn Tường đầu độc vì Tường tư thông với một bà Học Phi bị vua biết.

Ngày 2-8-1884, vua Hàm Nghi kế vị lúc mới 12 tuổi. Khi còn thơ ấu dù là con cháu vương tộc nhưng vua Hàm Nghi thích ăn mặc bình dị và chơi đùa với trẻ nhỏ thuộc gia đình dân giả. Vận nước bây giờ đặt nặng trên vai vị vua 12 tuổi và quan Phụ Chính 50 tuổi. Một số quan yêu nước không phục tùng hòa ước của giặc nên rời Huế trở về quê quán tổ chức kháng chiến. Ông Tôn Thất Thuyết bí mật xây dựng chiến khu Tân Sở (Quảng Trị) tính trường kỳ đánh Pháp.

Lúc 1 giờ sáng, ngày 5-7-1885 ông chỉ huy nghĩa quân bất thần tấn công tòa khâm sứ Pháp tại kinh đô và đánh trại binh Pháp tại đồn Mang Cá. Quân Pháp tăng cường viện binh vây chặt kinh thành. Quân ta thua Tôn Thất Thuyết cùng với hai người con là Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp đưa vua Hàm Nghi về Huế lên chiến khu Tân Sở, rồi truyền hịch Cần Vương kêu gọi toàn dân kháng chiến. Đến 1888 vua Hàm Nghi bị bắt nhưng phong trào Cần Vương đã lan rộng khắp nơi.

Năm 1889, tại kinh đô Huế vua Thành Thái đang bị giam với mẹ trong ngục, được rước ra và được tôn lên ngôi lúc 18 tuổi. Ông là người thông minh, yêu nước, có ý chí đánh đuổi Pháp, ngầm liên lạc với phong trào Đông Du và các chiến sĩ cách mạng. Năm 1907, biết vua Thành Thái mưu việc độc lập, giặc Pháp bắt ông đày xuống Vũng Tàu, sau đưa đi an trí tại đảo Réunion tại Phi Châu. Trục xuất vua Thành Thái rồi, Pháp ép vua Duy Tân lên ngôi lúc 8 tuổi. Đây là một vị vua còn trẻ đã biết yêu nước thiết tha.

Chí khí của ông tỏ lộ khi còn thơ ấu, với câu hỏi : "Tay dơ lấy nước mà rửa, nước dơ lấy gì mà rửa ?". Tháng 9-1915, anh hùng Thái Phiên được Việt Nam Phục Hội ủy nhiệm triệu tập khẩn cấp các chiến hữu đại diện các tỉnh Quảng Bình, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, họp đại hội lần thứ nhất tại phố Đông Ba để hoạch định việc khởi nghĩa và vận động vua Duy Tân tham gia trực tiếp. Các anh hùng Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Hữu Khánh và Nguyễn Quang Siêu đặc trách việc liên lạc, tiếp xúc với vua. Đầu năm 1916, hai ông Thái Phiên và Trần Cao Vân giả làm người câu cá ở Phú Văn Lâu rồi bí mật vào hồ Tịnh Tâm gặp vua như đã hẹn. Vua Duy Tân vui mừng tán thành và mong cuộc khởi nghĩa tiến hành sớm.

Giữa tháng 2-1916. Quang Phục Hội họp ở Huế lần thứ hai, bàn thảo chi tiết, phân

chia công tác và dự định khởi nghĩa tại các tỉnh miền Trung vàongày 3-5-1916. Nhưng tiếc thay đại sự không thành vì nội phản. Vua và các yếu nhân của Quang Phục Hội bị bắt. Vua Duy Tân bị đày đi Phi Châu như vua cha còn các anh hùng Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Quang Siêu, Tôn Thất Đề và Phan Hữu Khánh bị giặc chém tại An Hòa (phía Tây-Bắc Thành Nội Huế) ngày 17-5-1916.

Năm 1925, mật thám bắt anh hùng Phan Bội Châu tại Trung Hoa, giải về giam tại Hà Nội và đưa ra tòa đề hình, đòi thi hành án tử hình khiến diện đã có từ trước. Dân chúng biểu tình khắp nơi phản đối bản án này làm giặc Pháp phải nhượng bộ và đưa ông về giam lỏng tại Huế. Sau 15 năm phải sống thúc thủ trong một căn nhà nhỏ bên dòng sông Hương, anh hùng Phan Bội Châu mất ngày 29-10-1940.

Thời Pháp thuộc, làng Chi Long, huyện Phong Điền có một gia đình tận trung với nước, đánh quân Pháp đến hơi thở cuối cùng. Đó là anh hùng Nguyễn Tri Phương. Ông đã vào sinh ra tử khắp nơi, từ Nam ra Bắc, cùng với em là anh hùng Nguyễn Duy và con là anh hùng Nguyễn Lâm bảo vệ đất nước. Ngày 17-8-1883 (Quý Mùi), hải quân Pháp do hai tên Coubert và toàn quyền Harmand tấn công thành Trấn Hải ở cửa biển Thuận An. Quân ta quyết chiến bảo vệ thành. Cửa Thuận An khói lửa đầy trời. Nhưng lực lượng của giặc quá mạnh, ngày 20-8, thành Trấn Hải vỡ. Các anh hùng Lâm Hoằng, Lê Sĩ, Lê Chuẩn, Nguyễn Trung đều tử trận, còn anh hùng Trần Thúc Nhân (người làng Niên Phò, quận Quảng Điền) nhảy xuống biển tự vận.

Tháng 4 trước cao trào chống thuế, bắt đi phu đồng bào Thừa Thiên biểu tình tại các cơ quan hành chánh và tấn công đồn bót của giặc ở Đông Ba. Người góp phần tích cực trong công tác vận động đồng bào đấu tranh chống thuế là anh thư Lê Thị Đàn (quê Lại Thượng), hoạt động tích cực cho phong trào Đông Du và sau đó gia nhập Việt Nam Quang Phục Hội với nhiệm vụ giao liên từ Quảng Nam, Huế, Nghệ An đến Hải Phòng, Hà Nội. Sa vào tay giặc năm 1910, bà bị giam tại Thừa Thiên và dùng dây thắt cổ chết.

Phong cảnh, di tích

Sông Hương : Du khách đã đến Huế thì không ai bỏ qua chương trình du thuyền trên sông Hương. Bởi Huế mà không có sông Hương thì đâu còn Huế thơ, Huế

mộng... Gọi là sông Hương vì từ xa xưa, dòng sông này đã chảy qua những cánh rừng nhiều thảo mộc có hương thơm ngào ngạt, nên khi vào Huế dòng sông đem theo hương thơm của cây cỏ thiên nhiên. Với độ dài khoảng 80 km. Sông Hương uốn lượn trong thành phố Huế như một sự sắp đặt để làm vui lòng du khách. Thuyền sẽ đưa du khách dạo khắp kinh thành dưới các cầu Dã Viên, Phú Xuân, Tràng Tiền, đưa du khách lên thăm lăng Minh Mạng, Điện Hòn Chén, chùa Thiên Mụ v.v.. Và xuôi về Thuận An tắm biển. Du khách thích tư duy, xin mời ngược dòng sông lên chơi rừng thông Lăng Thiên Thọ mà nghe vi vút thông reo... Khi đêm về, dưới ánh sáng trăng, mặt sông như được dát bạc, giọng hò man mác cất lên, du khách hãy đón chén rượu từ tay cô gái Huế mà thưởng thức vị ngọt ngào trong tiếng đàn, giọng hát.

Thành Phố Huế : Huế là tỉnh lỵ của tỉnh Thừa Thiên Huế, một kinh đô cổ của Việt Nam còn tồn tại khá nhiều công trình gần như nguyên dạng. Giá trị to lớn của Huế được thế giới biết đến chính là quần thể kiến trúc cung đình, thành quách, đền miếu, lăng tẩm... của các vua chúa triều Nguyễn, được xây dựng công phu trong phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ dọc hai bên bờ sông Hương. Nếu được so sánh, thì có thể nói vịnh Hạ Long là sự kỳ diệu của thiên nhiên còn cố đô Huế là sản phẩm của sự sáng tạo của trí tuệ Việt Nam. Với những nét đặc sắc đó, tổng thể di tích cố đô Huế đã được UNESCO công nhận là di sản

Núi Ngự Bình : Núi còn có tên là Băng Sơn, cách kinh thành Huế khoảng 3 km. Ngự Bình là ngọn núi hình thang, cao 105 m, đỉnh bằng phẳng. Nhìn từ xa, Ngự Bình như bức bình phong che chở cho kinh thành Huế.

Cùng với sông Hương núi Ngự Bình là quà tặng vô giá thứ hai của tạo hóa cho Huế, quyện vào nhau tạo nên vẻ sơn thủy hữu tình của Huế. Từ lâu, ngọn núi xinh đẹp này cùng với sông Hương trong xanh đã trở thành biểu tượng của thiên nhiên Huế. Người ta quen gọi Huế là xứ sở của sông Hương - núi Ngự.

Từ bao thế hệ, lớp lớp tao nhân mặc khách từng coi đây là chốn thưởng ngoạn thiên nhiên kỳ thú. Vào những ngày đẹp trời, đứng trên những Ngự Bình, có thể thu vào tầm mắt toàn cảnh thành phố với cung điện nguy nga, mái chùa cổ kính và dòng sông Hương xanh biếc uốn lượn quanh co. Ngay trước tầm mắt là khu đồi,

là rừng thông bát ngát tiếp đến một rừng đồng bằng rộng lớn của các huyện: Hương Thủy, Phú Vang, Hương Trà cỏ cây xanh rờn... Xa hơn là dãy Trường Sơn trùng điệp một màu tím thẫm ẩn hiện sau những tầng mây bạc. Nhìn về phía Đông, dải cát trắng mờ phía xa cửa Thuận An với màu xanh thăm thẳm của biển Đông...

Bãi Thuận An : Bãi biển Thuận An nằm cạnh cửa Thuận An, nơi sông Hương Phá Tam Giang, rồi thông ra biển. Đầu thế kỷ 19, vua Minh Mạng đặt tên là cửa Thuận An khi cho xây đài Trấn Hải, lập đồn lũy để phòng ngự. Bãi Thuận An cách thành phố Huế 13 km. Từ trung tâm thành phố, du khách chỉ mất 15 phút là đến nơi tắm biển. Bên trái con đường là dòng sông với cảnh ghe thuyền xuôi ngược, bên phải là nhà cửa, am miếu, chùa đền, ruộng vườn nối tiếp nhau. Thuận An là nơi tắm biển thú vị cho mọi du khách sau một ngày tham quan kinh thành, lăng tẩm, chùa chiền, phong cảnh ở Huế. Đây cũng là nơi dân xứ Huế kéo nhau về hóng mát và tắm biển vào dịp hè, bãi biển tấp nập nhất thường kéo dài từ tháng 4 đến tháng 9 lúc tiết trời nóng bức. Nhiều khi lượng khách quá đông, trên bãi không còn đủ chỗ cắm lều trại. Ngoài thú vui tắm biển, du khách có thể đi thăm miếu Thái Dương với sự tích nữ thần Thái Dương được dân làng hết lòng sùng bái; thăm miếu thờ thần cá voi, con vật linh thiêng của dân miền biển.

Làng Vườn : Đến với Huế, du khách còn được thưởng thức một thú vui khi đến thăm vườn nhà. Bởi vì theo quan niệm mang tính truyền thống của người dân xứ Huế thì khi nói đến nhà là phải nói đến vườn - hai bộ phận gắn liền của một tác phẩm đầy sống động, vừa có tác dụng kinh tế vừa có giá trị thẩm mỹ. Dân xứ Huế thường dành một phần năm đất vườn cho thú chơi hoa, chơi cảnh, nơi này khóm trúc, bụi hồng, nơi kia cành mai, chậu cúc. Bốn phần năm đất còn lại là để trồng rau và cây ăn quả. Nghề làm vườn ở đây ngoài sự cần cù, chịu khó, còn phải có đôi bàn tay khéo léo, đạt tới trình độ nghệ thuật để tỉa tót và lai tạo. Qua bao đời nay, Huế đã cống hiến cho quê hương, đất nước những đặc sản ngon lành nổi tiếng như Thanh Trà Nguyệt Biếu, quýt Hương Cần, nhãn lồng Kim Long, vải trạng Phụng Tiên, cam Mỹ Lợi...

Huế đẹp, Huế nên thơ bởi có dòng sông Hương tươi tắn, ru vỗ quanh năm. Còn vẻ

đẹp của sông Hương một phần lại nhờ có các vườn cây xum xuê rủ bóng xuống đôi bờ nặng trĩu trái ngọt, ngan ngát hương thơm của các thôn làng. Đó là những vườn đầy mít, chè, thơm của làng Tuần, vườn hoa muôn màu sắc: huệ trắng muốt, dâm bụt và hoa đồng tiền đỏ thắm bãi đồi Nguyệt Biều. Vườn chùa Huyền Không, một thế giới riêng của hoa, quả và thiền với vườn hồng, vườn cây ăn quả và cây cảnh, những giò lan quý bốn mùa nở hoa. Làng Kim Long mảnh đất tụ họp bao hoa thơm trái ngọt từ Bắc vào Nam.

Ở đây, nơi mà mỗi gia đình đều có một khu vườn riêng biệt, có cả măng cụt, chôm chôm Nam Bộ, hồng Lạng Sơn, vải thiều Hải Dương, hoa mai, hoa đào. Vườn An Hiên nổi tiếng bởi sự đa dạng của các loài hoa như lý, nhài, mẫu đơn, tường vi, đồng tiền, phong lan, sim, mua, hải đường, trà my. Thấp thoáng trong tán lá và hoa trái nhà mái nhà rường cổ kính với những bộ vì kèo chạm trổ công phu, những bờ nóc, bờ quyết chắp đồ án rồng mây, một mái ngói cổ kính, một lớp tường mờ rêu cùng với màu xanh hoa trái là bức tranh đẹp của nhà vườn xứ Huế, là nơi để con người có thể thư giãn, hòa nhập với thiên nhiên.

Bãi Tắm Lăng Cô : Bãi tắm Lăng Cô dài 10 km, nằm cạnh đường 1A gần đèo Hải Vân và cách khu Bạch Mã 24 km. Bãi Lăng Cô có bờ biển thoải, cát trắng, độ sâu trung bình dưới 1 m. Vào mùa tắm biển (từ tháng 4 đến cuối tháng 7), nhiệt độ trung bình 25°C. Khu vực biển Lăng Cô có nhiều loại tôm hùm, tôm sú, tôm bạc, tôm he, tôm vằn, tôm đất, cua, cá thu, cá chim, sò huyết... Gần bãi biển là thắng cảnh Chân Mây, làng cá Lăng Cô...

Cầu Tràng Tiền : Vắt qua Sông Hương có hàng chục chiếc cầu, nhưng chỉ có một cây cầu trở thành một trong những biểu tượng của Huế là cầu Tràng Tiền.

Theo sách "Đại Nam Nhất Thống Chí" do Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn : "cầu sắt Trường Tiền ở Đông Nam Kinh Thành... khởi làm năm Thành Thái thứ 9 (1897) cầu có 6 gian (6 nhịp), dài khoảng 400 m, đến năm 1899 mới xong"".

Đến tháng 8 năm 1904, một cơn bão dữ dội tràn vào miền Trung Việt Nam, cầu bị sập 4 nhịp, chỉ còn 2 nhịp. Năm 1906 cầu được sữa chữa lại. Cầu Tràng Tiền hôm nay đã được tu bổ nhiều lần qua thời gian. Ngay bên tả đầu cầu xưa là chợ nhỏ của bến đò Trường Tiền có tên chợ Đông Ba. Nay chợ Đông Ba là một trung tâm

thương mại của thành phố.

Chợ Đông Ba : Chợ là trung tâm thương mại lớn nhất của tỉnh Thừa Thiên Huế và khu vực. Chợ Đông Ba nằm bên đường Trần Hưng Đạo, cách cầu Tràng Tiền khoảng 100 m về phía Bắc. Sau nhiều biến cố và sự tàn phá của thiên nhiên, chợ được xây dựng lại năm 1986. Nơi đây hầu như có đủ các ngành hàng, từ hàng tiêu dùng thông thường, hàng công nghiệp giá trị cao đến các sản phẩm địa phương... rất đa dạng và phong phú.

Trong chợ, các sạp bán nón là nơi thu hút nhiều khách hơn cả. Đã từ lâu nón Huế là một thứ hàng nổi tiếng ở trong và ngoài nước. Nón ở đây mỏng, nhẹ và thanh thoát. Đã vậy ở mỗi chiếc nón ta lại thấy có nét độc đáo riêng khi cầm nón soi lên. Người thợ làm nón đã nói hộ bao tình cảm của mình với người thân khi được nhận chiếc nón làm quà... Chợ Đông Ba không chỉ là trung tâm thương mại mà còn là điểm du lịch hấp dẫn khi du khách có dịp đặt chân đến Huế.

Bãi Biển Cảnh Dương : Cảnh Dương là một bãi biển đẹp nhất ở Thừa Thiên Huế, cách thành phố Huế chừng 60 km. Bãi biển Cảnh Dương dài 8 km, rộng 200 m, hình vòng cung, nằm giữa mũi Chân Mây Tây và Chân Mây Đông, phong cảnh rất hấp dẫn. Bãi biển có độ dốc thoai thoải, cát trắng mịn, nước biển trong xanh và tương đối kín gió.

Đồi Vọng Cảnh : Cách núi Ngự vài km là đồi Vọng Cảnh, một danh thắng khác của Huế, đứng soi bóng duyên dáng bên dòng sông Hương, nhìn qua núi Ngọc Trản. Từ đồi Vọng Cảnh có thể nhìn thấy những khu vườn cây ăn quả mướt xanh của cau, nhãn, cam, quýt, thanh trà... chen lẫn bóng thông, những mái nhà ngói xám của đền chùa, lăng tẩm cổ kính, trầm mặc... Sông Hương như một dải lụa mềm uốn quanh dưới chân đồi... Du khách có dịp đến đây vào buổi bình minh sương tan hay lúc hoàng hôn, mới hiểu hết và thấm thía vẻ đẹp nên thơ, nên họa của một ngọn đồi, một khúc sông, một góc trời xứ Huế.

Rừng Quốc Gia Bạch Mã : Rừng cách thành phố Huế khoảng 50 km về phía Nam. Đặc điểm khí hậu ở đây gần giống Đà Lạt, Sapa, Tam Đảo, nhưng vì Bạch Mã ở gần biển nên nhiệt độ mùa đông không bao giờ dưới 40°C và nhiệt độ cao nhất vào mùa hè không vượt quá 26°C.

Do những ưu điểm đó, ngay từ những năm 30 của thế kỷ 20, người Pháp đã xây dựng ở Bạch Mã một khu nghỉ mát lớn ở độ cao từ 1000 m đến 1444 m. Toàn khu nghỉ có 139 biệt thự và các công trình phụ trợ như bưu điện, nhận hàng, hồ bơi, sân quần vợt... và một hệ thống đường lên núi dài 19 km nối từ đường quốc lộ 1A đến khu nghỉ mát. Tuy nhiên, do chiến tranh và tác động của con người, thiên nhiên, các công trình trên đã bị hư hỏng gần hết.

Với tổng diện tích rừng là 22.031 ha và những tài nguyên sinh vật phong phú ở đây là sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách yêu thích du lịch sinh thái và nghiên cứu.

Suối Nước Khoáng Mỹ An : Mỹ An thuộc xã Phú Dương, huyện Phú Vang, cách Huế 7 km về phía Đông trên đường đi từ Huế đến bãi biển Thuận An.

Tháng 6-1979, đoàn Địa Chất Thủy Văn 79 đã phát hiện ra mạch nước tự nhiên này. Sau nhiều cuộc nghiên cứu khoa học, đề tài "Nghiên cứu tác dụng chữa bệnh cụ thể của mạch nước khoáng Mỹ An - Huế" đã có kết luận: nước khoáng Mỹ An có đủ các nguyên tố vi lượng cần thiết cho hoạt động của cơ thể, có thể so sánh với nhiều loại nước khoáng nổi tiếng trên thế giới.

Các cuộc điều tra thử nghiệm tại nguồn nước khoáng này đã có kết quả : nước khoáng Mỹ An có thể chữa được một số bệnh ngoài da, khớp, tim mạch, một số bệnh tiêu hóa, thần kinh, hô hấp và một số bệnh mãn tính khác.

Núi Ngọc Trản : Có nghĩa là chén ngọc, hình tròn, trông như cái chén, nằm phía Tây sông Hương. Nối liền với núi này là một dãy núi khác, trông như rồng uốn khúc. Lưng chừng núi có điện Huệ Nam thờ nhiều vị thần thánh.

Núi Thủy Vân Và Linh Thái : Núi Thủy Vân được vua Thiệu Trị dựng bia để ca ngợi vẻ đẹp của núi. Núi Linh Thái còn có tên là Quy Sơn vì giống như con rùa. Trước chùa có một tháp cao dịch truyền rằng Chiêm Thành cho xây tháp.

Kinh Thành Huế : Phần kinh thành Huế còn lại đến ngày nay là được xây dựng từ năm 1805 thời vua Gia Long và hoàn thành vào năm 1832 thời vua Minh Mạng, trên khoảng diện tích 5,2 km² bên bờ bắc sông Hương. Kinh thành Huế được xây dựng theo kiến trúc của phương Tây kết hợp một cách tài tình với kiến trúc thành quách phương Đông. Kinh thành gồm ba vòng thành : phòng thành, hoàng thành

và tử cấm thành.

Bên trong các lớp thành cao hào sâu là một tổng thể với hàng trăm công trình kiến trúc lớn nhỏ. Tất cả những công trình này được xây dựng xung quanh một trục chính, theo hướng nam bắc. Khởi đầu là Kỳ Đài (cột cờ), tiếp đến là Ngọ Môn, sân Đại Triều Nghi, điện Thái Hòa, điện Cần Chánh, điện Càn Thành, điện Khôn Thái, điện Kiến Trung và chấm hết ở cửa Hòa Bình. Các công trình kiến trúc còn lại được xây đăng đối ở hai bên đường trục.

Phòng Thành là vòng thành ngoài cùng có chu vi 9950 m, thành có 10 cửa đường bộ và 2 cửa đường thủy, thành dày 21 m có 24 pháo đài.

Hoàng Thành là vòng thành thứ 2 còn có tên là đại nội, chu vi 2450 m. Hoàng Thành có 4 cửa : Ngọ Môn (Nam), Hòa Bình (Bắc), Hiển Nhơn (Đông), Chương Đức (Tây). Ngọ Môn là cửa chính của Hoàng Thành, cửa này ngày xưa chỉ dành cho vua đi. Đây là một công trình kiến trúc còn sót lại gần như nguyên vẹn.

Tử Cấm Thành là vòng thành trong cùng có chu vi 1225 m, có 7 cửa ra vào. Đây là nơi ở và làm việc của vua và gia đình. Nơi đây được tách biệt với thế giới bên ngoài.

Ngọ Môn : Ngọ Môn là một công trình kiến trúc bề thế dài 58 m, rộng 27,5 m và cao 17 m gồm 3 tầng, là cửa chính của Hoàng Thành. Ngọ Môn có 5 cửa. Cửa chính giữa chỉ dành cho vua đi, cao 4,2 m rộng 3,7 m, hai cửa liền kề là tả, hữu giáp môn dành cho các quan. Hai cửa ngoài cùng là tả, hữu dịch môn dành cho lính hầu và đoàn tùy tùng. Trên vòm cổng là lầu Ngũ Phụng, nơi nhà vua ngự trong các dịp lễ. Đây còn là nơi cử hành lễ xướng danh các sĩ tử trúng tuyển trong các khoa thi hội, thi đình trước khi đem yết bảng ở Phú Văn Lâu. Suốt thời nhà Nguyễn, chỉ khi nào vua đi hoặc tiếp các sứ thần thì cửa Ngọ Môn mới được mở.

Cung Thất : Cung thất là nơi ở của vua và gia đình. Khu vực này là một bộ phận quan trọng của kinh thành Huế bao gồm các cung : Càn Thành - nơi ở của vua, cung Khôn Thái - nơi ở của hoàng hậu, cung Diên Thọ dành cho mẹ vua, cung Trường Sinh dành cho bà nội vua... Đáng tiếc khu vực quan trọng này đã bị phá hủy gần hết, hiện còn lại cung Diên Thọ và cung Trường Sinh là khá nguyên dạng. Cung Diên Thọ được xây dựng từ năm 1804. Điều đặc biệt ở cung Diên Thọ là hệ

thống hành lang có mái che nối liền với nơi vua ở, để nhà vua có thể đi thăm mẹ bất cứ lúc nào.

Lăng Gia Long (Thiên Thọ Lăng) : Lăng nằm ở tả ngạn sông Hương, trên đỉnh núi Thiên Thọ cách trung tâm Huế 16 km. Lăng được xây dựng từ năm 1814 và hoàn thành vào năm 1820, giữa một rừng núi hoang sơ rợp bóng thông cổ thụ. Lăng được xây dựng theo kiểu thức đơn sơ nhưng hoành tráng. Trước lăng có hồ bán nguyệt, phía sau hồ là sân chầu với hai hàng võ sĩ, voi, ngựa đá, rồi đến sân Tế cao dần đến Bửu Thành - nơi đặt mộ nhà vua và mộ Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu. Bên trái Bửu Thành là nhà bia, bên phải là điện thờ.

Lăng Tẩm : Lăng Tẩm là nơi an nghỉ ngàn thu của các vua nhà Nguyễn. Huế có tất cả 8 lăng. Các lăng này được xây cất rất công phu và khởi công xây từ khi ông vua đó đang trị vì. Do vậy lăng không còn là cõi chết mà được coi như hàng cung thứ hai để vua thưởng ngoạn. Hầu hết các lăng được xây về hướng Tây Nam của kinh thành Huế và gồm có hai khu: khu thờ phụng tưởng niệm (tẩm), khu phần mộ (lăng).

Ngoài những công trình kiến trúc chủ yếu, trong các lăng còn có hồ sen, núi giả, vườn hoa, cây cảnh, đồi thông, đình, cầu quán... tạo thành những cụm kiến trúc gắn bó hài hòa với khung cảnh thiên nhiên. Vây quanh mỗi khu lăng tẩm là một dãy tường thành (la thành), cũng có lăng không xây la thành. Tuy nhiên mỗi lăng có một kiểu kiến trúc riêng, điều đó phần nào phản ánh được tư tưởng, quan điểm, thẩm mỹ, cá tính, thị hiếu của từng ông vua.

Lăng Minh Mạng (Hiếu Lăng) : Lăng được xây dựng vào năm 1840, hoàn thành vào năm 1843, rộng khoảng 18 ha nằm trên vùng đồi Cẩm Khê, huyện Hương Trà, cách Huế khoảng 12 km. Bao quanh lăng là bức tường thành cao 3 m, dày 0,5 m. Mặt trước thành có 3 cửa ra vào. Trong lăng có 20 công trình kiến trúc lớn nhỏ, được bố trí đăng đối theo một trục thẳng. Lăng Minh Mạng toát lên vẻ đường bệ, uy nghiêm nhưng hết sức hài hòa giữa thiên nhiên và kiến trúc của lăng.

Lăng Tự Đức (Khiêm Lăng) : Lăng được dựng ở hữu ngạn sông Hương, trên núi Dương Xuân, làng Dương Xuân Thượng cách Huế chừng 8 km, giữa một rừng thông bát ngát. Khởi công năm 1864, hoàn thành năm 1867, trên khoảng diện tích

475 ha. Toàn bộ lăng được bao quanh bằng một bức tường dày uốn lượn theo địa hình đồi núi. Kiến trúc trong lăng và ngoài có những yếu tố cần thiết của một lăng bên cạnh đó còn có những công trình kiến trúc phù hợp với nơi ở của vua Tự Đức.

Chùa Thiên Mụ : Chùa là một trong những kiến trúc tôn giáo cổ nhất và đẹp nhất ở Huế. Chùa được xây dựng trên đồi Hà Khê bên tả ngạn sông Hương, cách trung tâm thành phố khoảng 7 km về phía Tây.

Chùa có từ thế kỷ 14, gắn liền với một huyền thoại bà tiên áo đỏ. Bởi vậy chùa có tên là Thiên Mụ (bà tiên trên trời). Kiến trúc của chùa cũng như nhiều ngôi chùa khác ở Việt Nam nhưng đáng chú ý là ngọn tháp Phước Duyên. Tháp xây hình bát giác cao trên 21 m chia làm 7 tầng. Ở mặt phía Nam, mỗi tầng tháp có một cửa cuốn đặt tượng Phật như một khán nhỏ. Riêng tầng trên cùng đặt ba pho tượng (trước bằng vàng, đã bị mất, nay thay tượng bằng đồng).

Chuông chùa Thiên Mụ có tên là Đại Hồng Chung cao 2,5 m, đường kính 1,4 m và nặng 2632 kg là một trong những thành tựu về nghệ thuật đúc đồng của Việt Nam thế kỷ 18. Bia đá chùa Thiên Mụ được dựng vào năm 1715, cao 2,6 m, rộng 1,2 m đứng trên lưng con rùa lớn làm bằng đá cẩm thạch.

Chùa Từ Đàm : Từ Đàm là một trong những ngôi chùa lớn ở Huế. Chùa được xây dựng vào cuối thế kỷ 17 (khoảng năm 1695). Hòa thượng Minh Hoàng Tử Dung, là người có công đầu trong việc sáng lập nên ngôi chùa này.

Chùa Từ Đàm thuộc khu vực phường Tràng An, nằm ngay trên khoảng đất có địa thế đẹp: cao, rộng, bằng phẳng. Chùa cách trung tâm thành phố 2 km, theo đường Điện Biên Phủ, qua cầu Nam Giao, vượt hết con dốc đầu tiên là đến cổng chùa. Chùa quay về hướng đông nam, phía trước lấy núi Kim Phụng làm án, bên tả có chùa Linh Quang và nhà thờ vị yêu nước đáng kính Phan Bội Châu. Phía sau sát khuôn viên chùa là chùa Thiên Minh. Bên phải chùa Từ Đàm là đường Điện Biên Phủ.

Chùa Từ Đàm được xây theo kiểu cấu trúc "chùa Hội". Cổng tam quan chùa cao và rộng, có mái ngói. Ngay trong cổng có cây bồ đề lớn, tỏa bóng mát quanh năm. Chùa chính gồm tiền đường và nhà Tổ. Tiền đường được xây trên nền móng bằng đá hoa cương cao 1,5 m, mái xây theo kiểu cổ lầu tạo cho ngôi chùa dáng vẻ cao

lớn, uy nghi. Trên các bờ mái và nóc chùa người ta đắp những cặp rồng uốn cong, mềm mại, đối xứng tạo nên vẻ đẹp hài hòa, cân đối. Dưới mái cổ lầu là những bức đắp nổi sự tích Đức Phật. Trên các trụ cột tiền đường có các bức đối dài. Hai bên phía phải và trái sát với tiền đường có hai lầu chuông, trống. Trong điện có pho tượng đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa sen.

Sân chùa được thiết kế rất rộng. Hàng năm vào ngày lễ Phật Đản, đây là một tụ điểm thường diễn ra lễ hội lớn và đông nhất của Phật tử Huế.

Cửu Đỉnh : Gồm 9 đỉnh đồng, mỗi đỉnh mang một tên : Cao, Nhân, Chương, Anh, Nghị, Thần, Tuyên, Dụ, Huyền. Đỉnh lớn nhất là Cao Đỉnh nặng 4307 cân (2601 kg), cao 2,5 m. Huyền Đỉnh là đỉnh bé nhất, cao 2,31 m, nặng 3201 cân (1935 kg). 9 đỉnh này được đúc trong 3 năm từ 1835 - 1837 và phải sử dụng tới trên 30 tấn đồng thau. Đây chính là những thành tựu xuất sắc về kỹ thuật và nghệ thuật đúc đồng của Việt Nam ở thế kỷ 19.

Mỗi đỉnh tượng trưng cho một vua và cả hàng đỉnh tượng cho sự bền vững của triều đại. Trên thân mỗi đỉnh có 18 họa tiết và chữ đúc nổi, thanh thoát theo mô tiếp cổ điển về các chủ đề phong cảnh, sản vật, chim muông, hoa lá và những nét sinh hoạt của người Việt Nam. Nhiều người đã coi Cửu Đỉnh như một bộ bách khoa thư tóm tắt về đất nước và con người Việt Nam.

Hiển Lâm Các : Hiển Lâm Các nằm chung khu vực với Thế Miếu, dựng bằng gỗ, cao 25 m gồm 3 tầng. Đây là công trình kiến trúc cao nhất trong Hoàng Thành. Nó phá vỡ tính đơn điệu về chiều ngang của các cung điện. Hiển Lâm Các được coi như một đài lưu niệm ghi công những công thần đã góp phần sáng lập ra triều Nguyễn. Nếu các vua Nguyễn được thờ trong Thế Miếu, thì các công thần bậc nhất của triều Nguyễn được thờ trong hai nhà tả tùng tự và hữu tùng tự ở hai bên của Hiển Lâm Các.

Chùa Thuyền Tôn : Chùa Thuyền Tôn nay thuộc thôn Ngũ Tây, xã Thủy An. Chùa được xây dựng trên một ngọn đồi cao, bên phải là núi Thiên Thai nên ngày xưa có tên là Thiên Thai Thuyền Tôn tự hoặc Thiên Thai Nội tự. Muốn đến thăm chùa, qua Đàn Nam Giao theo con đường vào nghĩa trang thành phố, qua chiếc cầu xây bắc ngang kênh thủy lợi nam sông Hương, rẽ về bên phải 2,5 km là đến

chùa.

Cổng chùa xây bốn trụ biểu lớn, bên cạnh có cây bồ đề cành lá xum xuê quanh năm tỏa bóng mát. Sân chùa rộng, được trồng nhiều loại cây cảnh, giữa sân có pho tượng Quan Âm. Chùa xưa xây dựng theo kiểu chữ Khẩu. Bên triền núi phía Đông Nam chùa là tháp của Tổ Liễu Quán, người sáng lập chùa. Ngôi tháp có lối kiến trúc rất độc đáo. Trước cổng tháp có đề bảy chữ "Đàm hoa lạc khứ hữu dư hương", ý nói tuy ngài đã viên tịch nhưng đạo đức ngài còn lưu truyền mãi như hoa ưu đàm đã rã cánh mà hương thơm vẫn còn phảng phất. Sau lưng chùa có ngôi tháp kiến trúc uy nghi, đó là tháp của vị Đệ Nhị Tăng Thống Thích Giác Nhiên, cố trụ trì chùa Thuyền Tôn. Cả hai ngôi tháp này về mặt mỹ thuật kiến trúc được đánh giá là những ngôi tháp đẹp nhất ở Huế, cùng với chùa Thuyền Tôn tạo nên một quần thể kiến trúc rất đẹp, hấp dẫn du khách.

Hổ Quyền : Đây là trường đấu giữa voi và hổ. Một công trình kiến trúc độc đáo cách Huế 4 km, nằm trên bờ nam sông Hương. Hổ Quyền được xây dựng năm 1830 dưới thời vua Minh Mạng gồm hai vòng tường thành hình tròn đồng tâm xây bằng gạch vồ, ngoài trát vôi vữa. Đường kính vòng ngoài 45 m, cao 4,5 m, đường kính vòng trong 35 m, cao 6 m, nơi đây thường tổ chức các cuộc đấu giữa voi và hổ để giải trí cho vua chúa. Trận đấu cuối cùng được tổ chức tại Hổ Quyền vào năm 1904, dưới thời vua Thành Thái.

Mộ Anh Hùng Phan Bội Châu Và Tăng Bạt Hổ : Ở gần con sông đào bên hữu ngạn sông Hương.

Mộ Anh Hùng Thái Phiên Và Trần Cao Vân : Sau khi bị quân Pháp xử tử, thi hài của hai ông được chôn tại An Hòa. Năm 1922, một chiến sĩ của Quang Phục Hội đã bí mật thuê người đào hài cốt của hai vị đem chôn chung trong một ngôi mộ ở khu rừng gần chùa Nam Giao, Huế.

Bảo Tàng Cổ Vật Huế : Bảo tàng cổ vật Huế là nơi trưng bày các bộ sưu tập đồ đồng, đồ sành, đồ sứ, đồ đá, đồ pháp lam, áo mão và đồ ngự dụng của vua chúa Việt Nam xưa...

Tòa điện dùng làm bảo tàng là một tòa nhà bảy gian, hai chái trùng hiềm điệp ốc, nguyên là điện Long An trong cung Bảo Định ở phường Tây Lộc. Năm 1885, quân

Pháp chiếm cung Bảo Định làm sở chỉ huy, điện Long An bị triệt hạ, vật hạng xếp vào kho cho đến năm 1909, đời Duy Tân chuyển ra chỗ hiện nay (số ba đường Lê Trực) dựng lại làm Tân Thơ Viện và trụ sở của Hội Đô Thành Hiếu Cổ. Đến năm 1923, đời Khải Định, dùng làm bảo tàng Viện Khải Định (nay là bảo tàng cổ vật Huế).

Ngôi điện Long An dùng làm bảo tàng là một di tích kiến trúc hết sức quí giá của Việt Nam nói chung và Huế nói riêng. Trên các mặt gỗ của điện có khắc chạm 35 bài văn, bài thơ, bài châm của chính vua Thiệu Trị trước tác.

Phú Văn Lâu : Xây vào năm 1819 dưới triều Gia Long, Phú Văn Lâu là nơi công yết những sắc dụ của nhà vua, đây cũng là nơi đề danh những vị tân khoa của các kỳ thi Hương, thi Hội, và thi Đình. Năm 1843, vua Thiệu Trị cho dựng một tấm bia lớn phía tay mặt và khắc một bài thơ ca ngợi sông Hương. Phía trước cung thêm một tấm bia ghi bốn chữ "Khuynh Cái, Hạ Mã" (phải nghiêng dù và xuống ngựa). Đến năm 1847, nơi đây tổ chức buổi lễ tứ tuần của vua Thiệu Trị và có mời 773 vị bô lão tham dự, tổng cộng số tuổi của các vị này là 59.017 tuổi.

Năm 1916, hai anh hùng Trần Cao Vân, Thái Phiên ngồi giả câu cá gần Phú Văn Lâu để bí mật gặp vua Duy Tân bàn việc khởi nghĩa. Chẳng may việc bất thành, vua Duy Tân bị quân Pháp bắt và bị đày ở đảo Réunion. Tổ chức kháng chiến bị đàn áp dã man, gây sự xúc động mãnh liệt trong dân chúng và tạo nên câu hò được truyền tụng đến nay :

"Chiều chiều trước bến Văn Lâu,
Ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm.
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông?
Thuyền ai lấp ló bên sông,
Nghe câu mái đẩy, chạnh lòng nước non."

Thế Miếu : Đây là một trong nhiều khu thờ cúng các vua, chúa triều Nguyễn. Trong Hoàng Thành có năm ngôi miếu thờ gồm : Triệu Miếu (thờ Nguyễn Kim, được coi là người mở đầu triều Nguyễn), Thái Miếu (thờ 9 chúa Nguyễn), Hưng Miếu (thờ cha vua Gia Long), Thế Miếu (thờ các vua nhà Nguyễn) và điện Phụng Tiên cũng thờ các vua nhà Nguyễn nhưng dành cho các bà ở nội cung đến lễ vì họ

không được vào Thế Miếu.

Thế Miếu được xây dựng năm 1821 để thờ vua Gia Long. Sau đó thờ vua Minh Mạng, Triệu Thị, Tự Đức, Kiến Phúc, Đồng Khánh và Khải Định. Vào tháng 1 năm 1959, trước yêu cầu của hoàng tộc và quần chúng, linh vị của ba ông vua có tinh thần chống Pháp là Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân đã được đưa vào thờ ở Thế Miếu. Cho tới nay Thế Miếu thờ 10 vua.

Thế Miếu là một tòa nhà kép như điện Thái Hòa, dài 55 m, rộng 28 m, mỗi gian trong nội thất của miếu bày một sập chân quỳ sơn son thiếp vàng, khán thờ, bài vị và một số đồ tế khí quý giá. Tại đây vào ngày mất của các vua triều Nguyễn đời trước, triều đình tổ chức tế lễ rất lớn do đích thân nhà vua đứng ra chủ trì. So với các miếu, điện ở Việt Nam, Thế Miếu là một công trình to lớn bậc nhất.

Chùa Thánh Duyên : Chùa tọa lạc trên núi Túy Vân thuộc xã Vinh Hiếu, huyện Phú Lộc, cách thành phố Huế khoảng 30 km về phía Đông Nam. Chùa do Nguyễn Phúc Chu dựng vào cuối thế kỷ 17. Năm 1825, vua Minh Mạng cho trùng tu lại chùa Thánh Duyên và đổi tên núi thành Túy Hoa.

Qui mô chùa Thánh Duyên gồm có một ngôi chùa chính ba gian hai chái, cao rộng thoáng đãng dưới chân núi. Phía sau, ở lưng chừng núi là ngôi Đại Từ Các, cũng ba gian, rộng rãi, có nghị môn và la thành riêng và ở đỉnh núi là bảo tháp Điều Ngự hình khối tứ giác, ba tầng cao khoảng 12 m, phía sau tháp cất đình Tiến Sảng. Chùa chính có ba án thờ và hai án tòng sự. Án chính thờ Phật Tam Thế, có phối thờ tượng Quan Âm và Thập Bát La Hán nhỏ, phía ngoài Tôn Trí Long vua Minh Mạng, chạm nổi trên kim loại đề "Đương kim Minh Mạng Hoàng Đế vạn thọ vô cương" để ghi nhớ công đức của vua. Án tiền thờ Phật Di Lặc, Quan Âm và Thị Giả. Hai án tả hữu tòng sự thiết trí tượng Thập Điện Minh Vương, Thập Bát La Hán, Bồ Đề Đạt Ma, Bồ Tát Địa Tạng. Đặc biệt mười tám vị La Hán đều bằng đồng lớn bằng cỡ người thật.

Chùa chính được xây dựng trên một mặt bằng rộng có la thành bao bọc, phía trước là Tam Quan có cổ lâu, phía sau là nghi môn thông qua Đại Từ Các. Trên đỉnh tháp Điều Ngự có dựng trụ đồng đặt pháp luôn chuyển động theo gió, kèm theo khuông lắc. Tầng trên hết của tháp thờ Trung Thiên Điều Ngự Thích Ca Mâu Ni

Văn Phật, Tây Thiên Cực Lạc Pháp Vương. Tầng giữa thờ Nhân Gian Điều Ngự Phước Bị Quần Sanh Vạn Thiện Chí Tôn. Tầng dưới thờ Địa Phủ Điều Ngự Minh Sát Sâm Nghiêm Diện La Chủ Tể.

Lăng Khải Định (Ứng Lăng) : Lăng xây dựng từ 1920 đến 1931, trên đỉnh núi Châu Ê, cách Huế 10 km. Nếu các lăng khác được dựng trên một vùng núi non trập trùng rộng hàng trăm héc ta, thì lăng Khải Định như một tòa lâu đài đồ sộ xây bên triền núi. Từ dưới chân núi lên tới Tẩm điện, qua 109 bậc. Vật liệu xây dựng lăng Khải Định chủ yếu là sắt thép bê tông và sành sứ. Nét nổi bật trong lăng Khải Định chính là nghệ thuật khảm sành sứ trang trí lộng lẫy trên mặt tường, cột nhà và trần nhà. Lăng được xây dựng dưới sự kết hợp giữa hai nền kiến trúc, văn hóa Đông - Tây rất tinh xảo.

Chùa Diệu Đế : Chùa Diệu Đế nay thuộc địa phận phường Phú Cát. Tuy không đẹp bằng chùa Thiên Mụ nhưng chùa Diệu Đế có vẻ độc đáo riêng, chùa có bốn lầu (hai lầu chuông, một lầu trống và một lầu bia). Chính điện là đại giác, tả hữu chính điện là Thiền Nguyên có hai lầu chuông trống xây cân đối ở hai bên, chính giữa là lầu hộ pháp, sân trong có la thành, sân trước có hai nhà lục giác, nhà bên tả đặt hồng chung, nhà bên hữu dựng bia lớn khắc bài văn do vua Thiệu Trị soạn.

Lễ Hội Điện Hòn Chén : Lễ hội Điện Hòn Chén diễn ra một năm hai kỳ. Tháng hai (lễ Xuân tế) và tháng bảy (lễ Thu tế). Lễ hội điện Hòn Chén được tổ chức trên núi Ngọc Trản và đình làng Hải Cát, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Lễ hội suy tôn Thiên Y A Na Thánh Mẫu (Mẹ xứ sở) theo truyền thuyết Chăm là Thần đã sáng tạo ra đất đai, cây cối, rừng gỗ quí... và dạy dân cách trồng trọt. Đây là lễ hội dân gian ở Huế với nhiều nghi thức hấp dẫn tạo nên một không khí tôn giáo thiêng liêng giữa khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, hữu tình nên thu hút hàng vạn khách thập phương tham dự.

Lễ Hội Cầu Ngư Ở Thái Dương Hạ : Hội của nhân dân làng Thái Dương Hạ, huyện Phong Điền, tổ chức vào ngày 12 tháng giêng âm lịch hàng năm, để tưởng nhớ vị Thành Hoàng của làng là Trương Quý Công (biệt danh của Trương Thiều), người gốc miền Bắc, có công dạy cho dân nghề đánh cá và buôn bán ghe mành. Đặc biệt cứ 3 năm một lần làng tổ chức đại lễ rất linh đình, có tổ chức các trò

diễn tả những sinh hoạt nghề biển. Trò diễn "bủa lưới" là trò diễn trình nghề đậm đà tính chất lễ nghi.

Hội Chợ Xuân Gia Lạc : Chợ xuân Gia Lạc ở làng Nam Phổ có từ thời Minh Mạng (1820 - 1840). Lúc đầu chỉ là nơi trao đổi hàng hóa, vui chơi, sau thu hút nhân dân quanh vùng đến để mua bán, rồi bày các trò chơi dân gian. Do vậy, chợ Gia Lạc trở thành một hình thức hội chợ xuân vui chơi, chợ phiên trong ngày Tết. Chợ họp từ ngày 1 đến ngày 3 tết, chợ bày bán các loại sản phẩm của dân địa phương trong vùng. Cả người bán lẫn người mua ăn nói, ứng xử rất lịch sự, vui vẻ, không ồn ào, mang những nét văn hóa rất Huế từ phong cách ăn mặc đến ngôn ngữ. Trong những ngày này có các cuộc chơi bài chòi, bài ghế, hát giã gạo, bài thái...

Vật Võ Làng Sình : Làng Sình nằm ở bên bờ nam sông Hương thuộc huyện Hương Phú. Hàng năm cứ đến ngày 10 tháng 1 âm lịch, các lò vật trong vùng nô nức kéo đến hội võ vật làng Sình để tranh tài, ngoài trai tráng dân làng còn có hàng ngàn thanh niên nam nữ từ các huyện và thành phố Huế kéo về. Vật võ làng Sình là truyền thống thượng võ đẹp của người dân Huế trong nhiều thế kỷ qua.

Đua Trải : Bơi trải là một lễ hội dân gian được tổ chức vào đầu mùa xuân. Tục đua trải có nguồn gốc cầu mưa từ thời cổ sơ của dân cư sống về nông nghiệp. Nó là một bộ phận trong lễ nghi cầu mưa, cầu ngư mong muốn có một vụ mùa thắng lợi. Tục đua trải hàng năm được tổ chức tại sông Hương (bến Phu Văn Lâu) trước đây do triều đình tổ chức nay vẫn được duy trì. Nghi lễ cúng bái trước cuộc đua được tiến hành rất trang nghiêm. Vào cuộc đua cũng phải thực hiện những qui định nghiêm ngặt. Đua trải cũng là một cuộc tranh tài thể lực. Cuộc đua này rất hấp dẫn, thể hiện tài năng khéo léo cùng kinh nghiệm của những con người theo nghề sông biển ở Huế.

Tiền Giang

Diện tích : 2339 km².

Dân số : 1.635.700 người (2001).

Tỉnh lỵ : thành phố Mỹ Tho.

Thị xã : thị xã Gò Công.

Các huyện : Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông.

Dân tộc : Việt, Hoa...

Tiền Giang là phần đất của hai tỉnh Mỹ Tho và Gò Công cũ, phía bắc giáp Long An, phía tây giáp với Đồng Tháp, phía đông tiếp giáp với cửa Soài Rạp và biển Đông, phía nam giáp Bến Tre. Thị xã Mỹ Tho cách thành phố Sài Gòn 70 km.

Khí hậu Tiền Giang chia làm hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô, nhiệt độ trung bình năm 27°C, lượng mưa trung bình 2300 mm/năm. Các sông chính : sông Tiền, Gò Công, Bảo Định và một mạng lưới kênh đào thuận lợi cho giao thông đường thủy. Từ Tiền Giang có thể đi Sài Gòn hoặc sang Phnôm Pênh bằng đường sông. Đường bộ chính của Tiền Giang là quốc lộ 4, chạy xuyên qua các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Là tỉnh đồng bằng, địa hình Tiền Giang chia thành ba vùng rõ rệt : vùng cây trái ven sông Tiền, vùng Đồng Tháp Mười và vùng ven biển Gò Công. Tiền Giang có 32 km đường biển, hàng năm đánh bắt rất nhiều cá và hải sản; đất đai phì nhiêu, là một trong những vựa lúa lớn của đồng bằng sông Cửu Long. Tiền Giang là nơi hội tụ đủ loại sản vật và hoa trái nổi tiếng như mận hồng đào Trung Lương, vú sữa Vinh Kim, xoài cát, cam sành, ổi sá lị Cái Bè... Tiền Giang có hệ thống khách sạn, nhà hàng đầy đủ tiện nghi, nhiều món ăn đặc sản nổi tiếng của miệt vườn vùng sông nước Cửu Long.

Sinh hoạt, kinh tế

Đây là tỉnh đồng bào ta cư ngụ đông đảo. Ngoài đồng bào Kinh còn có một số đồng bào gốc Khmer, Hoa, Chàm, Thái , Mường... Các tôn giáo chính là đạo Phật, Thiên Chúa, Cao Đài và Hòa Hảo.

Nông nghiệp là nguồn lợi chính trong tỉnh. Đất màu mỡ tiện việc trồng lúa và hoa màu phụ. Có một loại đá cốc mà người dân gọi là "lúa mạ" mọc ngoài bờ bụi, thu

hoạch vào hai tháng cuối năm. Cây ăn trái ở Tiền Giang ngon, nổi tiếng. Đất trồng nhiều cây trái, nhưng đặc sản của tỉnh có cam mật và chuối Cái Bè (loại chuối từ thân cây mọc ra), mận hồng đào, vú sữa, nhãn lồng vùng Châu Thành và Thục Nhiêu; dưa Hoàng Kim nhỏ trái vàng rất ngọt trồng vào mùa hè, ổi Mỹ Thuận và dừa. Nem chua ở Tân Hiệp (Bến Tranh) ngon nổi tiếng khắp miền Nam. Diện tích trồng trầu cau khá lớn.

Đất Gò Công ít nhưng màu mỡ tiện lợi cho việc trồng lúa. Các hoa màu phụ có ngô, đậu, khoai lang, sắn... Cây ăn trái trồng nhiều loại nổi tiếng như xoài, măng cầu (na), nhãn, sa ri, chôm chôm, sầu riêng, vú sữa, mận, dưa hấu... Mãng cầu Gò Công nổi tiếng là ngon.

Bờ biển phía Nam dài hơn 30 cây số là lợi thế cho các nghề thủy sản như đánh cá, làm nước mắm và làm muối. Biển có nhiều hải sản như cá mòi, cá thiều, sò, tôm... Mắm tôm chua và mắm tôm chà Gò Công ngon nức tiếng. Trong các kinh rạch thì nuôi cá nước ngọt. Ngoài ra, dân ta còn làm nghề chăn nuôi heo, gà, vịt và tằm dệt vải.

Phía đông bắc và tây bắc qua đến đồng Tháp Mười có đầm lầy. Rừng nước đem lại cho một số cây dùng cho kỹ nghệ và chế biến thuốc như bách bì, dừa nước, mít, mù u, thốt nốt. Sông Mỹ Tho có nhiều cá, đồng bào ta còn nuôi thêm cá nước ngọt. Hai nghề chăn nuôi là heo và vịt.

Lược sử

Ngày 25-7-1785, viện binh Xiêm La xâm nhập nước ta giúp Nguyễn Ánh đánh quân Tây Sơn. Vua Xiêm sai hai đại tướng Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem 20.000 thủy binh và 30.000 bộ binh đưa Nguyễn Ánh về quân Xiêm vào Rạch Giá, đánh lấy đạo Kiên Giang, tiến lên Cần Thơ chia quân đóng dọc Ba Thắc, Trà Ôn, Mang Thít rồi qua Sa Đéc và đợi bộ binh từ Chân Lạp kéo qua, chuẩn bị tiến quân lên Mỹ Tho vào Gia Định. Thời đó vương quốc Xiêm La rất mạnh, chiếm đóng cả lãnh thổ Chân Lạp (Cao Miên) sát với nước ta. Quân Xiêm đi đến đâu cũng hùa nhau cướp phá dân lành, hãm hiếp phụ nữ trong khi quân Nguyễn Ánh làm ngơ.

Tháng Chạp Giáp Thìn, đầu năm 1785, anh hùng Nguyễn Huệ vào Gia Định lần thứ tư, điều khiển nghĩa quân vào Mỹ Tho. Ông dùng mưu phục kích quân Xiêm

trên sông Tiền Giang giữa hai khúc Rạch Gầm và rạch Xoài Mứt. Rạch Gầm chảy từ xã Long Tiên (Cai Lậy) qua các làng Bàn Long, Vĩnh Kim đến Kim Sơn rồi đổ vào Tiền Giang. Còn rạch Xoài Mứt chảy từ Giồng Dừa, ấp Thạnh Long sang ấp Thạnh Hưng, xã Phước Thạnh vào rạch Xoài Hột đến Tiền Giang. Khúc sông này hai bên bờ cây cối rậm rạp, hiểm yếu. Ngày 18-1-178, năm vạn quân Xiêm bị phục binh ta đánh tan tành, chỉ còn lại vài ngàn quân chạy đường bộ qua xứ Chân Lạp về nước.

Đất Định Tường thuộc dinh Phiên Trấn. Năm 1731, có tên đạo Trường Đồn. Năm 1772, đổi thành huyện Kiến An. Năm 1801, liền sau đó cải thành dinh Trấn Định và trở thành trấn Định Tường từ năm 1802. Đến năm 1832, Minh Mạng đổi các trấn thành tỉnh, chia Nam phần làm sáu tỉnh: Định Tường, Biên Hòa, Gia Định, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Cuối tháng 3-1861 đề đốc Chamer của quân Pháp đem quân thủy bộ đánh Định Tường. Tổng đốc Nguyễn Công Nhân bỏ cả thành chạy trốn nhưng dân quân vẫn chống cự giữ tỉnh. Ngày 12-4-1861, Định Tường lọt vào tay giặc. Với hòa ước 1862, triều đình nhà Nguyễn nhu nhược giao ba tỉnh miền Đông cho quân Pháp, trong đó có Định Tường. Sau khi quân Pháp chiếm xong miền Nam, từ năm 1867, chúng chia sáu tỉnh cũ thành 20 tỉnh. Định Tường mất từ đấy để trở thành ba tỉnh mới là Mỹ Tho, Tân An và Gò Công.

Nhưng dân ta không chịu cúi đầu nên từ tháng 6-1861 vũng Gù đã trở thành căn cứ kháng chiến do anh hùng Nguyễn Trung Trực lãnh đạo và được sự trợ lực tích cực của phó cơ Nguyễn Văn Điều. Suốt những năm 1862 - 1864, anh hùng Trương Công Định và con trai là Trương Quyền, cùng với nghĩa quân tấn công quân Pháp từ Gò Công lan ra các tỉnh lân cận. Tháng 3-1862, nghĩa quân vây nhiều đồn bót và giải phóng ở vùng Chợ Gạo, Cài Bè. Ngày 17-12, quân ta tấn công đồn Rạch Trà. Sang ngày hôm sau, 1200 nghĩa quân do anh hùng Trương Công Định chỉ huy trận đánh đồn Thuộc Nhiêu (thuộc Dương Điềm, Châu Thành).

Trong số những anh hùng sinh trưởng tại Định Tường có Nguyễn Hữu Huân (người làng Tịnh Hà) đỗ thủ khoa thời Tự Đức lúc 20 tuổi. Khi quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông, ông tổ chức kháng chiến tại vùng Cai Lây, Rạch Gầm, Tam

Bình, Mỹ Quý, Gò Lũy... tấn công giặc Pháp ráo riết. Nhiều lần giặc sai Tôn Thọ Tường hoặc tổng đốc Đỗ Hữu Phương dụ ông nhưng không xong. Triều đình Huế buộc ông bỏ vũ khí đầu hàng theo hòa ước 1862 nhưng không được. Pháp dùng toàn lực vây đánh ông.

Sau đó ông bị bắt năm 1863. Năm 1864, Pháp đày ông qua đảo Réunion. Mười năm sau 1874, ông được thả về và tiếp tục chiêu mộ nghĩa quân kháng chiến. Tháng 2-1875, ông đánh các đồn bót và giải tán các ban "hội tề của giặc" tại Định Tường. Pháp phải huy động hết các lực lượng của tỉnh Gia Định và Định Tường vây đánh căn cứ Thuộc Nhiêu. Cuối cùng ông bị bắt, giặc dụ hàng mãi không xong nên bị hành quyết tại chợ Phú Kiết (Bến Tranh). Trước khi chết ông còn làm thơ với nét mặt thản nhiên, ai ai cũng kính phục và thương tiếc.

Phong cảnh, di tích

Cồn Thới Sơn : Cù lao Thới Sơn nằm đối diện với thành phố Mỹ Tho, một hòn đảo giữa sông Tiền với những vườn cây trái xum xuê trĩu quả, một đặc trưng của văn hóa miệt vườn. Trong 45 phút trên thuyền, du khách sẽ được ngắm cảnh sông nước mênh mông, lộng gió. Sau đó thuyền cập bến Thới Sơn, du khách sẽ đến nhà nghỉ, tham quan những vườn cây trái như: vườn nhãn, sa-bô-chê, mận... và được thưởng thức hương vị thơm ngon của các loại trái cây này. Sẽ thú vị biết bao khi được dạo chơi và nghĩ ngơi trong những khu vườn trái cây nổi tiếng của Nam bộ.

Trại Nuôi Rắn Đồng Tâm : Là một trung tâm nuôi rắn, lấy nọc xuất khẩu, kết hợp trồng cây dược liệu và nghiên cứu điều trị rắn cắn cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long. Từ Mỹ Tho du khách đi 9 km là đến trại. Đến đây du khách sẽ được xem khu nuôi rắn công nghiệp với hàng chục loại trăn, rắn khác nhau, được xem cảnh cho rắn ăn, chơi với trăn và nhiều hoạt động khác. Trong trại còn nuôi cá sấu và nhiều loại chim thú khác.

Đồng Tháp Mười : Từ thành phố Mỹ Tho, đi ô tô khoảng 20 km, quý khách sẽ đến nông trường khóm (dứa) Tân Lập, nằm trên vùng Đồng Tháp Mười. Đến đây du khách sẽ được thấy thành quả lao động của người nông dân biến vùng đất chua phèn. Tại đây du khách sẽ được tận hưởng hương vị đậm đà của sản vật Đồng

Tháp Mười, đã từng có mặt trên bàn ăn Châu Âu, thấy cảnh hoang dã của những cánh rừng Đồng Tháp Mười, địa danh đã đi vào lịch sử Việt Nam.

Chợ Nổi Cái Bè Và Cù Lao Tân Phong : Nằm ở đoạn sông Tiền Giang giáp ranh giữa ba tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long và Bến Tre. Hàng ngày có khoảng từ 400 đến 500 thuyền cỡ lớn đầy ắp các loại trái cây neo dọc hai bên sông để chờ thương lái đến cất hàng. Hàng hóa cần bán được treo vào một cây cao trên mui thuyền để quảng cáo với khách hàng từ xa. Trên mặt sông hàng trăm thuyền nhỏ chợt đến, chợt đi như mắt cửi, tạo nên cảnh sinh hoạt trên mặt sông luôn luôn sinh động. Phía hữu ngạn chợ nổi là cù lao Tân Phong, nơi nổi tiếng có những vườn chôm chôm quả to và ngọt.

Di Tích Văn Hóa Óc Eo Gò Thành : Thuộc xã Tân Thuận, huyện Chợ Gạo. Đây là khu di tích văn hóa Óc Eo có niên đại từ đầu thế kỷ 1 đến thế kỷ 6 sau công nguyên. Khu di tích đã khai quật 3 lần và tìm thấy các pho tượng quí : Vinus, Negasa, Nam Thần cùng nhiều hiện vật bằng vàng, đồng và gốm. Đây là một di tích đặc biệt quan trọng có giá trị trong việc nghiên cứu về nền văn hóa Phù Nam tại tỉnh Tiền Giang.

Di Tích Lịch Sử Rạch Gầm - Xoài Mút : Thuộc xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, là di tích lịch sử nơi vua Quang Trung - Nguyễn Huệ đánh bại 3 vạn quân xâm lược Xiêm, đêm 19 rạng ngày 20 tháng giêng năm 1785, một chiến thắng vang dội trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

Chùa Vĩnh Tràng : Là ngôi chùa lớn nhất tỉnh Tiền Giang thuộc xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, trên khuôn viên nhiều cây cảnh đẹp, rộng hơn 2000 m². Chùa do ông bà Bùi Công Đạt xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ 19. Đến năm 1849, hòa thượng Huệ Đăng ở chùa Giác Lâm (Gia Định) về trụ trì đã tổ chức xây dựng thành ngôi chùa lớn và đặt tên là chùa Vĩnh Tràng. Năm 1907, hòa thượng Chánh Hậu cho trùng tu lại chùa, tạo ra một ngôi chùa mang dáng vẻ kiến trúc châu Á pha lẫn châu Âu. Sự kết hợp hài hòa hai phong cách kiến trúc Á - Âu đã tạo nên vẻ đẹp lộng lẫy mà thanh thoát nơi cửa Phật bởi những hàng đá hoa rực rỡ, những bộ cột, những bức hoành được chạm khắc công phu... tất cả phản ánh tinh hoa nghệ thuật điêu khắc Việt Nam 100 năm trước. Trong điện Phật có 60 pho tượng

bằng gỗ quí, đặc biệt bộ tượng thập bát La Hán được tạc vào năm 1907 là đỉnh cao của nghệ thuật tạc tượng vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Chùa Hội Thọ : Chùa dựng ở ấp Mỹ Hưng, huyện Cái Bè. Nguyên gốc trước kia là chùa Kim Chương ở Gia Định. Khi quân Pháp chiếm thành Gia Định, hòa thượng Minh Giác cùng đệ tử đã về Cái Bè lập chùa và đổi tên là chùa Hội Thọ. Trong chiến tranh chùa bị hư hỏng hoàn toàn. Ngôi chùa hiện nay được xây dựng vào năm 1982 và sau đó được trùng tu. Trong chùa còn lưu giữ một số tượng thờ, bài vị, tự khí, pháp khí của chùa cổ Kim Chương: tượng Tiêu Điên bằng gỗ cao 1,34 m, tượng Thập Điện Minh Vương bằng gỗ cao 0,70 m, tượng Phật A Di Đà bằng đất nung cao 0,55 m. Trong chùa có tháp thờ hòa thượng Thiệu Long.

Chùa Linh Thứu : Tọa lạc gần chợ Xoài Hột, xã Thanh Phú, huyện Châu Thành. Chùa dựng vào khoảng thế kỷ 18. Đến năm 1811, vua Gia Long đổi tên thành chùa Long Tuyền. Năm 1841, vua Thiệu Trị đổi lại tên là chùa Linh Thứu. Chùa đã trùng tu, sửa chữa nhiều lần dưới thời thiền sư Nguyệt Hiện (giữa thế kỷ 18), hòa thượng Chánh Hậu (cuối thế kỷ19), các sư bà Như Nghĩa, Thông Huệ và Như Chơn (từ năm 1945 cho đến nay).

Chùa Thanh Trước : Chùa dựng vào năm 1826 tại ấp Gò Tre, xã Long Thuận, thị xã Gò Công. Ban đầu chùa có tên là Phật Linh, đến năm 1851, hòa thượng Chơn Hội đứng ra tổ chức xây lại chùa và đổi tên là chùa Thanh Trước. Chùa trải qua 7 đời trụ trì của các hòa thượng. Năm 1896, hòa thượng Hải Tràng cho trùng tu lần thứ nhất. Từ năm 1941, hòa thượng Hoằng Thông đã cho sửa chữa vào các năm 1946, 1958 và 1989. Trong chùa còn lưu giữ nhiều di vật quí như tượng đức Phật, chân dung tổ Ti-ni-đa-lưu-chi và tháp tổ ở khuôn viên chùa.

Đình Tân Hiệp : Đình xây dựng năm 1851 tại thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành. Đây là công trình kiến trúc có qui mô với những mảng chạm khắc bên trong mang đậm nét truyền thống văn hóa địa phương. Đặc biệt đình Tân Hiệp còn lưu giữ hai bức hoành đã đoạt giải nhất trong cuộc đấu xảo tại Paris năm 1923.

Lũy Pháo Đài : Di tích lịch sử Lũy Pháo đài thuộc xã Phú Đông, thị xã Gò Công. Thành lũy này do chính anh hùng Trương Định chỉ huy nhân dân xây dựng để tổ chức đánh Pháp, góp phần vào chiến thắng trong các trận cửa Khâu - Trại Cá vào

những năm 1862 - 1863. Đồn lũy được xây dựng trên một địa hình đặc biệt : mặt đông là biển cả, có bãi cát bồi lớn nên tàu lớn không tiến sát được, lại có rặng cây che khuất. Mặt bắc là dòng sông cửu Tiểu, có đập đá làm phòng ngự, trên bờ gắn liền với thành ngoài, là nơi đặt súng thần công. Mặt tây có rạch đồn và sình lầy, rừng rậm. Mặt nam một dãy trại dài nối liền lũy đất cát làm phòng tuyến dày đặc những chà là, sình lầy gai góc.

Riêng thành đồn pháo đài được kiến trúc rất kiên cố, chân móng là đá ong, đá xanh cao khoảng 8 m, rộng từ 3,5 đến 4,5 m. Mặt thành rộng từ 1,8 đến 2,5 m. Bốn phía có các cổng, vọng gác, rào chắn. Phần giữa đồn có kho vũ khí, giếng nước và vọng lầu chỉ huy. Thành đắp theo hình lục lăng. Đá hàn sông do các ghe, thuyền chở từ Biên Hòa về rồi đục thủng cho chìm xuống, do vậy mới không bị dòng nước cuốn đi và tồn tại đến ngày nay. Lũy Pháo đài thể hiện sinh động khí phách kiên cường giữ nước, bảo vệ quê hương của nhân dân Nam Bộ trong những năm kháng chiến chống Pháp.

Lăng Trương Định : Khu di tích Trương Định gồm lăng và đề Trương Định tọa lạc trong nội ô thị xã Gò Công. Lăng là phần mộ Trương Định, một vị anh hùng của Việt Nam. Ông sinh năm 1820 tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Cha ông là Trương Tầm giữ chức lãnh binh tỉnh Gia Định. Từ thuở nhỏ Trương Định đã có tướng mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư, võ nghệ. Thời Thiệu Trị, ông theo cha vào Nam, lấy vợ người Tân An, tỉnh Định Trường (Tiền Giang) rồi ở luôn quê vợ. Sau khi cha mất, ông xuất của nhà, mộ dân nghèo khai hoang lập ấp ở huyện Tân Hòa (nay là thị xã Gò Công), được triều đình bổ chức quản cơ. Khi quân Pháp xâm lược nước ta, Trương Định lãnh đạo nhân dân đứng lên chống Pháp, làm cho quân Pháp bao phen thất điên bát đảo. Do sự phản bội của Huỳnh Công Tấn, Trương Định đã tử tiết ngày 20-8-1864. Nhân dân đã chôn cất ông tại thị xã Gò Công. Mộ ông được xây dựng bằng đá ong với hồ ô dước, trên diện tích 67 m². Lăng Trương Định là di tích lịch sử và là dạng kiến trúc mộ táng tiêu biểu của người Việt ở vùng Nam bộ.

Mộ Thủ Khoa Huân : Thủ Khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân sinh năm 1830 tại xã Mỹ Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang trong một gia đình nông

dân khá giả. Thuở bé ông rất thông minh và học giỏi. Ông đậu thủ khoa năm 1852 dưới triều Tự Đức, sau đó được cử làm giáo thọ (tức đốc học) huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Trường (nay là Tiền Giang). Khi quân Pháp lộ rõ âm mưu xâm lược nước ta, ông từ quan, liên kết các sĩ phu yêu nước, chiêu mộ nghĩa quân đứng lên chống Pháp.

Trong suốt 15 năm hoạt động, 3 lần bị giặc bắt, ông đã nêu tấm gương sáng về lòng yêu nước và khí phách anh hùng. Ông bị giặc chém, mộ của ông đặt tại ấp Hóa Quới, xã Tịnh Hào, huyện Chợ Gạo, tuy đơn giản nhưng có ý nghĩa lịch sử, vì đó là nơi yên nghĩ của phó đề đốc, nhà thơ, nhà trí thức yêu nước Thủ Khoa Huân. Lúc đầu mộ ông chỉ đắp bằng đất, về sau (đầu thế kỷ 20) cháu ngoại của ông là Trần Văn Thông xây lại bằng đá xanh. Bia của mộ gồm 3 phiến đá xanh ghép với nhau thành chân bia, thân bia và mái bia.

Lăng Hoàng Gia : Lăng Hoàng Gia nằm cách thị xã Gò Công 2,5 km. Lăng là khu mộ và nhà thờ họ Phạm (bên ngoại vua Tự Đức) xây dựng năm 1826 trên diện tích 2987 km², là khu di tích phản ánh nghệ thuật kiến trúc nhà Nguyễn và nghệ thuật chạm khắc truyền thống Gò Công. Tại lăng Hoàng Gia còn nhiều bia đá ghi lại một thời lịch sử đã qua của miền Tây Nam bộ.

Mỹ Tho Đại Phố : Nằm trên đường Nguyễn Huỳnh Đức, phường 2 và phường 8, thành phố Mỹ Tho. Khu thương mại cổ này được hình thành từ năm 1679 và đến năm 1791 được xây dựng lại. Mỹ Tho đại phố do chính người Việt và người Minh (Trung Quốc) lập nên và là một trong ba trung tâm thương mại lớn nhất Nam bộ lúc đó : Mỹ Tho đại phố, Cù Lao phố (Biên Hòa) và Hà Tiên.

Làng Tịnh Hà : Là quê nhà cách mạng Nguyễn Hữu Huân, Ông còn là một nhà thơ kháng chiến và đã để lại nhiều bài thơ nổi tiếng được cảm khái trong suốt giai đoạn đấu tranh cứu nước. Trước khi bị Pháp hành hình, ông đã yêu cầu cho vợ con tế sống mình một tuần và xin vải để viết bài thơ tuyệt mạng, được anh hùng Phan Bội Châu dịch lại làm gương cho hậu thế. Xin trích hai câu :

Nổi sung mất vía quân Hồ tổ.

Quyết thát không hàng, rạng núi sông.

Làng Mỹ Chánh : Là quê danh sĩ Nguyễn Văn Lạc, lại giỏi y học, bói dịch, cầm

kỳ thi họa. Ông không ra làm quan cho quân Pháp mà bỏ quê về làng Thuộc Nhiêu làm nghề thuốc giúp dân nghèo. Thơ của ông phần lớn tỏ khi thái độ bất phục quân Pháp, kêu gọi tinh thần ái quốc và châm biếm đám sĩ phu bạc nhược ra làm tay sai cho Pháp. Những bài thơ đáng kể là : vịnh đôi gà chọi, vịnh con trâu, vịnh con tôm, vịnh con chó chết trôi, vịnh Nguyễn Kim Chi, bị trói...

Gò Công : Là quê ông Hồ Biểu Chánh, tên thật là Hồ Văn Trung, một danh sĩ đời Nguyễn. Ông sáng tác trên 70 quyển tiểu thuyết, hầu hết nội dung viết về sinh hoạt đồng quê, nói lên nổi cơ cực của người dân trước ách thống trị của quân Pháp và cường hào ác bá địa phương. Dân chúng miền quê rất thích lối viết văn bình dị của ông. Những tác phẩm tiêu biểu của ông: cha con nghĩa nặng, cay đắng mùi đời, con nhà nghèo, khóc thầm... Khoảng năm 1942 - 1943, ông có sáng lập hai tạm chí lấy tên "Nam Kỳ" và "Đại Việt" chuyên về văn học.

Hội Vàm Láng : Lễ hội diễn ra tại xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông vào ngày 10-3 âm lịch. Đây là lễ hội nghinh Ông (cá voi) của ngư dân vùng Tiền Giang. Vào đêm hội, nghi lễ được tổ chức tại chùa thờ Cá Ông, dân làng dâng lễ vật, các nhà sư tụng kinh, hóa vàng mã. Lễ cử hành vào khoảng 9 giờ sáng ngày 10 tháng 3 âm lịch, thuyền nghênh Ông được trang hoàng lộng lẫy, trên đất bàn thờ có mâm cỗ mặn, từ rạch Vàm Láng tiến ra sông Xoài Rạp, lễ rước có tấu nhạc, ca xướng. Quay về các thuyền thắp đèn kết hoa rực rỡ, sau đó là lễ cúng vong Ông. Kết thúc là lễ an vị Ông, đưa Ông về thờ ở chùa. Trong ngày hội, dân làng tổ chức ăn uống, vui chơi biểu diễn cải lương rất tưng bừng.

Hội Tứ Kiệt : Lễ hội Tứ Kiệt ở xã Thanh Hòa, huyện Cai Lậy, diễn ra trong hai ngày 15 - 16 tháng 8 âm lịch để tưởng niệm bốn vị anh hùng (là các ông : Đuốc, Long, Rông, Thận) đã nổi lên chống quân Pháp. Sau đó các ông bị bắt và bị hành quyết. Mộ của bốn ông còn gọi là lăng Tứ Kiệt ở xã Thanh Hòa. Tục truyền các vị rất linh ứng nên dân chúng quanh vùng tham dự lễ rất đông. Sau lễ dâng hương tưởng niệm lễ hội còn tổ chức những hoạt văn hóa và các trò vui dân gian.

Trà Vinh

Diện tích : 2369 km².

Dân số : 989.000 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Trà Vinh.

Các huyện : Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải.

Dân tộc : Việt (Kinh), Khmer, Hoa.

Trà Vinh nằm ở hạ lưu sông Mê Kông được bao bọc bởi sông Tiền và sông Hậu, phía Bắc giáp tỉnh Bến Tre, phía Tây và Tây Bắc giáp Vĩnh Long và Cần Thơ, phía Tây Nam giáp Sóc Trăng, phía Đông giáp biển Đông.

Đất Trà Vinh là một dải đồng bằng ven biển bao gồm vùng châu thổ được hình thành lâu đời và những vùng đất trẻ mới bồi. Độ cao trung bình từ 2 m đến 3 m so với mặt nước biển. Trà Vinh có hàng trăm gò, giồng đất và một mạng lưới sông rạch và kênh đào chằng chịt đã tưới tiêu và cung cấp phù sa cho cây trồng.

Tỉnh Trà Vinh không có núi chỉ toàn đồng bằng thấp và kinh rạch chảy khắp nơi. Hai sông chính của tỉnh là sông Cổ Chiên và Hậu Giang. Sông Cổ Chiên chảy dọc theo ranh giới với tỉnh Kiến Hòa, rồi chảy ra cửa Cung Hầu. Sông Hậu Giang cũng chảy dọc theo tỉnh phía Nam tỉnh Ba Xuyên và đổ ra cửa Định An. Các kinh rạch đáng kể khác là kinh Bà Liêu, rạch Ba Túc, rạch Tân Lập, kinh Láng Sắc, kinh Trà Ếch và một số kinh đào nhỏ.

Trà Vinh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nóng ẩm quanh năm, khí hậu chia hai mùa : mùa mưa từ tháng năm đến tháng mười một, mùa khô từ tháng 4 đến tháng 12 năm sau. Nền kinh tế của Trà Vinh chủ yếu là trồng lúa, đánh bắt hải sản, kinh tế vườn và nuôi tôm cá. Thị xã Trà Vinh xây trên bờ rạch Trà Vinh, cách bờ sông Tiền (Cổ Chiên) 3 km.

Từ Trà Vinh đi Vĩnh Long 66 km, đi Sài Gòn qua Bến Tre, Mỹ Tho là 110 km. Thị xã Trà Vinh có nhiều chùa của đồng bào Khmer. Liên tỉnh lộ 7A, dài 50 cây số nối Vĩnh Bình với tỉnh lỵ Vĩnh Long và đi các tỉnh lân cận; các tỉnh lộ khác là 34, 35, 36, 37. Phi trường xây ở Phú Vĩnh và Long Toàn.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào ta sinh sống trong tỉnh rất đông đúc, Vĩnh Bình cũng là nơi có đồng bào

gốc Khmer cư ngụ nhiều nhất. Các tôn giáo chính : đạo Phật, Hòa Hảo, Cao Đài, Thiên Chúa.

Đất trồng lúa chiếm 90% diện tích tỉnh, thường được cày cấy ở những vùng đồng bằng thấp giữa các vồng đất cao. Giống như ở Vĩnh Long, dân ta xây nhà dọc theo các vồng đất này. Giống lúa có nhiều loại như lúa mống chim, ỷ đông, nếp sáp, nếp than, nếp hương bầu. Hoa màu phụ gồm có các loại đậu, đậu dao, đậu răng lợn, đậu hương dại... Các loại cây ăn trái mang nhiều lợi tức cho tỉnh là dừa, cam, mít, dứa, xoài, nhãn, dưa hấu vàng, dưa hùm, mảng cầu, ổi xá lị, chuối, cau, chanh...

Dọc các kinh rạch và quận Long Toàn chuyên trồng dừa. Những quận Cầu Ngang, Long Toàn, Trà Cú, Cầu Kê và ven hai sông Tiền - Hậu trồng cây thuốc lá và các loại đậu. Ngành trồng hoa khá thịnh hành trong tỉnh như trúc đào, lan mộc cẩn, kim phụng, hồ điệp... Khu rừng thấp phía Đông - Nam có các loại cây bần, dừa nước, mù u, kê, sao... nhiều cây chế biến làm thuốc rất hữu ích.

Phía Đông là biển Đông Hải nên dân chúng theo nghề đánh cá, còn trong kinh rạch thì nuôi cá nước ngọt. Các loại cá thu hoạch nhiều là cá chình, cá dao, cá bướm, cá kim, cá tai trắng; lại còn có tôm thẻ, tôm trắng, cua biển, ốc tai voi, rùa chàm. Vùng Cầu Ngang, Long Toàn có nhiều ruộng muối.

Lược sử

Tên cũ của tỉnh là "Vĩnh Bình" do tiếng Khmer "preastrapeang" (Hồ Thánh) đọ lại mà thành. Đời Gia Long, Nam Kỳ có năm trấn, vùng Vĩnh Long và An Giang họp thành trấn Vĩnh Thanh. Đất Trà Vinh là một địa phương nhỏ thuộc trấn này.

Trong đợt tấn công ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, Pháp đem quân đánh chiếm tỉnh Vĩnh Long trong ba ngày. Mặc dù Tổng đốc Trương Văn Uyển cùng với dân quân cố gắng chống trả, hỏa lực giặc quá mạnh khiến thành Vĩnh Long mất ngày 23-3-1862.

Đến năm 1867, Pháp chiếm trọn các tỉnh miền Tây và bắt đầu cai trị đất này. Chúng lập tỉnh Trà Vinh và là tỉnh thứ năm trong 20 tỉnh ở Nam Kỳ (về sau đặt thêm tỉnh thứ 21 là Vũng Tàu). Nhưng người dân Trà Vinh không chịu khuất phục đã nổi lên kháng chiến.

Cuối năm 1867, ba người con của Phan Thanh Giản là Phan Liêm, Phan Tôn và Phan Ngữ khởi nghĩa, chống giặc khắp vùng Trà Vinh, Sa Đéc, Vĩnh Long và Bến Tre. Năm 1874, hai anh hùng Nguyễn Xuân Phụng và Đoàn Công Bửu thành lập đoàn "dân chúng tự vệ" ở Cầu Ngang, không cho giặc bình thường hóa hệ thống cai trị thôn xóm.

Năm 1875, dân chúng Ba Động (thuộc quận Long Toàn) theo hai anh hùng Trần Bình và Lê Tấn Kế kháng chiến. Năm 1916, các tổ chức bí mật lan rộng tỉnh Trà Vinh. Đồng bào cùng nhau chống bắt lính đánh thuê cho Pháp.

Phong cảnh, di tích

Cồn Nghêu (Cồn Nạnh) : Là một cồn cát thuộc địa phận xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, cách bờ biển Mỹ Long khoảng 10 phút đi ca nô. Khi thủy triều lên, toàn bộ cồn cát chìm trong nước biển, chỉ khi thủy triều xuống cồn mới hiện ra. Ở đây không khí trong lành, mát mẻ, đặc biệt nhiều nghêu thịt ngọt, vì thế người dân quen gọi là cồn nghêu. Trên cồn hiện có ba nhà ăn, nghỉ được cất cao hơn mặt biển để phục vụ du khách đến thay đổi không khí, thưởng thức đặc sản biển.

Ao Bà Om (Ao Vuông) : Là một thắng cảnh nổi tiếng của Trà Vinh và khu vực đồng bằng sông Cửu Long, thuộc ấp Tà Cụ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành. Ao hình chữ nhật, dài khoảng 500 m, rộng khoảng 300 m, nằm dọc theo quốc lộ 53, cách trung tâm thị xã Trà Vinh khoảng 7 km về hướng tây nam. Mặt nước ao trong và phẳng lặng, xung quanh là gò cát cao rợp bóng cây cổ thụ sao, dầu, rất nhiều cây với phần rễ trồi lên mặt đất tạo thành những hình dạng độc đáo. Không khí quanh ao trong lành và mát mẻ. Đến đây bạn sẽ được nghe những truyền thuyết ly kỳ và hấp dẫn về ao Bà Om.

Bãi Biển Ba Động : Thuộc địa phận xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, cách trung tâm thị xã Trà Vinh khoảng 55 km. Bãi biển dài hàng chục kilômét, cát trắng, nước trong. Không khí ở đây rất trong lành. Thời Pháp thuộc, các quan chức đã xây dựng ở đây một khu nhà nghỉ mát để thường xuyên đến nghỉ và tắm biển.

Chùa Hang : Là ngôi chùa Khmer cổ, thuộc ấp Tầm Phương, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành cách trung tâm thị xã Trà Vinh 5 km về hướng nam. Chùa còn có tên là Mồng Rầy (Kamponynixprdle), nhưng người dân quen gọi là chùa Hang vì kiến

trúc cổng chùa giống cái hang. Chùa tọa lạc trên mảnh đất rộng 10 ha có rất nhiều cây cổ thụ như sao, dầu, nơi hội tụ của nhiều loại chim, đông nhất là cò, chúng làm cho cảnh chùa nơi này làm thêm phần đặc sắc.

Chùa Angkorett Pali (Chùa Âng) : Là một trong những ngôi chùa cổ nhất trong hệ thống chùa Khmer ở Trà Vinh. Chùa cách trung tâm thị xã Trà Vinh 7 km, ẩn mình trong rừng cây cổ thụ của ao Bà Om. Chùa tọa lạc trên khu đất rộng 4 ha thuộc ấp Tù Cụ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành. Chùa có kiến trúc cổ, độc đáo, hài hòa trong cảnh sắc thiên nhiên.

Chùa Nôdol : Còn gọi là chùa Cò hay chùa Giồng lớn thuộc ấp Giồng Lớn, xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, cách thị xã Trà Vinh khoảng 40 km về phía Nam. Đây là ngôi chùa cổ to lớn có nét kiến trúc đặc sắc của nền văn hóa Khmer ở Trà Vinh, bao gồm cổng chùa, ngôi chính điện, tháp đựng cốt, nhà tăng, nhà hội... Khu vực chính điện với những mái uốn cong theo hình đuôi rồng, có những đỉnh tháp nhọn hình ngọn núi Xôme và những hình tượng quen thuộc như Riehu, thần bốn mặt Mohabrom, chim thần Kâyno, Mahaknốt...

Chùa được bao bọc bởi những rặng tre, hàng cây sao, dầu, người dân quen gọi là chùa Cò vì hơn 100 năm nay khuôn viên chùa (khoảng 3 ha) đã là nơi cư trú của hàng ngàn con chim các loại như : cò, cồng cộc, bồ câu... trong đó đông nhất là họ nhà cò với rất nhiều loại: cò trắng, cò quắm, cò đầu đỏ, cò đầu vàng, cò mỏ vàng, cò mỏ đen...

Chùa SamRông Ek : Đây là ngôi chùa cổ của người Khmer Nam Bộ. Chùa tọa lạc tại ấp Đôn Hóa, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành. Tương truyền chùa được dựng vào năm 642, có thuyết cho rằng chùa dựng vào năm 1373. Nhưng chùa cũ đã bị hư hỏng, chùa mới được xây lại năm 1850. Ngôi chính diện trùng tu vào năm 1944. Trong chùa còn lưu giữ một số tượng cổ Noria bằng đá quí và bia đá khắc chữ Khmer xung quanh chùa có nhiều tháp mộ.

Chùa Lưỡng Xuyên (Chùa Long Phước) : Chùa tọa lạc tại số 3 đường Lê Lợi, phường 1, thị xã Trà Vinh. Chùa được dựng vào thế kỷ 19. Năm 1934 Hòa thượng Khánh Hòa cho trùng tu lại chùa, đặt tên là chùa Long Phước. Năm 1987 thầy Minh Hà trụ trì đã đổi tên là chùa Lưỡng Xuyên.

Chùa Di Đà (Chùa Tiên Châu hoặc Tô Châu) : Chùa ở trước bãi Bích Trân, xã Bình Lương, huyện Châu Thành. Chùa được Hòa thượng Hoàng Đức Hội tạo dựng, cảnh chùa thanh trí, u tịch. Chùa Di Đà được coi là một trong những danh lam thắng cảnh của vùng.

Các dịp lễ hội

Lễ Hội Cúng Biển Mỹ Long : Hàng năm lễ hội cúng biển được tổ chức trong 3 ngày, từ 10 đến 12 tháng 5 âm lịch, tại miếu Bà Chúa Xứ, biển Mỹ Long, xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang. Trong 3 ngày này rất nhiều nghi lễ được tiến hành trang trọng như lễ Nghinh Ông Hải Nam (trên thuyền là các vị thần hóa trang Quan Công, Châu Xương, Quan Bình), lễ rước Bà Chúa Xứ, rước Cậu, lễ Nghinh Ông (rước cá Ông để tỏ lòng biết ơn cá Ông với tàu thuyền khi đi biển gặp nạn), lễ tế thần nông, chánh tế, tế nghinh ngũ phương đi bộ vòng quanh thị trấn và nhiều trò chơi dân gian như nhảy bao, kéo co, đua mông bắt cá kèo, cá bống.

Lễ hội kết thúc với việc đưa tàu ra biển. Lễ hội do những người làm nghề biển ở Mỹ Long tổ chức lần đầu vào năm 1937, với mục đích cầu an. Dần dần đã lôi cuốn được nhiều người tham dự. Những năm gần đây vào những ngày lễ hội, hàng chục ngàn khách gần xa đã về đây dự lễ hội, tham quan làm cho không khí ở vùng này càng thêm náo nhiệt.

Ngoài ra người Khmer còn tổ chức hàng năm :

- Lễ vào năm mới (Chol Chnam Thmay) tức là tết của người Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, được tổ chức vào tháng 4 dương lịch (nhằm vào ngày giữa tháng tùy năm).
- Lễ cúng ông bà (Lễ Đôn Ta) cũng là lễ Lớ của đồng bào Khmer, được tổ chức vào 3 ngày mỗi năm, từ 29-8 đến ngày 1-9 âm lịch.
- Lễ cúng trăng (Lễ Ok Om Bok và hội đua ghe ngo) vào ngày 15-10 âm lịch, đồng bào Khmer tổ chức lễ cúng trăng để tưởng nhớ đến công ơn của mặt trăng, coi như một vị thần điều tiết mùa màng, đã giúp họ làm ăn được khá giả trong năm. Trong dịp lễ cúng trăng, bà con Khmer tổ chức cuộc đua ghe ngo rất vui.
- Lễ dâng bông : mỗi khi phum, sóc cần xây dựng cầu, đường, nhà trường, chùa chiền, các công trình công cộng... đều tổ chức lễ dâng bông để quyên góp tiền

xây dựng, các sư sãi đọc kinh cầu nguyện, các địa phương đón các đoàn hát dân tộc về biểu diễn.

- Lễ dâng phước : tại gia đình Khmer, ở các tỉnh đồng bằng Nam Bộ thường tổ chức lễ này để tưởng nhớ những người đã thân qua đời.

Tuyên Quang

Diện tích : 5801 km².

Dân số : 692.500 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Tuyên Quang.

Các huyện : Nà Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương.

Dân tộc : Việt (Kinh), Tày, H' Mông, Dao, Nùng, Cao Lan, Hoa, Sán Dìu...

Tuyên Quang có hình thể phức tạp vì tạo nên bởi những dãy núi cao, ngăn cách nhau bởi lưu vực của bốn con sông chính chảy qua tỉnh. Giữa sông Hồng Hà và sông Chảy là dãy núi Côn cao 800 thước, kế tiếp là dãy núi Mỏ Rô và Sáu Tàu, rồi đến những ngọn núi thấp dần. Giữa sông Chảy và sông Lô là dãy núi Khánh, dãy núi này ngăn cách sông Chảy với thung lũng sông Bách. Núi Hùng, núi La cao từ 1000 đến 1100 thước và núi Bách Kha là những núi cao có rừng rậm bao phủ, có nhiều vách đá ăn thẳng ra bờ sông Lô. Giữa sông Lô và sông Gầm là một dãy núi cao, hầu như chưa có ai đến. Đường đi lên khập khểnh chênh vênh. Giữa sông Gầm và sông Cầu cũng có một dãy núi tương tự. Trên tả ngạn sông Đáy có dãy Tam Đảo với nhiều núi cao, nối tiếp là núi Lịch và núi Hùng.

Các sông chính của Tuyên Quang là sông Lô, sông Gầm, sông Chảy. Phát xuất từ Trung Hoa, sông Lô có hai chi lưu chính là sông Chảy và sông Gầm. Sông Gầm cũng phát xuất từ Trung Hoa và có nhiều nhánh sông như những dòng suối nhỏ nhưng về mùa mưa lại biến thành những thác lớn rất nguy hiểm. Chi lưu chính của sông Chảy cũng có nhiều nhánh sông nước chảy xiết như những dòng thác.

Khí hậu Tuyên Quang ẩm thấp và không trong lành, nhất là vào mùa mưa bị ảnh hưởng của rừng rậm. Thung lũng sông Đáy có nước độc và sương mù thường dày đặc đến 9 giờ sáng mới tan dần. Những vùng cao độ từ 400 thước đến 800 thước có khí hậu trong lành hơn, nhất là những vùng đá vôi.

Về giao thông Tuyên Quang được nối liền với các tỉnh khác nhờ quốc lộ 2 và hai liên tỉnh 11 và 13.

Sinh hoạt, kinh tế

Dân chúng Tuyên Quang bao gồm nhiều sắc tộc khác nhau; Người Thổ (cùng chi phái với người Thổ ở Cao Bằng), người Mán (có nhiều chi phái khác nhau), người Mèo ở vùng cao độ từ 400 đến 800 thước, người Kinh ở các vùng chung quanh

Chiêm Hóa và một số ít người Mường.

Nếp sống của đồng bào ở đây cũng giống như người miền xuôi, về tôn giáo thì thờ phụng tổ tiên, thần thánh, theo đạo Phật, Thiên Chúa. Đặc biệt, người Mán có phong tục về dự "phiên chợ cưới" tại xã Tam Lộng, tỉnh Vĩnh Yên, vào ngày 25 tháng Chạp hàng năm. Trong phiên chợ cưới này, những đôi trai gái yêu nhau thề nguyện dưới sự chứng kiến của các vị cao niên; sau đó, họ mời trở về bàn làm lễ thành hôn chính thức. Ngoài ra, người Mán còn có tục đặc biệt về chuyện nuôi gia súc, họ dự định để dành con vật nào vào việc gì thì chỉ dùng vào việc đó, không dùng vào việc khác dù thiếu thốn đến đâu đi nữa.

Đất Tuyên Quang rất tốt, có thể trồng trọt mọi giống cây vùng nhiệt đới. Ngoài lúa núi và lúa đồng bằng là hoa màu chính, dân chúng còn trồng ngô, trá, thuốc lá, chàm và bông vải. Những loại rau cỏ Tây phương đem trồng ở đây rất tốt. Rừng Tuyên Quang chiếm bốn phần năm đất đai, có nhiều loại gỗ tốt như lát hoa, đinh, lim, sến, táu, xanh, thông, trai..., và rất nhiều nứa vầu, cây dược liệu.

Tuyên Quang có nhiều mỏ kẽm và các mỏ khác như mỏ kệ-thán, chi, than đá. Vì vậy, ngành kỹ nghệ và thương mại tại đây tập trung vào việc khai thác quặng mỏ, sản xuất dụng cụ khai thác lâm sản, vận chuyển hàng hóa về miền xuôi buôn bán.

Lược sử

Tuyên Quang nguyên cũng là một vùng đất thuộc xứ Thái, nhưng từ thế kỷ 13 đã chịu sự kiểm soát của triều đình Việt Nam dưới đời nhà Trần. Triều Trần gọi là lộ Quốc Oai, sau đổi là châu Tuyên Quang. Dưới đời vua Trần Hiến Tông (niên hiệu Khai Hữu, 1329-1341), châu Tuyên Quang đổi thành trấn, rồi thành phủ Tuyên Hóa dưới thời Minh thuộc. Sau khi vua Lê Thái Tổ đuổi xong giặc Minh, ngài đặt phủ Tuyên Hóa thuộc Tây Đạo. Đời vua Lê Thánh Tông, Tuyên Quang gồm một phủ và năm huyện và trở thành tỉnh Minh Quang dưới triều vua Lê Uy Mục. Đời Lê Trang Tôn, đổi Minh Quang thành doanh An Tại, cho dòng họ Vũ người Thái làm doanh trưởng.

Cuối thế kỷ 17, triều đình vua Lê đặt quan chức người Kinh tại tỉnh lỵ để điều khiển các tộc trưởng Thái. Vua Gia Long lại đổi thành trấn Tuyên Quang, rồi trở thành tỉnh dưới triều Minh Mạng. Khi Pháp mới xâm chiếm nước ta. Phủ Yên

Bình là căn cứ kháng chiến chống giặc Pháp. Đồng bào Thái, Mường, Mèo, Thổ, Nùng cùng với dân quân các tỉnh lân cận đánh quân Pháp nhiều trận khốn đốn vào những năm 1884, 1885; thêm vào đó, quân Cờ Đen quấy nhiễu vùng Tuyên Quang khá lâu. Mãi tới năm 1894, Pháp mới hoàn toàn chiếm được tỉnh này.

Trước năm 1975. Tuyên Quang có các huyện Yên Sơn, Yên Bình, Hàm Yên, Sơn Dương, Chiêm Hóa và Đại Thi.

Phong cảnh, di tích

Rừng nguyên sinh Na Hang : Khu rừng Na Hang là nơi tiếp giáp với hồ Ba Bể. Rừng có thảm thực vật khá dày và phong phú về chủng loại và nhiều loại động thực vật quí hiếm trong đó có loài Voọc mũi hếch là loại thú quí hiếm của thế giới. Rừng Na Hang đã được bảo tồn và sẽ trở thành khu du lịch trong tương lai.

Suối khoáng Mỹ Lâm : Suối khoáng Mỹ Lâm nằm cách thị xã Tuyên Quang 15 km, giao thông thuận tiện. Nguồn nước khoáng Mỹ Lâm có nhiệt độ nóng 62°C, có nhiều lưu huỳnh, magiê, can xi và các loại khoáng chất có tác dụng chữa bệnh tốt. Ở đây đã hình thành khu du lịch phục vụ khách đến tắm nước khoáng và dưỡng bệnh.

Thành cổ Nhà Mạc : Thành được xây năm 1552, thời nhà Mạc (thế kỷ 16) nằm ở trung tâm thị xã Tuyên Quang. Thành án ngữ bên bờ sông Lô. Thành được xây dựng kiên cố. Di tích còn lại gồm có hai cổng thành ở phía tây và phía bắc, cùng một số đoạn tường thành.

Di tích Đền Hạ : Đền Hạ ở thị xã Tuyên Quang. Đền được xây dựng năm 1783 thời Lê Cảnh Hưng (Hậu Lê). Đền có mái đao cong duyên dáng cùng những biểu tượng rồng, nghê đắp nổi trên lớp mái ngói vẩy. Toàn bộ khu đền in bóng lấp lánh trên mặt nước, nơi có khúc sông uốn lượn hình rồng. Di tích tôn giáo biểu hiện rõ nét qua các mảng hoa văn và các bức chạm trổ giai đoạn cuối nhà Lê, đầu nhà Nguyễn. Hiện nay trong đền còn có nhiều pho tượng cổ có giá trị về mặt nghệ thuật và lịch sử.

Đình Tân Trào : Một ngôi đền nhỏ thờ thần sông, núi của làng Tân Lập. Đình được dựng vào năm Quí Hợi (1923) theo kiểu nhà sàn cột gỗ, ba gian, hai chái, mái nhà lợp lá cọ, sàn lát ván.

Tuyên Quang không có di tích nào đáng kể. Thắng cảnh thiên nhiên là núi rừng hùng vĩ, sông nước bao la, thác ghềnh chi chít. Đường đi từ tỉnh lỵ đến các vùng Yên Sơn, Lư Khê, Chiêm Hóa, Hàm Yên có nhiều phong cảnh đèo, núi vôi tuyệt đẹp nhưng chưa được khai thác thành những trung tâm du ngoạn. Ngoài ra thôn Vĩnh Khoái, xã An Nguyên, huyện Chiêm hóa (có sách chép thuộc tỉnh Thái Nguyên) có di tích Chùa Bảo Ninh Sùng Phúc. Người ta chưa rõ chùa này ở đâu, nhưng bia đá tìm thấy dưới chân núi Đan Hàm. Bia cao 1,45 m, rộng 80 phân, rìa bia có trạm hình rồng, mây đời nhà Lý, được đặt trên một con rùa đá lớn. Bài văn bia do Lý Thừa An (có sách chép là Nguyễn Thừa An) biên soạn năm 1107.

Các dịp lễ hội

Tỉnh Tuyên Quang có nhiều dân tộc ít người cư trú như Tày, H' Mông, Dao, Nùng, Sán Dìu...

Lễ hội bản Giếng Tanh : Ngọc Sơn và Nghiêm Sơn là hai vị có công đánh giặc ngoại xâm, là người của vùng núi Sơn Cước. Lễ hội hàng năm diễn ra vào mùa xuân tại đền Bản Giếng Tanh thuộc huyện Yên Sơn, vùng dân tộc Cao Lan. Sau phần nghi lễ là mhiều trò vui đặc sắc như ném còn, chơi đu, múa dân gian.

Lễ hội quá tang của người Dao : Đây là lễ hội cấp sắc dành cho nam giới của dân tộc Dao. Theo tục lệ của dân tộc, con trai từ 18 tuổi trở lên điều được làm lễ để công nhận là người đã được trưởng thành. Sau phần lễ trang nghiêm là sang phần hội. Tiếng cồng, tiếng chiên, chũm chọe và tiếng khèn hòa tấu rộn ràng theo những làn điệu dân ca, vũ hội của người Dao. Mọi người vừa múa vừa hát, vừa uống rượu cần và tổ chức trò chơi.

Vĩnh Long

Diện tích : 1487 km².

Dân số : 1.023.400 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Vĩnh Long.

Các huyện : Long Hồ, Măng Thít, Bình Minh, Tam Bình, Trà Ôn, Vũng Liêm.

Dân tộc : Việt (Kinh), Khmer, Hoa.

Nằm trên đồng bằng châu thổ Cửu Long tỉnh Vĩnh Long không có núi, địa thế là đồng bằng do phù sa bù đắp. Hai con sông quan trọng là Tiền Giang và Hậu Giang.

Sông Tiền Giang đến An Thành chia làm hai nhánh, một nhánh chảy vào Vĩnh Long gọi là Cổ Chiên (ở đây có một số cù lao lớn như cù lao Dài, cù lao Tân Phong, cù lao An Thành), một nhánh chảy về phía Đông Nam vào hai tỉnh Định Tường và Kiền Hòa.

Sông Hậu Giang chảy hướng Tây Nam, chia ranh giới với tỉnh Phong Dinh (có cù lao Tân Ngãi, tức cù lao Mây, khá lớn). Ngoài ra còn có kinh rạch ngang dọc khắp tỉnh: đặc biệt có kinh đào Mang Thít chảy dài từ quận Minh Đức đến quận Trà Ôn, nối liền hai sông Tiền Giang và Hậu Giang, rút ngắn đường vận chuyển các loại nông sản từ các tỉnh miền Tây về Sài Gòn.

Khí hâu ở đây nóng ẩm, với hai mùa mưa, nắng rất rõ rệt. Mực nước lên cao từ tháng Năm đến tháng Bảy âm lịch (ca dao có câu "tháng Bảy nước chảy khỏi bờ" là vậy), và bắt đầu xuống từ tháng Tám cho đến tháng Mười âm lịch mới bình lại. Vì kinh rạch nhiều, nhất là nhờ hai con sông Tiền, sông Hậu nên rút ra biển rất nhanh, không bị lụt như ở Mỹ Tho và Kiến Phong.

Là tỉnh ở giữa đồng bằng sông Cửu Long, Vĩnh Long có đất đai màu mỡ do được sông Tiền và sông Hậu bồi đắp phù sa hàng năm. Trồng trọt là một thế mạnh của tỉnh. Bên cạnh cây lúa (90% diện tích đất trồng lúa), hàng năm người dân Vĩnh Long còn thu hoạch hàng trăm ngàn tấn trái cây như cam, nhãn, quít, bưởi, dừa... và chăn nuôi gia súc gia cầm.

Sinh hoạt, kinh tế

Dân chúng sinh sống ở Vĩnh Long hầu hết là người Kinh, có một số đồng bào gốc Khmer ở tập trung trong năm xã thuộc các quận Bình Minh (xã Đông Thành),

quận Tam Bình (xã Loan Mỹ), quận Trà Ôn (xã Trà Côn) và quận Vũng Liêm. Các tôn giáo chính gồm có đạo Phật, Cao Đài, Hòa Hảo và Thiên Chúa.

Hầu hết dân chúng đều sống nghề nông, do chất đất được phù sa từ hai sông Tiền, sông Hậu bồi đắp hằng năm. Vì thế, lúa, các loại hoa màu, cũng như cây ăn trái rất tươi tốt, nhất là trên các cù lao. Nhiều loại lúa Vĩnh Long nổi tiếng thơm ngon, như lúa móng chim, ý đông, nếp hương bầu, nếp than. Nhiều loại hoa màu phụ là khoai lang đỏ, khoai sắp, khoai tía, các loại đậu... Cây công nghiệp như mía, thuốc lá, đậu phọng, dừa, đậu nành, bố, lát... được trồng khắp nơi trong tỉnh. Quận Tam Bình và Trà Ôn chuyên về trồng mía. Ven sông Tiền và Hậu, dân chúng trồng dừa, thuốc lá.

Các loại cây ăn trái nổi tiếng như dưa hấu, dưa hùm, dưa vàng, xoài, mít, dừa, cam, ổi xá lị, chuối, cau, mãng cầu, lựu... Các quận Châu Thành, Bình Minh, Chợ Lách và Tam Bình có diện tích trồng xoài nhiều nhất tỉnh, được phân phối đến các tỉnh khác với số lượng khá cao. Ở quận Châu Thành có trồng các loại hoa lài, hoa ngâu dùng cho kỹ nghệ ướp trà. Quận Chợ Lách có các vườn hoa nổi tiếng về các giống hồng, trúc đào, mẫu đơn, lan hồ điệp, mộc cẩn và các loại cây kiểng khác...

Thổ sản của Vĩnh Long rất phong phú và đa dạng. Cù lao Tân Phong ở quận Chợ Lách được biết nhiều vì xuất cảng chuối già hương, thơm ngọt nhất miền Tây; vì có những vườn quít đường, vườn chôm chôm tróc và đặc biệt là trái vải tươi, sầu riêng, được trồng ở vùng giáp ranh với Cái Mơn thuộc tỉnh Kiến Hòa; đây là loại trái vải đầu tiên được gây giống thành công ở miền Tây.

Về hải sản, Vĩnh Long có nhiều kinh rạch và nằm giữa hai bờ sông lớn nên có nhiều cá, tôm. Ngoài ra các loại cá đồng, còn có các loại cá sông được ưa chuộng như cá chẻm, cá vồ, cá cháy (sống ở vùng giáp nước ở hai hai quận Trà Ôn và Bình Minh), và cá linh thường được đánh bắt bằng đáy vào mùa nước xuống hàng năm và được dùng cho kỹ nghệ làm nước mắm. Cá vồ, cá tra, tôm càng xanh thường được nuôi ở các bè nổi dọc theo sông Tiền, sông Hậu, bắt đầu từ mùa nước lên và là nguồn lợi đáng kể của tỉnh.

Về công nghiệp, có các lò đường ở dọc theo kinh Mang Thít, cung cấp đường thô và đường hũ cho nhà máy đường Hiệp Hòa, cũng như các loại đường vàng và

đường thẻ cho dân chúng trong vùng. Có kỹ nghệ làm gạch ngói ở các quận Châu Thành, Minh Đức và làm nhang ở quận Bình Minh. Dù là một tỉnh có diện tích nhỏ, nhưng tiềm năng kinh tế của Vĩnh Long rất lớn, đặt biệt là thương nghiệp.

Lược sử

Thời các Chúa Nguyễn khai khẩn miền Nam, vùng Vĩnh Long và An Giang nằm trong địa hạt dinh Long Hồ, sau đổi thành dinh Vĩnh Trấn. Năm 1802, Gia Long chia lại Nam Kỳ làm năm trấn, Vĩnh Long và An Giang họp thành trấn Vĩnh Thanh. Năm 1832, Minh Mạng đổi các trấn thành tỉnh; Nam kỳ gọi là Gia Định thành gồm sáu tỉnh Vĩnh Long, Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, An Giang và Hà Tiên.

Sau khi chiếm ba tỉnh miền Đông, giặc Pháp tràn xuống miền Tây. Vĩnh Long là địa đầu mà chúng phải vượt qua. Ngày 20-3-1862, tên đề đốc Bonard đưa 11 pháo trạm và 1000 quân đến nơi. Tổng đốc Vĩnh Long Trương Văn Uyển điều binh chống giữ. Ngày 21-3 pháo hạm giặc bắt đầu bắn phá như mưa vào các tiền đồn trước khi đổ bộ. Quân ta chiến đấu rất dũng cảm. Nhưng hỏa lực địch quá mạnh, ngày 22-3, hai tiền đồn Vĩnh Tồn và Vĩnh Mỹ Thạnh thất thủ. Sáng ngày 23-3 thành lũy của Vĩnh Long bên bờ sông Cổ Chiên bị chọc thủng. Tổng đốc Trương Văn Uyển cho quân lui về Mỹ Quý (cách tỉnh lỵ Mỹ Tho 20 cây số về hướng Tây) thiết lập căn cứ mới tiếp tục chiến đấu.

Qua hòa ước Nhâm Tuất ký ngày 11-6-1862 giữa triều đình Tự Đức và Pháp, ngoài việc mất ba tỉnh Định Tường, Biên Hòa, Gia Định, quân Pháp vẫn đóng binh trong tỉnh Vĩnh Long, mặt dù đất vẫn thuộc quan triều đình cai quản. Tháng 7 -1864 việc thương thảo giữa triều đình với Pháp để chuộc lại ba tỉnh miền Đông thất bại, Pháp tiếp tục xâm lược ba tỉnh miền Tây. Ngày 20-6-1867, tên Phó đề đốc De la Grandière kéo quân thủy bộ đến chiếm thành Vĩnh Long. Không giữ được thành Phan Thanh Giản uống thuốc độc tự tử.

Cuối năm, ba người con của ông là Phan Liêm, Phan Tôn và Phan Ngữ phất cờ khởi nghĩa, đánh giặc Pháp lan rộng bốn tỉnh Vĩnh Long, Sa Đéc, Vĩnh Bình, Bến Tre. Năm 1872, các anh hùng Âu Dương Lân, Lê Công Thành, Phạm Văn Đổng chiêu mộ người có lòng kháng chiến suốt vùng Vĩnh Long, Cần Thơ và An Giang.

Năm 1872 nghĩa quân vùng Vũng Liêm trá hàng, phục kích tại cầu Vồng, giết tên Tham Biện Salicetti và đại úy Bobin. Pháp sai Việt gian Tổng đốc Trần Bá Lộc đem quân xuống đán áp trả thù. Tên Lộc tàn sát gần trọn cả làng, chôn chung một hố gọi là Vũng Linh, sau nầy đọc trại là Vũng Liêm.

Phong cảnh, di tích

Cù Lao An Bình Và Bình Hòa Phước : Là cù lao giữa trên sông Tiền, đối diện với thị xã Vĩnh Long, nơi tập trung nhiều điểm du lịch. Cù lao rộng hơn 60 km², gồm 4 xã : An Bình, Bình Hòa Phước, Hòa Ninh và Đồng Phú. đất đai màu mỡ và trù phú, nước ngọt quanh năm, dân cư trồng nhiều cây ăn trái như : chôm chôm, xoài, nhãn, sầu riêng, sapôchê... Các điểm du lịch trên cù lao này là :

Vườn cảnh bonsai của ông Sáu Giáo tại ấp Bình Thuận xã Hòa Ninh với hàng trăm các loại cây cảnh : mai vàng, mai chiếu thủy, lài... xung quanh nhà là vườn nhãn và ao nuôi cá tai tượng, loại cá thịt ngon. Nhà sàn ông Mười đầy : nhà sàn cất bằng gỗ trên rạch Ninh Hòa, phía sau nhà là vườn nhãn, bưởi, sa-pô-chê. Ngôi nhà xưa ông Hai Hoàng được xây theo kiến trúc Pháp có sân rộng và phía sau là vườn chôm chôm và nhãn.

Các vườn trái cây đặc sản khác : vườn chôm chôm ông Chín Hoán, vườn chôm chôm ông Chín Cần, vườn nhãn tiêu ông Tám Hổ, và vô số các vườn trái cây khác. Vườn bưởi trên cù lao Mỹ Hòa huyện Bình Minh, cách Vĩnh Long chừng 30 km, chuyên trồng bưởi năm roi, loại bưởi ngon nổi tiếng của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Khu du lịch Trường An : Trường An có diện tích rộng 16 ha nằm sát bên sông Tiền, cách thị xã Vĩnh Long 4 km. Là khu du lịch của tỉnh Vĩnh Long, Tường An có phong cảnh thiên nhiên hữu tình, cây trái xanh mát quanh năm, không khí trong lành. Tại đây đã có những biệt thự với kiến trúc thanh lịch, nhà nghỉ, nhà hàng phục vụ các món ăn miền Tây Nam Bộ.

Trung tâm Fatima : Là một thắng cảnh, nhất là vào những ngày lễ đạo lớn trong năm được xây dựng cạnh quốc lộ 4, trên đường ra bến phà Mỹ Thuận. Trung tâm được trang trí bằng nhiều hoa kiểng đẹp, được dân chúng theo đạo Thiên Chúa ở Vĩnh Long xem là thánh địa của địa phận mình.

Cù Lao Dài : Thuộc quận Vũng Liêm, dài 17 cây số. Đây là vùng đất do công khai phá của ông Nguyễn Văn Thoại, công thần nhà Nguyễn. Năm 1917 (Đinh Sửu), ông bắt đầu cho di dân đến vùng nầy và lập ra năm làng Phú Thái, Phước Khánh, Thái Bình, Thanh Lương và Bình Thạnh. Sau đó, nhà cửa, đình chùa, cầu lộ được xây lên nhiều và dân sống trên cù lao này rất thịnh vượng. Ngày nay, cù lao Dài thuộc xã Quới Thiện và còn các di tích như lăng, mộ của nhiều người trong dòng họ ông Nguyễn Văn Thoại và những quan chức thời bấy giờ, trong số này có lăng và mộ cụ bà Nguyễn Thị Tuyết, thân mẫu ông Nguyễn Văn Thoại.

Đình Long Thanh : Đình Long Thanh thuộc phường 5 thị xã Vĩnh Long, cách trung tâm thị xã 3 km. Đình được xây cất năm 1720, nội điện trang trí khánh thờ, hoành phi, bao lam chạm trổ rất công phu theo nghệ thuật truyền thống sơn son thiếp vàng. Đình được công nhận di tích lịch sử văn hóa năm 1993.

Chùa Phước Hậu : Chùa được xây dựng vào nửa cuối thế kỷ 18 trên một khu đất rộng rãi và yên tĩnh, tại ấp Đông Phú, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình. Thiền Sư Hoàng Chỉnh ở Quảng Ngãi vào tu đã trùng tu chùa vào các năm 1895 và 1910. Chùa Phước Hậu tiếp tục được trùng tu và mở rộng dưới thời Hòa thượng Khánh Anh từ năm 1939 và Hòa thượng Thiện Hoa từ năm 1961 đến 1972. Ngoài các pho tượng Phật và tượng Thập Bát La Hán, chùa còn có khu tháp đẹp, đó là tháp Thiên Nga (dựng năm 1972) và tháp Đa Bảo (dựng năm 1966).

Chùa Tiên Châu (chùa Tô Châu) : Toạ lạc tại xã An Bình thuộc cù lao An Bình, đối diện với thị xã Vĩnh Long, bên kia bờ sông Cổ Chiên. Chùa Tiên Châu do Hòa thượng Đức Hội lập vào khoảng thế kỷ 19 trong một khu đất rộng, thoáng mát. Chùa còn có tên là chùa Di đà. Kiến trúc mặt tiền và cổng chùa hiện nay được xây dựng từ năm 1961 - 1963.

Chùa Saghmangala (chùa Hạnh Phúc Tăng hay chùa Vũng Liêm) : Chùa tại xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm. đây là chùa Khmer Nam Bộ được xây dựng từ lâu. Một số tài liệu cho biết chùa dựng vào năm 1339. Ngôi chính điện hiện nay được xây vào năm 1964, tam quan xây năm 1974, đặc biệt trên hai cột của cổng tam quan có đắp nổi hai tượng Krud đỡ mái tam quan rất độc đáo.

Chùa Kỳ Sơn : Chùa được xây dựng cách đây gần hai trăm năm (khoảng năm

1812) tại ấp Kỳ Sơn, huyện Tam Bình, nơi đây lúc đầu là một khu rừng hoang vu, đầm lầy có nhiều sen mọc. Ban đầu, chùa chỉ bằng tre lá đơn sơ, sau đó chùa bị hỏa hoạn. Đến năm 1884 các nhà sư và bà con trong vùng đã quyên góp xây dựng lại bằng gỗ. Chùa có kiến trúc theo kiểu chùa Khmer, các mái chùa làm theo lối so le, ở giữa ba mái xuôi một mái ngang là hình tháp cao 2 m, chóp tháp 5 tầng, xung quanh tượng nữ thần Kâyno đỡ tháp. Có nhiều đầu thần xà hình rẻ quạt che Đức Phật ngồi thiền.

Gian chính điện có 2 tầng, tầng trệt thờ tượng Phật Thích Ca cao 11 m và 11 tượng Thích Ca lớn nhỏ ở các tư thế thiền định khác nhau. Tầng hai có tượng Thích Ca cao 3 m có từ thế kỷ 19, ba tượng Phật cứu độ chúng sinh. Tất cả các cột ngoài đều tạc tượng chim thần Mahaknốt và tượng thần cánh dơi Kâyno đỡ mái. Hàng năm, có nhiều lễ hội truyền thống tín ngưỡng của đồng bào Khmer được tổ chức tại đây.

Tịnh Xá Ngọc Viên : Tịnh xá tọa lạc ở số 14/20/2 đường Xóm Chài, phường 2, thị xã Vĩnh Long. Tịnh xá được xây vào năm 1948, là một trong những dấu tích đầu tiên khai mở giáo pháp của Tổ sư Minh Đăng Quang. Đây là ngôi tổ đình của hệ phái Phật giáo Khất Sĩ Việt Nam. Hệ phái này hiện có 250 ngôi tịnh xá từ Quảng Trị đến Cà Mau. Trong chùa có điện Phật, bàn thờ Tổ sư và nhà thờ Tổ Minh Đăng Quang.

Chùa Pháp Hải : Chùa do sư Pháp Hải xây dựng vào năm 1962 tại số 195 đường Trần Phú, phường 4, thị xã Vĩnh Long. Năm 1980 chùa được trùng tu. Trước đây chùa là trụ sở của hội Phật Học Nam Việt, tỉnh Vĩnh Long. Trước chùa có dựng tượng Quan Thế Âm Bồ Tát.

Chùa Giác Thiên : Chùa được xây dựng vào năm 1906 tại số 70 đường Trần Phú, thị xã Vĩnh Long. Từ đó đến nay, chùa đã được sửa chữa nhiều lần.

Văn Thánh Miếu : Do ông Phan Thanh Giản tạo lập cuối năm Giáp Tý (1865) và hoàn thành cuối năm Bính Dần (1867). Miếu cách quận Châu Thành khoảng hai cây số. Các đền thờ trong miếu gồm có : chánh điện thờ Khổng Tử. Hai bên chánh điện thờ 72 bậc thần hiền. Phía trước bên trái Văn Thánh Miếu có tòa Văn Xương Các, ở trên các thờ Đức Văn Xương Đế Quân, ở dưới thờ ông Phan Thanh

Giản. Lúc còn sống, ông thường dùng nơi nầy làm nơi xướng họa với các văn nhân thi sĩ. Những người cổ động trong việc xây dựng miếu điều được ghi tên trên một "Thạch Bảng"; trong số này có anh hùng Nguyễn Thông, nhà cách mạng sát cánh chống Pháp cùng Trương Công Định.

Đình Thờ Tống Phước Hiệp : Ông Tống Phước Hiệp và em là Tống Phước Hòa là hai danh thần triều Nguyễn, được sắc phong "Thần" ở hai tỉnh Vĩnh Long và Sa Đéc (quận Châu Thành tức quận Sa Đéc, có đền thờ Tống Phước Hòa). Đình Tống Phước Hiệp thuộc xã Long Châu, ngay trung tâm tỉnh lỵ, được dân chúng trong tỉnh rất kính trọng và sùng bái; nhất là đồng bào Việt gốc Hoa. Sau biến cố Mậu Thân (1968) đình được tỉnh cho tu sửa lại toàn bộ theo kiến thức tân thời và được Hội Thành Tự Thánh Thần cải tên là "Đền Thờ Các Vị Khai Quốc Công Thần" để tưởng nhớ các vị văn quan, võ tướng đã có công xây dựng miền đồng bằng sông Cửu Long thành miền Tây trù phú. Bài vị của ông Phan Thanh Giản được đưa về thờ tại đây. Hiện nay, dòng họ Tống Phước còn ở tỉnh Sa Đéc.

Lăng Thống Chế Điều Bát : Cách quận Trà Ôn khoảng một cây số về phía Đông, trên đường về xã Vĩnh Xuân, có lăng ngài Điều Bát. Sau khi mất, ông được đưa về an táng tại xã Thiện Mỹ, quận Trà Ôn. Dân chúng trong vùng thường đến viếng lăng và xem ông rất linh thiêng.

Bảo Tháp Xá Lợi Miền Tây : Đây là một công trình Phật giáo thế giới, được xây dựng từ năm 1969 đến 1972 nhưng chưa hoàn tất. Bảo Tháp nằm trên bốn mẫu đất nằm cạnh quốc lộ 4, gần bến phà Mỹ Thuận. Xá Lợi Phật được an vị vào tháng Tư âm lịch năm Nhân Tý (1972). Lúc bấy giờ, Bảo Tháp cao năm tầng, khoảng 20 thước (dự trù xây 10 tầng cao 49 thước).

Tầng thứ nhất được an vị bốn tượng Phật Thích Ca (mỗi tượng cao hai thước mốt, trong tư thế ngồi thiền), rất uy nghi, hiện nay chỉ còn có một tầng. Bốn tượng Phật đã được Phật tử tại Vĩnh Long đưa về chùa Phước Hải, Long Hồ. Bảo Tháp này được đại đức Narada thuộc Phật giáo thế giới bảo trợ. Bảo Tháp Xá Lợi sau này sẽ là một thắng cảnh độc đáo, không những của Vĩnh Long mà còn cho cả miền Tây. Cầu Mỹ Thuận nối liền quốc lộ 4; từ Sài Gòn đến Vĩnh Long không phải qua phà.

Quận Vũng Liêm, Làng Trung Thành : Quê Trương Duy Toàn, nhà cách mạng và danh sĩ đời Nguyễn. Năm 1913, ông là hội viện của Việt Nam Quang Phục Hội do cụ Phan Bội Châu lãnh đạo; cuối năm, ông cùng Cường Để và Đỗ Văn Y qua Đức, sau đó cầm giác thư qua Pháp tố cáo chính sách cai trị tàn ác của Pháp. Biết trước Albert Sarraut giả muốn gặp để bắt giữ. Cường âm thầm xuống tàu trốn về Trung Hoa; riêng Trương Duy Toàn và Đỗ Văn Y bị bắt giam ở ngục La Santé tại Paris, cùng với Phan Chu Trinh. Hai năm sau, cả ba người được thả, Trương tiên sinh bị trục xuất về nước và bị giam lỏng tại Long Điền, Cần Thơ.

Ông còn là những tiểu thuyết gia viết chữ Quốc ngữ đầu tiên của nước ta và là một soạn giả cải lương tiên phong rất được ưa chuộng; những tác phẩm được biết đến như Phan Yên Ngoại Sử, Tiết Phụ Gian Truân; Trang Tử Cổ Bồn Ca (tức Trang Châu Mộng Hồ Điệp, dựa theo Nam Hoa Kinh của Trang Tử)..., và nhiều bài soạn cho cải lương như Lưu Yến Ngọc cứu cha (lấy ý từ Tái Sanh Duyên), Kim Vân Kiều Hạnh Ngộ, Lục Vân Tiên, Kim Vân Kiều 1, Hạnh Nguyên Cống Hồ (lấy ý từ Nhị Độ Mai).

Các dịp lễ hội

Là một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Vĩnh Long được khai phá từ năm 1732, khi bắt đầu dựng dinh Long Hồ. Đến năm 1813 được đổi là Vĩnh Trấn. Năm 1832, tỉnh Vĩnh Long được thành lập. Vĩnh Long có 3 dân tộc chính: người Việt (Kinh) chiếm 97%, người Khmer chiếm gần 2% dân số, còn lại là người Hoa và một số ít người thuộc các dân tộc khác. Người Khmer trong tỉnh ít, nhưng nơi đây vẫn mang đậm nét truyền thống văn hóa lễ hội của người Khmer.

Vĩnh Long là vùng đất của những dòng sông, một thế giới nước, dấu ấn của những câu chuyện truyền thuyết về thần rắn Naga của vương quốc Phù Nam vào thế kỷ thứ nhất.

Chính những dòng sông, những khu vườn trái cây bốn mùa, không khí trong lành mát mẻ hàng năm đã thu hút số đông du khách về với miệt vườn, với thiên nhiên bao la, lắng nghe rì rào tiếng lá, lảnh lót, ríu rít tiếng chim, cùng với hương nồng của trời đất để hòa nhập với thiên nhiên tươi đẹp và thưởng thức các loại hình văn hóa truyền thống, đặc biệt là các lễ hội của người Khmer.

Cũng giống như đồng bào ở các tỉnh khác, hàng năm người Khmer ở Vĩnh Long có nhiều lễ hội :

Lễ vào năm mới (Chol Chnam Thmay) tức là tết của người Khmer (15-4 Âm lịch).

Lễ cúng ông bà(lễ Đôn Ta), từ 29-8 đến ngày 1-9 Âm lịch.

Lễ cúng trăng (lễ hội OK-Om-Bok và đua ghe ngọ) vào ngày 15-10 Âm lịch.

Lễ dâng bông, lễ dâng phước...

Vĩnh Phúc

Diện tích : 1362 km².

Dân số : 1.115.700 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Vĩnh Yên.

Các huyện : Lập Thạch, Tam Đảo, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Mê Linh.

Dân tộc : Việt (Kinh), Mường, Dao...

Vĩnh Phúc là tỉnh miền núi trung du Bắc Bộ, cách Hà Nội 60 km về phía bắc, tiếp giáp các tỉnh Tuyên Quang và Thái Nguyên ở phía bắc; phía đông và đông nam giáp Hà Nội, phía tây giáp tỉnh Phú Thọ, phía nam và tây nam giáp tỉnh Hà Tây. Địa hình chủ yếu là trung du và đồng bằng, đồi núi thấp. Nhiệt độ trung bình cả năm là 23,4°C. Vùng núi Tam Đảo khí hậu mát mẻ, nhiệt độ trung bình khoảng 21°C, là nơi nghĩ mát lý tưởng của miền bắc.

Phía Nam tỉnh Vĩnh Phúc là những cánh đồng mênh mông bát ngát, lác đác sông ngòi, kênh rạch, đồng lầy và một số hồ rộng. Phía Bắc là những đồi cỏ, cây cối cao dần tới dãy núi Tam Đảo. Dãy núi Tam Đảo khá lớn, nằm ở phía Bắc huyện Tam Dương, cao độ trung bình 1340 thước, lan tới huyện Đại Từ của tỉnh Thái Nguyên, núi được đặt tên Tam Đảo vì có ba hòn núi cao là Thạch Bàn 1388 thước, Thiên Thị 1375 thước và Phú Nghĩa 1400 thước. Dãy núi Tam Đảo có từ thời đệ nhị nguyên đại, cấu tạo bởi các phiến nham thạch lẫn nhiều mạch thạch anh. Ngoài ra còn các núi Ngang, núi Cổ (núi Trống).

Phần đất nằm dọc theo tả ngạn sông Hồng Hà do phù sa bồi lên. Hai sông chính chảy qua tỉnh Vĩnh Phúc là sông Cà Lồ và Hồng Hà. Tả ngạn sông Hồng Hà có nhiều ngòi nhỏ từ Tam Đảo đổ xuống rồi hợp thành sông Tiểu Đáy. Sông Cà Lồ phát nguyên từ Sơn Tây, dài khoảng mười cây số, chảy qua Vĩnh Yên, Phúc Yên, đến Bắc Ninh thì hợp với sông Cầu. Về mùa cạn thuyền bè không đi lại được vì lòng sông có nhiều bãi cát nổi lên.

Hệ thống giao thông của tỉnh đa dạng và khá phát triển. Tỉnh Vĩnh Phúc nằm gần kề ngay sân bay quốc tế Nội Bài, là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế đối ngoại.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào ở tỉnh Vĩnh Phúc đa số là người Kinh, cũng có một số người Mường ở

dãy núi Tam Đảo, người Mán ở các huyện Tam Dương, Lập Thạch, Bình Xuyên. Dân chúng theo đạo Phật và Thiên Chúa. Trước 1954, hàng năm vào mùa Xuân, dân chúng mở hội với nhiều tục lệ giải trí đặc biệt cổ truyền như: thi đánh vật, bơi thuyền, bắt chạch trong chum, thổi cơm, kéo co...

Vĩnh Phúc có nhiều ruộng nương. Ruộng ở đồng bằng màu mỡ, ruộng cao ở vùng giáp núi do người Mán và Mường canh tác nơi thung lũng và sườn núi; ruộng lúa trồng rồi không cấy lại. Ngoài ra còn có hoa màu phụ khác như ngô, sắn, mía, thuốc lá, dâu chăn tằm, trà. Rừng Tam Đảo có nhiều loại rắn độc nhất là "rắn xe điếu"; nơi ẩm thấp có rùa. Vĩnh Phúc cũng có nhiều cá. Cá Gáy ở Đầm Vạc nổi tiếng là thơm ngon, cá Anh Vũ tại sông Lô rất quý. Tại làng quê, dân ta cũng nuôi trâu, bò, heo,dê, gà, vịt...

Khoáng sản Vĩnh Phúc không nhiều, có mỏ sắt ở xã Khai Quang gần tỉnh lỵ, dãy núi Tam Đảo có mỏ bạc và đồng, đá vôi rất nhiều ở các dãy núi. Kỹ nghệ và thương mại tập trung vào các ngành nghề tiểu công nghệ như sản xuất đường, ép dầu, chum vại, đồ sành...

Lược sử

Đất Vĩnh Phúc có giá trị lập quốc, xưa thuộc bộ Văn Lang, một trong 15 bộ của nước Văn Lang, sau thuộc về Phong Châu, đế đô của đời Hồng Bàng (hay là địa phận của huyện Bạch Hạc, đây là nơi xuất phát đầu tiên của tổ tiên người Việt Nam ta. Từ năm 282 đến năm 272 (trước CN), Phong Châu thuộc huyện Tân Xương. Đời nhà Trần, Vĩnh Yên là lộ Tam Đái. Đời Minh Mạng, năm 1822, gọi là phủ Vĩnh Tường thuộc tỉnh Sơn Tây. Năm 1890 đổi là đạo Vĩnh Yên, năm 1899, tỉnh Vĩnh Yên mới được thành lập gồm phần đất phía tả ngạn sông Hồng Hà của tỉnh Sơn Tây.

Năm 39, dân chúng tham gia cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, giải phóng tỉnh Vĩnh Yên và các nơi khác, đánh đuổi giặc Tô Định về Tàu. Năm 545, anh hùng Triệu Quang Phục (người quận Châu Diên phủ Vĩnh Tường) theo cha là Thái phó Triệu Túc giúp vua Lý Nam Đế đánh giặc Lương và lập được nhiều công trạng. Năm 1426. Khi Bình Định Vương Lê Lợi tiến quân ra Đông Đô, dân quân Vĩnh Yên lại cùng các vị tướng Phạm Văn Xảo, Lý Triện, Trịnh Khả và Đỗ Bi đuổi

giặc Minh. Chẳng bao lâu, hai anh hùng Trịnh Khả và Lê Khuyến giải phóng thành Tam Giang (trước thuộc huyện Bạch Hạc, sau thuộc Vĩnh Tường).

Quân Pháp sau khi xâm chiếm nước ta đã đặt đồn "lính Khố Xanh" tại Vĩnh Yên từ năm 1886. Năm 1892, anh hùng Hoàng Hoa Thám lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế, tung quân hoạt động khắp nơi làm quân Pháp nhiều phen điêu đứng. Năm 1896, đạo quân Pháp chiếm Yên Thế, ông Thám đem quân lên vùng rừng núi Tam Đảo lập chiến khu đánh nhiều trận sống còn với giặc. Huyện Vĩnh Tường Xã Yên Nhiên là quê quán của anh hùng Trịnh Văn Cấn, linh hồn cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, làng Thổ Tang là nơi sinh trưởng của anh hùng Nguyễn Thái Học, người lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng; ông có một người chú là Nguyễn Quang Triển và hai người em là Nguyễn Văn Nho, Nguyễn Văn Lâm tất cả đều hy sinh vì nước.

Phong cảnh, di tích

Tam Đảo : Tam Đảo là một dãy núi dài 50 km, rộng 10 km, cách Hà Nội 86 km, là khu nghĩ mát lý tưởng ở miền Bắc. Với phong cảnh thiên nhiên tuyệt diệu, Tam Đảo được biết đến từ thời Lý - Trần (thế kỷ 13). Cho đến đầu thế kỷ 20 (1904-1906), Tam Đảo mới được người Pháp xây dựng thành khu nghĩ mát, với 200 biệt thự, khách sạn, nhà hàng, sân chơi thể thao, bể bơi, sàn nhảy... ở độ cao 1000 m so với mặt nước biển.

Núi Tam Đảo có ba đỉnh cao nổi lên như ba hòn đảo: đỉnh giữa là đỉnh Bàn Thạch cao khoảng 1388 m, bên trái là đỉnh Thiên Nhị (chợ trời) cao khoảng 1375 m trên có cột tháp vô tuyến truyền hình cao 93 m. Bên phải là đỉnh Phù Nghĩa cao 1400 m. Tam Đảo có khí hậu mát mẻ quanh năm. Mùa hè nhiệt độ trung bình từ 20 đến 22°C với sự luân chuyển 4 mùa rõ rệt trong ngày. Tam Đảo trở thành điểm du lịch tham quan hấp dẫn. Vào mỗi mùa hè điểm du lịch này thu hút hàng vạn du khách tới nghỉ ngơi dưỡng bệnh.

Những địa danh như : thác Bạc, cầu Đãi Tuyết, Am Gió, Thang Mây, hồ Xạ Hương, đập làng Hà và rừng cây nguyên sinh cũng là những điểm tham quan và nghỉ ngơi lý thú ở Tam Đảo.

Hồ Đại Lải : Đại Lải là một hồ nước nhân tạo thuộc địa phận huyện Mê Linh,

cách Hà Nội khoảng 50 km. Hồ rộng 525 ha, trên mặt hồ có đảo chim rộng 3 ha, chỗ cao nhất trên 23 m. Phía tây và tây nam hồ là núi Thằn Lằn. Đứng trên đỉnh núi có thể quan sát được toàn cảnh khu vực hồ. Mặt hồ trong xanh, nhiều bãi tắm nhân tạo đẹp và bằng phẳng chạy theo những chân đồi thấp thoáng.

Đại Lải là một điểm du lịch nghỉ ngơi và an dưỡng của tỉnh Vĩnh Phúc cũng như của các vùng phụ cận. Khí hậu ở đây mùa hè mát mẻ, mùa đông ấm áp, phong cảnh thiên nhiên đẹp. Rừng Ngọc Thanh ở khu vực hồ có 500 ha rừng tự nhiên, 300 ha rừng mới trồng với hệ thống động thực vật rất phong phú. Đại Lải là một loại hình rất thích hợp cho loại hình du lịch cuối tuần, ngày càng hấp dẫn du khách.

Làng nghề gốm sứ Hương Canh : "Ai về mua vại Hương Canh " câu ca dao còn lưu truyền cho tới ngày nay đã chứng minh được sức sống của nghề gốm sứ vốn đã nổi tiếng từ lâu đời của tỉnh Vĩnh Phúc. Hương Canh cách Hà Nội khoảng 52 km. Làng nghề gốm sứ Hương Canh ngày xưa chuyên sản xuất các loại hàng sành sứ bình dân phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của nhân dân như vại, chum đựng nước, ấm đun nước, sắc thuốc...

Các mặt hàng của Hương Canh đều có mặt ở hầu hết các nơi trên đất nước bởi trình độ nung tốt cũng như kỹ thuật nhào nặn và khuôn mẫu đạt đến độ tinh xảo. Khác với gốm sứ Bát Tràng là gốm sứ tráng men, còn gốm sứ Hương Canh chuyên về mộc nhưng vẫn đứng vững trên thị trường.

Ngày nay sản phẩm ở Hương Canh ngày càng đa dạng hóa, ngoài các sản phẩm truyền thống họ còn sản xuất thêm mặt hàng ngói lợp nhà và các loại bình, đồ giả cổ với chất lượng, mẫu mã đẹp. Làng ghề gốm sứ Hương Canh đang ngày một phát triển giúp cho đời sống nhân dân ở đây có công ăn, việc làm và thu nhập khá. Làng nghề sôi động hẳn lên nhờ lượng khách đến tham quan và mua hàng.

Chợ Tam Lộng : Đây là phiên chợ cưới họp hàng năm vào 25 tháng 12 của đồng bào H' Mông xung quanh xã Tam Lộng, huyện Tam Đảo. Ngày phiên chợ trai gái Mèo tới đây rất đông có cả ông bà già đi theo, quần áo chỉnh tề, trai gái gặp gỡ nhau trao đổi, tâm tình. Chợ họp đến chiều tối thì tan. Sau những lời giao ước bạn bè, trước khi chia tay, những cặp trai gái đã ý hợp tâm đầu dắt nhau vào chợ ăn

uống. Những cặp trai gái làng sẽ thành vợ chồng, cưới xin theo tục lệ của bản.

Tháp Bình Sơn : Tháp nằm gần kề với chùa Vĩnh Khánh (chùa Then) thuộc địa phận thôn Bình Sơn, xã Tam Sơn, huyện Lập Thạch. Tháp được xây dựng vào đời Lý - Trần. Tháp Bình Sơn cao khoảng gần 16 m. Tháp có 11 tầng, mỗi tầng có mái lượn cong. Lòng tháp rỗng, bệ tháp hình vuông mỗi cạnh dài 4,45 m và được thu nhỏ dần đến đỉnh. Tầng trên cùng của tháp mỗi cạnh dài 1,55 m. Tháp được xây dựng bằng gạch đất nung già, màu đỏ sậm rắn chắc như sành, móng tháp được xây bằng gạch vồ, sâu tới hơn 1 m. Mặt ngoài các tầng tháp được ốp gạch mịn mặt, màu đỏ sậm, có hoa văn trang trí với đường nét cầu kỳ, tinh xảo, hài hòa giữa các tầng tạo thành một khối kiến trúc hoàn hảo ở mọi góc độ. Trải qua nhiều thế kỷ, tháp bị nghiêng lệch và sụt lỡ một số chỗ và được trùng tu vào năm 1972, nền tháp được tôn cao 4 m bằng 1 bệ bê tông, kiến trúc được bảo tồn như cũ. Tháp Bình Sơn là di sản nghệ thuật kiến trúc độc đáo đời Lý-Trần còn được bảo toàn nguyên vẹn tới ngày nay.

Chùa Tây Thiên : Chùa tọa lạc trên đỉnh núi Tam Đảo, thị trấn Tam Dương. Chùa không rõ xây dựng năm nào nhưng đã qua nhiều lần trùng tu dưới thời Lê. Trong chùa có điện thờ Mẹ Thần Núi Tam Đảo (Tam Đảo Sơn Thần Mẫu Quốc).

Đình làng Phú Mỹ : Đình thuộc làng Phú Mỹ, huyện Mê Linh. Đình thờ vợ chồng Hùng Thiên Bảo - Trần Hang, hai tướng của Hai Bà Trưng. Đình Phú Mỹ là một công trình kiến trúc mang đậm phong cách thế kỷ 18. Đại đình gồm 5 gian 2 chái có chuôi vồ theo kiểu "tàn đao là mái". Các đầu đao cong vút, bang đao bịt gỗ thành nhiều lớp tạo nên hoa văn lá sồi. Kiến trúc của đình nổi tiếng về điêu khắc và trang trí. Đình được chạm nhiều đề tài: tam đa, người giao tranh với rồng, người cởi rồng, mây, tứ linh... Đình còn rất nhiều bức chạm mang phong cách kiến trúc thế kỷ 18.

Đình Hương Canh : Đình Hương Canh thuộc huyện Tam Đảo. Đình được xây dựng vào đời Vĩnh Thịnh (1705 - 1719), kiến trúc theo kiểu chữ công gồm phương đình, thượng điện và hậu cung. Đình thờ 7 vị đại thần : Thiên Đệ Hoàng Đế, Đông Ngạc Đại Vương, Linh Quang Thái Hậu... Trong đình có nhiều bức tranh chạm trổ tinh vi với các chủ đề "tứ linh", "tứ quý"... mang đậm phong cách điêu khắc nghệ

thuật thời Hậu Lê. Đình Hương Canh là một di tích văn hóa rất có giá trị và đã được xếp hạng.

Đình Thổ Tang : Đình thuộc xã Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ 17. Đình Thổ Tang với kiến trúc cổ truyền phản ánh tư duy dân dã của người nông dân, bằng những bức chạm trổ thể hiện cảnh sinh hoạt của người nông dân, cảnh trai gái tình tự, đá cầu, đánh hồ, đánh vật, chuốc rượu... Đình Thổ Tang là một ngôi đình cổ.

Đền thờ vua Hùng Vương thứ 18 : ở làng Bế Sơn huyện Vĩnh Tường gọi là Bồ Sao. Gần nơi này còn có đền hoàng hậu và công chúa, đền có một cái chuông rất cổ.

Chùa Vĩnh Khoan : thuộc làng Vĩnh Mỗ, huyện An Lạc, trên ngọn đồi có chùa thờ đại sư Nguyễn Khoan thời Thập Nhị Sứ Quân.

Hóa Long Tự : ở Bạch Hạc Bên bờ sông Lô, đền còn được gọi là Tam Giang hay Bạch Hạc Tự. Đền làm từ thời Hán thuộc, trước đền có một viên đá nổi trên mặt nước có vết chân người.

Cây đa làng Thổ Tang : trên đường vào Làng Thổ Tang có một cây đa cổ thụ, anh thư Nguyễn Thị Giang (cô Giang) đã dùng súng tự vận tại gốc cây đa này, ngày 16-8-1930, sau khi chứng kiến cảnh quân Pháp hành quyết vị hôn phu của mình là anh hùng Nguyễn Thái Học cùng 12 chiến hữu khác ở Yên Bái.

Rừng núi Tam Đảo : phong cảnh hùng vĩ nên thơ có nhiều thông và các loại phong lan. Tam Đảo có ba ngọn núi cao Thạch Bàn, Phú Nghĩa và Thiên Trị. Trên đỉnh Thạch Bàn có chùa Đồng Tự, trong thờ một pho tượng bằng đồng; đi xuống là làng Sơn Đỉnh có chùa Tây Thiên (còn gọi là Địa Ngục Thiên) cách Sơn Đình 4 cây số có chùa Thang, đỉnh núi Phù Nghĩa cao nhất, trên có hai ngọn gọi là Hồi Hương và Quế Phu, ở đây có suối nước trong lóng lánh gọi là Kim Tuyền (suối vàng) chảy thông với suối Giải Oan. Ngoài ra còn có suối Bạc chảy xuống đồng bằng và có thác Bạc. Nghĩa địa Tam Đảo ở trên một sườn núi, phần nhiều là mồ mả của các tù nhân chính trị bị quân Pháp lưu đày và chết đói lạnh và lâm sơn chướng khí trong thời gian khổ sai trong rừng. Vĩnh Phúc là đất linh thiêng, chứng tích của biết bao gian lao dân tộc ta đổ ra trong gần 5000 năm để dựng nước và giữ nước, từ thời lập quốc cho đến ngày nay.

Các dịp lễ hội

Vĩnh Phúc là tỉnh thuộc vùng đất cổ của nước Việt Nam, nơi có nền văn hóa lâu đời và đậm đà bản sắc dân tộc. Vĩnh Phúc cũng là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người, nhiều lễ hội truyền thống được phục hồi và phát triển.

Dân tộc Mường ở Vĩnh Phúc có nền văn hóa dân gian khá phong phú. Các truyện thơ, ca dao tục ngữ Mường phản ánh cuộc đấu tranh của con người với thiên nhiên, của nhân dân lao động đối với bọn áp bức thống trị, ca ngợi lao động, tình yêu lứa đôi.

Người Mường rất hay hát, thậm chí cả lúc thờ cúng, ma chay. Hát "xéo bùa" là điệu hát rất được ưa chuộng, cứ xong một bài hát lại có một đoạn nhạc cồng chiên đánh theo một giai điệu nhất định. Ngoài ra dân tộc Mường còn có hát ví, hát đúm. Người Việt (Kinh) có hát chèo, hát xoan, nhiều điệu múa dân gian của vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ.

Người Dao có vốn văn nghệ dân gian phong phú, nhiều truyện cổ, bài hát, thơ ca. Phụ nữ Dao mặc y phục rất sặc sỡ. Các loại hoa văn của người Dao độc đáo. Họ in hoa văn trên vải bằng sáp ong. Phong tục cưới xin, ma chay mang đậm màu sắc tôn giáo.

Hội đình Tích Sơn : Lễ hội diễn ra hàng năm vào ngày 3 tháng 1 tại đình Tích Sơn thuộc xã Tích Sơn, thị xã Vĩnh Yên. Đình thờ 7 thần Lỗ Bình Sơn (7 anh em nhà họ Lỗ, đời nhà Trần). Trong lễ hội có trò thi nấu cơm, có trò thi kéo co nam nữ.

Hội Sơn Đồng : Lễ hội diễn ra hàng năm tại xã Sơn Đồng, huyện Lập Thạch từ ngày 4 đến ngày 6 tháng 1 âm lịch. Hội có lễ tế thờ ông Bách (Lạc tướng vua Hùng) và ông Điền (trông coi nghề cày cấy).

Hội Hạ Lôi : Lễ hội diễn ra tại đền Hạ Lôi thuộc huyện Mê Linh vào ngày 6 tháng 1 âm lịch hàng năm thờ hai Bà Trưng và ông Thi Sách. Hội có tục rước kiệu. Tương truyền ngày 6 tháng 1 âm lịch là ngày khao quân của hai Bà. Sau lễ rước kiệu là các trò vui dân gian.

Hội rừng : Hội được mở từ ngày 6 tháng 1 đến ngày 10 tháng 2 âm lịch hàng năm tại Văn Trường, huyện Vĩnh Tường. Hội có nhiều cuộc vui như đua thuyền, đốt pháo, đấu gậy, thổi cơm... Ngoài ra hội còn có trò vui "bắt chạch trong chum".

Hội xuân làng Thổ Tang : Lễ hội bắt đầu từ ngày 14 tháng 1 âm lịch và kéo dài trong 10 ngày tại đình Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường. Đình Thổ Tang thờ Tản Viên và 3 vị thần Đất. Theo truyền thuyết Lâu Hồ Hầu tức Phùng Lộc Hộ là người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông rồi hóa ở Thổ Tang. Tưởng nhớ công ơn của ông, dân làng đã lập đình thờ ông và hàng năm tổ chức lễ hội để kỷ niệm chiến công của ông. Trong hội có lễ rước từ miếu Trúc về đình làng và nhiều trò vui khác.

Yên Bái

Diện tích : 6808 km².

Dân số : 699.900 người (2001).

Tỉnh lỵ : Thị xã Yên Bái.

Thị xã : Thị xã Nghĩa Lộ.

Các huyện : Lục Yên, Văn Yên, Mù Cang Chải, Trấn Yên, Yên Bình, Văn Chấn, Trạm Tấu.

Dân tộc : Việt (Kinh), Tày, Nùng, Thái, Mường, Cao Lan, Khơ Mú, Phù Lá, Giáy.

Yên Bái là tỉnh nằm sâu trong nội địa nhưng lại là cửa ngõ của miền tây bắc, là đầu mối giao thông giữa đông bắc và tây bắc, giữa cửa khẩu Lào Cai và Hà Nội. Phía bắc tỉnh Yên Bái giáp Lào Cai, phía tây giáp Sơn La, phía đông giáp Tuyên Quang, phía nam giáp Phú Thọ.

Yên Bái là tỉnh có nhiều dải rừng lớn. Rừng có nhiều gỗ quí như Pơmu, lát hoa, Chò Chỉ... Nhiều cây dược liệu và nhiều loại động vật quí hiếm. Sản vật của tỉnh Yên Bái là quế Văn Yên, chè suối Giàng, nếp Tú Lệ. Yên Bái có mỏ đá quí nổi tiếng Lục Yên. Khí hậu chia làm hai vùng, vùng thấp và vùng cao. Nhiệt độ trung bình năm 18 - 28°C.

Yên Bái gồm toàn rừng núi và thung lũng, một loạt những dãy núi cao từ 2000 tới 2500 m phân cách hai khu vực sông Hồng Hà và sông Đà (Hắc Giang), tỏa ra nhiều nhánh về phía sông Hồng Hà. Giữa sông Hồng Hà và sông Chảy có một dãy núi lởm chởm thấp hơn, ít có ngọn nào cao hơn quá 1000 m. Yên Bái nằm trên một địa tầng của hồ xưa, cấu tạo bởi những lớp đá sỏi, lớp phiến nham lẫn đá sỏi và những lớp sạn. Hồng Hà là sông quan trọng nhất của Yên Bái, chảy qua suốt tỉnh theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Ngoài ra tỉnh này còn một số sông nhỏ như : Ngòi Nhu, Ngòi Chan, Ngòi Hút, Ngòi Tra, Ngòi Lau...

Thị Xã Yên Bái là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh. Tỉnh Yên Bái có nhiều di tích lịch sử văn hóa. Thắng cảnh Yên Bái còn giữ được nhiều vẻ hoang sơ, môi trường sinh thái chưa bị ô nhiễm rất hấp dẫn đối với khách du lịch.

Sinh hoạt, kinh tế

Đồng bào ở đây đa số là người Mán và người Thổ, rồi đến người Kinh. Ngoài ra, còn những sắc dân khác như người Mèo, Mường, Nùng, Xá, Nhắng, Dao. Dân

chúng thờ thần linh, tổ tiên; một số sắc dân vẫn giữ tập tục riêng.

Về canh nông những hoa màu chính là lúa, ngô, bên cạnh đó còn trồng thêm sắn, mía, bông vải, củ nâu, dâu và có cây dó, rễ dùng làm thuốc trị bịnh khi ăn nhầm chất độc, vỏ dùng làm giấy.

Lâm sản chính gồm nhiều loại gỗ quí như gỗ lim, gỗ táu, gỗ mít, gỗ xen, gỗ gụ. Rừng Yên Bái rất rộng và có nhiều dã thú. Đặc biệt là có loại ruồi ở Tu Lê, nhỏ, màu vàng, đốt rất đau. Khoáng sản của tỉnh này không nhiều, một số mỏ than nhỏ nằm rải rác nhiều nơi, mỏ than chì, kệ than, sắt, chì, núi đá vôi.

Kỹ nghệ chỉ ở mức tiểu thủ công nghệ trong phạm vi gia đình. Ngành thương mại phần lớn nhờ vào sông Hồng Hà cho các dịch vụ chuyên chở.

Lược sử

Thời lập quốc, đất Yên Bái thuộc bộ Tân Hưng, thuộc một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Dưới đời Trần, Yên Bái là phủ Quy Hóa; dưới đời Lê là huyện Trấn Yên thuộc quyền cai trị củ một tù trưởng họ Nguyễn. Năm 1832, vua Minh Mạng bổ quan của triều đình đến điều hành. Trước thời Pháp thuộc, Yên Bái thuộc tỉnh Hưng Hóa.

Năm 1257, quân Mông Cổ sang đánh nước ta lần thứ nhất đã gặp phải sự chống trả mãnh liệt của quân dân nhà Trần, chúng thua chạy từ Đông Bộ Đầu đến trại Quy Hóa (Yên Bái) lại bị chủ trại chiêu tập thổ dân đánh tơi tả phải rút về Vân Nam. Trong công cuộc kháng chiến chống quân Pháp. Yên Bái đã ghi vào sử sách những cuộc nổi dậy của mọi sắc dân. Năm 1885, những vùng rừng núi Văn Chấn, Than Uyên trở thành chiến khu, nơi đồng bào Thái, Thổ, Mán, Mường cầm giáo mác, cung tên đánh giặc.

Năm 1930, Yên Bái nổi danh lịch sử với cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng dưới sự lãnh đạo của anh hùng Nguyễn Thái Học. Trong kế hoạch tổng khởi nghĩa. Nguyễn Khắc Nhu phụ trách liên tỉnh Yên Bái, Phú Thọ, Sơn Tây; và Ngô Hải Hoằng chỉ huy đánh Yên Bái vào ngày 9-2-1930, nhưng việc tổng khởi nghĩa không thành.

Ngày 8-3-1930, quân Pháp đem tử hình bốn vị anh hùng Ngô Hải Hoằng, Đặng Văn Lương, Đặng Văn Tiệp và Nguyễn Thanh Thuyết. Sau đó, ngày 17-6-1930,

mười hai người anh hùng đã cùng với Đảng trưởng Nguyễn Thái Học bình thản bước lên máy chém tại Yên Bái. Mười hai vị anh hùng này gồm có: Phó Đức Chính, Bùi Văn Chuẩn, Nguyễn An, Hà Văn Lạo, Đào Văn Nhít, NgôVăn Du, Nguyễn Đức Thịnh, Nguyễn Văn Tiềm, Đỗ Văn Sứ, Bùi Văn Cửu, Nguyễn Như Liên và Bùi Tử Toàn. Trước năm 1955, Yên Bái có các huyện Than Uyên, Văm Bàn, Bảo Hà, Lục Yên và Văn Chấn. Sau đó có một số huyện của tỉnh Yên Bái và tỉnh Sơn La tách ra lập tỉnh Nghĩa Lộ.

Phong cảnh, di tích

Hồ Thác Bà : Hồ Thác Bà là hồ nước nhân tạo có diện tích mặt nước 23.400 ha, có 1331 đồi đảo với thảm thực vật và cảnh quan sinh thái đa dạng. Nước hồ trong xanh, in bóng những vạt rừng già bao quanh hồ. Có dãy núi Cao Biền soi bóng ven hồ. Hàng ngàn đồi đảo trên hồ với các hang động như hang Hùm, hang Cẩu Cuôi, động Bạch Xà... và đền Thác Bà luôn tạo nên sự cuốn hút cho du khách.

Hồ Thác Bà không chỉ là một thắng cảnh đẹp mà còn là một di tích lịch sử. Tại đây vào năm 1285 đã diễn ra trận Thu Vật do Trần Nhật Duật chỉ huy đánh tan một đạo quân nguyên Mông.

Đền Đông Cuông : Đền ở cách thị xã Yên Bái 50 km. Đền còn có tên gọi là đền thờ thần Vệ Quốc vì ngoài thờ Mẫu Thượng Ngàn, đền còn thờ các vị có công với nước chống giặc Nguyên Mông (thế kỷ 13), đó là một số tướng người dân tộc địa phương. Đền còn thờ Đức Ông ở miếu phía hữu ngạn sông Hồng. Tại khu vực xung quanh đền Đông Cuông, các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều di vật thuộc văn hóa Sơn Vi (hậu kỳ đá cũ). Đền được xây dựng ở nơi có phong cảnh sơn thủy hữu tình, núi sông hòa hợp nên vừa là di tích vừa là thắng cảnh đẹp của tỉnh Yên Bái.

Đền Gia Quốc Công : Đền ở huyện Yên Bình, thờ Vũ Văn Mật, người ở Hải Dương lên xóm Khau Bàn sinh sống và đã giết chết tên tù trưởng Châu Thu Vật là kẻ tham tàn. Sau đó ông tự xưng là Gia Quốc Công đến quy thuận nhà Lê, được Vua Lê cho trấn giữ miền Tuyên Quang. Sau khi ông qua đời nhân dân đã lập đền thờ ông.

Chùa tháp Hắc Y (Thần Áo Đen) : Đây là một di tích đồng thời là thắng cảnh của

tỉnh Yên Bái. Chùa tọa lạc trên đỉnh đồi Hắc Y, cách thị xã Yên Bái 80 km. Chùa mang kiến trúc độc đáo thời Trần. Quần thể di tích này gồm có tháp Hắc Y, đình Bến Lăn, núi Thần Áo Đen, đền Đại Cại. Trên đồi Hắc Y có Tháp Hắc Y, thành đất, bãi quần ngựa,... đã ghi dấu ấn lâu đời về lịch sử đấu tranh giữ nước.

Các di tích này phần lớn đã bị đổ nát đang được phục chế. Đình Bến Lăn hiện chỉ có những tảng đá kê chân cột đình đường kính 0,72 m. Núi Thần Áo Đen là một dãy núi đá cao, trên đỉnh có ao cá, vườn cây, dấu tích của công trình tôn giáo thời Lý-Trần. Đền Đại Cại được dựng cạnh bờ sông Chảy, mặt chính của đền nhìn ra ngã ba sông và cửa đồi Hắc Y. Đền được dựng trong một khuôn viên rộng, có nhiều cây xanh và đường ven sông ngoạn mục.

Tại khu vực Đại Cại, Bến Lăn còn tìm được nhiều công cụ đá cuội có đặc trưng văn hóa Sơn Vi. Chùa Tháp Hắc Y là một di tích thắng cảnh đang được đề nghị nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hóa.

Chùa Bách Lẫm : Chùa tọa lạc trong một khuôn viên rộng, nhiều cây xanh, mát mẻ cạnh sông Hồng. Cảnh quan của chùa Bách Lẫm đẹp và cổ kính. Hiện nay trong khu chùa này dân còn lập thêm đền Bách Lẫm, thu hút nhiều khách thập phương đến thờ cúng.

Đền Tuần Quán : Đền có từ lâu đời. Xưa kia khu đền Tuần Quán rất sầm uất thuộc phủ Quy Hóa, trấn Hưng Hóa. Từ thời Lê Cảnh Hưng, Thánh Mẫu Tuần Quán được triều đình phong sắc vì vậy tiếng tăm đền Tuần Quán được lưu truyền khắp dải sông Hồng.

Khu di tích mộ Nguyễn Thái Học : Khu di tích này là nơi Pháp đã xử chém Nguyễn Thái Học và 16 chiến sĩ đã cùng ông tham gia khởi nghĩa Yên Bái vào tháng 2-1930. Khu mộ nằm ngay thị xã Yên Bái, được bảo tồn. Đây là điểm du lịch của du khách khi đến Yên Bái. Mọi người đều tới đây để thắp hương tưởng nhớ anh linh các chiến sĩ đã hy sinh anh dũng với lời hô "Việt Nam vạn tuế" . Khu mộ này được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa.

Các dịp lễ hội

Yên Bái là nơi sinh tụ nhiều dân tộc. Mỗi dân tộc điều có bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Nét văn hóa đặc sắc của người Tày thể hiện qua những làn điệu hát

ru truyền thống, ca ngợi tình yêu lứa đôi, các tấm gương sáng trong lao động xây dựng bảo vệ quê hương bản làng, đoàn kết đấu tranh chống giặc ngoại xâm và thiên tai. Người Dao giỏi săn bắn thú rừng và làm nương rẫy. Y phục phụ nữ Giao được thêu thùa với những họa tiết hoa văn đẹp và cầu kỳ. Người Dao rất thích lao động, thích hát giao duyên. Người Dao có những nét đẹp trong việc cưới xin vui tươi lành mạnh. Người H' Mông có truyền thống lịch sử linh tế văn hóa phong phú. Yên Bái còn là địa bàn sinh tụ của người Việt cổ. Những công cụ bằng đá, bằng đồng thau liên tiếp được tìm thấy trên địa bàn Yên Bái đã làm cho các cứ liệu sử học phong phú thêm và làm dày thêm truyền thống văn hóa của các dân tộc trong tỉnh. Thạp đồng Đào Thịnh được chạm khắc hoa văn đẹp cùng với thạp đồng Hợp Minh độc đáo là những tác phẩm nghệ thuật cổ xưa, vô giá đã đóng góp một phần rất lớn vào kho tàng văn hóa của tỉnh cũng như của Việt nam.

Lễ hội Đông Cuông : Đền Đông Cuông cách thị xã Yên Bái 50 km. Đền thờ Mẫu Thượng Ngàn và đã nổi tiếng từ lâu, thu hút nhiều khách thập phương tới lễ bái. Lễ hội Đông Cuông được mở vào sau Tết âm lịch. Phần tế lễ được tiến hành nghiêm trang phần hội có nhiều trò chơi dân gian truyền thống của các địa phương.

Lễ Tết Nhảy : Cũng được tổ chức vào dịp Tết Nguyên Đán được biểu diễn bằng những điệu múa thể hiện hình thức tín ngưỡng, tôn giáo và mang màu sắc văn hóa văn nghệ vui tươi mạnh khỏe, mang tính sinh hoạt cộng đồng người Dao.